

**BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN**

**TỈNH ỦY QUẢNG NINH**

**KỶ YẾU**  
**HỘI THẢO KHOA HỌC**  
**QUẢNG NINH NHẬN DIỆN VÀ PHÁT HUY**  
**CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI, TẠO NGUỒN LỰC**  
**CHO PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG**

**Quảng Ninh - 2023**



## MỤC LỤC KỶ YẾU

TT	Tác giả	Tên tham luận	Trang
<b>Phần I: Nhận diện các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh</b>			
1	Phạm Minh Tuấn	<i>Đề dẫn Hội thảo khoa học “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững”</i>	8
2	Nguyễn Xuân Ký	<i>Một số suy nghĩ về giá trị phổ quát và đặc thù của hệ giá trị tỉnh Quảng Ninh</i>	12
3	Nguyễn Ngọc Hà - Lê Hải	<i>Lịch sử mở đất, dựng nghiệp, chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi biên cương và đấu tranh cách mạng - đặc trưng góp phần hình thành văn hóa và phẩm chất con người Quảng Ninh</i>	26
4	Trần Thị Minh Tuyết	<i>Chủ tịch Hồ Chí Minh với con người và vùng đất Quảng Ninh</i>	36
5	Phạm Duy Đức	<i>Nhận diện bản sắc văn hóa và sức mạnh con người Quảng Ninh trong thời kỳ mới</i>	46
6	Đình Xuân Dũng	<i>Quảng Ninh - từ nguồn lực văn hóa đến động lực kinh tế</i>	58
7	Phạm Hồng Tung	<i>Thách thức từ an ninh phi truyền thống: vấn đề bảo đảm an ninh văn hóa trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế ở Quảng Ninh</i>	63
8	Nhị Lê	<i>Triết lý phát triển mạnh mẽ, bền vững và nhân văn Quảng Ninh</i>	74
9	Đào Tuấn Thành	<i>Bàn về tầm ảnh hưởng của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam trong quá khứ đến hiện tại</i>	89
10	Vũ Ngọc Hà	<i>Ngược dòng thời gian - trở về quá khứ vùng đất mở anh hùng</i>	105
11	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	<i>Những yếu tố lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội hình thành nên phẩm chất, khí chất con người Quảng Ninh với các đặc trưng: “năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”</i>	113
12	Nguyễn Hữu Khiển	<i>Xây dựng nguồn lực - tính phổ quát và đặc thù bản địa của sự phát triển</i>	119
13	Nguyễn Văn Kim	<i>Giá trị đặc sắc của di tích lịch sử, kiến trúc đình trà cổ cột mốc văn hóa ở vùng duyên hải Đông Bắc</i>	127
14	Hoàng Anh Tuấn - Nguyễn Văn Anh	<i>Di sản văn hóa - nguồn tài nguyên, động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh</i>	145
15	Mai Thị Hương Giang	<i>Văn hóa biển, đảo - nguồn lực quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững tỉnh Quảng Ninh</i>	155
16	Vũ Anh Tuấn	<i>Phát huy tinh thần “kỷ luật và đồng tâm” - linh hồn của văn hóa công nhân mỏ, văn hóa người dân đất mỏ trong sự nghiệp xây dựng tỉnh Quảng Ninh giàu đẹp</i>	162
17	Nguyễn Văn Đức - Ngô Thị Quang	<i>Vị trí, vai trò tỉnh Quảng Ninh dưới góc nhìn cực tăng trưởng năng động của cả nước (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh)</i>	170
18	Hoàng Văn Toàn	<i>Bảo tồn di sản, di tích - cơ sở để phát triển ngành du lịch, dịch vụ Quảng Ninh</i>	177

<b>Phần II: Quảng Ninh khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực phát triển nhanh, bền vững</b>			
19	Tạ Ngọc Tấn	<i>Xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện theo tinh thần các nghị quyết của Đảng</i>	182
20	Cao Tường Huy	<i>Quảng Ninh khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo động lực và nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững</i>	189
21	Vũ Trọng Lâm	<i>Phát huy tiềm năng và lợi thế, tỉnh Quảng Ninh phấn đấu trở thành đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế</i>	197
22	Lê Khắc Nam	<i>Kết nối văn hóa biển Quảng Ninh - Hải Phòng trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ</i>	212
23	Nguyễn Thị Kim Oanh	<i>Để xây dựng văn hóa phát triển Quảng Ninh</i>	217
24	Nguyễn Thị Hạnh	<i>Tỉnh Quảng Ninh trong định hướng phát triển văn hóa - du lịch theo hướng liên vùng, hướng tới trở thành một điểm đến hấp dẫn trong chuỗi du lịch của khu vực và thế giới</i>	224
25	Nguyễn Chí Bền	<i>Phát huy giá trị văn hóa dân gian trong bối cảnh hội nhập quốc tế - Góc nhìn từ Quảng Ninh</i>	233
26	Nguyễn Đăng Kiên	<i>Phát huy vai trò của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững ở tỉnh Quảng Ninh</i>	244
27	Nguyễn Huy Vinh	<i>Quảng Ninh - mô hình thành công bước đầu khi đưa chính sách kinh tế vào phát triển văn hóa</i>	251
28	Nguyễn Văn Hồi	<i>Một số kết quả cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với triển khai sâu rộng chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và phong trào “vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”</i>	259
29	Nguyễn Thị Mai Anh - Nguyễn Đức Thùy	<i>Phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa Quảng Ninh</i>	265
30	Phạm Thùy Dương	<i>Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa nhìn từ tài nguyên di sản văn hóa của Quảng Ninh</i>	274
31	Đỗ Văn Quân	<i>Một thế kỷ du lịch vịnh Hạ Long</i>	280
32	Nguyễn Hải Vân	<i>Thực hiện văn hóa công sở góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của tỉnh Quảng Ninh</i>	291
33	Nguyễn Ngọc Huy	<i>Vùng đất Quảng Ninh - hơn nửa thế kỷ dựng xây và phát triển</i>	299
34	Cao Thu Hằng	<i>Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, tạo động lực phát triển nhanh, bền vững - từ thực tiễn ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay</i>	306
35	Trần Thị Thanh Mai	<i>Vị thế, vai trò phụ nữ Quảng Ninh trong thời kỳ mới</i>	314
36	Nguyễn Văn Ninh	<i>Phát huy giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh</i>	324
37	Nguyễn Thị Nhàn Thư	<i>Văn hóa vùng mỏ, con người vùng mỏ: Nét đặc sắc từ truyền thống đến hiện tại</i>	333
38	Đỗ Minh Tuấn	<i>Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh</i>	341

39	Trình Quốc Hưng	<i>Nét văn hóa vùng mỏ xưa và nay</i>	346
40	Phạm Thanh Hằng	<i>Phát huy vai trò của văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng, tạo động lực cho sự phát triển nhanh và bền vững ở tỉnh Quảng Ninh</i>	352
41	Vũ Kiên Cường	<i>Triển khai thực hiện chính sách dân tộc góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ninh</i>	359
42	Đình Giang	<i>Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh</i>	365
43	Nguyễn Minh Sơn	<i>Phát huy giá trị văn hóa trong mô hình OCOP ở các vùng, miền, dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh</i>	372
44	Đình Thọ Phúc	<i>Quảng Ninh chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác giao lưu quốc tế về văn hóa</i>	377
45	Lê Ngọc Hân	<i>Phát huy vai trò của các loại hình truyền thông trong giới thiệu, quảng bá những giá trị khác biệt, nổi trội của mảnh đất và con người Quảng Ninh</i>	383
46	Đoàn Hiền	<i>Những điểm sáng trong đổi mới giáo dục ở tỉnh Quảng Ninh nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu tình hình mới</i>	388
47	Khúc Thành Dư	<i>Xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội ở Quảng Ninh</i>	396
48	Mai Vũ Tuấn	<i>Phát huy mô hình tòa soạn hội tụ trong quảng bá vùng đất, con người Quảng Ninh</i>	406
49	Đình Văn Nới	<i>Xây dựng hình ảnh người chiến sĩ công an Quảng Ninh bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ</i>	410
50	Phạm Vân Anh	<i>Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh</i>	417
51	Nguyễn Duy Thái	<i>Quảng Ninh: Phát triển du lịch trên nền tảng các di sản văn hóa</i>	422
52	Vũ Thái Dũng - Phạm Ngọc Sơn	<i>Quảng Ninh gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới</i>	431
53	Bùi Quang Thanh	<i>Về việc phục dựng Lễ hội đền Xã Tắc thành phố Móng Cái, góp phần phát huy giá trị văn hóa vùng biên tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay</i>	440
54	Nguyễn Văn Công	<i>Thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh: Phát triển văn hóa, du lịch từng bước trở thành thương hiệu, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội</i>	448
55	Vũ Thành Long	<i>Bảo tồn, khai thác giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Dao tại huyện Ba Chẽ</i>	454
56	Trương Mạnh Hùng	<i>Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn</i>	461
57	Hồ Văn Vịnh	<i>Duy trì, bảo tồn một số lễ hội truyền thống để phát huy giá trị các di sản văn hóa tại thị xã Quảng Yên</i>	470
58	Đỗ Minh Cường	<i>Bảo tồn và phát huy Khu di tích Bạch Đằng, tạo đà phát triển du lịch</i>	476
59	Nguyễn Thị Thu Hà	<i>Bình Liêu (Quảng Ninh) khai thác thế mạnh, phát triển văn hóa du lịch</i>	481

60	Nguyễn Hồng Điệp	<i>Vân Đồn (Quảng Ninh) trên hành trình trở thành thành phố đáng sống khu vực châu Á - Thái Bình Dương</i>	486
61	Hoàng Việt	<i>Huyện Ba Chẽ (Quảng Ninh) gìn giữ văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, xây dựng nông thôn mới</i>	492
62	Nghiêm Xuân Cường	<i>Phát triển du lịch Yên Tử theo hướng bền vững</i>	497
63	Đỗ Thị Ninh Hương	<i>Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Đầm Hà gắn với phát triển du lịch</i>	505
64	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	<i>Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Bình Liêu phục vụ phát triển du lịch cộng đồng</i>	513
65	Nguyễn Vũ Thu Hòa	<i>Phát huy những giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam, xây dựng “tế bào hạnh phúc” bền vững</i>	523
66	Nguyễn Đức Thắng	<i>Luồng gió mới trong hoạt động bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tại Quảng Ninh</i>	529
67	Nguyễn Việt Dũng - Đoàn Thị Thu Hương	<i>Kiến tạo văn hóa biển thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững tại huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh</i>	536
68	Hồ Chí Đức	<i>Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay</i>	545
<b>Phần III: Định hướng và giải pháp khơi dậy, phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực phát triển nhanh, bền vững cho Quảng Ninh</b>			
69	Nguyễn Hồng Dương	<i>Xây dựng văn hóa Quảng Ninh thực sự là nền tảng tinh thần, là động lực cho phát triển nhanh, bền vững</i>	551
70	Nguyễn Mạnh Cường	<i>Tăng cường các nguồn lực cho phát triển văn hóa, tương xứng với tăng trưởng kinh tế, nhất là đối với khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo</i>	557
71	Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh	<i>Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý văn hóa tỉnh Quảng Ninh</i>	562
72	Nguyễn Quang Vinh	<i>Giải pháp xây dựng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa đặc trưng vùng đồng bằng sông Hồng - từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh</i>	569
73	Nguyễn Tiến Dũng	<i>Xây dựng điểm đến du lịch di sản - nhìn từ Hạ Long</i>	572
74	Tô Xuân Thao	<i>Giải pháp xây dựng văn hóa doanh nghiệp đáp ứng sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh</i>	582
75	Đỗ Quyết Tiến	<i>Kinh nghiệm quản trị và phát huy các nguồn lực, động lực phát triển từ mô hình tự chủ về nguồn chi thường xuyên</i>	588
76	Bùi Thúy Hải	<i>Phát triển văn hóa đọc trong thời kỳ chuyển đổi số</i>	595
77	Nguyễn Anh Tú	<i>Từ nghị quyết 11-NQ/TW, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, những vấn đề đặt ra và giải pháp cho thành phố Cẩm Phả trong thời gian tới</i>	603
78	Trần Dân	<i>Phát huy vai trò của thanh niên đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững tỉnh Quảng Ninh</i>	610
79	Hoàng Trọng Thiết	<i>Quảng Ninh trên hành trình trở thành “cảng dữ liệu” và Trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực phía Bắc</i>	615
80	Nguyễn Kim Anh	<i>Một số giải pháp xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở khu công nghiệp trên địa bàn huyện Hải Hà</i>	623

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC**

**Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững**

81	Nguyễn Chí Thành	<i>Phát triển văn hóa, văn nghệ nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân trên địa bàn huyện Tiên Yên</i>	630
82	Nguyễn Thị Vinh	<i>Giải pháp xây dựng văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp đáp ứng sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh</i>	636
83	Hoàng Bá Nam	<i>Duy trì và phát triển giao lưu văn hóa giữa thành phố Móng Cái (Việt Nam) với thành phố Đông Hưng (Trung Quốc)</i>	642
84	Đặng Minh Phụng	<i>Xây dựng Quảng Ninh thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, cực tăng trưởng khu vực phía Bắc</i>	647
85	Lê Tuấn Vinh	<i>Một góc nhìn về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam - sự tham khảo đối với tỉnh Quảng Ninh</i>	653
86	Đào Huy Toàn	<i>Phát huy vai trò của đội ngũ văn nghệ sỹ trong quảng bá văn hóa, con người Quảng Ninh thông qua các tác phẩm văn học, nghệ thuật</i>	663
87	Đàm Khắc Cử	<i>Một số định hướng phát triển tỉnh Quảng Ninh thời gian tới</i>	667
88	Ngô Thị Cẩm Liên - Thiều Quang Thịnh	<i>Giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh - mạch nguồn và động lực cho thanh niên hiện nay</i>	673
89	Đông Ngọc Dám	<i>Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ninh</i>	681
90	Nguyễn Đức Chiện - Hoàng Tuyết Mai	<i>Phát huy tính tự lực, sáng tạo và khát vọng làm giàu của người nông dân trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ninh</i>	687
91	Nguyễn Văn Thông	<i>Phát triển nguồn nhân lực ở Quảng Ninh hiện nay - thực trạng và giải pháp</i>	694
92	Nguyễn Thị Phương Thảo - Nguyễn Thị Dung	<i>Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh</i>	703
93	Đỗ Ngọc Nam	<i>Phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở Quảng Ninh</i>	715
94	Nguyễn Văn Quang	<i>Phát huy giá trị văn hóa giữ nước và truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường trong công cuộc xây dựng khu vực phòng thủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay</i>	721
95	Hoàng Văn Hải	<i>Phát huy vai trò của thanh niên trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh</i>	731
96	Ngô Ánh Hồng	<i>Phát triển công nghiệp văn hóa, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững ở Quảng Ninh hiện nay</i>	738
97	Thanh Thủy	<i>Định hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh thời kỳ mới</i>	744
98	Lê Kim Anh	<i>Một số gợi mở giải pháp để văn hóa Quảng Ninh trở thành nguồn lực cho phát triển</i>	751
99	Đặng Xuân Phương	<i>Bế mạc Hội thảo khoa học “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững”</i>	760
100	Mai Anh	<i>Tổng thuật Hội thảo khoa học chào mừng 60 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh (30-10-1963 - 30-10-2023): “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững”</i>	765

## ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC “QUẢNG NINH NHẬN DIỆN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI, TẠO NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG”

PHẠM MINH TUẤN

PGS, TS, Phó Tổng Biên tập Phụ trách Tạp chí Cộng sản

*Kính thưa quý vị đại biểu, khách quý!*

Đại hội XIII của Đảng đã tạo dấu ấn đậm nét khi đề cập đến vấn đề phát triển văn hóa, con người trong tổng thể đường lối phát triển chung của đất nước. Văn hóa được coi là một trong các trụ cột phát triển, là nền tảng tinh thần, là động lực, và nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, để phát huy được các giá trị văn hóa, con người thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển, nhất là đối với các địa phương, trước hết phải trên cơ sở nhận diện đúng, trúng, đầy đủ, sâu sắc, toàn diện các giá trị văn hóa, con người phù hợp bối cảnh, điều kiện từng thời kỳ, phù hợp với đặc điểm, tiềm năng, lợi thế từng địa phương. Từ những căn cứ, cơ sở lý luận, từ những yêu cầu, đòi hỏi thực tiễn đó, hôm nay Tỉnh ủy Quảng Ninh và Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “*Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững*”.

Trước tiên, thay mặt Ban Tổ chức, trân trọng cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các vị khách quý, các nhà khoa học, các quý vị đại biểu đã có mặt trong Hội thảo ngày hôm nay.

*Thưa các đồng chí,*

Được nhìn nhận ở vai trò “nguồn lực” là một bước ngoặt quan trọng trong nhận thức về văn hóa và phát triển.

*Nguồn lực* là tổng thể các giá trị vật chất và phi vật chất để phục vụ cho mục tiêu phát triển. *Nguồn lực văn hóa* là một nguồn lực đặc biệt, trong khi các nguồn lực tự nhiên không



tái tạo, như than, dầu, sắt... là hữu hạn, càng khai thác, càng cạn kiệt, thì nguồn lực văn hóa là vô tận, trên cơ sở có chủ trương đúng đắn, có đường lối và cách thức phát triển phù hợp thì các nguồn lực văn hóa càng khai thác, khơi dậy, phát huy càng gia tăng. Và Quảng Ninh, với những lợi thế ít địa phương có được, được thừa hưởng cả nguồn lực tự nhiên và nguồn lực văn hóa rất dồi dào, đa dạng, phong phú. Nguồn lực tự nhiên - nổi bật nhất là nguồn khoáng sản than, trong mỗi chúng ta cũng như người dân cả nước đều thân thương, quen thuộc gọi Quảng Ninh là vùng đất mỏ. Nguồn lực văn hóa - là nguồn lực được kết tinh bởi vốn tài nguyên thiên nhiên. Quảng Ninh đã hình thành nên một hệ thống giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể phong phú, giàu bản sắc và nhân văn. Quảng Ninh hiện có kho di sản văn hóa lớn với hơn 600 di sản văn hóa vật thể; gần 3.000 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể. Đó là các sản phẩm vật chất chứa đựng những giá trị văn hóa phi vật thể (bao gồm di tích lịch sử, văn hóa, các danh lam thắng cảnh; các làng nghề; đền, chùa...), các giá trị văn hóa phi vật thể (bao gồm các phong tục, tập quán, các nét văn hóa truyền thống độc đáo của 22 dân tộc anh em sinh sống trên địa bàn tỉnh, của những đặc trưng văn hóa, con người vùng Đông Bắc, của văn hóa biển, văn hóa tâm linh,...). Quảng Ninh có cả ba không gian văn hóa: không gian văn hóa núi đồi, không gian văn hóa đồng bằng và không gian văn hóa biển, đảo.

Đặc biệt, hiện nay, nguồn lực văn hóa đang được nhận diện với các ngành công nghiệp văn hóa. Trong số 13 ngành công nghiệp văn hóa (theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030), tiềm năng, lợi thế của Quảng Ninh hiện diện ở nhiều ngành, và đặc biệt *hiện diện nổi bật* ở ngành du lịch văn hóa,... Đây được xác định là nguồn lực quan trọng vừa đáp ứng nhu cầu tinh thần cho nhân dân trong tỉnh và khách du lịch trong và ngoài nước khi đến với Quảng Ninh, là “con đường” ngắn nhất quảng bá hình ảnh Quảng Ninh với nhân dân cả nước và hình ảnh Việt Nam với bạn bè quốc tế, bởi, Quảng Ninh có vịnh Hạ Long được UNESCO hai lần công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới vào năm 1994 và năm 2000 - Di sản này không chỉ mang ý nghĩa lớn đối với tỉnh mà còn là niềm tự hào của đất nước Việt Nam, là tài sản quốc gia, là một trong những đặc trưng nhận diện của du lịch Việt Nam. Nếu trở thành một “điểm đến” *hấp dẫn bền vững* đối với du khách quốc tế, Vịnh Hạ Long sẽ trở thành một nguồn lực to lớn không chỉ cho Quảng Ninh mà cho cả đất nước, *hiệu ứng không chỉ là thúc đẩy ngành công nghiệp du lịch văn hóa phát triển mà giá trị gia tăng sẽ hiện diện ở các lĩnh vực khác*, từ công nghiệp dịch vụ, thương mại, đầu tư nước ngoài,...

Quảng Ninh là một trong những tỉnh đi đầu cả nước trong tập trung đầu tư trọng điểm phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng thiết chế văn hóa. Việc tập trung xây dựng dự án thiết

ché văn hóa của Quảng Ninh ở cấp tỉnh được đánh giá là ngang tầm với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, cũng là tỉnh kêu gọi đầu tư, nhất là thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư xây dựng một số hạ tầng thiết yếu, hiện đại, như sân bay, bến cảng, khu nghỉ dưỡng cao cấp, casino, khách sạn từ 5 đến 7 sao, các resort cao cấp...; xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư khu vui chơi giải trí phức hợp cao cấp, đường giao thông, hạ tầng về cung cấp điện, nước, các công viên chuyên đề, trung tâm thương mại... tạo ra sự đồng bộ trong phát triển du lịch.

Quảng Ninh là tỉnh có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, con người Quảng Ninh cũng thể hiện những đặc trưng chung, đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, kết hợp với bản sắc rất riêng của vùng đất được coi là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam, truyền thống công nhân vùng mỏ, “Kỷ luật và Đồng tâm” đã được hình thành, vun bồi thành một di sản tinh thần của công nhân vùng mỏ, trở thành một đặc trưng của con người vùng mỏ. Trải qua quá trình phát triển, các đặc trưng “Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện” đã được nhận diện là những đặc trưng của con người Quảng Ninh (Nghị quyết số 11-NQ/TU năm 2018 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”).

Về tiềm năng nguồn lực văn hóa, con người, tại buổi làm việc với Ban Lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh nhân dịp thăm tỉnh ngày 6-4-2022, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đánh giá “Các tiềm năng về lịch sử, văn hóa, con người Quảng Ninh được khơi dậy, phát huy; nhiều di tích văn hóa được đầu tư bảo tồn, tôn tạo; có cơ chế thích hợp để chuyển hóa thành nguồn lực phục vụ trực tiếp cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội”.

Tuy nhiên, xu thế vận động và phát triển tiếp tục đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi Quảng Ninh không chỉ tiếp cận những nhận thức mới về phát triển bền vững, nhận diện mới về các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh hiện tại đồng thời đặt trong tầm nhìn trung hạn và dài hạn, mà còn phải có giải pháp thực tế hiệu quả để *chuyển hóa* các giá trị này thực sự trở thành nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển là tất yếu.

Trong Hội thảo hôm nay, với mục đích làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn nhận diện, khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững trong bối cảnh hiện nay đối với Quảng Ninh, Ban Tổ chức rất mong các đại biểu tập trung vào 5 nội dung cơ bản:

*Thứ nhất*, nhận diện và những căn cứ, cơ sở khoa học, lịch sử, cơ sở chính trị, pháp lý,... để nhận diện các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh thời kỳ hiện nay đồng thời đặt trong tầm nhìn trung hạn và dài hạn.

*Thứ hai*, làm rõ hơn các phương thức, hình thức khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa, con người phù hợp với đặc điểm đặc thù, với tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Ninh; vai trò của các chủ thể trong quá trình này.

*Thứ ba*, đánh giá thực trạng, những kết quả đạt được, những tồn tại trong quá trình khơi dậy các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh thời gian qua; phân tích nguyên nhân thành công và hạn chế.

*Thứ tư*, bài học kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra trong việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nhanh, bền vững với phát triển con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh.

*Thứ tư*, những gợi mở giải pháp cho Quảng Ninh để nhận diện được đầy đủ, toàn diện, sâu sắc, và phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa, con người thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững.

*Thứ năm*, gợi mở các kiến nghị chính sách của tỉnh với Trung ương; kiến nghị cơ chế, chính sách cụ thể của các địa phương với tỉnh.

*Kính thưa toàn thể Hội nghị,*

Trong quá trình chuẩn bị Hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được hơn 80 báo cáo tham luận của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn. Ban Tổ chức hy vọng Hội thảo khoa học lần này là dịp để chúng ta trao đổi, thảo luận sâu về chủ đề trên, từ đó góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn để *Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững*.

Thay mặt Ban Tổ chức kính chúc các quý vị đại biểu, các nhà khoa học cùng toàn thể các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn! ❖

## MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT VÀ ĐẶC THÙ CỦA HỆ GIÁ TRỊ TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN XUÂN KÝ

*Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh*

Quảng Ninh là vùng đất chứa đựng đậm đặc trầm tích lịch sử, giá trị văn hóa, giàu bản sắc, cốt cách riêng có, với sự quyện chặt giữa yếu tố địa - tự nhiên với các yếu tố địa - chính trị, kinh tế, văn hóa. Lịch sử hàng nghìn năm bền bỉ, kiên cường mở đất, dựng nghiệp, chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi biên cương và lao động, sản xuất góp phần hình thành nên hệ giá trị địa phương Quảng Ninh. Những giá trị này vừa thâm thái và mang tính phổ quát của quốc gia - dân tộc, vừa hàm chứa đặc điểm riêng có của vùng đất địa đầu Đông Bắc Tổ quốc, trở thành tài sản vô giá của các thế hệ người Quảng Ninh, là cội nguồn sức mạnh trên hành trình xây dựng và bảo vệ quê hương, trong đó có chặng đường vẻ vang và rất đổi tự hào tròn 60 năm kể từ ngày thành lập tỉnh (30-10-1963 - 30-10-2023) với khát vọng xây dựng một Quảng Ninh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, vùng đất phen giậu địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc luôn in đậm dấu ấn của công cuộc lao động, đấu tranh để sinh tồn và phát triển. Bề dày lịch sử, địa thế “tọa sơn, hướng bể”, đời sống xã hội, môi trường chính trị... đã vun bồi nên những đặc trưng của vùng đất này, tôi rèn những phẩm chất rất đáng quý của cư dân vùng Đông Bắc, dần hình thành nên hệ giá trị địa phương, hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị con người Quảng Ninh.

Tiếp cận một cách toàn diện, có thể bước đầu xác định, hệ giá trị của tỉnh Quảng Ninh là tổng thể đặc trưng, thuộc tính, phẩm chất căn cốt nhất, khái quát cao nhất, có tính đại diện tiêu biểu của địa phương, tổng hòa trên tất cả các mặt, lĩnh vực, từ thiên nhiên, văn hóa, xã hội, con người đến đặc điểm kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... được hun đúc, định hình từ điều kiện tự nhiên, từ kết quả quá trình lao động, đấu tranh để sinh tồn và

phát triển của cộng đồng địa phương trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của vùng đất, có tính bao trùm, được cộng đồng địa phương công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ bằng ý thức tự giác.

*Hệ giá trị của tỉnh Quảng Ninh* là mặt hợp trội của tổng thể các giá trị, các mối quan hệ giữa các giá trị đó và giữa các mặt cụ thể của chúng. Hệ giá trị của tỉnh không phải là phép cộng cơ học của từng giá trị, mà có sự gắn kết chặt chẽ, sâu sắc, tương hỗ giữa các giá trị đơn lẻ để cấu tạo nên giá trị mới mang tính hợp trội mà từng giá trị riêng lẻ không thể có được, cùng hướng đích vì sự phát triển chung của tỉnh. Hệ giá trị của tỉnh Quảng Ninh hình thành trên nền tảng thái các giá trị phổ quát của quốc gia - dân tộc, với các giá trị đặc trưng không thể pha lẫn của các yếu tố vùng, miền, khẳng định bản sắc địa phương, là niềm tự hào, tự tôn của cộng đồng địa phương.

*Về mặt ý nghĩa, hệ giá trị của tỉnh Quảng Ninh là sợi dây nối liền quá khứ, hiện tại và tương lai, vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính đương đại, phản ánh hơi thở của thời đại, trở thành mục tiêu, động lực, phương châm chỉ đạo, “hệ đường ray” để quy tụ lòng người, đoàn kết xã hội, xác định, gắn kết các định hướng lớn cho công cuộc xây dựng và phát triển của tỉnh.*

Trên cơ sở nhận thức về những giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc, hoà quện chặt chẽ giữa yếu tố địa - tự nhiên với các yếu tố địa - chính trị, địa - kinh tế, địa - văn hóa,... của tỉnh, hệ giá trị của tỉnh Quảng Ninh được xác định với các đặc trưng: Thiên nhiên tươi đẹp - văn hóa đặc sắc - xã hội văn minh - hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - nhân dân hạnh phúc.

**(1) Thiên nhiên tươi đẹp:** Với tầm nhìn vượt trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm đặc biệt quan tâm và đề cao vai trò của môi trường tự nhiên, bảo đảm an ninh sinh thái, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa đời sống con người với môi trường tự nhiên. Đối với tỉnh Quảng Ninh, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn, “tỉnh Quảng Ninh trở thành một tỉnh giàu đẹp”<sup>(1)</sup> với hàm nghĩa không chỉ “giàu” về kinh tế, mà còn phải “đẹp” ở văn hóa, “đẹp” ở tình người, “đẹp” ở cảnh quan thiên nhiên, “đẹp” trong cách ứng xử của con người với tự nhiên bằng nghĩa vụ đạo đức sinh thái. hai về “giàu” và “đẹp” gắn chặt với nhau, không tách rời.

Ngày nay, phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên trở thành triết lý và xu hướng tiến bộ xã hội của nhân loại. Trong các quyết sách phát triển, Đảng ta cũng ngày càng quan tâm và đề cao việc bảo vệ môi trường. Chú trọng đổi mới mô hình tăng

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 516

trường để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Không thúc đẩy tăng trưởng bằng mọi giá, gây tác động xấu đến ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tiến bộ, công bằng xã hội, giữ gìn môi trường sinh thái.

Đây là bước tiến quan trọng về nhận thức lý luận của Đảng ta để kịp thời định hướng đúng đắn cho sự phát triển bền vững thời gian tới. Văn kiện Đại hội XIII lần đầu tiên đưa nội hàm “bảo vệ môi trường” trở thành một thành tố của mối quan hệ lớn giữa “Tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”, thể hiện sự phát triển bền vững phù hợp với xu thế của thời đại, đồng thời thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Việc tôn trọng, bảo vệ và phụng dưỡng tự nhiên, với những quan điểm về phát triển hài hòa, thuận thiên, phát triển xanh, tuần hoàn... sẽ giúp phát triển bền vững; ngược lại, nếu hủy hoại môi trường sẽ dẫn tới những hệ lụy khôn lường, kéo lùi sự phát triển và tiến bộ xã hội. Bảo vệ môi trường ngày càng đặt ra cấp thiết, cùng với kinh tế và xã hội là trung tâm của sự phát triển (phát triển kinh tế - xã hội - bảo vệ môi trường là trung tâm), đặt trong tổng thể năm trụ cột phát triển đất nước là: Kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội - môi trường.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu đẹp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, lần đầu tiên đưa “Thiên nhiên tươi đẹp” trở thành một giá trị mới của tỉnh và là giá trị đứng đầu tiên trong hệ giá trị của tỉnh.

Cụ thể hóa giá trị nêu trên, ngày 26-9-2022, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU, về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước giai đoạn 2022 - 2030” với những đổi mới về tư duy, các giải pháp quyết liệt, cụ thể để bảo vệ, gìn giữ, nuôi dưỡng và phát huy các giá trị cảnh quan tươi đẹp, môi trường sinh thái trong lành, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Đây là biểu hiện sinh động sự kiên định mục tiêu phát triển xanh của tỉnh Quảng Ninh, trong tổng thể sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững, bao trùm đồng bộ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

Nằm án ngữ nơi địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc, về phương diện tự nhiên và địa lý, tỉnh Quảng Ninh có cả biển, đảo, đồng bằng, trung du, đồi núi và biên giới; cảnh trí tươi đẹp, kỳ vĩ, hiền hòa, vô cùng sống động. Quảng Ninh được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng nhiều danh

lam thắng cảnh tươi đẹp (có trên 600 di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được xếp hạng), nhiều cảnh quan có giá trị toàn cầu, như vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, với hơn hai nghìn đảo, chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước, trải dài theo đường ven biển hơn 250km. Đặc biệt, vịnh Hạ Long - kỳ quan thiên nhiên có một không hai trên thế giới - đã hai lần được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới; Quảng Ninh còn có danh thắng Yên Tử - một trung tâm Phật giáo lớn của Việt Nam... Có thể nói, tạo hóa đã ưu đãi ban tặng cho vùng đất Quảng Ninh nhiều cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, có một không hai về địa mạo, địa chất, di sản văn hóa - lịch sử - tâm linh mang trong mình hồn cốt nghìn năm của mảnh đất địa đầu Đông Bắc. Do đó, “thiên nhiên tươi đẹp” được định vị trở thành một giá trị đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh. Đây chính là giá trị khác biệt, cơ hội nổi trội không nơi đâu có được, là một tài sản, nguồn lực, động lực phát triển đặc biệt của tỉnh.

Cảnh quan thiên tạo tươi đẹp, tuyệt sắc chính là tài sản vô giá của Quảng Ninh, nhưng cần bàn tay của con người gìn giữ, nuôi dưỡng không ngừng; cần đặt sự tôn trọng tự nhiên, thuận theo dòng chảy phát triển của tự nhiên, giữ nguyên trạng thái bản thể tự nhiên lên hàng đầu, nắm chắc các quy luật phát triển tự nhiên để hoạch định các quyết sách phát triển bền vững, nhất là trong giải quyết mâu thuẫn giữa tăng trưởng nhanh các ngành có thể xâm hại tới tự nhiên với phát triển xanh, bền vững, bảo vệ cao độ môi trường sinh thái, mà trung tâm là giải quyết mâu thuẫn của một tỉnh phát triển song hành giữa công nghiệp khai thác than với phát triển du lịch... Thiên nhiên tươi đẹp, thuần khiết, bản thể nguyên sơ là tài sản, cũng là nguồn lực, động lực và hơn thế là một giá trị của tỉnh Quảng Ninh, cần được gìn giữ bằng mọi giá. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, địa phương luôn quan tâm nâng cao năng lực quản trị phát triển bền vững, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, duy trì một nền tảng nguồn lực ổn định, tránh khai thác quá mức các hệ thống nguồn lực tái sinh; duy trì sự đa dạng sinh học, hạn chế vấn đề nhiễm môi trường, bao gồm cả ô nhiễm đô thị và khu công nghiệp, quản lý và xử lý tốt chất thải rắn, chất thải nguy hại gắn với phát triển công nghiệp môi trường, có khả năng ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai; từng bước thay đổi mô hình sản xuất, hướng doanh nghiệp đến công nghệ sản xuất sạch, thân thiện môi trường dựa trên nguyên lý kinh tế tuần hoàn và cộng sinh công nghiệp.

**(2) Văn hóa đặc sắc:** Cách đây 77 năm, ngày 24-11-1946, phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Đảng ta nhấn mạnh, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhắc nhở: “Văn hóa còn dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất” và đặc biệt quan tâm đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. “Đó là tài sản vô cùng quý báu do Tổ

tiên, Cha ông ta mấy nghìn năm để lại, không phải nơi nào cũng có được; chúng ta có trách nhiệm phải giữ gìn, trân trọng và phát huy, nếu không là chúng ta có tội với lịch sử, là vong ân bội nghĩa với Tổ tiên, Cha ông chúng ta”<sup>(1)</sup>.

Ở một miền văn hóa, một vùng di sản ken dày các di tích lịch sử - văn hóa đặc sắc, thực hiện đường lối văn hóa của Đảng, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh hết sức coi trọng và sáng tạo trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh; sớm có nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển văn hóa, con người để tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện<sup>(2)</sup>.

Trong suốt chiều dài lịch sử, các thế hệ người dân Quảng Ninh đã quần tụ trên dải đất địa đầu Tổ quốc. Chủ nhân của vùng đất này, ngoài cư dân tại chỗ, còn có những người làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến từ Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Thanh Hóa, Hà Nội, Bắc Giang, Lạng Sơn... rồi định cư, lập nghiệp. Một số định cư, lập làng ở Quảng Yên, Đông Triều gắn với nghề nông, nghề thủ công; một số lại tụ cư ở các vùng ven biển và những đảo ở Vân Đồn, Quan Lạn, Cô Tô... gắn với nghề chài lưới. Theo họ là những phong tục, tập quán, nếp sinh hoạt của cư dân vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Do đó, trong bản chất, văn hóa Quảng Ninh là sự hội tụ hữu cơ của nhiều nét văn hóa khác nhau, là sự giao thoa giữa nền văn minh sông Hồng và văn hóa vùng Đông Bắc, qua thời gian gắn kết một cách tự nhiên tạo nên tính thống nhất trong đa dạng nền văn hóa đặc trưng của Quảng Ninh.

***Quảng Ninh là một vùng đất giàu trầm tích và bản sắc văn hóa, nơi có sự giao thoa, hội tụ, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng với văn hóa vùng Đông Bắc; văn hóa biển; văn hóa công nhân mỏ; văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc; văn hóa Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.***

*Văn hóa biển* của Quảng Ninh thường được coi là hình thành từ thời tiền sử, phát triển rực rỡ và đỉnh cao thời kỳ Văn hóa Hạ Long. Cư dân cổ thời Văn hóa Hạ Long đã phát huy nội lực, đứng vững trên cơ tầng văn hóa biển, phát huy thế mạnh của cư dân sông nước và tranh thủ thành tựu của cư dân đồng bằng, giao lưu, trao đổi ngang dọc với các trung tâm văn hóa lớn trong khu vực; thường xuyên thâm nhập, hội giao văn hóa với các quốc gia cũng

(1) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (xuất bản lần 2)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 173

(2) Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”



có truyền thống khai thác biển và sống dựa vào biển. Đặc tính văn hóa biển ảnh hưởng và hình thành nên nhiều giá trị trong tính cách, phẩm chất con người Quảng Ninh, cùng những đặc trưng riêng có của văn hóa Quảng Ninh.

*Văn hóa công nhân mỏ - văn hóa riêng có và là bản sắc đặc trưng nhất của Quảng Ninh.*

Đoàn kết, đồng tâm vốn là truyền thống của cư dân vùng biên ải, vùng biển trong lao động, sản xuất, đấu tranh chống thiên tai, giặc giã. Ở vùng đất heo hút, hiểm trở, thường trực bị đe dọa bởi các mối hiểm nguy từ thiên tai và địch họa, cố kết lại để thành một khối bền chặt, đồng tâm hiệp lực là yêu cầu bắt buộc để sinh tồn; trải qua thời gian, đoàn kết, đồng tâm càng thêm khăng khít, trở thành một lẽ tự nhiên của cư dân vùng Đông Bắc. Tinh thần đoàn kết, đồng tâm trong văn hóa truyền thống càng được phát huy trong văn hóa hiện đại ra đời từ cuộc sống công nghiệp trên vùng đất Quảng Ninh. Văn hóa “kỷ luật và đồng tâm” được hình thành từ giữa thế kỷ XIX khi người Việt Nam bắt đầu bỏ nhất cuộc đầu tiên khai thác mỏ than tại núi Yên Lãng (Đông Triều) theo chỉ dụ của vua Minh Mạng. Cùng với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở vùng Đông Bắc, lực lượng công nhân mỏ được hình thành và phát triển ngày càng đông đảo. Đội ngũ công nhân xuất thân từ nhiều vùng, miền khác nhau, sống đoàn kết, quần tụ thành các xóm thợ, lán thợ, làng công nhân, khu phố thợ... Trong quá trình lao động, sản xuất hầm lò, nhất là đấu tranh cách mạng chống lại ách áp bức hà khắc của thực dân và tay sai, công nhân mỏ phải đoàn kết, đồng tâm thành một khối thống nhất để cộng hưởng sức mạnh đấu tranh. Từ khi Đảng ta ra đời, đoàn kết thống nhất là một nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nên phẩm chất đó càng được rèn giũa, phát huy, nâng lên tầm cao mới. Hơn nữa, giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao; sản xuất công nghiệp theo dây chuyền, mang tính chuyên môn hóa nên bắt buộc người lao động phải rèn tính kỷ luật, tuân thủ tuyệt đối kỷ luật lao động và kỷ luật tổ chức. Đặc biệt, trong quá trình đấu tranh cách mạng, đội ngũ công nhân mỏ sớm giác ngộ được sứ mệnh lịch sử, kết thành một khối vững chắc, hình thành nên giá trị cốt lõi của tinh thần kỷ luật và đồng tâm trong cuộc Tổng đình công tháng 11-1936... Như vậy, kỷ luật và đồng tâm là phẩm cách văn hóa Quảng Ninh ra đời từ văn hóa truyền thống và từ đời sống công nghiệp hiện đại, mà Quảng Ninh vốn là một trong những cái nôi hình thành và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam. Giá trị tinh thần từ khẩu hiệu tranh đấu của cuộc Tổng đình công năm xưa được phát huy qua các thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, bảo vệ biên giới phía Bắc và tiếp tục trở thành hành trang vô giá của người Quảng Ninh trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước trong những năm đổi mới. Kỷ luật và đồng tâm - đoàn kết và thống nhất trở thành một truyền thống quý báu, mà cao hơn là một giá trị văn hóa Quảng Ninh.

Văn hóa Quảng Ninh còn là sự kết tinh của tinh thần nhân văn, nhân nghĩa, nhân tình cao đẹp của dân tộc Việt Nam với tinh thần từ, bi, hỷ, xả, bao dung của tư tưởng Phật giáo. Bên cạnh những giá trị văn hóa đặc trưng, Quảng Ninh còn được thừa hưởng nhiều giá trị *văn hóa Phật giáo* của vùng đất vốn là phát tích Thiên phái Trúc Lâm, nơi Đức vua Trần Nhân Tông cách đây hơn 700 năm sau khi đánh thắng giặc ngoại xâm giữ yên bờ cõi đã nhường ngôi cho con, từ bỏ vinh hoa phú quý, cung vàng điện ngọc để đến với nơi non thiêng và hóa Phật - một sự kiện chưa từng có trong lịch sử chính trị, văn hóa thế giới. Văn hóa Quảng Ninh mang đậm văn hóa Phật giáo Thiên phái Trúc Lâm - Yên Tử và đến lượt mình, văn hóa Phật giáo lại nâng tầm văn hóa Quảng Ninh, nhất là giá trị nhân ái. Với Yên Tử non thiêng, Quảng Ninh đã trở thành một trong những trung tâm văn hóa quan trọng nhất, thâm trầm nhất trong lịch sử phát triển văn hóa dân tộc, ở đó Phật giáo có tính nhập thế cao, đạo với đời hòa làm một để tỏa sáng giá trị nhân ái, bác ái, bao dung con người. Giá trị nhân ái trong văn hóa ảnh hưởng lớn tới quyết sách phát triển lấy con người làm trung tâm của Quảng Ninh - đó chính là “*dân ái*” trên nền “*nhân ái*” - tất cả vì hạnh phúc của nhân dân, đồng thời coi trọng việc thực hiện các chính sách xã hội tiến bộ, công bằng, thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân các vùng, miền trong tỉnh. Được dẫn dắt bởi giá trị nhân ái, từ nội tâm, nội tình của mình, con người tỉnh Quảng Ninh luôn đặt sự hòa hiếu lên hàng đầu trong đối nhân xử thế, trong đối ngoại, “lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn”, coi trọng ngoại giao tâm công. Theo tư tưởng Phật giáo, bên trong từ bi còn có “*Tuệ*”; các vị vua, quý tộc thời Trần đều là người ham học và có tri thức uyên bác trên nhiều lĩnh vực, gánh vác trọng trách non sông làm nên hào khí Đông A, do đó giá trị nhân ái còn hàm chứa cả sự coi trọng về trí tuệ, tri thức.

Văn hóa Quảng Ninh kết tinh bản sắc *văn hóa dân tộc* của 23 dân tộc anh em quần cư trên vùng đất Quảng Ninh, trong đó có 22 dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống thành cộng đồng ở khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa phía đông của tỉnh, trong đó các dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Hoa chiếm số đông. Đồng bào thuộc nhiều tộc người, nhiều địa phương, chuyên cư đến sinh cơ lập nghiệp trên vùng đất địa đầu Đông Bắc, đã gắn bó máu thịt với vùng đất đang sinh sống, hun đúc nên lòng yêu nước, yêu quê hương sâu sắc. Nhiều nhóm từng tộc người thiểu số sinh sống thành cộng đồng hoặc cư trú xen kẽ nhau, định hình nên bản sắc, lưu giữ kho tàng di sản văn hóa được hun đúc, bồi đắp từ nghìn đời, trở thành những tài sản vô giá cần được nâng niu, trân trọng, bảo tồn. Hiện nay, trong các quyết sách phát triển, tỉnh Quảng Ninh luôn có ý thức chuyển hóa thế mạnh về tài nguyên địa hình, khí hậu, tài nguyên nhân văn, bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú riêng có của đồng bào thành nguồn lực phát triển - “*biến di sản thành tài sản*” - qua đó tạo dựng sinh kế tại chỗ vững chắc cho đồng bào; gắn kết và thu hẹp khoảng cách giữa miền xuôi và miền

ngược, khơi thức tâm lý hướng tâm và ý thức về cội nguồn sâu sắc để quy tụ, đoàn kết đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Giá trị dân tộc còn là ý thức tự giác dân tộc, tình yêu quê hương, lòng tự hào, tự tôn, tự tin văn hóa của con người Quảng Ninh, được chuyển hóa thành khát vọng phát triển. Bởi vậy, con người và văn hóa Quảng Ninh luôn chứa đựng khát vọng vươn lên mãnh liệt, thắng không kiêu, bại không nản, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, thử thách để bứt phá đi lên.

Với tư cách là một giá trị trong hệ giá trị của tỉnh, cùng với việc làm rõ nội hàm của “văn hóa đặc sắc”, cần có chiến lược, kế hoạch bảo tồn, nuôi dưỡng và phát huy hết sức bài bản, tường minh và cụ thể, bởi mỗi cấu phần văn hóa trong chỉnh thể giá trị “văn hóa đặc sắc” (văn hóa biển; văn hóa công nhân mỏ; văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc tỉnh Quảng Ninh; văn hóa Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử) lại có những yêu cầu bảo tồn và phát huy riêng, nhưng không tách biệt, mà phải nằm trong tổng thể chung nền văn hóa đặc sắc của Quảng Ninh. Thực tiễn cho thấy, lúc nào “vốn văn hóa” được khơi dậy thì sức mạnh nội sinh mới thực sự được phát huy giá trị của nó và khi đó mới có năng lực hấp thụ hiệu quả các nguồn lực ngoại sinh, nếu không dễ dẫn đến các xung đột về giá trị và nguồn lực đầu tư, phát triển thiếu bền vững.

**(3) Xã hội văn minh:** Văn minh là một trong những thành tố quan trọng của xã hội, biểu thị giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo trên nền tảng trình độ văn hóa đã phát triển ở mức độ nhất định. Như vậy, có thể hiểu, văn minh là đỉnh cao hơn văn hóa và rộng hơn so với văn hóa. “Xã hội văn minh” là một trong những mục tiêu được Đảng ta xác định đầu tiên trong hệ mục tiêu của thời kỳ đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội, là đặc trưng tổng quát của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ngay từ Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986), Đảng ta xác định ba mục tiêu của đổi mới: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh”. Từ đó, “xã hội văn minh” trở thành một mục tiêu xuyên suốt trong gần 40 năm đổi mới và sẽ tiếp tục là mục tiêu phấn đấu trong các chặng đường phát triển thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cũng như là mục tiêu cuối cùng trong xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nằm trong mục tiêu và giá trị chung của văn minh ở tầm quốc gia, “xã hội văn minh” của tỉnh Quảng Ninh mang những giá trị phổ quát, đồng thời có những giá trị đặc trưng.

Quảng Ninh là vùng đất vừa trọng nông, trọng công và trọng thương, vừa kết giao và hội tụ cả những yếu tố của nền văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh dịch vụ, hình thành những thuộc tính của xã hội văn minh ở các trình độ phát triển khác nhau từ sớm. Quảng Ninh là một trong những cái nôi hình thành và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam và nền sản xuất công nghiệp hiện đại; là vùng đất phát triển giao thương,

thương mại, dịch vụ, nhất là dịch vụ biển và dịch vụ du lịch từ rất sớm, nên sớm hình thành môi trường, nếp sống, tác phong của xã hội văn minh, với việc coi trọng những chuẩn mực ứng xử trong cộng đồng, văn minh công cộng, nếp sống văn hóa, xây dựng đô thị văn minh (Quảng Ninh là tỉnh có nhiều thành phố nhất cả nước), kỷ luật và ý thức tuân thủ pháp luật... Do đó, từ trong truyền thống và cuộc sống hiện đại, xã hội văn minh trở thành một giá trị của tỉnh Quảng Ninh, tiếp tục được xây dựng, không chỉ là văn minh xã hội, mà còn mở rộng trên nhiều lĩnh vực: Văn minh chính trị, văn minh kinh tế, văn minh sinh thái... Đây cũng là cơ sở để tiếp tục “gạn đục khơi trong”, loại bỏ những yếu tố phi văn hóa, phản văn minh vẫn còn tồn tại, kịp thời bổ sung những giá trị mới tiên tiến, để xây dựng xã hội văn minh thực sự trở thành một giá trị của tỉnh, là một điều kiện tiên quyết tạo nên sức hấp dẫn, thu hút của Quảng Ninh đối với khách du lịch, nhà đầu tư trong và ngoài nước, cũng là một chỉ báo quan trọng thể hiện quan điểm và tư tưởng phát triển luôn hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ, lấy người dân làm trung tâm trong mọi quyết sách của Quảng Ninh, như sự định hướng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “... phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá của con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao... Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn”<sup>(1)</sup>.

**(4) Hành chính minh bạch:** Ngay từ khi Chính phủ mới được thành lập, cùng với chủ trương xây dựng một nền chính trị “đoàn kết” và “thanh khiết”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng mong muốn xây dựng một chính phủ liêm chính, vì dân. Tư tưởng của Người là kim chỉ nam để chúng ta xây dựng một nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch.

Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, trong sạch, vững mạnh, công khai; đạt các chuẩn mực quốc tế, minh bạch, coi trọng trách nhiệm giải trình, thường xuyên đối thoại với nhân dân... là mục tiêu xuyên suốt của tỉnh Quảng Ninh từ đổi mới đến nay, nhất là trong 10 năm trở lại đây, là yếu tố mang tính then chốt để Quảng Ninh xây dựng chính quyền địa phương kiến tạo và nâng cao năng lực quản trị địa phương đặt trong sự gắn kết với quản trị quốc gia và quản trị toàn cầu; tạo điều kiện thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp; tạo môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư trong và ngoài nước... Chính vì sự coi trọng đó, nên đến năm 2023, tỉnh đã có 10 năm thực hiện đánh giá chỉ số cải cách hành chính và 6 năm đánh giá chỉ số đo lường sự hài lòng.

(1) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Sđd, tr. 91

Đây đều là những kết quả chưa từng có tiền lệ và quan trọng hơn cả là Quảng Ninh đang đi đúng hướng để xây dựng một nền hành chính đạt các chuẩn mực quốc gia, quốc tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả... Quảng Ninh là tỉnh duy nhất trong cả nước đưa mục tiêu giữ vị trí nhóm đầu 4 chỉ số cải cách hành chính vào Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và ban hành riêng nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về vấn đề này để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, để không dừng lại ở nghị quyết chủ trương, mà phải nhanh chóng biến thành nghị quyết của hành động, với tinh thần tiên công cách mạng quyết liệt, mạnh mẽ vào những việc mới, khó.

Tỉnh tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng cải cách hành chính, tập trung vào các trụ cột chính: Tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hành chính điện tử và chuyển đổi số; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, công khai, minh bạch, cạnh tranh công bằng, bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực, đặc biệt là đất đai, lao động, giữa doanh nghiệp, nhà đầu tư, các thành phần kinh tế, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục giữ vững vị trí nhóm đầu về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS và PAPI; giữ vững thương hiệu của tỉnh về một “Điểm đến đầu tư an toàn, thuận lợi, minh bạch, hấp dẫn và thành công”. Bảo đảm tổng thể, đồng bộ, liên thông giữa đổi mới, cải cách hành chính và cải cách tư pháp... Với quyết tâm chính trị cao và những kết quả xây dựng nền hành chính, cải cách hành chính đạt được, “hành chính minh bạch” thực sự trở thành một giá trị đặc trưng trong hệ giá trị của tỉnh. Đây là một giá trị đương đại, song sự ra đời và hình thành của nó sâu xa vẫn có sự kế thừa, phát triển những nét giá trị, phẩm chất truyền thống của văn hóa, con người Quảng Ninh.

*Với sự coi trọng, cách làm và sự đầu tư bài bản, xúng tằm, thực sự đặt người dân và doanh nghiệp ở vị trí trung tâm, các cấp ủy, chính quyền thường xuyên đối thoại với nhân dân..., Quảng Ninh có 6 năm liên tiếp (2017 - 2022) giữ vị trí Quán quân Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), 5 năm dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), 4 năm dẫn đầu bảng xếp hạng Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và 2 năm dẫn đầu vị trí xếp hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Như vậy, tỉnh Quảng Ninh lần thứ 2 (năm 2020 và năm 2022) vinh dự chinh phục vị trí dẫn đầu cả nước ở cả 4 chỉ số cải cách hành chính (PCI, PAPI, PAR Index và SIPAS)...*

*Đặc biệt, kinh tế của Quảng Ninh giữ vững đà tăng trưởng (GRDP) cao, ổn định trên hai con số trong 7 năm liên tiếp (2016 - 2022), kể cả trong những giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, lập nên kỳ tích trong giai đoạn đổi mới. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 đạt gần 270.000 tỷ đồng (chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng ở khu vực phía Bắc), cả năm 2023 ước đạt 312.420 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2020. Năm 2022, GRDP của Quảng Ninh tiếp tục đạt 10,28%, thu ngân sách nhà nước đạt hơn 55.000 tỷ đồng, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước.*

**(5) Kinh tế phát triển:** Ngay từ khi bắt đầu khởi xướng và xuyên suốt quá trình đổi mới, Đảng ta luôn khẳng định phát triển kinh tế là trung tâm, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Hòa chung vào công cuộc đổi mới của đất nước, Quảng Ninh là địa phương có nhiều đột phá sáng tạo trong phát triển kinh tế, đưa Quảng Ninh từ một tỉnh nghèo trở thành một trong những tỉnh phát triển đi đầu của cả nước. Tỉnh chủ động, sáng tạo, quyết liệt thực hiện tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực, bền vững, đúng hướng, vượt qua các khó khăn, thách thức chưa từng có; đưa kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển nhanh, bền vững, tạo được những thành tựu bứt phá ấn tượng. Trong 10 năm liên (2013 - 2022), Quảng Ninh nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế

xuất sắc nhất nước. Tạo bước đột phá mới về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông chiến lược, dựa chủ yếu vào nguồn lực xã hội, kết hợp với vai trò dẫn dắt bởi nguồn lực nhà nước được đầu tư tập trung, tạo ra lợi thế cạnh tranh mới và nguồn lực, động lực mới. Liên kết vùng ngày càng chặt chẽ; gắn kết hài hòa giữa phát triển đô thị với nông thôn. Diện mạo, cảnh quan của các vùng, miền trong tỉnh thay đổi từng ngày. Chín tháng đầu năm 2023, trong điều kiện khó khăn, thử thách chưa từng có, với sự nỗ lực vượt bậc của hệ thống chính trị toàn tỉnh, nhất là hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, tăng trưởng kinh tế GRDP của Quảng Ninh đạt 9,94%, là mức tăng trưởng rất cao so với mặt bằng chung cả nước; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 41.178 tỷ đồng, cao hơn so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đề ra...

Dựa vào kinh tế phát triển toàn diện, Quảng Ninh vươn lên, đã và đang trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc. Để giữ vững kinh tế phát triển, giữ vững vị trí, vai trò đầu tàu kinh tế trong khu vực và cả nước, thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kết hợp chặt chẽ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, giải phóng mọi nguồn lực phát triển, phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng giữ vai

trò chủ đạo, lấy du lịch làm ngành kinh tế mũi nhọn gắn với đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; giữ vững sự ổn định và phát triển bền vững ngành than, điện theo quy hoạch gắn với bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và quá trình chuyển đổi năng lượng; tạo đột phá trong thu hút có chọn lọc nguồn vốn FDI thế hệ mới vào khu công nghiệp, khu kinh tế, tăng nhanh quy mô và tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế đêm, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp văn hóa; đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, chú trọng nghề nuôi biển bền vững, xây dựng Quảng Ninh thành trung tâm thủy sản miền Bắc... Kiên trì phát triển chuyển từ “nâu” sang “xanh”, ngày càng coi trọng chất lượng tăng trưởng và phát triển theo chiều sâu; không ngừng kiến tạo không gian phát triển mới, nguồn lực, động lực mới cho sự phát triển bền vững.

“Kinh tế phát triển” là một giá trị đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh, là yếu tố quan trọng hàng đầu và phải tập trung mọi nguồn lực để thực hiện, bởi chỉ có phát triển lâu dài mới giúp tích lũy và chuẩn bị kịp những tiền đề, điều kiện, nền tảng để đạt được mục tiêu xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, mới có điều kiện chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân và cũng là thước đo uy tín, năng lực, trình độ lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh.

**(6) Nhân dân hạnh phúc:** Quảng Ninh lấy con người là trung tâm của phát triển bền vững và mọi sự phát triển đều vì hạnh phúc của nhân dân; phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững. Mọi người dân đều được hưởng những thành quả của đổi mới, không chỉ ngày càng no ấm về vật chất, mà còn có đời sống tinh thần phong phú, môi trường sống và sinh thái lành mạnh, an toàn, mỗi cá nhân đều được tôn trọng, tự do và bình đẳng phát triển toàn diện, công bằng trong tiếp cận nguồn lực và tiếp cận các dịch vụ công cộng, được tham gia, đóng góp và thụ hưởng, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho xã hội. Không để ai bị bỏ lại phía sau, tiếp cận và hỗ trợ những đối tượng khó tiếp cận nhất trước, bao gồm trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, đồng bào vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng biên giới, hải đảo và những đối tượng dễ bị tổn thương khác. Điều này đã được đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”<sup>(1)</sup>. Mục tiêu hạnh phúc mang những giá trị chung của nhân

(1) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Sđd, tr. 38

loại, đồng thời mang những tiêu chí, giá trị riêng của nước ta, phù hợp với đặc điểm về chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế, bản sắc văn hóa, các vấn đề xã hội đặt ra..., đặc biệt là phải mang những giá trị, bản chất tốt đẹp, tính ưu việt của xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời phù hợp với điều kiện, trình độ ở từng giai đoạn, chặng đường phát triển.

Tiến bộ về vật chất là rất quan trọng, yếu tố tiền đề, nhưng không phải ở đâu và lúc nào cũng đem lại hạnh phúc cho con người, nếu không có những hệ giá trị định chuẩn để nuôi dưỡng tâm hồn con người và đời sống tinh thần của xã hội theo hướng chân - thiện - mỹ. Vì vậy, vun trồng, nuôi dưỡng các giá trị văn hóa chính là chăm sóc cho nền tảng tinh thần của xã hội.

Từ việc xác định con người là trung tâm của phát triển bền vững; tỉnh đã “chú trọng an ninh, an toàn là một trong những yếu tố hàng đầu trong cuộc sống của người dân”; đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người tập trung vào 7 khía cạnh, bao gồm an ninh kinh tế, an ninh lương thực, an ninh sức khỏe, an ninh môi trường, an ninh cá nhân, an ninh cộng đồng và an ninh chính trị.

Đặt trong quan niệm chung đó, Quảng Ninh định hình “nhân dân hạnh phúc” là một giá trị của tỉnh, mọi sự phấn đấu của tỉnh đều hướng tới hạnh phúc của nhân dân, với mục tiêu phấn đấu nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày càng ấm no, tự do và hạnh phúc, có thu nhập bình quân đầu người ở mức cao hơn hẳn so với mức trung bình của cả nước (GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 8.291 USD, gấp đôi bình quân chung của cả nước, cao nhất ở khu vực phía Bắc; ước năm 2023 đạt 9.469 USD, gấp 3,9 lần so với năm 2010). Hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới ở cả 3 cấp và về đích trước 3 năm chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến tích cực trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Quảng Ninh, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo. Mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, thông tin - truyền thông chất lượng cao và bảo đảm chất lượng chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Huy động mọi nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa đầu tư, phát triển giáo dục - đào tạo, đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nhanh đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ; xây dựng hệ sinh thái dân sinh hấp dẫn với những chính sách khuyến khích và hỗ trợ vượt trội, môi trường sống tốt, các dịch vụ công có chất lượng cao, nhất là phải chăm lo vấn đề nhà ở công nhân, lao động ngành than, các khu công nghiệp, người lao động có thu nhập thấp... để thu hút và giữ chân nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Quảng Ninh phấn đấu là một “vùng đất lành” và hạnh phúc để con người sống, làm việc, nghỉ ngơi, thụ hưởng và phát triển.



Như vậy, bước đầu có thể nhìn nhận, các giá trị đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh (Thiên nhiên tươi đẹp - văn hóa đặc sắc - xã hội văn minh - hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - nhân dân hạnh phúc) được định hình dựa trên cơ sở địa phương hóa các giá trị tốt đẹp của quốc gia - dân tộc và nhân loại làm thành bản sắc, cốt cách riêng có hệ giá trị Quảng Ninh, trở thành tầm nhìn phát triển địa phương. Đồng thời, giữa các thành tố của hệ giá trị Quảng Ninh có quan hệ khăng khít, chặt chẽ, tương hỗ, bao quát khá toàn diện trên các lĩnh vực: điều kiện tự nhiên - văn hóa - xã hội - chính trị - kinh tế - con người, trong đó “thiên nhiên tươi đẹp” là điều kiện; “văn hóa đặc sắc” là nền tảng; “xã hội văn minh” là chuẩn mực; “hành chính minh bạch” là môi trường; “kinh tế phát triển” là phương tiện và “nhân dân hạnh phúc” là mục tiêu cuối cùng hướng đến. Đây cũng là nội hàm cốt lõi trong mục tiêu quản trị phát triển bền vững địa phương với mô hình phát triển bền vững dựa trên việc tìm kiếm sự cân bằng giữa ba yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường, gắn với nâng cao năng lực chống chịu, sẵn sàng ứng phó trước các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng cực đoan hơn.

Hệ giá trị của tỉnh, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và hệ giá trị con người Quảng Ninh có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, tương hỗ, thúc đẩy nhau, thậm chí nhiều giá trị giao thoa, chuyển hóa lẫn nhau, hòa quyện trong nhau. Hệ giá trị của tỉnh có sự tích hợp các giá trị văn hóa, gia đình, con người, bao gồm những giá trị phổ quát và đặc thù, truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, gắn với điều kiện thực tiễn của Quảng Ninh. Quan trọng hơn cả là cần chuyển hóa hiệu quả các giá trị trên thành nguồn sức mạnh nội sinh, nguồn lực vô hạn để Quảng Ninh “vươn lên, đã và đang trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc” như căn dặn của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng<sup>(1)</sup>; xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh là tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt, ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nhân dân ngày càng hạnh phúc. ❖

(1) Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong chuyến thăm và làm việc tại tỉnh Quảng Ninh, ngày 6-4-2022

# LỊCH SỬ MỞ ĐẤT, DỰNG NGHIỆP, CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM, GIỮ YÊN BỜ CÕI BIÊN CƯƠNG VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG - ĐẶC TRƯNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH VĂN HÓA VÀ PHẨM CHẤT CON NGƯỜI QUẢNG NINH

NGUYỄN NGỌC HÀ

PGS, TS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

LÊ HẢI

TS, Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mỗi cộng đồng dân cư, mỗi dân tộc đều luôn mang trong mình bản sắc văn hóa đặc trưng, gắn liền với vùng đất, điều kiện phát triển trong tiến trình khẳng định bản sắc văn hóa của mình. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Kim, *các xã hội thông thái đều biết lắng nghe tiếng nói của tự nhiên, ứng xử hài hòa với hệ sinh thái*<sup>(1)</sup>. Hành trình văn hóa của các dân tộc, của mỗi cộng đồng dân cư, tổng hòa của các tương tác xã hội, văn hóa, lịch sử, năng lực sáng tạo,... luôn có ảnh hưởng lớn đến sự định hình bản sắc văn hóa.

Là một tỉnh địa đầu biên giới Đông Bắc của Tổ quốc, trong quá trình lao động, gìn giữ quê hương, Quảng Ninh đã tạo *dấu ấn riêng* của mình, hình thành *một bản sắc văn hóa*, vừa chứa đựng bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam, lại khó lẫn với các địa phương khác. Trong bài viết này, chúng tôi muốn góp phần làm rõ *những nhân tố* đã, đang góp phần định hình bản sắc văn hóa của con người Quảng Ninh trong quá khứ đến hiện tại.

## 2. NỘI DUNG

2.1. Trong thời đại toàn cầu hóa, toàn cầu hóa về văn hóa trở thành một xu thế không thể đảo ngược, nhất là khi nó được xúc tác bởi sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng

(1) Xem: Nguyễn Văn Kim: *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021, tr. 18.

công nghiệp lần thứ tư, với những thành tựu kỳ diệu, như internet, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây... Việc nhận diện chính xác, toàn diện bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung, bản sắc của con người Quảng Ninh nói riêng, ngày càng có ý nghĩa và tầm quan trọng trong tiến trình phát triển và hội nhập thế giới, chỉ có như thế, người dân Quảng Ninh mới có thể nhận biết mình là ai, từ đâu đến, mới không bị nhạt nhòa bản sắc khi tiếp xúc và giao lưu văn hóa với cộng đồng thế giới. Nhà chính trị nổi tiếng của La Mã cổ đại Xi-xe-rông đã cho rằng “Lịch sử là người thầy của cuộc sống”. Có thể hiểu là, lịch sử cho chúng ta biết về quá khứ, về cội nguồn và truyền thống văn hóa của mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia/dân tộc trong tiến trình phát triển, định hình bản sắc. Từ đó, hình thành và nuôi dưỡng các thế hệ ngày nay lòng biết ơn tổ tiên, để rồi, mỗi cá nhân, biết trân trọng những gì mình đang có, nhận thức được trách nhiệm của mình trong gìn giữ, phát huy những giá trị tốt đẹp mà các thế hệ trước để lại. Đồng thời, lịch sử cũng giúp cho các thế hệ sau có thể đúc kết những bài học kinh nghiệm (cả thành công và thất bại) để kiến tạo cuộc sống hiện tại và tương lai.

Vì lẽ đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về quá trình mở đất, lập nghiệp, tạo dựng cơ đồ của người dân Quảng Ninh - với tư cách là một vùng đất địa đầu, biên cương của Tổ quốc - có một vai trò quan trọng. Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận theo góc độ lịch sử và văn hóa để nghiên cứu về sự tác động và vai trò của các nhân tố địa - chính trị, địa - chiến lược đến sự định hình bản sắc văn hóa Quảng Ninh. Bởi lẽ, chỉ có hiểu sâu sắc về quá khứ, mới rõ được hiện tại, từ đó xác định cần phải làm gì trong tương lai để Quảng Ninh thành công hơn nữa, khai thác được tối đa mọi tiềm năng và thế mạnh của con người Quảng Ninh nói chung, văn hóa con người Quảng Ninh nói riêng trong phát triển, hội nhập quốc tế.

2.2. Khi nghiên cứu về tỉnh Quảng Ninh, về vùng đất, con người ở một địa phương được ví như một Việt Nam thu nhỏ (có biên giới; có nhiều mỏ khoáng sản quý, nhất là than; có biển, đảo, có đồng bằng, có đồi núi; sự đa dạng về các dân tộc sinh sống, lập nghiệp nơi đây trong suốt chiều dài lịch sử), chúng tôi cho rằng, những *nguồn tài nguyên đặc biệt quan trọng* mà Quảng Ninh cần khai thác và phát huy, đó là: *tài nguyên vị thế, tài nguyên tự nhiên, tài nguyên văn hóa - con người*. Sự vận động, tương tác của những loại tài nguyên này có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành *bản sắc văn hóa* của con người Quảng Ninh xưa và nay.

Quảng Ninh ngày nay có trên 6.000 km<sup>2</sup> diện tích mặt nước biển. Vùng biển và hải đảo của Quảng Ninh là một vùng địa hình độc đáo, có trên 2.700 hòn đảo lớn, nhỏ, chiếm hơn 2/3 số đảo của cả nước (2.077/2.779), hơn 40.000ha bãi triều và 20.000ha eo vịnh, trải dài

theo đường biển hơn 250km. Đặc biệt, Quảng Ninh có vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới; có nhiều bãi biển đẹp như Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng (Vân Đồn), Trà Cổ (Móng Cái) và các vườn quốc gia, khu bảo tồn như Ba Mùn, Bái Tử Long và Cô Tô<sup>(1)</sup>. Xét về vị trí, địa hình, có thể thấy một thế đứng cao, có chiều sâu, điểm tựa vững cho tầm nhìn hướng ra biển của Quảng Ninh, Quảng Ninh có 132,8km đường biên giới giáp với Trung Quốc ở phía Bắc. Phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ; phía Tây giáp các tỉnh: Lạng Sơn, Bắc Giang và Hải Dương; phía Nam giáp thành phố Hải Phòng<sup>(2)</sup>. Vị trí địa lý đặc thù đó có ảnh hưởng rất lớn không chỉ đến tiến trình phát triển của Quảng Ninh mà còn tác động đến sự định hình bản sắc con người Quảng Ninh, văn hóa Quảng Ninh trong suốt chiều dài lịch sử. Ngay từ thế kỉ XV, trong tác phẩm *Dư địa chí*, Nguyễn Trãi - Nhà chiến lược quân sự - ngoại giao lớn của đất nước, đã khẳng định về tầm quan trọng của Quảng Ninh đối với Đại Việt, khi ông cho rằng Hải Đông là “vùng phen dậu trọng yếu thứ hai của đất nước ở phương Đông”<sup>(3)</sup>. Có thể thấy, vùng đất, biển đảo Đông Bắc đã che chở, bảo vệ cho kinh thành Thăng Long nói riêng và Việt Nam nói chung trong suốt chiều dài lịch sử. Các sử gia của vương triều Nguyễn cũng đánh giá rất cao tầm quan trọng của tỉnh Quảng Yên - khi khẳng định “Đất nhân thế núi làm thành, chỗ dựa cao mà giữ hiểm, có núi để tựa, có biển vòng quanh, địa thế xa lánh mà xung yếu, trong thì giữ vững cương vực, ngoài thì không chế đất Thanh. Núi cao có Lôì Âm, sông lớn có Bạch Đằng, 22 cửa biển, hơn 10 đồn ải, hải đảo quanh co, sông bến khuất khúc, cũng là nơi then chốt ở ven biển”<sup>(4)</sup>. Theo quan điểm của GS, TS Nguyễn Văn Kim thì “sau khi giành được quyền lực chính trị trung tâm, phục hưng quốc thống, các triều đại từ Ngô (939 - 967), Đinh (968 - 980), Tiền Lê (980 - 1009), Lý (1009 - 1225), Trần (1226 - 1400), Hồ (1400 - 1407), Lê sơ (1428 - 1527), đến Mạc (1527 - 1593), Lê Trung Hưng (1583 - 1788) và vương triều Nguyễn (1802 - 1945),... đều coi trọng và thực thi nhiều chủ trương, chính sách để kiến lập ở miền Đông Bắc một vùng biên cương về chính trị song song với dải biên cương về văn hóa. Các đường biên chính trị, văn hóa đó không chỉ khẳng định cương vực đất nước mà còn tạo dựng cơ sở pháp lý, xây dựng ý thức về sự toàn vẹn, thiêng liêng của chủ quyền Tổ quốc Việt Nam”<sup>(5)</sup>.

Có thể thấy tài nguyên vị thế có tác động rất lớn đến bản sắc văn hóa và tính cách của con người Quảng Ninh. Khác với các tỉnh biên giới phía Bắc khác như Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Lai Châu,... Quảng Ninh có chung biên giới cả trên đất liền và trên biển

(1) Xem: *Phát triển kinh tế biển đảo - bước tiến đột phá của Quảng Ninh*, Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh, truy cập ngày 20-3-2023, <https://www.quangninh.gov.vn/pinchitiet.aspx?nid=44705>

(2) Xem: “Vị trí địa lý tỉnh Quảng Ninh”, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh, <https://www.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietBVGioiThieu.aspx?bvid=457>

(3) Nguyễn Trãi, *Dư địa chí* (trong *Nguyễn Trãi toàn tập tập tậ biên*), Nxb. Văn học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 2001, tr. 465

(4) Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, 1997, t. 4, tr. 13

(5) Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, *Sđd*, tr. 64

với các tỉnh vùng Đông Nam Trung Quốc. Vị trí địa - chính trị, địa - chiến lược này vừa là thế mạnh, song cũng là thách thức đối với Quảng Ninh trong lịch sử, là nhân tố mà Quảng Ninh cần phải tính đến, khi xây dựng và triển khai các chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển của tỉnh, sao cho hạn chế được tối đa sự bất lợi, phát huy cao nhất những thế mạnh và lợi thế của địa phương, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Trong suốt chiều dài lịch sử, cư dân nơi đây luôn phải đối phó với những biến đổi khó lường của môi trường chính trị khu vực nói riêng, quốc tế nói chung. Các đế chế phương Bắc nhiều lần sử dụng đường thủy thực hiện mưu đồ bành trướng xuống phương Nam, vì thế, các đạo quân xâm lược thường đi qua vùng biên giới, biển đảo Đông Bắc (Quảng Ninh - Hải Phòng). Dựa vào địa hình hiểm yếu tự nhiên, các lực lượng trung ương và địa phương, bộ binh và thủy binh đã “xây dựng thế trận nhiều tầng, nhiều lớp để chặn đánh, tiêu hao sinh lực địch, tạo đà cho các trận phản công, quyết chiến chiến lược. Điều kiện, cảnh quan tự nhiên, đời sống xã hội, môi trường chính trị khu vực đó vun bồi nên các đặc trưng văn hóa và thực tế đã góp phần tôi rèn cho cư dân vùng Đông Bắc - Quảng Ninh những phẩm cách, bản sắc văn hóa đặc thù. Người Đông Bắc - Quảng Ninh kiên cường, bộc trực nhưng cũng giàu bản lĩnh, năng động và tư duy thực tế”<sup>(1)</sup>. Đến những năm đầu thế kỉ XXI, Quảng Ninh là tỉnh có vị trí địa - chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự, an ninh trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt - Trung; hợp tác liên vùng vịnh Bắc Bộ mở rộng, cầu nối ASEAN với Trung Quốc; Hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore. Quảng Ninh còn là tỉnh duy nhất của cả nước có 4 thành phố trực thuộc Trung ương. Nhờ có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, có nhiều loại hình đặc thù, trữ lượng lớn, chất lượng cao mà nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước không có được (than đá, cao lanh, đất sét, cát thủy tinh, đá vôi...).

Một lợi thế lớn của Quảng Ninh đó là tỉnh có nguồn tài nguyên tự nhiên đặc sắc vào bậc nhất Việt Nam, đó là vịnh Hạ Long (hai lần được Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa (UNESCO) công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, là kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới); quần thể Vịnh Bái Tử Long bao gồm khoảng 600 hòn đảo đất và đảo đá. Có thể khẳng định “những tiềm năng khác biệt này tạo cho Quảng Ninh có điều kiện để phát triển du lịch, hướng đến phát triển dịch vụ văn hóa - giải trí”<sup>(2)</sup>. Con người và xã hội Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, sự thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng (22 dân

(1) Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 64

(2) PGS, TS Đào Tuấn Thành (Chủ biên), *Khánh Hòa hội nhập quốc tế*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2022, tr. 66

tộc anh em cùng chung sống), có truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân vùng mỏ với “di sản” tinh thần vô giá “kỷ luật và đồng tâm”. Đây chính là “*một điều kiện thuận lợi để Quảng Ninh xây dựng khối đoàn kết, tạo nên sức mạnh tổng hợp để phát triển bền vững và hội nhập quốc tế*”<sup>(1)</sup>. Khảo cứu lịch sử vùng đất Đông Bắc của Tổ quốc, có thể thấy, yếu tố “*biển*” có ảnh hưởng rất lớn đến bản sắc văn hóa, tính cách của con người Quảng Ninh. Vai trò và vị thế của Vân Đồn thời hưng thịnh là minh chứng tiêu biểu cho điều đó. Trong công trình nghiên cứu chuyên sâu của mình về thương cảng quốc tế Vân Đồn, GS, TS Nguyễn Văn Kim cho rằng, cư dân Quảng Ninh là những người am hiểu sâu về môi trường sống, không gian sinh tồn của mình, là những người có vốn tri thức sâu, phong phú về đặc tính tự nhiên của từng miền đất, ngọn núi, con sông, luồng lạch trên biển. Họ cũng là những người thành thạo các nghề khai thác rừng, làm nông, phát triển thủ công, làm muối và tham gia tích cực vào các hoạt động kinh tế biển<sup>(2)</sup>. Do đất canh tác hạn hẹp và cũng để phát huy nguồn tài nguyên về vị thế “*người Đông Bắc - Quảng Ninh sớm giỏi việc kinh doanh, buôn bán trên đất liền và cả trên các tuyến giao thương biển*”<sup>(3)</sup>.

Vị trí *hiểm yếu* của Quảng Ninh trong lịch sử đã được khẳng định. Để giành chiến thắng trước quân xâm lược Nam Hán năm 938, Ngô Quyền đã đánh giá chính xác vị trí chiến lược của vùng đất biên cương này. Theo quan điểm của GS Phan Huy Lê, “*Trên cơ sở phân tích và đánh giá đúng chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và của địch, Ngô Quyền bày một thế trận hết sức kiên quyết, chủ động và lợi hại để nhanh chóng phá tan quân giặc*”<sup>(4)</sup>. Cũng theo GS Phan Huy Lê thì: “*Thủy quân Nam Hán theo đường biển vào nước ta, tiến lên thành Đại La, tất phải qua cửa sông Bạch Đằng. Đây là cửa biển nối liền với con đường biển từ Trung Quốc vào nước ta. Con đường này đi theo ven biển, phía trong là đất liền, phía ngoài là một loạt đảo lớn nhỏ của Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long ngăn cách với biển cả, tạo thành như một dải nước rất thuận lợi và an toàn cho tàu thuyền đi lại. Vì vậy trong thư tịch cổ Trung Quốc, nhiều tác giả coi con đường biển này như một con sông và gọi là Đông Khê. Vào đầu Công nguyên, Mã Viện đã mở thông con đường này, đem 2 vạn quân cùng 2.000 thuyền, xe theo đường ven biển và đường ven bộ đường biển, tiến vào đàn áp cuộc khởi nghĩa hai Bà Trưng. Nhiều tác giả Trung Quốc đời Tống, Minh, Thanh miêu tả khá cụ thể thủy trình từ Quảng Đông qua cửa biển Bạch Đằng vào kinh thành Thăng Long. Theo họ, con đường ven biển này vừa nhanh, an toàn, có thể đi lại trong mọi thời tiết, vừa có thể*

(1) PGS, TS Đào Tuấn Thành (Chủ biên), *Khánh Hòa hội nhập quốc tế*, Sđd, tr. 66

(2) Xem: Nguyễn Văn Kim, *Vân Đồn - Thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016

(3) Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 65

(4) Phan Huy Lê, *Lịch sử và văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr. 213

kết hợp quân thủy với quân bộ trên bờ”<sup>(1)</sup>. Từ nhận xét của GS Phan Huy Lê, có thể thấy, *tâm quan trọng đặc biệt* của Quảng Ninh trong lĩnh vực *quân sự*. Quảng Ninh chính là “lá chắn thép” để bảo vệ kinh thành Thăng Long xưa, Thủ đô Hà Nội ngày nay trước những kẻ xâm lược. Tâm thế của người dân nơi đây đã được tôi luyện theo thời gian.

Kể từ khi Việt Nam giành lại được độc lập sau chiến thắng năm 938 của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng trước quân Nam Hán, chấm dứt nghìn năm Bắc thuộc, Quảng Ninh - một tỉnh biên giới của một nhà nước độc lập, có chủ quyền - có điều kiện thuận lợi hơn để phát triển kinh tế, đưa đến sự hưng thịnh của thương cảng Vân Đồn trong những năm sau đó. Theo dòng lịch sử, đến thời Lê Trung Hưng, rồi vương triều Nguyễn, Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì quan hệ kinh tế với Trung Quốc, đặc biệt là với các tỉnh giáp biên giới phía Bắc Việt Nam như Vân Nam (Điền), Quảng Tây (Quế) và Quảng Đông (Việt). Cùng với quan hệ buôn bán trên biển, các mối giao lưu kinh tế, văn hóa trên đất liền vẫn tiếp tục được duy trì và có những bước phát triển mới<sup>(2)</sup>. Không chỉ có tầm quan trọng về quân sự, mà nhờ vị thế là vùng đất biên cương, vừa có đường biên giới đất liền và biển, lại giàu tài nguyên, nên vùng đất Đông Bắc - Quảng Ninh có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại. Điều này đã được Phan Huy Chú khẳng định khi ông viết về phủ Hải Đông vào thế kỉ XIX, theo tác giả của *Lịch triều hiến chương loại chí* thì vùng đất này phong thổ và nhân vật đông đúc, giàu thịnh, việc buôn bán lưu thông tấp nập, cũng là chỗ phồn hoa ở trấn ngoài, mà cũng là nơi hình thắng của nước Nam<sup>(3)</sup>. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, vùng Đông Bắc nói chung, Quảng Ninh nói riêng luôn thu hút được sự quan tâm rất lớn của chính quyền trung ương. Đặc biệt, dưới thời vương triều Trần, từ các vùng núi cao đến miền duyên hải, từ miền quê Đông Triều đến những nơi diễn ra các trận quyết chiến với quân thù, ở đâu cũng có thể tìm thấy hay được nghe người dân nhắc đến những di tích lịch sử và văn hóa, thể hiện tài năng của vua tôi nhà Trần, những chiến công hiển hách của các võ tướng tài ba.

Khi khảo cứu về bản sắc văn hóa của Quảng Ninh, phẩm chất và nhân cách của con người Quảng Ninh, một số nhà nghiên cứu đánh giá cao sự tác động của vị trí địa - chính trị, địa - chiến lược của vùng đất biên cương trọng yếu này<sup>(4)</sup>. Theo quan điểm của GS, TS Nguyễn Văn Kim, kết quả nghiên cứu Khảo cổ học, Sử học và Nhân học,... nhiều thập niên qua đã cho thấy mối quan hệ rộng lớn, tính chất chuyên nghiệp, truyền thống văn

(1) Xem: Phan Huy Lê, *Lịch sử và văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Sđd, tr. 214

(2) Xem: Phạm Đức Dương, Châu Thị Hải (Chủ biên), *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt - Hoa trong lịch sử*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998, tr. 11 - 49

(3) Xem: Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, t. 1, tr. 161

(4) Xem: Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, 2021; Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970.

hóa kinh doanh, tư duy năng động có phần nổi trội của các thể hệ cư dân vùng Đông Bắc - Quảng Ninh<sup>(1)</sup>. Nhờ thường xuyên tiếp xúc hay phải đối phó với các mưu đồ bành trướng của quốc gia láng giềng khổng lồ phương Bắc (thông qua các hoạt động kinh tế, giao lưu văn hóa, kháng chiến, nên người Quảng Ninh nói riêng, vùng Đông Bắc nói chung khá thấu hiểu về tâm tính, đặc trưng văn hóa của cư dân bên kia đường biên giới của Tổ quốc, để từ đó có cách ứng xử phù hợp, có lợi nhất cho cộng đồng và cho quê hương. Một nhà nghiên cứu cho rằng, do đặc thù của một không gian chính trị - văn hóa vùng biên, vùng Đông Bắc - Quảng Ninh luôn là nơi rèn chí khí, bản lĩnh, tài năng, nhân cách của các bậc anh kiệt<sup>(2)</sup>. Sự hiện diện của đền thờ Trần Quốc Nghiễn ở Cửa Lục, đền thờ Trần Quốc Tảng ở Cửa Ông (Cửa Suốt) và những chiến công của Phó tướng Trần Khánh Dư (với sự tham gia, phối hợp của các lực lượng trên bộ, trên biển) trong việc diệt trừ đoàn quân lương của Trương Văn Hổ năm 1288,... là những minh chứng tiêu biểu về điều đó.

Quảng Ninh cũng là một địa phương giàu có về *tài nguyên văn hóa*. Đây vừa là vốn quý để Quảng Ninh phát triển xanh và bền vững, song nó cũng phản ánh những đặc sắc của văn hóa Quảng Ninh, tiêu biểu là 6 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã được xếp hạng, đó là Lễ hội truyền thống đình Trà Cổ (thành phố Móng Cái); Lễ hội truyền thống Đình Quan Lạn (huyện Vân Đồn); Hát nhà tơ (thành phố Móng Cái); Hát Then (huyện Bình Liêu); Lễ hội Tiên Công (thị xã Quảng Yên) và Lễ hội đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả).

Khi đề cập đến quá trình hình thành, định diện bản sắc văn hóa Quảng Ninh, chúng tôi đồng ý với quan điểm của GS, TS Nguyễn Văn Kim ở nhận định: Vương triều Lý có vai trò nổi bật, tiêu biểu là vua Lý Anh Tông (cầm quyền: 1138 - 1175). Tầm nhìn của vua Lý Anh Tông thể hiện ở chỗ đã khai mở thương cảng quốc tế Vân Đồn năm 1149. Theo GS, TS Nguyễn Văn Kim, đây chính là quyết định lịch sử, thể hiện bản lĩnh văn hóa, chính trị của một triều đại<sup>(3)</sup>. Việc nhà Lý mở trang Vân Đồn, thành lập một thương cảng quốc tế, biến nơi đây thành một đầu mối, trung tâm kinh tế đối ngoại của quốc gia Đại Việt trước một đế chế Tống hùng mạnh. Vua Lý Anh Tông đã hai lần đi tuần du vùng biển đảo Đông Bắc (điều tra, khảo sát vào năm 1171 và 1172). Nhà vua đã cho vẽ bản đồ vùng biển đảo, xem xét hình thể núi sông, tình hình đường sá vùng đất trọng yếu này. Chính nhờ tầm nhìn xa, trông rộng, quyết sách này, mà Quảng Ninh có điều kiện để *phát triển thương mại biển từ rất sớm, tạo nên bản sắc văn hóa biển rất riêng của cư dân nơi đây*. Bản sắc văn hóa này được *dàn định hình cùng sự phát triển của thương cảng quốc tế Vân Đồn*, nhất là khi

(1) Xem: Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 66

(2) Xem: Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 66

(3) Xem: Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 75



Vân Đồn trở thành một mắt xích của mạng lưới thương mại của khu vực Đông Nam Á nói riêng, châu Á nói chung. Vì vậy, “có thể khẳng định, trong lịch sử Việt Nam, Lý Anh Tông là người có ý thức sớm và rất mạnh mẽ, sâu sắc về chủ quyền biển đảo. Đức vua là người đầu tiên đề ra các quyết sách, chủ trương quan trọng về phát triển kinh tế biển, đồng thời là người triển khai trên thực tế công cuộc khai thác, xác lập không gian sinh tồn, khẳng định chủ quyền và bảo vệ chủ quyền trên biển của đất nước ta”<sup>(1)</sup>.

Khi đề cập đến “đặc tính phát triển văn hóa” của vùng Đông Bắc - Quảng Ninh, GS, TS Nguyễn Văn Kim có nhận xét rằng, vùng đất này “sớm thể hiện rõ *tư duy hướng biển, tính chất biển, tầm nhìn khu vực và quốc tế* của các triều đại quân chủ và cư dân”<sup>(2)</sup>. Nhờ vậy, thương cảng quốc tế Vân Đồn là điểm đến, trung tâm chuyển giao kinh tế của các thương nhân Đông Bắc Á, Đông Nam Á và Tây Nam Á và đến các thế kỷ XVII - XVIII, có thêm sự hiện diện của Công ty Đông Ấn Anh, Công ty Đông Ấn Hà Lan, Công ty Đông Ấn Pháp... Chúng tôi đồng ý với nhận định cho rằng: “Trong lịch sử, vùng Đông Bắc - Quảng Ninh luôn là một trong những địa bàn tiếp giao và hơn thế là không gian đối thoại, đối diện đồng thời cũng là nơi diễn ra những chà sạt văn hóa lớn với các thế lực chính trị, để chế khu vực”<sup>(3)</sup>. Sau ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thắng lợi, vua Trần Dụ Tông (cầm quyền 1341 - 1369) đã cho nâng tầm hành chính của Vân Đồn, từ trang thành trấn (1349), đồng thời cho đặt Quan trấn, Quan lộ, Sát hải sứ và Bình hải quân để trông coi, trấn giữ vùng biên giới, hải đảo<sup>(4)</sup>.

Một trong những *tài nguyên văn hóa* độc đáo của Quảng Ninh chính là khu di tích Phật giáo đậm bản sắc Việt Nam. Nhà Trần sau khi dựa vào Phật giáo để kháng chiến, với tầm nhìn xa, trông rộng đã tiếp tục mở rộng, lan tỏa và củng cố Phật giáo trong đời sống tâm linh của cư dân Đại Việt. Những người anh hùng của ba cuộc kháng chiến đã cho lập một trung tâm Phật giáo lớn ở vùng núi cao Yên Tử để thể hiện hào khí của dân tộc, kết tụ xã hội và xoa dịu nỗi đau chiến tranh của người dân, đồng thời mở ra một kênh đối thoại và giao lưu văn hóa với các quốc gia trong khu vực<sup>(5)</sup>.

Con người, nguồn lực quý báu nhất, có vai trò quyết định là nguồn lực và động lực cho sự phát triển của Quảng Ninh, cũng có nhiều tố chất, phẩm chất nổi bật. Quảng Ninh là nơi hội tụ (về) của cả giới tinh hoa và cả những người quả cảm đến đây xông pha mở cõi; cả

(1) Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 75 - 76.

(2) Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 75.

(3) Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, 2021, tr. 75.

(4) Xem: Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 76.

(5) Xem: Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam trong các mối quan hệ khu vực và quốc tế*, Sđd, tr. 82 - 83.

những anh hùng trận mạc rời chiến bào lại tìm về một cõi tâm linh; đồng bào các dân tộc bám trụ nơi rừng núi, hải đảo hàng ngàn năm và cả những lớp người đến theo luồng thương mại, mà Quảng Ninh là vùng đất đi đầu; những cộng đồng dân tộc giàu bản sắc truyền thống, là chủ nhân của nhiều sản vật và những thể hệ công nhân, nhất là công nhân mỏ với tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”. Hào sảng và trầm tĩnh, cởi mở và sâu sắc, thẳng thắn và tinh tế, quyết đoán và cẩn trọng,... năng động và văn hóa,... dường như đều là những phẩm chất rõ nhận biết về con người Quảng Ninh.

### 3. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Vị trí địa - chính trị, địa - chiến lược có ảnh hưởng rất lớn đến sự định hình của bản sắc văn hóa con người Quảng Ninh xưa và nay. Có thể nhận thấy, đặc trưng *văn hóa biển*, tính chất đại dương hiện hữu rất sâu đậm trong truyền thống văn hóa của con người Quảng Ninh, cả trong đời sống vật chất lẫn tinh thần. Nhờ vai trò của thương cảng quốc tế Vân Đồn xưa và các cảng biển hiện nay, Quảng Ninh trở thành nơi giao tiếp, sinh sống của nhiều tộc người, nhiều dòng văn hóa. Sự giao thoa và tiếp biến văn hóa tạo nên sự đặc sắc, khác biệt của con người và truyền thống văn hóa Quảng Ninh. Chúng tôi đồng tình với nhận định sau của một chuyên gia có nhiều năm nghiên cứu về Quảng Ninh, nhất là về thương cảng quốc tế Vân Đồn, theo ông, có bốn đặc trưng tiêu biểu của con người, truyền thống văn hóa rất riêng của Quảng Ninh. Đó là: (i) *Chất hào hiệp, hào sảng, chất biển* sâu đậm trong máu thịt, tính cách người Quảng Ninh; (ii) *Chất khoan dung, năng động và sáng tạo* trong văn hóa Quảng Ninh; (iii) *Chất kiên cường, bản lĩnh, cách mạng* trong lối sống phẩm chất của các thế hệ công nhân vùng mỏ (iv) *Chất trí tuệ, giàu năng lực, phân tích và tư duy thực tiễn, giàu khát vọng vươn lên* trong văn hóa chính trị Quảng Ninh hiện đại<sup>(1)</sup>.

Trong một thế giới mà ranh giới “mềm” giữa các quốc gia ngày càng mờ, lại đặt trong bối cảnh tác động đa chiều, phức tạp của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, sự thiết lập một trật tự thế giới mới hậu Chiến tranh lạnh,... văn hóa lại càng cần được coi trọng, bởi lẽ “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, văn hóa là cái phân biệt mình với người khác, dân tộc mình với dân tộc khác. Tinh thần của bản Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 “*Dân tộc, Đại chúng, Khoa học*” vẫn còn nguyên giá trị. Bởi lẽ, văn hóa không thể chỉ vị nghệ thuật mà còn phải vị nhân sinh, hòa cùng vào hơi thở, nhịp sống của mỗi người dân Quảng Ninh, góp phần xứng đáng vào khẳng định vị thế của Quảng Ninh, phải làm Quảng

(1) Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam tiềm năng và vị thế*, Sđd, tr. 79.

Ninh thịnh vượng hơn, người dân nơi đây được hạnh phúc hơn, tự hào về nơi mình gắn bó và hăng say lao động, sẵn sàng hiến dâng máu xương, nếu cần, để bảo vệ. Kể từ năm 1986 đến nay, cùng với đất nước, Quảng Ninh “ngày càng thay da, đổi thịt”, song càng phát triển về kinh tế, ngày thêm thịnh vượng thì người dân Quảng Ninh lại *cần nhận thức chính xác và đầy đủ, toàn diện về vai trò của văn hóa, mối quan hệ giữa kinh tế với văn hóa, chính trị và xã hội, cần gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường sinh thái* (nhất là sinh thái biển - gắn với du lịch biển nói riêng, kinh tế biển nói chung - một thế mạnh của Quảng Ninh so với các tỉnh thành khác). Trong thời đại ngày nay, văn hóa không chỉ có *vai trò định hướng* cho sự phát triển của Quảng Ninh nói riêng, Việt Nam nói chung mà nó còn là *nguồn lực* để kiến tạo nền kinh tế tri thức, là điểm tựa vững chắc để bảo vệ bản sắc con người Việt Nam trong tiến trình hội nhập thế giới, là cái để *nhận diện* Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, là *sức mạnh mềm* trong tổng thể sức mạnh quốc gia/dân tộc. ❖

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CON NGƯỜI VÀ VÙNG ĐẤT QUẢNG NINH

TRẦN THỊ MINH TUYẾT

PGS, TS, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đúc kết cuộc đời mình: Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi<sup>(1)</sup>. Với con người ấy, nơi nào trên đất Việt Nam cũng là quê hương, người dân nơi đâu cũng là ruột thịt. Đất và người Quảng Ninh không nằm ngoài quy luật ấy. Việc hồi tưởng lại những gì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho đất và người Quảng Ninh không chỉ góp phần tô thắm lịch sử của vùng đất ấy mà còn khích lệ, thúc đẩy các thế hệ nơi đây chung tay xây dựng Quảng Ninh giàu đẹp như mong muốn của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu.

Là một dân tộc “vốn xưng nền văn hiến đã lâu”, mỗi địa danh trên mảnh đất Việt Nam đều là những “trầm tích” văn hóa, lịch sử. Quảng Ninh, xét theo góc độ lịch sử, kinh tế hay văn hóa, đều là “địa linh”, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Sông Bạch Đằng ở nơi đó gắn liền với ba cuộc thủy chiến đã trở thành niềm tự hào của người dân Việt Nam trong công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng ca ngợi địa danh ấy: “Mênh mông một dải Bạch Đằng/ Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh”<sup>(2)</sup>.

Cảng Vân Đồn của huyện Vân Đồn từng là một thương cảng lớn của Đại Việt, tồn tại từ giữa thế kỷ 12 đến cuối thế kỷ 18. Vùng đất Đông Triều vốn là nơi phát tích của nhà Trần - một triều đại phong kiến lẫy lừng. Núi Yên Tử của thành phố Uông Bí là nơi ra đời Thiền phái Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập. Quảng Ninh có vịnh Hạ Long - một di sản thiên nhiên thế giới đã được UNESCO công nhận. Đó còn là xứ sở của “vàng đen” và đội ngũ công nhân mỏ giàu truyền thống cách mạng. Thiết tưởng, ít có vùng

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 674

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 3, tr. 261

đất nào hội tụ nhiều tiềm năng to lớn như thế. Là một người am hiểu lịch sử, địa lý dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho vùng đất Quảng Ninh sự quan tâm sâu sắc với những minh chứng sống động.

*Thứ nhất*, địa danh Quảng Ninh đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm từ khi còn hoạt động quốc tế.

Sinh ra ở xứ Nghệ, điều kiện sinh sống của gia đình đã làm người thanh niên Nguyễn Tất Thành gắn bó nhiều với các địa danh phương Nam như Huế, Quy Nhơn - Bình Định, Phan Thiết, Sài Gòn... Quảng Ninh nằm ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc nên trước khi rời Việt Nam ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành chưa có cơ hội đặt chân đến vùng đất này. Trong suốt quá trình tìm đường cứu nước, Tổ quốc đau thương luôn hiện diện trong trái tim Người. Khi đã trở thành người cộng sản, được phân công theo dõi phong trào cách mạng ở Đông Nam Á, Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm đến phong trào công nhân ở Việt Nam. Vào đầu thế kỷ XX, công nhân ở Việt Nam chủ yếu là công nhân mỏ và công nhân đồn điền nên Nguyễn Ái Quốc đã rất chú ý đến vùng đất mỏ Quảng Ninh. Từ năm 1924, trong *Tham luận tại Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ*, Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo: Ở Đông Dương còn có những xí nghiệp tương đối lớn:... khu mỏ vịnh Hạ Long có 4.000 công nhân<sup>(1)</sup>. Cũng trong giai đoạn này, để tố cáo chính sách vơ vét của thực dân Pháp ở Đông Dương, trong bài *Đời sống kinh tế Đông Dương*, Nguyễn Ái Quốc đã viết: Năm 1920, 63 công ty khai thác 19 mỏ được 7.000.000 tạ than đá trị giá 45.000.000 phrăng. Riêng mỏ than Hạ Long đã cung cấp được 5.500.000 tạ... Phải nói rằng hầm mỏ ở Đông Dương được khai thác rất tồi. Người Pháp không dám bỏ vào đó một số vốn lớn, và họ chỉ vơ vét những cái gì dễ vơ vét, như một kẻ vội khoắng sạch những cái gì tiện tay để chuồn đi cho nhanh<sup>(2)</sup>. Ân trong sự tố cáo đó là sự thương cảm đối với đời sống lầm than của những người công nhân mỏ. Trong *Báo cáo về Hội nghị cán bộ xứ ủy Bắc Kỳ* viết vào khoảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã nhắc đến lò đúc kềm Quảng Yên<sup>(3)</sup> và việc “công nhân mỏ than Cẩm Phả” tiến hành đình công<sup>(4)</sup>. Sau này, khi đã rời Liên Xô về hoạt động ở Trung Quốc, Hồ Chí Minh tiếp tục theo dõi phong trào công nhân ở Quảng Ninh. Trong *Báo cáo của Việt Nam gửi Quốc tế Cộng sản* viết vào tháng 7 năm 1939, địa danh “Uông Bí” được Người nhắc đến hai lần khi thống kê phong trào đấu tranh đòi tăng lương của công nhân mỏ<sup>(5)</sup>. Trong điều kiện bôn ba xứ người, thông tin rất hạn hẹp, việc các địa danh của tỉnh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 312 - 313

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 380

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 624

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 626.

(5) Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 173, 176

Quảng Ninh được Nguyễn Ái Quốc nhiều lần nhắc đến đã thể hiện sự quan tâm của Người đến vùng đất Quảng Ninh và sự theo dõi sát sao phong trào công nhân trong nước.

*Thứ hai*, Quảng Ninh là một trong những tỉnh được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm nhiều nhất.

Sau Cách mạng tháng Tám, trong bối cảnh “thù trong, giặc ngoài”, Chủ tịch Hồ Chí Minh phải đấu trí với thực dân Pháp đang có âm mưu cướp nước ta một lần nữa. Ngày 24-3-1946, Người đi bằng thủy phi cơ Catalina từ sân bay Gia Lâm đến vịnh Hạ Long để hội đàm với Cao ủy Pháp tại Đông Dương - Đô đốc Georges Thierry d’Argenlieu trên tuần dương hạm Esmille Bertin. Lần đầu tiên đặt chân đến một danh lam thắng cảnh của tỉnh Quảng Ninh để giải quyết những vấn đề hệ trọng trong hoàn cảnh vận nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Người không có điều kiện đi thăm nhân dân và các địa điểm khác trên đất liền của tỉnh Quảng Ninh. Với quyết tâm giữ gìn, bảo vệ non sông gấm vóc, trong đó có Quảng Ninh, Người đã tuyên bố với đại diện của đối phương: Nếu Đô đốc (tức Georges Thierry d’Argenlieu - *tác giả chú thích*), muốn đem tàu bè ra để lung lạc tôi thì ông ta đã làm to. Những tàu đó không thể nào đi ngược các dòng sông của chúng tôi<sup>(1)</sup>.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, với tinh thần sâu sát thực tiễn, tại cuộc họp Hội đồng Chính phủ ngày 30-12-1967, Người nói: Tôi đề nghị các vị Bộ trưởng nên luyện cho mình có đôi chân hay đi, đôi mắt hay nhìn, cái óc hay nghĩ, không nên chỉ ngồi ở bàn giấy, theo kiểu “đạo nhân phòng thủ”<sup>(2)</sup>. Là người luôn “nói đi đôi với làm”, chỉ từ ngày 15-10-1954 (sau khi Người về Thủ đô Hà Nội) đến ngày 12-8-1969 (thời điểm Người bắt đầu lâm bệnh và sau đó qua đời), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 923 lần đi đến các địa phương. Quảng Ninh chính là một trong những địa phương có vinh dự được Hồ Chí Minh đến thăm nhiều nhất. Việc đối chiếu giữa bộ sách *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử* và *Hồ Chí Minh toàn tập* đã đưa ra kết quả như sau: Từ năm 1957 đến năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tám lần đến thăm các địa bàn khác nhau thuộc tỉnh Quảng Ninh.

*Lần thứ nhất*: Từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 10 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm Vịnh Hạ Long, cùng tham gia đánh cá với bà con ngư dân và có buổi nói chuyện với nhân dân Hòn Gai vào ngày 4-10-1957. Người đã chỉ rõ những công việc cụ thể mà từng giai cấp, cộng đồng nhân dân cần thực hiện để xây dựng quê hương giàu đẹp. Đặc biệt, Người căn dặn cán bộ: Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng,

(1) Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 454

(2) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t. 10, tr. 131

ăn trên ngòai trời. Cán bộ Đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đày tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính. Muốn thế phải gần gũi nhân dân, khuyến khích nhân dân, lãnh đạo nhân dân<sup>(1)</sup>. Người đã động viên cán bộ và nhân dân: Hồng Quảng là nơi rừng vàng bể bạc rất là phong phú, Hồng Quảng có nhân dân rất là cần cù, có rất nhiều thuận lợi, nếu mà Đảng, chính quyền, công đoàn, thanh niên, mặt trận công tác tốt, nhân dân đoàn kết tốt thì Hồng Quảng nhất định có thể thành một địa phương kiểu mẫu<sup>(2)</sup>.

*Lần thứ hai:* Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Quảng Ninh từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 3 năm 1959. Trong chuyến đi này, Người đã đi thị sát một số đảo trên vịnh Hạ Long, đến thăm công trường Đèo Nai, Cẩm Phả, đảo Tuần Châu, gặp gỡ cán bộ Khu ủy Hồng Quảng và đến cảng Hải quan Bãi Cháy, thăm trận đại pháo của Đại đội 34 trên đảo Hòn Rồng<sup>(3)</sup>.

*Lần thứ ba:* Từ ngày 19 đến ngày 20 tháng 2 năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm tỉnh Hải Ninh (cũ) - mảnh đất địa đầu thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Tại đây, Người đi thăm một trường học, một hợp tác xã nông nghiệp ở xã Đoan Tĩnh (của người Hán), thăm xưởng gốm Móng Cái và một số cơ sở sản xuất của tỉnh. Trong buổi nói chuyện với đông đảo cán bộ, nhân dân địa phương tại sân vận động Móng Cái, Người đã căn dặn phải tổ chức tốt các hợp tác xã, phải đoàn kết các dân tộc, đoàn kết Việt - Trung và cán bộ lãnh đạo phải xứng đáng là người đày tớ trung thành của nhân dân, người cán bộ tốt của Đảng và Chính phủ<sup>(4)</sup>. Người cũng nhắc nhở địa phương làm tốt hơn nữa công tác phát triển Đảng trong lực lượng công nhân, phụ nữ và đồng bào các dân tộc thiểu số.

*Lần thứ tư:* Ngày 6-3-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bà Đặng Dĩnh Siêu (phu nhân của Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai) đi thăm Hải Phòng và vịnh Hạ Long. Khi gặp gỡ các cán bộ và chiến sĩ hải quân, Người đã nói: Bờ biển ta có vị trí rất quan trọng... Hải quân ta phải học tập kinh nghiệm chiến đấu hiện đại nhưng không được quên truyền thống đánh giặc xa xưa kia của tổ tiên<sup>(5)</sup>. Đáng lưu ý là, chuyến đi này của Người chưa được thống kê trong sách báo, tài liệu về các lần đến thăm Quảng Ninh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Lần thứ năm:* Ngày 9-5-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm đảo Cô Tô - phần đất biên ải của tỉnh Quảng Ninh. Khi nói chuyện với cán bộ, bộ đội và nhân dân trên đảo,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 113

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 117

(3) Xem Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, *Sđd*, t. 7, tr. 200 - 201

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 484

(5) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, *Sđd*, t. 8, tr. 36

Người đã căn dặn mỗi người phải nhận thức rõ và làm đúng nghĩa vụ của người chủ nước nhà; cán bộ phải chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Đồng cảm với khó khăn của những người đang sống giữa trùng khơi sóng gió, Hồ Chủ tịch đã nói: Thủ đô Hà Nội tuy cách xa các đảo, nhưng Đảng và Chính phủ luôn luôn quan tâm đến đồng bào các đảo và mong đồng bào đoàn kết cố gắng và tiến bộ<sup>(1)</sup>.

*Lần thứ sáu:* Ngày 22-1-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với anh hùng G.Titốp về thăm Hồng Quảng. Nói chuyện trong buổi mít-tinh chào mừng của nhân dân địa phương, Người kêu gọi cán bộ, nhân dân tích cực tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm và hứa sẽ đề nghị với đồng chí G.Titốp tặng danh hiệu “Titốp” cho những tổ đội, đơn vị, xí nghiệp nào hoàn thành vượt mức kế hoạch<sup>(2)</sup>.

*Lần thứ bảy:* Ngày 13-11-1962, Người về thăm căn cứ hải quân tại đảo Vạn Hoa (Quảng Ninh). Người đã căn dặn các chiến sĩ: Là chiến sĩ hải quân, các chú phải biết yêu quý đảo như nhà mình, chịu khó cải tạo xây dựng thành những mảnh đất vừa giàu, vừa đẹp, vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho đất nước<sup>(3)</sup>.

*Lần thứ tám:* Ngày 2-2-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm tỉnh Quảng Ninh sau khi khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh đã được hợp nhất. Khi nói chuyện với đồng bào và cán bộ của tỉnh, Người nhắc nhở nhân dân phải đưa hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, đẩy mạnh công tác thủy lợi, chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản, tăng cường vỡ hoang, phát động phong trào Tết trồng cây. Người yêu cầu cán bộ phải chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ và công nhân<sup>(4)</sup>. Cũng trong chuyến đi này, Người có cuộc gặp gỡ với cán bộ, công nhân nhà máy điện Uông Bí và mỏ than Vàng Danh. Người nhấn mạnh: Nhà máy điện Uông Bí và mỏ Vàng Danh đều là những xí nghiệp vào loại to và hiện đại nhất của nước ta. Than và điện rất cần cho công nghiệp và nông nghiệp. Các cô, các chú hãy ra sức làm cho nhiều, nhanh, tốt, rẻ<sup>(5)</sup>.

Ngoài các chuyến đi trên, trong cuốn sách *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh* do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh xuất bản năm 2007 còn nói về lần đến Quảng Ninh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 23-11-1963. Tuy nhiên, bộ sách *Hồ Chí Minh*

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 13, tr. 130

(2) Xem: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, *Sđd*, t. 8, tr. 144

(3) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, *Sđd*, t. 8, tr. 241

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 14, tr. 478

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 14, tr. 480



*Biên niên tiểu sử* không ghi lại sự kiện này; trong *Hồ Chí Minh toàn tập* cũng không có bài phát biểu nào nhân chuyến đi này. Cuốn sách *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh* chỉ có hai bức ảnh Người chụp ở Tuần Châu (năm 1959, Người đã ghé thăm Tuần Châu) mà không có bài nói, sự kiện nào đi kèm. Vì vậy, thông tin về chuyến đi này cần được kiểm chứng thêm. Nhìn lại, từ năm 1945 đến năm 1965, ít nhất đã có chín lần Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm tỉnh Quảng Ninh. So với quê hương, nơi “chôn nhau, cắt rốn” của Người nhưng Người chỉ về thăm quê được hai lần (năm 1957 và năm 1961) thì Quảng Ninh là một địa phương đã nhận được sự quan tâm, ưu ái rất lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Thứ ba*, từng bước phát triển của tỉnh Quảng Ninh luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm theo dõi, khích lệ, động viên và chỉ đạo kịp thời.

Năm 1951, khi Quảng Yên còn là vùng địch tạm chiếm, sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân đối với bộ đội trong một chiến dịch quân sự đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi nhận: Trong Chiến dịch đường số 18, đồng bào đã hết lòng giúp công, giúp của, giúp đỡ bộ đội, săn sóc thương binh. Nhờ vậy mà bộ đội ta đã giết được nhiều giặc, thu được nhiều thắng lợi. Tôi thay mặt Chính phủ thân ái gửi lời khen ngợi đồng bào và khuyên đồng bào ra sức tham gia kháng chiến, cố gắng hơn nữa để chúng ta tiến đến những thắng lợi mới<sup>(1)</sup>.

Khi thực dân Pháp ra sức bắt lính trong vùng chúng tạm chiếm nhằm thi hành chính sách “Dùng người Việt đánh người Việt”, Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời tố cáo tội ác của chúng đối với đồng bào Quảng Yên: Lâu nay chúng bắt ép thanh niên đi ngụy binh làm bia đỡ đạn cho chúng. Nay chúng bắt ép cả phụ nữ làm ngụy binh! Tại một số xã ở Quảng Yên, chúng vây bắt mỗi thôn 10 phụ nữ từ 18 đến 25 tuổi, dù đã có con, chúng cũng cứ bắt. Chị em nào chống lại, thì chúng đánh đập tàn nhẫn, bỏ tù rồi dụ dỗ... Âm mưu này rất thâm độc. Trực tiếp là giày vò phụ nữ ta, gián tiếp là phá hoại nòi giống ta<sup>(2)</sup>.

Sau thắng lợi ở Điện Biên Phủ, ngay khi quân Pháp rút lui theo thỏa thuận của hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư gửi đồng bào Hồng Quảng, trong đó có viết: Sau 8 năm chiến đấu, đồng bào Hồng Gai, Quảng Yên lại được sống tự do... Tôi thay mặt Chính phủ thân ái gửi lời thăm hỏi đồng bào<sup>(3)</sup>. Bên cạnh việc động viên các giai cấp, tầng lớp nhân dân tích cực khôi phục lại đời sống, Người cũng tuyên bố các chính sách của Chính phủ như tự do tín ngưỡng, bảo vệ tính mạng, tài sản của ngoại kiều để dân chúng yên lòng.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 74

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 404

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 9, tr. 427

Ngày 30-10-1963, khi sát nhập khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đích thân đặt tên cho tỉnh là Quảng Ninh với hàm nghĩa sâu xa: “Quảng” là rộng lớn, “Ninh” là yên vui - Quảng Ninh là vùng đất rộng lớn và yên vui. Tên gọi đó chứa đựng tình cảm, mong muốn tốt lành của Chủ tịch Hồ Chí Minh với đất và người Quảng Ninh.

Để xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dõi theo tình hình phát triển mọi mặt của tỉnh. Về phương diện sản xuất, trong bài viết *Phải kiên quyết chống giặc hạn* đăng trên báo Nhân dân ngày 9-10-1966, Người biểu dương tỉnh Quảng Ninh vì cứu được 6.000 héc-ta lúa. Ngày 24-3-1967, Người gửi điện khen công nhân và cán bộ mỏ than Thống Nhất, Quảng Ninh về việc hoàn thành tốt kế hoạch quý I/1967. Về phương diện chiến đấu, khi nghe tin quân và dân Quảng Ninh bắn rơi 100 máy bay Mỹ, ngày 19-8-1966, Người đã gửi thư khen ngợi. Tổng kết thành tựu chống Mỹ ở hai miền Nam Bắc (ngày 1-9-1966), Người đã nhắc đến Quảng Ninh và gọi Quảng Ninh là một trong năm “kiện tướng” diệt máy bay Mỹ<sup>(1)</sup>. Khi kêu gọi cán bộ, nhân dân tích cực tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, Người đã biểu dương xã viên Hợp tác xã Việt Tiến, tỉnh Quảng Ninh vì việc tự nguyện ăn độn nửa khoai, nửa gạo để dành nhiều thóc bán cho Nhà nước, chi viện cho chiến trường miền Nam. Mọi sự nỗ lực của cán bộ, nhân dân trong tỉnh đều được Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi nhận và động viên kịp thời.

Mong muốn tỉnh Quảng Ninh ngày càng phát triển hơn nữa, căn cứ vào tình hình, thời điểm cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm mà tỉnh cần khắc phục, như công tác thủy lợi, chăn nuôi còn kém; chưa làm tốt công tác bảo vệ rừng; chất lượng than còn thấp; công tác bảo hộ lao động chưa cao... Khi nói về công tác phát triển Đảng, Người đã phê bình địa phương là ít kết nạp công nhân, phụ nữ, đồng bào dân tộc<sup>(2)</sup>. Người đưa ra dẫn chứng cụ thể: Ở Hồng Gai hơn một vạn công nhân nam nữ mà chỉ có 78 đảng viên trực tiếp sản xuất, như thế là ít lắm... Hơn một vạn công nhân sao lại không có mấy trăm người đủ tư cách làm đảng viên. Vì sao có ít thế? Có phải là việc vào Đảng khó khăn như việc đi lên thiên đường, hay anh em quan niệm đảng viên là thần thánh không?<sup>(3)</sup>. Từ thực tế đó, Người căn dặn các tổ chức Đảng phải dựa vào quần chúng để làm tốt công tác phát triển Đảng.

Việc cập nhật số liệu, tình hình và đưa ra những chỉ đạo kịp thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho cán bộ, nhân dân Quảng Ninh ngày càng hăng hái phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm để xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh.

(1) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 156

(2) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 486

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 116

*Thứ tư*, đội ngũ công nhân mỏ Quảng Ninh luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng Cộng sản Việt Nam trước hết là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, trong đó, công nhân mỏ là lực lượng nòng cốt. Tỉnh Quảng Ninh là xứ sở của “vàng đen” nên đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Vì thế, đội ngũ công nhân mỏ Quảng Ninh nhận được từ Chủ tịch Hồ Chí Minh sự quan tâm đặc biệt. Ngay lần về thăm Hồng Quảng lần đầu vào năm 1957, Người đã khẳng định: Nói đến Hồng Quảng chủ yếu là nói đến xí nghiệp, là mỏ than, là giai cấp công nhân, cho nên trước hết tôi nói với anh chị em công nhân<sup>(1)</sup>. Người đã căn dặn công nhân mỏ phải ra sức giữ gìn của công, kỷ luật lao động, an toàn lao động để xứng đáng với vị thế người chủ và vị thế tiên phong của giai cấp công nhân.

Là người luôn quan tâm đến sức khỏe, sinh mạng của người công nhân mỏ, trong lần về thăm công trường Đèo Nai, Cẩm Phả, Người lại nói đến vấn đề an toàn lao động. Người nhấn mạnh: Một công nhân bất kỳ nam hay nữ đều rất quý báu, chẳng những quý cho gia đình các cô, các chú mà còn quý cho Đảng, Chính phủ và nhân dân nữa. Nếu để xảy ra tai nạn là thiệt chung cho bản thân, gia đình, cho Đảng, Chính phủ và nhân dân. Người bị nạn không đi làm được, gia đình sẽ gặp khó khăn, sức lao động của nhân dân do vậy cũng kém sút. Vì thế chúng ta phải hết sức bảo vệ an toàn lao động, bảo vệ tính mạng người công nhân<sup>(2)</sup>. Để nâng cao ý thức, trách nhiệm làm chủ của đội ngũ công nhân mỏ, Người ân cần giải thích: Nếu trước đây khu mỏ là của thực dân Pháp thì nay, khu mỏ là của nhân dân nói chung và của công nhân nói riêng... Bây giờ chúng ta làm cho mình, cho nhân dân và cho con cháu chúng ta nữa<sup>(3)</sup>. Do đó, công nhân mỏ phải hăng hái thi đua, cải tiến cách thức quản lý xí nghiệp để nâng cao hơn nữa năng suất và chất lượng sản phẩm.

Trong lần về thăm Quảng Ninh lần cuối cùng, ngày 2-2-1965, Người nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của ngành than khi miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, số lượng nhà máy ngày càng nhiều lên. Vì thế, cần phải có nhiều than để cung cấp cho các nhà máy đó. Chúng ta cũng cần xuất khẩu nhiều than để mua thêm máy móc và nguyên liệu để phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa nhanh chóng hơn nữa, do đó mà nâng cao hơn nữa đời sống của nhân dân<sup>(4)</sup>. Để khích lệ đội ngũ công nhân mỏ, Người đã tặng cờ luân lưu cho cả ngành than.

(1) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 109

(2) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 142

(3) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 142

(4) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 14, tr. 476

Theo dõi sát sao tình hình sản xuất của công nhân mỏ Quảng Ninh, ngày 7-9-1968, Người viết *Thư khen công nhân và cán bộ mỏ than cọc 6* vì đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lượng than cả năm 1968. Người căn dặn công nhân và cán bộ cố gắng, nỗ lực nhiều hơn để thu được nhiều thành tích hơn nữa.

Ngày 15-11-1968, do tình hình sức khỏe sút kém, không thể về thăm Quảng Ninh, Người đã tiếp cán bộ, công nhân ngành than tại Phủ Chủ tịch. Sau khi chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến suy giảm sản lượng than trong thời gian qua là do công tác quản lý và tổ chức kém, Người căn dặn anh chị em phải thật thà tự phê bình và phê bình, sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu đưa mức sản xuất than lên vì sản xuất than cũng như đánh giặc, phải có nhiệt tình cách mạng, tinh thần yêu nước và làm chủ xí nghiệp. Người cũng chỉ ra rằng công nhân phải tham gia quản lý, cán bộ phải tham gia lao động, phải chống tham ô, lãng phí, đẩy mạnh thi đua yêu nước và chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của công nhân<sup>(1)</sup>.

Luôn quan tâm đến tình hình sản xuất than ở Quảng Ninh, trong những ngày cuối đời, Người đã đọc và lưu tài liệu bài “*Bước đi của ngành khoan Hà Tu*” đăng trên báo Quảng Ninh ra ngày 26-7-1969 và bài “*Công nhân vùng mỏ Quảng Ninh phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch quý III*” đăng trên báo Nhân dân ra ngày 30-7-1969. hai bài báo này hiện vẫn đang được trưng bày tại ngôi nhà 67 - nơi Người từng dưỡng bệnh và qua đời.

*Thứ năm*, đảo Cô Tô của tỉnh Quảng Ninh là nơi duy nhất trong cả nước được dựng tượng Hồ Chí Minh khi Người còn sống.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nổi bật ở đức khiêm nhường. Là vị anh hùng giải phóng dân tộc, là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, là người đã làm rạng rỡ dân tộc ta và non sông đất nước ta nhưng Người luôn khẳng định nhân dân mới là chủ, mới có quyền, còn mình chỉ là đày tớ của nhân dân. Người cũng luôn nói về nhân dân với sự hàm ơn, rằng “dân rất tốt”. Người luôn trân trọng, nâng niu mọi sự đóng góp, hy sinh của người khác nhưng lại quên đi sự hy sinh, cống hiến của chính mình. Với quan niệm “Tượng đài vững chắc nhất là ở lòng dân”, Người đều từ chối khi các địa phương muốn dựng tượng hay xây dựng nhà lưu niệm về Người. Người từng nói với các nghệ sĩ: Các chú hãy nặn tượng tập thể bộ đội, nhân dân, thanh niên, thiếu nhi anh hùng. Không có nhân dân thì không có Bác<sup>(2)</sup>. Việc Người cho phép cán bộ, nhân dân đảo Cô Tô dựng tượng mình trên đảo là trường hợp duy nhất với mục đích khẳng định chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở một vùng biển chiến lược và động viên nhân dân nơi “đầu sóng, ngọn gió”. Đây là vinh dự rất lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho đất và người Quảng Ninh.

(1) Xem: *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 10, tr. 234

(2) Xem: Lư Huy Nguyễn (sưu tầm, biên soạn): *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb. Văn học, 1995, tr. 357

Là một địa danh có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời lại được thiên nhiên ưu đãi ban tặng “vàng xanh” là kỳ quan thiên nhiên thế giới và “vàng đen” trong lòng đất, Quảng Ninh có nhiều ưu thế để phát triển kinh tế và du lịch. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên quý nhất, vô tận nhất vẫn là con người. Để thực hiện lời dạy của Người về việc xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu mạnh<sup>(1)</sup>, Quảng Ninh cần đẩy mạnh hơn nữa sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, phát triển văn hóa, du lịch. Tất cả các công việc đó có thành công hay không, đều do nhân tố con người, do công tác cán bộ quyết định. Những kỷ niệm sâu sắc về Chủ tịch Hồ Chí Minh với đất và người Quảng Ninh chính là động lực tinh thần to lớn để Quảng Ninh tiếp tục có bước tiến đột phá, quyết tâm đổi mới, xây dựng tỉnh giàu mạnh. ❖

---

(1) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 14, tr. 474

# NHẬN DIỆN BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ SỨC MẠNH CON NGƯỜI QUẢNG NINH TRONG THỜI KỲ MỚI

PHẠM DUY ĐỨC

*PGS, TS, Viện Văn hóa và Phát triển,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, Đảng ta đã xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng để phát triển bền vững đất nước. Bản sắc văn hóa và giá trị con người chính là lợi thế, là nguồn lực của quá trình phát triển. Tỉnh Quảng Ninh là một vùng đất được ví như hình ảnh của đất nước Việt Nam thu nhỏ, là nơi hội tụ, giao thoa, kết tinh các giá trị tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng, giàu bản sắc với sức mạnh đặc trưng của con người đất Quảng Ninh hội tụ bốn phương. Bản sắc văn hóa và giá trị con người Quảng Ninh chính là tài sản vô giá, là động lực quan trọng để phát triển Quảng Ninh ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Để khơi nguồn lực cho quá trình phát triển, việc nhận diện để xác định phương hướng, giải pháp phát huy bản sắc văn hóa và sức mạnh con người Quảng Ninh là một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hiện nay.

## 1. BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ VAI TRÒ CỦA BẢN SẮC VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN

Bản sắc văn hóa là các giá trị văn hóa độc đáo, riêng biệt, thể hiện đặc trưng riêng của mỗi vùng, miền, rộng hơn là mỗi quốc gia, dân tộc. Đây là dấu hiệu để phân biệt văn hóa của vùng này với vùng khác, dân tộc này với dân tộc khác.

Bản sắc văn hóa được thể hiện tập trung ở truyền thống văn hóa. Truyền thống văn hóa là các giá trị do lịch sử để lại, được các thế hệ sau kế thừa và phát huy trong thời đại của họ, tạo nên dòng chảy liên tục của lịch sử. Khi được hình thành, truyền thống văn hóa có tính bền vững, có sức mạnh giúp các thế hệ sau nhận thức, định hướng, đánh giá và điều chỉnh hoạt động xã hội. Truyền thống văn hóa được biểu hiện sinh động trong các giá trị văn hóa

vật thể (như các di tích lịch sử - văn hóa, các danh lam thắng cảnh, đền đài, lăng mộ, thành quách, các công trình kiến trúc, các khu vực khảo cổ,...) và các giá trị văn hóa phi vật thể (như thuần phong mỹ tục, lối sống, văn hóa ứng xử trong cộng đồng, các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật dân gian, trong ngôn ngữ, trang phục, nghi lễ, các biểu tượng văn hóa; các tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền, nghệ thuật trình diễn dân gian, văn hóa ẩm thực, các ngành, nghề thủ công mỹ nghệ, bí quyết y dược học cổ truyền...). Đặc biệt, truyền thống văn hóa còn kết tinh tập trung ở con người, nhất là những danh nhân tiêu biểu, những anh hùng được cộng đồng suy tôn và ngưỡng vọng. Như vậy, bản sắc văn hóa không phải là cái trừu tượng mà nó được “vật chất hóa” thông qua các biểu hiện cụ thể mà chúng ta có thể thực hành để bảo vệ và phát huy nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại.

Truyền thống văn hóa mặc dù mang tính bền vững nhưng nó có tính lịch sử - cụ thể, có thể vận động và biến đổi theo thời gian và không gian. Truyền thống văn hóa cũng không phải chỉ bao gồm cái cũ do lịch sử để lại mà nó còn chứa đựng cả những cái mới đã và đang nảy sinh, tạo nên những giá trị mới để bổ sung cho truyền thống, đồng thời, loại bỏ những yếu tố tiêu cực, hạn chế do lịch sử để lại để vượt lên, thích nghi với yêu cầu thời đại.

Bản sắc văn hóa dân tộc thể hiện tập trung ở hệ thống di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể của mỗi vùng, mỗi quốc gia, dân tộc. Nhận thức về di sản hiện nay đã có một sự thay đổi mang tính đột phá để thúc đẩy sự phát triển. Di sản văn hóa chính là tài sản văn hóa, một nguồn lực của phát triển. Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 khóa VIII, Đảng ta đã khẳng định một nhiệm vụ hết sức quan trọng để xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa”. Trong đó, Đảng ta nhấn mạnh: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”<sup>(1)</sup>. Như vậy, có thể thấy vai trò của di sản trong phát triển đất nước hiện nay là:

- 1- Di sản văn hóa là cơ sở để có kết cộng đồng
- 2- Di sản văn hóa là cốt lõi của bản sắc dân tộc
- 3- Di sản văn hóa là cơ sở để sáng tạo các giá trị văn hóa mới
- 4- Di sản văn hóa là điều kiện để mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế
- 5- Di sản văn hóa là nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội

---

(1) *Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 63

Trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, bản sắc văn hóa của mỗi vùng, mỗi địa phương, mỗi quốc gia dân tộc ngày càng đóng vai trò trong phát triển. Bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa không chỉ có ý nghĩa khẳng định diện mạo, vị thế riêng của mỗi nền văn hóa mà nó còn là bảo vệ nguồn lực văn hóa cho phát triển. Sự đa dạng văn hóa là động lực cho sự sáng tạo, cũng là động lực thúc đẩy sự phát triển. Công ước 2005 về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa đã được 146 quốc gia phê chuẩn, trong đó có Việt Nam (Việt Nam tham gia ngày 4/7/2007). Công ước này là một trong những yếu tố nền tảng để Việt Nam thúc đẩy và cụ thể hóa chính sách kinh tế, xã hội trong văn hóa, chú trọng tới các chính sách công nhằm bảo vệ, phát huy bản sắc thông qua tôn trọng sự đa dạng văn hóa, tôn trọng cách thức biểu đạt khác nhau của mỗi nhóm người và các xã hội. Đa dạng văn hóa không chỉ thể hiện ở những cách thức biểu đạt của di sản văn hóa mà còn được thể hiện ở những cách thức sáng tạo, sản xuất, phổ biến, phân phối và hưởng thụ nghệ thuật, sử dụng bất cứ phương tiện và công nghệ nào.

Các cách thức biểu đạt và sự sáng tạo này tác động trực tiếp đến phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, phát triển thị trường văn hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách văn hóa ở Việt Nam trong những năm gần đây đều chú ý tới tôn trọng và bảo vệ bản sắc văn hóa, tôn trọng sự đa dạng văn hóa, hướng đến nhiệm vụ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường văn hóa, góp phần vào nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, phát huy “sức mạnh mềm” của văn hóa trong giao lưu, hội nhập quốc tế.

Như vậy, vấn đề bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa đã trở thành vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với xây dựng văn hóa mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời kỳ toàn cầu hóa. Chính vì vậy, văn hóa đã được nhấn mạnh là “hòn cốt của dân tộc”, “văn hóa còn thì dân tộc còn”. Đây chính là khẳng định vai trò của văn hóa, đặc biệt là bản sắc văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **2. NHẬN DIỆN BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ SỨC MẠNH CON NGƯỜI QUẢNG NINH**

### *2.1. Điều kiện địa lý - sinh thái nhân văn*

Quảng Ninh là một tỉnh ở địa đầu phía Đông Bắc Việt Nam, có vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế, và địa - văn hóa độc đáo, có dáng một hình chữ nhật lệch nằm chệch theo hướng đông bắc - tây nam.



Quảng Ninh có đường biên giới quốc gia và hải phận giáp nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa. Trên đất liền, phía Bắc của tỉnh (có các huyện Bình Liêu, Hải Hà, và thị xã Móng Cái), giáp huyện Phòng Thành và thị trấn Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây với 132,8km đường biên giới. Phía đông là Vịnh Bắc Bộ; phía tây giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương; phía Nam giáp Hải Phòng; bờ biển dài 250 km.

Địa hình tỉnh Quảng Ninh là tỉnh miền núi - duyên hải. Hơn 80% đất đai là đồi núi, hơn 2.000 hòn đảo nổi trên mặt biển cũng là những quả núi. Vùng núi của tỉnh chia làm 2 miền: Vùng miền Đông từ Tiên Yên qua Bình Liêu, Hải Hà, Đầm Hà đến Móng Cái; vùng núi miền Tây từ Tiên Yên qua Ba Chẽ, Hoành Bồ. Phía Bắc thị xã Uông Bí và thấp dần xuống phía bắc huyện Đông Triều (đây thường được gọi là cánh cung Đông Triều với đỉnh Yên Tử (1068m) trên đất Uông Bí và đỉnh Am Váp (1094m) trên đất Hoành Bồ).

Vùng trung du và đồng bằng ven biển gồm những dải đồi thấp bị phong hóa và xâm thực tạo nên những cánh đồng từ các chân núi thấp dần xuống các triền sông và bờ biển. Đó là các vùng Đông Triều, Uông Bí, bắc Yên Hưng (đảo Hà Nam), đông Yên Hưng, Đồng Rui (Tiên Yên), nam Đầm Hà, đông nam Hải Hà, nam Móng Cái.

Vùng biển và hải đảo của Quảng Ninh là một vùng có địa hình độc đáo. Có hơn 2.000 hòn đảo, chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước (2.078/2.779 đảo). Các đảo trải dài ven biển hơn 250km chia thành nhiều lớp. Có đảo lớn như đảo Cái Bàu, Bàu Sen, lại có đảo nhỏ như hòn non bộ. Có 2 huyện hoàn toàn là đảo là huyện Vân Đồn và huyện Cô Tô. Trên vịnh Hạ Long và Bái Tử Long có hàng ngàn đảo đá vôi, nguyên là vùng địa hình Karst bị nước bào mòn tạo nên hình dáng bên ngoài và những hang động bên trong kỳ thú.

Vùng ven biển và hải đảo Quảng Ninh ngoài những bãi bồi phù sa còn có những bãi cát trắng tấp lên từ sóng biển. Có nơi thành mỏ cát trắng làm nguyên liệu cho công nghệ thủy tinh, có nơi thành bãi tắm nổi tiếng như Trà Cổ, Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng... Vùng biển Quảng Ninh giáp vịnh Bắc Bộ, một vịnh lớn nhưng hiếm gió, thuận lợi cho các tàu thuyền ra vào tránh gió bão.

Điều kiện địa lý - sinh thái nhân văn nói trên đã góp phần làm nên bản sắc độc đáo của văn hóa Quảng Ninh, con người Quảng Ninh trong lịch sử và tiếp nối đến hiện nay.

## 2.2. Truyền thống lịch sử và văn hóa

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử, tiền sử Quảng Ninh được biết đến sớm nhất là các địa điểm thuộc văn hóa Soi Nhụ. Vào thời kỳ của văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn khoảng 18.000

năm về trước, lúc băng hà lần cuối cùng phát triển, mực nước biển Đông thấp hơn độ sâu 110 - 120m dưới mực nước biển. Trên vùng đất vài nghìn km của Quảng Ninh và khu vực vịnh Hạ Long là một đồng bằng cỏ. Ở đây đã tồn tại một cộng đồng cư dân tiền sử lớn. Họ sống trong các hang động đá vôi, trên một địa bàn độc lập so với cư dân Hòa Bình - Bắc Sơn cùng thời, đã sáng tạo nên nền văn hóa Soi Nhụ song song tồn tại với các văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn. Đây là cơ sở để hình thành các loại hình văn hóa mới tại Cái Bèo, tiếp theo là nền văn hóa Hạ Long nổi tiếng<sup>(1)</sup>.

Căn cứ vào các dữ liệu khoa học lịch sử, các nhà khoa học đã xác định từ thời kỳ tiền sử đến đầu thời sơ sử, tỉnh Quảng Ninh có quá trình phát triển liên tục, không có sự đứt đoạn nào (thông qua tài liệu sau cuộc khai quật di chỉ Dầu Rằm). Việc phát hiện các di tích sơ sử ở Quảng Ninh đã góp phần khẳng định rằng vào thời Hùng Vương, Quảng Ninh đã thực sự là một bộ phận của nhà nước Văn Lang.

Trong quá trình lịch sử, tỉnh Quảng Ninh là vùng đất liên tục diễn ra các cuộc chiến chống ngoại xâm và xây dựng, bảo vệ vùng đất thiêng liêng của Tổ quốc. Trong thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ, tỉnh Quảng Ninh đã ghi dấu những chiến công lừng lẫy nhất trong lịch sử với ba lần chiến thắng trên sông Bạch Đằng. Nơi đây cũng chứng kiến sự phát triển kinh tế sôi động dưới thời phong kiến, đặc biệt là với thương cảng Vân Đồn. Đồng thời, đây cũng là cái nôi văn hóa quan trọng nhất, thâm sâu nhất trong lịch sử phát triển văn hóa dân tộc với trung tâm Phật giáo Yên Tử.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm khai thác than đem lại lợi ích cho thực dân Pháp. Và, vì vậy, nơi đây cũng trở thành cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, trở thành trường rèn luyện đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và giác ngộ ý thức giai cấp và xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trở thành giai cấp duy nhất trong thời đại mới có thể tập hợp được lực lượng của toàn thể dân tộc, có thể kế thừa và phát huy được truyền thống hào hùng của dân tộc để đứng lên đấu tranh chống đế quốc, phát xít xâm lược và bẻ gãy tay sai của chúng cho đến thắng lợi cuối cùng. Hàng triệu người dân Quảng Ninh đã lên đường tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Nhật, và chống đế quốc Mỹ, góp phần viết nên bản anh hùng ca trong đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Bước vào thời kỳ đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân các dân tộc Quảng Ninh tiếp tục phát huy giá trị văn hóa - lịch sử của tỉnh để tạo nên những kỳ tích mới trong phát triển Quảng Ninh ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

---

(1) Quảng Ninh: Vài nét tổng quan, [quangninh.gov.vn](http://quangninh.gov.vn)

### 2.3. Đặc điểm cư dân

Quảng Ninh là vùng đất sinh sống của nhiều dân tộc anh em, vừa có nguồn gốc bản địa, vừa có nguồn gốc từ các tỉnh, đồng nhất là vùng đồng bằng Bắc Bộ. Họ tập trung chủ yếu tại các đô thị, các khu công nghiệp và đồng bằng ven sông, ven biển. Người Việt (Kinh) chiếm 89,23% tổng dân số; người Dao (4,45%) có hai nhánh chính là Thanh Y, Thanh Phán thường cư trú ở vùng núi cao; người Hoa (0,43%), người Sán Dìu (1,8%), Sán Chỉ (1,1%)... Các dân tộc thiểu số ở đây vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng biệt trong ngôn ngữ, y phục, lễ hội, phong tục.

Dân số ở Quảng Ninh có đặc điểm đáng chú ý là “dân số trẻ”, tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chiếm tới 37,6%. Người già trên 60 tuổi (với nam) và trên 55 tuổi (với nữ) là 7,1%. Các huyện miền núi tỷ lệ trẻ em dưới tuổi lao động còn lên tới 45%. Tỷ lệ nam giới đông hơn nữ giới (nam chiếm 50,9%, nữ 49,1%), ngược với tỷ lệ toàn quốc. Ở các địa phương có ngành công nghiệp mỏ, tỷ lệ này còn cao hơn, ví dụ: Cẩm Phả, nam là 53,2%, nữ là 46,8%. Mật độ dân số của tỉnh phân bố không đều, dân số sống ở thành thị đạt gần 620.200 người/km<sup>2</sup>; mật độ dân số tại nông thôn đạt 557.000 người/km<sup>2</sup>. Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số phân theo địa phương tăng 11,5%<sup>(1)</sup>. Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, Quảng Ninh là vùng đất hấp dẫn lực lượng lao động từ các nơi trên cả nước về sinh sống và làm việc khá đông. Đây là những chủ nhân góp phần quyết định vào việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của tỉnh để phát triển bền vững, làm giàu cho vùng đất mỏ anh hùng, giàu truyền thống lịch sử cách mạng.

### 2.4. Tài nguyên văn hóa của Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh có một kho tài nguyên văn hóa khổng lồ. Đó là 541 di sản văn hóa vật thể gồm những đình, chùa, đền miếu, danh lam thắng cảnh và hơn 2.800 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể là những phong tục, tập quán, trò chơi dân gian. Các di sản văn hóa của Quảng Ninh phản ánh sự kế tiếp lịch sử từ khi con người xuất hiện ở vùng đất này giai đoạn đồ đá, đồ đồng (cách ngày nay hàng ngàn năm) đến các triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn, giai đoạn chống Pháp, Mỹ và hiện nay. Đồng thời, các di sản văn hóa cũng được phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh, từ khu vực miền núi, biên giới tới hải đảo từ Đông Triều đến Trà Cổ với những giá trị khác nhau, bản sắc khác nhau.

Điều kiện địa lý - sinh thái nhân văn đa dạng và phong phú đã tạo cho Quảng Ninh những thắng cảnh nổi tiếng. Trong đó, dạng địa hình biển đảo là dạng địa hình đặc trưng, chi phối

(1) Quảng Ninh: Vài nét tổng quan, *Tlđđ*

và kiến tạo cho Quảng Ninh không gian tự nhiên kỳ vĩ, độc đáo, là nền tảng tạo nên Di sản thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô, bãi tắm Trà Cổ, vườn quốc gia Bái Tử Long... Dạng địa hình trung du có hồ Yên Lập (Hoành Bồ), hồ Yên Trung (Uông Bí), thác Lụng Xanh (Uông Bí), thác Mơ (Yên Hưng), rừng thông (Yên Hưng)... Dạng địa hình đồi núi có rừng nguyên sinh Yên Tử, khu Bảo tồn Đông Sơn - Kỳ Thương,... là một trong những nôi của người Việt cổ, với ba nền văn hóa kế tiếp nhau từ nền văn hóa Soi Nhục, văn hóa Cái Bèo, văn hóa Hạ Long, Quảng Ninh đã phát hiện hàng ngàn hiện vật cổ chứng minh sự tồn tại của một nền văn hóa độc đáo ở vào vị thế “cửa ngõ” của nền văn minh Việt cổ. Bên cạnh đó, các di tích khảo cổ, Quảng Ninh còn lưu giữ hàng loạt các di tích - lịch sử văn hóa quan trọng như Di tích thương cảng Vân Đồn; khu di tích lịch sử Bạch Đằng, các cụm di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh, di tích thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ...

Về di sản văn hóa phi vật thể, Quảng Ninh là vùng đất rất giàu có về di sản văn hóa phi vật thể với 2.800 hồ sơ gồm: 64 lễ hội truyền thống mang đặc trưng văn hóa vùng, miền; hàng loạt các di sản bao gồm ngữ văn dân gian (gồm có: sử thi, ca dao, dân ca, tục ngữ, hò, vè, câu đối, truyện cổ tích, truyện trạng); nghệ thuật trình diễn dân gian (gồm âm nhạc, vũ điệu, sân khấu); tập quán xã hội (bao gồm hương ước, luật tục, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác); tri thức dân gian (bao gồm tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động, y dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục,...); nghề thủ công truyền thống.

Đặc biệt, Quảng Ninh lưu giữ được nhiều lễ hội độc đáo của đồng bào các dân tộc thiểu số, như Hội làng của đồng bào dân tộc Dao ở xã Bằng Cả (huyện Hoành Bồ), Lễ hội Sóng Cọ; Lễ hội đình Lục Nà của đồng bào Tày ở xã Lục Hồn (Bình Liêu), Lễ hội đình Trà Cổ (Móng Cái), Lễ hội Vân Đồn (xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn), Lễ hội Tiên Công, Lễ hội Bạch Đằng (thị xã Quảng Yên), Hội chùa Quỳnh Lâm, Hội đền An Sinh (huyện Đông Triều), lớn nhất là Lễ hội đền Cửa Ông (Cẩm Phả) và Lễ hội Yên Tử (Uông Bí).

Ngoài ra, văn hóa Quảng Ninh còn có đặc trưng mang bản sắc riêng của “văn hóa công nhân mỏ” được hình thành và phát triển gần 150 năm nay, gắn liền với quá trình đấu tranh anh dũng, kiên cường của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược và những thành tựu trong xây dựng đất nước, góp phần làm nên những đặc trưng của văn hóa Quảng Ninh hiện nay.

Có thể nói, nguồn tài nguyên văn hóa của Quảng Ninh thể hiện ở truyền thống lịch sử và truyền thống cách mạng, phản ánh qua các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể giàu có, phong phú, đa dạng cùng với tinh thần yêu nước, đoàn kết của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh là nguồn lực vô giá để phát huy bản sắc văn hóa trong xây dựng và phát triển

tỉnh Quảng Ninh với các đặc trưng: Hành chính - Minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc hiện nay.

### **3. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI QUẢNG NINH TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Quán triệt sâu sắc và toàn diện quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước hiện nay, nhất là triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII (năm 1998) và Nghị quyết số 33 của Hội nghị Trung ương chín khóa XI (năm 2014) về văn hóa, ngày 9/3/2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”. Trong đó, xác định mục tiêu là giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện. Đặc biệt là tập trung phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng Hành chính - Minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc.

Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh cũng tiếp tục xác định: Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo là một trong ba khâu đột phá chiến lược. Từ đó, tập trung nhiều nguồn lực, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để tập trung thực hiện hiệu quả, thành công khâu đột phá này. Nghị quyết này đã đề ra mục tiêu xây dựng, quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với các trọng tâm, trọng điểm và lộ trình cụ thể. Trong đó, tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn văn hóa nói chung, và văn hóa truyền thống, văn hóa vật thể, phi vật thể nói riêng; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số; các giá trị đặc sắc về văn hóa biển đảo, văn hóa công nhân vùng mỏ; khắc sâu, lan tỏa các giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Chú trọng bảo tồn, tôn tạo các điểm du lịch, danh thắng; bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống, đặc biệt là các di sản có nguy cơ mai một.

Trên cơ sở chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các cấp trong tỉnh đã triển khai thực hiện Nghị quyết một cách sáng tạo, phù hợp với đặc thù địa phương.

Quá trình thể chế hóa chủ trương của Đảng bộ tỉnh đã được tiến hành nghiêm túc, thành các quy hoạch, đề án, chuyên đề cho việc phát huy bản sắc văn hóa của tỉnh trong xây dựng

Quảng Ninh giàu mạnh. Đó là tỉnh đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử “Nụ cười Hạ Long”; Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn; Quy định việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, và lễ hội; Bộ tiêu chí Người Quảng Ninh; Tủ sách Văn hiến Quảng Ninh; Đề án bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

Nhiều công trình văn hóa đạt tiêu chuẩn quốc tế gồm: Bảo tàng, Thư viện tỉnh; Công viên hoa Hạ Long; Quảng trường 10/10; Cột Đồng Hồ; Cung Quy Hoạch; Hội chợ triển lãm tỉnh. Hệ thống các thiết chế văn hóa các cấp từ tỉnh tới cơ sở được đầu tư đồng bộ, tạo cơ sở vật chất thuận lợi để rút ngắn khoảng cách về tham gia và thụ hưởng văn hóa của người dân. Các thiết chế văn hóa của cấp huyện ở 13 địa phương được nâng cấp và sửa chữa, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao thôn, khu dân phố đạt 98%.

Công tác trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể được tăng cường. Đặc biệt là Di sản vịnh Hạ Long, Khu Di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, Khu Di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều, di tích đền Cửa Ông cùng nhiều di tích khác. Việc lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận Khu Di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử là Di sản thế giới tiếp tục đưa Quảng Ninh trở thành địa danh nổi tiếng toàn cầu, mở ra cơ hội lớn để phát huy bản sắc văn hóa của tỉnh, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quảng bá hình ảnh văn hóa và con người Quảng Ninh ra thế giới.

Toàn tỉnh hiện có trên 600 di tích đã được kiểm kê, trên 100 di tích được xếp hạng, trong đó có 3 di tích được chính phủ công nhận là di tích quốc gia đặc biệt là vịnh Hạ Long, Yên Tử và di tích lịch sử Bạch Đằng. Bên cạnh đó, nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể, các hoạt động văn hóa dân gian trên biển của từng vùng, từng địa phương, các làng nghề truyền thống, đặc biệt là văn hóa của các dân tộc thiểu số đã được phục dựng và phát huy, như Tục hát “đúm” trên biển làng chài Cửu Vạn; hát Nhà tơ, hát múa Cửa Đình, lễ hội Cấp sắc của dân tộc Dao, lễ Đại Phan của người Sán Dìu, lễ hội Xuống đồng, lễ hội Lồng Tồng.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh” đã đạt những kết quả quan trọng. 94% số hộ trên toàn tỉnh đạt chuẩn gia đình văn hóa, 90% số thôn, bản, khu phố đạt chuẩn văn hóa; 100% thôn, khu phố đã xây dựng quy ước, hương ước. Các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao có nhiều tiến bộ, năm 2020 có gần 40% tỷ lệ dân số thường xuyên luyện tập thể dục thể thao. Nhiều vận động viên tham gia đội tuyển quốc gia đạt huy chương tại các giải khu vực và quốc tế. Các môn thể thao mũi nhọn của tỉnh được phát triển mạnh như bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, bơi, đua thuyền, pencak silat, cờ vua... Toàn tỉnh có trên 500 văn

nghệ sĩ hoạt động sáng tác văn học nghệ thuật có nhiều khởi sắc; mỗi năm có hơn 500 buổi biểu diễn văn nghệ quần chúng và hàng trăm buổi liên hoan, hội thi, hội diễn. Hàng loạt sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể thao lớn của đất nước được tổ chức ở Quảng Ninh đã góp phần khẳng định vị thế quan trọng của Quảng Ninh trong đời sống văn hóa của đất nước.

Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh đã có bước đột phá trong việc huy động các nguồn lực đầu tư cho các thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại. Công nghiệp văn hóa đã bước đầu được hình thành, xây dựng được một số sản phẩm văn hóa đặc trưng, thu hút sự quan tâm của đông đảo du khách, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Trên đây là những thành tựu tiêu biểu trong quá trình bảo tồn và phát huy vai trò của bản sắc văn hóa Quảng Ninh để phát triển.

*Tuy nhiên*, so với các thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các thành tựu trên lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng. Tiềm năng và lợi thế về bản sắc văn hóa Quảng Ninh vẫn chưa được phát huy có hiệu quả để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong bối cảnh chung của thời kỳ sau đại dịch COVID-19, tiềm năng, lợi thế của du lịch di sản, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch văn hóa biển và du lịch văn hóa bản địa chưa được đẩy mạnh. Các ngành công nghiệp văn hóa chưa có thành tựu nổi bật và tính liên kết, hệ thống của các lĩnh vực này chưa rõ. Việc phát triển các thị trường sản phẩm văn hóa còn chậm. Sự quảng bá các thành tựu văn hóa của Quảng Ninh ra thế giới còn hạn chế. Vì vậy, trong thời gian tới, để phát huy hơn nữa vai trò của bản sắc văn hóa Quảng Ninh trong xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh phồn vinh, hạnh phúc, *cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau*:

*Trước hết*, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, con người trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, các chương trình, dự án đề ra về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của tỉnh để nâng cao hơn nữa chất lượng của các hoạt động văn hóa, khẳng định mạnh mẽ vai trò, vị thế của văn hóa Quảng Ninh - vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là nguồn lực nội sinh quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

*Thứ hai*, tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tổng thể về nguồn lực văn hóa tạo nên bản sắc văn hóa của Quảng Ninh, trong đó có nguồn lực về địa - văn hóa, về cảnh quan thiên nhiên, nguồn lực di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, nguồn lực con người, đặc biệt là nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, báo chí,... xác định vai trò, vị trí của từng loại nguồn lực này trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

*Thứ ba*, đề phát huy bản sắc văn hóa Quảng Ninh trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, cần tập trung vào phát triển mạnh mẽ hơn các ngành công nghiệp văn hóa, đặc biệt là những ngành du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch biển, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa cộng đồng, phát triển mạnh nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, thời trang, nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực... Kết nối phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở địa phương với sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Trung ương và các tỉnh bạn trên phạm vi cả nước. Mở rộng giao lưu văn hóa với các Di tích được UNESCO vinh danh trong nước và khu vực.

*Thứ tư*, tăng cường hơn nữa công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh văn hóa và con người Quảng Ninh, giới thiệu bản sắc văn hóa của Quảng Ninh đối với nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế. Chú trọng quảng bá các chương trình tổ chức sự kiện văn hóa tại Quảng Ninh trên các Đài Truyền hình Trung ương và các đài phát thanh - truyền hình các tỉnh và thành phố trên cả nước. Đầu tư quảng bá, giới thiệu một số thành tựu văn hóa đặc sắc của Quảng Ninh trên các kênh quốc tế uy tín. Đẩy mạnh quảng bá thông qua báo chí điện tử và mạng xã hội.

*Thứ năm*, tập trung đổi mới quản lý phát triển văn hóa, xây dựng con người trong giai đoạn mới gắn với yêu cầu phát huy bản sắc văn hóa của tỉnh để phát triển. Trong công tác quản lý văn hóa, cần vận dụng quy luật của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập quốc tế, tôn trọng quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, đẩy mạnh việc biến các giá trị văn hóa giàu bản sắc thành sản phẩm gắn kết với thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế. Nguồn lực văn hóa phong phú và đa dạng của tỉnh chỉ trở thành “vốn văn hóa” khi nào gắn kết với sản xuất và thị trường tiêu thụ, tạo ra giá trị thặng dư. Khi đó, bản sắc văn hóa kết tinh trong các giá trị văn hóa mới được nhân lên và tỏa sáng trong xã hội, vừa góp phần cho tăng trưởng kinh tế, vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa của xã hội, tạo công ăn việc làm, góp phần giảm phân hóa giàu, nghèo, phân hóa giữ các vùng, miền, các tầng lớp dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường hòa bình cho phát triển bền vững. Điều tiết sự phát triển văn hóa thông qua đòn bẩy kinh tế, thông qua việc thể chế hóa chính sách kinh tế trong văn hóa và chính sách văn hóa trong kinh tế là một nội dung rất quan trọng trong đổi mới tư duy quản lý văn hóa hiện nay. Trong đó, cần nhấn mạnh đến vấn đề xã hội hóa, khai thông, huy động các nguồn lực trong xã hội, kết hợp các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, xã hội trong quá trình phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở tỉnh Quảng Ninh. Nguồn nhân lực đóng vai trò



quyết định trong việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, nhìn chung đội ngũ nguồn nhân lực trên lĩnh vực đào tạo, quản lý và thực hành chuyên môn để xây dựng và phát triển văn hóa, con người, phát huy bản sắc địa phương đang đứng trước những yêu cầu mới, đặc biệt là những kiến thức về khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa để tạo ra các sản phẩm có giá trị cao về tư tưởng, thẩm mỹ, nghệ thuật và kinh tế. Vì vậy, tập trung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho tỉnh để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa là một ưu tiên có ý nghĩa cơ bản và cấp bách hiện nay. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực này không chỉ hạn hẹp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật mà cần mở rộng ra các kiến thức mới về khoa học, công nghệ, kiến thức về kinh tế trong sáng tạo, sản xuất và phát triển các sản phẩm văn hóa và các dịch vụ văn hóa. ❖

## QUẢNG NINH - TỪ NGUỒN LỰC VĂN HÓA ĐẾN ĐỘNG LỰC KINH TẾ

ĐINH XUÂN DŨNG

*Hội đồng Lý luận phê bình văn học nghệ thuật Trung ương*

### NHỮNG TRẢI NGHIỆM KHÓ QUÊN

Tôi có may mắn, do nhiệm vụ, công việc và cả do ý thích, trong mấy chục năm qua, đã được đi đến tất cả các tỉnh, thành phố của đất nước, có nơi đến làm việc với xã, thôn, làng... Nhưng có lẽ, ngoại trừ quê hương và thủ đô Hà Nội, vùng đất Quảng Ninh là nơi tôi được ghé thăm nhiều nhất, với rất nhiều trải nghiệm, kỷ niệm không thể nào quên.

Cách đây 59 năm, khi còn đang là sinh viên đại học, tôi có dịp tới thăm vịnh Hạ Long. Còn nhớ như in, buổi chiều năm ấy, lúc đang ở Bãi Cháy, tôi thấy máy bay bay vọt trên đầu và bắn phá dữ dội. Rồi những loạt súng ở đâu đó khắp Hòn Gai, Hạ Long bắn trả liên tục giòn giã. Sau đó, tôi được biết quân dân thành phố Hạ Long đã bắn rơi máy bay và bắt được phi công Mỹ ở gần núi Bài Thơ. Trong trận đầu chống quan Mỹ không kích ở khu mở (5-8-1964), quân dân thành phố đã bắn rơi ba chiếc máy bay Mỹ các loại. Giặc lái là phi công Mỹ đầu tiên ta bắt được tại miền Bắc.

Từ đó, Hạ Long, Bãi Cháy, Hòn Gai, núi Bài Thơ đi vào trí nhớ và tình cảm sâu đậm của tôi với niềm tự hào, kính trọng, yêu thương. Theo năm tháng, tôi đã có bốn lần cùng Bộ Tư lệnh Hải Quân và Quân khu III đi thăm và khảo sát ở Quảng Ninh, ba lần được đi cùng lãnh đạo đến làm việc với tỉnh Quảng Ninh, hai lần báo cáo, thuyết trình và khoảng năm lần đi thăm các danh lam, thắng cảnh Quảng Ninh và những việc khác... Kể lại một chút các trải nghiệm trên để tâm sự rằng, khi viết tham luận này, cùng với tư cách một người hoạt động khoa học, tôi tự coi mình là “người của Quảng Ninh”, gắn bó thực sự với Quảng Ninh gần 60 năm qua. Trong sự trải nghiệm và tình cảm mến yêu đó, tôi tâm đắc và đồng cảm với chủ đề Hội thảo khoa học: “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con

người, tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững”. Chủ đề đúng và trùng với Quảng Ninh khi trong suốt thời gian qua, tỉnh đã và đang *khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa, con người, một nguồn “tài nguyên” đặc biệt của Quảng Ninh*, đúng như tiên đoán của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn khi đến thăm Quảng Ninh từ những năm 60 của thế kỷ XX: “Than đá có thể hết nhưng nguồn lợi về Hạ Long thì vô tận”. Tài nguyên văn hóa của Quảng Ninh càng khai thác, phát huy và bảo vệ càng phát triển, nguồn lợi càng lớn, không thể cạn kiệt.

### NGHĨ VỀ NGUỒN LỰC VĂN HÓA VÀ “VỐN CON NGƯỜI”

Trong “Tuyên bố chung” tại Hội nghị thế giới về chính sách văn hóa tổ chức tại Mexico năm 1982, Tổ chức Văn hóa - Giáo dục - Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) đã khẳng định: Theo nghĩa rộng nhất, ngày nay văn hóa có thể được xem là toàn bộ phức thể những nét nổi bật về tinh thần, vật chất, trí tuệ và tình cảm đặc trưng cho một xã hội hay một nhóm xã hội. Nó không chỉ gồm nghệ thuật và văn học mà còn cả lối sống, các quyền cơ bản của con người, các hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người khả năng tự suy ngẫm về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta rõ ràng trở thành con người - sinh vật có lý trí, có óc phê phán và có sự cam kết về mặt đạo đức. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, nhận ra sự thiếu hoàn thiện của mình, xem xét những thành tựu của mình, tìm kiếm không mệt mỏi những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt quá các giới hạn của mình. Nhận diện văn hóa như vậy là nhấn mạnh và khẳng định một cách hệ thống và toàn diện các thành tố của văn hóa theo nghĩa rộng nhất của nó, đồng thời nêu bật những *ý nghĩa đặc biệt quan trọng và sâu sắc* của văn hóa đối với sự phát triển nhiều mặt của con người, đối với quá trình tự hoàn thiện của con người theo một hệ giá trị được lựa chọn. Có nghĩa là, khi nói đến văn hóa, đến nguồn văn hóa chính là bàn về quá trình và kết quả tạo ra phẩm chất, các giá trị trong con người, thuộc về con người. Một số nhà nghiên cứu về kinh tế gọi là “vốn con người”, chính là do văn hóa tạo ra. Muốn phát triển nhanh và bền vững, cần phải nuôi dưỡng, bồi đắp không ngừng nghỉ nguồn vốn đó, đúng như Federico Mayor, nguyên Tổng Giám đốc UNESCO đã khẳng định: Một sự phát triển chân chính đòi hỏi phải sử dụng một cách tối ưu nhân lực và vật lực của mỗi cộng đồng. Vì vậy, phân tích đến cùng, các trọng tâm, các động cơ và các mục đích của phát triển phải được tìm trong văn hóa. Đến nay, luận điểm cực kỳ sâu sắc này đang được thực tiễn chứng minh đầy thuyết phục, không ít nơi, không ít người đi tìm, lý giải sự phát triển ở ngoài văn hóa. Hội thảo khoa học này chính là đi tìm trong văn hóa để chỉ ra nguồn lực, động lực cho sự phát triển của Quảng Ninh - một vùng đất đậm các giá trị văn hóa độc đáo và phong phú, tạo nên bản sắc riêng có, không lẫn vào đâu được trong nền văn hóa lâu đời, đa dạng của văn hóa dân tộc Việt Nam.

## NOI HỘI TỤ CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA ĐỘC ĐÁO, HIẾM CÓ VÀ ĐỈNH CAO TẠO NÊN TIỀM LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Không nhằm mục đích thống kê hay miêu tả các di sản, sản phẩm văn hóa của Quảng Ninh qua hàng ngàn năm lịch sử vì việc làm đó vượt quá khả năng của người viết, vì vậy chỉ xin dừng lại ở một số giá trị văn hóa *độc đáo nhất và là đỉnh cao tiêu biểu của văn hóa dân tộc và cố gắng tìm ra “sức mạnh”*, sự tác động to lớn của nó đối với phát triển của Quảng Ninh những năm qua và thời gian tới.

Khi về thăm Quảng Ninh, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận xét: “Quảng Ninh là hình ảnh của một nước Việt Nam thu nhỏ”. Trên một vùng đất không lớn nhưng Quảng Ninh có cả miền núi, trung du, đồng bằng và biển, đảo. Bốn dạng địa hình đa dạng của nước ta đã hội tụ trên mảnh đất này tạo nên một bức tranh thiên nhiên kỳ ảo, vô vàn màu sắc. Quảng Ninh giữ trong lòng mình nhiều di sản *độc nhất vô nhị*, của dân tộc. Với trải nghiệm và hiểu biết có hạn, có thể chưa đầy đủ, tôi nghĩ, đó là vịnh Hạ Long, là Yên Tử, là Bạch Đằng giang và vùng than lớn nhất nước. Có lẽ cần phải khai thác, tìm hiểu sâu hơn, quảng bá có bài bản và rộng rãi hơn nữa giá trị vô cùng độc đáo của các di sản thiên nhiên, văn hóa này. Truyền thống và những dấu ấn văn hóa - lịch sử của quá khứ không còn để chỉ ngắm nhìn, thưởng ngoạn mà trở thành một bộ phận không thể tách rời với hiện tại và tương lai, tạo nên *sức mạnh* nội sinh của con người Quảng Ninh và lan tỏa trong những người đến và yêu mến Quảng Ninh. Trong ý nghĩa đó, các giá trị văn hóa thực sự là động lực của sự phát triển bền vững.

Các nhà khoa học thường chỉ ra rằng, con người làm nên văn hóa và đến lượt mình, văn hóa nuôi dưỡng, xây đắp, “sản xuất” ra các phẩm chất, giá trị trong nhân cách con người. Điều đó thể hiện vô cùng sáng rõ trong lịch sử văn hóa Quảng Ninh.

Các nhà khảo cổ học đã xác định, cách đây khoảng 5.000 năm, từ chiếc nôi Hạ Long, người tiền sử Quảng Ninh đã mở rộng địa bàn cư trú ra toàn bộ bờ biển và mặt biển Quảng Ninh, từ Móng Cái phía Đông đến Yên Hưng - phía Tây (theo Thi Sánh). Họ đã rời hang động, bắt đầu cuộc hành trình “chiếm lĩnh” vùng đất, vùng biển mới. Không biết từ bao giờ, nhiều hòn đảo trên vịnh Hạ Long mang tên người, tên vật ngộ nghĩnh như Hòn ông Lã Vọng, hòn ông Sư, hòn Đại Bàng, hòn Gà Chọi..., đến mức nhà thơ Chế Lan Viên đã cảm thấy trong đá có hồn người, tâm tình và khát vọng con người:

*Những đêm trăng đá suy nghĩ như người*

*Khi xuân đến, đá động lòng thương nhớ*

*Khi hè gọi, đá xôn xao trong dạ đá...*

(Cành phong lan bẻ)

Từ khi phát hiện chiếc trống đồng Quảng Chính tại huyện Hải Hà - một nhạc khí tiêu biểu của thời Hùng Vương, các nhà sử học đã nghĩ đến dấu ấn vua Hùng ở Quảng Ninh. Phải chăng, từ thời ấy, Quảng Ninh đã là mảnh đất “địa linh” khi dấu chân vua Hùng đã để lại nơi đây?

Trên dòng sông Bạch Đằng hùng vĩ đã có tới ba lần nhấn chìm quân xâm lược Hán, Tống, Nguyên. Đây là một di sản văn hóa vĩ đại, mà chắc rằng, chỉ có ở Quảng Ninh. Tên tuổi những người anh hùng dân tộc, những chiến binh tài ba, dũng cảm đã làm nên các chiến công đó, song nhân dân Quảng Ninh, với tình cảm vô cùng nhân hậu, không quên những người mẹ bình thường nhất đã góp phần làm nên các chiến công huyền thoại đó. Họ đã lập đền thờ để đời đời ghi nhớ công lao của bà bán nước đã cung cấp thông tin quan trọng cho Trần Hưng Đạo. Người phụ nữ nghèo đó đã được “phong” là Vua Bà và đền thờ “Vua Bà” là một di tích văn hóa - lịch sử hiếm có nằm trên khuôn viên gò đất tả ngạn sông Bạch Đằng cùng với đền thờ Trần Hưng Đạo. Yên Tử - niềm tự hào của vùng đất Quảng Ninh và của cả nước gắn liền với tên tuổi của một con người vĩ đại và vô cùng độc đáo - Thượng hoàng Trần Nhân Tông, người đã sáng lập một trường phái riêng của Việt Nam “Trúc lâm Yên Tử” mà triết lý cốt lõi của nó là “Phật tức là ĐỜI và Thiên tại TÂM”.

Có thể khẳng định rằng, vùng đất thiêng này, từ ngàn xưa cho đến hôm nay đã sản sinh và nuôi dưỡng những con người ưu tú, làm rạng danh cho quê hương, cho cả đất nước Việt Nam như các nữ tướng Lê Chân, Vĩnh Huy thời khởi nghĩa hai Bà Trưng, rồi đến Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tảng và từ đầu thế kỷ XX, người dân Quảng Ninh tôn vinh những chiến sĩ cách mạng ưu tú của vùng mỏ như Ngô Huy Tăng, Vũ Văn Hiếu... Người dân Quảng Ninh đang sống hòa mình trong một truyền thống và lịch sử văn hóa độc đáo, kỳ diệu và “đứng trên vai” những người khổng lồ đã làm nên lịch sử và văn hóa của quê hương mình.

### **VÀI SUY NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG BIẾN TIỀM LỰC VĂN HÓA THÀNH SỨC MẠNH NỘI SINH VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Những năm gần đây, Quảng Ninh đang phát triển ngoạn mục trên tất cả các lĩnh vực trọng yếu của cuộc sống, trong đó nổi bật là việc tỉnh đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp nhằm phát huy và khơi nguồn các giá trị văn hóa, con người. Để Quảng Ninh tiếp

tục là địa phương đi đầu trong hướng đi đó, khuyến nghị vấn đề gì là khó, người viết tham luận chỉ nêu vài suy nghĩ nhỏ:

*Một là*, bằng nhiều phương thức, biện pháp khác nhau, làm cho các giá trị văn hóa Quảng Ninh thấm sâu hơn nữa vào đời sống, đặc biệt đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và du lịch, dịch vụ, hạn chế đến mức thấp nhất cách làm chạy theo lợi nhuận kinh tế đơn thuần, đồng thời khuyến khích tạo ra những sản phẩm kinh tế có hàm lượng tri thức cao nhằm khẳng định dấu ấn riêng của “thương hiệu Quảng Ninh”, trong đó có ngành công nghiệp văn hóa.

*Hai là*, xây dựng chuẩn mực văn hóa người Quảng Ninh, kiên trì chỉ đạo và triển khai trong đời sống, trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt thế hệ trẻ để tạo ra những thế hệ con người Quảng Ninh mẫu mực về văn hóa, đẩy lùi, đấu tranh với cái xấu, cái ác, cái tiêu cực đang diễn ra trong đời sống. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn minh, truyền thống văn hóa dân tộc, tri thức pháp luật... để khơi dậy và phát huy tinh thần dân tộc, yêu nước, yêu quê hương, nâng cao hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật trong mỗi thanh niên Quảng Ninh, tăng sức đề kháng cho thế hệ trẻ trước những biểu hiện tiêu cực, mặt trái của xã hội và sự chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch, nhất là trên mạng xã hội.

*Ba là*, giáo dục cho thanh niên và thế hệ trẻ Quảng Ninh nhận thức rõ ý nghĩa tầm quan trọng của việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh, bởi chỉ có trên cơ sở nhận thức đúng thì mới giúp thanh niên có những hành động đúng trong việc đề ra chương trình, kế hoạch hành động có hiệu quả nhất. Không chỉ có vậy, nó còn là cơ sở, động lực cho thanh niên tích cực nghiên cứu, tìm hiểu để phát huy các giá trị đặc sắc về văn hóa các dân tộc, văn hóa biển, đảo, văn hóa công nhân vùng mỏ, sự giao thoa của nền văn minh sông Hồng trong hình thành văn hóa và con người Quảng Ninh nhằm khắc sâu, nhân rộng những truyền thống văn hóa tốt đẹp, loại bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu để những giá trị đặc sắc đó trở thành nguồn lực, sức mạnh thúc đẩy sự phát triển. ❖

## **THÁCH THỨC TỪ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG: VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM AN NINH VĂN HÓA TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở QUẢNG NINH**

**PHẠM HỒNG TUNG**

*GS, TS, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển,  
Đại học Quốc gia Hà Nội*

1. Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng cùng với sự bùng nổ của cách mạng công nghệ mới, vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng được các quốc gia - dân tộc quan tâm mạnh mẽ hơn. Ở Việt Nam, từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã và đang dành cho an ninh phi truyền thống sự quan tâm mạnh mẽ và thiết thực. Là một trong những tỉnh địa đầu của Tổ quốc, có vị thế địa - chiến lược cực kỳ quan trọng, lãnh đạo và nhân dân tỉnh Quảng Ninh cũng đã và đang rất quan tâm đến các vấn đề, các phương diện của lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Gần đây nhất, tỉnh Quảng Ninh đã phối hợp với Viện An ninh phi truyền thống của Khoa Quản trị và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công một số đề tài nghiên cứu và các hội thảo khoa học<sup>(1)</sup>. Đây là một minh chứng cho thấy tầm nhìn xa rộng và tinh thần thực tiễn rất thiết thực của lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh nhằm bảo vệ Tổ quốc ở nơi địa đầu từ xa, từ sớm và bảo vệ một cách toàn diện, bền vững, trên nhiều phương diện. Sự vào cuộc, chung tay của Viện An ninh phi truyền thống, một đơn vị nghiên cứu có uy tín cũng cho thấy lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh rất tin cậy và coi trọng vai trò tư vấn của các cơ quan chuyên môn. Đây là điều thiết nghĩ cần được tiếp tục phát huy tốt hơn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, xem xét kỹ cách tiếp cận và các hệ vấn đề đã và đang được quan tâm thì có thể thấy vấn đề an ninh văn hóa còn lộ ra nhiều khoảng trống không nhỏ cần phải được làm rõ và bổ khuyết. Thực tế là chúng ta chưa bao giờ quan tâm đến vấn đề này một cách đầy

(1) <https://www.quangninh.gov.vn/chuyen-de/dichcorona/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=114609>

đủ, thiết thực, tương xứng với tầm mức quan trọng của nó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong sự nghiệp phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và bùng nổ cách mạng công nghiệp mới như hiện nay.

Ngược dòng lịch sử, có thể thấy lớp lớp các thế hệ cha ông ta đã luôn gắn chặt sự nghiệp bảo đảm an ninh văn hóa cho cộng đồng dân tộc với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều này có căn nguyên lịch sử, khi mà suốt chiều dài hàng nghìn năm, dân tộc ta luôn vừa phải *một mặt* đấu tranh kiên trì, bền bỉ chống lại các làn sóng xâm lăng văn hóa, đồng hóa văn minh của ngoại bang, *mặt khác* lại vừa phải rộng mở, khoan hòa, để tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa và các thành tựu văn minh từ bên ngoài để vun bồi, củng cố nền văn hóa dân tộc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự phát triển bùng nổ của cách mạng công nghiệp mới, vấn đề an ninh văn hóa đang được đặt ra cấp bách và phức tạp hơn bao giờ hết. Toàn cầu hóa nói chung và toàn cầu hóa văn hóa nói riêng trước hết cần phải được xem như một cơ hội lịch sử đối với Việt Nam nói chung và với Quảng Ninh nói riêng, để có thể biến các tài nguyên văn hóa thành vốn văn hóa, thông qua phát triển công nghiệp văn hóa để tạo nên những nguồn sức mạnh mềm to lớn, những nguồn xung lực mới trong phát triển bền vững. Thông qua đó mà đưa hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam đến với thế giới và tỏa sáng, đồng thời cũng thông qua đó mà tiếp nhận thêm được những tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu có thêm hành trang văn hóa của con người và quê hương.

*Nhưng toàn cầu hóa văn hóa, trên thực tế, cũng đang là những làn sóng xâm thực văn hóa toàn cầu.* Từ hàng chục năm nay giới trí thức và chính khách ở nhiều nước đã và đang tranh luận rất sôi nổi về những vấn đề, như “bản sắc dân tộc ở đâu trong thế giới toàn cầu hóa”, “cái gì là văn hóa “dẫn đạo” của Đức”; “Văn hóa quy phạm trong thế giới toàn cầu hóa”... Như vậy, an ninh văn hóa là một nỗi lo ngại có thực và không chỉ đối với riêng một quốc gia - dân tộc nào.

*Ở bình diện học thuật, người ta đã đề xuất những cách hiểu khác nhau về an ninh văn hóa.* Một trường phái ở Australia cho rằng “An ninh văn hóa là một triết lý, một phương thức vận hành để bảo đảm rằng tất cả các cá nhân và các nhóm đều được đối xử trên cơ sở quan tâm đến sự khác biệt và yêu cầu đối với tính riêng biệt về văn hóa của mình”<sup>(1)</sup>. Trong khung cảnh của nước Australia, nơi mà vấn đề bảo tồn, bảo vệ nền văn hóa của dân cư bản

(1) <https://www.notredame.edu.au/majarlin/about/cultural-security#:~:text=Cultural%20security%20is%20a%20philosophy,unique%20cultural%20needs%20and%20differences>



địa luôn luôn là một vấn đề nhạy cảm, nóng bỏng, thì cách đặt vấn đề như trên là phù hợp. Suy rộng ra, an ninh văn hóa là sự bảo đảm cả về tư tưởng và hành động đối với quyền được bảo đảm sự khác biệt, tính độc đáo về văn hóa của tất cả các cá nhân và cộng đồng người. Và, theo cách hiểu đó, quyền được bảo đảm an ninh văn hóa là một quyền cơ bản của con người, là bảo đảm an ninh con người.

*Tiếp cận từ một phương diện khác, vấn đề an ninh văn hóa lại được nhìn nhận từ góc độ chủ quyền văn hóa. Và, ở đây cũng có hai cách hiểu khác nhau. Trên phạm vi hẹp, “chủ quyền văn hóa” của cá nhân và của cộng đồng người chính là quyền được thực hành những nghi thức, những hoạt động văn hóa của mình một cách tự do, không thể bị cấm đoán hoặc bị cưỡng ép làm cho sai lệch, nếu sự thực hành đó không phương hại đến sự thực hành văn hóa của cá nhân hay cộng đồng khác. Khi quyền đó được bảo đảm thì tức là an ninh văn hóa được bảo đảm, con người được thực hành hoạt động văn hóa, được khẳng định giá trị văn hóa và được tự hào một cách chính đáng về truyền thống văn hóa của mình<sup>(1)</sup>.*

*Ở phạm vi rộng lớn hơn, chủ quyền văn hóa được xem là một bộ phận cấu thành quan trọng của chủ quyền quốc gia, giống như cương vực, lãnh thổ, lãnh hải, không phận, chủ quyền kinh tế, chủ quyền chính trị... Bất kể một hợp phần nào của chủ quyền quốc gia bị xâm hại, bao gồm chủ quyền văn hóa, thì an ninh quốc gia cũng bị xâm hại. Vì vậy, quốc gia nào cũng có một số biểu tượng quốc gia như quốc kỳ, quốc ca, quốc huy, tín ngưỡng, ngôn ngữ,... được quốc gia đó bảo vệ đặc biệt. Thậm chí một số quốc gia còn xác định một loạt biểu tượng khác được bảo hộ, bảo vệ đặc biệt, như quốc hoa, quốc bảo, hình tượng một số công trình kiến trúc, tên tuổi, uy tín của một số danh nhân, anh hùng dân tộc, quốc phục, vũ điệu...*

Tất cả những biểu tượng cụ thể đó vừa tiêu biểu cho chủ quyền quốc gia, danh dự, uy tín quốc gia, đồng thời cũng là biểu tượng của bản sắc văn hóa của quốc gia - dân tộc. Vì thế, chúng được coi như đối tượng chính của an ninh văn hóa của một đất nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, các ngành công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo đã và đang phát triển vô cùng mạnh mẽ, trở thành nguồn sức mạnh mềm quan trọng, xuyên thủng các đường biên giới mềm trở thành những làn sóng cạnh tranh mạnh

---

(1) Souder, Laura M. Torres, “what is cultural sovereignty”, in: The Guam Daily Post, Aug 15, 2021 Updated Sep 14, 2021. [https://www.postguam.com/forum/featured\\_columnists/what-is-cultural-sovereignty/article\\_567e20fe-fbf0-11eb-aca5-6b70cecf7753.html#:~:text=Cultural%20sovereignty%20is%20a%20state,customs%20with%20pride%20and%20legitimacy](https://www.postguam.com/forum/featured_columnists/what-is-cultural-sovereignty/article_567e20fe-fbf0-11eb-aca5-6b70cecf7753.html#:~:text=Cultural%20sovereignty%20is%20a%20state,customs%20with%20pride%20and%20legitimacy)

mẽ thì chủ quyền văn hóa, an ninh văn hóa còn được nhấn mạnh ở hai phương diện rất quan trọng:

*Thứ nhất* là tiếp cận từ quyền sở hữu trí tuệ vốn đã được quy định bởi Công ước Berne và nhiều bộ luật của các quốc gia. Tuy vậy, thực tế ở Việt Nam và trên thế giới đang cho thấy tình trạng vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ đang khá phổ biến, với rất nhiều hình thức khác nhau, và với diễn thế ngày một phức tạp. UNESCO và nhiều nước đều coi đây là một trong những vấn nạn lớn về an ninh văn hóa.

Cũng từ phương diện này, một vấn đề còn phức tạp hơn, còn chưa được nhiều người quan tâm đầy đủ, là *vấn đề bảo đảm quyền của chủ nhân văn hóa*. Bất kỳ sản phẩm văn hóa nào, di sản vật thể hay phi vật thể, đều có chủ nhân đã tạo ra chúng. Họ chính là *chủ nhân tác tạo*, hay chủ nhân đích thực của di sản. Tuy nhiên, trên thực tế có rất nhiều di sản không còn thuộc sở hữu của chủ nhân tác tạo, vì nhiều nguyên nhân khác nhau. *Chủ nhân sở hữu* nhiều khi không có mối liên hệ nào với chủ nhân tác tạo, vì họ có thể sống cách nhau nhiều thế kỷ và không hề có mối quan hệ huyết thống hay thừa kế nào. Vì vậy, khi bảo đảm an ninh văn hóa là vừa phải bảo đảm những giá trị của di sản do chủ nhân tác tạo gửi gắm vào di sản, nhưng đồng thời lại phải bảo đảm cả quyền và lợi ích của chủ nhân sở hữu di sản.

*Thứ hai, tiếp cận từ quan điểm thị trường văn hóa và nguy cơ thao túng giá trị, thao túng văn hóa và xâm lăng văn hóa*. Đối với sự phát triển của công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo thì thị trường chắc chắn đóng vai trò rất quan trọng. Bằng nhiều cách thức khác nhau, các sản phẩm công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo của các công ty, các nước sẽ tìm cách chiếm lĩnh, tiến tới thống trị các thị trường, từ thị trường quốc nội cho tới thị trường quốc tế. Trên cơ sở chiếm lĩnh được thị trường, các hình thái độc quyền chính thức hoặc phi chính thức sẽ xuất hiện, dần dần, thông qua đó họ sẽ tìm cách định hướng sở thích tiêu dùng của nhân dân các nước đối với sản phẩm của họ. Các loại hình hàng hóa văn hóa như thời trang, điện ảnh, internet, mạng xã hội (như facebook, twitter, tiktok,...), các phần mềm, các app của điện thoại thông minh,... là những ví dụ điển hình của quá trình này. Điều cần nhấn mạnh là thông qua thao túng thị trường văn hóa và định hướng sở thích của người tiêu dùng, các thế lực sở hữu sức mạnh công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo sẽ thao túng giá trị, thẩm mỹ, tình cảm, đạo đức và niềm tin của người dân. Thao túng giá trị chính là điều mà cha đẻ của lý thuyết công nghiệp văn hóa là Andorno và Hokheimer đã cảnh báo từ ngay sau Thế chiến II.

Rõ ràng là cả trên phương diện học thuật và thực tiễn, an ninh văn hóa đang ngày càng trở thành một địa hạt rất quan trọng của lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Bảo đảm an

ninh văn hóa không chỉ còn giới hạn trong phạm vi hẹp là bảo đảm quyền văn hóa (bao gồm quyền được bộc lộ và thực hành các hành vi văn hóa, quyền nói và viết bằng tiếng mẹ đẻ, quyền được thụ hưởng văn hóa,...), mà còn là bảo đảm chủ quyền quốc gia về văn hóa, tức là bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện đúng công ước quốc tế và pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, quyền của người chủ nhân văn hóa (chủ nhân tác tạo và chủ nhân sở hữu). Bảo đảm an ninh văn hóa cũng là bảo vệ môi trường văn hóa, chiếm lĩnh thị trường văn hóa để tăng cường nội lực, phát huy sức mạng mềm Việt Nam, là phát triển thành công công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo để chống “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa, chống lại các làn sóng xâm thực văn hóa và thao túng giá trị của ngoại bang, mở đường hội nhập thành công của Việt Nam theo phương châm: Hội nhập mà không hòa tan; Hội nhập để tỏa sáng và phát triển bền vững.

2. Quảng Ninh là một tỉnh địa đầu của Tổ quốc với những lợi thế rất to lớn về văn hóa để phát huy và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo, khơi thông các nguồn lực nội sinh để tạo thành nguồn xung lực mạnh mẽ trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững. Tuy nhiên, Quảng Ninh cũng là địa bàn đang đối diện với nhiều nguy cơ an ninh văn hóa khá đa dạng và phức tạp. Bên cạnh những nguy cơ, thách thức chung của cả nước (như đã chỉ ra ở phần trên) thì Quảng Ninh có những nguy cơ, thách thức riêng. Làm rõ điều này chính là góp phần cung cấp cho lãnh đạo tỉnh có thêm luận cứ khoa học và thực tiễn để hoạch định và thực thi các giải pháp, chính sách phù hợp trong lĩnh vực văn hóa.

Ở đây, chúng tôi xin tiếp cận vấn đề an ninh văn hóa của tỉnh Quảng Ninh từ ba phương diện: 1) Là địa phương có sự đa dạng văn hóa cao; 2) Là một tỉnh địa đầu của Tổ quốc; 3) Là tỉnh đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình “tăng trưởng nâu” sang mô hình “tăng trưởng xanh” và phát triển bền vững, đi đầu trong mở cửa, đổi mới, hội nhập với khu vực và thế giới.

*Quảng Ninh là tỉnh có độ đa dạng văn hóa cao, có nguồn tài nguyên văn hóa vô cùng phong phú*

Người ta thường nhắc câu nói của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, rằng “Quảng Ninh là hình ảnh đất nước Việt Nam thu nhỏ”<sup>(1)</sup>. Điều này hoàn toàn đúng, nếu nhìn từ góc độ đa dạng văn hóa. Sự đa dạng, phong phú của văn hóa Quảng Ninh trước hết nằm ở *cấu trúc hệ địa - sinh thái* của tỉnh: vừa có vùng núi, gò đồi, đồng bằng, lại có các vùng cửa sông, duyên hải và biển đảo. Có thể hình dung mỗi không gian địa - sinh thái đó là một loại hình không gian văn hóa với những đặc tính và đời sống văn hóa có dáng nét và bộ đỡ văn minh

(1) <https://baoquangninh.vn/mo-cua-bau-troi-cho-mot-viet-nam-thu-nho-2330532.html>

riêng. Sự đa dạng văn hóa của Quảng Ninh còn bắt nguồn từ *hành trình lịch sử của địa phương trong diễn trình lịch sử dân tộc và lịch sử khu vực*. Những chứng tích khảo cổ học và lịch sử không chỉ cho thấy Quảng Ninh là một trong những nơi có con người tụ cư sớm, mà còn là nơi đã diễn ra những cuộc tiếp xúc, giao lưu văn hóa, văn minh sớm và xuyên suốt chiều dài hàng nghìn năm lịch sử. Quảng Ninh có dải non thiêng Yên Tử với những di sản văn hóa Đạo giáo, Phật giáo và Nho giáo rất đặc sắc, có thương cảng quốc tế Vân Đồn không chỉ là nơi buôn bán mà còn là nơi ghi dấu những chiến công oanh liệt và cũng chính là nhịp cầu giao lưu văn hóa bền vững nhiều thế kỷ. Quảng Ninh cũng chia sẻ vùng sông nước Bạch Đằng Giang, nơi hào khí non sông đã nhiều lần tỏa rực, vang dội đến mai sau; Quảng Ninh lại là vùng đất mở - nơi tiêu biểu nhất cho truyền thống đấu tranh cách mạng của công nhân Việt Nam - một biểu tượng sáng ngời của truyền thống văn hóa cách mạng. Và giờ đây, Quảng Ninh cũng là địa bàn ghi nhận những chuyển biến rất đặc sắc của thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Chỉ điểm qua những nét chính như thế cũng đủ cho thấy sự phong phú, đa dạng và tầm vóc to lớn như thế nào của cơ tầng và tài nguyên văn hóa Quảng Ninh.

Nhưng trong lịch sử cũng như hiện nay, nếu những nguồn tài nguyên đó không được nhận diện đầy đủ và không được bảo tồn và phát huy đúng đắn thì chính khi đó các nguy cơ xâm hại, làm biến dạng các di sản, làm hao mòn các nguồn lực đã, đang và sẽ diễn ra.

*Một trong những yếu tố làm nên sự đa dạng, phong phú của văn hóa Quảng Ninh chính là ở cấu trúc tộc người của tỉnh*. Quảng Ninh hiện có 22 dân tộc cùng chung sống, gồm người Kinh (Việt, chiếm khoảng 87,47% dân số) và 21 dân tộc thiểu số (chiếm khoảng 12,53% dân số), như Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chay, Hoa, Nùng, Thái, Mông, Giáy...<sup>(1)</sup>. Mỗi dân tộc có truyền thống văn hóa, có di sản văn hóa và đời sống văn hóa với những dáng nét riêng. Tất cả những yếu tố đó tạo nên bản sắc văn hóa của từng dân tộc, và ở tầm cao hơn, văn hóa của 22 dân tộc đó tạo nên tài nguyên văn hóa phong phú của tỉnh Quảng Ninh, thống nhất trong đa dạng và của những sắc thái đa dạng đó. Bảo đảm an ninh văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa của con người Quảng Ninh cũng chính là bảo đảm, giữ gìn bản sắc văn hóa của toàn bộ cộng đồng và của từng dân tộc anh em trên địa bàn tỉnh. Đường lối của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước ta cũng đều coi đó là mục đích, là nhiệm vụ, là quyền và nghĩa vụ của chính quyền và nhân dân. Nhưng trên thực tế, đây là vấn đề không đơn giản. Trước sức ép của các quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa, của hội nhập và toàn cầu hóa, bản sắc văn hóa của các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số đang hàng ngày hàng giờ

(1) <https://www.quangninh.gov.vn/bannganh/bandantoc/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=1021>

bị đe dọa. Về nhận thức, cần phải khẳng định một điều là: không ai có thể làm thay đồng bào của các dân tộc trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của chính dân tộc mình. Nhưng chúng ta đã và sẽ tạo điều kiện như thế nào để đồng bào các dân tộc tự mình làm được điều đó? Cần phải có những nghiên cứu để đưa ra những giải pháp cụ thể, giàu tính thực tiễn cho từng dân tộc, trên mỗi địa bàn cụ thể.

Từ phương diện an ninh văn hóa, có khá nhiều điều đáng lưu tâm về vị thế địa đầu của tỉnh Quảng Ninh, ở cả hai chiều lợi thế và thách thức.

Về lợi thế, Quảng Ninh có nhiều nhịp cầu, nhiều cửa mở để tiếp xúc và giao lưu văn hóa với Trung Quốc và các nước khác, thông qua đó có thể giới thiệu và phát huy cao độ được giá trị của các tài nguyên văn hóa của tỉnh và của Việt Nam. Đây là lợi thế riêng có của các tỉnh địa đầu. Cùng là một di sản, một vật phẩm văn hóa, ở những địa phương nội địa thì khó tạo được sự hấp dẫn như ở Quảng Ninh.

Nhưng là tỉnh địa đầu, Quảng Ninh cũng là “chốt tiền tiêu”, là “tiền tuyến” đương đầu sớm nhất và cam go nhất với các dạng thức xâm thực truyền thống và phi truyền thống. Cho nên, Quảng Ninh chính là “phên dậu”, là “thành lũy” bảo vệ Tổ quốc từ sớm, trong cả thời chiến và thời bình, cả trong phát triển kinh tế, văn hóa, quản trị xã hội, ngoại giao, chính trị và quốc phòng - an ninh.

Lợi thế, cơ hội cũng như thách thức, nguy cơ trước hết nằm ở những loại hoạt động xuyên biên giới. Bên cạnh những hoạt động xuyên biên giới phổ quát, chúng tôi xin nhấn mạnh hai loại hoạt động đặc biệt cần lưu ý, xét từ khía cạnh an ninh, nhất là an ninh văn hóa.

Một là, Quảng Ninh là địa bàn cư trú của một số dân tộc thiểu số có địa bàn sinh sống vắt ngang đường biên giới Việt - Trung, đó là các dân tộc như Hoa, Mông, Sán Dìu... Những dân tộc này vẫn thường xuyên duy trì những quan hệ tộc người xuyên biên giới, cùng với đó là các hoạt động kinh tế, hôn nhân, tôn giáo, văn hóa... Đây chính là những nhịp cầu hữu nghị, hỗ trợ cho các hoạt động giao lưu văn hóa xuyên biên giới, giúp các cộng đồng dân cư sống ở hai bên đường biên giới quốc gia thêm hiểu biết lẫn nhau và đó là cơ sở thúc đẩy các hoạt động giao lưu, hợp tác giữa hai quốc gia. Tuy nhiên, những mối liên hệ tộc người xuyên biên giới này cũng rất dễ bị các thế lực xấu lợi dụng và lạm dụng, biến thành những đường “kênh dẫn” cho các hoạt động bất hợp pháp (tội phạm hình sự, buôn lậu, gián điệp, khủng bố,...) hoặc du nhập những vật phẩm, những giá trị văn hóa ngoại lai.

Không riêng gì Việt Nam mà các nước có hiện tượng tộc người vắt ngang đường biên giới quốc gia thì đều coi đây là vấn đề nhạy cảm, vì nó liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và đến quan hệ bang giao giữa các nước. Vì vậy, thay vì coi đó như chủ đề cấm kỵ, né tránh thì nên coi đó là vấn đề cần được quan tâm đặc biệt, nghiên cứu và triển khai những biện pháp, chính sách phù hợp để phát huy lợi thế, những yếu tố tích cực, đồng thời ngăn ngừa, đẩy lùi và loại bỏ những nguy cơ.

*Hai là vấn đề du lịch xuyên biên giới.* Đây là một loại hình du lịch phổ biến được tổ chức ở các khu vực biên giới giữa các quốc gia, ngay cả khi các đường biên giới đã “mở toang” như giữa các nước trong khối Schengen. Khách du lịch có thể là cư dân sống ở khu vực biên giới, nhưng cũng có thể là du khách đến những điểm, những địa phương ở cả hai bên đường biên nhờ vào những tấm thẻ hay giấy phép đặc biệt để qua lại trong khu vực biên giới. Ở đó, họ được tham quan, được thưởng thức những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, các hoạt động văn hóa, món ăn, tham dự các hoạt động mua bán, vui chơi, lễ hội, tôn giáo... Thông thường thì du khách sẽ được các giới thiệu vốn là nhân viên của công ty du lịch nước này hoặc nước kia (ví dụ: khách du lịch từ Trung Quốc sang vùng biên ở Quảng Ninh thì do Trung Quốc hướng dẫn, giới thiệu bằng tiếng Trung). Đây là một nguồn lực, một loại hình du lịch có nhiều lợi thế và cơ hội phát triển. Nhưng trên thực tế, loại hình du lịch này thường phát sinh những vấn đề không kém phần phức tạp. Ở một số nơi người ta có thể vô tình (hoặc cố ý) giới thiệu không đúng làm sai lệch những thông tin lịch sử, văn hóa của quốc gia láng giềng; hoặc lợi dụng hoạt động du lịch xuyên biên giới để buôn lậu, du nhập những vật phẩm văn hóa trái với thuần phong mỹ tục của nước láng giềng... Rõ ràng là ở đây cũng đặt ra vấn đề cần nghiên cứu cẩn trọng để đưa ra những chính sách, những giải pháp phù hợp để phát huy lợi thế, phòng ngừa và loại bỏ các nguy cơ và các yếu tố độc hại.

3. Quảng Ninh đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình “tăng trưởng nâu” sang mô hình “tăng trưởng xanh” và phát triển bền vững, đi đầu trong mở cửa, đổi mới, hội nhập với khu vực và thế giới.

Sau thời gian thử nghiệm, đến khoảng hơn chục năm gần đây lãnh đạo và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xác định việc chuyển đổi mô hình phát triển, từ “tăng trưởng nâu” sang “tăng trưởng xanh” và phát triển bền vững. Chúng tôi cho rằng đây là lựa chọn đúng đắn, đúng đắn, có tầm nhìn xa rộng của lãnh đạo tỉnh. “Tăng trưởng nâu”, trong đó trọng điểm là công nghiệp khai thác than, đã từng là một thế mạnh riêng có, là điểm tựa kinh tế và niềm tự hào của tỉnh suốt hơn 100 năm. Giờ đây, xác định giảm dần, chuyển đổi mô hình

tăng trưởng là quyết định không dễ dàng, vì nó gắn với sinh kế của hàng trăm nghìn công nhân và gia đình họ. Nhưng việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững là lựa chọn tất yếu, không thể khác, và cho đến nay, quá trình này ở tỉnh Quảng Ninh đã diễn ra khá thành công.

Từ góc nhìn văn hóa, có thể khẳng định chắc chắn rằng quá trình chuyển đổi này sẽ làm đảo lộn một số giá trị văn hóa, làm cho một số yếu tố của đời sống văn hóa cũ dần dần bị loại bỏ và một đời sống văn hóa mới sẽ từng bước được xác lập. Trong quá trình đó chắc chắn sẽ xuất hiện những vấn đề an ninh văn hóa.

Rõ nhất là trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Trước kia con người được coi là chúa tể của giới tự nhiên, có sứ mệnh cải tạo và khai thác tự nhiên, còn giờ đây con người là bạn, phải tìm cách cộng sinh thân thiện với giới tự nhiên. Bảo vệ tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và môi trường, vì vậy là phương thức và là một mục tiêu phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh. Đó không chỉ là chính sách, là luật pháp mà phải là hành vi ứng xử hằng ngày của mỗi người dân Quảng Ninh.

Quảng Ninh cũng là một trong những tỉnh thành đi tiên phong trong các nỗ lực đổi mới và hội nhập quốc tế, và đương nhiên, trong quá trình đó cũng đã và đang xuất hiện không ít những vấn đề, những tình huống an ninh văn hóa, cả thành công và cả chưa thành công. Việc vịnh Hạ Long và khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử trở thành những điểm đến du lịch nổi tiếng thế giới chính là đã góp phần tạo dựng thương hiệu, hình ảnh và uy tín quốc gia. Chỉ riêng điều này đã là kết quả tổng hợp của nhiều nỗ lực đổi mới, từ đổi mới thể chế, chính sách, phát triển kết cấu hạ tầng cho đến cải thiện văn hóa kinh doanh, ẩm thực và văn hóa ứng xử của người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những bất cập và cả những khuyết điểm, sai lầm cũng không cần phải tiếp tục được nhìn nhận rõ để kịp thời khắc phục. Hiện tượng tổ chức các sự kiện văn hóa nhằm nhí, như tôn vinh “nhà thơ thế giới, đại sứ quyền năng tâm, tài, đức” Tống Thu Ngân<sup>(1)</sup>, hay những nghi lễ cúng giải “oan gia trái chủ” ở chùa Ba Vàng<sup>(2)</sup>, vì bất cứ lý do gì, cũng là những hành vi, những hoạt động phản văn hóa, làm phương hại đến an ninh văn hóa của Quảng Ninh và của đất nước. Đó là chưa kể tới những hoạt động tội phạm, đánh bạc, băng nhóm giang hồ, buôn bán người, tham nhũng,... cũng không chỉ là tội phạm hình sự hay tội phạm kinh tế mà còn là tội phạm văn hóa, vì chúng làm xấu đi hình ảnh của con người, đất nước và quê hương Quảng Ninh.

---

(1) <https://tuoitre.vn/vu-nha-tho-the-gioi-tong-thu-ngan-dung-co-xuy-cho-tinh-hao-danh-20221227110022611.htm>

(2) <https://vietnamnet.vn/tru-tri-chua-ba-vang-van-khang-dinh-oan-gia-trai-chu-co-that-515262.html>

Quảng Ninh là một tỉnh giàu tiềm năng phát triển đã và đang khai thác, phát huy khá tốt các tiềm năng, biến chúng thành các nguồn lực và các nguồn vốn trong quá trình phát triển bền vững của địa phương. Trong lĩnh vực văn hóa, có thể khẳng định chắc chắn rằng lãnh đạo và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã và đang làm được nhiều việc để khơi nguồn phát triển và đổi mới, để văn hóa trở thành một lợi thế phát triển của tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, trên thực tế đã và đang xuất hiện những nguy cơ, những thách thức trong lĩnh vực văn hóa. Tiếp cận các vấn đề trên từ phương diện an ninh văn hóa - một địa hạt của an ninh phi truyền thống, an ninh quốc gia, chúng tôi đã bước đầu chỉ ra những biểu hiện và tầm mức của một số vấn đề, trước hết là để cảnh báo và sau đó là để cung cấp thêm những luận cứ, những cơ sở cho quá trình chính sách ở địa phương.

Đương nhiên, mỗi vấn đề, loại vấn đề cụ thể thì cần có giải pháp hoặc chính sách cụ thể. Song, một giải pháp tổng thể mà chúng tôi xin kiến nghị ở đây, nhằm giúp cho tỉnh Quảng Ninh một mặt vừa khơi thông, phát huy cao độ được lợi thế của các nguồn lực văn hóa, đồng thời đó cũng là cách bảo đảm an ninh văn hóa một cách toàn diện, bền vững và hiệu quả: đó là *ban hành và tổ chức triển khai sớm chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo*.

Về cơ sở chính trị và pháp lý, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành các văn kiện cung cấp đầy đủ cơ sở và luận chứng cho việc này, đó là Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam (ban hành năm năm 2016) của Chính phủ và Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2021. Thành ủy Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22-2-2022, về “Phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND, ngày 12-8-2022, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22-2-2022 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045”.

Phát triển công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo đã và đang là xu thế phổ biến, không thể đảo ngược nhằm phát triển sức mạnh mềm quốc gia. Đây cũng là giải pháp tổng thể tốt nhất để khơi thông các tiềm năng, phát huy cao độ và hiệu quả các nguồn lực văn



hóa, giải quyết hài hòa, bền vững mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, giữa kinh tế và văn hóa, giữa chủ động hội nhập và tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại với bảo đảm chủ quyền, an ninh văn hóa và bảo đảm phúc lợi văn hóa cho người dân.

Để ban hành và triển khai thành công chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo, tỉnh Quảng Ninh cũng cần đặt chiến lược này trong chiến lược tổng thể phát triển bền vững của tỉnh, nhất là trong quy hoạch chiến lược phát triển các đô thị đổi mới sáng tạo, các không gian đổi mới sáng tạo của địa phương.

Tỉnh ủy Quảng Ninh cũng đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Tỉnh ủy Quảng Ninh “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, thuộc hàng sớm nhất cả nước. Bước đi tiếp theo để thực hiện Nghị quyết nói trên và Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV là ban hành chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo với những hệ thống giải pháp cụ thể, phù hợp. ❖

## TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, BỀN VỮNG VÀ NHÂN VĂN QUẢNG NINH

NHỊ LÊ

*TS, nguyên Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản*

Văn hóa làm nên nền chính trị Việt Nam. Đó là Quốc chính Việt Nam. Văn hóa làm nên niềm tin. Đó là Quốc tín Việt Nam,... Không có những nhân tố đó thì không có Quốc thể Việt Nam. Một quốc gia mà không có quốc chính, không có quốc tín thì khó có thể có Quốc thể một cách ngang tầm và xứng đáng. Đó chính là văn hóa vậy và xét cho cùng lại không thể là gì khác, ngoài văn hóa.

Càng tiến vào thế kỷ XXI, khi lịch sử phát triển của thế giới là lịch sử ngắn hạn, kinh nghiệm thành công của các nước phát triển càng chỉ rõ và khẳng định, bất cứ một quốc gia, dân tộc nào muốn phát triển bền vững, không thể đi bằng một “đôi chân” khập khiễng, mà suy cho cùng, chỉ bằng văn hóa hoặc bằng kinh tế, dù xét theo nghĩa rộng nhất hay hẹp nhất của những vấn đề này. Không thể nói tới sự phát triển cân bằng, bền vững nếu chỉ khi đạt được sự thành công về văn hóa (dù một cách độc lập hay giữ vị thế đi tiên phong xã hội) hoặc chỉ khi kinh tế tăng trưởng ngoạn mục (dù mang tính quyết định hay cơ bản và quan trọng tới đâu); và ngược lại.

Lịch sử phát triển của thế giới (và đất nước hiện nay) là *lịch sử của sự phát triển ngắn hạn*, nhất là về kinh tế. Một ngày kinh tế có thể thăng tiến bằng cả mười năm, thậm chí cả trăm năm, với tốc độ vũ bão. Người ta có thể đạt được sự tăng trưởng, thậm chí nhảy vọt về kinh tế, chỉ trong vài chục năm. Nhưng, để có một nền văn hóa lại đòi hỏi nhiều trăm năm, thậm chí cả ngàn năm. Một dân tộc sẽ không thể gọi là dân tộc hoàn thiện, khi không có văn hóa dân tộc, dù kinh tế có thể đạt được mức tăng trưởng kinh ngạc nhất thời nào đó. Kinh nghiệm lịch sử của những quốc gia hoạch phát, hoạch tàn về kinh tế và xã hội đều cho thấy, họ thường thiếu một triết lý văn hóa về phát triển, cụ thể hơn là *một nền văn hóa của sự phát triển bền vững*.

Trước bối cảnh mới, thực tiễn mấy chục năm qua và đặc biệt 37 năm đổi mới càng cho thấy, trong quá trình phát triển, phải bảo đảm sự cân bằng và hài hòa một cách toàn diện giữa các phương diện phát triển chính trị - kinh tế - văn hóa và xã hội, chưa bao giờ như bây giờ, chúng ta cần một triết lý phát triển Việt Nam. Tất cả công việc đổi mới, sáng tạo, chúng ta phải nhằm tới kiến tạo triết lý văn hóa của sự phát triển bền vững Việt Nam. Nghĩa là, chúng ta phải vươn tới xác lập một nền văn hóa của sự phát triển mạnh mẽ, bền vững và nhân văn, với nền tảng là bản sắc văn hóa dân tộc và hiện đại - và xung lực là kinh tế tri thức, kinh tế số - và môi trường sinh thái phát triển hài hòa, bảo đảm sự ổn định toàn vẹn nền chính trị đất nước trên con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, trong thời đại ngày nay.

Quảng Ninh không nằm ngoài xu thế tất yếu đó.

## **1. VẤN ĐỀ VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI QUẢNG NINH VỚI SỰ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, BỀN VỮNG, NHÂN VĂN TRONG XU THẾ ĐỔI MỚI VÀ THỜI ĐẠI**

Không đâu ở nước ta, mang nét độc nhất vô nhị về địa tự nhiên, địa chính trị, địa văn hóa, địa xã hội như Quảng Ninh.

Có thể khái lược: 1- Giữ vị trí trọng yếu ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc, có đường biên giới trên bộ, trên biển với Trung Quốc; 2- Kỳ quan Hạ Long 2 lần được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới kết nối với những đặc sắc của vịnh Bái Tử Long, vịnh Lan Hạ; 3- Trữ lượng than với chất lượng tốt nhất, trữ lượng lớn nhất Đông Nam Á; là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam; 4- Di sản nhà Trần với các giá trị nhân văn về Phật pháp, tâm linh, quyết tâm dựng nước, giữ nước trải dài từ non thiêng Yên Tử (Uông Bí) - nơi duy nhất có nhà vua từ bỏ ngai vàng lên núi hóa Phật, để lại thiên phái mang bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam với tư tưởng đạo pháp với dân tộc và đại đoàn kết các tôn giáo - đến Ngọa Vân (Đông Triều), Bạch Đằng Giang (Quảng Yên), Cửa Ông (Cẩm Phả); 5- Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa của nền văn minh sông Hồng. Đó là những tiềm năng, lợi thế, cơ hội để Quảng Ninh phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch nhanh, bền vững.

Quảng Ninh đang đối mặt các mâu thuẫn, thách thức để lựa chọn chiến lược, phương thức phát triển: *Một là*, tỉnh có 4 thành phố, 2 thị xã, song có trên 60% đơn vị hành chính cấp xã (109/177) là miền núi, biên giới, hải đảo. Đồng bào 22 dân tộc, trong đó có 21 dân tộc thiểu số chỉ chiếm 12,31% dân số toàn tỉnh, nhưng lại cư trú trên hơn 85% diện tích của tỉnh, chủ yếu ở địa bàn miền núi, hải đảo, biên giới khó khăn nhưng có vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng - an ninh. Gần 50% dân số sống ở vùng nông thôn, miền núi

nhưng chỉ đóng góp 5,1% GRDP. Khoảng cách giữa 20% người giàu nhất với 20% người nghèo nhất trong tỉnh chênh lệch trên 8 lần. *hai là*, mâu thuẫn giữa tiềm năng lớn chưa được phát huy với các thể chế, cơ chế, chính sách còn chưa phù hợp với tình hình mới; giữa yêu cầu phát triển với các nguồn lực có hạn cả về con người và vật chất; giữa khai thác than, phát triển công nghiệp nặng, đô thị hóa nhanh với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn; giữa tốc độ phát triển và chất lượng tăng trưởng. *Ba là*, thách thức giữa phát triển nhanh, bền vững với gia tăng khoảng cách giàu nghèo và biến đổi khí hậu; giữa vừa phải phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, vừa phải chủ động góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ở địa bàn tiền tiêu của Tổ quốc.

Có thể khái lược, địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa, địa ngoại giao và địa quân sự mà linh hồn là văn hóa biển - văn hóa rừng - văn hóa mỏ - văn hóa tâm linh - văn hóa đa sắc tộc - văn hóa giữ nước - văn hóa ngoại giao kết tinh và hội tụ làm nên một nền văn hóa Quảng Ninh mở, cầu thị, tiếp biến, thích ứng và thống nhất đa sắc thái và độc đáo trở thành cái nôi làm nên tư chất, tầm nhìn, vị thế và sức mạnh con người Quảng Ninh xưa nay luôn mềm dẻo, tinh tế, hài hòa, khảng khái, khoan dung và hòa mục.

Đó là những nhân tố làm nên vị thế, lợi thế, sức mạnh Quảng Ninh mà sâu hơn là tiền đề kiến tạo và phát triển văn hóa chính trị, văn hóa dân tộc, trực tiếp là văn hóa kinh tế, văn hóa ngoại giao, văn hóa trong chính văn hóa... xây dựng triết lý phát triển mạnh mẽ, bền vững và nhân văn Quảng Ninh.

## **2. QUẢNG NINH CẮT CÁNH TỪ Đâu TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ CỦA ĐẤT NƯỚC?**

Quảng Ninh cùng cả nước chuyển công cuộc đổi mới từ toàn diện sang toàn diện đồng bộ, đó là bước chuyển hết sức tự nhiên, hợp quy luật và thực sự chín muồi. Từ đối nội tới đối ngoại, càng cho thấy văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần xã hội, là gương mặt và tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc, là tấm “căn cước” của đất nước trong hội nhập toàn cầu. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, bỏ quên văn hóa là đánh mất lớn, lãng quên văn hóa là sự thất bại khó có thể cứu vãn được trong ít chục năm, thậm chí hàng trăm năm.

Nghiên ngẫm, thấu thái tất cả những kinh nghiệm từ thực tiễn mấy chục năm qua cho thấy, vấn đề văn hóa không thể đứng hàng thứ hai so với phát triển kinh tế hay xã hội; càng không thể và không được phép coi nhẹ, lãng quên văn hóa trong phát triển. Vì, đây chính là điều căn bản bảo đảm không chỉ phát triển một cách toàn diện mà đặt nền móng để có thể phát triển nhanh và đặc biệt có thể đi dài một cách bền vững và nhân văn.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh” là một trong ba khâu đột phá chiến lược và dành nhiều nguồn lực, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để tập trung thực hiện hiệu quả, thành công khâu đột phá này. Do đó, càng rõ ràng, *kiên định quan điểm văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực, là sức mạnh nội sinh cho sự phát triển, những năm qua Quảng Ninh kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.*

Trong rất nhiều phương diện làm nên thành tựu Quảng Ninh 37 năm đổi mới vừa qua, nhất là 15 năm nay, nhân tố tiên quyết và nổi bật:

*Trước hết, phát triển văn hóa trong chính trị hay văn hóa chính trị Quảng Ninh.*

Quá trình hoạch định các chính sách (vĩ mô và vi mô) phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế luôn được tính toán tổng thể không chỉ căn cứ vào mục tiêu với mức độ thành công mà đồng thời luôn tính đến phương thức thực thi và các hệ quả của chúng.

Việc phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế, nhất là tăng trưởng kinh tế, luôn được xem là một quá trình có *tính chính trị* và văn hóa trước khi là một quá trình kinh tế và công nghệ hay văn hóa đơn thuần, cục bộ, để tránh quy luật “kinh tế vì kinh tế”, “tiền vì tiền”, “vì kinh tế, bất chấp đạo lý”, “vì lợi nhuận, chà đạp tất cả”; hay văn hóa chỉ là “cái đuôi của kinh tế”, “ăn theo kinh tế”, hay là thứ “văn hóa vay mượn”, “văn hóa nhập khẩu”, “văn hóa lai căng”,...

Phát triển văn hóa, xã hội và con người hài hòa với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là thể hiện rõ nhất tính chủ động của Quảng Ninh trong dự báo và giải quyết hài hòa các mối quan hệ lớn: giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, giữa phát triển nhanh với nỗ lực bảo đảm công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữa gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa...

Với quan điểm chỉ đạo đó, nhằm chế ngự và xử lý hiệu quả những mặt trái của nền kinh tế thị trường, đưa văn hóa thấm sâu vào các hoạt động kinh tế, làm cho sự phát triển văn hóa đồng bộ và tương xứng với phát triển kinh tế, phát triển xã hội, và đến lượt nó, sự tiến bộ chính trị... đã làm cho nền kinh tế Quảng Ninh đạt tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều

năm liền, các cơ hội phát triển không ngừng được mở rộng không chỉ cho mọi thành phần kinh tế mà cho mọi tầng lớp dân cư, đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt; sự phát triển của kinh tế hướng vào sự phục vụ phát triển con người, bảo đảm tiến bộ xã hội tốt hơn, luôn đứng trong top 10 của cả nước trong 10 năm liền gần đây.

Đó là nền móng làm nên sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận toàn dân đối với công cuộc đổi mới ngày càng cao; là động lực phát huy tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân ngày càng mạnh mẽ; tôn vinh những giá trị và đặc sắc văn hóa của cộng đồng 22 dân tộc anh em và ngày càng phát triển, góp phần làm phong phú và sâu sắc nền văn hóa Quảng Ninh thống nhất trong đa dạng; khẳng định, nâng cao vị thế, uy tín Quảng Ninh trong nước; qua đây, văn hóa, con người và xã hội Quảng Ninh ngày càng tỏa rộng.

Thực tiễn đã và đang chứng minh, trước yêu cầu phát triển cấp thiết từ những năm 90 của thế kỷ XX, Quảng Ninh không thể không thay đổi, *bắt đầu từ tư duy, tầm nhìn, quyết định chính trị và tổ chức hành động phát triển*. Nghĩa là, *bắt đầu từ văn hóa để đổi mới tư duy, tầm nhìn, lựa chọn phương thức và giải pháp giải quyết tổng thể; lấy văn hóa, trước hết là văn hóa chính trị làm quyết sách đột phá chiến lược và đồng thời lấy văn hóa cộng đồng làm nền móng và lòng tin của nhân dân động lực cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội...*

Nói khái lược, *Quảng Ninh đổi mới về tầm nhìn và định vị phát triển*.

Và, chính đây là một trong các khâu đột phá phát triển của Quảng Ninh.

*Thứ hai, văn hóa trong kinh tế làm nên sự tăng trưởng kinh tế thấm đẫm văn hóa, vì hạnh phúc của nhân dân*.

Từ thực tiễn, văn hóa ngày càng là *cội nguồn của mọi mục đích và động cơ phát triển kinh tế*, ngày càng trở thành *nền tảng tinh thần - xã hội*; đến lượt nó, sự phát triển của kinh tế trở thành *tiền đề vật chất quan trọng*, một điều kiện cơ bản để văn hóa phát triển với xu hướng ngày càng thống nhất và hiệu quả; và văn hóa *có sức đề kháng*, trước sự xâm lăng văn hóa từ bên ngoài, phù hợp với yêu cầu phát triển của Quảng Ninh.

Nói một cách hình ảnh, *mọi quyết sách kinh tế luôn được xem xét trước hết là một quyết sách có tính văn hóa, chính trị và xã hội, trước khi là một quyết sách kinh tế đơn thuần*; và đến lượt văn hóa cũng vậy, *mỗi quyết sách phải thấm đẫm tính chính trị và tính kinh tế*.

Đó chính là lựa chọn của Quảng Ninh. Điều cần khẳng định là, một môi trường văn hóa - chính trị - xã hội ổn định được xây dựng toàn vẹn để Quảng Ninh phát triển kinh tế và thu hút đầu tư; đồng thời, đến lượt nó, sự phát triển của kinh tế một cách thực sự thấm đẫm văn hóa đã tạo những tiền đề chăm sóc và phát triển sự nghiệp văn hóa, giải quyết những vấn đề xã hội một cách chủ động, cụ thể, thiết thực và hiệu quả bằng chính sức mạnh kinh tế, cổ vũ văn hóa phát triển.

Vì thế, dù các năm 2020, 2021, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, theo đó, Quảng Ninh *vẫn hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch, vừa phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân; vừa bảo đảm an sinh, an dân, an ninh, trật tự xã hội, ổn định phát triển kinh tế, giữ vững đà tăng trưởng hai con số trong 6 năm liên tiếp (2016 - 2021); khẳng định vị thế, uy tín, vai trò cực tăng trưởng toàn diện của phía Bắc.*

Đây là nhân tố có ý nghĩa tiên quyết đối với sự phát triển chủ động, toàn diện và hiệu quả.

*Thứ ba, trung tâm của mọi sự phát triển kinh tế hay văn hóa là con người*

Thực tiễn 37 năm đổi mới càng cho thấy con người luôn là trung tâm của mọi sự phát triển và tất cả mọi sự phát triển phải xoay quanh con người, chứ không phải ngược lại. Đây chính là tư tưởng phát triển kinh tế, phát triển văn hóa và phát triển xã hội Quảng Ninh. Có thể nói gọn: Suy cho cùng, chính trị hướng tới phụng sự con người, kinh tế phải vì con người, văn hóa chính là con người, cho nên con người vừa là chủ thể vừa là trung tâm vừa là mục tiêu của mọi sự phát triển. Đó có thể nói là một bước tiến lớn không chỉ ở mặt nhận thức lý luận mà còn ở việc tổ chức thực tiễn ở Quảng Ninh gần 40 năm đổi mới vừa qua.

Trong bối cảnh và điều kiện mới, xuất phát từ yêu cầu thực tế, Quảng Ninh chủ động đổi mới cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo hoạch định chính sách phát triển đúng đắn theo hướng thiết thực, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, toàn diện trên các lĩnh vực; chú trọng khâu tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết... quán xuyên toàn bộ, tổng thể và cụ thể trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chủ động, phối hợp sự thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. *Đồng thời, xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, văn hóa trở thành thị trường tiềm năng, hướng tới “xuất khẩu văn hóa”, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững.*

Chủ động rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn; mở rộng và phát triển các dịch vụ văn hóa, khai thác các

giá trị bản sắc văn hóa để phát triển du lịch, dịch vụ, tương xứng là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng môi trường văn hóa gắn với “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”... góp phần thực hiện tiêu chí nâng cấp đô thị, nông thôn thông minh, phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, văn minh, giàu bản sắc thích ứng với biến đổi khí hậu.

Mặt khác, *bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội, giữ vững đà tăng trưởng hai con số làm nền móng phát triển cao và hài hòa, bảo đảm chủ động và hiệu quả.* Tập trung chỉ đạo xây dựng khu vực công nghiệp và xây dựng là *trụ cột*, bù đắp cho du lịch, dịch vụ, bảo đảm chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách; trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành động lực dẫn dắt tăng trưởng. Tiếp tục cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, nhất là nghề nuôi biển bền vững theo quy hoạch. Liên kết với thành phố Hải Phòng phát triển mạnh thị trường trong nước, thực hiện các giải pháp kích thích tiêu dùng nội địa.

Từ thực tiễn, bước đầu có thể khái lược một số vấn đề nổi bật xung quanh *văn hóa* trong chính trị kinh tế, xã hội và đối ngoại.

*Thứ nhất, về tư duy và tầm nhìn*, chuẩn bị điều kiện tiên quyết để ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững đà tăng trưởng; xây dựng chiến lược phát triển tổng thể, các phương án khoa học, phù hợp.

*Thứ hai, về động lực phát triển*, càng trong khó khăn, thử thách thì càng phát huy dân chủ, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, tinh thần tự lực, tự cường, “Kỷ luật - Đồng tâm”, giữ vững, phát huy lòng tin của nhân dân và nhân lên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân; sự tích cực, chủ động, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện; tuyệt đối không chủ quan, mất cảnh giác và tự mãn.

*Thứ ba*, nâng cao năng lực quản trị xã hội, quản lý nhà nước và xử lý tình huống của các ngành, các cấp, nhất là cấp cơ sở; chuyển nhanh từ nhận thức đến hành động trong chỉ đạo, điều hành và thực thi chính sách, pháp luật bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, ứng phó kịp thời, linh hoạt, hiệu quả với mọi tình huống, không để bất ngờ trên các lĩnh vực, nhằm giữ vững sự ổn định để phát triển.

*Thứ tư*, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm người đứng đầu chính quyền và các cơ quan quản lý các cấp; tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là trong giải quyết kịp thời, tháo gỡ khó khăn của người dân và doanh nghiệp.



*Thứ năm*, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh ở vị thế then chốt; xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đánh giá, rà soát tiến độ công việc bảo đảm chất lượng; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; tăng cường phân cấp, ủy quyền cho các địa phương, đơn vị gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, cá thể hóa trách nhiệm và định lượng hóa hiệu quả công việc.

Từ thực tiễn đổi mới và phát triển Quảng Ninh, các nhân tố thiên nhiên tươi đẹp - văn hóa đặc sắc - xã hội văn minh - hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - nhân dân hạnh phúc chính là động lực của sự phát triển vừa qua nhằm thực hiện mục tiêu: “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới; phát triển nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc” do Đại hội XV Đảng bộ tỉnh xác quyết.

Tổng hòa lại, văn hóa và con người đã và đang là khâu đột phá trước nhất bảo đảm phát triển chủ động và mạnh mẽ của Quảng Ninh.

### **3. TIỀN LƯỢNG NHỮNG THÁCH THỨC LỚN VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT LÝ VĂN HÓA CỦA SỰ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, BỀN VỮNG VÀ NHÂN VĂN**

Chưa bao giờ như hiện nay, văn hóa đó là tầm nhìn, là tư duy, là quyết sách chính trị, là giá trị tinh thần của xã hội, chứ không phải là văn hóa đơn thuần, giản đơn như không ít cách hiểu. Tất cả những quyết sách về kinh tế hay chính trị, nếu không xem chúng dưới góc độ văn hóa, nói sâu hơn, bắt đầu khởi nguồn từ hạt nhân văn hóa thì rốt cuộc chỉ là giải quyết những vấn đề kinh tế đơn thuần, những vấn đề chính trị thiển cận và hời hợt, và chắc chắn sẽ thất bại. Cho nên, vấn đề văn hóa phải là vấn đề được đặt lên trước hết, xuyên thấm trong toàn bộ việc xây dựng những quyết sách chính trị hay kinh tế. Đó là tư duy, đó là tầm nhìn, đó là những giá trị tinh thần mà kinh tế - xã hội chính là sự kết tinh và thể hiện ở mức độ này hay tính chất kia.

Thực tiễn Quảng Ninh gợi mở một vấn đề hết sức quan trọng về phương pháp luận: Cùng một đường lối chung, nhưng được thực hiện ở Hà Nội sẽ khác với Thành phố Hồ Chí Minh, càng khác với các tỉnh khác và đặc biệt là ở các vùng miền cũng như vậy. Cho nên sự thống nhất trong phát triển đa dạng về văn hóa và con người cũng là một nhân tố chi phối, thậm chí quyết định sự thành công của các quyết sách chính trị hay kinh tế.

Từ thực tiễn Quảng Ninh, cần nhấn mạnh, mọi quyết sách nếu không bắt đầu từ văn hóa, từ con người và cuối cùng không vì văn hóa, vì con người thì chắc chắn nhất định thất bại. Xin được nhấn mạnh, nếu trái thế, đó chính là tầm nhìn thiếu văn hóa, là cách hạ thấp văn hóa và khi đó chắc chắn thất bại, ngay từ trong phát triển kinh tế, phát triển xã hội với vai trò trung tâm là phát triển con người; và, càng không thể nói tới văn hóa vừa là nền tảng, vừa là động lực của phát triển xã hội và con người, càng không thể kiến tạo sự phát triển chiến lược mạnh mẽ, bền vững và nhân văn cho hiện tại và tương lai.

Hiện nay và sắp tới, dù muốn hay không, Quảng Ninh tiếp tục giải quyết hiệu quả tới thiếu 9 mối quan hệ nổi bật trên lộ trình xác lập nền văn hóa của sự phát triển toàn diện, bền vững trong tổng thể phát triển thống nhất, hài hòa, mạnh mẽ, bền vững và nhân văn nhằm nâng cao vị thế chính trị, sức mạnh và uy tín Quảng Ninh trong tầm nhìn 2030, trước mắt tới 2025:

- 1- Văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa;
- 2- Văn hóa chính trị với văn hóa kinh tế và văn hóa xã hội;
- 3- Sự gia tăng dân số và môi trường sinh thái biến động với phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế và phát triển con người;
- 4- Giáo dục với phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế;
- 5- Cơ chế thị trường với phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội;
- 6- Truyền thống và hiện đại, bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế trong phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, rường cột là con người;
- 7- Sự thống nhất và mâu thuẫn giữa trước mắt và lâu dài trong phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, chăm lo phát triển toàn diện con người;
- 8- Vấn nạn tham nhũng với sự phát triển văn hóa, phát triển kinh tế, phát triển xã hội, với trung tâm của mọi sự phát triển là con người;
- 9- Độc lập về kinh tế và văn hóa với chủ động đại diện hội nhập quốc tế nhằm phát triển văn hóa, với chủ thể và động lực là con người.

Từ thực tiễn đổi mới, kinh nghiệm luôn cho thấy rằng, một quyết sách chính trị không đặt trên nền móng văn hóa, mang tính chất văn hóa, chắc chắn đó chỉ là một quyết sách

chính trị hay kinh tế một cách cô độc, phi nhân văn; cũng như trên địa hạt kiến tạo quyết sách phát triển kinh tế, hậu họa như nhau mà thôi, nếu cũng như vậy, chắc chắn sẽ rơi vào vũng bùn của “cá lớn nuốt cá bé”, kinh tế vị kinh tế, tiền vị tiền vô nhân đạo. Từ đây, tạo cơ sở để thúc đẩy phát triển văn hóa gắn với kinh tế, xã hội góp phần nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho nhân dân.

Vì lẽ đó, trong tầm nhìn tới năm 2030, trước mắt tới năm 2025, phải chăng, về tầm nhìn hoạch định chính trị, về xây dựng Bộ Tiêu chí người Quảng Ninh, về xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu, nghèo và chênh lệch vùng, miền trong tỉnh; về phát triển du lịch cộng đồng bền vững, về bảo tồn..., là những công việc căn bản?

*Trước hết*, phát triển văn hóa chính trị nhằm đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm khắc và nhân văn cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Tập trung *đổi mới đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu* ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm. *Xây dựng chính quyền địa phương các cấp liêm chính, phục vụ, kiến tạo phát triển, thực sự “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.* Dành tỷ lệ thỏa đáng (kể cả công chức cấp xã) để thu hút cán bộ có năng lực nổi trội, cán bộ trẻ để tạo nguồn cơ bản và lâu dài.

Lấy lợi ích cộng đồng thống nhất với lợi ích cá nhân làm động lực phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đẩy mạnh thông tin truyền thông, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Bảo đảm sự giám sát của nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu; thực sự dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tạo thuận lợi và bảo vệ nhân dân trực tiếp phản ánh, góp ý về công tác cán bộ. Thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, đối thoại, lắng nghe tâm tư, thấu cảm và kịp thời giải quyết các vấn đề nhân dân phản ánh theo đúng quy định, với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

Lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín và kết quả công tác, ở mỗi cương vị bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; xây dựng phong cách làm việc khoa học, dân chủ, nhân văn, chuyên nghiệp, gần Dân, trọng Dân, vì Dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm và đo lường kết quả, hiệu quả.

*Thứ hai, đẩy mạnh quy mô và tốc độ chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, cơ cấu lại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức cạnh tranh mạnh mẽ và nhân văn của nền kinh tế.*

Kinh tế là thể hiện trực tiếp của văn hóa, hay nói cách khác văn hóa là tầng sâu thực thể của sự phát triển kinh tế, là cái không thể định lượng thuần túy và đó chính là cội nguồn, là căn bản để phát triển. Đó chính là đường lối phát triển kinh tế, chính là văn hóa. Nói một cách rộng lớn, văn hóa chính là con người. Phát triển văn hóa chính là phát triển con người. Nếu không có sự phát triển con người sẽ không có bất cứ một sự phát triển nào như mong muốn. Nhìn sâu hơn, có thể nói một luận đề rằng, người ta có thể đạt được tốc độ tăng trưởng, thậm chí trở thành một cường quốc kinh tế chỉ trong dăm chục năm, nhưng để có một nền văn hóa, trở thành một cường quốc văn hóa, đòi hỏi người ta phải mất hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm, trước hết là con người.

Theo đó, tiếp tục *cơ cấu lại khu vực công nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo vào GRDP và thu ngân sách; phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng*, trọng tâm là ngành than định hướng đến năm 2030. Phát triển theo chiều sâu các khu kinh tế, khu công nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc gia và quốc tế trở thành động lực tăng trưởng, đổi mới sáng tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số. Phát triển các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên sâu với những sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh, có lợi thế cạnh tranh. Hướng mạnh phát triển năng lượng tái tạo, nhất là tiềm năng điện gió rất to lớn trên đất liền và ngoài khơi, thúc đẩy tăng trưởng xanh.

*Phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại để ngày càng giữ vai trò chủ đạo.* Bảo đảm an toàn cho các cơ sở dịch vụ du lịch; phát triển đa dạng sản phẩm; đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành du lịch; cơ cấu lại và phát triển các ngành dịch vụ, liên kết vùng và hợp tác quốc tế đồng bộ, hiện đại; phát triển một số ngành, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế, khả năng cạnh tranh cao như: dịch vụ du lịch; dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức; dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo...

*Phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, xây dựng nông thôn văn minh.* Thực hiện hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, kết hợp chặt chẽ, lồng ghép nguồn lực ở cả 3 cấp ngân sách và nguồn lực xã hội; đầu tư, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các dự án, công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, có tác động lan tỏa, tạo đòn bẩy như: giao thông chiến lược kết nối liên vùng, liên xã, thủy lợi, giáo dục, y tế, nước sinh hoạt... Cơ cấu lại, phát triển toàn diện, bền vững cả về nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, gia tăng giá trị, tạo đột phá về quy mô, năng suất, hiệu quả bền vững. Thu hút doanh nghiệp phát triển công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản; nâng cao năng lực hệ thống logistics, bảo quản đạt tiêu chuẩn; hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữ gìn cảnh quan, không gian văn hóa truyền thống của nông thôn.

*Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai và các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.* Trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị bền vững, lấy đô thị làm động lực phát triển dẫn dắt phát triển nông thôn; lấy công nghiệp, dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp.

*Huy động mọi nguồn lực, đa dạng hình thức đầu tư; đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy liên kết vùng.* Kiên trì phương châm lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt mọi nguồn lực hợp pháp của xã hội, nhất là thông qua hình thức đối tác công - tư (PPP), để đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược đồng bộ, hiện đại, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng; hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng năng lượng, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và hạ tầng văn hóa, xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng đô thị hóa gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, phát triển các đô thị đồng bộ về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, nhà ở, chất lượng sống của nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng y tế, giáo dục và hạ tầng khác phù hợp với khả năng cân đối ở từng cấp ngân sách.

*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng gắn với tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dân số; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.* Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; quan tâm cán bộ, giáo viên là người

dân tộc thiểu số, người đang công tác ở vùng khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy và học. Sắp xếp lại hệ thống trường học; phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng miền.

Xây dựng, triển khai Đề án tổng thể phát triển nhà ở định hướng đến năm 2030. Đây là đòn bẩy quan trọng, giải pháp then chốt để thu hút lao động chất lượng cao gắn với giải quyết tăng quy mô và chất lượng dân số. Mở cơ chế, chính sách phù hợp thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy *chuyển đổi số* trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch, giao thông, sản xuất, quản lý, đô thị thông minh; thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, doanh nghiệp số...

*Thứ ba*, gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, xây dựng văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; đảm bảo an sinh, phúc lợi, tiến bộ và công bằng xã hội, hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của “hạnh phúc”.

Đây chính là sự phát triển kinh tế một cách hài hòa với văn hóa, phát triển kinh tế thị trường nhưng mục tiêu của kinh tế không chỉ có tăng trưởng về kinh tế mà đồng thời cũng là phát triển về văn hóa, đó là sự phát triển của văn hóa trong kinh tế. Bất cứ ở nơi đâu hay phương diện nào nếu chỉ coi trọng một cách đơn thuần kinh tế vị kinh tế, cốt chiếm lấy lợi nhuận một cách đơn thuần, thì chắc chắn sẽ vấp ngã. Nơi nào chỉ thuần túy chạy theo kinh tế, bất chấp văn hóa để đổi lấy kinh tế thì nơi đó sẽ thất bại, hủy hoại môi trường, đạo đức xuống cấp...

Không còn nghi ngờ, đó chính là sự thất bại lớn nhất về văn hóa, cũng là sự thất bại lớn nhất về kinh tế. Về mặt xã hội càng thấy rõ nơi nào chỉ chạy theo kinh tế mà quên vấn đề xã hội nơi đó sẽ gặp vô cùng khó khăn. Kinh tế vị kinh tế sẽ dẫn tới chỗ lợi nhuận vị lợi nhuận, tiền vị tiền, “cá lớn nuốt cá bé” lập tức xuất hiện. Và nhất định sẽ rơi vào tình trạng khập khiễng, bấp bênh, thậm chí thất bại. Và, dù phương diện nào cũng vậy, chính trị mà không có văn hóa thì không còn là một nền chính trị nhân văn nữa và quyết không phải là nền chính trị hay nền kinh tế... mà chúng ta lựa chọn và phát triển.

Cho nên, *nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chất lượng thực thi chính sách, pháp luật; phát triển doanh nghiệp và phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, khởi nghiệp sáng tạo*. Nghĩa là, văn hóa xuyên thấm trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, xã hội và chính vì như thế, văn hóa vừa là nền tảng vừa là động lực của toàn bộ công cuộc kiến thiết Quảng Ninh. Chính đó là

sự đặt văn hóa không thể đứng hàng thứ hai so với kinh tế, chính trị - một đảm bảo cho sự phát triển nhân văn, mạnh mẽ và bền vững.

Và, đồng thời, ngay trong phát triển văn hóa, thực tiễn đòi hỏi, bảo đảm hài hòa, cân đối và ngang tầm giữa các phương diện trong lĩnh vực phát triển văn hóa là điều rất quan trọng đối với phát triển kinh tế, chính trị và xã hội, nếu không nói là có ý nghĩa thành bại. Đó chính là hạt nhân văn hóa trong sự phát triển của chính các phương diện kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường; và đến lượt nó, của chính văn hóa vậy.

Kinh nghiệm lớn ở đây là, càng tôn trọng sự phát triển một cách độc lập tự do bao nhiêu vì mục tiêu bảo vệ và phát triển lợi ích cộng đồng thống nhất thì chừng đó càng đạt được sự phát triển chung một cách mạnh mẽ, bền vững và nhân văn bấy nhiêu. Do đó, việc nghiên cứu xây dựng và phát triển *Hệ giá trị con người Quảng Ninh cần giữ vị trí trung tâm* trong chính thể xây dựng và phát triển môi trường văn hóa kinh tế, văn hóa chính trị, văn hóa và con người văn hóa, ở mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, gia đình và mỗi cộng đồng.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách thực hiện khâu đột phá xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh và những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” của giai cấp công nhân và nhân dân vùng Mỏ với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch các vùng miền. Mở cơ chế để văn hóa đồng hành với phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ; chăm lo xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, biển và hải đảo; phát triển giáo dục, đào tạo, y tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nhân dân vùng nông thôn, miền núi.

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội, trợ giúp xã hội; thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; chăm lo đối tượng yếu thế, hưởng bảo trợ xã hội, người nghèo; bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Xử lý hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo (nhất là nhà, đất liên quan đến tôn giáo) và những bức xúc xã hội. Đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc; củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và “thể trận lòng dân” như “chúng chí thành thành”.

*Phát triển môi trường văn hóa cộng đồng và xã hội văn hóa đồng bộ* với phát triển văn hóa bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái bảo đảm sự cân bằng và bền vững trong lộ trình phát triển nhân văn.

Phải chăng để khẳng định vị thế, tư chất và phát huy sức mạnh con người Quảng Ninh cần tiếp tục khẳng định và phát triển hệ giá trị bao hàm 8 nhân tố, với 16 chữ là rường cột và linh hồn của văn hóa phát triển Quảng Ninh: *Cầu thị - Mềm dẻo - Tinh tế - Hòa hòa - Khẳng khái - Khoan dung - Danh dự - Hòa mục?*

Có thể khái lược 5 nhân tố, gồm 10 chữ: Viễn kiến - Tiếp biến - Bản sắc - Dung hợp và Phát triển, vì sự hùng cường và Nhân dân hạnh phúc là triết lý văn hóa phát triển mạnh mẽ, bền vững và nhân văn Quảng Ninh từ hiện tại hướng tới tương lai trong tầm nhìn năm 2045, trước mắt năm 2030: Xây dựng, chinh đón Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới; phát triển nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của cả nước và là thành phố trực thuộc Trung ương. ❖



## **BÀN VỀ TÂM ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA - CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG QUÁ KHỨ ĐẾN HIỆN TẠI**

**ĐÀO TUẤN THÀNH**

*PGS, TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

1. Các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam luôn có tầm ảnh hưởng và vai trò quan trọng trong bảo tồn, phát huy “bản sắc dân tộc Việt Nam” trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm qua.

Từ sau năm 1945, chiến thắng của Liên Xô và các nước đồng minh trước chủ nghĩa phát xít, cứu nhân loại khỏi thảm họa diệt vong, bảo vệ hòa bình thế giới đã có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh. Cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa, phụ thuộc đã diễn ra rầm rộ, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới. Kết quả đó, không chỉ đưa đến sự xuất hiện của hàng trăm quốc gia mới trên bản đồ chính trị thế giới, mà còn đặt nền móng cho *sự hồi sinh và phát triển văn hóa dân tộc* của các nước vừa mới thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân cũng như trong xây dựng đất nước, hội nhập quốc tế của Việt Nam, các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam luôn có *tầm quan trọng đặc biệt*, đó là cái để phân biệt dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác, là cái để mỗi cá nhân *nhận biết được cội nguồn của mình*, biết mình là ai trong cộng đồng thế giới. Văn hóa thể hiện *cốt cách dân tộc*, là *bản sắc của mỗi dân tộc*. Khi nói về khái niệm văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát

minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn<sup>(1)</sup>. GS Trần Quốc Vượng cho rằng: Văn hóa, theo nghĩa rộng, là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người, bao hàm cả kỹ thuật, kinh tế... để từ đó hình thành một lối sống, một thể ứng xử, một thái độ tổng quát của con người đối với vũ trụ, thiên nhiên, và xã hội, là cái vai trò của con người trong vũ trụ đó, với một hệ thống những chuẩn mực, những giá trị, những biểu tượng, những quan niệm,... tạo nên phong cách diễn tả tri thức và nghệ thuật của con người. Như vậy thì phải xuất phát từ những điều kiện tự nhiên (con người vốn là một sản phẩm của tự nhiên, là một phần của tự nhiên, đứng đối diện với tự nhiên mà tạo thành văn hóa) rồi sau đó những điều kiện lịch sử (con người lại là một sản phẩm của lịch sử do chính mình tạo ra) để nhận thức về cội nguồn và bản sắc của nền văn hóa Việt Nam<sup>(2)</sup>. Cũng theo GS Trần Quốc Vượng: lòng yêu nước Việt Nam đã được tô đậm lên để trở thành một ý thức hệ chủ đạo của người Việt Nam<sup>(3)</sup>. Vì vậy, theo tác giả bài viết, “*lòng yêu nước*” cũng trở thành *một bản sắc* đặc trưng của con người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, là *cội nguồn* để dân tộc Việt Nam chiến thắng trước những mưu toan bành trướng của các thế lực phong kiến phương Bắc và chủ nghĩa thực dân phương Tây kiểu cũ, kiểu mới, để Việt Nam tồn tại và phát triển, dù gặp phải rất nhiều khó khăn, gian khổ. Bản sắc này cần gìn giữ, nó có tầm ảnh hưởng to lớn, để dân tộc Việt Nam nhận diện được mình trong cộng đồng quốc tế. Việc phát huy ảnh hưởng và vai trò của truyền thống “*yêu nước, thương nòi*”, được các thế hệ đi trước không ngừng nuôi dưỡng, củng cố, càng cần phát huy trong thời đại ngày nay, trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Đó chính là *di sản văn hóa* vô giá mà các bậc tiền nhân đã để lại cho hậu thế, để người Việt Nam ở bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, cũng cần học, làm theo, để dân tộc Việt Nam trường tồn. Một trong những di sản văn hóa vô giá, đó là: Nhu có thể thắng cương, yếu có thể chống mạnh, ít có thể địch nhiều... *chính đó là bản sắc Việt Nam*. Chính đó là triết lý Việt Nam của cha mẹ tổ tiên ta qua nghiệm sinh mà rút đúc được: *Cần ứng biến*<sup>(4)</sup>.

Về *cội nguồn dân tộc* Việt Nam, thì “con Rồng cháu Tiên” cũng là một bản sắc văn hóa Việt Nam rất đặc biệt. Trong gần một thế kỷ qua, hàng năm, Việt Nam có ngày giỗ Tổ Hùng vương (10/3 âm lịch) - một ngày lễ mà người Việt Nam, dù ở trong nước hay ở nước ngoài, đều nhớ về tổ tiên, cội nguồn của dân tộc mình. Về điều này, GS Trần Quốc Vượng

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 458

(2) GS Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 27 - 28

(3) GS Trần Quốc Vượng: *Sđd*, tr. 32

(4) GS Trần Quốc Vượng: *Sđd*, tr. 38

cho rằng: Người ta bảo: Văn hóa là một hệ chuẩn mực, mật mã, giá trị, biểu tượng. Con người - chính vì nó là người - không chỉ có một “thế giới thực” mà còn sáng tạo ra một “thế giới các biểu tượng” *mô phỏng rồi dẫn dắt* trở lại hiện thực. Một biểu tượng kỳ vĩ đặc sắc của dân tộc và văn hóa Việt Nam, chẳng biết rõ xuất hiện từ bao giờ, nhưng chậm lắm là từ thế kỷ X, đó là *con rồng*. Rồng là biểu tượng của *cội nguồn dân tộc*. Con Rồng cháu Tiên, con Hồng cháu Lạc, con của mẹ tiên Âu và bố rồng Lạc<sup>(1)</sup>. Trong một thế giới, mà ranh giới giữa các quốc gia có thể xác định được bằng đường biên giới “cứng”, thì trước xu thế toàn cầu hóa, trong đó có toàn cầu hóa về văn hóa, tính chất “cứng” của đường biên giới đó, lại khó giữ, nó được “mềm hóa” nếu các dân tộc nói chung, Việt Nam nói riêng, không giữ được bản sắc của dân tộc mình, không nhận diện được bản thân mình, hay nói cách khác, không biết mình là ai? Từ đâu đến?. Vì thế, bản sắc dân tộc là cái Việt Nam rất cần có và phải có bằng được, để nhận biết được mình, cái đó chính tạo ra “*bản lĩnh dân tộc*”. Về vấn đề này, GS Trần Quốc Vượng trong bài viết “*Một nét bản sắc của văn hóa Việt Nam: khả năng ứng biến*” đã quan niệm rằng “cái bản lĩnh - bản sắc biết nhu, biết cương, biết công, biết thủ, biết “trông trời, trông đất, trông mây...”, “rồi tùy thời mà làm ăn theo chuẩn mực “nhất thì nhì thục”,... ấy, là *khả năng ứng biến* của người Việt Nam!”<sup>(2)</sup>. Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN). Phấn đấu đến năm 2045<sup>(3)</sup>, trở thành một nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng XHCHN như Đại hội XIII của Đảng đã xác định. Tuy vậy, theo quan điểm của cá nhân tác giả bài viết, trong tiến trình ấy, Việt Nam vẫn cần coi trọng sản xuất nông nghiệp (sản xuất theo hướng sử dụng công nghệ cao, xanh và bền vững), Việt Nam cần trở thành “bếp ăn” của cả thế giới, một cường quốc nông nghiệp hàng đầu. Nếu hiện thực hóa được điều này, chính là, Việt Nam đã *tiếp tục phát huy thế mạnh về văn hóa của mình*. Tác giả bài viết rất đồng ý với nhận định của GS Trần Quốc Vượng rằng: Mẫu số chung lớn nhất của văn minh - văn hóa Việt Nam truyền thống là tầng nền nông nghiệp đa canh xoay quanh trục trung tâm *ngành nông trồng lúa*<sup>(4)</sup>.

Truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam trải qua hàng nghìn năm luôn có ảnh hưởng rất lớn đến các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

*Các giá trị lịch sử* luôn có một vai trò to lớn đối với giáo dục truyền thống dân tộc, nhất là *truyền thống yêu nước và bản sắc dân tộc Việt Nam* cho thế hệ trẻ. Thông qua những tri

(1) GS Trần Quốc Vượng: *Sđd*, tr. 39

(2) GS Trần Quốc Vượng: *Sđd*, tr. 41

(3) Năm kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

(4) GS Trần Quốc Vượng: *Sđd*, tr. 44

thức về các nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa, các sự kiện hào hùng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc có thể tạo dựng không chỉ lòng biết ơn mà cả sự tự hào của người dân Việt Nam trước cộng đồng quốc tế. Trong bức thư gửi hội thảo khoa học “*Môn Lịch sử trong nhà trường phổ thông: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*” ngày 26 tháng 3 năm 2008, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chủ tịch danh dự của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, “vị tướng của nhân dân”, một trong những tướng tài của thế giới được cộng đồng quốc tế ghi nhận - đã khẳng định về *vai trò của khoa học lịch sử và tầm quan trọng của giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ* khi ông cho rằng: Sử học là một ngành khoa học rất quan trọng trong nền khoa học xã hội và nhân văn và môn Lịch sử là một trong những môn học cơ bản trong hệ thống giáo dục phổ thông. Lịch sử không chỉ trang bị cho thế hệ trẻ những kiến thức cơ bản về lịch sử dân tộc và thế giới mà còn giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong giáo dục chủ nghĩa yêu nước, các giá trị truyền thống và cách mạng, góp phần xây dựng nhân cách, bản lĩnh con người, gìn giữ bản sắc dân tộc. Lịch sử thế giới đã bước vào kỉ nguyên thông tin và tri thức với xu hướng toàn cầu hóa rất mạnh. Trong bối cảnh chung của thời đại và khi đất nước đang trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập thế giới, môn Lịch sử, nhất là Quốc sử, càng cần được coi trọng và cần phát huy chức năng giáo dục để chuẩn bị cho thế hệ trẻ làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ công dân trong xây dựng, bảo vệ đất nước, cũng như trong giao lưu với các nền văn hóa khác để tiếp nhận các thành tựu của văn minh nhân loại mà vẫn giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc và sự đa dạng của văn hóa thế giới<sup>(1)</sup>. Chính bản thân Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trước khi trở thành “Anh bộ đội Cụ Hồ” thì đã từng là một thầy giáo dạy Sử. Có thể thấy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một ví dụ tiêu biểu của việc sử dụng, phát huy ảnh hưởng và vai trò của tri thức lịch sử trong cuộc đời binh nghiệp lẫy lừng của mình. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã học kinh nghiệm về sách lược tác chiến của các nhà quân sự hàng đầu thế giới như Napoléon Bonapac (Pháp), Kutuzov (Nga), Carl von Clausewitz (Đức),... hay Việt Nam (Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,... ) khi chỉ huy quân đội cách mạng Việt Nam. Những tri thức quân sự đó, đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp nghiên cứu, nghiền ngẫm và phản biện, nhất là *vận dụng sáng tạo*, sao cho phù hợp với thực tiễn chiến tranh và điều kiện về vật chất của Việt Nam, để rút ra những điểm cốt yếu nhất. Đó chính là chìa khóa thành công của Đại tướng khi ông đã lãnh đạo Quân đội Nhân dân Việt Nam giành được những chiến công hiển hách trong thế kỷ XX. Tri thức lịch sử đã giúp cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất nhiều, với tư cách là một người cầm quân, một thống soái, mà trong hơn 20 năm ròng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng

(1) *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với sự nghiệp khoa học, giáo dục và đào tạo*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014, tr. 301

Bộ Quốc phòng, Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam,... cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và tập thể lãnh đạo Đảng, Nhà nước lãnh đạo toàn dân, toàn quân trong cuộc trường chinh gian khổ nhất<sup>(1)</sup>. Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi tổng kết về *nghệ thuật quân sự*, đã khẳng định: Trong quân sự, muốn thắng lợi chỉ có hai điểm cơ bản có ý nghĩa quyết định: tinh thần quyết chiến quyết thắng, đó là cái chí, và biết đánh, biết thắng, đó là cái thông minh. Quyết mà *không biết* thì không được. Ngược lại, *biết mà không dám quyết* thì cũng không xong<sup>(2)</sup>. Thiết nghĩ, nếu các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau biết học, biết phát huy nghệ thuật quân sự mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đúc kết, thì đó sẽ là chìa khóa thành công, để Việt Nam bảo vệ được chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc; bảo vệ được chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc Việt Nam trên con đường phát triển phồn vinh.

Trong những năm cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI, Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, độ mở của nền kinh tế Việt Nam ngày càng lớn. Cùng với kinh tế, văn hóa Việt Nam cũng tiếp thu nhiều tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho nền văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị văn hóa tiến bộ, tích cực thì còn có cả những khuynh hướng, giá trị mới, xa lạ, thậm chí trái ngược với các giá trị văn hóa dân tộc, đi ngược với sự phát triển của văn hóa dân tộc do Đảng lãnh đạo. Theo GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên trong việc hòa nhập vào thế giới vẫn cần có sự tỉnh táo, cảnh giác về chính trị, đứng vững trên quan điểm đúng, tránh sự ô nhiễm về môi trường văn hóa, đánh mất bản sắc dân tộc, trở thành cái bóng mờ nhạt của kẻ khác<sup>(3)</sup>. Từ góc nhìn của một nhà Sử học, đồng thời cũng là một nhà Giáo dục Lịch sử, GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên chỉ ra lý do Việt Nam cần tỉnh táo khi giao lưu, tiếp nhận văn hóa, bởi “sự giao lưu văn hóa của nhân loại thực sự bắt đầu với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, tạo nên thị trường thế giới. Nó làm cho mối quan hệ giữa các dân tộc từ ngẫu nhiên, nhất thời, trở thành tất yếu và thường xuyên. Các dân tộc châu Âu, nơi phát sinh chủ yếu của chủ nghĩa tư bản, đã dựa vào sức mạnh vật chất, vào vũ lực để khuất phục nhiều dân tộc khác, trong đó có những dân tộc vốn có truyền thống văn hóa lâu đời, rực rỡ. Sự lan rộng của văn hóa châu Âu tư bản chủ nghĩa mang trong nó mâu thuẫn rõ rệt. *Một mặt*, nó phá hủy những quan hệ xã hội cũ lỗi thời, xóa bỏ sự trì trệ nhiều mặt của xã hội, trong đó có sự trì trệ về văn hóa của các nước phương Đông, đưa văn hóa thế giới lên một trình độ cao hơn. *Mặt khác*, do chủ nghĩa tư bản dùng vũ lực để

(1) GS, TS Phạm Hồng Tung: “Bản lĩnh chính trị và phẩm chất thiên tài của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Một tiếp cận lịch sử”, bài đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học “*Nghiên cứu danh nhân một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Viện Nghiên cứu Danh nhân, Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài Việt Nam, Hà Nội, 2023, tr. 268

(2) *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với sự nghiệp khoa học, giáo dục và đào tạo*, *Sđd*, tr. 286

(3) GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và giáo dục lịch sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 54

chinh phục, nô dịch các nước khác, nên nó đã hủy hoại truyền thống dân tộc, ra sức ngăn cản sự phát triển của các dân tộc, kìm hãm họ trong tình trạng lạc hậu<sup>(1)</sup>. Nhận định của GS, TS Phan Ngọc Liên cho thấy rõ *tính hai mặt* của giao lưu văn hóa. Trong thời đại toàn cầu hóa và kỷ nguyên công nghệ thông tin hiện nay, khi biên giới “mềm” của quốc gia gần như bị xóa nhòa, thì mỗi dân tộc, càng cần phát huy những ảnh hưởng của *bản sắc dân tộc* trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của mình. Khi mà văn hóa phương Tây tràn ngập thế giới, như một cơn lốc, với sức mạnh vượt trội của nó, tràn đến khắp nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam, nên, nếu chúng ta không biết gìn giữ những giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc nói chung, mỗi địa phương nói riêng (trong đó có tỉnh Quảng Ninh), thì rất nguy hại. Sẽ xuất hiện tình trạng nhiều người Việt Nam nhạt nhòa bản sắc, không biết mình là ai, không nhận diện được bản sắc của dân tộc mình, khi giao lưu với cộng đồng thế giới, sẽ bị “phương Tây hóa” về văn hóa. Trong bối cảnh đó, bên cạnh sự tiếp nhận những tinh hoa văn hóa nhân loại, thì *ảnh hưởng của các giá trị lịch sử, văn hóa và con người của Việt Nam* ra ngoài biên giới quốc gia, dưới sự tiếp sức của mạng toàn cầu (internet) và các phương tiện truyền thông đại chúng thông minh (smart media) cũng xảy ra và sẽ lan rộng rất nhanh. Việc phát huy tầm ảnh hưởng của các giá trị văn hóa tiêu biểu, đặc sắc dân tộc Việt Nam, sẽ góp phần rất lớn quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế, làm phong phú nền văn hóa thế giới.

GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên cho rằng: Quá trình phát triển trong quá khứ cũng như trong tương lai của văn hóa Việt Nam phải là *bản sắc dân tộc của nó*. Bản sắc này phải được thể hiện ở *nhân cách của con người Việt Nam*. Đó là nhân cách của con người biết chăm lo hạnh phúc của mình trong hạnh phúc chung của dân tộc và nhân loại, biết làm cho mình giàu mà nước mạnh, biết thương mình và thương người, biết chống lại những dục vọng thấp kém, tầm thường vì những mục đích cao cả của dân tộc và con người. Bản sắc và nhân cách ấy rất dân tộc, rất khoa học, đại chúng, vì nó thể hiện ước mơ của mỗi người, của đông đảo người lao động, của dân tộc mà cũng rất hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại, biết kết hợp di sản văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại<sup>(2)</sup>.

Có thể khẳng định, *bản sắc dân tộc Việt Nam và nhân cách con người Việt Nam* đã kết tinh ở con người Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều này đã không chỉ được nhân dân Việt Nam mà cả cộng đồng quốc tế thừa nhận. Theo đánh giá của GS, TS Phan Ngọc Liên tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như những tư tưởng tiên bộ khác vẫn “sống mãi” vì nó kế thừa những giá trị “vĩnh cửu” của nhân loại, đáp ứng được những yêu cầu của thời đại. Tư tưởng

(1) GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và giáo dục lịch sử, Sđd*, tr. 55

(2) GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và Giáo dục Lịch sử, Sđd*, tr. 58

Hồ Chí Minh là một đóng góp vào kho tàng văn hóa nhân loại. Hơn nữa, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là kết quả năng lực tư duy và hoạt động của bản thân Hồ Chí Minh, mà còn của nhân dân Việt Nam, của nhân loại tiến bộ. Các thế hệ đương thời và tiếp nối sẽ kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, đặc biệt lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền thống dân tộc, kết quả hoạt động thực tiễn, việc đáp ứng yêu cầu lâu dài của cuộc sống... làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh trường tồn<sup>(1)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh được thế giới biết đến không chỉ là một nhà lãnh đạo xuất chúng, có công lao dẫn dắt nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh trường kì, gian khổ, để giành độc lập và tự do, mà còn nể phục, kính trọng Người như *một danh nhân văn hóa thế giới*. Tư tưởng “*vì dân*”, “*trọng dân*”, “*gần dân*”, “*lấy dân làm gốc*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thế giới đánh giá cao, ngưỡng mộ và noi theo. Tầm ảnh hưởng và sự lan tỏa rộng của tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân cách Hồ Chí Minh trên trường quốc tế là một giá trị lịch sử - văn hóa - con người vô giá. Thế giới sẽ biết đến bản sắc dân tộc, cốt cách người Việt Nam nhiều hơn, nếu mỗi người dân, không chỉ học theo gương Hồ Chí Minh mà còn làm theo, cụ thể hóa những giá trị văn hóa tốt đẹp ấy trong cuộc đời của mỗi cá nhân, bắt đầu từ những cái nhỏ nhất.

2. Bài học kinh nghiệm trong quá khứ (kể cả thành công lẫn thất bại) luôn là một di sản vô giá đối với tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam từ thừa các Vua Hùng dựng nước đến nay. Bởi lẽ những giá trị đích thực của quá khứ bao giờ cũng là bài học kinh nghiệm cho hiện tại, soi sáng nhận thức và hành động ở hiện tại và thực hiện một tương lai hợp logic của sự phát triển xã hội<sup>(2)</sup>.

Một trong những nhân vật lịch sử có ảnh hưởng và có vai trò lớn trong lịch sử dân tộc là Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn. Trong kế giữ nước, ông đã để lại cho hậu thế hai bài học rất có ý nghĩa. Đó là: “*Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc*” và “*Vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước ra sức*”. Lời dạy đó không chỉ củng cố sự đoàn kết dân tộc, tạo ra sức mạnh vô song trong cuộc kháng chiến chống lại sự xâm lược của đế quốc Mông Nguyên ở một giai đoạn lịch sử đầy biến động của thế giới trước vó ngựa của quân đội Mông Nguyên, mà còn là kế sách xây dựng và bảo vệ Việt Nam, không chỉ trong quá khứ, hiện tại mà cả trong tương lai. Tầm ảnh hưởng của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn là lâu dài và bền vững, trong lòng người dân Việt Nam trước kia và hiện nay. Đó thực sự là *một giá trị tinh thần, một di sản văn hóa - chính trị* - quân sự vô giá của tiền nhân, của một trong những danh tướng lỗi lạc đã được cộng đồng thế giới nể phục.

(1) GS, TS Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và giáo dục lịch sử*, Sđd, tr. 112

(2) GS, TS Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và giáo dục lịch sử*, Sđd, tr. 112

Là một người có nhiều năm nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên khẳng định: Trong mọi lĩnh vực đạo đức truyền thống dân tộc, nhân dân Việt Nam đã tiếp thu nhiều điều tốt đẹp trong đạo đức của nhân loại nhưng vẫn giữ vững bản sắc của dân tộc mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiêu biểu cho việc bảo vệ, phát huy bản sắc đạo đức dân tộc. Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ ngày nay hay mai sau phải noi gương Người trong việc bảo tồn cái bản sắc quý báu này. Nội dung của bản sắc đạo đức dân tộc Việt Nam có nhiều, song những nét chủ yếu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc là: Tôn trọng nhân nghĩa trong mọi quan hệ xã hội; lấy tinh thần yêu nước làm tiêu chuẩn tối cao để rèn luyện và đánh giá một con người. Lòng yêu nước của nhân dân ta trở thành chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tạo nên những giá trị tinh thần, vật chất cho dân tộc; sự tôn trọng và bình đẳng giữa các lớp người khác nhau về thế hệ, tuổi tác, địa vị xã hội, quan hệ gia đình; tính cải tạo cách mạng, tinh thần “kiến nghĩa bất vi” giữa đường cảm thấy “sự bất bình chẳng tha”. Điều này thể hiện tinh thần dũng cảm trong bảo vệ chính nghĩa, lẽ phải; khiêm nhường, giản dị nhưng không thông tục, tự bi, bình thường mà sâu xa trong triết lý cuộc đời; nhận thức về đạo đức và hành vi đạo đức gắn liền với nhau<sup>(1)</sup>.

Trong thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, *tâm ảnh hưởng những giá trị văn hóa* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với nhiều thế hệ người Việt Nam là rất lớn, kể cả những người có sự khác biệt về quan điểm đối với Người. Hồ Chí Minh là người rất coi trọng giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ, nhất là thanh niên. Trong bài viết “*Đổi mới việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh*” GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên đã khẳng định “vấn đề giáo dục đạo đức cho thanh niên *bao giờ cũng là nhiệm vụ quan trọng* cho sự tồn tại và phát triển của một dân tộc. Bởi vì, họ là người chủ tương lai, quyết định vận mệnh của đất nước. Chính vì vậy mà trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thiết tha căn dặn: Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ (tức là thế hệ trẻ - tác giả chú thích), đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết<sup>(2)</sup>. Cũng theo GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên đạo đức là một phạm trù lịch sử và mang tính giai cấp. Vì vậy, giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ phải tính đến những điều kiện chính trị - xã hội cụ thể, phải gắn với định hướng chính trị của đất nước. Không thể có thứ đạo đức “*thuần túy*” của một dân tộc mà không chịu tác động, ảnh hưởng của tinh hoa văn hóa đạo đức nhân loại. Cũng không có thứ đạo đức chịu tác động “*phi chính trị*”, “*toàn thế giới*” mà không nhằm mục đích cuối cùng của dân tộc, giai cấp<sup>(3)</sup>.

(1) GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên, *Lịch sử và Giáo dục Lịch sử, Sđd*, tr. 304 - 305

(2) GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên, *Lịch sử và giáo dục lịch sử, Sđd*, tr. 302

(3) GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và giáo dục lịch sử, Sđd*, tr. 302



Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ thiên tài và tiêu biểu của cách mạng Việt Nam, mà bản thân Người còn là hiện thân của *một nhà chính trị, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam trong thế kỷ XX*. Trong con người Hồ Chí Minh kết tụ đầy đủ những giá trị, cho thấy tầm ảnh hưởng to lớn và lâu dài của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người, đến không chỉ nhân dân Việt Nam mà còn nhân dân ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các dân tộc từng là thuộc địa, nửa thuộc địa và phụ thuộc của chủ nghĩa đế quốc. Một trong những ảnh hưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến hậu thế chính là *tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh*. Trong phương pháp làm việc, theo GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên một phương pháp nhận thức rất quan trọng đối với Hồ Chí Minh là *học tập trong cuộc sống*, đến tận những nơi xảy ra các sự kiện lớn mà tìm hiểu. Có thể xem đây là *phương pháp nghiên cứu thực địa* trong quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh<sup>(1)</sup>. Tấm gương Hồ Chí Minh về phương pháp làm việc, nhất là phương pháp nghiên cứu thực địa vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn, gợi mở cho các cán bộ, đảng viên trong công tác của mình, đó là bài học về gần dân, coi trọng khảo sát thực tiễn để không bị quan liêu, lý thuyết suông,... khiến cho hiệu quả công việc không cao. Phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là *một di sản vô giá* mà Người để lại cho nhân dân Việt Nam. Đã hơn nửa thế kỷ, kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xa, phong cách Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị tham khảo và noi gương. Phong cách Hồ Chí Minh là sự tổng hợp của 1. Phong cách tư duy; 2. Phong cách làm việc; 3. Phong cách diễn đạt; 4. Phong cách ứng xử và 5. Phong cách sinh hoạt<sup>(2)</sup>. Việc học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh cần được tiếp tục và thiết thực hơn trong bối cảnh của đất nước hiện nay.

Từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới (năm 1986) đến nay, đất nước thực sự “thay da, đổi thịt”, đúng như lời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: *Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta*<sup>(3)</sup>. Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng, người lớn sẽ có lỗi với con em chúng ta, nếu sao nhãng việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Chỉ có như vậy mới không dẫn đến tình trạng nhiều thanh niên Việt Nam khi ra nước ngoài, giao lưu với bè bạn quốc tế

(1) GS, TS Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và giáo dục lịch sử*, Sđd, tr. 99 - 100

(2) Dẫn theo GS Nguyễn Xuân Kỳ (Chủ biên), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 56

(3) Nguồn: <https://daihoi13.dangcongsan.vn/multimedia/bai-5-khat-vong-hung-cuong-va-hien-thuc-hoa-o-viet-nam-6720>

mà mất “gốc”, quên mất cội nguồn, nhạt nhòa về bản sắc, lạc lõng giữa cộng đồng quốc tế. Chính vì lẽ đó, việc tăng cường phát huy ảnh hưởng của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người” Việt Nam, càng có giá trị thực tiễn và ý nghĩa quan trọng để xây dựng Việt Nam ngày càng hùng cường, sánh vai cùng các cường quốc năm châu, đúng như lòng mong mỏi và sự kỳ vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thế hệ trẻ Việt Nam. Theo GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta bài học về sử dụng giá trị văn hóa xưa của dân tộc cũng như của nước ngoài đã được “Việt hóa” trở thành tài sản văn hóa dân tộc. Trong việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ phải vừa bảo đảm tinh thần, bản sắc dân tộc, vừa phải phục vụ tốt nhất để giáo dục đạo đức cách mạng. Gìn giữ bản sắc dân tộc và giáo dục tư tưởng chính trị và đạo đức cách mạng không có gì mâu thuẫn với nhau. Bởi vì trong đạo đức cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có không ít những nét cơ bản của đạo đức truyền thống dân tộc, dù vẫn có những khác biệt về nguyên tắc, đó là tính cách mạng, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tinh thần quốc tế vô sản; đặt lợi ích dân tộc, nhân dân trên lợi ích cá nhân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư v.v..<sup>(1)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động cách mạng nhằm giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội (giải phóng giai cấp và giải phóng con người) đã sử dụng rất nhiều tri thức lịch sử như một cơ sở xác định con đường cứu nước, vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cứu nước, đào tạo, huấn luyện cán bộ và giáo dục nhân dân. Vào khoảng cuối năm 1941, khi Việt Nam còn chưa giành được độc lập, tự do, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam đang ở thời kỳ cam go, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tập diễn ca lịch sử tại Cao Bằng. Tập diễn ca lịch sử Việt Nam này đã được dùng làm tài liệu học tập cho cán bộ trong các lớp huấn luyện ở chiến khu thời đó, được phổ biến rộng rãi trong nhân dân (phần lớn là chưa biết chữ). Nhiều đồng chí, đồng bào đã thuộc lòng từng đoạn của tập diễn ca lịch sử dân tộc này. Sự ra đời của tác phẩm đó đã giúp rất nhiều cho việc giáo dục và động viên các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần chuẩn bị cho sự thành công của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Mở đầu tác phẩm “*Lịch sử nước ta*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

*“Dân ta phải biết sử ta,*

*Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”*<sup>(2)</sup>.

(1) GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên: *Lịch sử và giáo dục lịch sử*, Sđd, tr. 306 - 307

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 221

Có thể thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương về việc *sử dụng các tri thức lịch sử dân tộc* để tập hợp, lôi cuốn quần chúng nhân dân đi theo con đường cách mạng của Đảng. Thông qua việc trình bày ngắn gọn, súc tích, sinh động về lịch sử Việt Nam trải qua hàng ngàn năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy lòng tự hào dân tộc, khích lệ tinh thần yêu nước của quần chúng nhân dân trong những giờ phút cách mạng Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, gian khổ; trong lúc mà quần chúng lao khổ đang quần quai dưới ách thống trị của cả quân phiệt Nhật lẫn thực dân Pháp. Việc Người dự báo trong mục “NHỮNG NĂM THÁNG QUAN TRỌNG” rằng: “1945 - Việt Nam độc lập”<sup>(1)</sup> đã thể hiện sự tiên đoán thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tương lai thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính điều này đã khích lệ quần chúng nhân dân cả nước vững tin đi theo Đảng và Việt Minh. Trong “*Lịch sử nước ta*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi:

“*Dân ta xin nhớ chữ đồng:*

*Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!*”<sup>(2)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một ví dụ tiêu biểu cho thấy, tầm ảnh hưởng và vai trò to lớn của việc sử dụng các giá trị lịch sử - văn hóa - con người trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhằm vận động và lôi kéo quần chúng nhân dân, khiến cho họ vững tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự dẫn đường của Đảng.

Như vậy, với tầm nhìn xa, trông rộng, ngay từ rất sớm, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc/Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ tầm quan trọng của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Khi chúng ta biết phát huy và lan tỏa truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, những giá trị tinh thần vô giá đó đã, đang và sẽ tạo thành sức mạnh vô địch để dân tộc Việt Nam chiến thắng những kẻ thù hung bạo nhất, những đế quốc thực dân sừng sỏ nhất để bảo vệ phẩm giá con người Việt Nam, để giành lại độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân, bởi lẽ, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định trong Lời kêu gọi nhân ngày 20 tháng 7 năm 1965, Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng. Chúng ta đã từng đánh đổ phát xít Nhật, đánh bại thực dân Pháp và hiện nay đang kiên quyết đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Chúng ta quyết tâm giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, giành tự do hoàn toàn cho nhân dân. Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 229 - 230

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 229

đấu đến thắng lợi hoàn toàn<sup>(1)</sup>. Quyết tâm sắt đá đó xuất phát từ tinh thần/tư tưởng/triết lý “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, tại thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang ở giai đoạn đầy thử thách và khó khăn (năm 1965).

Trong bài trả lời phỏng vấn của đồng chí Phran Phabe, phóng viên báo “*Nước Đức mới*”, đăng trên báo Nhân dân ngày 02 tháng 9 năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, nhưng hòa bình không thể tách rời độc lập dân tộc. Nhân dân Việt Nam biết rằng muốn có hòa bình thực sự thì phải có độc lập thật sự; và đấu tranh cho độc lập dân tộc tức là đấu tranh bảo vệ hòa bình. Nhân dân Việt Nam quyết không dung thứ cho bọn xâm lược Mỹ phá hoại hòa bình, giày xéo lên độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mình<sup>(2)</sup>.

Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước năm 1945, tiếp nối là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chính nhờ việc Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, các bậc tiền bối cách mạng biết khơi dậy, phát huy lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường, không ngại hy sinh, gian khổ, nên bao thế hệ người Việt Nam đã luôn vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sức mạnh tinh thần, sức mạnh của “văn hóa Việt Nam”, sức mạnh của “những bài học lịch sử”, tấm gương của các anh hùng dân tộc như Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng, Lý Công Uẩn, Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi,... thực sự đã tiếp sức cho cả dân tộc, khi phải đối mặt với những kẻ thù mạnh hơn mình rất nhiều. Nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam đã dâng hiến tuổi thanh xuân, xương máu cho Tổ quốc. Tinh thần chiến đấu, sự hi sinh của họ đã tô thắm lá cờ Tổ quốc, góp phần đưa đến chiến thắng ngày 30 tháng 4 năm 1975, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ thành công thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ biên giới, chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc những năm sau đó, tinh thần tận hiến cho Tổ quốc vẫn được thế hệ trẻ Việt Nam phát huy, tinh thần cách mạng sáng ngời của bao anh hùng, liệt sĩ, chiến sĩ tiếp tục lan tỏa, khích lệ, động viên các thế hệ sau vững bước trên con đường cách mạng mà cha ông đã đi. Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Lịch sử nước ta từng dành những trang chói lọi cho tuổi trẻ nước ta. Tiền đồ xán lạn của dân tộc đang nằm trong tay và chờ đón tuổi trẻ<sup>(3)</sup>.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 577

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 615

(3) Nguồn: <https://daihoi13.dangcongsan.vn/multimedia/bai-5-khat-vong-hung-cuong-va-hien-thuc-hoa-o-viet-nam-6720>

### 3. Soi chiếu quá khứ với hiện tại, có thể thấy:

*Thứ nhất*, việc phát huy ảnh hưởng của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam, thông qua hoạt động tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ là *cần thiết* trong bối cảnh đất nước hiện nay. Mỗi địa phương, trong đó có tỉnh Quảng Ninh, *cần nhận thức đúng, triển khai bài bản, thiết thực, hiệu quả* về tầm quan trọng của việc phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa - con người, nhất là kinh nghiệm của cha ông trong tiến trình dựng nước và giữ nước đến người dân. Chỉ có như vậy, Việt Nam mới nhanh chóng thịnh vượng, bắt kịp con tàu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nắm bắt được cơ hội phát triển do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đưa lại, phát huy tối đa tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương cũng như của cả nước. Đồng thời, đó cũng là một nhân tố cấu thành, bảo đảm *sự phát triển bền vững* của Việt Nam, trong bối cảnh toàn cầu hóa về văn hóa là một xu thế không thể đảo ngược.

*Thứ hai*, cần phải xác định đúng *tầm quan trọng* của công tác giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Việc này sẽ thuận lợi hơn nếu chúng ta biết *khơi dậy và phát huy tối đa ảnh hưởng của các giá trị lịch sử* (công lao của các thế hệ đi trước trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc), *giá trị văn hóa* (bản sắc dân tộc Việt Nam), *giá trị con người* (các danh nhân văn hóa<sup>(1)</sup>, danh nhân quân sự, danh nhân khoa học,... - những người đã làm rạng rỡ Việt Nam trong sự nhìn nhận của quốc tế, như Chu Văn An, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Nguyễn Đình Chiểu, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp...). Họ là những cá nhân kiệt xuất, có tầm ảnh hưởng, lan tỏa các giá trị, toát lên được *hồn cốt văn hóa Việt Nam, nhân cách con người Việt Nam, bản sắc dân tộc Việt Nam* (thông minh, cần cù, không cam chịu yếu kém và nghèo nàn, hiếu học...). Trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế, Việt Nam cần tiếp thu tối đa những thành tựu văn hóa, văn minh của nhân loại, nhưng không được để mất đi bản sắc dân tộc; văn hóa Việt Nam phải nhận diện được trong cộng đồng quốc tế. Đây là một việc không dễ, nhưng phải làm cho được. Các danh nhân trên các lĩnh vực khác nhau,

(1) Theo GS, Anh hùng lao động Vũ Khiêu, “Danh nhân là những người trong lúc sinh thời đã có nhiều đóng góp cho đất nước, cho quê hương. Từ khi qua đời, họ vẫn tiếp tục sống trong lòng mọi người, được mọi người quý trọng và noi gương” (Theo: GS Vũ Khiêu, *Hội thảo các Phương pháp sử dụng tiểu sử danh nhân phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học ở các nước châu Á*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2003, tr. 55). Còn GS, TS, NGND Phan Ngọc Liên thì có quan điểm cho rằng “Danh nhân là người có tài, đức nổi tiếng trong lịch sử, được ghi công và nhân dân truyền tụng” (Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông*, Nxb. Giáo dục, 2005, tr. 133). Có thể thấy, Danh nhân là những người kiệt xuất, tài năng, có nhân cách đáng kính, nổi tiếng trong lịch sử. Danh nhân văn hóa là những người có nhiều công trình để lại cho hậu thế, các nghiên cứu hay sự sáng tạo của họ có ảnh hưởng lâu dài, lớn lao đối với nền văn hóa dân tộc. Những đóng góp của họ nhiều khi không chỉ dừng trong biên giới quốc gia mà còn cả ở tầm khu vực hay quốc tế. Nhân cách, sự nghiệp của các danh nhân được cộng đồng ghi nhận, nhân dân kính trọng và tôn vinh.

nhất là danh nhân văn hóa của Việt Nam, luôn luôn có tầm ảnh hưởng rất lớn, lâu dài đối với đất nước, có lợi thế khi quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, các giá trị lịch sử, văn hóa vô giá, đến cộng đồng quốc tế.

*Thứ ba, việc nhận diện đầy đủ, toàn diện và chính xác vai trò và tầm quan trọng về ảnh hưởng của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người” Việt Nam trong quá khứ đến hiện tại (mà gần nhất là lịch sử đấu tranh cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ năm 1930 đến nay) sẽ góp phần định hướng nhân cách của con người Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa, bồi đắp tinh thần cách mạng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, khát vọng cống hiến cho Tổ quốc, quê hương của thế hệ trẻ hiện nay và mai sau. Điều này sẽ giúp ích rất nhiều đối với công tác giáo dục đạo đức cho các thế hệ công dân tương lai của Tổ quốc, những người vừa “hồng” vừa “chuyên”. Mặt khác, chỉ khi chúng ta phát huy được tối đa ảnh hưởng và vai trò của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam trong phát triển và hội nhập quốc tế, thì Việt Nam mới rút ngắn được thời gian trở thành một nước phát triển, đậm đà bản sắc dân tộc, đạt trình độ phát triển tiên tiến, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và tôn vinh, hiện thực hóa được mục tiêu xây dựng Việt Nam thành một nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.*

*Thứ tư, việc bảo vệ văn hóa, đạo đức dân tộc là điều kiện cho sự phát triển. Bên cạnh sự “hiện đại” người ta vẫn nhận thấy “tính dân tộc” trong quan hệ xã hội, trong lối sống, cách trang phục, kiến trúc, văn học, nghệ thuật. Nghiêm khắc mà nói chúng ta phải thừa nhận rằng, tính dân tộc Việt Nam trong mấy thập kỷ qua có phần suy giảm nghiêm trọng, phải báo động. Thay thế cho quan hệ, đối xử một cách “cứng nhắc”, “lập trường” vốn xa lạ với chủ nghĩa Mác-Lênin, với tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là “lối sống Tây”, “rất Tây” trên mọi lĩnh vực của cuộc sống sẽ gây nên sự nhiễu loạn trong hệ thống giá trị xã hội”. Chính vì lẽ đó, tác giả bài viết cho rằng, càng giàu có về kinh tế, đời sống nhân dân ta càng được cải thiện về vật chất thì lại càng cần thiết, phải nâng cao tương xứng về tinh thần.*

Hàm ý của GS Trần Quốc Vượng khi khảo cứu về “*Cái chung và cái riêng trong sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam*”<sup>(1)</sup> rất đáng suy ngẫm, có giá trị tham khảo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay và mai sau. Đó là chúng ta nên và cần xây dựng một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam như một thể thống nhất (ở nội dung XHCN và tính chất dân tộc) mà vẫn còn nhiều hương sắc của đại gia đình các dân tộc anh em ở Việt Nam<sup>(2)</sup>.

Trong bối cảnh của thế giới và Việt Nam hiện nay, chúng ta lại càng khâm phục tâm

(1) GS Trần Quốc Vượng, *Sđd*, tr. 42 - 54

(2) GS Trần Quốc Vượng, *Sđd*, tr. 54

nhìn xa, trông rộng của Đảng, mà ngay từ năm 1943, Tổng Bí thư Trường Chinh đã soạn thảo Đề cương văn hóa về Việt Nam được Hội nghị Thường vụ Trung ương tháng 02 năm 1943 thông qua. Đây là một văn kiện mang tính thời đại được xem là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa ra đời khi mà Việt Nam còn chưa giành được độc lập. Cương lĩnh đã đề ra ba nguyên tắc quan trọng trong xây dựng nền văn mới của Việt Nam: *Dân tộc hóa*; Đại chúng hóa và *Khoa học hóa*. Năm 1943, trong bối cảnh nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đang tiến hành cuộc đấu tranh gian khổ để chống lại ách thống trị của quân phiệt Nhật và thực dân Pháp, nhằm giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân, lấy lại tên Việt Nam trên bản đồ chính trị thế giới, với tầm nhìn xa, trông rộng, Đảng đã coi trọng vấn đề xây dựng nền văn hóa mới - nền văn hóa cách mạng. Sau 80 năm, các nguyên tắc “*Dân tộc hóa*, Đại chúng hóa và *Khoa học hóa*” của Bản Đề cương về văn hóa năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục phát huy ảnh hưởng và vai trò của nó trong công cuộc phát triển đất nước và hội nhập quốc tế của Việt Nam, góp phần gìn giữ, phát triển và lan tỏa bản sắc dân tộc Việt Nam đến cộng đồng quốc tế. Nhờ vậy, văn hóa thực sự trở thành “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi” trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ năm*, để phát huy tốt hơn nữa ảnh hưởng và vai trò của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người trong sự nghiệp cách mạng của Việt Nam, trong hiện tại và sau này chúng ta cần nâng cao hơn nữa chất lượng của việc học tập theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; nắm vững, vận dụng linh hoạt và sáng tạo những vấn đề cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là những tư tưởng “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”, “*Thà hy sinh tất cả chứ không để mất nước, không chịu làm làm nô lệ*”, “*Bốn bề đều là anh em*”, “*Nói đi đôi với làm*”, “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”... Tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh là *một di sản vô giá cho muôn đời*, tiếp tục dẫn dắt cho dân tộc Việt Nam đi đến bến bờ thịnh vượng và vinh quang, sánh vai cùng các cường quốc năm châu, đúng như lòng mong mỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Việc phát huy hơn nữa ảnh hưởng của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam, nhất là các danh nhân văn hóa, tiêu biểu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong bối cảnh thế giới và đất nước hiện nay là *rất cần thiết*. Bởi lẽ, Danh nhân lịch sử nói chung, Danh nhân văn hóa nói riêng là những nhân vật lịch sử có nhân cách đạo đức cao đẹp trong cuộc sống, tài năng kiệt xuất trong lĩnh vực mà họ hoạt động. Vì thế, cuộc đời và sự nghiệp của họ luôn là tấm gương cho hậu thế, có giá trị giáo dục, có tầm ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài đối với các thế hệ sau. Chính vì vậy, trong bối cảnh Việt Nam phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; toàn cầu hóa nói chung, toàn cầu hóa về văn hóa nói riêng trở thành một xu

thế không thể đảo ngược, việc tăng cường phát huy giá trị giáo dục các danh nhân lịch sử, trong đó có Danh nhân văn hóa là rất cần thiết. Điều này sẽ góp phần rất lớn vào việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc,... sẽ giúp cho thế hệ trẻ Việt Nam nhận diện được bản thân khi giao lưu với bạn bè quốc tế, qua đó, góp phần bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm kiêu hãnh quốc gia<sup>(1)</sup>. Các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam là một di sản vô giá mà các thế hệ cha ông, các bậc tiền bối cách mạng để lại cho thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay. Nếu chúng ta biết phát huy, tiếp tục lan tỏa những giá trị đó, nhất định tuổi trẻ Việt Nam hôm nay sẽ có thêm động lực, quyết tâm, để phát huy những giá trị, thế mạnh của con người Việt Nam trong phát triển kinh tế, nghiên cứu khoa học, để đưa đất nước đến bến bờ vinh quang. Tác giả bài viết cho rằng, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập thế giới hiện nay, nếu chúng ta biết phát huy hiệu quả ảnh hưởng và vai trò của các giá trị lịch sử - văn hóa - con người Việt Nam, thì Việt Nam sẽ thành công nhanh hơn và sớm hơn, xây dựng được một nước Việt Nam “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, sánh vai cùng các cường quốc năm châu, như lòng mong mỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Trong thế kỷ XX, Việt Nam từng là nước dẫn đầu trong phong trào giải phóng dân tộc thế giới. Trong thế kỷ XXI, *khát vọng phát triển* sẽ là động lực để Việt Nam trở thành một trong các nước phát triển trên thế giới. Muốn vậy, tỉnh Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung cần phải “coi trọng hơn nữa vấn đề học tập và xây dựng xã hội học tập để làm cho con người Việt Nam ta trong thế kỷ XXI này trở thành những con người yêu nước, có tinh thần độc lập tự chủ, có trí tuệ thông minh, có năng lực sáng tạo, có kỹ năng nghề nghiệp”<sup>(2)</sup>. Đồng thời, các thế hệ người Việt Nam cần thấm nhuần sâu sắc và triển khai hiệu quả trong thực tiễn lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là, phải học, học nữa, học mãi, “Học đến hơi thở cuối cùng”<sup>(3)</sup>. ❖

(1) PGS, TS Đào Tuấn Thành: “Suy nghĩ về việc đẩy mạnh khai thác giá trị của các danh nhân văn hóa trong giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ Việt Nam”, bài đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học “Nghiên cứu danh nhân một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Viện Nghiên cứu Danh nhân, Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài Việt Nam, Hà Nội, 2023, tr. 101

(2) Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “*Phát huy tinh thần Điện Biên Phủ trong công tác khuyến học*” (Bài nói chuyện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chủ tịch danh dự của Hội Khuyến học Việt Nam tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam lần thứ 6 (khóa II) từ ngày 10 đến ngày 12/3/2004 tại Hà Nội. Dẫn theo: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với sự nghiệp khoa học, giáo dục và đào tạo*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014, tr. 287

(3) Dẫn theo: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với sự nghiệp khoa học, giáo dục và đào tạo*, *Sđđ*, tr. 285



## NGƯỢC DÒNG THỜI GIAN - TRỞ VỀ QUÁ KHỨ VÙNG ĐẤT MỎ ANH HÙNG

VŨ NGỌC HÀ

*TS, Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật,  
Học viện Chính trị khu vực I*

Trong đợt Kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh - địa đầu Tổ quốc; nơi có dòng sông Bạch Đằng, ghi dấu ấn lịch sử hào hùng của dân tộc với ba lần chiến thắng quân xâm lược; nơi được mang danh Vùng mỏ, là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam và ngành công nghiệp khai khoáng; nơi khởi đầu của phong trào “vô sản hóa”... toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cùng hướng về, ôn lại truyền thống lịch sử hào hùng của quân và dân trong tỉnh, để một lần nữa khẳng định những giá trị cốt lõi, cùng phát huy trong công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh hiện nay.

### NGƯỢC THỜI GIAN TRỞ VỀ QUÁ KHỨ

Thời kỳ 2 cuộc kháng chiến, trải qua những năm tháng oanh liệt xây dựng và bảo vệ quê hương, đồng bào các dân tộc Quảng Ninh và những người công nhân mỏ các thế hệ đã xây dựng nên truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo, bất khuất, kiên cường, dũng cảm của con người và quê hương Quảng Ninh. Lịch sử đã ghi dấu ấn trên vùng đất này, làm nên những sự kiện không thể quên trên vùng đất Quảng Ninh đối với con người Quảng Ninh nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Một trong các sự kiện đó là ngày 5-8-1964 quân và dân tỉnh QUảng Ninh đã làm nên Chiến thắng trận đầu - bắn rơi 3 máy bay Mỹ, bắt sống giặc lái Mỹ đầu tiên trên miền Bắc. Đến năm 1972, trong bối cảnh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, toàn tỉnh thi đua bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 200. Đã gần 60 năm trôi qua, hàng năm vào dịp tháng 8, tại Đài tưởng niệm Chiến thắng trận đầu nằm bên bờ Cửa Lục (phường Bãi Cháy, TP Hạ Long), rất đông các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, thanh niên, người dân... lại thành kính dâng hương, thả hoa, tưởng niệm các cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã anh dũng chiến đấu, hy sinh, làm nên Chiến thắng trận đầu.

Hiện nay, tại Bảo tàng Quảng Ninh, nhiều hiện vật và tư liệu như Mũ phi công, giày và tư trang của viên Trung úy phi công Mỹ E.Alvarez; mảnh xác của máy bay Mỹ bị bắn rơi ở Hòn Gai ngày 5-8-1964; tổng đài điện thoại của đồng chí Vi Thị Mến, nữ điện báo viên Bưu điện Bãi Cháy, dũng cảm bảo vệ mạch máu thông tin liên lạc trong trận Mỹ bắn phá Hòn Gai ngày 5-8-1964; thùng đạn 14,55mm mà Binh nhất Đồng Quốc Bình dùng để tiếp tế đạn cho các đồng đội chiến đấu trên tàu 124 Hải quân; hộp đầu nổ đạn dùng trong trận đánh ngày 5-8-1964 tại Hòn Gai... về Chiến thắng trận đầu tại Quảng Ninh vẫn được lưu giữ, bảo quản, mỗi ngày thu hút nhiều lượt du khách đến tham quan, tìm hiểu.

Một dấu ấn lịch sử ghi nhận là sự kiện quan trọng thành lập Lữ đoàn 170 ngày 12-2-1979. Lữ đoàn có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với các lực lượng của Vùng 1 Hải quân, đơn vị liên quan tổ chức tuần tiễu, quản lý, bảo vệ vững chắc vùng biển và chi viện cho các đảo phía Bắc của Tổ quốc. Các đơn vị tiền thân của Lữ đoàn 170 là Hải đội 1 và Đại đội 8 Công binh Hải quân, đều là nòng cốt trong cuộc chiến đấu, bảo vệ vùng sông, biển miền Bắc, bẻ gãy âm mưu phong tỏa bằng thủy lôi, bom từ trường của đế quốc Mỹ cách đây 50 năm về trước (năm 1973). Truyền thống Anh hùng của các đơn vị tiền thân Lữ đoàn 170 đã và đang được các thế hệ sau tiếp bước, trở thành động lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Những năm gần đây, trước những diễn biến phức tạp ở Biển Đông nói chung, trên phạm vi vùng biển được giao nói riêng, Lữ đoàn luôn nắm chắc tình hình, vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng vào thực tiễn, có nhiều biện pháp kiên quyết, mưu trí, linh hoạt, mềm dẻo nhằm xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống trên biển. Đơn vị chú trọng phối hợp chặt chẽ cùng cấp ủy, chính quyền địa phương ven biển, các lực lượng liên quan thực hiện tốt công tác dân vận, hỗ trợ ngư dân cả trên biển và trên bờ. Câu chuyện về Binh đoàn Than đã trở thành một phần ký ức lịch sử, được ghi nhận và luôn sống mãi trong ký ức con người Vùng mỏ. Chiến tranh đã lùi xa, song những tháng năm xông pha nơi trận mạc, sẵn sàng hy sinh tuổi xuân để bảo vệ đất nước vẫn còn vẹn nguyên trong ký ức của các chiến sĩ Binh đoàn Than. Tháng 7-1967 tỉnh Quảng Ninh huy động lực lượng thanh niên của tỉnh từ Móng Cái đến Đông Triều ở mọi ngành, mọi nghề bổ sung cho chiến trường miền Nam ruột thịt với phong trào “Tất cả vì tiền tuyến”. Công nhân ngành Than tại TX Hòn Gai, TX Cẩm Phả viết đơn tình nguyện vào Nam chiến đấu. Sau thời gian huấn luyện tại Yên Tử rồi Hòa Bình, các chiến sĩ Binh đoàn Than gồm Tiểu đoàn 385, Tiểu đoàn 386, Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 42, Sư đoàn 320, tổng quân số khoảng 2.000 người, hành quân vào chiến trường miền Nam.

Quảng Ninh cũng là địa danh ghi dấu ấn nhiều sự kiện được lưu truyền trong lịch sử, các dấu tích còn lưu giữ đến ngày nay cũng trở thành những di tích được đông đảo người

dân Việt Nam ghi nhớ và mỗi người đều mong muốn một lần được ghé thăm. Đó là sự kiện quân và dân nhà Trần đã lập nên chiến thắng lẫy lừng - Chiến thắng Bạch Đằng đánh tan quân Nguyên Mông năm 1288. Quần thể di tích Bạch Đằng nằm trên địa bàn TX Quảng Yên, TP Uông Bí là nơi ghi dấu sự kiện. Nay đã và đang bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Khi di tích đã được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt.

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, từ thời Trần (1225 - 1400) Yên Tử được đầu tư xây dựng với quy mô lớn. Khởi đầu là vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh) đã đến Yên Tử tháng 4/1236. Vua Trần Nhân Tông, sau 2 lần chiến thắng quân Nguyên Mông vào các năm 1285 và 1288, khi đất nước thái bình thịnh trị, Ngài đã nhường ngôi cho con để tìm đến Yên Tử tu hành, chuyên tâm nghiên cứu Phật giáo. Năm 1299, vua Trần Nhân Tông sáng lập nên dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, bằng cả một hệ thống lý thuyết và hành động gắn Đạo với Đời. Nổi tiếp ông là Pháp Loa và Huyền Quang, họ đã trở thành 3 vị tổ của dòng thiền này. Từ đó, Yên Tử trở thành kinh đô tư tưởng của Phật giáo Trúc Lâm và tiếp tục được xây dựng, phát triển vào các đời sau. Quần thể các di tích chùa, am, tháp, mộ, bia, tượng... trải qua quá trình lịch sử đã gắn kết hài hoà với cảnh quan núi rừng hùng vĩ, thơ mộng trải dài hàng chục km của Yên Tử. Các giá trị văn hóa của Phật giáo Trúc Lâm từ đây cũng được nhiều thế hệ nối tiếp kế thừa, ngày một phát triển, lan tỏa tới nhiều vùng miền của cả nước và nhiều quốc gia khác trên thế giới cho tới ngày nay.

Quảng Ninh sở hữu kho tàng văn hóa khổng lồ hơn 600 di sản văn hóa vật thể gồm những đình, chùa, đền, miếu, danh lam thắng cảnh và hơn 2.800 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể là những phong tục, tập quán, trò chơi dân gian...

Đặc biệt, những điều kiện tự nhiên phong phú được kiến tạo trong hàng ngàn năm, là những trầm tích vừa mang tính lịch sử, vừa phản ánh nét văn hóa đặc sắc riêng vùng đất trước đây vốn là đồng bằng đã tạo cho Quảng Ninh những thắng cảnh nổi tiếng mà ít địa phương nào trong cả nước có được. Trong đó, dạng địa hình biển đảo là dạng địa hình đặc trưng, chi phối, tạo cho Quảng Ninh hình ảnh tự nhiên kỳ vĩ, không thể lẫn lộn, là nền tảng tạo nên Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô, bãi tắm Trà Cổ, Vườn quốc gia Bái Tử Long... Dạng địa hình trung du có hồ Yên Lập (Hoành Bồ), hồ Yên Trung (Uông Bí), thác Lụng Xanh (Uông Bí), thác Mơ (Yên Hưng), rừng thông (Yên Hưng)... Dạng địa hình đồi núi có rừng nguyên sinh Yên Tử, Khu Bảo tồn Động Sơn - Kỳ Thượng...

Đây là những kết tinh văn hóa của nhiều thời kỳ lịch sử. Từ thời đại kim khí mà đỉnh cao là Văn hóa Đông Sơn là một trong những giai đoạn phát triển rực rỡ của lịch sử Việt

Nam. Các dấu tích khảo cổ đã chứng minh Quảng Ninh giai đoạn đó là một trong các “nôi văn hóa” phát triển, gắn kết chặt chẽ với thời đại Hùng Vương.

Cùng giai đoạn với Văn hóa Hạ Long, các nhà khảo cổ đã phát hiện dấu tích cư trú của người Việt cổ tương tự ở vùng núi phía Bắc là Văn hóa Mai Pha (Lạng Sơn) và Hà Giang (Hà Giang, Tuyên Quang), Bàu Tró (Quảng Bình), Văn hóa Lung Leng (Kon Tum), Biển Hồ (Gia Lai) và Buôn Triết (Đắk Lắk - Đắk Nông) và xa hơn là vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Cho đến giai đoạn phát triển cực thịnh, cư dân cổ Văn hóa Hạ Long đã phân bố khá rộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ngày nay, tập trung chủ yếu ở ven biển và các đảo trên Vịnh Hạ Long.

Khái niệm thời đại kim khí chính là chỉ giai đoạn lịch sử Việt Nam kéo dài khoảng 3.500 năm - 2.000 năm cách ngày nay (chi tiết hơn, các nhà khảo cổ còn chia ra các giai đoạn hậu kỳ kim khí, sơ kỳ đồ sắt). Đây là giai đoạn tiếp nối hậu kỳ đá mới của người Việt cổ với những truyền thuyết chinh phục tự nhiên, chống giặc ngoại xâm và nhất là sáng tạo ra một nền văn hóa mang dấu ấn rõ nét trong lịch sử dân tộc.

Riêng đối với vịnh Hạ Long các nhà nghiên cứu đã chứng minh những giá trị lịch sử lớn. Là một trong cái nôi của người Việt cổ, với ba nền văn hóa tiền sử kế tiếp nhau, cách ngày nay từ 18.000 đến 3.500 năm đó là: Văn hóa Soi Nhụ, văn hóa Cái Bèo và văn hóa Hạ Long. Những kết quả nghiên cứu, thám sát khảo cổ học và văn hóa học cho thấy sự hiện diện của những cư dân tiền sử trên vùng vịnh Hạ Long từ khá sớm, đã tạo lập những hình thái văn hóa cổ đại tiếp nối nhau bao gồm văn hóa Soi Nhụ trong khoảng 18.000-7.000 năm trước Công Nguyên, văn hóa Cái Bèo trong 7.000 - 5.000 năm trước Công Nguyên và văn hóa Hạ Long cách ngày nay khoảng từ 3.500 - 5.000 năm.

Ngay tại khu vực trung tâm di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện khá nhiều dấu tích còn lại của những cư dân thời tiền sử Hạ Long tại động Mê Cung, hang Tiên Ông, hang Bồ Nâu, động Thiên Long... Đặc biệt là, các di chỉ khảo cổ học thuộc thời tiền sử Hạ Long, đã được phát hiện, có mặt hầu hết các nơi trên Vịnh, chứng tỏ một quy mô rộng khắp, thể hiện sự phát triển rực rỡ, liên tục của một nền văn hóa mang đậm sắc thái của cư dân vùng biển đảo, có ý nghĩa quan trọng góp phần vào quá trình hình thành nền văn minh Việt cổ.

Ngay tại khu vực trung tâm di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện khá nhiều dấu tích còn lại của những cư dân thời tiền sử Hạ Long tại

động Mê Cung, hang Tiên Ông, hang Bò Nâu, động Thiên Long... Đặc biệt là, các di chỉ khảo cổ học thuộc thời tiền sử Hạ Long, đã được phát hiện, có mặt hầu hết các nơi trên Vịnh, chứng tỏ một quy mô rộng khắp, thể hiện sự phát triển rực rỡ, liên tục của một nền văn hóa mang đậm sắc thái của cư dân vùng biển đảo, có ý nghĩa quan trọng góp phần vào quá trình hình thành nền văn minh Việt cổ.

Vịnh Hạ Long chứa đựng biết bao điều kỳ diệu và đến nay nhiều điều vẫn là bí ẩn. Hạ Long xưa được ví như một pho sử lớn, ghi nhận nhiều sự kiện lịch sử - văn hóa nổi tiếng của dân tộc đã từng diễn ra ở đây suốt từ thời kỳ phong kiến cho đến thời kỳ cận hiện đại. Từ câu chuyện huyền thoại về đàn rồng mẹ, rồng con xuống trần gian giúp người Việt đánh giặc ngoại xâm, đến những chiến công oanh liệt của cha ông ta trong các cuộc chiến đấu giành và giữ gìn nền độc lập của đất nước.

Giữa năm 1997 và đầu năm 2018, qua hai cuộc khai quật di chỉ núi Đầu Rằm - hai dãy núi đá vôi nằm gần đối nhau như cung lông mày (nên dân gian gọi núi Đầu Rằm) thuộc xã Hoàng Tân (nay thuộc TX Quảng Yên), tiếp giáp Vịnh Hạ Long trên diện tích hơn 100m<sup>2</sup> phần lưng chừng và dưới chân núi, các nhà khảo cổ đã thu được nhiều hiện vật. Về đồ đá có rìu đá, bàn mài, vòng tay, khuyên tai. Đồ gốm có các mảnh vò, nôi, “chì lưới”. Đồ đồng có giáo, lao, lưới câu các kích cỡ. Từ đó, làm rõ Đầu Rằm là điểm cư trú của cư dân Việt cổ với hai giai đoạn diễn tiến văn hóa: Giai đoạn sớm cách ngày nay khoảng 3.300 năm và giai đoạn muộn cách ngày nay khoảng 2.700 năm. So với giai đoạn trước đó, đến thời điểm này, người Việt cổ ở Quảng Ninh khi đó đã có những phát triển vượt bậc về phương thức sống, kỹ thuật chế tác rèn công cụ, vũ khí, công cụ săn bắn. Họ đã tiếp nối tổ tiên sống dựa vào khai thác biển. Ngoài hái lượm, họ đã săn bắt cá, thú. Bằng chứng là trong các di vật đã phát hiện nhiều “chì lưới” bằng đất nung, mũi lao bằng xương, các loại lưới câu bằng đồng. Họ đã săn các loài thú, đặc biệt, qua các tàn tích thức ăn cho thấy rùa là một trong các món ăn khoái khẩu của cư dân cổ Đầu Rằm. Đồng thời, qua đó cũng cho thấy môi trường sinh thái Vịnh Hạ Long vào thời gian ấy phong phú, đa dạng mức nhường nào. Thậm chí khía quật còn cho thấy, trong kỹ thuật chế tác, người Việt cổ ở Đầu Rằm đã phát triển đến mức đỉnh cao các kỹ thuật khoan, mài đá ngọc Nephrit để chế tác các vòng, hạt chuỗi đeo cổ, chân, tay. Họ đã giao thoa văn hóa với cư dân Việt cổ ở các vùng, nhất là vùng Đồng bằng Sông Hồng để chịu ảnh hưởng trong chế tác đồ gốm, đồ đá, trao đổi hàng hóa đồ đồng, kể cả trong tín ngưỡng, tâm linh.

Quảng Ninh còn là một vùng đất giàu có về di sản văn hóa phi vật thể với hơn 2.800 hồ sơ. Đó là 64 lễ hội truyền thống mang đặc trưng của từng vùng miền; là hàng loạt những

di sản khác nhau, bao gồm: Ngữ văn dân gian (gồm có: Sử thi, ca dao, dân ca, tục ngữ, hò, vè, câu đối, truyện cổ tích, truyện trạng...); nghệ thuật trình diễn dân gian (gồm: Âm nhạc, múa hát, sân khấu..); tập quán xã hội (bao gồm luật tục hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác); tri thức dân gian (bao gồm tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, y, dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục); nghề thủ công truyền thống... Đặc biệt, các lễ hội ở Quảng Ninh là những giá trị văn hóa phi vật thể quý báu tồn tại trong đời sống văn hóa tinh thần của người Quảng Ninh. Trong đó, phải kể đến những lễ hội rất độc đáo của đồng bào dân tộc thiểu số như: Hội làng của đồng bào Dao ở xã Bằng Cả (Hoành Bồ); lễ hội Soóng Cọ; lễ hội đình Lục Nà của đồng bào Tày xã Lục Hồn (Bình Liêu), lễ hội đình Trà Cỏ (Móng Cái), lễ hội Vân Đồn (xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn), lễ hội Tiên Công, lễ hội Bạch Đằng (TX Quảng Yên), hội chùa Quỳnh Lâm, hội đền An Sinh (huyện Đông Triều)...

## **QUẢNG NINH CỦA THỜI KỶ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP**

60 năm qua, Quảng Ninh đã giành được những thành tựu to lớn, nhiều mặt nổi bật, mang tính tiên phong và đột phá, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng đổi mới và phát triển đất nước. Từ một tỉnh còn yếu kém phải dựa vào hỗ trợ của Trung ương, Quảng Ninh đã “vươn lên trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc” - như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đánh giá khi về thăm, làm việc năm 2022.

Đạt được đà tăng trưởng hai con số trong 7 năm liên tiếp (2017-2022), kể cả trong những giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; quy mô nền kinh tế tăng nhanh, năm 2022 đạt gần 270.000 tỷ đồng, cao gấp 103 lần so với năm 1986; GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 8.291 USD, gấp đôi bình quân cả nước, đứng đầu ở khu vực phía Bắc là do sự hỗ trợ từ Trung ương về cơ chế, chính sách, do tỉnh đã chủ động, sáng tạo, quyết liệt, do sự đồng lòng của nhân dân trong tỉnh.

Quá trình đổi mới là quá trình thực hiện tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực, bền vững, đúng hướng, vượt qua các khó khăn thách thức chưa từng có; đưa kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển nhanh, bền vững, tạo được những thành tựu bứt phá ấn tượng trong và sau đại dịch. Giữ vững đà tăng trưởng (GRDP) cao, ổn định trên 2 con số trong 7 năm liên tiếp (2016-2022); Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 đạt gần 270.000 tỷ đồng (chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng ở khu vực phía Bắc), ước cả năm 2023 đạt 312.420 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2020. Tổng thu ngân sách nhà nước trên

địa bàn tỉnh luôn vượt chỉ tiêu Trung ương giao, đứng ở tốp đầu cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững; dịch vụ, du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Quảng Ninh cũng là tỉnh tạo được bước đột phá mới về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông chiến lược, dựa chủ yếu vào nguồn lực xã hội, kết hợp với vai trò dẫn dắt bởi nguồn lực nhà nước.

Hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới ở cả 3 cấp và về đích trước 3 năm chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, thông tin truyền thông chất lượng cao và bảo đảm chất lượng chăm sóc sức khỏe của nhân dân, nhất là ở khu vực miền núi, biên giới, hải đảo. Các tiềm năng về lịch sử, văn hóa, con người Quảng Ninh được khơi dậy, phát huy; nhiều di tích văn hóa được đầu tư bảo tồn, tôn tạo; có cơ chế thích hợp để chuyển hóa thành nguồn lực phục vụ trực tiếp cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an sinh xã hội được chăm lo phát triển. Trong phong trào văn hóa, thể thao của thợ mỏ cũng có những nét văn hóa rất riêng. Ngay cả những danh hiệu như “Nghệ sĩ Vùng mỏ”, “Thợ mỏ vẽ vang”, “Người thợ mỏ - người chiến sĩ”... cũng rất đặc biệt mà chẳng nơi nào, ngành nào có được. Văn hóa của thợ mỏ nói riêng và Vùng mỏ nói chung có nhiều nét đặc biệt. Với đội ngũ công nhân lớn mạnh lên đến hàng chục vạn người, các thế hệ thợ mỏ đã nối tiếp nhau lao động, lập nghiệp trên Vùng mỏ. Nhiều nơi lập thành những làng mỏ, những khu tập thể công nhân đông đúc. Thợ mỏ đến từ nhiều tỉnh, thành khác nhau cùng với những người dân gốc tại Quảng Ninh đã cùng chung sống hài hòa, tạo nên sự giao thoa đặc biệt về văn hóa. Đó là sự đa dạng, phong phú, nhiều sắc màu. Nhiều nhà nghiên cứu về văn hóa cho rằng, sự phong phú, đa dạng của văn hóa Vùng mỏ có được là do có sự giao thoa kỳ diệu giữa nhiều vùng văn hóa với nhau. Quảng Ninh là vùng đất tụ hội dân cư nhiều nơi về sinh sống, làm ăn từ thời kỳ Pháp thuộc cho đến tận ngày nay. Trong đó chủ yếu là các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, từ Nghệ An, Hà Tĩnh ra các tỉnh phía Bắc. Ngày nay còn có nhiều người đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc. Qua thời gian được học tập, làm việc, tôi luyện qua môi trường công tác có tính kỷ luật cao, có trình độ kỹ thuật hiện đại, đã từng bước trở thành những công nhân lành nghề, sản xuất hiệu quả, làm giàu cho bản thân và xã hội.

Với những thành tựu hết sức to lớn đó, 60 năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng một huân chương Sao vàng, hai huân chương Hồ Chí Minh và nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý khác.

Những thành tựu đó không chỉ có ý nghĩa đối với địa phương mà còn đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung cho toàn Đảng và đất nước. Trong thời gian tới, Quảng Ninh đặt mục tiêu hướng đến năm 2030 trở thành một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc, một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP hằng năm trên 10%, GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 10.000 USD, đến năm 2030 đạt 19.000 - 20.000 USD. Để hoàn thành toàn diện mục tiêu nêu trên đòi hỏi phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, khát vọng vươn lên mạnh mẽ theo quan điểm Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh. ❖



## **NHỮNG YẾU TỐ LỊCH SỬ, CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI HÌNH THÀNH NÊN PHẨM CHẤT, KHÍ CHẤT CON NGƯỜI QUẢNG NINH VỚI CÁC ĐẶC TRƯNG: “NĂNG ĐỘNG - SÁNG TẠO - HÀO SÁNG - LÀNH MẠNH - VĂN MINH - THÂN THIỆN”**

**NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄN**

*ThS, Khoa Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị khu vực I,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Tỉnh Quảng Ninh có thể coi là một vùng đất đặc biệt của Việt Nam, là một trong những mảnh đất kỳ lạ của hành tinh, một sản phẩm có một không hai, vừa là của tạo hóa, vừa là của chính con người nơi đây tạo ra. Không chỉ là tỉnh có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Việt Nam, là địa bàn trọng yếu về quốc phòng - an ninh, là cửa ngõ giao lưu giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á, tỉnh Quảng Ninh còn được xem là hình ảnh của nước Việt Nam thu nhỏ. Với sự ưu đãi của thiên nhiên, tỉnh có cả biển, đảo, đồng bằng, trung du, đồi núi, biên giới và giàu tài nguyên khoáng sản, tạo thành một vùng đất có cảnh sắc thiên nhiên kỳ vĩ, đặc sắc hiếm có. Nơi đây còn là sự hội tụ, giao thoa kỳ diệu về lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa người dân đất mỏ.

Với diện tích đất liền hơn 6.100 km<sup>2</sup>, tỉnh Quảng Ninh có 14 đơn vị hành chính, bao gồm 4 thành phố, 2 thị xã, 8 huyện, với 186 xã, phường, thị trấn; dân số gần 1,2 triệu người, là nơi hội tụ sinh sống của 22 dân tộc anh em. Hơn 10% dân số là người dân tộc thiểu số (Tày, Dao, Sán Chỉ, Sán Dìu, Hoa, Nùng...) và gần 90% dân số là người Kinh; có 4 tôn giáo là Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin Lành, trong đó chủ yếu là Phật giáo. Tất cả những nét đặc biệt đó đã hình thành nên một tỉnh Quảng Ninh thống nhất trong phong phú và đa dạng, được biểu hiện trên các chiều cạnh về điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa và xã hội. Sự thống nhất trong đa dạng đó, trải qua quá trình hình thành và phát triển đã

tạo nên nét đặc trưng, riêng có của con người Quảng Ninh là “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”. Để rồi chính con người nơi đây, trong không gian xã hội mới, ngày càng tạo nên những giá trị trầm tích văn hóa mới của văn minh, hiện đại, trở thành nguồn lực quan trọng xây dựng tỉnh Quảng Ninh phát triển phồn vinh, hạnh phúc, xứng đáng với tên gọi Quảng Ninh - vùng đất rộng lớn và yên vui được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt tên.

Nói đến đặc trưng con người Quảng Ninh, ít có sử liệu nào ghi chép cụ thể. Tuy nhiên, có thể thấy, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc biệt đã đưa đến đặc trưng con người Quảng Ninh là sản phẩm của sự giao lưu, hội tụ, kết hợp giữa văn hóa bản địa và văn hóa các vùng miền, các tộc người, trong đó nổi bật là từ nền kinh tế - văn hóa biển và nền kinh tế - văn hóa công nhân mỏ.

*Về kinh tế - văn hóa biển:* Đây là giá trị truyền thống được kế thừa qua hàng nghìn năm, kể từ khi người Việt thời đại đồ đá đến định cư ở Hạ Long và cho ra đời văn hóa Hạ Long, cách đây khoảng 4.500 - 3.500 năm. Sau này, hậu duệ của họ từng được Đại Nam nhất thống chí, phần về phong tục tỉnh Quảng Yên, chỉ vấn tắt về người Quảng Yên (bao gồm Quảng Ninh ngày nay), rằng: “Tục ưa mạnh tợn..., dân làm nghề đánh chài, đi buôn, mới lợi nhờ núi, biển”<sup>(1)</sup>. Cho đến nay, người dân Trà Cổ (thành phố Móng Cái), Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng (huyện Vân Đồn), đến các xã vùng Hà Nam (thị xã Quảng Yên)... vẫn đi biển, buôn bán và đây cũng là một trong những hoạt động kinh tế mũi nhọn của người dân Quảng Ninh. Xuất phát từ cuộc sống mưu sinh trên biển, người dân vùng biển thường có tục ăn to, nói lớn, “ăn sòng, nói gió”, có lẽ bởi vậy, sách Đại Nam nhất thống chí mới ghi nhận rằng, tính cách người vùng Quảng Yên “ưa mạnh tợn”.

Nói đến con người, văn hóa Quảng Ninh là nói đến sự kết hợp đa dạng văn hóa các vùng, miền: văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, văn hóa các vùng đồng bằng Bắc bộ, đồng bằng Bắc Trung Bộ; trong đó, văn hóa biển, đảo của những làng chài định cư trên Vịnh Hạ Long và các vùng biển, đảo khác ở vùng đồng bằng ven biển được thể hiện đậm nét. Văn hóa Hạ Long, văn hóa biển về bản chất là sự tồn tại, phát triển rất năng động trong các mối quan hệ giao lưu, hội nhập và thích ứng văn hóa. Sống gần biển, mưu sinh nhờ biển, con người Quảng Ninh hòa hợp với thiên nhiên, phóng khoáng, mong ước cuộc sống bình yên, khao khát tình yêu, hạnh phúc, thương yêu, trọng tình nghĩa. Mặt khác, sau lưng là biên cương, núi cao

(1) *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 13

hiểm trở, trước mặt là biển rộng, thường bị thiên nhiên đe dọa, cũng hình thành và tôi luyện nên sự cần cù, chịu thương, chịu khó, kiên cường, mưu trí của người Quảng Ninh. Đây chính là những cơ sở, nguồn gốc hình thành nên con người nơi đây với những giá trị đặc trưng “ăn sóng, nói gió” - hào sảng, lạnh mạnh, thân thiện, nhưng cũng rất năng động và sáng tạo.

*Về kinh tế - văn hóa công nhân mỏ:* Đây là đặc trưng con người giàu bản sắc Quảng Ninh với những giá trị tốt đẹp của người dân sống và lao động trên vùng đất mỏ, được hình thành và phát triển từ năm 1840, khi người Việt Nam bắt đầu bỏ nhát cuộc đầu tiên khai thác mỏ than đá ở núi Yên Lãng (Đông Triều) theo chỉ dụ của vua Minh Mạng. Đầu thế kỷ XX, sau khi thiết lập bộ máy cai trị ở vùng mỏ Quảng Ninh, người Pháp bắt đầu mộ phu từ các tỉnh ra khai thác than. Hàng nghìn người dân ở khắp các vùng, miền mang theo lối sống phóng khoáng, tự do đã đến khu mỏ Quảng Ninh. Họ định cư lâu dài, hình thành một tầng lớp xã hội mới, đông đảo - đội ngũ công nhân mỏ. Người dân di cư đến đây, không chỉ mang theo văn hóa địa phương mà vì cuộc sống mưu sinh, quy luật sinh tồn, họ cùng với người dân gốc nơi đây chung lưng đấu cật, xây dựng tỉnh Quảng Ninh ngày càng thêm giàu đẹp. Trong điều kiện lao động trực tiếp khai thác mỏ than nơi hầm lò vất vả, đời sống còn nhiều thiếu thốn, người thợ mỏ luôn nêu cao tính kỷ luật, đoàn kết, đồng tâm, vượt qua khó khăn, hình thành nên giá trị cốt lõi của tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” của người dân đất mỏ Quảng Ninh. Qua thời gian được học tập, làm việc, tôi luyện trong môi trường công tác có tính kỷ luật cao, có trình độ kỹ thuật hiện đại, họ từng bước trở thành những công nhân lành nghề, sản xuất hiệu quả. Với đội ngũ công nhân lớn mạnh, các thế hệ thợ mỏ nối tiếp nhau lao động, lập nghiệp trên vùng mỏ. Nhiều nơi lập thành những làng mỏ, những khu tập thể công nhân sống quây quần. Thợ mỏ đến từ nhiều tỉnh, thành phố khác nhau cùng với những người dân gốc tại Quảng Ninh chung sống hài hòa, tạo nên sự giao thoa đặc biệt về văn hóa. Các nhà nghiên cứu về văn hóa đều thống nhất rằng, sự phong phú, đa dạng của văn hóa vùng mỏ có được là do có sự giao thoa kỳ diệu giữa nhiều vùng văn hóa với nhau. Trong đó, chủ yếu là các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, từ Nghệ An, Hà Tĩnh ra các tỉnh phía Bắc. Đây là tài sản tinh thần vô giá - văn hóa phi vật thể, có sức mạnh to lớn làm nên lịch sử và tầm vóc của công nhân mỏ, cũng như vùng đất mỏ anh hùng. Khẩu hiệu “*Kỷ luật và đồng tâm chúng ta nhất định thắng*” từ cuộc đình công tháng 11-1936 như là một mệnh lệnh, cương lĩnh của thợ mỏ trong lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam. Truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” đã cùng với giai cấp công nhân mỏ, với nhân dân tỉnh Quảng

Ninh đi suốt chiều dài lịch sử, từ phong trào đấu tranh cách mạng giành độc lập đến công cuộc đổi mới xây dựng đất nước. Từ đó, hình thành nên phẩm chất của người dân đất mỏ là kỷ luật, đoàn kết, vươn lên, luôn năng động, sáng tạo, quyết tâm vượt khó, hào sảng, thân thiện và văn minh.

Như vậy, vùng đất yên vui, rộng lớn Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất của văn hóa biển với văn hóa công nhân mỏ, của nền văn minh sông Hồng với văn hóa vùng Đông Bắc, đã tạo nên giá trị cốt lõi của tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” của người Quảng Ninh. Sự kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng, miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp, cùng với sự giao thoa văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế, đã tạo nên cốt cách con người Quảng Ninh năng động, sáng tạo, hào sảng, văn minh và thân thiện.

Dựa trên lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện phát triển kinh tế, nguồn lực văn hóa và con người, những năm qua, bằng tư duy đột phá, nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của tỉnh và đất nước, các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh đã ban hành và thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, con người Quảng Ninh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh được đẩy mạnh với những nhiệm vụ cấp bách, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh. Kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp, truyền thống đặc trưng con người Quảng Ninh, của văn hóa Hạ long, văn hóa công nhân vùng mỏ, văn hóa các dân tộc và tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai sâu rộng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”..., qua đó góp phần tạo nên khí chất riêng của người vùng mỏ. Năm 2014, tỉnh triển khai chương trình “Nụ cười Hạ Long”, góp phần làm thay đổi nhận thức, hành vi, ứng xử của mỗi người con Quảng Ninh. Bắt đầu từ cán bộ lãnh đạo tỉnh, lan tỏa đến bộ máy chính quyền, đến các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, đến từng khu phố, ngõ xóm, từng hộ gia đình và từng người dân, dần hình thành chuẩn mực về một vùng đất du lịch năng động và giàu lý tưởng. Mỗi người dân Quảng Ninh giờ đây luôn chân thành, cởi mở, thân thiện... chào đón du khách. Chương trình “Nụ cười Hạ Long” đã lan tỏa mạnh mẽ, trở thành thương hiệu của tỉnh Quảng Ninh và trở thành những hành động cụ thể, thiết thực. Đó là thái độ ân cần, cởi mở của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp; là sự đầu tư đồng bộ từ cơ sở vật chất đến con người của

các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, tạo nên sự chuyên nghiệp, đẳng cấp; là môi trường du lịch lành mạnh, nói không với các hành vi vi phạm trong kinh doanh du lịch, ngày một nâng cao theo hướng minh bạch, hiện đại... Qua đó, vừa nhằm xây dựng tỉnh Quảng Ninh văn minh, thân thiện, hiện đại, đáng sống, vừa giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Quảng Ninh cho mai sau.

Với quan điểm văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển, ngày 9-3-2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trong đó, đặt mục tiêu là giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”. Nghị quyết đã và đang không ngừng thấm sâu vào đời sống xã hội, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, những đổi mới toàn diện, những bản sắc văn hóa được phát huy. Ở đó, mỗi con người Quảng Ninh mang trong mình đặc trưng “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện” chính là những chủ nhân thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh với các đặc trưng “Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc”.

Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, một trong những quan điểm, định hướng chủ đạo của tỉnh là: Lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; lấy phát triển văn hóa, xây dựng văn minh sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường làm trọng điểm. Từ đó, đề ra nhiệm vụ thường xuyên và các giải pháp lớn để thực hiện là phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của tỉnh và đất nước. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh việc phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” của người vùng mỏ và xây dựng con người Quảng Ninh “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - thân thiện - văn minh”.

Có thể nói, với sự quan tâm, đầu tư đúng tâm, tỉnh Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả thiết thực trong việc xây dựng và phát huy giá trị văn hóa giàu bản sắc con người Quảng Ninh. Tư tưởng, đạo đức, lối sống xã hội của con người Quảng Ninh

tiếp tục được khẳng định và phát huy theo chiều hướng tích cực. Trên hành trình phát triển, hội nhập, tỉnh đã và đang là nơi hội tụ của bạn bè khắp nơi trên thế giới, là điểm đến của những nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế. Theo đó, những giá trị nhân văn, những khát vọng “đồng thịnh vượng” đang được bạn bè muôn nơi mang đến và cùng gieo trồng tại mảnh đất giàu truyền thống, thân thiện, mến khách này. Điều này cũng đòi hỏi tỉnh cần phải nỗ lực hơn nữa, phát huy những giá trị mà con người Quảng Ninh đã và đang có để viết nên những điều kỳ diệu trên “mảnh đất kỳ lạ của hành tinh” này. ❖

# XÂY DỰNG NGUỒN LỰC - TÍNH PHỔ QUÁT VÀ ĐẶC THÙ BẢN ĐỊA CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN HỮU KHIỂN

*GS, TS, Nguyên Phó Giám đốc Học viện Hành chính quốc gia*

## 1. VAI TRÒ CĂN BẢN CỦA NGUỒN LỰC VÀ NHÂN LỰC

Con người là nguồn lực của mọi quá trình phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc; là chủ thể của các thiết chế trong tổ chức xã hội. Con người là chủ thể của mọi hoạt động với ý nghĩa quyết định các ý tưởng, ý chí, khuynh hướng của sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Con người còn là đối tượng tác động theo quan hệ tổ chức - cá nhân, tập thể hay cộng đồng. Theo đó, trong hoạt động, con người giữ nhiều quan hệ, vị thế theo tương quan khác nhau. Với tính cách là nguồn lực của quốc gia, nhân dân là căn bản lựa chọn của nhà nước tham gia vào các quá trình của lao động xã hội (kinh tế, chính trị và hóa xã hội), là căn bản các đảng cầm quyền xây dựng các chủ trương, chính sách hay quyết sách chính trị. Khi mỗi cá nhân hội đủ điều kiện chủ thể tham gia vào hoạt động xã hội, họ trở thành hạt nhân của nguồn nhân lực trong các khu vực khác nhau (sản xuất, kinh doanh, hoạt động chính trị, đoàn thể...), nguồn lực vì thế trở thành cơ sở chuẩn bị cung cấp nguồn nhân lực của mọi hoạt động. Nguồn lực xã hội là nơi cung cấp trực tiếp người lao động cho nguồn nhân lực xã hội. Con người từ khi lớn lên và trưởng thành có đặc điểm, đặc trưng và vai trò xã hội khác nhau, nhưng dù ở giai đoạn nào, họ cũng là một dạng của nguồn lực xã hội, tùy từng giới hạn của sự trưởng thành, họ là lực lượng nhân lực nói chung hay là nhân lực lao động, sản xuất nói riêng. Trong khoa học về kinh tế, lao động, khái niệm nguồn nhân lực chú trọng nghiên cứu lực lượng nhân lực đang tham gia vào quá trình lao động sản xuất, hoạt động xã hội. Trong khi với khoa học xã hội học, khoa học giáo dục, nguồn lực xã hội có phạm vi rộng hơn, từ trẻ sơ sinh đã là đối tượng nghiên cứu. Vì vậy, khi đề cập tới khái niệm “nguồn nhân lực” thường có cách tiếp cận khác nhau, cần thiết phải chỉ rõ, khoanh

lại phạm vi là nghiên cứu nhằm vào nhóm nhân lực nào. Cụ thể có cách tiếp cận khái niệm “nguồn nhân lực” phạm vi rộng và hẹp. Số còn lại, trong đó có tác giả cho rằng, con người tùy giai đoạn phát triển mặt thể chất, vật lý mà thuộc khái niệm “nguồn lực xã hội”, hay “nguồn nhân lực”. Nguồn lực xã hội bao hàm toàn bộ dân cư trong một quốc gia, gồm những công dân chưa trưởng thành và công dân đang thuộc lực lượng lao động. Nguồn nhân lực là khái niệm hẹp hơn chỉ phản ánh lực lượng nhân lực đang tham gia vào các quá trình lao động sản xuất và hoạt động xã hội. hai khái niệm khác nhau, sẽ có hai nhận thức tác động tới chúng không giống nhau. Chẳng hạn sẽ có hai loại chính sách, chiến lược, sách lược khác nhau. Trong nguồn lực xã hội có bộ phận nhân lực dự trữ, chưa đủ điều kiện tham gia vào quá trình sản xuất xã hội, đó là những công dân từ khi mới được sinh ra cho đến trước tuổi lao động. Tác động vào bộ phận này là tổng hợp các chính sách tương ứng với tiến trình trưởng thành phát triển về thể lực, trí lực, tâm lý cá nhân... cho lực lượng tương lai của đất nước. Họ thuộc nguồn lực chưa sử dụng được, nhưng là nguồn nhân lực tương lai, kế cận theo tính liên tục của xã hội, vì vậy phải có hệ chính sách đầu tư chính đáng, đúng mức, đó là loạt chính sách liên quan đến y học (về thai nhi, sinh sản, nuôi dưỡng...), chính sách dinh dưỡng (khoa học dinh dưỡng cho sự phát triển của trẻ và người vị thành niên...), chính sách giáo dục phổ thông và sau đó là giáo dục đại học. Nhóm nhân lực này còn liên quan đến giáo dục nhân cách, đạo đức, ý thức ban đầu về tự nhiên (đất nước), về quốc gia, dân tộc để họ chuẩn bị bước vào đội ngũ có đủ mọi tiêu chí tham gia hoạt động xã hội, họ chính là loại “vốn dự trữ” về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội. Mong muốn của Đảng và Nhà nước Việt Nam là tổng hợp đường lối, chủ trương, chính sách sao cho phát triển lực lượng lao động dự trữ trở thành những công dân có đủ trí tuệ, sức khỏe và ý thức công dân gương mẫu. Các tiêu chí tự nhiên sao cho tiếp cận hay “đuổi kịp” những quốc gia tiên tiến, không để sự tụt hậu về thể lực (thấp còi), trí lực (khả năng tiếp xúc và sáng tạo khoa học, kỹ thuật và công nghệ). Đúng như tiên đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tương lai, tiền đồ dân tộc có sáng lạn hay không là phụ thuộc vào “*công lao học tập*” của thanh, thiếu niên Việt Nam, khi Người gửi thư cho học sinh nhân ngày khai trường ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công (năm 1945).

Nếu chính sách đối với nguồn lực xã hội là chính sách cho tương lai, (để bổ sung cho lực lượng lao động), thì hệ chính sách đối với nguồn nhân lực lao động là chính sách cho hiện tại (và cả tương lai), liên quan đến vấn đề tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên; chính sách lao động và việc làm. Chính sách lương và thù lao lao động, chăm sóc người lao động cả về việc làm, sức khỏe, sinh hoạt và nhà ở..., qua đó cho thấy



với hai nhóm nhân lực khác nhau, có các hệ chính sách khác nhau. Chúng tương tác, tương hỗ theo quan hệ nhân quả. Chính sách khác nhau cần khoa học về tư duy phát triển con người khác nhau theo vị trí xã hội của họ. Chính sách con người gắn bó hữu cơ với chính sách phát triển kinh tế, xây dựng thể chế và phát triển văn hóa. Nguồn lực dự trữ cũng như những công dân trưởng thành, một là tương lai, một là trụ cột của các khu vực kinh tế, văn hóa xã hội. Chúng như kiềng ba chân. Nếu nghiêng ngả (bất hợp lý) sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trước mắt hay lâu dài. Chính sách trước mắt đã khó, chính sách cho lâu dài cũng không phải dễ. Khi tuyển dụng lao động những tiêu chí hạn chế về thân thể hay ngôn ngữ đều là những nguồn lực rất khó khăn trong sử dụng vào các khu vực kinh tế xã hội. Chúng có nguồn gốc ngoài yếu tố chủng tộc, còn do hệ chính sách chăm sóc sức khỏe trẻ nhỏ và vị thành niên ra sao.

Ngày nay trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hóa, phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế xã hội trong nước là đúng, nhưng chưa đủ. Yêu cầu hội nhập và xây dựng vị thế, hình ảnh Việt nam cần nhiều hơn thế với mục đích liên tục tăng trưởng trong nước và rút ngắn mực độ chênh lệch trình độ và thu nhập của nguồn lực xã hội. Đất nước cần đội ngũ khoa học ở các lĩnh vực để có những sáng chế, sáng tạo mang tầm quốc tế. Các sáng chế, sáng kiến hay phát minh khoa học là tiền đề cho sự tự túc, tự lập để phát triển và bảo đảm tự chủ độc lập cao. Những công dân tham gia vào các quá trình phát triển quốc tế trở thành công dân toàn cầu cần những trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho sự hội nhập. Như vậy, phát triển nguồn lực và nguồn nhân lực thực chất là xây dựng và thực thi hệ thống chính sách cho con người một cách hiệu quả cho nhóm nhân lực của toàn xã hội và khu vực lao động sản xuất.

## **2. TÍNH BẢN SẮC CỦA NGUỒN LỰC CON NGƯỜI**

Có nhiều cách tiếp cận trong khoa học nói chung, khoa học về nguồn lực con người nói riêng, nhưng có hai nhóm cơ bản, là phân tích theo ngành và theo lãnh thổ. Phân tích theo ngành rất đa dạng, bởi trong kinh tế xã hội cấu trúc ngành nghề và loại hình tổ chức rất phong phú, mỗi ngành, lĩnh vực mang tính chuyên sâu gắn liền với đối tượng là các quy luật, quan hệ khách quan trong tự nhiên hay xã hội. Nguồn nhân lực phân tích theo lãnh thổ thuộc kiểu tổ chức thẩm quyền chung trong hệ thống bộ máy chính quyền. Nguồn nhân lực này lấy kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học gắn liền với nhân sự thuộc khu vực lao động, sản xuất và công tác xã hội trong phạm vi địa phương, lãnh thổ, nhất là cấp tỉnh. (Cần công chức ngành nào, thì tuyển trọng trong xã hội những người đã qua đào tạo trong lĩnh vực đó. Không phải chính quyền làm việc đào tạo ra nghề nghiệp chuyên môn của công chức).

Tính đặc thù địa phương có nhóm đặc trưng khách quan và chủ quan, liên quan tới câu hỏi: địa phương có (hay không) những thế mạnh gì và làm thế nào để huy động nguồn lực tốt nhất cho tổ chức quản trị một cách hiệu quả theo hướng phát triển bền vững. Tính sáng tạo địa phương rất cần thiết cho sự phát triển của địa phương vì những lý do sau đây.

*Thứ nhất*, địa phương là khái niệm lãnh thổ hành chính theo phân chia của pháp luật. Như trong hệ thống lãnh thổ Việt Nam hiện nay, cấp tỉnh là cấp địa phương cao nhất, có thể có thẩm quyền hoạch định chính sách khi có sự phân cấp. Mỗi địa phương là một vùng tự nhiên có điểm chung và những yếu tố đặc thù. Những yếu tố chung, phổ biến (như đều là vùng đồng bằng hay trung du) cũng đòi hỏi sự nghiên cứu sáng tạo, do có sự khác biệt trên không gian đó. Cùng một kiểu thổ nhưỡng, đất đai, nhưng chúng lại khác biệt về tiểu khí hậu và thời tiết, về đặc điểm dân cư (dân trí, cấu trúc, dân tộc, tôn giáo...). Nếu có yếu tố đặc thù nổi trội, nhất thiết phải có sự nhạy bén, quyết đoán sử dụng chúng trong định hướng phát triển.

*Thứ hai*, khi xã hội chuyển dịch cơ chế từ tập trung sang thị trường, tự chủ thì yêu cầu chủ quan của bộ máy quản trị địa phương, nhất là nhóm nhân lực xây dựng chính sách cần có sự năng động, sáng tạo, bởi khung cơ chế đã mở đường cho nhận thức, cho sự phát triển có khuynh hướng cạnh tranh từ các tiêu chí kinh tế - xã hội. Thể chế giống nhau nhưng đối tượng áp dụng (là các địa phương) sẽ khác nhau do sự năng động (hay trì trệ) của nhân tố chủ quan.

*Thứ ba*, trong bối cảnh có chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sáng tạo địa phương, xác lập pháp luật phân quyền thì tính năng động địa phương không những là cơ hội cho phát triển mang tính động lực, mà còn mang tính trách nhiệm chính trị địa phương rất cao. Một địa phương có đủ điều kiện khách quan có thể phát triển, nhưng do quản trị kém mà trở thành trì trệ, thì đó là trách nhiệm trực tiếp của nguồn lực quản trị đối với người dân của họ trước hết.

Chất lượng quản trị địa phương cũng là mặt rất quan trọng về văn hóa quản lý và văn hóa chính trị. Ngày nay trong điều kiện đánh giá hiệu quả quản trị địa phương bằng các tiêu chí định lượng thì mọi thứ cơ bản của thành tựu hay hạn chế đều có thể đo đếm, kiểm chứng được. Các chỉ số về y tế, giáo dục, hệ thống bệnh viện, về năng lực quản trị như chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số hài lòng của người dân (CIPAS), chỉ số hiệu quả quản trị hành chính cấp tỉnh (PAPI), đều được lượng hóa thông qua các hình thái hoạt động của bộ máy quản lý (cấp trên chỉ đạo, chuyên gia chịu trách nhiệm thực hiện, chuyên viên thực hành theo chuyên môn và vị trí việc làm).

Đánh giá hiệu quả quản trị bằng các chỉ số là bước quan trọng đánh giá và phân tích, sử dụng cán bộ từ định tính sang định lượng. Định tính có thể chung chung, có yếu tố có thể chung chung, che giấu, nhưng định lượng thì chất lượng thật sớm muộn cũng thể hiện ra.

Cũng như phạm vi cả nước, đánh giá chính sách hay tổ chức thực hiện ở từng địa phương liên quan đến hai nhóm nguồn lực (phần 1 đã phân tích) đều có những “bộ chính sách” đặc thù. *Một là*, chính sách tác động tới nhóm nhân lực dự trữ. Đó là chính sách giáo dục, y tế, khoa học dinh dưỡng, giáo dục tâm lý và ý thức yêu nước; những quyết sách cải cách trường học, bệnh viện theo hướng tinh gọn hiệu quả... *hai là*, đối với nhóm nhân lực lao động, sự đồng bộ của hệ chính sách như tuyển dụng (đúng tiêu chuẩn theo vị trí việc làm), sử dụng cán bộ, công chức, công nhân, người lao động dịch vụ... (đúng vị trí việc làm, quy hoạch, thăng tiến, thu nhập, nhà ở xã hội...), đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, để người lao động phát triển đồng bộ ba yêu cầu trên.

### 3. NHẬN BIẾT VỀ TÍNH ĐẶC THÙ ĐỊA PHƯƠNG CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Quảng Ninh là địa phương cấp tỉnh có lịch sử độc đáo về tự nhiên, con người và quá trình phát triển. Tính địa đầu và tiếp giáp biên giới, khu dự trữ khoáng sản đã và đang khai thác, đại diện quốc gia sở hữu khu vực thiên nhiên tươi đẹp, độc đáo mang tầm thế giới là những đặc thù tự nhiên, độc đáo. Cấu trúc dân cư, các dân tộc đan xen, sự thu hút lao động từ các địa phương một cách tự phát, tự nhiên từ xa xưa, nhất là trong thời kỳ thuộc địa, cũng là điểm đặc trưng, thế mạnh của nguồn lực xã hội. Những công dân dịch chuyển đi tìm đất mới đều thuộc nhóm nhân lực có sức chịu đựng trước khó khăn, óc sáng tạo và ưa mạo hiểm vì miếng cơm manh áo lúc ban đầu. Quảng Ninh có khá nhiều công dân có nguồn gốc từ khu vực lân cận như Thái Bình, Hưng Yên, Hải Phòng đi tìm vùng đất mới. Họ đa số tham gia lao động vùng mỏ than, và các môi trường sinh kế khác. Theo chúng tôi, những công dân do chuyển dịch địa lý mà có đều thuộc nhóm nhân lực rất năng động. Quảng Ninh có lẽ hiện là tỉnh duy nhất hình thành từ sự hợp nhất tới ba địa phương cấp tỉnh đang tồn tại và phát triển với tốc độ bậc nhất Việt Nam hiện nay. Khi nghiên cứu về quá trình hình thành giai cấp công nhân ở Việt Nam, thì Quảng Ninh là khu vực có số lượng công nhân đông bậc nhất.

Hiện nay, Quảng Ninh được xếp hạng cao nhất 5 năm liền về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong tương quan so sánh 63 địa phương trong cả nước. Cụ thể, tỉnh đã được xếp vào năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở bậc rất tốt (tiếp sau là các loại tốt, khá, trung bình,

trung bình thấp và thấp). Đạt được thứ hạng cao đã khó, nhưng duy trì thứ hạng cao trong một thời gian dài tính theo năm thật không đơn giản. Nguyên nhân do đâu? Theo chúng tôi, trong 10 tiêu chí cơ bản (mỗi tiêu chí có nhiều tiểu tiêu chí bên trong) mô tả và đánh giá năng lực cạnh tranh, tiêu chí nào cũng rất quan trọng, nhưng tiêu chí “*chính quyền tinh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp*” và “*chính sách đào tạo lao động*” được coi là chìa khóa mở ra thành tích cho các tiêu chí khác. Trong ba đột phá cải cách của Đảng bộ và chính quyền tỉnh, trên các lĩnh vực: “đầu tư hoàn thiện hạ tầng, đẩy mạnh cải cách hành chính; tập trung phát triển nguồn nhân lực” cũng có yếu tố phát triển nguồn nhân lực. Với quan điểm đã phân tích (ở phần 1 và 2) yếu tố nguồn nhân lực vẫn là chìa khóa của sự phát triển. Nguồn nhân lực thuộc nhân tố chủ quan. Năng lực chủ quan thể hiện ở sự nhận thức nhanh, hay chậm, ý chí (quyết đoán) cao hay thấp, địa vị được xác định có đúng bản chất thể chế hay không (lấy dân làm gốc trong mọi quyết sách và hành vi quản lý; cán bộ, công chức là công bộc của dân)... So với yếu tố khách quan, đặc trưng của yếu tố chủ quan trong hoạt động quản lý xã hội là rất năng động. (Thậm chí ý chí chính sách hay điều hành có thay đổi mang tính bất thường). Vì thế, các chủ trương, chính sách bao giờ cũng mang tính giai đoạn và tính dự báo, và có thể sửa đổi khi tình thế mới xuất hiện. Loại ý chí chủ quan trì trệ, tiêu cực không phải khó tìm. Tâm lý tư duy nhiệm kỳ, hạ cánh an toàn, trục lợi chính sách... không thiếu khi nghiên cứu các thông tin trên các cổng điện tử trung ương và địa phương. Gần đây, tâm lý sợ trách nhiệm là loại hình quản trị tiêu cực, sợ trách nhiệm không ít, thậm chí có biểu hiện thiếu sự phối hợp liên ngành trong tổ chức thực hiện vốn là bản chất của quản lý nhà nước. Nguyên tắc của quản trị nhà nước trách nhiệm xã hội là: người dân không coi thành tích của nhà nước là số một, mà là hiệu quả xã hội mang lại cho họ.

Quảng Ninh là địa phương có những đột phá về mô hình cải cách tổ chức trong bối cảnh chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính theo hướng tinh giản nhân lực, thu hẹp tổ chức một cách tiết kiệm, hiệu quả. Theo tâm lý, bộ máy chia ra bao giờ cũng tạo sự đồng thuận hơn nhiều, so với việc hợp nhất, thu gọn, giảm đầu mối (trong đó có giảm số người đứng đầu)... Kết quả của các bước đi cải cách của địa phương (có thể vẫn đang tiếp tục) cho thấy kết quả rõ rệt: mô hình đúng như dự kiến; tính ổn định, liên tục của các hoạt động tại các sở, ban, ngành, sự ổn định về tâm lý cán bộ, nhất là những người trong diện sắp xếp tinh giản.

Quảng Ninh cũng là nơi áp dụng hình thức hợp tác công tư. Nếu không hình thành được các mô hình kinh tế - xã hội và tổ chức thực tiễn có thể kiểm chứng, thì những nghị quyết định hướng, hệ thống pháp luật mang tính tạo động lực, cơ chế rất khó trở thành hiện thực.

Điều đó giải thích tại sao nguồn lực hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện là chìa khóa của mọi chiến lược cải cách. Các chiến lược, đề án kinh tế - xã hội từ lý thuyết đến đồng thuận nhận thức, và đến tổ chức thực hiện, mặc dù có yếu tố rủi ro trước khi chúng trở thành hiện thực.

Chính phủ số, chuyển đổi số là xu hướng không thể từ chối. Tùy từng địa phương, từng bộ máy quyền lực trong hệ thống chính trị mà có sự nhận thức, bước đi và tổ chức thực hiện không giống nhau. Tâm lý do dự, đi sau thì an toàn, nhưng chậm phát triển, không có quản trị tốt. Ý chí đồng thuận năng động sẽ có rủi ro và khả năng chi phí lớn. Rủi ro vì đi trước thì không có hình mẫu, phải tự tìm tòi, tự tạo ra con đường cho địa phương. Đi trước đầu tư mạnh dạn thì chắc chắn sẽ phải vượt qua bất thường do chưa tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

*Một là*, những địa phương đạt được thành tích như tỉnh Quảng Ninh, trong cải cách tạo sự phát triển nhanh, mạnh đều có tính hai mặt thuận lợi và khó khăn. Yêu cầu của thành tựu phải mang tính liên tục. Nếu gián đoạn, sẽ là tụt hậu và không dễ khắc phục, vấn đề ưu điểm. Khi đạt được thành tựu, cũng là lúc hé lộ khó khăn. Đó là quy luật chuyển giao thế hệ cán bộ công chức. Ở đâu có chiến lược lâu dài, quy hoạch nhân lực khoa học, thì ở đó tính bền vững của đổi mới và phát triển sẽ được duy trì. Chưa nói, nguồn quốc gia là một hệ thống. Nó có thể được điều động, nhất là luân chuyển. Người xuống cơ sở (như từ trung ương về địa phương) đa phần là để tích lũy kinh nghiệm. Họ cần sự hỗ trợ. Trong khi đó, cán bộ địa phương đang thành công có thể luân chuyển lên trung ương và sang địa phương khác. Nếu không quy hoạch để tạo ra “vốn nhân lực” nhất là nhóm cán bộ lãnh đạo, điều hành thì sự hẫng hụt sẽ xuất hiện.

*Hai là*, chuyên đổi số, quản lý số, xây dựng chính quyền số, thực chất là quá trình số hóa các thông tin quản lý một cách hệ thống, đồng bộ, đồng thời gian. Nếu không thì thành tựu của khu vực này sẽ không mang lại lợi ích cho khu vực khác, thậm chí còn phát sinh tiêu cực. (Ví dụ, nếu thời điểm thông tin phạt nguội những vi phạm giao thông mà không đồng thời được kết nối ngay lập tức giữa cơ quan cảnh sát, kho bạc, ngân hàng thì là chưa đồng bộ, có thể phát sinh tiêu cực; hay những nhân viên tiếp bệnh nhân tại các bệnh viện bằng thu thẻ bảo hiểm giấy liệu họ có hứng thú với việc người khám bệnh đưa căn cước công dân gắn chip thay cho xuất trình thẻ bảo hiểm giấy hay không, vì khi đó việc làm của họ có thể bị đe dọa...). Một chiến lược cải cách rộng lớn, cần sự đồng bộ

không thể kỳ vọng mọi thứ nhưng minh bạch từng bước là rất cần thiết (chuyển đổi số từng bước đạt được là gì, ở đâu, từ khi nào, phải có dữ liệu trên cổng thông tin điện tử địa phương chẳng hạn).

*Ba là*, nguồn lực lãnh đạo theo quy hoạch chung, nhưng có thể có đột phá, quyết đoán sử dụng đối với những ai có thể trình ra dự án tốt nhất và cam kết thành công về tiết kiệm nhân lực hay ngân sách mà mang lại hiệu quả (tất nhiên với những điều kiện có thể chấp nhận)? Nguồn lực y tế giáo dục các địa phương ra khỏi công vụ hàng năm rất lớn. Số lớn trong số họ có sức khỏe, dư thừa kinh nghiệm nhưng dường như không được trưng dụng, họ có thể ra khu vực tư.

Một địa phương mạnh dạn cải cách và thành công có nhiều yếu tố đặc thù. Những đặc thù thuộc kinh nghiệm thành công, về năng lực quản trị bất thường và sự thay đổi, dám nghĩ, dám làm là những đặc thù có thể nhân rộng, để trong phạm vi quốc gia, sẽ chuyển những đặc thù tích cực từ chỗ là đơn nhất, trở thành phổ biến. ❖

## GIÁ TRỊ ĐẶC SẮC CỦA DI TÍCH LỊCH SỬ, KIẾN TRÚC ĐÌNH TRÀ CỔ CỘT MỐC VĂN HÓA Ở VÙNG DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC

NGUYỄN VĂN KIM

*GS, TS, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn,  
Đại học quốc gia Hà Nội*

Trong không gian văn hóa vùng duyên hải Đông Bắc Việt Nam, đình Trà Cổ thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nổi lên như một di tích có giá trị đặc biệt về lịch sử và văn hóa, kiến trúc và nghệ thuật.

Kết quả nghiên cứu nhiều năm qua cho thấy, từ những thế kỷ đầu Công nguyên, vùng duyên hải Đông Bắc, biển Giao Châu đã là một trung tâm kinh tế, giao thương nhộn nhịp. Bước vào kỷ nguyên độc lập, các triều đại quân chủ đã dành nhiều sự quan tâm đến vùng biển đảo địa đầu của Tổ quốc. Vùng đất Hải Ninh, Vạn Ninh, An Bang, Yên Quảng,... luôn được coi là một vùng trọng trấn. Trải qua nhiều thế kỷ, chính quyền Thăng Long đã thực thi các chính sách thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ an ninh. Cùng với các di tích lịch sử - văn hóa địa phương, đình Trà Cổ, mà cùng với đó là lễ hội đình Trà Cổ, là quần thể di tích, không gian sáng tạo văn hóa, bảo tồn nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể vừa mang những đặc trưng chung của đình làng Việt Nam vừa thể hiện những dấu ấn riêng của cư dân biển. Đình Trà Cổ là cột mốc văn hóa, góp phần khẳng định chủ quyền, bản sắc văn hóa dân tộc.

Dựa trên việc khai thác nhiều nguồn tư liệu (*Dur địa chí, Đại Nam thực lục, Việt sử thông giám cương mục, Địa chí Quảng Ninh,...*), ứng dụng các phương pháp căn bản của khoa học lịch sử, lịch sử văn hóa, khu vực học và cách tiếp cận liên ngành, bài viết muốn góp phần làm rõ vị trí chiến lược của vùng duyên hải Đông Bắc, giá trị độc đáo của đình Trà Cổ, Quảng Ninh trên các phương diện lịch sử, văn hóa, khoa học và kiến trúc nghệ thuật, từ đó luận giải những đặc tính chung, riêng của đình Trà Cổ trong hệ thống đình làng Việt Nam.

## 1. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA DI TÍCH

Theo *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn và chú giải *Dur địa chí* của nhà sử học Hà Văn Tấn thì Móng Cái xưa là trấn Triều Dương. Đến năm Thuận Thiên thứ 14 (1023) đời Lý (1009-1225) là châu Vĩnh An. Đến năm 1242 đời Trần (1225-1400) thuộc lộ Hải Đông. Năm 1426 đời hậu Lê thuộc đất Yên Bang (thuộc Đông Đạo), sau là Yên Quảng. Thế kỷ XVII, Móng Cái thuộc châu Vạn Ninh, thế kỷ XVIII là châu Mang Nhai, thế kỷ XIX là tổng Vạn Ninh, tổng Bát Trang và một phần tổng Hà Môn thuộc châu Vạn Ninh, phủ Hải Đông, trấn An Quảng<sup>(1)</sup>. Từ cuối thế kỷ XIX, xã Trà Cỏ được lập. Thời Tự Đức (1848-1883), xã Trà Cỏ thuộc châu Vạn Ninh. Thời Thành Thái (1889-1907) xã Trà Cỏ thuộc châu Hà Cối, phủ Hải Ninh. Thời Duy Tân (1907-1916) năm 1910, xã Trà Cỏ được chia thành hai xã là Trà Cỏ và Bình Ngọc thuộc tổng Hải Ninh, châu Móng Cái. Đầu thời thuộc Pháp, Móng Cái là một trong ba châu: Móng Cái, Hà Cối, Tiên Yên của phủ Hải Ninh, tỉnh Quảng Yên.

Về vị thế địa - chiến lược, địa - kinh tế của An Bang (An Quảng) Nhà chiến lược quân sự, ngoại giao Nguyễn Trãi cho rằng: “Ở vùng ấy đất thì đen, mềm; ruộng thì vào hạng hạ hạ. Bờ biển có tràm ngư cùng nhiều thứ. Ở Vạn Ninh và Vân Đồn, người Hợp Qua và người Trung Quốc đều tùy theo phương phục mà cống các thứ quý lạ”<sup>(2)</sup>. Do có mặt đông và bắc giáp với Khâm Châu mà An Bang được coi là “phên dậu thứ hai ở phương Đông”<sup>(3)</sup>. Thực tế, An Bang - Yên Quảng,... đã là trọng trấn, vùng biên cương thép bảo vệ sự bình yên cho toàn bộ vùng Đông Bắc, kinh đô Thăng Long và đất nước. Về tỉnh Quảng Yên, các tác giả *Đại Nam nhất thống chí* cũng cho rằng: “Đất nhân thế núi làm thành, dựa chỗ cao mà giữ hiểm, có núi để dựa, có biển vòng quanh, địa thế xa lánh mà xung yếu, trong thì vững cương vực, ngoài thì không chế đất Thanh. Núi cao có Lô Âm, sông lớn có Bạch Đằng, 22 cửa biển, hơn 10 đồn ải, hải đảo quanh co, sông bên khuất khúc, cũng là nơi then chốt ở ven biển”<sup>(4)</sup>.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, châu Móng Cái đổi thành huyện Móng Cái, phố Hòa Lạc đổi thành thị xã Móng Cái<sup>(5)</sup>. Năm 2008 thành phố Móng Cái được thành lập, phía đông và đông nam giáp huyện Cô Tô và vịnh Bắc Bộ, phía tây và tây bắc giáp huyện Hải Hà,

(1) Nguyễn Trãi: *Dur địa chí* (Nguyễn Trãi toàn tập tân biên), Nxb. Văn học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 2001, tr. 465 - 466; Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, t. 2, tr. 363; Hà Văn Tấn: Chú giải *Dur địa chí*, *Sđđ*, tr. 532 - 535

(2) Nguyễn Trãi: *Dur địa chí*, *Sđđ*, tr. 466

(3) Nguyễn Trãi: *Dur địa chí*, *Sđđ*, tr. 465

(4) Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, 1997, t. 4, tr. 13

(5) Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh: *Địa chí Quảng Ninh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2001, t. 1, tr. 79



phía đông và đông bắc giáp Đông Hưng thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Từ năm 2008 đến nay, Trà Cổ là một phường của thành phố Móng Cái.

Vào thời Lý (1009-1225), năm 1149 vua Lý Anh Tông đã khai mở trang Vân Đồn để thiết lập một trung tâm buôn bán, bang giao ở vùng biển đảo. Đến thời Trần (1225-1400) chính quyền Thăng Long đã đổi *trang* (1149) Vân Đồn thành *trấn* (1349). Không chỉ nâng cấp một đơn vị hành chính, vua Trần Dụ Tông (cq: 1341-1369) còn cho “Đặt quan trấn, Quan lộ và Sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình hải để trấn giữ”<sup>(1)</sup>. Vào thế kỷ XIII-XIV, thương cảng quốc tế Vân Đồn đạt đến độ phát triển phồn thịnh. Trong các thế kỷ XV-XVIII, đầu mỗi giao thương này vẫn có nhiều hưng khởi và là thương cảng quốc tế quan trọng nhất của quốc gia Đại Việt. Vân Đồn là một thương cảng lớn, có tính hệ thống, có nhiều mối quan hệ vùng, liên vùng. Cùng với các cảng, bến ở vùng biển đảo thuộc các xã: Thăng Lợi, Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng,... hiện nay, Vân Đồn còn có hệ thống cảng, bến ven bờ. Điều có thể khẳng định là, vùng duyên hải cực Bắc của đất nước với các địa danh: Hải Đông, Hải Ninh, Vạn Ninh,... đã được khai phá từ thời Lý - Trần, có vị trí quan trọng trong quan hệ thương mại, bang giao giữa Đại Việt với nhiều quốc gia châu Á.

So với các khu vực trong đất liền, Trà Cổ là một vùng đảo được bồi tụ tương đối muộn. Qua nhiều thế kỷ, các lớp phù sa của sông Ka Long cùng với gió và các lớp triều dâng của Biển Đông đã thành tạo nên một doi cát lớn thuận lợi cho cư dân sinh sống. Đến thời Lê sơ (1428-1527), chính quyền Thăng Long đã thực thi một chủ trương lớn, đưa cư dân vùng “đất bản bộ” xứ Thanh và châu thổ sông Hồng ra khai phá, sinh sống ở vùng duyên hải, góp phần trấn giữ các cửa sông, cửa biển. Vùng đảo Hà Nam thuộc Yên Hưng, Quảng Yên là một trong những trường hợp tiêu biểu. Mục tiêu phát triển kinh tế gắn với việc bảo vệ chủ quyền, an ninh đất nước đã được thể hiện rõ. Nhiều khả năng, thời gian này những nhóm cư dân đầu tiên đã được đưa đến định cư ở vùng đảo này.

Đình Trà Cổ được xây dựng sớm, có thể được kiến dựng từ thời Lê sơ, nhưng thời bấy giờ quy mô còn khiêm nhường. Ngôi đình hiện tại là một công trình bề thế, mang đậm phong cách kiến trúc thời Lê Trung Hưng (1533-1789) và thời Nguyễn (1802-1945). Cùng với các di tích lịch sử văn hóa địa phương, đình Trà Cổ hợp thành một quần thể di tích gắn với quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng cư dân vùng duyên hải Đông Bắc - Một vùng đất phen dậu, có vị trí *địa - chiến lược, địa - kinh tế* đặc biệt quan trọng của Tổ quốc. Sự hiện diện của ngôi đình - một di tích lịch sử văn hóa, là minh chứng sinh động cho quá trình khai mở, dựng xây, khẳng định chủ quyền của các triều đại quân chủ và vai trò của nhiều thế hệ cư dân ở vùng biên cương, biển đảo của đất nước.

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, t. 2, 1993, tr. 13

Sự hình thành vùng Trà Cỏ gắn với các huyền tích. Tương truyền, khoảng thế kỷ XV, có 12 gia đình ở Đồ Sơn (góc hai làng Trà Phương và Cỏ Trai, thuộc Kiến Thụy, Hải Phòng) trong một lần “đi đánh cá” gặp sóng to, gió lớn đã dạt vào một vùng đảo hoang vắng. Nghe tin có thuyền gặp nạn, nhân dân từ vùng thượng sông Ka Long đã vượt mưa to, gió lớn đem thuốc men, lương thực, trang phục xuống cứu trợ. Nhận thấy cảnh quan, vị thế có nhiều thuận lợi, thám hiểu tình người trên vùng đất mới, các gia đình quyết định ở lại khai phá, định cư. Trải qua thời gian, trước những thách thức về điều kiện tự nhiên và nguồn sinh kế, sáu gia đình đã trở về quê cũ, các hộ dân còn lại quyết tâm bám biển, lập làng. Họ đã “Cắm sào lọc nước lấy tiền nuôi nhau”. Điều đáng chú ý là, trong quá trình nghiên cứu về lịch sử hình thành vùng đất và cư dân Đồ Sơn, Nhà khảo cổ học Trịnh Cao Tường đã phát hiện thấy mô-típ các nhóm gia đình/anh em ngư dân, ra biển “đánh cá, gặp bão, trôi dạt vào đảo/đất liền, bám trụ, lập nghiệp” giống như trường hợp Trà Cỏ. Mở rộng địa bàn khảo cứu ra các xã đảo vùng Vân Đồn, Cô Tô,... tác giả nhận thấy truyền tích này là hiện tượng văn hóa phổ quát của cả một dải văn hóa vùng biển đảo Đông Bắc. Đồ Sơn là vùng đất cổ, là một trong những điểm đến đầu tiên của Phật giáo và cũng là nơi diễn ra nhiều dòng tụ cư và chuyển cư<sup>(1)</sup>.

Với nghị lực và sự kiên trì, từ những nhóm cư dân đầu tiên, vùng đất Trà Cỏ dần trở thành địa bàn quần cư tương đối đông đúc. Dải đất hình vành khuyên dài 17km từ Sa Vĩ đến Mũi Ngọc trở thành điểm đến của nhiều cộng đồng cư dân. Một số dòng người từ vùng núi Đông Bắc dồn về, từ vùng Thanh - Nghệ chuyển ra, từ phương Bắc di cư đến,... để làm ăn, buôn bán. Theo các sử gia triều Nguyễn, cư dân ở Quảng Yên có tính cách mạnh mẽ. Ở đó, đất đều chua mặn, dân làm nghề đánh chài, đi buôn, môi lợi nhờ núi, biển; hàng hóa thông Bắc - Nam<sup>(2)</sup>. Nhờ có nhiều nguồn tài nguyên, Trà Cỏ dần trở thành vựa chài trù phú. Người Việt cùng với đồng bào các dân tộc thiểu số: Tày, Nùng, Sán Diu,... vừa đánh cá, làm muối, giao lưu trên biển, vừa buôn bán, làm nông, khai thác lâm thổ, thủy hải sản.

Các nguồn sử liệu cho thấy, từ thời Lý - Trần, nhiều tập đoàn thương nhân từ miền Nam Trung Hoa (và từ nhiều nước Đông Nam Á, Nam Á,...), đã cho thuyền đến trao đổi, buôn bán ở Vân Đồn. Đến nửa sau thế kỷ XVIII, một số nhóm thương nhân ngoại quốc vẫn cho thuyền đến Vân Đồn, Vạn Ninh buôn bán. Năm 1764, chúa Trịnh Doanh (1740-1767) đã ra lệnh cấm khách buôn phương Bắc không được ở lẫn với dân. Các sử gia triều Nguyễn viết: Trước đây khách buôn phương Bắc đến buôn bán, chỉ cho trú ngụ ở châu Vân Đồn, châu Vạn Ninh thuộc Yên Quảng và xã Cồn Hải, Hội Thống, Triều Khẩu thuộc Nghệ An,

(1) Trịnh Cao Tường: *Một chặng đường tìm về quá khứ*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội 2007, tr. 30 - 31

(2) Xem: Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, 1997

không được ở lẫn với dân. Lúc ấy, dân ở châu Vạn Ninh nhiều người phiêu tán, nên cũng có khách buôn nhân tiện chiếm ở trú ngụ ngay chỗ đất bỏ không, lại có nhiều người mở phố xá ở Vĩnh Đại và Triều Khẩu. Vì thế, mới hạ lệnh cho quan ở trấn sức sở tại dẫn đưa ra ngoài cảnh thổ, xếp đặt cho họ ở riêng ra như trước<sup>(1)</sup>. Việc trao đổi, buôn bán (đặc biệt là gôm, sứ, sành,...) để lại nhiều dấu tích trên một vùng rộng lớn với các địa danh: Thoi Sành, Vạt Dạt, Rừng Miếu,... Ở Thông Đông, xã Vạn Ninh, cũng có bến Vạn Ninh, dài hơn 800m. Ở đó cũng có nền nhà và các vết tích khảo cổ học giống khu vực Vân Đồn. Bến này được lập vào thời Lý và là địa điểm buôn bán chủ yếu với Trung Quốc<sup>(2)</sup>. Hoạt động giao thương được thực hiện thường xuyên qua nhiều thời kỳ lịch sử. Vùng Hải Ninh - Trà Cổ trở thành một trong những trung tâm giao thương, cảng bến ven bờ quan trọng của hệ thống thương cảng quốc tế Vân Đồn<sup>(3)</sup>.

Đề luôn nhớ về quê hương và công lao của những người có công khai mở một vùng đất, người Trà Cổ đã lấy tên đầu của hai làng cổ là Trà Phương và Cổ Trai đặt tên cho quê hương mới. Đến nay, cư dân địa phương vẫn truyền nối qua nhiều thế hệ ký ức sâu nặng về một vùng quê: “*Người Trà Cổ - Tổ Đồ Sơn*”. Tại gian chính đình Trà Cổ có đôi câu đối: “*Đồ Sơn ngật nhĩ hình hương địa/ Trà Cổ nguy nhiên kỷ niệm từ*”. Câu đối có hàm ý: “Người dân Trà Cổ dựng một ngôi đền/đình nguy nga để tưởng nhớ về quê cũ Đồ Sơn”. Luôn hoài niệm, tự hào về quê hương, vùng đất gốc đã sinh thành nên gia đình, dòng họ là một trong những đặc trưng, giá trị nguồn cội của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Trải bao thế hệ, các vị thần có công với đất nước, quê hương đã được tôn thờ. Trong đình Trà Cổ có bài vị thờ: Ngọc Sơn Trấn Hải Đại Vương Tôn Thần, Bạch Diêm Tước Đại Vương Tôn Thần, Quảng Trạch Đại Vương Tôn Thần, Nhân Minh Đại Vương Tôn Thần, Huyền Quốc Lã Thái Úy (Thái úy Lý Thường Kiệt), Không Lộ - Giác Hải Đại Vương Tôn Thần (Thiền sư Không Lộ và Thiền sư Giác Hải). Đó là bảy vị thần, được suy tôn là Thành hoàng làng.

Cùng với các vị Thành hoàng được thờ phụng trong hậu cung, ngoài Đại đình (ở hai hồi) còn phối thờ các vị Tiên công có công mở đất, lập làng. Cuộc sống vùng Đông Bắc gắn liền với môi trường tự nhiên rừng núi, duyên hải và hải đảo nên cư dân nơi tôn thờ thần núi, thần sông, thần biển,... Làm nghề chài lưới, đánh bắt hải sản trên biển, cư dân vùng biển

(1) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội 1998, t. 2, tr. 654

(2) Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, Khảo cổ học lịch sử Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội 2002, t. 3, tr. 118

(3) Nguyễn Văn Kim: *Vân Đồn - Thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016, tr. 310 - 311

đảo Đông Bắc - Trà Cổ dần tích lũy cho mình vốn tri thức phong phú về biển. Họ có vốn sống, vốn tri thức phong phú về quy luật vận động của thế giới tự nhiên và có cả một hệ thống triết lý, thế giới thần linh để cầu mong cho mưa thuận, gió hòa<sup>(1)</sup>. Người Trà Cổ đặt niềm tin vào các vị thần tự nhiên như: Ngọc Sơn Trấn Hải Đại Vương, Bạch Đầm Tước Đại Vương Tôn Thần,... là các vị thần cai quản, trấn ải vùng cửa biển, phù giúp cho những người đi biển. Cư dân Trà Cổ và vùng biển Đông Bắc tin rằng, các vị thần linh chính là những đấng linh thiêng trấn giữ, bảo trợ cho những người đi biển và các hoạt động khai thác biển, buôn bán, vận tải trên biển. Theo thần tích “Ngọc Sơn Trấn Hải Tôn Thần” thì núi Ngọc Sơn ở Hải Ninh là nơi Lý Thường Kiệt khi đem quân tập kích châu Ung và châu Liên hội quân ở đây<sup>(2)</sup>. Thời Trần, Trần Thủ Độ và các vua Trần cùng Trần Hưng Đạo cũng đã từng đến Ngọc Sơn để bày binh bố trận. Thời Lê sơ, Lê Thánh Tông đã tuần du Biển Đông đến núi Truyền Đăng ra núi Ngọc Sơn để tập trận. Núi Ngọc Sơn là ngọn núi tiên tiêu ở biên giới phía Đông Bắc thuộc xã Bình Ngọc, thành phố Móng Cái, Việt Nam. Do núi nổi tiếng linh thiêng và có vị trí chiến lược quan trọng nên được nhiều sách địa chí cổ ghi chép. Nhân dân các xã Bình Ngọc, Trà Cổ, Trảng Vĩ, Hải Ninh, Ninh Dương, Vạn Xuân,... đều tôn làm Thành hoàng<sup>(3)</sup>.

Cùng với việc tôn thờ các vị thần tự nhiên và Lý Thường Kiệt, người Trà Cổ còn thờ hai vị Thiên sư. Theo *Thiền uyển tập anh*, Thiên sư Không Lộ (?-1119) họ Dương “người Hải Thanh, nhà mấy đời làm nghề đánh cá, sau bỏ nghề theo tu hành đạo Phật. Sư chuyên tu trì pháp môn *Đà La Ni (Dharani)*. Khoảng niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh (1059-1065) đời Lý Thánh Tông, Sư cùng đạo hữu là Giác Hải đi vân du cõi ngoài, dấu kín tông tích, đến chùa Hà Trạch, ăn rau mặc lá, quên cả thân mình, dứt hết mọi điều mong muốn, một lòng chuyên chú tu tập Thiền định. Rồi sư thấy tâm thần, tai mắt ngày càng sáng láng thông tỏ, bay trên không, đi dưới nước, hàng long phục hổ, muôn nghìn phép lạ không lường hết được”<sup>(4)</sup>. Cũng theo *Thiền uyển tập anh*, Thiên sư Giác Hải tu ở chùa Diên Phúc, hương Hải Thanh: “Thiền sư họ Nguyễn, người hương Hải Thanh, từ nhỏ làm nghề đánh cá, thường lấy thuyền làm nhà, lênh đênh trên sông biển. Năm 25 tuổi bỏ nghề cũ, cắt tóc đi tu. Lúc đầu Sư cùng với Không Lộ theo học đạo với Hà Trạch. Sau Sư nổi pháp tự của

(1) Từ Thị Loan: *Văn hóa biển đảo Việt Nam - Văn hóa biển đảo vùng bắc bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019, t. 2, tr. 156 - 165, 224 - 226

(2) Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015, tr. 129 - 132

(3) Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Sở Văn hóa và Thể thao: *Di sản Hán Nôm tỉnh Quảng Ninh*, Địa chí cổ - Thần tích, thần sắc, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2020, t. 1, tr. 275

(4) *Thiền uyển tập anh* (Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, Ngô Đức Thọ giới thiệu), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1993, tr. 107

Không Lộ”<sup>(1)</sup>. Như vậy, cả hai Thiền sư đều xuất thân làm nghề chài lưới, sau tu hành đắc đạo, có nhiều phép thần diệu có thể cưỡi mây, lướt sóng. Thiền sư Giác Hải được vua Lý Nhân Tông tiếp đãi như Thầy. Cuộc đời, hành trạng của hai Thiền sư thể hiện vai trò đặc biệt quan trọng của Phật giáo với đời sống xã hội, chính trị (cung đình) thời Lý, đến vai trò của biển và những con đường tiếp giao văn hóa giữa Đại Việt với các quốc gia khu vực. Phật giáo có vị trí quan trọng trong tâm thức của cư dân biển. Nhiều vùng ven biển Quảng Ninh, Hải Phòng,... đã suy tôn các Thiền sư làm Thành hoàng.

Với các làng quê Việt và đối với dân làng, thần Thành hoàng là biểu hiện của lịch sử, phong tục, đạo đức, pháp lệ cùng hy vọng chung của cả làng, lại cũng là một thứ uy quyền siêu việt, một mối liên lạc vô hình, khiến cho hương thôn thành một đoàn thể có tổ chức và hệ thống chặt chẽ<sup>(2)</sup>. Việc phối thờ các vị Thành hoàng ở đình Trà Cổ trong đó có các vị thần tự nhiên (nhiên thần) canh giữ vùng đất; Lý Thường Kiệt (nhân thần, người dùng kế “Tiên phát chế nhân”, chủ động đánh địch từ xa, bảo vệ chủ quyền đất nước), hai vị Thiền sư và sáu vị Tiên công cho thấy tâm sự dung thông tam giáo, niềm tin, tín ngưỡng của người Việt. Đó là dòng chủ thể phản ánh bản chất, tư duy tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam<sup>(3)</sup>. Người Trà Cổ phối thờ nhân thần, nhiên thần, các vị anh hùng dân tộc và những người có công,... để cầu mong cho cuộc sống no đủ và sự bình yên cho quê hương, gia đình, dòng họ. Thờ cúng, tôn kính các vị thần và thực hiện các nghi lễ tâm linh, người dân Trà Cổ muốn thể hiện sự sùng vọng các vị thần đang tôn thờ, qua đó giáo dục truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc. Người ta cũng muốn thể hiện đạo lý “Uống nước, nhớ nguồn”, củng cố niềm tin, tăng cường sự cố kết cộng đồng để tạo nên sức mạnh chung, vượt qua những thách thức khắc nghiệt của cuộc sống.

Đến nay, vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về lịch sử hình thành đình Trà Cổ. Với dấu tích hiện tồn có thể cho rằng, đình được xây dựng quy mô lớn vào cuối thế kỷ XVII. Trong quá trình phát triển, ngôi đình đã được trùng tu nhiều lần nhưng về cơ bản vị trí, những đặc trưng về kiến trúc, nghệ thuật vẫn được bảo tồn tương đối nguyên vẹn.

Cũng như nhiều ngôi đình ở vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ như: đình Phù Lưu, Thổ Hà, Đình Diềm, đình Đình Bảng (Bắc Ninh); đình Lỗ Hạnh, Đình Thắng, đình Phù Lão (Bắc Giang); đình Chu Quyên, Hoàng Xá, Đông Lỗ, Đại Phùng, Tây Đằng, Thụy Phiên (Hà Tây); đình Hương Lộc, Trùng Thượng, Trùng Hạ (Nam Định); đình Kiên Bái, Nhân Thọ (Hải Phòng); đình Hương Canh, Ngọc Canh (Vĩnh Phúc); Đình Lê (Thanh Hóa); đình

(1) *Thiền uyển tập anh*, Sđd, tr. 140 - 141

(2) Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Nội, 2002, tr. 248

(3) Nguyễn Duy Hinh: *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 97

Hoành Sơn, Trung Cầu (Nghệ An); đình Hội Thống (Hà Tĩnh),... đình Trà Cỏ thể hiện ba chức năng cơ bản: *Chức năng hành chính, Chức năng tín ngưỡng và Chức năng văn hóa*. Để thực hiện ba chức năng cơ bản ấy trong hoạt động chung của làng xã, từ thế kỷ XV-XVI “Công cuộc xây dựng đình làng thời Lê rất rầm rộ, có thể so sánh với việc xây dựng chùa, tháp thời Lý - Trần”<sup>(1)</sup>.

Đình được coi là không gian xã hội chung của cộng đồng. Không gian chủ đạo, bao trùm của các ngôi đình là cảnh quan châu thổ và một số vùng trung du. Nhưng, những làng buôn hay nông - công - thương kết hợp thường “có điều kiện” để kiến dựng các ngôi đình bề thế. Bên cạnh những ngôi đình ở trung du, châu thổ, ở nhiều vùng duyên hải cũng có các ngôi đình do cư dân vạn chài và những người chuyên sống nhờ biển, khai thác biển lập nên. Đình Trà Cỏ là một trường hợp như vậy. Tính độc đáo của đình Trà Cỏ là được dựng ở vùng ven biển và là công trình kiến trúc, văn hóa đầu tiên ở vùng địa đầu của đất nước.

Thông thường, người ta hay lấy tên làng xã để đặt tên đình. Trà Cỏ là tên xã, cả xã chỉ có một thôn và một ngôi đình. Về sau, dân cư tập trung và dần trở nên đông đúc, từ một thôn phát triển thành bốn thôn: Nam Thọ, Đông Thịnh, Bình Ngọc, Tràng Vĩ. Trải qua thời gian, mỗi thôn đều có ngôi đình riêng nhưng đình Trà Cỏ vẫn là đình chung của cả xã. Đình Trà Cỏ hiện ở thôn Nam Thọ nên còn có tên gọi là đình Nam Thọ. Làng Trà Cỏ xưa cũng phát triển thành phường Trà Cỏ, ở phía đông thành phố Móng Cái, có diện tích 1301,07 ha. Lịch sử của đình Trà Cỏ gắn với quá trình khai phá, xác lập chủ quyền và các trang sử hào hùng đấu tranh bảo vệ chủ quyền của các cấp chính quyền và nhiều thế hệ cư dân vùng đất địa đầu của đất nước.

## 2. GIÁ TRỊ KHOA HỌC, VĂN HÓA CỦA DI TÍCH

Là một ngôi đình cổ thuộc nhóm các ngôi đình đẹp nhất miền Bắc, về tổng thể, đình Trà Cỏ còn tương đối nguyên vẹn. Sự hiện diện của ngôi đình là nguồn tư liệu quý để nghiên cứu về lịch sử kiến trúc, đình cổ Việt Nam. Cùng như nhiều ngôi đình khác, đình Trà Cỏ thể hiện rõ ba chức năng cơ bản. Theo GS. Hà Văn Tấn: “Về chức năng hành chính, *đình* là chỗ để họp bàn các “việc làng”, để xử kiện, phạt vạ... theo những quy ước của làng. Về chức năng tôn giáo, *đình* là nơi thờ thần của làng, thường là một vị, nhưng cũng có khi nhiều vị, được gọi là “Thành hoàng làng”. Về chức năng văn hóa, *đình* là nơi biểu diễn các kịch hát như chèo, hay hát cửa đình - một hình thức đã phát triển trong các thế kỷ trước, nơi tiến hành các lễ hội, các trò chơi... Thực ra, các chức năng trên không bao giờ được tách

(1) Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, Khảo cổ học lịch sử Việt Nam, *Sđd*, t. 3, tr. 212

bạch, mà đan xen hòa quyện với nhau”<sup>(1)</sup>. Cùng với ba chức năng trên, nhiều ngôi đình ở các vùng trọng trấn hay giao lộ chính, còn từng đóng vai trò như một “hành cung” mỗi khi xa giá của nhà vua đi qua<sup>(2)</sup>.

Đình Trà Cỏ ở sát biên giới Trung Quốc, chịu nhiều tác động của các cơn lốc chính trị, nền văn hóa phương Bắc và áp lực của truyền thống Nho giáo - Tống nho. Nhưng, trải bao thế kỷ, ngôi đình vẫn trụ vững. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể vẫn được bảo tồn, phát huy như những giá trị linh thiêng trong tâm thức cộng đồng. Có thể khẳng định, đình Trà Cỏ là hiện thân của văn hóa Việt, là cột mốc văn hóa uy nghiêm, trường tồn, thể hiện sâu đậm đặc trưng văn hóa Việt Nam. Dấu ấn lịch sử, bản sắc văn hóa thể hiện trong ngôi đình có giá trị đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ, khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải linh thiêng của đất nước.

Đình Trà Cỏ là một di tích kiến trúc cổ, được xây dựng lâu đời. Tương truyền, vào lần tu sửa đình năm 1921 người ta đã tìm thấy một mảnh ván ghi niên hiệu “*Hồng Đức niên chế*”. Nếu thông tin trên là xác thực thì đình được dựng thời Hồng Đức (1470 - 1497). Theo các cụ cao niên ở Trà Cỏ, đình làng được xây dựng năm Quang Thuận thứ ba (1463) dưới triều vua Lê Thánh Tông. Cũng có người lại cho rằng, đình được dựng năm “*Hồng Thuận tam niên*” tức năm 1511. Rất tiếc là những cứ liệu, thông tin đó không còn được lưu giữ. Các tác giả *Địa chí Quảng Ninh* nêu ý kiến cho rằng, đình được khởi dựng vào năm 1550<sup>(3)</sup>. Cũng có người nêu giả thuyết, ngôi đình được dựng đời vua Lê Kính Tông năm 1600... Như vậy, có nhiều quan điểm về niên đại đình Trà Cỏ. Nhưng tựu chung, nhiều ý kiến nghiêng về việc đình được kiến dựng vào thế kỷ XV-XVI tức là vào thời Lê sơ (1428 - 1527) hoặc thời Mạc (1527 - 1592), thời kỳ “bùng nổ” của kiến trúc đình làng. Cũng có thể cho rằng, vào thời Lê sơ di tích là một ngôi đình (hay đền), sau đó đến thế kỷ XVII đã được trùng tu, mở rộng thành đình Trà Cỏ. Với kết quả khảo cứu đương hiện, phong cách kiến trúc, điêu khắc,... đều cho thấy ngôi đình được xây dựng (hay phục dựng) vào thế kỷ XVII, sau đó được trùng tu, tôn tạo vào thế kỷ XVIII-XIX.

Theo các nhà nghiên cứu, niên đại thế kỷ XVII được xác định bởi nhìn tổng quan kiến trúc, các ngôi đình thế kỷ XV-XVI thường chưa có tàu mái cũng như chưa có lá mái. Như vậy, các ngôi đình cũng chưa có kết cấu mái cong thuộc hệ khung gỗ. Kiến trúc đình Trà

(1) Hà Văn Tấn: *Đình Việt Nam*, trong: *Đền với lịch sử - văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr. 333

(2) Nguyễn Văn Huyền: *Contribution à l'un génie tutélaire annamite Lý Phục Man*, Bulletin de l'école française d'Extrême-Orient, t.XXXVIII, fact. I, 1938

(3) Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh: *Địa chí Quảng Ninh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, t. 3, tr. 123

Cổ đều có các câu đầu tỳ lục trực tiếp lên cột cái qua các đầu vuông, lớn dày và thót đáy. Phong cách kiến trúc này không có khớp mộng trực tiếp vào đầu các cột cái như thường thấy ở các kết cấu kiến trúc gỗ sau này. Đây là đặc trưng nổi bật của kết cấu kiến trúc gỗ thế kỷ XVII. Như vậy, “Ở cuối thế kỷ XVII, chiếc câu đầu vẫn được làm từ một thân gỗ lớn, nhưng dài hơn trước. Và, cho đến thời kỳ này, câu đầu vẫn nằm trên các đầu vuông thót đáy, liên kết chắc chắn bởi các chốt đóng xuyên qua ruột đầu xuống đầu cột”<sup>(1)</sup>. Từ cuối thế kỷ XVII sang thế kỷ XVIII, câu đầu dường như không còn sử dụng mà được thay thế bằng quá giang, ăn mộng trực tiếp vào hai đầu cột cái. Đây là đặc trưng phổ biến của kiến trúc thế kỷ XVIII-XIX. Các mảng chạm khắc gỗ và các bức cốn, vì kèo, đầu dư, đầu bẩy,... mang đậm phong cách thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn (1802-1945), thể hiện tài năng của các nhà thiết kế và nghệ nhân dân gian xưa. Những nét chạm khắc ở ngói đình vừa cho thấy những điểm chung với các đình làng Việt Nam, thời gian tạo tác, vừa cho thấy những nét riêng có của đình Trà Cổ.

Gian tiền đường của đình Trà Cổ nổi bật với bức đại tự sơn son thếp vàng, có nội dung khẳng định chủ quyền quốc gia: “Nam sơn tịnh thọ - Địa cửu trường thiên” (*Nước Nam bền vững - Trời đất rộng, dài*). Trải dọc theo những hàng cột đình là các đôi câu đối có nhiều ý nghĩa nhân ái, thâm sâu: “Quyết công uất yên, vạn cổ Đồ Sơn lưu hiển tích - Vi đức thịnh hĩ, thiên thu Đông Hải mộc ân ba” (*Công vời vợi muôn thừa, Đồ Sơn lưu hiển tích - Đức hưng thịnh ngàn năm, Đông Hải gọi ân ba*). Câu đối có niên đại năm Kỷ Mùi triều Khải Định, 1919. Tiếp đó là câu đối: “Hải chung sơn dục anh linh, thánh bất khả tri dương dương như tại thượng - Nam ký đông tiệm uông dật, thần chi vi đức đặng đặng vô năng danh” (*Non sông chung đức khí thiêng đức thánh trên cao vời vợi - Đông Nam mệnh mông nước biếc, thần thiêng cứu hộ khôn lường*), niên đại tháng 2 năm Nhâm Dần. Câu đối: “Đức mại đặng hàm vạn cổ Nam thiên tiêu chính khí - Công tham viên củ ức niên Đông Hải trú linh thanh”, tức (*Đức nêu gương sáng, muôn thừa trời Nam ngơi chính khí - Công làm quy củ, ngàn năm Đông Hải tỏ linh thiêng*); Câu đối: “Vũ vĩ văn kinh Đồ lĩnh thiên thu di can giải - Sơn chung hải dục Trà Giang vạn cổ mộc hồng ân” (*Văn hay võ giỏi, Đồ Sơn ngàn năm còn khí phách - Non chung biển đức, Trà Giang muôn thừa đội ân sâu*), niên đại Khải Định Tân Thân thu. Câu đối: “Trà Cổ nghiêm linh từ tỉnh trấn khôn duy sơn hữu sắc - Nam Thọ chiêm thánh trạch trùng ngưng hải tế tủy vô ba” (*Đình Trà Cổ nghiêm trang, trấn địa đầu khiến non sông tươi đẹp - Đền Nam Thọ ơn thánh, biển trong xanh làm yên lặng sóng kình*), tạo tác năm Tân Dậu, triều Khải Định, 1921<sup>(2)</sup>,...

(1) *Đình làng Việt (Châu thổ Bắc Bộ)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr. 80

(2) Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Sở Văn hóa và Thể thao: *Di sản Hán Nôm tỉnh Quảng Ninh*, Địa chí cổ - Thơ văn, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2020, t. 3, tr. 1044 - 1049



Như vậy, các bức đại tự, câu đối trong đình Trà Cổ đều thể hiện chiều sâu lịch sử, vị thế của một vùng địa linh; cảnh quan tự nhiên tươi đẹp của biển và đất trời duyên hải Đông Bắc; sự uy nghiêm, linh thiêng của ngôi đình. Ý thức về nền độc lập, chủ quyền cũng được khẳng định mạnh mẽ. Các bức đại tự, câu đối cũng nhằm khuyên nhủ thế hệ sau phải tự hào, yêu quê hương, đất nước; phải không ngừng tôi rèn chí khí, gìn giữ giang sơn vững bền, để lại phúc phận cho muôn đời con cháu mai sau.

Giá trị và tính linh thiêng của ngôi đình còn được thể hiện trong 12 bản sắc phong của các vị vua triều Nguyễn (chủ yếu là vua Bảo Đại) ca ngợi công tích, uy linh của các vị Thành hoàng. Về Thành hoàng Lý Thường Kiệt (1019-1105) sắc phong có niên đại ngày 29 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 10 (1935) ghi rõ: *Sắc cho thôn Sa Vĩ xã Trà Cổ châu Mang Nhai tỉnh Hải Ninh từ xưa đã phụng thờ Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Huyền Quốc Lã Thái Úy Đại Vương Tôn Thần. Thần đã giúp nước che chở cho dân tỏ rõ linh ứng, từng được ban cấp tặng sắc cho phép phụng thờ. Nay Trẫm nối ngôi báu noi theo tốt đẹp của người trước, đáng gia tặng: Đoan Túc Tôn Thần. Đặc chuẩn cho phép thờ để ghi nhớ ngày quốc khánh và tỏ rõ điển lệ thờ cúng. Hãy nhận!*<sup>(1)</sup>. Bản thần tích làng (xã) Trà Cổ, tổng Ninh Hải cũng ca ngợi công đức của Thái úy khi đem quân phạt Tống, vây hãm hai thành Liên Châu và Ung Châu vào tháng 11 năm Ất Mão, 1075 (trận chiến diễn ra từ 30/12/1075 đến 02/01/1076): *Thường Kiệt là bậc tướng tài, tinh thông thao lược. Ban đầu được xưng Hoàng môn Kỳ hậu, sau thăng đến Thái úy, trải thờ ba triều vua, có công phạt Tống, bình Chiêm, công danh rạng rỡ, được sùng ái không ai tày*<sup>(2)</sup>. Các sắc phong thường chỉ được mở ra mỗi năm một lần vào dịp lễ hội. Đó là các văn bản chính thức của nhà nước công nhận giá trị lịch sử, tâm linh của ngôi đình.

Trong các di sản văn hóa phi vật thể, lễ hội đình Trà Cổ là một lễ hội tiêu biểu của cộng đồng cư dân biển, thể hiện sâu đậm tâm thức hướng biển, các hoạt động kinh tế kinh tế biển và truyền thống khai thác biển. Khác với các lễ hội vùng châu thổ sông Hồng thường được tổ chức và mùa xuân, lễ hội đình Trà Cổ tổ chức vào tháng 6 âm lịch. Đây là mùa biển động, không thể đi biển nên cư dân địa phương mở hội cầu an cho cả cộng đồng. Lễ hội tổ chức từ ngày 30 tháng năm đến mùng 3 tháng sáu âm lịch hằng năm với nghi thức: Lễ rước thần trên biển; rước cây đèn thần và mâm hoa quả; đóng cây cai Đám; gọi số Bia xanh; lễ rước cỗ của các ông Đám đương nhiệm (12 vị, chắc hẳn để tưởng nhớ đến 12 vị Tiên công); lễ đại tế; lễ cất cây cai Đám, lễ xướng danh các ông Đám mới...

(1) *Di sản Hán Nôm tỉnh Quảng Ninh*, Địa chí cổ - Thần tích, thần sắc, t. 1, tr. 289

(2) *Di sản Hán Nôm tỉnh Quảng Ninh*, Địa chí cổ - Thần tích, thần sắc, t. 1, tr. 285

Trước đây, để chuẩn bị tổ chức lễ hội, vào ngày 25 tháng 5, làng thường cất cử một số bô lão và thanh niên trai tráng đi một đoàn thuyền rước bài vị các vị Tiên công từ Trà Cỏ về quê tổ Đò Sơn sau đó quay lại Trà Cỏ. Nghi lễ này tượng trưng cho việc tưởng nhớ quê hương, nguồn cội. Ngày đầu tiên của lễ hội (30 tháng năm) là ngày chuẩn bị và tiến hành một số nghi thức lễ hội. Ngày thứ hai của lễ hội (ngày 1 tháng sáu âm lịch), người dân làm lễ nghinh Thần. Đây là nghi lễ quan trọng. 12 ông cai Đám cùng người dân rước các vị Thành hoàng làng từ đình Trà Cỏ ra miếu bên bờ biển tế lễ rồi lại rước về đình. Việc rước các vị Thành hoàng mang ý nghĩa mong các vị thần che chở cho những người đi biển gặp được những vụ cá lớn, làm ăn thuận lợi, may mắn.

Trong ba ngày lễ hội, gia đình 12 ông cai Đám phân công nhau làm cỗ với đầy đủ trầu cau, hoa quả để rước về đình làm lễ tế thần. Các phần cỗ chay, cỗ mặn (cũng có thi, đánh giá) sau khi tế lễ xong được mọi người thụ lộc ngay tại đình. Nghi lễ đóng cây cai Đám và cất cây cai Đám được coi là sự mở đầu và kết thúc lễ hội. Nghi lễ cất cây cai Đám và gọi sỏ Bia xanh được thực hiện vào buổi tối ngày thứ ba. Cây cai Đám được đưa từ trong đình ra cửa đình. Đoàn người rước cây cai Đám vừa đi vừa chúc Thánh cầu mong cho mọi việc tốt lành, dân làng an vui, thụ hưởng nhiều phúc lộc. Sau đó là đến lễ gọi sỏ Bia xanh. Mục tiêu của nghi lễ này nhằm để kiểm tra lại số dân đình cũ, bổ sung dân đình mới (chắc hẳn một vùng đất luôn có nhiều biến động về dân số), đồng thời bầu chọn ra 12 ông cai Đám mới để chuẩn bị cho lễ hội năm sau.

Theo quy định của làng, cai Đám phải là những người trung tuổi, khỏe mạnh, biết làm ăn, có đạo đức và sống lành mạnh, gia đình hòa thuận, không vướng tang gia. Theo lệ làng, mỗi người chỉ được làm cai Đám một lần trong đời. Khi được dân làng chọn cử làm cai Đám, người được bầu chọn cảm thấy tự hào. Vì thế, mỗi người đều cố gắng hoàn thành tốt nhất trách nhiệm được giao. Ngày kết thúc lễ hội có lễ rước cây đèn Thần. Cùng với trách nhiệm phải thường xuyên túc trực lo công việc ở đình, 12 ông cai Đám còn phải chăm lo cho cây đèn luôn được tỏa sáng. Đó là ngọn đèn tâm linh, soi tỏ đường đi cho cư dân trong vùng biết cách làm ăn, phát triển cuộc sống.

Lễ hội có nhiều nghi lễ nhưng đáng chú ý là có lễ rước các “Ông voi”. “Ông voi” được tượng trưng bằng những con lợn được các ông Đám chăm sóc từ khi kết thúc lễ hội năm trước. Đến chiều ngày đầu tiên của lễ hội, các “Ông voi” được đưa ra đình châu Thành hoàng với ý nghĩa tượng trưng cho việc các vị Thần - Thành hoàng cưỡi voi đi chinh chiến và làm nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ cương giới đất nước. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc các “Ông voi” cũng có ý nghĩa động viên nhân dân hăng hái chăn nuôi để có cuộc sống no đủ.

Ban tổ chức lễ hội có chương trình trao thưởng cho các ông Đám đạt thành tích trong hội thi “Ông voi”. “Ông” nào khỏe mạnh, thân dài nhất, vòng cổ to nhất, có thần thái nhất sẽ được trao giải.

Lễ hội đình Trà Cổ là di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc của Quảng Ninh và đất nước. Đến với lễ hội những người tham gia được sống trong cộng đồng, hòa mình với cộng đồng, được trao gửi niềm tin vào thế giới thần linh và được vui với những sinh hoạt văn hóa truyền thống. Nhìn rộng ra, cũng như lễ hội đình Trà Cổ, lễ hội ở nhiều vùng quê đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, sáng tạo văn hóa của nhân dân. Ở đó, họ thấy sự bình đẳng, tinh thần cộng cảm, cộng mệnh, đồng thời khơi dậy ý thức về cội nguồn và những giá trị văn hóa truyền thống, tình yêu, lòng tự hào về quê hương, đất nước. Lễ hội cũng thể hiện sâu đậm bản sắc, đặc trưng văn hóa Việt Nam và điều đó đặc biệt có ý nghĩa với các thế hệ trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Ở Trà Cổ không gian văn hóa đình làng và lễ hội hợp thành một quần thể văn hóa vật thể - phi vật thể, tạo nên cấu trúc văn hóa tổng thể gồm chùa Nam Thọ, nhà thờ họ Trà Cổ, mũi Sa Vĩ, sông Ka Long, bãi biển Trà Cổ tinh khiết, rộng dài,... Tất cả đều tạo nên các giá trị linh thiêng, đặc sắc của một vùng biên cương đất nước.

### 3. GIÁ TRỊ KIẾN TRÚC VÀ NGHỆ THUẬT

Đình Trà Cổ là một công trình kiến trúc cổ gồm 5 gian, 2 chái bái đường và 3 gian hậu cung. Phía trước sân đình, cổng nghi môn được xây dựng bởi hai trụ hoa biểu, nghiêm trang với hình đèn lồng đắp tứ linh ở trên và tượng nghệ châu ở đỉnh. hai đầu góc cũng xây trụ đội đầu nâng bông sen. Trong sân có tả vu, hữu vu và tiền tế. Công trình chính là tòa đại đình và hậu cung ở phía sau. Tòa trước bảy gian, tòa sau ba gian tạo nên thế chữ “*Nhị*”, lại được nối với nhau ở giữa thành chữ “*Công*”, nhưng khối mái và mặt nền lại theo hình chữ “*Đình*”. Lối kiến trúc này tạo nên thế vững bền nhưng cũng có thể biến đổi tùy theo góc quan sát của từng người. Nhìn tổng thể, đại đình là công trình trung tâm của kiến trúc đình làng, nơi hội họp của dân làng, gương mặt của nền kiến trúc Việt Nam, nơi ngưng kết mọi giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của làng quê Việt trong 3 thế kỷ XVI-XVII-XVIII<sup>(1)</sup>.

Nằm trong cấu trúc chung của hệ thống kiến trúc đình Việt Nam, đình Trà Cổ được coi là một trong những ngôi đình đẹp nhất của vùng duyên hải Đông Bắc. Cả ngôi đình bề thế được nâng đỡ bởi hệ thống cột lim, gồm cột cái, cột quân, cột hiên liên kết với nhau bằng vì và xà. Đình có 32 cột gỗ lim được kê trên đá tảng, trong đó có 14 cột có đường kính khoảng

(1) Hà Văn Tấn: *Khảo cổ học Việt Nam, Sđd*, t. 3, tr. 213

65cm, cao 5m và 18 cột đường kính khoảng 45cm, được sơn son thếp vàng. Về đặc trưng kiến trúc của đình làng thế kỷ XVII, GS. Hà Văn Tấn nhận xét: “Phần lớn các đình được mở rộng hơn. Đại đình thế kỷ XVI có bốn hàng cột thì từ thế kỷ XVII về sau thường có sáu hàng cột, thêm hai hàng *cột hiên* ở ngoài hai hàng cột quân để nâng mái. Liên kết giữa *cột quân* và *cột hiên* là liên kết *kẻ*. *Kẻ hiên* là thân gỗ dài nối liền hàng cột bằng mộng. Người ta xẻ hai đầu cột thành rãnh rồi đặt mộng *kẻ* vào giữa. *Kẻ* đi qua *cột quân* và *cột hiên* rồi vươn ra ngoài đỡ *lá tàu*. Thân *kẻ* có dáng cong. Bên trên *kẻ* là một tấm ván dày, gọi là *ván dong*, mặt dưới ván lượn theo hình cong của *kẻ*, mặt trên bào phẳng theo chiều dốc mái và có khoét các lỗ để đặt *hoành*. Thường thì khoảng mái giữa *cột quân* và *cột hiên* có ba chiếc *hoành* và từ *cột hiên* tới *lá tàu* còn ba *hoành* nữa. Phía sau đại đình, thường là từ *cột hiên* nhô ra cái *bẫy* đỡ mái hiên có đuôi chột ở phía dưới xà. Người ta quen gọi lối hiên này là “*tiền kẻ hậu bẫy*”<sup>(1)</sup>.

Là một công trình kiến trúc gần biển, đình Trà Cổ có vóc dáng không cao. Từ nền hiên đến bụng xà nóc cao 6m, tới bờ nóc chừng 6,5m. Từ nền hiên đến mũi ngói giọt tranh là 2m5, đến tàu mái 2,25m. Điều này cho thấy bộ mái chiếm gần 2/3 chiều cao của toàn thể ngôi đình. Đây cũng là phong cách kiến trúc chuyển giao giữa đình làng thế kỷ XVI và XIX theo xu hướng ngắn dần. Mái trước và mái sau của đại đình có tới 13 hoành (kể cả xà nóc và tàu mái). Như vậy, theo chu kỳ đời người 4 mốc thì hoành cuối ứng với mốc “*Sinh*”, mở đầu cho một chu kỳ mới tốt đẹp. Các hoành với 12 khoảng chia ra các đầu cột, tạo tỷ lệ giữa các cột là 8/5/3 gần với “*tỷ lệ vàng*” trông rất thuận mắt<sup>(2)</sup>. Như vậy, có thể thấy: Đặc trưng cơ bản của kiến trúc Việt Nam và của đình làng là kiểu nhà trên chân cọc dựa trên sự liên kết của các vì kèo. Vì kèo được tổ chức dựa trên cột và hệ thống liên kết cột (*kẻ*, *bẫy*, con gường, câu đầu, xà nách). Sau khi đã có vì kèo, người ta dùng hệ thống xà ngang (*xà thượng*, *xà trung*, *xà hạ*) liên kết các vì lại thành một bộ khung vững chãi. Kết cấu nhà kiểu bộ khung chịu lực này không cần tường móng. Tường chỉ là các tấm ván để ngăn che mưa nắng<sup>(3)</sup>.

Chiều cao và cấu trúc ngôi đình tạo thế vững chãi, có khả năng hạn chế bão biển và những trận gió mạnh thốc vào từ đại dương. Từ ngoài nhìn vào, thấy mái đình hơi võng. Mái được lợp ngói mũi hài giống như nhiều ngôi đình ở các vùng quê châu thổ Bắc Bộ. Hình thể của ngôi đình và mái ngói tạo cho ngôi đình có dáng vóc như một con thuyền lớn đang rẽ sóng ra khơi với các hoa đao nhấp nhô, đường mái uốn lượn như những cánh

(1) Hà Văn Tấn: Đình Việt Nam, trong: *Đến với lịch sử - văn hóa Việt Nam*, Sđd, tr.350

(2) Chu Quang Trứ: *Đình Trà Cổ - Cột mốc biên giới về văn hóa*, trong: Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 2013, tr. 334

(3) Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, Sđd, t. 3, tr. 213

sóng, hay như cánh diều đang cất lên không trung. Kiểu kiến trúc này tương đối hiếm gặp. Phía trên bờ nóc đại đình có hình “Lưỡng long châu nguyệt” và hình tượng của các linh vật như: hình con Kim, con Xô, con Lân,... Ngăn cách giữa tiền đường và hậu đường là bức đại tự “Nghiêm nhược lãm” (*Vào đình phải nghiêm túc, lịch lãm*). Giữa hậu cung ngôi đình là bức cốn chạm trổ công phu, theo lối tả thực làm nổi bật hình tượng bông sen đang nở, đặt chính giữa giải hoa văn ô vuông phía dưới bức xà. Theo các nhà nghiên cứu, đây là bông sen duy nhất được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong các đình làng vùng cực Bắc. Sự hiện diện của bông sen thể hiện tâm thức dân tộc, sức sống mãnh liệt của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam.

Với tên gọi và kiến trúc hiện hữu, đình Trà Cỏ vừa được coi là “tthực thể lưỡng nguyên” tức vừa có chức năng đình lại vừa là đền. Đình còn giữ được nguyên vẹn hệ thống sàn gỗ thể hiện phong cách kiến trúc nhà sàn cổ, điển hình của cư dân Đông Nam Á. Đình cũng có sàn hiên, có nhiều y môn gỗ đẹp, đầu bẩy to dày, không cần ván dong, cột hiên gá chống ngay từ đầu. Sàn đình được lát xung quanh bằng nhau. Ở giữa lòng đình chia ba cấp. Gian ngoài cao, càng ở giữa càng thấp xuống, mỗi lớp sàn chênh lệch nhau 20cm, cao cách mặt đất 50cm, đủ để chống ẩm ướt, tạo sự thông thoáng cho công trình kiến trúc và nền đình. Về công năng, sàn vừa có tác dụng cố kết các chân cột, chống xiêu vẹo, vừa là ranh giới để phân biệt ngôi thứ, tuổi tác trong làng mỗi khi hội họp, là chỗ để canh giữ, nghỉ ngơi khi có việc làng. Sàn đình là cơ sở quan trọng để thấy được “tính chất bản địa của loại hình kiến trúc dân dụng”<sup>(1)</sup> Việt Nam. Đặc biệt, đình Trà Cỏ còn có thêm sàn hiên có tác dụng hỗ trợ chân cột hiên và cũng là chỗ để các chức sắc ngồi xem các trò diễn xướng ngoài sân mỗi dịp lễ hội. Hệ thống sàn gỗ là một trong những nét độc đáo của đình Trà Cỏ. Theo khảo sát, hiện chỉ còn một số đình như đình Đình Bảng (Bắc Ninh), còn giữ được hệ thống sàn gỗ. Nhiều ngôi đình nổi tiếng như đình Tây Đằng, Lỗ Hạnh, Thổ Hà,... hệ thống sàn gỗ đã không còn.

Nghệ thuật chạm khắc đình Trà Cỏ mang đậm phong cách nghệ thuật đình làng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII. Những biểu tượng sôi động, hồn nhiên của nghệ thuật đình làng giai đoạn thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII không còn được thể hiện nhiều ở đình Trà Cỏ. Tuy nhiên, những cảnh sắc con người hòa đồng với thiên nhiên vẫn được khắc ghi. Tất cả các chạm khắc trên các cấu kiện đình Trà Cỏ là vật linh, hoa cỏ thiêng và đều là các bức chạm nghệ thuật đặc sắc. Mười hai bức chạm trên 6 đầu bẩy không bức nào giống bức nào. Chủ đề rồng (rồng mẹ - rồng con, rồng - lân, rồng - thú) đã hòa nhập vào cuộc sống của vùng

(1) Nguyễn Tiến Cảnh - Nguyễn Du Chi - Trần Lâm - Nguyễn Bá Vân: *Mỹ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ thuật xuất bản, Hà Nội, 1993, tr. 44

quê, với đời sống nhân gian và giữ vai trò chủ đạo trong các chủ đề chạm khắc. Với các đề tài chạm khắc, thế giới linh thiêng, vũ trụ, thế giới của thần linh dường như hòa quyện với cuộc sống đời thường. Mặc dù ngôi đình được dựng ngay ở vùng biên cương đất nước, nơi có mật độ giao lưu văn hóa cao nhưng kiến trúc tổng thể của ngôi đình mang đậm dáng vóc và đặc trưng văn hóa Việt. Phong cách kiến trúc thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn là rất điển hình.

Khi viếng thăm đình có thể thấy 6 bức chạm kênh bóng đầu rồng trên 6 đầu bẩy. Đầu rồng gói lên cột hiên, miệng ngậm đường xà đỡ mái. Đao mái đầu rồng được tạo tác có dáng vóc khỏe mạnh. Trên các đao mái là các con rồng uốn lượn, đầu hướng về phía trước. Các bức cốn được chạm trổ đẹp, công phu. Hầu hết, nét trang trí đều mang phong cách nghệ thuật thời Lê Trung Hưng. Trên các vì nách của đại đình, các bức cốn được chạm trổ tinh tế với đề tài chủ đạo là rồng, phượng, đao, mác, mây, lửa,... Đình có 5 bức cửa võng, mỗi bức dài 3,4m nối các cột cái theo chiều dài đình. Mỗi bức cửa võng là một tác phẩm nghệ thuật chạm khắc tinh xảo, mô tả cảnh tiên cưỡi rồng bay trong mây, vượt qua các lớp sóng biển,... rất phù hợp với tâm thế của cư dân biển. Các bức cửa võng thể hiện nhiều đề tài phong phú như: “*Lưỡng long tranh châu*”, “*Cửu long cuốn thủy*”, “*Long mã phục hà đồ*”, “*Trúc hóa rồng*”, “*Rồng cuốn nước*”, “*Phượng múa*”, “*Hổ rình mồi*”,... và các phụ tiết gồm các sản vật biển như: sò, ốc, rùa,... Các bức cửa võng đều được chạm trổ rất công phu, bố cục cân đối, hài hòa có giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ cao.

Trong công trình, các đầu dư ba gian giữa là để hỗ trợ đỡ câu đầu nhưng về mặt kết cấu thực chất chỉ là bộ phận trang trí. Cả 8 đầu dư của đại đình và 2 đầu dư trước cửa hậu cung được chạm lõng với kỹ thuật tinh tế, tạo thành những hình rồng từ cột hiện ra với mắt tròn lồi, mũi sư tử, trán dô, miệng rộng, sừng nai, tai thú rất sinh động nhưng vẫn giữ vẻ uy nghiêm, quyền quý. hai bên lồi đi từ cửa chính vào là hai lan can được chạm trổ rồng và mặt trăng đặt trong khung cảnh mây trời, hoa lá cách điệu... Trong hậu cung, phần đỉnh và hai bên tai khám chạm đề tài tứ linh, tứ quý. Trên đỉnh khám chạm nổi đồ án “*Lưỡng long châu nguyệt*”, hai bên là hình tượng phượng múa, lân châu, rồi đến rùa. Phần trán và diềm khám gồm các lớp chạm lõng đề tài tứ quý, hình tượng lão trúc - mai hóa long,... rất độc đáo.

Không chỉ có giá trị độc đáo về kiến trúc, đình Trà Cổ còn là một thiết chế văn hóa, tín ngưỡng, trung tâm văn hóa của vùng duyên hải Đông Bắc. Ngôi đình với lễ hội độc đáo (thời gian lễ hội, nghi lễ trở về cội nguồn, hình tượng của các “Ông voi” đưa các vị Thành hoàng tuần du vùng biên giới,...) là nơi sự ngưng kết các giá trị tâm linh, tâm thức văn hóa

của cộng đồng. Biển Trà Cổ là một vùng biển đẹp, trữ tình nhất Việt Nam. Cùng với bia lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, mũi Sa Vĩ, các di tích lịch sử - văn hóa ở vùng Trà Cổ - Móng Cái, mà tiêu biểu là đình Trà Cổ, là những cột mốc văn hóa, không gian thiêng, tạo nên sự gắn kết, hòa quyện giữa con người với thế giới tự nhiên; khơi dậy tình yêu, lòng tự hào về quê hương, đất nước, về bản sắc văn hóa dân tộc.

Nằm trong dòng chảy chung của kiến trúc đình Việt, đình Trà Cổ là ngôi đình bề thế, có nhiều giá trị về lịch sử, kiến trúc và văn hóa. Đình có cấu trúc vững chãi nhưng dung dị, duyên dáng. Đình vừa đảm đương những chức năng của một ngôi đình nhưng cũng là đền thờ các vị Thành hoàng. Đình có thêm sân hiên, có nhiều y môn đẹp có giá trị lịch sử, văn hóa độc đáo. Các bức hoành phi, câu đối, sắc phong, thần tích về các vị Thành hoàng đều thể hiện mạnh mẽ, sâu sắc tinh thần yêu nước và lòng tri ân với những vị thần linh, người có công với nước. Với những giá trị lịch sử, văn hóa đặc sắc, ngày 13/3/1974, Bộ Văn hóa - Thể thao ký Quyết định số 15-VH/QĐ xếp hạng đình Trà Cổ là *Di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc gia*. Ngày 24/4/2019, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký Quyết định số 1501/QĐ-BVHTTDL công nhận Trà Cổ, Móng Cái, Quảng Ninh là Khu du lịch Quốc gia.

Với môi trường biển đẹp, thiên nhiên trong lành, di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật đình Trà Cổ là một di sản văn hóa quý hiếm, mang đậm cốt cách, tâm hồn Việt Nam, xứng đáng được công nhận *Di tích Quốc gia đặc biệt*. Ngôi đình cổ là một cơ sở học tập, nghiên cứu; điểm tham quan, du lịch tâm linh hấp dẫn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và đất nước. ❖

#### **Tài liệu tham khảo :**

1. Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Nội, 2002
2. Nguyễn Tiến Cảnh - Nguyễn Du Chi - Trần Lâm - Nguyễn Bá Vân: *Mỹ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ thuật xuất bản, Hà Nội, 1993
3. Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015
4. Nguyễn Văn Huyền: *Contribution à l'un génie tutélaire annamite Lý Phục Man*, Bulletin de l'école française d'Extrême-Orient, t.XXXVIII, fact. I, 1938

5. Nguyễn Văn Kim: *Vân Đồn - Thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016

6. Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, tập 2, Hà Nội, 1993

7. Từ Thị Loan: *Văn hóa biển đảo Việt Nam - Văn hóa biển đảo vùng bắc bộ*, Tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2019



## DI SẢN VĂN HÓA - NGUỒN TÀI NGUYÊN, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG NINH

HOÀNG ANH TUẤN

*GS, TS, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội*

NGUYỄN VĂN ANH

*TS, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Tỉnh Quảng Ninh được ví như một Việt Nam thu nhỏ. Sở hữu những điều kiện tự nhiên thuận lợi, vùng đất Quảng Ninh sớm trở thành nơi quần cư của nhiều cộng đồng cư dân. Sự quần cư của nhiều thế hệ cư dân đã kết tinh giá trị vật chất và tinh thần, bồi đắp nên những trầm tích văn hóa, phản ánh lịch sử lâu đời của vùng đất này. Trầm tích văn hóa đậm đặc gắn với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và đa sắc màu, với núi, biển, sông hồ,... tạo nên những di tích, danh thắng chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, phản ánh lối ứng xử và sự thích nghi với môi trường tự nhiên của các cộng đồng cư dân Quảng Ninh.

Di sản văn hóa Quảng Ninh là sự kết tinh các giá trị vật chất và tinh thần của các thế hệ con người Quảng Ninh và trở thành tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc tỉnh Quảng Ninh nói riêng, của quốc gia nói chung. Di sản văn hóa là biểu tượng của sự trường tồn, đồng thời là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai; là động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay, di sản văn hóa không chỉ được nhấn mạnh ở khía cạnh giá trị là tài sản văn hóa, thể hiện bản sắc và sự kế tục mà hơn hết, di sản là nền tảng, cầu nối và là nguồn tài nguyên, động lực phát triển bền vững của xã hội. Sở hữu hơn 600 di tích, trong đó có 5 di tích quốc gia đặc biệt, 1 di sản thiên nhiên thế giới, là nguồn tài nguyên và động lực quan trọng góp phần hiện thực hóa chuyển đổi mô hình phát triển từ nâu sang xanh của tỉnh Quảng Ninh.

## NHỮNG GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU TRONG DI SẢN VĂN HÓA CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Theo thống kê công bố năm 2020, tỉnh Quảng Ninh có 1 di sản thiên nhiên thế giới là Vịnh Hạ Long; 632 di tích, danh thắng được công nhận là di tích các cấp và được kiểm kê, trong đó có 5 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 54 di tích cấp quốc gia, 85 di tích cấp tỉnh và 488 di tích nằm trong danh mục kiểm kê<sup>(1)</sup>. Với hơn 600 di sản vật thể, 5 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, tỉnh Quảng Ninh là một trong những địa phương sở hữu nhiều di sản nhất của cả nước. Không chỉ có số lượng di sản lớn mà hơn hết, tỉnh là một trong những địa phương có nhiều di sản lớn (quần thể di tích) chứa đựng nhiều giá trị vật chất và tinh thần tiêu biểu, phản ánh lịch sử, văn hóa của dân tộc, như Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều, Quần thể di tích danh thắng Yên Tử, Khu di tích Bạch Đằng, Di tích Cửa Ông - Cặp Tiên, Di tích thương cảng Vân Đồn,...; loại hình di tích phong phú, bao gồm: di tích danh thắng, di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, di tích cách mạng,...

### *Minh chứng về quê hương của triều đại văn trị và võ công trong lịch sử dân tộc*

Tỉnh Quảng Ninh là quê gốc nhà Trần, là một trong 3 trung tâm văn hóa của Đại Việt thời Trần (1226 - 1400), triều đại văn trị, võ công hiển hách bậc nhất trong lịch sử của dân tộc. Dưới thời Trần, nếu Thăng Long là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa; Thiên Trường - Long Hưng là trung tâm chính trị (Phủ Thiên Trường), văn hóa, tín ngưỡng thì An Sinh - Đông Triều<sup>(2)</sup> là trung tâm văn hóa, tín ngưỡng của nhà Trần. An Sinh là nơi nhà Trần xây dựng lăng tẩm, đền miếu, cũng là nơi khởi phát và là kinh đô của Phật giáo Trúc Lâm.

Bên cạnh tư liệu thành văn, hệ thống di tích đền, miếu, lăng tẩm nhà Trần tại Đông Triều là minh chứng sống động và chân xác nhất khẳng định Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh) là quê gốc của nhà Trần.

Hệ thống lăng tẩm các vua Trần gồm 7 lăng là nơi an táng và thờ phụng 8 vị vua: Tư Phúc lăng là nơi thờ thần vị vua Trần Thánh Tông và vua Trần Thái Tông; Thái lăng là nơi an táng vua Trần Anh Tông và hoàng hậu Thuận Thánh Bảo Từ; Mục lăng là nơi an táng vua Trần Minh Tông; Ngải Sơn lăng là nơi an táng vua Trần Hiến Tông; Phụ Sơn lăng là nơi an táng vua Trần Dụ Tông; Nguyên lăng là nơi an táng vua Trần Nghệ Tông và Hy lăng

(1) Xem: Quyết định số 3929/QĐ-UBND, ngày 14-10-2020, của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, về việc phê duyệt Danh mục di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(2) Năm 1237, sau “biến loạn sông Cái”, vua Trần Thái Tông đem đất 5 xã An Phụ, An Dưỡng, An Sinh, An Hưng, An Bang giao cấp cho anh là Trần Liễu làm đất thang mộc và đổi tên gọi vùng đất thang mộc thành An Sinh, đồng thời phong cho Trần Liễu là An Sinh vương. Dưới thời vua Trần Dụ Tông, vùng đất An Sinh đổi tên gọi thành Đông Triều

là nơi an táng vua Trần Duệ Tông. Trong số 7 lăng tẩm vua Trần tại Đông Triều thì Thái lăng là lăng đầu tiên được xây dựng (năm 1320), các lăng được xây dựng sau đó là: Mục lăng (năm 1357); Ngải Sơn lăng (năm 1344); Phụ Sơn lăng (năm 1369 - 1370), Hy lăng (năm 1377), Tư Phúc lăng (năm 1381). Nguyên lăng là lăng cuối cùng được xây dựng tại đây (năm 1394).

Nhà Trần có hai khu lăng tẩm, khu lăng tẩm thứ nhất ở phủ Long Hưng nay thuộc địa bàn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và khu thứ hai tại An Sinh nay thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Khu lăng tẩm tại Long Hưng được khởi dựng vào năm Giáp Ngọ (năm 1234), gồm 4 lăng: Thọ lăng (sau đổi gọi là Hy lăng) của vua Trần Thái tổ Trần Thừa; Chiêu lăng của vua Trần Thái Tông Trần Cảnh; Dụ lăng của vua Trần Thánh Tông Trần Hoảng; Đức lăng của vua Trần Nhân Tông Trần Khâm và hoàng hậu. Từ năm 1320, vua Trần Anh Tông chọn An Sinh thay cho Long Hưng để làm nơi xây dựng lăng tẩm, các vua tiếp sau cũng chọn đất An Sinh là nơi xây dựng lăng tẩm của mình. Việc chọn An Sinh làm nơi xây dựng lăng tẩm là thể hiện tư tưởng “lá rụng về cội”, bởi An Sinh là quê gốc của nhà Trần. Năm 1381, lăng tẩm các vua ở Long Hưng được di dời về An Sinh, việc di dời lăng tẩm từ Long Hưng về An Sinh vừa để tránh sự phá hoại của quân Chăm-pa, đồng thời cũng là sự tiếp nối và hoàn thiện nguyện vọng “lá rụng về cội” đó.

Trải qua thời gian và những biến thiên của lịch sử, hầu hết lăng tẩm các vua Trần tại An Sinh chỉ còn là phế tích. Tuy nhiên, những cuộc khai quật, nghiên cứu khảo cổ học đã cho phép nhận diện cấu trúc, quy mô và những giá trị tiêu biểu của lăng tẩm các vua Trần. Theo đó, lăng tẩm các vua Trần ở Đông Triều được quy hoạch và xây dựng trên khu vực có địa thế và cảnh quan đẹp theo quan niệm phong thủy phương Đông, với hậu chẩm có núi cao, minh đường tụ thủy, tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ. Cấu trúc lăng tẩm được xây dựng theo hai mô hình: lăng tẩm mô phỏng Mandala và lăng tẩm mô phỏng cấu trúc đô thành. Cấu trúc và quy mô của lăng tẩm thể hiện tư tưởng lấy cao to thể hiện vị trí, đẳng cấp; dùng vật chất để thể hiện và truyền đạt quan niệm về vũ trụ quan. Đặc trưng nổi bật của tẩm điện trong lăng tẩm thời Trần là “đăng đôi, hướng tâm và đa tầng. *Chính tẩm* được đặt ở giữa trên cấp nền cao nhất, bao quanh *Chính tẩm* là sân, tiếp đến là lớp kiến trúc kết nối liên hoành bao quanh *Chính tẩm*. *Chính tẩm*, nơi đặt bài vị có cấu trúc giống như Phật điện (Saitya)”<sup>(1)</sup>.

(1) Nguyễn Văn Anh: *Quần thể di tích lăng tẩm các vua Trần tại Đông Triều (Quảng Ninh)*, Luận án tiến sĩ, 2018, Thư viện Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, LA-V.0055, tr. 182 - 183

Hệ thống đền, miếu của nhà Trần hiện còn lại là đền An Sinh và Thái miếu. Những kết quả khai quật và khảo cổ học được tiến hành tại An Sinh và Thái miếu cho thấy, Thái miếu của nhà Trần tại Đông Triều do An Sinh vương Trần Liễu xây dựng khi ông làm vương của vùng đất An Sinh. Sau khi An Sinh vương mất, nhà Trần tiếp tục duy trì thờ phụng, các vua Trần sau khi mất cũng được thờ phụng trong Thái miếu tại Đông Triều. Đến khoảng thế kỷ XV, sau thời gian dài không được thường xuyên chăm sóc, Thái miếu bị mai một, việc thờ tự các vua Trần được rước về thờ tại đền An Sinh. Đầu thế kỷ XX, trên nền cũ của Thái miếu, dân làng Đốc Trại (nay là làng Trại Lốc) cho dựng ngôi đình thờ các vua nhà Trần là Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Hiến Tông, Trần Dụ Tông và Trần Nghệ Tông làm thành hoàng của làng. Năm 2016, di tích Thái miếu được tu bổ và tôn tạo theo điển chế thờ tự Thái miếu. Hiện nay, Thái miếu nhà Trần tại Đông Triều là nơi thờ phụng 18 vị, bao gồm 4 vị được nhà Trần tôn phong làm hoàng đế (Mục tổ hoàng đế Trần Kinh; Ninh tổ hoàng đế Trần Hấp, Nguyên tổ hoàng đế Trần Lý) và 14 vị vua, trong đó có 12 vị vua triều Trần (Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Hiến Tông, Trần Dụ Tông, Trần Nghệ Tông, Trần Duệ Tông, Trần Thuận Tông, Xương Phù đế<sup>(1)</sup> và Kiến Tân đế<sup>(2)</sup>) và 2 vị vua thời Hậu Trần (Trùng Quang đế và Giản Định đế).

Đền An Sinh vốn là điện An Sinh, phủ đệ của An Sinh vương Trần Liễu. Khi An Sinh vương mất, nhà Trần tiếp thu và sử dụng phủ đệ này như một hành cung. Dưới thời Lê Trung hưng, Thái miếu và tấm điện tại các lăng vua Trần bị mai một, triều đình nhà Lê cho tu bổ, tôn tạo điện An Sinh làm nơi thờ phụng An Sinh vương và 4 vị vua Trần (Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Dụ Tông và Trần Nghệ Tông)<sup>(3)</sup>, vì vậy, đền còn được gọi là đền Ngũ vị hoàng đế triều Trần (đền thờ năm vị hoàng đế triều Trần)<sup>(4)</sup>. Đến thời Nguyễn, các vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông được rước về thờ tại An Sinh, từ đó đền đổi gọi là đền Bát vị hoàng đế triều Trần (đền thờ tám vị hoàng đế triều Trần). Từ năm 1997, đền An Sinh được tu bổ, tôn tạo cảnh quan, sân vườn; nội dung thờ tự cũng được điều chỉnh. Theo đó, các vua Trần được thờ ở Hậu cung, Trần Hưng Đạo, An Sinh vương và phu nhân được thờ tại Trung đường. Đền cũng có một phòng trưng bày giới

(1) Xương Phù là niên hiệu của vua Trần Phế đế

(2) Kiến Tân là niên hiệu của vua Trần Thiếu đế. Theo điển chế, những vua bị phế, không có miếu hiệu thì không được thờ tại Thái miếu. Khi tu bổ tôn tạo Thái miếu nhà Trần, xét thấy việc phụng thờ là thể hiện lễ nghĩa của người đời sau với tiền nhân, xét lễ theo nghĩa nên những vị này được tôn thờ trong Thái miếu

(3) Vào thời gian này, vua Lê, chúa Trịnh cũng cho tu bổ, tôn tạo lăng Tư Phúc và duy trì việc phụng thờ các vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông tại lăng Tư Phúc, vua Trần Nhân Tông được thờ tự tại Ngọa Vân cũng thuộc đất An Sinh. Vì vậy, các vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông không thờ tại đền An Sinh

(4) An Sinh vương được triều hậu Lê tôn xưng là hoàng đế

thiệu chung về di sản văn hóa nhà Trần tại Đông Triều và khu trưng bày, bảo quản một số di vật tiêu biểu của di tích. Lễ hội Thái miếu và lễ hội đền An Sinh hằng năm được tổ chức từ ngày 18 đến ngày 20-1 và từ ngày 20 đến ngày 22-8 (âm lịch), với nhiều hoạt động lễ và hội trang nghiêm, sôi động.

*Nơi lưu giữ những chiến công, là biểu tượng của lòng yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc không chịu làm nô lệ, không chịu mất nước*

Là miền địa đầu của Tổ quốc, “lá chắn” ở biên cương, với lợi thế “địa hình núi non tạo nên thành lũy, có sông dài uốn lượn tạo nên thắng địa. Đường thủy thông nhau, nối liền các trấn thành, sông khu cầu tháp là nơi người và vật tụ hội”, vùng đất Quảng Ninh là nơi hội tụ cư dân, đầu mối giao thông, nơi khởi phát phong trào yêu nước, chiến khu nuôi dưỡng và bảo vệ lực lượng,... nhưng cũng là cửa ngõ xâm nhập của những đoàn quân xâm lược, là chiến trường đọ sức chống lại những đoàn quân xâm lược. Vì vậy, Quảng Ninh là mảnh đất ghi dấu nhiều chiến công hiển hách, như dòng sông và cửa biển Bạch Đằng, là nơi khởi phát phong trào công nhân đầu thế kỷ XX, đệ tứ chiến khu trong kháng chiến chống Pháp,...

Trong lịch sử giữ nước của dân tộc ta, sông Bạch Đằng từng ba lần chứng kiến quân và dân ta chiến thắng oanh liệt quân xâm lược: năm 938 của Ngô Quyền; năm 981 của Lê Hoàn và đỉnh cao là chiến thắng năm 1288 của nhà Trần. Sông Bạch Đằng đã trở thành dòng sông lịch sử, cọc Bạch Đằng cũng trở thành biểu tượng truyền thống đánh giặc ngoại xâm bằng đường thủy của dân tộc Việt Nam. Những dấu vết vật chất của chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đã và đang được phát hiện, nghiên cứu, trong đó tiêu biểu nhất là dấu vết của các trận địa cọc. Bên cạnh các di tích bãi cọc là những di tích đền, miếu, nơi thờ phụng những người góp công sức trong trận chiến năm 1288 nằm dọc tả ngạn sông Bạch Đằng - Đá Vách, kéo dài từ thị xã Quảng Yên qua thành phố Uông Bí ngược đến thị xã Đông Triều.

Tại địa bàn thị xã Quảng Yên có nhiều di tích tiêu biểu, một số di tích đã được công nhận là di tích cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt như:

Bãi cọc Yên Giang: Ở vị trí cửa sông Chanh - một chi lưu của sông Bạch Đằng, thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên. Bãi cọc được phát hiện năm 1953, khai quật vào các năm 1958, 1969, 1976, 1984, 1988, tại đây đã phát hiện hàng trăm cọc gỗ.

Bãi cọc Đồng Vạn Muối: Ở vị trí cửa sông Rút - một nhánh của sông Bạch Đằng, thuộc phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, phát hiện năm 1958, khai quật năm 2005. Các cuộc khai quật tại Đồng Vạn Muối năm 2005 đã phát hiện tổng cộng 38 cọc gỗ trong 4 hố đào,

13 cọc lộ thiên trong các ruộng lúa và đầm nước phía nam doi đất xung quanh khu vực khai quật. Cọc xuất lộ ở độ sâu từ 140 đến 170cm, có cọc xuất lộ ở độ sâu 237cm. Mật độ cắm cọc rất dày, phổ biến cách nhau từ 40 đến 60cm, đặc biệt, một số cọc chỉ cách nhau khoảng từ 10 đến 30cm thường lệch và xen kẽ. Kích thước cọc thường không lớn, đường kính từ 7 đến 102cm, phần chân đẽo nhọn cao từ 25 đến 30cm.

Bãi cọc Đồng Má Ngựa: Ở vị trí cửa sông Kênh, sát với sông Rút, thuộc phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, phát hiện và khai quật lần đầu năm 2005, khai quật lần thứ hai năm 2010. Đợt khai quật năm 2005 phát hiện 23 cọc, nhô lên từ 10 đến 30cm so với bề mặt đáy ao, đường kính cọc không đồng đều, một số lớn từ 15 đến 30cm, nhiều cọc được cắm kiểu chéo cánh xẻ. Cuộc khai quật lần thứ hai năm 2010 đã phát hiện 58 cọc.

Bên cạnh di tích chiến trường là những bãi cọc đã được phát hiện, khu di tích chiến thắng Bạch Đằng còn có nhiều di tích kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo là các đình, đền được xây dựng ngay trên khu vực chiến trường nhằm tưởng niệm và ghi nhớ công đức của những người đã đóng góp công sức trong chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 như: đền Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà, bến Đò Rừng, đền Trung Cốc, đình Trung Bản, đình Yên Giang, đình Đền Công.

*Nơi lưu giữ thánh tích phản ánh hành trình xuất gia, tu hành, thành đạo và hóa Phật của vua Phật Việt Nam, kinh đô của Phật giáo Trúc Lâm*

Năm 1299, Thượng hoàng Trần Nhân Tông - vị vua thứ ba của nhà Trần, rời bỏ cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường về Yên Tử, lập thảo am trên ngọn Tử Tiêu, chính thức xuất gia tu hành theo Phật, lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà (sau đổi thành Trúc Lâm đại sĩ). Sau thời gian chuyên tâm tu hành, đắc đạo, Trúc Lâm đại sĩ xuống núi đi khắp xóm làng khuyên nhủ dân chúng từ bỏ tà đạo, tin vào chính pháp, thực hành thập thiện; thuyết pháp, độ tăng, tổ chức tăng đoàn, kết lập tông phái Trúc Lâm, trở thành tổ thứ nhất của thiền phái Trúc Lâm. Ông truyền giảng triết lý vui đạo giữa đời, không rời thế gian, sống giữa trần tục mà vẫn trong sáng. Năm 1304, trong chuyến du hành thuyết pháp, khi đi đến sông Nam Sách, Trúc Lâm đại sĩ gặp gỡ và tiếp nhận Kiên Cương, đặt hiệu là Pháp Loa - người mà sau này được ông truyền y, bát và trở thành tổ thứ hai của thiền phái Trúc Lâm. Tháng 7-1305, ông lên Bảo Đài, dựng thảo am tại ngọn Vân Phong, am nhỏ gọi là Ngọa Vân am. Tháng 11-1308, Trúc Lâm đại sĩ an nhiên hóa Phật ở tư thế sư tử nằm tại am Ngọa Vân, kết thúc trọn vẹn hành trình xuất gia tu hành, thành đạo, giảng pháp, độ tăng và hóa Phật của Trúc Lâm đại sĩ. Sau khi Trúc Lâm đại sĩ hóa Phật, Pháp Loa hỏa thiêu nhục thể thu hơn 3000 viên xá lị, vua Trần Anh Tông từ Thăng Long đến Ngọa Vân làm lễ, tôn xưng là “Đại

Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật”. Một phần xá lị được an trí trong bảo tháp Phật hoàng tháp tại Ngọa Vân, số còn lại được vua Trần Anh Tông rước về an trí tại bảo tháp chùa Tư Phúc trong hoàng cung Thăng Long, sau đó xá lị được phân phát đi các nơi. Tại Quảng Ninh, ngoài Ngọa Vân, xá lị của Phật hoàng Trần Nhân Tông còn được an trí tại Huệ Quang kim tháp (tức tháp Tổ) chùa Hoa Yên và bảo tháp chùa Quỳnh Lâm.

Hành trình xuất gia, tu hành đắc đạo, giảng pháp độ tăng, an nhiên hóa Phật ở thế sư tử nằm và phân phát xá lị của Trúc Lâm Điều Ngự Phật Hoàng Trần Nhân Tông mô phỏng quá trình xuất gia tu hành, thành đạo, hóa Phật và phân phát xá lị của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Những địa điểm đánh dấu quá trình này là những thánh tích. Vân Tiêu, Vân Yên (Hoa Yên), Ngọa Vân và những nơi an trí xá lị là nơi lưu dấu thánh tích, ghi dấu cuộc đời tu hành, thành đạo của Phật hoàng Trần Nhân Tông, trong hành trình ấy, Yên Tử là nơi xuất gia, thành đạo và Ngọa Vân là nơi kết thúc trọn vẹn hành trình đắc đạo. Cùng với hệ tư tưởng vui đạo giữa đời, hình ảnh một vị minh quân từ bỏ lâu son gác tía tu hành thành Phật có sức cảm hóa to lớn đối với bách gia trăm họ. Hành hương về thánh tích là cách để cảm nhận và nhất tâm hướng đến đức Phật. Do vậy, Ngọa Vân, Yên Tử là nơi tu hành, thánh địa của Phật giáo Việt Nam.

### *Cửa ngõ giao thương*

Với vị trí địa chiến lược, thông thủy bộ kết nối vùng biển với lục địa và kinh thành Thăng Long hết sức thuận tiện, vùng đất Quảng Ninh từ rất sớm đã là cửa ngõ giao thương của Việt Nam, là nơi đón nhận và hội nhập nhiều yếu tố văn hóa từ bên ngoài.

Năm Đại Định thứ 10 (năm 1049), vua Lý Anh Tông cho lập trang Vân Đồn làm nơi thuyền buôn các nước đến buôn bán. Việc buôn bán ở Vân Đồn do nhà nước kiểm soát, khách buôn ở Vân Đồn gồm thuyền buôn đến từ nhiều nước, như Trung Hoa<sup>(1)</sup>, Xiêm, Java và Lộ Lạc<sup>(2)</sup>. Các mặt hàng được trao đổi tại Vân Đồn hết sức phong phú, đa dạng và theo mùa. Thuyền buôn nước ngoài mang đến đây nhiều mặt hàng: thuyền buôn Trung Hoa mang đến tơ lụa, đồ sứ, thuốc bắc; thuyền buôn các nước khác chủ yếu là mang công phương vật, hoặc dị vật. Thuyền này chủ yếu đến Vân Đồn để ăn hàng hơn là mang hàng đến đây để trao đổi. Các mặt hàng mà Đại Việt cung cấp cho khách buôn các nước gồm:

(1) Khách buôn Trung Hoa thường được gọi chung là người phương Bắc

(2) Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t. 2, tr. 131: Năm 1348, “thuyền buôn nước Chà Bà, đến hải trang Vân Đồn mua trộm ngọc trai”; năm 1349, “nước Đại Oa đến công phương vật và chim vẹt mỏ đỏ biết nói”. Chà Bò, Đại Oa, Chà Bà đều là phiên âm của Java

các loại lâm, thổ sản; đồ gốm sứ, sành, tơ lụa và đặc biệt là ngọc trai, đồi mồi. Từ Vân Đồn, khách buôn ngoại quốc được cấp phép có thể vào sâu trong nội địa và vào Thăng Long. Do đó, Vân Đồn vừa là cửa ngõ của Thăng Long, kết nối Thăng Long, Đại Việt với bên ngoài nhưng đồng thời cũng là “người gác cổng” từ xa của Thăng Long.

*Những giá trị tinh thần được hun đúc và kết tinh qua nhiều thế hệ*

Bên cạnh di sản văn hóa vật thể, tỉnh Quảng Ninh còn sở hữu một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể bao gồm nhiều loại hình khác nhau. Theo thống kê chưa chính thức, toàn tỉnh có trên 200 lễ hội truyền thống. Các lễ hội gắn liền với di tích, danh thắng trên địa bàn. Lễ hội là sinh hoạt văn hóa tổng hợp, kết tinh những giá trị văn hóa tinh thần và vật chất của người dân được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử. Lễ hội là một bảo tàng tổng hợp các di sản văn hóa hiện hành trong đời sống đương đại và là chất keo gắn kết quá khứ, hiện tại và tương lai. Thực hành các nghi lễ và các trò trong lễ hội là cách để con người trở về nguồn cội, tưởng nhớ và tri ân công đức của tiền nhân và tôn vinh những vị “Thần” - những lực lượng siêu nhiên và những anh hùng dân tộc đã được thiêng hóa. Trong khoảng thời gian thiêng và không gian thiêng của lễ hội, con người khai phóng tâm tư, tự thể hiện mình, giao lưu “cộng cảm”, “cộng mệnh” và trao truyền đạo lý, tình cảm, khát vọng thúc đẩy tính cố kết cộng đồng, tình yêu quê hương, đất nước, khơi dậy lòng biết ơn, niềm tự hào về nguồn cội dân tộc và lịch sử anh hùng của đất nước.

Tỉnh Quảng Ninh với bề dày lịch sử văn hóa và nơi địa đầu đất nước, là vùng đất của nhiều lễ hội cổ truyền lớn được diễn ra hằng năm trong nhiều ngày tại những di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng, như hội xuân Yên Tử (thành phố Uông Bí), lễ hội chùa Quỳnh Lâm, chùa Ngọa Vân, Thái miếu (thị xã Đông Triều), lễ hội đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả). Tại nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo không có lễ hội cũng tổ chức các nghi lễ thu hút hàng triệu lượt nhân dân và du khách thập phương về tham dự, chiêm bái. Nổi bật và độc đáo nhất trong những giá trị, lợi ích của lễ hội ở tỉnh Quảng Ninh chính là nhóm giá trị và lợi ích về tính cố kết cộng đồng các dân tộc anh em và khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải quốc gia.

Lễ hội truyền thống của tỉnh Quảng Ninh là loại hình di sản sống, phong phú, đa dạng, chong xếp nhiều lớp văn hóa, nhiều hệ thống biểu tượng với vai trò tạo sự hòa hợp, thăng hoa, sự hội tụ tính thiêng với tính nghệ thuật, tính nghi thức, với những giá trị như cố kết cộng đồng, hướng về nguồn cội, cân bằng đời sống tâm linh, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, thẩm mỹ, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc... Theo đó, đã trở thành “thời điểm mạnh” trong cuộc sống cộng đồng và là một nguồn tài nguyên đa lợi ích có vai trò quan trọng trong phát triển bền vững hiện nay.



## PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA - NGUỒN TÀI NGUYÊN, ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH QUẢNG NINH

Di sản văn hóa là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa hiện tại và tương lai, là nền tảng tạo dựng và phát triển nguồn nhân lực. Một cộng đồng không có quá khứ là một cộng đồng sở hữu một tương lai vô định. Với số lượng phong phú và đa dạng về loại hình, di sản văn hóa là nền tảng vững chắc cho sự phát triển, tạo dựng bản lĩnh con người Quảng Ninh. Với đặc điểm là sự kết tinh các giá trị văn hóa của nhiều thế hệ và được trao truyền liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, tạo dựng giá trị, bản sắc con người từ khi còn nằm trong nôi, tạo dựng bản lĩnh văn hóa trước khi tiếp xúc và giao lưu với các nền văn hóa khác. Trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ và tác động sâu rộng như hiện nay, để trở thành chủ thể văn hóa có bản lĩnh, sáng tạo, hòa nhập mà không bị hòa tan thì trước hết, các chủ thể ấy phải có bản sắc, bản lĩnh văn hóa. Bản lĩnh, bản sắc văn hóa được hun đúc từ sự tiếp thu và kế thừa các giá trị văn hóa thế hệ trước và không ngừng được bồi đắp. Do vậy, xây dựng nguồn lực con người phải bằng và trên nền tảng của văn hóa, trong đó, những giá trị tinh thần và vật chất của tiền nhân đóng vai trò nền tảng đặc biệt quan trọng.

Di sản văn hóa là nguồn tài nguyên phục vụ phát triển bền vững, động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Trong những năm vừa qua, tỉnh Quảng Ninh đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, trong đó, dịch vụ, du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Cảnh quan thiên nhiên, di sản và danh thắng là nhân tố quan trọng hàng đầu thu hút khách du lịch của tỉnh Quảng Ninh, là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế du lịch, dịch vụ phát triển. Theo thống kê, nguồn nhân lực ở khu vực dịch vụ, du lịch của tỉnh tăng từ 36,7% (năm 2015) lên 41,9% (năm 2020); giai đoạn 2011 - 2015, doanh thu du lịch chiếm 5,1%, đến giai đoạn 2016 - 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nhưng doanh thu du lịch đạt 7,1%, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành là 11,9%/năm<sup>(1)</sup>.

Các thống kê cũng cho thấy, khách du lịch đến với tỉnh Quảng Ninh chủ yếu bao gồm các nhóm: 1- Tham quan cảnh quan khám phá Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long; 2- Du lịch văn hóa, tâm linh, trong đó đặc biệt là hành hương về miền thánh tích Phật giáo Trúc Lâm (với các điểm đến tiêu biểu như: Yên Tử, Ngọa Vân, Quỳnh Lâm) và các di tích

(1) Xem: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025

lịch sử - văn hóa, tâm linh khác, như đền Cửa Ông, di tích Bạch Đằng; 3- Du lịch khám phá cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và văn hóa tộc người tại khu vực huyện Bình Liêu, huyện Tiên Yên; 4- Du lịch thương mại cửa khẩu. Trong 4 nhóm nêu trên, du lịch gắn với di sản văn hóa và thắng cảnh đóng vai trò quan trọng, dư địa để phát triển còn rất lớn. Theo đề án phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh, trong thời gian tới, du lịch theo bốn không gian trọng điểm: Hạ Long, Uông Bí - Đông Triều - Quảng Yên, Vân Đồn - Cô Tô, Móng Cái. Dòng sản phẩm được chú trọng phát triển bao gồm: du lịch biển, đảo; du lịch văn hóa, tâm linh; du lịch cộng đồng, sinh thái; du lịch biên giới. Như vậy, trong 4 dòng sản phẩm trọng yếu của tỉnh, có 2 dòng gắn với di sản văn hóa là du lịch văn hóa, tâm linh và du lịch cộng đồng.

Có thể nói, tỉnh Quảng Ninh sở hữu kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng. *Giá trị* di sản là sự kết tinh các giá trị tinh thần và vật chất trong suốt chiều dài lịch sử, là nguồn tài nguyên quan trọng và bền vững của tỉnh.

Di sản văn hóa là nguồn tài nguyên quan trọng mang tính nền tảng để xây dựng và phát triển con người Quảng Ninh có bản sắc và bản lĩnh, đủ sức xây dựng, phát triển và hội nhập với thế giới. Do vậy, giá trị di sản trước hết là nguồn lực để tỉnh Quảng Ninh tiếp tục tạo lập giá trị tinh thần, xây dựng và phát triển con người, từ đó tạo dựng giá trị vật chất và những giá trị xung quanh nó. Đây là nguồn lực quan trọng cho việc xây dựng trụ cột “con người” và “văn hóa” nhằm cụ thể hóa mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

Di sản văn hóa còn là nguồn tài nguyên, động lực quan trọng cho phát triển du lịch, dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh. Di tích, danh thắng và các giá trị tinh thần của văn hóa, con người Quảng Ninh tạo nên sức hút đối với khách du lịch tìm hiểu và khám phá. Bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản là động lực để tỉnh Quảng Ninh đạt được mục tiêu “phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh”. ❖

## VĂN HÓA BIỂN, ĐẢO - NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG CHO PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG TỈNH QUẢNG NINH

MAI THỊ HƯƠNG GIANG

*ThS, Tạp chí Cộng sản*

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu nghèo” là một trong ba khâu đột phá chiến lược. Nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa trong mọi lĩnh vực của đời sống, tỉnh Quảng Ninh dành nhiều nguồn lực đầu tư bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm trên địa bàn; đẩy mạnh công tác sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa đậm đà bản sắc thành các sản phẩm du lịch đặc sắc, đặc biệt là các giá trị văn hóa biển, đảo.

### ĐỘC ĐÁO VĂN HÓA BIỂN, ĐẢO QUẢNG NINH

Theo GS, TSKH Vũ Minh Giang (Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia), văn hóa biển đảo là một khái niệm rộng, bao gồm cả văn hóa các vùng duyên hải và là tất cả những gì do con người sáng tạo ra. Còn GS, TS Nguyễn Chí Bền, nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam cho rằng, *văn hóa biển, đảo là tổng thể những sáng tạo hữu hình và vô hình của con người vùng biển, đảo trong quá trình sống, khai phá, thích ứng với môi trường biển, đảo Việt Nam, giao lưu, tiếp biến với văn hóa biển, đảo của các quốc gia khác, được trao truyền từ thế hệ trước qua thế hệ sau, thể hiện bản sắc của con người ở không gian biển, đảo.*

Quảng Ninh là tỉnh có đường bờ biển dài 250km, chạy qua các đơn vị hành chính: huyện Yên Hưng, thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, thành phố Cửa Ông, huyện Hải Hà, huyện đảo Vân Đồn, huyện Đàm Hà. Vùng biển và hải đảo của tỉnh Quảng Ninh là một vùng địa hình độc đáo với hơn hai nghìn hòn đảo chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước (2.078/2.779). Có những đảo rất lớn như đảo Cái Bàu, Bản Sen, lại có đảo chỉ như một hòn non bộ. Có hai huyện hoàn toàn là đảo, đó là huyện Vân Đồn và huyện Cô Tô<sup>(1)</sup>.

(1) Theo <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinhthanhchitiet.aspx?idTinhThanh=32>

Vùng ven biển và hải đảo Quảng Ninh, ngoài những bãi bồi phù sa còn những bãi cát trắng tấp lên từ sóng biển. Có nơi thành mỏ cát trắng làm nguyên liệu cho công nghệ thủy tinh (Vân Hải), có nơi thành bãi tắm tuyệt vời (như Trà Cổ, Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng...). Địa hình đáy biển Quảng Ninh không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 20m. Có những lạch sâu là di tích các dòng chảy cổ và có những dải đá ngầm làm nơi sinh trưởng các rạn san hô rất đa dạng. Các dòng chảy hiện nay nối với các lạch sâu đáy biển còn tạo nên hàng loạt luồng, lạch và hải cảng trên dải bờ biển khúc khuỷu kín gió nhờ những hành lang đảo che chắn, tạo nên một tiềm năng cảng biển và giao thông đường thủy rất lớn<sup>(1)</sup>.

Trong lịch sử, vùng biển, đảo Đông Bắc thường xuyên phải đối mặt với những biến đổi, thách thức của môi trường chính trị khu vực, thế giới. Đây vừa là cửa ngõ bang giao, vừa là hệ thống phòng vệ tiền tiêu trọng yếu của Tổ quốc. Phòng tuyến này có chức năng thu thập, phân tích thông tin, đồng thời là nơi đầu tiên phát hiện, ngăn chặn những cuộc xâm nhập theo đường bờ biển của các thế lực thù địch trong khu vực. Trong quan hệ khu vực, cùng với tuyến hải trình ven bờ, còn có tuyến đường biển thứ hai từ đại dương vào vùng quần đảo Cô Tô, qua Cửa Đồi, đi dọc theo sông Đông Kênh đến Cái Làng, Quan Lạn, tiếp tục tiến về hướng Tây Nam đến Cống Đông, Cống Tây, Cửa Lục và vùng cửa sông Bạch Đằng. Các thuyền buôn, vận tải,... từ khu vực Đông Bắc Á đến nước Đại Việt thường đi theo tuyến này. Trên thực tế, sau khi tuyến giao thương duyên hải được khai mở, nhiều quốc gia Đông Á, Tây Nam Á đã cho thuyền qua vùng Cô Tô, Cửa Đồi, Ngọc Vũng để vào Vân Đồn - trung tâm kinh tế đối ngoại trọng yếu của quốc gia Đại Việt<sup>(2)</sup>.

Những yếu tố trên là môi trường để hình thành nền văn hóa biển, đảo đặc sắc, đa dạng; là điều kiện “vốn quý” đã và đang được giữ gìn, phát huy giá trị, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh trong tình hình mới. Theo đó, văn hóa biển, đảo của tỉnh Quảng Ninh là tập hợp các phong tục, tập quán, lối sống, kho tàng tri thức dân gian, thực hành tín ngưỡng được hình thành từ nhu cầu phải thích ứng với điều kiện tự nhiên đặc thù khai thác nguồn lợi từ biển khơi tham gia giữ vững chủ quyền biển đảo<sup>(3)</sup>.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có 6 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, trong đó có 4 lễ hội gắn liền với biển và không gian văn hóa biển, đảo, gồm: 1- Lễ hội đền Cửa Ông (Cẩm Phả); 2- Lễ hội Tiên Công (Quảng Yên); 3- Lễ hội đình Trà Cổ (Móng Cái); 4- Lễ hội đình Quan Lạn (Vân Đồn). Ngoài ra, còn có Lễ hội đình - nghề Cẩm Hải (Cẩm Phả), Lễ hội đình làng My Sơn (Hải Hà)... Những lễ hội này là nơi tập hợp các phong tục, tập quán truyền thống, thích ứng với thiên nhiên; đồng thời, thể hiện trách nhiệm và tình yêu biển, đảo, chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc. Điển hình như Cụm di tích đình, miếu, nghề, chùa

Quan Lạn (huyện Vân Đồn) là nơi thờ phụng 3 vị tướng tài của triều Trần là Phạm Công Chính, Phạm Thuần Dụng và Phạm Quý Công đã anh dũng hy sinh trong trận chiến trên biển với quân đội phương Bắc xâm lược năm 1288; đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả), đền Cặp Tiên (huyện Vân Đồn) gắn liền với danh tướng Trần Quốc Tảng và các chiến công của quân, dân nhà Trần để bảo vệ vùng biển Bái Tử Long - Hạ Long, giúp nhân dân yên tâm lao động, sinh sống...

Ngoài ra, các sinh hoạt văn hóa cộng đồng để gia tăng tinh thần gắn kết cộng đồng, sẵn sàng hỗ trợ, hợp tác để bám biển hiệu quả, bảo vệ ngư trường cũng là nét văn hóa biển, đảo được lưu truyền cho đến ngày nay thông qua những bài ca dao, điệu hát bình dị nhưng độc đáo, mang bản sắc riêng. Tiêu biểu như hát nhà tơ - hát múa cửa đình ở Vạn Ninh (thành phố Móng Cái), hát giao duyên của ngư dân trên vịnh Hạ Long, hát đúm ở Hà Nam (thị xã Quảng Yên), hò biển ở huyện Vân Đồn... Văn hóa biển, đảo của tỉnh Quảng Ninh còn tồn tại trong những kinh nghiệm, sáng tạo của con người trong quá trình lao động, sinh sống hòa hợp với thiên nhiên, điển hình là những sáng tạo trong công việc đóng tàu, thuyền, đan lưới, chế biến hải sản, làm nước mắm, làm muối, làm chả mực...

Có thể thấy, di sản văn hóa biển, đảo tỉnh Quảng Ninh khá phong phú. Ngoài cảnh quan độc đáo của vịnh Hạ Long - 2 lần được Tổ chức Văn hóa - Giáo dục - Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới, còn có các di tích lịch sử, văn hóa, các loại hình nghệ thuật truyền thống, các di chỉ khảo cổ học, phong tục tập quán... Đặc biệt, với gần 50 di tích lịch sử, văn hóa là chùa, đình, đền, miếu có quy mô cấp tỉnh và cấp quốc gia, hàng chục lễ hội truyền thống tiêu biểu đã tạo nên một bức tranh tổng thể về vùng văn hóa đặc sắc này.

### **KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA BIỂN, ĐẢO ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc diễn ra tháng 11-2022, trong bài phát biểu, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là một lợi thế cực kỳ to lớn để chúng ta tăng cường lòng tự hào dân tộc, quyết tâm đổi mới và chấn hưng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới. Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định phát triển văn hóa, con người Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc. Văn hóa được coi là “sức mạnh mềm” trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, tỉnh Quảng Ninh coi trọng xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng “Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc”. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh

lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định chú trọng việc bảo tồn, phát huy vốn quý văn hóa biển, đảo gắn với phát triển du lịch bền vững, tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo. Đây là một trong những tiềm năng, lợi thế lớn của tỉnh Quảng Ninh góp phần phát triển nhanh và bền vững.

Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-2-2023, của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” nêu rõ: Xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành một trung tâm kinh tế biển bền vững của cả nước trên cơ sở phát triển du lịch - dịch vụ kết nối khu vực và quốc tế; đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển nước sâu, các âu tàu du lịch đẳng cấp quốc tế gắn với phát triển kinh tế chuỗi, khu kinh tế, khu đô thị biển - ven biển cận kề và là một trong những trung tâm logistics trọng điểm của cả nước. Đồng thời, xây dựng tỉnh Quảng Ninh thành một trong những cửa ngõ trung chuyển hướng biển của khu vực; tăng khả năng liên kết không gian kinh tế ven bờ, biển và đảo, tạo động lực phát triển cho vùng Đông Bắc và cả nước, trong đó, quy hoạch không gian ven biển, ven bờ (ven đảo lớn) cho phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn kết hợp chặt chẽ với công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp và phát triển kinh tế biển, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác, đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, nhất là ở các khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo<sup>(1)</sup>.

Riêng về du lịch biển đảo, ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh đã chủ động nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tổng thể về quản lý, phát triển sản phẩm du lịch biển đảo Hạ Long - Bái Tử Long - Vân Đồn - Cô Tô, được phê duyệt tại Quyết định số 4686/QĐ-UBND, ngày 21-12-2020, của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Tỉnh Quảng Ninh xác định 4 dòng sản phẩm du lịch: 1- Du lịch biển, đảo; 2- Du lịch văn hóa, tâm linh; 3- Du lịch sinh thái cộng đồng; 4- Du lịch biên giới, tận dụng thế mạnh về tài nguyên tự nhiên và văn hóa, trong đó quy hoạch không gian ven biển, ven bờ (ven đảo lớn) cho phát triển du lịch bền vững kết hợp phát triển các lĩnh vực kinh tế - dịch vụ dựa vào bảo tồn biển là thế mạnh vượt trội ở Quảng Ninh. Trong đó, du lịch tâm linh, văn hóa biển, đảo cũng là những đặc trưng mang đến thương hiệu biển Quảng Ninh, như tham quan bãi cọc Bạch Đằng, miếu vua Bà, đền Trần Hưng Đạo, lễ hội Tiên Công (Quảng Yên), lễ hội đình Quan Lạn (Vân Đồn), lễ hội đền Cửa Ông (Cẩm Phả), lễ hội chùa Long Tiên (Hạ Long), lễ hội đình Trà Cổ (Móng cái).

Có thể thấy, thương hiệu biển, đảo Quảng Ninh đang dần được khẳng định và tạo dấu ấn trong nước và khu vực bởi những giá trị mà thiên nhiên đã ban tặng cũng như những giá trị

(1) Xem: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207428>

văn hóa mà những bậc tiền nhân đã để lại. Phát huy những lợi thế đó, Quảng Ninh chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào 3 trụ cột: Thiên nhiên, con người, văn hóa với xu thế hòa bình, hợp tác và hội nhập với cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; kiên trì không gian phát triển “một tâm, hai tuyến, đa chiều, hai mũi đột phá”...

Thương hiệu biển, đảo Quảng Ninh còn được gắn với đa dạng hệ sinh thái biển, bởi ở đây đã được tìm thấy rất nhiều hệ sinh thái đặc hữu có trong sách đỏ của quốc gia và trên thế giới, như tùng, cọ, thiên tuế, hệ sinh thái rừng ngập mặn đã góp phần làm phong phú và đa dạng các loài thủy, hải sản ven biển của Quảng Ninh, tạo ra cảnh quan và môi trường sinh thái bền vững. Điều này góp phần làm cho thương hiệu du lịch biển, đảo Quảng Ninh tăng tính hấp dẫn, thu hút du khách quốc tế và nội địa, mở ra cơ hội giao lưu, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, các sản phẩm, dịch vụ du lịch biển, đảo Quảng Ninh chưa thật sự bền vững; còn nhiều tài nguyên du lịch biển, đảo có giá trị nổi bật nhưng chưa phát triển được sản phẩm tương xứng; nhiều lễ hội truyền thống vùng biển, đảo bị mai một; di tích lịch sử, văn hóa kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên đang bị xuống cấp, biến dạng nghiêm trọng do sự tác động thường xuyên của thiên nhiên và con người; một số công trình đã và đang bị chiếm dụng trái phép, tình trạng xâm phạm tại nhiều di tích vẫn tồn tại; hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị phong tục, tập quán các vùng biển, đảo còn gặp nhiều khó khăn; chưa có những sản phẩm văn hóa, sự kiện văn hóa, dịch vụ văn hóa mới, đáp ứng kịp thời nhu cầu văn hóa ngày càng cao của đông đảo cư dân sinh sống ở vùng biển, đảo...

### **HƯỚNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Nguồn lực văn hóa được xem là nguồn lực đặc biệt, là sức mạnh thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một trong những mục tiêu quan trọng được Đảng ta xác định là xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; xây dựng văn hóa thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nguồn lực văn hóa - vốn văn hóa không đứng ngoài kinh tế, chính trị, xã hội trong quá trình phát triển đất nước. Văn hóa có sứ mệnh làm nền tảng, làm mục tiêu cho phát triển kinh tế - xã hội. Cho nên, nguồn lực văn hóa trở thành nguồn lực đặc biệt, khơi dậy, thúc đẩy các nguồn lực khác, tạo sức mạnh tổng hợp trong phát triển bền vững đất nước. Nguồn lực sản phẩm văn hóa là nguồn lực được kết tinh bởi vốn tài nguyên thiên nhiên ban tặng, được vật thể hóa thành các sản phẩm vật chất chứa đựng những giá trị văn hóa phi vật thể,

bao gồm di tích lịch sử, văn hóa, các danh lam thắng cảnh,... với các sản phẩm văn hóa sáng tạo của con người.

Văn hóa Quảng Ninh phong phú, giàu bản sắc, bởi có sự tổng hòa các phong tục, tập quán, lối sống, kho tàng tri thức dân gian, thực hành tín ngưỡng, kinh nghiệm lao động của 22 dân tộc, sinh sống theo cộng đồng dân cư phân bố khắp địa bàn rộng lớn, có cả biển, đảo, núi rừng, biên giới,...; đồng thời, trải qua các thời kỳ văn hóa cổ, các triều đại phong kiến, kháng chiến cách mạng, sự hình thành và phát triển của ngành than và giai cấp thợ mỏ... Nguồn vốn, tài nguyên văn hóa đã hình thành nên đặc trưng con người Quảng Ninh với những phẩm chất tốt đẹp, qua các thế hệ luôn kiên cường trước thử thách của tự nhiên, dũng cảm bảo vệ vững chắc vùng biên cương, biển, đảo của Tổ quốc, sáng tạo trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Xác định vai trò quan trọng của văn hóa nói chung, văn hóa biển, đảo nói riêng đối với sự phát triển toàn diện, những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều giải pháp trong việc gìn giữ giá trị truyền thống, làm giàu thêm bản sắc văn hóa phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. Ngày 9-3-2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU “Về xây dựng và phát triển văn hóa con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”. Nghị quyết chính là cơ sở, đặt ra nhiệm vụ, mục tiêu, đòi hỏi sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị trong việc quan tâm, dành nguồn lực đầu tư, xây dựng và phát triển văn hóa toàn diện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ với những dấu ấn đặc sắc của Vùng mỏ. Từ nghị quyết này, các ngành, địa phương trong toàn tỉnh đã có sự phối hợp, thống nhất hành động một cách quyết liệt, chặt chẽ, nhằm gìn giữ và phát huy bền vững giá trị truyền thống, đầu tư có trọng tâm để phát triển văn hóa trong thời kỳ hội nhập toàn cầu, trong đó có văn hóa biển, đảo.

Tháng 8-2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU xác định xây dựng văn hóa tiếp tục là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ninh trong tình hình mới. Đây cũng là định hướng đã nêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22-10-2018) thì gìn giữ giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đi đôi với xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển; bảo đảm quyền tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với phát triển bền vững kinh tế biển trên cơ sở công bằng, bình đẳng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật... là một trong



những quan điểm chủ đạo trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây chính là cơ hội để du lịch biển, đảo Quảng Ninh phát huy được tiềm năng và thế mạnh, khẳng định được ưu thế, nét khác biệt so với các địa phương có du lịch biển, đảo khác.

Theo đó, tỉnh Quảng Ninh cần phát triển và làm mới các sản phẩm du lịch kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, mang đậm bản sắc các sản phẩm truyền thống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh cũng như sự phát triển du lịch của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại ngành du lịch theo hướng đẩy mạnh kết nối vùng, miền, kết nối với cả nước và kết nối với khu vực, bảo đảm đồng bộ, liên kết giữa ngành du lịch với các ngành khác trong chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch gắn với phát triển xanh, bền vững; đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch đa dạng, chất lượng, khả năng cạnh tranh cao. Phát triển sản phẩm, quảng bá xúc tiến du lịch chuyên nghiệp, hiệu quả, thúc đẩy chuyển đổi số trong du lịch. Đầu tư xây dựng sản phẩm du lịch Quảng Ninh trên cơ sở khai thác lợi thế tài nguyên Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, các di tích quốc gia đặc biệt, bảo vật quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, giải trí trên địa bàn tỉnh hướng tới xuất khẩu văn hóa.

Bên cạnh đó, tăng cường liên kết thúc đẩy du lịch nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ; hướng đến phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới, gắn kết với các trung tâm du lịch lớn của cả nước và các nước trong khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á thông qua Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn và đường biển qua Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long. ❖

## **PHÁT HUY TINH THẦN “KỶ LUẬT VÀ ĐỒNG TÂM” - LINH HỒN CỦA VĂN HÓA CÔNG NHÂN MỎ, VĂN HÓA NGƯỜI DÂN ĐẤT MỎ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NINH GIÀU ĐẸP**

**VŨ ANH TUẤN**

*Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh,  
Bí thư Đảng ủy Than Quảng Ninh,  
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam*

Trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, các thế hệ lãnh đạo của tỉnh và tập đoàn luôn khẳng định: “Tỉnh Quảng Ninh với Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam là một”, “Trong mối quan hệ giữa tỉnh với các doanh nghiệp trên địa bàn, thì với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là khác biệt”, trong đó mối quan hệ văn hóa thợ mỏ “*Kỷ luật và đồng tâm*” là mối quan hệ máu thịt, xuyên thống.

Khẩu hiệu “*Kỷ luật và đồng tâm* chúng ta nhất định thắng” là ngọn đuốc soi đường, tập hợp đông đảo công nhân vùng mỏ Quảng Ninh đứng lên đấu tranh với chủ mỏ, thực dân Pháp vào tháng 11-1936 và giành thắng lợi vẻ vang. Khi nói và viết về cuộc tổng bãi công của hơn 3 vạn thợ mỏ năm ấy, tất cả đều phải trân trọng nhắc đến cụm từ “*Kỷ luật và đồng tâm*”, vì nó có ý nghĩa sâu sắc, tác động to lớn đến tâm tư, tình cảm cũng như đời sống xã hội của nhiều thế hệ thợ mỏ cùng nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho đến tận ngày hôm nay. Gần 87 năm qua, với bao biến cố thăng trầm của lịch sử, nhưng vượt lên tất cả, tinh thần “*Kỷ luật và đồng tâm*” vẫn lan tỏa sâu rộng trong văn hóa công nhân mỏ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, trong người dân đất mỏ Quảng Ninh với nhiều ý nghĩa tốt đẹp, tạo nên nét văn hóa “càng khó khăn càng đoàn kết chặt chẽ hơn, yêu thương, giúp đỡ nhau nhiều hơn”. Truyền thống văn hóa “*Kỷ luật và đồng tâm*” đã và sẽ mãi là

sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong sự nghiệp phát triển của ngành than, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại. Điều này được khẳng định qua những nội dung cơ bản sau:

*Một là, giá trị cốt lõi của văn hóa truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” là yếu tố quan trọng để ngành than ngày càng phát triển bền vững và luôn vượt qua khó khăn, thử thách.*

Đầu những năm 90 của thế kỷ XX còn có “than thổ phỉ” hoành hành bên cạnh xí nghiệp than do chính quyền sở tại quản lý, gây ra nhiều phức tạp về an ninh, trật tự, môi trường. Tình hình này đã làm phân tán, thất thoát tài nguyên quốc gia, hao phí lao động và đặc biệt là những tệ nạn xã hội có đất để lộng hành. Trước tình hình trên, ngày 10-10-1994, Tổng Công ty Than Việt Nam được thành lập, gần 2 năm sau, Đảng ủy Than Quảng Ninh ra đời theo Quyết định số 43-QĐ/TU, ngày 13-7-1996, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh. Với hệ thống chính trị dần ổn định, Tổng Công ty Than Việt Nam từng bước tập hợp các lực lượng làm than trên địa bàn Quảng Ninh, “xóa sổ than thổ phỉ”, đưa gần 5 vạn công nhân, viên chức, người lao động của tất cả các đơn vị làm than trên địa bàn vào ngôi nhà chung là Than Việt Nam. Tình hình tiếp tục được cải thiện theo hướng tích cực, ngày 26-12-2005, Chính phủ cho thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Dù tên gọi, mô hình có thay đổi, nhưng bản chất, giá trị cốt lõi, vai trò và ý nghĩa của văn hóa thợ mỏ “Kỷ luật và đồng tâm” vẫn được bảo tồn. Không những thế, còn được gọt giũa, bồi đắp để hoàn thiện hơn trong cơ chế mới. Đó là cơ sở để có thời điểm, Tập đoàn đã tập hợp tới hơn 12 vạn lao động ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trên mấy chục tỉnh, thành phố trong cả nước.

Truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” góp phần quan trọng để công nhân ngành than bút phá, vượt qua khó khăn, thách thức. Trong đó, có thể kể đến trận mưa lũ lịch sử cuối tháng 7, đầu tháng 8-2015 làm ngành than thiệt hại hơn một nghìn tỷ đồng, nhưng phát huy cao độ tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm”, đội ngũ công nhân ngành than đã cùng nhau đoàn kết, vượt qua khó khăn; tiếp đến là đợt dịch bệnh COVID-19 bùng phát kéo dài từ cuối năm 2019 đến quý I năm 2022, làm ảnh hưởng rất lớn tới đời sống, sinh hoạt của toàn xã hội, trong đó có ngành than, tiếp tục phát huy tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm”, đội ngũ công nhân, cán bộ ngành than tích cực, quyết liệt cùng nhau chống dịch, linh hoạt, sáng tạo trong lao động sản xuất. Trong 3 năm (từ năm 2020 đến năm 2022), ngành than đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đặc biệt, năm 2022 là năm thực hiện các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu nhập của người lao động... tốt nhất từ trước đến nay, qua đó đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Nhiều năm

qua, ngành than luôn tích cực, trách nhiệm tham gia công tác quy hoạch, *đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội* gắn với phát triển đô thị, công tác bảo vệ môi trường sinh thái khu vực nông thôn, thực hiện tốt chính sách phát triển hài hòa cùng với địa phương nơi các doanh nghiệp hoạt động và triển khai thực hiện chính sách kết nghĩa giữa các *đơn vị* với các xã nghèo, huyện nghèo trong tỉnh Quảng Ninh.

Qua lao động sản xuất, rất nhiều công nhân mỏ được phong Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang qua các thời kỳ. Hàng nghìn tấm gương “Người thợ mỏ - người chiến sĩ” theo lời Bác Hồ dạy “Ngành sản xuất than cũng như quân đội đánh giặc” được vinh danh tại các đơn vị. Số công nhân được kết nạp Đảng hằng năm luôn đạt tỷ lệ từ 4 đến 5% trên tổng số đảng viên của Đảng bộ Than Quảng Ninh, Đảng bộ Tập đoàn, đây chính là nguồn nhân lực “vừa hồng, vừa chuyên” cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành than - khoáng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

Kết quả sản xuất, kinh doanh của ngành than gần 40 năm đổi mới đã chứng minh văn hóa truyền thống “*Kỷ luật và đồng tâm*” luôn đồng hành với việc xây dựng, phát triển và trưởng thành. Minh chứng rõ nhất là sau mỗi lần thiên tai, dịch bệnh, tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất, tinh giản và bố trí lại lao động, sản xuất, kinh doanh lại phát triển mạnh mẽ hơn, công nhân, cán bộ phấn khởi hơn, thu nhập và chế độ phúc lợi cho công nhân được tăng lên, được chăm lo tốt hơn cả về vật chất và tinh thần.

Cùng với sự phát triển của ngành than, sự đổi thay từng ngày của vùng mỏ, đời sống của công nhân, thợ mỏ ngành than đã và đang được cải thiện rõ rệt. Thợ mỏ luôn kiên cường trong đấu tranh, sáng tạo trong lao động sản xuất, dám đương đầu với thử thách, vượt khó đi lên. Có thể nói, truyền thống “*Kỷ luật và đồng tâm*” đã tạo ra một nguồn sức mạnh vô cùng to lớn, là tài sản tinh thần vô giá của đội ngũ thợ mỏ ngành than và người dân đất mỏ Quảng Ninh.

*Hai là, giá trị cốt lõi của văn hóa truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” của công nhân mỏ không ngừng được lan tỏa, bồi đắp.*

Nói đến truyền thống văn hóa công nhân mỏ, ai cũng có thể nói ngay rằng, giá trị cốt lõi nhất, cao quý nhất, làm nên thành công của đội ngũ thợ mỏ trong nhiều thế hệ, từ công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho đến công cuộc tái thiết, xây dựng phát triển ngành than đi lên mạnh mẽ như ngày hôm nay, chính là truyền thống văn hóa “*Kỷ luật và đồng tâm*” luôn đề cao tính kỷ luật, sự đoàn kết, nhất trí trong nhận thức và hành động, sự chia sẻ, động viên, giúp đỡ nhau khi gian khó, tạo thành một thể thống nhất về vật chất và tinh

thần trong đội ngũ. Càng khó khăn lại càng đoàn kết, dù gian khổ đến mấy, những người thợ mỏ vẫn luôn tin tưởng vào tương lai, luôn cất cao lời ca, tiếng hát, luôn ham mê thể thao, văn hóa, nghệ thuật. Nét văn hóa rất riêng đó sẽ còn tiếp tục được nhắc đến trong hiện tại và tương lai, bởi đó là nền tảng tinh thần vững chắc để người thợ mỏ vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức, tiếp tục góp phần xây dựng người Quảng Ninh “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”, cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh với các đặc trưng “Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc”. Đặc biệt, từng bước xây dựng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phát triển và vươn lên mạnh mẽ như mong muốn của Đảng, Bác Hồ đối với ngành than: “Xây dựng ngành than trở thành ngành kinh tế gương mẫu cho các ngành kinh tế khác”; “Xây dựng ngành than trở thành một ngành kinh tế mạnh, với vị trí là một trong những trụ cột chính bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia...”, khẳng định và lan tỏa văn hóa truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” - đặc trưng của văn hóa công nhân mỏ Việt Nam ở tất cả các vùng, miền Tổ quốc nói chung, tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

*Ba là, xây dựng đội ngũ công nhân mỏ luôn gắn với xây dựng con người Quảng Ninh.*

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có trên 77.000 lao động (làm việc trong lò 43.500 người), với khoảng 23.000 đảng viên, cơ bản làm việc tập trung 3 ca sản xuất trên các khai trường, hầm mỏ. Có thể nói, điều kiện làm việc của công nhân ngành than là rất khó khăn và nặng nhọc, đòi hỏi người lao động không chỉ có sức khỏe mà còn phải có sự quyết tâm, lòng yêu nghề, tình yêu đất mỏ và lao động khoa học. Trong đội ngũ thợ mỏ ở tỉnh Quảng Ninh, có nhiều người từ nơi khác đến, nhưng đều có chung một suy nghĩ, một hành động là sản xuất than cho Tổ quốc, làm giàu cho quê hương Quảng Ninh. Người thợ mỏ luôn có tinh thần yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc, trong chiến tranh luôn khát vọng được độc lập và tự do, trong thời kỳ xây dựng đất nước thì luôn khát vọng vươn lên thoát khỏi nghèo khó, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, dù trong khó khăn, vất vả, họ vẫn hăng say phấn đấu vì lợi ích chung. Đội ngũ công nhân mỏ là một tập thể đoàn kết, có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần cù, trung thực, lao động chăm chỉ và sáng tạo, có lương tâm với nghề nghiệp, tích cực học tập, cầu mong tiến bộ, có ý chí vươn lên trong cuộc sống, luôn gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nêu gương và học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Bốn là, văn hóa truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” tạo cơ sở xây dựng môi trường văn hóa, phát triển sự nghiệp văn hóa trong ngành than và tỉnh Quảng Ninh.*

Việc tạo ra môi trường văn hóa tốt để phát triển con người là điều rất quan trọng, trong nhiều năm qua, ngành than tăng cường phối hợp với các địa phương, nơi các đơn vị đóng quân để chỉ đạo việc gắn kết giữa các doanh nghiệp với địa phương trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; phối hợp xây dựng các khu phố văn hóa, gia đình văn hóa, tạo sự gắn kết giữa các gia đình thợ mỏ với địa phương, khu phố, bởi đây chính là nơi để hòa nhập cộng đồng thợ mỏ, nơi tổ chức các hoạt động, các phong trào chung, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và hoàn thiện nhân cách, đạo đức con người xã hội chủ nghĩa. Hoạt động văn hóa - xã hội luôn được quan tâm đặc biệt, được thể hiện thông qua việc xây dựng các quy chế hoạt động đối với từng lĩnh vực, đồng thời, hàng năm đều tổ chức các phong trào, đầu tư cơ sở vật chất, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, động viên, tạo điều kiện và hỗ trợ cho các hoạt động của anh chị em văn - nghệ sĩ, vận động viên có năng khiếu, đam mê cống hiến; hệ thống câu lạc bộ văn hóa - thể thao được hình thành đến tận cơ sở và được duy trì, hoạt động một cách thống nhất, có chất lượng và hiệu quả. Qua đó, phần nào đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nâng cao thể lực, trí lực của người lao động, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong từng doanh nghiệp, tác động tích cực đến việc thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất và xây dựng đời sống văn hóa tại cơ sở.

Việc phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật, thể thao trong công nhân mỏ luôn được xác định là việc làm cần thiết, vì vậy, trong những năm qua, ngành than luôn chú trọng đến việc chăm sóc đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các phong trào thơ ca, sân khấu, âm nhạc. Đồng thời, chú trọng việc bồi dưỡng, đào tạo các tài năng; tổ chức nhiều hoạt động mang dấu ấn, như chương trình “Sao Mai trên đất mỏ”, đại hội thể dục, thể thao than Việt Nam, hội diễn nghệ thuật quần chúng; ngoài ra còn tổ chức cho đoàn nghệ thuật quần chúng của các đơn vị tham gia các chương trình của ngành, của Trung ương, địa phương, đặc biệt là trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Thông qua hoạt động nghệ thuật quần chúng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã xuất hiện nhiều nghệ sĩ nổi tiếng, như nghệ sỹ nhân dân Quang Thọ, nghệ sỹ nhân dân Lê Dung, ca sỹ Hoàng Tùng,...

*Năm là, công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa lịch sử góp phần gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”.*

Trong nhiều năm qua, công tác bảo tồn, bảo tàng, giáo dục truyền thống được các cấp lãnh đạo từ Tập đoàn, Đảng ủy Than Quảng Ninh đến các cơ sở quan tâm đúng mức. Nhiều

đơn vị đã đầu tư xây dựng nhà truyền thống, lưu giữ nhiều hình ảnh, tư liệu, hiện vật trong quá trình hình thành và phát triển của đơn vị, như các công ty than Mạo Khê, Vàng Danh, Uông Bí, Cọc Sáu, Hà Tu, Hà Lâm, Cao Sơn, Đèo Nai,... Các di tích lịch sử được Nhà nước xếp hạng, như ngã tư đường lên mỏ Đèo Nai (nơi bắt đầu diễn ra cuộc đình công của hơn 3 vạn thợ mỏ Cẩm Phả ngày 12-11-1936); địa điểm lưu niệm Bác Hồ về thăm mỏ Đèo Nai ngày 30-3-1959; trận địa pháo cao xạ nữ tự vệ nhà sàng Cửa Ông, cầu Poocitic số 1 cảng Cửa Ông, tượng đài thợ mỏ tại Quảng trường 12-11, Cẩm Phả; cụm di tích địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại xã Yên Thọ, huyện Đông Triều;... Thông qua các hoạt động, như tuyên truyền, giáo dục trong cán bộ, đảng viên, người lao động, tổ chức cho các lớp đảng viên mới, quần chúng ưu tú kết nạp đảng, tuổi trẻ, điển hình tiên tiến đến thăm, dâng hương các di tích, đã làm nổi bật sự riêng có văn hóa của ngành than, của vùng mỏ Quảng Ninh.

*Sáu là, phong trào xây dựng văn hóa doanh nghiệp.*

Những năm gần đây, từ Tập đoàn, Đảng ủy Than Quảng Ninh đến các đơn vị cơ sở đã tập trung nghiên cứu, tổ chức xây dựng các nội dung và tiêu chí để phấn đấu trở thành đơn vị đạt danh hiệu “Doanh nghiệp giỏi”, “Doanh nghiệp văn hóa”; quan tâm, mời các giảng viên của các trường, các tổ chức có kinh nghiệm giảng dạy về kỹ năng giao tiếp, chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp quản lý tiên tiến; tăng cường tuyên truyền, vận động công nhân, viên chức gương mẫu thực hiện các quy định của Nhà nước, quy định của cơ quan, của doanh nghiệp. Đến nay, nhiều đơn vị đã áp dụng phương pháp quản lý mới, tiên tiến và hiện đại; hầu hết các đơn vị đều xây dựng nhà làm việc khang trang, phòng ban làm việc sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp hơn, cán bộ, viên chức có phong cách giao tiếp lịch sự, làm việc khoa học, có chất lượng; cơ quan, đơn vị có quy định về tiếp khách, hội họp, có chính sách thu hút và chăm sóc khách hàng, thu hút và bồi dưỡng nhân tài cùng các quy ước khác, tạo nên nét đẹp văn hóa trong giao tiếp, trong làm việc nơi hầm lò và dưới lòng moong sâu, đó chính là văn hóa người thợ mỏ.

Để tiếp tục phát huy tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” - linh hồn của văn hóa công nhân mỏ, văn hóa người dân đất mỏ trong sự nghiệp xây dựng tỉnh Quảng Ninh giàu đẹp, thời gian tới, ngành than xây dựng, triển khai thực hiện những nhiệm vụ cơ bản, quan trọng sau:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trước hết trong lãnh đạo cấp ủy, cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội về ý nghĩa và trách nhiệm đối với việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới tại cơ sở; chú trọng nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, ý thức giác ngộ giai cấp, hiểu biết pháp luật, phát

huy lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc của giai cấp công nhân; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời, làm cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức hiểu đầy đủ hơn về trách nhiệm của mình trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam bằng những hành động thực tiễn ngay trong đơn vị công tác, địa phương nơi cư trú.

*Thứ hai*, ngay từ cơ sở, hằng năm phải xây dựng chương trình cụ thể về hoạt động văn hóa của đơn vị, phối hợp với địa phương đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong các khu dân cư. Các gia đình có đảng viên phải phấn đấu đạt gia đình văn hóa hằng năm, nhiều gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa tiêu biểu.

*Thứ ba*, rà soát, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển văn hóa của ngành, trong đó có những chính sách chung và chính sách đặc thù cho các hạt nhân làm công tác văn hóa tại cơ sở. Xây dựng chiến lược đầu tư cho con người để phát huy tài năng và sức sáng tạo lao động của mỗi cá nhân. Tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong từng doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất, nâng cao đời sống người lao động.

*Thứ tư*, tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại các cơ sở, đơn vị theo hệ thống tiêu chí chuẩn, có chương trình xây dựng cụ thể để phấn đấu thực hiện. Xác lập các tiêu chí để xây dựng khung kiến thức cơ bản cho mọi người, theo đó, thường xuyên xem xét lại những điểm mạnh, điểm yếu khi đánh giá về văn hóa doanh nghiệp để tuyên truyền, nhắc nhở mọi người về trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cá nhân trong cộng đồng và trong mỗi doanh nghiệp.

*Thứ năm*, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh), đẩy mạnh các phong trào thi đua thiết thực trong công nhân, lao động, phát huy quyền làm chủ, đi đầu trong các phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội. Luôn đổi mới nội dung và hình thức tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với đặc điểm của ngành, cơ quan, đơn vị, hướng phong trào thi đua vào mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa tại cơ sở, phát huy tốt tính chủ động và sáng tạo của các tổ chức và động viên mọi cá nhân tham gia vào các hoạt động văn hóa, làm cho đời sống văn hóa của công nhân mở ngày càng phong phú, đa dạng, hấp dẫn, tạo động lực thúc đẩy sản xuất, nâng cao đời sống người lao động.

*Thứ sáu*, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 76-NQ/ĐU, ngày 9-1-2023, của Đảng ủy Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về tăng cường



lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử truyền thống ngành Than; quan tâm đầu tư lĩnh vực giáo dục truyền thống văn hóa thợ mỏ cho cán bộ, đảng viên, người lao động, nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt là thế hệ trẻ; tiếp tục sưu tầm và lưu giữ những tư liệu, hình ảnh, hiện vật của quá trình hình thành và phát triển ngành than - khoáng sản Việt Nam.

*Thứ bảy*, tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ công nhân ngành than gắn bó với lịch sử, truyền thống văn hóa các dân tộc tỉnh Quảng Ninh thành một khối đoàn kết, thống nhất, có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh; cần cù và lao động sáng tạo, có ý chí, khát vọng vươn lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phấn đấu không ngừng để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Có thể nói, phát huy tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” - di sản và linh hồn của văn hóa công nhân mỏ, văn hóa người dân đất mỏ trong sự nghiệp xây dựng tỉnh Quảng Ninh giàu đẹp sẽ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã đề ra: “*Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc*”. Đồng thời, góp phần khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, phấn đấu đến năm 2045 Việt Nam trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa có thu nhập cao theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. ❖

## VỊ TRÍ, VAI TRÒ TỈNH QUẢNG NINH DƯỚI GÓC NHÌN CỰC TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG CỦA CẢ NƯỚC (HÀ NỘI - HẢI PHÒNG - QUẢNG NINH)

NGUYỄN VĂN ĐỨC

TS, Học viện Chính trị khu vực I

NGÔ THỊ QUANG

ThS, Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội

*Quảng Ninh là một tỉnh công nghiệp, du lịch, nằm ở phía Đông Bắc Bộ của Việt Nam. Với lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, Quảng Ninh đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Hiện nay, trong quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế, liên kết giữa các vùng và hội nhập quốc tế, Quảng Ninh được xác định là một cực tăng trưởng kinh tế năng động của cả nước (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh).*

### QUẢNG NINH KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ, VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG CỰC TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG HÀ NỘI - HẢI PHÒNG - QUẢNG NINH

Cực tăng trưởng được hiểu là kết quả tổng hợp của việc mở rộng không ngừng các hoạt động kinh tế trong đô thị tác động đến hoạt động kinh tế của cả vùng, khiến đô thị trở thành không gian tụ tập có tác động lan tỏa, gọi là cực tăng trưởng hay trung tâm tăng trưởng. Nhận thức được tầm quan trọng của cực tăng trưởng trong phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: huy động sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân. Xây dựng Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch. Với những tiềm năng, điều kiện sẵn có, Quảng Ninh từng bước trở thành cực tăng trưởng năng động Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Vị trí, vai trò

của Quảng Ninh trong cực tăng trưởng năng động Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh được thể hiện ở những phương diện sau:

*Thứ nhất*, không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá” được thực hiện quả, bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ, phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của Quảng Ninh trong Vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Thành phố Hạ Long đã phát huy tốt vai trò trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Các đô thị được xây dựng theo mô hình đa cực, vịnh Cửa Lục trở thành trung tâm kế nối các đô thị. Tuyến hành lang phía Tây từ Hạ Long đến Đông Triều hướng đến đồng bằng sông Hồng, Hải Phòng cũng như Thủ đô Hà Nội được đẩy mạnh phát triển chuỗi đô thị - công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao và du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh. Khu kinh tế ven biển Quảng Yên được xác định là hạt nhân, động lực tăng trưởng mới của tỉnh và đẩy mạnh phát triển theo mô hình “Thành phố thông minh” với các khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ - cảng biển thông minh, hiện đại. Tuyến hành lang phía Đông từ Hạ Long đến Móng Cái và hướng tới Đông Bắc Á được phát triển theo hướng đô thị sinh thái - dịch vụ, thương mại, du lịch tổng hợp cấp cao, nông nghiệp sạch - công nghệ cao cũng như phát triển kinh tế biển, phát triển công nghiệp để dẫn dắt nông nghiệp. Phát triển Khu kinh tế Vân Đồn và Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái trở thành hai mũi đột phá phát triển kinh tế của tỉnh. Việc phát triển không gian một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và định hướng cụ thể, đã góp phần quan trọng vào việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ninh, cũng như thúc đẩy liên kết vùng, nhất là cực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

*Thứ hai*, hệ thống giao thông đồng bộ, góp phần kết nối, thúc đẩy kinh tế phát triển cũng như liên kết giữa các địa phương, vùng miền. Trong những năm qua, Quảng Ninh luôn chú trọng phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đường biển cũng như đường hàng không để kết nối địa phương với các vùng miền trong cả nước cũng như đối với quốc tế. Việc khánh thành tuyến đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng, Hạ Long - Vân Đồn, Vân Đồn - Móng Cái, cũng như Sân bay quốc tế Vân Đồn và Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long đi vào hoạt động, tạo ra động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, thu hút được nhiều các nguồn đầu tư của các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước hợp tác làm ăn với Quảng Ninh. Cùng với đó, hệ thống đường bộ Hà Nội - Quảng Ninh; đường hàng không Sân bay quốc tế Nội Bài, Sân bay quốc tế Cát Bi, Sân bay quốc tế Vân Đồn; Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long, Cảng biển quốc tế Hải Phòng, Cái Lân, kết hợp lại với nhau tạo thành một chuỗi liên kết đồng bộ, thống nhất, tạo động lực phát triển kinh tế cho Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh nói riêng và cả nước nói chung. Tuyến đường cao tốc Hạ

Long - Hải Phòng đã góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối tam giác kinh tế Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, tạo tiền đề cho sự liên kết chặt chẽ về phát triển kinh tế, xã hội giữa các vùng. Việc rút ngắn khoảng thời gian từ Quảng Ninh đến Hải Phòng cũng như Hà Nội tạo ra sự kết nối có hiệu quả đối với mỗi địa phương nằm trong tam giác tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Nó không chỉ có ý nghĩa về mặt giao thông mà còn có ý nghĩa to lớn về phát triển kinh tế trong toàn vùng, nhằm khai thác triệt để những lợi thế, tiềm năng du lịch biển đảo của các địa phương. Từ đó, ngày càng thúc đẩy cực tăng trưởng năng động Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh phát triển, kết nối sâu rộng với vùng miền trong cả nước cũng như hợp tác quốc tế.

*Thứ ba*, kinh tế du lịch được chú trọng phát triển thu hút đông đảo các nhà đầu tư bất động sản cũng như khách du lịch trong và ngoài nước. Quảng Ninh được ví như một “Việt Nam thu nhỏ” hội tụ đầy đủ các dạng địa hình tiêu biểu như: biển đảo, đồng bằng, trung du miền núi, đây chính là mảnh đất màu mỡ, “mỏ vàng” trong kinh doanh bất động sản du lịch cũng như nghỉ dưỡng. Địa hình biển đảo tự nhiên kỳ vĩ đã tạo cho Quảng Ninh những báu vật thiên nhiên thế giới như: Vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô, bãi tắm Trà Cổ, Vườn Quốc gia Bái Tử Long, đảo Tuần Châu... Bên cạnh những danh lam, thắng cảnh Quảng Ninh còn có rất nhiều những di tích, lịch sử văn hóa như: chùa Yên Tử, đền Cửa Ông, di tích lịch sử Bạch Đằng, chùa Long Tiên, đình Quan Lạn... Ngoài ra Quảng Ninh còn có rất nhiều các đình, chùa, miếu mạo và các văn hóa lễ hội, ẩm thực khác nhau. Đây chính là nguồn lực quan trọng để Quảng Ninh thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Năm 2022 Quảng Ninh đón được 11,6 triệu lượt khách du lịch đến thăm quan, nghỉ dưỡng. Tổng doanh thu ngành du lịch của tỉnh đạt 25.172 tỷ đồng.

Trong chiến lược phát triển kinh tế, Quảng Ninh xác định phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế khác biệt của tài nguyên du lịch gắn với phát triển công nghiệp dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao để phát triển du lịch, dịch vụ nhanh, bền vững ngày càng giữ vai trò chủ đạo, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GRDP của tỉnh.

Trên cơ sở phát triển du lịch trong tỉnh, Quảng Ninh cũng từng bước liên kết với các địa phương Hải Phòng, Hà Nội để hình thành những chương trình, sản phẩm du lịch mang tính kết nối cao. Trên cơ sở những thế mạnh về tài nguyên phát triển du lịch, Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đã đẩy mạnh hợp tác, sử dụng tài nguyên du lịch của nhau để xây dựng những sản phẩm du lịch và xúc tiến du lịch. Các tour, tuyến du lịch được xây dựng để phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước. Việc quản lý chất lượng sản phẩm du lịch, hoạt

động của doanh nghiệp hoạt động du lịch, cũng như tạo hình ảnh tốt đẹp với các địa điểm thăm quan, du lịch, nghỉ dưỡng, được các địa phương chú trọng.

Hệ thống giao thông được đồng bộ, hiện đại, rút ngắn thời gian, khoảng cách đi lại giữa các điểm du lịch, nghỉ dưỡng của Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, đồng thời còn tạo thuận lợi cho Quảng Ninh và Hải Phòng trong những năm gần đây thu hút được hơn 100 dự án đầu tư bất động sản, trong đó chủ yếu là các dự án bất động sản về du lịch, nghỉ dưỡng. Hầu hết, các tập đoàn kinh tế lớn của Việt Nam đều tập trung đầu tư vào thị trường bất động sản nghỉ dưỡng ở Quảng Ninh, Hải Phòng như: Vingroup, Sun Group, Tập đoàn FLC, Tập đoàn BIM, Tập đoàn Flamingo... Đây là tiền đề quan trọng để hỗ trợ các ngành du lịch phát triển, thúc đẩy cực tăng trưởng năng động Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn.

*Thứ tư*, hoạt động kinh tế biển được chú trọng phát triển đưa Quảng Ninh dần trở thành trung tâm kinh tế biển. Lợi thế sẵn có với hơn 250 km bờ biển, cùng nhiều danh lam thắng cảnh, hệ thống cảng biển là điều kiện thuận lợi để Quảng Ninh phát triển kinh tế biển. Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển, Quảng Ninh ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 18-1-2022 về phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, nhằm khai thác, phát huy những tiềm năng, lợi thế về biển đảo, xây dựng kinh tế biển đảo Quảng Ninh phát triển năng động, mà nòng cốt chính là cảng biển, công nghiệp cũng như du lịch biển, khai thác, nuôi trồng chế biến thủy hải sản. Phấn đấu đến năm 2025 cũng như đến năm 2030, Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu về kinh tế biển của cả nước, trở thành trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ, động lực phát triển tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Trong những năm qua, các trung tâm kinh tế biển Vân Đồn, Hải Hà được hình thành và hoạt động có hiệu quả. Kinh tế biển Vân Đồn dần trở thành khu du lịch sinh thái biển chất lượng cao, trung tâm dịch vụ cao cấp và đầu mối giao thương quốc tế. Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà được đầu tư phát triển trở thành đầu mối vận tải cho cả miền Bắc và vùng biển Đông. Cô Tô, Hải Hà, Tiên Yên, Quảng Yên, Móng Cái được xây dựng trở thành những trung tâm dịch vụ hậu cần đánh bắt xa bờ, thăm dò, khai thác tài nguyên biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh bão, các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các huyện, thị ven biển... Cảng Cái Lân được trang bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ cung cấp dịch vụ tốt nhất cho hàng vận tải đường biển [4]. Ngoài ra, Quảng Ninh cũng đang đẩy mạnh phát triển tổ hợp cảng biển - khu công nghiệp với 2 dự án quan trọng là Khu công nghiệp Bắc Tiền Phong và Khu công nghiệp Nam Tiền Phong tại Khu kinh tế ven biển Quảng Yên.

Những tổ hợp cảng biển, khu công nghiệp trên sẽ góp phần giảm chi phí vận chuyển nội địa, thúc đẩy phát triển logistics cũng như liên kết vùng. Đây được coi là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh của Quảng Ninh đối với nhà đầu tư, cũng như khẳng định vị trí, vai trò cực tăng trưởng kinh tế năng động của cả nước (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh).

*Thứ năm*, Quảng Ninh đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đây là tiền đề quan trọng để tỉnh phát triển nhanh và bền vững, khẳng định vai trò của cực tăng trưởng kinh tế, tạo sự lan tỏa trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc cũng như trong cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao 10,7%, đến năm 2020 quy mô nền kinh tế của Quảng Ninh đạt 211.476 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2015 - 2020 đạt 212.492 tỷ đồng. Năng suất lao động xã hội đạt 292,9 triệu đồng/người năm 2020. GRDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt trên 6.700 USD/người/năm, gấp hơn 2 lần bình quân chung cả nước. Trong 6 năm liên tiếp (2016 - 2021), Quảng Ninh giữ vững đà tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) hơn hai con số, trở thành một cực tăng trưởng kinh tế toàn diện khu vực phía Bắc. Quy mô GRDP năm 2021 (giá hiện hành) của Quảng Ninh đạt hơn 238.000 tỷ đồng.

### **MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN ĐỂ PHÁT HUY VỊ TRÍ, VAI TRÒ TRONG CỰC TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG CỦA CẢ NƯỚC THỜI GIAN TỚI**

Đạt được những kết quả trên, là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh với quyết tâm dám nghĩ, dám làm, kế thừa, đổi mới phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”. Phương thức lãnh đạo, bộ máy chính quyền được cải tổ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Cải cách hành chính được thực hiện có hiệu quả, tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ với tiến bộ công bằng xã hội. Khẳng định quyết tâm là một trong những cực tăng trưởng của đất nước, giữ vai trò dẫn dắt, “đầu tàu” phát triển của vùng Đông Bắc bộ.

Đặc biệt, trong những năm qua, đại dịch COVID-19 tác động sâu sắc đến mọi hoạt động kinh tế, xã hội, Quảng Ninh đã khẳng định được ý chí vững vàng, quyết tâm phát triển và đổi mới tư duy không ngừng. Với phương châm “3 trước, 4 tại chỗ”; dự phòng, tích cực, chủ động, từ xa, từ sớm, từ cơ sở, từ đó thực hiện hiệu quả mục tiêu kép, vừa chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, vừa ổn định kinh tế - xã hội, phục hồi các ngành sản xuất, giữ đà tăng trưởng trong trạng thái bình thường mới.

Như vậy, với đường lối và chủ trương đúng đắn, cách làm và bước đi phù hợp, Quảng Ninh đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Những kết quả này khẳng định bản lĩnh chính trị, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần năng động, sáng tạo của Quảng Ninh, đưa Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới đất nước, khẳng định vị trí, vai trò của một cực tăng trưởng năng động của cả nước.

Để giữ vững và phát huy hơn nữa vị trí, vai trò của cực tăng trưởng năng động của cả nước, trong thời gian tới Quảng Ninh cần phải thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

*Một là*, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thể chế, môi trường đầu tư kinh doanh; khơi thông các điểm nghẽn tăng trưởng, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng cơ sở, tiếp tục đột phá tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng.

*Hai là*, phát triển dịch vụ, du lịch, thương mại đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm dịch vụ - du lịch - thương mại hiện đại lớn nhất cả nước, thu hút các nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế đến để đầu tư kinh doanh; Phấn đấu để Quảng Ninh trở thành điểm đến hấp dẫn hàng đầu của khách du lịch quốc tế có khả năng chi tiêu cao khi đến Việt Nam thăm quan, nghỉ dưỡng.

*Ba là*, chú trọng phát triển giáo dục, đào tạo phù hợp với những định hướng, chiến lược phát triển của Quảng Ninh, đáp ứng nhu cầu phát triển thực tiễn xã hội; Có cơ chế ưu đãi, chính sách đặc thù thu hút và trọng dụng nhân tài; Phát triển kinh tế tri thức, ứng dụng công nghệ khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo.

*Bốn là*, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, mở rộng không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá”. Xây dựng Vân Đồn trở thành đô thị biển đảo xanh, hiện đại, thông minh; trung tâm kinh tế, năng động phát triển ngành nghề mới, công nghệ mới, trình độ cao, trọng tâm là dịch vụ logistics, du lịch cao cấp; trung tâm khởi nghiệp, sáng tạo và giao thương quốc tế.

*Năm là*, chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ đẳng cấp cao, tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các trung tâm du lịch, đa dạng các loại hình du lịch, kết nối với các trung tâm du lịch lớn của quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ, động lực phát triển kinh tế của cả nước.

Quảng Ninh là địa phương có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Quảng Ninh đạt được những thành tựu to lớn về kinh

tế, xã hội; mở rộng không gian phát triển, phát huy những tiềm năng thế mạnh của tỉnh; phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng liên kết giữa các địa phương vùng miền; kinh tế du lịch và kinh tế biển có sự phát triển mạnh mẽ. Những thành tựu đó đã khẳng định vị trí, vai trò của Quảng Ninh là một trong những cực tăng trưởng kinh tế năng động của cả nước. Để giữ vững và phát triển hơn nữa vị trí, vai trò của cực tăng trưởng năng động của cả nước, đòi hỏi Quảng Ninh cần phải thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp, đề ra những chủ trương cụ thể phát huy hơn nữa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đưa Quảng Ninh ngày càng phát triển hơn trong những năm tiếp theo. ❖

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Quảng Ninh.
2. Hội đồng Lý luận Trung ương - Tỉnh ủy Quảng Ninh - Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản (2022), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia “Nguồn lực và động lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 tầm nhìn quốc gia và hành động địa phương”*, Quảng Ninh.
3. Nguyễn Xuân Ký (2022), Tỉnh Quảng Ninh kiên cường vượt qua các đợt dịch, biến “nguy” thành “cơ” duy trì tăng trưởng 2 con số để tạo đà bứt phá phát triển, giữ vững vai trò một cực tăng trưởng kinh tế toàn diện phía Bắc, *Tạp chí Cộng sản*, số 2, tr. 79 - 85.
4. Hồ Sĩ Quý (2022), Quảng Ninh: nhận diện các yếu tố hình thành cực tăng trưởng, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, số 1, tr. 30 - 39.
5. UBND tỉnh Quảng Ninh (2022), *Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 18-1-2022 về phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*, Quảng Ninh.



## **BẢO TỒN DI SẢN, DI TÍCH - CƠ SỞ ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH, DỊCH VỤ QUẢNG NINH**

**HOÀNG VĂN HOÀN**  
*Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Quảng Ninh - vùng đất địa đầu Tổ quốc. Lịch sử ngàn năm hình thành, phát triển đã để lại cho Quảng Ninh hệ thống di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể phong phú. Đây là điều kiện để Quảng Ninh hiện thực hóa mục tiêu bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, di tích gắn với phát triển du lịch, tạo động lực cho Quảng Ninh trở thành trọng điểm du lịch của cả nước.

Quảng Ninh có 613 di tích lịch sử văn hóa, 361 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có 4 di tích đặc biệt cấp quốc gia, 54 di tích cấp quốc gia, 6 lễ hội nằm trong danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, số còn lại là di tích được xếp hạng cấp tỉnh hoặc nằm trong danh mục kiểm kê di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh. Đây là những tiềm năng to lớn mà Quảng Ninh được thiên nhiên ưu đãi, được kế thừa từ trong lịch sử. Di tích, di sản của Quảng Ninh còn rất đa dạng, phong phú về loại hình, tính chất, từ những vĩ nhân, anh hùng lịch sử, những sự kiện tạo nên kỳ tích tại Quảng Ninh; những dấu ấn nghệ thuật kiến trúc, diễn xướng, chiến lược quân sự, thương mại đỉnh cao trong lịch sử,... Tất cả hiện diện đầy sinh động trên mảnh đất Quảng Ninh, cho thấy các nét văn hóa độc đáo, các kỳ quan thế giới có một không hai, cho thấy truyền thống, khí chất và đặc trưng của con người Quảng Ninh...

### **HỆ THỐNG DI SẢN, DI TÍCH DÀY ĐẶC**

Rải rác ở khắp các huyện của tỉnh Quảng Ninh, các di sản không chỉ dày đặc mà còn đậm đặc bản sắc từng dân tộc, loại hình.

*Dấu ấn của nhà Trần* tại Quảng Ninh vẫn hiện diện trong đời thực. Kết hợp với những huyền thoại, huyền tích đã trở thành một phần hấp dẫn du khách. Lăng mộ của 8 vị vua nhà

Trần cùng gia thất; đất Phật Yên Tử (Uông Bí), Ngọa Vân (Đông Triều), nơi vị vua nhà Trần - Trần Nhân Tông đắc đạo, hóa Phật, khai sáng cho Việt Nam dòng phật giáo nhập thể Trúc Lâm Yên Tử hàng năm đã thu hút đông đảo nhân dân trong và ngoài nước. Khu Di tích Bạch Đằng (Quảng Yên) nơi ghi dấu ấn trận Bạch Đằng giúp vị tướng nhà Trần, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn đánh thắng quân Nguyên Mông. Tài năng quân sự của ông vẫn hiển hiện với những bãi cọc được các nhà khảo cổ khai quật, bảo tồn, tài năng ấy đã được cả thế giới công nhận, vinh danh là nhà quân sự tài ba...

*Thương cảng Vân Đồn* là thương cảng quốc tế đầu tiên của Đại Việt, thành lập vào thời Lý, ghi dấu sự hội nhập thương mại chính ngạch ở tầm quốc gia đầu tiên của Việt Nam cổ đại với thế giới.

*Những di tích cách mạng* khu Đông Triều đến dọc đường biên giới, các khu mỏ... ghi dấu ấn một thời kỳ đấu tranh cam go, quyết liệt, dũng cảm của quân dân Quảng Ninh để bảo vệ quê hương.

*Những công trình đền chùa mang đậm dấu ấn kiến trúc, văn hóa lễ hội, tín ngưỡng người Việt qua các thời kỳ Lý, Trần, Lê, Nguyễn...* vẫn được gìn giữ. Lưu giữ linh hồn nghệ thuật diễn xướng hò biển, hát đúm nổi bật của người dân vùng cửa biển Hạ Long và lối hát giao duyên mộc mạc sòng cô, sòng cọ, hát then... của gái trai dân tộc thiểu số vùng sơn cước. Hệ thống di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể của Quảng Ninh khiến mỗi người Quảng Ninh cảm thấy tự hào và có sự hấp dẫn, có sức hút lạ kỳ, thôi thúc bất cứ ai ít nhất một lần trong đời cũng muốn đặt chân đến vùng đất địa đầu Tổ quốc.

Từ nét đẹp văn hóa của người vùng biển, vùng cao, vùng nông thôn Quảng Ninh, du lịch Quảng Ninh có cơ hội hình thành sản phẩm du lịch cộng đồng, trải nghiệm, khám phá tại Bình Liêu, trung tâm du lịch văn hóa lịch sử tại Quảng Yên, Vân Đồn. Các sản phẩm du lịch đặc thù từ văn hóa, di tích, di sản của Quảng Ninh như “Một ngày làm ngư dân trên biển”, “Khám phá Quan Lạn”, “Cốc cốc đảo Hà Nam”, “Hành trình theo dấu chân đức Phật tại Yên Tử”... rất được du khách yêu thích.

“*Sống lưng khủng long*”, đường lên cột mốc 1305 ở huyện Bình Liêu. Du lịch Quảng Ninh, bạn cũng sẽ bắt gặp một con đường chạy dọc sống núi ở huyện biên giới Bình Liêu với vẻ đẹp hoang sơ khiến ai một lần đặt chân đến đều “yêu ngay từ cái nhìn đầu tiên”. Du lịch Bình Liêu Quảng Ninh, cung đường lên cột mốc 1305 làm say lòng bao trái tim người lữ hành. Nơi này được mệnh danh là một trong những “sống lưng khủng long” khó chinh phục nhất miền Bắc. Cung đường tuần tra biên giới phía tây Bình Liêu nằm trên độ cao 700 m so

với mực nước biển. Đường đi ở đây không quá lắt léo nhưng khung cảnh đôi bên đường lại mê hoặc người ghé thăm. Núi non trùng điệp cùng cánh đồng thơ mộng họa nên phong cảnh lãng mạn và mộng mơ. Từ trên đỉnh cột mốc, du khách có thể thu hết vào tầm mắt khung cảnh thiên nhiên với núi non hùng vĩ ẩn hiện trong mây mờ. Sau khi trở thành điểm du lịch Quảng Ninh nổi tiếng, con đường trekking đến cột mốc 1305 đã được xây dựng thêm một đường thang bộ dài khoảng 1,8km với 2.000 bậc thang. Vào bất cứ thời điểm nào bạn cũng có thể đến đây và phóng tầm mắt ngắm nhìn cảnh sắc thiên nhiên tuyệt diệu.

### **NHỮNG THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC TRONG BẢO TỒN, TÔN TẠO, GÌN GIỮ HỆ THỐNG CÁC DI SẢN, DI TÍCH QUẢNG NINH**

Quảng Ninh là địa phương có đầy đủ những danh thắng từ tầm cỡ thế giới đến cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện,... Vịnh Hạ Long đã 3 lần được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. Cũng vì vậy, nguồn kinh phí để bảo tồn, tôn tạo, gìn giữ hệ thống các di sản, di tích này là một thách thức với Quảng Ninh, cả về kinh phí và các nguồn lực khác như nhân lực, tài lực, các giải pháp kỹ thuật.

Từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh, doanh nghiệp và nhân dân, hệ thống các di tích, di sản văn hóa Quảng Ninh được đầu tư phục dựng, bảo vệ, phát huy, giống như “ngọc trong đá” càng mài càng sáng, khiến sức hút của các di tích, di sản ngày càng lớn. Yên Tử là một điển hình về thành công trong việc di tích được chung tay bảo vệ, tôn tạo, phát huy giá trị. Tính trong khoảng 10 năm qua, gần 3.000 tỷ đồng đã được đổ về Yên Tử để đầu tư hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ và các điểm di tích. Trung tâm Văn hóa Trúc lâm Yên Tử chính là công trình kết tinh tinh hoa sáng tạo, tình yêu đối với Yên Tử của Công ty CP Phát triển Trúc Lâm, doanh nghiệp đến với Yên Tử từ những ngày đầu tiên. Điều này khiến cho Yên Tử trong mắt du khách thêm linh thiêng, trân quý mà vẫn hiện đại, cho phép du khách được hưởng thụ những giá trị Yên Tử ở chiều sâu và chất lượng cao nhất.

Đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả) chỉ đứng sau Yên Tử về lượng du khách. Khoản tiền công đức mà mỗi du khách dành cho Cửa Ông đủ để đảm bảo đầu tư trở lại cho di tích, ngoài ra còn đóng góp vào ngân sách nhà nước đến hàng trăm tỷ đồng mỗi năm. Các di tích khác như Ba Vàng, Cái Bàu, Quan Lạn, Trà Cổ,... vào mỗi thời điểm khai hội đều đón lượng khách đông kỷ lục và đây cũng là nguồn thu giúp cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích.

Theo thống kê của Sở Văn hóa và Thể thao Quảng Ninh, số di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào điểm, tour, tuyến du lịch cố định của tỉnh mới chiếm chưa đến 20% tổng số di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể mà tỉnh có. Điều

này cho thấy dư địa của di tích, di sản dành cho phát triển du lịch còn rất lớn. Đáng nói một số di tích, di sản có tính chất, giá trị to lớn, hiện còn giữ được những hiện vật, lễ hội, nghi thức tín ngưỡng gốc... song chưa được phát huy một cách đúng mức, chưa biến nó trở thành tài nguyên du lịch. Một phần nguyên nhân là do chưa thể huy động được các nguồn lực cho việc bảo tồn, gìn giữ và khai thác, phát huy.

Với cụm Di tích quốc gia đặc biệt thương cảng cổ Vân Đồn, hiện vẫn còn sự hiện diện của hệ thống các bến sông nối tiếp nhau với dày đặc các tầng hiện vật gốm sứ phát lộ ngay trên bề mặt; dấu vết các cổng ngầm, kè đá, neo đậu đỗ nằm dưới mặt nước, có chỗ lấp ló khi triều xuống; các vị trí được cho là kho tàng, bến bãi bốc xếp hàng hóa, các nền móng công trình văn hóa, tín ngưỡng phục vụ người dân khu vực cảng đã từng được khai quật. Nếu được bảo tồn cẩn trọng để khai thác bài bản, giúp du khách hình dung được cảnh buôn bán, trao đổi hàng hóa sầm uất một thời, thể hiện trình độ giao thương, hội nhập thương mại từ sớm, cũng thể hiện vị thế của người Việt với các nước trong khu vực, quốc tế thì giá trị của di tích Thương cảng cổ Vân Đồn còn được nhìn nhận lớn hơn rất nhiều. Tuy nhiên, lâu nay Thương cảng cổ Vân Đồn chưa được đầu tư, tôn tạo xứng tầm, các sản phẩm du lịch liên quan đến di tích chưa được quan tâm phát triển. Giá trị của di tích này cơ bản vẫn ở hồ sơ trích ngang lưu trữ trong kho.

Đối với Khu di tích quốc gia đặc biệt chiến thắng Bạch Đằng những năm qua, quá trình đầu tư cũng chưa bảo đảm tính tổng thể, chưa có điểm nhấn và đặc biệt chưa phát triển đi kèm hệ thống dịch vụ. Đây là một sự lãng phí, bởi vị trí của Bạch Đằng hiện nay rất thuận lợi để đón khách. Tham quan, du lịch.

## **CƠ HỘI CHO NGÀNH DU LỊCH, DỊCH VỤ**

Với sự góp mặt của hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa, du lịch Quảng Ninh lớn mạnh thực sự. Chỉ tính trong 5 năm gần đây, tốc độ tăng trưởng của ngành Du lịch Quảng Ninh tăng trung bình 12 - 15% mỗi năm, tăng đến 30 - 50% so với thời điểm năm 2015. Cụ thể năm 2016, Quảng Ninh đạt tổng lượng du khách 8,3 triệu lượt, trong đó du khách quốc tế 3,5 triệu lượt; tổng doanh thu du lịch 13.000 tỷ đồng. Các năm sau đó là 2017, 2018, 2019, các thông số tổng lượng khách, số khách quốc tế, doanh thu đều tăng năm sau cao hơn năm trước ở mức 10 - 25%. Tiêu biểu năm 2019, tổng khách là 14 triệu lượt, tăng 14%, trong đó khách quốc tế 5,75 triệu lượt, tăng 15%, tổng doanh thu 29.500 tỷ đồng, tăng 25%, trong đó đóng góp vào ngân sách địa phương gần 3.570 tỷ đồng, tăng 30%, chiếm 11% tổng thu ngân sách nội địa của tỉnh.

Những năm gần đây, ngành chức năng tỉnh cũng tính thời gian lưu trú của du khách và lượng tiền 1 khách du lịch chi tiêu, qua đó cho thấy con số rất đáng mừng so với mức chung của toàn quốc. Ví dụ năm 2019 thời gian lưu trú trung bình của du khách là 2,7 ngày, tổng tiền 1 du khách chi tiêu là 2,5 triệu đồng, gấp nhiều lần so với trung bình toàn quốc.

Theo báo cáo của Sở Du lịch, vào dịp Tết Nguyên đán mỗi năm (từ mùng 1 - 6/1 âm lịch), Quảng Ninh đón khoảng 70 - 100 vạn du khách, thì 70% trong đó là lượng du khách có mặt tại các di tích, di sản trên địa bàn. Điều này cho thấy di tích, di sản đã và đang là thành tố rất quan trọng của du lịch Quảng Ninh. Cũng có lẽ bởi vậy mà Yên Tử đón trung bình 2 triệu lượt khách mỗi năm, ở cả 4 mùa trong năm thay vì một mùa lễ hội, chiếm đến 60% tổng lượng du khách thuộc loại hình du lịch tâm linh tại Quảng Ninh, trở thành điểm du lịch có tổng lượng du khách chỉ đứng thứ 2 sau Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

Theo tính toán của Sở Văn hóa và Thể thao Quảng Ninh, hiện khoảng 120 di tích, di sản đã nằm trong các điểm tour, tuyến du lịch cố định của Quảng Ninh, trong đó có những di tích được các đơn vị lữ hành lựa chọn để thiết kế nhiều sản phẩm riêng, trọn gói để đưa vào khai thác. Tuy nhiên, số di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào điểm, tour, tuyến du lịch cố định của tỉnh mới chiếm chưa đến 20% tổng số di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể mà tỉnh có. Điều này cho thấy dư địa của di tích, di sản dành cho phát triển du lịch còn rất lớn. Đáng nói một số di tích, di sản có tính chất, giá trị to lớn, hiện còn giữ được những hiện vật, lễ hội, nghi thức tín ngưỡng gốc... song chưa được phát huy một cách đúng mức, chưa biến nó trở thành tài nguyên du lịch.

Hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn hiện nay chính là nguồn tài nguyên quý, góp phần tạo nên sức hút, thương hiệu, giá trị của du lịch Quảng Ninh. Hiện Quảng Ninh đã và đang bước đầu khai thác tốt nguồn tài nguyên di tích, di sản, tuy nhiên dư địa phát triển của lĩnh vực này còn lớn, cho phép du lịch Quảng Ninh còn có cơ hội để bứt phá, mang lại giá trị cao hơn trong thời gian tới.

Việc chưa huy động được các nguồn lực cho việc bảo tồn, gìn giữ, khai thác và phát huy các di sản, di tích không chỉ đặt các di tích, di sản trước các nguy cơ phai nhạt, hư hỏng, thậm chí biến mất, mà còn làm mất đi cơ hội tạo ra nguồn thu cho địa phương và người dân nơi có di sản, di tích, mất đi cơ hội phát triển một ngành dịch vụ kèm theo, cơ hội phát triển các làng nghề sản xuất các hàng lưu niệm truyền thống, làm mất đi cơ hội quảng bá về vùng đất và con người Quảng Ninh - đó là làm giảm sự phát triển của ngành du lịch vốn được coi là thế mạnh của Quảng Ninh. ❖

## **XÂY DỰNG CON NGƯỜI QUẢNG NINH PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN THEO TINH THẦN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG**

**TẠ NGỌC TẤN**

*GS, TS, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương*

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Quán triệt quan điểm đó, trong quá trình phát triển, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định phải phát triển con người Quảng Ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của tỉnh và đất nước.

### **COI XÂY DỰNG CON NGƯỜI QUẢNG NINH PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN LÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG**

Những tiêu chí xây dựng con người Quảng Ninh cũng được đặt ra ngay từ những năm đầu thời kỳ đổi mới và tiếp tục được bổ sung, điều chỉnh trong suốt chặng đường đổi mới, từ đó không ngừng nuôi dưỡng, bồi đắp từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đã rút ra một số kinh nghiệm, trong đó có: thường xuyên chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đội ngũ doanh nhân và phát triển toàn diện nguồn nhân lực. Đại hội cũng dự báo bối cảnh tình hình trong giai đoạn tới còn nhiều diễn biến rất phức tạp, khó lường. Quảng Ninh vẫn phải đối mặt với các yếu tố mới, trong đó có chất lượng nguồn nhân lực còn yếu. Đến Đại hội XV, Đảng bộ tỉnh đã đề ra mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2020 - 2025, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới sáng tạo; huy động sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Quảng Ninh trở thành

tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc.

Về tầm nhìn định hướng phát triển đến năm 2030 và năm 2045, đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; GRDP bình quân đầu người trên 15.000 USD; khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

Đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế; một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là du lịch, dịch vụ, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, có sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh.

Mục tiêu xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng: Năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, thân thiện, văn minh được coi là một bộ phận cấu thành trong tổng thể xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các giá trị đặc trưng: Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc.

Và để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu này, nhiệm vụ xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện là một trong những cơ sở quan trọng.

Thực hiện nhiệm vụ này, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo làm cơ sở để các cấp, các ngành, tổ chức chính trị xã hội tập trung tạo môi trường giáo dục, rèn luyện con người Quảng Ninh phát triển toàn diện, cả về đạo đức, lối sống, có lý tưởng, trách nhiệm, trình độ năng lực sáng tạo, có khả năng thương thức và sáng tạo cái đẹp, có mong muốn được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

Quán triệt sâu sắc và quyết tâm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

trong nội bộ. Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII của Đảng, về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, các chuẩn mực tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của con người Quảng Ninh dần được hình thành đưa vào quy ước, hương ước làng, xã; vào quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị, tổ chức, góp phần hình thành ý thức, thói quen tu dưỡng, rèn luyện cho mỗi cá nhân. Thành phố Uông Bí xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử “Tự hào là công dân TP Uông Bí”; Thành phố Hạ Long triển khai Đề án “Văn hóa công vụ”; huyện Tiên Yên đẩy mạnh thực hiện phong trào “Người Tiên Yên nói lời hay, làm việc tốt, ứng xử văn minh”; Thành phố Cẩm Phả “Xây dựng hình ảnh con người Cẩm Phả văn minh, thân thiện, nghĩa tình,... Tỉnh ủy Quảng Ninh cũng đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể trong tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều phong trào như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Khu phố văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”; “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”...

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sớm ban hành nghị quyết chuyên đề riêng là Nghị quyết số 11-NQ/TU (ngày 9/3/2018) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, với mục tiêu: Gìn giữ và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”, ngày 9-3-2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU “Về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” với mục tiêu là xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng: Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện. Cụ thể hóa Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy, ngày 30-11-2022, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3504/QĐ-UBND về việc ban hành Quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Với 4 chương, 23 điều, Quy tắc ứng xử gồm hai phần chính: Quy tắc ứng xử chung; những quy tắc ứng xử trong cộng đồng nơi cư trú và tại một số nơi công cộng cụ thể. Trong đó, Quy tắc ứng xử chung (gọi tắt là “Quy tắc 5T”) gồm: Thượng tôn pháp luật; Tôn trọng bản thân và người khác; Tôn trọng và bảo vệ môi trường; Thân thiện, văn minh, hào sảng; Trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.



Để quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh đi vào cuộc sống và lan tỏa, thời gian qua, các địa phương, cơ quan, đơn vị, các đoàn thể chính trị xã hội từ tỉnh đến, xã, phường, thị trấn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh từ gia đình đến cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư. Qua đó giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, hình thành nét văn hóa, thói quen ứng xử văn minh, lịch sự, thân thiện, xây dựng hình ảnh, ấn tượng tốt đẹp và niềm tin đối với doanh nghiệp và du khách khi đến Quảng Ninh. “Mục tiêu cao nhất của việc triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nhằm góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh văn minh, thân thiện, hiện đại và đáng sống, đồng thời giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Quảng Ninh cho thế hệ.

Hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh đang tổ chức xây dựng Đề án “Xây dựng Bộ tiêu chí Người Quảng Ninh” trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Với đầy đủ các tài nguyên vô hạn và hữu hạn, Quảng Ninh mang trong mình những giá trị riêng biệt, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nơi lưu giữ giá trị nổi bật của di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, nơi Đức vua Trần Nhân Tông hóa Phật, phát tích của thiền phái Trúc Lâm cùng hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa đặc sắc. Quảng Ninh còn là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam với di sản vô giá “Kỷ luật và Đồng tâm”. Con người nơi đây hội tụ, giao thoa trong sự thống nhất đa dạng của nền văn minh sông Hồng. Văn hóa Quảng Ninh là sự kết hợp hài hòa giữa những tinh hoa truyền thống và văn hóa hiện đại. Những vốn văn hóa quý giá, khác biệt, riêng có ấy luôn được tỉnh Quảng Ninh trân trọng, bảo tồn và phát huy. Đặc biệt, thiên nhiên, con người và văn hóa được xác định là 3 trụ cột để Quảng Ninh chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững. Thấm nhuần và cụ thể hóa những chủ trương lớn của Đảng ta về phát triển văn hóa ở một vùng đất có nhiều nét riêng, đặc thù, tỉnh Quảng Ninh xác định phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển con người, coi văn hóa, con người vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng tinh thần, là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện rõ bản sắc văn hóa truyền thống đa dạng trong thống nhất của các dân tộc anh em trên vùng đất địa đầu Đông Bắc. Do đó, Quảng Ninh là một trong số ít tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngày 9-3-2018, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”. Sau khi có Nghị quyết số 11-NQ/TU, tỉnh tập trung huy động các nguồn lực để tạo chuyển biến rõ nét từ đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhà nước, đặc biệt là cán bộ chủ chốt các cấp làm nòng cốt, gương mẫu, đi đầu, tạo sự lan tỏa trong cả hệ thống chính trị và nhân dân toàn tỉnh; coi trọng, khơi dậy, phát huy sức sáng tạo của nhân dân trong bảo tồn

và phát triển văn hóa; đầu tư xây dựng và phát huy tối đa hiệu quả các thiết chế văn hóa nhằm đáp ứng đời sống nhân dân.

### **CÁC GIÁ TRỊ ĐẶC TRƯNG CON NGƯỜI QUẢNG NINH LÀ SỰ ĐỨC KẾT TỪ QUÁ KHỨ ĐẾN HIỆN TẠI**

Mối quan hệ khăng khít, biện chứng giữa xây dựng văn hóa với xây dựng con người được Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh nhận thức sâu sắc, phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng con người để thúc đẩy phát triển văn hóa. Xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp là trọng tâm, cốt lõi của phát triển văn hóa. Trên cơ sở kế thừa những thành quả của các thế hệ đi trước, khắc phục những hạn chế trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, hội nhập quốc tế, cùng những giải pháp quyết liệt, từ năm 2018 đến nay, Nghị quyết 11-NQ/TU đã và đang lan tỏa, thấm sâu vào đời sống. Những thành tố đặc trưng “Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện” đã và đang tiếp tục hiện diện trong từng cán bộ, người dân Quảng Ninh, trong từng nhiệm vụ được con người thực thi trong hoạt động công vụ và thực hiện trong đời sống hằng ngày.

Con người Quảng Ninh hội tụ bởi sự “đa dạng trong thống nhất” của phong tục, tập quán, lối sống, tri thức dân gian... của các dân tộc sinh sống theo cộng đồng dân cư phân bố khắp địa bàn rộng lớn, cả biển đảo, núi rừng, biên giới.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội qua các giai đoạn lịch sử, Quảng Ninh là nơi hội tụ của rất nhiều người từ các địa phương khác đến làm ăn, sinh sống, lập nghiệp, mang đến sự đa dạng văn hóa. Quảng Ninh cũng là vùng đất hội tụ của nhiều nét văn hóa đặc trưng, từ văn hóa biển, văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số, văn hóa Phật giáo,... Chính vì vậy, con người Quảng Ninh cũng mang những đặc trưng rất riêng bên cạnh những phẩm chất chung của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đó là sự hòa hợp với thiên nhiên, tính phóng khoáng, hào sảng, những ước mong giá trị của yêu thương và đoàn kết, của cuộc sống bình yên, người với người có tình có nghĩa. Vốn hình thành cuộc sống từ khai hoang, bám biển, người Quảng Ninh coi trọng truyền thống, luôn thành kính các thế hệ đi trước đã có công mở đất, dựng nghiệp. Hàng chục năm qua, việc duy trì nghi lễ truyền thống mừng và rước cụ Thượng hằng năm ở khu vực Hà Nam (thị xã Quảng Yên) là minh chứng sinh động. Cuộc sống nơi biên cương núi non hiểm trở, thường bị thiên nhiên đe dọa, giặc giã thổ phỉ, hải phỉ cướp bóc đã hình thành, tôi luyện người Quảng Ninh có đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó, kiên cường, mưu trí, sáng tạo. Trong hiện đại, truyền thống đó biểu hiện ở sự kính trọng thương yêu cha mẹ, ông bà.

Tính cách con người Quảng Ninh chia thành 5 tiểu vùng văn hóa. Trong đó, văn hóa truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” của công nhân vùng mỏ của Quảng Ninh cũng được hình thành bởi sự kết hợp giữa cuộc sống công nghiệp với đời sống công nhân vùng mỏ.

Và để hình thành những con người hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, không thể không dựa vào, phát huy, phát triển từ các đặc trưng nổi trội của con người từ trong truyền thống. Do đó, việc bảo tồn, phát huy các giá trị con người là nhiệm vụ quan trọng. Một số địa phương đã hình thành nên những “bảo tàng sống” về bản sắc văn hóa truyền thống ở các thôn, bản như: Mô hình Trung tâm Bảo tồn văn hóa người Dao Thanh Y, xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long; bản văn hóa dân tộc Tày (xã Lục Hồn), dân tộc Sán Chay (xã Húc Động), huyện Bình Liêu; nhà văn hóa dân tộc của người Sán Chỉ, xã Đại Dục, huyện Tiên Yên...

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

*Một là*, bằng nguồn lực thỏa đáng, sự đầu tư đúng đắn, hướng đi bài bản trên cơ sở kiên định với quan điểm “con người là sức mạnh nội sinh của sự phát triển”, mỗi người Quảng Ninh đều không khỏi tự hào bởi những đặc trưng hào sảng, hòa đồng, mến khách của con người Quảng Ninh đã và đang được lan tỏa khắp thế giới thông qua các sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí mang tầm quốc tế như: SEA Game 31, Đại hội Thể thao toàn quốc 2022, Giải Marathon Quốc tế Di sản Hạ Long 2022...

*Hai là*, Đại hội XV Đảng bộ tỉnh lần đầu tiên đưa “Nhân dân hạnh phúc” trở thành một giá trị mới của tỉnh và là giá trị đứng cuối cùng trong hệ giá trị của tỉnh gồm: Thiên nhiên tươi đẹp - Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc”. Đây chính là giá trị đích đến, là mục tiêu mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tổng tỉnh xác định xây dựng. Trong định hướng phát triển, tỉnh Quảng Ninh đặc biệt quan tâm phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững gắn với tiêu chí hạnh phúc. Trong nhiều năm liền, tỉnh giữ vững vị trí trong nhóm 6 địa phương đứng đầu cả nước về chỉ số phát triển con người (HDI). Riêng giai đoạn 2018 - 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 24 nghị quyết nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để người dân Quảng Ninh có cuộc sống an toàn, ấm no, tự do, hạnh phúc trong một môi trường xã hội văn minh. Những gì Quảng Ninh đã và đang làm không chỉ giúp con người phát triển toàn diện, đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn, làm chủ trong xu thế hội nhập, mà quan trọng hơn giúp mỗi con người làm nên, tạo ra và thụ hưởng những tiêu chí của hạnh phúc, thành quả của sự phát triển, tiến bộ của xã hội.

*Ba là*, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh luôn xác định xây dựng con người phát triển toàn diện là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Và trong những năm qua, Quảng Ninh luôn nằm trong vị trí trong nhóm 5 địa phương đứng đầu cả nước về chỉ số phát triển con người (HDI).

*Bốn là*, đồng thời với nhiệm vụ giáo dục, đào tạo kiến thức, tri thức, công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực thực hành cho học sinh, sinh viên được các cơ sở giáo dục phối hợp với các ngành, đơn vị triển khai hiệu quả. Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đã xây dựng Bộ tài liệu giáo dục địa phương đưa vào giảng dạy trong các cấp giáo dục phổ thông đảm bảo tính thời sự, gần gũi về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp... của tỉnh. Trung bình mỗi năm có 80% các trường học tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa truyền thống cách mạng của địa phương; 100% học sinh được tham gia các chương trình học kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hóa tích hợp trong các giờ học chính khóa.

*Năm là*, xây dựng bản lĩnh, kiên định, giữ vững tinh thần cải cách trong đội ngũ cán bộ công chức; đổi mới sáng tạo trong tổ chức thực hiện; đạt được sự hài lòng của người dân là một trong những giải pháp được Quảng Ninh đặc biệt quan tâm. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, thực sự là tấm gương về văn hóa, đạo đức, lối sống, nhân cách; thực sự là công bộc tận tụy phục vụ nhân dân và vì sự phát triển của Quảng Ninh. Tinh thần 5 thật “Nghĩ thật, nói thật, làm thật, hiệu quả thật, nhân dân được thụ hưởng thành quả thật” và 6 dám “Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung” được xác định là phương châm hành động của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong nửa đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*Sáu là*, đặc trưng mới cần được nhận diện là cán bộ Quảng Ninh luôn lấy động lực phải nhìn về phía trước để tiến lên, lấy sự hài lòng của người dân và mục tiêu người dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc làm đích đến. Có nghĩa, tổng mỗi cán bộ Quảng Ninh đều ẩn chứa một sức mạnh tinh thần, sức mạnh văn hóa - đó chính là đặc trưng mới của con người Quảng Ninh với nền tảng vững bền là văn hóa.

*Bảy là*, phấn đấu giữ vững tốc độ tăng trưởng GRDP hai con số đồng thời với nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững; gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, đảm bảo an sinh, phúc lợi, tiến bộ và công bằng xã hội, hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của “hạnh phúc” trong thời kỳ mới theo quan điểm mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thể hiện trong bài phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trên lĩnh vực văn hóa. ❖

## **QUẢNG NINH KHƠI DẬY VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI, TẠO ĐỘNG LỰC VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG**

**CAO TUỒNG HUY**

*Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  
Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh*

Với lợi thế là địa phương có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có đủ địa hình đồng bằng, trung du, đồi núi, biển, biên giới và hải đảo, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh có vai trò quan trọng và đặc biệt cấp thiết, mang ý nghĩa chiến lược lâu dài để góp phần phát triển nhanh và bền vững, đưa Quảng Ninh trở thành “nơi cần đến và nơi đáng sống” trong bối cảnh hiện nay.

Nằm ở phía Đông Bắc của đồng bằng sông Hồng, tỉnh Quảng Ninh với diện tích đất liền hơn 6.100 km<sup>2</sup> và trên 6.000 km<sup>2</sup> mặt biển, dân số khoảng 1,34 triệu người, tài nguyên thiên nhiên phong phú, có đủ địa hình đồng bằng, trung du, đồi núi, biển, biên giới, hải đảo, được ví như “một Việt Nam thu nhỏ”, hội tụ đầy đủ những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Có thể thấy, tỉnh Quảng Ninh có vị trí địa chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng; là một trong ba cực tăng trưởng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; là địa phương duy nhất của cả nước có cả đường biên giới trên bộ và trên biển với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, cửa ngõ giao thương quan trọng và sôi động của Việt Nam với ASEAN. Tỉnh Quảng Ninh giàu tiềm năng du lịch, có Vịnh Hạ Long là Di sản thiên nhiên thế giới và Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, nơi phát sinh trường phái Trúc Lâm với Phật hoàng Trần Nhân Tông. Với nền văn hóa phong phú, Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng. Người dân Quảng Ninh có truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất, kiên cường, “ki luật, đồng tâm”, là một trong những cái nôi của phong trào công nhân, nơi rèn luyện và giác ngộ ý thức giai cấp cho các chiến sĩ cách mạng kiên trung.

Trong những năm vừa qua, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo bám sát nguyên tắc, phương thức lãnh đạo của Đảng và triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, đạt nhiều kết quả tích cực, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh toàn diện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự hỗ trợ của Trung ương và phát huy bản lĩnh, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần năng động, sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tích cực chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược, đạt những thành tựu ấn tượng. GRDP tăng trưởng 2 con số trong 7 năm liên tiếp trong giai đoạn 2016 - 2022, trong đó, năm 2022 đạt 10,28%. Quy mô kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 ước đạt 269 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt trên 8.200 USD, gấp đôi bình quân chung cả nước. Cùng với phát triển kinh tế, tỉnh Quảng Ninh đã quan tâm giải quyết tốt, hài hòa các vấn đề xã hội, đặc biệt trong phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh và công bằng, tiến bộ xã hội; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh.

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Kết luận số 76-KL/TW, ngày 4-6-2020, của Bộ Chính trị (khóa XII) “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW”, Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, đặc biệt Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh xác định “xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu nghèo” là một trong 3 khâu đột phá chiến lược. Thông qua đó, giành nhiều nguồn lực, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để tập trung thực hiện và đã đạt được kết quả quan trọng sau:

*Một là, bảo tồn và phát triển văn hóa mang bản sắc của Quảng Ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.*

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa được cấp ủy, chính quyền đặc biệt quan tâm. Tỉnh Quảng Ninh đã rà soát, khảo cổ, sưu tầm, khoanh vùng 638 di tích, trong đó có 6 di tích quốc gia đặc biệt; 58 di tích quốc gia; 92 di tích cấp tỉnh; 482 di tích được kiểm kê phân loại. Thực hiện trùng tu, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể,

phi vật thể đối với Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều, di tích đền Cửa Ông và nhiều di tích danh thắng khác trong toàn tỉnh, với nguồn kinh phí trên 4.000 tỷ đồng, chủ yếu bằng nguồn vốn xã hội hóa. Các di tích lịch sử được trùng tu, tôn tạo ngày càng đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân, du khách tìm hiểu lịch sử, văn hóa và con người Quảng Ninh.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh đã và đang phối hợp chặt chẽ với tỉnh Hải Dương, tỉnh Bắc Giang triển khai lập hồ sơ khoa học “Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc” đề nghị UNESCO công nhận Di sản thế giới, đưa Yên Tử trở thành địa danh nổi tiếng toàn cầu, mở ra cơ hội lớn trong giao lưu, hội nhập, phát triển văn hóa, du lịch. Đồng thời, tích cực đẩy mạnh công tác lập hồ sơ công nhận Bảo vật quốc gia, đến nay tỉnh đã có 13 di vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận Bảo vật quốc gia. Quảng Ninh cũng là tỉnh đi đầu và sớm hoàn thành tổng kiểm kê 7 loại hình di sản văn hóa phi vật thể với 362 di sản, trên cơ sở giá trị đặc biệt, nổi trội, tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo lập hồ sơ đề nghị và được công nhận 7 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; di sản Then - nghi lễ của người Tày Bình Liêu cùng với 10 tỉnh trong cả nước có di sản Then đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Chú trọng phục dựng lại nhiều loại hình văn hóa dân gian tiêu biểu của từng địa phương, từng vùng, các làng nghề thủ công truyền thống, đặc biệt là văn hóa của các dân tộc thiểu số đã được phục dựng và phát huy giá trị, như Tục hát “đúm” trên biển làng chài Cửa Vạn; hát Nhà tơ, hát múa Cửa đình; lễ hội Cấp sắc của dân tộc Dao, lễ Đại phan của người Sán Dìu; lễ hội Xuông đồng; lễ hội Lồng Tồng... Trong đó, nhiều loại hình nghệ thuật dân tộc truyền thống đã trở thành sản phẩm văn hóa phục vụ khách du lịch, như hát chèo, múa rối truyền thống khu du lịch làng quê Yên Đức; Khu du lịch Quảng Ninh Gate (Đông Triều); hát Đối, hát Giao duyên trên thuyền của cư dân làng chài Cửa Vạn (thành phố Hạ Long); Hát Then của người Tày, hát Soóng Cọ của người Sán Chỉ (huyện Bình Liêu và Tiên Yên); Chương trình du lịch “Cốc Cốc đảo Hà Nam” cùng điệu hát Đúm ở đảo Hà Nam (thị xã Quảng Yên); hát Nhà tơ, hát múa Cửa đình ở Vạn Ninh (thành phố Móng Cái)... Phục dựng nhiều thôn, làng, bản xây dựng, phát triển trở thành “bảo tàng sống” như Bản Dao Thanh Y, xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long; Bản văn hóa người Dao, thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ.

Các lễ hội truyền thống cũng dần được bảo tồn gắn với các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong lễ hội. Đến nay, toàn tỉnh có 119 lễ hội, trong đó điển hình,

như lễ hội Yên Tử, lễ hội đền Cửa Ông, lễ hội Tiên Công, lễ hội chùa Lôi Âm, lễ hội đình Lục Nà, lễ hội đình Đàm Hà, lễ hội đình Làng Dạ, lễ hội đình Trà Cổ, lễ hội chùa Quỳnh Lâm, lễ hội chùa Cái Bầu, lễ hội chùa Ba Vàng, lễ hội đình Quan Lạn... Nhiều lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa đặc sắc, vừa bảo tồn được di sản văn hóa, vừa tạo thành sản phẩm văn hóa đặc trưng, riêng có của tỉnh Quảng Ninh, như lễ hội Carnaval, lễ hội hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, lễ hội hoa Sứ, lễ hội trà hoa Vàng...

*Hai là, tập trung xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa lớn gắn với mô hình quản lý tự chủ và xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ nhân dân, phục vụ du khách.*

Tỉnh Quảng Ninh đã quan tâm, dành nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; đến nay, đã có những công trình văn hóa cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc tế, như Bảo tàng - Thư viện - Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Cung văn hóa thiếu nhi, Công viên hoa Hạ Long, Quảng trường 30/10, Cột Đồng hồ Hạ Long, Cụm thông tin cổ động tại Mũi Sa Vĩ, Trung tâm thể thao Đông Bắc, Khu liên hợp thể thao tỉnh. Các thiết chế văn hóa cấp tỉnh đã dần đáp ứng tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao cấp quốc gia, quốc tế và khu vực như SEA Games 31, Liên hoan Xiếc quốc tế, Liên hoan các ban nhạc quốc tế,... góp phần tạo nên hình ảnh của Quảng Ninh, khẳng định vị thế của một tỉnh phát triển mạnh và bền vững.

Cùng với sự đầu tư của tỉnh, cơ bản các địa phương trên địa bàn tỉnh đã quan tâm dành nguồn lực, từng bước thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tạo diện mạo mới trong phát triển hệ thống hạ tầng, không gian văn hóa ở các địa phương, bảo đảm phục vụ tổ chức các sự kiện quan trọng, các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao trên địa bàn. Đến nay, toàn tỉnh có 13/13 địa phương cấp huyện có Trung tâm Truyền thông và Văn hóa; có 2/12 Trung tâm Văn hóa Thể thao đạt chuẩn (Đông Triều, Cẩm Phả); có 10/13 sân bóng đá (1 sân Cẩm Phả đạt tiêu chuẩn); 61/177 địa phương cấp xã có nhà văn hóa (trong đó 43/61 nhà văn hóa đạt chuẩn); 87/177 xã thành lập Trung tâm Văn hóa Thể thao. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, xây dựng thiết chế văn hóa trong 5 năm qua (2018 - 2022) là 1.240.701 triệu đồng (trong đó, cấp huyện 723.475 triệu đồng, cấp xã 517.226 triệu đồng).

*Ba là, đầu tư phát triển một số sản phẩm văn hóa, du lịch truyền thống và hiện đại tiềm năng.*

Để phát huy tiềm năng, nhiều năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều biện pháp, chú trọng chất lượng, có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư phát triển du lịch theo hướng bền



vững; thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào Quảng Ninh nhằm nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng cao, nổi bật là chuỗi các hoạt động vui chơi, giải trí tại Công viên Sunworld Hạ Long, khu nghỉ dưỡng khoáng nóng tại thành phố Cẩm Phả; chuỗi các khách sạn, resort đẳng cấp quốc tế, sân golf; các trung tâm thương mại, cùng với nhiều tổ hợp công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí. Tập trung xây dựng “thương hiệu” sản phẩm văn hóa (văn hóa bản sắc dân tộc và văn hóa ẩm thực), phát triển 456 sản phẩm OCOP “Mỗi xã, phường một sản phẩm”. Tổ chức nhiều hoạt động du lịch sinh thái gắn với tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc và văn hóa ẩm thực với các làng nghề văn hóa thủ công truyền thống, như gốm sứ (thị xã Đông Triều), đan ngư cụ, đóng tàu vỏ gỗ (thị xã Quảng Yên), nuôi cấy ngọc trai (huyện Vân Đồn)... Hình thành tuyến phố đi bộ tại một số địa phương (Móng Cái, Tiên Yên, Hải Hà, Hạ Long, Cô Tô,...) và khu vui chơi, giải trí riêng biệt dần từng bước góp phần phát triển một số sản phẩm văn hóa đặc trưng, thu hút sự quan tâm của đông đảo du khách đến với Quảng Ninh, từng bước phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa.

*Bốn là, đẩy mạnh phát triển văn học, nghệ thuật Quảng Ninh theo hướng khuyến khích, phát triển, thu hút tài năng.*

Để khuyến khích, thu hút các tài năng văn hóa, nghệ thuật, thể thao, tỉnh Quảng Ninh ban hành “Quy hoạch phát triển sự nghiệp Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020”, Đề án “Xây dựng đội ngũ làm công tác văn học nghệ thuật tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 định hướng 2020”. Hằng năm, tỉnh Quảng Ninh tổ chức nhiều hoạt động nhằm phát hiện, bồi dưỡng tài năng về văn hóa, nghệ thuật (Hội thi giai điệu tuổi hồng, Họa mi vàng, Hội diễn nghệ thuật quần chúng...). Công tác xây dựng, phát triển hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh được quan tâm, đến nay đã có 550 hội viên (năm 2018 có 537 hội viên) và trên 600 văn nghệ sĩ, trong đó, nhiều nghệ sĩ, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, diễn viên thành danh được công chúng cả nước mến mộ; hằng năm, các văn nghệ sĩ Quảng Ninh đã sáng tác thêm trên dưới 1.000 tác phẩm, có gần 300 tác phẩm, đầu sách được công bố, xuất bản. Toàn tỉnh có gần 2.000 câu lạc bộ văn nghệ, thể thao hoạt động tại nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; thôn, làng, bản, khu phố, đóng góp vào phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao của tỉnh. Các câu lạc bộ tích cực tham gia các hoạt động hội thi, hội diễn các cấp tổ chức thường niên ở 3 cấp xã, huyện và tỉnh. Thông qua đó nổi lên nhiều hạt nhân, đóng góp cho phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao của tỉnh.

Công tác lập hồ sơ, phát triển các nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và các nghệ sĩ đề nghị Chủ tịch nước, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và Ủy ban nhân dân

tỉnh công nhận được duy trì hàng năm; các nghệ nhân, nghệ sĩ được công nhận ngày càng tăng về số lượng, chất lượng, đến nay đã có 32 nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể (trong đó có 1 nghệ nhân nhân dân, 31 nghệ nhân ưu tú); 59 nghệ nhân dân gian Việt Nam; 2 nghệ sỹ nhân dân; 17 nghệ sỹ ưu tú; 129 nghệ sỹ vùng Mỏ.

*Năm là, xây dựng chuẩn mực ứng xử của người Quảng Ninh gắn với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh.*

Nhằm hướng tới xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng *Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện*, ngày 30-11-2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3504/QĐ-UBND về việc ban hành Quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, các địa phương ban hành các quy tắc ứng xử gắn với bản sắc của từng địa phương nhằm bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc; ý thức tuân thủ pháp luật. *Đồng thời*, xây dựng các tiêu chí cụ thể đối với các danh hiệu thi đua, xây dựng nếp sống và văn hóa ứng xử nơi công cộng có hiệu quả, thiết thực. Toàn tỉnh ước có 99,7% số đám cưới và 99,6% số đám tang thực hiện tốt nếp sống văn minh; có 1.452 thôn, khu phố đã xây dựng quy ước, hương ước; có 71,4% gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, 62,2% dòng họ đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”, 82% cộng đồng đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”, có 309 hội, hơn 2.500 chi hội, gần 1.400 ban khuyến học với tổng số gần 400.000 hội viên, chiếm 32% dân số toàn tỉnh.

Việc xây dựng môi trường văn hóa từ gia đình đến cộng đồng dân cư được quan tâm; tập trung xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, cơ sở thờ tự tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực. Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân loại bỏ dần các yếu tố mê tín, dị đoan, các hủ tục lạc hậu trong đời sống sinh hoạt, tôn giáo, tín ngưỡng được triển khai có hiệu quả. Trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã xây dựng thành công nhiều làng, thôn, bản văn hóa, góp phần tích cực đẩy lùi các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự trong thôn, bản. Công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hương ước, quy ước được các địa phương duy trì và thực hiện hiệu quả. Đời sống văn hóa tại các vùng dân tộc thiểu số, có chiều hướng phát triển tốt; các tôn giáo hoạt động phát huy vai trò cầu nối trong việc tuyên truyền, vận động tín đồ, giáo dân, phật tử, nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, từng bước xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xây dựng cơ sở thờ tự thành trung tâm văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng lành mạnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho tín đồ, giáo dân, phật tử, nhân dân.

Để phát huy giá trị văn hóa, con người, tạo động lực và nguồn lực quan trọng cho tỉnh Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững, trong thời gian tới cần xác định một số nhiệm vụ trọng yếu sau:

*Thứ nhất*, bám sát, thực hiện hiệu quả các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23-11-2022, của Bộ Chính trị “Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Đặc biệt, cụ thể hóa bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 tổ chức tại Hà Nội vào tháng 11-2021, trong đó tiếp tục nhấn mạnh văn hóa “soi đường cho quốc dân đi”, phải “coi văn hóa ngang bằng với phát triển kinh tế”, khẳng định văn hóa là “sức mạnh mềm” của đất nước trong tiến trình hội nhập và phát triển,...; đồng thời, thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Quảng Ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-2-2023, “Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, trong lĩnh vực văn hóa, con người tỉnh Quảng Ninh tiếp tục xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các khâu đột phá trọng tâm để phát triển: “Văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển bền vững của tỉnh”, “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu nghèo”; xây dựng Quảng Ninh với những đặc trưng: “Môi trường văn minh - Kinh tế phát triển - Hành chính minh bạch - Văn hóa đặc sắc - Nhân dân hạnh phúc”.

*Thứ hai*, bảo tồn và phát triển văn hóa mang bản sắc của Quảng Ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, dành nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản; thực hiện quy hoạch chi tiết các di tích trọng điểm, có lợi thế để gắn với hoạt động du lịch, nhất là các di tích quốc gia đặc biệt. Hoàn thiện hồ sơ đề cử UNESCO công nhận Quần thể di tích và danh thắng “Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc” là Di sản thế giới; Di tích Thương cảng Vân Đồn, Đình Trà Cổ được Thủ tướng Chính phủ công nhận Di tích quốc gia đặc biệt. Bảo tồn các thôn, làng, bản phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

*Thứ ba*, tập trung phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch có tính đặc trưng, thế mạnh của tỉnh, như du lịch biển, đảo; du lịch biên giới; du lịch văn hóa, tâm linh; du lịch sinh thái, cộng đồng; du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh,... cùng với phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch truyền thống và du lịch hiện đại. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý di sản văn hóa và khai thác du lịch.

*Thứ tư*, tăng cường quảng bá, xúc tiến và phát triển thị trường khách du lịch đến với Quảng Ninh. Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch Quảng Ninh gắn với hình ảnh “Nụ cười Hạ Long”; chủ động xây dựng nội dung thông tin, xúc tiến quảng bá với các hình thức phù hợp, cùng với đó tạo ra nhiều sản phẩm đặc thù, độc đáo riêng có của từng di sản

văn hóa, kết hợp với cách tổ chức dịch vụ chuyên nghiệp, an toàn, tạo được ấn tượng tốt đẹp và sự hài lòng của du khách.

*Thứ năm*, tập trung xây dựng Đề án thí điểm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Quảng Ninh nhằm thu hút các nhà đầu tư tiềm năng nước ngoài, trong nước đầu tư các sản phẩm nghệ thuật, giải trí. Mục tiêu đặt ra là gia tăng giá trị của các sản phẩm công nghiệp văn hóa, nhất là các ngành nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo, phần đầu đóng góp 7% GDP; mức tăng trưởng hằng năm trung bình đạt 7%; thành phố Hạ Long phấn đấu trở thành Thành phố sáng tạo thuộc Mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO.

*Thứ sáu*, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp, phát huy hiệu quả các công trình đã đầu tư, như Cụm công trình Bảo tàng - Thư viện tỉnh - Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Khu liên hợp thể thao tỉnh, Cung Văn hóa thanh thiếu nhi; đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất các trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

*Thứ bảy*, chú trọng một số chính sách liên quan đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người, trong đó tập trung hoàn thiện chính sách, xây dựng Trường Đại học Hạ Long trở thành “nôi” đào tạo, ươm mầm những tài năng đỉnh cao đóng góp cho phong trào nghệ thuật. ❖

# PHÁT HUY TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ, TỈNH QUẢNG NINH PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH ĐẦU TÀU DU LỊCH QUỐC GIA, TRUNG TÂM DU LỊCH QUỐC TẾ

VŨ TRỌNG LÂM

*Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật*

Theo Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-02-2023, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, Quảng Ninh được xác định là “cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước... phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế”.

Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, với ưu thế là một trong những tỉnh có kho di sản văn hóa và tài nguyên du lịch to lớn, phong phú, đa dạng, đặc sắc với nhiều danh lam thắng cảnh, di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới cùng truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán, lễ hội đa dạng, Quyết định số 80/QĐ-TTg xác định du lịch Quảng Ninh là “ngành kinh tế mũi nhọn”, “là đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế”. Mục tiêu này đòi hỏi tỉnh Quảng Ninh cần phải huy động mọi nguồn lực, phát huy tiềm năng và lợi thế mạnh của tỉnh để biến khát vọng thành hiện thực.

## 1. NHỮNG ƯU THẾ VÀ TIỀM NĂNG VƯỢT TRỘI CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Tỉnh Quảng Ninh có nhiều lợi thế để triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế về văn hóa - du lịch; có nhiều điều kiện đặc biệt thuận lợi để bứt phá trong phát triển văn hóa - du lịch, tạo đòn bẩy đưa Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế trong thời gian tới.

*Về điều kiện tự nhiên:* Quảng Ninh có thiên nhiên kỳ thú, địa hình, địa mạo đa dạng, vị trí địa lý vô cùng thuận lợi cho quá trình giao lưu, hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực. Đây là một điều kiện vô cùng thuận lợi, một ưu thế vượt trội của Quảng Ninh trong quá trình hội nhập quốc tế về mọi mặt kinh tế - xã hội, đặc biệt là về văn hóa - du lịch.

Nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, Quảng Ninh có vị trí địa lý chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, là cửa ngõ hội nhập với thế giới của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, là điểm nút trong khu vực hợp tác “hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt Nam - Trung Quốc và kết nối với khu vực ASEAN. Quảng Ninh là tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ, trên biển tiếp giáp với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Phía bắc của tỉnh (bao gồm các huyện Bình Liêu, Hải Hà và thành phố Móng Cái) giáp huyện Phòng Thành và thị trấn Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) với 132,8 km đường biên giới; phía đông là Vịnh Bắc Bộ; phía tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương; phía nam giáp với thành phố Hải Phòng. Toàn tỉnh có đường bờ biển dài 250km.

Quảng Ninh là tỉnh trung du miền núi nằm ở vùng duyên hải, có địa hình đa dạng, độc đáo được ví như một “Việt Nam thu nhỏ”; địa hình của tỉnh có thể chia thành 3 vùng gồm có: vùng núi, vùng trung du và đồng bằng ven biển, vùng biển và hải đảo, với 80% diện tích là đồi núi đan xen biển cả và đồng bằng, hình thành nhiều cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp. Trong đó, dạng địa hình biển đảo là dạng địa hình đặc trưng, chi phối, tạo cho Quảng Ninh hình ảnh tự nhiên kỳ vĩ, không thể lẫn lộn, là nền tảng tạo nên Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô, bãi tắm Trà Cổ, Vườn quốc gia Bái Tử Long... Dạng địa hình trung du có hồ Yên Lập (Hoành Bồ), hồ Yên Trung (Uông Bí), thác Lụng Xanh (Uông Bí), thác Mơ (Yên Hưng), rừng thông (Yên Hưng)... Dạng địa hình đồi núi có rừng nguyên sinh Yên Tử, Khu Bảo tồn Đồng Sơn - Kỳ Thượng... Có thể nói, tỉnh Quảng Ninh đã được thiên nhiên ưu đãi với những điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi cho quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, mà ít địa phương nào trong cả nước có được.

*Về tài nguyên văn hóa - du lịch,* Quảng Ninh là tỉnh rất giàu có về tài nguyên văn hóa - du lịch, bao gồm cả các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Tỉnh sở hữu hệ thống danh lam, thắng cảnh và các cảnh quan thiên nhiên phong phú, kỳ thú, tươi đẹp như: núi Yên Tử (thành phố Uông Bí), núi Am Váp (thị xã Đông Triều), di sản thiên nhiên và kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long), nhiều bãi biển đẹp (Trà Cổ, Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng...).

Nơi đây còn lưu giữ hơn 600 di tích lịch sử, văn hóa, trong đó có 5 khu di tích quốc gia đặc biệt, bao gồm: danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, với hệ thống đảo đá và hang động tuyệt đẹp, là di sản thiên nhiên thế

giới); di tích và danh thắng Yên Tử (thành phố Uông Bí - nơi hình thành, ra đời và phát triển của Trung tâm Phật giáo Thiền tông thuần Việt); di tích lịch sử Bạch Đằng (thị xã Quảng Yên, với quần thể các bãi cọc, đình, đền, miếu dàn trải bên tả ngạn sông Bạch Đằng); khu di tích nhà Trần (thị xã Đông Triều, gồm quần thể các lăng, mộ, đền, chùa, am, tháp, trung tâm văn hóa tâm linh tiêu biểu của nhà Trần); và di tích lịch sử đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả và huyện Vân Đồn, với khu đền thờ Hưng Nhượng Đại vương Trần Quốc Tảng). Đồng thời, tỉnh Quảng Ninh có 9 bảo vật quốc gia (Hộp vàng Ngọa Vân - Yên Tử; Trống đồng Quảng Chính; Bình gốm Đầu Rằm hay còn gọi là gốm Hoàng Tân; Trống đồng thời Trần; Mâm bông gốm men vẽ nhiều màu; Bình gốm hoa sen thời Lý; Bình gốm hoa nâu Kinnari có niên đại thời Lý; Thạp gốm hoa nâu có niên đại thời Lý; Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông và xá lị của Phật hoàng Trần Nhân Tông tôn trí ở chùa Hoa Yên). Nhiều di sản được phân bố trong những không gian rộng lớn, có phong cảnh tự nhiên tươi đẹp...

Quảng Ninh còn là nơi sinh sống của cộng đồng các dân tộc Kinh, Tày, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa... với bản sắc văn hóa đa dạng, đặc sắc với hàng chục lễ hội truyền thống mang đặc trưng của từng vùng miền, có 6 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (lễ hội truyền thống đình Trà Cổ - Móng Cái; lễ hội truyền thống đình Quan Lạn - Vân Đồn; hát nhà tơ, còn gọi là hát cửa đình - Móng Cái; hát then - Bình Liêu; lễ hội Tiên Công - Quảng Yên; và lễ hội đền Cửa Ông - Cẩm Phả). Ngoài ra, còn phải kể đến những lễ hội rất độc đáo của đồng bào dân tộc thiểu số như: Hội làng của đồng bào Dao ở xã Bằng Cả (Hoành Bồ); lễ hội Soóng Cọ; lễ hội đình Lục Nà của đồng bào Tày, xã Lục Hồn (Bình Liêu), lễ hội đình Trà Cổ (Móng Cái), lễ hội Vân Đồn (xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn), lễ hội Tiên Công, lễ hội Bạch Đằng (thị xã Quảng Yên), hội chùa Quỳnh Lâm, hội đền An Sinh (thị xã Đông Triều)...

Có thể nói, đây là vốn di sản văn hóa quý báu vô cùng dồi dào, đáng mơ ước với nhiều địa phương trong cả nước, góp phần khẳng định những giá trị khác biệt của Quảng Ninh, là “nguồn vốn” to lớn để văn hóa - du lịch tỉnh Quảng Ninh phát triển vượt bậc không chỉ ở trong phạm vi nội địa mà còn có khả năng vươn tầm giá trị trên thị trường văn hóa - du lịch quốc tế.

Về kết cấu hạ tầng cho phát triển du lịch, Quảng Ninh là tỉnh có điều kiện thông thương với Trung Quốc - thông qua hệ thống các cửa khẩu trên đất liền và trên biển; nằm trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt Nam - Trung Quốc; Hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng, cầu nối ASEAN - Trung Quốc, Hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore... Hệ thống các công trình hạ tầng trọng điểm kết nối đã được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp, các công ty du lịch lữ hành trong và ngoài nước. Quảng Ninh đã xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, tạo chuỗi liên kết: đường bộ - đường không - đường thủy hiện đại, mang đẳng cấp quốc tế, như: Cảng Hàng không quốc tế Vân

Đồn, Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long - cảng tàu biển chuyên biệt phục vụ du lịch duy nhất của Việt Nam ở thời điểm hiện nay.

Quảng Ninh đã triển khai thực hiện ba tuyến cao tốc gồm cao tốc Hạ Long - Hải Phòng, cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, cao tốc Vân Đồn - Móng Cái dài hơn 100km. Cao tốc Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái là tuyến đường giao thông huyết mạch kết nối tỉnh Quảng Ninh với các trung tâm lớn trong nước và khu vực ASEAN. Quảng Ninh đang triển khai đầu tư một số công trình, dự án trọng điểm như: đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả; đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua vịnh Cửa Lục, hệ thống cầu Cửa Lục 1, 2, 3 để kết nối không gian đô thị giữa thành phố Hạ Long với huyện Hoành Bồ... Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển kinh tế khu vực biên giới của tỉnh, trong đó có du lịch quốc tế.

Về hệ thống dịch vụ - thương mại phục vụ phát triển du lịch, số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tăng nhanh, tính đến năm 2020, hệ thống khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp từ ba sao trở lên hiện có 7.587 phòng, tăng 68% so với năm 2015<sup>(1)</sup>. Chất lượng các khu lưu trú cũng không ngừng được nâng cấp, mang đến sự tiện ích tối đa cho du khách; trong đó có khu khách sạn, resort cao cấp bên cạnh một số sân golf, trung tâm thương mại mang tầm quốc tế và hệ thống bảo tàng, khu vui chơi đa dạng như: khu nghỉ dưỡng Vinpearl Hạ Long, công viên Đại Dương, quần thể du lịch nghỉ dưỡng và sân golf FLC, khu nghỉ dưỡng Yên Tử Legacy, khu nghỉ dưỡng cao cấp suối khoáng nóng Quanghanh... làm cho hệ sinh thái du lịch của tỉnh dần hoàn thiện, góp phần kéo dài thời gian trải nghiệm, lưu trú và tăng chi tiêu của du khách.

Nhờ đó, không gian du lịch, sản phẩm du lịch được mở rộng và đa dạng hóa, tăng trưởng mạnh mẽ với 4 trung tâm du lịch, 33 tuyến, 91 điểm du lịch, 8 khu du lịch cấp tỉnh, 5 khu du lịch cấp quốc gia; tập trung phát triển 4 dòng sản phẩm chủ lực: du lịch biển đảo, du lịch tâm linh, du lịch thương mại biên giới và du lịch sinh thái cộng đồng. Các sản phẩm du lịch của tỉnh ngày càng có tính cạnh tranh cao, phong phú, đa dạng. Nhiều sản phẩm chất lượng, có tính biểu tượng, khác biệt đã được những tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư bài bản, chuyên nghiệp, trở thành động lực, thu hút lượng lớn du khách<sup>(2)</sup>. Các chỉ tiêu của du lịch được cải thiện rõ rệt; số lượng khách, doanh thu, số ngày lưu trú của khách ngày càng tăng dần.

Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ du lịch cũng không ngừng được hoàn thiện, phát triển nhanh chóng, làm tăng thêm sức hút cho du lịch Quảng Ninh đối với du khách nội địa và quốc tế. Nổi bật là: Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển, bảo đảm an toàn, hiệu quả, ứng

(1) Xem: “Toàn văn Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025”, Báo Quảng Ninh điện tử, ngày 27-9-2020, <https://baoquangninh.vn/toan-van-bao-cao-chinh-tri-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tinh-lan-thu-xv-nhiem-ky-2020-2025-2502422.html>

(2) Xem: “Phát triển du lịch Quảng Ninh bền vững và hội nhập”, Công thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngày 13-9-2022, <https://bvhttdl.gov.vn/phat-trien-du-lich-quang-ninh-ben-vung-va-hoi-nhap-20220913110108227.htm>



dụng công nghệ hiện đại. Dịch vụ viễn thông phát triển tốt, hệ thống thông tin di động phủ sóng đạt 96% diện tích các khu dân cư trên địa bàn tỉnh; sóng di động 3G, 4G được phủ sóng 100% trung tâm các xã; Quảng Ninh đã chuẩn bị sẵn sàng ứng dụng công nghệ 5G; cung cấp wifi miễn phí cho nhiều khu du lịch, điểm văn hóa trên địa bàn<sup>(1)</sup>.

Đây là một trong những nền tảng cần thiết và là những nguồn lực quan trọng, chấp thêm cánh cho ngành du lịch Quảng Ninh vươn rộng ra thị trường quốc tế, thực hiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả.

## 2. TẬN DỤNG HIỆU QUẢ NHIỀU NGUỒN LỰC, CÁCH THỨC ĐỂ PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH

Hiện nay, ngành du lịch Quảng Ninh đang phát triển không ngừng và ngày càng đóng góp đáng kể vào cơ cấu kinh tế chung của tỉnh, đóng vai trò như một cầu nối giao lưu văn hóa, hữu nghị giữa Quảng Ninh với các địa phương trong cả nước và các nước trên thế giới. Nhận thấy tầm ảnh hưởng của phát triển du lịch, tỉnh Quảng Ninh đã đưa ra nhiều định hướng và cách thức triển khai thực hiện để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo đòn bẩy để tăng cường hợp tác quốc tế, đưa Quảng Ninh trở thành điểm du lịch quốc tế trong tương lai gần.

*Thứ nhất, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển du lịch quốc tế.*

Việc đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp tỉnh có điều kiện huy động được những nguồn lực từ bên ngoài; bồi đắp thêm tiềm lực từ bên trong, từ đó góp phần đạt được một số kết quả quan trọng. Nổi bật là tăng trưởng kinh tế luôn được duy trì ở tốc độ cao, thu ngân sách nhà nước luôn đứng trong nhóm 5 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước, môi trường đầu tư kinh doanh không ngừng được cải thiện, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) luôn nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước và duy trì được thành tích dẫn đầu PCI trong 5 năm liên tục...

Trong vòng 10 năm (2010 - 2020), tỉnh đã thu hút được hơn 200 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), với tổng vốn đăng ký trên 6,5 tỷ USD; có 21 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đang có hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các dự án FDI được duy trì ổn định và phát triển, giúp Quảng Ninh tăng nguồn vốn đầu tư phát triển, tăng năng lực sản xuất, thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới thiết bị, công nghệ<sup>(2)</sup>... Năm 2022, Quảng Ninh đứng thứ ba trong top 10 địa phương thu hút FDI nhiều nhất cả nước

(1) Xem: “Toàn văn Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025”, *Tlđđ*

(2) Xem: Hoài Anh: “*Quảng Ninh chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*”, Báo Quảng Ninh điện tử, ngày 22-12-2020, <https://baoquangninh.vn/quang-ninh-chu-dong-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-2514102.html>

(20 dự án FDI với tổng vốn đầu tư là 2,186 tỷ USD). Riêng trong tháng 1-2023, Quảng Ninh đã có nhiều buổi tiếp, làm việc cùng các nhà đầu tư quốc tế đến từ Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc và Trung Quốc... dự định đầu tư vào Quảng Ninh, với số vốn hàng trăm triệu USD. Trong năm 2023, tỉnh dự kiến sẽ thu hút 18 dự án FDI<sup>(1)</sup>.

Điều này đã cho thấy sự nỗ lực, chủ động trong việc hội nhập kinh tế quốc tế của Quảng Ninh; qua đó, khẳng định được sức mạnh tổng hợp, tạo đột phá và nâng cao sức cạnh tranh của tỉnh, khẳng định được vị thế đối với các nhà đầu tư lớn trên thế giới. Quảng Ninh đã đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, tăng cường thông tin truyền thông về truyền thống văn hóa, nét đẹp con người, đặc sắc cảnh quan, di sản của tỉnh, kêu gọi đối tác quốc tế đầu tư trong lĩnh vực du lịch; góp phần đẩy mạnh phát triển du lịch, biến Quảng Ninh trở thành một điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách quốc tế.

*Thứ hai, thường xuyên, liên tục có nhiều hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, trực tiếp đẩy mạnh quảng bá du lịch địa phương, nâng cao vị thế của Quảng Ninh trên thị trường du lịch quốc tế.*

Tỉnh Quảng Ninh đã tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu văn hóa với các tổ chức nước ngoài và quốc tế; gắn kết các hoạt động ngoại giao văn hóa với các hoạt động thông tin đối ngoại, ngoại giao, xúc tiến, quảng bá du lịch... Tỉnh đã phối hợp và tổ chức thành công nhiều sự kiện, hội nghị quốc tế, tiêu biểu như Carnival Hạ Long, Lễ hội Hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, Cuộc thi Tiếng hát ASEAN+3, Liên hoan Xiếc quốc tế - Hạ Long 2019;... Quảng Ninh đã đăng cai tổ chức hàng loạt các sự kiện: Đại hội đồng Diễn đàn Du lịch liên khu vực Đông Á (EATOF) lần thứ 17, gắn với Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập EATOF, cuộc thi Hoa hậu biển đảo Việt Nam 2022... Đến nay, Quảng Ninh trở thành điểm đến có uy tín cho nhiều sự kiện cấp quốc gia, quốc tế, đặc biệt là các chương trình giao lưu thể thao, văn hóa quốc tế kết hợp giới thiệu, quảng bá du lịch địa phương. Các sự kiện này trở thành cơ hội để quảng bá du lịch Quảng Ninh - điểm đến “thân thiện, an toàn, hấp dẫn”. Gần đây, tỉnh cũng đã tăng cường hoạt động đón và tổ chức các đoàn Famtrip, presstrip quốc tế đến khảo sát các tuyến, điểm du lịch tại Quảng Ninh; xây dựng các ấn phẩm tuyên truyền nhiều ngôn ngữ quảng bá về văn hóa, du lịch Quảng Ninh để phát trên các phương tiện vận chuyển, nhà ga, chuyến bay trong nước và quốc tế.

Thông qua các chương trình giao lưu văn hóa quốc tế, hình ảnh vùng đất và con người Quảng Ninh đã được quảng bá rộng rãi và để lại những ấn tượng tốt đẹp, sâu đậm trong du khách, bạn bè quốc tế. Từ sự thâm nhập, giao lưu văn hóa đối ngoại, Quảng Ninh mở rộng

(1) Xem: Minh Đức: “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*”, Trang thông tin điện tử Công an Quảng Ninh, ngày 16-2-2023, <https://conganquangninh.gov.vn/tin-tuc/tin-trong-tinh/chu-dong-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-24552.html>

giao lưu hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực khác nhau với nhiều đối tác quốc tế, trong đó có hợp tác về du lịch. Đến nay, ngoài 6 địa phương của Trung Quốc, Quảng Ninh đã thiết lập quan hệ hợp tác văn hóa với 8 địa phương khác của các nước: Hàn Quốc, Lào, Belarus. Hiện tỉnh đang xúc tiến phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác tiềm năng là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ba Lan và một số đối tác khác ở châu Âu<sup>(1)</sup>.

*Thứ ba, tỉnh thực hiện nhiều giải pháp đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái du lịch theo hướng bền vững, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.* Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, tỉnh đã tìm tòi, thực thi nhiều chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển du lịch toàn diện ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo đúng quy hoạch. Không gian phát triển du lịch được mở rộng, có trọng tâm, trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản. Thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược có uy tín, thương hiệu đầu tư vào lĩnh vực du lịch, dịch vụ. Hạ tầng du lịch có bước phát triển đột phá, ngày càng đồng bộ, hiện đại, tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Với những nỗ lực đó, tổng số khách du lịch trong 5 năm (2015 - 2020) ước đạt 53 triệu lượt (trong đó khách quốc tế đạt 19,3 triệu lượt), tăng bình quân 1,7%/năm; khách nội địa tăng bình quân 9,5%/năm; doanh thu du lịch tăng bình quân 11,9%/năm; du lịch đóng góp khoảng 7,1% tổng thu ngân sách nội địa (giai đoạn 2011 - 2015 chiếm 5,1%). Năm 2022, Quảng Ninh đón 11,6 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt 304.000 lượt. Doanh thu đạt 22.582 tỷ đồng. Năm 2023, Quảng Ninh phấn đấu đón 12,5 triệu lượt khách, trong đó khách du lịch quốc tế ước đạt 2 triệu lượt người. Doanh thu từ khách du lịch đạt 27.000 tỷ đồng<sup>(2)</sup>.

*Thứ tư, thực hiện hiệu quả nhiều phương thức đầu tư để khai thác và phát triển du lịch theo hướng liên ngành, liên vùng, liên quốc gia tạo chuỗi giá trị cung ứng hiệu quả cho sản phẩm du lịch của tỉnh.*

(1) Tăng cường thực hiện xã hội hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch.

Sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân lớn đầu tư vào phát triển hạ tầng ngành du lịch, với nhiều dự án có quy mô lớn, nghi dưỡng chất lượng cao và mở mới các đường bay thẳng, giá rẻ, được đưa vào sử dụng làm tăng thêm nội lực kết nối của điểm đến trong khả năng tiếp nhận, phục vụ du khách, tạo tác động lan tỏa, định vị được hình ảnh điểm đến chung cho du

(1) Xem: Việt Hoa: “Tỉnh Quảng Ninh đẩy mạnh ngoại giao văn hóa”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 19-10-2020, <https://tapchicongsan.org.vn/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/820409/tinh-quang-ninh-day-manh-ngoai-giao-van-hoa.aspx>

(2) Xem: Hoàng Quỳnh: “Đổi mới để hút khách quốc tế”, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh, ngày 11-1-2023, <https://www.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=117415>

lịch Việt Nam. Các khu du lịch đẳng cấp quốc tế nâng tầm thương hiệu du lịch Việt Nam có thể sánh vai và đủ sức cạnh tranh với các thương hiệu du lịch trong khu vực. Chính sự nỗ lực này đã tạo ra sự tăng trưởng ổn định của lượng khách du lịch nội địa và quốc tế đến với Quảng Ninh trong những năm vừa qua.

Bên cạnh đó, tỉnh đã có bước đột phá trong việc huy động các nguồn lực đầu tư, tôn tạo, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các khu di tích đặc biệt quốc gia, góp phần thúc đẩy kinh tế du lịch phát triển. Công nghiệp văn hóa được hình thành và phát triển, đã có một số sản phẩm văn hóa đặc trưng thu hút sự quan tâm của đông đảo khách du lịch và góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

### *(2) Thực hiện phối hợp liên ngành trong phát triển du lịch.*

Trong điều kiện hội nhập hiện nay, liên kết du lịch là vấn đề tất yếu đặt ra nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng đưa ngành du lịch phát triển, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp nhiều hơn cho ngân sách địa phương. Quảng Ninh đã đề ra chiến lược định vị hình ảnh, sản phẩm và thương hiệu đặc trưng từng địa phương, khu vực trong tỉnh, nhất là phát triển chuỗi các sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn, liên vùng và liên quốc gia, với chất lượng cao và tích hợp nhiều tiện ích, trải nghiệm thú vị cho du khách. Ngành du lịch Quảng Ninh đã chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác; giữa Quảng Ninh với các địa phương trong nước và ở ngoài nước trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch biển, du lịch sinh thái khám phá, du lịch nghỉ dưỡng đặc sắc, cao cấp. Bên cạnh đó, tiếp tục phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có sức cạnh tranh cao, nhất là sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp gắn với phát huy giá trị thiên nhiên, con người, văn hóa của Quảng Ninh; khai thác tối đa lợi thế mới từ hệ thống hạ tầng giao thông được đầu tư hiện đại đã đi vào hoạt động... Nhiều doanh nghiệp đã xây dựng những gói sản phẩm hấp dẫn; đồng thời thực hiện đầu tư bảo trì, nâng cấp cơ sở vật chất để thu hút khách quốc tế, khai thác hiệu quả mùa cao điểm du lịch quốc tế.

Quảng Ninh hiện đang tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án Phục hồi và phát triển bền vững ngành Du lịch đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án Phát triển du lịch cộng đồng bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Ngành du lịch đã chủ động liên kết với các hãng hàng không, tàu biển, các tập đoàn du lịch hàng đầu quốc tế; đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch, sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, có lợi thế của du lịch Quảng Ninh gắn với các khu vực động lực phát triển du lịch.

### *(3) Thực hiện phối hợp liên vùng, liên quốc gia trong phát triển du lịch.*

Quảng Ninh đã tổ chức khoảng 70 chuỗi sự kiện, hoạt động, chương trình kích cầu du lịch, xúc tiến các chuyến bay trực tiếp, tổ chức các chương trình làm việc quảng bá, kích cầu

du lịch trong và ngoài nước ở các thị trường chính như Mỹ, Ô-xtrây-li-a, Ấn Độ, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc, phục vụ nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm di sản thiên nhiên thế giới của du khách, nhằm mục tiêu mở được các chuyến bay trực tiếp từ thị trường này đến Quảng Ninh qua Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn<sup>(1)</sup>.

Đồng thời, để khai thác tối đa tiềm năng, thu hút nhiều hơn các thị trường khách du lịch, nhất là trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch COVID-19, Quảng Ninh đã chủ động phối hợp với các tỉnh, thành phố trên cả nước mở rộng hợp tác phát triển du lịch, đẩy mạnh liên kết vùng, liên kết trong chuỗi cung ứng dịch vụ. Từ đó hình thành đa dạng các tour, tuyến du lịch lớn như: Quảng Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh - Đà Nẵng, Quảng Ninh - Hà Nội, Quảng Ninh - Hải Phòng và các vùng trọng điểm du lịch của cả nước như Ninh Bình, các tỉnh, thành phố duyên hải miền Trung (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định) và 13 tỉnh, thành phố Đồng bằng sông Cửu Long, và nhiều tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Với khẩu hiệu du lịch “An toàn - Hấp dẫn - Trách nhiệm”, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều chính sách kích cầu du lịch cùng nhiều sản phẩm du lịch mới. Trong đó, điểm nhấn là 64 hoạt động du lịch, nghệ thuật, ẩm thực hấp dẫn, quyến rũ và khác biệt, như: Hạ Long huyền ảo trong sương, Yên Tử - Về miền đất Phật mùa thu, trải nghiệm miền sơn cước Bình Liêu, Lễ hội ẩm thực hải sản biển Quảng Ninh, Carnival Hạ Long mùa đông... Ngành du lịch Quảng Ninh đã giới thiệu nhiều sản phẩm du lịch mới khác biệt gắn với đặc trưng các mùa trong năm, đặc biệt mùa thu - đông, kết hợp nhiều chương trình ưu đãi hấp dẫn.

#### *(4) Tăng cường thông tin và chuyển đổi số trong ngành du lịch.*

Trong thời gian qua, Quảng Ninh đã đẩy mạnh cung cấp thông tin du lịch qua những website chính thống. Công tác xúc tiến du lịch Quảng Ninh vào thị trường nội địa cũng như trên thị trường quốc tế diễn ra ngày càng chuyên nghiệp.

Quảng Ninh đưa vào hoạt động fanpage “*Thông tin du lịch Quảng Ninh*”, đến nay đã có gần 30.000 người theo dõi; đồng thời, xây dựng fanpage bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, liên tục cập nhật các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; đăng tải thông tin về du lịch Quảng Ninh tới du khách trên các website, Youtube, Instagram, Zalo... Cùng với đó, tỉnh triển khai cổng thông tin du lịch tại 2 địa chỉ website: *halongtourism.com.vn* và *discoverhalong.com* bằng cả ba ngôn ngữ: Việt, Anh, Trung Quốc. Nhờ đó, du khách có thể tìm kiếm đầy đủ thông tin về điểm đến, dịch vụ giải trí, các lễ hội, ẩm thực độc đáo, cơ sở lưu trú, mua sắm... cùng bản đồ số du lịch, hướng dẫn đặt phòng trực tuyến, đặt trước xe theo lịch trình, đường dây nóng hỗ trợ và phản ánh chất lượng du lịch... Tổ chức chương trình khảo sát tại Quảng Ninh

(1) Xem: Hải Ngân: “*Quảng Ninh: Tăng sức bật cho ngành du lịch*”, Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp, ngày 19-12-2022, <https://diendandoanhngiep.vn/quang-ninh-tang-suc-bat-cho-nganh-du-lich-236394.html>

cho hãng lữ hành, báo chí quốc tế; đẩy mạnh hoạt động e-marketing, chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ để tiếp cận thị trường<sup>(1)</sup>.

Trong những năm gần đây, đặc biệt kể từ khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát trên toàn thế giới, ngành Du lịch Quảng Ninh đã nhanh chóng bắt nhịp xu hướng, yêu cầu của thực tế, triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động du lịch, xúc tiến, quảng bá du lịch nhằm đem lại trải nghiệm mới, tạo môi trường minh bạch và an toàn cho du khách. Ngành du lịch Quảng Ninh tiếp tục triển khai mạnh mẽ các giải pháp chuyển đổi số thông qua đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ du lịch thông minh, như: Thẻ du lịch thông minh, bản đồ số du lịch, ứng dụng thuyết minh du lịch, ứng dụng du lịch trên nền tảng di động... phục vụ du khách. Đồng thời, ứng dụng công nghệ số để quản lý, điều hành du lịch; hình thành các sản phẩm du lịch số bằng công nghệ thực tế ảo, số hóa điểm đến du lịch bằng giao diện ảnh 360, 3D.

Bảo tàng Quảng Ninh cũng xây dựng mô hình “bảo tàng ảo” giúp du khách trải nghiệm tham quan trực tuyến, đồng thời hiển thị trên nền tảng số Google Arts & Culture - “cửa sổ” đưa các giá trị văn hóa, du lịch nổi trội của Việt Nam và Quảng Ninh đến với thế giới. Đã xây dựng phần mềm tích hợp dịch vụ hành khách qua cảng tàu du lịch theo hóa đơn điện tử. Từ tháng 6-2022, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long thu phí vé tham quan Vịnh Hạ Long bằng internet banking và quét mã QR. Quảng Ninh dự kiến đưa vào hoạt động hệ thống bán vé tự động, cổng điện tử tra cứu thông tin tại Cảng tàu khách quốc tế Tuần Châu và Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long, tạo thuận tiện cho du khách tham quan Vịnh Hạ Long. Quảng Ninh cũng đang xây dựng phương án triển khai thí điểm mô hình “phổ thông minh” không dùng tiền mặt tại khu du lịch Tuần Châu (thành phố Hạ Long); đầu tư hơn 100 điểm phát wifi công cộng miễn phí tại các khu vực sân bay, bến xe bus, địa điểm du lịch trên địa bàn để hỗ trợ người dân, du khách trong tra cứu các điểm đến; lắp đặt hệ thống camera giám sát ở một số hạng động lớn như Đầu Gỗ, Thiên Cung... và hệ thống định vị GPS trên các tàu du lịch tham quan Vịnh Hạ Long<sup>(2)</sup>...

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực và đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng và phát triển ngành du lịch theo hướng tăng cường hội nhập quốc tế, tăng vị thế trong chuỗi giá trị, nhưng du lịch Quảng Ninh vẫn còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc và được đánh giá là phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế.

(1) Xem: Hoàng Quỳnh: “*Quảng Ninh: Hy vọng thị trường du lịch dịp cuối năm*”, Trang thông tin điện tử Tổng cục Du lịch, ngày 30-7-2022, <https://vietnamtourism.gov.vn/post/42739>

(2) Xem: “*Quảng Ninh: Chuyển đổi số ngành du lịch trong giai đoạn hiện nay*”, Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngày 12-10-2022, <https://bvhttdl.gov.vn/quang-ninh-chuyen-doi-so-nganh-du-lich-trong-giai-doan-hien-nay-20221012081204341.htm>

Một là, hiện nay hoạt động liên kết trong du lịch ở Quảng Ninh đã bắt đầu được vận hành triển khai nhưng trên thực tế chưa có hiệu quả thực sự do một số cấp, ngành của tỉnh vẫn chưa xác định du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa và hội nhập quốc tế cao, mang nội dung văn hóa sâu sắc; thiếu chính sách vĩ mô, lâu dài, toàn diện, phù hợp để du lịch của tỉnh phát triển theo đúng tính chất của một ngành kinh tế vận hành theo quy luật thị trường. Chưa thực sự sáng tạo cũng như chủ động học hỏi cách làm, mô hình du lịch của những quốc gia có ngành du lịch phát triển, nên nhiều tiềm năng du lịch vẫn còn bị bỏ ngỏ.

Hai là, công tác xúc tiến, quảng bá các điểm, mô hình, sản phẩm du lịch và các dịch vụ kèm theo chưa thực sự được quan tâm, đẩy mạnh, triển khai một cách thường xuyên, liên tục, hiệu quả trên các kênh truyền thông, thông tin xã hội. Vì vậy, nhiều điểm du lịch lý thú được đầu tư hạ tầng hoàn thiện, nhiều sản phẩm du lịch đa dạng, hấp dẫn nhưng vẫn chưa được du khách biết đến, nên vẫn còn xảy ra tình trạng lãng phí tài nguyên di sản.

Ba là, cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về đầu tư và hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch chưa hoàn thiện, còn nhiều bất cập, hoặc thiếu tính khả thi nên chưa phát huy tốt các nguồn lực xã hội cho phát triển du lịch, nhất là mô hình hợp tác công - tư trong các dự án xây dựng, khai thác các khu du lịch chất lượng cao, mang tầm cỡ quốc tế.

Bốn là, nguồn nhân lực cho phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế của tỉnh Quảng Ninh còn nhiều hạn chế; số lượng và trình độ của đội ngũ nhân lực du lịch của tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới. Phần lớn đội ngũ nhân lực du lịch trong tỉnh hiện nay chưa được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ ngoại ngữ còn yếu, đặc biệt thiếu đội ngũ nhân lực biết ngoại ngữ của một số nước mà tỉnh đang nỗ lực mở rộng xúc tiến, quảng bá, hợp tác du lịch như Nga, Ấn Độ, Trung Đông, các nước nói tiếng Tây Ban Nha... Bên cạnh đó, kỹ năng giao tiếp, tinh thần, thái độ phục vụ... chưa thật chuyên nghiệp, đang trở thành rào cản trong phát triển mở rộng mạng lưới du lịch theo hướng hội nhập quốc tế của tỉnh. Ngoài ra, đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp du lịch cũng còn thiếu và yếu.

### **3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY THỂ MẠNH TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH THỜI GIAN TỚI**

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả của ngành du lịch trong thời gian tới, Đại hội XIII của Đảng xác định: “Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành du lịch, bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại và phát triển đồng bộ, bền vững và hội nhập quốc tế... Xây dựng, phát triển và định vị thương hiệu

du lịch quốc gia gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc”<sup>(1)</sup>. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 22-1-2020, đã đề ra quan điểm: “Phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh... Phát triển đồng thời du lịch quốc tế và du lịch nội địa; đẩy mạnh xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch; tăng cường liên kết nhằm phát huy lợi thế tài nguyên tự nhiên và văn hóa; phát triển đa dạng sản phẩm du lịch, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam”<sup>(2)</sup>. Theo đó, tỉnh Quảng Ninh xác định: “Đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển... Đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế, một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, có sức cạnh tranh cao”<sup>(3)</sup>. Nhiệm vụ đến năm 2025: “Xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế phát triển theo chiều sâu có trọng tâm, trọng điểm... Xây dựng các trung tâm du lịch trọng điểm tại Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn, Móng Cái, Uông Bí, Cô Tô trở thành động lực phát triển dịch vụ của tỉnh và của Vùng. Xây dựng thành phố Hạ Long trở thành trung tâm du lịch quốc gia mang tầm quốc tế gắn với bảo tồn và phát huy bền vững di sản kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và khu bảo tồn thiên nhiên Đông Sơn - Kỳ Thượng. Tập trung phát triển Khu kinh tế Vân Đồn và vùng biển đảo Vân Đồn, Cô Tô kết nối với vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long tạo thành chuỗi sản phẩm du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng đặc sắc, cao cấp. Phát triển đi đôi với tăng cường quản lý khu vực Uông Bí - Đông Triều - Quảng Yên trở thành trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh, sinh thái, có sức hấp dẫn cao; khu vực Bình Liêu, Ba Chẽ, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà kết nối với thành phố Móng Cái phát triển du lịch sinh thái khám phá, trải nghiệm gắn với cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa dân tộc. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực, thương hiệu mạnh, đầu tư quy mô lớn, đồng bộ, hiện đại, phát triển du lịch, dịch vụ đẳng cấp, bền vững trên các đảo thuộc vùng biển Vân Đồn - Cô Tô, đảo Cái Chiên (Hải Hà), Vĩnh Trung, Vĩnh Thực gắn với khu du lịch quốc gia Trà Cổ (Móng Cái)”<sup>(2)</sup>.

(1), (2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. I, tr. 248 - 249

(3) “*Toàn văn báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025*”, Báo Quảng Ninh điện tử, ngày 27-9-2020, <https://baoquangninh.vn/toan-van-bao-cao-chinh-tri-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tinh-lan-thu-xv-nhiem-ky-2020-2025-2502422.html>

(2) “*Toàn văn báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025*”, Báo Quảng Ninh điện tử, *Tlđđ*



Để du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp theo định hướng của Đảng, chiến lược của Nhà nước và mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh đã đề ra, cần có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của ngành du lịch Quảng Ninh về hạ tầng, cơ sở vật chất, dịch vụ, sản phẩm... Cơ cấu lại các hoạt động du lịch phù hợp với tiềm năng, lợi thế, ưu thế riêng có của tỉnh, đáp ứng với xu thế toàn cầu và thích ứng với những biến động trên thị trường du lịch thế giới. Xây dựng các mô hình, sản phẩm du lịch mới, độc đáo trên cơ sở tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của tỉnh so với các địa phương khác trong cả nước và với các điểm du lịch của các nước trong khu vực và trên thế giới. Chủ động tham gia và có sáng kiến hình thành các nhóm hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các địa phương, các quốc gia, các điểm đến trong khu vực ASEAN, châu Á - Thái Bình Dương. Phối hợp chặt chẽ, phát huy hiệu quả vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức, cá nhân Việt Nam, các kênh ngoại giao... nhằm quảng bá, phát triển du lịch của tỉnh.

*Thứ hai*, tăng cường đổi mới, tạo đột phá trong công tác xúc tiến đầu tư, thông tin, truyền thông, quảng bá về hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam nói chung và nét đẹp của cảnh quan, văn hóa, con người và các dân tộc tỉnh Quảng Ninh nói riêng tới du khách quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác công - tư, huy động các nguồn lực xã hội trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng du lịch của tỉnh, nhất là ở những điểm du lịch có tiềm năng, bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm; mở rộng mạng lưới giao thông đường bộ, đường hàng không... Trong đó, ưu tiên những nhà đầu tư có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật ngành du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng phức hợp cao cấp, phù hợp với nhu cầu và xu hướng du lịch mới trong nước và trên thế giới.

*Thứ ba*, tăng cường đa dạng hóa các sản phẩm du lịch của tỉnh. Trong đó, tập trung đầu tư phát triển sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và tăng trải nghiệm cho du khách dựa trên lợi thế về tài nguyên tự nhiên và văn hóa của tỉnh; ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo và du lịch thể thao, giải trí biển phù hợp định hướng Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển. Tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư phát triển một số cụm du lịch, trung tâm nghỉ dưỡng biển cao cấp, có thương hiệu mạnh trên thị trường du lịch quốc tế; chú trọng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, truyền thống văn hóa; tập trung khai thác thế mạnh du lịch vượt trội của tỉnh,

góp phần tạo dựng thương hiệu nổi bật của du lịch Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch sinh thái và kết hợp du lịch với hội nghị, hội thảo, sự kiện (MICE).

*Thứ tư*, tăng cường kết hợp phát triển đa dạng thị trường khách du lịch quốc tế bên cạnh việc mở rộng thị trường khách du lịch quốc tế. Trong đó, cần chú trọng tiếp tục duy trì và mở rộng hơn nữa các thị trường du lịch quốc tế truyền thống của tỉnh như các thị trường Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Ôxtrâyliia, Bắc Mỹ, Tây Âu, Bắc Âu, Đông Âu và Liên bang Nga; đặc biệt quan tâm phát triển các thị trường mới, có tiềm năng lớn như: Trung Đông, Nam Âu, Nam Mỹ, Nam Á (Ấn Độ); mở rộng phát triển các thị trường tiềm năng, có lượng khách du lịch ra nước ngoài hàng năm tăng nhanh. Đồng thời, tạo đột phá và phát triển mạnh hơn nữa thị trường khách du lịch nội địa; trong đó, đẩy mạnh phát triển thị trường khách du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cuối tuần gắn với chăm sóc sức khỏe, giáo dục, tìm hiểu văn hóa lịch sử, trải nghiệm văn hóa dân tộc, tăng cường giao lưu văn hóa; định hướng lại thị trường khách du lịch lễ hội, văn hóa tâm linh theo hướng kết hợp hài hòa với các mục đích khác.

*Thứ năm*, nhanh chóng phục hồi và phát triển bền vững du lịch gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số. Tập trung phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, các nền tảng số kết nối hệ thống thông tin, hướng tới hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, phục vụ khách du lịch trong nước, quốc tế và các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực du lịch cũng như trong công tác quản lý du lịch của tỉnh, nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa và hiệu quả trong mọi hoạt động du lịch của tỉnh.

*Thứ sáu*, tạo điều kiện thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh, đi lại, lưu trú cho khách du lịch quốc tế. Tạo điều kiện cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế mở các đường bay mới tới Cảng hàng không Vân Đồn. Cảng tàu khách quốc tế Tuần Châu, cảng tàu khách quốc tế Hạ Long và các tuyến giao thông khác trực tiếp kết nối Quảng Ninh với các thị trường du lịch trọng điểm và tiềm năng trong nước và quốc tế. Tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho du khách, chú trọng vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; tạo dựng môi trường du lịch văn hóa, văn minh, thân thiện, mến khách.

*Thứ bảy*, phát triển nguồn nhân lực du lịch theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập quốc tế; có chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động toàn diện, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch. Chú trọng đào tạo kỹ năng nghề

và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp phục vụ du lịch, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch tại điểm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch và góp phần quảng bá điểm đến, hình ảnh du lịch của địa phương.

*Thứ tám*, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến du lịch; đồng thời nhanh chóng kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch tại chính quyền tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành kinh tế mũi nhọn. Tăng cường đổi mới hoạt động phối hợp liên ngành, liên vùng, liên quốc gia về du lịch nhằm gia tăng hiệu quả, chất lượng, giá trị của các sản phẩm du lịch Quảng Ninh trong khu vực, trong cả nước và trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, tăng cường bảo vệ môi trường, chú trọng công tác dự báo, cảnh báo, chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trong xây dựng, vận hành cơ sở dịch vụ du lịch. ❖

## **KẾT NỐI VĂN HÓA BIỂN QUẢNG NINH - HẢI PHÒNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ**

**LÊ KHẮC NAM**

*Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng*

Hải Phòng là một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước; đứng thứ hai trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Cùng với thủ đô Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng là một trong ba đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng. Trong sáng kiến hợp tác kinh tế “Hai hành lang, một vành đai kinh tế” giữa Việt Nam và Trung Quốc, thành phố Hải Phòng là một trung tâm kinh tế quan trọng.

Với tổng chiều dài khoảng hơn 376 km bờ biển trong tuyến vành đai biên giới biển (Hải Phòng có chiều dài khoảng 126 km, Quảng Ninh có chiều dài khoảng 250 km), thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh là hai địa phương có vị trí trọng yếu về kinh tế và quốc phòng an ninh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, một trọng điểm phát triển kinh tế biển của cả nước. Trong giai đoạn phát triển hiện nay, Hải Phòng và Quảng Ninh đều đã và đang đặt trọng tâm cho sự hợp tác, liên kết trên nhiều phương diện, góp phần vào thành công chung trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX và Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng.

Được xác định là hạt nhân, là cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo Quyết định số 198/QĐ-TTg, ngày 25-01-2014, của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, năm 2019, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ký kết các chương trình hợp tác, phát triển toàn diện

giữa hai địa phương để cùng tạo ra những bước phát triển mang tính đột phá, góp phần quan trọng trong phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong đó phải kể đến một số dự án giao thông mang tính liên kết vùng, như: Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng; Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10, đoạn từ cầu Đá Bạc đến Cầu Kiền; Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng nối huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh...

Sự hợp tác hiệu quả đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của Quảng Ninh và Hải Phòng: hai địa phương đều là những địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao khu vực phía Bắc; thu ngân sách tăng trưởng cao, đóng góp đáng kể vào ngân sách Trung ương; môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn; đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân được nâng cao...

Điểm nhấn trong phối hợp giữa Hải Phòng và Quảng Ninh là công trình cầu Bạch Đằng, kết nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, được khánh thành và đưa vào sử dụng từ tháng 9-2018 đã rút ngắn thời gian di chuyển giữa Hải Phòng và Hạ Long chỉ còn 30 phút - 40 phút. Công trình đã góp phần hoàn chỉnh tuyến kết nối tam giác phát triển kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hoàn thiện hạ tầng giao thông tuyến cao tốc ven biển vùng duyên hải Bắc Bộ; giảm tải lưu lượng cho quốc lộ 18 và quốc lộ 10, đồng thời, tạo liên kết chuỗi đô thị phát triển năng động, thu hút đầu tư, tạo động lực trong phát triển của 2 địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng duyên hải Bắc Bộ cũng như phát triển liên vùng.

Thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh cùng nằm trong vành đai biên giới biển, là phen dậu phía đông - đông bắc của Tổ quốc, có sự tương đồng và gắn kết chặt chẽ không chỉ về phát triển kinh tế mà còn về cả lịch sử, văn hóa. Từ bao đời nay, câu “Trà Cỏ tổ ở Đồ Sơn” đã lưu truyền trong người dân cả ở Trà Cỏ (Quảng Ninh) và Đồ Sơn (Hải Phòng), cho thấy sự gắn kết về huyết thống của người dân hai địa phương, sự gắn kết bao đời về huyết thống là sợi dây vô hình góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa chung của người dân Hải Phòng và Quảng Ninh.

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, nữ tướng Lê Chân được người dân Hải Phòng tôn vinh là Thành Hoàng - Người có công lớn trong việc hình thành nên vùng đất Hải tần phòng thủ - Hải Phòng ngày nay. Nữ tướng Lê Chân quê ở trang Yên Biên (tên Nôm là làng Vén), huyện Khúc Dương, quận Giao Chỉ (nay thuộc thôn An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

Ba trận chiến trên sông Bạch Đằng lừng danh, đặc biệt là chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 không chỉ trong lịch sử quân sự Việt Nam mà còn có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với lịch sử nhân loại có sự đóng góp quan trọng của nhân dân hai bên bờ sông là Hải Phòng và Quảng Ninh.

Điểm qua một vài sự kiện trong lịch sử để thấy rằng, Hải Phòng và Quảng Ninh có truyền thống gắn kết từ lâu đời và cùng hướng đến mục tiêu chung là vì độc lập, tự do của dân tộc, vì sự phồn vinh của đất nước.

Tiếp nối truyền thống đó, trong những năm qua, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều sự trao đổi, hợp tác, liên kết rất chặt chẽ thông qua các chương trình, công tác phối hợp chung trên nhiều lĩnh vực: Phát triển du lịch, nông nghiệp, thương mại, kinh tế biển, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường... Đặc biệt, hai địa phương đã tăng cường hợp tác, liên kết thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than, cát, đá, sỏi; về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, trật tự, an toàn giao thông; thống nhất kiến nghị với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về những vấn đề tương đồng giữa hai địa phương.

Trong phát triển du lịch, Hải Phòng và Quảng Ninh đã duy trì sự kết nối vùng du lịch thông qua tuyến phà Tuần Châu (Hạ Long) - Gia Luận (Cát Bà), liên kết quản lý, khai thác vịnh Lan Hạ và vịnh Hạ Long, góp phần phát triển du lịch Cát Bà và Hạ Long ngày càng sôi động.

Xác định rõ vai trò và tầm quan trọng của văn hóa vừa là nền tảng, vừa là động lực và là mục tiêu đối với sự phát triển của thành phố nói riêng, của khu vực và đất nước nói chung, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp chặt chẽ trong công tác bảo tồn di sản văn hóa, đặc biệt là những di sản gắn với lịch sử dân tộc Việt Nam, với các chiến thắng trên sông Bạch Đằng, như: ban hành Kế hoạch số 07/KHPH-SVHTT, ngày 15-01-2020, về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích ven sông Bạch Đằng giai đoạn 2020 - 2025 và xây dựng hồ sơ trình Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận Di sản thiên nhiên thế giới vịnh hạ Long - quần đảo Cát Bà.

Vịnh Hạ Long như một phần nối tiếp vịnh Bắc Bộ, đã vinh dự hai lần được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới vào năm 1994 và 2000 với giá trị về cảnh quan tự nhiên và địa chất, địa mạo.

Vịnh Lan Hạ nằm ở phía đông của đảo Cát Bà và sát kề vịnh Hạ Long có đặc điểm địa lý tương tự như vịnh Hạ Long, khung cảnh thiên nhiên nên thơ cùng nắng vàng, cát trắng, nằm trong top những vịnh đẹp nhất thế giới. Thành phố Hải Phòng đã lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới từ năm 2012.

Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà được bảo vệ hiệu quả thông qua các luật có liên quan của Nhà nước và các nghị định của Chính phủ như: Luật Di sản văn hóa, Luật Đa dạng sinh học...

Triển khai Công văn số 7594/VPCP-KGVX, ngày 12-9-2016 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng hồ sơ đề cử mở rộng không gian Di sản Thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long đến Quần đảo Cát Bà, thành phố Hải Phòng, trình UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông báo số 4161/TB – BVHTTDL, ngày 14-10-2016, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh lập Báo cáo tóm tắt Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà.

Trên cơ sở ý kiến thống nhất về chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Công văn số 171/UBND-VH ngày 11-01-2017 đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ cho phép đăng ký với Trung tâm Di sản Thế giới UNESCO đưa “Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà” vào Danh mục dự kiến xây dựng Hồ sơ Di sản Thiên nhiên thế giới (mở rộng tiêu chí VII về giá trị thẩm mỹ, tiêu chí VIII về đa dạng sinh học - là các tiêu chí mà Vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận; bổ sung mới tiêu chí IX và X về đa dạng sinh học).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, thông qua Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam gửi Báo cáo tóm tắt “Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà” tới UNESCO đề nghị đưa vào Danh mục Dự kiến xây dựng Hồ sơ di sản thế giới; Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng lập hồ sơ “Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà” trình Thủ tướng Chính phủ cho phép đệ trình UNESCO xem xét, công nhận là Di sản Thế giới.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và các cơ quan liên quan lập hồ sơ “Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà” theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới và pháp luật về di sản văn hóa, đồng thời phối hợp xây dựng báo cáo giải trình các khuyến nghị của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) đối với hồ sơ trình UNESCO công nhận Di sản thiên nhiên thế giới vịnh hạ Long - quần đảo Cát Bà.

Qua lần khảo sát gần đây nhất, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) đã nhận thấy vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà có những nét tương đồng về vị trí địa lý, giá trị khảo sát về địa chất, đồng dạng về đa dạng sinh học nên đề nghị xét chung là một quần thể không thể tách rời và đánh giá đề cử di sản thiên nhiên thế giới lần này là đánh giá tổng thể cả 2 địa danh. Lần đánh giá đề cử này gần như là công đoạn cuối cùng trước khi quần đảo Cát Bà được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới gắn liền với vịnh Hạ Long.

Cùng với đó, từ năm 2019, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hải Phòng đã phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh xây dựng hồ sơ đề nghị xin chủ trương lập hồ sơ khoa học Di sản văn hóa - lịch sử chiến thắng Bạch Đằng trình UNESCO công nhận là Di sản Thế giới.

Những hoạt động phối hợp giữa thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh trong thời gian qua, đặc biệt là sự phối hợp trong việc phát huy các giá trị văn hóa, các đặc trưng về vị trí địa lý của hai địa phương luôn được duy trì chặt chẽ và đạt hiệu quả thiết thực.

Việc đề cử để công nhận Di sản văn hóa - lịch sử chiến thắng Bạch Đằng; vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà là di sản thiên nhiên thế giới sẽ góp phần nâng cao giá trị về thiên nhiên, địa chất vùng Cát Bà - vịnh Hạ Long, phát huy các giá trị hiện hữu cần được bảo tồn, thúc đẩy phát triển kinh tế và du lịch của hai địa phương Hải Phòng và Quảng Ninh. Kết quả hợp tác góp phần thực hiện thành công Nghị quyết 30-NQ-TW ngày 23-11-2022, của Bộ Chính trị, về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng khi cả hai địa phương đều phát huy được lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, bao gồm quy hoạch không gian biển theo các vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội để phát triển bền vững kinh tế biển. Đó cũng là thành quả trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, bản sắc văn hóa, tính đa dạng của hệ sinh thái, bảo đảm tính liên kết vùng, giữa địa phương ven biển.

Việc kết nối văn hóa biển giữa Hải Phòng và Quảng Ninh cùng với các hoạt động liên kết về kinh tế sẽ đưa Hải Phòng và Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển của cả nước, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. ❖



## ĐỂ XÂY DỰNG VĂN HÓA PHÁT TRIỂN QUẢNG NINH

NGUYỄN THỊ KIM OANH

*TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,  
Chủ tịch Hội đồng Viện Nghiên cứu Danh nhân*

### NHẬN DIỆN THÁCH THỨC VÀ CÁC MÂU THUẤN PHÁT TRIỂN

Quảng Ninh là cửa ngõ quan trọng, là đầu mối giao lưu kinh tế giữa tỉnh với vùng đồng bằng sông Hồng trù phú cũng như giao lưu với thế giới bên ngoài, đặc biệt là Trung Quốc. Đồng thời, là tỉnh có đến 4 thành phố (bao gồm thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, thành phố Uông Bí, thành phố Móng Cái) và 10 huyện đa dạng khác hợp thành trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế của vùng tam giác phát triển chiến lược Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh mà đỉnh của nó là Thành phố Hạ Long.

Quảng Ninh là tỉnh biên giới, với 132,8km đường biên với Trung Quốc. Phía nam giáp thành phố Hải Phòng, ranh giới là sông Bạch Đằng. Phía tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và Hải Dương. Phía đông giáp biển với 250km và vùng biển rộng lớn. Đây là vùng của nhiều khoáng sản, nổi bật nhất là than đá với trữ lượng 3,5 tỷ tấn, cho phép khai thác 30 triệu - 40 triệu tấn/năm. Ở nước ta, không địa phương nào có được sự độc đáo về địa tự nhiên như Quảng Ninh.

Hơn nữa, Hạ Long không chỉ là trung tâm kinh tế Quảng Ninh - một đỉnh của tam giác tăng trưởng vùng đồng bằng sông Hồng, có cửa ngõ quốc tế Móng Cái và các cảng biển quan trọng, có lợi thế về thị trường và giao lưu kinh tế trong nước và quốc tế, mà còn là vùng biển và hải đảo gồm hai nghìn hòn đảo chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước (2.078/ 2.779) trải dài theo 250 km đường ven biển, với hai Cảng Cái Lân và Cửa Ông..., tạo thành nền kinh tế biển - đảo và kinh tế du lịch Quảng Ninh.

Đặc sắc là di sản địa chất thế giới Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận lần 2; với Bái Tử Long và các hải đảo được Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa của Liên hợp

quốc (UNESCO) công nhận là “Di sản văn hóa thế giới” cùng hàng trăm di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật tập trung dọc ven biển với mật độ cao vào hạng nhất cả nước..., hình thành nhiều tuyến du lịch kết hợp rất hấp dẫn trên đất liền và hệ thống đảo.

Không chỉ có lịch sử lâu đời, Quảng Ninh còn là nơi hội tụ văn hóa của nhiều dân tộc, với những truyền thống văn hóa riêng, thậm chí là “nguyên bản”, “huyền bí” của nhiều lễ hội độc đáo và hấp dẫn. Đây là một tiềm năng lớn để phát triển du lịch văn hóa. Về xã hội, do có số người chuyển cư đến từ rất nhiều đời, nhiều đợt nên đây thực sự là nơi “góp người”, với kết cấu dân số độc đáo: “dân số trẻ” và đa dạng (tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chiếm tới 37,6%; người trên 60 tuổi (với nam) và trên 55 tuổi (với nữ) là 7,1%); ở các huyện miền núi tỷ lệ trẻ em dưới tuổi lao động còn lên tới 45%. Nét đáng chú ý nữa là, nam giới đông hơn nữ giới (nam chiếm 50,9 %, nữ chiếm 49,1%), ngược với tỷ lệ toàn quốc.

Là cửa ngõ, phen giậu của Tổ quốc ở phía Đông Bắc; có hơn 500 di tích lịch sử và danh thắng đặc sắc gắn liền với sự nghiệp dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc, Quảng Ninh cũng là nơi có thương cảng Vân Đồn, một trong những thương cảng sầm uất nhất Việt Nam trong nhiều thế kỷ, đã khẳng định Việt Nam từ sớm là một quốc gia biển, vươn ra biển, phát triển kinh tế biển.

Quảng Ninh còn là cái nôi của giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam, là quê hương của phong trào “vô sản hóa”, nơi đào luyện nên nhiều nhà cách mạng tiền bối tiêu biểu, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng trên cả nước, làm nên khí phách, bản lĩnh, tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” của Đảng, của giai cấp công nhân và của Dân tộc Việt Nam. Quảng Ninh là một tỉnh công nghiệp, lại ở vị trí biên giới nên giao thông vận tải của tỉnh vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa quốc phòng. Đó là những nhân tố làm nên vị thế, lợi thế, sức mạnh Quảng Ninh, mà sâu hơn là tiền đề kiến tạo và phát triển văn hóa chính trị, văn hóa dân tộc, trực tiếp là văn hóa kinh tế, văn hóa ngoại giao, văn hóa trong chính văn hóa... hợp thành triết lý phát triển mạnh mẽ, bền vững và nhân văn Quảng Ninh.

Có thể khái lược: 1- Giữ vị trí trọng yếu ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc, có đường biên giới trên bộ, trên biển với Trung Quốc; 2- Kỳ quan Hạ Long 2 lần được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới kết nối với những đặc sắc của Vịnh Bái Tử Long, Vịnh Lan Hạ; 3- Trữ lượng than với chất lượng tốt nhất, trữ lượng lớn nhất Đông Nam Á; là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam; 4- Di sản nhà Trần với các giá trị nhân văn về Phật pháp, tâm linh, quyết tâm dựng nước, giữ nước, trải dài từ non thiêng Yên Tử (Uông Bí) - nơi duy nhất có nhà vua từ bỏ ngai vàng lên núi hóa Phật, để lại thiên phái mang bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam với tư tưởng đạo pháp và đại đoàn kết các tôn giáo - đến Ngọa Vân (Đông

Triều), Bạch Đằng Giang (Quảng Yên), Cửa Ông (Cẩm Phả); 5- Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa của nền văn minh sông Hồng. Đó là những tiềm năng, lợi thế, cơ hội để Quảng Ninh phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch nhanh, bền vững.

Tuy nhiên, ngoài những thuận lợi trên, Quảng Ninh vẫn đang *đối mặt các mâu thuẫn, thách thức* để lựa chọn chiến lược, phương thức phát triển:

*Một là*, tỉnh có 4 thành phố, 2 thị xã song có trên 60% đơn vị hành chính cấp xã (109/177) là miền núi, biên giới, hải đảo. Đồng bào 42 dân tộc thiểu số chỉ chiếm 12,31% dân số toàn tỉnh, nhưng lại cư trú trên hơn 85% diện tích của tỉnh, chủ yếu ở địa bàn miền núi, hải đảo, biên giới khó khăn nhưng có vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng - an ninh. Gần 50% dân số sống ở vùng nông thôn, miền núi nhưng chỉ đóng góp 5,1% GRDP. Khoảng cách giữa 20% người giàu nhất với 20% người nghèo nhất trong tỉnh chênh lệch trên 8 lần.

*Hai là*, mâu thuẫn giữa tiềm năng lớn chưa được phát huy với các thể chế, cơ chế, chính sách còn chưa phù hợp với tình hình mới; giữa yêu cầu phát triển với các nguồn lực có hạn cả về con người và vật chất; giữa khai thác than, phát triển công nghiệp nặng, đô thị hóa nhanh với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn; giữa tốc độ phát triển và chất lượng tăng trưởng.

*Ba là*, thách thức giữa phát triển nhanh, bền vững với gia tăng khoảng cách giàu nghèo và biến đổi khí hậu; giữa vừa phải phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, vừa phải chủ động góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ở địa bàn tiền tiêu của Tổ quốc.

## QUẢNG NINH LÀM GÌ VÀ LÀM THẾ NÀO?

Phải chăng, cần định hướng tầm nhìn dài hạn làm cơ sở lựa chọn quan điểm, bước đi, giải pháp tiến tới mục tiêu: Xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế, một trong những cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc và cả nước; tích cực đổi mới phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”; trở thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, mà Đại hội thứ XV của Đảng bộ tỉnh lựa chọn?

Phải chăng, cần lựa chọn khâu đi trước mở đường là xây dựng quy hoạch tổng thể, có chất lượng, có định hướng chiến lược, tầm nhìn khoa học với sự tham gia của các nhà tư vấn hàng đầu thế giới; quản lý, công khai, giám sát thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo tính ổn định, tạo tiền đề hấp dẫn và đột phá trong thu hút các nguồn lực đầu tư?

Kiên trì thực hiện tổ chức không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá” nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Phải chăng, bám sát Cương lĩnh phát triển đất nước, ưu tiên triển khai đột phá chiến lược về đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đảm bảo liên thông tổng thể, thúc đẩy kết nối vùng, liên vùng bằng việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực?

Cần “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, tập trung tiết kiệm nguồn chi, chủ động ứng vốn, đề xuất thực hiện chủ đầu tư đối với tuyến cao tốc; thu hút doanh nghiệp đầu tư cảng tàu khách quốc tế, cảng hàng không quốc tế...

Đẩy mạnh cải cách hành chính, vận hành hiệu quả các trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện theo nguyên tắc “5 tại chỗ” và bộ phận tiếp nhận, trả kết quả hiện đại cấp xã; tập trung xây dựng khung kiến trúc chính quyền điện tử, đề án chính quyền số và trung tâm điều hành thành phố thông minh; tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến tạo thuận lợi lớn cho người dân, doanh nghiệp, góp phần xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, vì nhân dân phục vụ. Xóa rào cản về khoảng cách, tăng hiệu quả tiếp cận thông tin, chỉ đạo, điều hành, đặc biệt trong những tình huống nhanh, khẩn cấp như phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

Tiếp tục nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp của chính quyền địa phương cải thiện rõ rệt: nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR Index); chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng gắn với tăng quy mô dân số. Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Dành nguồn lực thỏa đáng cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Ban hành cơ chế, chính sách riêng của tỉnh nhằm thu hút lao động và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các khu công nghiệp, khu kinh tế trong tỉnh; các cơ chế, chính sách thu hút giảng viên, học sinh, sinh viên và xây

dựng Trường Đại học Hạ Long từng bước trở thành trung tâm thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh và khu vực, dạy nghề cho lao động nông thôn.

Phải chăng, kiên trì thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” dựa vào ba trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa, kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo hướng: Phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng giữ vai trò chủ đạo; du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn?

Phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường. Tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo; phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng, trọng điểm là ngành than, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng theo quy hoạch. Phát triển kinh tế biển và nông nghiệp công nghệ cao, tái cơ cấu nông nghiệp với phương châm lấy thành thị dẫn dắt nông thôn, lấy công nghiệp, dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững. Phát triển doanh nghiệp và phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu của tỉnh, tạo sự liên kết giữa các thành phần kinh tế.

Phải chăng, gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, đảm bảo an sinh, phúc lợi, tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách của địa phương; không chờ kinh tế phát triển rồi mới lo các vấn đề về xã hội, bằng hệ thống đồng bộ các giải pháp cụ thể, hiệu lực, hiệu quả. Tập trung đầu tư toàn diện hạ tầng thiết yếu vùng đặc biệt khó khăn, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn và các hạ tầng phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt, sản xuất, như đưa điện lưới quốc gia đến các thôn, bản vùng cao, biên giới và các đảo có dân cư sinh sống; bảo đảm người dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh...

Thực hiện phương châm mọi người dân Quảng Ninh đều được hưởng thành quả phát triển, tăng trưởng bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, cần tính toán các chính sách riêng có về an sinh, phúc lợi xã hội; tập trung vào các chính sách việc làm, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, đào tạo nghề, giáo dục, y tế, xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, bảo hiểm và cứu trợ, chăm lo nâng cao đời sống của những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi... Khuyến khích người nghèo, người dân ở vùng khó khăn phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo và làm giàu, nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh.

Ưu tiên dành nguồn lực từ ngân sách chi cho sự nghiệp y tế; đầu tư cải tạo, nâng cấp hoàn thiện các cơ sở y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; tập trung rà soát, sắp xếp hệ thống y tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả (trạm y tế tuyến xã theo 3 mô hình; các trung tâm y tế cấp huyện) tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, nhất là cho người nghèo, đối tượng khó khăn. Bảo đảm tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; phát triển mạnh y tế dự phòng, nâng cao hiệu quả năng lực dự báo, phát hiện, kiểm soát và khống chế dịch bệnh.

Nâng cấp cơ sở vật chất hệ thống các cơ sở giáo dục - đào tạo theo hướng đồng bộ, hiện đại, từng bước phát triển mô hình giáo dục thông minh với 85% số trường đạt chuẩn quốc gia. Quan tâm phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; tỷ lệ cán bộ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo là 99,58%. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, xem đó là yếu tố cần thiết mang tính chiến lược để tăng cường năng lực nội sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Lựa chọn các sản phẩm đặc trưng của các vùng miền, ưu tiên nguồn lực, xây dựng mô hình phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, giải quyết việc làm tại chỗ, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo, làm giàu theo hướng người dân là chủ thể của Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP) gắn kết với việc triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn, giảm nghèo bền vững.

Chú trọng xây dựng và triển khai các chính sách phù hợp để phát huy vai trò của vùng khó khăn đối với tăng trưởng kinh tế. Trong đó, đặc biệt ưu tiên cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nhất là văn hóa các dân tộc thiểu số thực sự trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững; thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa ở các huyện miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các sản phẩm văn hóa đặc trưng vùng, miền để phục vụ phát triển du lịch, tạo sinh kế, thu nhập cho người dân.

Phải chăng, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, đặc biệt tại khu vực biên giới trên bộ, trên biển; triển khai có hiệu quả chủ trương xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế?

Thực hiện hiệu quả nhiều cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới, biển đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch lại và xây dựng các điểm dân cư

tập trung, bố trí việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, bảo vệ và phát triển rừng vành đai. Dành nguồn lực lớn bằng nội lực của tỉnh hoàn thành cơ bản việc nâng cấp tương đối đồng bộ các tuyến tỉnh lộ kết hợp với đường tuần tra biên giới trên toàn tuyến biên giới trên bộ, bảo đảm giao thông thuận tiện và sức cơ động nhanh. Đầu tư xây dựng hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá, hệ thống cảng biển và cảng lưỡng dụng trên các tuyến đảo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Có thể nói khái lược: Phát triển kinh tế phải đồng thời bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định an ninh chính trị, phải song hành bảo đảm giữ vững an ninh quốc phòng..., tất cả phải hướng tới nâng cao đời sống toàn diện và thịnh vượng của nhân dân, nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển, sự chênh lệch giữa nhân dân các vùng, miền trong tỉnh.

Phải chăng, đó là cái gốc của mọi sự phát triển mạnh mẽ và bền vững; là nhân tố quyết định sự phát triển, để không ngừng giữ vững sự ổn định cao hơn, tiếp tục phát triển toàn diện hơn, đồng bộ hơn, thống nhất hơn và hiệu quả hơn, góp phần đẩy nhanh sự phát triển toàn vẹn, mạnh mẽ và bền vững hiện nay và tương lai? ❖

## **TỈNH QUẢNG NINH TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - DU LỊCH THEO HƯỚNG LIÊN VÙNG, HƯỚNG TỚI TRỞ THÀNH MỘT ĐIỂM ĐẾN HẤP DẪN TRONG CHUỖI DU LỊCH CỦA KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI**

**NGUYỄN THỊ HẠNH**

*Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh*

### **QUẢNG NINH - CỬA NGÕ KẾT NỐI LIÊN QUỐC GIA, LIÊN VÙNG, LIÊN TỈNH**

Là tỉnh nằm ở phía đông bắc Việt Nam, Quảng Ninh có vị trí địa - chính trị, kinh tế, đối ngoại và đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh. Phía bắc giáp Trung Quốc; phía nam giáp thành phố Hải Phòng; phía tây và tây bắc giáp tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang; phía tây và tây nam giáp tỉnh Hải Dương. Quảng Ninh có diện tích trên 12.000km<sup>2</sup>, bao gồm 6.206,9km<sup>2</sup> đất liền và diện tích mặt biển có ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình khoảng 6 hải lý.

Quảng Ninh được xem là các cửa ngõ kết nối liên quốc gia, liên vùng, liên tỉnh. Cửa ngõ thứ nhất, Quảng Ninh là địa phương duy nhất ở Việt Nam có đường biên giới cả trên bộ lẫn trên biển với Trung Quốc, thị trường đông dân nhất trên thế giới. Cửa ngõ thứ hai, Quảng Ninh là một cửa ngõ kết nối vùng đồng bằng sông Hồng với vùng trung du miền núi phía Bắc. Cửa ngõ thứ ba, cùng với Hải Phòng, Quảng Ninh là cửa ngõ ra biển cho toàn miền Bắc, đặc biệt đi qua Quảng Ninh là đường ra biển nhanh nhất của hai tỉnh năng động nhất vùng trung du và miền núi phía Bắc hiện nay là Bắc Giang và Lạng Sơn. Cùng với Hà Nội và Hải Phòng, Quảng Ninh được xác định là một cực trong tam giác phát triển vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; trong đó Quảng Ninh tiếp giáp với Hải Phòng, tạo ra một cặp địa phương hỗ trợ phát triển lẫn nhau, hình thành một trung tâm biển mạnh của Việt Nam. Như vậy, với vị trí địa chiến lược “có một không hai”, Quảng Ninh là cửa ngõ hội nhập thế giới



của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, điểm nút trong Khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt - Trung, là điểm kết nối khu vực qua hợp tác Hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore, hợp tác kinh tế liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng, là cầu nối giữa Việt Nam với các nước ASEAN và khu vực Đông Bắc Á.

Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022, của Bộ Chính trị, về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11/2/2023, đưa ra mục tiêu phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối khu vực và quốc tế, là trung tâm công nghiệp văn hóa với những khu nghỉ dưỡng cao cấp có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, có sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, chất lượng cao, thương hiệu mạnh và sức hấp dẫn toàn cầu, có năng lực cạnh tranh cao, liên kết với các hãng hàng không, tàu biển, các tập đoàn du lịch hàng đầu quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ninh đón được 25 triệu lượt khách du lịch, trong đó có khoảng 8 triệu lượt khách du lịch quốc tế.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Trung ương, xuất phát từ thực tiễn, Quảng Ninh luôn vận dụng sáng tạo, định hình tư duy phát triển của tỉnh theo phương châm “tầm nhìn toàn cầu, hành động địa phương”, bắt đầu từ việc nhận diện đầy đủ các tiềm năng, thế mạnh, giá trị riêng biệt, nổi trội của tỉnh; kiên trì định hướng chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột (thiên nhiên, con người, văn hóa), tổ chức không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá, ba vùng động lực” nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của tỉnh trong Vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Qua đó, từng bước định hướng phát triển văn hóa - du lịch theo hướng liên vùng, hướng tới trở thành điểm đến trong chuỗi du lịch của khu vực và thế giới.

## **PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - DU LỊCH THEO HƯỚNG LIÊN VÙNG, HƯỚNG TỚI TRỞ THÀNH MỘT ĐIỂM ĐẾN TRONG CHUỖI DU LỊCH CỦA KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI**

### *Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa*

Tỉnh có 632 danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, trong đó có 1 di sản thiên nhiên thế giới, 5 di tích quốc gia đặc biệt, 54 di tích cấp quốc gia, 85 di tích cấp tỉnh, 488 di tích đã được kiểm kê, phân loại; có 362 di sản phi vật thể đã được kiểm kê, phân loại với 7 loại, trong đó có 7 di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu đặc sắc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 9 bảo vật quốc gia. Quảng Ninh hội tụ

đầy đủ các yếu tố tự nhiên: Rừng, núi, nước non, biển đảo, sông hồ..., đặc biệt có Vịnh Hạ Long hai lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới và được vinh danh là Kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới. Quần thể Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long là nguồn tài nguyên du lịch nổi bật, độc đáo vào bậc nhất cả nước và thế giới, với hơn 2.077 hòn đảo (chiếm 2/3 số đảo của cả nước).

Con người và vùng đất Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, sự thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng; có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời - một trong những cái nôi của người Việt cổ với ba nền văn hóa tiền sử kế tiếp nhau, cách ngày nay từ 18.000 đến 3.500 năm là: Văn hóa Soi Nhụ, văn hóa Cái Bèo và văn hóa Hạ Long. Là vùng đất có nhiều di tích gắn với lịch sử dựng nước, giữ nước vẻ vang với những chiến công hiển hách: Di tích Nhà Trần, Di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, Quần thể di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng, Di tích và danh thắng núi Bài Thơ, Thương cảng Vân Đồn, Đền Cửa Ông....; có Di sản Then của người Tày là 1 trong 11 tỉnh có Then, Tày, Nùng, Thái Việt Nam, được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; có truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân Vùng Mỏ với “di sản” tinh thần vô giá “kỷ luật và đồng tâm” với 22 dân tộc sinh sống. Đây là cơ hội để phát triển dịch vụ du lịch và tiến đến phát triển công nghiệp văn hóa - giải trí.

Tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo triển khai nghiên cứu chuyên sâu về các di tích lịch sử - văn hóa có giá trị nổi bật. Nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đối với những di sản văn hóa tiêu biểu; phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh; số hóa di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quảng Ninh đang phối hợp với tỉnh Hải Dương và Bắc Giang triển khai lập hồ sơ đề cử Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc, đề nghị UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

Tỉnh đã tổ chức nghiên cứu, sáng tạo các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ mang đặc trưng của địa phương, nghiên cứu về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội<sup>(1)</sup>. Các hoạt động bảo tồn, giữ gìn, phục dựng và lưu giữ di sản văn hóa gắn với khai thác các loại hình du lịch lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng gắn với mô hình sinh kế nông nghiệp nông thôn, các sản phẩm OCOP được phát huy rục rờ, thu hút du khách trong và ngoài nước. Các

(1) Một số người uy tín dân tộc Dao Thanh Y, Dao Thanh Phán, Sán Chỉ, Tày, Sán Diu ở Hạ Long, Ba Chẽ, Bình Liêu, Tiên Yên, Đàm Hà, Hải Hà, Móng Cái, Vân Đồn, Đông Triều, Uông Bí đã gây dựng nên một số câu lạc bộ văn nghệ dân gian, các câu lạc bộ thể thao truyền thống, thêu may trang phục, phát triển nghề truyền thống phục vụ khách tham quan, du lịch cũng như đưa vào giảng dạy trong các trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

sản phẩm du lịch đặc thù từ văn hóa, di tích, di sản của Quảng Ninh như “Một ngày làm ngư dân trên biển”, “Khám phá Quan Lạn”, “Cốc đảo Hà Nam”, “Hành trình theo dấu chân đức Phật tại Yên Tử”... rất được du khách yêu thích. Nhiều công trình văn hóa được bảo tồn và phát huy, đưa Quảng Ninh trở thành địa danh nổi tiếng toàn cầu, mở ra cơ hội lớn trong giao lưu, hội nhập, phát triển văn hóa, du lịch.

Với những bước đột phá trong việc huy động các nguồn lực đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại, các công trình nổi bật với tổng vốn đầu tư khoảng 5.000 tỷ đồng như Cung Quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh; Quảng trường 30/10; Thư viện, Bảo tàng Quảng Ninh; Cung văn hóa thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Ninh; Khu liên hợp thể thao tỉnh; Sân vận động Cẩm Phả; Trung tâm huấn luyện và thể thao Quảng Ninh; Trung tâm văn hóa, thể thao vùng Đông Bắc (huyện Tiên Yên), Cụm thông tin cô động biên giới Sa Vỹ... đều mang đẳng cấp quốc gia, quốc tế, đã được đưa vào khai thác phục vụ trong phát triển du lịch...

Công nghiệp văn hóa bước đầu được hình thành, đã có một số sản phẩm văn hóa đặc trưng thu hút sự quan tâm của đông đảo khách du lịch và góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, như: Công viên Đại dương, Quần thể Khu nghỉ dưỡng Yên Tử Legacy, các rạp chiếu phim công nghệ hiện đại... Kết cấu hạ tầng phục vụ văn hóa phát triển đã thu hút các sự kiện văn hóa, thể thao cấp khu vực, quốc tế, được tổ chức ngày càng nhiều, như: Liên hoan Xiếc Thế giới, Festival âm nhạc, Tiếng hát Asean +3, Gala xiếc ba miền, Ngày hội Yoga Quốc tế, Giải chạy marathon Quốc tế Hạ Long, Giải bóng chuyền bãi biển quốc tế Tuần Châu... đã tạo nên những sản phẩm văn hóa, thể thao đặc sắc, riêng có để quảng bá văn hóa, con người, hình ảnh Quảng Ninh đến với bạn bè quốc tế.

Các sản phẩm văn hóa - du lịch được chú trọng đầu tư, quan tâm đặc biệt, góp phần thúc đẩy kinh tế du lịch phát triển. Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề phát triển du lịch, đó là Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 24-5-2012, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về phát triển du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 5-2-2016, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về phát triển dịch vụ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về xây dựng, phát triển văn hóa, con người, và hiện tỉnh đang chú trọng triển khai Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, ban hành kèm theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12-11-2021, của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 4839/QĐ-UBND, ngày 29-12-2020, phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Quyết định số 569/QĐ-UBND, ngày 7-3-2023, phê duyệt Đề án phát triển du lịch bền vững gắn với giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030; Quyết định số 2256/QĐ-UBND, ngày 8-8-2023, phê duyệt Đề án phục hồi và phát triển bền vững ngành du lịch Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, gắn phát triển du lịch với triển khai nghiên cứu chuyên sâu về các di tích lịch sử - văn hóa có giá trị nổi bật.

Không gian du lịch tiếp tục được định hướng mở rộng có trọng tâm, trọng điểm, phát triển theo 4 vùng: Hạ Long - Uông Bí, Đông Triều - Vân Đồn, Cô Tô và Móng Cái, gắn liền với 4 dòng sản phẩm chính, gồm: du lịch biển đảo; du lịch văn hóa, tâm linh; du lịch cộng đồng sinh thái; du lịch biên giới. Đến nay, có 12/13 địa phương được công nhận các tuyến, điểm du lịch, cụ thể có 33 tuyến và 91 điểm du lịch, 5 khu du lịch cấp tỉnh, 1 khu du lịch cấp quốc gia. Các địa phương đã chủ động phát triển các sản phẩm dựa theo lợi thế, điều kiện của từng khu vực, do đó phát huy được hiệu quả của từng sản phẩm du lịch.

Cùng với hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Đoàn nghệ thuật của tỉnh, các đơn vị nghệ thuật do tư nhân đầu tư quản lý và tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh cũng đã dần hình thành, bước đầu hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo thêm sản phẩm văn hóa, góp phần thu hút khách du lịch, nhất là các bộ môn nghệ thuật truyền thống (múa rối, hát chèo, cải lương, các làn điệu dân ca, dân vũ của đồng bào dân tộc thiểu số,...), được biểu diễn tại Cảng tàu Quốc tế, sân bay Vân Đồn tại các lễ hội và cùng du khách trên các hành trình, tuyến điểm du lịch trên địa bàn tỉnh<sup>(1)</sup>.

Quảng Ninh hiện có 12/13 địa phương tổ chức lễ hội di sản văn hóa phi vật thể. Các lễ hội văn hóa, lịch sử truyền thống được các địa phương huy động các nguồn lực tổ chức hiệu quả, trong đó có nhiều lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa thường niên như lễ hội Carnival, lễ hội hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, lễ hội hoa sớ, lễ hội trà hoa vàng,... vừa bảo tồn được di sản văn hóa, vừa tạo thành sản phẩm văn hóa riêng có đóng góp không nhỏ vào việc thu hút lượng du khách đến chiêm bái, hành lễ, tạo xu hướng phát triển “du lịch văn hóa tâm linh”.

---

(1) Sản phẩm văn hóa phục vụ khách du lịch tiêu biểu như: Các chương trình văn hóa, văn nghệ hát chèo, múa rối truyền thống khu du lịch làng quê Yên Đức; Khu du lịch Quảng Ninh gate (Đông Triều); Hát đối, hát giao duyên trên thuyền của cư dân làng chài Cửa Vạn (TP. Hạ Long); sinh hoạt văn hóa, tìm hiểu về phong tục tập quán sinh hoạt của cộng đồng nhân dân cùng thưởng thức hát Then của người Tày, hát Soóng Cọ của người Sán Chỉ (huyện Bình Liêu và Tiên Yên); Chương trình du lịch “Cốc Cốc đảo Hà Nam” cùng điệu hát đúm ở đảo Hà Nam (TX. Quảng Yên); hát Nhà tơ, hát múa Cửa đình ở Vạn Ninh (TP. Móng Cái)...

## **HỢP TÁC QUỐC TẾ, LIÊN KẾT CÁC KHU VỰC, QUẢNG BÁ XÚC TIẾN VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU**

Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển thị trường du lịch, chú trọng phát triển các thị trường khách quốc tế gồm: Trung Quốc, Đông Bắc Á, ASEAN, châu Âu, Nga, Bắc Mỹ, Nam Á, Trung Đông và hướng đến các dòng khách có khả năng chi trả cao, đồng thời quan tâm đến thị trường khách nội địa. Nhiều hoạt động, hình thức tuyên truyền, quảng bá Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long được triển khai và đạt hiệu quả, như: kết nối, trao đổi thông tin với website của tổ chức UNESCO, mạng lưới Di sản biển, Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới, tổ chức New 7 Wonders, các ban quản lý di sản thế giới tại Việt Nam... góp phần thúc đẩy sự hợp tác, liên kết trong tuyên truyền, quảng bá, trao đổi kinh nghiệm quản lý và phát triển du lịch. Việc mở rộng quan hệ hợp tác, thúc đẩy phát triển thị trường và công tác quảng bá, xúc tiến và xây dựng thương hiệu du lịch Hạ Long - Quảng Ninh gắn liền với di sản vịnh Hạ Long theo hướng xây dựng những sản phẩm du lịch, dịch vụ đẳng cấp quốc tế được duy trì và đã phát huy hiệu quả. Công tác phối hợp liên kết phát triển du lịch với các địa phương trọng điểm về du lịch trong nước và quốc tế; tính kết nối giữa các tour, tuyến, điểm, khu du lịch, sản phẩm du lịch để gia tăng giá trị của chuỗi sản phẩm nhằm tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của khách du lịch được quan tâm, đẩy mạnh.

Có thể thấy, di sản văn hóa và du lịch có sự liên kết chặt chẽ với nhau. Chính nhờ các di tích, danh thắng, di sản văn hóa khi được công nhận cấp tỉnh, quốc gia hay quốc tế đã được quan tâm trùng tu, tôn tạo tốt hơn, trở thành tiền đề quan trọng để du lịch phát triển; ở chiều ngược lại, du lịch phát triển đã tạo nguồn lực đầu tư trở lại cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản cũng như mang đến lợi ích kinh tế, xã hội cho cộng đồng. Quảng Ninh đã và đang khai thác hiệu quả vốn quý này để phát triển du lịch, nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt thu hút được sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước.

Giai đoạn 2019 đến năm 2022, tổng lượng khách đạt trên 38 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế đạt 6,6 triệu lượt), tổng thu từ du lịch đạt trên 80.778 tỷ đồng. Năm 2022, ngành du lịch Quảng Ninh đã có bước phục hồi mạnh mẽ: Tổng khách du lịch đạt 11,6 triệu lượt khách (tăng 164,6% so với cùng kỳ), trong đó khách quốc tế đạt 304,000 lượt; tổng thu đạt 22,599 tỷ (tăng 191,8% so với cùng kỳ). Năm 2023, Quảng Ninh kế hoạch đón thêm 15 triệu lượt khách, doanh thu đạt 32.010 tỷ đồng.

### **BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trong công phát triển văn hóa - du lịch theo hướng liên vùng, hướng tới trở thành một điểm đến trong chuỗi du lịch của khu vực và thế giới, có thể rút ra bốn bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

*Một là*, bám sát các cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và tình hình thực tiễn để cụ thể hóa các nhiệm vụ, triển khai công việc hiệu quả. Nghị quyết số 36-NQ/TW, của Trung ương, về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 30-NQ/TW, về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã xác định phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc gia kết nối với khu vực và thế giới.

*Hai là*, định hướng phát triển văn hóa - du lịch của tỉnh Quảng Ninh đều được xác định rõ ràng, khoa học, bài bản. Ngay từ năm 2013, Quảng Ninh đã triển khai lập Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với sự tư vấn, đồng hành của các tập đoàn, công ty quốc tế lớn. Đồng thời, tỉnh cũng ban hành các nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa - du lịch trên địa bàn tỉnh.

*Ba là*, tập trung phát triển sản phẩm du lịch dựa trên ba trụ cột: (1) Tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng; (2) Các di tích lịch sử cách mạng tiêu biểu; (3) Bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc ít người trên địa bàn tỉnh.

*Bốn là*, quan tâm phát triển văn hóa - du lịch theo hướng liên vùng thông qua việc tiếp tục tập trung thực hiện lập hồ sơ khoa học quần thể di tích danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh, Bắc Giang, Hải Dương) trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới; phối hợp với thành phố Hải Phòng tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề cử vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) - quần đảo Cát Bà (thành phố Hải Phòng) trình UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới; triển khai xây dựng hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt đối với quần thể di tích thương cảng Vân Đồn (huyện Vân Đồn)... Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp xây dựng những tour, tuyến du lịch hợp lý; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá; quan tâm thúc đẩy sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống, các sản vật quý của từng vùng để phục vụ nhu cầu tham quan du lịch của du khách; tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ du lịch sẵn sàng phục vụ phát triển du lịch.

Định hướng phát triển văn hóa - du lịch hướng liên vùng, hướng tới trở thành một điểm đến trong chuỗi du lịch của khu vực và thế giới

Bám sát tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23-11-2022, của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-2-2023, của Thủ

tướng Chính phủ, phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế khác biệt của tài nguyên du lịch trong xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế phát triển theo chiều sâu có trọng tâm, trọng điểm; trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế, điểm đến du lịch hàng đầu quốc gia, có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, có chất lượng cao, thương hiệu mạnh, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc trong tỉnh, có năng lực cạnh tranh với các nước trong khu vực và quốc tế; thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng an ninh việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch. trong thời gian tới Quảng Ninh cần tập trung triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển du lịch Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối khu vực và thế giới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án xây dựng và phát triển văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo và chênh lệch vùng, miền trong tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.

Kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, giá trị văn hóa các dân tộc; vận dụng cơ chế thị trường để chuyển hóa các tài nguyên văn hóa thành nguồn lực văn hóa, “vốn hóa” các giá trị văn hóa địa phương để hình thành nên các sản phẩm văn hóa đa dạng, độc đáo phục vụ du lịch - dịch vụ. Tập trung bảo tồn và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa của tỉnh, trong đó ưu tiên nguồn lực cho các di sản được UNESCO ghi danh, các di tích quốc gia đặc biệt, bảo vật quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Thường xuyên tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia chống xuống cấp, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Xây dựng Quảng Ninh trở thành trung tâm văn hóa nghệ thuật cấp vùng; điểm đến hấp dẫn hàng đầu về du lịch di sản văn hóa khu vực châu Á và thế giới được bình chọn hằng năm; thành phố Hạ Long trở thành thành viên của mạng lưới các thành phố sáng tạo trên thế giới của UNESCO.

*Thứ hai*, xây dựng chiến lược phát triển cụ thể về phát triển công nghiệp văn hóa, đưa văn hóa trở thành một thị trường tiềm năng, hướng tới “xuất khẩu văn hóa” góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Trước mắt, tỉnh tiếp tục khai thác thế mạnh, tiềm năng văn hóa về cảnh quan, giá trị truyền thống, ẩm thực vùng, miền, thúc đẩy ngành du lịch phát triển hơn nữa để có thể cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Lựa chọn, hoàn thiện các món ăn địa phương, đặc biệt là các sản phẩm OCOP, nâng tầm thành nghệ thuật từ khâu

sản xuất đến thưởng thức, kết nối thành điểm đến của khách du lịch và hướng tới xuất khẩu ẩm thực truyền thống vùng, miền. Tỉnh khuyến khích các hoạt động sản xuất, quảng bá các loại hình văn hóa phi vật thể, các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ có giá trị cao, đồ lưu niệm mang thông điệp văn hóa thể hiện đặc trưng riêng có, phục vụ phát triển ngành kinh tế dịch vụ, du lịch của tỉnh.

Xây dựng chiến lược lâu dài tập trung phát triển ngành công nghiệp văn hóa trên các lĩnh vực: Điện ảnh, trình diễn nghệ thuật, thời trang, âm nhạc, mỹ thuật, triển lãm, ẩm thực, dịch vụ vui chơi, giải trí... tạo động lực phát triển các loại hình du lịch.

*Thứ ba*, Quảng Ninh tập trung đẩy mạnh truyền thông để quảng bá cho văn hóa bằng chiến lược cụ thể. Truyền thông để tuyên truyền mục tiêu xây dựng phát triển văn hóa của Quảng Ninh, thuyết phục nhân dân toàn tỉnh thay đổi nhận thức cùng chung sức, đồng lòng thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa. Dùng truyền thông để quảng bá vùng đất, con người, các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật của Quảng Ninh vươn ra thế giới. Thông qua truyền thông để kêu gọi đầu tư vào bảo tồn, khai thác các dự án văn hóa, giới thiệu các sản phẩm văn hóa của Quảng Ninh ra nước ngoài, thu hút các sự kiện văn hóa, triển lãm của các thương hiệu nổi tiếng thế giới đến tổ chức tại Quảng Ninh. Cùng với đó, đẩy mạnh các loại hình, phương tiện truyền thông để quảng bá cho văn hóa bằng chiến lược cụ thể, dùng truyền thông để quảng bá về vùng đất, con người, các sản phẩm văn hóa của Quảng Ninh vươn ra thế giới đồng thời kêu gọi đầu tư vào bảo tồn và khai thác các dự án văn hóa.

*Thứ tư*, quan tâm, đầu tư công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch, văn hóa nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong quá trình giao lưu, hội nhập khu vực và quốc tế.

Với chiến lược bài bản, cụ thể, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển văn hóa - du lịch theo hướng liên vùng, liên khu vực, liên quốc gia, Quảng Ninh phấn đấu sẽ trở thành một điểm đến trong chuỗi du lịch của khu vực và thế giới. ❖



## PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN GIAN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ - GÓC NHÌN TỪ QUẢNG NINH

NGUYỄN CHÍ BÈN

*GS, TS, Nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam,  
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

Lịch sử nhân loại, trong đó có lịch sử của dân tộc Việt Nam, đang trải qua một thời kỳ biến đổi khá mạnh mẽ trên mọi phương diện. Hội nhập quốc tế là xu hướng lớn của thời đại, với những biến động khó lường, như một số học giả nhận định: toàn cầu hóa là xu thế bất buộc. Văn hóa dân gian của các tộc người, các quốc gia trên thế giới chịu tác động to lớn trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trong tham luận này, chúng tôi, từ quan niệm chung về hội nhập quốc tế, trình bày những vấn đề đặt ra của văn hóa dân gian ở một tỉnh có nhiều đặc thù như tỉnh Quảng Ninh.

### MÁY PHÁC THẢO VỀ VĂN HÓA DÂN GIAN TỈNH QUẢNG NINH

Nói đến tỉnh Quảng Ninh, phải nói đến vị thế địa - chính trị, địa - văn hóa của một vùng đất có khá nhiều đặc thù. Trước hết, Quảng Ninh là một tỉnh biên giới, tiếp giáp với Trung Quốc, một trong số 7 tỉnh, thành của nước ta có đường biên giới với Trung Quốc, là tỉnh duy nhất có biên giới trên bộ, trên biển với Trung Quốc, trong đó đường biên giới đất liền là 118,82km, đường phân định vịnh Bắc Bộ trên biển dài 191km, vùng biển của tỉnh Quảng Ninh có trên 6.000km<sup>2</sup> với đường bờ biển dài trên 250km.

Mặt khác, Quảng Ninh là tỉnh có cả ba không gian văn hóa: không gian văn hóa núi đồi, không gian văn hóa đồng bằng và không gian văn hóa biển đảo. Quảng Ninh là tỉnh miền núi, trung du nằm ở vùng duyên hải, với hơn 80% đất đai là đồi núi. Vùng núi chia làm hai miền: Vùng núi miền đông từ huyện Tiên Yên qua các huyện Bình Liêu, Hải Hà, Đầm Hà đến thành phố Móng Cái. Đây là vùng nối tiếp của vùng núi Thập Vạn Đại Sơn từ Trung Quốc. Vùng núi miền tây từ huyện Tiên Yên qua huyện Ba Chẽ, phía bắc các thành phố

Hạ Long, Uông Bí và thấp dần xuống ở phía bắc thị xã Đông Triều. Vùng trung du và đồng bằng ven biển gồm những dải đồi thấp bị phong hóa và xâm thực tạo nên những cánh đồng từ các chân núi thấp dần xuống các triền sông và bờ biển. Đó là vùng thị xã Đông Triều, thành phố Uông Bí, bắc thị xã Quảng Yên, nam huyện Tiên Yên, huyện Đầm Hà, huyện Hải Hà và một phần thành phố Móng Cái. Các cửa sông, các vùng bồi lắng phù sa tạo nên những cánh đồng và bãi triều thấp. Vùng biển và hải đảo của tỉnh Quảng Ninh là một vùng địa hình độc đáo. Hơn hai nghìn hòn đảo chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước (2.078/2.779), đảo trải dài theo đường ven biển hơn 250 km chia thành nhiều lớp và diện tích các đảo chiếm 11,5% diện tích đất tự nhiên. Có những đảo rất lớn như đảo Cái Bàu, Bản Sen, lại có đảo chỉ như một hòn non bộ. Có hai huyện hoàn toàn là đảo, là huyện Vân Đồn và huyện Cô Tô. Trên vịnh Hạ Long và Bái Tử Long có hàng ngàn đảo đá vôi, nguyên là vùng địa hình karst (axit carbonic) bị nước bào mòn tạo nên muôn nghìn hình dáng bên ngoài và trong lòng là những hang động kỳ thú.

Với vị thế địa - chính trị và địa - văn hóa như thế, văn hóa dân gian Quảng Ninh có nhiều đặc thù, trước hết là các hằng số của lịch sử văn hóa dân gian. Nói đến các hằng số của văn hóa dân gian Việt Nam, GS Trần Quốc Vượng khẳng định: “thần thái văn hóa dân gian, văn hóa Việt Nam nói chung dựa trên ba hằng số kinh tế - xã hội là nghề nông trồng lúa nước - người tiểu nông - làng xóm, trên tầng nền ấy đã nảy sinh và đi vào cả vịnh hằng lịch sử di sản folklore Việt Nam”<sup>(1)</sup>. Trên bình diện lý thuyết, quan điểm này hoàn toàn chính xác, nhưng ở các vùng văn hóa khác nhau, các hằng số ấy khác nhau. Ở tỉnh Quảng Ninh, không phải chỉ có nghề trồng lúa nước, mà còn trồng lúa rẫy và nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản, làng xóm cũng vậy, có làng của dân trồng lúa nước, nhưng cũng có các vạn chài. Chủ thể sáng tạo văn hóa dân gian Quảng Ninh, nhìn ở phương diện tộc người gồm người Kinh (Việt), người Tày, người Dao, người Sán Dìu, Sán Chay, Sán Chí...; nhìn ở phương diện nghề nghiệp, có người sống với nghề trồng lúa nước, lúa rẫy, có người sống với nghề đánh bắt thủy, hải sản.

Vì thế, văn hóa dân gian Quảng Ninh là một kho tàng vừa phong phú về thể loại, giàu có về trữ lượng tác phẩm, sâu sắc về giá trị. Các loại hình của văn hóa dân gian, vào thập niên 90 của thế kỷ XX, theo GS Đinh Gia Khánh có: nghệ thuật ngữ văn dân gian, nghệ thuật tạo hình dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian và lễ hội dân gian, một thành tố tổng hợp<sup>(2)</sup>. Về sau, các nhà nghiên cứu của Viện Văn hóa dân gian (nay là Viện Nghiên cứu văn hóa) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tiếp nhận quan niệm của các nhà folklore Hoa Kỳ, bổ sung loại hình Tri thức dân gian.

(1) Xem: *Nguyễn Du và di sản văn hóa Việt Nam*, báo *Văn nghệ* số 47, ra ngày 20-11-1989

(2) Xem: *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989

Gần đây, thực hiện chủ trương kiểm kê di sản văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đã cho số liệu tỉnh Quảng Ninh có hàng trăm di sản văn hóa phi vật thể, thuộc bảy loại hình: Lễ hội truyền thống có 77 di sản; nghề thủ công truyền thống có 25 di sản; nghệ thuật trình diễn dân gian có 22 di sản; ngữ văn dân gian có 14 di sản; tập quán xã hội có 168 di sản; tiếng nói chữ viết có 7 di sản; tri thức dân gian có 50 di sản. Trong đó, có 6 di sản đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm: Nghi lễ then cổ của người Tày (huyện Bình Liêu), hát nhà tơ - hát (múa) cửa đình (thành phố Cẩm Phả), Lễ hội đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả), Lễ hội Tiên Công (thị xã Quảng Yên), Lễ hội đình Trà Cổ (thành phố Móng Cái), Lễ hội đình Quan Lạn (huyện Vân Đồn).

Nói đến các loại hình của văn hóa dân gian Quảng Ninh, phải kể đến lễ hội cổ truyền, đó là những lễ hội rất độc đáo của đồng bào dân tộc thiểu số, như: Hội làng của đồng bào Dao ở xã Bằng Cả (huyện Hoàn Kiếm); lễ hội Soóng Cọ; lễ hội đình Lục Nà của đồng bào Tày xã Lục Hồn (huyện Bình Liêu), của người Kinh như lễ hội đình Trà Cổ (thành phố Móng Cái), lễ hội Vân Đồn (xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn), lễ hội Tiên Công, lễ hội Bạch Đằng (thị xã Quảng Yên), hội chùa Quỳnh Lâm, hội đền An Sinh (thị xã Đông Triều).

Về nghệ thuật trình diễn, tỉnh Quảng Ninh có nhiều thể loại dân ca tiêu biểu như: Hát chèo đường, hát đám cưới trên Vịnh Hạ Long; hát đúm ở thị xã Quảng Yên; hát chèo ở thị xã Đông Triều, hát nhà tơ - hát múa cửa đình ở thành phố Móng Cái, các huyện Đàm Hà, Hải Hà, Vân Đồn; hát soọng cô, soóng cọ, sáng cố, hát then, hát pả dung ở thành phố Hạ Long và các huyện Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu... Vì thế có nhiều nghệ nhân được trao tặng danh hiệu, như: Nghệ nhân nhân dân Đặng Thị Tự ở huyện Đàm Hà; các nghệ nhân ưu tú Phạm Văn Lận, Nguyễn Thị Từ, Hoàng Thị Thảo, Nguyễn Thị Lộc ở thành phố Móng Cái với loại hình hát nhà tơ; các nghệ nhân ưu tú Ngô Đăng Nhuận, Phạm Thị Thành, Phạm Thanh Quyết, Phạm Thị Hợp với loại hình hát đúm ở thị xã Quảng Yên; các nghệ nhân Hà Thị Phương, Nông Thị Sin, Lương Thiêm Phú, Lương Thiêm Thành với hát then cổ ở huyện Bình Liêu; Nông Thị hang với hát then ở huyện Tiên Yên; các nghệ nhân Bàn Thị Vinh, Trương Thị Hoa, Lý Văn Út, Bàn Văn Khương, Trương Thị Quý hát dân ca Dao ở thành phố Hạ Long...

Ở các vùng giáp biển và trên các đảo của tỉnh Quảng Ninh đều có những lễ hội về biển. Tín ngưỡng của cư dân ven biển và trên đảo là đường dây nối kết, tạo cho lễ hội là “thời điểm mạnh trong sinh hoạt của cộng đồng” - GS Đinh Gia Khánh, nhìn ở phương diện đạo lý, tín ngưỡng của cư dân biển đảo là tấm lòng tri ân với các anh hùng của quê hương, đất nước, những nhân vật lịch sử và các nhân vật huyền thoại, nhưng cũng thể hiện trách

nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc. Chẳng hạn, hội đình Trà Cổ được mở để người dân tưởng nhớ công ơn của các vị thành hoàng, các bậc tiền nhân đã có công khai khẩn đất hoang, mở làng, trong khi đó ở đình, miếu, nghề, chùa Quan Lạn (huyện Vân Đồn) lại là nơi thờ phụng 3 vị tướng tài của vương triều Trần (1226 - 1400): Phạm Công Chính, Phạm Thuần Dụng và Phạm Quý Công đã anh dũng hy sinh trong trận chiến trên biển với giặc Nguyên Mông xâm lược năm 1288; đền Cửa Ông, đền Cặp Tiên (huyện Vân Đồn) thờ danh tướng Trần Quốc Tảng - người đã lãnh đạo người dân ở đây lao động, sinh sống, bảo vệ vùng biển Bái Tử Long - Hạ Long.

Kho tàng tri thức dân gian của người dân tỉnh Quảng Ninh cũng đa dạng, giàu có và phong phú. Với cư dân vùng núi, người dân thích ứng và luôn tổng kết thành những tri thức vô cùng quý giá. Với cư dân biển, đảo bên cạnh những lợi ích của biển còn là những hiểm họa khôn lường từ biển, cho nên cư dân biển, đảo phải không ngừng tích lũy kinh nghiệm để đối phó với biển. Cuộc sống gắn liền với biển đã khiến cho hệ thống tri thức dân gian của cư dân biển đảo Quảng Ninh hết sức phong phú, vì sự am hiểu về thiên nhiên, biển cả và nghề nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng đối với họ. Bởi vậy, từ thực tiễn đi biển, họ đúc rút thành những kinh nghiệm dân gian, tri thức dân gian về biển. Đó là các tri thức liên quan đến các hoạt động đánh bắt, lao động trên biển, các phong tục, tập quán sinh hoạt, các tri thức về môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên, tri thức về sản xuất, tri thức về khí hậu, thời tiết, tri thức về đánh bắt thủy hải sản, tri thức về chế tạo công cụ. Chẳng hạn, người dân huyện Vân Đồn đã đúc rút nên những kinh nghiệm về những hiện tượng thiên nhiên, môi trường để căn cứ vào đó mà có những tính toán cho việc đi biển.

Như thế, văn hóa dân gian tỉnh Quảng Ninh là một kho tàng gồm những sáng tác của biết bao thế hệ người dân ở vùng đất Quảng Ninh, đa dạng về loại hình, thể loại, phong phú về trữ lượng tác phẩm, giàu có về giá trị.

## **HỘI NHẬP QUỐC TẾ, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC**

Như đã phân tích, vị thế địa - chính trị, địa văn hóa của tỉnh Quảng Ninh, khiến Quảng Ninh là một tiểu vùng văn hóa mở, các thời kỳ lịch sử luôn có hội nhập quốc tế. Đây là địa bàn của *Văn hóa Hạ Long* phân bố ở vùng duyên hải đông bắc Việt Nam. Người Hạ Long phát triển đỉnh cao kỹ thuật chế tác đá, làm gốm, trồng cây lấy sợi; đánh bắt cá và giao thương trên biển. Di vật đặc trưng tiêu biểu nhất của văn hóa Hạ Long là những chiếc bôn có nấc và bàn mài có các rãnh hình chữ U cắt nhau. Một số di tích văn hóa Hạ Long có tuổi C14 là  $4.100 \pm 40$  năm BP (di chỉ Ba Vũng),  $3.380 \pm 50$  BP và  $4.070 \pm 50$  BP (di

chỉ Bãi Bền)<sup>(1)</sup>. Đã có giao thương trên biển, ắt có hội nhập quốc tế. Ở thiên niên kỷ thứ hai sau CN, nhà Lý (1009 - 1225), là vương triều kế tục sự nghiệp nhà Tiền Lê. Năm 1149, nhà Lý, chủ thể văn hóa biển ở Đại Việt tiếp tục phát triển văn hóa biển, với đỉnh điểm là lập trang Vân Đồn vào năm 1149 cho người nước ngoài ở để buôn bán với Đại Việt: “Năm Kỷ Ty... (1149), mùa xuân, thuyền buôn ba nước Trảo Oa, Lộ Lạc, Xiêm La vào Hải Đông xin ở lại buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng hóa quý, dâng tiến sản vật địa phương”<sup>(2)</sup>. Đầu thế kỷ XIX, khi viết về các tỉnh ven biển, các viên quan trong Quốc sử quán của nhà Nguyễn (1802 - 1945), vẫn ghi trong Đại Nam nhất thống chí: tỉnh Quảng Yên, “dân làm nghề đánh chài đi buôn, mối lợi nhờ biển”<sup>(3)</sup>. Dẫn lại như thế để thấy, Quảng Ninh là tỉnh địa đầu của Việt Nam, vừa là tỉnh biên giới, vừa là tỉnh biển, nên giao lưu văn hóa là nét đặc thù trong lịch sử văn hóa ở đây. “Giao lưu, ảnh hưởng, vay mượn còn là một nhân tố quan trọng trong quy luật truyền thống và đổi mới của văn hóa: Truyền thống - Tiếp biến (tiếp nhận - biến đổi), đổi mới”. Trong hội nhập, giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc là quan trọng, bởi bản sắc văn hóa chính là cái làm cho dân tộc không là cái bóng của dân tộc khác. Song, giữ gìn bản sắc không loại trừ sự tiếp biến văn hóa; văn hóa dân tộc phải hội lưu với văn hóa nhân loại, rồi theo dòng chảy của nó mà tiếp thu những cái “chân - thiện - mỹ” của các nền văn hóa trên thế giới để bồi đắp cho văn hóa bản địa”<sup>(4)</sup>. Chính quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa đã mang đến những thay đổi và biến đổi lớn lao về cấu trúc cũng như phẩm chất của nền văn hóa, trong đó có văn hóa dân gian, theo ba hình thức của giao lưu văn hóa (acculturation)<sup>(5)</sup>. Nói đến vấn đề này, giới nghiên cứu văn hóa hay nhắc đến các chữ “không chối từ” của R.P Feray khi nói về văn hóa Việt Nam. Nhưng có “không chối từ” thì sẽ có “chối từ”, quan hệ giữa hai vấn đề này luôn được người Việt Nam nói chung, người Quảng Ninh nói riêng xử lý hài hòa, biện chứng mà thể hiện là tiếp thu được từ văn hóa nhân loại những giá trị, tinh hoa ưu việt để thực hành tiếp biến trên tinh thần thái, khoan dung.

Về nguyên tắc, cần phân biệt sự khác nhau giữa hội nhập và mở cửa ở lĩnh vực kinh tế với hội nhập và mở cửa ở lĩnh vực văn hóa, nhất là văn hóa dân gian, bởi kinh tế và văn hóa

(1) Hà Hữu Nga, Nguyễn Văn Hào, *Hạ Long thời tiền sử*, Nxb. Thế giới, Hà Nội 1999. Xin xem thêm Hà Hữu Nga, bài Văn hóa Hạ Long và Quá trình hình thành nhà nước Việt Cổ: Tiếp cận Khảo cổ học Nhận thức, công bố trong blog *Tiếng vọng Kattigara*, 2012

(2) Đại Việt sử ký toàn thư, Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, t.1, in lần 2, tr. 281

(3) Đại Nam nhất thống chí, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, t. 4, tr. 13

(4) Ioanna Kucurradi: *Triết học luận về sự phát triển văn hóa*, trong cuốn: *Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2014, tr. 15

(5) Xem Trần Quốc Vượng, chủ biên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 52

luôn là các lĩnh vực độc lập, mà lại phụ thuộc vào nhau. Thái độ cần tránh khi phân biệt hai lĩnh vực này, đương nhiên là tránh bảo thủ, tự tôn hoặc tự ti quá mức hoặc thiếu hiểu biết về cả hai lĩnh vực. Thái độ cần có là thái độ bình tĩnh khoa học để gạt bỏ những yếu tố tiêu cực và phát huy những yếu tố tích cực trong quá trình hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa cũng như trong quá trình phát triển, nghĩa là câu chuyện chối từ và không chối từ, nhất là văn hóa dân gian. Bởi văn hóa dân gian là sáng tạo của các thế hệ tiền nhân, gắn bó với các chủ/khách thể ở làng quê, có thể là làng của đồng bào thiểu số, nhưng có thể ở các vịnh chài, các đảo. Đây chính là đơn vị xã hội căn cốt của xã hội ở tỉnh Quảng Ninh.

Cuối thế kỷ XX và những thập niên đầu của thế kỷ XXI, nhân loại đứng trước những biến đổi khó lường, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra với nội dung và phạm vi lớn. Về kinh tế, toàn cầu hóa tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng tạo ra những thách thức lớn cho các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh ấy, Việt Nam cũng như các quốc gia khác, đón nhận yếu tố tích cực cũng nhiều nhưng tiếp nhận yếu tố tiêu cực không ít. Hội nhập quốc tế là quy luật khách quan, luôn đặt ra cho các quốc gia những thách thức: hội nhập mà không bị hòa tan. Trong lĩnh vực văn hóa, hội nhập quốc tế có những đặc thù riêng, không giống hội nhập quốc tế ở lĩnh vực kinh tế, xã hội hay quốc phòng, an ninh. Hội nhập quốc tế về văn hóa là sự thống nhất, biện chứng giữa “nhận” và “cho”. “Nhận” cái tinh hoa, ưu việt của nước ngoài nhưng quốc gia, tộc người tiếp nhận cũng phải “cho” quốc gia khác, tộc người khác, đóng góp cho thế giới những tinh hoa của văn hóa Việt Nam. Thực tiễn hội nhập quốc tế về văn hóa trong thời gian qua, chúng ta đang “nhận” nhiều mà “cho” ít. Việc đưa văn hóa Việt Nam, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài, chưa đạt kết quả như chúng ta mong muốn.

Quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa trên nhiều khía cạnh đã tạo ra những động lực mới để văn hóa trong nước phát triển đa dạng, phong phú; xuất hiện nhiều loại hình, trong đó có cả những thiết chế văn hóa mới. Các sản phẩm văn hóa trong hội nhập quốc tế không chỉ góp phần tạo ra không khí dân chủ, cởi mở, người dân được tiếp cận nhiều tri thức nên dân trí được nâng cao, phát triển tính năng động sáng tạo, tự chủ và phát huy tính tích cực xã hội của con người, hình thành các nhân tố mới, giá trị mới của con người Việt Nam. Sản phẩm văn hóa tăng đáng kể về số lượng, có dấu hiệu tích cực về chất lượng, đã và đang hình thành thị trường văn hóa ở nước ta. Chính sự hội nhập quốc tế về văn hóa khiến cho hàng loạt các di sản văn hóa Việt Nam đã được UNESCO ghi danh là di sản thế giới theo Công ước năm 1972 như: *Vịnh Hạ Long, Cố đô Huế, Khu di tích Mỹ Sơn...*, được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp theo Công ước năm 2003, như *Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn*

*hóa công chiêng Tây Nguyên, Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Ca trù của người Việt...* Quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa hiện nay diễn ra trong bối cảnh Việt Nam và các quốc gia trên thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (gọi tắt là cách mạng 4.0), vì thế, các khía cạnh của hội nhập quốc tế về văn hóa càng rộng, càng sâu và đa dạng. Mặt khác, hội nhập quốc tế về văn hóa còn mở ra những kênh trao đổi học thuật với nhiều quốc gia phát triển trên thế giới, qua các phương thức khác nhau từ đưa học sinh, sinh viên du học đến trao đổi học giả. Cho nên, trong lối sống và phong cách sống từ ăn, mặc, ở đến đi lại, ứng xử... của người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ đã tiếp nhận các yếu tố phương Tây và Bắc Mỹ, có hàng loạt các thay đổi trên các phương diện thụ hưởng cuộc sống, nâng cao chất lượng sống và thay đổi ứng xử liên quan đến bình đẳng giới. Bên cạnh những thành quả to lớn mang lại về kinh tế, văn hóa, xã hội, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong hơn 30 năm qua cũng dẫn đến những hậu quả về văn hóa, xã hội, kinh tế. Đó là một thị trường văn hóa mà chưa có mô hình quản lý thích hợp gây ra sự khủng hoảng về đạo đức và lối sống trong xã hội. Chẳng hạn, trong lĩnh vực âm nhạc, các tác phẩm âm nhạc giải trí phát triển mạnh mẽ đang làm cho cả một thế hệ nhạc sĩ và ca sĩ lên ngôi; kèm theo là một thế hệ thính giả chỉ biết, chỉ nghe, chỉ thích những giai điệu, những lời ca thiếu sức truyền cảm, không biết, không nghe, không thích những ca khúc truyền thống mạnh mẽ và hào hùng, trữ tình và lãng mạn từng tạo nên nhiệt huyết công dân, tạo nên tình yêu cao cả đối với Tổ quốc, quê hương. Nhìn ở phương diện phát triển văn hóa, việc thuộc tên một ngôi sao nhạc nhẹ nước ngoài, thuộc những bài hát hay của thế giới đang thịnh hành thì không những không có hại mà còn có lợi ở chỗ thế hệ trẻ được mở mang tầm nhìn, tầm hiểu biết, được chia sẻ với bạn bè quốc tế những xúc cảm mạnh mẽ, những niềm vui, nỗi buồn thánh thiện do âm nhạc đem lại. Nhưng nếu chỉ chạy theo nhạc nước ngoài như một mode thời thượng, không cần hoặc không biết đến những tác phẩm âm nhạc trong sáng của dân tộc, tác phẩm âm nhạc dân gian của các thế hệ cha ông, thậm chí coi thường nó, thì lại hoàn toàn không đúng, tác hại khôn lường về đạo đức và lối sống của dân tộc.

Quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa là một quá trình hai chiều: tiếp nhận và sáng tạo, bị động và chủ động, và cuối cùng là mỗi quốc gia đều góp phần sáng tạo ra, làm giàu thêm cho văn hóa hội nhập nói chung và làm giàu thêm văn hóa dân tộc nói riêng. Giao lưu văn hóa và hội nhập quốc tế giữ vai trò hết sức quan trọng đối với nền văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc: Không có một nền văn hóa nào, dù lớn và có ảnh hưởng sâu rộng đến đâu, lại có thể phát triển trong khép kín, biệt lập, tách rời với các nền văn hóa khác. Bài học lịch sử mà cha ông để lại trên vùng đất Quảng Ninh tại huyện đảo Vân Đồn, cả ngàn năm vẫn còn nguyên giá trị. Nhưng hội nhập quốc tế trong tất cả các lĩnh vực kể cả văn hóa nói chung, văn hóa chính trị nói riêng có hai mặt, mặt tích cực và mặt tiêu cực. Mặt tích cực là

sẽ giúp cho văn hóa mỗi quốc gia, mỗi tộc người luôn phát triển, tiếp nhận được những giá trị tiên bộ của văn hóa các quốc gia khác, các dân tộc khác, làm giàu thêm cho văn hóa của dân tộc mình, quảng bá được văn hóa của dân tộc mình cho các dân tộc khác. Tuy nhiên, mặt tiêu cực là nguy cơ san bằng và đồng nhất các hệ giá trị, các chuẩn mực văn hóa dân tộc, đe dọa và làm suy kiệt sự phong phú, khả năng sáng tạo của các nền văn hóa dân tộc, dẫn đến nguy cơ tha hóa, vong bản, thậm chí thủ tiêu các giá trị văn hóa dân tộc.

### **NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM**

Riêng về hội nhập quốc tế, Bộ Chính trị khóa XI đã có Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10-4-2013, về hội nhập quốc tế xác định: “Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước”.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhân mạnh, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, du lịch và các lĩnh vực khác.

Trong phạm vi tỉnh Quảng Ninh, ngày 9-3-2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trong đó, đặt mục tiêu là giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện. Đặc biệt là phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc.



Có thể thấy hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập văn hóa luôn được Đảng, Nhà nước chú trọng. Tại tỉnh Quảng Ninh, tư tưởng ấy luôn được quán triệt và thực hiện.

Trước tiên là đầu tư xây dựng những công trình văn hóa đạt tiêu chuẩn quốc tế như: Bảo tàng - Thư viện, Công viên hoa Hạ Long, Quảng trường 30-10, Cột Đồng hồ, Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh... Sau đó là xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư đồng bộ, đã rút ngắn khoảng cách nhu cầu thụ hưởng văn hóa của người dân giữa các vùng miền, địa phương trong tỉnh. Thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện của 13 địa phương được xây mới và sửa chữa, cải tạo nâng cấp. Bên cạnh đó, công tác trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm chú trọng, như: Di sản vịnh Hạ Long, Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều, di tích đền Cửa Ông và nhiều di tích danh thắng khác. Đồng thời, việc đẩy mạnh các công việc làm hồ sơ quốc gia về Di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử đề nghị UNESCO công nhận là Di sản thế giới sẽ tiếp tục góp phần đưa tỉnh Quảng Ninh trở thành địa phương hội nhập quốc tế về văn hóa mạnh mẽ, mở ra cơ hội cho phát triển văn hóa, du lịch.

Với văn hóa dân gian, những năm qua, Quảng Ninh đã thực hiện khá nhiều công việc có ý nghĩa và tác dụng để hội nhập quốc tế. Nhiều loại hình văn hóa dân gian tiêu biểu của từng địa phương, từng vùng, các làng nghề thủ công truyền thống, đặc biệt là văn hóa dân gian của các dân tộc thiểu số đã được phục dựng và phát huy giá trị như: Tục hát “đúm” trên biển làng chài Cửa Vạn; hát Nhà tơ, hát múa Cửa đình; lễ hội Cấp sắc của dân tộc Dao, lễ Đại phan của người Sán Dìu; lễ hội Xuống đồng; lễ hội Lồng Tồng. Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian ở trong tỉnh, ngoài tỉnh đã sưu tầm, nghiên cứu và công bố các công trình văn hóa dân gian của các tộc người, các địa phương trong tỉnh. Có thể kể tới tác giả Nguyễn Quang Vinh với các công trình như *Văn hóa làng Vân* (2002), *Văn hóa ẩm thực Quảng Ninh* (2006), *Văn hóa dân gian vùng biển Quảng Ninh* (2010), *Văn hóa dân gian làng Vạn Ninh* (2015), *Văn hóa dân gian xã đảo Ngọc Vũng* (2019)...; tác giả Ngô Trung Hòa với công trình *Góp phần bảo tồn lễ hội dân gian vùng biển đảo Quảng Ninh* (2015); tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo với công trình *Văn hóa vùng biển đảo Quảng Ninh qua các lễ hội truyền thống* (2016); tác giả Phạm Thanh Quyết với công trình *Hát đúm Hà Nam, Yên Hưng* (2004), Nguyễn Trung Hà với công trình *Hát nhà tơ, múa cửa đình* (2012), tác giả Từ Thị Loan với công trình *Ca dao, dân ca vùng mỏ và vùng biển Quảng Ninh* (2013) tác giả Vũ Thảo Ngọc với công trình *Văn hóa dân gian công nhân mỏ Quảng Ninh* (2020)<sup>(1)</sup>. Những công trình sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian của các tác giả trong tỉnh đều rất

(1) Xem thêm Thư mục địa chí Quảng Ninh, tài liệu của Thư viện tỉnh Quảng Ninh

đáng quý. Tiếc là chưa có một công trình có tính chất tổng thể về văn hóa dân gian Quảng Ninh, chưa có một chuyên luận về văn hóa dân gian tỉnh Quảng Ninh. Và chưa có các công trình được in bằng tiếng nước ngoài, do các nhà xuất bản ở nước ngoài công bố. Nhất là các năm qua, các công trình trên đều ra mắt bạn đọc bằng bản in giấy.

### **THAY CHO KHUYẾN NGHỊ**

Xem xét những việc đã làm được về văn hóa dân gian trong hội nhập quốc tế về văn hóa của tỉnh Quảng Ninh, cần đặt ra các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, tổ chức một hoạt động nghiên cứu tổng thể về văn hóa dân gian tỉnh Quảng Ninh, mà đầu ra là một bộ *Tổng tập văn hóa dân gian Quảng Ninh*. hai năm 2020 - 2021, tôi đã làm tổng chủ biên bộ sách *Tổng tập văn hóa dân gian Nam Bộ*, nên thâm thía công việc này. Quá trình sưu tập, sưu tầm cả dữ liệu và kết quả nghiên cứu tạo tiền đề để thế hệ hôm nay có thể có một bộ sách xuất bản bằng giấy và số hóa, trên cơ sở đó xây dựng và phát triển data bank (ngân hàng dữ liệu) văn hóa dân gian Quảng Ninh. Gần đây, rất nhiều người nói đến bigdata (dữ liệu lớn), nhưng không có data bank thì sao có big data được. Mặt khác, cần công bố kết quả nghiên cứu thành một chuyên luận/chuyên khảo ở trong nước và nước ngoài (với các thứ tiếng Anh, Pháp, Trung...) về văn hóa dân gian Quảng Ninh. Hội nhập quốc tế, ắt hẳn các nhà khoa học cũng như bạn đọc nước ngoài mong muốn được tiếp cận công trình Văn hóa dân gian Quảng Ninh, bằng ngôn ngữ quốc tế, sẽ góp phần phát triển du lịch, qua đó góp phần phát triển kinh tế, xã hội và giới thiệu bản sắc Quảng Ninh, bản sắc Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

*Thứ hai*, gắn kết quảng bá văn hóa dân gian với phát triển du lịch. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã yêu cầu: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau”. Các tour, tuyến, điểm du lịch đều có tài liệu về văn hóa dân gian của tỉnh Quảng Ninh, giới thiệu cho du khách. Thế mạnh của tỉnh Quảng Ninh, so với nhiều địa phương khác trong nước là du lịch, du khách ưa thích, thậm chí đam mê vịnh Hạ Long, nên không thể không xem xét giới thiệu, quảng bá văn hóa dân gian Quảng Ninh với du khách trong nước và nước ngoài.

*Thứ ba*, tổ chức cho các nhà khoa học, quản lý văn hóa dân gian và các nghệ nhân ở Quảng Ninh đi trao đổi, trình diễn ở nước ngoài và mời các nhà nghiên cứu, quản lý văn hóa dân gian, các nghệ nhân nước ngoài vào trình diễn, giới thiệu văn hóa dân gian của các quốc gia, các tộc người trên thế giới tại Quảng Ninh. Có thể suy tính một hội thảo khoa học quốc tế về văn hóa dân gian trong hội nhập quốc tế ở thời đại hiện nay vào thời điểm sắp tới.

*Thứ tư*, xây dựng và thực hiện các chính sách hướng tới tạo mọi điều kiện cho các nghệ nhân dân gian có thể truyền dạy di sản văn hóa mà họ nắm giữ cho thế hệ kế tiếp, tránh sự đứt quãng trong việc trao truyền di sản văn hóa dân gian giữa các thế hệ. Thực tế, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện công việc này nhằm thực hiện Luật Thi đua khen thưởng và Luật di sản văn hóa 2001/2009, nhưng chưa thực sự để nghệ nhân làm tốt việc truyền dạy di sản văn hóa mà nghệ nhân đó được phong tặng.

*Thứ năm*, đưa các loại hình, thể loại văn hóa dân gian vào nhà trường các cấp sao cho hợp lý, không trở thành gánh nặng cho giáo viên và học sinh ở các nhà trường. ❖

### Tài liệu tham khảo

1- Nguyễn Chí Bền tổng chủ biên, *Văn hóa dân gian biển đảo Việt Nam*, tập 1: Nguyễn Chí Bền chủ biên; tập 2: Võ Thị Hoàng Lan chủ biên; tập 3: Nguyễn Chí Bền & Phạm Lan Oanh đồng chủ biên; tập 4: Phạm Lan Oanh chủ biên), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020, 2021

2- *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nguyễn Chí Bền trưởng ban tuyển chọn, Nxb. Văn hóa dân tộc và Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2000.

3- Nguyễn Hồng Phong & Vũ Khiêu đồng chủ biên, *Địa chí Quảng Ninh*, Nxb. Thế giới, tập 1 (2001), tập 2 (2002), tập 3 (2003)

4- Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo biên soạn): *Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2014

5- *Thư mục địa chí Quảng Ninh xưa và nay*, Sở Văn hóa, Thể thao Quảng Ninh, 2023

6- Trần Quốc Vượng, *Việt Nam, cái nhìn địa văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc & Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 1998

## PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO, TẠO ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG Ở TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN ĐĂNG KIÊN

*Trưởng Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ Quảng Ninh*

### ĐÔI NÉT VỀ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

Quảng Ninh là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, có dân số 1.415.000 người, với 21 dân tộc khác nhau; là tỉnh có vị trí trọng yếu về quốc phòng an ninh, biên giới quốc gia, tỉnh có 13 đơn vị hành chính gồm 4 thành phố, 2 thị xã và 7 huyện với 177 xã, phường, thị trấn. Quảng Ninh là vùng đất có nền văn hóa lâu đời. Văn hóa Hạ Long đã ghi vào lịch sử như một tiến hóa của người Việt. Cũng như các địa phương khác, cư dân sống tại Quảng Ninh có đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo rất phong phú.

- Về tôn giáo: Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay có 4 tôn giáo đang hoạt động, gồm: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài và Tin lành, với tổng số khoảng gần 200.000 tín đồ, chiếm gần 15% dân số toàn tỉnh. Toàn tỉnh có 149 cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng và kiểm kê phân loại, trong đó có 15 cơ sở là di tích cấp quốc gia đặc biệt, 9 cơ sở là di tích quốc gia, 17 cơ sở là di tích cấp tỉnh và 108 cơ sở được kiểm kê, phân loại trong Danh mục quản lý di tích của tỉnh. Ngoài ra, còn có một số hiện tượng tôn giáo mới như: “Đạo Bà Cấm”, “Đạo Bà Ân”, “Đạo Bà Lương”, “Thanh hải Vô Thượng Sư”, “Siêu hóa”... với số lượng hơn 600 người tin theo.

- Về tín ngưỡng: Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện có 350 cơ sở tín ngưỡng, trong đó có 91 ngôi đình, 67 ngôi đền, 69 ngôi miếu, 08 nghè, 115 điện thờ tư gia với các loại hình hoạt động tín ngưỡng cơ bản như: Tín ngưỡng thờ thành hoàng; tín ngưỡng thờ thần; tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc; tín ngưỡng thờ người có công với làng xã (tín ngưỡng thờ Tiên Công); Tín ngưỡng thờ Hậu Thần; tín ngưỡng thờ Mẫu; tín ngưỡng thờ

cúng tổ tiên. Ngoài ra, một số lễ hội tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã được phục dựng và tổ chức thường xuyên, như: lễ Đại Phan của đồng bào dân tộc Sán Dìu. Các di tích tín ngưỡng trên ở Quảng Ninh đều gắn với các lễ hội tín ngưỡng, các nghi lễ, nghi thức dân gian (lễ hội đình, đền, miếu).

Hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ngày càng phát triển, thể hiện tính văn hóa đa dạng không chỉ của dân tộc Kinh mà còn của cả các dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh nói chung được bảo đảm, tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Giá trị văn hóa của tín ngưỡng, tôn giáo thể hiện trên hai lĩnh vực là vật thể và phi vật thể. Quá trình hình thành, phát triển niềm tin của tín ngưỡng, thực hành các giáo lý, giáo luật, nghi lễ của tôn giáo dần ảnh hưởng, tác động lớn đến nhận thức, tư tưởng, tâm lý và lối sống không chỉ của những người có niềm tin, của tín đồ, mà còn ảnh hưởng tới nhiều mặt của đời sống xã hội. Giá trị văn hóa của tín ngưỡng, tôn giáo luôn có sức sống lâu bền và mãnh liệt, luôn trường tồn cùng sự phát triển của đất nước, con người. Cũng như cả nước, các giá trị văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo tại Quảng Ninh thể hiện ở truyền thống nhân sinh tốt đẹp như biết kính trên, nhường dưới, biết hiếu kính cha mẹ, phụng sự Tổ quốc; truyền thống đôn ơn, đáp nghĩa, đồng hành cùng dân tộc.

Mỗi tôn giáo có cách thức thể hiện đường hướng và phương pháp hành đạo riêng nhưng đều chung một định hướng là sống “Tốt đời, đẹp đạo” gắn bó, đồng hành với đất nước. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, các nhu cầu đối với cuộc sống cũng được đáp ứng tốt hơn, là những áp lực đè nặng lên đời sống, tâm lý của mỗi con người, những ham muốn vật chất, những tệ nạn xã hội ngày một nảy sinh. Bản thân mỗi người đều phải đối diện với những khó khăn, những thách thức sinh của cuộc sống. Trong hoàn cảnh đó, với tư tưởng từ bi hỷ xả, bao dung, độ lượng, khuyến răn con người sống có ích, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, và xã hội của tôn giáo đã mang lại một niềm tin, một điểm tựa tinh thần cho mỗi cá nhân. Tư tưởng, triết lý của tôn giáo luôn coi trọng và đề cao yếu tố luân lý, đạo đức thông qua các “giới cấm”, “điều răn” những việc không được làm đối với mỗi tín đồ; khuyến dạy con người sống trung thực, không trộm cắp, không tham lam..., tất cả đều nhằm hoàn thiện nhân cách con người, hướng con người vươn tới các giá trị chân, thiện, mỹ; góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong xã hội ngày nay, nhất là đối với tỉnh Quảng Ninh - được ví như một đất nước Việt Nam thu nhỏ, có nhiều tiềm năng, lợi thế về du lịch, dịch vụ, giao thương. Việc phát huy vai trò văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, tạo động lực cho

phát triển nhanh và bền vững của tỉnh luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm và đã đạt được nhiều kết quả trên các phương diện, như: an ninh trật tự, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định của pháp luật...

### **PHÁT HUY VAI TRÒ VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO, TẠO ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG**

Các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh đã góp phần bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh cũng như việc lưu giữ, bồi đắp và làm phong phú thêm những giá trị truyền thống văn hóa, mang giá trị nhân văn, đạo đức có ảnh hưởng tích cực trong đời sống xã hội; là kênh truyền thông quan trọng góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và của tỉnh Quảng Ninh nói riêng đi vào cuộc sống. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh đã có những đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh, như: các phòng trào thi đua lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo tại các địa phương trong tỉnh; hăng hái thi đua lao động, sản xuất với nhiệm mô hình có tính quy mô để phát triển hàng trăm trang trại, hàng trăm tàu, thuyền, hàng vạn ô, lồng, bè thủy, hải sản..., tạo ra những mô hình kinh tế hiệu quả, giải quyết việc làm cho người lao động; duy trì có hiệu quả các tổ nhóm vệ sinh môi trường, đoạn đường, tuyến phố xanh - sạch - đẹp; các câu lạc bộ tình nguyện bảo vệ môi trường, trực tiếp thu gom rác thải, bóc xóa biển quảng cáo không đúng nơi quy định, lấp đặt thùng rác, trồng cây xanh, tổ chức các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân di chuyển chuồng trại, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh...

Bên cạnh đó, việc tham gia xây dựng đời sống văn hóa, chăm lo sự nghiệp giáo dục tại các địa phương trong tỉnh cũng nhận được sự quan tâm, chung tay của các tôn giáo thông qua các nội dung, mô hình hoạt động mang đặc trưng riêng của mỗi tôn giáo như: “xây dựng xứ họ đạo tiên tiến”; “xây dựng chùa cảnh tinh tiến”, “xây dựng xã tiên tiến vùng đồng bào dân tộc, vùng có đông đồng bào tôn giáo”... Hằng năm, tỷ lệ hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa đạt từ 95% đến 99% và tỷ lệ đạt gia đình văn hóa bình quân 5 năm đạt 94,4%..., qua đó, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào đời sống xã hội, động viên chức sắc, tín đồ các tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Về an ninh, trật tự:* Với tinh thần nhập thế, sống có trách nhiệm với đời, các tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc trong quá trình giữ nước bằng những việc làm cụ thể để hoàn thành trách nhiệm, bổn phận của một công dân với đất nước. Ngày nay, các tôn giáo đã

tiếp nối truyền thống đồng hành cùng dân tộc, bằng những việc làm thiết thực, như: việc phản đối các hành động xâm phạm chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam; vận động công nhân là người có đạo không nghe theo lời xúi giục của thế lực xấu biểu tình tại các khu công nghiệp... Đồng thời, vận động, giáo dục tín đồ gương mẫu chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và thực hiện chính tín, bài trừ mê tín dị đoan; giáo dục tín đồ không phạm tội, không mắc các tệ nạn xã hội, tích cực hưởng ứng, tham gia phong trào “xây dựng nông thôn mới”, và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”... Đến nay, 100% các xã có đồng bào Công giáo đều đã đạt chuẩn xây dựng “Nông thôn mới”, “Nông thôn mới nâng cao”, “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Trong đó xã Việt Dân (thị xã Đông Triều), nơi có trên 75% số dân là người Công giáo (có xứ Đông Khê) đã đạt chuẩn xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” đầu tiên của cả nước; tỷ lệ hộ gia đình Công giáo đạt văn hóa trên 96%; theo thống kê chưa đầy đủ thì có trên 200 doanh nhân Công giáo đã đóng góp tích cực vào chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trong tỉnh.

Nhờ có sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân trong tỉnh, trong đó có tín đồ tôn giáo, nhiều dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai thuận lợi, tạo sự phát triển đột phá, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, Vân Đồn - Móng Cái, đường nối cao tốc Hạ Long - Hải Phòng với cầu Bạch Đằng, Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn... đã được xây dựng và đưa vào hoạt động.

*Hoạt động từ thiện, nhân đạo của các tôn giáo* luôn gắn với việc thực hiện các chỉ tiêu an sinh xã hội của tỉnh, góp phần tích cực hỗ trợ người nghèo, tham gia cứu trợ, cứu nạn, công tác bảo trợ xã hội được chú trọng, tín đồ các tôn giáo tích cực tham gia thực hiện. Cụ thể trong những năm gần đây, các tổ chức tôn giáo hằng năm đã thăm, tặng quà và các hoạt động từ thiện, nhân đạo cho hộ nghèo, hộ khó khăn nhân dịp tết nguyên đán, các ngày lễ, tết của các tổ chức tôn giáo trên địa bàn..., từ 2000 đến 3000 suất quà/năm (giá trị 200 nghìn đồng đến 500 nghìn đồng/suất); hỗ trợ xây mới, sửa chữa hàng trăm căn nhà cho bà con nhân dân các địa phương với số tiền lên đến trên 100 tỷ đồng; hỗ trợ các hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất với số tiền trên 3 tỷ đồng; tham gia ủng hộ Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi; Quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam các cấp... với tổng giá trị từ 400 đến 500 triệu đồng/năm. Ngoài những hoạt động thăm hỏi, tặng quà, chức sắc, tín đồ các tôn giáo còn có nhiều hoạt động tích cực khác, như: đỡ đầu các học sinh nghèo học giỏi, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, tham

gia các hoạt động cứu trợ, cứu nạn, tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới... Bên cạnh đó, các tổ chức tôn giáo tại các địa phương cũng có nhiều chương trình hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó vươn lên trong học tập, tiêu biểu là các huyện, thị xã, thành phố, như: Đông Triều, Quảng Yên, Hạ Long, Cẩm Phả, Móng Cái... đã hỗ trợ các học sinh nghèo vượt khó học giỏi, các học sinh thi đỗ đại học... với số tiền lên đến hàng tỷ đồng mỗi năm...

*Việc bảo vệ và gìn giữ giá trị văn hóa dân tộc:* Các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh đa phần gắn với tôn giáo, nhất là Phật giáo, tỉnh Quảng Ninh đã có những cơ chế, chính sách cụ thể nhằm huy động nguồn lực trong nhân dân và trong các tôn giáo vào việc trùng tu, tôn tạo di tích, nhất là đối với Phật giáo, cụ thể: Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ninh đã lập quy hoạch, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện nhiều dự án trùng tu, tôn tạo, xây dựng tại các cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử văn hóa, nhằm phát huy giá trị của các di tích, xây dựng các điểm đến trong hành trình tham quan của du khách trong và ngoài nước, các hoạt động này luôn được quan tâm, thu được nhiều kết quả tích cực, như: huy động nguồn vốn xã hội hóa trong xây dựng chùa Đồng, tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông; Cung Trúc lâm Yên Tử; chùa Lâm - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử; chùa Ba Vàng, chùa Cái Bầu - Thiền viện Trúc Lâm Giác tâm, Đền - Chùa Xã Tắc; chùa Giữa đồng, chùa Đồng phúc, 3 tòa thượng điện chùa Quỳnh Lâm,... Tính từ năm 2014 đến nay, công tác xã hội hóa đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích là các cơ sở tôn giáo (chùa) đã đạt từ vài tỷ đến vài trăm tỷ/cơ sở, tổng số tiền xã hội hóa đạt trên 1.300 tỷ đồng, đã góp phần không nhỏ vào việc trùng tu, tôn tạo các cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn, xây dựng thêm các công trình phụ trợ nhằm phát huy giá trị của các di tích, tạo điểm nhấn trong việc thu hút du khách trong và ngoài nước đến với di tích trên địa bàn tỉnh.

Về phương diện bảo vệ môi trường, là địa phương phát triển năng động về kinh tế - xã hội, nhưng kèm với đó, Quảng Ninh đang phải đối mặt với rất nhiều mâu thuẫn và thách thức, đặc biệt là việc khai thác than, phát triển công nghiệp nặng với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn; thách thức giữa phát triển công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh, giữa phát triển bền vững trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nước biển dâng cao, nguy cơ ô nhiễm môi trường tại Quảng Ninh luôn trong tình trạng rất cao, đòi hỏi phải được khẩn trương khắc phục, nếu không sẽ ảnh hưởng lớn đến việc phát triển các ngành kinh tế có tính bền vững, mũi nhọn: du lịch, dịch vụ và kinh tế biển, đảo. Với những thách thức đó, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung nhiệm vụ về giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đã nhận được sự hưởng ứng, tham gia tích cực của các tôn giáo; đã thực hiện ký kết chương trình phối hợp về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và bước



đầu đã đạt được những kết quả tích cực. Bằng những việc làm thiết thực, cụ thể, chức sắc, tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã thể hiện tinh thần chung sức, đồng lòng trong các phong trào do chính quyền, đoàn thể các cấp trong tỉnh phát động, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội của tỉnh.

Để đạt được những kết quả như trên, thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ninh đã quán triệt, thực hiện tốt quan điểm của Đảng, Nhà nước, nhất là Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10-1-2018, của Bộ Chính trị, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, về công tác tôn giáo trong tình hình mới, trong đó có nhận thức về giá trị của tôn giáo là: “phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước”.

Từ quan điểm này, để phát huy vai trò văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kết luận số 606-KL/TU, ngày 20-1-2020, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 18-7-2014, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác tôn giáo; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; đặc biệt, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định một trong ba khâu đột phá chiến lược là: Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng, miền trong tỉnh.

Trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo các cấp và các ban, ngành, địa phương liên quan thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, chủ động trong định hướng dư luận đối với các vấn đề tôn giáo phát sinh, chủ động phòng ngừa, không để xảy ra sự cố hay các điểm nóng về tôn giáo trên địa bàn; thường xuyên đa dạng hóa hình thức tuyên truyền đối ngoại tôn giáo (kết hợp trao đổi đoàn với tuyên truyền qua báo chí, phương tiện truyền thông đại chúng, phổ biến, tuyên truyền nội dung các ấn phẩm tôn giáo chính thống...), bên cạnh việc giúp các tôn giáo hiểu và thực hiện tốt pháp luật còn nhằm mục đích vận động, huy động có chọn lọc các nguồn lực của tín ngưỡng, tôn giáo chung tay thực hiện tốt các định hướng phát triển, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Đây chính là một trong những chỉ đạo, định hướng đúng, trúng, phù hợp, kịp thời khuyến khích, động viên để biến tiềm năng văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo thành động năng, chuyển hóa thành nguồn lực và động lực cho góp phần cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh Quảng Ninh.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Để phát huy hơn nữa vai trò của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững ở tỉnh Quảng Ninh cũng như trong sự phát triển chung, tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

*Một là*, đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, phổ biến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời, quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện hơn nữa để các tổ chức, cá nhân tôn giáo sinh hoạt theo đúng phương châm hành đạo và quy định của pháp luật nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm công dân của chức sắc, tín đồ tôn giáo với quê hương đất nước, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, các phong trào do chính quyền, đoàn thể các cấp phát động.

*Hai là*, xem xét sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khắc phục những nội dung còn vướng mắc, bất cập của pháp luật có liên quan, nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, đặc biệt là việc thực hiện chủ trương xã hội hóa về y tế, giáo dục, từ thiện, nhân đạo, trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa...

*Ba là*, việc phát huy vai trò, nguồn lực trong tín ngưỡng, tôn giáo cần bảo đảm đơn thuần, đúng tinh thần trách nhiệm và quy định của pháp luật; kiên quyết không để xảy ra hiện tượng thương mại hóa hay chính trị hóa tín ngưỡng, tôn giáo.

*Bốn là*: phát huy hơn nữa vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức tôn giáo trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, ngăn ngừa việc lợi dụng hoạt động từ thiện, nhân đạo để trục lợi.

*Năm là*, cấp ủy, chính quyền các cấp cần tiếp tục quan tâm, chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là vùng đồng bào tôn giáo; thực hiện nhất quán chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta, hướng các hoạt động tôn giáo gắn bó đồng hành với dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc của đồng bào có đạo.

*Sáu là*, cần ghi nhận và biểu dương kịp thời những đóng góp của các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt nhấn mạnh và làm nổi bật những tấm gương điển hình là chức sắc, chức việc các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. ❖

## QUẢNG NINH - MÔ HÌNH THÀNH CÔNG BƯỚC ĐẦU KHI ĐƯA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

NGUYỄN HUY VINH

*ThS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Chính sách* là công cụ quản lý nói chung, quản lý kinh tế - xã hội nói riêng của Nhà nước. Chính sách thay đổi trong từng thời kỳ.

*Kinh tế* là tổng thể các hoạt động liên quan đến quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu thụ của cải trong xã hội.

*Chính sách kinh tế* là kế hoạch hành động nhằm sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu thụ hàng hóa, của cải trong xã hội nhằm tạo ra của cải làm giàu cho xã hội.

*Chính sách kinh tế trong văn hóa* là tổng thể các quan điểm, các nguyên tắc hoạt động, các cách làm thực tiễn và các phương pháp quản lý kinh tế mà Đảng, Nhà nước sử dụng, dùng làm cơ sở điều tiết các hoạt động văn hóa, tác động lên các cá nhân, tổ chức, đơn vị hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa để đạt đến những mục tiêu văn hóa đã được Đảng, Nhà nước đề ra trong một thời kỳ nhất định.

### QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ ĐƯA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

Quan điểm thể hiện bản chất của một chế độ xã hội được dùng để soi chiếu, định hướng mọi vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng và phát triển của đất nước. Để chính sách kinh tế trong văn hóa có hiệu quả, đạt tới mục tiêu đã đề ra, Đảng, Nhà nước đã đề ra hệ quan điểm vừa toàn diện, vừa nhất quán.

Từ Đại hội Đảng khóa VI, Đảng ta luôn đặt ra và xác định vấn đề cơ sở nền tảng, then chốt để phát triển văn hóa, hình thành chính sách kinh tế trong văn hóa, phát triển sự nghiệp

văn hóa, để văn hóa thực sự trở thành động lực, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. “Nhà nước có chính sách đúng đắn đối với các loại sản phẩm văn hóa khác nhau”<sup>(1)</sup>.

Hiến pháp năm 2013 xác định: “Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” (khoản 1, Điều 51, Hiến pháp năm 2013).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI năm 2011 cũng xác định: Chính sách kinh tế của nước ta từ nay đến giữa thế kỉ XXI là phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách kinh tế được Đảng xác định là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

Nhìn lại từ năm 1998, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã xác định rõ vấn đề văn hóa trong kinh tế, kinh tế trong văn hóa và đưa quan điểm về chính sách kinh tế trong văn hóa: “Chính sách kinh tế trong văn hóa nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa, đồng thời đảm bảo yêu cầu chính trị, tư tưởng của hoạt động văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc”.

Từ định hướng này, chính sách kinh tế được đưa vào quá trình phát triển văn hóa ở nước ta hiện nay và được xác định theo hướng: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa; phát triển nhiều thành phần kinh tế tham gia các hoạt động văn hóa;... gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, đáp ứng tốt nhu cầu công chúng; khai thác các tiềm năng kinh tế từ chính các hoạt động văn hóa, giá trị văn hóa; kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa.

Trong bối cảnh Cách mạng khoa học - công nghệ, kỹ thuật phát triển như hiện nay, việc sử dụng khoa học kỹ thuật như một đòn bẩy mang giá trị kinh tế trong phát triển văn hóa là một quan điểm đúng đắn. Tuy nhiên, vận dụng vào thực tế lại là câu chuyện của từng địa phương, Quảng Ninh đã đạt được những kết quả bước đầu khi đưa chính sách kinh tế vào phát triển văn hóa, từ khai thác văn hóa du lịch, văn hóa tâm linh, phát triển các làng nghề,... đến phát huy hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa như Thư viện, Bảo tàng, cung Quy hoạch,... trên địa bàn tỉnh, đặc biệt Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh là bảo tàng duy nhất trong cả nước đã thực hiện tự chủ. Nhìn trên bình diện chung cả nước, có thể khẳng định Quảng Ninh là mô hình để nhiều địa phương học tập.

(1) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 85

Thực hiện chính sách kinh tế trong văn hóa tức là phải thực hiện các phương thức, cách thức quản lý kinh tế, đề ra mục tiêu mang tính lợi nhuận kinh tế khi thực hiện các hoạt động văn hóa và ngược lại phải gắn văn hóa, đảm bảo các yếu tố văn hóa luôn hiện diện trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh tế.

Chính sách kinh tế trong văn hóa cần được hiểu một cách cụ thể là phải vận dụng chính sách kinh tế chung của Nhà nước vào phát triển lĩnh vực văn hóa. Cụ thể, phải xây dựng môi trường pháp lý, chính sách đầu tư hấp dẫn, xây dựng cơ chế quản lý,... để thu hút các thành phần kinh tế, thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa.

Các sản phẩm văn hóa truyền thống cơ bản là các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giải trí, thể thao,... tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay hoạt động văn hóa gắn bó chặt chẽ với dịch vụ văn hóa, thị trường văn hóa trước kia bó hẹp trong “bàn tay” của Nhà nước (làm phim bao cấp, rạp chiếu phim bao cấp, biểu diễn văn hóa văn nghệ miễn phí,... thì nay, thị trường văn hóa được mở rộng và ngày càng đa dạng gắn với sự phát triển của nền kinh tế tri thức, gắn với những thành tựu của Cách mạng khoa học, công nghệ. Ví dụ riêng thị trường sách, vốn từ sách in nay đã có cả loại hình sách điện tử, sách số,... hay thị trường tranh trước chỉ có bán tranh trực tiếp, nay thị trường online với tranh NFT (NFT (Non-Fungible Token) hiểu là token không thể thay thế - một dạng vật phẩm ảo được xác thực bằng công nghệ Blockchain. Công nghệ này sử dụng chữ ký số để xác nhận tác phẩm gốc và người sở hữu tác phẩm. Nhờ đặc tính này, NFT trở thành loại tài sản độc nhất vô nhị, không thể sao chép hay làm nhái).

## **QUẢNG NINH VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA**

Từ chủ trương chung của Đảng bộ tỉnh, Thư viện Quảng Ninh được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn quốc tế, diện tích sử dụng 9.000m<sup>2</sup>, thiết kế hợp lý, gồm hội trường, các phòng đọc, tra cứu tài liệu, triển lãm sách, báo và phòng hội thảo... Trang thiết bị được đầu tư hiện đại và tương đối đồng bộ. Công nghệ thông tin được ứng dụng vào công tác bổ sung, biên mục tài liệu, in nhãn sách, thư mục qua phần mềm ILIB. Theo thống kê, Thư viện tỉnh có tổng số gần 250.000 bản sách, 150.000 trang tài liệu địa chỉ số hóa, 200 loại báo, tạp chí, thuê quyền truy cập 1,5 triệu tài liệu điện tử.

Thư viện tỉnh cũng thực hiện cơ chế mở, chia sẻ nguồn lực thông tin với các đơn vị, đặc biệt là liên kết với tailieu.vn - website chia sẻ tài liệu lớn nhất Việt Nam. Đồng thời, liên kết với cơ sở dữ liệu thư viện số của thư viện các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc; tăng cường khả năng khai thác của thư viện số bằng cách quảng bá nguồn tài nguyên số đến các trường học, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Với mục tiêu xây dựng phát triển Thư viện tỉnh theo mô hình thư viện hiện đại gắn với chính quyền điện tử tỉnh, Thư viện đã xây dựng Kế hoạch 265/KH-TV tháng 12/2021 về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tạo cơ sở, định hướng trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số cụ thể đảm bảo lộ trình đề ra. Mục tiêu được xác định là: Hiện đại hóa Thư viện tỉnh, khai thác và phục vụ có hiệu quả thư viện số, phát triển nguồn lực thông tin số hóa, xây dựng hệ thống mượn trả tài liệu tự động 24/7, tăng cường chia sẻ vốn tài liệu trên nền hạ tầng mạng lưới CNTT của tỉnh, đa dạng hóa các hình thức phục vụ bạn đọc, chú trọng phục vụ trực tuyến. Hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cũng được áp dụng để tự động hóa các thủ tục hành chính, từ quy trình cấp thẻ thư viện, quản lý bạn đọc thông qua phần mềm thư viện điện tử tích hợp ILIB, đến kiểm kê tự động...

Bảo tàng Quảng Ninh là bảo tàng cấp tỉnh đầu tiên trong cả nước tự chủ kinh phí. Bảo tàng đã và đang triển khai ứng dụng công nghệ số vào trưng bày. Khách tham quan có thể được một hướng dẫn viên ảo dẫn đi tham quan qua phiên bản số hóa (website baotangao.baotangquangninh.vn.). Qua công nghệ 3D, từ kiến trúc phía ngoài độc đáo tựa như “viên ngọc đen” đến không gian ấn tượng bên trong với những khung cảnh tái hiện lịch sử qua nhiều thời đại, quang cảnh các hầm lò khai thác than dưới lòng đất, các bảo vật quốc gia, các di sản thế giới,... mà Quảng Ninh sở hữu.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và công bố tác phẩm VHNT Việt Nam trên nền tảng cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Quảng Ninh cũng đã phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện quay phim, chụp ảnh, số hóa 3D một số không gian, kiến trúc nghệ thuật, một số di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng, bảo vật quốc gia tại Quảng Ninh, như quần thể di tích quốc gia đặc biệt Yên Tử, khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt chiến thắng Bạch Đằng, gồm: Quần thể bãi cọc, đình đền miếu dân trải bên tả ngạn sông Bạch Đằng, phân bố trên địa bàn phường Yên Giang, phường Nam Hòa, xã Liên Hòa thuộc TX Quảng Yên và xã Diên Công thuộc TP Uông Bí; số hóa không gian khu di tích quốc gia đặc biệt nhà Trần, di tích đền thờ nữ tướng Lê Chân tại Đông Triều, số hóa hộp vàng Ngọc Vân đang lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh...

Một trong những vấn đề rút ra qua việc áp dụng chính sách kinh tế vào phát triển văn hóa ở Quảng Ninh đạt được những thành công là: Tư tưởng nhất quán, thống nhất, đồng lòng từ trên xuống đến cơ sở, là tinh thần quyết liệt trong triển khai thực hiện, là sự năng động, linh hoạt, ... Cụm công trình Bảo tàng - Thư viện Tỉnh Quảng Ninh gồm 3 khối nhà Bảo tàng - Thư viện - Hội thảo được khánh thành năm 2013, nhân dịp kỉ niệm 50 năm thành lập

tỉnh Quảng Ninh, từ đó, hiện thực hóa chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo lãnh đạo các đơn vị nhanh chóng có các giải pháp phù hợp, cùng ứng dụng khoa học, công nghệ, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào hoạt động thực tiễn. Từng đơn vị đã có các biện pháp quản lý, có lựa chọn loại công nghệ thích hợp, có nguyên tắc, cách thức sử dụng công nghệ hiện đại phù hợp, do đó, ngay sau khi được tỉnh đầu tư xây dựng đồng bộ, cùng lúc hệ thống các thiết chế văn hóa của tỉnh được phát huy công năng, đem lại hiệu quả tích cực vượt trội, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của quần chúng nhân dân, đồng thời đáp ứng cả yêu cầu về các nguồn lực kinh tế thu lại. Trải qua thời kỳ COVID-19, mặc dù không tránh được những khó khăn đến từ khách quan, các đơn vị đã tận dụng lợi thế của công nghệ, phát triển các ứng dụng để thực hiện các dịch vụ trên nền tảng số trong chiến lược lâu dài, coi đây là cơ hội, là cách thức nhanh nhất để các giá trị văn hóa Quảng Ninh được lan tỏa ra thế giới.

Đặc biệt, từ năm 2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9/3/2018, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trong bối cảnh không nhiều địa phương có nghị quyết riêng từ sớm về phát triển văn hóa, con người, Quảng Ninh đã cho thấy tính tiên phong trong nhận thức về văn hóa, vai trò của văn hóa đối với đời sống xã hội nói chung và đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh nói riêng. Vốn là tỉnh có lợi thế phát triển du lịch, Quảng Ninh đã sớm gắn kết giá trị các di sản văn hóa được thiên nhiên ưu đãi với các mục tiêu kinh tế - xã hội. Để phát triển du lịch bền vững và hiệu quả cao, Quảng Ninh đã quan tâm đầu tư phát triển từ kết cấu hạ tầng giao thông, tạo điều kiện kêu gọi để các nhà đầu tư bất động sản lớn tham gia đầu tư vào Quảng Ninh, phát triển thị trường sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa, đến nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực phục vụ du lịch và các dịch vụ đi kèm... Cụ thể:

*Về đầu tư vào kết cấu hạ tầng:* “Nhất cận thị, nhị cận giang, tam cận lộ” - từ xa xưa cổ nhân đã có những câu nói đúc kết kinh nghiệm lựa chọn bất động sản ưu tiên gắn liền với cơ sở hạ tầng. Xác định phát triển hạ tầng là nền tảng và đòn bẩy cho phát triển, đặc biệt là thị trường bất động sản, tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng hệ thống giao thông huyết mạch kết nối với Thủ đô, qua Hải Phòng, lên tuyến biên giới phía Đông Bắc đã được tập trung đầu tư, đến nay Quảng Ninh đã có một hệ thống kết cấu hạ tầng thuận lợi với các tuyến cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái, cảng tàu khách quốc tế Hạ Long, sân bay quốc tế Vân Đồn, hầm xuyên biển Cửa Lục... Khai thác thế mạnh hiếm có, Quảng Ninh cũng tập trung đầu tư hạ tầng giao thông kết hợp phục vụ du lịch với những tuyến đường bao biển như tuyến Hạ Long - Cẩm Phả,...

*Về thu hút đầu tư vào lĩnh vực khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí:* hiện trên địa bàn Quảng Ninh đã có sự góp mặt của chuỗi các khách sạn thương hiệu quốc tế như Novotel, A La Carte, Continental, Citadine,...; các nhà đầu tư bất động sản lớn như Vingroup, Sun Group, Bim, Tập đoàn Tuần Châu... Các nhà đầu tư lớn này đã đóng góp với Quảng Ninh các tổ hợp thương mại - dịch vụ, vui chơi giải trí quy mô lớn như Trung tâm Thương mại Vincom Center Hạ Long (1.100 tỷ đồng), Khu khách sạn nghỉ dưỡng biển cao cấp tại đảo Rều (phường Bãi Cháy, TP Hạ Long) với quy mô đầu tư 1.200 tỷ đồng, Vinpearl Land, Công viên Đại Dương Hạ Long theo mô hình Disneyland, tổng vốn đầu tư 6.500 tỷ đồng, dự án Khu nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Quanghanh, phường Quanghanh, TP Cẩm Phả có tổng mức đầu tư dự kiến 3.500 tỷ đồng, dự án Quảng trường Mặt trời Hạ Long (phường Bãi Cháy, TP Hạ Long) với tổng mức đầu tư trên 2.300 tỷ đồng, khu phụ trợ du lịch Platin Center Shophouse Cẩm Phả, khu biệt thự, khách sạn ven biển 4 sao dài nhất Việt Nam, khu ẩm thực, sân golf... đã tạo ra sản phẩm du lịch đặc sắc, thu hút đông đảo khách nội địa và quốc tế đến tham quan, giải trí; các siêu dự án trọng điểm như dự án Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn và dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng có casino tại Vân Đồn, cụm cầu cảng khách quốc tế lớn nhất Việt Nam,... có thể tạo sức đột phá lớn trong phát triển kinh tế - du lịch. Đặc biệt, tạo cơ sở để lưu giữ chân du khách dài ngày - đây là thế mạnh không phải địa phương nào cũng có và Quảng Ninh đã, đang tận dụng.

Tỉnh cũng đầu tư nhiều tàu chở khách có trọng tải lớn, hình thức sang trọng, hệ số an toàn cao, đặc biệt là đội tàu nghỉ đêm trên Vịnh, như du thuyền: Paradise Luxury, Emeraude Classic Cruise, Bhaya Classic Cruises, Âu Cơ... Đây thực sự như những khách sạn nổi 5 sao du ngoạn trên mặt Vịnh, hệ thống dịch vụ trên tàu phục vụ du khách được đầu tư ngày càng bài bản, chuyên nghiệp.

Việc đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, tổ hợp khách sạn,... là biểu hiện sinh động của chủ trương yếu tố kinh tế phải là nền tảng vật chất cho các hoạt động văn hóa phát triển, mục tiêu kinh tế phải song hành với các mục tiêu văn hóa.

*Về đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa:* xác định phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa không chỉ tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp văn hóa phát triển bền vững mà còn là nền tảng quan trọng để phát triển du lịch, phát triển kinh tế cho tỉnh. Các sản phẩm văn hóa dưới dạng công nghệ (sách điện tử, tranh công nghệ số,...), công nghệ ảo (thăm quan bảo tàng, thăm thú các di sản văn hóa thế giới,... thông qua công nghệ 3D,...) trong hệ thống thiết chế văn hóa được đầu tư từ ngân sách; các sản phẩm văn hóa mang tính hand made thủ công mỹ nghệ (quà lưu niệm được làm từ các vật liệu từ biển



như võ trai, ốc, vỏ sò,...mang bản sắc Quảng Ninh - nơi có di sản thiên nhiên thế giới) được đầu tư từ nguồn tự có trong dân, tình góp phần hỗ trợ cũng đang ngày càng có đóng góp vào gia tăng doanh thu du lịch - làng nghề.

Mô hình du lịch sinh thái cộng đồng ở Quảng Ninh tập trung gắn với cảnh quan thiên nhiên và công trình lịch sử văn hóa, như ở Hạ Long, Tiên Yên, Ba Chẽ, Bình Liêu, Đàm Hà, Hải Hà...; gắn với cảnh quan biển đảo ở Vân Đồn, Cô Tô, Hải Hà, Móng Cái...; gắn với các làng nghề như làng hoa Hoàn Bồ (TP Hạ Long) đã chuyển đổi việc trồng, bán cây cảnh và hoa đơn thuần, sang mô hình du lịch canh nông phục vụ du khách tham quan, trải nghiệm; gắn với các lễ hội văn hóa truyền thống và ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch dựa trên khai thác cảnh quan thiên nhiên như hội Mùa vàng, hội Hoa sớ, Ngày hội Kiêng gió; các mô hình hợp tác xã nông nghiệp sản xuất các sản phẩm thế mạnh như miến dong, cá nước lạnh, trồng hoa, tinh dầu hồi, quế... cũng được đồng thời chú trọng, khuyến khích, phát triển hiệu quả mang lại thu nhập cho người dân, trở thành những điểm đến du lịch với nhiều trải nghiệm thú vị. Đây là các mô hình hiện thực hóa chủ trương phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 của Chính phủ. Đây cũng là biểu hiện sinh động của chủ trương đưa các yếu tố văn hóa quá trình tạo ra của cải vật chất, văn hóa phải được thể hiện như một yêu cầu bắt buộc và là mục tiêu hướng tới của các hoạt động kinh tế. Chính sách này cũng hiện thực hóa chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, chủ trương huy động các nguồn lực cho phát triển văn hóa, Quảng Ninh đã huy động các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào khai thác các tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ, đầu tư cho các hoạt động văn hóa; khai thác các tiềm năng, giá trị kinh tế chính trong các hoạt động văn hóa cũng là biểu hiện sinh động của chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tổng kết 5 năm triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU, BCH Đảng bộ tỉnh tiếp tục xây dựng Nghị quyết mới về phát triển văn hóa con người Quảng Ninh trong bối cảnh mới. Đặc biệt, khi Quảng Ninh đang thực hiện mục tiêu giai đoạn 2020 - 2025 trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc, đầu mối giao thông quan trọng của cả nước; đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiêu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

*Về đầu tư hạ tầng công nghệ:* Dựa vào định hướng phát triển nền kinh tế tri thức, tỉnh đã tạo cơ sở nền tảng là đầu tư hạ tầng mạng, hạ tầng kỹ thuật công nghệ, trong đó đặc biệt

ưu tiên một số lĩnh vực trọng điểm, được xác định là mũi nhọn, có khả năng kích thích phát triển chung cho tỉnh, như hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển văn hóa - du lịch, từ các công nghệ kỹ thuật số đến các điều kiện đảm bảo cho hệ thống mạng wifi, di động cho các khu vực phát triển dịch vụ.

*Về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:* nhân lực cho phát triển của tỉnh được xác định là một trong các khâu đột phá, và xu hướng trong những năm gần đây cho thấy, khi đầu tư hạ tầng giao thông thuận lợi, thời gian di chuyển giữa Quảng Ninh với Hà Nội và các tỉnh bạn được rút ngắn thì tỉnh đã thu hút được một cách tự nhiên lực lượng lao động từ các tỉnh đổ về. Bên cạnh đó, xác định điểm yếu nguồn nhân lực cho du lịch là ngoại ngữ và khả năng sử dụng, ứng dụng công nghệ, tỉnh đã có chủ trương đào tạo, bồi dưỡng lâu dài thông qua giáo dục - đào tạo các cấp, trong đó trường Đại học Hạ Long được quan tâm; đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn thông qua các chương trình bồi dưỡng đối với nhân lực của các đơn vị, đặc biệt là các đơn vị đang tập trung triển khai các dự án,... các địa phương có dự án phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái cũng có các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp đối với từng hộ gia đình có tham gia cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng, đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng đều, chuyên nghiệp nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng để hấp dẫn du khách, nhằm đạt mục tiêu không chỉ phục vụ du khách tốt nhất mà còn đưa du khách trở lại trong tương lai và từ du khách lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam, văn hóa Quảng Ninh ra thế giới.

Với vị trí địa lý thuận lợi, gần thủ đô, được thiên nhiên đặc biệt ưu đãi với hệ thống các di sản văn hóa tầm cỡ thế giới, được công nhận là di sản thế giới; với chủ trương đúng đắn, với quyết tâm cao, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã bước đầu khơi dậy được tiềm năng vốn có. Cách thức đưa chính sách kinh tế vào quá trình khơi dậy các tiềm năng đã cho thấy hướng đi đúng đắn, phù hợp với xu thế thời đại, khẳng định quan điểm nếu có định hướng đúng thì văn hóa thực sự trở thành động lực cho phát triển, thực sự phát huy được chức năng điều tiết phát triển, điều tiết các quan hệ xã hội theo hướng tích cực, hài hòa. ❖

# MỘT SỐ KẾT QUẢ CUỘC VẬN ĐỘNG “TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH” GẮN VỚI TRIỂN KHAI SÂU RỘNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ PHONG TRÀO “VÌ NGƯỜI NGHÈO - KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU”

NGUYỄN VĂN HỒI

*Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh*

## KẾT QUẢ ÁN TƯỢNG TỪ NHỮNG CUỘC VẬN ĐỘNG HỢP Ý ĐẢNG, LÒNG DÂN

Quảng Ninh - miền đất địa đầu vùng Đông bắc của Tổ quốc mang trong mình những giá trị riêng biệt; là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, độc đáo; nơi lưu giữ các giá trị nổi bật toàn cầu của di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long; nơi phát tích của thiền phái Trúc Lâm, cùng hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa đặc sắc; là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam, có truyền thống cách mạng của Công nhân vùng mỏ với di sản tinh thần vô giá “Kỷ luật và đồng tâm”. Con người nơi đây hội tụ, giao thoa trong sự thống nhất, đa dạng của nền văn minh sông Hồng. Văn hóa Quảng Ninh là sự kết hợp hài hòa giữa những tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp. Suốt chiều dài lịch sử, các thế hệ người dân Quảng Ninh đã đồng lòng, chung sức vượt khó khăn, gian khổ tập hợp, đoàn kết, chia sẻ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau làm xoay chuyển tình hình, giải quyết được những mục tiêu đột phá.

Trong những năm qua, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp, những thành quả của các thế hệ đi trước, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã tích cực xây dựng, phát triển văn hóa con người Quảng Ninh, đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tạo động lực và nguồn lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững.

Nhận thức sâu sắc các nội dung của Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong những năm qua bằng nhiều hoạt động phong phú, sáng tạo, với nhiều mô hình khác nhau, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng khu dân cư, Cuộc vận động đã mang lại hiệu quả thiết thực, tăng cường đoàn kết phát huy nội lực và tinh thần tự quản của Nhân dân để phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo; nâng cao dân trí, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng nếp sống văn hoá, thực hiện chính sách “Đền ơn đáp nghĩa”, giúp đỡ đồng bào các vùng bị thiên tai, lũ lụt; thực hiện quy chế dân chủ, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở; ngăn ngừa và đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Nhiều chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước, của tỉnh có liên quan trực tiếp đến đời sống của các tầng lớp nhân dân được hướng dẫn và triển khai đến cơ sở, khu dân cư và lồng ghép vào các nội dung của Cuộc vận động, làm tăng tính thiết thực và hiệu quả của Cuộc vận động, góp phần tập hợp, đoàn kết nhân dân. Qua thực hiện cuộc vận động đã phát huy tinh thần tự quản của cộng đồng dân cư, thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ kính yêu “*Lấy sức dân để xây dựng cuộc sống cho dân*”.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã được cả hệ thống chính trị của tỉnh Quảng Ninh tập trung vào cuộc bằng nhiều hoạt động hiệu quả. Toàn tỉnh đã phát triển rộng khắp các mô hình tự quản, vườn mẫu, thôn, khu dân cư, xã nông thôn mới kiểu mẫu; vận động nhân dân tự nguyện đóng góp hàng trăm tỷ đồng, hiến hàng trăm nghìn mét vuông đất... Tỷ lệ các khu dân cư đạt danh hiệu “Khu dân cư tiên tiến”, “Khu dân cư văn hoá”, “gia đình văn hóa” hàng năm đều tăng và khẳng định tính toàn dân, toàn diện và tính bền vững của cuộc vận động. Qua thực hiện cuộc vận động đã xuất hiện nhiều tấm gương, điển hình tốt có sức lan toả cao, đặc biệt là đã phát huy tốt tinh thần tự quản của cộng đồng dân cư.

Đến nay, tỉnh Quảng Ninh có 98/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 100%); 56/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, chiếm 57,1% (cả nước có 937 xã đạt bằng 11,4%); 26/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, chiếm 26,5% (cả nước 110 xã đạt 1,34%). 13/13 địa phương cấp huyện đạt chuẩn các chỉ tiêu tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó: có 9/13 địa phương đã được công nhận; 2 địa phương (TP Hạ Long và huyện Vân Đồn) đã hoàn thiện và nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định Trung ương và 02 địa phương (huyện Ba Chẽ và Bình Liêu) dự kiến nộp hồ sơ trong đầu quý II năm 2023. Có 2 huyện (Tiên Yên và Đầm Hà) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (dự kiến nộp hồ sơ đề nghị xét, công nhận trong

đầu quý II năm 2023). Tỉnh Quảng Ninh đã cơ bản đạt các nội dung theo bộ tiêu chí quốc gia tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đang tập trung hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng thẩm định trung ương theo quy định (phần đầu hoàn thiện và nộp hồ sơ đề nghị xét, công nhận trong tháng 6 năm 2023).

Bên cạnh đó, hàng năm việc tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống MTTQ Việt Nam (18/11) được tổ chức thành nền nếp, trở thành ngày sinh hoạt truyền thống của toàn dân. Hằng năm, 100% thôn, khu trên địa bàn tỉnh đều tổ chức được ngày hội đại đoàn kết (trong đó có hơn 85% thôn, khu tổ chức cả phần lễ và hội, có trên 50% thôn, khu tổ chức bữa cơm đại đoàn kết), thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân trên địa bàn dân cư tham gia. Ngày hội đã khơi dậy và phát huy truyền thống đoàn kết ở cộng đồng dân cư, gắn bó giữa cán bộ với Nhân dân, thực sự trở thành ngày hội của Nhân dân.

Phong trào “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” đã được tỉnh phát động, các địa phương hưởng ứng và triển khai thi đua quyết liệt, phấn đấu giảm nghèo nhanh, bền vững với nhiều chính sách đặc thù của địa phương; Công tác truyền thông, thông tin về giảm nghèo được quan tâm, tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tỉnh Quảng Ninh tập trung huy động nguồn lực triển khai Chương trình. Tỉnh đã tập trung thực hiện lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, ban hành các giải pháp và cơ chế chính sách huy động phù hợp thực tiễn tại địa phương, đa dạng hóa hình thức huy động (huy động trực tiếp đầu tư, đóng góp cho xây dựng nông thôn mới từ các tổ chức cá nhân, huy động lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án...) để thu hút nguồn lực đầu tư.

Về bố trí nguồn lực: Từ năm 2021 đến năm 2023 ngân sách tỉnh đã bố trí đầu tư hỗ trợ cho các Chương trình mục tiêu quốc gia là 2.849,2 tỷ đồng thực hiện Chương trình (năm 2021 là 403,6 tỷ đồng; năm 2022 là 1.398,4 tỷ đồng; năm 2023 là 1.047,2 tỷ đồng). Trong đó: (1) Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi 1.563,5 tỷ đồng; (2) Chương trình xây dựng nông thôn mới 1.276,7 tỷ đồng; (3) Chương trình giảm nghèo bền vững là 9,0 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021 - 2022: Sau 2 năm thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 0,41% (năm 2021) xuống còn 0,067% (năm 2022). Đến tháng 11/2022, tỉnh còn 258 hộ nghèo. HỖND tỉnh đã ban hành Nghị quyết hỗ trợ cho các hộ diện bảo trợ xã hội là hộ nghèo bằng với tiêu chí trung ương qui định về thu nhập, do đó đến nay, tỉnh cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu Chương trình giảm nghèo của tỉnh giai đoạn

2021- 2025 đã đề ra. Trong đó có 4 địa phương không còn hộ nghèo. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025, tỷ lệ nghèo đa chiều tỉnh Quảng Ninh thấp, đứng thứ 4/63 tỉnh, thành.

Tính đến hết năm 2022, tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành trước 3 năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, chuyển sang thực hiện theo chuẩn nghèo đa chiều mới của Tỉnh cao hơn mức chuẩn nghèo chung của Trung ương quy định. Riêng đối với chương trình phát triển KT-XH vùng dân tộc, tỉnh Quảng Ninh không còn xã, thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn; Thu nhập bình quân đầu người đến hết năm 2022 tại các xã vùng nông thôn là 54,4 triệu đồng/người/năm.

Năm 2023, với mục tiêu của tỉnh “Nâng cao đời sống nhân dân theo tiêu chí hạnh phúc” trong đó mục tiêu thu nhập đầu người tại các xã vùng nông thôn năm 2023 là 56,2 triệu đồng/người/năm. Tỉnh lấy tiêu chí xây dựng nông thôn mới làm cơ sở nền tảng để lồng ghép các nguồn lực, tập trung công tác chỉ đạo, tập trung nguồn lực, giải pháp để thực hiện các mục tiêu của cả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng một địa bàn huyện, xã, thôn không tách rời riêng biệt: (1) Có thêm 3 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Vân Đồn, Cô Tô, Hải Hà; (2) Có thêm 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; (3) Có thêm 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu so với năm 2022; (4) Có tối thiểu 80% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; (5) Thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 2,0 lần so với năm 2020 (tương đương 92,2 triệu đồng/người/năm); (6) Tập trung thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, không để tái nghèo, phát sinh hộ nghèo: xây dựng Kế hoạch, các giải pháp để hỗ trợ các hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Tỉnh giai đoạn 2023-2025 thoát nghèo bền vững; thực hiện đầy đủ kịp thời các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, của Tỉnh nhất là chính sách đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động và các giải pháp hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội giúp các hộ nghèo thoát nghèo bền vững, không để tái nghèo, phát sinh hộ nghèo. Nâng chuẩn hộ nghèo riêng của tỉnh về tiêu chí thu nhập.

## **BÀI HỌC VÀ KINH NGHIỆM RÚT RA**

Có thể khẳng định những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện có hiệu quả 5 nội dung cuộc vận động; từ các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội đến an ninh quốc phòng, thực hiện dân chủ ở cơ sở, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đồng thời kế thừa phát huy những kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn ở khu dân cư. Những nội dung của cuộc vận động đã đáp ứng được yêu cầu “*Hợp với ý Đảng, thuận với lòng dân*” do đó đã được đông đảo Nhân dân trên

địa bàn các khu dân cư đồng tình hưởng ứng và tự giác tham gia; Công tác triển khai thực hiện Cuộc vận động đã không ngừng được đổi mới, mở rộng và ngày càng nâng cao về chất lượng và hiệu quả, ngày càng xuất hiện nhiều tập thể khu dân cư điển hình tiên tiến. Từ kết quả đó khẳng định Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã đạt được kết quả to lớn và toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh.

Thực tế triển khai thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Phong trào “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” ở tỉnh Quảng Ninh, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

*Thứ nhất*, phải quán triệt sâu sắc, tổ chức thực hiện nhất quán, kịp thời các chỉ thị, nghị quyết, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đến các cấp các ngành và đông đảo quần chúng nhân dân. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa MTTQ với chính quyền, các đoàn thể và các tổ chức thành viên trong triển khai thực hiện Cuộc vận động.

*Thứ hai*, luôn thực hiện và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo được sự đồng thuận cao trong nhận thức và hành động, phát huy sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân từ mỗi khu dân cư trong thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

*Thứ ba*, tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc công tác thực hiện Cuộc vận động từ khu dân cư. Thường xuyên coi trọng công tác xây dựng mô hình mới, điển hình tiên tiến; kịp thời tổng kết, nhân rộng các mô hình, cách làm mới có hiệu quả trong công đồng dân cư.

*Thứ tư*, thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác Mặt trận ở các cấp; chú trọng lựa chọn đội ngũ Trưởng ban công tác Mặt trận khu dân cư thực sự uy tín, thực sự là trung tâm phối hợp, thống nhất hành động với các tổ chức thành viên trong vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chung của khu dân cư.

*Thứ năm*, quan tâm dành nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế-xã hội, nhất là cho khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo.

Để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, tập trung triển khai 3 khâu đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới hải đảo: (1) Phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, bảo đảm liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng và nội vùng, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các mô hình sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. (2) Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập ổn định cho lao động, nhất là lao động trẻ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. (3) Phát triển du lịch cộng đồng bền vững và thương mại biên giới ở những nơi có điều kiện.

*Hai là*, triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, với 03 trụ cột: (1) Chính quyền số ở nông thôn; (2) Kinh tế số ở nông thôn; (3) Xã hội số cho cộng đồng dân cư ở nông thôn.

*Ba là*, tập trung rà soát hoàn thiện cơ chế chính sách để đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập và mức sống của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững; huy động tối đa các nguồn lực để tạo khâu đột phá trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

*Bốn là*, tập trung hoàn thiện, tổ chức triển khai thực hiện Đề án cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh trong đó ưu tiên các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo để nâng tỷ lệ cấp nước sạch từ công trình cấp nước nông thôn tập trung tối thiểu đạt 80% vào năm 2025. Xây dựng nông thôn mới gắn với khai thác du lịch sinh thái tại 33 tuyến, 88 điểm du lịch và 02 khu du lịch cấp tỉnh đã được công nhận.

*Năm là*, tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và triển khai thực hiện phong trào “Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới” để tạo động lực cho các xã, thôn và các hộ gia đình trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. ❖



## PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VĂN HÓA QUẢNG NINH

NGUYỄN THỊ MAI ANH

*TS, Tạp chí Cộng sản*

NGUYỄN ĐỨC THỦY

*ThS, Tạp Chí Cộng sản*

Trong bối cảnh văn hóa được coi là “sức mạnh mềm”, các ngành công nghiệp văn hóa được coi là có tiềm năng đóng góp lớn cho GDP đất nước thì một chính sách phù hợp, hiệu quả để phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa là yêu cầu tất yếu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đối với bất kỳ loại hàng hóa nào thì thị trường, thị phần,... cũng chủ yếu do các thành phần kinh tế này chi phối, tác động, do vậy, để phát triển bất kỳ thị trường sản phẩm, dịch vụ hàng hóa nào cũng cần có chính sách phù hợp để phát huy các nguồn lực từ các thành phần này.

Thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa cũng như các thị trường sản phẩm hàng hóa khác, là nơi các sản phẩm được lưu thông và thực hiện theo các quy luật của kinh tế thị trường. Các chủ thể sản xuất, cung ứng dịch vụ văn hóa tuy sở hữu các sản phẩm mang tính cá nhân cao nhưng khi đã kết nối với thị trường thì người nghệ sĩ, người sáng tác, nghệ sĩ biểu diễn, nghệ nhân... cũng phải tuân theo các quy luật của thị trường. Đó không chỉ là các cơ chế chia sẻ lợi ích kinh tế, đó còn là tinh thần, thái độ

làm việc chuyên nghiệp (sản xuất sản phẩm bảo đảm chất lượng, cung ứng sản phẩm đúng thời hạn, cùng chia sẻ rủi ro...). Tuy nhiên, với những đặc thù riêng, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa cũng có điểm khác các thị trường khác. Đó là bên cạnh yếu tố thuần túy vì kinh tế thì các thành phần tham gia vào thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa còn cần có một niềm đam mê với nghệ thuật, với cái đẹp, một ý thức vì cái đẹp, sẵn sàng chia sẻ lợi ích kinh tế để đem đến các giá trị văn hóa cho công chúng. Do vậy, chính sách phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa cần hết sức lưu tâm đến những đặc thù này để khai thác được tối đa lợi thế, giảm thiểu rủi ro, thúc đẩy thị trường này nhanh chóng phát triển.

### **GỢI MỞ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VĂN HÓA**

*Một là*, chính sách đối với các doanh nghiệp tham gia vào thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa

Phát huy vai trò các doanh nghiệp Nhà nước trong phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Với bối cảnh, điều kiện của nước ta, kinh tế nhà nước, bao hàm cả các doanh nghiệp đang tham gia vào sản xuất các sản phẩm văn hóa, cung ứng sản phẩm cho thị trường dịch vụ văn hóa giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là đúng đắn, phù hợp. Bởi:

*Thứ nhất*, trong thời đại kinh tế tri thức, kinh tế số, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều ngành nghề, đặc biệt là các ngành công nghiệp văn hóa vốn có thể nhanh chóng gia tăng giá trị thông qua việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, thì việc ứng dụng khoa học công nghệ trở thành yêu cầu cấp thiết. Kéo theo đó là yêu cầu về nguồn nhân lực để làm chủ khoa học - công nghệ, và đặc biệt là yêu cầu về nguồn vốn không nhỏ. Trong khi đó, các doanh nghiệp ngoài Nhà nước tham gia vào sản xuất và cung ứng cho thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa đủ khả năng đầu tư vốn lớn, chưa có lực lượng lao động trình độ cao, chưa đủ lớn về quy mô sản xuất để áp dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến, chưa có một mô hình hoạt động, phương thức quản trị hiện đại phù hợp. Chính vì vậy, doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) trở thành “đầu tàu” tiếp thu ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, tiếp thu phương thức quản trị hiện đại, dễ dàng vươn lên trở thành nòng cốt cho việc phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Bên cạnh đó, với truyền thống thực hiện các nhiệm vụ chính trị, với lợi thế, kinh nghiệm, với nguồn lực con người, với hệ thống các tầng nấc trung gian kết nối

đến tận người sản xuất,... nên các DNNN ngành văn hóa vẫn là thành phần có đóng góp chủ đạo vào sự phát triển chung, vào giải quyết việc làm, phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa của các địa phương và cả nước.

Cơ cấu lại các doanh nghiệp, trong đó có các DNNN ngành văn hóa chính là một chính sách để thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Các đơn vị cần có phương án cổ phần hóa, có quy trình, cách làm, tiến độ bảo đảm đúng quy định pháp luật và phù hợp với các đặc thù riêng của ngành văn hóa. Yêu cầu đặt ra là các DNNN phải tái cơ cấu toàn diện, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trên các mặt, từ tinh gọn bộ máy tổ chức, đổi mới quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại; ứng dụng công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cơ cấu lại các ngành nghề, lĩnh vực quan trọng, tập trung phát triển, chủ động tìm hiểu, khai thác, tiến tới làm chủ thị trường.

*Thứ hai*, tạo môi trường bình đẳng để các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng chính sách là cốt lõi trong tạo môi trường và chính sách phải tập trung hướng đến tạo sự bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế. Đại hội XII của Đảng khẳng định: Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Các doanh nghiệp tham gia vào thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa vận hành theo cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN) là tất yếu, phù hợp với chủ trương phát triển chung là phải lấy cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCHN làm trung tâm; phải bám sát bản chất nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được Đại hội XIII của Đảng chỉ ra: nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong bối cảnh kinh tế tri thức, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với đặc thù sản phẩm văn hóa muốn gia tăng giá trị phải gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, trong khi đa phần các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không đủ các nguồn lực (nguồn lực về vốn, nhân lực,...) để tiếp thu, ứng dụng khoa học công nghệ. Do vậy, Nhà nước cần đóng vai trò chủ thể tiếp thu khoa học - công nghệ và chuyển giao lại cho các doanh nghiệp trên tinh thần trợ giúp song song với định hướng các mũi nhọn phát triển. Đồng thời, thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường, tạo môi trường giao thoa giữa các thành phần kinh tế nhằm tiếp nhận, chuyển giao,

tạo sự lan tỏa rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ. Và cơ sở để thực hiện được chính là phải xây dựng một chiến lược phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa gắn liền với thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó chú trọng tạo mũi nhọn đối với một số sản phẩm vừa mang đậm các đặc thù riêng vừa có khả năng tạo ra giá trị gia tăng lớn để làm cơ sở nền tảng thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp tham gia vào thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa có những đặc thù riêng, bên cạnh những tri thức cần có về thị trường thì bắt buộc phải có vốn hiểu biết về các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, thậm chí phải có niềm đam mê với các sản phẩm văn hóa. Hiện nay, nguồn nhân lực sản xuất các sản phẩm văn hóa chủ yếu được đào tạo từ nguồn gia đình, là nghề gia truyền nên cha truyền con nối, đối với các doanh nghiệp kinh doanh tổng hợp thì cũng là gia đình tự túc đào tạo cho thế hệ kế tiếp cả trong và ngoài nước những kiến thức, kỹ năng cần thiết. Nguồn nhân lực tham gia cung ứng dịch vụ văn hóa cũng chủ yếu là nhân lực tự phát trong các gia đình có nghề gia truyền, trong các khu vực có tiềm năng cung cấp các dịch vụ văn hóa. Chính vì vậy, một cơ chế, chính sách để các đối tượng này tiếp cận các chương trình đào tạo nhân lực phù hợp là cần thiết hiện nay. Khi Nhà nước tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế sẽ giúp các doanh nghiệp cùng lớn mạnh trong tổng thể nền kinh tế, cùng có chung tư tưởng, đường hướng phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

*Thứ ba*, cần có chính sách đẩy nhanh xã hội hóa, huy động hiệu quả các nguồn lực. Đây là giải pháp phù hợp để phát huy, tận dụng đặc điểm các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Vốn có thị trường trải rộng từ các thành phố lớn đến các vùng nông thôn, đô thị, lại nằm rải rác trong cộng đồng, vốn đầu tư cho nhiều sản phẩm không quá lớn có thể huy động được từ nhiều nguồn. Nhà nước cũng đã có chủ trương định hướng các DNNN chỉ tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn trọng yếu, cần đầu tư lớn, còn lại khuyến khích xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xã hội, đặc biệt từ các thành phần kinh tế tư nhân vào tất cả các lĩnh vực không cấm. Vấn đề đặt ra hiện nay là Nhà nước tạo cơ chế, chính sách đồng bộ, cụ thể, tạo môi trường lành mạnh để phát huy hiệu quả các nguồn lực này. Cụ thể, có cơ chế tài chính để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh tự nguyện liên kết hình thành các tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp; khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn, mua cổ phần của các DNNN khi cổ phần hóa hoặc Nhà nước thoái vốn...

Nhìn chung, yêu cầu về một môi trường lành mạnh, các doanh nghiệp hoạt động bình đẳng chính là động lực để các doanh nghiệp vươn lên tự chủ. Trong bối cảnh hiện nay, các doanh nghiệp không chỉ phát triển thị trường trong nước mà còn phải có tầm nhìn hướng ra thị trường quốc tế, không chỉ nắm chắc quy định pháp luật Việt Nam mà phải có hiểu biết luật pháp quốc tế, và các cam kết thương mại mà Việt Nam đã ký kết, tham gia để vững vàng trong môi trường cạnh tranh quốc tế.

*Hai là, chính sách đối với người sản xuất và cung ứng dịch vụ văn hóa tham gia vào thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa*

*Thứ nhất, cần chính sách tổng hợp hỗ trợ làng nghề:* Một chính sách tổng hợp hỗ trợ các làng nghề phát triển, đặc biệt là các làng nghề đã được công nhận, nằm trong danh mục cần được bảo tồn. Cụ thể, đối với các làng nghề chưa có khả năng tự phát triển thì hỗ trợ từ kết cấu hạ tầng, đầu ra sản phẩm. Đối với các làng nghề có khả năng phát triển độc lập, tương đối bền vững thì có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển lên các loại hình doanh nghiệp quy mô lớn hơn, thậm chí xây dựng thành các tập đoàn làm nhân tố nòng cốt phát triển thị trường. Các chính sách tổng hợp ở đây bao gồm: 1- *Đối với sản phẩm:* Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm, quảng bá sản phẩm ra thị trường; xây dựng website giới thiệu, cung cấp thông tin thường xuyên về thị trường, những quy định về chất lượng, mẫu mã sản phẩm, thị hiếu tiêu dùng làm cơ sở định hướng sản xuất, xuất khẩu phù hợp; xây dựng “bản đồ” thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa để từng bước chuyên nghiệp hóa thị trường, đồng thời liên kết phát triển với ngành du lịch, tạo giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. 2- *Đối với các nghệ nhân tài năng,* đặc biệt trong các lĩnh vực hội họa, kiến trúc, nghệ thuật biểu diễn...: có chính sách đãi ngộ xứng đáng để các nghệ nhân, nghệ sĩ yên tâm sáng tác, biểu diễn tạo ra các tác phẩm có giá trị cao. 3- *Đối với lao động phổ thông tại các làng nghề:* mở các lớp tập huấn để nâng cao trình độ, kỹ năng nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, từ đó gia tăng giá trị cho sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

*Thứ hai, cần chính sách giải quyết hài hòa lợi ích của chủ thể sản xuất, cung ứng với các bên liên quan:* Các sản phẩm, dịch vụ văn hóa vốn khó định giá, khó đo lường giá trị, nên cơ hội thành công cũng như thất bại khi tham gia thị trường đều rất cao. Có thể kể đến một số loại hình sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong thị trường văn hóa đã đạt được những thành công nhất định như: nghệ thuật biểu diễn - nhiều chương trình đã thu hút hàng triệu lượt khách đến thụ hưởng như Tinh hoa Bắc Bộ...; mỹ thuật Việt Nam đã có những bức tranh được bán với giá hàng chục ngàn đô-la; nhiều di sản văn hóa, du lịch đã thu hút hàng

chục triệu lượt khách, trở thành “điểm đến” đối với nhiều du khách quốc tế, góp phần mở rộng, quảng bá thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa Việt Nam ra thế giới...; nhưng bên cạnh đó cũng có những loại hình sản phẩm chưa tạo dựng được vị thế trên thị trường. Do đó, cần xây dựng một cơ chế chia sẻ lợi ích hài hòa tạo cơ sở bền vững để khai thác tài năng các chủ thể sáng tạo, giữ chân các tài năng trẻ cống hiến cho ngành, cho địa phương, góp phần gìn giữ vốn văn hóa dân tộc.

*Thứ ba, cần chính sách đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đồng thời với chính sách quản lý thị trường phù hợp, hiệu quả:* Khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi thiết kế nhiều mẫu mã sản phẩm trên cơ sở định hướng các sản phẩm vừa có nét truyền thống, vừa đáp ứng được nhu cầu thị trường. Hỗ trợ đầu tư công nghệ hiện đại theo hướng kết hợp giữa công nghệ tiên tiến với công nghệ cổ truyền, thay thế lao động thủ công bằng máy móc ở những khâu, công đoạn có thể để giảm giá thành sản xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa không chỉ là thị trường mang tính kinh tế đơn thuần, mà còn mang tính xã hội sâu sắc. Các sản phẩm văn hóa vốn được coi là sức mạnh mềm có thể tạo ra các cuộc “xâm lăng” văn hóa đối với các quốc gia - dân tộc khác, do đó, nếu không giữ vững thị trường thì đây chính là cơ hội để các sản phẩm văn hóa của các quốc gia khác chiếm lĩnh và gây ảnh hưởng đến đời sống văn hóa, tinh thần của công chúng thụ hưởng.

Trong bối cảnh hiện nay, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa chỉ có thể phát triển trong một môi trường văn hóa lành mạnh, trong một phương thức quản lý hiệu quả và trong một thể chế văn hóa phù hợp, có tính thích ứng cao. Cụ thể: *1- Quản lý có tính định hướng phát triển:* quan điểm quản lý đi đôi với phát triển phải được hiện thực hóa trong các khâu, các mặt quản lý thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Môi trường văn hóa lành mạnh, thể chế văn hóa có tính thích ứng cao đều được biểu hiện, là hệ quả của phương thức quản lý văn hóa. Đó là khả năng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách để thúc đẩy thị trường phát triển phù hợp với từng giai đoạn; là khả năng điều chỉnh chính sách, bổ sung chính sách mới để thích ứng với những tình huống bất ngờ gây tác động mạnh đến thị trường. *2- Quản lý có tính kết nối các chủ thể tham gia thị trường:* tuy cũng có tư cách là một chủ thể nhưng chủ thể quản lý nhà nước lại giữ vai trò quan trọng, tác động đến sự phát triển thị trường. Các chính sách ban hành của chủ thể này sẽ quyết định sự tham gia của các chủ thể khác (các doanh nghiệp, các chủ thể sản xuất, cung ứng). Nếu chính sách phù hợp hiệu quả thì có thị trường lành mạnh, phát triển mạnh mẽ, trở thành thị trường hiện đại...

*Thứ tư, cần chính sách phát triển thị trường đối với từng sản phẩm, dịch vụ văn hóa chủ yếu:* Đối với điện ảnh: sửa đổi Luật Điện ảnh và các văn bản pháp luật liên quan phù hợp với các hiệp định và điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia; Khuyến khích đầu tư tư nhân vào sản xuất các bộ phim có chất lượng, ăn khách, tăng dần tỷ trọng phim truyện Việt Nam chiếu tại các rạp để thúc đẩy chiếm lĩnh thị phần phim trong nước trước sự áp đảo của các bộ phim bom tấn của nước ngoài; Nâng cao chất lượng đào tạo đạo diễn, nhà sản xuất, nhà kinh doanh, biên kịch, lý luận phê bình, quay phim, thiết kế mỹ thuật (sân khấu), kỹ thuật - công nghệ, diễn viên..., chú trọng đưa các tài năng đi đào tạo, bồi dưỡng ở những nước có ngành công nghiệp điện ảnh phát triển. Đối với nghệ thuật biểu diễn: Tạo điều kiện phát triển thị trường cho các tác phẩm sân khấu, chương trình biểu diễn, các sản phẩm âm nhạc,... Đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện về mọi mặt để khuyến khích phát triển các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập. Hình thành các trung tâm trình diễn nghệ thuật đa năng tại các thành phố lớn. Đối với *mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm*: Đầu tư, xây dựng các công trình mỹ thuật công cộng có cảnh quan kiến trúc và giá trị thẩm mỹ cao vừa phục vụ dân sinh, vừa tạo điểm đến thu hút du khách, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Hình thành các trung tâm giám định và đấu giá tác phẩm mỹ thuật trong và ngoài công lập. Phát triển đội ngũ nghiên cứu phê bình lý luận văn học, giám tuyển mỹ thuật có trình độ tương đương với các nước trong khu vực và thế giới. Chủ động đầu tư, xây dựng các bộ sưu tập giới thiệu, quảng bá về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam có ứng dụng công nghệ hiện đại tạo ra các tác phẩm nhiếp ảnh hấp dẫn, đa dạng. Xây dựng một số mô hình triển lãm, hội chợ có thương hiệu quốc tế về xúc tiến quảng bá, mua, bán các sản phẩm, dịch vụ văn hóa và du lịch, thực hiện hợp tác, liên doanh, liên kết trong sáng tạo, sản xuất, phổ biến và tiêu dùng theo định kỳ trong nước, khu vực và quốc tế. Đối với quảng cáo: Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động quảng cáo phát triển; thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động quảng cáo; ứng dụng công nghệ cao, hiện đại trong quảng cáo; tổ chức các sự kiện quảng cáo quốc tế tại Việt Nam; đào tạo đội ngũ thiết kế quảng cáo có khả năng tiếp thu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nắm vững kiến thức văn hóa, kiến thức thị trường; thúc đẩy phát triển quảng cáo ra nước ngoài... Đối với du lịch văn hóa: thúc đẩy liên kết thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa với thị trường du lịch. Bổ sung, ban hành chính sách khuyến khích phát triển các loại hình du lịch văn hóa, đặc biệt là du lịch di sản, du lịch tâm linh, du lịch hội thảo... Đối với phần mềm: Tạo điều kiện để các doanh nghiệp, cá nhân phát triển các sản phẩm phần mềm có giá trị; tạo môi trường ứng dụng để ngành phần mềm trở thành nền tảng vững chắc, là cơ hội cho sự phát triển các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Trong một số lĩnh vực đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn và nhân lực chất lượng cao, Nhà nước cần có chủ trương xây dựng

chiến lược và hỗ trợ cụ thể. Đối với ngành thủ công mỹ nghệ: Tạo cơ chế mở rộng quy mô các DNNN, DNTN, các hộ kinh doanh cá thể hoạt động trong lĩnh vực; có cơ chế, chính sách đãi ngộ thỏa đáng về mọi mặt để phát huy tài năng các chủ thể sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ văn hóa; hoàn thiện chính sách, tạo môi trường, điều kiện để các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có vị trí, vai trò quan trọng hơn nữa trên thị trường, trở thành một trong những trụ cột quan trọng cho thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa.

### **GỢI MỞ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐỐI VỚI QUẢNG NINH**

Với lợi thế về địa lí, với những ưu đãi thiên nhiên ban tặng, với tinh thần và nhiệt huyết con người đất mỏ trong truyền thống, với nhận thức nhanh nhạy, *có* chủ trương sớm và hành động quyết liệt của lãnh đạo tỉnh, Quảng Ninh là địa phương có tiềm năng phát triển văn hóa, trong đó, có phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa. Tuy nhiên để văn hóa thực sự trở thành động lực, nguồn lực quan trọng cho phát triển, các ngành công nghiệp văn hóa cần được quan tâm thích đáng, được tạo điều kiện phát triển và thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa cần được xây dựng lành mạnh ngay từ những tiền đề ban đầu. Để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển thị trường này, các chính sách phát triển phải bao hàm các tinh thần:

*Một là*, các di sản thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa với đặc trưng cả đất liền và văn hóa biển là nguồn tài nguyên lớn cho phát triển văn hóa (có di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long 2 lần được Tổ chức UNESCO tôn vinh; có di tích văn hóa Yên Tử, bãi cọc Bạch Đằng, Đền Cửa Ông, Đình Quan Lạn, Đình Trà Cổ, núi Bài Thơ...), nếu biết khai thác hiệu quả sẽ có tác động lớn đến toàn bộ môi trường văn hóa – xã hội Quảng Ninh, thậm chí trở thành định hướng phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh.

*Hai là*, những kết quả bước đầu trong tổ chức các không gian sáng tạo, trong đó có phát triển không gian văn hóa mang tính kết nối bao gồm bảo tàng, thư viện, cung quy hoạch đến việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chức năng của bảo tàng, thư viện, cung quy hoạch là cơ sở khai mở tiềm năng cho Quảng Ninh đưa phát triển văn hóa trở thành điểm nhấn thực sự trong quá trình phát triển.

*Ba là*, các di sản công nghiệp là tài nguyên quan trọng, quý hiếm để xây dựng các không gian văn hóa mang đậm chất con người vùng mỏ. Kết hợp với các di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa khác, tạo cho Quảng Ninh một thế mạnh đặc biệt để phát triển thị trường du lịch.

*Bốn là*, các sản phẩm có tiềm năng trở thành động lực để phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa như nhóm các loại hình du lịch: du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch làng



nghề, du lịch di sản, du lịch khám phá, du lịch trải nghiệm, du lịch thể thao, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch MICE...; nhóm các sản phẩm phục vụ khách du lịch như: quà lưu niệm, ẩm thực, trang phục,...; nhóm các sản phẩm dịch vụ phục vụ khách du lịch cần **được** tạo điều kiện phát triển chính là cơ sở giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội như giải quyết việc làm, tăng thu nhập,... cho người dân địa phương và các doanh nghiệp trong tỉnh.

*Năm là*, số hóa các dữ liệu văn hóa - lịch sử - con người, xác định cách thức phát triển thị trường đồng thời với ứng dụng công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, từng bước hiện đại hóa các cách thức hoạt động của sản phẩm trong quá trình tham gia thị trường (Ví dụ: Tái hiện thương cảng Vân Đồn thông qua thành tựu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sự tái hiện thành không gian sáng tạo giúp kết nối di sản trong quá khứ với hiện tại, kết nối giữa kiến trúc - hội họa - điêu khắc - âm nhạc - điện ảnh tạo ra các không gian trải nghiệm du lịch đa dạng...)

*Sáu là*, Quảng Ninh là tỉnh có lợi thế địa lý trong phát triển kinh tế cũng như quốc phòng, an ninh, vừa nằm trong tuyến giao thông quan trọng, trong vành đai kinh tế, có vai trò quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là 1 điểm của vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, là cửa ngõ quan trọng của hành lang kinh tế Nam Ninh-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh; có hệ thống cảng biển, cảng nước sâu với năng lực bốc xếp cho tàu hàng vạn tấn,... tạo ra nhiều thuận lợi cho ngành vận tải đường biển giữa nước ta với các nước trên thế giới; có hệ thống cửa khẩu phân bố trên dọc tuyến biên giới, đặc biệt cửa khẩu quốc tế Móng Cái là nơi hội tụ giao lưu thương mại, du lịch, dịch vụ và thu hút các nhà đầu tư; là cửa ngõ giao dịch xuất nhập khẩu với Trung Quốc và các nước trong khu vực... Đây là những yếu tố quan trọng để Quảng Ninh phát huy vai trò trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội nói chung và trong chiến lược phát triển kinh tế ven biển và kinh tế biển nói riêng của cả nước, của Vùng và của tỉnh; là cơ sở để phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp - du lịch - văn hóa... Và do đó, nhận thức giá trị các nguồn tài nguyên phải được chuyển hóa thành các chủ trương, chính sách, cơ chế cụ thể để chuyển hóa các tài nguyên này vào phục vụ đời sống văn hóa tinh thần và tạo ra các giá trị vật chất để phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các giá trị văn hóa, con người mang bản sắc Quảng Ninh, các cơ chế, chính sách phải được xây dựng và thực thi trên tinh thần vừa bảo tồn vừa phát huy phát triển. Đặc biệt, các chính sách, cơ chế cụ thể phải bám sát thực tế để có giải pháp cụ thể cho các vấn đề còn vướng mắc để thúc đẩy phát triển, nhất là đối với các sản phẩm trực tiếp tham gia vào thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Các cơ chế, chính sách phải mang tính tổng hợp, lồng ghép yêu cầu phát triển cho nhiều ngành cùng lúc. Cơ chế, chính sách phải lấy văn hóa làm nền tảng, là động lực, làm nguồn lực, đồng thời là mục tiêu cho phát triển. ❖

## PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA NHÌN TỪ TÀI NGUYÊN DI SẢN VĂN HÓA CỦA QUẢNG NINH

PHẠM THÙY DƯƠNG

*Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh*

Quảng Ninh là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có biển, có rừng, có đồng bằng, hải đảo, có đường biên giới quốc gia. Là một trong những tỉnh có kho di sản văn hóa lớn, phong phú, đa dạng, đặc sắc và một nền văn hóa được hình thành nên bởi sự kết hợp hài hòa giữa những tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng, miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp với truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” của công nhân vùng mỏ.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong chuyến thăm và làm việc tại Quảng Ninh đã đúc kết 5 di sản tiêu biểu của Quảng Ninh: 1- Quảng Ninh là vùng “địa linh, nhân kiệt” bởi có vịnh Hạ Long - một kỳ quan thiên nhiên thế giới; là cửa ngõ phen dầu của Tổ quốc ở phía Đông Bắc; 2- Quảng Ninh có hơn 500 di tích lịch sử và danh thắng đặc sắc, có sông Bạch Đằng, ghi dấu ấn những chiến công hiển hách của cha ông chống quân xâm lược vào thế kỷ X và XIII; 3- Quảng Ninh có Yên Tử, nơi khởi nguồn của Thiền phái Trúc lâm - Thiền phái đã nâng tầm giá trị nhân văn, tính độc đáo của bản sắc văn hóa Việt Nam gắn liền với vị vua - nhà chính trị lỗi lạc, nhà văn hóa lớn Trần Nhân Tông, hai lần lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh thắng quân Mông - Nguyên, đội quân hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ, để lại tiếng thơm muôn thuở của một bậc minh quân thống nhất giữa Đồi và Đạo; 4- Quảng Ninh cũng là nơi có thương cảng Vân Đồn, một trong những thương cảng sầm uất nhất Việt Nam trong nhiều thế kỷ, đã khẳng định Việt Nam từ sớm là một quốc gia biển, vươn ra biển, phát triển kinh tế biển; 5- Quảng Ninh là cái nôi của giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam, là quê hương của phong trào “Vô sản hóa”, nơi đào luyện nhiều

nhà cách mạng tiền bối tiêu biểu, nơi tôi rèn bản lĩnh, tinh thần kỷ luật, sự đồng tâm của Đảng, của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam<sup>(1)</sup>.

Bảo tồn và phát huy giá trị những di sản văn hóa quý báu này chính là chiếc cầu nối quan trọng để tỉnh Quảng Ninh cùng với cả nước hội nhập, quảng bá hình ảnh với thế giới. Sự gắn bó mật thiết giữa di tích lịch sử - văn hóa, phong tục tập quán của người dân và các thắng cảnh nổi tiếng là một lợi thế của Quảng Ninh mà không phải tỉnh nào cũng có để tạo tiền đề cho phát triển các ngành công nghiệp văn hóa mang thương hiệu Quảng Ninh.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương chung của Trung ương, xuất phát từ thực tiễn, tỉnh Quảng Ninh luôn vận dụng sáng tạo, định hình tư duy phát triển của tỉnh theo phương châm “tầm nhìn toàn cầu, hành động địa phương”, bắt đầu từ việc nhận diện đầy đủ các tiềm năng, thế mạnh, giá trị riêng biệt, nổi trội của tỉnh; kiên trì định hướng chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột (thiên nhiên, con người, văn hóa), tổ chức không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá” nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Sau khi Chính phủ ban hành “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó xác định phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp. Nhờ nhận diện rõ tiềm năng, thế mạnh nên thời gian qua những giá trị văn hóa đặc sắc của tỉnh Quảng Ninh đã được chọn lọc, sáng tạo hình thành nên ngành công nghiệp văn hóa Quảng Ninh và bước đầu đã có những kết quả đáng ghi nhận.

Tỉnh Quảng Ninh đã phát huy hiệu quả giá trị các di sản trong xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù của mỗi vùng, miền, dân tộc. Nhiều sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu mạnh, mang đậm bản sắc văn hóa miền đất, con người Quảng Ninh được đưa vào khai thác. 4 dòng sản phẩm du lịch chính của tỉnh đang được khai thác hiệu quả là: (1) Du lịch biển đảo; (2) Du lịch văn hóa, tâm linh; (3) Du lịch cộng đồng, sinh thái; (4) Du lịch biên giới dựa trên những giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa đặc trưng của 4 vùng du lịch trọng điểm là Hạ Long; Vân Đồn - Cô Tô; Móng Cái; Đông Triều - Uông Bí - Quảng Yên. Ngoài điểm đến di sản Vịnh Hạ Long, còn có nhiều di tích

(1) Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại buổi làm việc với Ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh nhân dịp thăm, làm việc tại Quảng Ninh ngày 6-4-2022

đã trở thành những điểm du lịch trong hệ thống tuyến, điểm du lịch của nhiều địa phương, như Di tích lịch sử nhà Trần (thị xã Đông Triều), khu di tích - danh thắng Yên Tử (thành phố Uông Bí), Khu di tích Bạch Đằng (TX. Quảng Yên), chùa Lô Âm và chùa Long Tiên (TP. Hạ Long), đền Cửa Ông (thị xã Cẩm Phả), chùa Cái Bầu (huyện Vân Đồn)...

Các hoạt động bảo tồn, giữ gìn, phục dựng và lưu giữ di sản văn hóa gắn với khai thác các loại hình du lịch lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng gắn với mô hình sinh kế nông nghiệp nông thôn, được phát huy, thu hút du khách trong và ngoài nước. Sản phẩm du lịch đặc thù từ văn hóa, di tích, di sản của tỉnh Quảng Ninh, như “Một ngày làm ngư dân trên biển”, “Khám phá Quan Lạn”, “Cốc đảo Hà Nam”, “Hành trình theo dấu chân đức Phật tại Yên Tử”,... rất được du khách yêu thích. Tại một số địa phương đã hình thành và đưa vào hoạt động mô hình du lịch cộng đồng bước đầu đạt nhiều kết quả tích cực; nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ<sup>(1)</sup> sản phẩm du lịch làng quê, sinh thái, trải nghiệm<sup>(2)</sup> đã khẳng định được thương hiệu và tiếp cận thị trường. Loại hình dịch vụ du lịch được hình thành từ văn hóa ẩm thực, chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm đã trở thành sản phẩm du lịch - văn hóa đặc sắc, hấp dẫn người dân, du khách. Đến hết năm 2022, đã có trên 500 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, trong đó có trên 200 sản phẩm đạt từ 3 - 5 sao, trên 90% sản phẩm OCOP được dán tem điện tử truy xuất nguồn gốc,... phục vụ nhu cầu của người dân trong tỉnh và khách du lịch.

Thiết chế văn hóa, thể thao như cung Quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh; Quảng trường 30/10; thư viện, bảo tàng Quảng Ninh; Cung văn hóa thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Ninh; nhà thi đấu đa năng 5.000 chỗ; sân vận động Cẩm Phả; Trung tâm huấn luyện và thể thao Quảng Ninh; Trung tâm văn hóa, thể thao vùng Đông Bắc (huyện Tiên Yên); Cụm thông tin cô động biên giới Sa Vỹ,... được đầu tư mang đẳng cấp quốc gia, quốc tế đã trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh.

Một số bộ môn nghệ thuật dân tộc (múa rối, hát chèo, cải lương, các làn điệu dân ca, dân vũ của đồng bào dân tộc thiểu số,...) được bảo tồn, khai thác biểu diễn tại Cảng tàu Quốc tế, sân bay Vân Đồn, Cung quy hoạch - triển lãm tỉnh, tại các lễ hội, trên các hành trình, tuyến điểm du lịch trên địa bàn tỉnh<sup>(3)</sup> đã trở thành sản phẩm văn hóa du lịch góp phần làm phong phú thêm trải nghiệm của du khách khi đến Quảng Ninh.

(1) Một số làng nghề thủ công truyền thống như gốm sứ (thị xã Đông Triều); đan ngư cụ, đóng tàu vỏ gỗ (thị xã Quảng Yên), nuôi cấy ngọc trai (huyện Vân Đồn)...

(2) Điểm Du lịch làng quê Yên Đức, Điểm du lịch hồ Khe Chè; Điểm du lịch Quảng Ninh Gate thị xã Đông Triều; Sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch sinh thái cộng đồng ở Tiên An, thị xã Quảng Yên...

(3) Sản phẩm văn hóa phục vụ khách du lịch tiêu biểu, như các chương trình văn hóa, văn nghệ hát chèo, múa rối truyền thống khu du lịch làng quê Yên Đức; khu du lịch Quảng Ninh gate (Đông Triều); hát Đố, hát Giao duyên trên thuyền của cư dân làng chài Cửa Vạn (thành phố Hạ Long); sinh hoạt văn hóa, tìm hiểu về phong tục tập quán sinh hoạt của cộng đồng nhân dân cùng thưởng thức hát Then của người Tày, hát Soóng Cọ của người Sán Chỉ (huyện Bình Liêu và Tiên Yên); Chương trình du lịch “Cốc Cốc đảo Hà Nam” cùng điệu hát Đúm ở đảo Hà Nam (thị xã Quảng Yên); hát Nhà tơ, hát múa Cửa đình ở Vạn Ninh (thành phố Móng Cái)...

Các lễ hội truyền thống, lễ hội của đồng bào các dân tộc, các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hóa, văn nghệ được phục dựng, biểu diễn. Tỉnh Quảng Ninh hiện có 12/13 địa phương tổ chức lễ hội. Các lễ hội văn hóa, lịch sử truyền thống được các địa phương huy động các nguồn lực tổ chức hiệu quả, trong đó có nhiều lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa thường niên, như lễ hội Carnival, lễ hội hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, lễ hội hoa sớ, lễ hội trà hoa vàng,... vừa bảo tồn được di sản văn hóa, vừa tạo thành sản phẩm văn hóa riêng có đóng góp không nhỏ vào việc thu hút lượng du khách đến chiêm bái, hành lễ, tạo xu hướng phát triển “*du lịch văn hóa tâm linh*”. Nhờ đó, các giá trị văn hóa gắn liền với các cơ sở thờ tự, tín ngưỡng được tôn vinh, lan tỏa.

Văn hóa và du lịch có sự liên kết chặt chẽ với nhau. Chính nhờ các di tích, danh thắng, di sản văn hóa mà du lịch phát triển. Ở chiều ngược lại, du lịch phát triển đã tạo nguồn lực đầu tư trở lại cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản cũng như mang đến lợi ích kinh tế, xã hội cho cộng đồng.

Tuy nhiên, đề tài nguyên di sản văn hóa thực sự trở thành nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa góp phần đưa doanh thu các ngành công nghiệp văn hóa, như du lịch văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí,... đóng góp 7% GRDP hàng năm của địa phương (theo Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030) còn cần có nhiều giải pháp cụ thể bằng quyết tâm và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh, cụ thể là:

*Thứ nhất*, khơi dậy quyết tâm, khát vọng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong mỗi người dân Quảng Ninh - những chủ nhân của các di sản văn hóa, chủ thể sáng tạo và cũng là đối tượng thụ hưởng, tiêu dùng văn hóa. Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trên cơ sở những tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh, hướng tới “xuất khẩu văn hóa” tại chỗ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

*Thứ hai*, cân bằng giữa khai thác và đầu tư, tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn văn hóa nói chung và văn hóa truyền thống, văn hóa vật thể và phi vật thể nói riêng. Giữ gìn và phát huy đặc trưng tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; các giá trị đặc sắc về văn hóa biển đảo, văn hóa “Kỷ luật và đồng tâm” của công nhân Vùng mỏ; khắc sâu, nhân rộng những truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

*Thứ ba*, chú trọng việc phát huy giá trị văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; có lộ trình cụ thể và phân vùng đầu tư, phát triển kinh tế, du lịch bền vững. Xây dựng, khôi phục các làng nghề truyền thống có tiềm năng gắn với phát

triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, khai thác có hiệu quả thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, ẩm thực độc đáo, đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để trở thành nguồn lực cho phát triển kinh tế, tạo và giải quyết việc làm, đồng thời gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

*Thứ tư*, tiếp tục khai thác thế mạnh, tiềm năng văn hóa về cảnh quan, giá trị truyền thống, ẩm thực vùng, miền thúc đẩy ngành du lịch phát triển hơn nữa để có thể cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Lựa chọn, hoàn thiện các món ăn địa phương đặc biệt là các sản phẩm OCOP nâng tầm thành nghệ thuật từ khâu sản xuất đến thưởng thức, kết nối thành điểm đến của khách du lịch và hướng tới xuất khẩu ẩm thực truyền thống vùng, miền. Khuyến khích các hoạt động sản xuất, quảng bá các loại hình văn hóa phi vật thể, các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ có giá trị cao, đồ lưu niệm mang thông điệp văn hóa thể hiện đặc trưng riêng có, phục vụ phát triển ngành kinh tế dịch vụ, du lịch của tỉnh.

*Thứ năm*, xây dựng chiến lược lâu dài tập trung phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên các lĩnh vực: Điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, thời trang, âm nhạc, mỹ thuật, triển lãm, ẩm thực, dịch vụ vui chơi giải trí,... tạo động lực làm phong phú thêm các loại hình du lịch.

*Thứ sáu*, tập trung đẩy mạnh truyền thông để quảng bá cho văn hóa bằng chiến lược cụ thể. Truyền thông để tuyên truyền mục tiêu xây dựng phát triển văn hóa của Quảng Ninh, thuyết phục nhân dân toàn tỉnh thay đổi nhận thức cùng chung sức đồng lòng thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa. Dùng truyền thông để quảng bá vùng đất, con người, các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật của Quảng Ninh vươn ra thế giới. Thông qua truyền thông để kêu gọi đầu tư vào bảo tồn, khai thác các dự án văn hóa, giới thiệu các sản phẩm văn hóa của Quảng Ninh ra nước ngoài, thu hút các sự kiện văn hóa, triển lãm của các thương hiệu nổi tiếng thế giới đến tổ chức tại Quảng Ninh.

*Thứ bảy*, quan tâm, đầu tư công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch, văn hóa nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong quá trình giao lưu, hội nhập khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; chăm lo xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện về đạo đức, lối sống; có lý tưởng, trách nhiệm; trình độ, năng lực sáng tạo; có khả năng thưởng thức và sáng tạo ra cái đẹp. Xây dựng văn hóa từ con người, để người dân Quảng Ninh trở thành chủ thể sáng tạo văn hóa, phát triển văn hóa, bảo tồn văn hóa.

Với hoạch định bài bản, cụ thể, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, tỉnh Quảng Ninh đang thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm khai thác di sản văn hóa hướng tới phát triển các ngành công nghiệp văn hóa góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỉnh Quảng Ninh chắc chắn sẽ trở thành trung tâm du lịch đẳng cấp quốc tế, trong đó các giá trị văn hóa tiếp tục được tôn tạo, bảo tồn, phát huy, lan tỏa, được bảo vệ để văn hóa trở thành động lực, là nguồn lực chính, quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đặc lực nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân địa phương. Đó chính là cơ sở vững bền để giải quyết tốt vấn đề thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng, miền trong tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. ❖

## MỘT THẾ KỶ DU LỊCH VỊNH HẠ LONG

ĐỖ VĂN QUÂN

*TS, Viện Xã hội học,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Theo các tài liệu lịch sử, từ những năm 30, 40 của thế kỷ trước, vẻ đẹp của vịnh Hạ Long đã được một cựu sĩ quan Pháp là Lapique khai phá làm du lịch<sup>(1)</sup>. Sau khi nhận thấy vẻ đẹp có một không hai của vịnh Hạ Long, nhân thấy tiềm năng du lịch của vùng đất, vùng biển này, Lapique đã in những tờ quảng cáo gọi vịnh Hạ Long là “Kỳ quan thứ tám” của thế giới. Được cho phép khai thác du lịch, Lapique đã trở thành người đầu tiên đặt nền móng cho ngành du lịch vịnh Hà Long với việc mở đường, xây bến tấp, sắm 4 tàu thăm vịnh.

Từ thừa sơ khai ấy, các tàu đều mang tên các loại ngọc, có từ 6 đến 12 phòng riêng biệt và 1 buồng tối để khách in, rửa ảnh..., đến nay, sau gần 1 thế kỷ, đã có những con tàu quốc tế có sức chứa hàng ngàn khách cập bến thăm quan vịnh Hạ Long, các cảnh đẹp của vịnh Hạ Long đã được hàng ngàn du khách ghi lại và chuyển ra thế giới chỉ trong khoảnh khắc với sự ứng dụng công nghệ hiện đại trên nền tảng mạng internet toàn cầu.

Nhìn lại hành trình một thế kỷ, có thể thấy những giai đoạn phát triển, gắn với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước nói chung và quá trình phát triển của Quảng Ninh nói riêng.

Thời kỳ trước và sau khi thống nhất đất nước, du lịch của Quảng Ninh chỉ ở dạng sơ khai, phục vụ đối ngoại là chủ yếu. Khách du lịch nội địa chủ yếu là khách công vụ, đoàn viên công đoàn được tiêu chuẩn đi nghỉ dưỡng. Cơ sở hạ tầng du lịch dịch vụ chỉ tập trung ở khu vực Bãi Cháy với số ít khách sạn, nhà hàng thuộc các doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm, ăn uống, thông tin liên lạc, y tế... còn thiếu và nghèo nàn.

(1) *Du lịch tạo đột phá cùng sự phát triển của tỉnh*, Báo Quảng Ninh điện tử, ngày 21.6.2023



Quảng Ninh cùng với sự phát triển của tỉnh trong những năm qua đã ngày càng phát triển mạnh mẽ, mở rộng ra các vùng miền, với nhiều loại hình, sản phẩm khác nhau, đáp ứng nhu cầu thị trường, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và vươn tầm khu vực, thế giới...

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ I (1969 - 1971) khẳng định: Tỉnh có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, đối ngoại quốc phòng, an ninh. Chúng ta phải thấy hết ý nghĩa quan trọng của vấn đề bảo vệ kinh tế, bảo vệ bờ biển và giữ gìn an ninh biên giới, hải đảo. Trên cơ sở đó, tỉnh đề ra nhiệm vụ “quyết tâm xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có trung tâm công nghiệp quan trọng của cả nước, có công nghiệp Trung ương lớn mạnh và hiện đại, có kinh tế địa phương phát triển phong phú và toàn diện, có nền văn hóa, khoa học và kỹ thuật phát triển. Tăng cường lãnh đạo phát triển sản xuất công nghiệp than để đảm bảo yêu cầu về sản lượng ngày càng lớn; phát triển mạnh công nghiệp địa phương và nông nghiệp đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng nhanh về mọi mặt sản xuất, đời sống, du lịch và quốc phòng”,...

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ V vòng II (1977 - 1980) quyết định phương hướng nhiệm vụ của địa phương trong hai năm 1977 - 1978: “Từng bước đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đưa nền sản xuất đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, vật liệu xây dựng tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên cơ sở sử dụng tốt nhất sức lao động, đất đai, tài nguyên của địa phương; đồng thời ra sức phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, cải thiện một bước đời sống của nhân dân; không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, củng cố quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội”. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế địa phương trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là: “tạo ra một bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp cả về lương thực và thực phẩm; đồng thời phát triển lâm nghiệp, ngư nghiệp với tốc độ nhanh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương (kể cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp) theo hướng phát triển thật nhanh vật liệu xây dựng sành, sứ và các mặt hàng tiêu dùng khác nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách về đời sống của nhân dân, tăng nhanh hàng xuất khẩu, góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu 10 triệu tấn than sạch, 5 tỷ KW giờ điện của cả nước”.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VI (1980 - 1982) đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho 2 năm 1980 - 1981 là: “ra sức đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm và ổn định đời sống; tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, chuẩn bị chu đáo mọi mặt cho sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt

động kinh tế và trong xã hội, ..., thực hiện tốt nhất hai nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc biên giới, vùng trời, vùng biển của tỉnh, xây dựng tỉnh Quảng Ninh thành một đơn vị chiến lược vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng. Từng bước cùng các ngành kinh tế ở Trung ương xây dựng một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp thích hợp với điều kiện tỉnh nhà để đẩy mạnh sản xuất, tăng nhanh hàng xuất khẩu, thực hiện hậu cần tại chỗ ngày càng nhiều cho quốc phòng, cho ngành than và các ngành kinh tế Trung ương phát triển,..."

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VII vòng I (1982 - 1983) nhất trí cao với 4 mục tiêu và 10 nhiệm vụ và kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 của chặng đường trước mắt phải tiến hành công nghiệp hóa chủ yếu là đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xây dựng công nghiệp nặng.

Như vậy, nhiệm vụ hàng đầu được xác định trong giai đoạn này là đề góp phần tích cực xây dựng hậu phương và chi viện cho tiền tuyến nhằm "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội", và mục tiêu phát triển ngành công nghiệp, trong đó tập trung chủ yếu vào ngành than được chú trọng.

Bước sang thời kỳ đổi mới, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1986 - 1991 đề ra mục tiêu 5 năm 1986 - 1990: phấn đấu tiến tới ổn định cơ bản tình hình kinh tế - xã hội, trước hết là ổn định và phát triển sản xuất than, góp phần ổn định thị trường giá cả, tài chính, tiền tệ... Phương hướng chung của kế hoạch 1986 - 1990: Tập trung sức đẩy mạnh sản xuất than, ngành kinh tế chủ đạo của tỉnh; phát triển nông nghiệp toàn diện, coi nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu của kinh tế địa phương; đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 1996 - 2001 đã rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của nhiệm kỳ khóa IX: Phải nắm vững các quan điểm, đường lối, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Chính phủ; Luôn luôn nêu cao ý chí tự lực, tự cường... Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: "Phát huy những thành tích đạt được, tiếp tục khai thác mọi tiềm năng thế mạnh của địa phương, đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tranh thủ thời cơ, mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và du lịch, phát triển và tăng cường nguồn lực kinh tế, đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội". Một trong các mục tiêu cụ thể đến năm 2000 là "Đưa tỷ trọng công nghiệp và du lịch, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế lên từ 85 đến 90%". Đại hội cũng

khẳng định mục tiêu chiến lược lâu dài theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh ta là: “Phấn đấu đưa Quảng Ninh trở thành một tỉnh công nghiệp và du lịch hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, tạo nhiều việc làm cho người lao động, đời sống nhân dân ngày một nâng cao”. Đề ra nhiệm vụ phát triển toàn diện các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, nhưng lấy ngành công nghiệp và du lịch làm trọng tâm. Để thực hiện được phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu trên, Đại hội đã đề ra những giải pháp chủ yếu: Tận dụng khai thác các lợi thế về đất đai, tài nguyên, khoáng sản và điều kiện địa lý thuận lợi, huy động các nguồn vốn để tăng tỷ trọng cho đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng”.

Ngay sau khi Sở Du lịch Quảng Ninh được thành lập năm 1993, thì cuối năm 1994, vịnh Hạ Long chính thức được UNESCO ghi danh là Di sản Thiên nhiên thế giới với giá trị ngoại hạng toàn cầu về mặt thẩm mỹ. Năm 1998, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được ban hành thì, năm 2000, di sản này tiếp tục được ghi danh Di sản thế giới về giá trị địa chất, địa mạo. Từ đó, du lịch Quảng Ninh với sức hút vịnh Hạ Long bước sang trang mới, khởi động thúc đẩy quá trình phát triển văn hóa, du lịch, đặt cơ sở nền tảng phát triển cho giai đoạn sau này, bắt đầu giai đoạn phát triển với những đột phá mạnh mẽ, trở thành một trong những thế mạnh của tỉnh, đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trở thành định hướng dẫn dắt quá trình phát triển của cả tỉnh, mà gần đây nhất là chủ trương phát triển được định hướng chuyển đổi từ NẤU sang XANH.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2001 - 2005 định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010: Mười năm tới, Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh phải tập trung cao mọi nỗ lực để khai thác tốt hơn các tiềm năng, lợi thế, xây dựng Quảng Ninh phát triển với tốc độ ổn định và bền vững cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái. Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là: đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giữ vững sự tăng trưởng cao về kinh tế; tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có lợi thế và sức cạnh tranh. Cơ cấu kinh tế của tỉnh nhiệm kỳ 2001 - 2005 được xác định là: Công nghiệp, du lịch - dịch vụ và nông nghiệp.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã đề ra mục tiêu tổng quát như sau: Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ và đồng bộ, động viên mọi nguồn lực để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phấn đấu phát triển kinh tế với tốc độ cao, ổn định, bền vững, gắn

kết với các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; phấn đấu xây dựng Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, phát triển năng động trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015. Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu tổng quát trên, Đại hội đã đề ra các chỉ tiêu cụ thể, trong đó phấn đấu các ngành dịch vụ tăng 15 - 16%/năm. Năm 2010, GDP bình quân đầu người đạt 1.230 - 1.450 USD; cơ cấu các ngành dịch vụ 42%. Chỉ tiêu về môi trường (đến năm 2010) cũng phấn đấu nâng tỷ lệ độ che phủ rừng lên 50%; tỷ lệ hộ nông dân được dùng nước sạch 75 - 80%; Đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường 60%.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 thống nhất về phương hướng: Phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực, đặc biệt là lợi thế về vị trí địa lý, kinh tế, chính trị, tài nguyên thiên nhiên, nhất là khoáng sản và tiềm năng du lịch, để Quảng Ninh cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015. Đến năm 2015, nâng cơ cấu dịch vụ lên 43% (Công nghiệp và xây dựng 53%, nông - lâm - ngư nghiệp 4%). Đại hội xác định nhiệm vụ và giải pháp tạo bước phát triển đột phá là tập trung xây dựng về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội một cách hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm và xây dựng các thiết chế văn hóa xã hội. Đây cũng là nhiệm kỳ Quảng Ninh đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đặt mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2015 - 2020: Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có cơ cấu kinh tế dịch vụ, công nghiệp; là trung tâm du lịch chất lượng cao của khu vực, một trong những cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc với hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo vệ và cải thiện rõ rệt môi trường sinh thái; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị của Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và các khu danh thắng, di tích lịch sử.

Nhiệm kỳ khóa XIV, cũng xác định tạo bước phát triển đột phá trên cơ sở một số định hướng lớn, trong đó có tăng trưởng kinh tế đảm bảo chỉ tiêu đề ra trên nền tảng phát triển bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng - an ninh

vững chắc. Nâng cao chất lượng và tỷ trọng các ngành dịch vụ, nhất là du lịch; phát triển công nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường...

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đánh giá: Qua mười năm thực thi Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nhất là tiếp tục kế thừa, phát triển tư duy, tầm nhìn, lộ trình, phương thức phát triển của nhiệm kỳ thứ XIII (2010 - 2015), suốt 5 năm của nhiệm kỳ XIV (2015 - 2020), tỉnh Quảng Ninh không ngừng phát huy tiềm năng, thế mạnh để phát triển nhanh, bền vững, nội lực của Tỉnh được củng cố, tăng cường, trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc. Đại hội cũng đề mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu; các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025: "... xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc"; "lấy phát triển con người,...lấy phát triển văn hóa, xây dựng văn minh sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường làm trọng điểm; "chuyển đổi phương thức phát triển từ "nâu" sang "xanh" theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột (thiên nhiên, con người, văn hóa), kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; ...phát triển công nghiệp dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao..."; "kiên trì thực hiện tổ chức không gian phát triển "một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá" nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của Tỉnh trong Vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ... phát triển chuỗi đô thị - công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao và du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh". Trong tầm nhìn định hướng phát triển đến năm 2030, năm 2045: "xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiêu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước, đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh...". Đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch...".

Một trong các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, các đề án, chương trình trọng điểm trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 là: "Đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại...; du lịch trở hành ngành kinh tế mũi nhọn; "kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây

dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; giữa đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với... bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa”. Đây là những căn cứ chính tị quan tọng để Quảng Ninh thực hiện chiến lược phát triển xanh.

Trải qua thời gian, du lịch vịnh Hạ Long vẫn giữ nguyên sức hút với bạn bè, du khách năm châu, luôn là một trọng điểm du lịch của tỉnh, góp phần đưa Hạ Long trở thành trung tâm du lịch lớn nhất Quảng Ninh, góp phần đưa Việt Nam thành một điểm đến trên bản đồ du lịch thế giới.

Điểm lại các kỳ đại hội, thấy Quảng Ninh đã có những quyết sách lớn để biến tiềm năng thành hiện thực, từng bước khai thác các thế mạnh, nguồn tài nguyên du lịch với những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng... cho phát triển.

Từ năm 2001, tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-TU, ngày 30-11-2001, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về đổi mới và phát triển du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2001 - 2010, nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng to lớn về du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Đây là kim chỉ nam hành động” cho du lịch Quảng Ninh phát triển giai đoạn sau này.

Cùng với việc ban hành Nghị quyết số 08/NQ-TU, tỉnh đã xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ninh thời kỳ 2001- 2010. Từ đây, tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động du lịch, huy động mọi nguồn lực xã hội để tập trung phát triển, xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình thu hút đầu tư, giải quyết các vấn đề về môi trường du lịch, an ninh trật tự, an toàn cho du khách, phát triển thương hiệu, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp...

Sau một thời gian ngắn khoảng hơn chục năm gần đây, du lịch Quảng Ninh đã có bước phát triển vượt bậc. Số lượng cơ sở lưu trú tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Thu hút đầu tư nước ngoài vào du lịch tăng mạnh. Tỉnh đã tập trung huy động các nguồn lực để thu hút và xây dựng công trình có tính động lực thúc đẩy cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, trong đó có du lịch, như: Đưa đường điện lưới quốc gia ra huyện đảo Cô Tô (năm 2013), đảo Cái Chiên (Hải Hà) (năm 2016), Công trình Bảo tàng - Thư viện tỉnh (năm 2013), Cụm thông tin cô động biên giới Sa Vỹ (năm 2013), dự án hạ tầng khác tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn, như: Khu di tích Yên Tử (Uông Bí), Khu di tích Nhà Trần (Đông Triều), đảo Cô Tô và một số dự án lớn, trọng điểm của Tập đoàn Sun Group, Vin Group, BIM Group, Tuần Châu đã phát huy hiệu quả.

Lượng khách đến với Quảng Ninh giai đoạn này tăng mạnh. Theo thống kê từ 2015 đến 2019 (trước khi diễn ra đại dịch Covid-19), tổng lượng khách du lịch đến Quảng Ninh đạt 52,239 triệu lượt khách; trong đó khách quốc tế đạt 21,521 triệu lượt. Tổng thu từ lĩnh vực du lịch đạt 95.203 tỷ đồng; nộp ngân sách từ hoạt động du lịch đạt 10.205 tỷ đồng. Giai đoạn này, tổng lượng khách du lịch tăng 1,67 lần, khách quốc tế tăng 1,64 lần, tổng thu từ du lịch tăng 2,21 lần, thu ngân sách từ du lịch tăng 2,28 lần, tỷ trọng trong thu ngân sách nội địa của du lịch tăng 4,2%.

Các khu du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp cũng được đầu tư xây dựng. Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Yoko Onsen Quanghanh, hệ thống khách sạn 5 sao, du thuyền cao cấp trên Vịnh Hạ Long, Công viên Hạ Long SunWorld, Quần thể nghỉ dưỡng FLC Hạ Long, Khu du lịch quốc tế Tuần Châu,...

Đồng thời, hàng loạt các hạ tầng du lịch trọng yếu được đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn doanh nghiệp, đi vào khai thác, như: Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, Cảng tàu khách quốc tế Tuần Châu, Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long, Trung tâm Văn hóa Trúc Lâm Yên Tử, Cảng tàu quốc tế Ao Tiên - Vân Đồn... đã góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch Quảng Ninh. Không gian du lịch được mở rộng đến 13 địa phương trong tỉnh, tiếp tục khẳng định Quảng Ninh là một điểm đến hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Sản phẩm du lịch cũng ngày càng phong phú, đa dạng. Các show biểu diễn âm nhạc trên du thuyền là sản phẩm du lịch mới hấp dẫn du khách khi đến với Hạ Long.

Du lịch Quảng Ninh hiện nay đã và đang nỗ lực phục hồi, phát triển bền vững sau ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Đặc biệt đáng ghi nhận là sự nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực, làm mới các sản phẩm du lịch cũ và phát triển thêm các sản phẩm mới hấp dẫn khách du lịch. Năm 2023, Quảng Ninh đặt mục tiêu đón 15 triệu lượt khách du lịch, cao hơn 3,4 triệu lượt so với năm 2022, doanh thu đạt 32.400 tỷ đồng.

Quảng Ninh hiện nay đang tập trung phát triển 4 dòng sản phẩm du lịch chủ lực gồm: du lịch biển đảo, du lịch tâm linh, du lịch thương mại biên giới, du lịch sinh thái cộng đồng với nhiều sản phẩm du lịch mới.

Với hệ thống hạ tầng giao thông động lực về cảng hàng không, cảng tàu khách quốc tế, đường cao tốc... được đầu tư đồng bộ cho phát triển kinh tế, xã hội nói chung và du lịch nói riêng, Quảng Ninh hướng đến phát triển ngành công nghiệp văn hóa - giải trí; trở thành

trung tâm du lịch quốc tế và trọng điểm du lịch hàng đầu quốc gia với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng đặc sắc, chất lượng cao...

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 9-3-2018 “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” với mục tiêu: Giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”.

Trong bối cảnh phát triển mới, Quảng Ninh đã nhanh chóng định hình nét đặc trưng riêng. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, tỉnh đã huy động hiệu quả nhiều nguồn lực để tập trung xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ. Cụm công trình văn hóa Bảo tàng Quảng Ninh, Thư viện Quảng Ninh, Cung Quy hoạch Quảng Ninh, Hội chợ và Triển lãm, Trung tâm Thể thao tỉnh, Trung tâm Văn hóa – Thể thao vùng Đông Bắc... Nhiều trong số đó đã thể hiện được nét đặc sắc kiến trúc riêng, trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách của Quảng Ninh.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa được quan tâm chú trọng. Các di sản như: Vịnh Hạ Long, Yên Tử, các di sản nhà Trần tại Đông Triều, đền Cửa Ông và nhiều di tích danh thắng khác... trong vòng 5 năm trở lại đây được đầu tư tu bổ, tôn tạo với nguồn kinh phí gần 3.000 tỷ đồng (chủ yếu từ nguồn vốn huy động xã hội hóa).

Đi cùng với đó là sự tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, do đó hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm, các giá trị văn hóa gắn liền với các cơ sở thờ tự, tín ngưỡng được tôn vinh, lan tỏa...

Quảng Ninh có 5 Di tích Quốc gia đặc biệt, ngoại trừ Vịnh Hạ Long thì 4 di tích còn lại đã được công nhận trong vòng 10 năm gần đây. Hiện, tỉnh cũng đang tiếp tục xúc tiến việc lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận Di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử là Di sản thế giới; lập hồ sơ khoa học trình Chính phủ xếp hạng di tích Thương cảng Vân Đồn là Di tích Quốc gia đặc biệt...

Những năm gần đây, cùng với các hoạt động văn hóa, thể thao duy trì thường niên thì Quảng Ninh cũng tổ chức nhiều sự kiện mới lạ, như: Carnival Hạ Long - Quảng Ninh, Lễ hội hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, Liên hoan Xiếc thế giới, Festival âm nhạc, Tiếng



hát Asean + 3, Gala Xiếc ba miền, Ngày hội Yoga quốc tế, Giải chạy marathon quốc tế Hạ Long, Giải bóng chuyền bãi biển quốc tế Tuần Châu... Qua đó, đã tạo nên những sản phẩm văn hóa, thể thao đặc sắc, riêng có để quảng bá văn hóa, con người, hình ảnh Quảng Ninh đến với bạn bè quốc tế.

Các Chương trình “Nụ cười Hạ Long”, Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Đề án bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, Đề án bảo tồn, phát huy các môn thể thao dân tộc và trò chơi dân gian, giai đoạn 2020- 2025, định hướng đến 2030, Đề án Phát triển tài năng Thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030... đã góp phần định hướng tư tưởng, thẩm mỹ, đời sống văn hóa của nhân dân trên địa bàn, tạo cơ sở cho ngành du lịch phát triển, nhất là du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm,...

Đặc biệt, với việc đưa Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long do tập đoàn Sun Group đầu tư với vốn đầu tư hơn 1.100 tỉ đồng đi vào hoạt động từ ngày 27/11/2018, đã tạo thêm một cú hích lớn cho du lịch tàu biển. Đây là cảng tàu khách chuyên biệt đầu tiên, có thể phục vụ cùng lúc 2 tàu, mức tối đa trọng tải tàu lớn nhất là 225.000 GRT với tổng số 8.460 người. Những năm qua, Quảng Ninh đã đón nhiều lượt tàu du lịch tầm cỡ quốc tế, như tàu Viking Orion (quốc tịch Na Uy) và Silver Muse (quốc tịch Bahamas) đã đưa gần 1.200 du khách châu Âu đến Hạ Long cuối tháng 10-2023. Theo thông tin từ Sở Du lịch Quảng Ninh, tính đến thời điểm hiện tại đã có 18 chuyến tàu biển quốc tế đăng ký đưa khách vào Vịnh Hạ Long, bắt đầu từ cuối tháng 10 đến hết năm 2023. Đây đều là những tàu biển hạng sang, đã đến Hạ Long từ nhiều năm qua như tàu Viking Orion, Silver Muse, Celebrity Solstice, Silver Whisper... Loại tàu biển này được thiết kế sang trọng, hiện đại, chuyên phục vụ các hải trình du lịch châu Á và Nam Thái Bình Dương, có thể xuất phát từ nhiều quốc gia khác nhau. Du lịch tàu biển là loại hình du lịch mang tính chuyên biệt cao, nhu cầu và xu hướng của đối tượng khách du lịch tàu biển là nền tảng cho việc đa dạng và phát triển những sản phẩm du lịch mới có chất lượng cao. Đặc biệt, hình ảnh và hoạt động của du lịch tàu biển góp phần tạo ra động lực và cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài chọn Quảng Ninh để triển khai các dự án phát triển dịch vụ. Đây cũng là nguồn khách góp phần thay đổi khái niệm du lịch mang tính mùa vụ của Quảng Ninh.

Quảng Ninh sở hữu hệ thống cảng đồng bộ, nhiều danh lam, thắng cảnh đẹp nổi tiếng; nằm trên tuyến giao thông hàng hải quan trọng của châu Á, phù hợp với lộ trình kết nối các tuyến du lịch tàu biển trong khu vực và thế giới. Đặc biệt gần với Trung Quốc, thị trường tiềm năng của mảng du lịch tàu biển, nơi mà rất nhiều hãng tàu quốc tế đưa tàu du lịch đến

đề khai thác. Hạ Long cũng là điểm gần nhất để đến những thị trường Bắc Á khác như: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản... Do đó, Quảng Ninh đã chủ trương hình thành những chuỗi du lịch khép kín đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi, mua sắm, giải trí của du khách đi tàu biển, góp phần tăng trải nghiệm của du khách ngay khi rời tàu.

Các chương trình trọng điểm về du lịch được đẩy mạnh hằng năm. Mùa du lịch tàu biển thường bắt đầu vào tháng 10 và kết thúc vào tháng 4 hàng năm. Để đón mùa du lịch tàu biển đến và quay trở lại, các đơn vị đã chủ động nhiều phương án, tăng cường liên kết, làm mới các sản phẩm du lịch, đảm bảo chất lượng dịch vụ... Đặc biệt, cuối tháng 6 vừa qua, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2023. Theo đó, Quốc hội đồng ý kéo dài thời hạn visa điện tử từ 30 ngày lên 90 ngày, có giá trị nhập cảnh nhiều lần; nâng thời hạn tạm trú tại cửa khẩu cho người nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực từ 15 ngày lên 45 ngày. Qua đó, giúp khách du lịch tàu biển hoàn thành các thủ tục nhanh chóng, chủ động thời gian, lịch trình tham quan, nghỉ dưỡng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp du lịch Quảng Ninh cũng đã chủ động liên kết với các đơn vị lữ hành để tạo thành chuỗi sản phẩm du lịch đồng bộ, đưa khách tham quan dễ dàng, thuận tiện.

Nhìn chung, để Quảng Ninh trở thành điểm đến của khách du lịch tàu biển, tỉnh đã xây dựng kế hoạch kích cầu đa dạng. Đặc biệt, tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị, xúc tiến và tạo điều kiện cho các hãng tàu đưa khách đến với Hạ Long; tăng cường tham gia các hoạt động xúc tiến về du lịch tàu biển tại nước ngoài; sản xuất các bản tin, clip hình ảnh quảng bá điểm đến tại Hạ Long để gửi cho các hãng tàu phối hợp truyền thông quảng cáo điểm đến. Cùng với đó, xây dựng các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cụ thể cho việc thúc đẩy phát triển thị trường du lịch tàu biển tại địa phương, cập nhật kịp thời để các doanh nghiệp khai thác khách du lịch tàu biển nắm bắt và phối hợp.

Ngành Du lịch cũng sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng phát triển các dòng các sản phẩm du lịch hạng sang, xây dựng kế hoạch đào tạo bổ sung đảm bảo đủ nguồn nhân lực; phát huy thế mạnh cơ sở hạ tầng giao thông, trong đó quan tâm đến bố trí các điểm dừng chân tham quan thành phố và quy hoạch chỗ dừng đỗ xe phù hợp để khách dừng chân tham quan, chụp ảnh an toàn; bổ sung các khu vực bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng trên các tuyến phố trọng điểm mà khách du lịch thường đi qua; phát huy các giải pháp kiểm soát, đảm bảo an ninh an toàn cho du khách trên địa bàn khi tham quan... ❖

## THỰC HIỆN VĂN HÓA CÔNG SỞ GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN HẢI VÂN

*Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng, nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam và thế giới. Trong di sản vô giá mà Người để lại cho Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta có nhiều nội dung quan trọng, mang giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, một trong số đó chính là tư tưởng, quan niệm về văn hóa công sở. Để xây dựng một Chính phủ thực sự là “đày tớ” của nhân dân, Người đã đề cập tới việc xây dựng đời sống mới, nếp sống mới ở công sở; xây dựng các chuẩn mực văn hóa, đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên; ban hành các sắc lệnh về cung cách làm việc ở công sở. Người chỉ rõ phong cách, lề lối làm việc của người cán bộ cho đến cách ứng xử trong các mối quan hệ: đối với tự mình, đối với đồng nghiệp, đối với nhân dân. Trong bối cảnh mới hiện nay, việc nâng cao văn hóa công sở cho đội ngũ cán bộ có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đầy đủ phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm và năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đổi mới và phát triển đất nước nói chung, phát triển tỉnh Quảng Ninh nói riêng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả.

Có thể hiểu, văn hóa công sở là các giá trị có tính chuẩn mực chung, làm nền tảng cho sự gắn kết giữa cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện các nhiệm vụ được giao; bao gồm hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần phản ánh sự đúng đắn, tính nhân văn, nét đẹp và niềm tin được hình thành trong quá trình hoạt động, phát triển của công sở, được mọi người tuân thủ, tự giác thực hiện vì mục tiêu chung. Theo đó, văn hóa công sở bao gồm 2 nhóm yếu tố cấu thành, đó là: *Các yếu tố phi vật chất*, như hệ thống quy định, quy chế, quy tắc, chuẩn mực hành vi của con người; các biểu hiện về thái độ giao tiếp, ứng xử; mối quan hệ, tinh thần đoàn kết, dân chủ trong cơ quan; ý thức trách nhiệm,

việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; cách thức, hiệu quả, hiệu lực quản lý, điều hành của cơ quan... *Các yếu tố vật chất*, như trụ sở, cảnh quan, môi trường làm việc; các thực thể văn hóa và cách bài trí (như quốc huy, quốc kỳ, biển hiệu, bảng thông báo, chỉ dẫn, các phương tiện, trang phục...) được sử dụng trong hoạt động của cơ quan...

Trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành những chủ trương, chính sách, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tạo cơ sở chính trị - pháp lý góp phần triển khai thực hiện văn hóa công sở trong các cơ quan, tổ chức của Nhà nước. Cụ thể như: Hội nghị Trung ương 9 khóa XI của Đảng ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, trong đó nêu rõ: “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”; Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27-12-2018, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ”, xác định mục tiêu là: “Nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ; đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, xã hội”; Quyết định số 733/QĐ-TTg, ngày 14-6-2019, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025”, nhằm nâng cao đạo đức công vụ, nói không với tiêu cực, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực công tác để gắn bó với nhân dân hơn, phục vụ nhân dân tốt hơn; Kết luận số 76-KL/TW, ngày 4-6-2020, của Bộ Chính trị, “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” chỉ ra: “xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị”; “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; “Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”; Chỉ thị số 23/CT-TTg, ngày 2-9-2021, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” chỉ rõ: phải “xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ nhân dân”.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, tích cực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy thật tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm *chức vụ càng cao càng phải gương mẫu*. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đi đôi với việc củng cố, nâng cao chất lượng *tổ chức cơ sở đảng* và *đội ngũ đảng viên*”<sup>(1)</sup>... Những chủ trương, chính sách, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đã tạo cơ sở chính trị - pháp lý, khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, đẩy lùi tiêu cực, những nhiễu, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước ngày càng hoàn thiện về phẩm chất, có tác phong chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ thời kỳ mới.

Nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa công sở, những năm gần đây, cùng với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, tỉnh Quảng Ninh đặc biệt quan tâm chú trọng và chỉ đạo thực hiện tốt văn hóa công sở, góp phần thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước ngày càng hoàn thiện về phẩm chất, tác phong, đẩy lùi tiêu cực, những nhiễu. Kể từ năm 2015 đến nay, nội dung này liên tục được tỉnh chỉ đạo tăng cường triển khai thông qua những thông báo, kết luận, chỉ thị, nghị quyết chuyên đề. Đặc biệt, từ năm 2015, tỉnh ban hành Bộ quy tắc ứng xử “Nụ cười Hạ Long”; năm 2019, ban hành Đề án văn hóa công vụ; năm 2022, ban hành Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; các năm 2016, 2017 và 2020, nội dung thực thi văn hóa công sở được đưa vào chủ đề công tác năm của tỉnh. Đây chính là cơ sở để tỉnh Quảng Ninh đạt được những thành tựu nhất định trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ “*vừa hồng, vừa chuyên*”, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của toàn tỉnh. Một số kết quả nổi bật có thể đến như sau:

*Một là*, lề lối, phương thức làm việc trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh từng bước được đổi mới theo hướng công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt, hiện đại và hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên rà soát, sửa đổi hoặc ban hành quy chế làm việc, quy định rõ nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, quan hệ công tác, cách thức và quy trình giải quyết công việc; tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ, công chức,

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 41 - 42

viên chức, người lao động; nghiêm cấm lợi dụng chức năng, nhiệm vụ để gây những nhiễu, phiền hà khi xử lý, giải quyết công việc liên quan đến người dân và doanh nghiệp. Đến nay, 100% các cơ quan hành chính nhà nước thuộc 3 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, xử lý, ký số văn bản trên môi trường điện tử; 100% số thủ tục hành chính tại trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện triệt để quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo nguyên tắc “5 bước tại Trung tâm” và “5 bước trên môi trường điện tử”<sup>(1)(2)</sup> thông qua hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; 100% số thủ tục hành chính được xây dựng quy trình bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời gian giải quyết gắn với trách nhiệm của từng bộ phận, từng cán bộ; tăng cường phân cấp, ủy quyền bảo đảm đội ngũ cán bộ được chủ động và có trách nhiệm hơn;... Những điều này đã giúp lãnh đạo các cơ quan, đơn vị điều hành, kiểm soát được toàn bộ quá trình giải quyết công việc. Đặc biệt, trong thời gian phòng, chống dịch bệnh COVID-19 vừa qua, tỉnh Quảng Ninh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động, họp, giao ban, hội nghị, giải quyết công việc cho người dân... bảo đảm kịp thời, thông suốt, hiệu quả, đồng thời từng bước tạo thói quen cho người dân trong các giao dịch trực tuyến...

*Hai là*, kỷ luật, kỷ cương hành chính có những chuyển biến rất tích cực. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, kết hợp với tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Đa số cán bộ, công chức, viên chức đều nghiêm túc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất đạo đức công vụ, gương mẫu, đoàn kết trong nội bộ; tuân thủ quy định về thời gian, trang phục, đeo thẻ khi làm việc; kịp thời xin lỗi, giải trình khi để trễ hẹn trong giải quyết công việc với người dân. Ngoài ra, tại trung tâm phục vụ hành chính công các cấp tiến hành chấm điểm hằng tuần đối với việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và sự hài lòng của người dân đối với cán bộ... theo quy chế. Việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính đã góp phần đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc trên các lĩnh vực công tác; khắc phục một bước tình trạng chậm trễ, gây phiền hà cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

*Ba là*, tác phong làm việc, văn hóa giao tiếp, ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh có nhiều tiến bộ. Từ chỗ luôn xác định mình là hình ảnh đại diện của chính quyền tỉnh trong giao tiếp với người dân cũng như trong quan hệ hợp tác, hỗ trợ với

(1) Quy trình “5 bước” (tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu, trả kết quả); quy trình “5 bước trên môi trường điện tử” (tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, ký số, trả kết quả hoàn toàn trên môi trường điện tử)

đồng nghiệp nên phần lớn cán bộ, công chức, viên chức luôn giữ tinh thần, thái độ phục vụ, lịch sự, hòa nhã, trách nhiệm. Tỉnh thường xuyên rà soát, lựa chọn, bố trí những cán bộ ưu tú, có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, có tính kỷ luật cao để thực hiện nhiệm vụ tại trung tâm phục vụ hành chính công các cấp hoặc cử tham gia quy trình giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, người dân; kịp thời điều chuyển cán bộ khi có những phản ánh, kiến nghị đúng của người dân về tác phong làm việc, giải quyết công việc không đúng quy định, thiếu trách nhiệm của cán bộ.

Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp, các cơ quan, đơn vị đều bố trí hòm thư góp ý, công khai số điện thoại đường dây nóng, hộp thư điện tử, tăng cường tiếp xúc trực tiếp, phỏng vấn và xây dựng trang mạng xã hội, các kênh đánh giá, phiếu khảo sát để tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, doanh nghiệp, người dân. Các phong trào như: “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”, “4 xin”, “4 luôn” (xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn và xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe và luôn giúp đỡ khi tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp) hay “3C” (Cười, Chào, Cảm ơn), “5S” (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng)... được quán triệt thực hiện thường xuyên, thể hiện đúng bản chất của nền hành chính phục vụ. Bên cạnh đó, hằng năm, tỉnh còn thường xuyên mở lớp tập huấn về kỹ năng giao tiếp, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo vị trí việc làm bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng giao tiếp tốt, có năng lực, trách nhiệm, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. Mặt khác, mỗi cán bộ cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng, đổi mới phương thức làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm với phương châm “làm hết việc chứ không làm hết giờ”.

*Bốn là*, công sở, trụ sở làm việc từng bước được xây dựng văn minh, lịch sự, hiện đại. Tỉnh tập trung nguồn lực đầu tư quy hoạch và xây dựng mới các tòa nhà liên cơ quan - nơi làm việc của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước theo hướng tập trung, hiện đại hóa công sở, điều kiện làm việc liên hoàn với hệ thống hạ tầng được đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp, triển khai xây dựng nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu nền tảng đồng bộ, phục vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, tạo điều kiện thuận tiện cho cán bộ và người dân khi giải quyết công việc. Hiện nay, toàn tỉnh đã cung cấp dịch vụ mạng đường truyền sử dụng cho hệ thống hội nghị trực tuyến và hệ thống mạng diện rộng WAN hoạt động trên mạng số liệu chuyên dùng đáp ứng nhiệm vụ truyền dữ liệu quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống “một cửa” điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ, cổng thông tin điện tử tỉnh,... cho hệ thống chính quyền điện tử tỉnh. Đặc biệt, hệ thống trung tâm phục vụ hành chính công từ cấp tỉnh đến cấp xã được xây dựng, hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang, thiết bị được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại, bảo đảm thuận tiện và là nơi duy nhất giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Có thể khẳng định rằng, các giá trị của văn hóa công sở đã từng bước hình thành, phát triển, lan tỏa và tác động mạnh mẽ, sâu rộng đến nhận thức và hành động của các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Nhờ thực thi văn hóa công sở, chất lượng đội ngũ cán bộ từng bước được nâng lên, tuyệt đại bộ phận cán bộ đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; kỷ luật, kỷ cương hành chính, giao tiếp, ứng xử, tinh thần phục vụ nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực; cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng, cải tạo, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, xây dựng công sở văn minh, hiện đại... Điều này đã góp phần vào những kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh Quảng Ninh khi 5 năm liên tiếp dẫn đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), 4 năm liên tiếp giữ vị trí quán quân về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và 3 năm liên tiếp giữ vị trí thứ nhất về Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS)...

Bên cạnh những kết quả đạt được, so với yêu cầu, nhiệm vụ mới, việc thực hiện văn hóa công sở tại tỉnh Quảng Ninh còn có những hạn chế như: Nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng trong xây dựng văn hóa công sở của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa thật sự đầy đủ, còn hình thức; tác phong, lề lối làm việc chưa chuyên nghiệp; chất lượng, năng lực làm việc chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; còn có cán bộ có thái độ phục vụ người dân thiếu nhiệt tình, kỹ năng giao tiếp và văn hóa ứng xử còn hạn chế, thờ ơ, vô cảm... Thực trạng bất cập trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong chỉ đạo triển khai thực hiện văn hóa công sở ở một số nơi chưa thực sự đề cao, chưa tăng cường giám sát, chưa chú trọng xây dựng những tấm gương điển hình, chưa có hình thức khuyến khích, chế độ khen thưởng thỏa đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng và triển khai thực hiện văn hóa công vụ. Bên cạnh đó, là tỉnh miền núi phía Bắc, có 21 thành phần dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 12,53%) nên việc đổi mới lề lối làm việc theo hướng hiện đại tại một số địa bàn của tỉnh Quảng Ninh còn gặp khó khăn.

Để thực hiện văn hóa công sở góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển, trong thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh cần tiếp tục thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

*Một là*, nghiêm túc thực hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII và các chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó có văn hóa công vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước trong tình hình mới: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh,



động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”; “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức”... Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương tỉnh của Quảng Ninh cần rà soát, sửa đổi những quy định liên quan đến văn hóa công sở trong phạm vi thẩm quyền để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của cơ quan, tổ chức, của ngành, lĩnh vực, địa phương mình, góp phần triển khai đồng bộ, thực chất, có hiệu quả những quy định về văn hóa công sở.

*Hai là*, đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong xây dựng, tổ chức thực hiện văn hóa công sở. Người đứng đầu phải là tấm gương mẫu mực về văn hóa và đạo đức công vụ, giữ vững chuẩn mực trong đạo đức, lối sống, giao tiếp, ứng xử... để cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị noi theo. Khơi dậy mạnh mẽ trong mỗi cán bộ, công chức, viên chức khát vọng không ngừng đổi mới, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, sẵn sàng phục vụ nhân dân, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội, tăng cường niềm tin yêu của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

*Ba là*, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo chuyển biến mạnh mẽ về tinh thần, thái độ làm việc phù hợp với các giá trị, chuẩn mực văn hóa, hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hiện đại. Chú trọng giáo dục về trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ của cán bộ trong quá trình hoạt động công vụ, trong mối quan hệ với cơ quan, tổ chức, người dân; hình thành nhân cách, rèn luyện thái độ, hành vi ứng xử theo chuẩn mực quy định; khuyến khích, động viên cán bộ, công chức, viên chức tự nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ... Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, lấy chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ làm thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Ngoài ra, duy trì thường xuyên việc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất đối với việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên tất cả các lĩnh vực công tác của ngành, địa phương để phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm cũng như tuyên dương những tập thể, cá nhân có thành tích điển hình để nhân rộng, khen thưởng, động viên kịp thời.

*Bốn là*, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn, đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động và điều

kiện làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng việc bài trí trụ sở, xây dựng cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp, từng bước hiện đại hóa công sở. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo điều hành, quản lý từ thủ công truyền thống sang phương thức điện tử và dựa trên dữ liệu số, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, trọng tâm là tăng cường xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; cải tiến nội dung, hình thức hội, họp theo hướng thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, kinh phí. Đồng thời, chú trọng phát triển các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước.

Cốt lõi của văn hóa công sở là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, có ý thức trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Việc xây dựng văn hóa công sở là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, phục vụ nhân dân. Xây dựng văn hóa công sở nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, góp phần hình thành thái độ, phong cách ứng xử chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Văn hóa công sở chính là những giá trị tạo nên niềm tin, niềm tự hào, lòng yêu nghề, sự gắn kết đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phản ánh tầm nhìn, sứ mệnh, các mục tiêu chính của nền hành chính là phục vụ lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội. ❖

## VÙNG ĐẤT QUẢNG NINH - HƠN NỬA THẾ KỶ DỰNG XÂY VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN NGỌC HUY

*TS, Viện Xã hội học,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Quảng Ninh có vị trí ở địa đầu đông bắc Việt Nam, lãnh thổ trải theo hướng đông bắc - tây nam. Quảng Ninh nằm cách thủ đô Hà Nội 125 km về phía Đông Bắc. Quảng Ninh tiếp giáp: Phía bắc giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc. Phía đông và nam giáp Vịnh Bắc Bộ. Phía tây nam giáp tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng. Phía tây bắc giáp tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn Các điểm cực của tỉnh Quảng Ninh: Điểm cực đông phần đất liền và hải đảo tại: mũi Sa Vĩ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái. Điểm cực tây tại: thôn 1, xã Nguyễn Huệ, thị xã Đông Triều. Điểm cực nam tại: đảo Hạ Mai, xã Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn. Điểm cực bắc tại: thôn Mỏ Toòng, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu. Quảng Ninh là 1 trong số 7 tỉnh thành tại Việt Nam có đường biên giới với Trung Quốc, nhưng lại là tỉnh duy nhất có cả đường biên giới trên bộ và trên biển với nước này.

Quảng Ninh có đa dạng các loại địa hình từ đồng bằng, vùng núi, ven biển... Là tỉnh miền núi, trung du nằm ở vùng duyên hải, với hơn 80% đất đai là đồi núi. Trong đó, có hơn 2.000 hòn đảo núi đá vôi nổi trên mặt biển, phần lớn chưa được đặt tên. Địa hình của tỉnh đa dạng có thể chia thành 3 vùng, gồm có vùng núi, vùng trung du và đồng bằng ven biển, và vùng biển và hải đảo.

### QUẢNG NINH - ĐỊA PHƯƠNG GIÀU TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN

Về tài nguyên đất, Quảng Ninh có quỹ đất dồi dào, trong đó, 10% là đất nông nghiệp, đất có rừng chiếm 38%, 43,8% là diện tích chưa sử dụng tập trung ở vùng miền núi và ven biển, còn lại là đất chuyên dùng và đất ở. Với ưu thế của tỉnh miền núi, ven biển, khí hậu ẩm rất thuận lợi cho quá trình sinh trưởng, tỉnh phát triển các loài cây lấy gỗ, lấy nhựa như

thông nhựa, thông mã vĩ, keo, bạch đàn... Đặc biệt, với đặc thù điều kiện lập địa trên diện tích đất đồi núi của tỉnh rất thích hợp với các loài cây gỗ quý, đặc sản, cây dược liệu, các loài cây mang tính bản địa.

*Về tài nguyên rừng*, tổng diện tích rừng và đất rừng là 243.833,2 ha, chiếm 38% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh, trong đó rừng tự nhiên chiếm khoảng 80%, còn lại là rừng trồng, rừng đặc sản khoảng 100.000 ha, đất thành rừng khoảng 230.000 ha, là điều kiện để phát triển thành các vùng nông nghiệp, vùng cây đặc sản, cây ăn quả có quy mô lớn.

*Về tài nguyên biển*, Quảng Ninh có thế mạnh và tiềm năng to lớn để phát triển các ngành kinh tế biển, có chiều dài đường ven biển lớn thứ hai 250 km với 2.077 hòn đảo, chiếm 2/3 số đảo của cả nước, trong đó trên 1.000 đảo đã có tên; có ngư trường rộng lớn trên 6.100 km<sup>2</sup>, là nơi sinh sống của vô vàn các loài sinh vật biển quý hiếm. Ven biển Quảng Ninh có nhiều khu vực nước sâu, kín gió là lợi thế đặc biệt quan trọng thuận lợi cho việc xây dựng, phát triển hệ thống cảng biển đặc biệt là cảng nước sâu tiếp nhận được tàu có trọng tải lớn và cảng thủy nội địa, nhất là ở thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, huyện Tiên Yên, thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà đáp ứng cho việc giao lưu hàng hóa với các tỉnh trong vùng.

*Về khoáng sản*, nổi bật là than đá, với trữ lượng khoảng 3,6 tỷ tấn (43,8%), chiếm tới 95% trữ lượng than trên toàn Việt Nam, phần lớn tập trung tại 3 khu vực: Hạ Long, Cẩm Phả và Uông Bí - Đông Triều; mỗi năm cho phép khai thác khoảng 30 - 40 triệu tấn. Các mỏ đá vôi, đất sét, cao lanh: Trữ lượng tương đối lớn, phân bố rộng khắp các địa phương trong tỉnh như: Mỏ đá vôi ở Hạ Long, Cẩm Phả; Các mỏ cao lanh ở các huyện miền núi Hải Hà, Bình Liêu, Ba Chẽ, Tiên Yên, thành phố Móng Cái; các mỏ đất sét phân bố tập trung ở Đông Triều và Hạ Long là nguồn nguyên liệu quan trọng để sản xuất vật liệu xây dựng cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Các mỏ nước khoáng: Có nhiều điểm nước khoáng uống được ở Quang hanh (Cẩm Phả), Khe Lạc (Tiên Yên), Đồng Long (Bình Liêu). Ngoài ra, còn có nguồn nước khoáng không uống được tập trung ở Cẩm Phả có nồng độ khoáng khá cao, nhiệt độ trên 35°C, có thể dùng chữa bệnh.

*Về lịch sử - văn hóa*, Quảng Ninh là cái nôi văn hóa Soi Nhụ. Thời kỳ tiền sử ở Quảng Ninh sớm nhất được biết đến tại các địa điểm thuộc văn hóa Soi Nhụ. Vào thời kỳ của các văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bắc Sơn từ khoảng 18.000 năm về trước, mực nước Biển Đông hạ thấp tới độ sâu 110 - 120 mét dưới mực nước biển ngày nay. Khi đó vịnh Bắc Bộ (gồm cả vịnh Hạ Long) là một đồng bằng tam giác châu rộng lớn. Trên vùng đất khoảng vài nghìn ki-lô-mét vuông của Quảng Ninh và khu vực vịnh Hạ Long ngày nay là một đồng

bằng cổ. Ở nơi này đã từng tồn tại một cộng đồng dân cư tiền sử lớn sống trong các hang động đá vôi trên một địa bàn độc lập so với các cư dân Hòa Bình - Bắc Sơn cùng thời. Họ đã sáng tạo ra một nền văn hóa tồn tại song song với hai nền văn hóa kia mà ngày nay chúng ta gọi đây là nền văn hóa Soi Nhụ, làm cơ sở để các loại hình văn hóa tiến bộ mới hình thành tại Cái Bèo, tiếp sau nền văn hóa Hạ Long nổi tiếng.

*Về danh lam thắng cảnh*, Quảng Ninh là một trong những trung tâm du lịch hàng đầu Việt Nam, giàu tiềm năng du lịch, sở hữu nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vịnh Hạ Long: di sản thiên nhiên thế giới, có diện tích 1.553 km<sup>2</sup> với 1.969 đảo. Trong đó, khu di sản thế giới 3 lần được UNESCO công nhận có diện tích trên 434 km<sup>2</sup> với 788 đảo, có giá trị đặc biệt về văn hoá, thẩm mỹ, địa chất, sinh học và kinh tế. Trên vịnh có nhiều đảo đất, hang động, bãi tắm, cảnh quan đẹp thuận lợi cho phát triển nhiều điểm, nhiều hình thức du lịch hấp dẫn. Vịnh Bái Tử Long nằm liền với vịnh Hạ Long ở phía bắc với nhiều đảo đá trải dài ven biển có vẻ đẹp hoang sơ cùng với các bãi tắm tại các đảo, như Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng... (Vân Đồn). Hàng chục bãi tắm bãi tắm đẹp hiện đại như Trà Cỏ (Móng Cái), Bãi Cháy, đảo Tuần Châu được cải tạo, nâng cấp với nhiều loại hình dịch vụ phục vụ đa dạng các nhu cầu của du khách. Đảo Cô Tô (phía đông bắc Quảng Ninh). Các bãi tắm đẹp như Hồng Vân, Bắc Vân, Vân Cháy, đảo Cô Tô Con. Được đánh giá là những bãi biển đẹp nhất tại phía bắc.

*Về di tích lịch sử*, Quảng Ninh có hồ nước nhân tạo (hồ Yên Lập) - nơi có di tích chùa Lô Âm; Bãi cọc Bạch Đằng thuộc thị xã Quảng Yên (tiếp giáp với Hải Phòng); Thương cảng Vân Đồn với trận thủy chiến chống quân Nguyên Mông (nay thuộc khu vực đảo Quan Lạn và Minh Châu, huyện Vân Đồn); Khu quần thể di tích lăng các vua Trần, nơi ở của tổ tiên Vương triều Trần trước khi di cư xuống vùng Thái Bình, Thiên Trường thuộc địa phận thị xã Đông Triều; Núi Yên Tử, nơi phát tích thiền phái Trúc Lâm do phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập (thành phố Uông Bí). Hiện nay Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc thuộc 3 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương và Quảng Ninh đã được UNESCO công nhận di sản thế giới. Ngoài ra, tỉnh có gần 500 di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật... gắn với nhiều lễ hội truyền thống, trong đó có những di tích như miếu Tiên Công, đình Phong Cốc (TX Quảng Yên), đền Cửa Ông (Cẩm Phả), Đình Trà Cỏ (Móng Cái), chùa Long Tiên (TP Hạ Long), Đệ tứ chiến khu Đông Triều, chùa Ba Vàng (Uông Bí), đình Quan Lạn, chùa Cái Bầu - Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm (Vân Đồn)... Đây là những điểm thu hút khách thập phương đến với các loại hình du lịch văn hóa, tôn giáo, nhất là vào những dịp lễ hội.

Về các lễ hội truyền thống, Quảng Ninh có hàng trăm di sản văn hoá phi vật thể thuộc bảy loại hình: Lễ hội truyền thống (77 di sản), nghề thủ công truyền thống (25 di sản), nghệ thuật trình diễn dân gian (22 di sản), ngữ văn dân gian (14 di sản), tập quán xã hội (168 di sản), tiếng nói chữ viết (7 di sản), tri thức dân gian (50 di sản). Trong đó có 4 di sản đã được đưa vào danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, gồm: Nghi lễ then cổ của người Tày (Bình Liêu), hát nhà tơ - hát (múa) cửa đình, lễ hội đền Cửa Ông (Cẩm Phả), lễ hội miếu Tiên Công (Quảng Yên)...

### **QUẢNG NINH - TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NĂNG ĐỘNG, TOÀN DIỆN, CỰC TĂNG TRƯỞNG KHU VỰC PHÍA BẮC**

Hiện, tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 4 thành phố; cùng với Bình Dương là một trong hai tỉnh có nhiều thành phố trực thuộc nhất Việt Nam. Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đến năm 2022 đạt 68,5% và là một trong 5 địa phương có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất cả nước.

Quảng Ninh là một trọng điểm kinh tế, một đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía bắc đồng thời là một trong bốn trung tâm du lịch lớn của Việt Nam với di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long đã ba lần được UNESCO công nhận. Quảng Ninh hội tụ những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ năm 2017 tới 2022, Quảng Ninh là tỉnh liên tục 6 lần có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI đứng thứ 1 ở Việt Nam.

Quảng Ninh là trung tâm lớn nhất Việt Nam về tài nguyên than đá, công nghiệp điện, cơ khí, xi măng, vật liệu xây dựng; có số lượng công nhân mỏ đông nhất cả nước, có nhiều khu công nghiệp: Khu công nghiệp Cái Lân, Khu công nghiệp Việt Hưng, Khu công nghiệp phụ trợ ngành than, Khu công nghiệp Hải Yên, Khu công nghiệp Phương Nam, Khu công nghiệp Đông Triều, Khu công nghiệp Đông Mai, Khu công nghiệp Việt Hưng, Khu công nghiệp Hải Hà, Khu công nghiệp ven biển Tiên Phong,... do đó, đây là thị trường đầy tiềm năng cho các nhà cung cấp, phân phối hàng hóa.

Về thương mại, Quảng Ninh là địa bàn có tiềm năng lớn để phát triển hoạt động thương mại dịch vụ, nhất là thương mại qua biên giới và thương mại qua đường biển. Tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ thương mại đã đạt trung bình trên 13%/năm. Những năm gần đây, Quảng Ninh đang nỗ lực tạo bước phát triển đột phá để trở thành tỉnh đi đầu trong cả nước về đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”. Hàng loạt các dự án trọng điểm, các giải pháp sáng tạo trong điều hành đã và đang

được triển khai tạo động lực quan trọng giúp Quảng Ninh bứt phá trong phát triển toàn diện và hình thành ngành dịch vụ chuyên nghiệp, chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế. Bên cạnh việc đầu tư nâng cấp các chợ truyền thống thì hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh đã được tăng cường. Để thu hút đầu tư vào lĩnh vực này, tỉnh đã tạo điều kiện tối đa về mặt bằng, về thủ tục hành chính và luôn đồng hành cùng nhà đầu tư trong suốt quá trình triển khai dự án. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành hệ thống hơn 30 trung tâm, cửa hàng, điểm giới thiệu sản phẩm OCOP và hầu hết sản phẩm OCOP của tỉnh đã được trưng bày, giới thiệu tại các địa điểm này. Nhiều sản phẩm OCOP của tỉnh không những được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh biết đến mà còn được du khách nước ngoài quan tâm, biết đến, như: Đồ gốm sứ Quang Vinh, ngọc trai Hạ Long, ghe lệt Móng Cái..

Năm 2019, dân số tỉnh Quảng Ninh đạt 1.324.800 người, với diện tích 6.178,2 km<sup>2</sup> thì mật độ dân số là 214 người/km<sup>2</sup>. Trong đó dân số sống tại thành thị là 853.700 người, chiếm 64,4% dân số toàn tỉnh. Quảng Ninh hiện là một trong số các địa phương có mức độ đô thị hóa cao nhất Việt Nam, vượt xa cả thủ đô Hà Nội.

Quảng Ninh có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và cảng hàng không với: Tỉnh lộ: 16 tuyến, tổng chiều dài 409,93 km; cao tốc: 3 tuyến, bao gồm: Cao tốc Hải Phòng - Hạ Long: 25 km; cao tốc Hạ Long - Vân Đồn: 60 km; cao tốc Vân Đồn - Móng Cái: 80 km. Hiện có 16 bến xe khách đang hoạt động, các huyện Đầm Hà, Ba Chẽ và Cô Tô chưa có bến xe khách; trong đó có 6/15 bến xe đạt loại 3 trở lên, chỉ có 03 bến xe đạt loại 1 (bến xe Bãi Cháy, bến xe Móng Cái, bến xe Cửa Ông). Về cơ bản hệ thống bến xe khách trên địa bàn tỉnh đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân.

Quảng Ninh hiện có 213 cảng, bến gồm: 59 cảng và 103 bến hủy nội địa. Trong đó cảng hàng hóa chiếm 174; cảng bến khách chiếm 39 (12 cảng biển (Hạ Long: 6, Cẩm Phả: 3, Hoàn Bồ: 2, Tiên Yên: 1); 59 cảng thủy nội địa (Hạ Long: 4, Cẩm Phả: 18, Uông Bí: 5, Móng Cái: 15, Đông Triều: 14, Quảng Yên: 1, Vân Đồn: 1, Đầm Hà: 1); 103 bến thủy nội địa (Hạ Long: 25, Cẩm Phả: 19, Uông Bí: 8, Móng Cái: 4, Đông Triều: 13, Quảng Yên: 11, Hoàn Bồ: 6, Cô Tô: 3, Tiên Yên: 9, Hải Hà: 5); 4 Cảng hành khách thủy nội địa (Hạ Long: 2, Vân Đồn: 1, Cô Tô: 1); 35 bến khách thủy nội địa (Hạ Long: 6, Cẩm Phả: 6, Móng Cái: 3, Quảng Yên: 2, Đông Triều: 5, Vân Đồn: 8, Cô Tô: 2, Hải Hà: 3),...

Tỉnh có một tuyến đường sắt cấp quốc gia đi qua dài 64,08 km kết nối từ ga Kép (Bắc Giang) đến Đông Triều, Uông Bí và Hạ Long. Thời gian đi từ Quảng Ninh đến Hà Nội hết khoảng 7 tiếng, chậm hơn nhiều so với đường bộ. Ngoài tuyến đường sắt quốc gia Kép - Hạ Long trên địa bàn còn có một số tuyến đường sắt chuyên dùng của ngành than phục vụ vận chuyển cho hai khu vực chính là vùng than Uông Bí và vùng Than Cẩm Phả.

Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn nằm trên địa bàn xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, cách trung tâm Hạ Long 90 km.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh, ngày 28-10-2023, đồng chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước đã có bài phát biểu quan trọng, nhấn mạnh, “Quảng Ninh - địa đầu Tổ quốc; nơi có dòng sông Bạch Đằng, ghi dấu ấn lịch sử hào hùng của dân tộc với ba lần chiến thắng quân xâm lược. Quảng Ninh - vùng mỏ, là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam và ngành công nghiệp khai khoáng; nơi khởi đầu của phong trào “vô sản hóa”... Trải qua những năm tháng oanh liệt xây dựng và bảo vệ quê hương, đồng bào các dân tộc Quảng Ninh và những người công nhân mỏ, thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước, đã xây dựng nên truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo, bất khuất, kiên cường, dũng cảm của con người và quê hương Quảng Ninh”.

Nhìn lại lịch sử đấu tranh cách mạng, ngay sau khi được thành lập (30-10-1963), Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã phát huy sức mạnh của vùng Đông Bắc rộng lớn, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, chi viện sức người, sức của cho miền Nam đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhân dân Quảng Ninh bắt chập bom rơi, đạn nổ, vừa sản xuất giỏi, vừa chiến đấu thắng lợi, bảo vệ và ổn định đời sống nhân dân. Dấu ấn ngày 5-8-1964, quân và dân Quảng Ninh chiến thắng trận đầu, bắn rơi 3 máy bay, bắt sống phi công Mỹ đầu tiên trên miền Bắc, trở thành niềm tự hào to lớn của vùng Mỏ Anh hùng, lam tỏa tinh thần đấu tranh ra khắp cả nước, động viên, khích nhân dân cả nước trong công cuộc kháng chiến, cứu nước.

Trong thời kỳ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là khi bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tiếp tục nêu cao truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực, ngày càng khẳng định vị trí, vai trò của một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc. Một trong những dấu ấn nổi bật là đã đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại. Kiến tạo không gian và các hành lang phát triển mới.

Quảng Ninh cũng là tỉnh sớm xác định gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tỉnh đã sớm ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Trong xây dựng nông thôn mới, Quảng Ninh đã hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới ở cả 3 cấp; về đích trước 3 năm chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, góp phần thu hẹp



khoảng cách giàu nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Quảng Ninh đã vươn lên trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng Bắc Bộ và khu vực phía Bắc.

Trong thời kỳ phát triển mới, tuy có nhiều thuận lợi, thời cơ lớn, nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức, một số cán bộ, đảng viên có sai phạm, bị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của tỉnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, nhất là quản lý tài nguyên, khoáng sản, đầu tư công, bảo vệ di sản, di tích... có mặt còn hạn chế; tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật còn diễn biến phức tạp. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động, việc làm của một số doanh nghiệp còn khó khăn..., nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiếp tục đặt mục tiêu xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. ❖

## **XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG - TỪ THỰC TIỄN Ở TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY**

**CAO THU HẰNG**

*PGS, TS, Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản*

1- Giá trị văn hóa được coi là những sản phẩm do con người sáng tạo ra trong quá trình hình thành và phát triển, nhằm đáp ứng nhu cầu và lợi ích của con người trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Theo nghĩa đó, nói đến giá trị văn hóa là nói đến yếu tố tích cực, có ý nghĩa đối với con người, với cộng đồng và xã hội.

Với tư cách là những sản phẩm do con người sáng tạo ra, các sản phẩm văn hóa thuộc tư liệu sản xuất cũng như các sản phẩm tiêu dùng đều được coi là giá trị văn hóa, khi nó đáp ứng nhu cầu của con người và có ý nghĩa tích cực đối với sự tồn tại và phát triển của con người, của cộng đồng và xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Theo nghĩa đó, các giá trị văn hóa tồn tại, thể hiện bản chất qua các sản phẩm, như thiết chế văn hóa; nghệ thuật,... và qua con người với tư cách là người mang văn hóa, thể hiện qua lối sống, nhận thức...

Giá trị văn hóa được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Xét theo phương thức tồn tại, các giá trị văn hóa bao gồm giá trị văn hóa vật thể, giá trị văn hóa phi vật thể. Xét theo thời gian, giá trị văn hóa có thể xem xét từ góc độ giá trị văn hóa đương đại và giá trị văn hóa truyền thống. Xét theo lĩnh vực, giá trị văn hóa thể hiện trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội...

Các giá trị văn hóa có vai trò quan trọng trong phát triển nhanh và bền vững ở mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi cộng đồng, vùng, miền. Đó là nguồn lực cho sự phát triển kinh tế. Bất cứ sự phát triển kinh tế nào cũng cần nhiều yếu tố. Các giá trị văn hóa được vật thể hóa trong

các tư liệu sản xuất, vật phẩm tiêu dùng, như các công trình xây dựng, nhà xưởng, danh lam thắng cảnh... là nguồn tài sản vật chất to lớn, nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt, con người với các kỹ năng, kỹ xảo, phẩm chất đạo đức... là nguồn lực quan trọng cho phát triển. Các giá trị văn hóa cũng góp phần quan trọng trong xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Nó cung cấp tri thức, điều chỉnh hành vi con người cho phù hợp với những quy tắc, chuẩn mực của xã hội.

Bên cạnh đó, các giá trị văn hóa tạo sức mạnh nội sinh, nền tảng tinh thần cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Trong các quan niệm cũ, phát triển chỉ đơn thuần được hiểu là sự tăng trưởng kinh tế. Điều này chưa hẳn đúng. Bởi một quốc gia có thể có GDP hàng năm tăng cao, nhưng sự tăng trưởng đó chưa hẳn đã phục vụ cho phát triển con người, bảo đảm những yếu tố cần thiết cho những thế hệ sau phát triển. Chẳng hạn, có thể thấy, không chỉ riêng ở các nước đang phát triển, ở các nước phát triển, chúng ta cũng thấy một hiện tượng là, đời sống kinh tế cao, khoa học - kỹ thuật phát triển, các công nghệ mới ra đời phục vụ con người một cách kỹ lưỡng, nhưng điều đó cũng không thể khẳng định rằng các nước đó là “phát triển” khi chúng ta thường chứng kiến những tệ nạn xã hội, các nạn khủng bố, sự xuống cấp về mặt đạo đức, môi trường sống bị ô nhiễm... Mặt khác, khi nói tới sự phát triển kinh tế, người ta đặt câu hỏi: cái gì đã làm cho kinh tế phát triển? Rõ ràng là, ngoài các yếu tố như vốn, tài nguyên thiên nhiên, thì những yếu tố giáo dục và đào tạo, các hoạt động nghiên cứu khoa học, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, truyền thống, lối sống của mỗi dân tộc... đã quyết định sự phát triển kinh tế, nếu những nhân tố này kém phát triển, chúng sẽ tác động ngay đến kinh tế. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của giá trị văn hóa trong sự tăng trưởng kinh tế nói riêng, phát triển xã hội nói chung, vì vậy, trong những năm gần đây, người ta hay nói tới động lực phi kinh tế của sự phát triển. Sự phát triển thành công của một số nước trên thế giới, như Nhật Bản, cho thấy giá trị văn hóa có vai trò quan trọng trong phát triển đất nước.

Như vậy, trong quá trình xây dựng và phát triển, mỗi quốc gia, dân tộc, bên cạnh sự trợ giúp bên ngoài, cần phải dựa vào nội lực của mình; hơn nữa, quá trình phát triển của mỗi quốc gia không chỉ phải giải quyết những vấn đề kinh tế, mà bên cạnh đó, còn phải giải quyết nhiều vấn đề hết sức nóng bỏng của xã hội, như đạo đức, công bằng xã hội, dân chủ, y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội,.. Một đất nước có được coi là phát triển không, khi có sự gia tăng về tình trạng người vô gia cư, trẻ em bị ngược đãi, người già sống cô đơn; mọi người luôn sống trong nỗi lo về an toàn vệ sinh thực phẩm, về an ninh, trật tự... Để giải quyết thực

trạng đó, chúng ta chỉ có thể tìm thấy trong giá trị văn hóa. Chính ở đây, dư luận xã hội, đạo đức, phong tục, tập quán... là những phương thức điều chỉnh hữu hiệu nhất.

Ở nước ta hiện nay, các giá trị văn hóa tác động lên đời sống con người Việt Nam tinh thần đấu tranh chống cái xấu, cái ác, xây dựng lối sống hướng thiện, theo cái đẹp, cái đúng. Nếu coi giá trị văn hóa là hiện thân của sự tốt đẹp, tích cực, có thể thấy, các giá trị văn hóa đã tạo ra những điều tốt đẹp, nhân bản trong con người Việt Nam hôm nay. Giá trị văn hóa là thứ nối kết con người kinh tế với nhau. Nếu không có sự tác động tích cực của giá trị văn hóa, các hoạt động kinh tế, sự cạnh tranh trong kinh tế rất dễ tạo ra những hành vi phi nhân bản, như lừa đảo, vi phạm pháp luật, làm ăn gian dối. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, khả năng tạo lập những nhân tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực chính là các giá trị văn hóa. Thực tế, trong những năm qua, các giá trị văn hóa đã là nhân tố quan trọng, là động lực, sức mạnh nội sinh cho sự phát triển ở Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: Nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn... Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực... Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hóa, lối sống con người được chú trọng<sup>(1)</sup>.

2- Là một tỉnh miền núi duyên hải, địa đầu phía đông bắc của đất nước, tỉnh Quảng Ninh có cả vùng trung du và đồng bằng ven biển, cả vùng ven biển và hải đảo với 22 thành phần dân tộc, song chỉ có 6 dân tộc có hàng nghìn người trở lên, cư trú thành những cộng đồng và có ngôn ngữ, có bản sắc dân tộc rõ nét. Đó là các dân tộc Việt (Kinh), Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chỉ, Hoa. Trong các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, người Việt (Kinh) chiếm 89,23% tổng số dân. Người Dao (4,45%) có hai nhánh chính là Thanh Y, Thanh Phán. Người Hoa (0,43%), người Sán Dìu (1,80%), Sán chỉ (1,11%)<sup>(2)</sup>. Vị trí địa lý, địa hình cũng như sự đa dạng của các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh đã tạo nên sự đa dạng trong thống nhất các giá trị văn hóa của tỉnh nói riêng, của Việt Nam nói chung

Về văn hóa vật thể: cho đến nay, tỉnh Quảng Ninh có hơn 600 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, và rất nhiều địa điểm biểu hiện cho những giá trị văn hóa đặc sắc của đất nước cũng như của tỉnh, như bảo tàng, thư viện Quảng Ninh; Di tích Thương cảng Vân Đồn (huyện Vân Đồn); Cụm di tích và danh thắng Núi Bài Thơ (trung tâm TP Hạ Long);

(1) Xem: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 64 - 65

(2) Xem: Giới thiệu chung về tỉnh Quảng Ninh, *Báo Quảng Ninh điện tử*, ngày 25-10-2018, <https://thuvientientu.baoquangninh.vn/gioi-thieu-chung-ve-tinh-quang-ninh-2284365.html>

Đền Cửa Ông (phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả); Miếu Tiên Công (xã Cẩm La, thị xã Quảng Yên); Khu di tích nhà Trần ở Đông Triều (xã An Sinh, huyện Đông Triều); Chùa cổ Hồ Thiên (nằm trong Khu di tích nhà Trần ở Đông Triều); Di tích danh thắng Yên Tử (núi Yên Tử, thành phố Uông Bí); Cụm di tích chiến thắng Bạch Đằng (xã Yên Giang, huyện Yên Hưng); Khu du lịch Trà Cổ (thành phố Móng Cái); Vịnh Hạ Long (di sản thiên nhiên thế giới... Về văn hóa phi vật thể: tỉnh có hơn 350 di sản văn hóa phi thể, các lễ hội (như Lễ hội Yên Tử; Hội Đình Trà Cổ; Lễ hội Hoa Anh Đào Hạ Long; Lễ hội Bạch Đằng; Hội đền Cửa Ông; Lễ hội đền Bà Men...); phong tục tập quán, các giá trị văn hóa truyền thống, như tinh thần yêu nước, đoàn kết, thương người; các giá trị văn hóa hiện thời, như năng động, sáng tạo, kỷ luật, đồng tâm... Tất cả văn hóa vật thể và phi vật thể đã hình thành nên giá trị văn hóa đặc sắc, nguồn lực to lớn, đóng góp cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

Nhận thức được vai trò to lớn của việc xây dựng và phát huy giá trị văn hóa trong tạo động lực phát triển nhanh và bền vững cho tỉnh, trong thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân cùng các tổ chức, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh đã nỗ lực hiện thực hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng, phát huy giá trị văn hóa. Đó là việc ban hành các nghị quyết, kế hoạch chương trình hành động, như Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”; Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 31-10-2019, triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 250/KH-UBND, ngày 24-12-2021, thực hiện Chương trình “tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”; Kế hoạch số 35/KH-UBND, ngày 8-2-2021, về thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động số 01-CT/TU ngày 9-10-2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch số 195/KH-UBND, ngày 15-10-2021 triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP, ngày 30-8-2021 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 19-8-2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng,... Nhờ đó, cho đến nay, việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp được coi trọng; các hủ tục lạc hậu từng bước được loại bỏ; các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng được bảo tồn và phát huy giá trị; một số thôn, làng, bản trở thành “bảo tàng sống” nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống đặc sắc trong tỉnh và trở thành sản phẩm du lịch; các khu dân cư có và thực hiện tốt hương ước, quy ước nếp sống văn minh

phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tuân thủ quy định của pháp luật. Công tác giáo dục lịch sử - văn hóa được chú trọng; công tác bảo tồn lễ hội, đặc biệt là lễ hội của đồng bào các dân tộc được chú trọng; một số lễ hội truyền thống được phục dựng thành công. Công tác xây dựng môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên các giá trị văn hóa của tỉnh đạt được những kết quả nhất định. Qua đó, góp phần phát triển con người Quảng Ninh kỷ luật, đồng tâm, phóng khoáng, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững ở tỉnh.

**3.** Bên cạnh những thành công, việc xây dựng, phát huy giá trị văn hóa ở tỉnh Quảng Ninh nhằm phát triển nhanh và bền vững còn có những hạn chế nhất định. Sản phẩm và dịch vụ văn hóa chưa đa dạng, còn tiềm ẩn những rủi ro, nhất là đối với một tỉnh vùng biên giới. Hệ thống thiết chế văn hóa, đặc biệt là ở khu công nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu văn hóa của các tầng lớp nhân dân, người lao động...

Trong thời gian tới, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, tỉnh Quảng Ninh cần chú trọng một số nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục nâng cao vai trò của cấp ủy, chính quyền các cấp và các chủ thể khác trong xây dựng và phát huy vai trò của các giá trị văn hóa đối với sự phát triển nhanh và bền vững.

Các cấp ủy, chính quyền các cấp cần đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về văn hóa. Đặc biệt, trên cơ sở hệ giá trị văn hóa quốc gia, chuẩn mực con người Việt Nam, cụ thể hóa cho phù hợp với địa phương. Các cấp ủy, chính quyền cần định hướng phát triển các chủ thể có vai trò trong xây dựng và phát huy các giá trị văn hóa ở tỉnh, như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, gia đình, nhà trường, các tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp,... Tạo điều kiện và có những cơ chế, chính sách để các tổ chức này hoạt động có hiệu quả, phát huy cao nhất vai trò của mình. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các thuần phong mỹ tục, các giá trị văn hóa của dân tộc, tạo môi trường giáo dục lành mạnh. Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế chính sách và các giải pháp đẩy mạnh việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống. Chú ý

tạo điều kiện cho việc nghiên cứu, giới thiệu các giá trị văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống, thông qua các hoạt động văn hóa, lễ hội, các ngày lễ kỷ niệm; qua đó, tạo điều kiện cho người dân nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị văn hóa. Đầu tư thích đáng cho việc xây dựng các thiết chế văn hóa, các nhà văn hóa, thư viện (đặc biệt là trong các khu công nghiệp), đội ngũ cán bộ làm công tác trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa - tư tưởng, như các nhà giáo, nhà nghiên cứu, các văn nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Đẩy nhanh việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao khả năng tiếp cận văn hóa cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác quản lý thông tin trên mạng xã hội, đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch chuẩn trên các phương tiện truyền thông.

Gia đình và nhà trường có vai trò quan trọng trong xây dựng và phát huy giá trị văn hóa. Theo đó, cần nâng cao kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, xây dựng mẫu hình gia đình văn minh, tiến bộ, con cháu thảo hiền. Trong nhà trường, tiếp tục chú trọng, cải tiến phương pháp giảng dạy, nhất là các môn học khoa học xã hội và nhân văn; có sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, kích thích tính tích cực của học sinh thông qua các buổi thảo luận, các trò chơi trên lớp; trong thi cử, cần có cách kiểm tra, ra đề thi tạo sự suy luận riêng của mỗi học sinh về những sự kiện lịch sử, xã hội...; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; xử lý nghiêm minh những hành vi không đúng chuẩn trong mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh.

Các phương tiện truyền thông cần nắm rõ một cách đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các vấn đề văn hóa; từ đó, tuyên truyền, thông tin một cách chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách đó đến với toàn xã hội. Thông tin, giới thiệu, công bố việc nghiên cứu các giá trị văn hóa cần xây dựng, phát huy, đặc biệt là giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, như các lễ hội, các danh nhân văn hóa, các di tích lịch sử,... Cần làm một cách thường xuyên, tránh tình trạng chỉ làm theo phong trào vào các dịp lễ, các ngày kỷ niệm. Rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ biên tập, phóng viên,... có sự hiểu biết sâu sắc về các giá trị văn hóa nói chung, nét đặc sắc văn hóa của tỉnh nói riêng. Bên cạnh đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, họ cần phải được rèn đức.

Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, các hộ sản xuất, kinh doanh xây dựng, hình thành nên văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, tạo nên bản sắc “Quảng Ninh” khi tiếp xúc, giao lưu với các đối tác, du khách đi đến Quảng Ninh.

Các tổ chức hội nghề nghiệp, như Hội Nhiếp ảnh, Hội văn nghệ dân gian cần thông tin tới nhân dân các buổi sinh hoạt định kỳ, thông báo rộng rãi những kết quả nghiên cứu của

mình về các sự kiện lịch sử, các danh nhân văn hóa, các giá trị văn hóa được lưu truyền trong nhân dân... Từ đó, giúp người dân hiểu biết sâu sắc hơn các giá trị văn hóa của địa phương, khuyến khích họ tham gia tìm hiểu và tham gia vào các sinh hoạt của hội.

Trong xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, việc tạo ra những dư luận xã hội mang tính tích cực trong việc bảo vệ những giá trị văn hóa tốt đẹp của xã hội, địa phương là việc làm cần được khuyến khích. Khuyến khích các xu hướng văn hóa lành mạnh, đấu tranh với những xu hướng bất thường.

*Thứ hai*, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên lợi thế địa phương.

Có thể thấy, các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể ở tỉnh Quảng Ninh đều có thể trở thành nguyên liệu cho các ngành công nghiệp văn hóa, đặc biệt là các ngành thủ công mỹ nghệ, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh, du lịch văn hóa... Trên cơ sở tận dụng lợi thế so sánh của địa phương, cần khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới<sup>(1)</sup>. Theo đó, tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa, tâm linh, tạo các tour, các tuyến du lịch. Phát triển các sản phẩm OCOP gắn liền với các giá trị văn hóa, văn hóa địa phương, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tài nguyên văn hóa bản địa. Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa đa dạng, đa tầng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tầng lớp nhân dân các dân tộc, các khu vực vùng thành thị và nông thôn, vùng miền núi và ven biển. Không ngừng cung cấp những sản phẩm và dịch vụ văn hóa có chất lượng cao, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại kỹ thuật số. Thu hẹp khoảng cách dịch vụ văn hóa giữa các vùng, miền, khu vực trong tỉnh. Chú ý giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa sản phẩm văn hóa bậc cao với sản phẩm văn hóa đại chúng, giữa tinh hoa với phổ biến...

*Thứ ba*, bảo đảm năng lực sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Bảo đảm sự sáng tạo của người dân có nghĩa là người dân quyền được bày tỏ, thể hiện những sáng tạo mang dấu ấn, tính cách riêng của mình. Sự sáng tạo của người dân cần được tôn trọng, bởi sự sáng tạo của mỗi cá nhân khi được coi trọng thì tính đa dạng, sự phong phú của các giá trị văn hóa, của đời sống con người được tăng lên.

(1) Xem: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 143



Là một tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, có thể thấy, tỉnh Quảng Ninh có một nguồn lực sáng tạo rất phong phú từ quần chúng nhân dân. Nhân dân chính là tác giả của các câu ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích, truyền thuyết... Họ sáng tạo các hoạt động văn hóa cho chính mình và bản thân họ cũng là người hưởng thụ văn hóa ấy. Việc hưởng thụ văn hóa bao gồm hưởng thụ các tác phẩm nghệ thuật, các giá trị văn hóa vật chất hay tinh thần. Quá trình này sẽ góp phần xây dựng, phát triển và hoàn thiện những phẩm chất cao đẹp trong mỗi người, qua đó, tạo cho con người khả năng tái tạo sức lao động trong quá trình hoạt động sinh sống. Khi con người được hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa sẽ tạo ra sự phát triển hài hòa giữa thể chất và tâm hồn, giữa lý trí và tình cảm, hoàn thiện nhân cách.

Để thực hiện được điều này, cần phải xây dựng được một hệ thống các thiết chế văn hóa, đặc biệt là thiết chế văn hóa ở các khu công nghiệp, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người; xây dựng tốt đời sống văn hóa ở cơ sở; kế thừa và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là với quốc gia có chung đường biên giới. Kết hợp một cách hữu cơ giữa bảo vệ và kế thừa, giữa phát triển và sử dụng. Chú ý đến tính đại chúng nhưng không được dung tục, sáo rỗng; giữa cái mới nhưng không phải là lối bịch; giữa cái có lợi nhưng không phải là làm nô lệ cho thị trường. ❖

## VỊ THẾ, VAI TRÒ PHỤ NỮ QUẢNG NINH TRONG THỜI KỲ MỚI

TRẦN THỊ THANH MAI

*TS, Phó Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật  
Học viện Chính trị khu vực I*

Lịch sử Quảng Ninh đã ghi nhận những hình ảnh phụ nữ tiên phong, từ công cuộc bảo vệ quê hương, đến phát triển kinh tế, bảo tồn gìn giữ bản sắc dân tộc, giữ gìn mái ấm gia đình, và ngày nay là đóng góp vào quá trình tham mưu, hoạch định, thực thi các chính sách phát triển cho tỉnh.

Ngay từ buổi đầu dựng nước của hai Bà Trưng, vùng đất Quảng Ninh đã có những tấm gương phụ nữ sáng ngời làm rạng danh - đó là nữ tướng Lê Chân quê ở Đông Triều. Trong những năm Quảng Ninh bị thực dân Pháp xâm chiếm, khai thác mỏ than, phụ nữ Quảng Ninh chưa bao giờ thiếu vắng trong các phong trào đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bãi công, tham gia kháng chiến, kiến quốc. Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ và bảo vệ biên giới phía Bắc, phụ nữ Quảng Ninh vừa lao động sản xuất, vừa dũng cảm cầm súng chiến đấu, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến. Nhiều gương phụ nữ đã anh dũng hy sinh, hiến dâng tuổi trẻ, máu xương cho Tổ quốc. Ngày nay, Quảng Ninh đã và đang trên đường đổi mới, phát triển, trở thành một trong các trọng điểm kinh tế, nằm trong top tỉnh dẫn đầu cả nước về thu ngân sách nhà nước. Quảng Ninh được coi là tỉnh tiên phong trong nhiều lĩnh vực như cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng nông thôn mới, phát triển dịch vụ du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông... Kết quả ấy có đóng góp quan trọng của các thế hệ phụ nữ trong tỉnh.

Vượt qua rào cản, định kiến giới, với khoảng 49,3% dân số toàn tỉnh, 47,5% lực lượng lao động, phụ nữ Quảng Ninh đã tham gia trên tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và ngày càng khẳng định vai trò.

## **VAI TRÒ, VỊ THẾ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUÁ TRÌNH THAM MUỘ, XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

Tỉnh đã và đang dành nhiều sự quan tâm trong thực hiện các mục tiêu vì bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Với nhiều chính sách hỗ trợ hiệu quả, cùng với sự nỗ lực, vươn lên không ngừng, phụ nữ Quảng Ninh ngày càng khẳng định là một trong những nhân tố điển hình, tích cực tham gia nhiều hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội; tạo đà cho phụ nữ trong quá trình hội nhập và phát triển.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh luôn quan tâm, đề cao công tác cán bộ nói chung và công tác cán bộ nữ nói riêng. Những chiến lược, chương trình của tỉnh về thực hiện bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được triển khai phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Nhờ đó đội ngũ cán bộ nữ ngày càng trưởng thành, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác cán bộ nữ là nội dung quan trọng trong chiến lược cán bộ của Đảng. Điều đó đã được thể hiện rất rõ trong các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng như: Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá X) về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước”, Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá XI) cũng đặt vấn đề “Xây dựng đội ngũ cán bộ nữ thành nhiệm vụ chiến lược trong toàn bộ công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước”, Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ giai đoạn 2011 - 2020...

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, trong nhiều năm qua, tỉnh Quảng Ninh luôn quan tâm đến công tác cán bộ nữ. Tỉnh đã ban hành các văn bản, chỉ đạo công tác cán bộ nữ gắn liền với mục tiêu bình đẳng giới cho phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển tham gia quản lý nhà nước và lãnh đạo quản lý các địa phương, đơn vị các cấp, các ngành có điều kiện cống hiến, trưởng thành. Tỉnh luôn ưu tiên đầu tư và dành nhiều nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và trợ cấp cho cán bộ nữ. Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ chủ chốt ở các cấp, ngành được các cấp ủy đặc biệt quan tâm, coi trọng, vì thế cán bộ nữ dự nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp luôn đạt tỷ lệ cao: Giai đoạn 2010 - 2015 đạt gần 17%; giai đoạn 2015 - 2020 đạt gần 30%. Công tác luân chuyển, điều động cán bộ đã góp phần đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ trong quy hoạch ở các cấp, tạo điều kiện để cán bộ rèn luyện và trưởng thành, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ có triển vọng

Ở Quảng Ninh, phụ nữ giữ vị trí lãnh đạo tại các cơ quan của tỉnh chiếm tỷ lệ khá cao. Tại các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tỷ lệ nữ có học hàm tiến sĩ, chuyên khoa ngày càng cao và giữ các chức vụ quan trọng. Quảng

Ninh có tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, đại biểu HĐND khá cao. Trong đó, nữ cấp ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020 ở cấp cơ sở chiếm 25,2%, cấp huyện chiếm 19,08%, cấp tỉnh chiếm 17%; nhiệm kỳ 2020 - 2025, nữ cấp ủy cấp cơ sở chiếm 29,3%, cấp huyện chiếm 22%, cấp tỉnh là 17%. Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 ở cấp cơ sở chiếm 33,43%, cấp huyện chiếm 31,33%, cấp tỉnh chiếm 36%; nhiệm kỳ 2021 - 2026, cấp cơ sở là 36%, cấp huyện là 34%, cấp tỉnh là 40,9%... Các chỉ số khác như trình độ đại học, trên đại học, trình độ lý luận chính trị, tuổi dưới 40, cấp ủy viên nữ là người dân tộc thiểu số... đều tăng so với nhiệm kỳ 2015 - 2020. Giai đoạn 2016-2020, nữ tham gia lãnh đạo quản lý tại các cơ quan thuộc UBND tỉnh chiếm 15,65%; nữ lãnh đạo UBND cấp huyện chiếm 8,7%; nữ lãnh đạo cấp phòng của sở, ngành, huyện chiếm 28,32%; nữ lãnh đạo UBND cấp xã chiếm 16,32%. Năm 2020, có 8/12 cơ quan của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ, chiếm 66,66%; 100% cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Tiếp nối truyền thống, trong xu thế hội nhập và phát triển của đất nước, phụ nữ Quảng Ninh tiếp tục vượt qua mọi thử thách, vươn lên đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng của mình trên nhiều lĩnh vực, như: Quản lý nhà nước, giảm nghèo, xây dựng gia đình no ấm hạnh phúc, phòng chống tệ nạn xã hội, đối ngoại... Ngày càng có nhiều chị em trở thành chính trị gia, nhà khoa học nổi tiếng, nhà quản lý năng động, những lĩnh vực trước đây chỉ dành cho nam giới, nay phụ nữ cũng làm rất tốt.

Phụ nữ Quảng Ninh ngày càng khẳng định vai trò, vị thế, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh. Thực tế ấy đã chứng minh và đây cũng là sự kế thừa truyền thống lịch sử của phụ nữ Vùng mỏ anh hùng. Thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phụ nữ Quảng Ninh tiếp tục phát huy vai trò, vị trí của mình trong gia đình và xã hội; không ngừng học hỏi, bồi dưỡng trí tuệ, tích lũy tri thức; nỗ lực phấn đấu học tập, lao động, sản xuất, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh, của đất nước.

### **VAI TRÒ, VỊ THẾ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

Tỉnh đã và đang dành nhiều sự quan tâm trong thực hiện các mục tiêu vì bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Với nhiều chính sách hỗ trợ hiệu quả, cùng với sự nỗ lực, vươn lên không ngừng, phụ nữ Quảng Ninh ngày càng khẳng định là một trong những nhân tố điển hình, tích cực tham gia nhiều hoạt động kinh tế.

Năm nay, kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam, 34 nữ doanh nhân, nữ chủ hộ kinh doanh tiêu biểu của tỉnh có thành tích xuất sắc trong thi đua phát triển kinh tế và phong trào phụ nữ giai đoạn 2016 - 2020 được tôn vinh.

Thời gian qua, Quảng Ninh đã dành nhiều sự quan tâm trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Với nhiều chính sách hỗ trợ hiệu quả, cùng sự nỗ lực, vươn lên không ngừng, phụ nữ Quảng Ninh ngày càng khẳng định là một trong những nhân tố điển hình, tích cực tham gia vào nhiều hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội; tạo đà cho phụ nữ trong quá trình hội nhập và phát triển. Phụ nữ Quảng Ninh ngày càng tham gia nhiều hơn vào công tác xã hội, chiếm tỷ lệ cao trong lực lượng lao động. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nhân nữ phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Với chủ trương sản xuất nông nghiệp của tỉnh theo hướng phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao, sản xuất tập trung, quy mô lớn, sản xuất sản phẩm OCOP, nhiều phụ nữ đã nhanh chóng tiếp cận và làm chủ quy trình sản xuất công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi giá trị, hàng hóa mang đặc trưng vùng miền đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, đưa hàng chế biến nông, lâm, thủy sản ra thị trường trong nước và quốc tế. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng mô hình, ngành nghề, nâng cao giá trị sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao, góp phần tích cực trong xây dựng nông thôn mới. Thông qua các phong trào “Phụ nữ làm kinh tế giỏi”, “Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ”, các cấp hội phụ nữ tỉnh đã tập trung nguồn lực hỗ trợ phụ nữ nghèo phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững; vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế theo hướng hình thành chuỗi sản phẩm gắn với chương trình OCOP. Đồng thời, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, xây dựng, hiện thực hóa ý tưởng, vốn khởi sự kinh doanh; tuyên truyền vận động chị em tham gia các lớp tập huấn về đào tạo kỹ năng quản trị doanh nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp...

Năm 2023, Hội Nữ doanh nhân tỉnh đã được thành lập, cho thấy sự phát triển, lớn mạnh của đội ngũ doanh nhân nữ trong tỉnh. Nhiệm kỳ 2023 - 2026, Hội Nữ doanh nhân tỉnh phấn đấu 100% hội viên được tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và tỉnh; tổ chức ít nhất 3 - 4 hoạt động nâng cao năng lực phát triển sản xuất cho nữ doanh nhân, nữ chủ hộ kinh doanh của tỉnh hằng năm; tỷ lệ thu hút hội viên đạt từ 20%/năm trở lên; tổ chức ít nhất 2 hoạt động từ thiện, nhân đạo, vì cộng đồng mỗi năm.

### **VAI TRÒ, VỊ THẾ CỦA PHỤ NỮ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI, GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

Thời gian qua, Quảng Ninh đã dành nhiều sự quan tâm trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Với nhiều chính sách hỗ trợ hiệu quả, cùng sự nỗ lực, vươn lên không ngừng, phụ nữ Quảng Ninh ngày càng khẳng định là một trong những nhân tố điển hình, tích cực tham gia vào nhiều hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội; tạo đà cho phụ nữ trong quá trình hội nhập và phát triển. Phụ nữ Quảng Ninh ngày càng tham gia nhiều hơn vào công tác xã hội, chiếm tỷ lệ cao trong lực lượng lao động.

Phát huy truyền thống yêu nước của phụ nữ Vùng mỏ, các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh đã tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; cuộc vận động “Phụ nữ Quảng Ninh chung tay bảo vệ môi trường và thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm” gắn với các phong trào thi đua yêu nước. Chiếm khoảng 49,3% dân số toàn tỉnh, 47,5% lực lượng lao động, phụ nữ Quảng Ninh đã tham gia và ngày càng khẳng định vai trò trên tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Hội LHPN TP Cẩm Phả phát động triển khai cuộc vận động “Tuyến đường, khu phố không rác, góp phần xây dựng thành phố xanh - sạch - đẹp - văn minh”.

Các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, việc làm có liên quan trực tiếp đến phụ nữ được tích cực triển khai. Qua đó, đã giúp tạo thêm việc làm cho 92.734 lao động (đạt 100,6% kế hoạch); tỷ lệ lao động nữ được tạo việc làm hằng năm đạt từ 48,66-52%, tăng 6,55% so với giai đoạn trước. Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ nghèo vay vốn ưu đãi được quan tâm triển khai. Tỉnh đã hỗ trợ trên 32.000 lượt hộ phụ nữ nghèo vay vốn ưu đãi; trong đó hộ phụ nữ nghèo ở nông thôn là trên 19.000 lượt, hộ phụ nữ nghèo thuộc vùng dân tộc, miền núi gần 13.000 lượt.

### **VAI TRÒ, VỊ THẾ CỦA PHỤ NỮ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA**

Quảng Ninh là tỉnh có nhiều di sản, di tích văn hóa, việc chung tay tham gia các hoạt động bảo tồn, gìn giữ, phashuy, phát triển giá trị các di sản có ý nghĩa thực tiễn lớn. Những năm qua, các cấp Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh luôn tích cực tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên và nhân dân về những giá trị của văn hóa truyền thống; phát hiện và nhân rộng các mô hình, CLB của phụ nữ về bảo tồn các di sản văn hóa, từ đó góp phần quan trọng vào công tác bảo tồn, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh. Ngay trong đồng bào các dân tộc thiểu số, việc tạo điều kiện cho phụ nữ gìn giữ các giá trị truyền thống thông qua sản xuất ra các sản phẩm truyền thống được coi là nhiệm vụ chủ yếu, quan trọng trong mục tiêu bảo tồn các giá trị truyền thống địa phương. Khá quen thuộc khi chúng ta nhìn thấy những phụ nữ Dao Thanh Y xã Vô Ngại (huyện Bình Liêu) thêu trang phục truyền thống, các phụ nữ dù đã đứng tuổi vẫn tham gia các hoạt động văn hóa địa phương. Xã Quảng Lâm (huyện Đầm Hà) có trên 98% là đồng bào DTTS sinh sống, đã thành lập và ra mắt các mô hình, câu lạc bộ giữ gìn bản sắc nghề thêu dân tộc Dao tại thôn Tài Lý Sáy và thôn Lý Khoái, qua đó tập hợp, thu hút những người yêu thích và có tâm huyết tham gia truyền dạy kỹ năng về thêu trang phục dân tộc. Câu lạc bộ Giữ gìn bản sắc nghề thêu dân tộc Dao ở bản Tài Lý Sáy hiện có 20 thành viên. Tại đây, các bà, các mẹ, các chị người Dao luôn say sưa truyền dạy từng đường kim mũi

chỉ, họa tiết trên bộ trang phục và truyền lửa đam mê cho lớp trẻ để giữ nghề thêu truyền thống của dân tộc mình. Học sinh trên địa bàn xã Quảng Lâm (huyện Đàm Hà) còn sớm được học kỹ thuật thêu hoa văn trên trang phục truyền thống. Hội LHPN huyện Bình Liêu là đơn vị tích cực tham gia các hoạt động khôi phục các lễ hội đặc sắc, như lễ hội đình Lục Nà của dân tộc Tày, hội Soóng cọ của dân tộc Sán Chay, hội kiêng gió của dân tộc Dao...; bảo tồn tiếng nói, chữ viết, trang phục dân tộc. Đặc biệt, từ khi nghi lễ hát then, đàn tính của người Tày được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đã tiếp thêm động lực cho phụ nữ của huyện tham gia công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Huyện Bình Liêu hiện đã xây dựng được 7 câu lạc bộ văn nghệ cấp xã và 8 câu lạc bộ cấp thôn, khu, đây là những đội tuyên truyền lưu động thường xuyên biểu diễn hát then, đàn tính tại các thôn, bản, với lực lượng chính là hội viên phụ nữ và học sinh. Phong trào gìn giữ, bảo tồn, phát huy các nét đẹp của văn hóa truyền thống trong toàn tỉnh được lồng ghép vào các phong trào, cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”... gắn với thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu. Cùng với đó là nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trong gia đình, cộng đồng ở các lĩnh vực: Nghề truyền thống, ẩm thực dân gian, văn hóa, văn nghệ... thu hút đông đảo hội viên phụ nữ tham gia.

### **VAI TRÒ PHỤ NỮ TRONG XÂY DỰNG GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC**

Đổi mới, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua, các cấp hội đã không ngừng nỗ lực để mọi phong trào đi vào chiều sâu, thực chất. Điển hình đó là phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” đang ngày càng được khẳng định rõ nét, trở thành thương hiệu, riêng có của tổ chức. Sự linh hoạt trong việc huy động nguồn lực của các cấp hội để hỗ trợ thực hiện tiêu chí “5 không, 3 sạch” theo hướng tạo động lực giúp các hộ gia đình nỗ lực đảm bảo tính bền vững trong kết quả của hoạt động phong trào. Phương châm “Lời nói phải đi đôi với việc làm” đã được cán bộ, hội viên phụ nữ quán triệt, triển khai. Nhiều việc làm cụ thể, có ý nghĩa thiết thực được triển khai, như chương trình, hoạt động có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng như: “Mẹ đỡ đầu - kết nối yêu thương”, “Biến rác thải thành tiền”; hỗ trợ xây “Mái ấm tình thương”, “Đông hành cùng phụ nữ biên cương”... đều hướng về phụ nữ và trẻ em nghèo trên toàn tỉnh.

Hòa chung không khí phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh (30-10-1963 - 30-10-2023), ngay từ cuối năm 2022, Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) tỉnh Quảng Ninh đã phát động đợt thi đua đặc biệt trong cán bộ, hội viên phụ nữ

với chủ đề “Khát vọng xây dựng một Quảng Ninh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại”. Mỗi công trình, phần việc ý nghĩa đều được thực hiện sôi nổi, mang lại hiệu quả cao, góp phần tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, hội viên và nhân dân hiểu rõ hơn về giá trị lịch sử, văn hóa, con người Quảng Ninh. Một trong những điểm nổi bật là 100% cơ sở hội đã tham gia và đăng ký các công trình, tuyến đường xanh, sạch, đẹp do hội viên phụ nữ đảm nhận. Nhiều tuyến đường trên các địa phương đã được chỉnh trang, trồng hoa, cây cảnh, đảm bảo mỹ quan, chất lượng. Công trình “Cô Tô xanh” trở thành điểm nhấn trong phong trào. Công trình được thực hiện từ 3.000 chiếc chai nhựa đã qua sử dụng. Với ý tưởng tận dụng những chai nhựa đã sử dụng, tái chế thành công trình xanh, mang thông điệp giảm thiểu rác thải nhựa để bảo vệ môi trường. Công trình được bố trí ngay tại khu vực Cảng tàu Cô Tô đã trở thành điểm nhấn, địa điểm thu hút du khách chụp ảnh khi tới Cô Tô, góp phần quảng bá hình ảnh cho du lịch của huyện đảo.

Phụ nữ toàn huyện cũng tích cực tham gia các công trình theo tiêu chí thiết thực, phù hợp. Làm đẹp, “xanh hóa” các tuyến đường, phụ nữ Cô Tô đã chung tay dọn dẹp, vệ sinh tuyến đường dài 500m qua thôn Hải Tiến (xã Đồng Tiến), chăm sóc, cắt tỉa tuyến đường dài 450m ở khu 3B, thị trấn Cô Tô...

Hướng đến chào mừng 60 năm Ngày thành lập tỉnh (30-10-1963 - 30-10-2023), Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng nội dung hoạt động với 3 công trình. Công trình 1 đặt mục tiêu đăng ký 60 tuyến đường do phụ nữ đảm nhận xanh, sạch, đẹp, đồng loạt gắn biển chào mừng 60 năm thành lập tỉnh; Công trình 2 phần đầu nhận đỡ đầu 60 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh thông qua chương trình “Mẹ đỡ đầu”; Công trình 3, phần đầu có 60 hộ gia đình hội viên, phụ nữ nghèo, cận nghèo được hội phụ nữ giúp thoát nghèo. Hưởng ứng chương trình nói trên, các cơ sở Hội trong toàn tỉnh đã tham gia và đăng ký các công trình, phần việc. Trong đó, thiết thực, gần gũi với cuộc sống là hoạt động chung tay dọn vệ sinh, chỉnh trang các tuyến đường sạch, đẹp. Tính chung trên địa bàn toàn tỉnh, đến giữa tháng 10-2023, các cấp Hội đã hoàn thành hơn 80 tuyến đường, vượt chỉ tiêu đề ra. Trong đó, có 5 địa phương hoàn thành vượt chỉ tiêu là các huyện: Đầm Hà, Tiên Yên và các thành phố: Hạ Long, Cẩm Phả, Móng Cái. Các nội dung nhận đỡ đầu trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ hộ gia đình hội viên, phụ nữ nghèo, cận nghèo đều đạt và vượt chỉ tiêu đã xác định. Các cấp hội phụ nữ trong tỉnh đã chú trọng tập trung nguồn lực hỗ trợ phụ nữ, trẻ em khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo phát triển kinh tế gia đình, chủ động giảm nghèo bền vững. Hội LHPN các địa phương đã phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện rà soát các hộ nghèo, hộ cận nghèo để lên phương án giúp đỡ các hộ thoát nghèo. Đồng thời, thường xuyên duy trì hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển



kinh tế thông qua các câu lạc bộ phụ nữ làm kinh tế giỏi; vận động, hướng dẫn hộ gia đình hội viên đăng ký thực hiện mô hình kinh tế gắn với đặc trưng lợi thế của địa phương. Hiện, toàn tỉnh Quảng Ninh đã có 187 mô hình thuộc lĩnh vực phát triển kinh tế tại các khu vực tập trung đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

Với phương châm “Hướng về cơ sở”, “Đồng hành với phụ nữ và trẻ em”, Hội LHPN các cấp tập trung vận động, thu hút nguồn lực để hỗ trợ hoạt động Hội, chăm lo, bảo vệ phụ nữ, trẻ em, nhất là phụ nữ yếu thế, phụ nữ đặc thù và trẻ em vùng biên giới, biển đảo khó khăn. Hội LHPN tỉnh đã chủ trì tổ chức chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” tại 2 xã biên giới Quảng Đức và Quảng Sơn, huyện Hải Hà, tại đây, Hội đã trao hỗ trợ khánh thành 2 ngôi nhà an toàn (trị giá 35 triệu đồng/nhà); trao 2 mô hình kinh tế nuôi lợn nái (trị giá 20 triệu đồng) cho các gia đình hội viên phụ nữ đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo của xã Quảng Sơn. Ngoài ra, đoàn công tác đã tổ chức chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức tái chế dây đai gạch thành sản phẩm nhựa hữu ích; trao tặng 30 màn tuyn cho gia đình phụ nữ thực hiện mô hình “3 sạch”; tặng 5 góc học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, 55 bộ áo dài truyền thống cho BCH phụ nữ 2 xã, 1 mô hình kinh tế cho cán bộ chi hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và 35 thùng quà (gồm đồ dùng học tập, sách vở; quần áo, giày dép...) trị giá gần 60 triệu đồng. Cùng với các hoạt động hướng về cơ sở, các hoạt động gặp mặt, giao lưu cán bộ Hội tiêu biểu, nữ doanh nghiệp thuộc câu lạc bộ doanh nhân nữ của tỉnh và các địa phương cũng được thực hiện trong thời gian qua.

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI**

Để nâng cao chất lượng cán bộ nữ ngang tầm thời đại, với vai trò đại diện cho giới, Hội LHPN tỉnh đã triển khai thực hiện, tham mưu với tỉnh về công tác cán bộ nữ. Theo đó, Hội LHPN tỉnh đã tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội đủ năng lực, trình độ, kỹ năng công tác để giới thiệu cho Đảng xem xét, luân chuyển bố trí vào các vị trí phù hợp; xây dựng hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong tổ chức Hội; cụ thể hóa các chức danh đối với cán bộ Hội cấp tỉnh, huyện, cán bộ chủ chốt cấp xã để xác định các nội dung cần đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ theo từng vị trí. Đồng thời chỉ đạo các cấp Hội tiến hành thống kê, thực trạng trình độ chuyên môn của cán bộ Hội ngay từ đầu nhiệm kỳ, khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của cán bộ Hội. Cũng như quan tâm tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí và thực hiện đầy đủ mọi chính sách hỗ trợ cán bộ đi học theo đúng quy định của tỉnh. Mặt khác, xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án: “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội LHPN các cấp giai đoạn 2013 - 2017; xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ Hội

LHPN tỉnh cho giai đoạn 2015 - 2020. Trong đó, đề ra chỉ tiêu cụ thể: 45% cán bộ quản lý đương chức và cán bộ trong quy hoạch lãnh đạo có trình độ sau đại học; 70% cán bộ quản lý và quy hoạch chức danh quản lý các ban chuyên môn có trình độ lý luận chính trị hành chính từ trung cấp trở lên; 70% cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức và cán bộ quy hoạch lãnh đạo quản lý được tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên đề. Bên cạnh đó, hàng năm, Hội LHPN tỉnh đã mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội cho đội ngũ cán bộ Hội Phụ nữ cơ sở, Chi hội Phụ nữ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ nữ theo từng giai đoạn, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ nữ theo từng năm, đặc biệt quan tâm đến quy hoạch cán bộ nữ trẻ.

Hội LHPN tỉnh cũng đã chủ động tham mưu, đề xuất đưa nội dung giám sát Luật Bình đẳng giới vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh và đã được thực hiện có hiệu quả. Trên cơ sở kết quả giám sát, HĐND tỉnh đã ra Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND ngày 19-7-2013 trong đó có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết phải có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Đây là điều kiện rất thuận lợi, tạo cơ hội để cán bộ nữ rèn luyện, phấn đấu để phát triển.

Đồng thời, Hội LHPN tỉnh cũng đã chủ động phát hiện và giới thiệu cho cấp ủy, chính quyền các cấp xem xét quy hoạch, sử dụng và đề bạt cán bộ nữ vào các chức danh lãnh đạo, quản lý. Cụ thể, tỷ lệ cán bộ nữ dự nguồn quy hoạch các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015 - 2020 đạt 25%; tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 đạt trên 30%. Theo thống kê của Hội LHPN tỉnh, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020 đạt 17,9%. Vừa qua, Hội LHPN tỉnh cũng đã lựa chọn, giới thiệu 5 nữ cán bộ tiêu biểu, ứng cử viên đại biểu Quốc hội khoá XIV, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Có thể nhận thấy rằng, công tác cán bộ nữ của tỉnh thời gian qua đã được quan tâm hơn; số lượng, chất lượng cán bộ nữ tham gia tại các cơ quan, sở, ban, ngành trong toàn tỉnh được nâng cao, từng bước được trẻ hóa. Tỷ lệ phụ nữ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở ngày càng tăng. Các cán bộ nữ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thể hiện tốt vai trò là người lãnh đạo, quản lý... Đây là một trong những điểm nhấn quan trọng, khẳng định sự chủ động, nỗ lực vươn lên của phụ nữ làm chủ tri thức, tham gia các hoạt động xã hội, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh ngày càng phát triển.

Phát huy vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội, các cấp hội phụ nữ đã tập trung đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong các hoạt động tuyên truyền gắn với tổ chức các hoạt động tại

cơ sở hội. Chi hội phụ nữ thôn 9, xã Hạ Long (huyện Vân Đồn) tích cực thực hiện hiệu quả mô hình “Biển rác thành tiền”.

Các cấp hội đã tập trung đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, tăng tính tương tác. Đặc biệt, chú trọng sử dụng nhiều phương pháp mới phù hợp hơn với điều kiện thực tế, phát huy hiệu quả hình thức tuyên truyền miệng trực tiếp của cán bộ hội. Nét nổi bật trong công tác thông tin, tuyên truyền là các cấp hội đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai các văn bản chỉ đạo, cũng như nội dung tuyên truyền, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời; cải cách hành chính và giảm tải chi phí hành chính thông qua việc sử dụng email, các trang mạng xã hội.

100% cơ sở hội duy trì, khai thác hiệu quả phần mềm quản lý văn bản trong hoạt động hội; sử dụng chữ ký số, hòm thư công vụ trong điều hành các hoạt động hội; ứng dụng triệt để công nghệ thông tin để triển khai họp trực tuyến, quét mã QR cung cấp tài liệu trong các hội nghị, chương trình tập huấn...

Đội ngũ cán bộ hội, nhất là cán bộ hội cơ sở đã tích cực sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin, mạng xã hội để trao đổi, chia sẻ thông tin, học tập kinh nghiệm về những mô hình hay, việc làm sáng tạo, nêu gương điển hình để áp dụng cho cơ sở của mình thực hiện mang lại hiệu quả trong các hoạt động.

Ngoài ra cán bộ hội đã phối hợp rất tốt và phát huy vai trò, uy tín của già làng, trưởng bản, đội ngũ bí thư chi bộ, trưởng thôn, khu tại các địa bàn dân cư trong việc tuyên truyền, vận động. Nhờ đó, các nội dung tuyên truyền về phong trào phụ nữ và công tác hội, những hoạt động hỗ trợ cho phụ nữ được lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng, thu hút sự quan tâm và tham gia của cả nam giới, các thành phần trong xã hội. Nhiều mô hình, điển hình phụ nữ tiêu biểu được phát hiện, giới thiệu, tôn vinh kịp thời, tạo hiệu ứng tốt trong xã hội. ❖

## PHÁT HUY GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN VĂN NINH

*Trưởng khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội*

Tỉnh Quảng Ninh hiện có 613 di tích lịch sử, di sản văn hóa vật thể và 362 di sản văn hóa phi vật thể. Trong đó, có 5 khu di tích quốc gia đặc biệt là: Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long, Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử, Khu di tích lịch sử Bạch Đằng, Đền Cửa Ông, Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều; có 6 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là: Lễ hội truyền thống đình Trà Cổ (thành phố Móng Cái), Lễ hội truyền thống đình Quan Lạn (huyện Vân Đồn), Hát nhả tơ (thành phố Móng Cái), Hát Then của người Tày (huyện Bình Liêu), Lễ hội Tiên Công (thị xã Quảng Yên) và Lễ hội đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả).

Hệ thống các di tích, di sản, danh thắng cần được bảo tồn, phát huy giá trị để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển ngành du lịch nói riêng. Hơn nữa, việc nâng cao nhận thức của người dân và cả hệ thống chính trị trong bảo vệ các di tích, di sản gắn với phát triển du lịch có vai trò quan trọng trong chiến lược đưa tỉnh Quảng Ninh trở thành trọng điểm du lịch của cả nước.

Một số di tích lịch sử, di sản văn hóa vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh

### *Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long*

Vịnh Hạ Long là vùng biển, đảo ở phía Đông Bắc của Việt Nam, thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh, có diện tích 1.553km<sup>2</sup>, với 1.696 hòn đảo; phía Bắc và Tây Bắc kéo dài từ thị xã Quảng Yên, qua thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, đến hết phần biển, đảo của huyện Vân Đồn; phía Đông bao gồm toàn bộ vịnh Bái Tử Long và phía Nam giáp vịnh Bắc Bộ; phía Tây Nam giáp đảo Cát Bà (thành phố Hải Phòng).

Lịch sử địa chất vịnh Hạ Long được mở ra từ khoảng 500 triệu năm trước, với những hoàn cảnh cổ địa lý hết sức khác nhau và khá phức tạp. Toàn bộ khu vực vịnh Hạ Long là một cảnh quan karst qua nhiều triệu năm, với các tháp karst hình chóp, hình tháp bị bào mòn, tạo nên cảnh đẹp nổi bật, độc đáo trên toàn thế giới.

Vẻ đẹp của vịnh Hạ Long được tạo nên từ ba yếu tố: đá, nước và bầu trời. Hàng nghìn hòn đảo, hàng chục hang động đẹp đã tạo nên giá trị thẩm mỹ. Địa hình karst của vịnh Hạ Long có ý nghĩa toàn cầu và có tính chất nền tảng cho khoa học địa mạo. Môi trường địa chất còn là nền tảng phát sinh các giá trị khác của vịnh như: đa dạng sinh học, văn hóa khảo cổ và các giá trị nhân văn khác. Trong vùng vịnh Hạ Long có mặt trên là 300 loài cá, 545 loài động vật đáy biển, 154 loài san hô, 139 loài rong biển, 31 loài thực vật vùng ngập mặn,...

Năm 1962, khu vực vịnh Hạ Long được công nhận là di tích thắng cảnh cấp quốc gia. Năm 1994, vịnh Hạ Long được Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản thiên nhiên thế giới về giá trị thẩm mỹ và được tái công nhận lần thứ 2 với giá trị ngoại hạng toàn cầu về địa chất - địa mạo vào năm 2000.

Với những giá trị lịch sử, văn hóa và thẩm mỹ đặc biệt của Vịnh, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định xếp hạng Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long là “Di tích quốc gia đặc biệt” vào ngày 12-8-2009.

#### *Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử*

Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử có diện tích tự nhiên 2.686ha, trong đó có 1.736ha rừng tự nhiên, đỉnh cao nhất là 1.068m, các di tích được trải dài gần 20km theo tuyến đường từ Dốc Đỏ (chùa Bí Thượng - chùa Trình) đến đỉnh núi Yên Tử (chùa Đòng), thuộc địa bàn phường Phương Đông, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí và xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Gần 1.000 năm trước, sử sách đã ghi lại rằng, Yên Tử được coi là “Phúc địa thứ 4 của Giao Châu”. Sau đó, vua Trần Nhân Tông đã tìm đến Yên Tử tu hành.

Năm 1299, Trần Nhân Tông xây dựng nên dòng thiền Trúc Lâm với hệ thống lý thuyết và hành động gắn “Đạo” với “Đời”. Ông được coi là Đệ nhất tổ của Thiền phái Trúc Lâm mang Phật danh Điều Ngự Giác Hoàng. Kế tục sự nghiệp của ông là Pháp Loa Đòng Kiên Cương và Huyền Quang Lý Đạo Tái. Cả ba vị được gọi là Tam Tổ Trúc Lâm. Từ đó, Yên Tử trở thành kinh đô tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm, đánh dấu sự phát triển về triết học và tư tưởng của dân tộc Việt Nam trong các thế kỷ XII, XIII và XIV.

Gắn liền với lịch sử phát triển của dòng thiền Trúc Lâm tại Yên Tử là việc xây dựng và hình thành một quần thể các công trình kiến trúc bao gồm hàng chục ngôi chùa, hàng trăm am, tháp, bia, tượng, như chùa Bí Thượng, chùa Suối Tắm, chùa Cầm Thực, chùa Giải Oan, chùa Hoa Yên, chùa Vân Tiêu, chùa Bảo Sái, chùa Một Mái, chùa Đồng, chùa Lân,...; am Lò Rèn, am Hoa, am Dược, am Diêm, am Muối, am Thiền Định; thác Ngự Dội, Hòn Ngọc, vườn tháp Huệ Quang. Hệ thống chùa, am, tháp, bia tượng... ở Yên Tử là những tư liệu lịch sử vật chất quý báu gắn liền với tên tuổi, sự nghiệp tu hành của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông và các thế hệ thiền sư sau này. Bên cạnh đó, Yên Tử còn được xem như một bảo tàng sinh thái tự nhiên với sự đa dạng về hệ sinh thái, cảnh quan. Cùng với hệ thống chùa, am, tháp là đường tùng, rừng thông, rừng trúc, rừng mai. Trong khu vực này hiện có khoảng 200 cây tùng đại thụ thuộc 4 nhóm quý hiếm, được trồng cách đây khoảng 700 năm, làm cho Yên Tử càng trở nên tươi đẹp và quyến rũ. Ngày 27-9-2012, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định xếp hạng nơi đây là Di tích quốc gia đặc biệt. Hiện nay, Khu di tích lịch sử - danh thắng Yên Tử và Khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều đang lập hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

#### *Khu di tích lịch sử Bạch Đằng*

Khu di tích lịch sử Bạch Đằng gồm quần thể các bãi cọc, đình, đền, miếu dàn trải bên tả ngạn sông Bạch Đằng, phân bố trên địa bàn phường Yên Giang, phường Nam Hòa, xã Liên Hòa thuộc thị xã Quảng Yên và khu Đền Công 1, phường Trưng Vương thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Trong lịch sử giữ nước của dân tộc ta, sông Bạch Đằng đã ba lần chứng kiến quân và dân ta chiến thắng oanh liệt quân xâm lược phương Bắc hùng mạnh. Đó là chiến thắng năm 938 của Ngô Quyền; năm 981 của Lê Hoàn và đỉnh cao là chiến thắng năm 1288 của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Bãi cọc Yên Giang: Ở vị trí cửa sông Chanh, một nhánh của sông Bạch Đằng, thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên. Phát hiện năm 1953, khai quật vào các năm 1958, 1969, 1976, 1984, 1988.

Bãi cọc Đồng Má Ngựa: Ở vị trí cửa sông Kênh, sát với sông Rút, thuộc phường Nam Hoà, thị xã Quảng Yên. Phát hiện năm 2009, khai quật năm 2010.

Đền Trần Hưng Đạo: Tọa lạc trên dải đất cổ giữa sông Bạch Đằng, nơi trung tâm chiến trận Bạch Đằng năm 1288, thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên. Đền thờ anh hùng dân tộc Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Miếu Vua Bà: Tọa lạc cạnh đền Trần Hưng Đạo, thuộc phường Yên Giang. Miếu thờ bà bán hàng nước ở bến Đò Rừng cổ. Tương truyền, bà đã mách bảo cho Trần Hưng Đạo lịch thủy triều, địa thế lòng sông Bạch Đằng để xây dựng trận địa cọc và kế hỏa công đánh giặc Nguyên Mông năm 1288. Sau chiến thắng, bà được vua Trần phong “Vua Bà”.

Bến Đò Rừng: Ở vị trí trước miếu Vua Bà. Tại đây có cây quếch cổ thụ, tương truyền, Trần Hưng Đạo đã chọn làm nơi phát hỏa hiệu lệnh chiến đấu trong chiến trận Bạch Đằng năm 1288.

*Đền Trung Cốc:* Tọa lạc giữa khu Đồng Cốc, phường Nam Hòa. Tương truyền, năm 1288, khi đi thị sát địa hình xây dựng trận địa cọc ở cửa sông Rút và sông Kênh, thuyền chở Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão bị mắc cạn ở gò đất Đồng Cốc. Sau chiến thắng, nhân dân lập đền thờ Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão.

*Đình Trung Bản:* Thuộc thôn Trung Bản, xã Liên Hòa. Tương truyền, năm 1288, Trần Hưng Đạo cùng quân sĩ đánh đuổi tàn binh của giặc trên các gò đất cao gần trận địa cọc Bạch Đằng, tóc ông bị xô ra, khi đến gò đất này, ông đã dừng lại chống kiếm xuống đất búi lại tóc. Sau chiến thắng, nhân dân xây đình, tôn ông làm Thành hoàng làng.

*Đình Yên Giang:* Thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên. Xưa kia là làng Rừng, giáp với sông Bạch Đằng, mảnh đất ghi dấu chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

*Đình Đền Công:* Cách sông Bạch Đằng 500m, thuộc khu Đền Công 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí. Tương truyền, năm 1288, có 5 vị thần xung là Ngũ vị Đại tướng quân đã báo mộng cho Trần Hưng Đạo chọn nơi phát hỏa hiệu lệnh chiến đấu. Sau chiến thắng, Trần Hưng Đạo sửa lễ vật tế tạ đền công các vị thần. Nhân dân xây đình lấy tên Đền Công, xây miếu thờ 5 vị thần.

Ngày 27-9-2012, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử Bạch Đằng năm 1288 là Di tích quốc gia đặc biệt.

### *Đền Cửa Ông*

Đền Cửa Ông (phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả), qua sử sách ghi chép, có thể khẳng định đền được khởi dựng, tồn tại qua hơn 100 năm.

Lúc khởi dựng, đền chỉ là một thảo am nhỏ làm bằng tranh, tre, nứa, lá; từ năm 1907 đến năm 1916, đền được trùng tu lại; năm 1916 xây thêm đền Thượng, đền Trung, đền Hạ và chùa; năm 1946, đền Hạ, đền Thượng tiếp tục được tu bổ, tôn tạo; từ năm 2015, đền Trung

được phục dựng lại và hoàn thành vào năm 2017. Đền Cửa Ông lúc đầu khởi dựng chỉ thờ Trần Quốc Tảng. Sau khi xây thêm các khu đền Hạ, đền Trung, đền Thượng và chùa..., đền Cửa Ông là một quần thể các công trình tín ngưỡng đa dạng bao gồm đền, chùa, lăng, phủ thờ Mẫu. Trong đó, đền Thượng thờ Đức Ông Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, gia quyến, cận thần của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn; phía sau đền Thượng là lăng Đức Ông Trần Quốc Tảng.

Các thần tích, thần sắc, sắc phong cho các vị thần còn được lưu giữ tại đền Cửa Ông, trở thành kho tư liệu lịch sử quý giá cho các thế hệ con cháu tìm hiểu về quá trình dựng nước và giữ nước của triều Trần. Di tích lịch sử đền Cửa Ông đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt vào ngày 25-12-2017.

#### *Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều*

Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều (Di tích lịch sử - văn hóa đền, chùa, lăng mộ các vua Trần) thuộc địa phận các xã An Sinh, Tràng An, Bình Khê, Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều được định hình rõ nét về mặt quy mô từ sau năm 1299, khi Thượng hoàng Trần Nhân Tông đến Yên Tử tu hành, lập nên thiền phái Trúc Lâm. Đến cuối thế kỷ XIV, nhiều lăng mộ của vua Trần được xây dựng hoặc di chuyển về Đông Triều. Cùng với việc xây dựng lăng mộ, triều đình còn xây dựng đền, miếu để thờ cúng các bậc tiên đế, cùng nhiều công trình kiến trúc tôn giáo để phục vụ cho việc tu hành, giảng đạo. Vì thế, nơi đây trở thành một vùng “thánh địa” linh thiêng, nơi tập trung nhiều kiến trúc độc đáo mang đậm dấu ấn của triều đại nhà Trần.

Ngoài ra, khu di tích còn là nơi lưu giữ và duy trì nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian độc đáo gắn với lịch sử vùng đất, tiêu biểu là lễ hội đền An Sinh, lễ hội chùa Quỳnh Lâm và chùa - quán Ngọc Thanh... Với những giá trị đặc biệt của khu di tích, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều là Di tích quốc gia đặc biệt vào ngày 9-12-2013.

Một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh

#### *Lễ hội đình Trà Cỏ - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*

Đình Trà Cỏ, thuộc phường Trà Cỏ (thành phố Móng Cái), từ lâu vẫn được coi như cột mốc văn hóa nơi biên ải mang đậm các giá trị thuần Việt. Theo các tư liệu lịch sử là thần



tích, sắc phong thì đình Trà Cổ được xây dựng vào năm Quang Thuận thứ 2 (năm 1461). Đình Trà Cổ thờ 6 vị tiên công người Đồ Sơn (Hải Phòng) và thờ Quận He Nguyễn Hữu Cầu - một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa thời Lê - Trịnh cũng quê ở Đồ Sơn. Tương truyền, vào đầu thế kỷ XVI, có 12 hộ dân chài từ Đồ Sơn đi đánh cá bị giông tố mà dạt đến đất này. Lễ hội đình Trà Cổ tổ chức từ ngày 30-5 đến ngày 3-6 (âm lịch) hằng năm với phần lễ mộc dục, lễ rước cây đèn thần, các nghi lễ thỉnh sinh, rước kiệu và nghinh thần. Cùng với đó, là phần hội thi Ông Voi vô cùng đặc sắc, rộn ràng và các hoạt động văn hóa, thể thao...

*Xương Then của người Tày ở huyện Bình Liêu - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*

Hát Then - tiếng Tày gọi là “xương Then”, là tín ngưỡng văn hóa lâu đời của người Tày. Diễn xướng nghi lễ Then của người Tày ở huyện Bình Liêu có ba hình thức chính là: cấp sắc Then; hỷ phúc, vãn phúc; “so booc” (cầu hoa, cầu có con nôi dãi tông đường).

Then có nhiều làn điệu phục vụ các nghi lễ cúng tế, nội dung diễn tả con đường Then đưa binh mã đi qua ba tầng trời để làm lễ, vừa hiện thực vừa lãng mạn, lại có âm nhạc chấp cánh cho lời ca thêm bay bổng nên có sức dẫn dắt người nghe từ thực tại cuộc sống đi vào cõi mộng mơ, trở thành một nhu cầu tâm linh của người dân tộc Tày.

*Lễ hội Tiên Công (thị xã Quảng Yên) - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*

Theo các tư liệu, từ thời Lý - Trần đã có một số vạn chài đến vùng đất Quảng Yên ngày nay sinh sống, họ dựa vào những gò đất cao trên triều để dãi chài, phơi lưới. Đến đầu thế kỷ XV, khoảng từ năm 1434 đến năm 1500, có 6 nhóm Tiên Công (trong đó có 17 vị Tiên Công) và dân cư đến khai khẩn đất đai trồng lúa, lập làng, tạo nên khu đảo Hà Nam. Để tưởng nhớ công ơn các vị Tiên Công, người dân xã Phong Lưu đã lập miếu thờ thập thất Tiên Công ở thôn Cẩm La để tuần rằm lễ tiết, tứ thời phụng thờ. Căn cứ vào các cứ liệu cho thấy, lễ hội ra đời khoảng cuối thế kỷ XVII (từ năm 1650 đến năm 1690). Phần lễ của lễ hội Tiên Công có nhiều nghi lễ rất độc đáo như: chạp tổ, ra cỗ họ, dẫn thợ, rước thợ,... Trong đó, đặc sắc nhất là nghi lễ rước thợ được tổ chức vào ngày chính hội mùng 7 tháng Giêng. Vào ngày này, những gia đình có cha mẹ thượng thợ có điều kiện sẽ cùng dòng họ và làng xóm tổ chức đoàn rước đưa “cụ Thượng” về miếu Tiên Công lễ tổ.

Nguyên tắc chung trong công tác gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, di sản, danh thắng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Một là, Nhà nước có chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; khuyến

khích tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

*Hai là*, Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu di sản văn hóa. Chủ sở hữu di sản văn hóa có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

*Ba là*, Nhà nước đầu tư vào công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Trên cơ sở đó, nghiêm cấm các hành vi chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hóa; hủy hoại hoặc gây nguy cơ hủy hoại di sản văn hóa; đào bới trái phép địa điểm khảo cổ; xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; mua bán, trao đổi và vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài; lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để thực hiện những hành vi trái pháp luật.

Một số giải pháp phát triển du lịch, dịch vụ gắn với bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích, di sản, danh thắng ở tỉnh Quảng Ninh thời gian tới

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện có khoảng 120 di tích, di sản đã nằm trong các điểm tour, tuyến du lịch cố định. Sự góp mặt của hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa được đầu tư phục dựng bài bản, bảo vệ, phát huy, giống như “ngọc trong đá” càng mài càng sáng, khiến sức hút của các di tích, di sản ngày càng lớn, tạo đà cho du lịch của tỉnh lớn mạnh thực sự. Chỉ tính trong 5 năm (2016 - 2021), tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh tăng trung bình từ 12 đến 15% mỗi năm, tăng từ 30 đến 50% so với năm 2015.

Cụ thể, năm 2016, tỉnh Quảng Ninh đạt tổng lượng du khách là 8,3 triệu lượt người, trong đó du khách quốc tế là 3,5 triệu lượt người; tổng doanh thu du lịch đạt 13.000 tỷ đồng. Các năm sau đó, tổng lượng khách nội địa và quốc tế, doanh thu đều tăng năm sau cao hơn năm trước ở mức từ 10 đến 25%. Tiêu biểu, năm 2019, tổng lượng khách là 14 triệu lượt người, tăng 14%, trong đó khách quốc tế là 5,75 triệu lượt người, tăng 15%; tổng doanh thu đạt 29.500 tỷ đồng, tăng 25%, đóng góp vào ngân sách địa phương gần 3.570 tỷ đồng, tăng 30%, chiếm 11% tổng thu ngân sách nội địa của tỉnh.

Yên Tử là một thành công điển hình trong việc chung tay bảo vệ, tôn tạo, phát huy giá trị của di tích, trở thành điểm du lịch trọng yếu của tỉnh Quảng Ninh. Mười năm qua, gần 3.000 tỷ đồng đã được đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ và các điểm di tích. Hằng năm, Yên Tử đón trung bình 2 triệu lượt khách, ở cả 4 mùa trong năm thay vì một mùa lễ hội, chiếm đến 60% tổng lượng du khách thuộc loại hình du lịch tâm linh tại tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 9-3-2018, Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” và Quyết định số 931-QĐ/TU, về phê duyệt Đề án “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, trong đó đề ra 7 nhóm giải pháp là:

*Thứ nhất*, nghiên cứu để phát huy các giá trị đặc sắc về văn hóa các dân tộc, văn hóa biển, đảo, văn hóa công nhân vùng mỏ, sự giao thoa của nền văn minh sông Hồng trong hình thành văn hóa và con người tỉnh Quảng Ninh nhằm khắc sâu, nhân rộng những truyền thống văn hóa tốt đẹp, để những giá trị đặc sắc đó trở thành nguồn lực, sức mạnh thúc đẩy sự phát triển.

*Thứ hai*, bảo tồn và phát huy tốt giá trị các di tích lịch sử, văn hóa. Bảo tồn, khôi phục làng nghề truyền thống, đặc biệt là di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc đang có nguy cơ mai một. Khuyến khích các hoạt động sản xuất, quảng bá các loại hình văn hóa phi vật thể, thể hiện được đặc trưng riêng có của tỉnh Quảng Ninh.

*Thứ ba*, rà soát, kiểm tra, đánh giá các lễ hội trong toàn tỉnh, từ đó chọn lọc để thổi hồn, khắc sâu, nâng tầm những giá trị tiêu biểu của các lễ hội bảo đảm giữ gìn các giá trị nhân văn mang đậm bản sắc văn hóa riêng có của tỉnh Quảng Ninh. Xây dựng, quy hoạch lễ hội toàn tỉnh trên cơ sở kế thừa, kết nối các lễ hội truyền thống.

*Thứ tư*, xây dựng và phát triển nền văn học - nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh phong phú, đa dạng, giàu bản sắc, kết hợp truyền thống với hiện đại.

*Thứ năm*, chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ sáng tác, biểu diễn để lớp trẻ kế cận. Tập hợp, động viên, bồi dưỡng, tạo cơ hội và điều kiện để khích lệ đội ngũ văn, nghệ sĩ sáng tạo, cho ra đời các tác phẩm có giá trị nghệ thuật, tư tưởng cao, phản ánh thực tiễn của cuộc sống, nâng tầm văn hóa truyền thống.

*Thứ sáu*, mở rộng không gian văn hóa, tăng cường kết nối giao lưu, tiếp thu tinh hoa tiên tiến của thế giới và khu vực. Tranh thủ quảng bá văn hóa Quảng Ninh ra thế giới, nhất là đối với các quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ kết nghĩa, hợp tác trên các lĩnh vực với tỉnh Quảng Ninh.

*Thứ bảy*, xây dựng cơ chế và chính sách đặc thù phục vụ cho nhiệm vụ bảo tồn và phát triển văn hóa.

Năm 2021, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh tham mưu với tỉnh triển khai xây dựng Đề án “Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2030”, làm cơ sở đề ra các giải pháp, mục tiêu cụ thể nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích, danh thắng trong toàn tỉnh.

Có thể thấy rằng, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích, di sản, danh thắng một cách nghiêm túc, đúng hướng, hiệu quả của tỉnh Quảng Ninh thời gian qua đã góp phần quan trọng nâng tầm giá trị di tích lịch sử, văn hóa. Từ đó, đưa di tích, di sản, danh thắng trở thành nguồn tài nguyên quý cho phát triển du lịch văn hóa, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và nâng cao đời sống nhân dân. ❖

## VĂN HÓA VÙNG MỎ, CON NGƯỜI VÙNG MỎ: NÉT ĐẶC SẮC TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN TẠI

NGUYỄN THỊ NHÀN THU

*Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giao lưu văn hóa rộng rãi, nghiên cứu thực trạng và phát huy truyền thống văn hóa thợ mỏ là việc làm vừa cấp bách, vừa lâu dài và rất cần thiết đối với TKV.

Với bản sắc văn hóa đặc sắc duy nhất có trong cả nước “Kỷ luật và đồng tâm”, văn hóa vùng mỏ đã góp phần quan trọng vào đặc trưng văn hóa, con người Quảng Ninh, tạo nên tên gọi VÙNG ĐẤT MỎ. Và khi nhắc đến đều gắn liền với tên gọi VÙNG ĐẤT MỎ ANH HÙNG. Nét văn hóa, đặc trưng con người này là thể hiện sinh động tinh thần, trí tuệ, là sự chuyên nghiệp, là đoàn kết và hướng đến phát triển...

1. Không chỉ là đặc trưng mang tính tự nhiên, đây chính trái ngọt từ những chủ trương của nhiều thế hệ lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh. Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ nói chung và đội ngũ cán bộ, công nhân thợ mỏ nói riêng thường xuyên được quan tâm, chú trọng. Đội ngũ những người công nhân mỏ ngày càng được tri thức hóa, có trình độ học vấn, chuyên môn, có tác phong công nghiệp, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và yêu cầu của thời kỳ mới. Những phẩm chất này được xây dựng trên nền tảng vững chắc từ trong quá khứ với truyền thống hào hùng đến hiện tại với sự năng động, sáng tạo không ngừng, thể hiện rõ ở:

*Thứ nhất, VÙNG ĐẤT MỎ ANH HÙNG, “Kỷ luật và đồng tâm” - hình thành, phát triển trong đấu tranh cách mạng*

Ra đời cách đây hơn 180 năm, từ năm 1840, khi nhà Vua Minh Mạng ban chỉ dụ đồng ý theo đề nghị của Tổng đốc Hải An Tôn Thất Bật cho tổ chức khai thác than tại vùng núi An

(Yên) Lãng (nay thuộc xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều). Khi Thực dân Pháp xâm lược, thiết lập bộ máy cai trị Đất nước ta, để tăng cường vơ vét tài nguyên phục vụ lợi ích cho chính quốc, đầu năm 1888 chúng đã lập ra một công ty khai thác than đá lớn nhất nước Pháp mang tên Công ty Pháp mỏ than Bắc Kỳ (S.F.C.T) để khai thác than trên diện rộng từ Kế Bào (Cái Bàu), Mông Dương, Cẩm Phả, Hòn Gai, đến Vàng Danh, Mạo Khê. Đây là cơ sở công nghiệp có qui mô lớn ra đời đầu tiên ở Việt Nam và Đông Dương và đó cũng là cái nôi ra đời của đội ngũ công nhân mỏ Quảng Ninh nói riêng và giai cấp công nhân Việt Nam nói chung. Xuất thân của đội ngũ công nhân, lao động vùng mỏ Quảng Ninh hầu hết là nông dân, chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ (Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hải Dương), ngoài ra là nông dân các tỉnh khác (Thanh Hóa, Nghệ An) và nông dân Quảng Ninh (các vùng Quảng Yên, Hòn Gai). Đây là tầng lớp nông dân bị bần cùng hoá dưới chế độ sưu thuế, áp bức nặng nề dưới chế độ thực dân phong kiến tìm đường kiếm kế sinh nhai hoặc bị ép buộc, dồn bắt ra làm thuê cho các chủ mỏ. Trong quá trình khai thác than, thực dân Pháp sử dụng tổng hợp các phương thức bóc lột kiểu tư bản, phong kiến và chủ nô, ra sức bóc lột, đàn áp công nhân hết sức tàn nhẫn nhằm vơ vét ngày càng nhiều tài nguyên, của cải của đất nước ta trên cơ sở bần cùng hóa và vắt kiệt sức lao động của những người thợ mỏ.

Có áp bức thì có đấu tranh, những người thợ mỏ đã nhen nhóm lên ngọn lửa đấu tranh và ngày càng quyết liệt chống áp bức, bóc lột của bọn thực dân chủ mỏ. Trong những năm 1930 - 1936, phong trào đấu tranh của công nhân vùng Mỏ tiếp tục phát triển. Từ đấu tranh tự thân đến đấu tranh tự phát, và phát triển lên đến đấu tranh tự giác khi phong trào đấu tranh của những người thợ mỏ có sự soi đường, chỉ lối của Đảng Cộng sản. Sẵn có lòng yêu nước, có tinh thần đấu tranh chống lại chủ mỏ Pháp, lại được sự lãnh đạo, hướng dẫn của tổ chức Đảng, phong trào đấu tranh của đội ngũ công nhân, lao động vùng Mỏ đã có bước phát triển mới. Từ tháng 3 tới tháng 10 năm 1930, ở các khu mỏ đã diễn ra trên 20 cuộc đấu tranh thu hút đông đảo công nhân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của công nhân Nhà sàng Cửa Ông nổ ra ngày 8 tháng 4 năm 1930 và tiếp theo là cuộc đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930 - 1931 của cả nước nói chung và các khu mỏ nói riêng.

Đỉnh cao là cuộc tổng bãi công của 3 vạn công nhân và nhân dân lao động vùng Mỏ vào đêm ngày 12/11/1936. Thắng lợi của cuộc Tổng bãi công phản kháng chế độ thực dân Pháp kéo dài 20 ngày, khởi đầu từ cuộc bãi công của 5.000 công nhân và nhân dân lao động Cẩm Phả, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với khẩu hiệu “Kỷ luật và Đồng tâm, chúng ta nhất định thắng”, đã thành công và gây tiếng vang lớn trên toàn quốc, và ngày 12-11 trở thành Ngày Truyền thống vẻ vang của Công nhân Vùng mỏ - Truyền thống ngành Than.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân vùng mỏ cùng toàn dân làm nên Cách mạng Tháng tám năm 1945, thành công ở Quảng Ninh. Đó là thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, là sự phát huy cao độ truyền thống đấu tranh anh dũng của công nhân vùng Mỏ và nhân dân lao động.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới mưa bom, bão đạn, công nhân vùng Mỏ đã vừa sản xuất, vừa chiến đấu, thực hiện “Trận địa là nhà, vùng Mỏ là quê hương”, “Tay búa, tay súng”, “Giặc phá hoại một, ta làm bù hai, ba”, “Mỗi người làm việc hăng hái”, “Sản xuất than chống Mỹ cứu nước”, “Vi Miền Nam ruột thịt”, “Mùa Xuân thắng Mỹ”,... Đội ngũ công nhân Mỏ ngày càng lớn mạnh và trưởng thành, lập nhiều thành tích to lớn, chiến công oanh liệt. Trong những năm chống Mỹ, vùng mỏ đã có 4 đơn vị, 11 công nhân viên chức được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, hàng nghìn tổ sản xuất đạt danh hiệu Tổ Lao động XHCN.

Đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH, ngày 10-10-1994, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 563/TTg thành lập Tổng Công ty Than Việt Nam (TVN) - một trong 3 Tổng Công ty (Than - Điện lực - Dầu khí) hoạt động theo mô hình Tổng Công ty 91, dưới sự quản lý, điều hành trực tiếp của Chính phủ với nhiệm vụ chính là sản xuất - kinh doanh than theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước, cung ứng than cho nhu cầu của các ngành kinh tế trong nước; đầu tư xây dựng và vận hành các nhà máy nhiệt điện; sửa chữa, chế tạo cơ khí; sản xuất, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp; thương mại và dịch vụ và một số ngành nghề kinh doanh khác.

Ngay từ khi mới ra đời năm 1995, TVN đã phải vượt qua nhiều khó khăn do nạn khai thác, kinh doanh trái phép hoành hành; môi trường vùng mỏ bị tàn phá khốc liệt; giá bán than trong nước thấp hơn giá thành dẫn tới mất cân đối tài chính, công nhân thiếu việc làm, đời sống khó khăn. TVN đã đề ra hàng loạt giải pháp: tổ chức lại mô hình sản xuất; mở mang nhiều ngành sản xuất - kinh doanh mới; thống nhất quản lý thị trường tiêu thụ than;... Đây cũng là giai đoạn TVN tập trung cao độ đầu tư về kỹ thuật và công nghệ cho các ngành sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hầm lò. Ngày 12-5-2001, Tổng Công ty Cơ khí năng lượng và mỏ được sáp nhập vào TVN đã làm “hồi sinh” ngành Cơ khí mỏ tạo thêm sức mạnh mới cho ngành cơ khí sửa chữa và cơ khí chế tạo của TVN. Giai đoạn này, TVN đã xác định “Xây dựng Than Việt Nam trở thành Tập đoàn kinh tế đa ngành trên nền sản xuất than”.

“Phát triển kinh tế đa ngành trên nền sản xuất than” cũng chính là chiến lược phát triển bao trùm suốt một thập niên. Kết quả là: năm 1994, sản lượng than nguyên khai mới chỉ ở

mức 7 triệu tấn, 10 năm sau - tức 2005, chỉ số này đã đạt tới 31,3 triệu tấn vượt chỉ tiêu mà quy hoạch phát triển ngành Than đề ra cho năm 2020.

Ngày 8-8-2005, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 198/QĐ-TTg thành lập Tập đoàn Than Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Than Việt Nam và các đơn vị thành viên; đây cũng là Tập đoàn kinh tế Nhà nước đầu tiên được thành lập. Bốn tháng sau, ngày 26-12-2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 345/2005/QĐ-TTg thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) trên cơ sở Tập đoàn Than Việt Nam và Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp với bốn nhiệm vụ chính là: Tập trung đầu tư, huy động các nguồn lực hình thành các nhóm công ty quy mô lớn trong các ngành, các lĩnh vực then chốt, phát triển, nâng cao sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế; Giữ vai trò bảo đảm các cân đối lớn trong nền kinh tế, ứng dụng công nghệ cao, tạo động lực phát triển cho các ngành, các lĩnh vực khác trong toàn bộ nền kinh tế; Thúc đẩy liên kết trong chuỗi giá trị gia tăng, phát triển các thành phần kinh tế khác; Tăng cường quản lý, giám sát có hiệu quả đối với nguồn vốn, tài sản Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn.

Bối cảnh đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, tiếp tục đặt ra cho TKV nhiệm vụ vinh quang nhưng cũng đầy khó khăn, thách thức như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã từng nói “Ngành sản xuất than cũng như quân đội đánh giặc”. Do vậy mỗi người thợ mỏ cũng phải là “chiến sỹ” trên mặt trận sản xuất than, khoáng sản. Với ý chí, nghị lực, truyền thống văn hóa “Kỷ luật và Đồng tâm” và tình giai cấp của công nhân Mỏ, cùng với sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành Trung ương, các địa phương, nhất định TKV sẽ vượt qua được những khó khăn thách thức và thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

*Thứ hai, phát huy cao độ giá trị cốt lõi của người thợ Mỏ là “Kỷ luật và đồng tâm”*

Giá trị cốt lõi “Kỷ luật và đồng tâm” được ra đời vào cuộc tổng bãi công của hơn ba vạn thợ mỏ, bắt đầu từ Cẩm Phả vào đêm 12 rạng sáng 13 tháng 11 năm 1936. Cuộc tổng bãi công đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Đó là một sự kiện lịch sử trọng đại, có ý nghĩa rất to lớn, tiêu biểu cho phong trào cách mạng nước ta thời kỳ 1936 - 1939. Thắng lợi của cuộc tổng bãi công đã để lại bài học sâu sắc về tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm”, về tập hợp lực lượng; về sự đùm bọc tương thân, tương ái của những người cùng cảnh ngộ, cùng nghề nghiệp, cùng giai cấp, về tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường bất khuất và là niềm tự hào của các thế hệ công nhân mỏ. Truyền thống đó cho đến ngày hôm nay được đúc kết là những giá trị tinh thần, hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của công nhân mỏ và đã thành nét đặc sắc được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Không thể quên những



thợ mỏ Mông Dương sửa chữa máy bơm trong đường lò -97,5m sau trận mưa lũ “lịch sử” hồi cuối tháng 7-2015. Đó là những ngày khó khăn khi trận mưa lụt lịch sử nhấn chìm mỏ than Mông Dương trong biển bùn, nước, hàng nghìn công nhân đứng trước nguy cơ mất việc làm. Tuy nhiên, thay vì bỏ mỏ, thợ lò Mông Dương vẫn đoàn kết, chia sẻ với lãnh đạo đơn vị, đồng tâm hiệp lực cứu mỏ, hồi sinh diện sản xuất trong thời gian sớm nhất. Sự kiên trung của thợ mỏ Mông Dương đã được TKV đề cao, tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong ngành than - khoáng sản. Thợ lò Nguyễn Văn Kiên (Phân xưởng Khai thác 7, Công ty CP Than Mông Dương), chia sẻ: Bài học ý nghĩa nhất mà chúng tôi rút ra trong sự cố ngập mỏ năm ấy là kỷ luật và đồng tâm. Chỉ có kỷ luật và đồng tâm, chúng tôi mới có đủ sức mạnh để bám trụ đến cùng với mỏ, thần tốc hồi sinh diện sản xuất trong thời gian sớm nhất. Đây chính là biểu hiện sinh động và thực tế của tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm”, kỷ luật bắt buộc đối với mọi người cùng hành nghề làm mỏ, từ công nhân mới vào nghề đến giám đốc, tổng giám đốc. Mỗi người đều phải rèn luyện bản thân để có tay nghề cao và tự giác chấp hành kỷ luật, cốt sao giảm tối đa sự tổn thất trong quá trình sản xuất” - Ông Đoàn Văn Kiên - nguyên Tổng Giám đốc TKV nhận định.

Hay câu chuyện về ý chí của những người thợ mỏ Hà Lâm trong công cuộc khai sơn, phá thạch, lần đầu tiên đặt chân xuống độ sâu -400m của dự án khai thác than bằng lò giếng đứng đã chứng minh sức mạnh văn hóa kỷ luật và đồng tâm của ngành than. Khi đào lò ở độ sâu này, thợ mỏ Hà Lâm phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Điều kiện địa chất có nhiều biến động, cấu trúc địa tầng phức tạp hơn so với tài liệu thăm dò. Các gương lò đào có tiết diện thi công lớn, mức đào liên tục xuống sâu, đi xa, khiến công tác vận tải người và vật liệu vô cùng vất vả. Khó là vậy, nhưng bằng ý chí và quyết tâm của những thợ mỏ Hà Lâm, dự án đã thành công như mong đợi. Trong dây chuyền sản xuất, công đoạn sau phải khớp với công đoạn trước, người này phụ thuộc vào người kia, nhìn nhau mà làm, tránh sơ suất, sai sót. Muốn giữ được an toàn, bắt buộc thợ mỏ phải rất cẩn trọng trong từng đường đi, nước bước, trong mỗi thao tác cụ thể. Nghĩa là bắt buộc phải chấp hành một cách nghiêm ngặt biện pháp kỹ thuật an toàn, quy trình sản xuất và mệnh lệnh của người chỉ huy, chẳng khác gì người chiến sĩ chiến đấu ngoài chiến trường. Từ khâu lập kế hoạch, phương án mở vỉa khai thác, cung ứng vật tư thiết bị, khoan nổ mìn, đào chống lò, hay bốc xúc đất đá trên tầng lộ thiên, vận tải than, chế biến, đến tiêu thụ... đều cần tinh thần kỷ luật và đồng tâm. Thấm nhuần văn hóa kỷ luật và đồng tâm, thợ mỏ ngành than đã phát huy được sức mạnh để tự mình vượt qua những biến cố trong nghề.

Trong suốt chiều dài lịch sử, biết bao giá trị truyền thống tốt đẹp của công nhân Mỏ đã được hun đúc trở thành lương tâm, danh dự và rất đáng tự hào của mỗi người lao động

TKV. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn; truyền thống bất khuất chống giặc ngoại xâm; truyền thống đoàn kết, nhân nghĩa; truyền thống cần cù lao động; truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo; truyền thống hiếu thảo cũng như những giá trị truyền thống về văn hóa, về nghệ thuật khác... Truyền thống tốt đẹp của công nhân Mỏ vô cùng quý giá, không chỉ có ý nghĩa trong quá khứ mà cả trong hiện tại và tương lai.

Trải qua nhiều thời kỳ phát triển, thợ mỏ ngành than đã thấm nhuần tinh thần kỷ luật và đồng tâm, biến nó thành sức mạnh để chinh phục những giới hạn của công nghệ sản xuất trong thời kỳ phát triển nền kinh tế tri thức, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vừa đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp, vừa đảm bảo lợi ích của người lao động và đóng góp vào phát triển chung của cộng đồng.*

“Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh” là phương châm chiến lược của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là. Do đó, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân Mỏ có chất lượng cao (Công nhân giỏi nghề, có tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật cao; cán bộ có tâm, tận tụy, năng động sáng tạo, thạo việc), đủ về số lượng với cơ cấu hợp lý phù hợp với yêu cầu của các ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh và của các đơn vị thành viên là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược của TKV. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, nguồn nhân lực chất lượng cao được coi là nguồn lực “nội sinh” quan trọng cho quá trình phát triển.

Ưu tiên đãi ngộ những người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, làm việc ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn ở trong và ngoài nước; xây dựng các cơ sở văn hóa, thể thao, phúc lợi phục vụ người lao động và cộng đồng; duy trì và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống ngành Than - Khoáng sản và văn hóa doanh nghiệp hiện đại; xây dựng và quảng bá rộng rãi thương hiệu VINACOMIN... là phương châm hành động mang tính văn hóa của các doanh nghiệp ngành than Quảng Ninh. Chăm lo cải thiện đời sống công nhân được thực hiện từ gốc rễ. Đó là đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề nghiệp của người lao động, phát triển đội ngũ công nhân lao động có trình độ cao, năng suất cao. Điều đó sẽ giúp cho cuộc sống vật chất và tinh thần của đoàn viên, người lao động ngày càng tốt lên; góp phần phát triển cả số lượng và chất lượng đội ngũ công nhân Mỏ, đời sống vật chất và tinh thần đều được nâng cao.

Nâng cao mức sống, đồng thời thúc đẩy quản lý hiệu quả, minh bạch, bảo vệ người lao động và bảo vệ môi trường. Đồng thời, người lao động phải được hưởng sự bảo vệ thích

đáng trước mọi hành vi phân biệt đối xử chống lại việc làm của họ. Hiện nay, vấn đề đại diện, bảo vệ cho quyền lợi của người lao động được quy định rõ ràng. Đồng thời phải đề cao nghĩa vụ thương lượng, thiện chí của người sử dụng lao động khi tiến hành thương lượng tập thể với tổ chức của người lao động về tiền lương và các điều kiện lao động khác cho người lao động. Rõ ràng quan hệ lao động giữa người người sử dụng lao động và người lao động có nhiều đổi mới.

2. Mặc dù, trong nhiều thập kỷ qua, đã được đặc biệt quan tâm và đạt nhiều thành tựu to lớn trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân Mỏ; song chất lượng đội ngũ công nhân Mỏ chưa theo kịp tốc độ chung của hội nhập, kỷ nguyên số và “nền kinh tế tri thức” toàn cầu. Năng suất lao động thấp so với nhiều nước trong khu vực và thế giới; số lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nhóm có trình độ chuyên môn cao hạn chế về khả năng thích nghi trong môi trường cạnh tranh công nghiệp; khả năng làm việc theo nhóm, tính chuyên nghiệp, năng lực sử dụng ngoại ngữ là công cụ giao tiếp và làm việc của nguồn nhân lực còn hạn chế. Trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài, ngoại ngữ, hiểu biết văn hoá thế giới còn là điểm yếu của công nhân Mỏ. Trong bối cảnh hiện nay, đội ngũ công nhân Mỏ phải đi lên, vượt qua mọi rào cản văn hóa để tiếp thu những kiến thức của nhân loại, sàng lọc được những giá trị văn hóa tốt đẹp để bổ sung và phát triển giá trị văn hóa truyền thống của TKV. Việc xóa bỏ rào cản sẽ là nền tảng xây dựng niềm tin, là cơ hội để mọi người mở lòng và hiểu nhau hơn sẽ dần bộc lộ những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân, đó là lúc mọi người nhìn nhận và khắc phục cũng như phát triển bản thân hơn. Trên cơ sở đó niềm tin được xây dựng, con người dễ chịu hơn với sai lầm của nhau, từ đó tạo nên một môi trường làm việc thân thiện, tương hỗ nhau cùng nhau phát triển.

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh ngành và vùng lãnh thổ và ngày càng nhiều doanh nghiệp ra đời. Do vậy đòi hỏi tập thể cán bộ, công nhân lao động phải ổn định tư tưởng, tin tưởng vào chiến lược sản xuất kinh doanh của TKV và vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong Tập đoàn. Cán bộ công nhân lao động cần đoàn kết, đồng lòng phát huy truyền thống tốt đẹp “Kỷ luật, đồng tâm” đã được trui rèn qua các thế hệ thợ Mỏ để quyết tâm tiếp tục xây dựng đội ngũ thợ Mỏ mới có phẩm chất đạo đức, tri thức tốt, tay nghề cao và ý thức tự chủ, gương mẫu trong lao động sản xuất, tiếp nối truyền thống vẻ vang của cha, anh đi trước, chung ta xây dựng TKV phát triển bền vững. Truyền thống văn hóa qua nhiều thời kỳ lịch sử của TKV có ý nghĩa hết sức to lớn trong phát triển và gìn giữ bản sắc văn hóa, khẳng định nên giá trị cốt lõi, thương hiệu của thợ Mỏ. Truyền thống văn hóa của thợ Mỏ đã được hun đúc là tài sản quý của doanh nghiệp, quyết định sự trường tồn của doanh

nghiệp. Đã tạo điều kiện cho tất cả các thành viên nhận ra được những sắc thái riêng mà một tổ chức muốn vươn tới. Nó cũng tạo ra sự cam kết tự nguyện đối với những gì vượt ra ngoài phạm vi niềm tin và giá trị của mỗi cá nhân, giúp các thành viên mới nhận thức được ý nghĩa của các sự kiện và hoạt động của tổ chức.

Phát huy cao độ và chuyển thành sức mạnh vật chất thời kỳ hội nhập và phát triển, người và văn hóa TKV luôn có sự liên hệ với cội nguồn truyền thống. Truyền thống là những kinh nghiệm đấu tranh sinh tồn của người thợ mỏ đã được đúc kết thành các giá trị và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống bao gồm tất cả các lĩnh vực, nhưng tập trung nhiều nhất trong lĩnh vực văn hóa. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn của người thợ mỏ, truyền thống có ý nghĩa vô cùng to lớn: vừa là nguồn sống vừa là nguồn sáng tạo của TKV. Vì thế, truyền thống không phải là những vật trưng bày trong viện bảo tàng, mà nó luôn tồn tại trong mối quan hệ quá khứ với hiện tại và tương lai. Chúng ta phải nhìn nhận truyền thống từ quá khứ hiện tại và tương lai thì mới thực hiện thành công trong đổi mới và phát triển bền vững Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, giá trị văn hóa phi vật thể tinh thần kỷ luật và đồng của những người thợ mỏ đã góp phần tô điểm, làm sinh động văn hóa giai cấp công nhân Việt Nam. Đây là tài sản tinh thần vô giá - văn hóa phi vật thể, nhưng đã có sức mạnh to lớn làm nên lịch sử và tầm vóc của giai cấp công nhân mỏ cũng như cả Vùng mỏ anh hùng. “Kỷ luật và đồng tâm” là sự biểu hiện tập trung, đầy đủ nhất về bản chất cách mạng, bản lĩnh đấu tranh đặc sắc về phương thức, phương pháp tập hợp lực lượng tạo nên sức mạnh to lớn, mạnh mẽ của đội ngũ thợ mỏ. Tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” được người thợ mỏ thể hiện trong nhiều khía cạnh của cuộc sống, sản xuất. Truyền thống đó đã hiện thực hóa thành sức mạnh vật chất làm nên những thắng lợi vẻ vang của tỉnh Quảng Ninh.

Tóm lại, sự hội tụ của nhiều vùng văn hóa khác nhau trên Vùng mỏ đã thực sự mang lại những nét văn hóa đặc sắc của thợ mỏ, văn hóa ngành Than, một yếu tố căn cốt để hình thành văn hóa Quảng Ninh đa dạng trong thống nhất. Đó vừa là di sản văn hóa lại vừa là tài sản có thể phát huy giá trị trong đời sống xã hội thời kỳ mới hiện nay. ❖

## **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

**ĐỖ MINH TUẤN**

*TS, Phó Hiệu trưởng phụ trách  
Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ*

Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30-10-2016, của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” chỉ rõ những hạn chế trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Nghị quyết cũng chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm này sẽ làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế, khuyết điểm nêu trên được xác định là: Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình trạng suy thoái, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và những hậu quả gây ra.

Với quan điểm *nhìn thẳng sự thật, bám sát thực tiễn, định hướng kịp thời*, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh nhận thức sâu sắc và chỉ rõ những hạn chế, tồn tại trong giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh và kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo: Chỉ thị số 11-CT/TU, ngày 17-10-2016, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho

thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”; Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18-10-2018, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, “Về một số giải pháp đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới”. Có thể khái quát một số vấn đề trong giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

*Một là, việc tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận cần theo kịp sự phát triển của xã hội.*

*Hai là, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, truyền đạt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cần được đổi mới.*

*Ba là, hoạt động báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị cần được đổi mới, nâng cao tính thuyết phục, tính chiến đấu.*

*Bốn là, công tác thông tin cơ sở cần được quan tâm đúng mức; hoạt động của các đài, trạm, cụm loa truyền thanh chưa được duy trì đều đặn; nội dung thông tin, tuyên truyền còn thiếu trọng tâm, trọng điểm và chưa thực sự bám sát cuộc sống.*

Trước yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn trong tình hình mới, việc nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu đặt ra để xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, theo quan điểm của người viết, cần tập trung thực hiện các nhóm giải pháp cơ bản như sau:

*Thứ nhất, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và định hướng.*

Cần bám sát, triển khai có hiệu quả và cập nhật vào các chương trình, bài giảng lý luận chính trị các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Trung ương về công tác tư tưởng như: Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26-5-2014, của Bộ Chính trị, “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”; Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24-3-2015, của Ban Bí thư, “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 – 2030”; Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016, của Bộ Chính trị, “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 9-2-2018, của Ban Bí thư, “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”;...

Quán triệt sâu sắc và chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ địa phương, cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, rèn luyện đạo đức, lối sống như: Chỉ thị số 11-CT/TU, ngày 17-10-2016, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”; Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18-10-2018, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, “Về một số giải pháp đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới”... Qua đó, góp phần làm cho mọi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc về những nguy cơ đe dọa trực tiếp đến uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ; nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra được các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Tăng cường công tác chỉ đạo nghiên cứu học tập, vận dụng các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với công tác tổng kết thực tiễn tại tỉnh Quảng Ninh.

*Thứ hai, về công tác tuyên truyền, giáo dục.*

Phát huy vai trò của hệ thống các cơ quan báo chí, truyền thông, đội ngũ báo cáo viên các cấp trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Coi trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị cho lãnh đạo, phóng viên các cơ quan báo chí.

Triển khai một số hình thức đấu thầu, giao nhiệm vụ các cơ quan báo chí, xuất bản về những nội dung giáo dục chính trị tư tưởng chuyên sâu, đặc thù, hiệu quả và phù hợp, nhất là ở khu vực vùng sâu, vùng xa. Tăng cường phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên trong việc cung cấp thông tin có tính định hướng của Đảng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là trước những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm; đưa việc tổ chức hội nghị báo cáo viên kết hợp giao ban công tác tư tưởng trở thành nền nếp hằng tháng từ tỉnh đến cơ sở.

Ứng dụng những phương tiện truyền thông mới trong kỷ nguyên số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào hoạt động báo chí, thông tin, tuyên truyền gắn với tiếp nhận, xử lý những ý kiến phản hồi của các tầng lớp nhân dân thông qua mạng xã hội.

Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động, xác định rõ cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm để phát huy tốt vai trò của các cơ quan

tuyên truyền, báo chí, hệ thống ban tuyên giáo, báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

*Thứ ba, về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ.*

Các cấp ủy, chính quyền cần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục lý luận chính trị; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị, nghị quyết của Đảng về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên của địa phương, đơn vị. Chủ động xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định, chế độ học tập chính trị, làm tốt công tác tư tưởng, kịp thời nắm rõ những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên; chỉ đạo và tổ chức thực hiện phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội.

Nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị thông qua việc đào tạo và tự đào tạo gắn với việc phát huy dân chủ, sáng tạo trong nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị một cách thiết thực, hiệu quả, hiện đại, phù hợp với đối tượng. Tiếp tục đổi mới dạy và học các môn lý luận chính trị trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh theo hướng thiết thực, hiệu quả, cập nhật kiến thức mới, bảo đảm tính sư phạm, khoa học, liên thông, tránh trùng lặp; phân loại chương trình chuyên và không chuyên.

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ hiện đại, phát huy khả năng tự nghiên cứu, sáng tạo của người học. Đồng thời, góp phần hoàn thiện các văn bản quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tiêu chuẩn hóa đối với cán bộ, đảng viên. Sử dụng linh hoạt các hình thức, phương tiện hiện đại và truyền thống trong giảng dạy lý luận chính trị và truyền đạt các nghị quyết; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; giúp học viên thực hiện tốt việc tự học, tự bồi dưỡng, bổ sung, mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực thực tiễn, rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn; bảo đảm thực chất trong thi cử, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

Chấn chỉnh việc nghiên cứu, học tập lý luận chính trị và rèn luyện, tu dưỡng về tư tưởng chính trị, đạo đức, tác phong, lối sống trong cán bộ, đảng viên; thực hiện nghiêm các quy định về học tập lý luận chính trị trong Đảng và Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 7-6-2017, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, “Về việc rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đối với cán bộ, đảng viên”; đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải ý



thức sâu sắc về trách nhiệm, nghĩa vụ học tập; thường xuyên tự nghiên cứu, học tập để nâng cao nhận thức và vận dụng sáng tạo lý luận, các quan điểm, đường lối của Đảng trong công tác; gắn học tập với rèn luyện phong cách làm việc khoa học, sâu sát với đời sống nhân dân, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, giữ vững tư cách người cách mạng.

Xây dựng và ban hành quy định về tiêu chuẩn cán bộ tuyên giáo và giảng viên lý luận chính trị để làm căn cứ thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, tuyển dụng, sử dụng cán bộ. Quan tâm đào tạo nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ các cơ quan chuyên trách công tác tư tưởng và đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên. Theo đó, cán bộ, đảng viên phải là người nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị, xem đây là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mình; từ đó, khắc phục bệnh “lười học tập lý luận chính trị”, chủ động, tự giác, tích cực trong học tập, nghiên cứu để đạt kết quả cao trong học tập và lĩnh vực mà mình công tác. Mặt khác, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong sử dụng mạng xã hội, thực hiện nghiêm những điều đảng viên không được làm...

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947) từng dạy: Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi ...; Giáo dục lý luận chính trị là quá trình tác động vào đối tượng bằng cách trình bày, giải thích một cách khoa học những khái niệm, những quy luật, những quan điểm... nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm được những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn của họ, hướng dẫn họ vận dụng những hiểu biết ấy vào cuộc sống. Tin tưởng rằng, trong thời gian tới, việc thực hiện đồng bộ hệ thống giải pháp nêu trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. ❖

## NÉT VĂN HÓA VÙNG MỎ XƯA VÀ NAY

TRÌNH QUỐC HÙNG

*ThS., NCS, Học viện An ninh nhân dân*

Có một giá trị không bao giờ thay đổi, luôn được từng người Quảng Ninh nói chung, từng người thợ mỏ nói riêng nhắc tới, mặc dù vùng đất ấy trải qua gần 40 năm đổi mới đã có những đổi thay to lớn và toàn diện. Giá trị luôn được nhắc đến đó là Kỷ luật và Đồng tâm.

“Kỷ luật và đồng tâm” là cốt lõi truyền thống văn hóa của công nhân mỏ vùng than Quảng Ninh. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, giá trị ấy của những người thợ mỏ đã góp phần tô điểm, làm sinh động văn hóa giai cấp công nhân Việt Nam; đồng thời lan tỏa, trở thành nét đặc sắc riêng có và là một trong những nền tảng để hình thành nên giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh.

Các đặc trưng: hào sảng, lạc quan, yêu đời, yêu công việc, đoàn kết và tinh thần kỷ luật là những thành tố nổi trội trong văn hóa đặc trưng của người công nhân mỏ than. Việc gìn giữ và phát huy những giá trị cốt lõi đó đã và đang không chỉ giúp ngành than tiếp tục phát triển, mà còn trở thành sức mạnh nội sinh to lớn, là động lực, nguồn lực cho tỉnh Quảng Ninh phát triển bứt phá trong những năm gần đây.

Những đặc trưng cốt cách của công nhân vùng mỏ, trước hết được thể hiện trong lao động, sản xuất. Ngành than vốn đòi hỏi tính kỷ luật cao bởi sự nặng nhọc, vất vả, lại nhiều rủi ro. Do đó, người công nhân phải có ý thức cao trong việc thực hiện nội quy lao động, quy trình kỹ thuật cũng như tác phong làm việc, vì chỉ một sơ suất nhỏ cũng có thể ảnh hưởng đến tính mạng của bản thân và đồng nghiệp. Đồng thời, họ phải có sự đồng tâm thì công việc mới được thuận lợi. Khẩu hiệu “kỷ luật và đồng tâm” đã gắn bó với những con người làm trong ngành than, trải qua quá trình lao động và đấu tranh, thấm đẫm cả máu xương đồng đội, khẩu hiệu Kỷ luật và Đồng tâm đã trở thành một giá trị và có tính kế thừa. Đa số các gia đình đều có nhiều thế hệ cùng hoạt động trong ngành than và có lẽ vì vậy, những công nhân tuy trẻ tuổi nghề nhưng lại rất thấu hiểu và phát huy tốt phẩm chất của

những thế hệ đi trước. Đó chính là do giá trị Kỷ luật và Đồng tâm đã lan tỏa từ các khu mỏ ra môi trường gia đình công nhân, ra xã hội xung quanh, thấm đẫm vào từng người con vùng đất mỏ.

“Kỷ luật và đồng tâm” trở thành khẩu hiệu truyền thống của người thợ mỏ và xuất phát từ một câu chuyện lịch sử. Vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp mở rộng khai thác thuộc địa, nhất là khai thác than ở vùng Quảng Ninh. Do công việc khai thác mỏ thời bấy giờ hoàn toàn thủ công, nên thợ mỏ phải làm việc trong môi trường nguy hiểm, độc hại, đồng lương lại ít ỏi, các điều kiện sinh hoạt đều thiếu thốn. Những người công nhân lúc đó đã đồng tâm cùng nhau đứng lên đấu tranh đòi chủ mỏ tăng lương và cải thiện điều kiện làm việc. Ban đầu là những cuộc bãi công manh mún, sau thu hút được sự đồng tâm của số đông nên đã dẫn đến cuộc tổng bãi công của hơn 30 nghìn thợ mỏ vào ngày 12-11-1936. Sau cuộc tổng bãi công ấy, chủ mỏ đã phải chấp nhận tất cả mọi yêu sách của công nhân. Từ đó, ngày 12-11 đã trở thành Ngày Truyền thống công nhân vùng mỏ - Truyền thống ngành than. Khẩu hiệu “Kỷ luật và đồng tâm” được tuyên truyền xuyên suốt cuộc bãi công, khi thành công đã trở thành tài sản tinh thần vô giá, được áp dụng vào lao động sản xuất, rồi được áp dụng vào đời sống công nhân ngành than, rồi lan tỏa ra xã hội, trở thành một đặc trưng thành phần góp tạo nên bản sắc văn hóa, con người Quảng Ninh.

Truyền thống đó, không chỉ được các công ty than tiếp nối, phát huy, sự quy củ, kỷ luật, làm việc rất bài bản, nguyên tắc là tất yếu với từng người công nhân và với tổ chức, hoạt động của công ty. Hàng trăm thợ mỏ dù lúc sinh hoạt hay làm việc đều tuân thủ rất nghiêm ngặt các quy định đề ra. Hàng trăm người xếp hàng ngay ngắn, trật tự khi ăn, khi lấy dụng cụ và vào lò. Tinh thần kỷ luật và đồng tâm được phát huy vì sự an toàn, và ngày nay còn vì năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Những người thợ mỏ dù đến từ nhiều vùng quê khác nhau, nhưng hội tụ lại ở vùng đất mỏ Quảng Ninh, ở họ có sự khác biệt riêng, đồng thời có sự hòa trộn các nét văn hóa, ý nghĩa đồng tâm cũng hàm ý là cả sự hòa hợp của các nền văn hóa, từ văn hóa khu vực dân cư vùng đồng bằng sông Hồng, dân cư vùng biển, đồng bào dân tộc thiểu số,... của những đặc trưng con người các vùng miền, từ đó hình thành một nét văn hóa đặc trưng của con người Quảng Ninh

Tinh thần lạc quan, hào sảng, tạo cho con người vùng mỏ tình yêu quê hương, yêu công việc. Mặc dù vất vả nhưng đa số công nhân gắn bó với nghề cả cuộc đời. Có lẽ một phần vì họ luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ không chỉ từ các công nhân khác mà họ còn được chăm sóc chu đáo từ chính những người lãnh đạo, quản lý. Chăm lo đời sống công nhân

được các lãnh đạo ngành than xác định vừa là trách nhiệm vừa là tình cảm yêu thương gắn bó. Các công trình văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng để đem đến nụ cười, tiếng hát, để người công nhân có thể chất khỏe mạnh.

Các hoạt động văn hóa được tổ chức thường xuyên, nhất là vào những dịp lễ lớn của đất nước hay ngày truyền thống của ngành than. Các công ty đã xây dựng sân bóng đá, bóng chuyền, quần vợt... có câu lạc bộ thể thao hoạt động ngoài giờ với các bộ môn cầu lông, bóng chuyền, cờ vua, cờ tướng đáp ứng nhu cầu các anh em có năng khiếu, sở thích. Các ngày lễ lớn đều tổ chức các giải thi đấu thể thao. Đều đặn hai năm một lần, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam lại tổ chức các giải đấu lớn, công ty đều tạo điều kiện để công nhân viên tham gia các hoạt động thể thao. Các công ty đều có phong trào khuyến học, hằng năm tổ chức để khen thưởng con cán bộ, công nhân viên đạt danh hiệu học sinh giỏi, các cháu sinh viên tốt nghiệp loại giỏi; phong trào đóng góp bằng ngày công để hỗ trợ gia đình công nhân viên chức có hoàn cảnh khó khăn... Có công ty như Công ty cổ phần than Cao Sơn, đã tổ chức nhà truyền thống trưng bày những mô hình đời sống, sản xuất của công nhân mỏ, và từ năm 2014, Công ty đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Công viên Cao Sơn lưu thủy. Đây là nơi để thợ mỏ tìm đến thư giãn sau những giờ lao động nặng nhọc, là một điểm đến mang giá trị văn hóa tâm linh, tín ngưỡng của công nhân. Công viên là một quần thể kiến trúc mang đậm nét văn hóa Phật giáo, với các mô hình mô phỏng tháp Bút, chùa Một Cột, Văn Miếu... Tại đây có những khu vực thờ các bậc thánh nhân và anh hùng dân tộc... Công trình có không gian xanh mát, thoáng đãng, với diện tích rộng khoảng gần một héc-ta, tựa lưng vào núi, hướng ra vịnh Bái Tử Long. Nhiều tua du lịch lựa chọn nhà truyền thống và Công viên của Công ty làm điểm đến trong hành trình tham quan của du khách. Công ty than Dương Huy - thì đầu tư xây dựng nhà thi đấu thể thao nội bộ với sức chứa 1.000 người, phục vụ nhu cầu rèn luyện vui chơi của cán bộ, công nhân viên và người dân trên địa bàn; Giải thể thao truyền thống hằng năm vào ngày 12-11; phong trào lao động, sản xuất; chương trình Tháng 7 tri ân - hành trình “về nguồn”; tổ chức gặp mặt toàn thể công nhân, tuyên dương những công nhân tiêu biểu đạt công suất, ngày công cao;...

Đây là kết quả của tư duy vì người lao động. Công việc của thợ mỏ vốn vất vả, nặng nhọc, vì vậy những hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên sẽ giúp giảm sự mệt mỏi, căng thẳng sau những giờ làm việc dưới hầm lò. Đời sống văn hóa tinh thần được quan tâm chính là nguồn động lực giúp họ hoàn thành tốt hơn công việc, đồng thời nâng cao sự đoàn kết và tình đồng nghiệp, một nét đẹp truyền thống của công nhân vùng mỏ. Đây cũng là sự hưởng ứng tinh thần, quá trình đưa nghị quyết của Đảng vào đời sống công nhân vùng mỏ.

Triển khai Kết luận số 76 ngày 4-6-2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; thực hiện Nghị quyết số 11 ngày 9-3-2018 của Tỉnh ủy về “Xây dựng và phát triển văn hóa con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” của công nhân vùng mỏ theo tinh thần Chương trình hành động bổ sung số 12 ngày 21-7-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Than Quảng Ninh, Ban Thường vụ Đảng ủy Than Quảng Ninh yêu cầu các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc chỉ đạo triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và người lao động về đời sống văn hóa thợ mỏ và truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” của công nhân Vùng Mỏ trong tình hình mới. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động theo lời Bác dạy: “Ngành sản xuất than cũng như quân đội đánh giặc.... sản xuất thật nhiều than cho Tổ quốc” cùng với chiến lược của TKV “Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh” và phương châm hành động “Thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hài hòa với địa phương và cộng đồng, hài hòa với đối tác bạn hàng”. Tuyên truyền về tinh thần vượt mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, lao động cần cù, sáng tạo của bao thế hệ công nhân Vùng Mỏ góp phần xây dựng ngành Than - Khoáng sản lớn mạnh về mọi mặt, đáp ứng nhu cầu về Than cho nền kinh tế, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

Lịch sử 85 năm truyền thống công nhân Mỏ luôn gắn với những đổi thay của đất nước. Xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển với truyền thống anh hùng của các thế hệ thợ Mỏ đã chung sức, chung lòng xây dựng nên ngôi nhà chung Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Việt Nam (TKV). Đối với TKV, truyền thống văn hóa phản ánh toàn bộ các hoạt động của đội ngũ thợ Mỏ cả về vật chất và đời sống tinh thần. Văn hóa thợ Mỏ nói về đội ngũ công nhân, lao động ngành Than - Khoáng sản Việt Nam với hình ảnh là sự đa dạng, phong phú, nhiều sắc màu và thường rất nổi bật được kết tinh theo từng năm tháng, có sự giao thoa kỳ diệu giữa nhiều vùng văn hóa với nhau để tạo nên truyền thống cao đẹp của những người đi tìm than, khoáng sản. Bằng những sản phẩm mà thợ Mỏ tạo ra trong quá trình lao động sản xuất, được chi phối bởi môi trường tự nhiên và xã hội, đã hình thành những nét đặc trưng riêng của Văn hóa TKV.

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, đất nước đối mặt với nhiều thách thức, đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng của toàn thể người dân. Trước những thách thức đó, tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” một lần nữa lại được thắp sáng:

*Trong đại dịch COVID-19:* với tinh thần ưu tiên số một cho công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, cần quyết liệt chỉ đạo hướng ứng Lời kêu gọi ngày 29-7-2021 của Tổng Bí thư về công tác phòng, chống đại dịch COVID-19: thực hiện tốt mục tiêu kép “Phòng chống dịch và sản xuất, kinh doanh hiệu quả trong tình hình mới”, rà soát bổ sung nâng cấp kịch bản phòng chống dịch COVID-19 lên mức cao; tuyên truyền quán triệt động viên cán bộ, công nhân viên chức, người lao động thực hiện nghiêm các quy định của các cấp, các ngành, địa phương TKV và Đảng ủy Than Quảng Ninh trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

*Trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá thông tin giả sai sự thật, xấu, độc:* nắm bắt và định hướng kịp thời tình hình tư tưởng người lao động; đăng và chia sẻ các tin, bài trên trang fanpage “Người thợ”, facebook “Đoàn Than Quảng Ninh”, Zalo “Chiến binh”; mở rộng các hình thức tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, cơ quan quản lý với các đoàn thể quần chúng và cán bộ, đảng viên, người lao động trong đơn vị; tiếp thu ý kiến đóng góp của các đoàn thể quần chúng, người lao động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị cơ sở.

*Trong đấu tranh với những biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống:* Triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 01 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện chuyên đề toàn khóa, chuyên đề năm 2021 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”; tổ chức tốt phong trào thi đua dân vận khéo, xây dựng hình ảnh “Người Thợ mỏ - Người Chiến sỹ”, tuyên dương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến.

*Trong xây dựng đời sống văn hóa:* Sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa thể thao, các nguồn lực ở đơn vị để chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; tích cực tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao do Tập đoàn, Đảng ủy Than Quảng Ninh tổ chức trong quý 3 và quý 4 năm 2021 như: Cuộc thi sáng tác ảnh “Nụ cười thợ mỏ”; Hội diễn văn nghệ quần chúng năm 2021; Liên hoan tiếng hát thợ mỏ; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành cuốn sách “Truyền thống kỷ luật và đồng tâm của công nhân mỏ Quảng Ninh”: tham gia Giải báo chí “Búa liềm vàng” năm 2021; Hội thi báo cáo viên giỏi cấp tỉnh năm 2021....

*Trong gìn giữ và phát huy văn hóa thợ mỏ trong thời kỳ mới:* Trong phong trào văn hóa, thể thao của thợ mỏ cũng có những nét văn hóa rất riêng. Ngay cả những danh hiệu như

“Nghệ sĩ Vùng mỏ”, “Thợ mỏ vẻ vang”, “Người thợ mỏ - người chiến sĩ”... cũng rất đặc biệt mà chẳng nơi nào, ngành nào có được. Văn học dân gian của công nhân mỏ, đặc biệt là ca dao Vùng mỏ là kho tàng phong phú, đa dạng mà lớp tác giả công nhân và khuyết danh đã để lại cho hậu thế. Tóm lại, sự hội tụ của nhiều vùng văn hóa khác nhau trên Vùng mỏ đã thực sự mang lại những nét văn hóa đặc sắc của thợ mỏ, văn hóa ngành Than, một yếu tố căn cốt để hình thành văn hóa Quảng Ninh đa dạng trong thống nhất. Đó vừa là di sản văn hóa lại vừa là tài sản có thể phát huy giá trị trong đời sống xã hội đương đại đã và đang được các thế hệ công nhân tiếp tục gìn giữ, phát huy.

*Trong chăm lo đời sống mọi mặt cho người lao động:* Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, cơ quan chuyên môn phối hợp quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống mọi mặt cho người lao động: tổ chức thăm hỏi, động viên gia đình công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình có thân nhân bị tai nạn lao động; tổ chức tốt các hoạt động xung kích trong lao động sản xuất, tích cực đảm nhận quản lý các công trình, phân việc quản lý đảm bảo năng suất, chất lượng; tham gia có hiệu quả các hoạt động vì cuộc sống cộng đồng, hiến máu tình nguyện, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn: tuyên dương lao động giỏi, thu nhập cao; giáo dục, bồi dưỡng giới thiệu đoàn viên, hội viên ưu tú để phát triển đảng đợt 12-11.

Nhìn chung, tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” được người thợ mỏ thể hiện trong nhiều khía cạnh của cuộc sống. Đây là tài sản tinh thần vô giá - văn hóa phi vật thể, nhưng có sức mạnh to lớn làm nên lịch sử và tầm vóc của giai cấp công nhân mỏ cũng như cả Vùng mỏ anh hùng. ❖

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG, TẠO ĐỘNG LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG Ở TỈNH QUẢNG NINH

**PHẠM THANH HẰNG**

*TS, Viện Tôn giáo và tín ngưỡng,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Trong đời sống xã hội đương đại, với bề dày lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng đã góp phần hình thành nên hệ giá trị văn hóa dân tộc, góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa Việt Nam, tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Nhận thức rõ vai trò của văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng với tính cách là nguồn sức mạnh mềm tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Quảng Ninh luôn coi trọng phát huy nguồn lực tôn giáo, tín ngưỡng theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, nhất là trên khía cạnh di sản văn hóa tinh thần, điều này có ý nghĩa chiến lược cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

Với tư cách là một thành tố của văn hóa, tôn giáo trở thành một bộ phận cấu thành tất yếu của hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Ngay từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp cận tôn giáo ở góc độ văn hóa. Người viết: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn<sup>(1)</sup>. Quán triệt sâu

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 431



sắc tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới nhận thức về tôn giáo, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ coi trọng và đánh giá đúng mức những giá trị văn hóa, đạo đức của các tôn giáo như đã chỉ rõ trong Nghị quyết số 24-NQ/TW từ cuối năm 1990 mà hơn nữa, còn xem tôn giáo như một nguồn lực xã hội đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội đúng như chức năng, truyền thống, giá trị văn hóa, tinh thần tốt đẹp vốn có của các tôn giáo đã được khẳng định như một điểm mới nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIII. Nguồn lực tôn giáo ở đây mang nội hàm rộng lớn, như trong giáo dục con người, trong phát triển kinh tế, trong an sinh xã hội và trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa. Đó vừa là nguồn lực vật chất, vừa là nguồn lực tinh thần. Từ khía cạnh nguồn lực tinh thần, tôn giáo có những đóng góp tiêu biểu trên phương diện giá trị đạo đức, giá trị văn hóa, tạo nền tảng văn hóa, tinh thần cho toàn bộ đời sống xã hội<sup>(1)</sup>.

Tôn giáo đồng hành lâu dài với dân tộc và đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hóa vừa phong phú, đa dạng, vừa độc đáo, riêng có ở Việt Nam. Trong quá trình tồn tại và phát triển, tôn giáo không chỉ thuần túy chuyển tải đức tin mà quan trọng hơn là chuyển tải văn hóa, văn minh của cộng đồng xã hội. Di sản văn hóa tôn giáo được chuyển giao qua các thế hệ con người Việt Nam trong các sinh hoạt vật chất và tinh thần đã góp phần tạo nên sự bền vững, trường tồn của văn hóa dân tộc. Nhiều công trình kiến trúc tráng lệ của tôn giáo được bảo tồn, tôn tạo trở thành di tích lịch sử cấp quốc gia, là điểm danh thắng, du lịch tâm linh nổi tiếng thu hút khách thập phương. Phật giáo nổi bật với kiến trúc của các ngôi chùa được thiết kế theo kiểu chữ Đinh, chữ Tam, chữ Quốc,... Công giáo đóng góp cho nghệ thuật kiến trúc dân tộc những nhà thờ, tháp chuông. Hồi giáo với lối kiến trúc đặc sắc của các thánh đường. Cao Đài tập trung những quần thể kiến trúc thánh thất riêng có của tôn giáo nội sinh này. Các công trình kiến trúc của các tôn giáo không chỉ ẩn chứa nghệ thuật kiến trúc mà còn là những tác phẩm hội họa, điêu khắc, tạo hình, tạo tượng tinh tế, đầy giá trị thẩm mỹ. Ngoài ra, từ những câu chuyện thần thoại hấp dẫn trong kinh sách, đạo phục, nghi thức hành lễ, cách trang trí đồ thờ tự cho đến những bản nhạc, lời ca, điệu múa tôn giáo... đều tô đượm, làm giàu thêm cho nền văn hóa dân tộc. Di sản âm nhạc tôn giáo vô cùng phong phú. Lễ nhạc Phật giáo với tiếng chuông, mõ, khánh, đầu ngân vang trong không gian linh thiêng của chốn thiền môn chuyển tải nội dung tư tưởng, giáo lý Phật giáo song hòa quyện, thấm đẫm âm hưởng dân tộc. Di sản nghệ thuật thanh sắc của Công giáo với những bài thánh ca, bình ca là sản phẩm của sự pha trộn giữa nền văn minh Trung cận Đông cổ xưa với nền văn minh phương Tây. Lễ nhạc Cao Đài tổ chức trong không gian

(1) Xem: Chu Văn Tuấn, Nguyễn Thành Trung: “Xây dựng sản phẩm du lịch gắn với khai thác di sản tôn giáo, tín ngưỡng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam*, số 60 (11), tháng 11-2018, tr. 60 - 61

đàn cúng huyền diệu vốn được dung dưỡng trong nền văn hóa truyền thống của dân tộc, mang đậm phong cách âm nhạc dân tộc<sup>(1)</sup>. Không chỉ là những di sản mang giá trị văn hóa vật chất, rất nhiều di sản còn chuyển tải diện mạo tinh thần, hồn cốt dân tộc.

Bên cạnh hệ giá trị văn hóa của các tôn giáo thể hiện thông qua các di sản tôn giáo, các hình thức tín ngưỡng ở Việt Nam cũng chuyển tải nhiều giá trị văn hóa và được bảo lưu qua các thế hệ trong hàng nghìn năm lịch sử. Thông qua các sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội, hệ giá trị văn hóa của dân tộc được củng cố và ngày càng bền chặt.

Trong bề dày lịch sử dân tộc, tín ngưỡng đã góp phần gìn giữ, bảo lưu các giá trị, tập quán văn hóa truyền thống, làm sống dậy nhiều ký ức văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt nghệ thuật của cha ông. Trong mỗi hình thức tín ngưỡng, hệ thống các truyền thuyết, huyền thoại, thần tích, nghi lễ thờ phụng,... đều để lại những giá trị nhất định về văn hóa lịch sử. Một số hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội gắn chặt với các loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc, như những điệu múa lên đồng, hát chầu văn trong tín ngưỡng thờ Mẫu; hát chèo, hát ả đào, hát xoan, hát giao duyên trong hát cửa đình của lễ hội làng. Một số khác gắn với các trò múa dân gian (như múa Tùng Dí, múa Ông Đùng, Bà Đà, múa lân, múa éch vồ,...), hay các trò diễn dân gian (như cướp kèn, cướp dò, kéo co, đấu vật, đua thuyền, giã gạo, bắt chạch trong chum, chọi gà, bắt vịt, chọi trâu, rước nước,...) nhằm tái hiện công trạng, thành tích tiêu biểu của các vị thần. Trong các nghi lễ tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số, di sản âm nhạc hiếm hoi của các tộc người với việc sử dụng các nhạc cụ truyền thống như công, chiêng, trống, thanh la, chũm chọe,... đã được lưu giữ toàn vẹn. Rõ ràng, thông qua các sinh hoạt văn hóa tâm linh của người dân, nhiều hình thức múa hát, âm nhạc cổ truyền, nghệ thuật sân khấu, trò chơi dân gian được trao truyền, bảo lưu, không bị phai nhạt, mai một theo thời gian.

Không chỉ trên lĩnh vực văn hóa phi vật thể, các hình thức tín ngưỡng còn làm phong phú thêm truyền thống văn hóa của người Việt trên lĩnh vực văn hóa vật thể. Nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc trên cửa đình, cửa đền, cửa miếu ghi lại dấu ấn sâu đậm về đời sống tín ngưỡng của cha ông. Những biểu tượng trên các ngôi đình, đền, miếu từ hình khối, đường nét chạm khắc, màu sắc, bố cục, kết cấu vừa thể hiện sự sáng tạo kỳ diệu bởi bàn tay, khối óc của các nghệ nhân, vừa phản ánh khá toàn diện mạch ngầm của văn hóa làng xã<sup>(2)</sup>.

(1) Xem: Lê Văn Lợi: “Bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo trong công cuộc đổi mới đất nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 12, năm 2013

(2) Xem: Thường Tín: “Tín ngưỡng phồn thực và ngôi đình làng Bắc bộ”, *Tạp chí Văn hóa cổ truyền*, số 297, năm 2009, tr. 41 - 43

Với nhiều giá trị nhân văn tiến bộ, ngày nay, tôn giáo, tín ngưỡng đã góp phần bổ sung, làm phong phú hệ giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam. Vì lẽ đó, vấn đề phát huy vai trò của văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng, nhất là các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ẩn chứa trong các tôn giáo, tín ngưỡng được đặt ra nhằm góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho việc khơi dậy nguồn sức mạnh tổng hợp, tạo đà tăng trưởng và phát triển bền vững đất nước.

### PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG Ở TỈNH QUẢNG NINH

Quảng Ninh là tỉnh miền núi, trung du, nằm ở vùng duyên hải thuộc Đông Bắc Bộ Việt Nam. Đây là vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với nhiều di sản và kì quan thiên nhiên thế giới. Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh không chỉ sở hữu tiềm lực phát triển kinh tế với nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào mà còn sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa với hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng hết sức phong phú, đa dạng. Đây là vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi hội tụ nguồn tài nguyên văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng quý giá vô tận. Theo thống kê sơ bộ, toàn tỉnh hiện có 459 di tích tôn giáo, tín ngưỡng (chiếm 91% tổng số di tích lịch sử và chiếm 75,5% toàn bộ di tích trong tỉnh)<sup>(1)</sup>. Trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế rộng mở, việc định vị đúng giá trị di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng và khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của nó cho sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đặc biệt là du lịch văn hóa, du lịch tâm linh là hướng đi đúng đắn và phù hợp.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có 4 tôn giáo lớn hoạt động là Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, với trên 190.000 tín đồ, chiếm 16,6% dân số toàn tỉnh<sup>(2)</sup>. Trong đó, Phật giáo có khoảng 155.000 phật tử, trên 600 chức sắc, nhà tu hành và 150 cơ sở tự viện; Công giáo có khoảng 43.000 giáo dân, 14 linh mục, 255 chức việc và 44 nhà thờ, nhà nguyện; Tin Lành có 1.082 tín đồ, 25 chức sắc, 46 điểm nhóm thường xuyên sinh hoạt thuộc 14 tổ chức, hệ phái; Cao Đài có 214 tín đồ, 9 chức sắc, 14 chức việc, 1 cơ sở thánh thất, 5 tổ nghi lễ, điểm sinh hoạt<sup>(3)</sup>. Số lượng lớn cơ sở thờ tự của các tôn giáo là nguồn tài nguyên dồi dào và đặc biệt, có sức hấp dẫn để thu hút khách thập phương đến tham quan, du lịch.

---

(1) <http://disanquangninh.gov.vn/introduction>

(2) Xem: “Quảng Ninh: Tăng cường vận động, đoàn kết tôn giáo”, <http://danvan.vn/Home/Cong-tac-ton-giao/11754/Quang-Ninh-Tang-cuong-van-dong-doan-ke-ton-giao>

(3) Xem: “Làm tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo”, <https://baoquangninh.vn/lam-tot-cong-tac-quan-ly-nha-nuoc-ve-tin-nguong-ton-giao-2484259.html>.

Đáng lưu ý, tỉnh Quảng Ninh là nơi phát tích của triều Trần, nơi gắn liền với những nhân tài anh kiệt thời Trần, cũng là nơi phát tích của Phật giáo Trúc Lâm, nơi viên tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông. Đây là nơi có chùa Quỳnh Lâm được coi là trường đại học Phật giáo đầu tiên của nước ta. Đặc biệt, tỉnh có Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử là nơi khởi nguồn của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử - một dòng thiền “thuần Việt”, mang nét đặc sắc riêng có của Việt Nam. Khu di tích quốc gia đặc biệt Yên Tử hằng năm đón từ 1,5 đến 2 triệu lượt khách, dự báo sẽ được phê duyệt trở thành Di sản thế giới và có đóng góp tích cực hơn nữa cho sự phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh và ngành công nghiệp du lịch của Việt Nam.

Về các hình thức tín ngưỡng, tỉnh Quảng Ninh là vùng đất hội tụ đầy đủ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ các vị tướng lĩnh nhà Trần có công với nước, tín ngưỡng thờ các vị thành hoàng, tín ngưỡng thờ các vị thần tự nhiên (Sơn thần, Thổ thần, Thủy thần,...) và tín ngưỡng thờ các Mẫu (Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Ngàn,...). Hệ thống công trình kiến trúc tín ngưỡng bao gồm am, tháp, bia, đền, đình, miếu, nhà thờ họ, lăng mộ,... phân bố trải khắp trong toàn tỉnh. Nhiều di tích tín ngưỡng được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa, là nguồn di sản văn hóa vật thể có giá trị để phát triển du lịch tâm linh. Bên cạnh số lượng lớn di sản văn hóa vật thể, Quảng Ninh còn được biết đến là tỉnh lưu giữ hàng nghìn hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tồn tại dưới dạng những phong tục, tập quán, trò chơi dân gian, lễ hội của hơn 20 dân tộc sinh sống trên toàn tỉnh.

Với nhiều dân tộc thiểu số anh em cùng cư trú từ lâu đời, tỉnh Quảng Ninh còn là nơi hội tụ sự đa dạng văn hóa tín ngưỡng, lễ hội của các tộc người. Xác định rõ tầm quan trọng của việc gìn giữ, khai thác và phát huy văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số, tỉnh đã triển khai xây dựng nhiều dự án, đề án về nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Dựa trên tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm và một trong ba khâu đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 là phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhằm cụ thể hóa tinh thần nghị quyết này, Sở Văn hóa, Thể thao, Sở Du lịch, Hội Văn học nghệ thuật, Hội Văn nghệ dân gian tỉnh cùng các địa phương đã tích cực bảo lưu và duy trì các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, phong tục, tập quán, trò chơi dân gian, lễ hội của các dân tộc cùng cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh<sup>(1)</sup>.

(1) Xem: “Quảng Ninh: Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc”, <https://bvhttdl.gov.vn/quang-ninh-bao-ton-va-phat-huy-ban-sac-van-hoa-dan-toc-20220117080907124.htm>.

Những năm gần đây, một kết quả đáng ghi nhận trong việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là việc phục dựng và tổ chức nền nếp các lễ hội văn hóa của đồng bào. Đây chính là hệ thống di sản văn hóa tín ngưỡng vô cùng phong phú, đa dạng của tỉnh. Các lễ hội thường gắn với những di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia và di tích cấp tỉnh. Tiêu biểu như lễ hội đình Trà Cổ tại di tích đình Trà Cổ, thành phố Móng Cái; lễ hội Quan Lạn tại khu di tích lịch sử đình, nghề, miếu, chùa Quan Lạn, huyện Vân Đồn; lễ hội đình Yên Cư, thành phố Hạ Long; lễ hội đền thờ vua Lê Thái Tổ, lễ hội đình Trới, huyện Hoành Bồ; lễ hội Tiên Công tại di tích Miếu Tiên Công và các di tích nhà thờ họ ở đảo Hà Nam, thị xã Quảng Yên. Khu vực tập trung nhiều lễ hội truyền thống nhất là thị xã Đông Triều (19 lễ hội) và thị xã Quảng Yên (11 lễ hội). Hằng năm, toàn tỉnh có 59 lễ hội lớn, nhỏ được tổ chức, trong đó có các lễ hội lớn diễn ra vào dịp đầu năm như: Lễ hội Yên Tử, lễ hội đền Cửa Ông, lễ hội chùa Quỳnh Lâm, lễ hội chùa Lôi Âm, lễ hội đình Làng Dạ, lễ hội đình Lục Nà, lễ hội đình Đàm Hà,... Năm 2016, tỉnh lập 6 hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể là: Lễ cấp Sắc của tộc người Dao Thanh Phán, huyện Hoành Bồ; Then nghi lễ tộc người Tày, huyện Bình Liêu và di sản văn hóa phi vật thể Hát nhà tơ (hát, múa cửa đình); Lễ hội đình Quan Lạn, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn; Lễ hội đình Trà Cổ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái; Lễ hội đền Cửa Ông, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả. Tính đến thời điểm hiện nay, đã có 3/6 di sản chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là Then nghi lễ tộc người Tày, huyện Bình Liêu; Hát nhà tơ (Hát cửa đình) tỉnh Quảng Ninh và Lễ hội đền Cửa Ông, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả<sup>(1)</sup>.

Từ sự quan tâm đúng mức của tỉnh Quảng Ninh đến việc duy trì, bảo tồn và lan tỏa các di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, nhiều giá trị văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc, từ kiến trúc nghệ thuật, nghi thức, nghi lễ cho đến diễn xướng, trang phục, ẩm thực,... được gìn giữ và trao truyền qua các thế hệ. Đặc biệt, tầm nhìn chiến lược của tỉnh hiện nay là tận dụng nguồn tài nguyên phong phú, dồi dào trong các di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống cho phát triển kinh tế, nhất là phát triển ngành công nghiệp không khói - du lịch tâm linh, góp phần nâng cao đời sống của người dân, xóa đói, giảm nghèo bền vững.

Thiết nghĩ, thời gian tới, trong bối cảnh giao lưu văn hóa quốc tế, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh phát triển mạnh mẽ, nếu biết khai thác nguồn tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng với những nét đặc thù gắn với phong tục tập quán và văn hóa truyền thống, chắc chắn, một mặt,

(1) Xem: <http://disanquangninh.gov.vn/introduction>.

tỉnh Quảng Ninh có thể góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam đến với thế giới, mặt khác, có thể đóng góp nguồn lực trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Vấn đề đặt ra là khai thác, phát huy nguồn tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng như thế nào để vừa chuyển tải bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam, vừa phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch tâm linh. Nên chăng, việc khai thác, phát huy cần có chiến lược lâu dài, tránh tự phát, cục bộ, mạnh đâu làm đó, làm mất bản sắc của di sản. Hơn nữa, khai thác luôn phải gắn với bảo tồn để di sản được gìn giữ một cách lâu dài, bền vững, tránh tình trạng làm cho di sản ngày càng bị xuống cấp. Khai thác phải chú trọng đến những giá trị ẩn chứa bên trong (giá trị tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị lịch sử, văn hóa, giá trị nghệ thuật thẩm mỹ), chứ không chỉ khai thác những yếu tố bên ngoài (kiến trúc, nghi lễ, âm nhạc, hội họa).

Thêm vào đó, khai thác, phát huy nguồn tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng ở tỉnh Quảng Ninh cần được xác định là nhiệm vụ chung và cần có sự phối, kết hợp giữa các cấp, các ngành. Ngành khoa học công nghệ nghiên cứu, phát hiện, tìm kiếm các giá trị di sản tôn giáo, tín ngưỡng. Ngành văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh giữ trách nhiệm trực tiếp trong trùng tu, tôn tạo di tích, phục dựng, duy trì các lễ hội truyền thống,... Với chức năng của cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, ngành văn hóa, thể thao, du lịch cần xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để gìn giữ di sản, quy hoạch vùng bảo vệ di sản, lập hồ sơ di sản, tránh các tác nhân từ thiên nhiên, con người làm xâm hại di sản; làm tốt công tác tổ chức, giới thiệu, quảng bá di sản đến với người dân trong nước và bạn bè quốc tế để thu hút đông đảo khách du lịch đến với Quảng Ninh. Ngành du lịch cần khai thác, tận dụng các giá trị của di sản tôn giáo, tín ngưỡng để đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội<sup>(1)</sup>. Sự phối hợp nhịp nhàng theo đúng chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động văn hóa trong bảo tồn và phát huy di sản tôn giáo, tín ngưỡng sẽ bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả cao và đúng định hướng chiến lược. ❖

(1) Xem: Chu Văn Tuấn, Nguyễn Thành Trung: “Xây dựng sản phẩm du lịch gắn với khai thác di sản tôn giáo, tín ngưỡng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam*, số 60 (11), tháng 11-2018, tr. 58 - 63

# TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH QUẢNG NINH

VŨ KIÊN CƯỜNG

*Trưởng Ban Quản lý vịnh Hạ Long*

Hiện nay, vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh có 56 xã, thị trấn khu vực I, không còn xã khu vực II và khu vực III là các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn; tuy nhiên, tỉnh vẫn còn 12 thôn, bản, khu đặc biệt khó khăn ở 6 xã và 1 thị trấn. Đồng bào dân tộc thiểu số có hơn 16,2 vạn người, chiếm 12,31% dân số toàn tỉnh, với 42 thành phần dân tộc anh em cư trú trên hơn 85% diện tích của tỉnh là các địa bàn có vị trí trọng yếu về quốc phòng - an ninh. Tỉnh Quảng Ninh xác định chiến lược phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh: “*Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển con người, xây dựng văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; trong mọi điều kiện phải bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội*”.

Xác định rõ những khó khăn, thách thức trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn phát triển mới, tỉnh đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương để ban hành các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch triển khai sớm và có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025. Ngày 17-5-2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, “Về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu

số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. **Đây là** nghị quyết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm thực hiện tăng trưởng bao trùm, hướng tới sự phát triển bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau, cụ thể là: đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu - nghèo, chênh lệch vùng, miền; cải thiện rõ rệt và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Kế thừa những thành tựu đạt được của việc triển khai đồng bộ các chính sách dân tộc trong các nhiệm kỳ trước, cùng với sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân, thời gian qua, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ninh đã có bước phát triển đột phá.

*Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật địa bàn dân tộc thiểu số và miền núi được ưu tiên đầu tư:* Với quan điểm “đường đi trước một bước”, “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, hạ tầng giao thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phát triển đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể, thúc đẩy kết nối vùng, liên vùng cùng với phát triển toàn diện các hạ tầng thiết yếu phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt và sản xuất của người dân. Đến nay, hệ thống giao thông đã được nhựa hóa, bê-tông hóa, kết nối liên thông đến 100% số thôn, bản; 100% số hộ dân ở các xã, thôn được sử dụng điện lưới quốc gia và điện an toàn từ các nguồn; 100% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình, nghe đài phát thanh quốc gia và tỉnh Quảng Ninh, phủ lôm sóng điện thoại di động đến hầu hết các thôn, bản.

*Công tác giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả ấn tượng:* Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 54,4 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 1,5 lần so với năm 2020. Đến cuối năm 2022, tỉnh còn 258 hộ nghèo (giảm 1.268 hộ so với năm 2021, giảm 83,09% số hộ nghèo cuối năm 2021), chiếm tỷ lệ 0,067% (giảm 0,343% so với năm 2021); trong đó, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo còn 171 hộ nghèo (giảm 1.183 hộ so với năm 2021, giảm 87,37% số hộ nghèo thuộc vùng cuối năm 2021); 12/12 thôn, bản đủ điều kiện ra khỏi diện đặc biệt khó khăn.

Năm 2022, tỉnh Quảng Ninh hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, bước vào giai đoạn xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu hiện đại, văn minh gắn với đô thị hóa hài hòa, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc



sống nông dân, cư dân nông thôn. Đồng thời, hoàn thành trước 3 năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, chuyển sang giai đoạn xây dựng và triển khai theo chuẩn nghèo đa chiều mới của tỉnh cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

*Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngày càng phát triển cả về quy mô, mạng lưới và chất lượng:* 100% số xã, huyện đạt chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định và đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 85,85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ là 47,5%; 100% số học sinh là người dân tộc thiểu số được định hướng nghề nghiệp, tỷ lệ học sinh sau trung học cơ sở được phân luồng vào học nghề và vừa học văn hóa vừa học nghề đạt 24,48%. Tỉnh tập trung ưu tiên nguồn lực nâng cấp cơ sở vật chất các trường học đạt chuẩn với chỉ tiêu phấn đấu chậm nhất đến năm 2025, hoàn thành việc hỗ trợ mỗi huyện xây dựng một trường công lập theo tiêu chí chất lượng cao ở mỗi cấp học giáo dục phổ thông; mỗi thành phố, thị xã xây dựng một trường trung học phổ thông công lập theo tiêu chí chất lượng cao; nâng cao chất lượng các trường và cơ sở dạy nghề theo hướng chất lượng cao gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn theo hướng “ly nông bất ly hương”.

*Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng và có bước phát triển:* Tỉnh ưu tiên dành nguồn lực từ ngân sách chi cho sự nghiệp y tế, đầu tư cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở y tế, tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân, nhất là người nghèo, đối tượng khó khăn thông qua việc ban hành chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho 100% người dân sống ở địa bàn mới ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, duy trì trên 98% số đồng bào dân tộc thiểu số có thẻ bảo hiểm y tế. Bảo đảm 100% số xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; duy trì ổn định 97,82% số hộ dân tại xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và quyết liệt triển khai xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt sạch theo quy chuẩn cho 70% số dân cư nông thôn toàn tỉnh trong năm 2023.

*Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn, của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn:* Bảo tồn và phát triển văn hóa mang bản sắc của tỉnh Quảng Ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm. Việc giữ gìn gắn với khai thác các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc để phát triển du lịch, dịch vụ được hình thành. Xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền

vững đạt kết quả bước đầu tích cực. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở được quan tâm đầu tư và hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, đến nay 100% số thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhà văn hóa và sân chơi thể thao. Tỉnh đã xây dựng, triển khai đồng bộ các đề án: Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở; Đề án xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh, gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu - nghèo và chênh lệch vùng, miền trong tỉnh; Đề án phát triển sản phẩm du lịch; Đề án du lịch cộng đồng bền vững; Đề án thí điểm xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa một số làng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc triển khai công tác dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ninh thời gian qua cũng còn một số khó khăn, thách thức là: Địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cách xa trung tâm chính trị tỉnh, địa hình chia cắt, khí hậu, thời tiết có những diễn biến phức tạp, không thuận lợi trong phát triển kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sản xuất của người dân trong vùng; khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển và thụ hưởng các dịch vụ xã hội thiết yếu so với các vùng, miền khác còn lớn. Nhiều chính sách còn gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện, chưa mang lại hiệu quả thiết thực, như chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tạo sinh kế, đào tạo nghề hỗ trợ việc làm, chuyển đổi cơ cấu lao động. Tỷ lệ hộ nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, trình độ của đội ngũ cán bộ ở cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Vấn đề giao thoa văn hóa giữa các dân tộc (nội vùng) và du nhập các văn hóa ngoại lai hiện nay đang là nguy cơ làm mất bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Một bộ phận người dân tộc thiểu số còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước hoặc bằng lòng với hiện tại, thiếu ý chí tự chủ, vươn lên thoát nghèo.

Trong những năm tiếp theo, công tác dân tộc tiếp tục được Đảng, Nhà nước, các cấp ủy, chính quyền quan tâm một cách sâu sắc và toàn diện. Đảng và Nhà nước ta đang điều chỉnh mạnh mẽ các chính sách dân tộc để phù hợp với điều kiện mới của đất nước và yêu cầu phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thể hiện trong Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30-10-2019, của Bộ Chính trị, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới; các nghị quyết của Quốc hội; Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030. Đây là những chủ trương, chính sách tạo bước ngoặt hết sức to lớn, đột phá cho công tác dân

tộc và thực hiện các chính sách dân tộc trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, qua nhiều năm được tinh quan tâm đầu tư hỗ trợ, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được thay đổi rõ rệt; dân trí phát triển, ý thức tự lực thoát nghèo và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc đang lan tỏa trong cộng đồng các dân tộc thiểu số của tỉnh.

Từ thực tiễn của tỉnh Quảng Ninh, đề xuất một số giải pháp sau:

1- Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai đầy đủ các giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh đối với các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14-10-2021, của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 17-5-2021, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, trọng tâm trước mắt là triển khai có hiệu quả, đúng định hướng quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông với quan điểm “truyền thông đi trước một bước”, nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận trong xã hội, tạo động lực, khích lệ và khơi dậy tinh thần tự lực, khát vọng vươn lên vượt khó của đồng bào các dân tộc. Chú trọng chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, vận động gắn với phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhất là thực hiện khâu đột phá “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh, gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu - nghèo và *chênh lệch vùng, miền*” theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Công tác truyền thông cần góp phần làm thay đổi căn bản nhận thức của người dân, chuyển từ là đối tượng thụ động thụ hưởng các cơ chế, chính sách thành chủ thể chủ động triển khai thực hiện chính sách và hưởng thành quả từ chính sách.

3- Xác định phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới là khâu “đột phá của đột phá”; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm dựa trên các lợi thế của tỉnh trong chiến lược phát triển các khu, cụm công nghiệp, phát triển đô thị, các ngành dịch vụ. Đồng thời, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị là nhân tố quyết định mang tính chiến lược để tăng cường nguồn lực con người trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4- Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; trong đó, tập trung vào một số dự án củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu ở địa bàn xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng thiết yếu, động lực kết nối vùng và nội vùng phục vụ cho lưu thông hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao đời sống nhân dân; ưu tiên các dự án công trình thiết yếu, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang, thiết bị dạy học, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cấp hệ thống điện, giải quyết các vấn đề về đất ở, đất sản xuất, nhà ở; các công trình cấp nước sạch tập trung tại địa bàn các xã, thôn mới ra khỏi diện đặc biệt khó khăn.

5- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình “Tỉnh Quảng Ninh - Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP)” đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới theo hướng phát triển sản phẩm lợi thế, riêng có của vùng, miền, lựa chọn sản phẩm “đặc sản” thay thế cho “cao sản”. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư khôi phục, phát triển, mở rộng các chợ phiên miền núi, biên giới và các loại hình chợ phù hợp để tiêu thụ hàng hóa cho người dân.

6- Thực hiện có hiệu quả các đề án liên quan đến bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới. Ban hành các cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, nhất là văn hóa các dân tộc thiểu số, để thực sự trở thành nguồn lực quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa ở các huyện miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các sản phẩm văn hóa đặc trưng vùng, miền để phục vụ phát triển du lịch, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

7- Tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với “thế trận lòng dân” vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo. Phát huy vai trò của bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, già làng, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá để có những giải pháp phù hợp trong từng thời điểm. ❖

## PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH

ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG

*Tap chí Cộng sản*

Thời gian qua, văn học, nghệ thuật đã và đang giữ vai trò rất quan trọng trong xây dựng văn hóa, con người Quảng Ninh, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững kinh tế - xã hội của vùng đất tiên tiêu Đông Bắc Tổ quốc.

1- Từ lâu, Quảng Ninh được ví như “nước Việt Nam thu nhỏ” khi hội tụ địa hình đa dạng tiêu biểu của cả nước (biển đảo, đồng bằng, trung du và miền núi) với nhiều đồng bào các dân tộc anh em cùng chung sống. Những điều kiện tự nhiên và xã hội phong phú này đã tạo cho Quảng Ninh không chỉ có những thắng cảnh, di sản thiên nhiên nổi tiếng thế giới mà còn có kho tàng văn hóa rất đặc sắc và đa dạng với hơn 600 di sản văn hóa vật thể (đình, chùa, đền, miếu, danh lam thắng cảnh...) và hơn 2.800 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể (lễ hội, phong tục, tập quán, trò chơi dân gian...). Văn hóa Quảng Ninh được hình thành bởi sự kết hợp hài hòa giữa những tinh hoa văn hóa truyền thống chất lọc từ nhiều vùng, miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp với truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” của công nhân vùng mỏ.

Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, văn hóa được xác định là thành tố hết sức quan trọng, là nền tảng, mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh; đồng thời cũng chính là chiếc cầu nối quan trọng để tỉnh Quảng Ninh cùng với cả nước hội nhập, quảng bá hình ảnh với thế giới.

Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh, văn học, nghệ thuật được xác định là một bộ phận quan trọng, tác động trực tiếp đến quan điểm,

nhận thức, tư tưởng, tình cảm và thẩm mỹ của các tầng lớp nhân dân, là một trong những động lực to lớn góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của văn hóa, con người Quảng Ninh. Văn học, nghệ thuật Quảng Ninh vừa hòa chung trong dòng chảy với văn học, nghệ thuật dân tộc, vừa có bản sắc độc đáo, phản ánh sâu sắc lịch sử hào hùng của vùng đất địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc và khắc họa rõ nét tâm hồn, trí tuệ con người Quảng Ninh nói riêng và con người Việt Nam nói chung. Thông qua các tác phẩm văn học, nghệ thuật, đất và người Quảng Ninh hiện lên sống động, tinh tế. Đó là thiên nhiên vừa hùng vĩ, thơ mộng, tươi đẹp với những danh thắng, di sản thế giới (vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long...), vừa gắn với những chiến công hiển hách của lịch sử dân tộc cũng như những nét đặc sắc của văn hóa (chiến địa Bạch Đằng, đỉnh thiêng Yên Tử...). Sinh sống trên mảnh đất ấy là những con người vừa mang nét kiên cường, hào sảng, phóng khoáng, thân thiện và hòa hợp với thiên nhiên của cư dân ven biển, vừa mang nét hiền hậu, sáng tạo, văn minh, đoàn kết, kỷ luật, đồng tâm của văn hóa công nhân vùng mỏ. Người Quảng Ninh còn giàu lòng yêu nước, trọng nghĩa tình, cần cù, chịu thương, chịu khó... Những chất liệu cuộc sống chân thực đó không chỉ đi vào trong các sáng tác văn học, nghệ thuật của đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh Quảng Ninh một cách tự nhiên, giàu xúc cảm thẩm mỹ mà còn đi vào cả trong sáng tác của nhiều tác giả yêu mến vùng đất và con người nơi đây.

Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển, văn học, nghệ thuật Quảng Ninh luôn có những nét đặc sắc riêng biệt với các tác phẩm giàu giá trị, từ văn học dân gian (với những sáng tác về miền núi và trung du, như Sự tích giống tre mọc ngược, Sự tích đàn đá thần...; sáng tác về vùng duyên hải và hải đảo, như Sự tích đảo Trà Cổ, Về sửa đình Quan Lạn, Về Trần Hưng Đạo khai quân...; sáng tác về vùng mỏ, các thể loại truyện kể, ca dao...), đến văn học trung đại với nhiều áng văn, thơ về đất và người Quảng Ninh, và văn học hiện đại với các sáng tác từ đầu thế kỷ XX đến nay, phản ánh sinh động những thăng trầm của lịch sử và công cuộc đổi mới của đất nước nói chung và Quảng Ninh nói riêng với nhiều tác phẩm nổi bật. Ở bất cứ giai đoạn nào, văn học, nghệ thuật Quảng Ninh cũng có những thành tựu được tạo dựng bởi sự hội tụ sáng tạo của nhiều tài năng văn học, nghệ thuật đến từ nhiều vùng, miền trên cả nước, góp phần bồi đắp, làm giàu có thêm cho văn hóa Quảng Ninh. Tiêu biểu như tác giả Vi Huyền Đắc với tác phẩm “Kim tiền”; tác giả Võ Huy Tâm với “Vùng mỏ”; tác giả Trần Nhuận Minh với “Nhà thơ và hoa cỏ”; tác giả Sỹ Hồng với “Thành phố thời mở cửa”; và các tác giả thế hệ sau, như nhà thơ Trần Nhuận Minh, nhà văn Dương Hương, nhà văn Lê Toán, nhà văn Vũ Thảo Ngọc, nhà thơ Lê Hường, nhà thơ Thi Sảnh...

Trong những năm trở lại đây, thực tiễn phát triển và vươn mình mạnh mẽ của Quảng Ninh tiếp tục được phản ánh trong hàng trăm, hàng nghìn tác phẩm văn học, nghệ thuật với đa dạng các thể loại, như thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện vừa, bút ký văn học cùng nhiều thể loại nghệ thuật khác, như hội họa, nhiếp ảnh, điêu khắc... Hiện nay, hơn 500 hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh cùng hàng ngàn văn nghệ sĩ đang sinh hoạt tại hàng trăm câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh vẫn đang tiếp nối truyền thống của cha anh đi trước, tiếp tục sứ mệnh cao cả, thiêng liêng của văn hóa, nghệ thuật là truyền tải những thông điệp cuộc sống, những năng lượng tích cực, cùng các giá trị chân - thiện - mỹ và tinh hoa văn hóa của quê hương, đất nước tới đông đảo bạn đọc thông qua những “đứa con tinh thần” được thể hiện bởi sự đổi mới tư duy nghệ thuật và sự phong phú về loại thể, đề tài. Các đề tài tiêu biểu thường là đề tài về công nhân, công nghiệp sản xuất than, văn hóa tâm linh, về vịnh Hạ Long, về biên giới, biển đảo, về đời sống của các dân tộc thiểu số...

Bên cạnh văn học, Quảng Ninh hiện nay có nhiều loại hình dân ca tiêu biểu, đặc sắc, như hát đúm ở Quảng Yên; hát chèo ở Đông Triều, hát nhà tơ - hát múa cửa đình ở Móng Cái, Đàm Hà, Hải Hà, Vân Đồn; hát soọng cô, soọng cọ, hát then, hát pả dung ở Hạ Long, Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu... Quảng Ninh hiện có nhiều nghệ nhân dân gian đã và đang nỗ lực lưu giữ, thực hành và truyền dạy nhiều làn điệu ca dao, dân ca cho các thế hệ sau, như Nghệ nhân Nhân dân Đặng Thị Tụ ở huyện Đàm Hà; Nghệ nhân Ưu tú Phạm Văn Lân, Nguyễn Thị Từ, Hoàng Thị Thảo, Nguyễn Thị Lộc ở thành phố Móng Cái; Nghệ nhân Ưu tú Ngô Đăng Nhuận, Phạm Thị Thành, Phạm Thanh Quyết, Phạm Thị Hợp ở thị xã Quảng Yên; Hà Thị Phương, Nông Thị Sin, Lương Thiêm Phú, Lương Thiêm Thành ở huyện Bình Liêu; Nông Thị hàng hát then ở Tiên Yên; các nghệ nhân Bàn Thị Vinh, Trương Thị Hoa, Lý Văn Út, Bàn Văn Khương, Trương Thị Quý ở thành phố Hạ Long... Các nghệ nhân cũng góp phần thành lập và duy trì các câu lạc bộ nghệ thuật dân gian, đội văn nghệ ở các xã miền biển, miền núi để giữ gìn và quảng bá ca dao, dân ca dân tộc, địa phương.

Quảng Ninh rất coi trọng sự phát triển của văn học, nghệ thuật và đời sống của văn nghệ sĩ. Năm 2010, tỉnh Quảng Ninh là địa phương đầu tiên của Việt Nam cấp kinh phí cho hơn 30 văn nghệ sĩ đi thực tế sáng tác tại nước ngoài. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã từng có một đề án phát triển đội ngũ những người làm văn học, nghệ thuật Quảng Ninh giai đoạn 2010 - 2015 tầm nhìn đến 2020. Bên cạnh nhiệm vụ hàng đầu là hoạt động sáng tác, Quảng Ninh cũng xác định công tác quảng bá và lưu giữ các tác phẩm văn học, nghệ thuật giữ vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hóa, con người. Chi hội Nhà văn Việt Nam tại tỉnh Quảng Ninh thường xuyên phối hợp với Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng

Ninh tặng sách cho một số đồn biên phòng trên địa bàn tỉnh, một số xã đảo khó khăn, một số đơn vị trong ngành than, Thư viện tỉnh Quảng Ninh, thư viện Trường Đại học Hạ Long, một số trường học và cơ quan trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổ chức ngày hội văn hóa đọc, các chương trình ra mắt sách mới xuất bản... Công việc bảo tồn và phát huy giá trị ca dao, dân ca ở Quảng Ninh cũng được chú trọng. Các nhà sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian thuộc Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ninh, Hội Văn nghệ dân gian Quảng Ninh, Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh đã sưu tầm, lưu giữ ca dao, phổ biến, phát huy vốn di sản ca dao dân ca trong cộng đồng. Từ năm 2014, Đoàn Nghệ thuật Chèo Quảng Ninh và Đoàn Nghệ thuật Cải lương Quảng Ninh (nay sáp nhập thành Đoàn Nghệ thuật Quảng Ninh) đã xây dựng gói sản phẩm biểu diễn nghệ thuật dân tộc lấy tên là “Hoa muôn sắc” bao gồm 12 tiết mục ca múa đậm đà bản sắc dân tộc để phục vụ du lịch. Chương trình đã được du khách đón nhận và đánh giá cao. Khu du lịch Làng quê Yên Đức (thị xã Đông Triều) đã từng xây dựng gói sản phẩm trải nghiệm hát chèo cho du khách nước ngoài. Các loại hình diễn xướng ca dao, dân ca Quảng Ninh tính giáo dục cao, vừa góp phần bồi đắp tình cảm, tâm hồn, làm phong phú đời sống tinh thần của người dân vừa là nguồn tài nguyên văn giàu giá trị để phát triển du lịch bền vững.

Cùng với việc tổ chức các cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác văn học, nghệ thuật, báo chí với nhiều chủ đề, trong đó có chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quảng Ninh còn thường xuyên mở trại sáng tác chuyên đề; tổ chức lồng ghép nội dung cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí vào các hoạt động sáng tác chuyên ngành cho hàng trăm lượt hội viên; tổ chức trại sáng tác âm nhạc chuyên đề và nghiệm thu, công diễn báo cáo tác phẩm trước đông đảo văn nghệ sĩ và nhân dân với nội dung và hình thức phản ánh ngày càng đa dạng, phong phú. Hướng tới kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh (30-10-1963 - 30-10-2023), ngày 29-1-2023, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức hội khai bút xuân Quý Mão 2023 và phát động sáng tác văn học, nghệ thuật, khuyến khích các văn nghệ sĩ trong tỉnh sáng tác các tác phẩm có chất lượng cao, phản ánh chân thật, sinh động đời sống xã hội, truyền thống **liệt sử** xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Ninh trong 60 năm qua. Hội Văn học nghệ thuật cũng tổ chức các đợt thực tế, trại sáng tác về chủ đề 60 năm thành lập tỉnh cho các hội viên; đồng thời chủ động kết nối với đội ngũ văn nghệ sĩ trong cả nước tham gia sáng tạo các tác phẩm văn học, nghệ thuật về quê hương vùng mỏ với các thể loại văn học, âm nhạc, mỹ thuật, điện ảnh, nhiếp ảnh, sân khấu...

Có thể thấy, thời gian qua, hoạt động văn học, nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, các sáng tác văn học, nghệ thuật đã góp phần thúc đẩy sự



phát triển văn hóa, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội và quảng bá hình ảnh quê hương, con người Quảng Ninh. Tuy nhiên, bên cạnh đó, không thể phủ nhận thực tế hoạt động văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế. Số lượng tác giả và tác phẩm chưa phong phú, tính sáng tạo của một số tác phẩm còn hạn chế. Hiện nay còn thiếu những tác giả nổi bật có những đột phá trong sáng tạo; sự tìm tòi, phát hiện về những vấn đề mới còn chưa thật rõ nét; việc nghiên cứu, tìm hiểu, bám sát thực tiễn để sáng tạo còn hạn chế. Ngoài ra, mặt trái cơ chế thị trường cũng có những tác động tiêu cực đến hoạt động văn học, nghệ thuật Quảng Ninh, đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động vốn nhạy cảm và tinh tế này của văn hóa. Một số văn nghệ sĩ và sản phẩm văn học, nghệ thuật, dịch vụ văn hóa còn bị thương mại hóa, chạy theo lợi nhuận mà bỏ qua các giá trị chân - thiện - mỹ - vốn là cái gốc của văn hóa; một số tác phẩm còn dễ dãi, chưa có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, thậm chí một bộ phận còn trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc, gây bức xúc trong xã hội. Một số loại hình di sản nghệ thuật chưa được bảo tồn đúng cách nên hiệu quả bảo tồn chưa cao. Ngoài ra, thực tiễn việc khai thác các di sản văn hóa nói chung và các tác phẩm văn học, nghệ thuật nói riêng để xây dựng các sản phẩm du lịch ở Quảng Ninh cho thấy còn có tình trạng xô bồ, thương mại hóa quá mức làm biến dạng tác phẩm văn học, nghệ thuật; hoặc việc tiến hành còn hời hợt, nửa vời, không đúng cách, dẫn tới một số loại hình nghệ thuật bị biến dạng, lai căng, không gắn với môi trường diễn xướng dân gian; do đó, chưa khai thác và phát huy được giá trị các tác phẩm văn học, nghệ thuật để thúc đẩy du lịch phát triển bền vững.

2- Thời gian tới, Quảng Ninh tiếp tục xác định mục tiêu giữ gìn bản sắc văn hóa, phát huy các giá trị di sản văn hóa, xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng “năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện”, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng “hành chính minh bạch, kinh tế phát triển, văn hóa đặc sắc, xã hội văn minh, nhân dân hạnh phúc”. Để thực hiện được mục tiêu đó, cần phát huy vai trò của hoạt động văn học, nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh, góp phần tạo động lực to lớn trong xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Quảng Ninh và con người Việt Nam. Một số giải pháp cần thực hiện đồng bộ là:

*Thứ nhất*, tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa nội dung cũng như hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân về vai trò, vị trí của văn học, nghệ thuật trong phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Cần đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương, từng ngành trên toàn tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày

9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, trong đó có thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật Quảng Ninh phong phú, đa dạng, giàu bản sắc, kết hợp truyền thống với hiện đại.

*Thứ hai*, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật. Rà soát, bổ sung, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với hoạt động văn học, nghệ thuật của tỉnh Quảng Ninh, như chế độ lương, nhuận bút, đãi ngộ tài năng, bồi dưỡng lao động nghề nghiệp... Tăng mức đầu tư cho văn học, nghệ thuật, đồng thời tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật để tăng cường nguồn lực cho phát triển văn học, nghệ thuật. Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh. Tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và đổi mới cơ chế, chính sách, chế tài điều chỉnh việc Nhà nước đặt hàng mua tác phẩm, tổ chức sản xuất, xuất bản, công diễn, trình chiếu, triển lãm, tặng giải thưởng các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Đẩy mạnh hoạt động công bố, giới thiệu, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng tốt, phản ánh sinh động thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa, con người và kinh tế - xã hội của Quảng Ninh. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện Luật Sở hữu trí tuệ, bảo vệ bản quyền tác giả văn học, nghệ thuật. Có chế tài nâng cao trách nhiệm trong việc thẩm định, đánh giá, quyết định công bố, trình diễn các tác phẩm văn học, nghệ thuật cũng như chế tài ngăn chặn, xử lý các hoạt động sáng tác, truyền bá những sản phẩm văn học, nghệ thuật có nội dung phản văn hóa, trái với thuần phong, mỹ tục, ảnh hưởng xấu tới xã hội, nhất là thế hệ trẻ.

*Thứ ba*, chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ (sáng tác và biểu diễn) tỉnh Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu tiếp tục phát triển mạnh mẽ nền văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Tạo điều kiện, môi trường để động viên, khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ phát huy sức sáng tạo và cho ra đời những tác phẩm giàu giá trị tư tưởng và nghệ thuật, phản ánh sinh động và sâu sắc những biến đổi nhanh chóng và đa chiều của thực tiễn cuộc sống, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, thể hiện được những mục tiêu đột phá về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Tiếp tục nâng cao chất lượng các trường đào tạo văn học, nghệ thuật trên toàn tỉnh. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách đặc thù đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng văn nghệ sĩ. Xây dựng tiêu chuẩn và cơ chế lựa

chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn học, nghệ thuật có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất. Thực hiện hiệu quả chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến. Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện một số nội dung cần thiết để tháo gỡ những phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ làm công tác văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011 - 2015, định hướng 2020” (được phê duyệt theo Quyết định số 171/QĐ-UBND, ngày 20-1-2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh); đồng thời tiếp tục phát huy có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Đề án này giai đoạn tới.

*Thứ tư*, củng cố, đổi mới hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh nhằm nâng cao khả năng tập hợp, động viên phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ. Đổi mới, phát huy sức sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Đoàn Nghệ thuật Quảng Ninh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân và du khách, góp phần lưu truyền, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống gắn với truyền tải các thông điệp của tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Nghiên cứu phương thức huy động các nguồn lực cho hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh theo hướng đa dạng hóa và sử dụng nguồn lực hợp lý, hướng tới mục tiêu ra đời nhiều tác phẩm tốt, lan tỏa những giá trị tích cực trong xã hội.

*Thứ năm*, tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống của dân tộc. Tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự tìm tòi, thể nghiệm, nâng cao chất lượng toàn diện văn học, nghệ thuật của tỉnh Quảng Ninh. Chú trọng giáo dục nghệ thuật; khuyến khích mở các trung tâm, câu lạc bộ dạy và sinh hoạt các loại hình nghệ thuật nhằm nâng cao trình độ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ trong nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ. Phát triển văn hóa đọc để nuôi dưỡng tâm hồn mỗi người dân, giúp phát triển trí tưởng tượng và khơi dậy năng lực sáng tạo, tăng cường khả năng sử dụng ngôn ngữ; qua đó phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm con người, góp phần xây dựng văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển Quảng Ninh trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. ❖

## PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG MÔ HÌNH OCOP Ở CÁC VÙNG, MIỀN, DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN MINH SƠN

*Tỉnh ủy viên,*

*Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh*

### PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH OCOP

Quảng Ninh nằm ở phía Đông Bắc Tổ quốc với vị trí địa kinh tế, chính trị chiến lược quan trọng của đất nước; là tỉnh đa dạng về địa hình, có miền núi, biên giới, hải đảo, với diện tích đất liền hơn 6.100 km<sup>2</sup> và diện tích biển trên 6.000 km<sup>2</sup>, cùng 2.077 đảo lớn, nhỏ. Hiện dân số của tỉnh là trên 1,4 triệu người, với 22 dân tộc anh em cùng chung sống. Quảng Ninh có 04 thành phố, 02 thị xã và 07 huyện; 177 xã, phường, thị trấn; 1.452 thôn, bản, khu phố.

Kinh tế Quảng Ninh luôn giữ vững đà tăng trưởng 2 con số liên tiếp trong 7 năm vừa qua (2016 - 2022); hoàn thành và hoàn thành vượt mức 13/13 chỉ tiêu kinh tế, xã hội và môi trường đề ra. GRDP của tỉnh năm 2022 đạt 10,28%, thu ngân sách nhà nước đạt trên 55.000 tỷ đồng, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước. Công tác phát triển văn hóa, xã hội, con người, chăm lo bảo đảm an sinh xã hội trong tỉnh luôn được quan tâm, nhất là ở khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, 100% địa phương cấp xã, cấp huyện và tỉnh Quảng Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo theo tiêu chí của Trung ương. Tiếp đà phát triển đó, tỉnh Quảng Ninh đang bước vào xây dựng Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và giảm nghèo bền vững theo tiêu chí riêng của tỉnh, cao hơn tiêu chí chung của cả nước.

Với quan điểm văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển, ngày 9-3-2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trong đó, đặt mục tiêu là giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản

thiên nhiên, di sản văn hóa; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện. Đặc biệt là phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc.

Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh cũng tiếp tục xác định “*Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo*” là một trong 3 khâu đột phá chiến lược; tập trung dành nhiều nguồn lực, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để tập trung thực hiện hiệu quả, thành công khâu đột phá này.

Được ví như đất nước Việt Nam thu nhỏ, Quảng Ninh là tỉnh có điều kiện địa lý, khí hậu và thổ nhưỡng khá phong phú, đa dạng, có cả vùng núi, vùng biển, vùng đồng bằng, và hình thái khí hậu khác nhau, do vậy ở các làng quê của Quảng Ninh có nhiều sản phẩm đặc sản đặc trưng, như: Trà hoa vàng, ba kích tím Ba Chẽ; nếp cái hoa vàng Đông Triều, lợn Móng Cái, gà Tiên Yên, sá sùng Vân Đồn, mực Cô Tô, ngọc trai Hạ Long... đây chính là những lợi thế để hình thành các sản phẩm đặc trưng OCOP của tỉnh Quảng Ninh.

Yêu cầu về xây dựng nông thôn mới ở Quảng Ninh vừa tập trung đầu tư hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, vừa phải phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm cho nhân dân khu vực nông thôn. Sau nhiều năm hỗ trợ sản xuất nhỏ, lẻ, kém hiệu quả, năm 2013 tỉnh đưa Chương trình OCOP (Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*”) vào triển khai đã tạo ra giải pháp quan trọng trong phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân nông thôn, nâng mức thu nhập bình quân từ 10 triệu đồng/người (năm 2010) lên 56 triệu đồng/người (năm 2022).

Để phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa trong phát triển mô hình OCOP các vùng miền, dân tộc, tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều giải pháp, ban hành nhiều cơ chế, chính sách, ưu tiên lồng ghép các nguồn lực để hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Với quan điểm phát triển sản phẩm OCOP phải dựa trên thế mạnh, lợi thế về nguyên liệu địa phương, văn hóa và tri thức bản địa, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm đặc sản, sản vật và làng nghề truyền thống, dịch vụ du lịch có lợi thế của phường, xã, cộng đồng theo chuỗi giá trị. Phát triển OCOP phải dựa trên 3 nguyên tắc cơ bản là: *Hành động địa phương, hướng đến toàn cầu; Tự lực, tự tin và sáng tạo; Đào tạo nguồn nhân lực*, trên cơ sở nguyên lý hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ sản xuất ngoài cánh đồng - thu hoạch - chế biến - tiêu thụ để gia tăng giá trị nguyên liệu bản địa, gắn với truyền thống văn hóa vùng, miền.

Sau gần 10 năm triển khai đến nay, Quảng Ninh đã có 569 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, trong đó có 336 sản phẩm đạt từ 3-5 sao; có 3 sản phẩm đạt 5 sao cấp Trung ương; 87 sản phẩm đạt 4 sao và có 246 sản phẩm đạt 3 sao. Toàn tỉnh có 219 đơn vị sản xuất, trong đó có 54 doanh nghiệp, 87 hợp tác xã, 78 hộ kinh doanh cá thể.

Có thể khẳng định, Chương trình OCOP là hướng đi đúng đắn, là giải pháp cụ thể, quan trọng, phù hợp với điều kiện khu vực nông thôn, cùng với Chương trình xây dựng Nông thôn mới đã góp phần thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, xây dựng thương hiệu, gia tăng giá trị sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người sản xuất. Chương trình OCOP đã khai thác và phát huy được thế mạnh về sản xuất nông nghiệp của tỉnh, dần trở thành một chương trình phát triển kinh tế quan trọng, chất lượng sản phẩm từng bước được nâng cao, mẫu mã bao bì được cải thiện, trình độ năng lực của các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình được nâng lên. Các sản phẩm từng bước được chuyên nghiệp, chuẩn hóa, giao dịch trên các sàn thương mại điện tử; các trung tâm thương mại, các cửa hàng OCOP và được người tiêu dùng tin tưởng, sử dụng.

Tuy nhiên, việc phát huy các giá trị văn hóa trong phát triển mô hình OCOP ở các vùng miền, dân tộc trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế: Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo phát triển sản phẩm OCOP, chưa xem OCOP là chương trình kinh tế quan trọng, gắn với phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vùng miền, do đó các sản phẩm OCOP phát triển thiếu tính bền vững. Chủ thể OCOP còn gặp khó khăn để tiếp cận các cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước; vai trò “bà đỡ” đối với chủ thể OCOP ở một số nơi chưa thực sự rõ nét. Một bộ phận chủ thể OCOP chưa nhận thức được tầm quan trọng trong việc tạo ra các sản phẩm OCOP có chất lượng cao gắn với văn hóa vùng miền, dân tộc.

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI ĐỂ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH OCOP**

Để phát huy giá trị văn hóa trong phát triển mô hình OCOP ở các vùng miền, dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh đề xuất *một số giải pháp cụ thể* như sau:

*Thứ nhất*, tăng cường tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong việc phát huy giá trị văn hóa trong phát triển OCOP ở các vùng miền. Phát huy tối đa các kênh truyền thông của Trung ương và địa phương, các website, các trang mạng xã hội như: youtube, tiktok, facebook trong quảng bá các sản vật truyền thống, các giá trị văn hóa, tiềm năng lợi thế của địa phương. Các cơ quan báo chí xây dựng các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền về Chương trình OCOP, quảng bá các sản phẩm và các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Tổ chức lồng ghép nội dung tuyên truyền về Chương trình OCOP

vào các hội nghị, hội thảo cấp tỉnh, huyện, xã, thôn; họp thôn văn hóa và Chương trình xây dựng nông thôn mới; các cuộc họp, hội nghị của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp... xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử OCOP để quảng bá, giới thiệu rộng rãi các sản phẩm của Chương trình OCOP đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

*Thứ hai*, hỗ trợ các chủ thể tiếp cận các cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực hỗ trợ Chương trình OCOP, theo các chính sách của Trung ương và rà soát, đánh giá các chính sách riêng của tỉnh đã ban hành, sửa đổi bổ sung ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, gắn với phát huy giá trị văn hóa bản địa trong từng sản phẩm, xây dựng hệ thống bán hàng hoàn chỉnh trong các tuyến điểm du lịch, các chợ nông thôn, các cửa hàng tiện ích, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tham gia sản xuất và tiêu thụ làm gia tăng giá trị cho các sản phẩm OCOP của tỉnh.

*Thứ ba*, xây dựng các “Câu chuyện sản phẩm” mang đậm bản sắc văn hóa vùng, miền là thông điệp mà chủ thể OCOP muốn truyền tải đến cộng đồng, người tiêu dùng nhằm thay đổi cảm xúc của họ khi mua sắm sản phẩm, dịch vụ, tạo nên thương hiệu. Từng câu chuyện sản phẩm OCOP chứa đựng niềm tự hào, dấu ấn, giá trị văn hóa truyền thống của mỗi vùng đất. Một trong những sự khác biệt của phẩm OCOP so với các sản phẩm thông thường khác là phải có câu chuyện sản phẩm gắn với lịch sử truyền thống, giá trị văn hóa và yếu tố địa danh...

Cơ quan điều hành OCOP các địa phương cần có nhiều giải pháp hỗ trợ chủ thể lựa chọn sản phẩm tiềm năng đăng ký tham gia chương trình, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, chuẩn hóa sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng. Cán bộ OCOP các cấp phải luôn quan tâm, hướng dẫn chủ thể cách xây dựng câu chuyện hấp dẫn, ý nghĩa, gần gũi, mộc mạc nhưng thể hiện được sự tinh túy, cầu kỳ trong sản xuất, chế biến. Câu chuyện sản phẩm phải được in trên bao bì từng sản phẩm OCOP, giúp chủ thể OCOP quảng bá nét văn hóa đặc sắc, giới thiệu sản phẩm tới người tiêu dùng.

*Thứ tư*, giá trị văn hóa được thể hiện thông qua việc tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt nhất dựa trên sức mạnh của cộng đồng.

Để có được lòng tin của người tiêu dùng, sản phẩm OCOP phải có chất lượng tốt nhất. Sản phẩm OCOP đạt từ 3-5 sao phải được đánh giá dựa trên 3 nhóm tiêu chí theo Bộ tiêu chí Đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP do Thủ tướng Chính phủ ban hành, gồm: Nhóm tiêu chí sức mạnh cộng đồng; nhóm tiêu chí về chất lượng và nhóm thương mại hóa. Sản phẩm 4 sao phải đạt 70 điểm đến 90 điểm; 5 sao phải đạt trên 90 điểm. Để đạt sao, sản phẩm OCOP phải có vùng nguyên liệu ổn định và đạt tiêu chuẩn cao; có nhà xưởng, máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại để sản phẩm làm ra được đồng đều; thiết kế bao bì mẫu mã đẹp, thuận tiện và phải có tem truy xuất nguồn gốc; ngoài ra, các sản phẩm phải được

kiểm nghiệm đạt các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm; có câu chuyện hấp dẫn và có hợp đồng tiêu thụ ở nhiều kênh thương mại khác nhau để minh chứng cho uy tín và thương hiệu sản phẩm...

Cần tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng chủ thể OCOP nhận thức được chất lượng là một trong những yếu tố giá trị hàng đầu cần được đưa vào tuyên ngôn sứ mệnh của mình và đây cũng là giá trị văn hóa cốt lõi kết tinh trong từng sản phẩm.

*Thứ năm*, tập trung các hoạt động xúc tiến, quảng bá giá trị sản phẩm gắn với việc cụ thể hóa Quyết định số 922 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 để xây dựng kế hoạch triển khai các sản phẩm du lịch cộng đồng gắn Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*”. Tăng cường kết nối du lịch nông nghiệp, nông thôn, hình thành các tour, tuyến chất lượng, đa dạng và hấp dẫn. Đẩy mạnh hỗ trợ các cộng đồng nông thôn làm du lịch nông nghiệp, nông thôn, thông qua các doanh nghiệp du lịch, lữ hành. Hình thành các “*điểm đến vệ tinh*” với các trung tâm du lịch lớn, nhằm giới thiệu, lan tỏa những điểm đến ở nông thôn, đặc biệt là đối với khách du lịch quốc tế.

Tổ chức Hội chợ OCOP thường niên vào các dịp lễ, tết, các lễ hội truyền thống văn hóa địa phương gắn với các hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch; tổ chức các tuần kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP để phục vụ du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan và mua sắm. Kết nối đưa sản phẩm OCOP vào các trung tâm thương mại, các cửa hàng tiện lợi, xây dựng các điểm giới thiệu và bán hàng OCOP; tăng cường bán hàng OCOP qua mạng Internet.

#### *Đề xuất kiến nghị*

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có chương trình phối hợp với các cơ quan truyền thông quốc gia mở chuyên mục tuyên truyền về sản phẩm OCOP để người dân và du khách trong cả nước nâng cao hiểu biết về Chương trình OCOP và các sản phẩm OCOP mang đậm các giá trị văn hóa vùng miền, dân tộc. Đề nghị Bộ chỉ đạo các tỉnh đẩy nhanh tiến độ triển khai phát triển sản phẩm thuộc Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” trên địa bàn cả nước và có các hoạt động kết nối để các sản phẩm văn hóa vùng miền được giao lưu, trao đổi, tiêu thụ phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước.

- Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu tham mưu cho Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch trải nghiệm gắn với các giá trị văn hóa vùng miền, văn hóa truyền thống của từng dân tộc. ❖



## QUẢNG NINH CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP, TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC GIAO LƯU QUỐC TẾ VỀ VĂN HÓA

ĐINH THỌ PHÚC

*Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ninh*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng, văn hóa được nhiều quốc gia sử dụng như một công cụ đắc lực của “quyền lực mềm”. Với Việt Nam, ngoại giao văn hóa đã được ông cha ta vận dụng linh hoạt, khéo léo trong công cuộc đấu tranh, bảo vệ và xây dựng đất nước. Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30-11-2021 đã nêu rõ vai trò của nền ngoại giao văn hóa, đó là đưa quan hệ Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định; bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; huy động nguồn lực bên ngoài, biến điều kiện thuận lợi, vị thế đất nước thành nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tôn vinh các giá trị, vẻ đẹp của văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, qua đó khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, tăng cường sức mạnh mềm, nâng cao vị thế quốc gia. Đồng thời, vai trò này cũng được khẳng định tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “đóng góp thiết thực vào quảng bá mạnh mẽ hình ảnh quốc gia và tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước”.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa, trong thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ninh đã bám sát chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước để chủ động và linh hoạt triển khai công tác ngoại giao văn hóa tại địa phương, bảo đảm đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Tỉnh Quảng Ninh được xác định là địa bàn chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; là cửa ngõ hội nhập quốc tế với thế giới của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và kết nối với khu vực ASEAN, Trung Quốc, Đông Bắc Á... Được ví như “một Việt Nam thu nhỏ”, tỉnh Quảng Ninh hội tụ nhiều tiềm năng, điều kiện; là tỉnh duy nhất có cả đường biên giới trên bộ và trên biển với Trung Quốc (đường biên giới trên bộ 118,8 km;

đường phân định Vịnh Bắc Bộ trên biển 191 km); có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng với trữ lượng than lớn nhất Đông Nam Á. Bên cạnh đó, Quảng Ninh còn có nhiều cảnh quan có giá trị toàn cầu, như: Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, Quần thể danh thắng Yên Tử; có nền tảng văn hóa lâu đời với 22 dân tộc sinh sống, là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng... cùng hơn 600 di tích lịch sử, văn hóa. Đây là những điều kiện thuận lợi để Quảng Ninh hội nhập sâu rộng, tăng cường hợp tác giao lưu quốc tế về văn hóa và là cơ hội lớn để tỉnh phát triển kinh tế tổng hợp, toàn diện, hiện đại với độ mở cao.

Bám sát chiến lược Chiến lược ngoại giao văn hóa của Việt Nam đến năm 2020, Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành, tỉnh Quảng Ninh luôn chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và tăng cường hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực đối ngoại, đặc biệt là ngoại giao văn hóa. Tỉnh đã tăng cường triển khai các chương trình hợp tác, các hoạt động giao lưu văn hóa với các địa phương nước ngoài và các tổ chức quốc tế; gắn kết các hoạt động ngoại giao văn hóa với các hoạt động thông tin đối ngoại, ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế... Một số hoạt động, chương trình cụ thể có thể kể đến là:

Giai đoạn 2010 - 2020: Tỉnh đã đón tiếp các đoàn famtrip, presstrip quốc tế đến khảo sát, đưa tin về các tuyến, điểm du lịch tại Quảng Ninh; xây dựng các ấn phẩm, cảm nang, video clip nhiều ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật) quảng bá về văn hóa, du lịch Quảng Ninh để phát trên các phương tiện vận chuyển, nhà ga, các tạp chí đặt trên các chuyến bay trong nước và quốc tế; tổ chức thành công nhiều chương trình xúc tiến du lịch Quảng Ninh quy mô lớn tại các quốc gia: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Anh, Nga, Cộng hòa Séc...; cử các đoàn đại biểu tham dự các sự kiện văn hóa, du lịch do các địa phương, đối tác quốc tế tổ chức...

Nhiều đoàn nghệ thuật, thể thao của Quảng Ninh tham gia các sân chơi văn hóa, thể thao tại nước ngoài, điển hình như: tham gia giải bơi thuyền châu Á tại Quảng Tây (Trung Quốc); tham gia giải vô địch Taekwondo Đông Nam Á tại Thái Lan; giải cờ vua Đông Nam Á tại Myanmar; giải đua thuyền rồng quốc tế tại thành phố Phòng Thành Cảng, Trung Quốc; giải vô địch canoeing Đông Nam Á, vô địch Muay thể giới và cờ vua quốc tế tại Thái Lan...

Đồng thời, tỉnh đã cử các đoàn nghệ thuật tham gia các sự kiện văn hóa ở nước ngoài; triển khai các chương trình hợp tác văn hóa với Quảng Tây, Hải Nam (Trung Quốc), Gangwon (Hàn Quốc), Luang Prabang (Lào), Cebu (Philippin), Nhật Bản; chủ trì và phối hợp tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa quốc tế, tiêu biểu như: Lễ hội Hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, Lễ hội Carnival Hạ Long, Hội thi giao lưu hát đối hữu nghị Việt - Trung trên sông biên giới, Cuộc thi Tiếng hát Hữu nghị Việt - Trung, Liên hoan âm nhạc mới quốc tế Á - Âu,

Cuộc thi Tiếng hát ASEAN+3, Liên hoan Xiếc quốc tế - Hạ Long 2019, Festival âm nhạc quốc tế - Hạ Long 2020... Cho phép tổ chức Ngày quốc tế Yoga (Ấn Độ) tại Quảng Ninh, Tuần văn hóa Indonesia, Âm thực Nhật Bản tại thành phố Hạ Long,... Những hoạt động văn hóa, du lịch trên đã trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc của địa phương, làm cho văn hóa trở thành sức mạnh mềm, thu hút khách du lịch quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài đến với Quảng Ninh, tranh thủ ngoại lực và sự ủng hộ quốc tế đối với tỉnh. Đồng thời, qua đó quảng bá hình ảnh một Hạ Long năng động, rực rỡ, đa sắc màu, đóng góp đặc lực trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước.

Từ đầu năm 2022 đến nay: Tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức thành công nhiều sự kiện đối ngoại quan trọng như: Hội nghị trực tuyến Gặp gỡ đầu xuân năm 2022 và Hội nghị lần thứ 13 Ủy ban công tác Liên hợp giữa các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), Hội nghị trực tuyến kỷ niệm 5 năm thiết lập quan hệ hữu nghị với tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc), Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Ninh năm 2022 trong khuôn khổ sự kiện Hội đồng tư vấn kinh doanh APEC (ABAC), Đại hội đồng Diễn đàn Du lịch Liên khu vực Đông Á (EATOF) lần thứ 17 năm 2022 gắn với Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập EATOF; Hội nghị triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Xúc tiến đầu tư Vùng với chủ đề “Liên kết phát triển - Đổi mới sáng tạo - Xanh và Bền vững”, Hội nghị phát triển dịch vụ logistics tỉnh Quảng Ninh,... thu hút sự tham gia của đông đảo du khách, nhà quản lý, nhà đầu tư, các doanh nhân, học giả,.. đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ.

Đặc biệt, tỉnh đã tổ chức thành công 7 môn thi đấu SEA Games 31 tại Quảng Ninh; 21 môn tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX tại Quảng Ninh, nhận được sự ghi nhận, đánh giá cao của các đoàn vận động viên trong nước và khu vực về tham dự. Trong khuôn khổ Lễ hội Việt Nam tại Sapporo (Nhật Bản) vào tháng 9-2022, tỉnh Quảng Ninh đã tích cực tham dự và tổ chức giới thiệu các sản phẩm OCOP đặc trưng, ấn phẩm du lịch của tỉnh; kết nối với chính quyền tỉnh Hokkaido (Nhật Bản), tạo tiền đề cho việc tổ chức lễ hội Hokkaido tại Hạ Long dự kiến vào tháng 11-2023 - sự kiện rất ý nghĩa trong chuỗi hoạt động kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản. Đồng thời, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức thành công cuộc thi “Tiếng hát hữu nghị Việt - Trung” năm 2022. Đây là sự kiện văn hóa hướng tới kỷ niệm 72 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Trung Quốc, nhằm xúc tiến giao lưu, giới thiệu, quảng bá những giá trị văn hóa tốt đẹp, tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước Việt - Trung.

Không chỉ tổ chức thành công, ấn tượng các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch cấp quốc gia, quốc tế tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, các doanh nghiệp, địa phương của tỉnh cũng đẩy mạnh tổ chức hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế du lịch địa phương, như: Tuần Văn hóa - Du lịch, Hội Mùa vàng Bình Liêu năm 2022, Hội hoa sở Bình Liêu năm 2022; Liên hoan Văn hóa ẩm thực Vân Đồn lần thứ 2; Lễ hội Văn hóa - Thể thao dân tộc Sán Chỉ - Mùa vàng Soóng cọ (Tiên Yên)... Các sự kiện này đã trở thành cơ hội để quảng bá hình ảnh, bản sắc, văn hóa, con người của tỉnh Quảng Ninh, điếm đến “an toàn, thân thiện, hấp dẫn” đối với du khách và nhà đầu tư.

Về kết quả triển khai:

Có thể khẳng định, ngoại giao văn hóa đã góp phần quan trọng mở đường cho quan hệ hợp tác hữu nghị của tỉnh Quảng Ninh với các địa phương, đối tác nước ngoài; là chất xúc tác đẩy mạnh ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế; là công cụ quảng bá mạnh mẽ văn hóa và hình ảnh của tỉnh Quảng Ninh ra trường quốc tế, giúp khẳng định và giữ vững thương hiệu của tỉnh; đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong những năm qua.

Năm 2020 - trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế trước ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, tỉnh Quảng Ninh vẫn thu hút được nhiều nhà đầu tư, tập đoàn lớn trong nước và quốc tế tin tưởng lựa chọn đầu tư, phát triển các dự án quy mô lớn. Thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, năm 2020 đạt khoảng 28.387,5 tỷ đồng, tương đương khoảng 1.218 triệu USD, trong đó vốn FDI khoảng 592,5 triệu USD, gấp 2,6 lần so với năm 2019.

Ngành du lịch cũng đạt được nhiều kết quả ấn tượng, với gần 5,8 triệu lượt khách quốc tế đến với Quảng Ninh trong năm 2019. Năm 2020, do tình hình đại dịch COVID-19, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng sụt giảm mạnh. Tỉnh Quảng Ninh đã chủ động tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong toàn ngành du lịch; hỗ trợ, cung cấp thông tin cho khách du lịch qua các kênh thông tin đa dạng; ban hành nhiều chính sách kích cầu du lịch, bảo đảm thực hiện “mục tiêu kép” đẩy lùi dịch bệnh và phát triển kinh tế...

Với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, trong năm 2022, tỉnh Quảng Ninh đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2022 tăng 10,28%, là năm thứ 7 liên tiếp (từ 2016 đến 2022), tỉnh Quảng Ninh đạt mức tăng trưởng 2 con số. Tổng khách du lịch ước đạt 11,6 triệu lượt, gấp 2,6 lần so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn ước đạt

2.783 triệu USD, tăng 8,58% cùng kỳ. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Quảng Ninh tiếp tục giữ vị trí Quán quân 05 năm liên tiếp (2016 - 2021); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng thứ nhất toàn quốc 3 năm liên tiếp (2019 - 2021), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2021 đứng thứ 2 cả nước.

Nhận thức *Ngoại giao văn hóa* là yếu tố quan trọng trong nền ngoại giao Việt Nam, tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa, lồng ghép đồng bộ với các kênh ngoại giao để góp phần quảng bá, nâng cao vị thế của địa phương trên trường quốc tế, tranh thủ các nguồn lực và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Phát huy những thành tựu đạt được, trên cơ sở bám sát Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 tại Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 30-11-2021, của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch số 188/KH-UBND, ngày 4-8-2022, về việc triển khai Chiến lược Ngoại giao văn hóa của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030; trong đó, đề ra 6 nhóm giải pháp trọng tâm, cụ thể là:

(1) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ngoại giao văn hóa trên địa bàn tỉnh, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc thông qua việc tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền một cách đa dạng, sáng tạo, chú trọng khai thác và phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông hiện đại để tối đa hóa khả năng tiếp cận của nhân dân trong và ngoài nước

(2) Quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa các dân tộc của tỉnh đến với bạn bè và cộng đồng quốc tế; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại thông qua việc quảng bá và thực hiện tốt công tác tổ chức các lễ hội truyền thống, sự kiện/hoạt động văn hóa nghệ thuật tiêu biểu, đặc sắc của tỉnh; đầu tư, quảng bá, bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh; tăng cường phối hợp với các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài để tuyên truyền, quảng bá về mảnh đất, con người, văn hóa giàu bản sắc của tỉnh Quảng Ninh.

(3) Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh trên cơ sở khai thác tốt tiềm năng, lợi thế như du lịch văn hóa, quảng cáo, nghệ thuật biểu diễn,...; đăng cai, phối hợp tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật quốc tế trên địa bàn tỉnh; lồng ghép các chương trình quảng bá phát triển công nghiệp văn hóa gắn với các sự kiện ngoại giao văn hóa trong và ngoài nước.

(4) Gắn kết chặt chẽ ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị, thông qua việc tiếp tục duy trì hoạt động ngoại giao văn hóa với các địa phương có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền

thống cũng như phát triển, mở rộng giao lưu, hợp tác với các thành phố, địa phương trên thế giới. Đồng thời, triển khai Chiến lược ngoại giao văn hóa gắn kết với các hoạt động ngoại giao kinh tế như tăng cường đưa hình ảnh đẹp về thiên nhiên, văn hóa, con người, các loại hình nghệ thuật dân gian, đặc sản địa phương, âm thực Quảng Ninh vào các hoạt động xúc tiến, kích cầu du lịch, thương mại quốc tế.

(5) Gắn kết các hoạt động ngoại giao văn hóa với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong việc quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa tỉnh Quảng Ninh. Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện để cộng đồng người Quảng Ninh ở nước ngoài giới thiệu, quảng bá bản sắc văn hóa tỉnh Quảng Ninh tại nước sở tại.

(6) Tăng cường nguồn lực, công tác đào tạo, bồi dưỡng về ngoại giao văn hóa và xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm thực hiện cơ chế, chính sách. Phối hợp với các bộ, ngành trung ương tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề nâng cao lý luận, nhận thức và chuyên môn về hoạt động ngoại giao văn hóa cho lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương và đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu công tác này.

Kế hoạch triển khai Chiến lược Ngoại giao văn hóa của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 là cơ sở cho các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh thực hiện công tác ngoại giao văn hóa một cách thống nhất, đồng bộ để ngoại giao văn hóa là một trụ cột quan trọng trong công tác đối ngoại của tỉnh; tạo đồng thuận trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân về hoạt động ngoại giao văn hóa của tỉnh. Các sở, ban ngành của tỉnh đã chủ động trong quá trình triển khai kế hoạch, hình thành được cơ chế, chính sách và bố trí kinh phí triển khai các hoạt động để thúc đẩy ngoại giao văn hóa. Ngoài ra, hàng năm tỉnh ban hành Kế hoạch đối ngoại chung của tỉnh để triển khai thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả. ❖

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC LOẠI HÌNH TRUYỀN THÔNG TRONG GIỚI THIỆU, QUẢNG BÁ NHỮNG GIÁ TRỊ KHÁC BIỆT, NỔI TRỘI CỦA MẢNH ĐẤT VÀ CON NGƯỜI QUẢNG NINH

LÊ NGỌC HÂN

*Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ninh*

## NHỮNG GIÁ TRỊ KHÁC BIỆT, NỔI TRỘI CỦA MẢNH ĐẤT VÀ CON NGƯỜI QUẢNG NINH

Quảng Ninh là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Là tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo và được ví như Việt Nam thu nhỏ, Quảng Ninh có nhiều điểm khác biệt so với các tỉnh, thành phố khác: (1) là tỉnh duy nhất có đường biên giới cả trên bộ, trên biển và trên không với Trung Quốc, quốc gia đông dân nhất thế giới; (2) Có Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và những đặc sắc của Vịnh Bái Tử Long cùng với hơn 500 di tích danh lam thắng cảnh đã được công nhận; (3) Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, với trữ lượng than đá chiếm hơn 90% cả nước và lớn nhất Đông Nam Á; (4) Xã hội, con người là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng với truyền thống quật cường, yêu nước và cách mạng hào hùng; nơi hình thành ngành công nghiệp đầu tiên và cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam với di sản tinh thần quý báu “kỷ luật và đồng tâm”; (5) Nơi nhà vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng, lên núi hóa Phật, để lại thiển phái Trúc Lâm Yên Tử mang bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam với tư tưởng hòa nhập đạo pháp với dân tộc và đoàn kết các tôn giáo.

Quảng Ninh có vị trí trọng yếu về chính trị, kinh tế, quốc phòng an ninh và đối ngoại, có đường biên giới trên bộ và trên biển với Trung Quốc; có 13 huyện, thị xã, thành phố; 177 xã, phường, thị trấn và 1.452 thôn, bản, khu phố. Trong những năm qua, tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn duy trì ở mức cao so với bình quân chung cả nước. Thu nội địa luôn đứng

trong top 5 tỉnh dẫn đầu toàn quốc. Quốc phòng an ninh, trật tự, an toàn xã hội được duy trì ổn định; công tác đối ngoại tiếp tục được tăng cường, mở rộng, giữ vững hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Quảng Ninh cũng là một trong những địa phương mạnh dạn, tiên phong trong triển khai thực hiện thí điểm nhiều mô hình trên các lĩnh vực, được truyền thông, báo chí quan tâm phản ánh.

Hệ thống báo chí truyền thông tại Quảng Ninh trước ngày 2-1-2019 gồm 03 cơ quan: Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; Báo Quảng Ninh, Báo Hạ Long. Đến ngày 02-1-2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh có Quyết định số 1276-QĐ/TU thành lập Trung tâm Truyền thông tỉnh trên cơ sở hợp nhất về tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh, gồm: Báo Quảng Ninh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Hạ Long thuộc Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Cổng Thông tin điện tử thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 47 cơ quan báo chí Trung ương, bộ, ngành và các địa phương khác cử văn phòng đại diện, phóng viên thường trú với hơn 110 nhà báo, phóng viên (có 24 văn phòng đại diện với 76 người, 23 cơ quan báo chí cử phóng viên thường trú với 24 người); 10 cơ quan báo chí cử phóng viên chuyên trách với 13 phóng viên. Đây là đội ngũ phóng viên, nhà báo được đào tạo bài bản, gắn bó với đồng bào, nhân dân Quảng Ninh chặt chẽ, là đầu mối quan trọng trong việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Quảng Ninh đến với bạn bè, du khách, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Từ năm 2012, tỉnh Quảng Ninh bắt đầu triển khai chương trình hợp tác truyền thông với một số cơ quan báo chí Trung ương, bộ, ngành. Theo đó, trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay, tỉnh duy trì chương trình hợp tác truyền thông với trên dưới 30 cơ quan báo chí/năm<sup>(1)</sup> nhằm đẩy mạnh công tác truyền thông quảng bá hình ảnh Quảng Ninh đến với du khách, bạn bè, nhà đầu tư trong và ngoài nước; đồng thời hỗ trợ tinh thần kịp thời, hiệu quả các thông tin sai trái trên môi trường mạng.

Về hệ thống thông tin cơ sở: Từ năm 2019 đến nay, 13/13 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Quảng Ninh đã thành lập trung tâm truyền thông văn hóa cấp huyện trên cơ sở hợp nhất Đài Phát thanh Truyền hình cấp huyện với Trung tâm Văn hóa Thể thao, góp phần hoàn thiện chính sách phát triển hệ thống cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện trên địa bàn, giúp các cơ quan, đơn vị liên quan và các huyện, thị xã, thành phố có cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm; chủ động trong việc bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

(1) Năm 2018 hợp tác truyền thông với 39 cơ quan báo chí; năm 2019 hợp tác với 32 cơ quan báo chí; năm 2020 hợp tác với 26 cơ quan báo chí; năm 2021 hợp tác với 28 cơ quan báo chí, năm 2022 hợp tác truyền thông với 27 cơ quan báo chí.



Hệ thống cổng thông tin điện tử của tỉnh gồm 5 cổng thành phần cấp 1 (*Cổng chính, tiếng Anh, tiếng Trung, Du lịch, Doanh nghiệp*), 59 cổng thông tin điện tử thành phần cấp 2 gồm: các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội; 127 Cổng thông tin điện tử thành phần cấp 3 gồm: Các xã, phường, thị trấn thuộc 12 huyện, thị xã, thành phố (*đã nhận tài khoản quản trị, vận hành*) và 26 trang thông tin điện tử (website) liên kết; hơn 50 trang thông tin điện tử tổng hợp được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định cấp phép.

Từ tháng 6-2017, tỉnh Quảng Ninh đã sử dụng mạng xã hội như một kênh truyền thông chính thống để tuyên truyền chủ trương, chính sách. Cụ thể, trên mạng xã hội Facebook, tỉnh đã thiết lập hệ thống trang fanpage chính thống lấy tên là DDCI Quảng Ninh; trang fanpage của các sở có tên như: DDCI Thông tin và Truyền thông; DDCI Du lịch; DDCI Văn hóa và Thể thao...; trang fanpage của các địa phương có tên như: DDCI Cô Tô; DDCI Quảng Yên...

Riêng Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh có các trang, kênh thông tin trên mạng xã hội gồm: Fanpage QMG - Tin tức Quảng Ninh 24/7; QMG - Quang Ninh Media Group (tiếng Anh), Fanpage tiếng Trung trên mạng xã hội Weibo; Kênh Quảng Ninh TV trên mạng xã hội Youtube.

Từ cuối năm 2018, tỉnh Quảng Ninh bắt đầu đưa kênh Zalo Chính quyền điện tử Quảng Ninh để tuyên truyền chủ trương, chính sách và kết nối với nhân dân. Đến nay, kênh Zalo Chính quyền điện tử Quảng Ninh đã kết nối đến hơn 981.900 tài khoản Zalo của người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Tỉnh Quảng Ninh đặc biệt coi trọng công tác truyền thông quảng bá, luôn xác định công tác truyền thông phải đi trước một bước. Theo đó, cùng với nhiều kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tỉnh đã ban hành những kế hoạch, chiến lược thông tin với mục tiêu trung tâm là đẩy mạnh thông tin, truyền thông về Quảng Ninh trong thời kỳ mới. Trong đó, nổi lên xuyên suốt là định hướng xây dựng một hình ảnh, thương hiệu Quảng Ninh phát triển mạnh về kinh tế, du lịch, văn hóa, giàu có và phong phú nguồn tài nguyên tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên và môi trường; một Quảng Ninh có nền an ninh quốc phòng đảm bảo, là điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện, mến khách; có khả năng thu hút đầu tư của doanh nghiệp; tăng sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế; quản lý, duy trì thông tin trên các phương tiện báo chí truyền thông, mạng xã hội, thông tin cơ sở theo đúng quy định.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Thông tin và Truyền thông luôn bám sát định hướng của Ban Tuyên giáo Trung ương, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông,

chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương để triển khai công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức. Một trong những giải pháp đầu tiên được Quảng Ninh thực hiện tích cực là truyền thông chủ động, lan tỏa các thông tin tích cực. Trước các sự kiện lớn hoặc các chủ trương, chính sách sắp ban hành có tác động lớn đến xã hội, công tác tuyên truyền được thực hiện từ sớm, theo lộ trình cụ thể; sử dụng đồng bộ hạ tầng báo chí trong tỉnh, các cơ quan báo chí hợp tác truyền thông, báo chí thường trú trên địa bàn; hệ thống thông tin cơ sở, các trang, các kênh mạng xã hội do tỉnh quản lý, vận hành để thông tin và nắm bắt dư luận. Công tác cung cấp thông tin cho báo chí và hệ thống thông tin cơ sở được sở duy trì hằng tuần, hằng ngày, theo từng sự kiện; đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông, các tài khoản mạng xã hội do Sở quản lý. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông còn chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông các bộ, ngành Trung ương để triển khai các phóng sự, chuyên đề, chuyên trang nhằm giới thiệu, quảng bá những giá trị khác biệt, nổi trội của mảnh đất và con người Quảng Ninh, cũng như những kết quả nổi bật của tỉnh trong xây dựng kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh trật tự.

Cùng với đó, Quảng Ninh là một trong những địa phương luôn chủ động trong công tác cung cấp thông tin cho báo chí. Công tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí được Quảng Ninh thực hiện nghiêm túc và bài bản. Từ năm 2017, trên cơ sở bám sát Nghị định số 09/2017/NĐ-CP, ngày 09-02-2017, của Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND, ngày 04-8-2017, Quy định về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, phân công trách nhiệm cụ thể cho người phát ngôn trong việc cung cấp thông tin cho báo chí. Đến nay, 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã cử người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo đúng quy định. Định kỳ hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc rà soát danh sách người phát ngôn của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, cung cấp công khai cho các cơ quan báo chí để tiếp cận, khai thác thông tin chính thống.

Để đạt được những kết quả nổi bật như trên, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp truyền thông cụ thể như sau:

*Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên tất cả các hạ tầng truyền thông của báo chí tỉnh, cơ quan báo chí các bộ, ngành có hợp tác, đặt văn phòng đại diện, cử phóng viên thường trú, phóng viên chuyên trách tại tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở của tỉnh, bảo đảm chuyển tải chính xác, đầy đủ và kịp thời các thông tin tới người dân và xã hội.*

Các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, các quan điểm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, các thông tin về giới thiệu quảng bá, cũng như thông tin chính thức, lên án các thông tin sai lệch, tin giả được chuyển tải chính xác và kịp thời tới người dân, góp phần hỗ trợ thông tin, nâng cao nhận thức cho người dân; đồng thời, cung cấp phản hồi cho các cơ quan quản lý nhà nước điều chỉnh các chế độ, chính sách một cách hiệu quả. Công tác tuyên truyền được triển khai chủ động, đồng bộ, tạo hiệu ứng lan tỏa rộng rãi, góp phần giúp bạn bè trong nước, quốc tế và các đối tác hiểu đúng, ghi nhận, đánh giá cao về các chính sách, giá trị khác biệt, nổi bật của tỉnh Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung.

*Hai là, các phương thức truyền thông được tiến hành đa dạng, trên nhiều nền tảng phương tiện.*

Bên cạnh các phương thức truyền thông, trong thời gian gần đây, việc sử dụng các phương tiện hiện đại, phi truyền thống như truyền thông qua tin nhắn SMS, truyền thông trên các loại hình mạng xã hội và các ứng dụng khác trên nền tảng internet... cũng được tỉnh Quảng Ninh quan tâm chú trọng.

Với ưu thế của mạng xã hội nhanh chóng kết nối mọi người, việc sử dụng mạng xã hội để truyền thông có ưu điểm nổi bật là cập nhật nhanh chóng thông tin đến được với mọi người nhanh hơn, rộng rãi hơn. Quảng Ninh cũng đã sử dụng đồng bộ hệ thống công thông tin điện tử (từ cấp tỉnh đến cấp xã), mạng xã hội bao gồm: các trang fanpage DDCI trên mạng xã hội Facebook, các tài khoản Zalo do các sở, ngành, địa phương quản trị như một công cụ quan trọng để vừa cung cấp thông tin, tuyên truyền đến người dân, vừa tiếp nhận các ý kiến tương tác, phản hồi của người dân.

*Ba là, truyền thông hiệu quả đã góp phần quan trọng làm giảm ảnh hưởng của các thông tin giả, thông tin sai sự thật.*

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, nhất là công nghệ internet, mang lại những thời cơ, thuận lợi cho truyền thông nhưng đồng thời cũng thúc đẩy sự phát triển của vấn nạn tin giả, tin không đầy đủ, thiếu kiểm chứng, gây mất ổn định đời sống và tâm lý của người dân. Việc truyền thông nhanh chóng, kịp thời và chính xác các thông tin đã góp phần rất lớn để hạn chế ảnh hưởng của các thông tin xấu độc, ổn định dư luận xã hội.

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, công tác truyền thông, quảng bá cần đi trước, đồng thời không ngừng đổi mới nội dung, hình thức truyền thông nhằm thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư, khách du lịch; qua đó giúp các cơ quan quản lý nhà nước nhận biết, nắm bắt các vấn đề, các nhu cầu xã hội để hình thành chính sách phù hợp với thực tiễn, tạo sự đồng thuận để mang lại hiệu quả tốt nhất cho khâu thực thi. ❖

## **NHỮNG ĐIỂM SÁNG TRONG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC Ở TỈNH QUẢNG NINH NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÌNH HÌNH MỚI**

**ĐOÀN HIỀN**

*Tạp chí Cộng sản*

Xác định giáo dục là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, dành nguồn lực, kinh phí cho sự nghiệp giáo dục, từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong toàn tỉnh.

### **NHỮNG ĐIỂM NỔI TRỘI CỦA NGÀNH GIÁO DỤC QUẢNG NINH THỜI GIAN QUA**

*Ưu tiên đầu tư cho phát triển giáo dục, thu hẹp khoảng cách giữa khu vực thành thị và vùng sâu, vùng xa*

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV đã xác định phương hướng phát triển “Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc”, một trong những giải pháp quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu này là cải cách toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện đột phá về phát triển nguồn nhân lực.

Để tạo sự công bằng, thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, miền, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm ưu tiên, hỗ trợ cho học sinh vùng miền núi và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 39/2011/NQ-HĐND, ngày 9-12-2011, Về việc hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú tại các cơ sở giáo dục THCS trên địa bàn tỉnh, không thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 183/2014/NQ-HĐND, ngày 12-12-2014, Về việc hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học bán trú, tiền nhân công chăm

sóc bán trú tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ở các xã trong Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND, ngày 27-7-2016, của HĐND tỉnh, về việc bổ sung nội dung một số nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, áp dụng cho một số đối tượng và địa bàn đặc thù của tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND, ngày 30-7-2019, của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND, ngày 9-12-2022, của HĐND tỉnh, Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh... Nhờ có các nghị quyết của tỉnh về giáo dục nói chung, giáo dục vùng cao nói riêng, địa bàn miền núi, điển hình là huyện Ba Chẽ, với hơn 80% là người dân tộc thiểu số, đã từng bước khởi sắc, phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở cấp học mầm non... Trường PTDT bán trú THCS Đồn Đạc (huyện Ba Chẽ) có tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số chiếm gần 70%, chủ yếu là dân tộc Dao, được hỗ trợ tiền ăn bán trú gần 600.000 đồng/em/tháng; học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/em/tháng. Có nhiều học sinh nhà ở cách trường gần 20km, giao thông đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa, lũ, vì thế, việc được tỉnh hỗ trợ để có thể ăn, nghỉ bán trú tuần tại trường giúp tỷ lệ học sinh đến lớp cao hơn, ổn định hơn.

Để khắc phục tình trạng thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc dạy và học, trong năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh đã tiến hành xây mới 494 phòng học văn hóa, phòng học bộ môn và một số hạng mục phụ trợ, cải tạo, sửa chữa 19 trường với 105 phòng học. Nổi bật là dự án đầu tư mở rộng Trường THPT Hòn Gai (thành phố Hạ Long), trường được xây mới dãy nhà học 6 tầng, xây mới khối nhà văn phòng 5 tầng, nhà đa năng 2 tầng, sân giáo dục thể chất; Trường Mầm non xã Đông Xá và trường Tiểu học thị trấn Cái Rồng được đầu tư xây dựng trên diện tích 4.882m<sup>2</sup>, Trường Tiểu học Hải Hòa được đầu tư xây dựng thêm 2 dãy nhà với 30 phòng học, phòng chức năng... Tỉnh Quảng Ninh đã dành nhiều nguồn lực để cải tạo, nâng cấp các công trình, phòng học tại 89 trường học với kinh phí trên 180 tỷ đồng; đồng thời, đầu tư cải tạo, sửa chữa nâng cấp thư viện phát triển văn hóa đọc cho các trường tiểu học hơn 29,2 tỉ đồng; mua sắm thiết bị cho khối lớp 1, lớp 2 và lớp 6 với số tiền 218,9 tỷ đồng...

Cùng với việc ban hành nghị quyết hỗ trợ cho giáo dục các vùng khó khăn, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trường học, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định các chính sách cho giáo dục phải bảo đảm hài hòa ở tất cả các cấp học, cân đối giữa giáo dục với đào tạo, giữa loại hình công lập và tư thục. Đối với lĩnh vực đào tạo, đặc biệt là Trường Đại học

Hạ Long, tỉnh đã ban hành nhiều nhóm chính sách, trong đó, đặc biệt quan tâm công tác bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh. Nổi bật là các Nghị quyết số 178/2014/NQ-HĐND, ngày 12-12-2014, của HĐND tỉnh, Về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại Trường Đại học Hạ Long giai đoạn 2015 - 2017; Nghị quyết số 233/2019/NQ-HĐND, ngày 7-12-2019, của HĐND tỉnh, Quy định chế độ chi cho giảng viên thỉnh giảng, chính sách tạo nguồn giảng viên tiếng Nhật và chính sách hỗ trợ người học một số ngành nghệ thuật tại Trường Đại học Hạ Long; Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND, ngày 27-8-2021, của HĐND tỉnh, Quy định chính sách thu hút, đào tạo học sinh, sinh viên học tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh, Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025...

Trước những yêu cầu mới về nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, tỉnh Quảng Ninh xây dựng Đề án “Phát triển giáo dục, đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030” nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV. Ngày 16-3-2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 799/QĐ-UBND, phê duyệt điều chỉnh đề cương Đề án “Phát triển giáo dục, đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030”. Mục tiêu của Đề án là hướng đến sự phát triển toàn diện năng lực cho người học, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh; xây dựng hệ thống giáo dục bảo đảm tính mở và liên thông, theo hướng chuẩn hóa, dân chủ hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế; phấn đấu đến năm 2030 Quảng Ninh là một trung tâm giáo dục và đào tạo có uy tín ở khu vực đồng bằng sông Hồng, đứng trong nhóm đầu của cả nước...

Từ những chính sách vượt trội, ngành giáo dục và đào tạo Quảng Ninh đã có những bước tiến không ngừng. Các năm học từ năm 2021 đến 2023 diễn ra trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, những tác động tiêu cực từ bệnh dịch rất lớn, tuy nhiên, ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh đã tập trung nỗ lực, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng dạy và học để đạt được thành tích cao trong học tập. Nhờ đó, những thành tích nổi trội trong giáo dục tiếp tục được ghi nhận, nhiều học sinh giành được huy chương, giải cao tại các cuộc thi, kỳ thi ở tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế (1 huy chương bạc Olympic Tin học châu Á - Thái Bình Dương; 2 huy chương vàng cuộc thi phát minh và sáng chế quốc tế lần thứ 15; 1 giải nhất tiếng Pháp Olympic quốc tế, 1 huy chương đồng tại kỳ thi Olympic Vật lý châu Âu, 4 huy chương bạc tại cuộc thi “Triển lãm thiết kế

và sáng chế quốc tế” tại Đài Loan; nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (đạt 48 giải, tăng 0,7 giải so với năm học 2020 - 2021). Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh có tới 3 học sinh giành được vòng nguyệt quế trong các cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia (Học sinh Đặng Thái Hoàng, năm 2012; Nguyễn Hoàng Cường, năm 2018; Nguyễn Hoàng Khánh, năm 2021). Năm 2022, giáo dục Quảng Ninh tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những địa phương có thành tích nổi trội về giáo dục, với 48 học sinh đoạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, tăng 7 giải so với năm 2021... Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 của tỉnh xếp thứ 31/63 tỉnh thành, tăng 5 bậc so với năm 2021; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 88,11% (556/631 trường)...

Có thể thấy, trong những năm qua, chất lượng giáo dục của tỉnh Quảng Ninh không ngừng được nâng cao ở cả giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở được duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng. Bên cạnh đó, ngoài các chính sách theo quy định chung nhằm phát triển và đổi mới giáo dục - đào tạo, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách riêng để hỗ trợ giáo viên, học sinh theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ..., góp phần bảo đảm an sinh xã hội, từng bước bảo đảm công bằng trong giáo dục. Hằng năm, tỉnh dành nguồn lực thỏa đáng cho giáo dục - đào tạo ( bình quân hằng năm đạt trên 20% tổng chi ngân sách địa phương).

#### *Áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo*

Hướng tới mục tiêu tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo đột phá trong giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 5-2-2022, về Chuyển đổi số toàn bộ tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngành giáo dục Quảng Ninh đã đẩy mạnh áp dụng công nghệ vào quá trình dạy và học, mở ra nhiều phương thức giáo dục mới, thông minh và hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đơn cử, Trường tiểu học Hạ Long (thành phố Hạ Long) đưa ứng dụng PLICKERS vào việc kiểm tra kiến thức của học sinh theo hình thức trắc nghiệm (ở mỗi câu hỏi, đáp án có mã code, giáo viên dùng điện thoại quét đọc đáp án). Ứng dụng PLICKERS giúp giáo viên tổ chức ôn tập bài cho học sinh và kiểm tra trắc nghiệm trong lớp học một cách hiệu quả hơn, tạo được sự hứng thú trong học tập cho học sinh, qua đó dễ dàng hơn nắm bắt nhận thức, kiến thức của học sinh để đưa ra các biện pháp kịp thời, giúp các em học tập hiệu quả hơn.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các nhà trường được tăng cường, nhất là các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống vận động thông minh của các trường mầm non,

thiết bị đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm. Mục tiêu của ngành giáo dục Quảng Ninh đến năm 2025 là đưa việc dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thường xuyên, liên tục, trong đó tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trên 5% ở bậc tiểu học, trên 10% ở bậc trung học; đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý giáo dục dựa trên công nghệ số và dữ liệu, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh đã triển khai xây dựng nhiều giải pháp chuyển đổi số, xây dựng kế hoạch thực hiện “Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”. Trong đó, kế hoạch đặt ra mục tiêu chung là triển khai các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên môi trường số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động và phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, tăng cường hiệu quả công tác quản lý, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá về chất lượng, từ đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Cụ thể, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo nghề nghiệp là quá trình tích hợp và áp dụng các công nghệ kỹ thuật số như dữ liệu lớn, điện toán đám mây, vạn vật kết nối, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các cơ sở giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, nhằm thay đổi theo chiều hướng tích cực cách thức quản lý, làm việc, nhằm tạo ra hiệu quả công việc cao. Mục tiêu của tỉnh là đến năm 2025 đạt 80% và đến năm 2030 đạt 100% nhà giáo và nhà quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, được đào tạo kỹ năng và phương pháp giảng dạy phù hợp triển khai đào tạo trên môi trường số. Các chương trình đào tạo cũng được tích hợp năng lực số, nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số; hình thành nền tảng số giáo dục nghề nghiệp và kho học liệu, tài nguyên số phục vụ cho hoạt động dạy và học; có hạ tầng số, nền tảng số phù hợp để kết nối và khai thác với nền tảng số quốc gia.

### *Áp dụng giáo dục STEM trong các cấp học*

Những năm gần đây, giáo dục STEM (chương trình giảng dạy được thiết kế để trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng liên quan đến lĩnh vực khoa học (Science), công nghệ (Technology), kỹ thuật (Engineering), toán học (Math), được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh tích cực đưa vào áp dụng trong các trường học. Đây là phương pháp giáo dục tiên tiến, là cơ hội khuyến khích khả năng sáng tạo, vận dụng tổng hợp kiến thức, tự học, tự nghiên cứu của học sinh, là cơ sở quan trọng để các địa phương, cơ sở giáo dục thực



hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Ở cấp trung học, giáo dục STEM đã được các địa phương trong tỉnh Quảng Ninh chủ động thực hiện từ nhiều năm nay, bằng nhiều hình thức, trải nghiệm thực tế hoặc tổ chức các câu lạc bộ, gắn hoạt động STEM vào các cuộc thi. Đối với giáo dục tiểu học, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đã có văn bản hướng dẫn thực hiện chính thức từ năm học 2022 - 2023. Với cấp mầm non, một số trường đã bắt đầu đưa bài học STEM vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Giáo dục STEM đã góp phần hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh, thông qua đó có những tác động tích cực, làm chuyển biến công tác dạy và học tại các nhà trường, học sinh được thực hành, trải nghiệm, học tập gắn với cuộc sống thực tế; tăng cường mở rộng không gian lớp học cho học sinh với phương pháp thực học, trải nghiệm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất, đạo đức người học, tạo sự tương tác hiệu quả giữa gia đình - nhà trường, giáo viên - phụ huynh - học sinh trong việc xây dựng môi trường giáo dục toàn diện cho các em học sinh. Kế hoạch tổ chức học tập trải nghiệm sáng tạo của các nhà trường nhận được sự đồng thuận của đông đảo các bậc phụ huynh và học sinh. Giáo dục STEM cũng góp phần không nhỏ trong việc tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học trong các nhà trường, giúp học sinh phát triển toàn diện, tăng khả năng, kỹ năng về thực hành và ứng dụng. Trên cơ sở đó, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đã chỉ đạo các trường đẩy mạnh hoạt động giáo dục STEM với nhiều nội dung cụ thể, thiết thực, đặc biệt là tổ chức các hoạt động trải nghiệm liên quan đến STEM và ứng dụng công nghệ trong dạy và học, giúp học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực tế để chế tạo, làm các sản phẩm tái chế.

*Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng “xã hội học tập”.*

Một trong những thế mạnh của ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh là truyền thống hiếu học sẵn có của tỉnh. Hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tỉnh hết sức chú trọng công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng những “xã hội học tập”. Các phong trào xây dựng “gia đình hiếu học”, “dòng họ hiếu học” và “khu dân cư hiếu học” được cả hệ thống chính trị tham gia và toàn dân ủng hộ. Đến nay, toàn tỉnh đã có 251.377 gia đình được công nhận là “gia đình hiếu học” (chiếm 72% số gia đình trong tỉnh); 1.010 dòng họ được công nhận “dòng họ hiếu học” (chiếm 63% so với tổng số dòng họ trong tỉnh); 1.259 khu dân cư được công nhận là “khu dân cư hiếu học” (chiếm 86,2% so với tổng số khu dân cư trong tỉnh). Tại Hội nghị Tuyên dương gia đình, dòng họ, đơn vị, khu dân cư hiếu học xuất sắc tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017 - 2022, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam đã tặng bằng khen cho 42 mô hình học tập thuộc Hội Khuyến học tỉnh Quảng Ninh. Phong

trào khuyến học được lan tỏa khắp các xã, phường, vùng sâu, vùng xa, khơi dậy và phát huy truyền thống hiếu học sẵn có của tỉnh, tạo động lực cho mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh nâng cao trình độ học tập, làm nền tảng quan trọng trong việc hoàn thành mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ cho sự phát triển, hội nhập của tỉnh.

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở QUẢNG NINH THỜI GIAN TỚI**

*Một là*, bổ sung đội ngũ giáo viên, *đáp ứng yêu cầu dạy và học*. Theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, năm 2022, toàn tỉnh có hơn 21.200 cán bộ, giáo viên, nhân viên, còn thiếu hơn 1.600 giáo viên so với quy định. Quy mô, cơ cấu, chất lượng giáo viên, cán bộ quản lý còn chưa phù hợp, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên ở các môn học và tại một số đơn vị trường học. Việc bổ sung giáo viên, nhân viên còn chưa kịp thời trong khi số trường lớp liên tục tăng, nhiều trường còn thiếu giáo viên tin học, tiếng Anh.

*Hai là*, đầu tư hơn nữa cho giáo dục và đào tạo, các chính sách khuyến học, khuyến tài, tương xứng với yêu cầu. Bổ sung trang thiết bị giáo dục để đáp ứng việc dạy và học theo chương trình mới. Thực tế cho thấy, nhiều trường còn thiếu máy tính phục vụ giảng dạy môn tin học, thiếu các phòng học bộ môn. Có trường, tuy có giáo viên dạy môn tin học nhưng hệ thống máy tính được trang bị trước đó hiện đã cũ, không đáp ứng được việc học.

*Ba là*, tiếp tục xây dựng, ban hành các chính sách về giáo dục, đào tạo phù hợp với điều kiện của tỉnh; có cơ chế, chính sách thu hút giảng viên đại học, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến Quảng Ninh làm việc, góp phần tạo những đột phá mới, thành tựu mới trong giáo dục, đào tạo. Từ việc phân tích thực trạng nguồn nhân lực của tỉnh, học hỏi kinh nghiệm của các địa phương có cùng đặc điểm kinh tế - xã hội để đề xuất các nhóm giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực của tỉnh về cơ chế chính sách, nâng cao năng lực cơ sở đào tạo, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực... Nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục từ các cấp học phổ thông lên tới đại học, đặc biệt là các trường nghề, mở rộng liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, các tập đoàn đã thành công ở Quảng Ninh.

Đối với trường Đại học Hạ Long, trong giai đoạn tới cần bắt kịp xu hướng đào tạo của các trường đại học lớn trong nước và quốc tế, phát triển trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát huy được lợi thế của trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Quảng Ninh là mảnh đất có tiềm năng đặc biệt trong phát triển các ngành du lịch, nên cần chú trọng hơn nữa trong việc đào tạo nghệ thuật, ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng

Hàn... Theo định hướng phát triển đến hết năm 2025, quy mô đào tạo chính quy của Đại học Hạ Long sẽ đạt từ 8.000 -10.000 sinh viên, trong đó sinh viên đại học chiếm trên 80%. Đến năm 2030, Đại học Hạ Long sẽ là một trong những cơ sở hàng đầu cả nước trong đào tạo nhân lực các ngành du lịch, nghệ thuật, ngôn ngữ; phát huy vai trò động lực của khu đô thị đại học, là nơi thu hút các tổ chức giáo dục, đào tạo, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, quy mô đào tạo từ 15.000 - 20.000 sinh viên.

*Bốn là*, có cơ chế khuyến khích phát triển mạnh giáo dục ngoài công lập, bảo đảm sự hài hòa lợi ích của Nhà nước, phụ huynh, học sinh và nhà đầu tư; có chính sách đãi ngộ, thu hút giáo viên giỏi trong cả nước về dạy học tại địa phương; đào tạo nâng cao để chuẩn hóa ở mức độ cao đội ngũ giáo viên hiện có, thực hiện mục tiêu đến năm 2025 tỉnh Quảng Ninh ở tốp khá trong cả nước về chất lượng giáo dục và là một trong những tỉnh đi đầu trong mô hình giáo dục thông minh, có số cơ sở giáo dục ngoài công lập chiếm từ 20 - 25%, thực hiện lộ trình tự chủ và giảm số người hưởng lương từ ngân sách trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập. ❖

## XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA TRONG QUÂN ĐỘI Ở QUẢNG NINH

### KHÚC THÀNH DƯ

*Đại tá, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  
Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ninh*

Tính văn hóa trong môi trường quân đội vừa là yếu tố thể hiện bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam, vừa trở thành nhu cầu tất yếu khách quan trong quá trình phấn đấu xây dựng quân đội theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Sức mạnh chiến đấu của quân đội ta là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, nhưng xét đến cùng, con người là yếu tố quyết định. Trong đó, xây dựng môi trường văn hóa là một trong những động lực quan trọng hàng đầu thúc đẩy yếu tố chính trị - tinh thần của quân nhân.

Môi trường văn hóa trong quân đội là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần hợp thành một chỉnh thể trong không gian và thời gian xác định, tác động đến quá trình hình thành, nuôi dưỡng và hoàn thiện những phẩm chất văn hóa của quân nhân; có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng, hoàn thiện nhân cách người quân nhân cách mạng. Chính trong môi trường văn hóa mà mỗi cán bộ, chiến sĩ, bằng hoạt động thực tiễn xã hội, tiếp nhận các giá trị văn hóa quân đội để phát triển, hoàn thiện phẩm chất, nhân cách. Thực tế cho thấy, môi trường văn hóa quân đội tốt đẹp, lành mạnh sẽ là nhân tố thuận lợi để giáo dục, bồi dưỡng, phát triển nhân cách người quân nhân cách mạng, xây đắp nên tình đồng chí, đồng đội cao cả; vừa tạo ra động lực động viên, thúc đẩy cán bộ, chiến sĩ rèn luyện, phấn đấu vươn lên, khắc phục mọi khó khăn; đồng thời, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh là bức tường thành vững chắc vô hiệu hóa sự tấn công của những yếu tố phản văn hóa, bảo vệ “trận địa” tư tưởng văn hóa của Đảng trong môi trường quân đội. Vì vậy, xây dựng môi trường văn hóa quân

đội là vấn đề cơ bản và cấp thiết trong sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của việc xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội, những năm qua, quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 143/CT, ngày 12/5/1992, của Tổng cục Chính trị, về tiến hành cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị quân đội; Hướng dẫn số 934/HD-TCCT, ngày 15/11/2000, của Tổng cục Chính trị, “Về việc đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội, thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; Chỉ thị số 855-CT/QUTW, ngày 12/8/2019, của Thường vụ Quân ủy Trung ương, về đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới; Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, ngày 28/12/2021, của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 09/3/2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”; việc xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ninh đã thường xuyên được coi trọng và trở thành nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) tỉnh vững mạnh về chính trị. Cấp ủy, chỉ huy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng môi trường văn hóa trong LLVT tỉnh đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của bộ đội. Trong đó nổi bật như:

*Một là, cấp ủy, chỉ huy, cơ quan chính trị các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng môi trường văn hóa trong LLVT tỉnh đi vào nề nếp, đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của bộ đội.*

Việc xây dựng môi trường văn hóa trong LLVT tỉnh đã gắn kết chặt chẽ với thực hiện chủ đề công tác hằng năm của tỉnh và cam kết thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử “*Nụ cười Hạ Long*”. Đồng thời, bám sát yêu cầu xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, cơ quan, đơn vị “*Mẫu mực tiêu biểu*”, nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ. Việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của trên về lĩnh vực tư tưởng, văn hóa được triển khai đồng bộ với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII), về đẩy mạnh xây dựng, chính đôn Đảng và Kết luận số 01-KL/TW, của Bộ Chính trị, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị đã phát huy vai trò trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nội dung, biện pháp tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ về tình hình nhiệm vụ, âm mưu, thủ

đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; quản lý chặt chẽ chính trị nội bộ, không để bị động bất ngờ về tư tưởng; đấu tranh có hiệu quả chống lại các quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch. Ban Chỉ đạo 35 Đảng ủy Quân sự tỉnh, Lực lượng 47 các cấp trong Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tích cực tham gia đấu tranh phòng chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Qua đó, tạo được môi trường văn hóa lành mạnh, giàu tính giáo dục vì mục tiêu xây dựng con người mới trong quân đội; đẩy mạnh phong trào tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện nếp sống chính quy góp phần làm sáng tỏ thêm truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” của quân và dân vùng mỏ anh hùng.

*Hai là, việc xây dựng phong trào và phát huy vai trò của cán bộ, chiến sĩ phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn con người mới Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong tình hình cách mạng hiện nay được triển khai sâu rộng, hiệu quả.*

Các cơ quan, đơn vị đã duy trì nề nếp chế độ giao ban công tác tư tưởng, chế độ sinh hoạt ngày chính trị văn hóa tinh thần và đối thoại dân chủ hằng tháng, kịp thời tuyên truyền, định hướng tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ và trao đổi, giải đáp băn khoăn, tạo niềm tin cho cán bộ, chiến sĩ, xây dựng mối đoàn kết, gắn bó, tạo không khí dân chủ, cởi mở, thân thiện trong cơ quan, đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển và hoàn thiện nhân cách người quân nhân cách mạng. Việc duy trì nề nếp, hiệu quả việc theo dõi “Sổ hồng” ghi việc làm tốt, “Sổ nâu” ghi việc làm chưa tốt của cán bộ, đảng viên được công khai trước chi bộ hằng tháng đã cổ vũ, biểu dương cái tốt, cái đẹp, phê phán và lên án cái xấu, cái lạc hậu trong cơ quan, đơn vị.

Đặc biệt, từ năm 2020 đến 2022, khi dịch COVID-19 bùng phát, LLVT tỉnh đã phát huy vai trò xung kích, nòng cốt trực tiếp trên tuyến đầu phòng chống dịch bệnh. Hình ảnh những cán bộ, chiến sĩ quên ăn quên ngủ, di chuyển những quãng đường xa trong trang phục chống dịch tập trung tiếp nhận người cách ly; hình ảnh những người lính nơi biên giới, tăng cường kiểm soát phòng dịch ngay cả những đêm đông giá rét, những ngày hè đổ lửa... khiến nhiều người không khỏi xúc động và cảm phục. Các đơn vị quân đội trong LLVT tỉnh đã luôn chủ động, thể hiện xuất sắc vai trò xung kích, nòng cốt đi đầu trong ứng phó sự cố, thiên tai, góp phần giảm thiểu thiệt hại, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân.

Hội Phụ nữ Bộ CHQS tỉnh cũng triển khai thực hiện nhiều mô hình hiệu quả gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, như: Phụ nữ Bộ CHQS tỉnh giao tiếp, ứng xử văn minh; ca trực kiểu mẫu; xây dựng phụ nữ Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh “4 tốt”; cán bộ, hội viên phụ nữ miệng nói lời hay, tay làm việc tốt; nuôi lợn đất; chia

sẻ yêu thương;... góp phần tạo động lực để mỗi chị em vươn lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng gia đình hạnh phúc, khẳng định phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ.

Đoàn viên thanh niên đã phát huy tốt vai trò xung kích “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên” với các phong trào hành động tiêu biểu như: “Vượt nắng, thắng mưa, say sưa luyện tập”, “Huấn luyện giỏi, sẵn sàng chiến đấu cao”, “Đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, an toàn, quyết thắng”, “Sỹ quan trẻ - Nêu gương, tình thương, kỷ cương, trách nhiệm”. Các chương trình mang dấu ấn của tuổi trẻ LLVT tỉnh như: “Tuổi trẻ xung kích, tình nguyện, thi đua học tập rèn luyện và lập nghiệp, xây dựng Đoàn vững mạnh, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại”, “Tuổi trẻ với mùa xuân biên giới”, “Xuân biên cương, hải đảo - Tết thăm tình quân dân”, “Tháng 3 biên giới”, “Thanh niên tình nguyện xây dựng nông thôn mới”, “Chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau” với nhiều hình thức hoạt động phong phú, sinh động, mang lại hiệu quả thiết thực.

*Ba là, tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng và phát huy hệ thống các thiết chế văn hóa*

Những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu, sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, sở, ngành, đoàn thể của tỉnh, mô hình xây dựng doanh trại chính quy, xanh, sạch, đẹp được quan tâm đầu tư và nhân rộng. Tỉnh đã đầu tư trên 415 tỷ đồng để xây mới, nâng cấp Sở Chỉ huy, nhà làm việc cơ quan và hội trường Bộ CHQS tỉnh; doanh trại Ban CHQS 13 huyện, thị xã, thành phố được quan tâm xây mới, nâng cấp; hệ thống biển bảng chính quy, pa-nô, áp-phích tuyên truyền cổ động, bồn hoa, cây cảnh được quan tâm đầu tư xây dựng, chỉnh trang, tạo cảnh quan, môi trường chính quy, thống nhất, sạch đẹp. Hệ thống thiết chế văn hóa gồm nhà truyền thống, thư viện, phòng Hồ Chí Minh, phòng đọc, hoạt động sách báo, tủ sách pháp luật của đơn vị luôn được duy trì thành nề nếp. Việc bảo đảm sách báo, phim ảnh, phát thanh, truyền hình, thông tin nội bộ luôn được quan tâm bảo đảm đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị theo đúng quy định tại Thông tư 138 của Bộ Quốc phòng “*Quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa, tinh thần trong Quân đội nhân dân Việt Nam*”.

*Bốn là, hoạt động phối hợp với cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội của địa phương trong tổ chức thực hiện Cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa của đơn vị gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở địa phương được triển khai sâu rộng, hiệu quả.*

Thường xuyên quán triệt thực hiện nghiêm Nghị định số 03/NĐ-CP, ngày 5-9-2019, của Chính phủ, về công tác phối hợp giữa Quân đội và Công an; Quy định 213-QĐ/TW, ngày 2-1-2020, của Bộ Chính trị, Về quy định trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú,... trên cơ sở chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, phối hợp hoạt động, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bộ CHQS tỉnh thường xuyên quan tâm, tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời để mỗi cán bộ, chiến sĩ luôn tự hoàn thiện mình, cải tiến và nâng cao hiệu suất công việc của bản thân theo phương châm “Làm việc theo chức trách, nêu gương trong hành động” và phong trào “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”, “*Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” trong các cơ quan, đơn vị.

Hằng năm, Bộ CHQS tỉnh và các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tập huấn cán bộ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; tổ chức huấn luyện theo kế hoạch, đạt kết quả cao. Phối hợp với các huyện, thị, thành ủy tổ chức bồi dưỡng nhận thức về đảng cho công dân nhập ngũ. Phối hợp với các cơ sở dạy nghề, tổ chức đào tạo nghề cho quân nhân sau khi xuất ngũ nhằm góp phần giải quyết việc làm, bảo đảm kinh tế cho bộ đội sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Phối hợp chặt chẽ với Tỉnh đoàn Quảng Ninh tổ chức các lớp học kỳ quân đội cho các cháu học sinh vào dịp hè hằng năm, bảo đảm an toàn, ý nghĩa.

Các gia đình quân nhân tích cực xây dựng gia đình văn hóa ở khu dân cư, chấp hành nghiêm các quy định, hương ước, quy ước tại địa phương nơi cư trú... gắn với thực hiện phong trào thi đua “*Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh thi đua thực hiện văn hóa công sở, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ*”; phong trào thi đua “*Lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới*”,... Thường xuyên duy trì tốt hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn, đáp nghĩa, xây nhà tình nghĩa, nhà đồng đội, nhà cho hộ nghèo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội.

Có thể khẳng định, việc xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú trong các đơn vị LLVT tỉnh đã làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức, tình cảm và nâng tầm cảm thụ về văn hóa của cán bộ, chiến sĩ. Các mối quan hệ trong đơn vị được xử lý hài hòa, trong sáng, đúng quy định của Quân đội, phù hợp với thuần phong, mỹ tục, luôn thấm đượm tình đồng chí, đồng đội, gắn kết chặt chẽ cá nhân với tập thể, giữa bộ đội với nhân dân, giữa đơn vị với địa phương; Bộ CHQS tỉnh đã thực sự trở thành “trường học lớn”, mái nhà chung cho mỗi cán bộ, chiến sĩ học tập, rèn luyện, phấn đấu, tu dưỡng hoàn thiện



bản thân, là điểm sáng về xây dựng môi trường văn hóa quân sự trên địa bàn; qua đó góp phần cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh xây dựng, củng cố quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc, góp phần giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng con người Quảng Ninh “Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện”.

Trong những năm tới, trên địa bàn tỉnh, kinh tế tiếp tục phát triển tốt, chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường tạo thuận lợi cho công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tuy nhiên, tình hình thế giới, khu vực, trong nước và trên địa bàn tỉnh dự báo còn đang tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện “Diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa” quân đội, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đặc biệt, trước những tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường trong xu thế hội nhập và sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các biểu hiện phản giá trị văn hóa đang hàng ngày, hàng giờ tác động, thấm lặn vào trong môi trường văn hóa quân sự, không chỉ làm cho một số cán bộ, chiến sĩ nhạt phai mục tiêu, lý tưởng, xa rời đạo đức cách mạng, mà còn làm suy giảm uy tín, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” trong lòng nhân dân, ảnh hưởng không tốt tới hiệu quả xây dựng môi trường văn hóa ở các đơn vị cơ sở trong quân đội.

Để xây dựng môi trường văn hóa quân đội góp phần tích cực xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, các đơn vị LLVT tỉnh Quảng Ninh cần thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau đây:

*Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, người chỉ huy, phát huy vai trò của cơ quan chính trị các cấp trong xây dựng môi trường văn hóa trong đơn vị.*

Từ thực tiễn xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ quan, đơn vị LLVT tỉnh những năm qua cho thấy, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, người chỉ huy là yếu tố quyết định bảo đảm cho nhiệm vụ này đạt mục đích, yêu cầu đề ra, góp phần làm lành mạnh hóa đời sống tinh thần của bộ đội; xây dựng môi trường văn hóa chính là giải pháp có hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ, góp phần xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu và xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Để làm được điều đó, hằng năm, cấp ủy các cấp cần xác định rõ mục tiêu, chủ trương, biện pháp lãnh đạo, xây dựng chương trình hành động sát đặc điểm, tình hình đơn vị. Trong đó, cần kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng môi trường văn hóa với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nghị

quyết Trung ương 4 (khóa XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; *Nghị quyết số 847, của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới*; Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới; đồng thời, gắn kết với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở địa phương để tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã xác định. Trong triển khai, các đơn vị cần coi trọng gắn kết giữa thực hiện các chuẩn mực con người Việt Nam mới, thực hiện “Bộ tiêu chí Người Quảng Ninh” trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; xây dựng “Đơn vị văn hóa” với đẩy mạnh phong trào “Thi đua quyết thắng” hằng năm và xây dựng điển hình tiên tiến, gương “người tốt, việc tốt”; giữa bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị với xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần, cảnh quan môi trường, nếp sống chính quy, rèn luyện kỷ luật ở đơn vị, làm cho các nhân tố chính trị, tư tưởng bắt rễ sâu hơn, vững chắc hơn trong mọi hoạt động của bộ đội. Đặc biệt là, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch số 1349/KH-CT, ngày 15/8/2022, của Tổng cục Chính trị, Về thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trong Quân đội nhân dân Việt Nam với chủ trương phát triển văn hóa Quân đội nhân dân Việt Nam để xây dựng phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện những đơn vị làm tốt, mô hình hiệu quả để phát huy và nhân rộng; chấn chỉnh kịp thời những nơi làm chưa tốt, những biểu hiện hình thức, hiệu quả thấp; đồng thời, phê phán những nhận thức lệch lạc, thiếu trách nhiệm trong xây dựng môi trường văn hóa.

*Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú trong Quân đội.*

Với quan điểm, con người văn hóa là nhân tố cốt lõi của môi trường văn hóa trong quân đội, Đảng ủy, Bộ CHQS tỉnh cần tiếp tục quan tâm xây dựng tập thể quân nhân vững mạnh. Thông qua *công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ* không ngừng nâng cao phẩm chất, đạo đức lối sống, bồi dưỡng tình đồng chí, đồng đội, tình quân - dân, rèn luyện ý thức chấp hành kỷ luật quân đội, pháp luật của Nhà nước. Các quân nhân trong các đơn vị LLVT tỉnh cũng là những tế bào quan trọng trong cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, những quân nhân sau khi xuất ngũ về địa phương sẽ liên tục trở thành nguồn nhân lực bổ sung cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại các địa phương trong tỉnh. Do đó, chúng ta phải tuyên truyền, giáo dục để bộ đội thấy rằng, việc xây dựng môi trường văn hóa tạo cho mỗi quân nhân rèn luyện tính kỷ luật, tự giác, nghiêm minh vừa là một nhiệm vụ quan trọng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, vừa là góp phần khơi dậy, bồi dưỡng và phát huy các giá trị văn hóa con người mới XHCN, góp phần tạo động lực

và nguồn lực quan trọng cho quá trình phát triển của tỉnh. Đồng thời, tăng cường công tác giáo dục chính trị, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, chiến sĩ, kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng lệch lạc, sai trái, hướng mọi hoạt động giáo dục ở đơn vị vào việc “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội”.

Mặt khác, trong bối cảnh phức tạp hiện nay, nhất là sự “xâm lăng văn hóa”, sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, thì việc xây dựng môi trường văn hóa còn là một bộ phận không thể tách rời cuộc đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới, trong điều kiện mới. Do đó, trọng tâm giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ không chỉ có lối sống văn hóa lành mạnh, đạo đức cách mạng, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, mà còn phải nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường giai cấp của người quân nhân cách mạng. Thông qua xây dựng môi trường văn hóa, tạo phong trào tự giác rèn luyện của mọi quân nhân theo những chuẩn mực văn hóa, không ngừng củng cố mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh, hành vi ứng xử có văn hóa trong đơn vị, giải quyết mối quan hệ cấp trên, cấp dưới, đồng chí, đồng đội, giữa đơn vị với cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương nơi đóng quân. Trên cơ sở nhận thức đúng, đề cao vai trò, trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc “xây” gắn liền với “chống”, nói đi đôi với làm; khắc phục triệt để mọi biểu hiện lệch lạc về nhận thức, tư tưởng, làm không đến nơi đến chốn, hiệu quả thấp. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì phải gương mẫu, đi đầu trong rèn luyện, phấn đấu theo các chuẩn mực về lối sống văn hóa, thực sự là tấm gương để chiến sĩ noi theo, bảo đảm cho mỗi đơn vị trong LLVT tỉnh là một “đơn vị văn hóa”, góp phần hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Trong điều kiện khoa học - kỹ thuật phát triển, thông tin bùng nổ như hiện nay, cùng với việc coi trọng tận dụng tối ưu mọi khả năng, phương tiện có trong đơn vị để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ, lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị cần đặc biệt quan tâm bảo đảm tính định hướng, tính chiến đấu của các hoạt động văn hóa, góp phần nâng cao sức đề kháng và khả năng miễn dịch cho bộ đội trong quá trình hưởng thụ và sáng tạo văn hóa tại đơn vị. Tăng cường công tác giáo dục, nâng cao năng lực, bản lĩnh, tinh thần cảnh giác cách mạng, phòng, chống có hiệu quả chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo 35, Lực lượng 47 các cấp trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; tích cực kiểm tra, quản lý chặt các kênh thông tin, truyền tải văn hóa của đơn vị; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, tạo sân chơi lành mạnh cho cán bộ, chiến sĩ.

*Ba là, chăm lo xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh trong đơn vị*

Để xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh, cần xây dựng bầu không khí dân chủ, cởi mở, sự đoàn kết, thống nhất, tin tưởng lẫn nhau; nghiên cứu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định trong thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng trong tham gia xây dựng tổ chức đảng, tăng cường hiệu lực người chỉ huy các cấp. Trong chỉ đạo thực tiễn, xác định đúng tính chất của mối quan hệ, có biện pháp tác động đúng đắn, phù hợp để xây dựng các mối quan hệ văn hóa lành mạnh. Tích cực hóa các quan hệ văn hóa quân sự bằng nhiều biện pháp cụ thể, như: Tọa đàm dân chủ, giao lưu văn hóa, hoạt động liên kết giữa bộ đội với nhân dân địa phương, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, cách mạng, những nét văn hóa tiêu biểu của các dân tộc tỉnh Quảng Ninh, truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” của quân và dân vùng mỏ. Trong công tác quản lý, chỉ huy cần khắc phục biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, phân biệt cấp trên với cấp dưới, cán bộ với chiến sĩ, chiến sĩ cũ với chiến sĩ mới; chủ động đấu tranh khắc phục hiện tượng “trung bình chủ nghĩa” trong sinh hoạt, công tác của cán bộ, chiến sĩ và tư tưởng “quan liêu, độc đoán, gia trưởng” trong lãnh đạo, chỉ huy đơn vị...

*Bốn là, thường xuyên chăm lo xây dựng cảnh quan môi trường đơn vị sáng, xanh, sạch, đẹp*

Cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp thể hiện tính kỷ luật, tình yêu lao động, bảo vệ môi trường thiên nhiên trong phát triển bền vững của mỗi cán bộ, chiến sĩ. Do vậy, việc xây dựng và bảo vệ cảnh quan môi trường cần được coi là một trong những nội dung quan trọng của công tác xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội. Thường xuyên động viên mọi quân nhân trong đơn vị tích cực tham gia đóng góp trí tuệ, sức lực vào quá trình xây dựng và bảo vệ cảnh quan môi trường của đơn vị cũng như tích cực tham gia các phong trào bảo vệ môi trường do địa phương phát động.

*Năm là, tích cực đổi mới, đa dạng hóa các hình thức hoạt động văn hóa, phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, các thiết chế văn hóa trong xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú*

Trên cơ sở kế hoạch đã xác định, các cơ quan, đơn vị cần cụ thể hóa bằng những hoạt động văn hóa phong phú, lành mạnh, phù hợp với sự phát triển của đời sống văn hóa xã hội, đặc thù của Quân đội và thị hiếu của bộ đội. Đồng thời, phải thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức hoạt động văn hóa nhằm thu hút sự tham gia đông đảo của cán bộ, chiến sĩ, góp phần xây dựng môi trường và đời sống văn hóa trong đơn vị. Trong tổ chức thực hiện, cần phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, nhất là đoàn viên, thanh niên, góp phần giữ vững và phát huy

môi trường văn hóa lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, giảm thiểu vụ việc vi phạm kỷ luật. Cùng với đó, cần tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả của các thiết chế văn hóa; kết hợp “trên, dưới cùng lo”, bảo đảm tốt tiêu chuẩn đời sống văn hóa, tinh thần của bộ đội. Chủ động sáng tạo ra các hình thức hoạt động mới theo phương châm: Ngắn gọn, nhỏ lẻ, linh hoạt, kịp thời, phù hợp với điều kiện, khả năng nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần ngày càng cao của bộ đội. Ngoài ra, cần điều chỉnh những hoạt động văn hóa không còn phù hợp, gây tốn kém, lãng phí; khắc phục bệnh phô trương, hình thức.

*Sáu là, thường xuyên phối hợp với cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong LLVT tỉnh gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” của địa phương*

Quân đội là một bộ phận của xã hội. Việc xây dựng môi trường văn hóa trong Quân đội đương nhiên không thể tách rời phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở địa phương. Vấn đề đặt ra là sự kết hợp đó cần phải được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ và phù hợp với đặc thù hoạt động của Quân đội và đặc điểm, tình hình địa phương, nhằm đưa văn hóa Đảng đến với mỗi cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, làm lành mạnh hóa các quan hệ trong đơn vị và địa phương. Theo đó, trong quá trình thực hiện, các đơn vị trong LLVT tỉnh cần tiếp tục chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương nơi đóng quân, tổ chức các hoạt động tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực văn hóa tại địa phương bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng,... góp phần ngăn chặn, đẩy lùi những hủ tục, tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn đóng quân. Đồng thời, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị và mọi cán bộ, chiến sĩ nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, có chiều sâu trong đời sống văn hóa, tinh thần; làm cho các nhân tố chính trị, tư tưởng bắt rễ sâu hơn, vững chắc hơn trong mọi hoạt động của bộ đội. Phần đầu mỗi quân nhân là một chiến sĩ văn hóa, mỗi gia đình quân nhân là một gia đình văn hóa, khu tập thể quân nhân trở thành khu tập thể văn hóa. Các đơn vị trong LLVT tỉnh thực sự là điểm sáng văn hóa trên địa bàn đóng quân, nhân tố tích cực cùng toàn dân thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tại địa phương; tích cực góp phần cùng cấp ủy, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo động lực và nguồn lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững. ❖

## PHÁT HUY MÔ HÌNH TÒA SOẠN HỘI TỤ TRONG QUẢNG BÁ VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI QUẢNG NINH

MAI VŨ TUẤN

*Tỉnh ủy viên, Tổng Biên tập,  
Giám đốc Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh*

Việc xây dựng các tòa soạn hội tụ đã và đang trở thành xu thế phát triển của ngành báo chí - truyền thông hiện đại, nhất là đối với các cơ quan có nhiều chủ thể gồm báo in, báo mạng, phát thanh, truyền hình và tạp chí như Trung tâm Truyền thông tỉnh. Bắt nhịp xu thế trên, ngay sau khi thành lập trên cơ sở hợp nhất các cơ quan thông tấn, báo chí của tỉnh, gồm: Báo Quảng Ninh, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ninh, phòng Biên tập Cổng thông tin điện tử tổng hợp (thuộc Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh), Báo Hạ Long của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh và đi vào hoạt động từ ngày 1-1-2019, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức vận hành mô hình “Tòa soạn hội tụ đa phương tiện”. Qua thực tiễn, mô hình này đã phát huy được tối đa lợi thế trong quảng bá vùng đất, con người Quảng Ninh.

Mô hình “Tòa soạn hội tụ” của Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh lấy thông tin là trung tâm trên nền tảng sản xuất bằng công nghệ số; từng khâu công việc được chuyên nghiệp hóa, đồng bộ thông tin trên các nền tảng truyền hình, phát thanh, báo điện tử, báo in, mạng xã hội... Hiện, chúng tôi đang có 2 kênh truyền hình QTV1, QTV3 phát sóng 24/24h hằng ngày; 2 kênh phát thanh QNR1, QNR2 phát sóng 18h/ngày, báo in Quảng Ninh hằng ngày, báo Quảng Ninh cuối tuần, báo Hạ Long (2 số/tháng), Đặc san Hoa Sen (1 số/tháng), báo Quảng Ninh điện tử, cổng thông tin điện tử tổng hợp, các trang mạng xã hội: youtube Quảng Ninh TV, fanpage QMG - Tin tức Quảng Ninh 24/7, tiktok.

Nội dung thông tin được thực hiện trên các ấn phẩm, kênh sóng của Trung tâm bảo đảm sự thống nhất, nhanh chóng, chính xác trên tất cả các hạ tầng, mang giá trị thông tin cao và mang tính định hướng. Kế hoạch sản xuất hằng ngày được thống nhất qua giao ban đầu giờ

giữa lãnh đạo Trung tâm với các phòng sản xuất nội dung và các phòng biên tập trên cơ sở các nguồn thông tin từ công tác chỉ đạo, đến những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống do phóng viên phát hiện hay các nguồn tin từ mạng lưới cộng tác viên. Từ những gói thông tin ban đầu, các đề tài sẽ được lựa chọn để quyết định triển khai phù hợp với từng loại hình và thể loại báo chí (tin, bài viết, hay có thể phát triển thành chùm ảnh kèm video clip, sản phẩm đa phương tiện...). Nguồn thông tin trở thành tài sản chung của Trung tâm Truyền thông được các phòng khai thác, cung cấp trên các hạ tầng, đáp ứng nhu cầu đa dạng về thông tin cũng như phương thức tiếp nhận đa dạng của công chúng.

Mô hình “Tòa soạn hội tụ” với tổ chức 14 phòng chia thành các khối đầu vào, đầu ra, khối hỗ trợ phục vụ được đánh giá là mô hình tương đối hợp lý trong bối cảnh hiện tại giúp cho ban lãnh đạo Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh dễ dàng điều hành công việc, sự cân đối giữa khối sản xuất và khối biên tập về mô hình cũng giúp cho quá trình sản xuất và phân phối trên các hạ tầng được đồng bộ và chuyên nghiệp, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh, đáp ứng nhu cầu của công chúng cũng như từng bước phát triển theo xu hướng báo chí hiện đại. Khi điều hành sản xuất trên nhiều hạ tầng, các sản phẩm báo chí có sự hỗ trợ lẫn nhau, nâng tầm ảnh hưởng, tăng hiệu quả khi định hướng thông tin.

Tỉnh Quảng Ninh xác định phát triển dựa trên 3 trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa và đã triển khai thực hiện trong suốt 10 năm qua. Đây cũng là định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025 được Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 nêu rõ: “chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột (thiên nhiên, con người, văn hóa), kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trên cơ sở đó, đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng nền hành chính hiện đại; phát triển công nghiệp dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao”.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, tỉnh Quảng Ninh đã đặt ra nhiều giải pháp trong đó tăng cường vai trò của công tác truyền thông, quảng bá về vùng đất, con người Vùng mỏ cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Cùng với đó, lần đầu tiên trong Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đã xác định việc “tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy; đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, xây dựng Trung tâm Truyền thông tỉnh thành tập đoàn truyền thông mạnh; từng bước phát triển kinh tế báo chí” là một trong những nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đây sẽ là một thành tố quan trọng để hiện thực được triết lý phát triển của tỉnh Quảng Ninh về phát triển công nghiệp dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

Như vậy, hoạt động truyền thông, quảng bá vùng đất, con người Quảng Ninh được coi là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh. Do đó, trong những năm qua và trong thời gian tới, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh cũng đã triển khai nhiều giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Trong đó có thể kể đến những giải pháp trọng tâm sau đây:

Đã phát huy hiệu quả hoạt động của mô hình cơ quan báo chí truyền thông đa phương tiện, tạo sức mạnh thông tin, tuyên truyền định hướng dư luận xã hội trên các sản phẩm báo chí của tỉnh Quảng Ninh. Đồng thời đổi mới hoạt động các kênh truyền thông; đa dạng hóa các loại hình báo chí, nhất là các sản phẩm truyền thông hiện đại, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, tích hợp dữ liệu theo xu hướng truyền thông mới.

- *Đổi mới công tác tuyên truyền, quảng bá về vùng đất, con người Quảng Ninh*: Xác định đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh đã có những ấn phẩm, kênh đặc thù để tuyên truyền, quảng bá. Đối với báo in, báo điện tử, tiếp cận những yếu tố mới của báo chí hiện đại để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của độc giả, Trung tâm Truyền thông tỉnh đã thực hiện các tác phẩm đa phương tiện như Emagazine, Infographic, video,... chọn lọc những hình ảnh đẹp về văn hóa, con người và du lịch Quảng Ninh để giới thiệu tới độc giả. Đối với phát thanh, truyền hình, các chương trình chuyên đề như: “Tạp chí du lịch”, “Đất và người Quảng Ninh”, “Điểm hẹn văn hóa”, “Ký sự”, “Trang văn hóa”, “Âm thực Quảng Ninh”, “Tôi yêu du lịch”, “Đưa bạn du lịch 4 phương”, “Âm thực và bạn”, “Hành trình du lịch”, “Việt Nam quê hương tôi”... được đầu tư về chất lượng hình ảnh, âm thanh, được thực hiện theo format hiện đại, có MC dẫn hiện trường, nhân vật trải nghiệm... Đặc biệt, như đã nói ở trên, với việc vận hành mô hình “Toà soạn hội tụ” đã giúp công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền được đồng bộ, kịp thời trên tất cả các hạ tầng.

Xuất bản sách ảnh: Những hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quảng Ninh, Sách ảnh Quảng Ninh Hội tụ và Lan tỏa, Các ấn phẩm đặc biệt Quảng Ninh toàn cảnh, ấn phẩm kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, ấn phẩm chào mừng 130 năm ngày sinh nhật Bác...

- *Thực hiện được các chiến dịch truyền thông*: Các chiến dịch truyền thông chủ động đã mang lại hiệu quả như: Chiến dịch truyền thông sáp nhập Hoàn Kiếm vào Hạ Long, chiến dịch truyền thông nhìn lại việc thực hiện Cương lĩnh sửa đổi 2011 của Đảng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, chuyển đổi phương thức phát triển tỉnh Quảng Ninh từ “Nâu” sang “Xanh” 10 năm qua, Truyền thông Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV, chiến dịch kích cầu du lịch... Với hàng nghìn bài cho mỗi chiến dịch truyền thông đồng bộ trên các hạ tầng đã định hướng được dư luận góp phần quảng bá vùng đất con người Quảng Ninh.



- *Tổ chức sự kiện để truyền thông, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh Quảng Ninh, giới thiệu những nét đặc sắc, ấn tượng về vùng đất, con người miền biển:* Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh liên tục tổ chức các sự kiện như: Hội thảo “Tuyên truyền công tác xây dựng Đảng và Truyền thông phát triển du lịch”, Cuộc thi “Người dẫn chương trình hay nhất về Hạ Long”, Giải thể thao “Golf Quảng Ninh mở rộng 2020 - Cúp truyền hình Quảng Ninh”, Cuộc thi Tiếng hát hữu nghị Việt - Trung, cuộc thi Sao Mai Quảng Ninh... Các sự kiện được tổ chức với quy mô khác nhau đều đem lại những hiệu ứng truyền thông mạnh mẽ về vùng đất và con người Quảng Ninh.

- *Tăng cường hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí trong và ngoài nước:* Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh duy trì việc hợp tác trong trao đổi thông tin và sản xuất chương trình truyền thông về văn hóa, du lịch với nhiều cơ quan báo chí quốc tế như Đài PTTH Quảng Tây (Trung Quốc), Tập đoàn Truyền thông Nhật báo Quảng Tây (Trung Quốc) và Đài PTTH Gangwon G1 (Hàn Quốc) trên nhiều hạ tầng báo chí, góp phần quảng bá hình ảnh, vùng đất, con người, văn hóa, thúc đẩy phát triển du lịch, giao lưu văn hóa giữa các nước. Cùng với hợp tác quốc tế, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh cũng tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí trong nước như Đài PTTH Đồng Nai, Đài PTTH và Báo Bình Phước, các Đài PTTH và báo Đảng các tỉnh khu vực Đông Bắc và vùng đồng bằng sông Hồng như: Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Phòng, Hải Dương,... trong phối hợp sản xuất, trao đổi các chương trình tuyên truyền quảng bá hình ảnh quê hương, con người, thế mạnh, tiềm năng du lịch của mỗi địa phương. Ngoài các đối tác truyền thông, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh cũng chủ động nội dung hợp tác truyền thông trong các hoạt động xúc tiến, kích cầu và liên kết du lịch vùng miền của tỉnh để mở rộng và phát triển các đối tác hợp tác truyền thông mới.

- *Tuyên truyền trên nền tảng truyền thông mới:* Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh hiện đang duy trì hai chuyên trang tiếng Anh và tiếng Trung trên trang báo điện tử baoquangninh.com.vn và Cổng thông tin điện tử tỉnh, có bộ phận quản trị fanpage tiếng Anh halong News trên Facebook và fanpage tiếng Trung trên mạng xã hội Trung Quốc Weibo. Thông tin được đăng tải trên các hạ tầng này chủ yếu tập trung quảng bá về du lịch, văn hóa, sản vật địa phương và các chính sách kêu gọi đầu tư của tỉnh Quảng Ninh, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật và đối ngoại của Nhà nước. Bên cạnh đó, Trung tâm sản xuất các video ngắn, đẹp; thiết kế các hình ảnh ấn tượng với những thông điệp về vùng đất, con người Quảng Ninh “nơi cần đến và nơi đáng sống” để chia sẻ trên mạng xã hội. ❖

## XÂY DỰNG HÌNH ẢNH NGƯỜI CHIẾN SĨ CÔNG AN QUẢNG NINH BẢN LĨNH, NHÂN VĂN, VÌ NHÂN DÂN PHỤC VỤ

ĐINH VĂN NƠI

*Thiếu tướng, TS, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  
Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ninh*

Nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét trong việc xây dựng phong cách ứng xử, văn hóa, bản lĩnh, nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, ngang tầm nhiệm vụ, năm 2016, Bộ Công an phát động cuộc vận động “*Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ*” để triển khai trong toàn lực lượng. Đối với lực lượng Công an, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, tiếp tục khẳng định Công an nhân dân là “lá chắn” và “thanh bảo kiếm” bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, thể hiện đậm nét tinh thần, ý chí, mục tiêu cách mạng “*Vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”, cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ tiếp tục gương mẫu, đi đầu, mưu trí, sáng tạo trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Xác định Cuộc vận động là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định sự lớn mạnh, trưởng thành, sức mạnh nội sinh của lực lượng Công an, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của toàn thể cán bộ, chiến sĩ đối với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, góp phần đắc lực cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh, ngày 22/12/2016, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh ban hành Nghị quyết số 02-NQ/ĐUCA; Giám đốc Công an tỉnh ban hành Kế hoạch số 61-KH/CAT-PX15 ngày 06/01/2017 đề ra các nhiệm vụ giải pháp thực hiện thành công Cuộc vận động này. Để tập trung chỉ đạo, Công an Quảng Ninh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Cuộc vận động do đồng chí Giám đốc làm Trưởng ban, các đồng chí Phó giám đốc làm Phó trưởng ban, các đơn vị liên quan làm thành viên và ban hành quy chế phân công trách nhiệm cụ thể nhiệm vụ đối với từng thành viên trong

Ban Chỉ đạo. Đồng thời, Công an tỉnh có văn bản báo cáo và tham mưu cho Tỉnh ủy ra văn bản chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội, chính quyền địa phương và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ủng hộ, giúp đỡ, giám sát lực lượng Công an Quảng Ninh thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động. Ngày 12/1/2017, Công an Quảng Ninh trang trọng tổ chức phát động Cuộc vận động “*Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ*” trong toàn lực lượng Công an tỉnh.

Để thực hiện Cuộc vận động hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tình hình, trên cơ sở chủ động, Công an tỉnh Quảng Ninh đã xác định khẩu hiệu hành động riêng, mang tính đặc trưng với Quảng Ninh: “*Xây dựng hình ảnh người chiến sĩ Công an Quảng Ninh bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ*”, trong đó tập trung vào 4 giải pháp trọng tâm. Đây là những nội dung cốt lõi, xuyên suốt, là chỉ đạo mang tính đột phá, chủ động, sáng tạo của Công an tỉnh Quảng Ninh để thực hiện thành công Cuộc vận động.

1. Tổ chức sâu rộng các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng để cấp ủy, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ học tập, nghiên cứu, quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an về công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, trọng tâm là triển khai nghiêm túc, có hiệu quả và thể hiện rõ vai trò “ *gương mẫu, đi đầu*” trong thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016, của Bộ Chính trị khóa XII, “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) của Đảng “*Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”; phong trào “*Công an nhân dân học tập thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy*”; Quy tắc ứng xử “*Xây dựng hình ảnh đẹp người chiến sĩ Công an Quảng Ninh cùng Nụ cười Hạ Long*”. Thông qua Cuộc vận động, các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng, cấp ủy và cán bộ, chiến sĩ đã chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc từ nhận thức đến hành động đối với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng phong cách, bản lĩnh chính trị tư tưởng vững vàng; tư thế, lễ tiết, tác phong, ứng xử văn hóa; nêu cao trách nhiệm, ý thức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân trên tinh thần “*trọng dân, gần dân, lúc dân cần, lúc dân khó, có Công an*”.

2. Cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ Công an các đơn vị, địa phương trong sinh hoạt Đảng và đơn vị luôn chú trọng việc tự phê bình và phê bình, “*tự soi*”, “*tự sửa*”, chủ động phòng ngừa suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tổ chức kiểm điểm ký cam kết, liên hệ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cùng với đó, kịp thời chấn chỉnh tác phong, tư thế, chất lượng, hiệu quả các mặt công tác của cán bộ, chiến sĩ, quan tâm xây dựng đơn vị, địa phương đoàn kết thống nhất, văn hóa.

3. Chủ động xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy trình, quy chế và các tiêu chí trong việc nêu gương, rèn luyện phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, ý thức chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh, kỷ luật, kỷ cương, quy trình, chế độ công tác, học tập, chiến đấu; quan hệ ứng xử với đồng chí, đồng đội và trong các mối quan hệ xã hội, sinh hoạt tại nơi cư trú theo 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, 5 lời thề danh dự, 10 điều kỷ luật của Công an nhân dân của từng lực lượng, đơn vị và quy định trách nhiệm nêu gương của cấp ủy, thủ trưởng đơn vị trong thực hiện văn hóa ứng xử Công an nhân dân để thực hiện nghiêm túc. Từ các quy định cụ thể đó, cán bộ, chiến sĩ, nhất là các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các cấp đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, gương mẫu, xung kích, chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, cải cách hành chính, phòng chống dịch COVID-19; chung sức, đồng lòng, kề vai sát cánh với các lực lượng, với nhân dân trong xây dựng thế trận lòng dân vững chắc. Do đó, Cuộc vận động thực sự đi vào thực tiễn công tác, chiến đấu, khơi dậy niềm tin, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị, địa phương trong thực hiện tốt các chức trách, nhiệm vụ được giao.

4. Tổ chức duy trì thực hiện có hiệu quả việc tham gia đóng góp ý kiến và giám sát của của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân thông qua tổ chức Hội nghị “Công an lắng nghe ý kiến nhân dân”, đường dây nóng, hòm thư góp ý của nhân dân, hoặc gửi văn bản lấy ý kiến tham gia đóng góp về đạo đức, lối sống, văn hóa giao tiếp, ứng xử, tư thế, lễ tiết, tác phong của cán bộ, chiến sĩ và hoạt động của Công an ở các đơn vị, địa phương. Sau mỗi đợt lấy ý kiến của nhân dân, các cơ quan, tổ chức, Giám đốc Công an tỉnh đều có chỉ đạo tổng kết, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp nhanh chóng chấn chỉnh những biểu hiện chưa đúng, những sai sót của cán bộ, chiến sĩ. Những ý kiến, đánh giá tốt, ghi nhận của các cấp, các ngành và nhân dân về văn hóa, ứng xử, tư cách, lễ tiết, tác phong về cán bộ, chiến sĩ đã là minh chứng sống động nhất, chân thực nhất, đậm nét nhất về quá trình rèn luyện bản lĩnh, phong cách làm việc khoa học, văn hóa ứng xử của cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Quảng Ninh.

Qua 5 năm triển khai thực hiện Cuộc vận động, việc xây dựng hình ảnh người chiến sĩ Công an tỉnh Quảng Ninh bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ được thể hiện trên nhiều lĩnh vực, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhiều nội dung mang tính đột phá, lan tỏa mạnh mẽ trong cán bộ, chiến sĩ. Công an tỉnh đã lập được chiến công, thành tích nổi bật trong xác lập và phá nhiều chuyên án lớn, các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp được Bộ Công an, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, nhân dân ghi nhận và đánh giá cao, điển hình như: Xác lập, đấu tranh Chuyên án CNT1 liên quan 2 công ty TNHH ở thành phố Móng Cái, đã khởi

tổ vụ án, khởi tố 8 bị can về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức và vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới với số lượng lớn lên đến 29.000 tỉ đồng (năm 2018); triệt xóa ổ nhóm cưỡng đoạt tài sản trên biển, tổ chức sử dụng trái phép ma túy hoạt động thời gian dài trên vịnh Hạ Long, gây bức xúc trong dư luận nhân dân, khởi tố 39 bị can (năm 2019); triệt xóa ổ nhóm tội phạm hình sự gồm 10 đối tượng, do Mai Xuân Hoàng cầm đầu chuyên sử dụng hung khí, vũ khí nóng để cố ý gây thương tích, bắt giữ người trái pháp luật, cưỡng đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Uông Bí và vùng giáp ranh (năm 2020); đấu tranh chuyên án 721B với đường dây tổ chức đánh bạc và đánh bạc qua các trang đánh bạc trực tuyến trên mạng internet (như Bong88, 3in1bet, Onion68,...) tại địa bàn tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hà Nội với số tiền giao dịch từ đầu năm 2021 đến nay lên đến trên 10.000 tỷ đồng; chuyên án truy xét 222T, triệt phá 01 đường dây mua bán trái phép chất ma túy tổng hợp từ Lào về Việt Nam tiêu thụ, bắt giữ 06 đối tượng, thu giữ 12,15 kg ma túy tổng hợp (năm 2022)...

Đặc biệt, trước tình hình phức tạp của dịch bệnh COVID-19, Công an tỉnh đã tập trung lực lượng, vừa triển khai các kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh quốc gia, vừa thực hiện quyết liệt các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch với quyết tâm chính trị cao nhất “chống dịch như chống giặc” và bảo đảm an dân, an sinh xã hội. Những đóng góp của lực lượng Công an tỉnh đã góp phần quan trọng kiểm soát dịch và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Thành tích nổi bật đó đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; Bí thư Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Hòa Bình gửi thư khen và Bộ Công an, UBND tỉnh tặng Bằng khen. Những thành tích, chiến công của các tập thể, cá nhân như những bông hoa tỏa hương, khoe sắc, làm đẹp cho đời, cho cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Vùng mỏ hôm nay. Bên cạnh đó, hàng ngày, hàng giờ, hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ thuộc các lực lượng, như: cảnh sát khu vực, cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; cảnh sát trại giam, những chiến sĩ xây dựng phong trào, an ninh ngày đêm bám địa bàn, bám dân, tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, để lại những những ấn tượng sâu sắc, niềm tin yêu trong các tầng lớp nhân dân.

Từ thực tiễn sinh động, Cuộc vận động trong lực lượng Công an tỉnh đã xuất hiện nhiều cách làm hay, hiệu quả, nhiều gương người tốt, việc tốt, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, được các cấp khen thưởng, nhân dân khen ngợi. Từ năm 2018 đến nay, đã có 1.538 lượt tập thể, 3.646 lượt cá nhân được Nhà nước, Chính phủ, Bộ Công an, UBND tỉnh và các cấp khen thưởng, nổi bật là 45 lượt tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc các hạng; 9 tập thể, cá nhân được Chủ tịch

nước tặng thưởng Huân chương Chiến công các hạng; trong 3 năm (2020 - 2022), Công an Quảng Ninh đều xuất sắc được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; năm 2020, Phòng An ninh đối ngoại được vinh dự phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân lần thứ hai. Ngoài ra, nhân dân đã gửi hàng trăm thư khen ngợi, biểu dương cán bộ, chiến sĩ với những việc làm dũng cảm, nhân văn, vì nhân dân phục vụ. Từ kết quả của Cuộc vận động có thể khẳng định: Tất cả những cống hiến, sự hy sinh của lực lượng Công an Quảng Ninh *đã và đang thực hiện* là mệnh lệnh từ trái tim, thấm đẫm tinh thần, bản lĩnh thép, tính nhân văn sâu sắc của người Công an cách mạng, truyền thống kỷ luật và đồng tâm của Vùng mỏ Quảng Ninh. Mong muốn mang đến cho nhân dân Quảng Ninh một cuộc sống bình yên, hạnh phúc, *góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu*, giàu đẹp, văn minh, hiện đại, là nơi *đáng đến và đáng sống*.

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực, trong nước và trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh còn nhiều diễn biến phức tạp và khó lường, đặt ra những yêu cầu mới, nặng nề hơn đối với lực lượng Công an Quảng Ninh trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng, đòi hỏi

Công an Quảng Ninh phải có tầm nhìn mới, tư duy mới, quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, nhất là phải có tâm thế vững vàng, không thỏa mãn với thành tích đạt được, để hành động và phát triển. Để xây dựng hình ảnh người chiến sĩ Công an Quảng Ninh bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ, ngày càng đi vào chiều sâu, lan tỏa rộng khắp, trở thành yếu tố cơ bản, quyết định sự lớn mạnh, trưởng thành của lực lượng Công an Quảng Ninh, góp phần xây dựng lực lượng Công an tỉnh thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, gắn bó mật thiết với nhân dân, thời gian tới, Công an Quảng Ninh xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, tiếp tục quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Ninh về công tác xây dựng chính đồn đảng, xây dựng lực lượng Công an nhân dân, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức triển khai nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm, giải pháp cụ thể, khoa học, tạo sự đồng thuận cao trong các cấp, các ngành và nhân dân trong thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/3/2022, của Bộ Chính trị, “Về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” bảo đảm phù hợp với thực tiễn và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an tỉnh Quảng Ninh. Đồng thời, quyết liệt triển khai hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/ĐUCA, ngày 25/7/2022, của Đảng ủy

Công an Trung ương, “về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Công an xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”; Chỉ thị số 03/CT-BCA-X11, ngày 18/4/2014, của Bộ Công an, về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương, điều lệnh; xây dựng nếp sống văn hóa, vì nhân dân phục vụ trong Công an nhân dân”; Chỉ thị 04/CT-BCA, ngày 19/5/2018, của Bộ Công an, về đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Công an nhân dân học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy” và Quy tắc ứng xử “Xây dựng hình ảnh đẹp người chiến sĩ Công an Quảng Ninh cùng nụ cười Hạ Long” bằng những nội dung, biện pháp cụ thể, thiết thực, gắn với triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, cuộc vận động của ngành Công an, của tỉnh Quảng Ninh.

*Hai là*, bản thân mỗi cán bộ, chiến sĩ phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức tự giác, vai trò tiên phong gương mẫu tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của người Công an cách mạng. Đặc biệt, lực lượng Công an toàn tỉnh luôn khắc sâu lời căn dặn của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng: “*Còn Đảng thì còn mình*”; “*Danh dự là điều thiêng liêng, cao quý nhất*”. Không ngừng nêu cao tinh thần tự học tập, nắm vững, vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của Bộ Công an về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử, xây dựng ý thức tổ chức, kỷ luật, giữ gìn đoàn kết nội bộ, xây dựng đơn vị văn hóa, từ đó đưa việc xây dựng hình ảnh người chiến sĩ Công an Quảng Ninh bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ trở thành việc làm thường xuyên và là mục tiêu, động lực trong toàn bộ hoạt động công tác, chiến đấu của từng đơn vị, cán bộ, chiến sĩ, góp phần làm cho hình ảnh của lực lượng Công an Quảng Ninh ngày càng đẹp hơn, gần gũi, lan tỏa hơn trong nhân dân.

*Ba là*, xây dựng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện có hiệu quả phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”, “*Trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân*”; tiếp tục phối hợp, tranh thủ sự ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi để các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân tham gia giám sát, đóng góp ý kiến đối với hoạt động của lực lượng Công an theo Quyết định số 3104/QĐ-BCA, ngày 29/8/2017, của Bộ Công an, về “Quy định tổ chức lấy ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, và nhân dân đối với Công an nhân dân”. Qua đó tạo sự lan tỏa đến nhân dân và tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với lực lượng Công an. Lấy kết quả đánh giá, nhận xét của nhân dân, cơ quan, tổ chức làm cơ sở phân loại, bình xét khen thưởng, quy hoạch cán bộ, đảng viên, đơn vị hàng năm.

*Bốn* là, bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh phòng, chống tội phạm là chức năng đặc biệt quan trọng và mang đặc thù riêng biệt của lực lượng Công an, nên trong quá trình tổ chức thực hiện Cuộc vận động cần phải tiếp tục xây dựng và cụ thể hóa những bộ chỉ số để đánh giá và lượng hóa được kết quả thực hiện, gắn với phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” trên cơ sở “5 rõ”: “*Rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm*”, coi đây là cơ chế thúc đẩy cán bộ, chiến sĩ nỗ lực, mưu trí, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

*Năm* là, tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý chặt chẽ cán bộ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, trong đó, chú trọng việc kiểm tra cấp trên đối với cấp dưới, nhất là những lĩnh vực dễ nảy sinh tham nhũng, tiêu cực, vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, Điều lệnh Công an nhân dân. Chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm, xử lý kiên quyết các trường hợp cán bộ, chiến sĩ vi phạm pháp luật, vi phạm ngành, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với nhân dân, cơ quan, tổ chức. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng khắp, phong phú, sinh động, toàn diện, tạo sự đồng thuận cao trong các cấp, các ngành, trong dư luận xã hội đối với yêu cầu cần thiết xây dựng, phát triển lực lượng Công an Quảng Ninh; những chiến công, thành tích nổi bật trên các phương tiện thông tin đại chúng; làm tốt công tác sơ kết, tổng kết và biểu dương khen thưởng; phát triển, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các kinh nghiệm hay, mô hình tốt trong quá trình triển khai Cuộc vận động. ❖



## **BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THiểu SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI TỈNH QUẢNG NINH**

**PHẠM VĂN ANH**

*Thiếu tá, Cục Chính trị Bộ đội Biên phòng*

Thực tiễn cho thấy, văn hóa là hệ thống các giá trị do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, cùng với thời gian cũng như những đặc tính riêng của từng cộng đồng, từng dân tộc và điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội của dân tộc đó... sẽ hình thành nên bản sắc văn hóa riêng có, là cơ sở để phân biệt giữa các dân tộc với nhau. Bản sắc đó được cấu thành từ nhiều yếu tố như ngôn ngữ, tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, trang phục, lễ hội, tín ngưỡng... Chính vì thế, bản sắc văn hóa dân tộc vẫn được ví như “mã định danh” hay “thẻ căn cước” của tộc người.

Quảng Ninh là một tỉnh biên giới trọng điểm, có biên giới quốc gia và hải phận giáp giới nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đây là địa bàn “phên giậu”, có vị trí chiến lược quan trọng, nhất là về quốc phòng - an ninh vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Đường biên giới trên đất liền dài 132,8km, chạy qua địa phận các huyện Bình Liêu, Hải Hà và thành phố Móng Cái, giáp với huyện Phòng Thành và thị trấn Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; phía đông là vịnh Bắc Bộ với bờ biển dài 250 km và một hệ thống đảo xa bờ, quần đảo với hơn hai nghìn hòn đảo, chiếm hơn 2/3 số đảo của nước ta (2078/2779 đảo). Khu vực biên giới, biển đảo của tỉnh có 87 xã, phường với 161 thôn, bản, khu phố; trên 22.000 hộ dân với trên 100.000 nhân khẩu sinh sống, thuộc thành phần 20 dân tộc thiểu số, như: Hoa, Nùng, Dao, Mường, Thái, Khome, Mông, Thổ, Giáy...

Với đặc điểm đó, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh rất phong phú, đa dạng và vô cùng độc đáo. Điều này thể hiện khá rõ nét qua các sắc thái văn hóa vật thể như kiến trúc nhà ở truyền thống, trang phục, ẩm thực và văn hóa phi vật thể như ngôn ngữ, phong tục tập quán, lễ hội, tri thức bản địa và kho tàng văn học nghệ thuật dân gian. Theo thống kê, khu vực biên giới của tỉnh Quảng Ninh có khoảng hơn 100 di sản văn hóa vật thể là những đình, đền, chùa cùng hàng trăm di sản văn hóa phi vật thể

là những phong tục, tập quán, trò chơi dân gian, lễ hội của 20 dân tộc. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về chính trị, kinh tế, xã hội của các huyện biên giới, biển đảo, đời sống mọi mặt của đồng bào nơi đây đã có nhiều khởi sắc, các giá trị văn hóa mới được tiếp thu có chọn lọc, những nét đẹp truyền thống của các tộc người đã được bảo tồn và phát huy mạnh mẽ, trở thành những nét đẹp văn hóa riêng có của biên giới và là phương thức đối ngoại nhân dân hiệu quả với nước bạn Trung Quốc.

Qua khảo sát, có thể nhận thấy, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh gồm các yếu tố sau:

*Một là, thể hiện thế giới quan thần bí, sơ khai, tín ngưỡng vạn vật hữu linh ăn sâu, bám rễ vào mọi khía cạnh của đời sống. Đồng bào quan niệm vũ trụ gồm ba tầng: tầng trên cao là trời, nơi trú ngụ của Trời (Ngọc Hoàng, Giàng...) và các vị thần, tổ tiên. Tầng giữa là mặt đất, là nơi cư trú của con người. Tầng dưới mặt đất là âm phủ - nơi giam hãm của những linh hồn con người sau khi chết. Bà con quan niệm, nếu con người hành thiện, làm việc tốt, khi chết sẽ được lên trời đoàn tụ với tổ tiên, nếu làm ác sẽ bị dìm xuống địa ngục. Họ tin vào thuyết “vạn vật hữu linh” nên tín ngưỡng thờ cúng các vị thần đại diện cho thiên nhiên rất phổ biến, dẫn đến việc đồng bào tổ chức nhiều lễ hội như lễ hội cầu mưa, các lễ hội cúng thần núi, thần sông, thần nông nghiệp... Các dân tộc với quan niệm của mình sẽ có hệ thống những “chức sắc, chức nghiệp” giúp làm trung gian kết nối với các thế lực siêu nhiên và tổ tiên như thầy Tào, thầy Mo...*

*Hai là, đề cao đời sống tinh thần, lối sống đoàn kết, hài hòa, tình nghĩa. Đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh có đời sống tâm linh, văn hóa và đức tin phong phú và xác tín cao độ. Các dân tộc đều có những nghi lễ riêng song tựu trung đều hướng đến việc chăm sóc phần đời sống tinh thần cho con người từ lúc sinh ra cho đến khi mất đi, như lễ cúng mụ, cúng đầy tháng, lễ cấp sắc, lễ trưởng thành, lễ cúng đuổi tà ma - bệnh tật, lễ Kỳ yên (giải hạn), cầu mát, lễ mừng thọ, lễ tang... Bên cạnh đó, còn có những nghi lễ như cúng rừng, lễ cắm bản, lễ cúng thổ, lễ cúng thần sông, thần suối, thần rừng, nghi lễ cầu mưa, nghi lễ xuống đồng... Các nghi lễ này dù của cá nhân hay của cộng đồng đều được thực hiện cầu kỳ, nghiêm túc theo những quy định của từng dân tộc và có sự tham gia của các thành viên trong gia đình, dòng họ, làng bản, tạo nên sự cố kết bền chặt trong phạm vi làng bản. Quan hệ giữa người với người, quan hệ với cộng đồng chân thật, tin tưởng lẫn nhau. Bản chất con người mộc mạc, giản dị, bộc trực, nghĩ gì nói đó, nói thế nào làm như vậy, không giấu giếm, không khéo léo, ngụy tạo, hầu như không biết lừa dối. Có lẽ nhờ vậy, đồng bào ứng xử với nhau chủ yếu bằng tình làng, nghĩa xóm, ít khi xảy ra tranh chấp, bon chen; ứng xử với thiên nhiên hài hòa, tôn kính và biết ơn..., từ đó tạo nên nét đẹp văn hóa nhân văn được trao truyền qua các thế hệ.*

Ba là, đề cao đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường tự nhiên khắc nghiệt. Với điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, địa hình, thổ nhưỡng không thuận lợi, song đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh vẫn cần cù lao động, sản xuất để sinh tồn và phát triển. Đồng thời, không ngừng tìm tòi, khám phá để tìm ra phương thức sinh tồn phù hợp với điều kiện tự nhiên vốn có. Trong quá trình lao động trải hàng trăm năm, sự sáng tạo, khả năng chinh phục thiên nhiên và thích ứng với biến đổi xã hội đã giúp đồng bào tạo nên những tập quán canh tác đặc thù cùng nhiều công cụ lao động hữu ích. Vùng rừng bìa con đã biết xen canh, gối vụ, kết hợp gieo trồng với khai thác rừng tự nhiên và chăn thả đại gia súc, khai thác dược liệu; vùng thấp kết hợp trồng lúa nước, rau màu, chăn thả cá, gia súc, gia cầm và phát triển các nghề phụ; vùng ven biển và đảo phát triển nghề đánh cá, nuôi trồng thủy sản, làm mắm...

Đặc điểm này thể hiện rõ nét qua trang phục truyền thống, nhà ở và đời sống ẩm thực. Mỗi địa hình, điều kiện thời tiết sẽ có cách dựng nhà và kiến trúc nhà khác nhau, dù có thể là cùng một dân tộc, cho thấy tính thích ứng và sự tiếp thu những giá trị hữu ích của đồng bào. Cùng với đó, là sự đa dạng về trang phục với nhiều họa tiết hoa văn thể hiện sự sáng tạo, khéo léo của phụ nữ dân tộc thiểu số. Được gọi chung một cái tên là thổ cẩm song mỗi dân tộc đều quy định họa tiết riêng, cách may mặc, đính kết riêng để mỗi bộ trang phục thực sự là bông hoa đa sắc. Trong lĩnh vực ẩm thực, có thể nói, các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh sở hữu một “thực đơn” đa dạng, độc đáo và có sự cải tiến để phù hợp hơn với khẩu vị của khách du lịch. Các món ăn có sự kết hợp hài hòa giữa các nguyên vật liệu, gia vị để vừa có tác dụng bổ dưỡng, vừa có thể có tác dụng chữa bệnh...

Nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số, trong những năm gần đây, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị quyết liệt thực hiện hiệu quả “Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030” và “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” của Chính phủ. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 06 -NQ/TU, ngày 17-5-2021, “Về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó nhấn mạnh quyết tâm đột phá “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh” của nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh, với mục tiêu xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc.

Để thực hiện mục tiêu quan trọng này, trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ninh nói chung và khu vực biên giới nói riêng, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; có lộ trình cụ thể và phân vùng đầu tư, khai thác dựa trên tài nguyên, thế mạnh của mỗi địa phương để gắn với phát triển du lịch. Trong đó, ưu tiên bố trí nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội các xã vùng cao, biên giới, các khu vực cửa khẩu, cảng biển... để bảo đảm tính kết nối liên thông theo hướng khai thác, phát huy tối đa giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc vào phát triển du lịch nhằm chuyển đổi cơ cấu lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào. Nhờ đó, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số khu vực biên giới của tỉnh Quảng Ninh đã được bảo tồn, giữ gìn hiệu quả, phát huy những giá trị cốt lõi, bản chất, làm nên sức mạnh nội sinh để các dân tộc thiểu số nơi đây tồn tại và phát triển.

Một trong những kết quả nổi bật trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Quảng Ninh là đã phục dựng thành công nhiều lễ hội văn hóa như lễ hội đình Lục Nà (Bình Liêu), lễ hội Đại Phan của người Sán Dìu ở xã Bình Dân (Vân Đồn), Ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc Sán Chỉ xã Đại Dực, Ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc Tày, xã Phong Dụ (Tiên Yên), Lễ hội “Kiêng gió” của đồng bào Dao hay phong tục đá bóng của các cô gái Sán Chỉ ở Bình Liêu... Một loạt các lễ hội văn hóa khác được tổ chức tại địa bàn biên giới, biển đảo cũng được đẩy mạnh và phát huy như Carnival Hạ Long, Lễ hội Bạch Đằng, Ngày hội văn hóa dân tộc Dao, Tày ở Bình Liêu, Ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc, Ngày hội Biên phòng toàn dân, Hát đối trên sông biên giới... Bên cạnh đó, đã có hàng trăm di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới được kiểm kê, khảo cứu, trong đó có hát Then của người Tày ở Bình Liêu đã được đưa vào công trình di sản thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam, đã được Tổ chức Văn hóa - Giáo dục - Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số khu vực biên giới còn được thể hiện ở hoạt động tăng cường xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào. Đến nay, 100% các thôn, bản biên giới có nhà văn hóa, 50% các xã biên giới có Nhà văn hóa xã và sân chơi thể thao. Quảng Ninh đã tiếp tục chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng, danh lam thắng cảnh; bảo tồn bản, làng truyền thống thông qua việc xây dựng làng/bản văn hóa của dân tộc Tày, Sán Chỉ (Bình Liêu), dân tộc Dao (Hạ Long, Tiên Yên, Móng Cái)... Một số công trình văn hóa được đầu tư xây dựng quy mô và hoạt động hiệu quả như Khu bảo tồn văn hóa người Dao ở xã Bằng Cả (thành phố Hạ Long), Nhà văn hóa xã Đại Dực, Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Tày ở thôn Đồng Đình, xã Phong Dụ (Tiên Yên), Nhà văn hóa xã Lục Hồn (Bình Liêu)... tạo tiền đề

về không gian, địa điểm để các lễ hội văn hóa, các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, những tín ngưỡng, di sản dân gian của đồng bào các dân tộc được tổ chức, hoạt động trình diễn, truyền dạy. Các môn thể thao dân tộc như đẩy gậy, đua thuyền chài, bắn cung, bắn nỏ, kéo co... đã được đưa vào thi đấu chính thức tại các giải thể thao thường niên của tỉnh. Các loại nhạc cụ, khí cụ, công cụ lao động sản xuất truyền thống của các dân tộc cũng được tuyên truyền, khuyến khích bảo tồn, lưu giữ. Hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, truyền bá văn hóa, văn nghệ dân gian bản địa được đẩy mạnh.

Cùng với đó, tỉnh cũng đẩy mạnh việc khai thác hiệu quả giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số khu vực biên giới để tạo thành các sản phẩm du lịch của các địa phương. Một số địa phương đã và đang triển khai xây dựng những thôn, bản trở thành “bảo tàng sống” nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống đặc sắc, gắn với phát triển du lịch. Một loạt các sản phẩm du lịch được xây dựng từ nền tảng văn hóa của các dân tộc thiểu số khu vực biên giới như các làng nghề truyền thống, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá thiên nhiên tại các huyện biên giới, hải đảo đã tạo nên sức hút mới cho du khách trong và ngoài nước đến với Quảng Ninh. Điều đó đã mang lại giá trị “kép”, vừa góp phần nâng cao đời sống nhân dân, xóa nghèo bền vững, vừa nâng cao nhận thức của đồng bào về trách nhiệm gìn giữ, truyền dạy cho con cháu văn hóa truyền thống, từ trang phục, ẩm thực, tín ngưỡng, di sản, tri thức dân gian... giúp cho công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới của tỉnh đạt kết quả đáng ghi nhận, góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng nếp sống và văn hóa ứng xử con người Quảng Ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại cũng như góp phần vào bảo vệ, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

Những thành quả đó khiến chúng ta có thể tự tin khẳng định, các giá trị văn hóa truyền thống tạo nên bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số khu vực biên giới của tỉnh Quảng Ninh đã và đang được giữ gìn và phát huy nhờ vào sự nỗ lực của các cấp ban, ngành, chính quyền địa phương và sự tham gia nhiệt tình của chủ thể là đồng bào các dân tộc. Ngành văn hóa cũng như chính quyền các cấp đã linh hoạt thay đổi phương thức hoạt động, từ cách làm thay, “áp đặt”, sang cách khuyến khích đồng bào chủ động, tích cực tổ chức, thực hiện các hoạt động văn hóa truyền thống tại cộng đồng trong không gian văn hóa do chính đồng bào tạo nên. Vai trò của già làng, trưởng bản, các nghệ nhân dân gian được đề cao, niềm tự hào về giá trị truyền thống của dân tộc mình được khơi dậy trong các thế hệ, động viên, thúc đẩy đồng bào tham gia tích cực, trách nhiệm vào các hoạt động giữ gìn giá trị truyền thống. ❖

# QUẢNG NINH: PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN NỀN TẢNG CÁC DI SẢN VĂN HÓA

NGUYỄN DUY THÁI

*NCS, Viện Văn hóa và Phát triển,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

## 1. NHỮNG BƯỚC TIẾN VỀ DU LỊCH CỦA QUẢNG NINH NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Quảng Ninh là vùng đất có bề dày về lịch sử và truyền thống văn hóa, một trong những cái nôi của văn hóa Việt Nam, sở hữu nền văn hóa cổ Hạ Long với công cụ đá mới và đồ gốm có niên đại cách ngày nay khoảng 5.000 đến 3.000 năm. Cùng với quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của nhân dân Việt Nam, lớp trầm tích văn hóa của Quảng Ninh không ngừng được bồi đắp. Đến năm 2023, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 635 di tích, trong đó có 1 di sản thiên nhiên thế giới và 6 di tích quốc gia đặc biệt.

Các di sản văn hóa đã và đang đóng góp rất lớn cho sự phát triển toàn diện của tỉnh Quảng Ninh nói chung và ngành du lịch nói riêng. Những năm qua, với việc triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW, của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”; Nghị quyết 11-NQ/TU, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, cấp ủy, chính quyền các cấp ở Quảng Ninh đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy du lịch phát triển bền vững, đồng thời thường xuyên quan tâm đến việc bảo vệ các di tích, di sản gắn với bảo tồn, sưu tầm, phát huy giá trị di sản văn hóa. Để thúc đẩy phát triển du lịch, Sở Du lịch Quảng Ninh và Sở Văn hóa và Thể thao Quảng Ninh đã được thành lập. Sở Du lịch Quảng Ninh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Từ năm 2015, Quảng Ninh là tỉnh đầu tiên tại Việt Nam được hỗ trợ xây dựng Tài khoản vệ tinh cấp tỉnh để đánh giá tác động trực tiếp của du lịch tới kinh tế địa phương. Ngành Du lịch Quảng Ninh trong năm 2017 đã đón gần 10 triệu khách du lịch trong đó có 4,2 triệu khách du lịch quốc tế, tăng 25% so với năm 2016<sup>(1)</sup>. Năm 2018, đã đón được 12,2 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế là 5,2 triệu lượt. Tổng thu từ du lịch năm 2018 là trên 24.000 tỷ đồng. Từ năm 2020, 2021, các ngành kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng của Quảng Ninh bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 Từ ngày 8-6-2021, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra văn bản số 3531/UBND-DL1 để “mở dịch vụ, du lịch trong trạng thái bình thường mới” cho đến nay, du lịch Quảng Ninh phục hồi và phát triển với tốc độ thần kỳ. Năm 2022, ngành Du lịch Quảng Ninh tăng trưởng vượt kỳ vọng, thu hút 11,6 triệu lượt khách, doanh thu trên 22.500 tỷ đồng, trở thành động lực tăng trưởng chính của tỉnh. Trong năm 2023, tỉnh Quảng Ninh đặt chỉ tiêu phấn đấu đón từ 14-15 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 2 triệu lượt khách quốc tế<sup>(2)</sup>.

Nhìn chung, kinh tế tỉnh Quảng Ninh tăng trưởng liên tục và ổn định, năm 2022 tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt 10,28%, là năm thứ 7 liên tiếp (2016 - 2022), tăng trưởng kinh tế hai con số (trong đó có 3 năm 2020, 2021, 2022 bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19), lập nên kỳ tích trong công cuộc đổi mới; quy mô nền kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 ước đạt 269.000 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành và chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng); GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt trên 8.200 USD (cao nhất ở khu vực phía Bắc); thu ngân sách nhà nước đạt trên 55.000 tỷ đồng, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước<sup>(3)</sup>. Trong sự phát triển của toàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay và trong tương lai, ngành Du lịch, Dịch vụ có vai trò quan trọng, then chốt, đặc biệt trong bối cảnh Quảng Ninh chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”.

Nói tới du lịch là nói tới một ngành kinh tế không khói - xanh, ít gây ô nhiễm môi trường. Du lịch góp phần thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động... Tính đến năm 2023, ngành du lịch Việt Nam đã và đang có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế. Trong bức tranh chung tươi sáng của ngành du lịch Việt Nam, các địa phương như Quảng Ninh, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa,... là những mũi nhọn, những đầu tàu về du lịch trên cả nước.

(1) Sở Du lịch Quảng Ninh (2018): *Chào mừng những vị khách quốc tế đầu tiên đến xông đất Hạ Long trong năm mới*, Cổng Thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Ninh.

(2) Sở Du lịch Quảng Ninh (2023): *Hiệp hội Du lịch Quảng Ninh phấn đấu thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2023*, Cổng Thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Ninh.

(3) Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Quảng Ninh (2023): *Báo cáo Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*.

## **2. DU LỊCH VÀ DU LỊCH DỰA TRÊN NỀN TẢNG DI SẢN VĂN HÓA Ở QUẢNG NINH HIỆN NAY**

Ngành du lịch được định nghĩa là: *“hoạt động kinh doanh liên quan đến việc cung cấp nơi ở, dịch vụ và giải trí cho những người đến một nơi nào đó để nghỉ dưỡng hoặc kết hợp làm việc”*<sup>(1)</sup>. Năm 1994, Liên hợp quốc đã xác định ba hình thức du lịch gồm: du lịch nội địa, du lịch vùng và du lịch quốc tế. Theo Tổ chức Du lịch quốc tế thuộc Liên hợp quốc thì các sản phẩm du lịch bao gồm những dịch vụ sau: dịch vụ lưu trú; dịch vụ khách sạn bao gồm cả nhà hàng; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; tất cả các phương tiện di chuyển; đại lý du lịch, hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch; các dịch vụ du lịch gắn với văn hóa như bảo tàng, di tích lịch sử, di tích tôn giáo...; dịch vụ mua sắm. Các loại hình du lịch bao gồm: Du lịch làm ăn; du lịch giải trí, năng động; du lịch nội địa, khám phá biên giới; du lịch tham quan trong thành phố; du lịch mạo hiểm, khám phá, trải nghiệm; du lịch hội thảo, triển lãm MICE; du lịch giảm stress, du lịch ba-lô, tự túc khám phá; du lịch bụi; du lịch biển đảo; du lịch văn hóa; du lịch sinh thái; du lịch y tế; du lịch người cao tuổi.

Như vậy, nhìn một cách tổng quát thì du lịch văn hóa mang ý nghĩa tổng quát nhất về các loại hình du lịch. Bởi vậy, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, thể Thao và Du lịch, Nguyễn Văn Hùng cho rằng *“sản phẩm du lịch phải mang tầm dấu ấn văn hóa”*. Đây là một chủ trương đúng theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị. Cũng dựa trên những số liệu của Tổ chức Du lịch quốc tế thì hiện nay tại Quảng Ninh đã sở hữu đầy đủ các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch để phục vụ du khách.

Quảng Ninh hiện nay được xem là địa phương sở hữu hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch đồng bộ, hiện đại của cả nước. Những năm gần đây hàng loạt các công trình giao thông trọng điểm của Quảng Ninh đi vào hoạt động, gồm: Cảng sân bay quốc tế Vân Đồn; cảng tàu du lịch khách quốc tế chuyên biệt đầu tiên của Việt Nam; cao tốc Hạ Long - Vân Đồn..., bảo đảm cho sự thuận lợi của khách đến du lịch bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không. Năm 2019, Quảng Ninh có 4 khách sạn 5 sao, tổng cộng 1.326 phòng và 2 khách sạn 4 sao, tổng cộng 276 phòng. Nhiều khách sạn, dịch vụ được đánh giá có chất lượng hàng đầu trong nước và khu vực ASEAN, như: Khách sạn nghỉ dưỡng Vinpearl Resort & Spa Hạ Long thuộc top 5 khách sạn 5 sao tốt nhất Việt Nam năm 2019; khách sạn Sài Gòn Hạ Long đạt danh hiệu khách sạn 4 sao tốt nhất Việt Nam năm 2019; Nhà hàng ẩm thực Làng chài Hạ Long xếp hạng 1 trong danh sách nhà hàng ăn uống phục vụ khách du lịch tốt nhất Việt Nam năm 2019; khu du lịch Sun World Hạ Long Park xếp hạng 1 trong danh

(1) Từ điển Oxford.



sách khu du lịch và vui chơi giải trí tốt nhất Việt Nam năm 2019; Công ty Du thuyền Năm sao Tuần Châu và Công ty Du thuyền Bhaya xếp hạng 1 và hạng 3 trong danh sách doanh nghiệp vận tải đường thủy tốt nhất trên cả nước năm 2019<sup>(1)</sup>...

Những điều kiện thuận lợi nêu trên chỉ là điều kiện “cần” để cho du lịch Quảng Ninh phát triển và cất cánh trong những năm gần đây. Vậy điều gì là nền tảng, là điều kiện “đủ” để tạo ra sức hấp dẫn cho du lịch Quảng Ninh. Có thể nói, sự cuốn hút đó chính là nền tảng từ di sản văn hóa của Quảng Ninh.

Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao Quảng Ninh, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 635 di tích gồm 6 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 57 di tích cấp quốc gia và 89 di tích cấp tỉnh. Tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính trực thuộc cấp huyện là 4 thành phố, 2 thị xã và 7 huyện thì ở đơn vị nào cũng có di tích cấp tỉnh trở lên. Có thể thấy rằng, tỉnh Quảng Ninh là một điểm đến du lịch của văn hóa, di sản.

Tại Quảng Ninh còn có 2 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại là Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, Thực hành Then Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam và 7 di sản văn hóa phi vật thể nằm trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia là Hát nhà tơ (hát múa Cửa đình), Nghi lễ Then của người Tày, Lễ hội đền Cửa Ông, Lễ hội Tiên Công, Lễ hội đình Quan Lạn, Lễ hội đình Trà Cỏ, Lễ hội Bạch Đằng.

Có thể khẳng định, Quảng Ninh là một địa phương đặc biệt, có nhiều điều kiện để phát triển và đang phát triển mạnh mẽ về ngành kinh tế xanh - du lịch nhờ có yếu tố biển (Vịnh Hạ Long), yếu tố núi rừng, giao thông thuận lợi, cơ sở vật chất, hạ tầng hoàn thiện và có nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể... Các di sản văn hóa có vai trò quan trọng là những điểm tham quan, du lịch thu hút khách du lịch và giữ chân khách du lịch ở lại lâu hơn và chi tiêu nhiều hơn. Du lịch Quảng Ninh hiện nay, không chỉ tăng trưởng về số lượng và doanh thu, thời gian lưu trú của khách du lịch đến Quảng Ninh cũng đã thay đổi tích cực, dao động ở mức 2-3 ngày. Trong đó, khách du lịch quốc tế là 2,8 ngày, chỉ thấp hơn một số địa điểm du lịch quen thuộc như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh hay các địa bàn nghỉ dưỡng đặc thù ở Khánh Hòa, Phú Quốc. Đây là số liệu đáng khích lệ, cho thấy chất lượng dịch vụ du lịch Quảng Ninh đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Trước hết, chúng ta phải kể tới Di sản Thiên nhiên Thế giới của UNESCO, Di tích quốc gia đặc biệt - Vịnh Hạ Long. Vịnh Hạ Long là một vịnh nhỏ thuộc phần bờ Tây vịnh Bắc Bộ tại khu vực biển Đông Bắc Việt Nam, bao gồm vùng biển đảo của thành phố Hạ Long

---

(1) Tổng cục Du lịch (2020), *Báo cáo thường niên Du lịch Việt Nam 2019*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.

thuộc tỉnh Quảng Ninh. Vịnh Hạ Long có diện tích khoảng 1.553km<sup>2</sup> bao gồm 1.969 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là đảo đá vôi, trong đó vùng lõi của vịnh có diện tích 335km<sup>2</sup> quần tụ dày đặc 775 hòn đảo. Sự kết hợp của môi trường, khí hậu, địa chất, địa mạo, đã khiến vịnh Hạ Long trở thành quần tụ của đa dạng sinh học bao gồm hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới và hệ sinh thái biển và ven bờ với nhiều tiểu hệ sinh thái. Với 17 loài thực vật đặc hữu và khoảng 60 loài động vật đặc hữu đã được phát hiện trong số hàng ngàn động, thực vật quần cư tại vịnh. Về lịch sử, khu vực vịnh Hạ Long đã có sự xuất hiện của cư dân thời tiền sử và phát triển liên tục, nối tiếp nhau từ văn hóa Soi Nhụ (18000 - 7000 năm TCN), văn hóa Cái Bèo (7000 - 5000 TCN) và văn hóa Hạ Long (cách ngày nay 5000 - 3500 năm). Trong quá trình dựng nước và giữ nước tại khu vực vịnh Hạ Long còn nhiều di tích gắn với lịch sử anh hùng của dân tộc như hang Đầu Gỗ, Bãi Cháy... Từ năm 1962 Bộ Văn hóa - Thông tin (Việt Nam) đã xếp hạng vịnh Hạ Long là di tích danh thắng cấp quốc gia đồng thời quy hoạch vùng bảo vệ. Năm 1994 vùng lõi của vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới với giá trị thẩm mỹ (tiêu chuẩn vii), được tái công nhận lần thứ 2 với giá trị ngoại hạng toàn cầu về địa chất - địa mạo (tiêu chuẩn viii) vào năm 2000, lần thứ 3 năm 2011.

Vịnh Hạ Long là thiên đường của đảo, núi đá và các hang động đẹp trên biển, là khu vực độc nhất vô nhị trên thế giới. Các đảo ở vịnh Hạ Long có hai dạng là đảo đá vôi và đảo phiến thạch, tập trung ở hai vùng chính là vùng phía Đông Nam vịnh Bái Tử Long và vùng phía Tây Nam vịnh Hạ Long. Theo thống kê của ban quản lý vịnh Hạ Long, trong tổng số 1.969 đảo của vịnh Hạ Long có đến 1.921 đảo đá với nhiều đảo có độ cao khoảng 200m. Vùng tập trung các đảo đá có phong cảnh ngoạn mục và nhiều hang động đẹp là vùng trung tâm Di sản Thiên nhiên vịnh Hạ Long, bao gồm phần lớn vịnh Hạ Long (vùng lõi), một phần vịnh Bái Tử Long và vịnh Lan Hạ thuộc quần đảo Cát Bà (vùng đệm). Các đảo trên vịnh Hạ Long có những hình thù riêng, không giống bất kỳ hòn đảo nào ven biển Việt Nam và không đảo nào giống đảo nào. Đảo thì giống khuôn mặt ai đó đang hướng về đất liền (hòn Đầu Người); đảo thì giống như một con rồng đang bay lượn trên mặt nước (hòn Rồng); đảo thì lại giống như một ông lão đang ngồi câu cá (hòn Lã Vọng); đảo lại như hai cánh buồm nâu đang rẽ sóng nước ra khơi (hòn Cánh Buồm); đảo lại lúp xúp như mâm xôi cúng (hòn Mâm Xôi); rồi hai con gà bên nhau trên sóng nước (hòn Trống Mái); đứng giữa biển nước bao la một lu hương khổng lồ như một vật cúng tế trời đất (hòn Lu Hương); đảo khác tựa như nhà sư đứng giữa mặt vịnh bao la chấp tay niệm Phật (hòn Ông Sư); đảo lại có hình tròn cao khoảng 40m trông như chiếc đĩa phoi mình trước thiên nhiên (hòn Đĩa), mà nhìn từ hướng khác lại giống như vị quan triều đình áo xanh, mũ cánh chuồn, nên dân chài còn

gọi là hòn Ông... Các hòn đảo nổi tiếng là: Đảo Ngọc Vừng, Đảo Ti Tốp, Đảo Tuần Châu....

Du khách đi từ bến tàu Hạ Long du ngoạn trên mặt vịnh không chỉ ngắm những hòn, đảo mà còn có thể thăm thú những hang động vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị văn hóa, thăm mỹ do thiên nhiên ban tặng từ những quá trình thay đổi về địa chất từ xa xưa, như hang Sừng Sốt, động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, hang Tiên Nữ, hang Bò Nâu... Năm 2019, Vịnh Hạ Long đã đón 4,4 triệu khách. Trong đó, 2,9 triệu khách quốc tế, 1,5 triệu khách trong nước, doanh thu từ du lịch đạt 1.237 tỷ đồng<sup>(1)</sup>.

Ngoài vịnh Hạ Long đã rất nổi tiếng cũng không thể không nhắc tới Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt từ năm 2012. Khác với du lịch Vịnh Hạ Long thì du khách đến thăm quan Yên Tử lại thuộc hình thức du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử. Khu di tích Yên Tử thuộc thành phố Uông Bí và Thị xã Đông Triều, là một quần thể di tích rộng lớn gồm: Chùa Bái Thượng, chùa Suối Tắm, chùa Lân, chùa Giải Oan, Am Lò Rèn, Am Dược, Am Thung, Am Muối, Am Thiên Định, Thác Ngự Dội, Đường Tùng, Hòn Ngọc, Vườn tháp Huệ Quang, chùa Hoa Yên, chùa Vân Tiêu, chùa Bảo Sái, chùa Một Mái, Tượng đá An Kỳ Sinh, chùa Đồng (thành phố Uông Bí); chùa Cầm Thực gắn với Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, thờ Phật, thờ Mẫu. Khu di tích Yên Tử khi kết hợp với Khu di tích lịch sử nhà Trần (gồm Đền An Sinh, Thái miếu và Lăng mộ các Vua Trần (Tư Phúc lăng, Thái lăng, Mục lăng, Ngải Sơn lăng, Phụ Sơn lăng, Nguyên lăng, Hy lăng), Chùa Quỳnh Lâm, Chùa Ngọa Vân, Chùa Hồ Thiên, Chùa Trung Tiết, chùa - quán Ngọc Thanh) tại thị xã Đông Triều sẽ có một quần thể di tích rộng tới hơn 11ha gắn với lịch sử nhà Trần (1226 - 1400) với chiến công hiển hách 3 lần thắng giặc Nguyên – Mông và nhiều vị minh quân, tướng lĩnh tài ba như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Anh Tông, Trần Nhân Tông, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Thái Sư Trần Quang Khải...

Yên Tử là một trong những trung tâm Phật giáo của cả nước, gắn với nhiều kiến trúc cổ, được xây dựng qua các thời kỳ lịch sử khác nhau (Lý, Trần, Lê, Nguyễn) nhưng gắn liền với tên tuổi vị Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308), Người đã lãnh đạo quân dân thời Trần hai lần đánh thắng quân Nguyên - Mông, rồi từ bỏ ngai vàng, lên Yên Tử tu hành, sáng lập ra Thiên phái Trúc Lâm mang nét độc đáo riêng của văn hóa Việt Nam.

Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều, gắn với vương triều nhà Trần (1225 - 1400) với võ công, văn trị hiển hách, đã mở ra một kỷ nguyên hào hùng trong lịch sử dựng nước và

---

(1) Sở Du lịch Quảng Ninh (2020), Số lượng khách du lịch tham quan 8 di sản thế giới tại Việt Nam tăng mạnh, *Cổng Thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Ninh*.

giữ nước của dân tộc ta. Theo tư liệu lịch sử và phả tộc họ Trần, vùng Đông Triều chính là đất tụ cư đầu tiên của họ Trần ở nước ta, sau đó, vùng đất này được vua Trần Thái Tông ban cho anh trai là Trần Liễu làm ấp thang mộc, chính vì vậy, nơi đây luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các vua nhà Trần. Từ cuối thế kỷ XIV, nhiều lăng mộ của vua Trần được xây dựng hoặc di chuyển về Đông Triều. Cùng với việc xây dựng lăng mộ, triều đình còn xây dựng đền, miếu để thờ cúng các bậc tiên đế, cùng nhiều công trình kiến trúc tôn giáo để phục vụ cho việc tu hành, giảng đạo. Vì thế, nơi đây đã trở thành một vùng “thánh địa” linh thiêng, nơi tập trung nhiều kiến trúc độc đáo mang đậm dấu ấn của triều đại nhà Trần.

Hai khu di tích này hằng năm cũng đón hàng triệu lượt khách trong và ngoài nước tới thăm quan, đặc biệt vào dịp đầu năm mới với văn hóa đi lễ đền chùa của người Việt để cầu bình an, hạnh phúc, cầu những điều tốt đẹp đến với đất nước, gia đình, người thân và bản thân mình. Ngoài nhu cầu về tín ngưỡng, tâm linh thì hai khu di tích trên còn là điểm đến lý tưởng của các du khách yêu thích và muốn tìm hiểu về lịch sử, văn hóa Việt Nam.

Quảng Ninh còn có 3 khu di tích khác được xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt là:

- Khu di tích lịch sử Bạch Đằng, gồm các điểm di tích: Đền Trần Hưng Đạo - Miếu Vua Bà, Bãi Cọc Yên Giang, Bến đò Rừng, Đình Yên Giang, Bãi cọc Đồng Má Ngựa, Bãi cọc Đồng Vạn Muối, Đền Trung Cốc, Đình Trung Bản (thị xã Quảng Yên); Đình Đền Công (thành phố Uông Bí) thuộc địa giới Thị xã Quảng Yên và thành phố Uông Bí, rộng hơn 0,4ha. Đây là địa điểm ghi dấu sự kiện quân và dân nhà Trần đã lập nên chiến thắng lẫy lừng - Chiến thắng Bạch Đằng đánh tan quân Nguyên Mông xâm lược lần thứ 3 ngày 09-4 (8/3 - Âm lịch) năm 1288. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, dấu tích của trận chiến Bạch Đằng năm 1288 vẫn còn hiện hữu qua những di tích tiêu biểu như: Bãi cọc Yên Giang, Bãi cọc đồng Vạn Muối, Bãi cọc đồng Má Ngựa. Nơi đây còn có đền thờ Trần Hưng Đạo, là địa điểm lưu niệm vị anh hùng dân tộc, thiên tài quân sự Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Hiện nay, trong đền còn lưu giữ được 9 đạo sắc phong của các vua triều Nguyễn phong cho Trần Hưng Đạo và một số hiện vật khác.

- Khu di tích Đền Cửa Ông gồm: Đền Cửa Ông nằm tại phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và Đền Cặp Tiên, huyện Vân Đồn. Đền Cửa Ông là nơi thờ Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng con trai của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng nhiều nhân vật nổi tiếng thời nhà Trần, và cũng là nơi diễn ra Lễ hội đền Cửa Ông hằng năm. Cuối năm 2017, đền Cửa Ông được Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt. Từ nhiều năm trước đây, du khách đến với Vân Đồn thì chắc chắn sẽ đến viếng thăm đền Cửa Ông nơi thờ vị tướng lĩnh tài ba, trung hiếu.

- Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô, gồm: Khu tượng đài Bác Hồ, Nhà trưng bày lưu niệm, Ruộng khoai, Cánh đồng muối... Ngày 9-5-1961, Bác Hồ thăm quân và dân các dân tộc trên đảo Cô Tô. Để thể hiện lòng kính trọng, biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 1-1962, Ủy ban Hành chính tỉnh Hải Ninh xin phép Bác cho dựng tượng Bác trên đảo và đã được Bác đồng ý. Đây là nơi duy nhất Bác cho phép dựng tượng mình khi Bác còn sống. Di tích lịch sử (Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô) được xây dựng từ năm 1968 và được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt vào ngày 18-1-2022.

Ngoài ra Quảng Ninh còn có 57 di tích xếp hạng cấp quốc gia, tiêu biểu là: Đền An Biên, Di tích lịch sử mỏ than Mạo Khê (gồm: Địa điểm nhà máy cơ khí; chùa Non Đông; Nơi thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Quảng Ninh), Khu di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bài Thơ (Bia khắc trên núi, chùa Long Tiên, đền Đức Ông) Đình Trà Cỏ, Cụm di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quan Lạn (đình, chùa, miếu, nghề), Thương cảng Vân Đồn (bến Cái Làng), Thương cảng Vân Đồn (bến Cống Đông, Cống Tây)... Quảng Ninh còn có 7 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và 2 di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Những năm gần đây, Quảng Ninh là một điểm sáng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển du lịch nói riêng trên cả nước. Quảng Ninh là một trong những địa phương đi đầu trên cả nước về phát triển du lịch, trong đó đặc biệt nhất là du lịch văn hóa dựa trên nền tảng của các di sản văn hóa. Sự phát triển kinh tế du lịch ở Quảng Ninh không chỉ đến từ cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch, giao thông đi lại hoàn thiện<sup>(1)</sup> mà còn có sức hấp dẫn tới từ những di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh gồm 635 di sản văn hóa vật thể được xếp loại các cấp và 363 di sản văn hóa phi vật thể. Với việc triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị “*về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*”; Nghị quyết 11-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “*Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*”, cấp ủy, chính quyền các cấp ở Quảng Ninh đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy du lịch phát triển bền vững. Cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về vai trò, hiệu quả phát triển ngành du lịch, Quảng Ninh đã thường xuyên quan tâm đến việc bảo vệ các di tích, di sản gắn với bảo tồn, sưu tầm, phát huy giá trị di sản vật thể và phi vật thể. Quảng Ninh đã và đang thực sự là một địa phương của du lịch văn hóa, di sản trên cả nước.

Ở Quảng Ninh, tồn tại một mối quan hệ biện chứng giữa du lịch và di sản văn hóa. Các di sản văn hóa tạo ra sức hấp dẫn độc đáo, riêng biệt cho Quảng Ninh thu hút khách du lịch

(1) Theo số liệu thống kê, đến nay tỉnh Quảng Ninh đã có 1.300 cơ sở lưu trú được xếp hạng với 20.564 buồng. Đội tàu du lịch tham quan Vịnh Hạ Long có khoảng 500 chiếc, trong đó có 170 tàu thủy lưu trú du lịch với 2.023 phòng...

trong nước và ngoài nước; về phần mình thì du lịch và nguồn lợi thu được từ du lịch lại giúp quảng bá các di sản, thúc đẩy sự đầu tư, tôn tạo, bảo tồn và phát huy di sản. Du lịch gắn với di sản văn hóa đã cùng nhau thúc đẩy sự phát triển chung của kinh tế Quảng Ninh và giúp tự hoàn thiện các lĩnh vực có liên quan mật thiết như văn hóa, con người, du lịch, dịch vụ... Bởi vậy, ta cũng thấy được vai trò nền tảng của di sản văn hóa trong phát triển du lịch hiệu quả từ trường hợp Quảng Ninh hiện nay.

Những ví dụ, dẫn chứng, số liệu được đề cập tới ở bên trên còn cho thấy, du lịch Quảng Ninh có tính “kết nối” rất cao và chặt chẽ từ giao thông, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, bãi biển, đảo, núi, rừng, bệnh viện, trường học, con người và di sản văn hóa (các địa điểm du lịch). Tính kết nối cao này đã và đang tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt để hấp dẫn du khách và níu chân du khách ở lại Quảng Ninh dài ngày hơn. Hiểu một cách đơn giản là, khách du lịch khi đến một địa điểm du lịch không chỉ dừng lại ở “ăn” và “ngủ” mà còn phải hưởng thụ các đặc sản địa phương, tham gia các hoạt động giải trí, thăm quan các danh lam, thắng cảnh, tìm hiểu văn hóa lịch sử... Với một địa phương có tới hơn 600 di tích văn hóa như Quảng Ninh là một điều kiện rất cần để giữ chân và tăng cường mức độ tiêu dùng của du khách (phát triển du lịch theo chiều sâu).

Quảng Ninh là một trường hợp tiêu biểu trong cả nước về phát triển du lịch dựa trên nền tảng của di sản văn hóa và thành công trong việc xây dựng một “mạng lưới kết nối” các địa điểm du lịch (bao gồm cả di sản văn hóa) cần được quan tâm, học tập và phát huy. ❖

## QUẢNG NINH GÌN GIỮ, BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

VŨ THÁI DŨNG

*TS, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

PHẠM NGỌC SƠN

*ThS, Tạp chí Cộng sản*

Là cái gốc của dân tộc, làm nên hồn cốt của đất nước, văn hóa là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển đối với mỗi quốc gia, dân tộc. Ở một khía cạnh nhất định, sự cạnh tranh giữa các quốc gia và khu vực là sự cạnh tranh của các nền văn hóa. Không có nền tảng văn hóa sâu rộng, không có sự dẫn dắt của nền văn hóa tiên tiến, không có sự thúc đẩy bền vững đổi mới văn hóa, chúng ta sẽ tụt hậu trong cuộc cạnh tranh và bị đào thải. Chính vì vậy, văn hóa được xác định là động lực mềm trong xây dựng nông thôn mới và có vai trò không thể thay thế đối với các yếu tố xã hội khác. Theo đó, trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Quảng Ninh đặc biệt chú trọng triển khai các tiêu chí về văn hóa tạo động lực cho phát triển nông nghiệp, phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008, của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16-6-2022 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đều cho thấy quan điểm đúng đắn của Đảng về vị trí, vai trò chiến lược của vấn đề phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, các nghị quyết cũng khẳng định, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là cơ sở để “giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc”, là cơ sở để “bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”. Đặc biệt, Nghị quyết số 19-NQ/TW còn nhấn mạnh

“Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải gắn với không gian di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; bảo vệ các giá trị của nền văn minh lúa nước, bản sắc văn hóa dân tộc cao đẹp”. Như vậy, văn hóa giữ vai trò quan trọng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Bởi, trong xây dựng nông thôn mới, mục tiêu cuối cùng chính là nâng cao đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần cho người dân ở nông thôn. Lấy “nâng cao đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần cho người dân ở nông thôn” làm mục tiêu cuối cùng, các quan điểm của các nghị quyết cũng bảo đảm nguyên tắc của phát triển bền vững lấy con người làm trung tâm. Vì vậy, trong xây dựng nông thôn mới, bảo vệ, gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa chính là để bảo đảm “không gian sinh tồn”, “không gian văn hoá” nông thôn, vì người nông dân, vì hồn cốt, bản sắc của dân tộc. Đồng thời, các nghị quyết cũng chỉ rõ “nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới”, “là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới”. Nói như vậy cũng dễ thấy rõ, người nông dân vừa là người thụ hưởng các giá trị văn hoá, cũng chính là nhân tố quyết định trong bảo vệ, gìn giữ, phát huy giá trị văn hoá.

Nhận thức sâu sắc việc phát triển văn hóa nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới vừa là mục tiêu, yêu cầu của phát triển bền vững, vừa là nhiệm vụ cấp bách, chủ trương có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng mang tính nhân văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, ngay từ những năm đầu triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, Quảng Ninh đặc biệt chú trọng xây dựng và triển khai các tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới trên thực tiễn. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 27-10-2010, về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, với mục tiêu “*Xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất hợp lý; gắn nông nghiệp với phát triển sản xuất dịch vụ; gắn xây dựng nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh chính trị được giữ vững; đời sống vật chất tinh thần của nông dân ngày càng được nâng cao*”<sup>(1)</sup>. Như vậy, xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc chính là một trong những mục tiêu quan trọng mà Tỉnh xác định hướng tới để giải quyết các vấn đề về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Đây được xem như “kim chỉ nam” cho tiến trình đưa các địa phương hoàn thành mục tiêu về đích trong Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn I (2011 - 2015) và giai đoạn II (2016 - 2020).

(1) <https://www.quangninh.gov.vn/pinchitiet.aspx?nid=45573>



Bước vào giai đoạn III (2021 - 2025), thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28-7-2021, của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22-02-2022, của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 2-12-2020 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 25-11-2021, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2021, năm 2022; Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thông qua Nghị quyết 115/NQ-HĐND tỉnh ngày 9-7-2022, về Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025; trong đó trọng tâm là tỉnh Quảng Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2022. Nghị quyết tiếp tục khẳng định quan điểm “người dân nông thôn là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cao nhất là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn theo tiêu chí của “hạnh phúc”. Rõ ràng, trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, tỉnh Quảng Ninh xác định rõ, văn hóa giữ vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân; bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc trong xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ cần phải được chú trọng dành nguồn lực đầu tư vì sự phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

### **PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương lớn của Đảng, từ nhiều năm qua, các cấp ủy, chính quyền của tỉnh Quảng Ninh đã ưu tiên dành nhiều nguồn lực, ban hành và thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển văn hóa, con người, quan tâm bố trí nguồn lực, triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện 2 tiêu chí về văn hóa (tiêu chí số 6 và 16). Với mục tiêu trên, Quảng Ninh đẩy mạnh xây dựng và triển khai, hoàn thành các tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới; song song với phát huy các giá trị văn hóa đóng góp vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, được thể hiện ở những điểm sau:

*Một là, củng cố, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa gắn với khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa thông qua các bản sắc, giá trị văn hoá.*

Trong những năm qua tỉnh Quảng Ninh đã quan tâm chỉ đạo thông qua các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Trong đó có Quyết định số 921/QĐ-UBND, ngày 14-4-2022, của

Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã đưa ra các giải pháp phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thể thao toàn diện phù hợp với sự phát triển của kinh tế xã hội. Theo đó, việc xây dựng thiết chế văn hóa ở Quảng Ninh được cụ thể hóa bằng những con số, những chỉ tiêu trong các Nghị quyết của Tỉnh ủy, trong đề án của UBND tỉnh, trở thành hiện thực sinh động trong đời sống của nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh. Từ đây, cả 14 huyện, thị xã, thành phố với tổng số 186 xã, phường, thị trấn (11 thị trấn, 48 phường và 127 xã) đều xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình thực hiện đề án. Sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh xuống cơ sở được thể hiện ở cơ chế, chính sách cụ thể về đào tạo cán bộ, quy hoạch đất đai, hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao. Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh còn phân bổ ngân sách để hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới. UBND tỉnh cũng đã khuyến khích các huyện mở rộng diện tích để lồng ghép với các công trình văn hóa khác của thôn khu như: Đình làng, sân vui chơi, nơi tập luyện thể dục thể thao... Trên cơ sở đó, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; thực hiện lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao đơn giản tại nhà văn hóa cấp thôn, cấp xã, cấp huyện. Đến nay toàn tỉnh 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện về cơ sở vật chất văn hóa<sup>(1)</sup>. Bên cạnh việc đầu tư đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở, các cấp chính quyền địa phương cũng quan tâm, huy động nguồn lực đặc biệt đầu tư các thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh với các công trình hiện đại đạt các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; 99,8% thôn khu được tỉnh đầu tư xây dựng nhà văn hóa. Thông qua hệ thống thiết chế văn hóa thể thao đời sống tinh thần nhân dân trên địa bàn không ngừng được nâng cao với hình thức sinh hoạt phong phú, đa dạng về nội dung thu hút đông đảo nhân dân trên địa bàn tham gia. Mặt khác, việc xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh với các công trình hiện đại đạt các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực đã giúp Quảng Ninh có thể khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao quy mô hiện đại, thu hút các sự kiện lớn mang tầm quốc tế và khu vực như Cụm công trình Bảo tàng, Thư viện tỉnh, Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm, Nhà thi đấu đa năng 5.000 chỗ, Cung Văn hóa Thanh thiếu nhi... Thiết chế văn hóa thể thao đã trở thành một điểm du lịch như Bảo tàng Quảng Ninh, gắn với phát triển du lịch cộng đồng của địa phương, thông qua các bản sắc, giá trị văn hóa tại thiết chế văn hóa và sinh thái tự nhiên để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến thăm quan trải nghiệm như: Trung tâm Bảo tồn văn hóa Dân tộc Dao xã Bằng Cả, Khu Văn hóa Thể thao Dân tộc Tày huyện

(1) Xem: Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2022 và triển khai nhiệm vụ giai đoạn 2023-2025

Tiên Yên<sup>(1)</sup>,... Đồng thời, thông qua các sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí mang tầm quốc tế như: SEA Game 31, Đại hội Thể thao toàn quốc 2022, Giải Marathon Quốc tế Di sản Hạ Long 2022,... hình ảnh của những công trình văn hóa hiện đại, hình ảnh của Quảng Ninh đổi mới được lan tỏa khắp thế giới. Đây không chỉ là những cơ hội quảng bá hình ảnh con người, vùng đất, quê hương Quảng Ninh, mà hơn hết, chính mỗi con người Quảng Ninh đều đang trực tiếp tham gia, làm phong phú thêm đời sống tinh thần, nâng cao thể chất của người dân.

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã là cơ sở để nâng cao chất lượng văn hóa cơ sở hơn nữa, tỉnh còn xây dựng mô hình điểm “Nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm văn hóa thể thao” ở tất cả các địa phương, tiếp tục phát huy công năng của các trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã trên địa bàn tỉnh; phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, vui chơi, giải trí của cộng đồng và đáp ứng lộ trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Mô hình này được tỉnh lựa chọn triển khai thí điểm bắt đầu từ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Đông Hải (huyện Tiên Yên) dưới hình thức Mô hình Câu lạc bộ được thành lập gồm 5 người trong Ban Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa và Thể thao của xã và 20 thành viên thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của địa phương. Câu lạc bộ sẽ thường xuyên tổ chức các hoạt động tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã bao gồm: Tổ chức hoạt động Ngày hội đọc sách, mở các lớp năng khiếu văn hóa - thể thao cho thanh thiếu nhi, các cuộc liên hoan, hội thi văn nghệ, thể thao, năng khiếu nghệ thuật và hướng dẫn triển khai các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đến nhân dân trên địa bàn. Đến nay, mô hình này được triển khai ở tất cả các địa phương, trong đó trọng tâm là ở các xã, huyện về đích năm 2022<sup>(2)</sup>.

*Hai là, thực hiện bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của từng địa phương, gắn với phát triển du lịch nông thôn gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh.*

Tỉnh và các địa phương quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích. Trong đó, 100% di tích quốc gia, 70% di tích cấp tỉnh được tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp, tổng vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh trên 1.600 tỷ đồng, ngân sách địa phương 210 tỷ đồng, xã hội hóa gần 1.400 tỷ đồng; triển khai các quy hoạch, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Đề án mở rộng và phát triển Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử; Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng; Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều; Đề án bảo

---

(1) <https://www.quangninh.gov.vn/So/sovanhoathethao/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=11909>

(2) <https://www.quangninh.gov.vn/chuyen-de/DH-Dang/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=102646>

tồn, tôn tạo, phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2030<sup>(1)</sup>.

Trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, tỉnh Quảng Ninh chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, di tích cách mạng, danh lam thắng cảnh, khu vực sinh thái như: Di tích đình Lục Nà (xã Lục Hồn, Bình Liêu), Di tích địa điểm chiến thắng Điền Xá trên đường số 4 (huyện Tiên Yên), Di tích lịch sử cách mạng Khe Lao (xã Lương Mông, Ba Chẽ), Sơn Dương, Bằng Cả (Hoành Bồ) và các di tích, danh thắng khác; bảo tồn bản, làng truyền thống; bảo tồn, phát triển kiến trúc nhà ở truyền thống; trang phục dân tộc truyền thống của các dân tộc; công cụ lao động sản xuất truyền thống; nhạc cụ, khí cụ, hàng thổ cẩm, đồ gốm sứ, các cổ vật, di vật quý còn đang lưu giữ trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh cũng như các vật nuôi, cây trồng truyền thống.

Với những cơ chế, chính sách, biện pháp được triển khai đồng thời, công tác gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của từng địa phương, đơn vị có nhiều chuyển biến. Một số địa phương đã và đang triển khai xây dựng những thôn, bản trở thành “bảo tàng sống” nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống đặc sắc, gắn với phát triển du lịch, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Tiêu biểu như mô hình bản văn hóa dân tộc Tày xã Lục Hồn, dân tộc Sán Chỉ xã Húc Động (huyện Bình Liêu)... Có thể nói, Bình Liêu là một trong những điểm sáng về gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới. Huyện đã bố trí nguồn lực hợp lý đầu tư cho phát triển văn hóa, chủ động nhân rộng các mô hình, sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái; duy trì các lễ hội văn hóa truyền thống và ngày hội văn hóa các dân tộc thiểu số ở địa phương; các hoạt động thể thao đặc sắc như môn bóng đá nữ truyền thống của người dân tộc Sán chỉ; du lịch cảnh quan thiên nhiên thác Khe Vằn; lễ hội Mùa vàng, hội Hoa sớ, ngày hội Kiêng gió...; phát triển đặc sản làng nghề ở địa phương như thương hiệu miến dong, tinh dầu hồi, quế; sản phẩm mới cá nước lạnh, trồng hoa... đã níu chân nhiều du khách<sup>(2)</sup>. Qua đó, huyện khai thác hiệu quả tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên và các giá trị văn hóa của cộng đồng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện phục vụ cho phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ; vừa góp phần nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa vừa tạo nguồn lực để đầu tư trở lại cho công tác bảo tồn văn hóa trên địa bàn huyện, đóng góp trực tiếp vào việc xây dựng nông thôn mới.

(1) <https://quangninh.gov.vn/chuyen-de/DH-Dang/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=119922>

(2) <https://quangninh.gov.vn/chuyen-de/DH-Dang/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=119922>

*Ba là, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng môi trường văn hóa gắn với “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.*

Nhằm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, tinh chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh có hiệu quả, lan tỏa, đi vào chiều sâu. Theo đó, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã được cả hệ thống chính trị của tỉnh Quảng Ninh tập trung vào cuộc bằng nhiều hoạt động hiệu quả. Vì vậy, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng khu văn hóa dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới thực sự đi vào cuộc sống của nhân dân, cũng như in đậm dấu ấn trong hoạt động của cấp ủy, chính quyền các địa phương, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người dân tỉnh Quảng Ninh. Trong nhiều năm qua, cuộc vận động đã được bổ sung nhiều mô hình mới có hiệu quả, từ cuộc vận động đã tạo ra nhiều phong trào thi đua sôi nổi. Đặc biệt, tỷ lệ các khu dân cư đạt danh hiệu “Khu dân cư tiên tiến”, “Khu dân cư văn hóa”, “gia đình văn hóa” hàng năm đều tăng và khẳng định tính toàn dân, toàn diện và tính bền vững của cuộc vận động. Đến nay, toàn tỉnh có 99,7% số đám cưới, 99,6% số đám tang thực hiện tốt nếp sống văn minh; 1.452 thôn, bản, khu phố xây dựng quy ước, hương ước; triển khai Bộ quy tắc ứng xử trên cơ sở kế thừa Bộ quy tắc ứng xử “Nụ cười Hạ Long”, đảm bảo theo quy định pháp luật, tôn trọng quyền con người, hướng tới xây dựng con người Quảng Ninh với đặc trưng “Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện”. Các địa phương chủ động xây dựng bộ quy tắc ứng xử riêng như Tp. Uông Bí xây dựng Bộ quy tắc tự hào là công dân Tp. Uông Bí, huyện Hải Hà ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong cộng đồng, huyện Đàm Hà ban hành Bộ quy tắc ứng xử người Đàm Hà “Đoàn kết - Sáng tạo - Tự tin - Thân thiện”... bên cạnh đó, phong trào xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời được các cấp, ngành quan tâm, góp phần xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện. Toàn tỉnh có 71,4% số hộ đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, 62,2% số dòng họ đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”, 82% số cộng đồng đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”<sup>(1)</sup>... Thông qua cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã xuất hiện nhiều gương sáng vì cộng đồng cho mọi người noi theo và là những hạt nhân của cuộc vận động,

(1) <https://uongbi.gov.vn/tao-nen-tang-xay-dung-tinh-kieu-mau-giau-dep-van-minh-hien-dai-p13n67281.html>

phát huy tốt tinh thần tự quản của cộng đồng dân cư. Việc tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống Mặt trận tổ quốc Việt Nam (18-11) cũng được tổ chức thành nền nếp, trở thành ngày sinh hoạt truyền thống của toàn dân, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, huy động sức mạnh của toàn dân.

### **TIẾP TỤC PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG LÀM NỀN TẢNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Kết quả thực hiện hai tiêu chí văn hóa (tiêu chí số 6 và 16) trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới của Quảng Ninh cho thấy mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng nông thôn mới. Thông qua việc triển khai thực hiện, hoàn thành hai tiêu chí văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, Quảng Ninh đã nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn, trong đó trọng tâm là phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” của giai cấp công nhân và vùng mỏ; chú trọng bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch, dịch vụ; huy động mọi nguồn lực đầu tư đổi mới cơ chế quản lý, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao các cấp sau đầu tư. Vì vậy có thể khẳng định, sau hơn một thập kỷ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Quảng Ninh đã phát huy, vận dụng thành công 2 tiêu chí văn hóa về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng, là mục tiêu, là động lực... làm nền tảng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, làm nền tảng xây dựng nông thôn mới<sup>(1)</sup>. Việc coi trọng tiêu chí văn hóa, lấy văn hóa làm nền tảng xây dựng nông thôn mới góp phần quan trọng giúp tỉnh Quảng Ninh cơ bản đạt các nội dung theo bộ tiêu chí quốc gia tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Để tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng, là mục tiêu, là động lực... làm nền tảng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, năm 2023, Quảng Ninh tiếp tục lấy văn hóa làm nền tảng, làm mục tiêu, làm động lực trong xây dựng nông thôn mới, với hành lang mới xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Quảng Ninh còn dự kiến hướng tới xây dựng nông thôn văn minh, nông nghiệp hiện đại, nông dân giàu có... mở đường cho ngành du lịch nông thôn phát triển trong chặng đường mới. Theo đó, một trong những nhiệm vụ được triển khai trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 lại được Quảng Ninh xác định: nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn.

(1) <https://baoxaydung.com.vn/quang-ninh-xay-dung-nong-thon-moi-van-hoa-la-nen-tang-346093.html>

*Một là*, tập trung tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 09-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, gắn với thực hiện xây dựng nông thôn mới.

*Hai là*, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cấp xã và cấp thôn trên địa bàn toàn tỉnh; đổi mới các nội dung chương trình hoạt động gắn với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu của người dân. Phát huy chủ thể người dân trong việc tham gia đóng góp xây dựng, quản lý, tổ chức các mô hình sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng để người dân có ý thức hơn trong việc bảo quản, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với thiết chế văn hóa thể thao cơ sở.

*Ba là*, triển khai hiệu quả Đề án khôi phục bảo tồn 04 Làng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; Thành lập các Câu lạc bộ Sở thích; mỗi thiết chế văn hóa thành lập từ 3 - 5 câu lạc bộ sinh hoạt thường xuyên. ❖

## VỀ VIỆC PHỤC DỰNG LỄ HỘI ĐỀN XÃ TẮC THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, GÓP PHẦN PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÙNG BIÊN TỈNH QUẢNG NINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

**BÙI QUANG THANH**

*GS, TS, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam*

Xuất phát từ thực trạng sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng - tâm linh, những năm gần đây, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, hàng trăm bài báo, công trình khoa học, hàng chục cuộc hội thảo từ cấp quốc gia đến địa phương đã tập trung phân tích, đánh giá những nguyên nhân dẫn đến sự hiện tồn các hiện tượng tích cực và tiêu cực trong không gian các di tích văn hóa tín ngưỡng và lễ hội tại các địa phương. Từ các nghiên cứu và phản biện văn hóa đó, có thể nhận thấy, mọi phân tích, đánh giá đều chủ yếu hướng đến hai phía hợp thành chủ thể cho một lễ hội: Đó là đội ngũ các nhà quản lý, tổ chức và người dân sở tại cũng như khách hành hương. Không phải ngẫu nhiên mà hơn 10 năm qua, nhiều cuộc hội thảo khoa học cấp Trung ương, cấp địa phương (tỉnh - thành, huyện - thị) đã đi sâu nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng lễ hội ở Việt Nam, đặc biệt là vấn đề quản lý, tổ chức các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua diễn trình vận hành lễ hội, những mong tìm ra quy luật vận động và phát triển tích cực của loại hình văn hóa dân gian này, phù hợp với điều kiện xã hội hiện tại và lâu dài. Chính vì thế, mục tiêu mà giới khoa học và các nhà hoạt động thực tiễn hướng đến đã đồng thuận với các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, gần đây nhất là Kết luận số 51-KL/TW, ngày 22-7-2009, của Bộ Chính trị “Về việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12-1-1998, của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”; ngày 9-2-2011, Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 162/CĐ-TTg “Về công tác quản lý và tổ chức lễ hội” cùng hàng loạt các văn bản của Bộ chủ quản, làm cho hàng loạt các lễ hội được nghiên cứu, bảo tồn, phục dựng và tổ chức nghiêm túc, giữ được bản sắc văn hóa truyền thống, bảo đảm an ninh trật tự, gìn giữ cảnh quan môi trường, đáp ứng



nhu cầu của con người đương đại... Nằm trong bối cảnh chung đó của sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, việc quan tâm nghiên cứu phục hồi lễ hội Đền Xã Tắc tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là một nhu cầu chính đáng, đáp ứng được lòng mong mỏi của cộng đồng cùng tiến trình phát triển đời sống kinh tế - văn hóa của địa phương. Để tìm ra những hướng tiếp cận và các giải pháp – biện pháp phục hồi một di sản văn hóa truyền thống đạt kết quả hữu hiệu cao nhất, mang tính khả thi tại một địa bàn cụ thể là thành phố Móng Cái, thiết nghĩ, chúng ta cần bảo đảm được các yêu cầu về mặt khoa học cũng như ứng dụng thực tiễn một cách hài hòa, phù hợp với điều kiện phát triển đời sống văn hóa nói riêng và cuộc sống của cộng đồng các dân tộc ở Móng Cái nói chung.

### **TỪ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHOA HỌC GẮN VỚI NHIỆM VỤ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA**

Trong khoảng 30 năm trở lại đây, vấn đề bảo tồn di sản văn hóa đã trở thành mối quan tâm của toàn xã hội và các ngành khoa học xã hội - nhân văn. Đã có hàng trăm công trình, luận văn, luận án, bài báo khoa học đề cập trực tiếp đến phạm vi bảo tồn di sản, phát huy giá trị trong xã hội đương đại. Và, thực tế, các kết quả nghiên cứu khoa học cũng như sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí của chính quyền, đội ngũ quản lý văn hóa các cấp đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa với các loại hình di sản khác nhau ở hầu khắp các địa phương. Để có được những bước đi đúng hướng đó, các giới khoa học cũng như chính quyền địa phương các cấp đã vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo những nguyên tắc bảo tồn mang tính quốc tế, những biện pháp khoa học ứng dụng thích hợp và các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn đời sống văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam.

Là một thành viên của UNESCO, Việt Nam đã quan tâm tìm hiểu, vận dụng các nguyên tắc bảo tồn di sản được thống nhất từ tổ chức khoa học, giáo dục và văn hóa cao nhất của thế giới vào nhu cầu thực tiễn Việt Nam.

Từ những nguyên tắc về bảo tồn di sản do UNESCO đề xướng và được sự góp ý, đồng thuận của các nước thành viên trên thế giới (trong đó có Việt Nam), có thể hiểu bảo tồn di sản văn hóa không có nghĩa là cố gắng giữ lại được càng nhiều càng tốt những gì thuộc về quá khứ hoặc giữ nguyên trạng một cách cứng nhắc làm cho di sản đóng băng và về lâu dài sẽ đưa đến sự xuống cấp, hủy hoại chúng. Cũng không có nghĩa bảo tồn di sản văn hóa là được phép tự ý sửa chữa theo ý muốn chủ quan của một cá nhân hay tập thể nào để dẫn đến tình trạng tự hủy hoại, xuống cấp hoặc làm mất đi bản sắc riêng của mỗi di sản. Mà,

bảo tồn di sản văn hóa là việc *bảo vệ, gìn giữ những giá trị liên quan từ quá khứ đến hiện tại làm cho di sản văn hóa đó lớn mạnh hơn, giàu có hơn và tất yếu cái được bảo tồn phải phù hợp với thời đại để nó có thể tiếp tục song hành cùng xu hướng đi lên của cuộc sống*. Hoạt động bảo tồn di sản văn hóa phải tuân thủ những nguyên tắc nghiêm ngặt mang tính thông lệ được cộng đồng quốc tế chấp nhận thông qua.

Cũng trong chục năm qua, ở Việt Nam đã và đang tồn tại các khái niệm cơ bản mang chung ý nghĩa gìn giữ và trao truyền giá trị di sản văn hóa truyền thống các dân tộc, được các nhà khoa học minh giải, làm sáng tỏ ngữ nghĩa, giúp cho các nhà quản lý cũng như cộng đồng người dân nhận diện được bản chất từng khái niệm mỗi khi vận dụng các cơ chế chính sách cũng như áp dụng chỉ đạo thực hiện trong thực tiễn.

Trên tiến trình xây dựng đời sống kinh tế - văn hóa xã hội nói chung, quá trình bảo tồn giá trị di sản phải/luôn đi kèm công tác phát huy giá trị đó trong điều kiện xã hội đương đại. Khái niệm phát huy (idiom) được hiểu là *những tác động làm cho cái hay, cái đẹp, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, từ cao đến thấp, từ đơn giản đến phức tạp* [Nhiều tác giả 2007: 97]. Và, như vậy, “phát huy” chính là việc khai thác, sử dụng sản phẩm một cách có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển của cộng đồng xã hội, đem lại những lợi ích kinh tế nhất định, phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội, cho việc phát triển du lịch bền vững và góp phần quan trọng trong việc giáo dục truyền thống yêu nước, giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người, góp phần quảng bá di sản văn hóa bản địa với bạn bè năm châu trong điều kiện hội nhập hiện nay. Tuy nhiên, với quan điểm biện chứng – lịch sử, cách thức phát huy của mỗi di sản, mỗi thời điểm có khác nhau, điều đó tùy thuộc vào văn hóa của mỗi vùng, vào nhận thức của từng người. Nhưng tựu chung, mọi hoạt động để phát huy giá trị di sản đều phải dựa vào giá trị cốt lõi tiềm tàng, vốn có trong từng di sản, từ đó làm tôn vinh vẻ đẹp và phát triển các giá trị văn hóa trong môi trường xã hội (từ phạm vi một làng, liên làng hay tiến tới sự lan tỏa trong phạm vi từng vùng, miền và rộng hơn là phạm vi cộng đồng dân tộc và quốc tế). Hình thức chủ đạo của phát huy là quảng bá hình ảnh của di sản trên mọi phương diện nhằm khai thác, thu hút khách đến tham quan, đầu tư. Từ đó giúp việc phục hồi tối đa các giá trị văn hóa truyền thống, tạo cơ hội giao lưu giữa các nền văn hóa khác nhau, góp phần hiểu biết lẫn nhau và tăng cường mối quan hệ quốc tế vì hòa bình, vì sự phát triển của văn hóa và kinh tế - xã hội, trước mắt và lâu dài.

Để phù hợp với các Công ước quốc tế về di sản văn hóa phi vật thể, Luật Di sản văn hóa Việt Nam ra đời năm 2001 và sửa đổi năm 2009 đã chỉ rõ: Nhà nước khuyến khích và tạo

điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam” (Điều 17, Luật Di sản văn hóa năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2009).

## **ĐẾN NHU CẦU PHỤC HỒI LỄ HỘI ĐỀN XÃ TẮC TẠI PHƯỜNG KA LONG, THÀNH PHỐ MÓNG CÁI**

Xuất phát từ tinh thần chủ đạo mang tính khoa học và nguyên tắc đối với hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống nói chung và lễ hội cổ truyền nói riêng được đề cập sơ lược trên đây, chúng tôi muốn bước đầu đề xuất một số ý kiến liên quan đến nhu cầu phục hồi lễ hội Đền Xã Tắc thuộc phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đã và đang đặt ra hiện nay.

Trước hết, xin bày tỏ nhận thức rằng, việc địa phương đã đề xuất một kịch bản văn học phục vụ nhiệm vụ phục hồi nghi lễ tế Xã Tắc với các hoạt động tế lễ tại Đàn tế, thực hành nghi lễ “Cấp thủy”, thực hành nghi lễ “Rước thần” và thực hành nghi lễ “Thả thuyền”, nghi lễ tế “Xã Tắc” và coi đó là toàn bộ diễn trình lễ hội Đền Xã Tắc là đúng, nhưng chưa đủ và có lẽ chưa rõ. Cần nhận thấy rằng, mọi hoạt động đã được đề cập (trong kịch bản này) gắn với sinh hoạt/thực hành nghi lễ là chính, đó mới chỉ là một phần quan trọng trong diễn trình hành hội. Với sự chỉ dẫn của kịch bản này, theo chúng tôi, dường như vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, chưa thể hiện rõ chủ thể của di sản, tính đa dạng của các lớp văn hóa ẩn tàng sinh động trong di sản và chưa thể hiện được sự “phát huy” giá trị di sản trong điều kiện xã hội đương đại.

Để phục hồi một cách hiệu quả sinh hoạt lễ hội Đền Xã Tắc tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái, theo chúng tôi, cần có sự thống nhất về một số vấn đề cơ bản sau đây:

*Trước hết, cần có sự thống nhất về mặt nguyên tắc phục hồi*

a. Toàn bộ ý tưởng kịch bản sẽ được các chuyên gia xây dựng dựa trên những tư liệu lịch sử cũng như dân gian đã thu thập được, tuy nhiên, đó chỉ là những gợi ý, cộng đồng (các dân tộc tại địa phương) cần có sự thảo luận và lựa chọn phương án phục dựng lễ hội cho phù hợp với điều kiện đương đại.

b. Lễ hội phải đề cao tính chủ thể văn hóa của người dân trong cộng đồng: Tất cả những hoạt động trong lễ hội (từ cúng bái, rước sách, thực hành các diễn xướng, trò chơi dân gian,...) phải do cộng đồng người dân các dân tộc thuộc các phường Ka Long (9 dân tộc),

Hòa Lạc (6 dân tộc) và Trần Phú (5 dân tộc),... đảm nhiệm. Đây là các phường vốn được phân tách ra từ thị trấn Móng Cái cũ, cũng là chủ nhân văn hóa của di sản Đền Xã Tắc này. Việc huy động người dân các dân tộc tại địa phương sẽ bảo đảm về mặt nguồn lực thực hành cho một lễ hội lớn, phát huy giá trị văn hóa cổ kết cộng đồng và giới thiệu bản sắc văn hóa đa dạng của lễ hội Đền Xã Tắc.

c. Các khu dân cư của phường Ka Long giữ vai trò chủ đạo cho thực hành nghi lễ tế chính tại Đền Tế, cần có sự đồng thuận trong việc tổ chức cúng tế và thực hành các nghi lễ do đội khánh tiết đại diện lựa chọn nhân sự và tiến hành triển khai. Đại diện các khu dân cư cần thảo luận kỹ để lựa chọn một trong hai phương án sau:

- Các khu dân cư đồng thời cử người đại diện vào ban khánh tiết của lễ hội và đội tế chung, đồng thời chọn một ông chủ tế đức cao vọng trọng và những người bồi tế.

- Làn lượt mỗi khu dân cư sẽ đảm nhiệm việc cúng tế trong lễ hội này, và người chủ tế là đại diện lãnh đạo cấp thành phố (do lễ hội được tổ chức cấp thành phố).

Thành phố Móng Cái có kế hoạch phê duyệt và cấp kinh phí đáp ứng tiến độ mua nghi trượng và các nghi cụ phục vụ thực hành lễ hội. Các tiểu ban được thành lập chịu sự chỉ đạo và điều hành của ban tổ chức lễ hội cấp thành phố (trong đó bao gồm đại diện chính quyền, đại diện cộng đồng thuộc 3 phường như đã nêu).

#### *Về phương hướng tiến hành phục hồi*

- Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa (vật thể - phi vật thể) liên quan đến di tích và lễ hội Đền Xã Tắc trên cơ sở nghiên cứu xác nhận những hạt nhân di sản có vai trò nòng cốt cho giá trị được sáng tạo, tôn tạo và trao truyền từ quá khứ.

- Nâng cao quy mô và chất lượng của các nghi trình, nghi thức và nghi lễ trên cơ sở vận dụng lý thuyết khoa học “*sáng tạo truyền thống trong đương đại*” vốn đã được nhiều quốc gia áp dụng phục dựng/phục hồi lễ hội truyền thống thành công, trong đó, một số chuyên gia của Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam đã vận dụng/áp dụng vào việc phục hồi một số lễ hội ở Việt Nam, như Lễ hội Tịch Điền (Hà Nam), Lễ hội Lam Kinh (Thanh Hóa), Lễ Hội Bình Đà (Hà Nội), Lễ hội Vua Hùng dạy dân cấy lúa (Việt Trì, Phú Thọ)...

- Nâng cao trình độ quản lý văn hóa lễ hội cho cán bộ quản lý các cấp trong ngành văn hóa - thông tin thành phố Móng Cái và cán bộ quản lý văn hóa thuộc 3 phường sở tại.

### *Về mục tiêu*

- Điều tra nghiên cứu, thống kê lập quy hoạch và kế hoạch có tính pháp lý trong việc đầu tư phục hồi, khai thác, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa cổ truyền của cộng đồng dân cư ở khu di tích Đền Xã Tắc tại Ka Long và các di tích phụ cận có liên quan.

- Nâng cao quy mô (với sự tham gia của các dân tộc trên địa bàn, sự hoành tráng trong quá trình rước và hình thức phục vụ diễn trình hội) và chất lượng của lễ hội, phục dựng lại các nghi trình, nghi thức và nghi lễ một cách bền vững.

- Từng bước hoàn thiện lễ hội Đền Xã Tắc để nơi đây trở thành điểm du lịch văn hóa tâm linh ở một thành phố biên cương của Tổ quốc, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở các khu dân cư, hiện tại và lâu dài.

- Huy động các ngành, các cấp và nhân dân tham gia tổ chức lễ hội. Từng bước chuyển giao “công nghệ” thực hành lễ hội cho cộng đồng các dân tộc trên địa bàn các phường thuộc thị trấn Móng Cái cũ. Huy động các nguồn vốn từ các tổ chức xã hội và nhân dân để thực hiện quá trình phục hồi lễ hội.

- Nâng cao trình độ quản lý văn hóa, lễ hội cho cán bộ trong ngành văn hóa – thông tin và chính quyền địa phương.

### *Về ý nghĩa*

- Lễ hội được nâng cấp sẽ thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân và khách du lịch (trong nước và quốc tế, đặc biệt là du khách Trung Quốc) về dự lễ hội, tạo đà cho những phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Góp phần quảng bá giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa các dân tộc của thành phố Móng Cái với cộng đồng quốc gia và quốc tế.

- Tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, về lòng tự hào, tự tôn, tự cường dân tộc,... thông qua những thực hành văn hóa và những biểu tượng văn hóa của lễ hội.

- Thực hiện được chủ trương xã hội hóa văn hóa của Đảng và Nhà nước.

Để thực hiện được những vấn đề đặt ra trên đây, chúng tôi cho rằng, không nên/chi dừng lại trong phạm vi tổ chức khôi phục một số hình thức thực hành tế lễ tại không gian văn hóa Đền Xã Tắc, nếu chỉ vậy, vô hình chung, con người đương đại đã mới chỉ “bảo tồn”

một cách máy móc di sản của tiền nhân, chưa thể hiện được sự quan tâm, “phát huy” giá trị của lễ hội đó cho phù hợp với điều kiện mới của xã hội đương đại. Trong quá trình nghiên cứu, bên cạnh việc phục hồi những nghi lễ có vai trò hạt nhân, gắn với việc thực hành tín ngưỡng dân gian truyền thống của các dân tộc trên địa bàn cư trú thuộc phường Ka Long, còn cần phải tuyển chọn, nâng cấp những hình thái văn hóa truyền thống có giá trị (diễn xướng trong văn hóa dân gian tộc người, trang phục dân tộc, các hình thức thực hành nghi lễ mang bản sắc từng dân tộc,...) và phải kết hợp với những phương tiện, hình thức của công nghệ hiện đại để thể hiện sự trang nghiêm, trọng thể, linh thiêng nhằm biểu thị tinh thần tôn kính của thế hệ ngày nay đối với các bậc tiền nhân đã có công với nước, với dân. Đồng thời, cũng từ đó, thể hiện được bản sắc văn hóa đa dân tộc của thành phố Móng Cái trên tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, phù hợp với nhu cầu phát triển du lịch, kinh tế, đời sống văn hóa cơ sở và điều kiện chính trị hiện tại cũng như lâu dài của thành phố Móng Cái nói riêng và cả nước nói chung.

Phục hồi lễ hội Đền Xã Tắc nhất thiết phải tiếp cận vị thế *địa - văn hóa* của Móng Cái nói chung và không gian thực hành lễ hội này nói riêng. Bởi lẽ, đây là khu vực địa - văn hóa đặc thù, nằm sát biên cương Việt - Trung, gắn với chiều dài lịch sử sôi động của đất nước. Nơi đây, vốn dĩ lại xuất phát từ khởi điểm hội tụ của văn hóa tộc người (Tày - Nùng), khi thị trấn Móng Cái vốn thuộc địa phận hành chính trong quá khứ của Khu tự trị Tày Nùng, trước khi có sự di cư của dân tộc Kinh (Việt) và các dân tộc khác. Mặt khác, tại quần thể khu di tích Đền Xã Tắc này, không đơn thuần chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng thờ thần Đất (Xã) và thần Lúa (Tắc), mà còn là không gian phối thờ các chủ điện thờ khác là Danh nhân Trần Quốc Tảng cùng một số quan tướng, thờ thần Biển gắn với sinh kế cộng đồng, thờ Mẫu gắn với tín ngưỡng bản địa... Vì vậy, việc khai thác các thành tố liên quan đến các chủ điện thờ khác nhau cùng bản sắc văn hóa các dân tộc để phối kết trong một diễn trình lễ hội sẽ đem lại những hiệu ứng giá trị văn hóa đa dạng, độc đáo và có nhiều ý nghĩa, góp phần quảng bá cho tinh thần và ý thức tự cường dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc... Có như vậy, lễ hội Đền Xã Tắc mới góp phần bảo tồn - phát huy được những hình thái tiêu biểu mang tính bản sắc nhất của lễ hội nơi đây.

Lễ hội là của dân, do các thế hệ người dân sáng tạo, gìn giữ, bồi đắp và trao truyền lại, do vậy, Nhà nước không làm thay dân. Vì thế, chặng khởi đầu cho quá trình phục hồi lễ hội, Nhà nước cần quan tâm đầu tư kinh phí ban đầu cho dân, đáp ứng trang bị những trang phục và đạo cụ cần thiết (có thể sử dụng lâu dài cho những mùa lễ hội sau), đầu tư chuyên gia để chuyên gia “công nghệ” (xây dựng kịch bản, những kỹ năng thực hành và quản lý lễ hội) để các cộng đồng cư dân sở tại (các dân tộc cư trú tại 3 phường của thị trấn Móng

Cái cũ) thực sự trở thành chủ thể văn hóa của lễ hội, được tham gia sáng tạo, thực hành, bảo tồn và thụ hưởng văn hóa lễ hội.

Nhìn nhận một cách tổng quan, từ các dữ liệu lịch sử, các nguồn tư liệu văn hóa dân gian và thực tiễn địa - văn hóa cũng như sự đồng thuận của cộng đồng và chính quyền các cấp, kết hợp với phương pháp “sáng tạo truyền thống trong đương đại”, chúng tôi tin rằng lễ hội Đền Xả Tắc tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh có đủ tiềm năng và tài nguyên văn hóa để khai thác, phục hồi thành một lễ hội truyền thống độc đáo, mang bản sắc văn hóa vùng đất biên cương; và trở thành một trong những lễ hội lớn nhất vùng Đông - Bắc của Tổ quốc!. ❖

## **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH: PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, DU LỊCH TỪNG BƯỚC TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU, TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

**NGUYỄN VĂN CÔNG**

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*

Đông Triều, mảnh đất và con người đã gắn liền với chiều dài lịch sử của dân tộc Việt Nam, là vùng đất cổ địa linh nhân kiệt, có tầm quan trọng về địa chính trị, địa kinh tế, địa lịch sử, địa văn hóa, được sử sách ghi nhận là quê gốc nhà Trần - một trong những triều đại phong kiến hưng thịnh bậc nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Địa danh Đông Triều xuất hiện vào nửa sau của thế kỷ XIV, cách đây hơn 700 năm, do vị vua thứ 7 triều Trần là vua Trần Dụ Tông đổi Yên Sinh làm đất Đông Triều, tên Đông Triều có bắt đầu từ đây. Tháng 12-1946, huyện Đông Triều tách khỏi tỉnh Hải Dương để trực thuộc tỉnh Quảng Yên; tháng 3-1947 trực thuộc Liên tỉnh Quảng Hồng. Năm 1959, huyện Đông Triều lại chuyển về tỉnh Hải Dương. Tháng 10-1961, huyện Đông Triều trở về thuộc Đặc khu Hồng Quảng. Ngày 30-10-1963, huyện Đông Triều chính thức trở thành một đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Quảng Ninh.

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, núi non, sông ngòi, sản vật, thành trì, di tích, các tổng xã của Đông Triều đã hình thành nên vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, với các địa danh cổ như am - tháp - chùa Ngọa Vân, lăng mộ, chùa, miếu nhà Trần, chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Ngọa Vân, quán Ngọc Thanh, bến sông Đông Triều, vườn Thiên Long Uyển, núi Ngọa Ngưu,... Ngoài ra, còn lưu giữ tên nhiều địa danh làng, xã cổ, như xã Xuân Quang, Mạo Khê, Đông Sơn, Linh Tràng, Kim Sen, Vĩnh Tuy, Nhuệ Hồ, Thọ Tràng, Yên Lãng, Hồ Lao, Vân Quế tổng Yên Lãng; Mỹ Cự, La Dương, Hà Lôi tổng Mễ Sơn; Bác Mã, Đông Triều, Bàng Sơn, Đông Khê, Đoàn Xá, Đạm Thủy, Vị Thủy, An Biên tổng



Đạm Thủy; Chí Linh, Đức Sơn, Đồn Sơn, Dương Đê, Yên Khánh tổng Yên Khánh; Trung Lương, Lâm Xá, Quế Lạt, Nội Hoàng, Thượng Thông, Hoành Mô, Yên Dưỡng tổng Nội Hoàng... Than đá ở xã Yên Lãng để nấu luyện chì, xã Hương Lạt tổng Nội Hoàng có diêm điền (muối), xã Hồ Lao, xã Mạo Khê, xã Đông Khê có đất sét trắng để sản xuất đồ sành, sứ, xã Chí Linh có đất vàng để làm nồi chõ và đồ gốm khác... Người dân Đông Triều thì chất phác, chân chất, ít văn hoa.

Từ nửa sau của thế kỷ XIV đến trước năm 1930, huyện Đông Triều được thu gọn lại còn 5 tổng và 56 xã, hiện nay, để phù hợp với xu hướng phát triển chung về kinh tế - xã hội, Đông Triều tiếp tục thu gọn lại còn 21 địa danh hành chính. Tuy nhiên, tên gọi các làng, xã vẫn gắn với tên gọi cũ và vẫn giữ nguyên được giá trị văn hóa truyền thống thông qua hệ thống đình, chùa, nghè, miếu, lễ hội truyền thống, lễ hội dân gian..., qua những câu ca, làn điệu chèo, địa chí cổ, văn bia, hoành phi, câu đối, thần tích, thần sắc, hương ước, tục lệ, địa bạ, thơ phú... Đây là những tư liệu thành văn phản ánh đầy đủ các mặt của đời sống xã hội Đông Triều thời phong kiến và để hiểu về cội nguồn ông cha, bản sắc dân tộc, đồng thời là cơ sở để tiếp tục kế thừa, phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa.

Hiện nay, địa giới Đông Triều có thu hẹp nhiều so với thời trước, nhưng tên gọi Đông Triều hầu như không thay đổi và từ lâu đã đi vào lịch sử đất nước, là một địa bàn có tầm chiến lược quan trọng cả về chính trị, kinh tế và quân sự. Với địa thế là thị xã trẻ ở cửa ngõ phía tây của tỉnh Quảng Ninh, là cửa ngõ nối tỉnh Quảng Ninh với thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, với hệ thống giao thông thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Đặc biệt, nơi đây còn là miền trầm tích văn hóa, gắn liền với cội nguồn nhà Trần - một trong những triều đại vang danh bậc nhất trong lịch sử dựng nước, giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Với nhà Trần, Đông Triều không chỉ là quê gốc mà còn là “*trung tâm văn hóa tâm linh tiêu biểu và đặc sắc*”, với một quần thể di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng linh thiêng. Đây cũng là nơi vua Minh Mạng đã ban chỉ dụ khai thác than đầu tiên tại núi Yên Lãng (thuộc xã Yên Thọ ngày nay) cách đây 178 năm, đánh dấu sự ra đời của ngành công nghiệp khai thác than tại Việt Nam, gắn với giai cấp công nhân vùng mỏ; nơi ra đời Đệ tứ Chiến khu Trần Hưng Đạo - Chiến khu Đông Triều oai hùng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đông Triều còn là nơi thành lập chi bộ đảng đầu tiên của khu mỏ (ngày 23-2-1930).

Cũng như nhiều huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Quảng Ninh, thị xã Đông Triều có yêu cầu bức thiết về bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa trong cuộc sống hiện tại, đặc biệt là làm thế nào để thế hệ trẻ có cơ hội, điều kiện tiếp nhận những giá

trị truyền thống tốt đẹp. Để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa lịch sử truyền thống gắn với việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, thời gian qua, thị xã Đông Triều phối hợp với các chuyên gia Hán Nôm tích cực sưu tầm địa chí cổ, thần tích, thần sắc, thơ văn và công bố các tư liệu cổ về Đông Triều, đồng thời sưu tầm tên làng, tên xã, địa danh cổ, danh nhân, nhân vật lịch sử, tên di tích để lập ngân hàng dữ liệu tên đường, phố trên địa bàn thị xã, làm cơ sở để lựa chọn đặt tên đường, tên phố ở 6 phường của thị xã.

Với 120 di tích và danh thắng, trong đó có 24 di tích đã được xếp hạng (1 khu di tích quốc gia đặc biệt, 7 di tích cấp quốc gia, 16 di tích cấp tỉnh), 96 di tích đã được kiểm kê, phân loại và đưa vào danh mục quản lý, thị xã Đông Triều đã xây dựng Đề án quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, danh thắng trên địa bàn, đồng thời có kế hoạch triển khai xây dựng Đề án tổng thể các lễ hội trên địa bàn. Cùng với lễ hội, các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian mang đậm bản sắc của các dân tộc trên địa bàn thị xã cũng được duy trì và phát triển, như hát chèo, hát Then, đàn tính và soọng cô..., tiêu biểu nhất là hát Then (xã Tràng Lương). Các phong tục tập quán (lễ cấp sắc ma chay, cưới hỏi của dân tộc Dao Thanh Y ở phường Xuân Sơn; tiếng nói, chữ viết của dân tộc Dao Thanh phán, Dao Thanh y và dân tộc Tày ở xã Tràng Lương, nghề thủ công truyền thống Vĩnh Hồng - Mạo Khê, Trạo Hà - Đức Chính làm gốm, đồ sành, sứ từ đất sét...).

Những giá trị đặc sắc, tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, con người và điều kiện tự nhiên đã mở ra cho thị xã Đông Triều một thời vận mới về phát triển kinh tế - văn hóa và tạo nên sự biến động mạnh mẽ về mọi mặt. Trên cơ sở bám sát Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn, thị xã xác định các di tích trọng điểm quan trọng để tập trung huy động nguồn lực đầu tư tu bổ, tôn tạo, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước (Cục Di sản, Sở Văn hóa và Thể thao), cơ quan nghiên cứu, đơn vị tư vấn (Trung tâm Nghiên cứu kinh thành, Viện Khảo cổ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn...) thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng đối với các di tích.

Thị xã chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá bằng nhiều hình thức: kết nối với các cơ quan truyền thông ở trong và ngoài tỉnh; tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở, trong đó xây dựng và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục về du lịch, di tích; chỉ đạo biên tập, phát hành các tờ rơi, tờ gấp, bản đồ, sơ đồ tuyến,

điểm du lịch, sách giới thiệu về di tích, du lịch; thành lập các website dulichdongtrieu.vn, nhattranodongtrieu.vn; fanpage DDCI Đông Triều; tuyên truyền thông qua các trang mạng xã hội như: zalo, facebook... Tập trung tuyên truyền, biên tập, đưa tin trên Đài Truyền thanh thị xã; phối hợp với các đài phát thanh - truyền hình tỉnh, đài truyền hình ở Trung ương (VTV1, VTV2, VTV5, VTC10...) phát hành các phóng sự, bộ phim giới thiệu về các di tích của thị xã, đặc biệt là khu di tích nhà Trần ở Đông Triều. Phối hợp, ký kết với Báo Quảng Ninh (báo điện tử Quảng Ninh online) có trang tin thường xuyên về thị xã Đông Triều, trong đó giới thiệu, quảng bá hệ thống các di sản văn hóa trên địa bàn thị xã. Đặc biệt, năm 2017, chỉ đạo tổ chức thành công Cuộc thi sáng tác biểu trưng (logo) thị xã Đông Triều, với 111 tác phẩm của 55 tác giả đến từ các tỉnh, thành phố trong cả nước. Thông qua cuộc thi đã lựa chọn được biểu trưng (logo) của thị xã. Năm 2018, chỉ đạo tổ chức Hội thi “Người giới thiệu hay nhất về Đông Triều” lần thứ I. Đầu tháng 5-2019, chỉ đạo tổ chức Hội thi đọc sách, giới thiệu về lịch sử quê hương Đông Triều để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch, di tích của thị xã Đông Triều. Tháng 9-2022, tổ chức Giải đua xe đạp Đông Triều mở rộng “Hành trình về miền di sản”.

Cùng với công tác tuyên truyền, quảng bá, thị xã còn tích cực huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân phát tâm công đức trùng tu, tôn tạo, bảo tồn các lễ hội truyền thống như: chùa Ngọa Vân, Thái Miếu, chùa Quỳnh Lâm, chùa Trung Tiết, chùa Kim Sen, đình - chùa Hoàng Xá, chùa Quết Lạt, đền An Biên, khu di tích Mỏ Mạo Khê (Non Đông), diềm khai thác than đầu tiên ở Việt Nam tại núi Yên Lãng, cụm di tích danh thắng Yên Đức... Mở tuyến đường lên di tích Ngọa Vân; tuyến cáp treo lên chùa Ngọa Vân; hoàn thành lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030. Thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh và tăng cường công tác quản lý, khai thác, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn trên cơ sở các quy hoạch đã được phê duyệt và bảo vệ nguyên trạng di tích.

Bên cạnh công tác kêu gọi xã hội hóa vào công tác trùng tu, tôn tạo các di tích trên địa bàn, thị xã Đông Triều cũng ban hành nghị quyết về phát triển du lịch thị xã giai đoạn 2016 - 2020 với mục tiêu xây dựng thị xã Đông Triều trở thành một trung tâm du lịch tâm linh, sinh thái, trải nghiệm, có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, mang đậm bản sắc văn hóa vùng đất địa linh nhân kiệt, có năng lực cạnh tranh với các địa phương trong tỉnh và cả nước cũng như trong khu vực và quốc tế; thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của thị xã phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược, gắn

với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”. Trong đó, xác định phát triển văn hóa - du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội với 3 định hướng là: du lịch văn hóa tâm linh, du lịch làng nghề truyền thống và du lịch sinh thái đồng quê, trải nghiệm. Trên cơ sở đó, thị xã đã chỉ đạo, kết nối hình thành các điểm du lịch tâm linh trong các tuyến du lịch (trên địa bàn thị xã hiện có 4 tuyến, 15 điểm du lịch đang từng bước được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả).

Song song với công tác tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa vật thể, thị xã triển khai nhiều giải pháp nhằm khôi phục, gìn giữ, bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Then, đàn tính, hát chèo, những loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống đang được lưu giữ trên địa bàn thị xã; từng bước đưa loại hình nghệ thuật hát Then, đàn tính vào các chương trình lễ hội, hoạt động xúc tiến du lịch, tạo nên nét độc đáo riêng có của thị xã Đông Triều. Thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Phát triển phong trào văn hóa nghệ thuật quần chúng và khôi phục, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của nhân dân các dân tộc trên địa bàn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong thời gian tới, để tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống về văn hóa, lịch sử, tự nhiên và con người Đông Triều để phát triển văn hóa, du lịch, từng bước trở thành thương hiệu và làm động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã, cần tập trung thực hiện có hiệu quả một số giải pháp cơ bản như sau:

*Một là*, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân và mọi du khách tham gia công tác quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị của các di tích trên địa bàn. Gắn trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị di sản văn hóa; về ý thức, trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng.

*Hai là*, phục dựng, nâng cấp một số lễ hội truyền thống tiêu biểu của thị xã (phát triển lễ hội đền An Sinh theo mô hình lễ hội đầu thế kỷ XX, kết nối lễ hội đền An Sinh với lễ hội đền Kiếp Bạc); phát triển lễ hội chùa Quỳnh Lâm trở thành lễ hội vùng, kết nối lễ hội Quỳnh Lâm trong hệ thống hội xuân Yên Tử.

*Ba là*, khôi phục và duy trì các hoạt động biểu diễn văn nghệ, trò chơi diễn xướng dân gian trong lễ hội; định kỳ tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, giao lưu văn hóa, văn nghệ truyền thống, các cuộc thi đấu thể dục, thể thao và trò chơi dân gian; tổ chức hội chợ, hội thi, triển lãm nhằm hỗ trợ quảng bá sản phẩm của các làng nghề truyền thống.

*Bốn là*, thực hiện tốt công tác điều tra, sưu tầm, nghiên cứu làm cơ sở cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Điều tra, sưu tầm, tư liệu hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa của thị xã. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Khai thác kinh nghiệm, các tập tục cổ truyền tốt đẹp, kiến thức về tổ chức lễ hội, làng nghề, nghệ thuật trình diễn dân gian từ cộng đồng góp phần làm phong phú thêm giá trị di sản văn hóa của thị xã.

*Năm là*, nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trọng tâm là nghiên cứu, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích; xác định đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu ở địa phương. Cùng với đó, nâng cao năng lực cán bộ quản lý nhà nước; bổ sung nhân lực và các điều kiện vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về di tích. ❖

## **BẢO TỒN, KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC DAO TẠI HUYỆN BA CHỄ**

**VŨ THÀNH LONG**

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh*

Ba Chẽ là một huyện miền núi còn nhiều khó khăn, có 8 đơn vị hành chính (gồm 7 xã và 1 thị trấn), với 66 thôn, khu phố; dân số hơn 23 nghìn người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 80%. Địa bàn huyện là nơi hội tụ của 10 dân tộc với những đặc trưng văn hóa khác nhau, như Dao, Kinh, Sán Chay, Tày, Hoa, Sán Dìu; trong đó, dân tộc Dao chiếm tỷ lệ 45,2%, với 3 nhóm Dao Thanh Y, Dao Thanh Phán, Dao Lô Gang. Bên cạnh những nét văn hóa chung, mỗi nhóm người Dao lại có những bản sắc riêng, góp phần làm phong phú bức tranh văn hóa các dân tộc trên địa bàn huyện. Người Dao Thanh Phán thường cư trú ở vùng núi cao, có khí hậu mát mẻ trong lành, nguồn đất và nguồn nước dồi dào. Ở huyện Ba Chẽ, người Dao Thanh Phán cư trú ở các thôn: Khe Giầy, Khe Nà, Bãi Liêu, Đồng Cầu (xã Lương Mông); Đồng Quánh (xã Minh Cầm); Đồng Dầm (xã Đạp Thanh); Khe Nà, Thành Công (xã Thanh Sơn); Nước Đùng, Tầu Tiên, Nam Kim, Pắc Cáy, Lang Cang, Khe Vàng, Nà Bắp, Khe Mần, Làng Cồng, Nà Làng, Khe Mười (xã Đồn Đạc).

Là địa phương tập trung đông đồng bào dân tộc Dao sinh sống, sở hữu một kho tàng văn hóa đa dạng, độc đáo, do vậy, việc nghiên cứu, xây dựng và tổ chức khôi phục, trình diễn các di sản văn hóa đặc sắc của dân tộc Dao luôn được huyện Ba Chẽ chú trọng nhằm ngăn chặn sự mai một văn hóa trước sự tác động hai mặt của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, phục vụ cho phát triển du lịch tại địa phương theo hướng bền vững và tạo nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững của huyện.

Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với đơn vị tư vấn tham mưu xây dựng Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ gắn với phát triển du lịch cộng đồng”; tổ chức Hội thảo khoa học “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao tại thôn Sơn

Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ gắn với phát triển du lịch cộng đồng”, với sự tham dự của lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các nhà khoa học, chuyên gia đến từ Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ... Trên cơ sở khoa học về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và vật thể, khẳng định giá trị văn hóa quý giá của người Dao tại địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3857/QĐ-UBND, ngày 13-9-2019, về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ gắn với phát triển du lịch cộng đồng”.

Sau khi đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, huyện Ba Chẽ đã ban hành các văn bản tổ chức thực hiện như: Kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 24-2-2020, về khảo sát, sưu tầm tư liệu, biên dịch, biên soạn và xuất bản cuốn sách *Di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của người Dao ở huyện Ba Chẽ*; Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 24-2-2020, về tổ chức sưu tầm, biên soạn tài liệu truyền dạy lớp dân ca và dân vũ tại 2 nhóm Dao Thanh Y, Dao Thanh Phán; Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 24-2-2020, về tổ chức khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị tiêu biểu của nghề thủ công truyền thống tại 2 nhóm Dao Thanh Y, Dao Thanh Phán ở huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Xây dựng các kế hoạch hằng năm về thực hiện, triển khai Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao gắn với phát triển du lịch cộng đồng”. Xây dựng các kế hoạch tổ chức các lễ hội văn hóa, như lễ hội Bàn Vương lần thứ I - năm 2020, lễ hội Bàn Vương lần thứ II - năm 2022. Ban hành nhiều văn bản về hướng dẫn tổ chức thực hiện việc bảo tồn, phục dựng các nghi lễ, các hoạt động truyền dạy nghề truyền thống, dân ca, dân vũ của người Dao trên địa bàn huyện.

## MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT

*Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bảo tồn văn hóa vật thể:* Thực hiện lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu sinh hoạt cộng đồng dân tộc Dao tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 15-1-2020, với tổng diện tích 12.954m<sup>2</sup> (1,2954ha), bao gồm: khu nhà sinh hoạt cộng đồng; sân lễ hội, đài cấp sắc; khu khôi phục nhà cổ, trưng bày sản phẩm; khu nghỉ dưỡng homestay; lầu vọng cảnh; khu xưởng đóng thuyền; bến thuyền; khu bãi đỗ xe, dịch vụ; khu cây xanh, cảnh quan. Huyện đã huy động mọi nguồn lực để đầu tư, xây dựng một số hạng mục: Miếu thờ Bàn Vương (ông tổ người Dao), là ngôi miếu thờ Bàn Vương duy nhất trong cả nước với kiến trúc truyền thống 1 tầng, 3 gian 4 mái, có diện tích xây dựng 33,2m<sup>2</sup>; khu nhà sinh hoạt cộng đồng dân tộc Dao, với kiến trúc theo kiểu nhà kho chứa thóc đặc trưng của người Dao và bài trí, trưng bày các tổ hợp ảnh, tượng thể hiện các đặc trưng về lao động sản xuất,

phong tục, lễ hội, trang phục, gian bếp truyền thống,... của nhóm Dao Thanh Y, Dao Thanh Phán, tổng kinh phí trên 15 tỷ đồng, với mong muốn đây sẽ trở thành không gian văn hóa dân tộc Dao và là trung tâm sinh hoạt cộng đồng của người Dao cả nước, nơi tổ chức lễ hội Bàn Vương hằng năm vào ngày 1-4 âm lịch. Bên cạnh việc huy động các nguồn lực đầu tư, xây dựng các công trình mang tính biểu tượng của văn hóa dân tộc Dao, thông qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, người có uy tín, trưởng các dòng họ thực hiện tuyên truyền, vận động các hộ gia đình dân tộc Dao trên địa bàn huyện tổ chức giữ gìn các nhà truyền thống để phát triển du lịch (Nhà trình đất, nhà kê tảng, nhà nửa sàn, nửa đất...).

Thực hiện các hoạt động bảo tồn văn hóa phi vật thể của người Dao: Trên cơ sở đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, huyện Ba Chẽ triển khai thực hiện nhiều nội dung quan trọng trong việc phục dựng, duy trì văn hóa phi vật thể của người Dao trên địa bàn, bao gồm: Lớp múa mặt nạ ka đong của nhóm Dao Thanh Y; lớp phục dựng nghi lễ nhập đồng nhảy lửa của nhóm Dao Thanh Phán; trò diễn vật chày, trò diễn múa rùa của nhóm Dao Thanh Phán; lớp truyền dạy chế biến rượu ủ (tin bầu); lớp truyền dạy nghề chạm bạc; lớp truyền dạy thêu thổ cẩm của nhóm Dao Thanh Y; lớp truyền dạy thêu thổ cẩm của nhóm Dao Thanh Phán; lớp truyền dạy nghề chế tác mặt nạ gỗ và mặt nạ giấy của người Dao Thanh Y; lớp khôi phục, bảo tồn, trình diễn dân ca Dao Thanh Phán; lớp khôi phục, bảo tồn, trình diễn dân ca Dao Thanh Y; lớp khôi phục, bảo tồn, trình diễn dân vũ Dao. Qua đó, có hơn 300 lượt người được tham gia vào các hoạt động trên. Việc phục dựng các nghi lễ, hoạt động diễn xướng góp phần tạo thêm sự gắn kết cộng đồng, tạo động lực để đồng bào dân tộc Dao thi đua lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng và bảo vệ tài nguyên văn hóa của dân tộc mình.

Việc bảo tồn một số loại hình văn hóa phi vật thể, khôi phục và phát triển các loại hình văn hóa, văn nghệ truyền thống đặc trưng, đưa văn hóa dân tộc Dao trở thành “*bảo tàng sống*” gắn với phát triển du lịch được quan tâm triển khai. Theo đó, cùng với việc duy trì tổ chức lễ hội Bàn Vương mang nét đặc sắc của đồng dân tộc Dao, huyện Ba Chẽ còn tổ chức nhiều lễ hội truyền thống (lễ hội Lồng Tồng, lễ tết Rằm tháng 7; phiên chợ Tết vùng cao...) với các nghi thức mang đậm bản sắc, phong tục của cộng đồng dân tộc Dao trên địa bàn huyện. Đặc biệt, trong dịp ngày hội Đại đoàn kết toàn dân (ngày 18-11), các địa phương trên địa bàn huyện đều triển khai thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc: tổ chức giao lưu hát pả dung (hát đối), múa rùa, múa ka đong của cộng đồng dân tộc Dao Thanh Phán, Dao Thanh Y; tổ chức các hoạt động giao lưu, biểu diễn nghề truyền thống (đan giỏ tre, đan lồng, xúc, rổ...) góp phần bảo tồn và phát huy, giới thiệu, quảng bá những nét đẹp văn hóa tới du khách gần xa, tạo sản phẩm du



lịch mới trên địa bàn huyện Ba Chẽ. Phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh Quảng Ninh kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể thuộc các loại hình tiếng nói, chữ viết, ngữ văn dân gian, lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội, nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian. Trong đó, thu thập được từ các nghệ nhân một số tư liệu có liên quan như: sách làm Lễ Phùn Vòng, sách so tuổi đám cưới của người Dao Thanh Y và Dao Thanh Phán. Huyện cũng mời Hội Văn nghệ dân gian tỉnh Quảng Ninh về nghiên cứu nhà ở truyền thống, trang phục dân tộc, lễ hội, nghi lễ lập bàn thờ cổ, lễ cấp sắc, cảnh sắc thiên nhiên, phong tục tập quán sản xuất nông nghiệp; phối hợp với Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam thực hiện sưu tầm tại 8 xã, thị trấn về trang phục, đồ dùng sinh hoạt, công cụ sản xuất truyền thống của các dân tộc Dao, Sán Chay. Phục dựng, mở được 12 lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể cho 320 người về các nội dung: truyền dạy hát dân ca, dân vũ, thi họa văn của dân tộc Dao; hát Soóng cọ của dân tộc Sán Chay và hát Then đàn tính của dân tộc Tày...; thành lập được 2 câu lạc bộ hát đối, 2 câu lạc bộ thi họa văn của dân tộc Dao và 1 câu lạc bộ bảo tồn văn hóa dân tộc Dao với gần 150 thành viên tham gia sinh hoạt và tập luyện. Các hoạt động giao lưu văn hóa - văn nghệ gắn liền với bản sắc văn hóa, như hát pả dung (hát đối), thi các môn thể thao (đẩy gậy, đánh gụ, đi cà kheo) được duy trì thường xuyên. Đặc biệt, một số nghi lễ đặc trưng của người Dao, như nhảy lửa, múa rùa, các bài dân ca cổ, dân vũ đang từng bước được duy trì và phát triển.

Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Ba Chẽ duy trì tổ chức cho các em học sinh mặc trang phục dân tộc vào buổi chào cờ thứ 2 hằng tuần và vào các ngày lễ lớn, lễ kỷ niệm. Hoạt động dân ca, dân vũ của cộng đồng dân tộc Dao được duy trì tập luyện trong các nhà trường, được sự quan tâm của các thầy, cô giáo và học sinh, góp phần gìn giữ nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Dao. Duy trì việc tổ chức trình diễn trang phục dân tộc, thi gói bánh coóc mò, bánh gù, bánh chung, đẩy gậy, kéo co, tung còn; tổ chức phiên chợ vùng cao thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia.

Huyện cũng quan tâm, tạo điều kiện cho các nghệ nhân dân gian thực hiện truyền dạy chữ Nôm Dao (tại xã Lương Mông, Đạp Thanh, Đồn Đạc); các nghi lễ, hoạt động diễn xướng mang tính đặc trưng, riêng có của đồng bào dân tộc Dao trên địa bàn (nghi lễ cấp sắc, múa hành hương, múa rồng, mùa hành triều...). Một số hủ tục trong đời sống nhân dân từng bước được bài trừ; bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được duy trì; việc cưới, việc tang được tổ chức tiết kiệm, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc, không còn tình trạng tổ chức tang lễ dài ngày. Đặc biệt, đối với nghi lễ cấp sắc (lễ đặt tên âm cho người con trai đã trưởng thành), một nghi lễ vô cùng quan trọng của người Dao, công nhận người đàn ông chính thức, là con cháu Bàn Vương - thủy tổ của người Dao, trước kia diễn ra trong 3 ngày

3 đêm, ngày nay thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội nên giảm còn 2 ngày 1 đêm. Lễ cấp sắc thể hiện đặc trưng văn hóa, góp phần thắt chặt tình đoàn kết anh em, dòng họ, làng bản và duy trì truyền thống giáo dục trong cộng đồng người Dao.

Để ghi nhận sự đóng góp của các nghệ nhân dân gian, đồng thời để góp phần trao truyền cho thế hệ kế cận gìn giữ, bảo tồn và phát huy nét đẹp văn hóa dân gian trên địa bàn, huyện còn lập hồ sơ đề nghị Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam công nhận danh hiệu “Nghệ nhân dân gian” đối với các nghệ nhân: Hà Xuân Tiến, dân tộc Dao Thanh Y, xã Nam Sơn; Triệu Thanh Xuân, dân tộc Dao Thanh Phán, xã Đồn Đạc; Đặng A Mẫn, dân tộc Dao Thanh Y, xã Nam Sơn.

Là địa phương đầu tiên trong cả nước xây dựng được Miếu Bàn Vương, nơi sinh hoạt tâm linh, tưởng nhớ đến ông tổ Bàn Vương của cộng đồng dân tộc Dao, huyện Ba Chẽ đã tổ chức thành công 2 kỳ lễ hội Bàn Vương, trong đó tái hiện được nghi thức “Hành trình vượt biển” của người Dao đến vùng đất mới để lập nghiệp; nghi lễ dâng lễ vật, cây đặc sản, con vật nuôi lên tổ Bàn Vương và chương trình giao lưu dân ca, dân vũ của cộng đồng dân tộc Dao đã trở thành sự kiện văn hóa lớn, thu hút được đông đảo sự tham gia của các nhánh, ngành Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc và nhiều dòng họ, làng bản có người Dao sinh sống tập trung trên địa bàn huyện Ba Chẽ và tỉnh Quảng Ninh về tham dự, tạo nên một hình ảnh riêng có, nổi bật, sắc màu. Đây cũng là cơ sở vững chắc để huyện Ba Chẽ tiếp tục xây dựng và đưa lễ hội Bàn Vương trở thành một lễ hội đặc trưng, tầm quy mô cấp tỉnh và khu vực.

Công tác quảng bá về văn hóa dân tộc Dao: Huyện Ba Chẽ đã chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa cùng các xã trên địa bàn phối hợp với các công ty lữ hành du lịch ở trong và ngoài tỉnh, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh, các nhà nghiên cứu văn hóa dân tộc tổ chức quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc Dao trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang du lịch, tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật “Vẻ đẹp và mảnh đất, con người Ba Chẽ”, trong đó bản sắc văn hóa dân tộc Dao được các nghệ sĩ nhiếp ảnh ở trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh quan tâm khai thác nhiều nhất. Đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm truyền thống, như chạm bạc (vòng cổ, vòng đeo tay, vòng tai), thêu thổ cẩm (áo, túi đeo, ví, túi đựng máy tính...) tại các gian hàng hội chợ, trên facebook. Tổ chức quảng bá văn hóa dân tộc Dao tại các lễ hội, hội diễn, ngày hội văn hóa của vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, sự kiện văn hóa của tỉnh Quảng Ninh và khu vực miền núi phía Bắc, như nghi lễ nhảy lửa, múa rùa, múa rồng, múa hành triều, trình diễn trang phục dân tộc Dao.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc bảo tồn, khai thác giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Dao tại huyện Ba Chẽ thời gian qua còn có những hạn chế: Công tác tuyên truyền bảo tồn và phát triển nghề truyền thống ở một số xã chưa được quan tâm thường xuyên. Sản phẩm thô thổ cẩm, chạm bạc, ủ rượu truyền thống, mặt nạ gỗ ka đong chưa thành lập được các tổ hợp tác sản xuất, chưa được giới thiệu rộng rãi trên thị trường tiêu thụ và chưa phát triển được thành sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện; giá thành của các sản phẩm truyền thống so với giá thành trên thị trường rất cao nên khó khăn trong việc tiêu thụ, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu thụ của địa phương vào các dịp lễ, tết. Việc thu hút các cá nhân, doanh nghiệp vào xây dựng homestay tại thôn Sơn Hải chưa thực hiện được nên chưa hấp dẫn du khách. Công tác xã hội hóa thực hiện Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ gắn với phát triển du lịch cộng đồng” đã được thực hiện nhưng kết quả chưa cao.

### MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Để bảo tồn, khai thác có hiệu quả giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Dao tại huyện Ba Chẽ, một số nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới là:

*Một là*, tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng các kế hoạch thành phần thực hiện các danh mục theo Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ gắn với phát triển du lịch cộng đồng”. Xây dựng kế hoạch thực hiện tiếp tục sưu tầm các hiện vật phục vụ trong nghi lễ tâm linh, vật dụng trong sinh hoạt của người dân tộc Dao trên địa bàn để phục vụ hoạt động bảo tồn và phát triển du lịch.

*Hai là*, chỉ đạo các xã phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện duy trì thường xuyên việc truyền dạy các nghi lễ múa mặt nạ ka đong, chạm bạc, làm mặt nạ giấy, chế tác mặt nạ gỗ gắn với việc thành lập các câu lạc bộ văn hóa phi vật thể, các tổ hợp tác hàng lưu niệm phục vụ du lịch.

*Ba là*, phát triển các đội văn nghệ dân gian để biểu diễn và quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc Dao trong các lễ hội, hoạt động giao lưu văn nghệ. Duy trì việc tổ chức lễ hội Bàn Vương tại nhà sinh hoạt văn hóa người Dao định kỳ 2 năm/lần gắn với phát triển các tuyến, điểm du lịch trên địa bàn huyện. Duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số, gắn với việc trình diễn, quảng bá dân ca, dân vũ, dân nhạc: lễ hội Bàn Vương, lễ đón tết Rằm tháng 7 âm lịch; lễ hội cầu mùa (của cộng đồng dân tộc Dao); lễ hội Lồng Tồng (dân tộc Tày); Ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc Sán Chay (dân tộc Sán Chay) và Ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc huyện Ba Chẽ.

*Bốn là*, đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm du lịch, như chạm bạc, mặt nạ gỗ ka đong, thêu thổ cẩm, nghi lễ nhảy lửa, múa rùa, trò chơi vật chày, dân ca, dân vũ trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội, tại các sự kiện văn hóa, du lịch của tỉnh Quảng Ninh và huyện Ba Chẽ. Thực hiện đơn đặt hàng với các doanh nghiệp du lịch ở trong và ngoài tỉnh về quảng bá “nghi lễ nhảy lửa” của người Dao ở huyện Ba Chẽ.

*Năm là*, thu hút các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào Bản văn hóa dân tộc Dao thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn (xây dựng các homestay, phục dựng lại một số ngôi nhà cổ; đầu tư tái hiện lại một số nghề truyền thống của người dân tộc Dao...) để phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Sơn Hải. ❖

## NHẬN DIỆN, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ QUẦN THỂ DI TÍCH THƯƠNG CẢNG VÂN ĐỒN

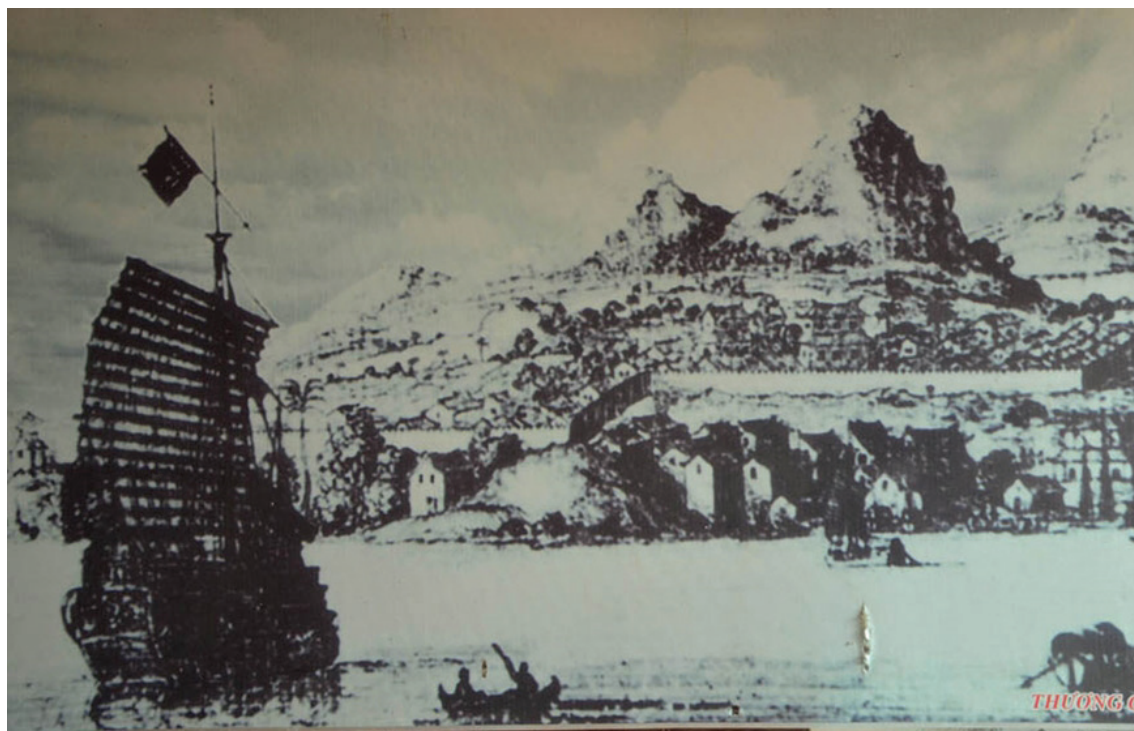
TRƯƠNG MẠNH HÙNG

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh*

Vân Đồn là một huyện đảo nằm ở vị trí tiền tiêu phía Đông Bắc của Tổ quốc, thuộc vùng vịnh Bắc Bộ. Cùng với Cô Tô, Vân Đồn là một trong hai huyện đảo của tỉnh Quảng Ninh và là một trong 12 huyện đảo của Việt Nam.

Vân Đồn có diện tích 2.171,33 km<sup>2</sup>, trong đó, diện tích đất tự nhiên 581,83 km<sup>2</sup>, diện tích vùng biển rộng 1.589,5 km<sup>2</sup> với khoảng 600 hòn đảo lớn, nhỏ xen kẽ, trong đó có trên 20 đảo có người ở, tạo nên vịnh biển tương đối kín gió nằm trọn trong vịnh Bái Tử Long. Vân Đồn có 12 đơn vị hành chính cấp xã gồm 1 thị trấn (Cái Rồng) và 11 xã (Đài Xuyên, Bình Dân, Vạn Yên, Minh Châu, Đoàn Kết, Hạ Long, Đông Xá, Bản Sen, Thắng Lợi, Quan Lạn, Ngọc Vũng). Quy mô dân số của huyện Vân Đồn hiện nay khoảng 50.000 người, với 17 dân tộc anh em sinh sống, trong đó các dân tộc ít người chiếm khoảng 15% dân số (khoảng 8.000 người), dân số thành thị chiếm khoảng 20% tổng dân số toàn huyện. Khu kinh tế Vân Đồn được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập tại Quyết định số 120/2007/QĐ-TTg ngày 26-7-2007, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Vân Đồn.

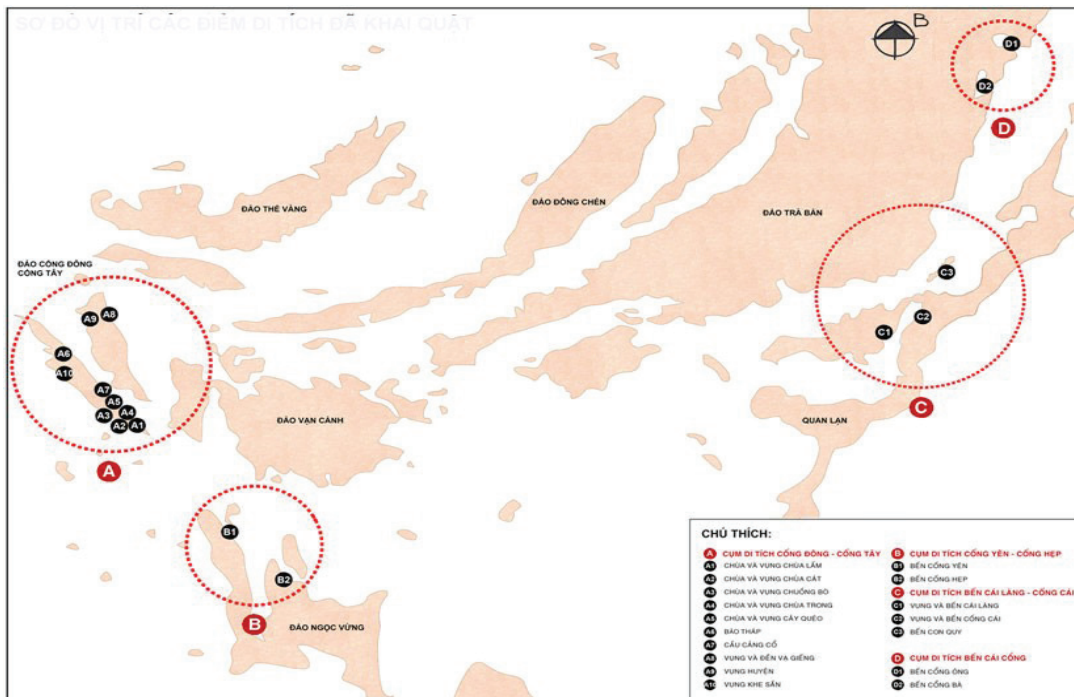
Trong lịch sử, Vân Đồn vốn là trung tâm thương cảng danh tiếng của vùng Đông Bắc Tổ quốc. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, địa danh Vân Đồn đã được ghi trong một số bộ sử, địa chí Việt Nam. Qua đó cho thấy Vân Đồn là một trong những cửa ngõ giao thương trọng yếu của đất nước và là trung tâm kinh tế đối ngoại quan trọng nhất của đất nước từ thế kỷ XII đến thế kỷ XVIII. Thương cảng Vân Đồn không chỉ là nơi giao thương hàng hóa với các quốc gia láng giềng, mà còn đóng vai trò quan trọng trên con đường vận tải biển quốc tế giữa Bắc Á với Nam Á, Ấn Độ và Địa Trung Hải...



*Tranh vẽ bến Cái Làng, Thương cảng Vân Đồn do một họa sĩ Tây Ban Nha vẽ  
(hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh)*

Thương cảng Vân Đồn cho thấy tư duy về biển và các hoạt động kinh tế biển của cha ông. Vào thời vua Lý Anh Tông (1138-1175), năm Đại Định thứ 10 (năm 1149), Thương cảng Vân Đồn chính thức được thành lập với tên gọi ban đầu là trang Vân Đồn. Trung tâm của thương cảng nằm ở bến Cái Làng, thuộc xã đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Kể từ đó, Vân Đồn đã trở thành một thương cảng quốc tế, trung tâm thương mại quốc tế có quy mô lớn, đầu mối bang giao quốc tế quan trọng của đất nước. Vào thời Lý - Trần, ở Vân Đồn đã hình thành các khu định cư trù mật, trung tâm buôn bán, khu khai thác, sản xuất và nhiều di tích lịch sử, công trình kiến trúc Phật giáo thuộc Thiền phái Trúc Lâm (Chùa Lắm, chùa Trong (Thương Cảng Tự), chùa Vụng, chùa Chuồng Bò (Thắng Lợi Tự), chùa Cát, Bảo Tháp... thuộc xã Thắng Lợi hiện nay). Trong thời gian đó và các giai đoạn lịch sử tiếp theo, ở Vân Đồn đã hình thành một hệ thống các bến cảng, điểm kiểm soát tàu thuyền, hàng hoá, thu thuế và căn cứ phòng vệ. Trên thực tế, Vân Đồn đã trở thành một thực thể phát triển tương đối hoàn chỉnh và hoạt động liên tục trong gần 7 thế kỷ, từ thế kỷ XII cho đến cuối thế kỷ XVIII, từ thời nhà Lý, Trần, Tiền Lê, Mạc đến thời Hậu Lê.

Cùng với sự phát triển lớn mạnh của đất nước, trong quá trình lịch sử đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc, Vân Đồn còn được đánh giá là một khu vực có vị trí quân sự chiến lược quan trọng, gắn liền với quá trình bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong tiến trình lịch sử. Vân Đồn không chỉ đóng vai trò quan trọng với vùng Đông Bắc mà còn là trọng tâm bảo đảm an ninh, lợi ích kinh tế cho kinh đô Thăng Long và đất nước. Thời kỳ này, Vân Đồn đã trở thành một “đặc khu kinh tế” với hệ thống các bến cảng, khu định cư, thủ phủ hành chính, điểm kiểm soát tàu thuyền, hàng hóa, thu thuế và căn cứ phòng vệ..., tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao thương, buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa nước ta với nước ngoài phát triển. Trước đây, việc trấn giữ, quản lý vùng biển đảo tiền tiêu phía Đông Bắc đất nước thường được giao cho các thân vương, đại thần đảm nhiệm. Quần thể di tích lịch sử thương cảng Vân Đồn là một trong những chiến địa thể hiện rõ nhất nghệ thuật tác chiến đã đạt tới trình độ cao của cha ông ta trên biển. Điều đó đã được minh chứng rõ nét trong chiến thắng quân xâm lược Nguyên - Mông lần thứ III (1287-1288) của quân dân nhà Trần trên dòng sông Mang lịch sử, góp phần quan trọng làm thất bại cuộc xâm lược của nhà Nguyên.



*Sơ đồ vị trí phân bố của hệ thống di tích Thương cảng Vân Đồn*

Bước sang thế kỷ XVII - XVIII, với sự bùng nổ của nền hải thương châu Á, triều đình phong kiến đã cho phép các thương nhân nước ngoài vào sâu trong đội địa buôn bán, các

trung tâm thương mại lớn như Thăng Long, Phố Hiến... ở Đàng Ngoài hay Thanh Hà, Hội An... ở Đàng Trong phát triển, Vân Đồn mất dần vị thế trung tâm giao thương buôn bán chính của quốc gia Đại Việt mà đã trở thành trạm trung chuyển từ nội địa ra biển hoặc ngược lại, hay chỉ là trạm dừng chân của các đoàn hải thương quốc tế trên con đường hàng hải Đông - Tây. Giai đoạn nửa sau thế kỷ XVIII, ở Vân Đồn chỉ còn diễn ra những hoạt động buôn bán nhỏ, tình hình an ninh không được đảm bảo và ít quan tâm hơn, những ghi chép trong sử sách về Vân Đồn chỉ tập trung về các cuộc cướp bóc hoặc là địa bàn ẩn nấp của các dư đảng chống phá Triều đình.

Thương cảng Vân Đồn là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, nơi hội tụ dấu vết của cư dân tiền sử. Theo thống kê của Viện Khảo cổ học, đến nay đã có trên 10 di tích tiền sử được phát hiện trên đất Vân Đồn. Trong đó có những di tích hé mở những tri thức quan trọng về văn hoá vùng ven biển Đông Bắc như các nhà khoa học đã khảo sát và phát hiện dấu tích cư trú của con người thời kỳ tiền sử thuộc văn hoá Hạ Long phân bố rộng trên gò Đòng Chôi (thuộc xã Minh Châu hiện nay). Trong một nghiên cứu của nhà khảo cổ học Hà Hữu Nga, đã nhấn mạnh đến di chỉ Soi Nhụ (thuộc xã Hạ Long hiện nay), coi đây là một trong những di chỉ khảo cổ học quan trọng bậc nhất trong khu vực ven biển, hải đảo nước ta. Cùng với quá trình phát triển của loài người, Vân Đồn là nơi chứng kiến những sự kiện lịch sử gắn liền với quá trình phát triển kinh tế biển, việc phụng thờ các nhân vật, sự kiện gắn liền với sự hình thành và phát triển của Thương cảng Vân Đồn qua các thời kỳ, còn bảo lưu các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng tâm linh giúp cho người đương đại trở về với quá khứ hào hùng, linh thiêng của dân tộc, tạo sự gắn kết giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Đặc biệt, Lễ hội truyền thống đình Quan Lạn được tổ chức từ ngày 10 tới 20/6 âm lịch hàng năm, nhằm mừng công, đón sắc của vua phong cho Thành hoàng làng có công tiêu diệt giặc Nguyên năm 1288, đồng thời làm lễ tế thần, cầu mong cho cuộc sống được bình an khi làm nghề sông nước. Đây là một trong những lễ hội mang sắc thái độc đáo có một không hai với những hoạt cảnh tái diễn chiến thắng giặc Nguyên Mông năm 1288 của danh tướng Trần Khánh Dư. Lễ hội Đình Quan Lạn đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định 4587/QĐ-BVHTTDL năm 2019.

Ngoài giá trị văn hóa - lịch sử khảo cổ, nơi đây còn có giá trị lớn về cảnh quan, là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử văn hóa, với những cảnh trí thiên nhiên hùng vĩ của hơn 600 hòn đảo lớn nhỏ nằm trong vịnh Bái Tử Long với nhiều hang động đẹp không kém gì vịnh Hạ Long. Hệ động thực vật đa dạng được duy trì và bảo tồn nghiêm ngặt trong khu vực Vườn quốc gia Bái Tử Long - Vườn di sản thứ 38 của ASEAN với diện tích hơn



15.000 ha. Vùng đất với nhiều tiềm năng phát triển du lịch, với sự đa dạng các loại hình di tích, danh thắng, bãi tắm, rừng quốc gia... và nhiều sản vật đặc biệt khác, tạo cơ hội để đa dạng hóa loại hình sản phẩm đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách khác nhau. Chính vì thế, tại Hội nghị phát triển du lịch Quảng Ninh năm 2023 được tổ chức ngày 17/3/2023 vừa qua, UBND tỉnh Quảng Ninh đã công bố 06 sản phẩm du lịch tại Vân Đồn, trong đó có 02 hành trình trải nghiệm, khám phá vịnh Bái Tử Long và thăm quan Vườn Quốc gia Bái Tử Long.

Quần thể di tích thương cảng Vân Đồn đã được xếp hạng di tích lịch sử theo quyết định số 59/2003/QĐ-BVHTT ngày 29/10/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) và đang được các cấp có thẩm quyền triển khai trình Chính phủ về hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Theo đó, căn cứ trên định hướng phát triển Khu kinh tế Vân Đồn đã được phê duyệt trong Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040 theo Quyết định số 266/QĐ-TTg ngày 17/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Là khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực, trung tâm công nghiệp giải trí có casino, du lịch biển - đảo cao cấp, dịch vụ tổng hợp; là cửa ngõ giao thương quốc tế để tạo ra những sản phẩm độc đáo, khác biệt, hiện đại với chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh quốc tế; Đô thị biển đảo xanh, hiện đại và thông minh, bền vững; Khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

Tiềm năng và sức mạnh của thương cảng Vân Đồn được hội tụ bởi nhiều nhân tố, đó là sự kết hợp của vị trí địa lý chiến lược với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ của vịnh Bái Tử Long và nền văn hóa lâu đời của người Việt cổ; là sự giao hòa giữa tài nguyên thiên nhiên giàu có (cảnh quan, than đá, cát thủy tinh...) với chính sách mở cửa, giao thương của quốc gia, trung tâm ngoại thương lớn của đất nước. Chính vì vậy, muốn bảo tồn và phát huy hiệu quả Quần thể di tích lịch sử thương cảng Vân Đồn như một di sản sống cần phải có những giải pháp mang tính tổng thể và lâu dài.

*Một là*, các ngành chuyên môn có liên quan ở cấp Trung ương và cấp tỉnh tổ chức xây dựng và hoàn thiện việc khoanh vùng, đặt mốc chỉ giới cho di tích thương cảng Vân Đồn nhằm tạo hành lang pháp lý cho công tác bảo vệ di sản độc đáo này, đồng thời chống lại sự xâm lấn của dân cư sống xung quanh vùng di sản. Bên cạnh đó, không gian di sản này cần được xây dựng thành điểm đến cho khách du lịch tham quan. Ở đó cần xây dựng một số hạng mục như: Tạo cảnh quan, hạng mục tái hiện lại không gian di tích, đặc biệt là các địa điểm sau khi khai quật khảo cổ, không gian trải nghiệm, tương tác dành cho khách du lịch... Đây cũng chính là điều kiện thu hút nguồn kinh phí để tái đầu tư vào hoạt động bảo

vệ tại chính khu di tích thương cảng Vân Đồn trong thời gian tới. Tuy nhiên, cũng cần hài hòa giữa việc bảo tồn di tích với phát triển kinh tế - xã hội của Khu kinh tế Vân Đồn, đồng thời đảm bảo được hiệu quả quản lý di tích, tránh việc xác định ranh giới bảo vệ quá lớn, vượt quá khả năng quản lý của đơn vị được giao quản lý sau này và ảnh hưởng tới việc triển khai các dự án đầu tư cũng như đời sống nhân dân địa phương.

*Hai là*, đầu tư kinh phí và khuyến khích việc kêu gọi đầu tư xã hội hóa, nhất là cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản. Việc đầu tư kinh phí thực hiện theo định hướng chung được đặt ra trong Đề án tổng thể về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở tỉnh Quảng Ninh gắn với phát triển bền vững kinh tế - xã hội, trong đó nhấn mạnh đến phát triển hoạt động du lịch văn hóa. Nguồn kinh phí này được đầu tư theo từng giai đoạn cụ thể: Ví dụ đầu tư kinh phí xây dựng điểm đến du lịch tại khu di tích Thương cảng Vân Đồn; hay kinh phí đầu tư cho việc tái hiện lại vị trí các địa điểm, di vật vật thuộc thương cảng đặc biệt này. Cần tiếp cận các tập đoàn, doanh nghiệp, đặc biệt là các đơn vị có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực này để kêu gọi tài trợ, đầu tư kinh phí vào từng hoạt động bảo vệ và phát huy có hiệu quả giá trị di tích thương cảng độc đáo này ở địa phương.

*Ba là*, xây dựng Đề án thành lập Ban quản lý Quần thể di tích lịch sử Thương cảng Vân Đồn để quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị khu di tích một cách đồng bộ, hiệu quả từ cơ cấu tổ chức bộ máy đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ... nhằm từng bước xây dựng khu di tích xứng tầm là khu di tích quốc gia đặc biệt trở thành một trong những điểm tham quan, du lịch hấp dẫn đối với du khách trong cả nước.

*Bốn là*, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về di tích thương cảng Vân Đồn đối với người dân địa phương và du khách qua nhiều hình thức.

Qua việc khảo sát cho thấy, sự hiểu biết của cộng đồng cư dân sở tại về di sản văn hóa nói chung và di tích Thương cảng Vân Đồn nói riêng còn nhiều hạn chế, các thông tin cơ bản về tên gọi, niên đại, sự phát triển... của thương cảng trong kỷ niệm người dân vẫn còn khá sơ sài. Từ thực tế nêu trên cho thấy, trong thời gian cần có nhiều giải pháp đa dạng hóa hình thức tuyên truyền như:

- Một trong các hình thức tuyên truyền trực quan có hiệu quả tại các khu di sản ở nước ta hiện nay là việc xuất bản, phát hành các loại ấn phẩm giấy giới thiệu chính về các khu di sản. Thông tin về di tích Thương cảng Vân Đồn được thể hiện một cách đa dạng trên tờ rơi, tờ gấp, sổ tay du lịch, sách chuyên khảo... Nếu việc đa dạng hóa các ấn phẩm được thực thi thì hoạt động này sẽ có tác động rất lớn đến việc giáo dục cộng đồng, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu trực tiếp về di sản thương cảng Vân Đồn trong thời gian tới.

- Tổ chức số hóa thông tin, hình ảnh và tiến tới thực hiện chương trình số hóa đối với di tích thương cảng Vân Đồn. Muốn thực hiện được việc số hóa nêu trên thì công tác tư liệu hóa phải được thực hiện triệt để, đây được coi là tiền đề quan trọng để tiến tới số hóa di sản văn hóa nói chung và di tích thương cảng Vân Đồn nói riêng ở Quảng Ninh hiện nay.

- Cập nhật thông tin chính thống về di tích Thương cảng Vân Đồn trên hệ thống công thông tin điện tử của tỉnh và huyện, của Sở Văn hóa – Thể thao, Sở Du lịch và các website của Bảo tàng Quảng Ninh; Tận dụng và khai thác triệt để các trang mạng xã hội để ứng dụng vào việc truyền tải, quảng bá thông tin, hình ảnh về di tích thương cảng Vân Đồn.

- Tăng cường sử dụng tên các địa danh, đặt tên đường phố, sản phẩm du lịch... gắn với các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương. Nên bảo tồn, duy trì tập quán đặt tên, gọi tên và các câu chuyện truyền miệng về các địa danh của Vân Đồn. Điều này không chỉ góp phần làm sáng tỏ ý nghĩa lịch sử của di sản, mà còn từng bước làm sống lại di sản thông qua việc thực hành của cộng đồng chủ thể văn hóa là cư dân Vân Đồn và qua du khách.

*Năm là, bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn với trọng tâm là phục vụ phát triển du lịch.*

Thương cảng Vân Đồn chính là cái “vốn văn hoá” quý báu của cha ông để lại nhưng thực trạng bây giờ mới được khai thác ở giai đoạn ban đầu, chưa có bài bản để kích cầu du lịch, phát triển về kinh tế du lịch hầu như không nhiều. Chính vì vậy, cần phải có sản phẩm độc đáo của vùng Thương cảng này. Cụ thể:

- Cần có di sản hấp dẫn để thu hút du khách bằng cách bảo tồn tàng văn hoá đang có. Tái hiện thương cảng Vân Đồn bằng công nghiệp sáng tạo. Đây là mô hình kết nối di sản quá khứ với kiến trúc - hội họa - điêu khắc - âm nhạc - điện ảnh để tạo ra các không gian trải nghiệm du lịch đa dạng, mang tính thẩm mỹ cao và thỏa mãn nhu cầu của 6 giác quan. Cấu trúc không gian bao gồm: (1) Không gian quá khứ: bao quanh các điểm có di tích gốc, lựa chọn một số di tích đặc biệt để làm điểm tham quan cho du khách; (2) Không gian hiện tại: tái hiện lại thương cảng Vân Đồn sầm uất một thời bao gồm: Không gian bên cảng: bến góm - sừ, bến lựa, bến cá; Không gian phố cảng với nhiều cửa hàng mua bán đa dạng nhưng chuyên sâu về góm sừ và lựa, cafe, nhà nghỉ theo phong cách kiến trúc đặc thù của đô thị cảng biển; Không gian quảng trường với giao lưu hội nhập văn hóa kết hợp với không gian trình diễn nghệ thuật sắp đặt.

- Các di tích tôn giáo liên quan đến danh tướng Trần Khánh Dư, đình làng, chùa làng cần được bảo tồn. Đây là những di tích hấp dẫn, mang yếu tố tâm linh, du khách có dịp viếng thăm, chiêm bái.

- Các lễ hội của khu vực Thương cảng cần được bảo tồn và “sinh động hoá”. Có thể dựng lại hoạt cảnh đội quân nhà Trần đánh tan đội thuyền chở lương của Trương Văn Hổ, góp phần vào chiến thắng năm 1288 trên dòng sông Mang.

- Các sản phẩm lưu niệm mang sắc thái đặc biệt của Thương cảng Vân Đồn (trên cơ sở phục chế) như đồ gốm thời Lý - Trần; phong phú, đa dạng các sản phẩm du lịch ẩm thực địa phương như con móng tay, mực, sá sùng...

Chủ trương của tỉnh Quảng Ninh về nhận diện giá trị và lập hồ sơ khoa học di tích quốc gia đặc biệt Thương cảng Vân Đồn là chiến lược bảo vệ di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững. Việc bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn là luận cứ khoa học cho việc kiến tạo các hành lang phát triển mới của khu vực Vân Đồn gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo tồn, phát triển văn hóa, xây dựng nên văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh nói chung và Vân Đồn nói riêng, đồng thời đưa Khu kinh tế Vân Đồn - một trong hai mũi đột phá của tỉnh Quảng Ninh, sớm trở thành khu kinh tế tri thức có trình độ khoa học và công nghệ cao, một đô thị biển thông minh, xanh, sạch; Một không gian sinh thái văn hóa tiêu biểu là vùng động lực phát triển của Quảng Ninh, vùng duyên hải Đông Bắc và đất nước. ❖

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Cao Tường Huy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh (2022), *Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn*, Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn tháng 9/2022.

2. GS.TS. Nguyễn Văn Kim (Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội), *Thương cảng Vân Đồn: Tiềm năng, vị thế và các quan hệ vùng, liên vùng*, Hội thảo khoa học Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn tháng 9/2022.

3. Thủ tướng Chính phủ, *Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040*, Quyết định số 266/QĐ-TTg ngày 17/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Ths. KTS. Đặng Khánh Ngọc, Quyền Viện trưởng Viện Bảo tồn di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Đề xuất các giải pháp bảo tồn quần thể di tích lịch sử thương cảng Vân Đồn*, Hội thảo khoa học Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn tháng 9/2022.

5. TS. Lê Thị Minh Lý, Phó Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam, nguyên Phó cục trưởng Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Thương cảng Vân Đồn – từ dấu tích đến giá trị văn hóa phi vật thể*, Hội thảo khoa học Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích thương cảng Vân Đồn tháng 9/2022.

## **DUY TRÌ, BẢO TỒN MỘT SỐ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG ĐỂ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI SẢN VĂN HÓA TẠI THỊ XÃ QUẢNG YÊN**

**HỒ VĂN VINH**

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy,*

*Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh*

Nằm ở phía tây nam tỉnh Quảng Ninh, thị xã Quảng Yên được tái thành lập năm 2011 trên cơ sở huyện Yên Hưng với tổng diện tích đất tự nhiên 33.370,5 ha, dân số hiện nay là 148.099 người. Thị xã có 19 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 11 phường và 8 xã.

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã Quảng Yên đã khắc phục khó khăn, tập trung phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Năm 2019, Quảng Yên đã đạt tiêu chí đô thị loại 3, hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới và đang phấn đấu trở thành thành phố trước năm 2025. Trong những năm gần đây, thị xã luôn nằm trong nhóm các địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất của tỉnh, trong đó, năm 2021 tăng trưởng 36,2%; năm 2022 kinh tế tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay, đạt 43,3%, cao hơn 15,1 điểm % so với năm 2021 và 20,7 điểm % so với kịch bản. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ tăng nhanh, chiếm 93%, cao hơn 2,5 điểm % so với năm 2021. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 17.000 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ. Thu ngân sách nhà nước ước đạt 1.168,5 tỷ đồng, vượt 44% dự toán tỉnh giao và 31,4% kế hoạch, tăng 18% so với năm 2021. Trong đó, thu thuế, phí tăng 64,4% so với cùng kỳ, chiếm 50,5% trong cơ cấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (năm 2021 là 33,5%), là cơ sở quan trọng để thị xã dần tiến tới tự chủ cân đối thu chi ngân sách. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục đạt kết quả rất tích cực. Thị xã Quảng Yên lần thứ hai (năm 2019 và 2021) dẫn đầu xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp địa phương và điều hành kinh tế cấp cơ sở tỉnh Quảng Ninh (DDCI).

An sinh xã hội được đặc biệt quan tâm, chỉ đạo thực hiện; trong năm 2022, thị xã giảm 179/179 hộ nghèo, hoàn thành 100% kế hoạch giảm nghèo của cả giai đoạn 2022 - 2025. Quốc phòng - an ninh được giữ vững; hệ thống chính trị được củng cố vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được mở rộng; niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước ngày càng vững chắc.

Thị xã Quảng Yên từng là đô thị cổ - tinh ly của tỉnh Quảng Yên xưa, có lịch sử hình thành và phát triển từ năm 1802. Toàn thị xã có 210 di tích lịch sử - văn hóa. Trong đó, 34 di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia; 15 di tích xếp hạng cấp tỉnh; 1 khu Di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng gồm 9 điểm di tích (*Đền Trần Hưng Đạo, Miếu Vua Bà, Bến đò Cỏ, Đình Yên Giang, Bãi cọc Yên Giang, Bãi cọc Đồng Vạn Muối, Bãi cọc Đồng Má Ngựa, Đền Trung Cốc, Đình Trung Bản*) được xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt.

Nhân dân thị xã đã phát huy truyền thống lịch sử Bạch Đằng, tinh thần tự lực tự cường; truyền thống hiếu học, sáng tạo, năng động, cần cù trong lao động sản xuất; các phong trào xây dựng “*Gia đình văn hóa*”, “*Khu dân cư văn hóa*”, “*Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, thực hiện Hương ước, Quy ước văn hóa được triển khai sâu rộng và tạo sức lan tỏa trong nhân dân.

Trên địa bàn thị xã Quảng Yên có 2 lễ hội được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ hội Tiên Công, Lễ hội truyền thống Bạch Đằng; khoảng 60 lễ hội quy mô lớn cấp thị xã và cấp xã như: Lễ hội Xuông Đồng, Lễ hội Cầu Ngư; các lễ hội Đại kỳ phước ở 14 đình làng; 70 lễ hội với quy mô trong dòng họ mang đậm nét văn hóa của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trong đó, đặc sắc nhất là 3 lễ hội: Lễ hội truyền thống Bạch Đằng (*phường Yên Giang*), Lễ hội Tiên Công (*xã Cẩm La*), và Lễ hội Xuông Đồng (*phường Phong Cốc*).

## LỄ HỘI BẠCH ĐẰNG

Thời gian diễn ra lễ hội Bạch Đằng thường trong 4 ngày, từ mùng 6 đến mùng 9 tháng 3 âm lịch, nhân dân vẫn gọi là ngày “*giỗ trận*”, chính là ngày kỷ niệm trận chiến Bạch Đằng oanh liệt năm 1288. Theo truyền thống từ xưa, dân làng Yên Hưng (*nay là thị xã Quảng Yên*) tổ chức tế lễ ở đền Bạch Đằng (đền thờ Trần Hưng Đạo), miếu Vua Bà và đình Yên Giang. Cũng trên địa bàn phường Yên Giang còn có lễ rước thần từ đền thờ Trần Hưng Đạo về đình Yên Giang vào lễ Đại kỳ phước hằng năm. Lễ hội này xuất phát từ việc do nhân dân làng Yên Hưng đã thờ Hưng Đạo Đại Vương làm thành hoàng làng.

Năm 1988, lễ hội Bạch Đằng vào ngày mùng 8-3 âm lịch được phục dựng nhân dịp kỷ niệm 700 năm Chiến thắng Bạch Đằng 1288 - 1988, đã kết hợp việc tổ chức tế lễ ở đền Bạch Đằng và rước thần về Đình Yên Giang. Phần lễ có Tế Yết, Tế chính hội ở đền Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà và tế Yên vị ở đình Yên Giang; Tổ chức rước tượng đức thánh Trần Hưng Đạo từ đền về đình Yên Giang và hôm sau từ đình Yên Giang trở về đền Trần Hưng Đạo. Phần hội có các trò chơi dân gian như các trò diễn dân gian tái hiện Chiến trận Bạch Đằng 1288, chơi đu, thi vật, thi kéo co, chọi gà, cờ người, bơi chải truyền thống Bạch Đằng... Từ đó đến nay, lễ hội Bạch Đằng được tổ chức đều đặn hằng năm và trở thành lễ hội truyền thống quy mô lớn nhất của tỉnh Quảng Ninh, được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

### **LỄ HỘI TIÊN CÔNG**

Lễ hội Tiên Công vùng đảo Hà Nam, được nhân dân bảo tồn và phát huy giá trị hơn 300 năm nay. Năm 2017, lễ hội Tiên Công được vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, việc tổ chức lễ hội hàng năm, thu hút đông đảo nhân dân và khách du lịch đã trở thành sản phẩm du lịch độc đáo “riêng có” của Quảng Yên, Quảng Ninh. Lễ hội Tiên Công được tổ chức vào dịp đầu xuân trong các ngày mùng 4, 5, 6, 7 tháng giêng âm lịch. Không gian lễ hội diễn ra ở 5 xã, phường, Trung tâm lễ hội tại di tích miếu Tiên Công (xã Cẩm La) và ở các từ đường dòng họ Tiên Công, đã được xếp hạng di tích quốc gia. Gắn với lịch sử hình thành khu đảo Hà Nam là lịch sử các Tiên Công, những người có công đầu tiên khai phá lấn biển, lập làng trên vùng đất bãi triều. Đến nay, vòng đê của các Tiên Công đã được mở rộng với trên 34 km đê biển và hình thành nên vùng đảo trù phú gồm 8 xã, phường với trên 6 vạn dân.

Lễ hội Tiên Công đông vui và rục rờ nhất là ngày “Chính hội” mùng 7 tháng giêng với nghi lễ “Rước người” độc đáo nhất trong cả nước, thể hiện sự ngưỡng vọng, tôn vinh các Tiên Công; ngưỡng vọng các cụ ông, cụ bà tròn 80, 90, 100 tuổi. Nghi thức khiêng vồng đào rước các “cụ Thượng” lên miếu Tiên Công lễ Tổ, là nét đẹp văn hóa độc đáo của người dân địa phương, có ý nghĩa to lớn trong giáo dục truyền thống đối với thế hệ trẻ, với con, cháu trong gia đình, dòng họ, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

### **LỄ HỘI XUỐNG ĐỒNG**

Lễ hội Xuống đồng là tên gọi xuất phát từ tục làm lễ Hạ điền và lễ Thượng điền của cư dân trên đảo Hà Nam. Vào dịp tháng 6 âm lịch, trước khi toàn dân vào dịp cấy vụ mùa, tại đình Cốc làm lễ tế thần Nông và nghi lễ Cấy xúng đồng (cấy đầu tiên) gọi là lễ Hạ điền (lễ



Xuống đồng). Khi toàn dân trong vùng cấy xong vụ lúa mùa, tại đình Cốc lại làm lễ tế thần Nông và thành hoàng, chứng giám mùa màng đã cấy xong, gọi là lễ Thượng điền (lễ Lên đồng), cầu mong thần Nông và thần hoàng phù hộ cho mùa màng tốt tươi. Trong hai nghi lễ thì lễ Hạ điền tổ chức lớn hơn, có cả Hội thi bơi thuyền chài nên gọi là lễ hội Xuống đồng.

Trong những năm qua, hoạt động du lịch trên địa bàn thị xã Quảng Yên khá phát triển, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế chung của thị xã và góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Chỉ tính riêng năm 2022, mặc dù chịu tác động lớn của dịch COVID-19 trong những tháng đầu năm nhưng các hoạt động du lịch trên địa bàn từ cuối tháng 3 đã sôi động trở lại, tổng du khách đến với thị xã khoảng 600 nghìn lượt khách, vượt 100 nghìn lượt so với kế hoạch, tăng 20% so với cùng kỳ; doanh thu ước đạt 390 tỷ đồng, tăng 205% so với năm 2021... Đạt được những kết quả tích cực như trên có một phần đóng góp rất quan trọng của việc thu hút du khách từ các lễ hội trên địa bàn thị xã.

Để duy trì, bảo tồn một số lễ hội truyền thống nhằm phát huy giá trị các di sản văn hóa tại thị xã Quảng Yên, chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

*Một là*, tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018, của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội; Thông tư 04/2011/TT-BVHTTDL, ngày 21/1/2011, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các xã, phường, các ban quản lý di tích thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống, nét đẹp của lễ hội; tuyên truyền vận động nhân dân, khách du lịch nâng cao ý thức trách nhiệm khi tham gia các hoạt động lễ hội. Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục truyền thống, lịch sử thị xã Quảng Yên giai đoạn 2021 - 2030” nhằm giúp cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thị xã, đặc biệt là thế hệ trẻ khắc sâu những chiến công anh hùng, những địa danh lịch sử, những giá trị truyền thống cao đẹp ngay tại quê hương Quảng Yên.

*hai là*, nâng cao chất lượng công tác tổ chức các lễ hội. Các địa phương có lễ hội phải xây dựng kế hoạch và thành lập ban tổ chức lễ hội để trực tiếp chỉ đạo; bố trí sắp xếp khu vực dịch vụ bảo đảm thuận tiện, phù hợp với không gian của di tích, khu vực lễ hội. Yêu cầu các cơ sở kinh doanh dịch vụ thực hiện nghiêm túc việc công khai niêm yết giá cả hàng hóa, dịch vụ, phí trông giữ xe trong khu vực tổ chức lễ hội. Công bố công khai số điện thoại đường dây nóng của lãnh đạo địa phương để tiếp nhận xử lý các vấn đề phát sinh. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng phản cảm, chen lấn, xô đẩy, hàng quán lấn chiếm di

tích, không gian lễ hội; hoạt động mê tín dị đoan, ăn mày, ăn xin, cò bạc trá hình, dịch vụ đổi tiền lẻ hưởng chênh lệch, trông giữ phương tiện giao thông, thu phí không đúng quy định tại lễ hội. Xây dựng và triển khai các phương án bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho người tham gia lễ hội, có phương án xử lý kịp thời những tình huống phát sinh trong lễ hội. Trường hợp xảy ra mất an ninh trật tự, phải yêu cầu dừng tổ chức, chỉ được tiếp tục khi ổn định trật tự. Tổ chức các phương án về trật tự an toàn giao thông, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch COVID-19 trong tình hình mới cho nhân dân và du khách. Các lễ hội trên địa bàn thị xã Quảng Yên đều được bố trí lực lượng công an làm tốt công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, phân luồng giao thông. Không để xảy ra hiện tượng ùn tắc giao thông, hay các hiện tượng tiêu cực khác, như: móc túi, cướp giật, ăn mày, ăn xin, gây rối, mất trật tự trong các lễ hội.

*Ba là*, thị xã đang tập trung phát triển du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; kết nối và mở rộng không gian du lịch Quảng Yên với Uông Bí, Đông Triều, Thủy Nguyên (Thành phố Hải Phòng). Trong đó, xác định Di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng là sản phẩm du lịch trọng tâm, tạo sự lan tỏa.

*Bốn là*, đề duy trì, bảo tồn và phát huy tốt các lễ hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, những năm qua, thị xã Quảng Yên còn hỗ trợ kinh phí để khuyến khích các địa phương, gia đình dòng họ duy trì và tổ chức tốt đối với Lễ hội Tiên Công - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, nhằm bảo tồn nét đẹp rước cộ Thượng trong lễ hội, cụ thể là hàng năm vào dịp tổ chức Lễ hội, thị xã hỗ trợ các đoàn rước cộ Thượng với số tiền 50 triệu đồng cho đoàn rước tập thể, 25 triệu đồng cho đoàn rước cá nhân.

*Năm là*, làm tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và toàn thể nhân dân địa phương trong việc bảo tồn và phát huy giá trị, đặc biệt là việc thực hiện quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của pháp luật về di sản. Định kỳ hàng năm, thị xã đều phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành ở trung ương, ở tỉnh và chính quyền địa phương, thông qua các kênh truyền thông, phát huy tốt vai trò của cộng đồng dân cư để làm tốt công tác tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá những giá trị, nét đẹp văn hóa của lễ hội Tiên Công, lễ hội truyền thống Bạch Đằng, lễ hội Xuông đồng tới đông đảo nhân dân và khách du lịch. Thị xã Quảng Yên xác định việc quản lý nhà nước đối với lễ hội là trách nhiệm của chính quyền, còn việc bảo tồn và phát huy giá trị của các lễ hội - khi đã trở thành di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, cũng như lễ hội thực sự là sản phẩm văn hóa tinh thần, sản phẩm du lịch có sức hấp dẫn

trong mỗi người dân và du khách, việc này sẽ do nhân dân thực hiện bảo đảm đúng tinh thần và vai trò - nhân dân là chủ thể của di sản.

Thời gian tới, thị xã Quảng Yên tiếp tục mong muốn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các bộ, ban, ngành ở Trung ương và tỉnh Quảng Ninh; các doanh nghiệp, và nhân dân ở mọi miền đất nước, đồng hành cùng chính quyền địa phương hỗ trợ các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp, tôn tạo quần thể Di tích quốc gia đặc biệt Bạch Đằng, di tích quốc gia miếu Tiên Công, Di tích quốc gia đình Cốc trở thành những “địa chỉ đỏ”, điểm sáng về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội - di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trở thành những điểm tham quan du lịch hấp dẫn, đồng thời giáo dục truyền thống, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào dân tộc của thế hệ trẻ. Đây là những tiền đề quan trọng, mang tính chiến lược lâu dài cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể không chỉ của riêng các lễ hội tiêu biểu của thị xã Quảng Yên mà còn nhân rộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và toàn quốc.

Với những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm nêu trên, cùng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Trung ương và của tỉnh, sự phối hợp, giúp đỡ hiệu quả của các sở, ban, ngành của tỉnh, chúng tôi mong muốn và cũng rất tin tưởng rằng thị xã sẽ làm tốt công tác “Duy trì, bảo tồn một số lễ hội truyền thống để phát huy các giá trị các di sản văn hóa tại thị xã Quảng Yên” để trước hết phục vụ nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương, dân tộc, đồng thời, thu hút du khách nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, từ đó thực hiện tốt quan điểm, định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Quảng Ninh được nêu ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025: *Chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột (thiên nhiên, con người, văn hóa).* ❖

## **BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY KHU DI TÍCH BẠCH ĐẰNG, TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

**ĐỖ MINH CƯỜNG**

*PGS, TS, Viện trưởng Viện Văn hóa kinh doanh,  
Hiệp hội phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam*

Khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng vốn mang danh tiếng quốc gia, hầu hết mọi người dân Việt Nam đều từng được học, được nghe về chiến thắng lẫy lừng của quân và dân nhà Trần đánh tan quân Nguyên Mông năm 1288 trên sông Bạch Đằng.

Do nằm trên địa bàn cả ba tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, nên phạm vi không gian của di sản cần được xem xét với cơ chế phối hợp trong đầu tư bảo tồn, khai thác, phát huy. Trong bối cảnh hiện nay, việc đánh giá về nhiều mặt, trong đó có trữ lượng văn hóa phải mang tầm liên tỉnh, khu vực ngay từ trước khi triển khai. Việc phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông cần được lấy ý kiến của các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, phải lấy tinh thần bảo tồn di tích lên trên, lên trước.

Khu di tích quốc gia đặc biệt Bạch Đằng được Thủ tướng Chính phủ công nhận tại Quyết định số 1491/QĐ-TTg, ngày 27-9-2012, gồm quần thể 11 điểm di tích nằm trên địa bàn thị xã Quảng Yên và thành phố Uông Bí cùng các truyền thuyết, thần tích, thần phả, câu đối, đại tự. Đặc biệt nhất là lễ hội truyền thống Bạch Đằng diễn ra vào ngày 8/3 âm lịch hằng năm. Với những giá trị đặc biệt ấy, di tích lịch sử Bạch Đằng được định hướng là khu trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh quan trọng của tỉnh.

Để bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích quốc gia đặc biệt này, thị xã Quảng Yên đã kịp thời ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của ban điều hành dự án di tích cấp thị xã để tổ chức triển khai thực hiện. Trong khi chưa có quy định và văn bản hướng dẫn về bộ máy quản lý đối với 10 điểm di tích quốc gia đặc biệt Bạch Đằng, thị xã giao ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có di tích trực tiếp thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá

trị. Cụ thể: ủy ban nhân dân phường Yên Giang quản lý 5 điểm di tích, phường Nam Hòa quản lý 3 điểm di tích, xã Liên Hòa quản lý 1 điểm di tích; thành phố Uông Bí quản lý 2 điểm di tích.

Năm 2012, thị xã Quảng Yên đã phối hợp lập Quy hoạch tổng thể Dự án Bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng tỉnh Quảng Ninh, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tổng kinh phí đầu tư dự kiến 800 tỷ đồng. Dự án được phân kỳ đầu tư theo 3 giai đoạn. Dự án được phê duyệt đầu tư các hạng mục: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu trung tâm di tích 7,8ha; đường giao thông vào các di tích bãi cọc Đồng Má Ngựa, bãi cọc Đồng Vạn Muối, đình Trung Bản; các công trình kiến trúc và khu tái định cư. Đến nay, dự án được đầu tư và thực hiện đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, đảm bảo tiến độ, thời gian cũng như hiệu quả đầu tư; bước đầu đã tạo được không gian, cảnh quan cho di tích.

Đặc biệt, cùng với việc tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích, Quảng Ninh đang xúc tiến việc lập hồ sơ đề cử danh hiệu Di sản thế giới để nâng tầm cho khu di tích này, tạo đà phát triển du lịch, mở rộng không gian kết nối du lịch từ di tích Bạch Đằng đến các điểm di tích và các địa phương trong, ngoài tỉnh.

Giá trị lớn của các di tích vật thể và phi vật thể trong quần thể Khu di tích Quốc gia đặc biệt Bạch Đằng có ý nghĩa giáo dục lịch sử, giáo dục truyền thống yêu nước, giữ gìn chủ quyền dân tộc. Dự án Bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng (giai đoạn 2) tập trung vào một số hạng mục chính, như: Bảo tồn và phục hồi di sản văn hóa phi vật thể; giải phóng mặt bằng; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật; xây dựng công trình trưng bày ngầm khu di tích gốc Bãi cọc Yên Giang và biểu tượng, tượng đài Chiến thắng Bạch Đằng... với tổng mức đầu tư dự kiến hơn 794 tỷ đồng.

Với những dấu ấn còn lại, di tích Bạch Đằng vẫn là câu chuyện lịch sử sống động, đầy hấp dẫn với du khách trong nước. Đặc biệt, trở thành di tích gây ấn tượng mạnh với du khách nước ngoài, bởi họ được nghe một câu chuyện thần kỳ về những chiếc cọc trên sông Bạch Đằng, ẩn hiện sau đó là sự dũng cảm, là tài thao lược kết hợp giữa kiến thức quân sự, kiến thức địa lí, kiến thức thủy văn,... của người Việt Nam xưa.

Báo cáo Sơ bộ kết quả thăm dò khảo cổ tại di tích Bạch Đằng cho thấy, các cuộc thăm dò khảo cổ học tại khu vực Bãi cọc Yên Giang, Đồng Vạn Muối, Đồng Má Ngựa,... đã tìm thấy một số đồ gia dụng như mảnh nắp, mảnh nồi, vò, sành thời Trần. Khu vực Đồng Vạn Muối chủ yếu thu được các di vật gồm như: thô, gốm men, sành và các hiện vật thời Pháp

thuộc, cùng một số hiện vật cọc gỗ nhỏ, mẫu gỗ vụn có màu nâu đen. Khu vực Đòng Má Ngựa có 1 đĩa tráng men và chưa phát hiện dấu vết cọc gỗ.

Câu chuyện đang được các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm là các phương án để bảo tồn cọc gỗ Bạch Đằng trong môi trường ngập nước. Di tích quốc gia đặc biệt Chiến thắng Bạch Đằng được phát hiện, khai quật lần đầu vào năm 1958 và nhiều lần sau đó vào các năm 1969, 1976, 1984, 1988... Từ đó đến nay, nhiều nhà khoa học đã thường xuyên về nghiên cứu trận Bạch Đằng. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy bãi cọc Yên Giang, bãi cọc Đòng Vạn Muối, bãi cọc Đòng Má Ngựa đều liên quan đến trận Bạch Đằng năm 1288. Ngày 27-9-2012, Thủ tướng Chính phủ đã xếp hạng Khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là di tích quốc gia đặc biệt. Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng.

Thực tế hiện nay, đang tồn tại một số vấn đề cần được lưu tâm, chú ý:

*Thứ nhất*, phạm vi di tích quá rộng và dàn trải, chưa có những điểm nhấn để gây ấn tượng với du khách.

*Thứ hai*, là di vật lại rất thưa thớt và khó nhận diện do vẫn bị phụ thuộc vào mực nước tự nhiên. Cách trưng bày vừa bảo quản tốt nhất cọc gỗ Bạch Đằng lâu nay Quảng Yên vẫn làm đó là trưng bày ngay tại vị trí đã phát hiện và khai quật. Việc này không tách cọc gỗ ra khỏi môi trường bùn nước đã chôn vùi giữ gìn nó hàng trăm năm qua.

*Thứ ba*, một trong những vấn đề được quan tâm hiện nay là công tác bảo tồn, tôn tạo di tích này cần được định hướng phải tạo ra những cảm nhận trực quan cho du khách thông qua những hình ảnh và hiện vật cụ thể. Nếu khách tham quan không cảm nhận được sự oai hùng của Bạch Đằng sẽ dễ bị “hụt hẫng” trước thực trạng đơn điệu như hiện nay của bãi cọc Bạch Đằng.

*Thứ tư*, khi du khách đến tìm hiểu tham quan cọc gỗ cũng là đang tìm hiểu di tích chiến thắng Bạch Đằng, do vậy ý tưởng sử dụng công nghệ để trình chiếu, ứng dụng mô phỏng để tái hiện, tính biên độ thủy triều, mô phỏng chèo thuyền, chèo cọc, đóng cọc, lặn đục thuyền, bắt vịt, chèo lửa, đánh hỏa công, bắn cung nỏ và võ dân tộc... sẽ đem đến cho du khách sự thích thú, cảm giác trải nghiệm sẽ gần như có thật.

Tuy nhiên, để tài liệu lịch sử chính xác, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và giới sử học phải vào cuộc, phân định đâu là nơi xảy ra chiến trận, đâu là nơi ém quân, để tái hiện chính xác, giới thiệu với du khách về di tích Bạch Đằng. Việc kế tiếp là duy trì tổ chức tốt lễ hội

truyền thống Bạch Đằng hàng năm không chỉ mang ý nghĩa ghi nhớ, giáo dục truyền thống mà trong bối cảnh hiện nay còn là tạo nguồn thu cho nhân dân địa phương, thu hút đầu tư và tự tạo nguồn lực trong nhân dân để huy động bảo tồn, gìn giữ di tích và có thêm những nguồn lực tu bổ, phát huy giá trị di tích.

Ý tưởng xây dựng một bảo tàng ngoài trời ở ngay di tích là cần thiết. Muốn vậy, cần mở rộng khai quật nhằm mục đích phục vụ bảo tàng ngoài trời, gắn liền với quan tâm về điều kiện bảo quản, đường dẫn cũng như là không gian, môi trường xung quanh.

Hiện Bảo tàng Bạch Đằng (thị xã Quảng Yên), Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh có trưng bày một số cọc gỗ Bạch Đằng. Đây là những hiện vật khô được trưng bày sau khi ngâm tẩm, xử lý hóa chất bảo quản. Việc trưng bày đó vẫn chưa tập trung và chưa xứng tầm với giá trị di tích. Vì vậy, trong tình hình hiện nay, cần có một bảo tàng riêng biệt và phải được đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, quy mô phục vụ trưng bày chuyên đề về đời Trần và trận Bạch Đằng.

Một phương án khác được đề xuất là đào nguyên cả bãi cọc lên, để nguyên khối và trưng trong tủ kính cường lực, sử dụng nước ở vùng bãi cọc cũ để thay.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là một trong những chiến công vĩ đại nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Nghiên cứu, tìm hiểu và làm rõ các giá trị to lớn của chiến thắng Bạch Đằng không chỉ giúp những thế hệ hôm nay hiểu rõ giai đoạn hào hùng trong lịch sử dân tộc mà còn có ý nghĩa to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bối cảnh mới này cũng đặt ra yêu cầu phải có sự đầu tư bài bản, từ bảo đảm các nguồn lực (nguồn lực tài chính, nguồn lực con người, nguồn lực kỹ thuật,...) để công tác bảo tồn đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, cần tập trung vào một số vấn đề:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, giới thiệu về di tích Bạch Đằng và Chiến thắng Bạch Đằng 1288 để nhân dân, du khách trong, ngoài nước hiểu biết thêm về di tích.

*Thứ hai*, để việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử Bạch Đằng 1288 trong thời gian tới đạt hiệu quả, ngoài nỗ lực của địa phương, rất cần có sự quan tâm ưu tiên đầu tư đặc biệt từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và huy động nguồn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong, ngoài nước, để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án ở di tích Bạch Đằng.

*Thứ ba*, định hướng và huy động cộng đồng dân cư sinh sống trong vùng di tích cùng tham gia công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích. Hàng năm tổ chức tốt các lễ hội truyền thống Bạch Đằng hàng năm, góp phần tăng tính hấp dẫn cho di tích để thu hút khách.

*Thứ tư*, phát huy giá trị của di tích Bạch Đằng, vừa nhằm giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, lan tỏa truyền thống lịch sử, văn hóa, con người, vừa thu hút khách du lịch, mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư, tăng thu nhập, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, tăng nguồn thu cho di tích, từ đó có nguồn để tái đầu tư.

Trong tổng thể các thế mạnh du lịch của Quảng Ninh, du lịch lịch sử - văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng, cùng với các nguồn tài nguyên di sản văn hóa quý giá khác có thể tạo nên một Quảng Ninh hấp dẫn với các loại hình du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch văn hóa – tâm linh, du lịch hội thảo, du lịch trải nghiệm,... Nhiệm kỳ Đại hội 2020 - 2025, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đặc biệt phát triển du lịch, dịch vụ. Ngoài việc quan tâm đầu tư các công trình trọng điểm về giao thông, đô thị, tinh định hướng đầu tư phát triển để trở thành trung tâm du lịch di sản gắn với “đô thị thông minh”, “đô thị xanh”. ❖



## BÌNH LIÊU (QUẢNG NINH) KHAI THÁC THỂ MẠNH, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DU LỊCH

NGUYỄN THỊ THU HÀ

*TS, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam*

Đến Quảng Ninh, bên cạnh thưởng ngoạn Di sản thiên nhiên thế giới có một không hai, du khách còn có cơ hội trải nghiệm những cảm giác như đang ở khu vực miền núi phía Bắc, như được trải nghiệm ở Lào Cai, Hà Giang,... Cảnh quan, khí hậu, phong tục, tập quán vùng đất, con người nơi đây vừa mang đặc trưng chung vùng núi, đồng thời cũng mang những đặc sắc riêng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Việt Nam. Bình Liêu là huyện có những nét đặc điểm đó, và là điểm du lịch hấp dẫn của Quảng Ninh nhiều năm qua.

### KHÁM PHÁ BÌNH LIÊU

Những năm qua, Bình Liêu luôn là điểm đến hấp dẫn cho du khách. Với không nhiều thời gian, du khách có thể được dạo quanh các cung đường đẹp, ghé thăm các bản, làng, khám phá chợ phiên, các phong tục, tập quán của bà con đồng bào dân tộc thiểu số,...

Bình Liêu đẹp và thú vị hơn khi mùa hè dần chuyển sang mùa thu. Khi vào thu cũng như các khu vực vùng Tây Bắc, các khu vực nơi vùng Đông Bắc Tổ quốc có những cảnh quan đẹp nhất trong năm. Đây cũng là thời điểm thích hợp nhất để đi khám phá, trải nghiệm. Mùa thu miền biên giới Bình Liêu, du khách sẽ được đắm mình trong không gian yên bình, trong vắt của mùa thu vùng cao, thăm các thôn bản, dạo bước trên những cung đường thơm mùi lúa, các thửa ruộng bậc thang vàng óng trải dài theo triền đồi ở các thôn bản: Cao Thắng, Khe O, Lục Hồn... Những thửa ruộng bậc thang là một trong những điểm nhấn khi khám phá Bình Liêu. Từ trung tâm thị trấn đi theo những con đường quanh co uốn lượn, bạn có thể chiêm ngưỡng và ghi lại những hình ảnh tuyệt đẹp về những bản làng, những đồng lúa... Thời điểm mùa thu, Bình Liêu bước vào mùa thu hoạch hồi ở các bản Sông Moóc, Hoàn Mô, Đồng Văn... Vào cuối tuần, du khách còn được tham gia Chợ Hoàn Mô, được hưởng

các sản vật của đồng bào (những món ăn truyền thống được chế biến từ miến dong, ngan đen, gà bản, các loại bánh như bánh chưng, bánh cóc mò, bánh ngải, bánh bạc đầu, bánh gặt gù...). Đến chợ đêm Bình Liêu, du khách phương xa có thể được lắng nghe những giai điệu trữ tình của những làn điệu truyền thống của đồng bào dân tộc như hát then - đàn tính của người Tày, hát soóng cọ của người Sán Chỉ, hát pả dung của người Dao và giao lưu âm nhạc, tham gia các trò chơi dân gian, , được trải nghiệm cuộc sống đồng bào vùng cao miền biên viễn.

Thác Khe Vằn, Đòng Vằn, Khe Tiền, Sông Moóc; thăm cửa khẩu Hoàn Mô, đặc biệt những đồi lau, cột mốc biên giới ở cung đường phía Tây Bình Liêu - là những địa điểm vàng để trải nghiệm khám phá.

Trong các loại hình nghệ thuật đặc sắc của Bình Liêu phải kể đến hát Then - đàn Tính, hát Soóng Cọ của dân tộc Sán Chỉ, lễ rước dâu trong đám cưới của người Dao Thanh Phán, lễ mừng cơm mới của người Tày (, các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian (đánh quay, đẩy gậy, kéo co, tung còn...), trình diễn trang phục dân tộc tại các khu ruộng bậc thang, nhà văn hóa thôn, sân thể thao trên địa bàn các thôn Ngàn Pọt, Khe O, Cao Thắng, Bản Cẩu, Lục Nà... Tất cả thể hiện bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc huyện Bình Liêu. Đặc biệt là Lễ Mừng cơm mới được tổ chức tại đình Lục Nà (xã Lục Hồn). Nghi lễ Mừng cơm mới với ý nghĩa tổng kết một năm sản xuất, kính dâng thành quả lao động, cảm tạ trời đất, tổ tiên và cầu mong gia đình no ấm, khỏe mạnh, đồng thời là dịp để gia đình, dòng họ gặp gỡ sum vầy. Nghi lễ mừng cơm mới đã trở thành một nét đẹp văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh độc đáo, đặc sắc được đồng bào dân tộc Tày gìn giữ. Tại lễ Mừng cơm mới được tổ chức tại Đình Lục Nà, thầy cúng đã thực hiện các nghi lễ bày tỏ lòng biết ơn với tổ tiên, trời đất, cầu mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu. Mâm cơm kính dâng lên các vị thần, tổ tiên dịp lễ Mừng cơm mới là những món ăn truyền thống như: Xôi nếp lá gừng, khâu nhục, thịt gà, cá chép, thịt lợn... Nét đặc trưng trong lễ Mừng cơm mới của người Tày Bình Liêu là món xôi nếp nấu với nước lá gừng tươi. Xôi được nấu từ gạo nếp ngon nhất vừa thu hoạch, đồ chín, rồi quét nước lá gừng để có màu xanh đẹp mắt. Nếp mới dẻo thơm hòa quyện với vị nồng ấm của lá gừng đã làm nên một món ăn độc đáo và cũng là nét văn hóa đặc sắc của mảnh đất Bình Liêu.

Trong các loại hình du lịch trải nghiệm, huyện có thể mạnh hấp dẫn du khách ở các sản phẩm OCOP và nông lâm sản địa phương tại thôn Ngàn Pọt; trải nghiệm leo núi và cắm trại trên núi Cao Xiêm; ; chụp ảnh check-in mùa lúa chín vàng trên ruộng bậc thang; trải nghiệm và biểu diễn dù lượn “Bay trên Mùa vàng”, giải leo núi “Chinh phục sống lưng khủng long”, trình diễn bộ sưu tập áo dài về thiên nhiên Bình Liêu...

Năm 2023 là năm thứ 4 huyện Bình Liêu tổ chức Tuần Văn hóa - Du lịch, Hội Mùa vàng. Đây là hoạt động thường niên nhằm giới thiệu, quảng bá, tôn vinh giá trị văn hóa, các sản phẩm văn hóa, du lịch của huyện Bình Liêu nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung; góp phần tích cực trong công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa quý báu của huyện Bình Liêu. Đồng thời, góp phần hoàn thành chỉ tiêu thu hút 150.000 lượt khách du lịch đến với Bình Liêu năm 2023. Đây là hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh 30-10 (1963 - 2023). Theo đó, Tuần Văn hóa - Du lịch, Hội Mùa Vàng Bình Liêu năm 2023 sẽ gồm chuỗi các hoạt động, sự kiện văn hóa, du lịch diễn ra từ 15 - 10 đến hết tháng 12-2023, nổi bật là chương trình Hội Mùa Vàng và Hội hoa Sứ.

Trong khuôn khổ Hội Mùa Vàng có các hoạt động hấp dẫn. Giải chạy “Cung đường Mùa Vàng” tại cung đường các thôn Khe O, Cao Thắng, Ngàn Pát (xã Lục Hồn) và các thôn vùng phụ cận. Chương trình dù lượn “Bay trên Mùa Vàng tại điểm bay đỉnh núi Cao Xiêm, ngoài hoạt động thi đấu, biểu diễn dù lượn còn có bay dù lượn trải nghiệm dành cho du khách với sự đồng hành của các phi công chuyên nghiệp. Điểm bay dù lượn nằm trên sườn núi Cao Xiêm. Đỉnh Cao Xiêm có độ cao 1.429m so với mực nước biển, là đỉnh cao nhất trong 8 đỉnh của dãy Cao Ly được ví như “nóc nhà” của Quảng Ninh. Trong khoảng thời gian bay 15 phút, du khách có thể nhenhng xuống thung lũng mênh mông xanh ngát, cánh lúa chín vàng rực với những thửa ruộng bậc thang tại bản Khe O, Cao Thắng, Ngàn Pát,... Trải nghiệm và theo dõi hoạt động biểu diễn chèo sup trên tuyến sông Tiên Yên thuộc địa phận huyện Bình Liêu, đây là hoạt động mới lần đầu tiên tổ chức trong khuôn khổ Tuần Văn hóa - Du lịch, Hội Mùa Vàng Bình Liêu năm 2023. Trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP và nông lâm sản địa phương tại thôn Ngàn Pát; trải nghiệm leo núi và cắm trại trên núi Cao Xiêm; tổ chức các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian (ném còn, bắn nỏ, kéo co, đẩy gậy...) tại các khu ruộng bậc thang, nhà văn hóa thôn, bản, sân thể thao trên địa bàn các thôn Ngàn Pát, Khe O, Cao Thắng, Bản Cẩu, Lục Nà; chụp ảnh check-in mùa lúa chín vàng trên ruộng bậc thang; trải nghiệm nghi lễ cúng mừng cơm mới tại các hộ gia đình người Tày...

Tháng 10 và 11 cũng là khoảng thời gian Bình Liêu vào thu đẹp nhất, du khách có thể tham gia các hoạt động trải nghiệm “thiên đường” cỏ lau, khám phá “sống lưng khủng long” và hệ thống đường biên, cột mốc thiêng liêng của Tổ quốc; tham quan các điểm du lịch trên địa bàn huyện như Đình Lục Nà, cửa khẩu Hoàn Mô, vườn hoa Cao Sơn; thác Khe Vằn, thác Sông Moóc; núi Cao Ba Lanh, núi Cao Ly... và tham gia giải chạy “Chinh phục sống lưng khủng long - Mốc 1305”.

Hội hoa Sở diễn ra trong tháng 12-2023 tại rừng sở thôn Đồng Long (xã Đồng Tâm). Cùng với đó sẽ có các hoạt động văn hóa, thể thao như: Giải đua xe đạp phong trào Hội hoa Sở; công bố và trưng bày các tác phẩm văn học, nghệ thuật với chủ đề “Về miền hoa Sở”...

Du khách có thể cùng với ngắm mùa lúa chín vàng, chụp ảnh check-in, tham gia hoạt động trải nghiệm gặt lúa trên ruộng bậc thang (sẽ kéo dài đến khi kết thúc vụ gặt).

Ngoài tham gia trải nghiệm những hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra trong khuôn khổ Hội Mùa Vàng, du khách có thể dành thời gian để khám phá Bình Liêu với thiên đường cỏ lau nở trắng như bông dọc cung đường tuần tra biên giới, phủ kín sườn đồi đầy dịu dàng, lãng mạn. Và càng không thể bỏ qua thử thách chinh phục những cột mốc tại Bình Liêu, đặc biệt là cột mốc 1305 - nơi được mệnh danh là “sống lưng khủng long”. Đi trên con đường nhỏ nằm giữa đồi cao, bạn sẽ được phóng tầm mắt ngắm nhìn toàn cảnh bức tranh thiên nhiên núi rừng Bình Liêu bát ngát, hùng vĩ và vô cùng nên thơ, tận hưởng cảm giác tự do, phóng khoáng mà chỉ khi tận mắt nhìn thấy thì bạn mới cảm nhận được.

Tháng 10 về, trời xanh trong, mây trắng trôi nhẹ nhàng cũng là lúc vùng cao Bình Liêu lại khoác lên mình một bức tranh đa sắc màu, với màu trắng của bạt ngàn lau, màu xanh của rừng hồi, quế, sở; những thửa ruộng bậc thang uốn lượn giữa đại ngàn với màu vàng nổi bật của lúa đang chín, tạo nên sức sống, sự no đủ, bình yên. Rừng, núi, mây, trời và ruộng bậc thang như hòa vào nhau tạo nên một bức tranh thiên nhiên vừa nên thơ vừa hùng vĩ

Đến Bình Liêu, du khách còn được hòa mình vào cuộc sống của người dân nơi đây để khám phá những nét đẹp văn hóa các dân tộc. Với trên 96% dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số, vì vậy sự phong phú trong cộng đồng các dân tộc ở Bình Liêu, những nét văn hóa truyền thống đặc sắc đã làm nên một vùng đất văn hóa đa dạng, giàu bản sắc, trở thành tài nguyên vô giá để Bình Liêu phát triển du lịch

Đến nay, huyện Bình Liêu có 3 di tích cấp tỉnh gồm: Di tích lịch sử, văn hóa đình Lục Nà, di tích - danh thắng thác Khe Vằn, di tích - danh thắng Ruộng bậc thang xã Lục Hồn. Bên cạnh đó, nhiều phong tục tập quán, lễ hội được giữ gìn và lưu truyền như: Lễ hội đình Lục Nà, Hội Soóng cọ của dân tộc Sán Chỉ, Ngày Hội Kiêng gió của dân tộc Dao.

## **QUYẾT LIỆT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA**

Cụ thể hóa Nghị quyết 11-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, trong

những năm qua, Bình Liêu đã chú trọng dành nhiều nguồn lực thực hiện công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn, đặc biệt gắn với phát triển du lịch mang dấu ấn riêng. Huyện cũng tích cực, chủ động xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch Tổng thể phát triển du lịch huyện Bình Liêu giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 phục vụ phát triển du lịch.

Đến nay, huyện đã hoàn thành Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu tộc người Tày Bình Liêu phục vụ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa người Sán Chỉ gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại bản Lục Ngù, xã Húc Động giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; đang hoàn thiện đề cương Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa người Dao gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại bản Sông Moóc, xã Đồng Văn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030...

Để bảo tồn di sản ngôn ngữ, trao truyền văn hóa truyền thống, tạo sản phẩm văn hóa đáp ứng phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng các dân tộc, huyện xây dựng cuốn sách “Học tiếng Tày Bình Liêu”. Ngoài ngôn ngữ, trang phục truyền thống, những làn điệu dân ca mượt mà, đầm thắm, như: Hát Then của người Tày, hát Pả dung của người Dao; hát Soóng cọ của người Sán Chỉ,.. cũng được Bình Liêu tập trung đẩy mạnh công tác truyền dạy trong cộng đồng và tại các trường học; hình thành các câu lạc bộ hát dân ca tại các xã, thị trấn; đưa vào biểu diễn phục vụ tại các lễ hội và các chương trình giao lưu nghệ thuật ở trong và ngoài huyện... Năm 2019, di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam được ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, trong đó Then Tày Bình Liêu là đại diện của Quảng Ninh. Bình Liêu hiện đang phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai lập hồ sơ đề nghị hát Soóng cọ của dân tộc Sán Chỉ là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Với những nỗ lực trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch, Bình Liêu đã từng bước giới thiệu, quảng bá sâu rộng về hình ảnh vùng đất, con người Bình Liêu. Đây cũng là quá trình Bình Liêu thực hiện khơi dậy nét đẹp văn hóa cộng đồng trong tiến trình hội nhập và phát triển, đồng thời, hiện thực hóa mục tiêu xây dựng huyện Bình Liêu trở thành trung tâm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái trải nghiệm, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa, du lịch biên giới của tỉnh Quảng Ninh. ❖

## VÂN ĐỒN (QUẢNG NINH) TRÊN HÀNH TRÌNH TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ ĐÁNG SỐNG KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN HỒNG ĐIỆP

*TS, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng*

Vân Đồn trở thành thành phố đáng sống của khu vực châu Á - Thái Bình Dương là mục tiêu hướng đến của Vân Đồn đến năm 2050 được đề ra trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

Với diện tích rộng hơn 500 cây số vuông, huyện đảo Vân Đồn được quy hoạch phát triển không gian đô thị theo hướng đô thị hiện đại tầm cỡ quốc tế. Trong đó, không gian đô thị đảo Cái Bầu gồm các Khu kinh tế phía Tây, ven biển phía Bắc; thành phố sân bay - khu thương mại tự do, khu nghỉ mát phức hợp, thị trấn Cái Rồng và bán đảo Cống Chèo. Không gian đô thị quần đảo Vân Hải gồm: Công viên; du lịch nông nghiệp; khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng và hòn đảo du lịch trong tương lai. Không gian đô thị trung tâm gồm: Trung tâm hành chính - đô thị trung tâm Cái Rồng; khu công nghiệp sáng tạo; khu công nghệ sinh học; khu dịch vụ sáng tạo; khu sản xuất tiên tiến và hậu cần; khu chế tạo; khu sân bay; khu thương mại tự do; khu thung lũng công nghệ; trung tâm tài chính; khu tái định cư; trung tâm triển lãm văn hoá; khu du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí; cảng biển du lịch, cảng cá, hồ cảnh quan... Các mục tiêu cụ thể được đề ra đến năm 2030 là: tổng giá trị sản xuất đạt 5,6 tỷ USD, tương ứng GRDP đạt 1,6 tỷ USD, đóng góp vào ngân sách nhà nước trên 10% giá trị xuất khẩu. Tốc độ tăng dân số trung bình trong các giai đoạn đến 2020, 2021 - 2025, 2026 - 2030 tương ứng là 6%, 11%, 8%. Quy mô dân số tăng từ 52.000 người năm 2019 lên 140.000 người vào năm 2030... Mục tiêu đến năm 2050 là, xây dựng, phát triển Khu kinh tế Vân Đồn trở thành một trong những vùng động lực phát triển kinh tế của Việt Nam, nằm trong nhóm dẫn đầu về thành phố đáng sống của khu vực châu Á - Thái Bình Dương; là trung tâm kinh tế năng động, tập trung vào du lịch, sản xuất sản phẩm cao cấp và dịch vụ;

phần đầu là thành phố hiện đại, thông minh, một nơi hấp dẫn để mọi người đến sinh sống, làm việc, vui chơi hòa hợp với thiên nhiên. Mục tiêu cũng đặt ra, đến năm 2030, Khu kinh tế Vân Đồn thiết lập đầy đủ các nền tảng xã hội và kinh tế bền vững. Đến năm 2050, Khu kinh tế Vân Đồn trở thành trung tâm đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng cao toàn cầu, một trong những động lực kinh tế của Việt Nam, nằm trong nhóm dẫn đầu thành phố đáng sống của châu Á - Thái Bình Dương. Về du lịch, phần đầu đến năm 2030 thu hút khoảng 2,5 triệu lượt khách. Về dịch vụ hiện đại, Vân Đồn tập trung phát triển, kinh doanh cảng hàng không, vận tải hàng không, đẩy mạnh phát triển ngành logistics để trở thành một trung tâm cung cấp dịch vụ hậu cần đẳng cấp thế giới, trở thành cửa ngõ trung chuyển hàng hóa vào khu vực Đông Nam Á... Quy hoạch đến năm 2050 ưu tiên phát triển các ngành nghề dịch vụ chất lượng cao, dành chủ yếu quỹ đất cho phát triển dịch vụ. Các dự án, nhà đầu tư xác định thu hút vào Vân Đồn là nhà đầu tư có năng lực, đảm bảo tầm vươn quốc tế...

Như vậy, với những dự án, công trình mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế đã và đang và được định hướng đầu tư trong tương lai, Quảng Ninh đã và đang hướng tới xây dựng, phát triển Vân Đồn trở thành đô thị biển đảo xanh, hiện đại, thông minh; trung tâm kinh tế năng động phát triển ngành nghề mới, trình độ cao, trọng tâm là dịch vụ, du lịch phức hợp cao cấp, công nghiệp giải trí hiện đại có casino, công nghiệp công nghệ cao, trung tâm khởi nghiệp, sáng tạo và giao thương quốc tế nằm trong hành lang kinh tế Trung Quốc - ASEAN.

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN QUAN TÂM GIẢI QUYẾT HÀI HÒA TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Để thực hiện những mục tiêu đó, Vân Đồn phải hết sức coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển:

*Một là*, Vân Đồn cần tập trung phát triển kinh doanh cảng hàng không và vận tải hàng không, phát triển logistics bởi đây là nền tảng quan trọng, không thể thiếu để phát triển thành một trung tâm dịch vụ hậu cần.

*Hai là*, Vân Đồn cần định hướng phát triển đồng bộ, hài hòa kết cấu hạ tầng. Theo đó, quá trình nghiên cứu xây dựng sân bay trực thăng (taxi trực thăng) ở cụm đảo Cái Bàu, Quan Lạn và Thắng Lợi; quá trình nghiên cứu xây dựng loại hình thủy phi cơ phục vụ vận chuyển du lịch và hàng hóa, phù hợp với địa hình của Khu Kinh tế Vân Đồn; quá trình xây dựng tuyến đường sắt cao tốc kết nối Khu Kinh tế Vân Đồn với các khu vực trong cả nước và quốc tế... cần bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt là các khu vực gần các di sản, di tích. Cấu trúc phát triển không gian Khu kinh tế Vân Đồn chia theo 2 vùng, gồm đảo Cái Bàu

và quần đảo Vân Hải; định hướng thành 5 vành đai phát triển gồm: Vành đai nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp; Vành đai du lịch sinh thái gắn với bảo vệ di sản thiên nhiên; Vành đai đô thị dịch vụ, văn hóa và vui chơi giải trí (khu vực phía Đông đảo Cái Bàu); Vành đai dịch vụ, thương mại công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ hậu cần (khu vực phía Tây đảo Cái Bàu); Vành đai dự trữ phát triển mở rộng phía Tây (thuộc địa giới TP Cẩm Phả và huyện Tiên Yên)...

Quy hoạch chung được điều chỉnh, Khu kinh tế Vân Đồn đã được cụ thể hóa các chức năng, nhiệm vụ; cấu trúc không gian phát triển và định hướng rõ các vành đai phát triển. Đặc biệt, các lợi thế, tiềm năng vượt trội của Vân Đồn đều được thể hiện cụ thể, rõ ràng trong quy hoạch. Vấn đề là quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch phải bảo đảm đúng theo Quy hoạch sử dụng đất. Cụ thể, đến năm 2030:

- Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 5.500 ha (chiếm 9,5% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo), bao gồm: Đất các khu đô thị, khu dân cư khoảng 1.600 - 1.650 ha; Đất hỗn hợp (không ở) khoảng 200 - 230 ha; Đất thương mại, dịch vụ khoảng 100 - 120 ha; Đất phát triển các khu du lịch khoảng 900 - 950 ha (trong đó đất dịch vụ lưu trú khoảng 150 - 180 ha); Đất công nghiệp, công nghệ cao khoảng 550 - 600 ha; Đất đào tạo khoảng 40 - 50 ha; Đất công viên, cây xanh chuyên đề khoảng 500 - 600 ha; Đất an ninh quốc phòng khoảng 550 ha; Đất giao thông đối ngoại khoảng 280 - 300 ha; Đất hạ tầng kỹ thuật, sân bay, bến cảng khoảng 500 - 550 ha. Đất khác: khoảng 52.663 ha (chiếm 90,5% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo), trong đó: Đất công viên nghỉ trang khoảng 80 ha; Đất nông nghiệp khoảng 1.100 ha; Đất nuôi trồng thủy sản khoảng 1.000 ha; Đất lâm nghiệp khoảng 33.980 ha; Đất khác (Mặt nước, kênh mương, thủy lợi, đất chưa sử dụng, đất khác)... khoảng 16.423 ha. Đến năm 2040: Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 12.050 ha (chiếm 20% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo). Bao gồm: Đất các khu đô thị, khu dân cư khoảng 3.400 - 3.500 ha; Đất hỗn hợp (không ở) khoảng 800 - 910 ha; + Đất thương mại, dịch vụ khoảng 250 - 300 ha; Đất phát triển các khu du lịch khoảng 2.700 - 2.800 ha (trong đó đất dịch vụ lưu trú khoảng 600 - 650 ha); Đất công nghiệp, công nghệ cao khoảng 1.400 - 1.500 ha; Đất đào tạo khoảng 50 - 60 ha; + Đất công viên, cây xanh chuyên đề khoảng 1.250 - 1.400 ha; Đất an ninh quốc phòng khoảng 550 - 700 ha;

- Đất giao thông đối ngoại khoảng 600 - 650 ha; Đất hạ tầng kỹ thuật, sân bay, bến cảng khoảng 750 - 800 ha. Đất khác: khoảng 46.133 ha (chiếm 80% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo), trong đó: Đất công viên nghỉ trang khoảng 150 ha; Đất nông nghiệp khoảng 800 ha; Đất nuôi trồng thủy sản khoảng 800 ha; Đất lâm nghiệp khoảng 32.850 ha; Đất khác



(Mặt nước, kênh mương, thủy lợi, đất chưa sử dụng, dự trữ phát triển, đất khác)... khoảng 11.533 ha.

*Ba là*, Khu Kinh tế Vân Đồn cần sử dụng hiệu quả các chính sách huy động vốn đầu tư và chính sách xúc tiến đầu tư. Cụ thể, vốn đầu tư sẽ được huy động từ nguồn tư nhân và ngân sách quốc gia cũng như vốn đầu tư nước ngoài, vốn từ đất đai. Trong đó, tại khu vực tư nhân, SunGroup được đánh giá là nhà đầu tư chiến lược xây dựng sân bay quốc tế Vân Đồn. Các nhà đầu tư khác được điểm tên như FLC, CEO, MBland, Crystal Bay và HD Mon...

*Bốn là*, quy hoạch lại để từng bước đô thị hóa. Trong từng giai đoạn đã được Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch, Quảng Ninh sẽ đưa đô thị Vân Đồn trở thành thành phố thuộc tỉnh trước giai đoạn 2030. Tháng 2-2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 80/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, đến năm 2025, tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính với 13 đô thị. Trong đó, 12 đô thị vẫn giữ nguyên phân loại như hiện tại. Riêng Vân Đồn sẽ được đưa từ đô thị loại IV lên loại III. Tỷ lệ đô thị hóa của Quảng Ninh giai đoạn này dự kiến đạt 70 - 75%. Đến năm 2030, tỉnh sẽ còn 12 đơn vị hành chính với 13 đô thị. Vân Đồn cùng 2 huyện Đông Triều, Quảng Yên sẽ lên thành phố. Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở hình thành khu vực nội thành bao gồm 7 thành phố (trong đó có Vân Đồn, ngoài ra là Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái - Hải Hà, Đông Triều, Quảng Yên) và tái lập thị xã Tiên Yên.

*Năm là*, Quảng Ninh nói chung và Vân Đồn nói riêng cần tiếp tục đầu tư hạ tầng giao thông để kết nối khu vực và quốc tế. Trong tầm nhìn đến năm 2040 Vân Đồn đã được Thủ tướng phê duyệt là khu kinh tế đa ngành, trung tâm du lịch sinh thái biển và là đầu mối giao thương quốc tế. Vân Đồn có diện tích khoảng hơn 2.170km<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích đất tự nhiên là gần 582 km<sup>2</sup>, diện tích vùng biển là gần 1.590km<sup>2</sup>. Về tính chất, Vân Đồn sẽ trở thành khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực, trung tâm công nghiệp giải trí có casino, du lịch biển đảo cao cấp, dịch vụ tổng hợp; là cửa ngõ giao thương quốc tế, tạo ra những sản phẩm độc đáo, khác biệt, hiện đại với chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh quốc tế. Vân Đồn cũng được quy hoạch trở thành đô thị biển đảo xanh, hiện đại, thông minh, bền vững và có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng. Khu kinh tế Vân Đồn là khu kinh tế duy nhất nằm trong khu vực hợp tác “Hai hành lang - một vành đai” kinh tế Việt - Trung, hợp tác liên vùng vịnh Bắc Bộ mở rộng, cầu nối ASEAN - Trung Quốc, hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore, trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Đây là cơ sở quan trọng để hoạch định và kêu gọi các dự án đầu tư.

Nhiệm vụ của Quảng Ninh là triển khai quy hoạch, giao cho các cơ quan có liên quan tập trung lập, phê duyệt các quy hoạch phân khu, kêu gọi các nhà đầu tư có quy chế, quy định để quản lý quy hoạch này, tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên, xây dựng, thành lập ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn, thuộc tỉnh Quảng Ninh.

*Sáu là*, Vân Đồn cần có những tổ hợp du lịch đẳng cấp trên hành trình trở thành khu kinh tế biển hiện đại, trung tâm tài chính - du lịch của khu vực trong tương lai. Hầu hết các nhà phát triển bất động sản lớn trên cả nước như Vingroup, Sun Group, Tập đoàn CEO, FLC, HD Mon... có mặt tại Vân Đồn. Nhiều dự án được rót vốn hàng ngàn tỷ đồng, mang đến sự sôi động cho thị trường bất động sản. Điển hình như Sonasea Vân Đồn harbor City của Tập đoàn CEO với quy mô 358,3ha tại xã hạ Long (huyện Vân Đồn). Đây là khu tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng cao cấp với các khách sạn quốc tế, phố thương mại, bến du thuyền, khu vui chơi trong nhà và ngoài trời, trung tâm hội nghị quốc tế, khu nghỉ dưỡng riêng tư trên đảo Sonasea Island Retreat... Tập đoàn CEO cũng tích cực hoàn thiện phân khu Sonasea Vân Đồn Complex với quy mô hơn 1.000 phòng khách sạn. Hợp tác quản lý cùng Accor, Sonasea Vân Đồn Complex mang đến không gian lưu trú cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế, tạo nền tảng cho du lịch Vân Đồn cất cánh. Trước đây, Vân Đồn chưa có hạ tầng du lịch phát triển nên sự có mặt của các chủ đầu tư lớn sẽ đẩy nhanh phát triển dịch vụ du lịch đa dạng, du lịch đa công năng, đa tiện ích. Các tổ hợp nghỉ dưỡng bao gồm khách sạn quốc tế, căn hộ nghỉ dưỡng, biệt thự nghỉ dưỡng ven biển và trung tâm hội nghị quốc tế; Dãy nhà phố thương mại; Công viên rừng; Quần thể tiện ích dịch vụ và Tổ hợp các công trình phức hợp vui chơi đáp ứng mọi nhu cầu giải trí của du khách và mang đến trải nghiệm văn hóa đặc sắc; Bến thuyền du lịch... sẽ tạo cho Vân Đồn một sức hút đặc biệt. Với vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận lợi, du lịch Vân Đồn được định hướng mô hình phát triển phức hợp “Hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ đẳng cấp quốc tế” khai thác đa chiều, trải nghiệm 04 mùa. Đây sẽ là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư và du khách quốc tế, nhất là từ thị trường Trung Quốc đầy tiềm năng.

*Bảy là*, Vân Đồn phải tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững. Theo quy hoạch, đến năm 2030, Vân Đồn có dân số khoảng 140.000 - 200.000 người, trong đó dân số thường trú khoảng 90.000 - 140.000 người. Đến năm 2040, dân số tăng lên khoảng 300.000 - 500.000 người. Với quy hoạch đa ngành, Vân Đồn cần có lực lượng chuyên gia hỗ trợ từ bên ngoài, bao gồm cả chuyên gia ngoài tỉnh và ngoài nước do đó cần có chính sách thu hút hợp lý, hiệu quả, đồng thời cần có chính sách đồng bộ về nhà ở, các dịch vụ đi kèm để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, giải trí trong quá trình các tổ hợp vui chơi, giải trí chưa hình thành và đi vào hoạt động ngay

được. Đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên phục vụ cũng cần được đào tạo bài bản các kỹ năng, cả về ngoại ngữ, khả năng sử dụng công nghệ, các kỹ năng mềm để thích nghi với môi trường làm việc hiện đại.

Vân Đồn được giới chuyên gia đánh giá như một điểm đến nhiều triển vọng phát triển ngành công nghiệp giải trí, du lịch chất lượng cao khi sở hữu diện tích mặt biển lên tới 1.589 km<sup>2</sup> cùng hơn 600 hòn đảo lớn nhỏ. Bên cạnh đó, với những bãi biển trải dài vô tận cùng những hòn đảo hoang sơ, mang lại cảm giác hùng vĩ, gần gũi với thiên nhiên, có cảnh sắc thiên nhiên đa dạng, phong phú, có định hướng phát triển rõ ràng, cùng nhịp xu hướng phát triển du lịch chung của thế giới, có kế hoạch dựa trên nền tảng lợi thế sẵn có để định hướng trở thành quần thể thương mại và giải trí nghệ thuật, tương lai sẽ có hàng trăm dịch vụ, tiện ích cao cấp đủ loại hình, đủ đáp ứng mọi nhu cầu; với quy hoạch hạ tầng giao thông hoàn chỉnh, có cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, tuyến cao tốc Hà Nội - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái, Vân Đồn hứa hẹn sẽ trở thành thành phố du lịch hấp dẫn của Quảng Ninh và cả nước, trở thành thành phố đáng sống khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Như vậy, với việc Vân Đồn lên thành phố, Quảng Ninh sẽ tiếp tục là tỉnh có nhiều thành phố nhất cả nước, là điểm đến hấp dẫn của du khách và các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước. ❖

## **HUYỆN BA CHỄ (QUẢNG NINH)**

### **GÌN GIỮ VĂN HÓA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

### **GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**HOÀNG VIỆT**

*Tạp chí Cộng sản*

Ba Chẽ là một huyện miền núi vùng cao cách thành phố Hạ Long khoảng 90km đường bộ. Phía bắc giáp huyện Đình Lập - Lạng Sơn, phía nam giáp huyện Hoàn Bò - Cẩm Phả, phía đông giáp Tiên Yên và phía tây giáp Sơn Động - Bắc Giang. Ba Chẽ là một trong những địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Quảng Ninh.

Tính đến 31-12-2021, toàn huyện có 23.207 người trong đó nữ là 11.294 người chiếm 48,7% tổng dân số. Toàn huyện có 14 dân tộc anh em gồm Kinh, Tày, Thái, Hoa, Mường, Nùng, Mông, Dao, Ngái, Xơ Đăng, Sán Chay, Sán Dìu, Thổ, Co. Trong đó dân tộc Kinh chiếm 18,99%, Tày chiếm 15,6%, Dao chiếm 45,2%, Sán Chay chiếm 18,33%, còn lại các dân tộc khác chiếm số lượng không đáng kể

Địa hình tại huyện Ba Chẽ chủ yếu là núi non cao trập trùng xen kẽ với những tán rừng bát ngát mang lại một bầu không khí thiên nhiên tươi mát và trong lành. Khí hậu tại đây thường se se lạnh vào những ngày mưa phùn và ẩm dần vào mùa xuân và mùa hè.

#### **PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Là địa phương tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, còn lưu giữ nhiều nét đẹp văn hóa mang sắc thái riêng có và đặc trưng.

Ba Chẽ có *Chợ phiên Đạp Thanh* là nét văn hóa độc đáo nhất định phải trải nghiệm đối với du khách. Tuy ở khu vực xa xôi và khá cao so với đồng bằng nhưng Chợ phiên Đạp Thanh lại là nơi kết nối mọi người từ nhiều vùng miền, các huyện xã với nhau và cùng nhau đem đến cho người tiêu dùng những mặt hàng phong phú, đặc sắc.

*Thác Lang Cang* cao, rộng lớn, không gian mát mẻ, nhiều phong cảnh thiên nhiên đơn sơ, mộc mạc được bao phủ bởi thảm thực vật phong phú tạo nên một khung cảnh hữu tình tưởng như chỉ có trong phim. Mực nước tại đây chỉ hơn 1m nên du khách có thể bơi lội, chèo thuyền để tận hưởng dòng nước mát mẻ và dễ chịu. Bên cạnh đó, khách du lịch có thể tự do tổ chức các hoạt động vui chơi, dã ngoại xung quanh thác để hòa mình vào thiên nhiên tươi đẹp tại nơi đây.

*Thác Khe Lạnh* cũng là điểm đến có sức hút với những bạn trẻ ưa khám phá và trải nghiệm. Thác Khe Lạnh nằm trên địa bàn xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ. Thác có độ dốc cao khoảng 10m, nước trong, chảy xiết, nơi đây nhiệt độ mát mẻ quanh năm, là điểm đến thích hợp cho du khách tắm, ngắm cảnh đẹp của núi đồi với sắc hoa rừng rực rỡ. Thác có mặt hồ rộng khoảng 20m<sup>2</sup>, có nhiều thảm thực vật vây quanh, các tảng đá lớn ở đây xếp thành tầng tạo nên độ kỳ vĩ. Bên dưới dòng thác là một hồ nước tự nhiên mát lạnh, độ sâu vừa phải, cũng chỉ ngang tầm vai người, có thể lội qua hồ nước, bạn sẽ được thả mình trên những tảng đá xếp chồng lên nhau và thưởng ngoạn cảnh bốn bề nước chảy, xung quanh là thảm thực vật phong phú. Điều khá thú vị là lan rừng, một loài hoa đẹp mọc tự nhiên rất nhiều ở xung quanh thác Khe Lạnh. Men theo những con đường mòn và vượt qua những tảng đá, bạn sẽ lên được đỉnh thác để nhìn những dòng nước trắng xóa đổ xuống. Thác Khe Lạnh cách trung tâm thị trấn Ba Chẽ khoảng 7km, đường đến thác khá thuận lợi, dễ đi. Hiện nay thác Khe Lạnh là một trong những điểm du lịch phụ trợ nằm trong tuyến du lịch tổng hợp Ba Chẽ đã được UBND tỉnh công nhận.

*Lễ hội Bàn Vương* của đồng bào dân tộc Dao ở huyện vùng cao Ba Chẽ là lễ hội cổ truyền quan trọng trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Dao và của huyện Ba Chẽ nhằm tưởng nhớ công ơn Bàn Vương - thủy tổ của người Dao đã đưa con cháu mình đi tìm vùng đất mới. Câu chuyện về hành trình “Vượt biển” được tái hiện, bắt đầu từ bến thuyền khu vực Miếu Ông thuộc thôn Cái Gian, đi theo đường sông đến miếu Bàn Vương tại thôn Sơn Hải (xã Nam Sơn). Theo truyền thuyết có 12 dòng họ Dao cùng di cư đến các vùng đất mới để tìm cuộc sống bình yên, ấm no và hạnh phúc. Do đó, các nghi lễ tái hiện thường sử dụng 12 con thuyền, tượng trưng cho 12 dòng họ. Đoàn thuyền “Vượt biển” đi trong sương mù với hành trình khoảng 3km đường biển, điểm đến là bến thôn Sơn Hải nơi có miếu Bàn Vương.

Miếu Bàn Vương và Nhà Truyền thống cộng đồng người Dao được xây dựng năm 2020 tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, theo Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ gắn với phát triển du lịch cộng đồng”. Đây là những nội dung ban đầu của Đề án nhằm phục dựng và từng bước đáp ứng nhu cầu

cầu chiêm bái của cộng đồng người Dao trên địa bàn huyện Ba Chẽ và tỉnh Quảng Ninh. Các lễ vật là sản vật địa phương đến miếu Bàn Vương cầu cho một năm mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi... Điệu múa Rùa độc đáo của các thầy mo, thể hiện sức mạnh con người chống lại sự tàn phá mùa màng của một con rùa thành tinh theo truyền thuyết của người Dao. Ngoài hoạt động chiêm bái tâm linh, Lễ hội là dịp để các nghệ nhân và cộng đồng người Dao gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức, ý thức trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Dao trong thời kỳ đất nước hội nhập, phát triển.

Dân tộc Dao có nhiều dòng họ có sự khác biệt về tiếng nói, trang phục họ. Tuy nhiên, đều có những phong tục thống nhất như tục cấp sắc, tục thờ cúng ông tổ là Bàn Hoàng/Bàn Vương. Chính điều này đã tạo nên sức mạnh cộng đồng của người Dao trong mọi thời điểm, hoàn cảnh. Tái hiện lễ hội vừa để xây dựng, củng cố khối đoàn kết của 12 dòng họ dân tộc Dao, đồng thời cũng là nơi giao lưu văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc của đồng bào Dao.

*Trà hoa vàng* là một sản vật nổi tiếng của Ba Chẽ, được phát hiện vào những năm 1960 ở Trung Quốc, vừa có giá trị dược liệu, vừa là cây cảnh. Trên thế giới, hiện công bố có 23 loại trà hoa vàng. Trà hoa vàng phân bố tự nhiên nhiều trong rừng Ba Chẽ (Quảng Ninh), được người dân khai thác bán cho thương lái Trung Quốc dẫn đến nguy cơ cạn kiệt. Đứng trước tình hình như vậy, vào 15 năm trước, anh Nịnh Văn Tráng người con của Ba Chẽ đã tiên phong đưa cây trà hoa vàng Ba Chẽ từ rừng về trồng tại vườn nhà.

Với những thế mạnh du lịch, huyện Ba Chẽ được tỉnh Quảng Ninh tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông. Một tuyến đường trục Hạ Long - Ba Chẽ được đầu tư gần 3.700 tỷ nâng cấp. Tuyến đường đóng vai trò quan trọng kết nối TP. Hạ Long với huyện Ba Chẽ. Tổng chiều dài tuyến khoảng 60,5 km, trong đó đoạn qua địa phận TP. Hạ Long dài 37,5 km, qua địa phận huyện Ba Chẽ dài 23 km. Theo quy hoạch, ĐT.342 đóng vai trò đường huyện kết nối TP. Hạ Long với huyện Ba Chẽ, kết nối các xã với trung tâm TP. Hạ Long. Đây là trục đường quan trọng của TP. Hạ Long, đi qua khu vực có môi trường tự nhiên, cảnh quan sinh thái đa dạng, hấp dẫn, quỹ đất khai thác sử dụng chưa nhiều. Về hướng tuyến, từ điểm đầu ở độ cao khoảng 174 m, tuyến đi theo hướng tuyến đường cũ, bám theo địa hình sườn núi để nâng dần cao độ lên khu vực đỉnh đèo Dài ở độ cao khoảng 644 m, từ đỉnh đèo Dài tuyến đi theo hướng đường cũ, một số đoạn đi trùng, một số đoạn đi bám sườn để hạ dần cao độ và kết nối với đường hiện tại ở xã Kỳ Thượng ở độ cao 170 m. Từ đây, tuyến đi bám theo ĐT.342 hiện tại đến hết địa phận Hạ Long và kết nối với tuyến trên địa phận Ba Chẽ.

## **BẢO TỒN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Năm 2019 Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ gắn với phát triển du lịch cộng đồng” được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt. Từ đó, huyện Ba Chẽ đã huy động mọi nguồn lực để đầu tư, xây dựng một số hạng mục thiết yếu: Miếu thờ Bàn Vương (miếu thờ ông tổ của người Dao); nhà sinh hoạt cộng đồng người Dao và thực hiện việc thực hiện việc bài trí, trưng bày các tổ hợp ảnh với các đặc trưng về lao động sản xuất, phong tục, lễ hội, trang phục...dựng các tổ hợp tượng tái hiện lại nghi lễ cấp sắc của nhánh Dao Thanh Y, Dao Thanh Phán; tái hiện lại gian bếp truyền thống của người Dao... hình thành không gian văn hóa dân tộc Dao và trung tâm sinh hoạt cộng đồng người Dao cả nước.

Huyện duy trì nhiều lễ hội đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số như: Tổ chức Lễ hội đình Làng Dạ của xã Thanh Lâm; Lễ hội Lòng Tông với các nghi thức mang đậm bản sắc, phong tục của cộng đồng các dân tộc (Tày, Dao) trên địa bàn huyện Ba Chẽ; tổ chức dâng hương, cầu mùa, cuốc hó, tra hạt trong phần Lễ; tổ chức các môn thể thao dân tộc truyền thống, các trò chơi dân gian. Đồng thời triển khai tổ chức Ngày hội Văn hóa dân tộc Sán Chay, góp phần tiếp tục bảo tồn và phát huy, giới thiệu, quảng bá những nét đẹp văn hóa của đồng bào Sán Chay trên địa bàn huyện Ba Chẽ tới du khách gần xa, tạo sản phẩm du lịch mới trên địa bàn huyện Ba Chẽ. Huyện cũng chú trọng bảo tồn 6 lễ hội truyền thống; trong đó 3 lễ hội cấp huyện (lễ hội Trà hoa vàng, lễ hội Bàn vương, lễ hội Miếu Ông - Miếu Bà), 3 lễ hội cấp xã (lễ hội Lòng tông, xã Lương Mông; lễ hội Đình Làng Dạ, xã Thanh Lâm và Ngày hội Văn hóa dân tộc Sán Chay, xã Thanh Sơn). Những lễ hội này đã thu hút và tạo được ấn tượng tốt đẹp cho du khách, thúc đẩy hợp tác đầu tư, cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất. Huyện Ba Chẽ cũng phục dựng, mở 12 lớp truyền dạy hát dân ca, dân vũ, thêu hoa văn của dân tộc Dao, hát Soóng cọ của dân tộc Sán Chay và hát Then đàn tính của dân tộc Tày...; các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc như hát Lầu then, đàn tích, hát Pả dung (hát đối), Soóng cọ; thi các môn thể thao (đẩy gậy, đánh gụ, đi cà kheo)... Nhờ đó, một số hủ tục lạc hậu trong đời sống nhân dân từng bước được bài trừ. Bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được bảo tồn, phát triển, phục vụ du lịch, đem lại nguồn thu cho địa phương.

Hiện tổng số nhà văn hóa thôn, khu phố được đầu tư trên toàn huyện là 72 nhà. Năm 2022, huyện đã thực hiện sửa chữa 53 nhà văn hóa thôn với tổng kinh phí hơn 14,2 tỷ đồng.

Xây dựng nông thôn mới được huyện xác định là cơ sở quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa trong cộng đồng, huyện Ba Chẽ

đang từng bước xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gắn với phát triển du lịch cộng đồng. Trong giai đoạn 2023 - 2025, huyện đã đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm: tiếp tục thực hiện việc phục dựng, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng dân tộc Dao, Tày, Sán Chay... trên địa bàn huyện; tuyên truyền trong nhân dân tích cực bảo tồn trang phục dân tộc, xây dựng nếp văn hóa mặc trang phục dân tộc vào các ngày lễ tết, lễ hội; xây dựng quy chế mặc trang phục dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo hàng tuần... Hiện 7/7 xã của huyện Ba Chẽ đã đạt chuẩn xã nông thôn mới, trong đó 2 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; thị trấn Ba Chẽ đạt chuẩn đô thị văn minh. Huyện cơ bản đạt 9/9 tiêu chí, 36/36 chỉ tiêu, đủ cơ sở để được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân chuyển biến về nhận thức trong phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, khuyến khích trồng cây gỗ lớn bảo vệ môi trường; trồng, chế biến dược liệu quý nâng cao thu nhập, đặc biệt là cây ba kích tím và trà hoa vàng, xây dựng thương hiệu OCOP cấp quốc gia, tạo cơ sở bền vững phát triển thị trường sản phẩm dịch vụ du lịch.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 vừa được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, huyện Ba Chẽ sẽ trở thành khu phát triển văn hóa, trải nghiệm. Cụ thể, khu quy hoạch chung huyện Ba Chẽ gồm toàn bộ thị trấn Ba Chẽ và 7 xã thuộc địa bàn huyện (Đạp Thanh, Đồn Đạc, Lương Mông, Minh Cầm, Nam Sơn, Thanh Lâm, Thanh Sơn). Khu vực được quy hoạch sẽ là nơi hội tụ, gắn kết, giao lưu văn hóa các dân tộc tại huyện Ba Chẽ và bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá các dân tộc trong và ngoài tỉnh; là khu vực phát triển du lịch văn hoá, du lịch trải nghiệm gắn với thương mại nông nghiệp và phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở đảm bảo an toàn về quốc phòng - an ninh... Dự báo đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa đạt 55%, đến năm 2040 đạt khoảng 60%. ❖



## PHÁT TRIỂN DU LỊCH YÊN TỬ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

NGHIÊM XUÂN CƯỜNG

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Thành ủy Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh*

### TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA YÊN TỬ NÓI RIÊNG, THÀNH PHỐ UÔNG BÍ NÓI CHUNG

Thành phố Uông Bí nằm ở phía tây của tỉnh Quảng Ninh, có vị thế quan trọng về nhiều mặt, được xác định là trung tâm công nghiệp, thương mại, trung tâm du lịch, trung tâm giáo dục đào tạo và y tế. Thành phố có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, là vùng đất cổ của tỉnh Quảng Ninh, có người Việt sinh sống từ rất sớm gắn với văn hóa Hạ Long. Uông Bí cũng là địa phương giàu tài nguyên thiên nhiên, có nhiều lợi thế trong phát triển và liên kết kinh tế, giao lưu văn hóa - xã hội, thu hút vốn đầu tư trong nước và quốc tế; là một trong những địa bàn chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh.

Ngoài những thuận lợi về vị trí địa lý, Uông Bí còn được lịch sử và thiên nhiên ban tặng nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là kinh tế du lịch. Hiện, trên địa bàn thành phố có 31 di tích lịch sử văn hóa và danh thắng gắn liền với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong đó, nổi bật nhất là Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, nơi được mệnh danh là cố đô Phật giáo Trúc Lâm Việt Nam, được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định 1419/QĐ-Ttg, ngày 27-9-2012, Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

Dãy núi Yên Tử với đỉnh cao nhất 1.068m, từ lâu đã nổi tiếng về lịch sử và cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, nổi bật vùng Đông Bắc Tổ quốc, là đỉnh cao của cánh cung Đông Triều, tầm nhìn ra sông Bạch Đằng, vịnh Hạ Long và Biển Đông, sau lưng dựa vào mệnh môn đồi núi Bắc Giang, Lạng Sơn. Nơi đây gìn giữ được gần như nguyên vẹn khoảng 2.700ha rừng nguyên sinh, với đa dạng sinh học đặc trưng của rừng núi nhiệt đới, có nhiều loài cây đặc hữu, cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn du khách từ bao đời nay. Đặc biệt, Yên Tử

là nơi gắn bó thiên nhiên cảnh quan đặc sắc với khu Di tích tâm linh độc đáo, với truyền thuyết về đạo sỹ An Kỳ Sinh đã đến tu tiên luyện đan trên núi Yên Tử từ thế kỷ III trước Công nguyên, có thể là nơi tiếp nhận sớm nhất Đạo giáo, sau đó cũng là nơi Phật giáo du nhập rất sớm. Thời Lý, trên núi Yên Tử đã có chùa, am thờ Phật. Đầu thế kỷ XIII, Thiền sư Hiện Quang, sau đó là Quốc sư Đạo Viên, Đại Đăng, Thiền sư Tiêu Diêu, Huệ Tuệ đã đến Yên Tử tu hành. Đến năm 1299, vua Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông đã lên Yên Tử tu hành, lấy pháp danh là Điều Ngự Giác Hoàng. Nhà vua đã cho xây dựng hàng loạt chùa tháp trên núi Yên Tử, chuyên tâm nghiên cứu đạo Phật và đã sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam - là nét đặc sắc của đạo pháp nước ta với tư tưởng “Hòa quang đồng trần”, “Cư trần lạc đạo”, luôn là kim chỉ nam trong mọi hoạt động “lợi Đạo, ích Đời” của những người con Phật Việt Nam. Tư tưởng đó sau này đã phát triển trở thành phương châm “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội*” và đã trở thành một truyền thống cao quý có ý nghĩa thực tiễn, mang trong mình giá trị tinh thần vô giá, đặc biệt là trong thời đại ngày nay, thời đại Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, hệ thống chùa chiền, am, tháp nơi đây cũng chứa đựng những giá trị độc đáo về kiến trúc, mỹ thuật, điêu khắc của các triều đại Lý - Trần - Lê - Nguyễn. Đó là những báu vật, cổ vật có một không hai trong kho tàng văn hoá Việt Nam, tiêu biểu nhất là tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông, cuối năm 2020 được công nhận là bảo vật quốc gia.

Nét độc đáo riêng có của Yên Tử nằm ở chỗ: Rừng gắn với Di tích và Di tích nằm ẩn khuất trong rừng. Rừng “ôm Di tích vào lòng”, là lá chắn bảo vệ cho di tích, quần thể di tích lại tôn thêm giá trị của rừng. Ngọn núi thiêng Yên Tử từ xưa đến nay đã đi vào tâm thức, là niềm tự hào của mỗi người Việt Nam và khiến du khách quốc tế ngưỡng mộ. Với những giá trị đặc biệt về thiên nhiên, văn hóa, quần thể di tích danh thắng Yên Tử luôn được nhân dân Uông Bí trân trọng giữ gìn từ bao đời nay; từ năm 1974 Yên Tử đã được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia, từ năm 2012 được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt; hiện nay đang trong tiến trình làm hồ sơ đề nghị Tổ chức Văn hóa - Khoa học - Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Trải qua biết bao thăng trầm lịch sử, Yên Tử luôn ấp ủ trong mình hồn thiêng văn hóa Việt, bởi nơi đây ông cha ta đã để lại di sản là hệ thống chùa chiền, am tháp, hàng ngàn di vật cổ, hàng trăm cây di sản... chứa đựng những giá trị tinh thần, tư tưởng của Thiền Phái Trúc Lâm và nền văn hóa huy hoàng, rực rỡ thời Đại Việt. Tinh thần Phật giáo của Thiền Phái Trúc Lâm vẫn còn sống mãi trong nền văn hóa dân tộc, trong đó nổi bật nhất là tinh thần nhập thế, giao thoa sống động giữa đời và đạo. Cùng với vẻ đẹp núi cao mây phủ, thác

đồ lung đèo, thông reo suối lượn, hoa thơm cỏ lạ, muông thú các loài, trúc xinh bát ngát... tạo thành một vùng danh sơn kỳ vĩ, chúng ta hy vọng Yên Tử sẽ sớm trở thành điểm đến hấp cho du khách trong nước và quốc tế, tiếp tục minh chứng cho chiến lược phát triển bền vững, nơi đạo song hành với đời, nơi khai thác đi đôi với tôn tạo, nơi phát triển kinh tế - xã hội không mâu thuẫn mà lại gắn bó chặt chẽ với bảo tồn giá trị truyền thống.

### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH YÊN TỬ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

Trong những năm qua, Thành phố Uông Bí luôn xác định giá trị, tiềm năng to lớn của Di tích danh thắng Yên Tử, nhằm giữ gìn truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc gắn với khai thác phát triển kinh tế, nhất là du lịch bền vững. Quá trình quản lý, bảo tồn, khai thác tất yếu nảy sinh các vấn đề rất cơ bản: (1) Mâu thuẫn giữa khai thác than với bảo tồn, phát triển rừng và di tích danh thắng (Uông Bí có trữ lượng than lớn hàng đầu tỉnh, chủ yếu tập trung trong và bao quanh Yên Tử); (2) Mâu thuẫn giữa bảo vệ nguyên trạng di tích với việc trùng tu, duy trì “sức sống” bền vững của di tích; (3) Mâu thuẫn giữa giữ gìn, bảo tồn di tích danh thắng với yêu cầu đưa Yên Tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; giữa giữ gìn sự thanh tịnh chốn thiền môn với nhu cầu tham quan khám phá ngày càng lớn của du khách... Cùng với đó, vẫn còn những tồn tại hạn chế rất đáng kể, như: sản phẩm du lịch chưa phong phú, đa dạng, ít dịch vụ giữ chân khách dài ngày, chưa có sản phẩm đặc trưng hấp dẫn; hợp tác, liên kết địa phương, chuỗi du lịch còn hạn chế; phối hợp trong quản lý có mặt chưa thực sự tốt, quan hệ “nhà nước - nhà chùa - nhà doanh nghiệp” có lúc, có việc chưa rõ ràng, hài hòa.

Cách thức giải quyết các mâu thuẫn, tồn tại nêu trên đã thể hiện sâu sắc quan điểm, phương thức, cách làm của Quảng Ninh, của Uông Bí theo định hướng xuyên suốt là phát triển bền vững, trong đó đáng chú ý:

*Một là, tăng cường lãnh đạo, quán triệt, thay đổi, làm sâu sắc thêm nhận thức, ý thức về phát triển bền vững Yên Tử, cụ thể hóa trong các ứng xử quan trọng với di tích*

Ngày 28-8-2015, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Uông Bí ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU, *Về xây dựng Khu di tích và Danh thắng Yên Tử xứng tầm là Trung tâm Phật giáo, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam*, nhằm thiết thực cụ thể hóa Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16-1-2017, của Bộ Chính trị, *Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, Nghị quyết số 02 NQ/TU, ngày 5-2-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, *Về phát triển dịch vụ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030*; và các văn bản chỉ đạo khác của tỉnh Quảng Ninh. Đặc biệt, tại Đại hội đại biểu

Đảng bộ lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, thành phố Uông Bí xác định: “... xây dựng Uông Bí trở thành trung tâm *du lịch văn hóa tâm linh của cả nước*...” để tập trung các giải pháp triển khai thực hiện.

Nhận thức bất cập do khai thác than gây ô nhiễm môi trường, xâm lấn vùng di tích, từ năm 2002, tỉnh Quảng Ninh đã kiên quyết cho dừng khai thác than tại một số khai trường quan trọng của Công ty than Nam Mẫu (Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam - TKV), yêu cầu hoàn nguyên và khoanh định vào Rừng quốc gia Yên Tử để bảo vệ. Đã kiên quyết nói “không” với dự định thăm dò, khai thác trữ lượng hàng trăm triệu tấn than trong vùng Yên Tử; chuyển mạnh sang khai thác hầm lò, giảm thiểu lộ thiên trong các khu vực lân cận (Vàng Danh, Nam Mẫu, Tràng Lương...). Quyết liệt triệt phá nạn khai thác than trái phép, từ nhiều năm qua các cửa lò, bãi than cũ đã được san lấp, tái sinh rừng rất xanh tốt, không còn dấu vết nạn “thổ phỉ” xưa. Đặc biệt, nhận thức của cư dân trong vùng đã được thay đổi, với đặc thù là cộng đồng dân tộc Dao Thanh Y, từ lâu đời đã sinh sống gắn với săn bắn, khai thác lâm thổ sản, chăn thả trâu bò..., nhờ được tuyên truyền, vận động tốt, đến nay tuyệt đối không còn nạn chặt cây, phá rừng và săn bắn động vật, cơ bản chấm dứt chăn thả gia súc tự do; các lâm thổ sản đặc trưng có giá trị thay vì vào rừng khai thác đã được dân nuôi trồng, phát triển theo quy hoạch, trở thành thương hiệu địa phương như cây Mai vàng Yên Tử, cây Trầu tiên, cây Mơ lông, măng trúc...

*Hai là*, khai thác du lịch có văn hóa, tu tạo di tích có hồn cốt, gắn giá trị tinh thần của Yên Tử với xúc tiến quảng bá du lịch.

Cùng với nguồn lực từ ngân sách thành phố, được sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương, các thế hệ lãnh đạo của tỉnh Quảng Ninh và của các cấp, các ngành; sự công đức vô lượng của nhân dân và phật tử, các tổ chức, nhà hảo tâm trên khắp mọi miền đất nước và kiều bào ta ở nước ngoài..., thành phố Uông Bí và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ninh đã sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nỗ lực bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Yên Tử, để nơi đây không chỉ là nơi du khách về thưởng sơn ngắm cảnh, chiêm bái Phật hoàng mà còn là nơi cung cấp các dịch vụ du lịch mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế nhưng vẫn giữ được nét tôn nghiêm, cổ kính và hệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản trong khu di tích và danh thắng Yên Tử. Các chùa chiền, am tháp, đường hành hương, cho đến hệ thống cáp treo đều được hết sức chú trọng tôn tạo sao cho giữ được vẻ xưa, nét cổ, rất hài hòa với cảnh quan và không khí tôn nghiêm, cổ kính nơi đất thiêng.

Đồng thời, nhằm phát triển du lịch Yên Tử theo hướng bền vững, tinh và thành phố đã ưu tiên mời gọi các nhà đầu tư có tiềm năng và biết đánh giá, khai thác giá trị tinh thần vô giá của Danh sơn Yên Tử; trong quá trình đầu tư, khai thác kinh doanh dịch vụ cáp treo, đến giai đoạn năm 2016 - 2018, Công ty Tùng Lâm đã thuê kiến trúc sư nổi tiếng thế giới Bill Bensley thiết kế quần thể Trung tâm Văn hóa Trúc Lâm Yên Tử. Nét đặc sắc nhất là đã chất lọc được các yếu tố cơ bản của Phật giáo Trúc Lâm và văn hóa nhà Trần, hình thành nên ngôn ngữ xuyên suốt từ kiến trúc, cảnh quan, nội thất, đến cách thức phục vụ, đưa quá khứ gần hơn với hiện tại, tái hiện nét văn hóa xưa trong quần thể hiện đại, cao cấp. Quần thể là nơi thể hiện cao độ sự gắn bó giữa du lịch với văn hóa, làm cho yếu tố tinh thần xưa tìm được phương thức mới để tồn tại bền vững, có sức sống, lồng ghép khéo léo trong kinh doanh du lịch.

*Ba là, đầu tư xứng tầm, đem lại giá trị lớn trên nền tảng di tích*

Để kết nối với di tích, tỉnh Quảng Ninh và thành phố Uông Bí đã tập trung đầu tư hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối liên thông, tổng thể Yên Tử với các di tích trong cả nước, tỉnh Quảng Ninh và Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều, cùng với đó là sự hoàn thiện các hạ tầng dịch vụ du lịch góp phần đưa khu di tích Yên Tử lên một vị thế mới. Các tuyến đường từ quốc lộ 18 vào Yên Tử được đầu tư hàng trăm tỉ đồng; mở tuyến đường hành hương kết nối sang di tích Ngọa Vân (thị xã Đông Triều); hiện thành phố đang đầu tư kéo dài đường Yên Tử với tổng mức 250 tỉ đồng, kết nối tuyến đường ven sông của tỉnh có tổng mức đầu tư gần 10.000 tỉ đồng. Trong tương lai gần, tỉnh Quảng Ninh đầu tư nâng cấp quốc lộ 279 và tỉnh lộ 327 để kết nối Yên Tử với Bắc Giang, Lạng Sơn; tuyến cao tốc Nội Bài - Hạ Long đi qua gần di tích sẽ sớm được đầu tư, đem lại khả năng tiếp cận thuận tiện, trước hết phục vụ nhu cầu chiêm bái, văn cảnh của du khách, rất được các hãng du lịch kỳ vọng. Thành phố Uông Bí cũng đang tích cực triển khai dự án “Không gian cảnh quan đường vào cõi Phật”, gắn với khôi phục, phát triển rừng quốc gia dọc tuyến hành hương chính, đem lại những trải nghiệm mới thú vị cho du khách.

Về dịch vụ, đã xúc tiến đầu tư quần thể dịch vụ rộng gần 20ha, với nhiều khu vực và công năng: Khu nghỉ dưỡng Legacy Yên Tử, Gallery Hotels Collection 5 sao với 133 phòng, hội trường Diên Hồng Ballroom 700 chỗ, Am Tuệ Tĩnh chăm sóc sức khỏe; Khu làng hành hương Yên Tử với 400 kén ngủ mộng mơ tinh mịch; Sân quảng trường Minh Tâm và Hoa Tâm có thể đáp ứng cho hàng vạn du khách tham gia lễ hội; 10 điểm dừng chân trên tuyến đường hành hương từ Giải Oan lên chùa Đồng; xây dựng hai bến xe Hạ Kiệu 1 và 2 với sức chứa 2.800 ô tô, 10.000 xe máy; xây dựng thêm 02 hệ thống cáp treo hiện đại theo công

nghệ của Pháp lên chùa Hoa Yên và chùa Đồng, công suất gấp gần 10 lần so với năm 2002. Nhiều sản phẩm trải nghiệm được đầu tư đưa vào khai thác phục vụ nhu cầu của du khách, như: Yoga buổi sáng, Thiền trầm, Trải nghiệm làm “Nón Làng Nương”, trải nghiệm đập tranh Đông Hồ, trải nghiệm làm sáo Trúc, chuồn chuồn tre, trải nghiệm “Cưỡi ngựa - Thả diều” tại quảng trường Minh Tâm, Thiền đăng tại Gương Thiền, Thiền nước chánh niệm,... Hành hương theo dấu chân Phật hoàng, Học sử trên đỉnh Non thiêng Yên Tử, Ngắm ánh bình minh trên chùa Đồng, Đêm hội Làng Nương Yên Tử, sản phẩm “Team buiding” tại Minh Tâm và Hoa Tâm, sản phẩm trải nghiệm tại vườn rau cho học sinh, sản phẩm chăm sóc sức khỏe tại Am Tuệ Tĩnh. Lắp đặt hệ thống biển thông tin và chỉ dẫn tại Yên Tử đạt chuẩn quốc tế, thân thiện môi trường... Tổng kinh phí đầu tư cho các hạng mục trên 3.000 tỷ đồng đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ du khách và nhân dân khi đến với Yên Tử. Hiện thành phố đang tích cực xúc tiến đầu tư nhiều dự án quan trọng như Công viên Phật giáo, Vườn Thiền, đô thị cổ trang... sẽ nối dài danh mục sản phẩm trải nghiệm, trong đó chứa nét riêng đặc sắc chỉ có ở Yên Tử.

*Bốn là*, luôn chú trọng nâng tầm di tích, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước.

Từ thực tiễn quản lý, đòi hỏi phải có một cơ quan chuyên trách công tác quản lý, bảo tồn khu di tích, danh thắng Yên Tử, ngày 28-9-1992, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 2275, thành lập Ban Quản lý Di tích lịch sử và Danh thắng Yên Tử - cơ quan tiền thân của Ban quản lý Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử, trực thuộc UBND thị xã Uông Bí. Năm 2011, Rừng Quốc gia Yên Tử được thành lập và kể từ đó, Ban Quản lý Yên Tử chính thức đảm nhiệm thêm trọng trách quản lý, bảo vệ khu rừng có tổng diện tích gần 2.800ha, qua đó quản lý tốt hơn, phát huy hiệu quả hơn các giá trị của Yên Tử, tạo động lực phát triển du lịch bền vững với phương châm: “Vững bền - Tâm huyết - Đoàn kết - Phát triển”, góp phần cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc thành phố Uông Bí thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra: “Xây dựng Uông Bí thành trung tâm du lịch văn hóa tâm linh của cả nước, cơ bản hoàn thành các tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025”. Cùng với đó, để khẳng định giá trị lịch sử văn hóa tiêu biểu, đặc sắc của Yên Tử, pho tượng cổ nhất hiện còn thể hiện hình tướng của vị vua xuất gia tu hành thành Phật - Điều ngự Giác hoàng, tức vị vua Giác Ngộ, thành phố Uông Bí đã cùng các cơ quan chuyên môn của tỉnh hoàn thiện hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền, đến ngày 31-12-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2283/QĐ-TTg, về việc công nhận pho tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông tại Tháp Huệ Quang là bảo vật Quốc gia và đây là bảo vật quốc gia duy nhất tại Quảng Ninh được lưu giữ trong khu di tích đã thu hút đông đảo nhân dân, du khách đến chiêm ngưỡng...

Nhằm đưa vị thế khu di tích và danh thắng Yên Tử lên tầm cao mới, tháng 6-2020 Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Quảng Ninh chủ trì, phối hợp với UBND hai tỉnh Bắc Giang và Hải Dương xây dựng hồ sơ khoa học “*Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc*” trình UNESCO công nhận là Di sản thế giới. Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh Quảng Ninh, thành phố Uông Bí đã phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các sở, ban ngành, địa phương triển khai Đề án mở rộng Khu di tích và danh thắng Yên Tử, chuẩn bị tốt các điều kiện vật chất, cảnh quan, phối hợp thu thập tư liệu, làm việc với các chuyên gia để tạo cơ sở cho việc thực hiện xây dựng hồ sơ khoa học “*Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc*” để trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO thông báo tới UNESCO theo quy định; theo lộ trình đến cuối năm 2023 đệ trình hồ sơ chính thức lên tổ chức UNESCO Paris. Với tầm vóc đó, di sản kỳ quan Yên Tử sẽ chính thức thuộc về nhân loại, được quản lý, ứng xử, chăm sóc xứng tầm, bảo đảm vững bền cho muôn đời.

Với những giá trị nổi bật của Yên Tử về lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, khi chưa có đại dịch COVID-19, trung bình mỗi năm khu di tích và danh thắng Yên Tử đón trên 01 triệu lượt khách đến tham quan, chiêm bái lễ Phật. Doanh thu trong lĩnh vực du lịch góp phần không nhỏ trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế dịch vụ của địa phương. Sau đại dịch, với hạ tầng nâng cấp, dịch vụ đổi mới, Yên Tử đang dần trở lại lưu lượng cơ bản như trước đây, lượng khách đến giữa tháng hai âm lịch đã bằng cả năm 2022, kỳ vọng đạt khoảng 1,5 triệu khách trong năm 2023.

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Với mục tiêu xây dựng “*Uông Bí trở thành trung tâm du lịch văn hóa tâm linh của cả nước*” theo định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ninh; bám sát Quyết định 334/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 18-02-2013, “*Phê duyệt Đề án mở rộng và phát triển Khu di tích danh thắng Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh*”; các nghị quyết số của tỉnh, thành phố về phát triển kinh tế xanh, trong thời gian tới, thành phố Uông Bí tiếp tục chỉ đạo triển khai xây dựng, đa dạng các sản phẩm dịch vụ, du lịch phục vụ du khách, chú trọng đến khai thác, phát triển du lịch Yên Tử một cách bền vững, trong đó tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong thành phố Uông Bí về bảo tồn, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững, bảo đảm thực hiện đúng các quan điểm phát triển du

lịch văn hóa tâm linh mang lại những giá trị tinh thần tiến bộ cho xã hội, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội bền vững;

*Hai là*, tập trung hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2040; bổ sung điều chỉnh quy hoạch phân khu A, trong đó có định hướng thu hút đầu tư vào phát triển dịch vụ, du lịch gắn với khai thác tiềm năng nổi bật của Khu di tích và danh thắng Yên Tử; huy động các nguồn vốn từ Trung ương, từ tỉnh, nguồn ngân sách thành phố để chỉnh trang, đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối liên thông Yên Tử với các di tích trong và ngoài tỉnh.

*Ba là*, tăng cường tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh, lợi thế cạnh tranh, sự thân thiện, đồng hành của các cơ quan chức năng thành phố Uông Bí với các nhà đầu tư, để thu hút dự án về dịch vụ, du lịch; trước mắt hỗ trợ công ty cổ phần phát triển Tùng Lâm và các đơn vị liên quan **đầu tư** xây dựng nhà hát kiêm chiếu phim 250 chỗ hiện đại tại Trung tâm Văn hóa Trúc Lâm Yên Tử; hoàn thiện Bảo tàng Phật hoàng Trần Nhân Tông bằng những bộ tranh, hiện vật quý... trị giá trên 100 tỉ đồng. Tiếp tục nghiên cứu Dự án Làng văn hóa dân tộc Dao Thanh Y dưới chân núi Yên Tử tại xã Thượng Yên Công...

*Bốn là*, hình thành chuỗi liên kết du lịch văn hóa tâm linh giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh, đặc biệt giữa các địa phương nằm trong quần thể di tích, danh thắng Yên Tử thuộc 3 tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Giang; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đa dạng hóa các sản phẩm đặc trưng địa phương, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của du khách.

*Năm là*, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong giữ gìn, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái Rừng Quốc gia Yên Tử, đồng thời phối hợp tốt với Ban Trị sự giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Ninh, doanh nghiệp Tùng Lâm khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch, truyền thống văn hóa, giá trị tâm linh thiền phái Trúc Lâm Việt Nam tại khu di tích và danh thắng Yên Tử.

*Sáu là*, tích cực hơn nữa trong công tác phối hợp với các sở, ban ngành của tỉnh, tham mưu triển khai hoàn thiện Hồ sơ “Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc” trình UNESCO công nhận là di sản thế giới. ❖



## PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở ĐÀM HÀ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

ĐỖ THỊ NINH HƯỜNG

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh*

Đầm Hà là huyện miền núi ven biển, phía Đông Bắc của tỉnh Quảng Ninh, tiếp giáp với các địa phương: Tiên Yên, Vân Đồn, Bình Liêu, Hải Hà, có quốc lộ 18A và tuyến cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái đi qua, cách cửa khẩu quốc tế Móng Cái trên 50 km, cách cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Hải Hà 40 km; gần cảng hàng không Vân Đồn và cảng khách Quốc tế Ao Tiên; có vị trí hết sức thuận lợi kết nối giao thương kinh tế giữa huyện với các thành phố, thị xã trong và ngoài tỉnh.

### TIỀM NĂNG, LỢI THẾ CỦA ĐÀM HÀ TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Huyện có lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai để phát triển đa dạng các sản phẩm nông, lâm, thủy sản; có hệ thống rừng núi, biển đảo đã tạo nên nhiều cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, như: Thác Bạch Vân, khu di tích lịch sử - khảo cổ - danh thắng, rừng cò Núi Hứa, hồ chứa nước Đầm Hà Động; có 10 đảo có diện tích từ 40 ha trở lên, trong đó có đảo Núi Cuồng (diện tích 529 ha); đảo Vạn Vược (gần 400 ha) còn hoang sơ, chưa bị tác động bởi con người. Bên cạnh đó, Đầm Hà còn lưu giữ được các di tích lịch sử như: Đồn Đen, Đồn Đỏ (thị trấn Đầm Hà); hang Hố Đen, khu căn cứ cách mạng Núi Hứa (xã Đại Bình)... Chân Núi Hứa còn là nơi phát hiện nhiều công cụ đá của người Việt cổ thuộc sơ kỳ thời đại đá mới cách đây 6.000 năm.

Tổng diện tích tự nhiên là 41.436,8 ha (414,36km<sup>2</sup>); trong đó đất nông nghiệp chiếm 78,4% diện tích đất liền; đất nuôi trồng thủy sản 2.898ha; ngoài ra, huyện có 21km bờ biển với trên 5.000ha mặt nước biển, các đảo có khả năng nuôi trồng thủy sản với nhiều sản vật phong phú, có giá trị kinh tế cao.

Lực lượng lao động của huyện trên 24 nghìn người, chiếm gần 57% dân số toàn huyện. Từ nhiều năm nay, lao động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 52,9%), đây là nguồn nhân lực dồi dào phục vụ phát triển nông nghiệp của địa phương.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển du lịch đang trở thành xu thế tất yếu, là hướng đi hiệu quả đối với các địa phương cả trong và ngoài nước.

Huyện có nhiều tiềm năng, tài nguyên để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao gắn với phát triển du lịch, được xác định trong quy hoạch cấp tỉnh là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm khu vực phía đông của tỉnh.

Nhiều nước trên thế giới, khu vực và nhiều địa phương trên cả nước đã khai thác tốt thành quả phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp công nghệ cao phục vụ phát triển du lịch và đã đạt được lợi ích kép: Phát triển kinh tế - Bảo vệ môi trường - Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Xác định được tiềm năng, lợi thế và xu hướng phát triển, huyện Đàm Hà đã tiếp cận, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, bước đầu thu được những kết quả tích cực. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về “khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh, nâng cao toàn diện đời sống nhân dân, hình thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất giống và nuôi thương phẩm thủy sản; vùng sản xuất và chế biến nông, hải sản cung cấp cho các khu du lịch, khu kinh tế và xuất khẩu. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng, phát triển văn hóa, con người Đàm Hà, xây dựng Đàm Hà trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025”.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và định hướng của tỉnh, huyện Đàm Hà đã tập trung triển khai:

- Thống nhất ban hành các đề án, nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp, thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, như: Nghị quyết số 09-NQ/HU, ngày 18-12-2021, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 12-NQ/HU, ngày 21-1-2022 về phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ gắn với chế biến sản phẩm nông - lâm- thủy sản huyện Đàm Hà đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; đề án trồng cây ăn quả tập trung, đề án chăn nuôi, thủy sản....

- Chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về xây dựng huyện Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao và phấn đấu đến 2025 đạt Nông thôn mới kiểu mẫu. Trong đó, lấy phát triển sản xuất là động lực, lấy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nâng cao chất lượng sống của nhân dân là mục tiêu phấn đấu.

- Khuyến khích, tạo điều kiện và tranh thủ mọi nguồn lực cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Định hình, chuẩn bị cho sự ra đời và phát triển 01 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp tỉnh về thủy sản, hiện đã có Tập đoàn Việt Úc triển khai dự án sản xuất tôm giống chất lượng cao (*công suất 8 triệu con giống/năm, từ năm 2019 đến nay đạt sản lượng mỗi năm từ 1,5 đến 1,7 tỷ con tôm giống cung cấp cho thị trường các tỉnh phía bắc*); 01 hợp tác xã (HTX) nghiên cứu, tổ chức sản xuất giống cá biển, hàng năm HTX sản xuất cung cấp từ 750 ngàn đến 1 triệu con cá song giống, đảm bảo chất lượng, đáp ứng đủ nhu cầu cho các hộ nuôi khu vực các tỉnh phía bắc; 02 vùng trồng rau, dưa lưới trong nhà kính ứng dụng công nghệ cao; 1 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo trong môi trường lạnh sản xuất gà giống, hàng năm HTX sản xuất từ 150.000 đến 200.000 gà giống cung cấp ra thị trường; đồng thời liên kết với gần 500 hộ dân sản xuất gà thương phẩm chất lượng cao cung cấp cho các nhà hàng ở Hạ Long và các địa phương lân cận.

- Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy kinh tế hợp tác phát triển, hình thức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị được hình thành từ khâu đầu tư ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển hạ tầng, cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đến nay huyện đã thành lập được 50 doanh nghiệp hợp tác xã; 150 tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp.

- Cơ cấu cây trồng, vật nuôi dần chuyển dịch theo hướng ứng dụng công nghệ cao và an toàn sinh học, đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung như: Vùng trồng lúa chất lượng cao, vùng trồng quế, củ cải, cây ăn quả tập trung, nhất là vùng nuôi trồng thủy sản... - lĩnh vực có lợi thế của huyện. Một số doanh nghiệp, HTX đã thí điểm ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất nông nghiệp và bước đầu đạt hiệu quả. Việc canh tác từ khâu làm đất đến việc bón phân, bơm tưới, phân tích dữ liệu về môi trường, đất đai, ánh sáng và chất lượng các loại cây trồng đã được sử dụng các thiết bị hỗ trợ thông minh. Ngoài ra, hệ thống tưới tiêu và giám sát đã được thực hiện qua điện thoại. Những ứng dụng này giúp giảm một nửa chi phí sản xuất và sức lao động, giảm 50% lượng khí thải nhà kính, tăng năng suất 30%, từ đó, người nông dân sẽ có cơ hội tiếp cận, học hỏi kinh nghiệm để có quyết định đúng đắn hơn trong tổ chức sản xuất (quyết định lượng phân bón, thời gian canh tác, phụ thuộc bảo vệ thực vật,...).

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm được chỉ đạo, triển khai tích cực. Đến nay huyện có 17 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3-4 sao cấp tỉnh, trong đó có 06 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4 sao đã góp phần thúc đẩy phát triển bền vững chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số giúp nông dân kết nối trực tiếp với người tiêu dùng. Cùng với phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, việc chuyển đổi số giúp người sản xuất và người mua kết nối trực tiếp với nhau. Huyện đã tập trung hỗ trợ cho 8 đơn vị tham gia chương trình OCOP xây dựng trang website quảng cáo bán hàng với tổng kinh phí trên 1 tỷ đồng (*trong đó ngân sách huyện hỗ trợ gần 600 triệu đồng*); hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất đưa 11/13 sản phẩm chủ lực của huyện lên sàn giao dịch thương mại điện tử. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, mua bán nông sản qua các kênh thương mại điện tử bước đầu phát huy hiệu quả. Tiêu biểu là Công ty Thủy sản Việt Úc Quảng Ninh hàng năm sản xuất (SX) tiêu thụ từ 1,7 đến 2 tỷ tôm giống; HTX Bắc Việt SX tiêu thụ gần 1 triệu cá giống các loại/năm; Công ty Thương mại dịch vụ xây dựng Đàm Hà, HTX Trương Kế Đô SX tiêu thụ trên 250 tấn dưa các loại; HTX Tuyên Huyền chuyên SX thu mua, tiêu thụ gần 1.500 tấn gà thương phẩm... nhờ sự kết nối, mở rộng các kênh tiêu thụ qua sàn thương mại điện tử.

Những kết quả đạt được thời gian qua là kinh nghiệm quý báu, đồng thời là động lực để huyện đặt ra mục tiêu “Tiếp tục tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển du lịch”. Đây là yêu cầu tất yếu khách quan, là trách nhiệm, mục tiêu phấn đấu của cả hệ thống chính trị, của ngành, doanh nghiệp, khoa học công nghệ và đặc biệt là người nông dân; với phương thức tiếp cận là: “phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi, liên doanh liên kết từ khâu sản xuất - chế biến - tiêu dùng ổn định, bền vững tiến tới nông nghiệp thông minh, nông thôn hiện đại gắn với phát triển du lịch trên địa bàn”; phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, văn hóa và môi trường sinh thái của địa phương; góp phần chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp theo hướng “*tích hợp đa ngành*”.

## **MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỜI GIAN TỚI**

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra mục tiêu xây dựng huyện Đàm Hà đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển nông nghiệp thông minh, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông dân giàu có, nông thôn văn minh. Trong đó, xác định phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển du

lịch là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Để hiện thực hóa mục tiêu trên, trong thời gian tới, huyện Đầm Hà tập trung tổ chức thực hiện tốt những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu sau:

*Một là*, tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng huyện, ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt, nhất là Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-2-2023, của Thủ tướng Chính phủ, “Về phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến 2050”. Thành lập, phát triển hai khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp tỉnh tại huyện theo đúng quy hoạch tỉnh, đó là: 1- Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chăn nuôi bò sữa tập trung và liên kết người dân (Quy mô tổng đàn 30.000 con, trong đó chăn nuôi tập trung 10.000 con, liên kết người dân 20.000 con) với quy mô diện tích 350 ha. 2- Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp tỉnh về thủy sản, quy mô 435 ha. Triển khai các quy hoạch phát triển sản xuất ngành nông nghiệp như: Vùng trồng cây ăn quả tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển và bãi triều... Tích hợp, kết nối, kêu gọi đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa tập trung với quy mô đủ lớn để ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số vào các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

*Hai là*, tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; xu hướng chuyển dịch trong nội ngành cơ bản bảo đảm mục tiêu cơ cấu lại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng lĩnh vực, đặc biệt là lợi thế về phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của huyện; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng liên kết theo chuỗi giá trị bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; tổ chức thực hiện và quản lý tốt các quy hoạch ngành; triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn để huy động mọi nguồn lực trong xã hội đầu tư cho phát triển sản xuất, hoàn thành mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới... Trong đó:

-Về trồng trọt: Duy trì quy mô diện tích gieo trồng trên 6.500 ha/năm; tổng sản lượng lương thực (cây có hạt) luôn đạt trên 19.000 tấn. Thực hiện chuyển đổi diện tích đất rừng trồng hiệu quả thấp sang trồng cây ăn quả; phát triển sản xuất ứng dụng công nghệ cao; xây dựng nhãn hiệu hàng hóa đối với một số sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng theo chương trình OCOP.

- Về chăn nuôi: Chuyển dịch mạnh từ chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, giữ vững môi trường; quy hoạch được các vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư; vận dụng hiệu quả

cơ chế khuyến khích áp dụng công nghệ cao, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, nâng cao năng suất, giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

- Về lâm nghiệp: Thường xuyên quan tâm phát triển kinh tế rừng theo hướng nâng cao giá trị sản phẩm lâm nghiệp, chuyển đổi trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; triển khai thực hiện Đề án phát triển rừng trồng loài cây lim, dổi, lát trên địa bàn huyện Đàm Hà giai đoạn 2022 - 2025; triển khai kế hoạch trồng 1 tỷ cây xanh theo Đề án của Chính phủ. Sản phẩm gỗ rừng trồng chủ yếu phục vụ chế biến ván ghép thanh và dăm gỗ xuất khẩu; phát triển cây dược liệu (Quế 3.500 ha, Trà hoa vàng, Gừng gió, Địa liền... dưới tán rừng những nơi phù hợp), diện tích trồng lim, dổi, lát đạt 466 ha, tiếp tục quan tâm đầu tư trồng mới, chăm sóc, bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng, duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 57%.

- Về thủy sản: Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản tại các vùng quy hoạch sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng thâm canh, ứng dụng công nghệ cao; từng bước giảm cơ cấu sản lượng, phương tiện khai thác thủy sản ven bờ; chú trọng phát triển nuôi biển và các đối tượng nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao, cập nhật các vùng có tiềm năng nuôi trồng thủy sản vào quy hoạch vùng huyện, tỉnh. Thu hút các doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình đầu tư sản xuất giống thủy sản.

*Ba là*, tích cực triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh, huyện về hỗ trợ phát triển nông, lâm, thủy sản, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng tập trung, bền vững, hiệu quả kinh tế cao. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm tạo mối liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ các sản phẩm có giá trị kinh tế cao và có tiềm năng phát triển. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển du lịch gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phấn đấu 50% điểm du lịch nông thôn được số hóa; 80% sản phẩm nông sản đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 - 4 sao trở lên; 80% tuyến, điểm du lịch nông thôn áp dụng thương mại điện tử.

*Bốn là*, triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển du lịch huyện Đàm Hà đến năm 2025 định hướng đến 2030, với các tuyến, điểm, sản phẩm du lịch như: Du lịch văn hóa, nghề truyền thống của dân tộc thiểu số; du lịch trải nghiệm nông nghiệp; trải nghiệm cảnh quan thiên nhiên; du lịch lịch sử, văn hóa tâm linh; xây dựng các tour, tuyến du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao (Đảo Đá Dựng, Đảo Vạn Vược, Thoi Dây, Núi Cuông...), du lịch sinh thái thác Bạch Vân, Hồ Đàm Hà Động gắn với khu bảo tồn loài - Sinh cảnh Quảng Năm Châu với hơn 4.000 ha trên địa bàn huyện; Xây dựng các điểm du lịch trải nghiệm nông trại tại các trang trại trồng trọt công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản trên biển, bãi triều... Phát triển các sản phẩm từ nông nghiệp phục vụ khách du lịch và làm quà lưu niệm, quà tặng.

Năm là, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch: Tiếp tục ưu tiên nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng các tuyến, điểm du lịch như: đường giao thông; hệ thống cấp điện, cấp nước; dịch vụ phục vụ du lịch... trên cơ sở khai thác tiềm năng du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, văn hóa tâm linh gắn với lễ hội văn hóa của các dân tộc, lễ hội Đình Tràng Y, Đình Đàm Hà, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, ẩm thực đặc sắc của địa phương. Tổ chức các lớp tập huấn, các khóa đào tạo ngắn hạn về kỹ năng nghề và kỹ năng mềm phục vụ du lịch: cung cấp dịch vụ ăn uống (nấu ăn, pha chế...), lưu trú (làm buồng, phòng...), ngoại ngữ, văn hóa giao tiếp ứng xử, đón tiếp, thái độ phục vụ khách cho cộng đồng dân cư địa phương theo hướng chuyên nghiệp, lành nghề, thân thiện; kết hợp với nâng cao kiến thức lịch sử, văn hóa về điểm du lịch và học hỏi kinh nghiệm về phát triển mô hình du lịch nông thôn tại các địa phương.

Để thực hiện tốt mục tiêu, định hướng trong thời gian tới, từ thực tiễn địa phương Đàm Hà, có một số kiến nghị sau:

*Đề nghị Chính phủ:*

- Có chính sách mạnh mẽ hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, giải quyết những vướng mắc trong sử dụng đất đai, nguồn lực cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Sớm ban hành chương trình tổng thể hỗ trợ phát triển du lịch nông thôn nhằm khai thác tiềm năng du lịch nông thôn tiêu biểu tại một số địa phương như du lịch cộng đồng gắn với khai thác giá trị văn hóa truyền thống, liên kết phát triển du lịch nông nghiệp chất lượng cao, xây dựng làng du lịch thông minh... Có chính sách căn cơ trong đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch cho đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch nhằm chuẩn hóa về chất lượng đội ngũ. Huy động sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực triển khai của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam cho các dự án, chương trình du lịch nông thôn gắn với cộng đồng, bảo vệ môi trường sinh thái; liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch nông thôn.

*Đề nghị tỉnh Quảng Ninh:*

- Đề nghị Chính phủ Quyết định thành lập 02 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện; chỉ đạo sớm triển khai thực hiện các bước tiếp theo sau khi Chính phủ có Quyết định thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Đánh giá kết quả triển khai chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm để có giải pháp, chính sách phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

- Triển khai Đề án phát triển du lịch cộng đồng bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, quan tâm đầu tư khu văn hóa dân tộc thiểu số vùng cao Quảng An, huyện Đàm Hà. Lập bản đồ số các sản phẩm du lịch nông thôn, hỗ trợ kết nối sản phẩm du lịch nông thôn với các sản phẩm du lịch khác phục vụ cho việc xúc tiến du lịch nông thôn; tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế về phát triển du lịch nông thôn. Xây dựng mạng lưới đối tác du lịch nông thôn để phục vụ cho kết nối đầu tư, kết nối thông tin cung - cầu du lịch. Khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh liên doanh, liên kết với các tổ chức nước ngoài để xây dựng mô hình du lịch nông thôn phù hợp với điều kiện của địa phương. ❖



## **BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HUYỆN BÌNH LIÊU PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG**

**NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH**

*Bí thư Huyện ủy Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh*

Bình Liêu là huyện miền núi, biên giới, dân tộc nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, cách trung tâm thành phố Hạ Long 108km, có 43,186 km đường biên giới đất liền với 2 địa phương cùng cấp của Trung Quốc là huyện Ninh Minh, thành phố Sùng Tả và khu Phòng Thành, thành phố Phòng Thành Cảng, khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây. Huyện có 7 đơn vị hành chính (1 thị trấn và 6 xã), với 86 thôn/khu phố. Dân số toàn huyện trên 33 nghìn người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm trên 96% - là địa phương cấp huyện có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao của tỉnh Quảng Ninh và trong nhóm huyện cao nhất của cả nước. Huyện có 5 dân tộc chính gồm: Tày chiếm 55%; Dao chiếm 25,6%; Sán Chỉ (nhóm Sán Chay) chiếm 15,4%, Kinh chiếm 3,7%; còn lại là các dân tộc khác...

Huyện Bình Liêu có phong cảnh miền núi tươi đẹp, khí hậu mát mẻ; những rừng hồi, rừng quế thơm ngát; vẻ đẹp tự nhiên mà hùng vĩ của di tích danh thắng cấp tỉnh thác Khe Vằn; bãi “Đá thần” ở đỉnh Cao Ba Lanh vừa huyền bí vừa gợi vẻ thiêng liêng, là nơi ghi đậm dấu ấn những chiến công lịch sử; núi Cao Xiêm sừng sững là một trong những ngọn núi cao nhất tỉnh; những thửa ruộng bậc thang được công nhận là di tích danh thắng cấp tỉnh. Bình Liêu có hệ thống cột mốc biên giới hùng vĩ, đánh dấu chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Trải qua những chặng đường lịch sử, đồng bào các dân tộc huyện Bình Liêu luôn đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau; cùng đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, đánh bại nhiều kẻ thù xâm lược để bảo tồn cuộc sống. Qua đó, các dân tộc có sự giao thoa và ảnh hưởng lẫn nhau về phong tục, tập quán sản xuất; làm cho đời sống văn hoá ở Bình Liêu có nhiều mảng màu, sắc thái khác nhau. Điều đó, đã tạo nên một bề dày văn hóa phong phú, đa dạng, mang một bản sắc riêng. Người Bình Liêu luôn có ý thức, tự tôn dân tộc, thể hiện rõ

nét trong việc gìn giữ tiếng nói, trang phục truyền thống, các phong tục tập quán tốt đẹp và các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian của dân tộc mình.

Những năm qua, Bình Liêu luôn nhận được sự quan tâm của Trung ương, của Tỉnh, bên cạnh đó là sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Bình Liêu phục vụ cho phát triển du lịch cộng đồng, qua đó đã đạt được những kết quả tích cực:

1- Nhận thức của cấp ủy, chính quyền, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc phục vụ phát triển du lịch được nâng lên. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVII đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/HU, ngày 26-8-2015, “Về phát triển du lịch Bình Liêu giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 06-NQ/HU, ngày 29-6-2021, “Về bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của cộng đồng các dân tộc huyện Bình Liêu, giai đoạn 2016 - 2021”. Ban Thường vụ Huyện ủy khóa XXVII ban hành Nghị quyết số 19-NQ/HU, ngày 18-9-2018, “Về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu trên địa bàn huyện đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”. Huyện Bình Liêu từ địa phương du lịch chưa hình thành và chưa có đóng góp cho kinh tế - xã hội, đến nay đã bước đầu phát huy được thế mạnh về truyền thống văn hóa, cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, đường biên giới hùng vĩ phục vụ phát triển ngành du lịch với các sản phẩm đặc trưng: Du lịch biên giới, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm...

2- Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn luôn được quan tâm; các phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc được bảo tồn, phát huy trong cuộc sống; tạo nên một nền văn hóa mang đậm bản sắc, nhiều phong tục tập quán, lễ hội được giữ gìn và lưu truyền qua nhiều thế hệ như: Lễ hội Đình Lục Nà (từ ngày 15 - 17 tháng Giêng âm lịch), Hội Soóng Cọ của dân tộc Sán Chỉ (từ ngày 15 đến 16-3 âm lịch), Ngày Hội Kiêng gió của đồng bào dân tộc Dao (ngày 4-4 âm lịch); các chợ phiên hằng tuần vào ngày Chủ nhật; Tuần Văn hóa - Du lịch gắn với Hội Mùa vàng, Hội Hoa sớ vào tháng 11 - 12 hằng năm... Các ngày lễ, hội, chợ phiên diễn ra trong không khí vui tươi, lành mạnh, giữ nguyên nét truyền thống... Huyện đã quan tâm xây dựng đội ngũ nghệ sỹ, nghệ nhân; đến nay, đã có 6 Nghệ nhân Ưu tú, 1 Nghệ nhân Dân gian Việt Nam, 3 Nghệ sỹ Vùng mỏ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Huyện đã tổ chức 10 lớp truyền dạy: Hát then - Đàn tính, hát Soóng cọ, hát Pả dung được; xây dựng nhạc biểu diễn dân ca Tày, Dao, Sán Chỉ phục vụ các lễ, hội và các chương trình nghệ thuật của Huyện. Năm 2022, tổ chức Cuộc thi Người trình diễn trang phục dân tộc đẹp góp phần bảo tồn, phát huy giá trị, nét đẹp

của các trang phục các dân tộc trên địa bàn; xây dựng con người Bình Liêu thân thiện, giàu bản sắc văn hóa.

3- Đã xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch Tổng thể phát triển du lịch huyện Bình Liêu giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2020, Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 phục vụ phát triển du lịch; hằng năm cụ thể hóa bằng kế hoạch phát triển du lịch, các chỉ tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, huyện Bình Liêu đã hoàn thành Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu tộc người Tày Bình Liêu phục vụ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đang hoàn thiện đề cương Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa người Dao gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại bản Sông Moóc, xã Đồng Văn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa người Sán Chỉ gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại bản Lục Ngù, xã Húc Động giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; triển khai xây dựng cuốn sách “*Học tiếng Tày Bình Liêu*”; nhằm bảo tồn, trao truyền văn hóa truyền thống tạo sản phẩm văn hóa đáp ứng phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, xây dựng thành “*bảo tàng sống*”. Qua đó, nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của 03 dân tộc tiêu biểu trên địa bàn (Tày, Dao, Sán Chỉ), kết hợp với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, cột mốc biên giới hùng vĩ để phát triển du lịch, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng cho tỉnh Quảng Ninh: Du lịch cộng đồng, du lịch khám phá - trải nghiệm, du lịch biên giới...

4- Huyện Bình Liêu đã quan tâm phát huy 3 trụ cột “*Thiên nhiên - Văn hóa - Con người*” tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh. Đến nay, huyện Bình Liêu có 3 di tích cấp tỉnh (Di tích lịch sử, văn hóa đình Lục Nà, Di tích danh thắng thác Khe Vằn, Di tích danh thắng Ruộng bậc thang xã Lục Hồn); 2 di tích trong danh mục kiểm kê của Tỉnh (cây đa Cốc Lồng, xã Lục Hồn; Bãi đá thần, Đỉnh Cao Ba Lanh, xã Đồng Văn); huyện Bình Liêu được công nhận là khu du lịch cấp Tỉnh trong năm 2021. Năm 2019, Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam là di sản nhân loại (*mà Then Tày Bình Liêu là đại diện Quảng Ninh*). Bình Liêu hiện đang phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai lập hồ sơ đề nghị Hát Soóng cọ của dân tộc Sán Chỉ là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh rất quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ huyện Bình Liêu trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc trên địa bàn nhằm phát triển du lịch; xây dựng huyện Bình Liêu trở thành trung tâm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái trải nghiệm, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa, du lịch biên giới của Tỉnh; UBND tỉnh đã phê duyệt *Đề án* Phát triển du lịch bền vững gắn với giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2030, huyện Bình Liêu.

5- Công tác truyền thông được quan tâm đẩy mạnh với nhiều hình thức khác nhau; qua đó, vùng đất Bình Liêu tươi đẹp, con người Bình Liêu mến khách, giàu bản sắc văn hóa đã được quảng bá sâu rộng trong và ngoài nước; tạo ấn tượng tốt đẹp, lôi cuốn đối với du khách khi đến địa bàn. Huyện đã quan tâm phát huy các hình thức tuyên truyền, quảng bá đa dạng phong phú qua hệ thống truyền thanh, Cổng thông tin điện tử, tuyên truyền trực quan bằng pa-nô; đặc biệt tuyên truyền qua mạng xã hội về du lịch với các chương trình truyền hình quảng bá đặc sắc về du lịch Bình Liêu. Đã khai thác hiệu quả các tuyến, điểm; kết nối với các công ty lữ hành để đưa du khách đến địa bàn. Hằng năm, huyện xây dựng Kế hoạch Phát triển du lịch gắn với các lễ hội truyền thống, hoạt động văn hóa của các dân tộc trên địa bàn với 02 điểm nhấn: Ngày hội Văn hóa - Thể thao các dân tộc với điểm nhấn là Hội Soóng cọ của đồng bào dân tộc Sán Chỉ và Ngày Hội “*Kiêng gió*” của đồng bào dân tộc Dao và Tuần Văn hóa - Du lịch với điểm nhấn là Hội Mùa vàng và Hội Hoa sò. Giai đoạn 2015 - 2020, trung bình huyện Bình Liêu đón trên 80.000 lượt khách/năm, doanh thu đạt trên 22 tỷ đồng; năm 2022, mặc dù bị ảnh hưởng do dịch COVID-19, lượng du khách đến địa bàn đạt 100.590 lượt, doanh thu đạt trên 56 tỷ đồng. Tuy doanh thu toàn xã hội về hoạt động du lịch đóng góp vào tăng trưởng kinh tế còn ít, nhưng đây là sự khởi sắc, nỗ lực của Bình Liêu trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm giữ vững quốc phòng - an ninh.

6- Công tác quản lý nhà nước, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch được quan tâm; phát triển hạ tầng phục vụ du lịch từng bước được quan tâm thực hiện. Người dân trên địa bàn đã tham gia phát triển một số dịch vụ về ăn nghỉ, homestay, các sản phẩm lưu niệm... đáp ứng nhu cầu du khách đến địa bàn. Trong giai đoạn 2018 - 2023, huyện tổ chức 02 lớp đào tạo hướng dẫn viên tại điểm phục vụ cho việc quảng bá giới thiệu du lịch (76 người); xây dựng chương trình phối hợp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch trên địa bàn huyện Bình Liêu với Công ty Cổ phần đầu tư Du lịch Hà Nội (Hanoi Tourism JSC). Hằng năm, trong Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng, Huyện luôn quan tâm mở các lớp bồi dưỡng nghề cho lao động nông thôn liên quan đến kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ phát triển các dịch vụ du lịch trên địa bàn, nhất là liên quan đến phát triển du lịch cộng đồng. Huyện quan tâm thành lập, phát huy các câu lạc bộ văn nghệ dân gian (đã thành lập và duy trì 07 câu lạc bộ cấp xã, 28 câu lạc bộ cấp thôn/khu phố với 562 hội viên). Nhờ vậy, các làn điệu dân ca của dân tộc Tày (hát Then), dân tộc Dao (hát Pả Dung), dân tộc Sán Chỉ (hát Soóng cọ) được truyền dạy qua các thế hệ, ngày càng được phát huy trong đời sống văn hóa. Quan tâm huy động nguồn lực xã hội hóa, hướng dẫn người dân tham gia phát triển du lịch, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch, nhất là du lịch cộng đồng trên địa bàn. Hiện tại, trên địa bàn có khoảng 10 hộ gia đình trên địa bàn

tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng, đón trên 25.000 lượt khách/năm. Hằng năm, Huyện đã phối hợp với bộ phận nghiệp vụ của Sở Văn hóa và Thể thao Quảng Ninh triển khai công tác điều tra, sưu tầm, tư liệu hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn nhằm lưu giữ, phục dựng, phát huy trong đời sống văn hóa.

Qua những kết quả nêu trên, phát biểu tại lễ tổng kết công tác tuyên truyền về Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV ngày 10/11/2020 đồng chí Nguyễn Xuân Ký - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh đã nêu một ví dụ về huyện Bình Liêu, chỉ ra rằng: *“Định hướng phát triển của Bình Liêu cả hiện tại và tương lai, đó là dựa trên cơ sở khai thác, phát huy giá trị 3 yếu tố: “Thiên nhiên, con người và văn hoá”. Bình Liêu trở thành ví dụ sinh động cho công tác bảo tồn, phát triển văn hóa, con người của Tỉnh”*. Trang chủ của UNESCO Việt Nam đã đưa tin đậm nét sau khi Trưởng Văn phòng đại diện làm việc tại Bình Liêu: *“Ngày 07- 08/11/2020, ông Michael Croft, Trưởng đại diện UNESCO tại Việt Nam và đoàn công tác đã tham dự Khai mạc Tuần Văn hóa Du lịch - Hội Mùa vàng tại huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Đồng thời, thông qua một số hoạt động khảo sát về các hoạt động phát triển văn hóa, du lịch tại đây, ông Michael Croft khẳng định Bình Liêu có rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch bền vững dựa vào cộng đồng, với vốn văn hóa và cảnh quan thiên nhiên độc đáo và trù phú”*. Đây là nguồn lực, tiềm năng, động lực rất lớn để huyện Bình Liêu phát huy để phát triển du lịch với bản sắc riêng nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển du lịch cộng đồng vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới, cụ thể như sau: 1- Các giá trị văn hóa truyền thống, nhất là tiếng nói, một số phong tục, tập quán tốt đẹp, trang phục, làn điệu dân ca,... có nguy cơ mai một rất cao. Công tác sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đã được triển khai nhưng chưa tương xứng với bề dày truyền thống văn hóa trên địa bàn. Nguồn lực nhà nước đầu tư cho lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Việc huy động xã hội hóa thực hiện công tác bảo tồn kết quả chưa cao. 2- Du lịch trên địa bàn, nhất là du lịch cộng đồng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Huyện; chủ yếu mới dừng lại ở việc khai thác các tiềm năng, thế mạnh sẵn có. Công tác triển khai xây dựng các bản văn hóa đặc trưng các dân tộc trên địa bàn (Tày, Dao, Sán Chỉ) tiến độ còn chậm, do khó khăn trong huy động nguồn lực đầu tư. Hạ tầng phục vụ phát triển du lịch còn chưa đồng bộ; việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư, nhất là hạ tầng dịch vụ chất lượng cao, du lịch nghỉ dưỡng vẫn còn hạn chế, nên nguồn thu từ dịch vụ du lịch trên địa bàn chưa cao. 3- Nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, phát triển du lịch đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; tuy nhiên, vẫn còn thiếu về số lượng, chất lượng còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên do: **(1) Nguyên nhân khách quan:** Do ảnh hưởng của toàn cầu hóa, quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ, dẫn đến văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một rất cao. Bình Liêu là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, nên nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch cộng đồng còn hạn chế. **(2) Nguyên nhân chủ quan:** Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đã được quan tâm, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, du lịch chất lượng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngân sách huyện đầu tư cho lĩnh vực bảo tồn, phát huy văn hóa và phát triển du lịch tuy có tăng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Quan thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Huyện Bình Liêu rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau: 1- Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, công tác quản lý, tổ chức thực hiện của chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong việc triển khai công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nhằm huy động sức mạnh của toàn dân trong xây dựng và phát triển văn hóa; tạo sự lan tỏa, thấm sâu vào tư tưởng, làm chuyển biến trong nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch cộng đồng, mang lại thu nhập ổn định cho đồng bào dân tộc thiểu số. 2- Phát huy vai trò của các cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa, du lịch trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở trong triển khai thực hiện các phong trào liên quan đến hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa, con người. Cán bộ làm công tác văn hóa, du lịch ở cơ sở phải được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ; thường xuyên bồi dưỡng để tích lũy kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc. 3- Tăng cường công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn; để văn hóa thực sự “*vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển*”. Đưa nội dung phát triển văn hóa, con người vào các cuộc vận động, phong trào tại khu dân cư, nhất là quy ước, hương ước; cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh,... tạo thành phong trào chung của toàn xã hội, để từng thôn, khu, mỗi hộ gia đình, mỗi cá nhân cùng tham gia, tạo nên sức mạnh tập thể để đẩy mạnh thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn. Gắn công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, con người với phát huy thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên để phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng: Du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm, du lịch biên giới,... để phát triển du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh trên địa bàn. 4- Phát huy tốt vai trò của trưởng thôn/khu phố, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải tiên phong gương mẫu, đi đầu trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với

xóa bỏ tập quán lạc hậu trên địa bàn; lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với phát huy bản sắc văn hóa của địa phương. Hằng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết để biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, đồng thời nhân rộng những mô hình tiêu biểu, những cách làm hay để học tập, rút kinh nghiệm thực hiện.

Để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển du lịch cộng đồng trong giai đoạn tới, huyện Bình Liêu đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đồng bào các dân tộc, huyện Bình Liêu xác định một số quan điểm xuyên suốt như sau: 1- Phát huy tiềm năng, thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên, đường biên giới hùng vĩ, bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn như: Di tích danh thắng thác Khe Vắn (xã Húc Động); đỉnh Cao Ba Lanh, thác Sông Moóc A, thác Khe Tiền (xã Đồng Văn); di tích lịch sử Đình Lục Nà, cây đa Lục Hồn, đỉnh Cao Xiêm, di tích danh thắng ruộng bậc thang (xã Lục Hồn)...; các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian (Lễ hội Đình Lục Nà với các hoạt động văn hóa dân gian của cộng đồng các dân tộc; Hội Soóng cọ của đồng bào dân tộc Sán Chỉ ở xã Húc Động; Ngày “*Kiêng Gió*” của đồng bào dân tộc Dao ở xã Đồng Văn; diễn xướng Then của dân tộc Tày; Hội Mùa vàng gắn với danh thắng ruộng bậc thang; Hội Hoa sớ; Bình Liêu được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh) để phát triển du lịch. Phát triển du lịch theo hướng bền vững, không phát triển ồ ạt, chú trọng chiều sâu; lấy phát triển du lịch cộng đồng là trọng tâm; phấn đấu Bình Liêu trở thành trung tâm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái - trải nghiệm, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa, du lịch biên giới của tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn tới. Phát triển du lịch Bình Liêu phải nằm trong chuỗi liên kết, kết nối vùng, đặc biệt là kết nối với trung tâm du lịch của Tỉnh. 2- Quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn; bảo vệ môi trường sinh thái, các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử để phát triển du lịch một cách bền vững, hiệu quả. Huy động sự vào cuộc của người dân trên địa bàn trong phát triển du lịch, trọng tâm là chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nhất là lao động và việc làm, tạo thu nhập, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện là đối tượng hướng tới trong phát triển du lịch trong giai đoạn tới. 3- Phát triển du lịch phải phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn để đưa dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của Huyện. Phát triển du lịch trên cơ sở phát huy, khai thác tối đa nguồn nội lực; kết hợp với việc đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực từ các doanh nghiệp để đầu tư hạ tầng tại các tuyến, điểm du lịch, xây dựng, phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao.

Mục tiêu phấn đấu: 1- Đến năm 2025: Lượng khách đến Bình Liêu đạt trên 500 nghìn lượt; trong đó khách lưu trú đạt trên 150 nghìn lượt, khách nước ngoài trên 20.000 lượt; doanh thu đạt trên 450 tỷ đồng; lao động trực tiếp liên quan đến hoạt động du lịch trên 3.500 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%. Kinh tế du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế chung của huyện bình quân trên 13%/năm, thu nhập bình quân đầu người gấp từ 2,2 - 2,5 lần năm 2020 (khoảng 3.500 - 4.000 USD). Phát triển du lịch góp phần tăng trưởng cơ cấu các ngành kinh tế trụ cột của địa phương theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVIII đã đề ra. 2- Phấn đấu đến năm 2030, lượng khách đến Bình Liêu đạt trên 800 nghìn lượt, trong đó khách lưu trú đạt trên 350 nghìn lượt; khách nước ngoài trên 30 nghìn lượt, doanh thu đạt trên 960 tỷ đồng; lao động liên quan trực tiếp hoạt động du lịch trên 5.500 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 95%. Kinh tế du lịch góp phần nâng thu nhập bình quân đầu người gấp từ 1,5 - 2 lần năm 2025 (khoảng 5.200 - 8.000 đô la Mỹ), góp phần tăng trưởng kinh tế bình quân của huyện trên 17%/năm.

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, huyện Bình Liêu đề ra một số giải pháp trọng tâm như sau:

*Một là*, tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển du lịch cộng đồng gắn với tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh cụ thể hóa tại Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 09-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về, “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” (hiện tại Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đang chuẩn bị sơ kết nội dung này); Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 05-02-2016, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, “Về phát triển dịch vụ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030”. Qua đó, tạo bước chuyển mạnh mẽ, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, quản lý, điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở nhằm tiếp tục xây dựng, phát triển văn hóa, con người Bình Liêu nói riêng, tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Bên cạnh đó, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nghiên cứu, ban hành Nghị quyết của cấp ủy huyện về phát huy 3 trụ cột “Thiên nhiên - Văn hóa - Con người” đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững huyện Bình Liêu trong tình hình mới, Nghị quyết Phát triển du lịch huyện Bình Liêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

*Hai là*, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh trên địa bàn, nhằm



cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa; kiến nghị với cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng dân tộc trên địa, phát triển du lịch - Đây là tài sản vô cùng quý giá, cần tiếp tục bảo tồn, phát huy trong thời gian tới. Đồng thời, coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn về văn hóa, du lịch bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

*Ba là*, tập trung thực hiện các cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực để phát huy 03 trụ cột “*Thiên nhiên - Văn hóa - Con người*” gắn với phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Tập trung thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc trên địa bàn gắn với việc xóa bỏ những hủ tục, tập quán lạc hậu. Xây dựng bản văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên địa bàn: Dân tộc Tày, dân tộc Dao, dân tộc Sán Chỉ... Phát huy những tiềm năng, thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên, đường biên giới, bản sắc văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc trên địa bàn để phát triển du lịch mang bản sắc riêng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

*Bốn là*, đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa, phát triển du lịch. Tập trung nghiên cứu, bảo tồn, tôn tạo, trao truyền và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đặc sắc của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện một cách khoa học và có hệ thống, gắn với từng bước tư liệu hóa và số hóa các di tích, danh thắng, các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể góp phần phát huy giá trị riêng có của đồng bào các dân tộc, trở thành những sản phẩm văn hóa đặc sắc, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân và phát triển du lịch, mà trọng tâm là du lịch cộng đồng. Phát triển văn hóa, hướng tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ thấm nhuần tinh thần dân tộc, khoa học và nhân văn, khơi dậy phát huy tiềm năng giá trị di sản văn hóa, hình thành các không gian văn hóa tiêu biểu đặc sắc đại diện cho các dân tộc. Tăng cường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp, làm cơ sở tiếp thu sáng tạo các giá trị văn hóa mới phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển.

*Năm là*, quan tâm phát triển thị trường du lịch trên cơ sở kết nối với các trung tâm du lịch lớn ở trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh. Tăng cường hợp tác với các công ty lữ hành, các doanh nghiệp du lịch, nhằm khai thác có hiệu quả các tuyến, điểm du lịch; các dịch vụ tham quan, nghỉ dưỡng, ăn uống, mua sắm. Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá về du lịch huyện Bình Liêu; tập trung đưa và cập nhật trên các kênh trực tuyến và xúc tiến tại các hội chợ, trung tâm du lịch. Nghiên cứu, điều tra thị trường du lịch định kỳ làm cơ sở cho cách hoạt động xúc tiến quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu, phát triển sản phẩm du lịch. Xây dựng thông điệp quảng bá du lịch, lựa chọn kênh thông tin, cập nhật thông tin du

lịch thường xuyên và có thể dùng ứng dụng QR code để chỉ dẫn thông tin cho khách về tài nguyên du lịch, di tích lịch sử, sản phẩm, dịch vụ bổ sung khác. Từng bước nghiên cứu, phát triển hợp tác quốc tế về du lịch với 2 địa phương cùng cấp của Trung Quốc là khu Phòng Thành, thành phố Phòng Thành Cảng và huyện Ninh Minh, thành phố Sùng Tả (Quảng Tây - Trung Quốc) theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Báo cáo, đề xuất với Tỉnh để ban hành cơ chế để đưa khách quốc tế ra địa bàn biên giới.

Bên cạnh đó, huyện Bình Liêu *đề xuất một số* kiến nghị sau: 1- Bình Liêu cũng như một số địa phương khác có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, bản sắc văn hóa rất phong phú, đa dạng - Tuy nhiên, cùng với quá trình toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư việc giao lưu văn hóa ngày càng mạnh mẽ, dẫn đến nguy cơ mai một rất cao, Vì vậy, đề nghị Trung ương quan tâm ban hành cơ chế, chính sách đủ mạnh để thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống cộng đồng các dân tộc. 2- Văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc là nguồn lực rất quan trọng để phát triển du lịch cộng đồng, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn dân tộc, miền núi, biên giới còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, việc đầu tư phát triển du lịch cộng đồng cần mức đầu tư lớn: Kiến trúc nhà ở, không gian làng, bản văn hóa truyền thống các dân tộc... Việc thu hút các doanh nghiệp, người dân đầu tư gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, đề nghị Trung ương có cơ chế chính sách mạnh hơn để thu hút đầu tư phát triển du lịch cộng đồng. Điều đó, góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số, phát triển du lịch cộng đồng nhằm phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới một cách bền vững, hiệu quả. ❖

## PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM, XÂY DỰNG “TẾ BÀO HẠNH PHÚC” BỀN VỮNG

NGUYỄN VŨ THU HÒA

*Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Ninh*

Gia đình có chức năng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội, là nơi tái sản sinh ra con người, cung cấp nguồn nhân lực cho gia đình và xã hội, tạo ra của cải vật chất làm cho xã hội phát triển, nơi trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, hình thành nhân cách con người theo chuẩn mực của xã hội, vì vậy mà gia đình được coi là “tế bào của xã hội”. Bất kể thời đại thay đổi như thế nào, kinh tế và xã hội phát triển thế nào thì chức năng của gia đình là không thể thay thế, vai trò của gia đình là không thể thay thế, gia đình vẫn là trụ cột không thể thay thế.

### VAI TRÒ, TẦM QUAN TRỌNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUỐC GIA, DÂN TỘC VIỆT NAM

Gia đình luôn đồng hành với lịch sử phát triển của đất nước ta, dân tộc ta sâu sắc nhất ở ý nghĩa là nơi bảo tồn, lưu giữ và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc. Những nét đẹp của truyền thống của gia đình, dòng họ, truyền thống văn hóa dân tộc được gia đình Việt Nam gìn giữ, vun đắp và phát huy; ông bà, cha mẹ truyền thụ đến con trẻ từ năm này qua năm khác, từ đời này qua đời khác, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Trong xu thế phát triển, mặc dù những mối quan hệ trong gia đình Việt Nam có những thay đổi nhất định nhưng vai trò, vị trí của gia đình ngày càng được coi trọng.

Đảng, Bác Hồ và Nhà nước ta luôn đánh giá gia đình có vị trí, vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “... Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã

hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì vậy, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải chú ý hạt nhân cho tốt”. Trong hơn 35 năm đổi mới, vị trí, vai trò của gia đình luôn được đề cao. Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII hầu như đều nhắc đến vai trò của gia đình. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”. Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 24-6-2021, “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới*” tiếp tục khẳng định: “Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước”.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24-11-2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

#### *Những giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam*

Những giá trị truyền thống nổi bật của gia đình Việt Nam hiện hữu trong các mối quan hệ gia đình, giữa ông bà, cha mẹ với con cháu, giữa vợ và chồng, giữa anh chị với em. Mà ở đó sự thủy chung, tôn trọng lẫn nhau, yêu thương, chia sẻ, đùm bọc, hiếu nghĩa, hòa thuận, hi sinh và tinh thần trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình được đề cao. Bên cạnh đó, tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, đoàn kết, hiếu học, trọng danh dự cũng đã trở thành những truyền thống tốt đẹp, đặc trưng của văn hóa con người Việt Nam, đặc trưng văn hóa gia đình Việt Nam. Những phẩm chất này được hình thành từ giáo dục gia đình, từ nền nếp, gia phong của mỗi gia đình. Sự kế thừa truyền thống gia đình mang tính tiếp nối tư tưởng và giáo dục văn minh của dân tộc ta.

Gia đình ở Quảng Ninh có những giá trị truyền thống riêng so với các vùng, miền trong cả nước. Từ thời Pháp thuộc, Quảng Ninh là nơi thu hút người dân đến từ nhiều tỉnh thành để làm thợ mỏ, sau này là các thế hệ công nhân từ nhiều tỉnh, thành đến để lao động, học

tập, công tác, lập nghiệp, lập gia đình. Nhiều gia đình thợ mỏ sống trong các khu mỏ từ Đông Triều đến Uông Bí, Hạ Long, Cẩm Phả... hình thành nên những làng mỏ, phố thợ mỏ, tạo nên “kết cấu làng xã mới trên đất mỏ”<sup>(1)</sup>. Nhiều gia đình có 3 - 5 thế hệ làm thợ mỏ. Mặc dù đời sống theo ca kíp, luôn vất vả bận rộn nhưng các thành viên trong gia đình thợ mỏ luôn thấu hiểu công việc, hoàn cảnh của nhau, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau vun đắp giữ gìn gia đình đầm ấm, hạnh phúc, cùng chăm lo, dạy dỗ con cháu; cùng tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lao động sản xuất xây dựng đất nước, quê hương, tạo nên các thế hệ nối tiếp trong gia đình thợ mỏ với ý thức kỉ luật và trách nhiệm cao, ý chí tự lực, tự cường, niềm tin yêu, thủy chung son sắt với Đảng, yêu quê hương đất nước, người thợ mỏ đồng thời là người chiến sĩ, tạo nên nét đặc sắc văn hóa của giai cấp công nhân Vùng Mỏ, con người Vùng Mỏ, gia đình Vùng Mỏ “Kỷ luật và Đồng tâm”. Đó chính là những giá trị truyền thống hết sức quý báu cần được giữ gìn và phát huy trong giai đoạn hiện nay.

#### *Những thách thức đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay*

Cùng sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước, gia đình Việt Nam nói chung có nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi để phát triển, tuy nhiên, song song với đó là nền nếp, gia phong của gia đình biến đổi mạnh mẽ; xu hướng đề cao giá trị vật chất, tiền tài, danh lợi, đề cao sự hưởng thụ, chủ nghĩa cá nhân đã và đang có nguy cơ làm suy giảm những giá trị văn hóa gia đình truyền thống. Không ít gia đình sao nhãng sự quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình, nhất là sự quan tâm của bố mẹ đối với con cái, sự chăm sóc của con cháu với ông bà, bố mẹ. Ông bà, cha mẹ không hình thành lối sống gương mẫu cho con cháu, anh chị không hình thành lối sống gương mẫu cho các em. Áp lực trong công việc và các mối quan hệ xã hội, điều kiện công tác, học tập, lao động xa nhà lâu ngày làm gián đoạn thời gian sinh hoạt chung và giảm sự tương tác, gắn kết, giao tiếp trực tiếp, thường xuyên giữa các thành viên trong gia đình, làm cho sự thấu hiểu, sẻ chia, hòa thuận, thực hiện trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình bị ảnh hưởng. Nhiều gia đình do quá tập trung làm kinh tế đã xem nhẹ việc giáo dục, nuôi dạy con cái, trong khi sự phát triển của mạng xã hội tác động đến con trẻ một cách mạnh mẽ. Những lối sống cá nhân lệch chuẩn nhưng mang lại lợi ích kinh tế cho tổ chức/cá nhân người làm video clip/hình ảnh/câu chuyện đăng nhiều trên mạng xã hội sẽ tác động tiêu cực, biến những giá trị chuẩn mực tích cực của gia đình trở nên lạc hậu, giáo điều trong nhận thức của con trẻ; xuất hiện những quan điểm cổ xúy cho lối sống thực dụng, vị kỉ, thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng, đi ngược lại những giá trị gia đình truyền thống, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

(1) Xem: Phạm Học: Gia đình thợ mỏ, làng mỏ - Đặc trưng văn hóa của Quảng Ninh, [baoquangninh.com.vn](http://baoquangninh.com.vn)

## PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG CỦA GIA ĐÌNH VIỆT, XÂY DỰNG “TẾ BÀO XÃ HỘI” HẠNH PHÚC BỀN VỮNG

*Cần nhận thức gia đình là tế bào cơ bản của xã hội, tương lai và vận mệnh của gia đình gắn liền với tương lai và vận mệnh của đất nước, dân tộc, xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững là trách nhiệm của toàn xã hội.*

Nghị quyết Đại hội XIII đã xác định, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời đại mới là vấn đề tất yếu để bảo đảm sự đoàn kết, đồng thuận của dân tộc, của đất nước trong tiến trình hội nhập và phát triển bền vững, đồng thời là nhu cầu khách quan trong quá trình thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”. Do đó, các cấp ủy đảng cần tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác gia đình, xác định công tác gia đình là một trong những nội dung quan trọng trong các nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, vận động nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng về vị trí, vai trò của gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh mà Đại hội XIII của Đảng đã xác định.

*Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, nền nếp, gia phong tiến bộ trong gia đình*

Các gia đình khác nhau có phương pháp nuôi dạy con khác nhau và các gia đình khác nhau có các đặc điểm phong cách khác nhau, nhưng cần được định hướng bởi các hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc Việt Nam; kết hợp những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Ngày 19/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 96/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030; ngày 28-1-2022 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đã ban hành tiêu chí ứng xử trong gia đình với 5 nhóm tiêu chí: 1- Các tiêu chí ứng xử chung: Tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ; 2- Tiêu chí ứng xử của vợ, chồng: Chung thủy, nghĩa tình; 3- Tiêu chí ứng xử giữa cha mẹ với con, ông bà với cháu: Gương mẫu, yêu thương; 4- Tiêu chí ứng xử của con với cha mẹ, cháu với ông bà: Hiếu thảo, lễ phép; 5- Tiêu chí ứng xử của anh, chị, em: Hòa thuận, chia sẻ. Cần đẩy mạnh giáo dục theo chương trình và các tiêu chí này trở thành nền nếp, gia phong của mỗi gia đình.

Một gia đình no ấm, bố mẹ thuận hòa là điều kiện, môi trường quan trọng, trực tiếp để nuôi dưỡng thế hệ tương lai của đất nước. Dựa vào gia đình và con đường giáo dục gia đình để thực hiện xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Gia đình hạnh phúc, văn minh không chỉ giới hạn ở sự hòa thuận giữa các thành viên trong gia đình, tôn trọng và hiếu thảo, mà còn bao gồm tất cả các khía cạnh của lối sống lành mạnh, khoa học, tận tụy với công việc, sự sẻ chia giúp đỡ lẫn nhau và cống hiến cho xã hội. Sự chấp hành và tiếp nối các quy tắc ứng xử tích cực, tiến bộ, văn minh trong gia đình tạo nên hạnh phúc bền vững của mỗi gia đình, tạo ra xu thế văn minh, hạnh phúc bền vững của xã hội.

*Nhận thức bình đẳng về trách nhiệm xây dựng gia đình của đàn ông và phụ nữ trong gia đình, đồng thời phát huy đức tính tốt đẹp riêng có của phụ nữ trong xây dựng gia đình*

Đối với một gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, cả phụ nữ và nam giới đều phải đóng góp quan trọng như nhau. Phụ nữ và nam giới, nhất là trong vai trò làm cha mẹ đều có trách nhiệm thực hiện những hoạt động như nuôi dạy con cái, tổ chức cuộc sống gia đình. Đàn ông và phụ nữ đều có thể phát huy thế mạnh của mình để cùng nhau xây dựng gia đình, không nhất thiết phải là “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm” như dân gian xưa quan niệm.

Tuy nhiên, với đặc điểm giới, thiên chức giới riêng có của phụ nữ, gia đình truyền thống thường đề cao vai trò của người phụ nữ trong việc nội trợ, quản lý gia đình, phụ nữ được coi như người giữ “tay hòm chìa khóa”, “người giữ lửa”, người sắp xếp, tổ chức cuộc sống gia đình, đồng thời tham gia chủ yếu, trực tiếp vào các công việc dọn dẹp nhà cửa, tổ chức bữa ăn, nề nếp sinh hoạt của các thành viên trong gia đình...; đặc biệt là người có vai trò quan trọng trong việc điều hòa các mối quan hệ gia đình, bởi vì phụ nữ có những đức tính mang đặc điểm giới mà nam giới không có như đức tính chịu thương chịu khó, đảm đang, dịu dàng, nhẫn nhịn, biết thông cảm, nhạy cảm, tinh tế... Là người mẹ, phụ nữ cũng có thể coi là người thầy đầu tiên của con, chăm con từ lúc mang thai, dạy con từ lúc lọt lòng, những thái độ ứng xử, hành vi của người mẹ đối với con và các thành viên trong gia đình ảnh hưởng to lớn đến quan niệm, ứng xử, hành vi và nếp sống trong suốt cuộc đời của con cái, thậm chí tiếp tục ảnh hưởng đến thế hệ cháu, hình thành nề nếp, gia phong của gia đình phù hợp hoặc không phù hợp với chuẩn mực xã hội.

*Tăng cường truyền thông về giá trị truyền thống gia đình Việt Nam và gương gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh*

“Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới” không thể hình thành nếu công tác thông tin, truyền thông không được quan tâm đúng mức. Trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nước ta là quốc gia

có đông đảo người sử dụng internet, các thiết bị thông minh và các mạng xã hội, những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình sẽ dần đi sâu vào tâm thức của mỗi người, trở thành ý thức, hành vi tự nhiên của mỗi người nếu được tiếp cận, tiếp nhận thông tin một cách thường xuyên, với người thật, việc thật. Cần tăng cường truyền thông về Ngày gia đình Việt Nam (28/6 hằng năm), thậm chí tổ chức tuần lễ hoặc Tháng hành động vì gia đình Việt Nam để nâng cao nhận thức, hành động của toàn xã hội về vai trò của gia đình, trách nhiệm vun đắp, xây dựng gia đình.

*Phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ*

Là tổ chức đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, Hội Liên hiệp phụ nữ có trách nhiệm và lợi thế trong tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của người mẹ, người vợ trong xây dựng gia đình, phát huy vai trò, đức tính tốt đẹp riêng có của phụ nữ; Hội có trách nhiệm đồng hành cùng phụ nữ, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình. Do vậy, các phong trào thi đua, cuộc vận động trong nhiều năm qua và trong thời gian tới của Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp đều hướng tới vận động, hỗ trợ phụ nữ gìn giữ, vun đắp giá trị gia đình, góp phần quan trọng xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Sự tích cực tham gia xây dựng chính sách, giám sát, phản biện xã hội của tổ chức hội sẽ góp phần hoàn thiện và thực thi tốt chính sách, pháp luật liên quan đến xây dựng gia đình và công tác gia đình.

Đối với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Ninh, trong xu thế phát triển của tỉnh, các cấp hội cần quan tâm tuyên truyền, vận động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc trong giai đoạn mới; nhất là đồng hành, hỗ trợ nữ công nhân lao động ở các khu công nghiệp, nữ công nhân xa nhà, trong đó phát huy được vai trò, lợi thế, đức tính tốt đẹp của phụ nữ, đặc biệt là gìn giữ và phát huy truyền thống kỷ luật và đồng tâm của giai cấp công nhân Vùng Mỏ, con người Vùng Mỏ, gia đình Vùng Mỏ.

Gia đình là tế bào cơ bản của xã hội và là lớp học đầu tiên của mỗi người. Tế bào này cần được nuôi dưỡng khỏe mạnh. Dù thời đại có thay đổi đến đâu, dù nếp sống có thay đổi đến đâu, chúng ta cũng phải quan tâm đến gia đình, quan tâm xây dựng gia đình, giáo dục gia đình, phát huy truyền thống gia đình của dân tộc Việt Nam, kết hợp chặt chẽ để vun đắp và phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển vững chắc của thế hệ tiếp theo, thúc đẩy mọi gia đình trở thành “tế bào xã hội” hạnh phúc bền vững. Hạnh phúc của xã hội phải được phản ánh trong hạnh phúc bền vững của mỗi gia đình. Đây là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc ta. ❖



## **LUỒNG GIÓ MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TẠI QUẢNG NINH**

**NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

*TS, Đại học Công nghệ Đông Á*

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa vô cùng đa dạng, độc đáo với hàng nghìn di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, trong đó có hàng nghìn lễ hội. Lễ hội là sinh hoạt văn hóa dân gian mang tính cộng đồng được tổ chức ở khắp mọi miền đất nước. Quảng Ninh, vùng đất được ví như một Việt Nam thu nhỏ, nơi chứa đựng các giá trị văn hóa đa dạng, ngoài vịnh biển kỳ quan nổi tiếng thế giới, vùng đất mỏ còn được biết đến với nền văn hóa đặc sắc và nhiều lễ hội hấp dẫn được tổ chức hàng năm, góp phần mang đến cho du khách nhiều trải nghiệm thú vị.

Nhắc đến Quảng Ninh, thế giới vẫn ca ngợi vẻ đẹp ngoạn mục của di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, nhưng có lẽ, Quảng Ninh cần được thế giới biết đến nhiều hơn nữa bởi các giá trị văn hóa, các tài nguyên du lịch nhân văn. Một trong số đó là lễ hội truyền thống và các lễ hội hiện đại (lễ hội mới). Có thể nói, dù cùng chung đặc trưng là sáng tạo từ dân gian, song mỗi lễ hội lại hàm chứa những giá trị và bản sắc riêng, thể hiện câu chuyện, thông điệp của cộng đồng mình. Chính những điều này đã góp phần mang đến tính đa dạng mà độc đáo của lễ hội - tiềm năng, nguồn lực để trở thành một sản phẩm văn hóa hấp dẫn trong ngành công nghiệp văn hóa. Với Quảng Ninh, lễ hội còn trở thành một sản phẩm du lịch tuyệt vời trong việc phát triển du lịch văn hóa nơi đây.

Nếu như lễ hội cổ truyền là sự kiện văn hóa mang tính cộng đồng, tập hợp những tập tục, nghi thức cầu nguyện thể hiện sự tôn kính của con người trước đấng siêu nhiên, các lễ hội này thường gồm nhiều hoạt động văn hóa gắn liền với đời sống thường nhật, như hát, múa, diễn xướng, trò chơi dân gian thì xã hội hiện đại của chúng ta ngày càng sôi động với không khí lễ hội mới nhiều màu sắc, song hành cùng dòng chảy của cuộc sống hiện đại luôn đổi thay không ngừng. Lễ hội mới mang nhiều yếu tố sáng tạo, giao thoa văn hóa,

nghệ thuật của xã hội hiện đại nên cũng sẽ nảy sinh những mặt trái. Tuy nhiên, về tổng thể, rất cần song hành cả lễ hội hiện đại với lễ hội truyền thống, tạo nên luồng gió mới, vẽ nên bức tranh đa sắc trong văn hóa Việt Nam nói chung, văn hóa tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

## **DUY TRÌ, PHỤC DỰNG CÁC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG TẠI QUẢNG NINH**

Không nhiều địa phương ở Việt Nam vẫn duy trì và phát huy được nhiều lễ hội truyền thống có quy mô lớn, đặc sắc, hấp dẫn như vùng đất Quảng Ninh. Các lễ hội lớn như lễ hội Yên Tử, lễ hội đền Cửa Ông, lễ hội đình Trà Cổ, lễ hội Bạch Đằng,...đều là những lễ hội có quy mô cấp tỉnh, cấp vùng, cấp quốc gia. Khách hành hương, khách du lịch tâm linh, khách tham quan đổ về Quảng Ninh mỗi mùa lễ hội, năm sau cao hơn năm trước. Không chỉ có khách trong vùng, rất nhiều khách từ miền Trung, miền Nam, thậm chí nhiều khách quốc tế cũng đã và đang quan tâm đến các sự kiện lễ hội nơi đây. Họ kết hợp du lịch tại vịnh Hạ Long với hoạt động khám phá bản sắc văn hóa, tín ngưỡng, ẩm thực, phong tục, tập quán tại các điểm đến xung quanh.

Nhà nghiên cứu văn hóa M.Bachin đã cho rằng: “Thực chất lễ hội là cuộc sống được tái hiện dưới hình thức lễ tế và trò diễn là cuộc sống lao động và chiến đấu của cộng đồng cư dân. Tuy nhiên, bản thân cuộc sống không thể thành lễ hội được nếu như nó không được thăng hoa, liên kết và quy tụ lại thành thế giới của tâm linh, tư tưởng của các biểu tượng vượt lên trên tôn giáo của các phương tiện và điều kiện tất yếu. Đó là thế giới, là cuộc sống thứ hai thoát ly tạm thời thực tại hữu hiệu, đạt tới lý tưởng mà ở đó mọi thứ đều trở nên đẹp đẽ, lung linh, siêu việt và cao cả”. Việc duy trì bản sắc văn hóa thông qua các lễ hội truyền thống tại Quảng Ninh cũng vậy, cần có tư duy tổ chức lễ hội để hướng tới vẻ đẹp đúng nghĩa mà cha ông ta đã gây dựng.

Với quan điểm vừa duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội đặc sắc, vừa phục dựng lại những lễ hội đã mai một, thời gian qua, Quảng Ninh đã làm tương đối tốt nhiệm vụ này. Có thể kể đến một số lễ hội lớn được du khách thập phương quan tâm như:

*Lễ hội Yên Tử* là một trong những lễ hội xuân ở Quảng Ninh có quy mô lớn nhất, thu hút đông đảo du khách ghé thăm. Cứ mỗi dịp tết đến, xuân về, nơi đây lại thu hút hàng vạn lượt du khách thập phương ghé đến văn cảnh và chiêm bái. Vùng núi linh thiêng Yên Tử Quảng Ninh sở hữu cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ cùng không gian thoát tục mang đến cho du khách sự tĩnh tâm, an nhiên. Du khách sẽ tham gia vào đoàn người tấp nập leo lên đỉnh núi để bày tỏ lòng thành kính, cầu ban phước lành, bình an.

*Lễ hội đình Trà Cỏ* được tổ chức với nhiều nghi thức truyền thống bày tỏ lòng biết ơn tới các vị thành hoàng, như lễ rước thần trên biển, lễ rước cỗ, lễ đại tế,... Bên cạnh đó, lễ hội Hạ Long, Quảng Ninh còn tổ chức nhiều hoạt động dân gian sôi nổi, như thi hò kéo lưới, bài chòi, kéo co, đập niêu, chằm thi “ông Voi” và chương trình văn nghệ chào mừng độc đáo. Đặc biệt, du khách tham gia lễ hội còn có dịp tham quan di tích đình Trà Cỏ, dâng hương cầu phúc và vui chơi, tắm biển Trà Cỏ.

*Lễ hội đền Cửa Ông* được tổ chức để tưởng niệm và bày tỏ lòng biết ơn đối với tướng Trần Quốc Tảng - người đã có công dẹp giặc, mang lại bình yên cho dân làng. Nghi lễ truyền thống được tổ chức gồm hai phần: tế lễ và rước kiệu để gợi nhớ hành trình tuần du của Đức Ông. Sau phần lễ là phần hội với nhiều hoạt động văn hóa, trò chơi dân gian sôi động, như múa rồng, đánh trống, kéo co, đẩy gậy, bịt mắt đập niêu,... Đến tham gia lễ hội tại đền Cửa Ông, du khách còn có dịp chiêm ngưỡng cảnh sắc hoang sơ tuyệt đẹp của vịnh đảo Bái Tử Long.

*Lễ hội Bạch Đằng* còn có tên gọi khác là Giỗ trận được tổ chức hằng năm với ý nghĩa tưởng nhớ chiến thắng chống giặc ngoại xâm của các vị anh hùng dân tộc. Đây là lễ hội có quy mô lớn, thu hút đông đảo người dân tham gia dâng lễ, khấn bái cùng với nhiều cuộc thi, trò chơi dân gian tái hiện những cuộc tập trận trên sông giúp du khách hiểu hơn về những chiến tích oai hùng của dân tộc.

*Lễ hội Quan Lạn* là hội làng hằng năm của người dân xã đảo Quan Lạn. Hội làng diễn ra nhiều hoạt động truyền thống đặc sắc với tục khóa làng, lễ nghinh thần. Đặc biệt, không khí lễ hội Hạ Long, Quảng Ninh tại xã đảo vô cùng náo nhiệt, hòa trong tiếng chiêng trống, hò reo khí thế vang cả một vùng của tục đua thuyền. Dân làng xã đảo luôn nồng nhiệt chào đón du khách ghé thăm, tham gia lễ hội để cùng tưởng nhớ chiến thắng quân Nguyên Mông hào hùng, lan tỏa nét đẹp văn hóa lịch sử dân tộc.

Điều quan trọng nhất trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể lễ hội truyền thống là Quảng Ninh cần tiến hành đồng bộ, có lộ trình trong việc xây dựng một môi trường văn hóa lễ hội lành mạnh, văn minh, giữ gìn và phát huy những giá trị đẹp của truyền thống dân tộc, gần gũi, đời thường, đồng thời bài trừ các hủ tục, các tệ nạn, các hiện tượng tiêu cực. Môi trường di tích, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo là điều kiện tốt để hiện tượng mê tín dị đoan, như xem xóc thẻ, xem bói, cúng vong... nảy nở. Đây là hiện tượng tiêu cực, sai lệch, biến tướng, chạy theo thương mại hóa, lợi dụng lễ hội để trục lợi tâm linh nên lễ hội đang mất dần tính thiêng. Cần lên án những hiện tượng tiêu cực này nhằm trả lại giá trị thực cho lễ hội, để lễ hội thực sự là của cộng đồng nhằm tôn vinh những

giá trị văn hóa truyền thống. Cơ quan chức năng, đặc biệt là ở địa phương, cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh để trả lại giá trị thực cho lễ hội, mang lại môi trường trong lành cho các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Việc làm này nhất thiết cần có sự tham gia, vào cuộc của các tổ chức tôn giáo, ban quản lý các di tích, các nhà khoa học để những người trong cuộc, có hiểu biết sâu phân tích kỹ lưỡng, thuyết phục, từ đó hạn chế tối đa những biến tướng này. Từ đó, các địa phương có thể phát huy được mặt tích cực, giúp người đi lễ có tinh thần tốt, môi trường lành mạnh để phát triển văn hóa nói chung và đạo đức, nhân cách của mỗi con người nói riêng.

### **KHI TRUYỀN THÔNG HÒA NHỊP CÙNG HỘI THỞ HIỆN ĐẠI, KHI DU LỊCH ĐỒNG HÀNH CÙNG VĂN HÓA**

Là tỉnh lớn ở vùng Đông Bắc Tổ quốc, cùng với thành phố Hạ Long là một trong những đô thị du lịch sôi động nhất cả nước và với nhiều thành phố vệ tinh, tỉnh Quảng Ninh đang ngày càng khẳng định sự hấp dẫn qua hàng loạt lễ hội với màu sắc hiện đại, trẻ trung. Rất nhiều lễ hội mới được kiến tạo phù hợp với nhịp sống nơi đây ngày càng làm phong phú thêm đời sống người dân và thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước tới tham quan, thưởng lãm.

Có thể khẳng định lễ hội hiện đại là một trong những hoạt động cộng đồng mang tính xã hội cao. Ta có thể làm phép so sánh với lễ hội truyền thống để tìm ra nét khác biệt, từ đó tìm ra những đặc trưng của lễ hội hiện đại. Tuy nhiên, cả hai hình thức lễ hội đều có những điểm ưu việt riêng. Nếu như lễ hội truyền thống có chiều sâu văn hóa, có yếu tố tâm linh, tín ngưỡng và cả đức tin thì lễ hội hiện đại có tính pha trộn, có tính màu sắc và có nhiều yếu tố gắn với giao thoa văn hóa, sử dụng các trang thiết bị hiện đại. Lễ hội truyền thống duy trì và phát huy được giá trị bởi nó ăn sâu vào tiềm thức con người dù cho họ đang sống trong một xã hội hiện đại, nhưng lễ hội hiện đại lại có những yếu tố gần gũi, dễ tiếp cận, dễ được công chúng đón nhận nếu như được tổ chức tốt. Mặc dù vậy, do lễ hội truyền thống thường có tính mùa vụ, hầu hết đều diễn ra vào mùa xuân, sau mỗi dịp tết, trong khi Quảng Ninh có hoạt động du lịch quanh năm, du khách trong nước và quốc tế hội tụ mọi thời điểm nên các lễ hội mới ra đời cùng các hoạt động giải trí khác sẽ giúp địa phương đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Do đó, rất cần song hành việc duy trì và phát huy lễ hội truyền thống với các lễ hội mới, góp phần quan trọng trong việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tại Quảng Ninh, đồng thời góp phần phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, giúp du lịch địa phương ngày càng hấp dẫn hơn bởi tính đa dạng về sản phẩm.

Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 đã chỉ rõ: Sự tác động của quá trình toàn cầu hóa, cạnh tranh quốc tế và cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng sẽ diễn ra quyết liệt, phức tạp hơn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, xã hội số, văn hóa số... vừa đem lại những cơ hội, vừa tạo ra thách thức mới trong việc xây dựng và phát triển văn hóa. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các địa phương quan tâm đến việc hình thành các ngành công nghiệp văn hóa. Bên cạnh những thuận lợi trong việc phát triển các lễ hội mới, chúng ta không quên nhìn lại những hạn chế, yếu kém trong tổ chức lễ hội được coi là một thách thức tất yếu. Bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ, dân tộc nào trong môi trường hội nhập quốc tế cũng phải chấp nhận và đương đầu với những thách thức đó. Do đó, việc tổ chức lễ hội mới là cần thiết để góp phần phát triển công nghiệp văn hóa cũng như phát triển du lịch, nhưng cần biết chọn lọc, tập trung, tránh dàn trải. Cần đầu tư phát triển một số lễ hội mới mà khi nhắc đến Quảng Ninh, Hạ Long, người ta sẽ nhắc đến một thương hiệu giá trị về tổ chức lễ hội, đó là thành phố du lịch lễ hội, như Đà Nẵng là điểm đến của lễ hội pháo hoa, Huế là điểm đến của thành phố festival, Đà Lạt là thành phố lễ hội ngàn hoa...

Tại một số quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, việc tổ chức lễ hội đã trở nên chuyên nghiệp. Ở đó, tinh thần quản trị được thực hiện một cách khoa học. Chuyên nghiệp ở đây không có nghĩa là lễ hội nào cũng giống lễ hội nào mà cần có sự phân công công việc và đi kèm với đó là trách nhiệm cụ thể. Đó là cách để truyền thống hòa nhịp với hơi thở hiện đại, để du lịch đồng hành cùng văn hóa. Có như vậy mới giúp Quảng Ninh tạo nên một chuỗi giá trị du lịch văn hóa hấp dẫn mọi du khách thập phương.

Trước đây, Hạ Long đã xây dựng khá thành công lễ hội mới, tạo nên một sản phẩm du lịch hấp dẫn là lễ hội Carnival Hạ Long. Với không gian tổ chức rộng lớn và nhiều hoạt động hấp dẫn, lễ hội thu hút sự chú ý và tham gia của hàng ngàn du khách trong, ngoài nước. Ý nghĩa lễ hội Carnival có vai trò khởi động du lịch hè, góp phần quảng bá thương hiệu du lịch của thành phố Hạ Long và tỉnh Quảng Ninh. Tham gia lễ hội, du khách sẽ được hòa mình vào không gian đầy màu sắc của những buổi diễu hành đường phố, trình diễn nghệ thuật ấn tượng. Lễ hội còn là dịp để du khách thực hiện hành trình khám phá kỳ quan vịnh Hạ Long với cảnh sắc hùng vĩ của những hòn đảo đá vôi và làn nước xanh biếc tuyệt đẹp. Từ năm 2013, Lễ hội Hoa anh đào được tỉnh tổ chức với mong muốn giới thiệu, quảng bá hình ảnh Hạ Long ra thế giới, đồng thời, giới thiệu nét văn hóa Nhật Bản tới nhân dân Quảng Ninh và du khách thập phương. Tham gia lễ hội, du khách sẽ được trải nghiệm không gian sinh động với những hàng hoa anh đào khoe sắc ngọt ngào và vẻ đẹp rực rỡ của mai vàng Yên Tử - loài hoa đến từ miền đất Phật Quảng Ninh. Chương trình lễ hội Hạ Long

diễn ra nhiều tiết mục giao lưu văn hóa nghệ thuật Việt - Nhật với các trò chơi dân gian và các sản phẩm tiêu biểu của hai nước.

Tuy nhiên, một số lễ hội mới này chưa giúp Quảng Ninh thực sự định vị được cho mình một thương hiệu “điểm đến của lễ hội hiện đại”. Do đó, rất cần tinh định vị thêm một số thương hiệu Festival có đẳng cấp quốc tế khác với mục đích duy trì, phát triển bền vững các lễ hội hiện đại. Và khi đó, Quảng Ninh cần có cách quản lý và tổ chức các lễ hội mới một cách chuyên nghiệp để lễ hội phát huy tác dụng, lan tỏa các giá trị sang các lĩnh vực khác. Đó là sự kiện văn hóa đem lại lợi ích kinh tế cho các lĩnh vực liên quan, giúp quảng bá hình ảnh địa phương, giúp địa phương trở thành nơi đáng sống.

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, có tính dịch vụ, liên ngành cao và chứa đựng hàm lượng văn hóa vô cùng sâu sắc. Đó là sự khác biệt của ngành du lịch với các ngành kinh tế dịch vụ khác và các ngành công nghiệp sản xuất. Do đó, du lịch và văn hóa luôn có mối quan hệ đặc biệt. Chắc chắn, trong quá trình phát triển công nghiệp văn hóa tại Việt Nam cũng như Quảng Ninh, du lịch nói chung và loại hình du lịch văn hóa nói riêng sẽ có đóng góp rất nhiều cho công nghiệp văn hóa bởi những lợi thế mà du lịch đang có. Du lịch văn hóa là một trong những trụ cột quan trọng của các loại hình du lịch tại Việt Nam nên việc Chính phủ đưa du lịch văn hóa chứ không phải loại hình du lịch khác vào 12 lĩnh vực của ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam là đúng đắn. Song, trong quá trình phát triển công nghiệp văn hóa, sẽ không chỉ có du lịch văn hóa đóng góp cho sự phát triển đó, mà còn có vai trò của những loại hình du lịch khác cũng rất quan trọng, mang lại giá trị kinh tế lớn, như du lịch văn hóa lễ hội.

Trong thời gian tới, để du lịch văn hóa gắn với các lễ hội hiện đại song hành cùng các lễ hội truyền thống, một trong những nhiệm vụ trọng tâm đối với tỉnh Quảng Ninh là xây dựng các chuỗi giá trị du lịch văn hóa lễ hội. Chuỗi giá trị du lịch tại đây bao gồm các giá trị do nhà nước, doanh nghiệp tạo ra trong các hoạt động như quảng bá, xúc tiến du lịch và các hoạt động khác liên quan đến du lịch trên phạm vi quốc tế và quốc gia; giá trị do các công ty lữ hành tạo ra trong các hoạt động của họ như nghiên cứu thị trường, xúc tiến quảng bá du lịch, thiết kế xây dựng chương trình du lịch, tổ chức thực hiện chương trình; giá trị do các cơ sở lưu trú, ăn uống, vận chuyển, dịch vụ bổ sung... tạo ra. Với các nội dung đó trong chuỗi giá trị du lịch có thể nói, công nghiệp văn hóa tại Quảng Ninh gắn với du lịch văn hóa rất cần quan tâm đến việc làm thế nào để xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa theo chuỗi giá trị du lịch, bởi chuỗi giá trị du lịch văn hóa, nếu làm tốt, sẽ giúp cho kinh tế du lịch đạt được 5 tiêu chí: a) Lượng khách tăng; b). Chi tiêu bình quân một khách tăng; c).

Số lượng ngày lưu trú bình quân một khách tăng; d). Thu nhập từ du lịch tăng cao hơn so với trước khi xây dựng chuỗi giá trị du lịch; đ). Tạo giá trị, nâng cao vị thế du lịch Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng, góp phần quan trọng trong phát triển du lịch bền vững.

Do đó, chúng ta không nên chỉ dựa vào các giá trị văn hóa là các tài nguyên du lịch sẵn có, mà trong phát triển công nghiệp văn hóa với nền tảng du lịch văn hóa rất cần gia tăng giá trị nội sinh cho du lịch văn hóa, gia tăng những sáng tạo trong nghệ thuật trình diễn, sáng tạo trong các loại hình văn hóa nghệ thuật để phục vụ du khách trong và ngoài nước, qua đó quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, Quảng Ninh ra thế giới, đem lại giá trị kinh tế, mà lễ hội hiện đại chính là một trong những nhân tố thúc đẩy điều đó. Những chương trình trình diễn thực cảnh như “Tinh hoa Bắc Bộ - Hà Nội”, “Ký ức Hội An - Quảng Nam”,... cũng là một gợi ý hay cho Quảng Ninh, đó cũng chính là kết quả của việc gia tăng giá trị, sáng tạo để tạo ra những sản phẩm du lịch văn hóa trong ngành công nghiệp văn hóa, đem lại lợi ích rất lớn về kinh tế và thương hiệu du lịch Việt Nam nói chung, Quảng Ninh nói riêng. ❖

### **Tài liệu tham khảo**

- Nghị quyết 31/NQ-CP, ngày 13-5-2014 về hội nhập quốc tế
- Nghị quyết 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014 về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”
- Quyết định 1755/QĐ-TTg, ngày 8-9-2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt *chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030*
- Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (chủ biên), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993
- *Vai trò của du lịch văn hóa trong phát triển công nghiệp văn hóa tại Việt Nam*, Nguyễn Đức Thắng, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 488, 2022

## KIẾN TẠO VĂN HÓA BIỂN THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG TẠI HUYỆN ĐẢO CÔ TÔ, TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN VIỆT DŨNG

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy,  
Chủ tịch UBND huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh*

ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG

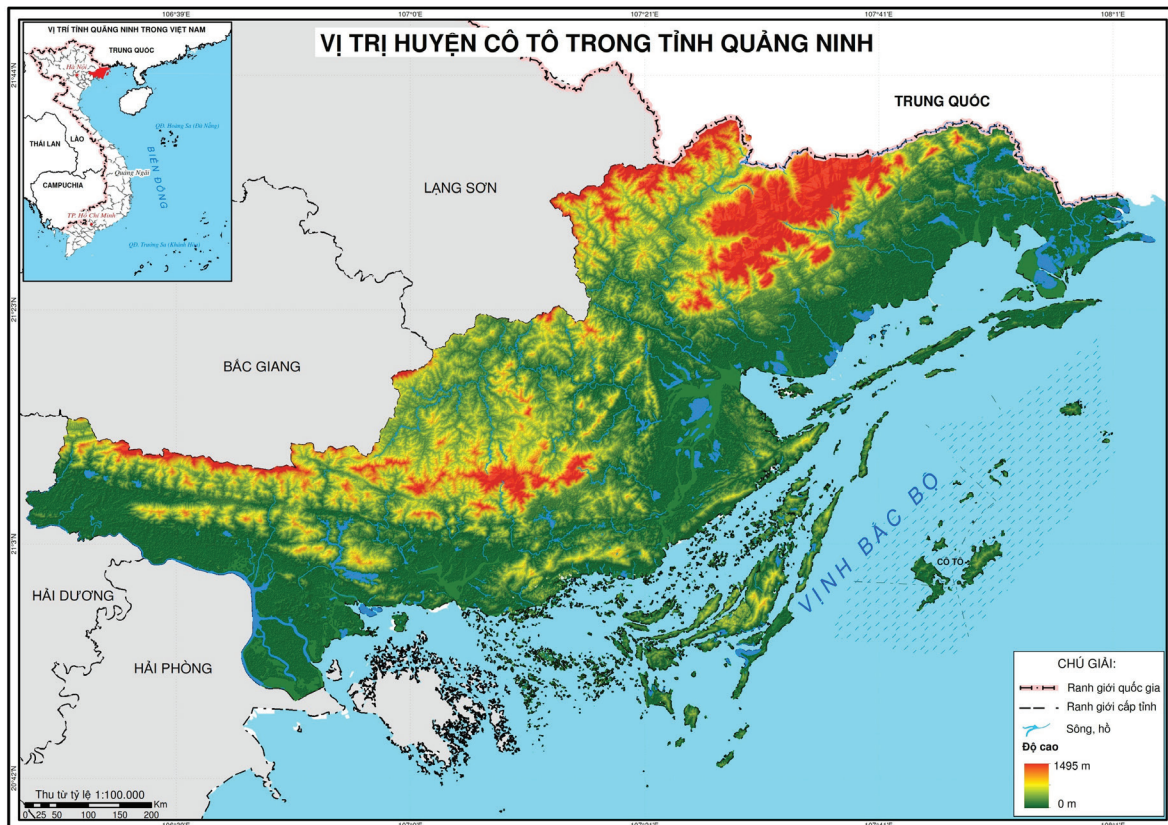
*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

Nghị quyết số 36/NQ-TW, ngày 22-10-2018, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” nêu quan điểm cần phải “*giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển*”. Đồng thời, Nghị quyết 36/NQ-TW chủ trương cần phải phát triển du lịch và dịch vụ biển, trong đó có đề cập đến việc “*đa dạng hóa các sản phẩm... trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của các vùng, miền*”.

Tỉnh Quảng Ninh là địa phương mang tính “biển” rõ nét với 250km đường bờ biển, vùng lãnh hải rộng lớn với hơn 6.000km<sup>2</sup> và trên 2.000 đảo lớn nhỏ. Quảng Ninh không chỉ là nơi lưu giữ hệ thống di sản văn hóa biển đảo phong phú đa dạng, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc mà còn đặc biệt gắn liền với chủ quyền biên giới, biển đảo của Tổ quốc.

Huyện đảo Cô Tô nằm trong vòng cung đảo gần bờ thuộc khu vực biển Đông Bắc, phía Đông tiếp giáp hải phận quốc tế với chiều dài đường hải phận gần 100km, từ phía ngoài khơi đảo Trần đến đảo Bạch Long Vĩ, phía Bắc giáp đảo Cái Chiên (huyện Hải Hà), đảo Vĩnh Thực (thành phố Móng Cái), phía Nam giáp vùng biển đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) và phía Tây giáp huyện Vân Đồn (Hình 1); có nhiều tiềm năng tài nguyên vị thế trong phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh - quốc phòng và hoạch định đường biên giới quốc gia trên biển. Nỗ lực tận dụng tiềm năng vị thế và kiến tạo văn hóa biển để phát triển bền vững kinh tế huyện đảo sẽ góp phần hoàn thiện và thúc đẩy vị thế trung tâm kinh tế “năng động, toàn diện” của tỉnh Quảng Ninh.





Hình 1: Vị trí địa lý huyện Cô Tô<sup>(1)</sup>

## ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN VỊ THẾ CỦA HUYỆN ĐẢO CÔ TÔ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ BẢO ĐẢM AN NINH QUỐC PHÒNG

Địa bàn thuận lợi cho phát triển nhiều loại hình kinh tế dịch vụ biển

- Nghề cá và dịch vụ hậu cần nghề cá

Sinh vật biển của vùng biển Cô Tô khá đa dạng và phong phú, thuộc chủng quần vịnh Bắc Bộ, có hầu hết các giống loài ở vịnh Bắc Bộ với hơn 200 loài thực vật phù du gồm 31 chi, 3 ngành tảo; gần 100 loài động vật phù du thuộc 2 giống của 4 nhóm vỏ giáp, chân chèo cùng đa dạng các loài động vật đáy... (Bảng 1); trong đó có những loài có giá trị kinh tế cao như bào ngư, ốc nón, hải sâm,... tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và phát triển ngư nghiệp.

(1) Người dựng bản đồ: ThS. Đặng Thành Trung, Phòng Bản Đồ, Viễn Thám và GIS, Viện Địa lý nhân văn

Nhóm sinh vật	Cô Tô	Đảo Trần	Chung cả hai đảo
Thực vật phù du	194	142	262
Rong biển	70	27	70
San hô	23	35	42
Động vật phù du	88	65	97
Động vật đáy	53	48	68
Cá	91	118	156
Rùa biển	4	4	4
Thú biển	2	2	2
<b>Tổng</b>	<b>525</b>	<b>441</b>	<b>743</b>

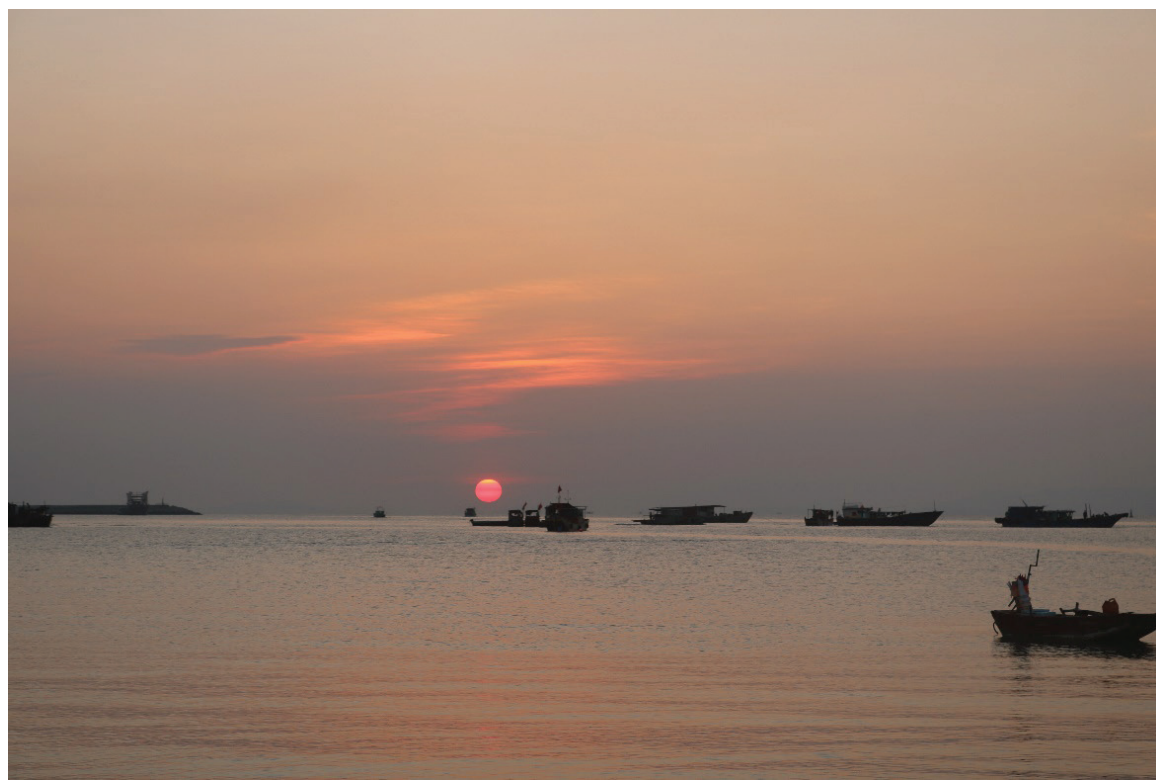
**Bảng 1.** Cơ cấu sinh vật các nhóm sinh vật chủ yếu quanh đảo Cô Tô, Đảo Trần<sup>(1)</sup>

Bên cạnh đó, vùng biển đảo Trần luôn có khoảng 60 - 80 thuyền đánh cá với hàng trăm ngư dân từ các địa phương trong tỉnh: Hải Hà, Vĩnh Thực, Móng Cái và nhiều tỉnh khác: Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi,... đến khai thác và đánh bắt thủy sản. Thực tế đã đặt ra cho vùng biển, đảo nhiều yêu cầu dịch vụ, từ nơi trú đậu tránh gió bão, cung cấp xăng dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm, ngư cụ, đến sửa chữa nhỏ, thu mua hải sản, bảo quản, chế biến, dịch vụ tài chính, y tế và cứu hộ cứu nạn.

- Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng

Cô Tô còn giữ được vẻ nguyên sơ, thiên tạo của môi trường sinh thái nước, không khí trong lành, cấu tạo địa chất địa mạo và địa hình dải bờ biển giàu hình ảnh với các bãi biển tự nhiên (Tĩnh Yên, Hồng Vân, Vân Cháy, Bắc Vân, Cá Chép, Bảy Sao, Thanh Lân,...) cùng những cánh rừng nguyên sinh thích hợp với du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển và trải nghiệm. Nằm ở vị trí ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ, các bãi biển trên đảo Cô Tô còn có đặc điểm độc đáo là sườn ngầm khá sâu, hệ sinh thái san hô đa dạng, thích hợp với loại hình câu cá, lặn biển du lịch. Đặc biệt với tính đa dạng sinh thái, vùng đảo Trần là một trong 16 khu bảo tồn biển của quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(1) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2017): Dự án Lập Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030



**Hình 2:** Cảnh hoàng hôn trên bãi biển Tĩnh Yên

- Phát triển hàng hải, giao thương quốc tế

Vịnh Bắc Bộ là một vùng biển phát triển kinh tế năng động với các lĩnh vực hàng hải, nghề cá, khai khoáng, du lịch và các dịch vụ khác. Thông qua Vịnh Bắc Bộ là những tuyến đường hàng hải quan trọng của Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc với các nước trong khu vực và quốc tế, đặc biệt là từ cảng Hải Phòng (Việt Nam) và Bắc Hải (Trung Quốc), trong đó, Cô Tô - đảo Trần có vai trò là cửa ngõ, là đảo án ngữ con đường hàng hải quốc tế quan trọng này. Trong không gian phát triển vùng, Cô Tô - đảo Trần có vai trò cửa ngõ nhất là trong quá trình hợp tác một vành đai và hai hành lang được thực hiện từ năm 2005 ở 4 tỉnh của Trung Quốc là Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam và 5 tỉnh, thành của Việt Nam là Quảng Ninh, Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Nội và Hải Phòng với tổng diện tích 869.000km<sup>2</sup>, dân số 184 triệu người. Các lĩnh vực hợp tác gồm thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, khai thác tài nguyên, chế biến và điện lực,... trong khuôn khổ khu vực Mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và hợp tác tiểu vùng Mê Kông<sup>(1)</sup>.

(1) Trần Đức Thanh, Nguyễn Hữu Cử, Đỗ Công Thung, Trần Đình Lân, Đinh Văn Huy, Phạm Hoàng Hải (2011): Định hướng quản lý tổng hợp vùng bờ biển Bắc Bộ, Nxb. KHTN&CN, Hà Nội

*Giá trị về bảo đảm an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển*

- Cụm đảo Cô Tô - Thanh Lân: Cụm đảo bao quát vùng biển rộng lớn có thể kiểm tra, kiểm soát nhiều các tuyến đường thủy ra vào các bến cảng của Móng Cái, Hải Hà, Đàm Hà, Tiên Yên... Với địa hình thuận lợi cho phòng thủ (nhiều vũng vịnh, cửa biển, cao điểm, mũi đá, bến bãi), đảo Thanh Lân có bờ mài mòn vũng vịnh phát triển, có sườn Đông hẹp và dốc cùng với các đảo nhỏ lân cận tạo thành căn cứ quân sự liên hoàn, trở thành lá thép nhiều tầng, nhiều lớp chắn vững chắc bảo vệ lãnh hải và vùng nội thủy ven bờ Quảng Ninh - Hải Phòng.

- Cụm đảo Trần:

Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố về các vùng biển Việt Nam ngày 12/5/1977, quy định các đảo của Việt Nam đều có lãnh hải 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng. Tuyên bố này hoàn toàn phù hợp với nội dung của Công ước của Liên hợp quốc năm 1982 về Luật Biển là các đảo có đời sống kinh tế riêng hoặc thích hợp cho con người đến ở đều có quyền có lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng. Thông qua nội dung Luật Biển Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2012 và nội dung của Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày 25/12/2000, có thể thấy đảo Trần (Cô Tô) có giá trị to lớn và vững chắc về chủ quyền biển đảo của Việt Nam khi nằm cách đường phân định trên Vịnh Bắc Bộ khoảng gần 7 hải lý. Việc giành được một vùng biển rộng đầy tiềm năng xung quanh đảo có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền, quốc phòng an ninh và phát triển kinh tế đất nước. Do nằm gần sát đường phân định trên Vịnh Bắc Bộ, đảo Trần tạo mối liên kết với các đảo Bạch Long Vĩ, Vĩnh Thực, Hạ Mai,... thành vành đai kiểm soát đường biên giới, vùng đánh cá chung và vùng quá độ trên Vịnh Bắc Bộ, nhằm phát hiện kịp thời các vi phạm và các tình huống đặc biệt hoặc khẩn cấp cần xử lý, góp phần khẳng định chủ quyền và quyền chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên tinh thần hòa bình, hợp tác, hữu nghị.

## **2. PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA DẤU ẤN BIỂN TRONG VĂN HÓA CÔ TÔ ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN**

Khởi nguyên người Việt là những cư dân lấn biển, khai thác biển nên chất biển trong văn hóa Việt luôn hiện hữu. Biển gắn bó không ngừng với đời sống văn hóa của người Việt từ trong lịch sử đến hiện tại. Khoảng 10.000 năm trước, vào thời kỳ đồ đá giữa, cư dân Mongoloid từ Tây Tạng đã thiên di đến vùng phía Bắc Đông Dương, hôn hôn với cư dân

Melanesien bản địa tạo ra chủng Indonesien là tổ tiên của các dân tộc thuộc nhóm Mã Lai Đa đảo (Nam Đảo)<sup>(1)</sup>. Cơ tầng văn hóa biển đã được xây đắp từ thời lập quốc trong những câu chuyện dân gian của quá trình hình thành và phát triển của văn hóa dân tộc. Từ huyền thoại về thời lập quốc đến những ghi chép được tích lũy qua các thời đại đã tạo nên ý thức sâu sắc về biển, tư duy hướng biển, và cho thấy người Việt đã sớm gần gũi với biển, chinh phục biển, làm chủ biển khơi<sup>(2)</sup>. Theo ý kiến của nhà văn hóa Trần Ngọc Thêm, văn hóa biển được xem là văn hóa xét theo không gian và là khái niệm để chỉ sản phẩm văn hóa theo điều kiện sinh thái, phải thỏa mãn các yếu tố đặc trưng của văn hóa là: (1) Tính hệ thống; (2) Tính giá trị; (3) Tính nhân sinh (“do con người sáng tạo ra”) cộng với đặc trưng riêng mang tính khu biệt là đặc trưng về không gian tồn tại (“lấy biển cả làm nguồn sống”) và đặc trưng định lượng của không gian tồn tại này là: biển cả không chỉ là nguồn sống mà phải là “nguồn sống chính”<sup>(3)</sup>.

Mẫu số chung của cư dân Cô Tô đều là những người biết làm nghề biển hoặc thích nghi được với cuộc sống ven biển di cư từ các vùng Thanh Hóa, Nghệ An và Đồng bằng Bắc Bộ. Điều này vô hình chung đưa Cô Tô trở thành địa điểm giao thoa và tiếp biến văn hóa, hướng tới kết hợp và định diện dấu ấn văn hóa biển mới, tạo tiền đề cho việc kiến tạo và xây dựng nền văn hóa biển mang đặc tính của huyện đảo.

#### *Tính cố kết làng xã trong tổ chức cuộc sống ở trên bờ và khai thác tài nguyên biển*

Cũng giống như đặc tính chung của làng Việt ở Bắc Bộ, sau năm 1979 cư dân Cô Tô tuy có nguồn gốc dân “kinh tế mới” được quần tụ từ 14 tỉnh ven biển trong cả nước; với đa dạng quê quán, vùng, miền nhưng vẫn tụ cư theo quan hệ láng giềng kết hợp với quan hệ huyết thống, cộng đồng và hỗ trợ nhau trong tổ chức cuộc sống. Vì thế, huyện đảo hình thành các xóm, cụm dân cư tập trung tại từng khu vực theo quê quán như người Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình... Tính cố kết giúp cư dân Cô Tô dễ thích nghi với môi trường mới sau di cư, từ đó hình thành và phát triển các loại hình sản xuất kinh tế mới (đánh bắt, thu mua, chế biến - hải sản...).

#### *Giao thoa tín ngưỡng, tôn giáo*

Huyện đảo Cô Tô - nơi duy nhất trong cả nước được Bác cho phép kiến dựng tượng Người lúc sinh thời và Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được xếp hạng Di tích quốc

(1) Trần Ngọc Thêm (1996): *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 55

(2) Nguyễn Văn Kim (2011): *Người Việt với biển*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 33

(3) Trần Ngọc Thêm (2013): *Văn hóa biển đảo và văn hóa biển đảo ở Khánh Hòa*

gia đặc biệt theo Quyết định số 93-QĐ/TTg, ngày 18/1/2022, của Thủ tướng Chính phủ đã trở thành “điểm thiêng” của huyện đảo; trở thành một dấu mốc lịch sử khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, đem đến cho cư dân đảo niềm tự hào, niềm tin và quyết tâm bám biển. Hiện nay, huyện Cô Tô đã chú trọng tới việc tôn tạo và thiết lập đa dạng các điểm sinh hoạt tâm linh, văn hóa như các khu tưởng niệm, chùa, nhà thờ,... (Cột cờ Ba Đình tỉ lệ 1:1, Chùa Trúc lâm Cô Tô, Nhà thờ Giáo xứ Cô Tô, Giáo họ Thanh Lâm và chùa Trúc lâm đảo Trần đang được thi công). Đây được coi là giải pháp phù hợp, thiết yếu để bảo đảm môi trường tín ngưỡng, tôn giáo lành mạnh cho cư dân huyện đảo, đồng thời cũng tạo nên các sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh mang bản sắc của nền văn hóa ngư - nông kết hợp nơi đảo tiền tiêu, biên giới, biển đảo. Mặc dù vậy, với đặc tính vùng biển đảo, huyện đảo Cô Tô hoàn toàn có thể phát triển, kiến tạo thêm các điểm tâm linh mang sắc thái văn hóa biển, như thờ các vị thần biển (Tứ vị Thánh nương, Cá Ông, Long Mã,...) đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh của cư dân đảo. Hiện tại, trên đảo Cô Tô lớn có 4 điểm chôn cất và ban thờ nhỏ thờ Cá Ông gồm: 2 điểm (một điểm hai ban thờ, một điểm 4 ban thờ) ở bãi biển Tình Yêu, ven con đường mòn lát gạch ở giữa hai hàng phi lao ven bãi biển - nơi chôn cất 5 Ông cá; 1 điểm ở bãi biển Hồng Vân và 1 điểm ở biển Nam Đông; tại đảo Thanh Lâm có 1 điểm thờ Cá Ông đã được xây miếu nhỏ. Cá Ông hay Ông Nam Hải, Ông Chuông là một loài vật thiêng được ngư dân khắp vùng biển Bắc bộ đến ven biển Nam bộ thờ cúng, đó là chỗ dựa tinh thần, là nơi gửi gắm niềm tin của ngư dân lên đênh trên biển trong gian khó, hiểm nguy. Theo mô tả trong sách Gia Định thành thông chí, cá Voi có “Đầu tròn, nơi trán có lỗ phun nước, mũi miệng giống như voi, mình trơn láng không có vảy, đuôi có 2 nhánh rẽ như đuôi tôm, tánh hiền lành biết cứu giúp người. Người đánh cá thường kêu réo nhờ nó đuôi các loại cá vào lưới. Gặp thuyền đi biển bị chìm, cá này thường đưa người vào bờ, dân miền biển đều tôn kính, nếu thấy thân cá này trôi dạt, dân chài lưới góp tiền mua vải, sắm hòm tẩm liệm, chôn cất, cử người trùm trường trong làng chài đứng làm tang chủ, cất đèn thờ phụng”<sup>(1)</sup>. Trong tâm thức của các làng chài, cá Ông chỉ cứu những người ăn ở hiền đức, có duyên với Ông, là hiện thân của phúc thần linh thiêng, nên xác Ông lụy ở đâu sẽ được rước vào bờ mai táng, nó thể hiện mối quan hệ hai chiều giữa con người với tự nhiên, cũng như triết lý sống hòa hợp, thuận theo tự nhiên của người Việt Nam, văn hóa Việt Nam. Tục thờ cá Ông không chỉ mang đậm tính chất vùng biển, mà còn chứa đựng nhiều giá trị đạo đức quan trọng, thể hiện truyền thống bảo vệ môi trường sinh thái và truyền thống cố kết cộng đồng, tạo ra lễ hội giúp ngư dân tái tạo năng lượng cho ngày lao động mới.

(1) Gia Định thành thông chí, tr. 89

### *Nhu cầu lễ hội văn hóa*

Tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 4 thành phố, 2 thị xã và 7 huyện, trong đó có 8 đơn vị được xét thuộc vùng biển đảo (bao gồm huyện Cô Tô). Dọc theo chiều dài bờ biển từ Quảng Yên đến Móng Cái, hằng năm đã diễn ra rất nhiều lễ hội dân gian truyền thống của cư dân bản địa: Các lễ hội dân gian truyền thống ở vùng Quảng Yên (Lễ hội Tiên Công, Lễ hội xuống đồng, Lễ hội Bạch Đằng, các lễ hội làng gắn với tín ngưỡng bản địa ở vùng đảo Hà Nam (Quảng Yên); các lễ hội dân gian truyền thống ở vùng vịnh Hạ Long: Lễ hội miếu Đức Ông (lễ hội mở cửa sông cửa biển), Lễ hội đình Giang Võng, lễ hội đền Bà Men, lễ hội đền Đức Ông Trần Quốc Nghiễn; vùng Cẩm Phả có lễ hội đền Cửa Ông; vùng Vân Đồn có lễ hội đình Quan Lạn (lễ hội Vân Đồn); vùng Hải Hà có lễ hội đình Cái Chiên (đảo Cái Chiên), lễ hội đền Trần Hưng Đạo; vùng Móng Cái với lễ hội đình Trà Cổ, lễ hội đình làng Bàu, lễ hội đình Vạn Ninh... Nếu như ở 7 đơn vị hành chính giáp biển còn lại các lễ hội được tổ chức quy mô, thậm chí có những khu vực tổ chức ở mức độ dày đặc (bảng 2) thì ở huyện đảo Cô Tô lễ hội văn hóa hoàn toàn vắng bóng; toàn huyện Cô Tô không có được một lễ hội truyền thống mang tính cố kết cộng đồng.

STT	Đơn vị hành chính	Nhóm lễ hội hải đảo	Nhóm lễ hội ven biển	Nhóm lễ hội nội đồng
1	Thành phố Hạ Long	1	5	1
2	Thị xã Quảng yên	12	4	5
3	Thành phố Cẩm Phả	0	2	0
4	Huyện Vân Đồn	7	0	0
5	Thành phố Móng Cái	0	5	2
6	Huyện Hải Hà	0	1	0
7	Huyện Đầm Hà	0	0	1
<b>Tổng</b>		20 (43%)	17 (37%)	9 (20%)

Bảng 2: Số lượng lễ hội truyền thống của cư dân vùng biển đảo Quảng Ninh<sup>(1)</sup>

Điều này một phần có căn nguyên từ quá trình di dân, chuyển đổi (năm 1979) và thành lập huyện đảo sau khi tách ra khỏi thành phố Cẩm Phả (năm 1994) nhưng cũng cho thấy khoảng trống văn hóa của địa phương. Các lễ hội không chỉ đơn thuần là hoạt động mang tính chất tâm linh mà với việc thu hút số lượng lớn người tham gia, phần hội tạo ra tính

(1) Nguyễn Thị Phương Thảo: *Văn hóa vùng biển đảo Quảng Ninh qua các lễ hội truyền thống*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 42

tương tác, gia tăng tính cố kết cộng đồng. Điều này tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội đồng thời cải thiện đời sống văn hóa tinh thần cho người dân. Với các điểm di tích còn tồn tại thể hiện nhu cầu và khát vọng tâm linh của người dân đảo (các điểm chôn cất và miếu thờ cá Ông, các miếu thờ thần rắn sơn trang...), việc phục hồi và kiến tạo các lễ hội văn hóa có thể được xem xét.

Nói tóm lại, văn hóa là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, nó không chỉ chịu tác động của kinh tế là một bộ phận của kết cấu hạ tầng, mà còn chịu sự tác động của các thành tố khác trong kiến trúc thượng tầng như tư tưởng, tôn giáo, pháp luật. Sự phát triển của chính trị, pháp luật, tôn giáo, nghệ thuật được xây dựng trên cơ sở kinh tế phát triển. Nhưng tất cả chúng đều tác động lẫn nhau và tác động đến cơ sở kinh tế<sup>(1)</sup>. Trong khi văn hóa có thể làm cho kinh tế phát triển bền vững, tạo nên khác biệt trong kinh doanh, hoạt động kinh tế cũng mang lớp áo văn hóa đặc trưng riêng của nó. Văn hóa là nền tảng và động lực để xây dựng và phát triển kinh tế, là trụ cột góp phần đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội, tạo nên nền tảng tinh thần phát triển bền vững đất nước<sup>(2)</sup>.

Một mô hình phát triển kinh tế bền vững không thể chỉ dựa vào các chỉ số kinh tế, mà còn phụ thuộc vào mức độ cải thiện chất lượng cuộc sống sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân. Vì vậy, giữ gìn, phát huy và kiến tạo nền văn hóa biển sao cho phù hợp, thích nghi với nhu cầu chuyển biến không ngừng theo sự vận động và phát triển của xã hội là mối quan hệ cơ bản cần được giải quyết một cách hài hòa để phát triển bền vững kinh tế biển. Huyện Cô Tô được xác định là trung tâm du lịch của tỉnh Quảng Ninh; *lĩnh vực du lịch, dịch vụ đang chiếm gần 70%* đóng góp GRDP và được xác định là *trụ cột để phát triển kinh tế* của Huyện. Trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045, dưới định hướng phát triển “năng động, toàn diện” của tỉnh Quảng Ninh, huyện Cô Tô đang nỗ lực, phấn đấu thực hiện mục tiêu phát triển gắn với giá trị văn hóa, di sản, gia tăng giá trị cho du lịch, nghỉ dưỡng và xác lập những luận cứ khoa học (khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên vị thế) cho việc kiến tạo các hành lang và mô hình phát triển mới, bảo đảm *hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, gắn với tiên bộ và công bằng xã hội*. ❖

(1) Phạm Duy Đức (2008): *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 75

(2) Phạm Duy Đức (2020): *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 59 - 62



## **ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY**

**HỒ CHÍ ĐỨC**

*Phó Chủ tịch Thường trực Hội Khuyến học tỉnh Quảng Ninh*

Việt Nam là dân tộc hiếu học. Từ ngàn xưa, cha ông ta đã xác định: “nhân tài là nguyên khí quốc gia”, “nên thợ nên thầy nhờ có học”... Ngay khi nước nhà vừa giành được độc lập, dù còn muôn vàn khó khăn, Bác Hồ đã ra lời kêu gọi: “Chống giặc dốt như chống giặc ngoại xâm”. Người khẳng định: “Muốn cho nước ta trở thành một nước giàu mạnh thì dân tộc ta phải trở thành một dân tộc thông thái”. Thấm nhuần tư tưởng đó của Người, Đảng và Nhà nước ta nói chung, tỉnh Quảng Ninh nói riêng luôn coi trọng và xác định công tác giáo dục - đào tạo, khuyến học, khuyến tài là quốc sách hàng đầu.

### **SỰ QUAN TÂM ĐẶC BIỆT CỦA TỈNH**

Những năm gần đây, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ninh đã tạo lập được vị thế, vai trò nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), đưa Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh đi đầu cả nước trong công cuộc đổi mới, trở thành một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc, trong đó có sự đóng góp quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Phát triển, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với Quảng Ninh.

Chính vì thế, thời gian qua tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Nổi bật có thể kể đến như: Nghị quyết 01-NQ/TV, ngày 12-11-2010, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

“về đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020”; Chỉ thị 04-CT/TU, ngày 27-4-2016, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, “về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay”, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND, ngày 09-12-2021, về Ban hành quy định chế độ thưởng, hỗ trợ trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của Tỉnh đạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế, khu vực và cấp tỉnh với mức thưởng từ 2 triệu đồng đến 700 triệu đồng - mức thưởng cao nhất trong cả nước, đã khích lệ, thúc đẩy phong trào khuyến học, khuyến tài trong học sinh và sinh viên toàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 3111/2012/QĐ-UBND, ngày 26-11-2012, quy định danh hiệu gia đình, dòng họ, đơn vị, khu dân cư hiếu học trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch 252/KH-UBND, ngày 29-12-2021, về xây dựng xã hội học tập tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2030..., đã tạo ra một luồng sinh khí mới thúc đẩy phong trào xây dựng các mô hình học tập, học tập suốt đời phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trên toàn tỉnh.

Nhờ sự quan tâm đặc biệt, sự chỉ đạo sát sao của tỉnh, đến nay hệ thống tổ chức hội khuyến học của tỉnh đã phủ kín đến thôn, bản, khu phố, tổ dân. Toàn tỉnh có 309 hội, 2.455 chi hội, 1.705 ban khuyến học. Số hội viên lên tới hơn 454.945 người, chiếm 32,9% dân số. Các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai nhanh chóng. Phong trào thi đua xây dựng gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập được chú trọng và thực sự đi vào cuộc sống, giúp gặt hái nhiều thành quả hết sức to lớn trong lĩnh vực giáo dục nói riêng và KT-XH nói chung.

Các cấp hội khuyến học trong tỉnh đã có nhiều hoạt động sáng tạo, chủ động, tích cực tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn, sơ, tổng kết,... từ đó tạo ra phong trào sôi nổi, có chiều sâu. Các mô hình học tập phát triển khá đều và rộng khắp, xuất hiện nhiều gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập tiêu biểu. Đến nay, toàn tỉnh đã có 251.377/346.868 gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, chiếm 72% tổng số gia đình.

### **SỨC LAN TỎA MẠNH MẼ CỦA VIỆC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI**

Những năm qua, hàng trăm nghìn gia đình học tập được thăm định và được cấp có thẩm quyền công nhận gia đình học tập xuất sắc. Tiêu biểu như gia đình ông Lâu Tăng Sáng (người dân tộc Sán Diêu ở bản Thanh Lâm, xã Quảng Lâm, huyện Đàm Hà) có 6 người con đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, hiện đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện; gia đình ông Vũ Văn Hiển (khu Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, TX Đông Triều);

gia đình ông Tăng Văn Năm (dân tộc Dao ở xã Đông Văn, huyện Bình Liêu); gia đình ông Nguyễn Văn Dũng (phường Quảng Yên, TX Quảng Yên)... cùng biết bao gia đình học tập tiêu biểu, xuất sắc khác.

Nếu gia đình học tập là hạt nhân, thì dòng họ, nơi gắn kết dòng máu chính là điểm tựa để các gia đình phấn đấu các danh hiệu. Hoạt động khuyến học, khuyến tài trong dòng họ không chỉ góp phần thúc đẩy phong trào học tập trong các thành viên dòng họ, mà còn xây dựng, củng cố mối quan hệ giữa các thành viên ngày càng thân tình, chặt chẽ hơn, giúp xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong các gia đình. Toàn tỉnh hiện có 1.010 dòng họ đạt danh hiệu dòng họ học tập, chiếm 63% tổng số dòng họ toàn tỉnh.

Tiêu biểu cho dòng họ học tập là dòng họ Vũ Tam (phường Yên Hải, TX Quảng Yên) với bề dày truyền thống hiếu học, đỗ đạt. Trải qua 588 năm hình thành và phát triển, đến nay dòng họ Vũ Tam đã có 19 đời con cháu hậu duệ, tổng số 2.818 người. Thực hiện chủ trương khuyến học, khuyến tài của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, cùng với truyền thống hiếu học của dòng họ, dòng họ Vũ Tam đã hình thành Ban Khuyến học từ rất sớm và có nhiều người đỗ đạt.

Theo gia phả, dòng họ Vũ Tam có 3 tiến sĩ, 18 thạc sĩ, 185 cử nhân, có 248 người công tác ở các tổ chức chính trị, xã hội, lực lượng vũ trang từ phường, xã, huyện, tỉnh đến Trung ương.

Cùng với việc xây dựng gia đình, dòng họ học tập, các cấp khuyến học trong tỉnh còn đẩy mạnh phát triển cộng đồng học tập. Nhờ đó đến nay, toàn tỉnh đã có 1.259 cộng đồng đạt danh hiệu cộng đồng học tập, chiếm 82% tổng số cộng đồng. Sự phát triển của cộng đồng học tập tạo nền tảng vững chắc xây dựng xã hội học tập ngay từ địa bàn dân cư, cơ sở.

Trong những năm qua đã xuất hiện nhiều cộng đồng học tập tiêu biểu xuất sắc, điển hình như khu Xuân Cầm, phường Xuân Sơn, TX Đông Triều, với trên 300 hộ dân, trong đó 80% số hộ có kinh tế khá trở lên. 100% gia đình trong khu phố đăng ký phấn đấu trở thành gia đình học tập, trong đó 96% đạt danh hiệu gia đình học tập; 100% dòng họ đăng ký dòng họ học tập. Quỹ khuyến học của khu không ngừng được phát triển, hằng năm huy động được trên 20 triệu đồng để khen thưởng, động viên học sinh học giỏi, đỗ các trường đại học. Cấp ủy, chính quyền khu phố còn đưa công tác khuyến học, khuyến tài vào nghị quyết hằng năm, phân công cho từng chi ủy viên chỉ đạo thực hiện và là chỉ tiêu thi đua, tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh của khu phố.

Xác định đơn vị học tập được xây dựng sẽ tạo thành mạng lưới quan trọng giúp người lao động, cán bộ, công chức, viên chức,... trong các đơn vị tham gia học tập và thúc đẩy phong trào học tập của đơn vị, địa phương, chính vì thế, những năm qua hội khuyến học các cấp cũng chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng đơn vị học tập. Nhờ đó, tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, trường học, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, hội đồng hương,... thường xuyên làm tốt công tác khuyến học, khuyến tài. Thành viên của hầu hết các đơn vị trong tỉnh đã tích cực tham gia học tập dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú.

Toàn tỉnh đã có 826 đơn vị đạt danh hiệu đơn vị học tập, chiếm 83% tổng số đơn vị. Các đơn vị đạt danh hiệu đơn vị học tập có nhiệm vụ giúp đỡ, hỗ trợ các cơ sở giáo dục, góp phần hỗ trợ các trường học thực hiện mục tiêu “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Mô hình đơn vị học tập có nhiều điển hình, tiêu biểu như Đồn Biên phòng Cửa khẩu Hoành Mô (huyện Bình Liêu). Trong nhiều năm qua, đơn vị đã triển khai nhiều chương trình thiết thực hiệu quả như: “Hỗ trợ học sinh nghèo vươn lên trong học tập”, “Nâng bước em tới trường”, “Con nuôi đồn biên phòng”...

Việc xây dựng thành công các mô hình gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập đã tạo nền tảng vững chắc để xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh.

### **KỊP THỜI TUYÊN DƯƠNG NHỮNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN**

Công tác tuyên dương, khen thưởng luôn được các cấp hội khuyến học trong tỉnh thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, là động lực để các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng, các đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo đó, tại Hội nghị Tuyên dương các gia đình, dòng họ, đơn vị, khu dân cư hiếu học tiêu biểu xuất sắc 5 năm (2017 - 2022) được tổ chức vào ngày 9-3-2023 vừa qua, toàn tỉnh có 185 mô hình được công nhận mô hình học tập xuất sắc cấp tỉnh, trong đó có 82 gia đình, 28 dòng họ, 37 cộng đồng và 38 đơn vị; 153 mô hình được các cấp khen thưởng gồm 42 mô hình được Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam tặng bằng khen, 69 mô hình được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen và 42 mô hình được Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh tặng giấy khen.

Thời gian qua, tuy dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng nặng nề đến các hoạt động chung nhưng chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn của tỉnh vẫn đạt nhiều kết quả tích cực rất đáng phấn khởi: Tỉnh được công nhận phổ cập Tiểu học mức độ

3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, tỷ lệ phân luồng học sinh sau THCS đạt 25,8%, mạng lưới và hiệu quả hoạt động giáo dục thường xuyên được nâng cao. Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia đạt 48 giải tăng 7 giải so với năm học trước; có 1 học sinh đạt giải nhất chung kết đường lên đỉnh Olympia; 1 học sinh đạt huy chương Bạc tại kỳ thi Olympic vật lý châu Âu. Đặc biệt kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022 tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt 97,6% cao hơn những năm gần đây. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT đạt 6,26 điểm, xếp thứ 31 tăng 5 bậc so với năm 2021.

Hàng năm có gần 2.000 học sinh được trợ giúp, trong đó có hơn 950 học sinh nghèo vượt khó, gần 300 học sinh khuyết tật, gần 700 học sinh giỏi; hơn 76.000 học sinh được khen thưởng với tổng số tiền gần 6 tỷ đồng; gần 3.700 giáo viên được khen thưởng với số tiền hơn 1,3 tỷ đồng; gần 2.000 học sinh được trao học bổng với số tiền gần 2,5 tỷ đồng.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập mà Quảng Ninh đã đạt được thời gian qua là thành quả của sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát toàn diện của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, các nhà hảo tâm, cộng đồng doanh nghiệp; sự nhiệt tình, tâm huyết, trách nhiệm của cán bộ, hội viên hội khuyến học từ tỉnh đến cơ sở, địa bàn dân cư. Đặc biệt là sự hưởng ứng, tinh thần thi đua hiếu học của các gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời trên địa bàn tỉnh.

### **NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI**

Phát huy mạnh mẽ kết quả đạt được đồng thời khắc phục những hạn chế tồn tại, tập trung thực hiện thắng lợi các chủ trương, định hướng, mục tiêu nhiệm vụ về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được nêu trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, của Tỉnh và ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trong bức thư gửi cán bộ, hội viên hội khuyến học tỉnh nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Hội Khuyến học tỉnh Quảng Ninh (27-2-2002 - 27-2-2022) là “Tiếp tục phát huy tốt các mô hình gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị, công dân học tập; tham gia mạng lưới Thành phố học tập toàn cầu của UNESCO; phấn đấu xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh học tập, sớm đưa Quảng Ninh trở thành 1 trong những địa phương có chất lượng giáo dục và đào tạo tốt nhất cả nước”

Để tiếp tục đưa phong trào đi vào chiều sâu, tỉnh Quảng Ninh đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2028 có 70% công dân đạt danh hiệu “Công dân học tập”; 75% đơn vị cấp huyện được công nhận danh hiệu “Huyện học tập”; 85% số gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình học tập”, 75% dòng họ được công nhận “Dòng họ học tập”. 85% số cơ quan, đơn vị

cấp huyện, cấp tỉnh đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”. 100% xã, phường, thị trấn được công nhận “Cộng đồng học tập cấp xã” trong đó 75% được xếp loại tốt. Các thành phố trực thuộc tỉnh đủ điều kiện đăng ký tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” do tổ chức UNESCO điều hành, trong đó có ít nhất một trong bốn thành phố được công nhận là “Thành phố học tập toàn cầu”.

Học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập góp phần xây dựng Quảng Ninh thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hiện đại là khát vọng của những người làm công tác khuyến học, khuyến tài tỉnh Quảng Ninh để đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập có bước phát triển vượt bậc. Từ đó, góp phần sớm đưa Quảng Ninh trở thành “Tỉnh học tập”, xứng đáng với vùng đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử, cách mạng, một địa bàn động lực trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. ❖

## XÂY DỰNG VĂN HÓA QUẢNG NINH THỰC SỰ LÀ NỀN TẢNG TINH THẦN, LÀ ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG

*Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: “*Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc*”. Quảng Ninh, sau hơn 35 năm đổi mới, từ một tỉnh phụ thuộc vào sự trợ cấp của Trung ương đã bứt phá nhanh, trở thành một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc, là một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước và khu vực. Một trong những yếu tố nền tảng tạo nên thành công đó là, Quảng Ninh đã phát huy tối đa giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa riêng có của vùng đất, con người, không ngừng đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và hành động theo quy luật khách quan, định vị những tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội.

Từ thực tiễn phát triển, trên chặng đường những năm đổi mới, hướng tới sự phát triển bền vững, Quảng Ninh luôn xem trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ, thống nhất trong đa dạng của một vùng giàu văn hóa và hội tụ nhiều giá trị cao đẹp; chú trọng quan tâm tạo môi trường để con người phát triển toàn diện, có điều kiện vật chất, tinh thần phong phú; chỉ đạo nhiều biện pháp góp phần thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo giữa các địa phương, vùng, miền; tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước.

Quán triệt sâu sắc quan điểm: *Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt*, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV chỉ rõ: “*Chú trọng phát triển văn hóa, thể thao; xây dựng con người Quảng Ninh năng động, sáng tạo, lành mạnh, văn minh, thân thiện*”. Coi trọng xây dựng đạo đức, nhân cách, lối sống là giá trị cốt lõi của con người, là nhân tố quan trọng cần phát huy để xây dựng nên

thương hiệu về vùng đất và con người Quảng Ninh, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Tỉnh. Nổi bật nhất là việc xây dựng đề án và ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, là một trong số ít các tỉnh, thành có nghị quyết chuyên đề về xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Đây cũng là Nghị quyết nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ thứ 6 (trong 6 nhiệm vụ) của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Qua 5 năm triển khai thực hiện, việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đã đạt được một số kết quả tích cực, cụ thể:

1- Với hệ thống di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đa dạng, phong phú, Quảng Ninh đã và đang khai thác hiệu quả vốn quý này để phát triển du lịch với nhiều sản phẩm độc đáo, khác biệt, thu hút được sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước. Những kết quả quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững, có thể thấy là: Hệ thống thiết chế văn hóa được tăng cường đầu tư, đã có những công trình đạt tiêu chuẩn quốc tế; nhiều lễ hội, sự kiện văn hóa, thể thao có thương hiệu quốc gia, quốc tế được tổ chức hàng năm, thu hút đông đảo người dân tham gia...; nhiều di tích, danh thắng đã trở thành những điểm đến du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách mỗi năm.

2- Tổ chức nghiên cứu, sáng tạo các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ mang đặc trưng của địa phương, nghiên cứu về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tại một số địa phương, đã hình thành và đưa vào hoạt động mô hình du lịch cộng đồng bước đầu đạt nhiều kết quả tích cực; nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ sản phẩm du lịch làng quê, sinh thái, trải nghiệm đã khẳng định được thương hiệu và tiếp cận thị trường; Chương trình môi xã, phường một sản phẩm (OCOP) đã trở thành sản phẩm du lịch - văn hóa đặc sắc, hấp dẫn người dân, du khách.

3- Văn hóa các dân tộc Quảng Ninh được bảo tồn, phát huy thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người dân Quảng Ninh đã trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Liên tục trong 7 năm (2016 - 2022) có tốc độ tăng trưởng GRDP luôn đạt 10%/năm, quy mô kinh tế của tỉnh đạt gần 270.000 tỷ đồng, GRDP đầu người đạt trên 8.200 USD. Tỉnh đã hoàn thành Chương trình quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, chống tái nghèo, chống phát sinh hộ nghèo; hoàn thành xây dựng chương trình nông thôn mới. Quảng Ninh đã trở thành “Điểm đến đầu tư an toàn, thuận lợi, minh bạch, hấp dẫn và thành công”, luôn là thành trì vững chắc nơi tiên tiêu “đầu sóng, ngọn gió”, thực sự trở thành “phên dậu” che chắn khu vực Đông Bắc của Tổ quốc.



4- Công nghiệp văn hóa bước đầu được hình thành, đã có một số sản phẩm văn hóa đặc trưng thu hút sự quan tâm của đông đảo khách du lịch và góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Triển khai Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị một số làng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Xây dựng mô hình một số thôn, làng, bản trở thành “bảo tàng sống” nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống đặc sắc, gắn với phát triển du lịch, theo đó quy hoạch 4 thôn, bản thực hiện bảo tồn, phục vụ phát triển du lịch tại Hạ Long, Bình Liêu, Vân Đồn.

5- Tăng cường đầu tư các nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa, du lịch; đến nay, Truyền hình quốc gia và Truyền hình Quảng Ninh được phủ sóng đến 100% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới của tỉnh; sóng điện thoại di động đã được phủ cơ bản 95% khu dân cư trên địa bàn; 100% các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên toàn tỉnh có nhà văn hóa, 50% các xã có nhà văn hóa xã và sân chơi thể thao đơn giản. Những hoạt động về văn hóa đã mở ra cơ hội lớn trong giao lưu, hội nhập, phát triển văn hóa, du lịch.

6- Chăm lo xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa ở cơ sở. *Trong Đảng*, đã xây dựng và phát huy văn hóa đoàn kết, dân chủ, gần dân, sát dân, thống nhất ý chí và hành động, đổi mới, quyết tâm chính trị, quyết liệt trong hành động, người đứng đầu các cấp nêu gương, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. *Trong các cơ quan chính quyền*, đã xây dựng và định hình, phát triển văn hóa đồng hành, thực thi, phục vụ của các cơ quan quản lý đối với người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin vững chắc với các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, PAPI đứng đầu... *Trong nhân dân*, tiếp tục khẳng định và giữ vững truyền thống văn hóa cách mạng “Kỷ luật và đồng tâm”, đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng, ủng hộ, hưởng ứng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

7- Việc xây dựng nguồn lực con người được tỉnh Quảng Ninh đặc biệt coi trọng, trở thành nhiệm vụ thường xuyên, tập trung tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết dân tộc và khát vọng phát triển đất nước được quan tâm đẩy mạnh, với nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng. Tỉnh đã phát động phong trào thi đua với chủ đề “Khát vọng xây dựng một Quảng Ninh kiêu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại” hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh (30/10/1963 - 30/10/2023) gắn với thực hiện quyết liệt, toàn diện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, triển khai sâu rộng Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; đến hết

năm 2022, tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xã hội thanh bình, môi trường sinh thái, nông thôn xanh, sạch, đẹp, văn hóa giàu bản sắc. Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết, thống nhất, kỷ cương, tự tin, mạnh dạn đổi mới, vươn lên của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh; đồng thời, quảng bá mạnh mẽ hình ảnh vùng đất, con người Quảng Ninh trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

8- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là chất lượng giáo dục mũi nhọn. Triển khai phong trào xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời, cải thiện và nâng cao hiệu suất công việc của bản thân; các mô hình xây dựng xã hội học tập, phong trào “Học tập suốt đời” trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, trong các cơ quan, đơn vị có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng cho phát triển giáo dục - đào tạo, đồng thời có nhiều chính sách thu hút, khuyến khích học sinh, sinh viên theo học tại một số trường đại học, cao đẳng trên địa bàn... Qua đó, tạo môi trường học tập, rèn luyện cho mỗi cá nhân, phát huy tinh thần cống hiến, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

Có thể nói, truyền thống lịch sử và cách mạng vẻ vang cùng những giá trị văn hóa vô giá đã kết tinh trên mảnh đất địa đầu Đông Bắc Tổ quốc, trở thành nền tảng, tiền đề quan trọng có sức lan tỏa quyết định cho quá trình đổi mới, phát triển của Quảng Ninh trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập hôm nay. Bước vào thời kỳ phát triển mới; Quảng Ninh đang hội tụ các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” để bứt phá vươn lên. Tuy nhiên, so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa vẫn chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả trong việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh, chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững. Sự chênh lệch giữa các vùng, miền và khoảng cách giàu, nghèo còn lớn; thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng...

Để xác lập, định vị đặc trưng văn hóa, con người Quảng Ninh, trong đó đặc biệt chú trọng xây dựng một môi trường văn hóa đặc trưng, đa dạng trong thống nhất của một vùng văn hóa giàu có và hội tụ nhiều giá trị cao đẹp; một môi trường sống an toàn, lành mạnh, hạnh phúc; xây dựng con người Quảng Ninh kết tinh những phẩm chất tốt đẹp về trí tuệ, kỷ luật và đồng tâm, văn minh và thân thiện, cần có những giải pháp hiệu quả, lâu dài hơn nữa. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc những chỉ đạo, định hướng lớn trong Kết luận của Tổng

Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, đồng thời thực hiện có hiệu quả khâu đột phá thứ 3 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV: “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh”, góp phần để văn hóa thực sự là động lực cho kinh tế Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững, cần có một số giải pháp, cụ thể như sau:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục kiên trì chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào 3 trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa; kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập, và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đầu tư nguồn lực cho cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, xây dựng hình ảnh địa phương để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, tạo nguồn lực cho phát triển văn hóa, hạ tầng văn hóa bảo đảm tính hài hòa, toàn diện trong phát triển “kinh tế” và “văn hóa”.

*Hai là*, tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị địa phương, hệ giá trị con người Quảng Ninh, hệ giá trị văn hóa Quảng Ninh, hệ giá trị gia đình Quảng Ninh trong thời kỳ mới. Bổ sung cơ chế, chính sách, giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Tiếp tục xây dựng con người Quảng Ninh “Bản lĩnh - Tự cường - Đoàn kết - Sáng tạo - Hào sảng - Văn minh”, có nhân cách, lối sống đẹp, có khát vọng cống hiến, đáp ứng yêu cầu trở thành công dân toàn cầu trong thời đại hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

*Ba là*, tiếp tục huy động, bố trí các nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa, con người. Rà soát, thống kê đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư, quản lý, khai thác và sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao để tăng cường công tác quản lý, vận hành bảo đảm phát huy hiệu quả sau đầu tư. Quan tâm tăng cường các nguồn lực hoàn thành xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, chú trọng phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân ở các khu công nghiệp.

*Bốn là*, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn văn hóa nói chung và văn hóa truyền thống, văn hóa vật thể và phi vật thể nói riêng. Giữ gìn và phát huy đặc trưng tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; các giá trị đặc sắc về văn hóa biển đảo; truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” của công nhân Vùng mỏ. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa; các sự kiện văn hóa, lễ hội mang bản sắc Quảng Ninh; nâng cao chất lượng, hiệu quả

xây dựng môi trường văn hóa gắn với “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”... hướng tới mục tiêu xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

*Năm* là, xây dựng, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hóa, đội ngũ quản lý, người làm công tác văn hóa từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng chiến lược, đầu tư phát triển văn học, nghệ thuật, sáng tạo những tác phẩm cao, tạo dấu ấn về tư tưởng và nghệ thuật.

*Sáu* là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Quảng Ninh thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa *có tiềm năng* gắn với giá trị đặc trưng, riêng có của tỉnh Quảng Ninh, khuyến khích phát triển bền vững các không gian sáng tạo trở thành “hệ sinh thái sáng tạo”; ứng dụng công nghệ số, phát triển kinh tế số, kinh tế ban đêm, kinh tế đô thị... phù hợp với lợi thế và điều kiện của tỉnh.

Với tinh thần kiên trì, sáng tạo, đoàn kết và quyết tâm của cả hệ thống chính trị, Quảng Ninh sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp để giữ vững là tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới, sáng tạo, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc. Trong đó, các giá trị văn hóa tiếp tục được tôn tạo, bảo tồn, phát huy, lan tỏa, là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. ❖

# **TĂNG CƯỜNG CÁC NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, TƯƠNG XỨNG VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, NHẤT LÀ ĐỐI VỚI KHU VỰC NÔNG THÔN, MIỀN NÚI, VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ, VÙNG SÂU, VÙNG XA, BIÊN GIỚI, HẢI ĐẢO**

**NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**

*Tỉnh ủy viên, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh*

Tỉnh Quảng Ninh là địa phương ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, là tỉnh duy nhất trong cả nước có đường biên giới trên đất liền và trên biển với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, Quảng Ninh có vị trí trọng yếu về chính trị, kinh tế, quốc phòng an ninh và đối ngoại. Với 13 đơn vị hành chính cấp huyện với tổng số 177 xã, phường, thị trấn, 5 khu kinh tế; dân số khoảng 1,35 triệu người với 22 dân tộc anh em, Quảng Ninh hiện nay là một trong 5 địa phương có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất cả nước.

## **NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG**

Trong những năm gần đây, Quảng Ninh đã có những bước phát triển mạnh mẽ, kinh tế Quảng Ninh liên tục tăng trưởng cao và ổn định; tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt mức tăng trưởng 2 con số trong 7 năm liên tiếp (2016 - 2022) (trong đó có 3 năm 2020, 2021, 2022, mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch COVID-19 nhưng kinh tế Quảng Ninh vẫn tăng trưởng cao: năm 2020 đạt 10,05%, năm 2021 và năm 2022 đều đạt 10,28%), lập nên kỳ tích trong công cuộc đổi mới. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững: Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 50,9%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 43,9%; khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 5,2% trong cơ cấu kinh tế. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 ước đạt 269.000 tỷ đồng (chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng trong vùng đồng bằng sông Hồng); GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt

trên 8.200 USD (cao nhất ở khu vực phía Bắc); năng suất lao động bình quân 3 năm (2020 - 2022) tăng trên 10% (năm 2022 tăng trên 13%). Tổng thu ngân sách trên địa bàn trong 3 năm (2020 - 2022) đạt 156.263 tỷ đồng, tăng bình quân khoảng 10% năm.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh luôn ưu tiên tăng cường đầu tư và huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa theo hướng đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao một cách đồng bộ, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần, vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe của nhân dân. Hoàn thành các thiết chế văn hóa, thể thao có quy mô hiện đại, thu hút các sự kiện lớn mang tầm quốc tế và khu vực. Đến nay hệ thống thiết chế văn hóa thể thao từ tỉnh đến cơ sở đã và đang dần được hoàn thiện về số lượng cũng như chất lượng, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa của nhân dân, trong đó hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh đã được đầu tư như Bảo tàng; Thư viện; Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm; Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao; Sân Vận động Cẩm Phả; Trung tâm Văn hóa thể thao vùng Đông Bắc tại huyện Tiên Yên; Cung văn hóa thiếu nhi; Cung văn hóa lao động Việt Nhật, đáp ứng được các hoạt động văn hóa thể thao lớn của tỉnh, khu vực và quốc tế... Có 12/13 huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm văn hóa thể thao, có 103/177 xã có Trung tâm văn hóa thể thao cấp xã và 1449/1452 thôn khu có nhà văn hóa. Có được kết quả như vậy là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương, cũng như sự đoàn kết, kỷ luật, đồng tâm của toàn thể nhân dân.

Quảng Ninh có nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, đa dạng với 637 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, 362 di sản văn hóa phi vật thể. Quảng Ninh là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam, có truyền thống cách mạng của Công nhân vùng mỏ với “di sản” tinh thần vô giá “Kỷ luật và Đồng tâm”, là nơi giao thoa văn hóa của vùng đồng bằng sông Hồng.

## **VỀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TẠI QUẢNG NINH**

Để khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo động lực và nguồn lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đồng bộ các giải pháp từ ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư, kế hoạch thu hút nguồn lực cho phát triển cơ sở hạ tầng văn hoá, thể thao, cụ thể là:

- Trong 5 năm qua, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 21 Nghị quyết về cơ chế, chính sách liên quan đến xây dựng phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Nhiều chương trình, dự án đã được bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị văn hóa. Ban hành quy định về phân

cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển đối với nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, trong đó phân cấp cụ thể nhiệm vụ chi đầu tư đối với các công trình văn hóa thể thao cấp tỉnh, cấp huyện quản lý. Cơ chế phân cấp đã gắn bó chặt chẽ với trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp được giao nên đã tạo được chủ động của mỗi cấp khi tổ chức thực hiện, chủ động cân đối nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong đó có các thiết chế văn hóa thể thao.

- Trong 5 năm (2018 - 2020), tỉnh và các địa phương đã quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, di tích cách mạng cùng với công tác xã hội hóa được triển khai hiệu quả, trong đó 100% di tích cấp quốc gia, 70 di tích cấp tỉnh đã được tu bổ, tôn tạo và chống xuống cấp với tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh trên 1.683 tỷ đồng, ngân sách địa phương khoảng 210 tỷ đồng và đầu tư từ nguồn xã hội hóa khoảng gần 1.400 tỷ đồng.

- Trong những năm qua, tỉnh đã tiếp tục tăng cường đầu tư và huy động các nguồn lực xã hội hóa, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa theo hướng đầu tư, nâng cấp cải tạo và phát triển hệ thống văn hóa, thể thao một cách đồng bộ, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần, vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe cho nhân dân. Hoàn thành các thiết chế văn hóa, thể thao quy mô lớn, hiện đại, thu hút tổ chức các sự kiện lớn mang tầm quốc tế và khu vực. Giai đoạn 2018 - 2022, tổng chi nguồn ngân sách (bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên) cho lĩnh vực văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh là 4.759.543 triệu đồng (chiếm 3,6% tổng chi đầu tư và chi thường xuyên ngân sách địa phương), trong đó: Chi đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao: 3.092.096 triệu đồng; chi thường xuyên cho lĩnh vực văn hóa, thể thao: 1.667.447 triệu đồng.

- Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo đã ưu tiên nguồn lực để nâng cấp sửa chữa, xây mới các trung tâm văn hóa thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; trong 2 năm 2021 - 2022, có 58 công trình thiết chế văn hóa được triển khai thực hiện với số vốn đã bố trí trên 331 tỷ.

- Bên cạnh nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, tỉnh đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa thể thao, thu hút nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh các thiết chế vui chơi, giải trí, trong đó có nhiều nhà đầu tư chiến lược với các sản phẩm văn hóa - du lịch độc đáo; nhiều sân bóng, khu luyện tập thể thao, trung tâm luyện tập thể hình, bể bơi được doanh nghiệp tư nhân đầu tư. Từ năm 2014 đến nay, đã thu hút được 07 dự án đầu tư trong lĩnh vực Văn hóa theo hình thức đối tác công - tư với tổng mức đầu tư 1.494,76 tỷ đồng.

Nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở đã phát huy hiệu quả, tổ chức có thành công các nhiệm vụ chính trị, các hoạt động tuyên truyền, chào mừng các sự kiện trọng đại của đất nước, của tỉnh, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học tập, giáo dục đạo đức và là địa điểm du lịch hấp dẫn, thu hút nhân dân và du khách. Cấp huyện, xã, thôn, khu đã từng bước đáp ứng được nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của tỉnh và địa phương, cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, luyện tập thể thao, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

### **MỘT SỐ TỒN TẠI**

Bên cạnh những thuận lợi, còn có những khó khăn trong bố trí nguồn lực đầu tư thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn tỉnh và công tác xã hội hóa lĩnh vực văn hóa thể thao như sau:

*Một là:* Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao trong toàn tỉnh chưa đồng bộ, nhiều thiết chế không đủ tiêu chuẩn, chưa đáp ứng được yêu cầu luyện tập, sinh hoạt văn hóa và thi đấu thể dục thể thao chuyên và không chuyên, nhất là hệ thống thiết chế văn hóa ở miền núi, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

*Hai là:* Một số thiết chế văn hóa thể thao đã được đầu tư nhưng chưa được sử dụng hết công năng, chủ yếu là dùng để hội họp và sinh hoạt của hệ thống chính trị cơ sở, chưa thực sự là điểm sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và thể thao cho nhân dân.

*Ba là:* Việc thu hút đầu tư các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh bằng chính sách ưu đãi về đất, thuế, phí... trong thời gian qua nhìn chung còn hạn chế, nhất là ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn, trong đó tập trung một số nguyên nhân chính: (i) Chưa có quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xã hội hóa để cho nhà đầu tư thuê. (ii) Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng ở khu vực đô thị là rất lớn, trong khi ngân sách Nhà nước chưa bố trí được nguồn vốn để thực hiện việc này. Còn nhà đầu tư thì không có đủ nguồn lực tài chính để tự đảm nhiệm.

### **GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI**

Để thực hiện tốt việc tạo nguồn lực đầu tư cho các thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp và đề nghị Tạp chí Cộng sản đồng hành, hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh một số nội dung sau:



*Một là:* Tư vấn, đồng hành cùng tỉnh Quảng Ninh bổ sung, hoàn thiện xây dựng hồ sơ khoa học Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử trình UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

*Hai là:* Triển khai có hiệu quả các nhóm giải pháp được UBND tỉnh phê duyệt tại Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025.

*Ba là:* Khai thác, phát huy hiệu quả cao nhất các thiết chế văn hóa thể thao hiện có của tỉnh như: Cung Văn hóa thiếu nhi; Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm; Khu Liên hợp thể thao tỉnh...

*Bốn là:* Sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực văn hóa thể thao để tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa thể thao phục vụ cho cộng đồng. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đã được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn.

*Năm là:* Triển khai, thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-2-2023, để tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, kêu gọi thu hút đầu tư lĩnh vực văn hóa, thể thao; có phương án huy động các nguồn lực tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư của doanh nghiệp; đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, góp phần hoàn thành chủ đề công tác năm 2023 của tỉnh là “Nâng cao chất lượng đời sống nhân dân”.

*Sáu là:* Phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc khi triển khai đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án trong lĩnh vực văn hóa thể thao quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, ngày 28-2-2020, của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, để các bộ, ngành có liên quan kịp thời hướng dẫn, triển khai thực hiện. ❖

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC QUẢN LÝ VĂN HÓA TỈNH QUẢNG NINH

*Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh*

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nhấn mạnh: *Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.*

Để khơi dậy, xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, Đảng ta cũng đã xác định một trong những giải pháp quan trọng là đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Bởi đây là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào việc định hướng, tổ chức và huy động sức sáng tạo trong nhân dân, cùng với các nguồn lực khác hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Với sự quan tâm, đầu tư của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh không ngừng được bổ sung, gia tăng về số lượng; trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng cao, có nhiều chuyển biến tích cực; đội ngũ lãnh đạo, quản lý ở các cấp có phẩm chất, uy tín, có tư duy đổi mới, có năng lực hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Đội ngũ cán bộ văn hóa có tâm, có tầm, có trách nhiệm đã có những đóng góp quan trọng trong việc khai thông, “mở đường” phát triển văn hóa. Bộ máy của các cơ quan tham mưu trong lĩnh vực, ngành văn hóa (Sở Văn hóa và Thể thao, phòng văn hóa và thông tin cấp huyện, trung tâm ruyền thông - văn hóa cấp huyện, ủy ban nhân dân cấp xã) được kiện toàn, tạo mạng lưới rộng khắp từ tỉnh đến huyện, xã giúp cho công tác phát triển văn hóa, nhất là đời sống văn hóa tinh thần của người dân ngày càng phong phú đa dạng.

Nhận thức được tầm quan trọng đội ngũ cán bộ văn hóa cấp cơ sở là lực lượng giúp chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền, thể thao và du lịch; hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung và các chương trình hoạt động văn hóa ở cơ sở; vận động nhân dân và các tổ chức, đơn vị thực hiện xã hội hóa, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hóa, 100% xã, phường, thị trấn đã bố trí ít nhất 1 công chức phụ trách lĩnh vực văn hóa. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã bố trí cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý, tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở và cộng đồng dân cư.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành văn hóa cơ bản được đào tạo bài bản, tích cực tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, khung năng lực, vị trí việc làm, đặc biệt, bồi dưỡng sâu về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng tham mưu hoạch định, tổ chức thực thi và đánh giá chính sách văn hóa. 100% giảng viên khoa Quản lý văn hóa của trường Đại học Hạ Long - cơ sở đào tạo chuyên ngành về văn hóa, nghệ thuật của tỉnh đạt trình độ từ thạc sĩ trở lên.

Tính đến ngày 31-12-2022, toàn tỉnh Quảng Ninh có 904 cán bộ, công chức, viên chức, công chức cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong ngành văn hóa, thể thao, du lịch, trong đó: 111 công chức, 465 viên chức, 314 công chức văn hóa - xã hội và 14 người làm việc ở các hội đặc thù cấp tỉnh (Hội Văn học nghệ thuật, Hội Nhà báo). Trong đó: 1- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 6 người, chiếm 0,66%; thạc sĩ 155 người, chiếm 17,1%; đại học 640 người, chiếm 70,8%; cao đẳng 38 người, chiếm 4,2%; trung cấp 65 người, chiếm 7,19%; 2- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 82 người, chiếm 9,07%; trung cấp 498 người, chiếm 55,1%; sơ cấp 69 người, chiếm 7,63%; 3- Trình độ quản lý nhà nước: Chuyên viên cao cấp và tương đương 5 người, chiếm 0,6%; chuyên viên chính và tương đương 99 người, chiếm 11%; chuyên viên và tương đương 412 người, chiếm 45,6%; 4- Trình độ tin học: Trung cấp trở lên 28 người, chiếm 3,1%; chứng chỉ 828 người, chiếm 91,6%; 5- Trình độ ngoại ngữ: Trung cấp trở lên 20 người, chiếm 2,21%; chứng chỉ 503 người, chiếm 55,64%.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa vẫn còn một số tồn tại hạn chế: 1- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về văn hóa chưa thực sự đầy đủ, toàn diện, còn coi trọng lĩnh vực kinh tế hơn nên việc bố trí, sử dụng cán bộ còn nhiều bất cập. Vẫn còn tình trạng bố trí, sử dụng một số cán bộ văn hóa chưa được đào tạo bài bản, không có kinh nghiệm về quản lý văn hóa, thậm chí hạn chế về năng lực, chuyên môn hoặc không đảm nhiệm được công việc ở các vị trí khác

thì điều chuyển về làm công tác văn hóa. 2- Việc tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành văn hóa, nghệ thuật còn gặp nhiều khó khăn, do không có nguồn tuyển (trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh không thu hút được chỉ tiêu tiến sĩ ngành quản lý văn hóa về giảng dạy tại trường Đại học Hạ Long cũng như không tuyển được đối tượng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, ngày 5-12-2017, của Chính phủ “Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ” thuộc lĩnh vực văn hóa). 3- Trong bối cảnh giao lưu, hội nhập toàn cầu vẫn còn một bộ phận công chức, viên chức ngành văn hóa chậm thích ứng, chậm đổi mới, hạn chế về ngoại ngữ, tin học,... nên chất lượng công tác tham mưu còn chưa cao. Công chức văn hóa ở một số xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo còn hạn chế về năng lực, trình độ. 4- Việc cập nhật, bồi dưỡng chuyên sâu, nâng cao nghiệp vụ theo vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa còn chưa thường xuyên, liên tục. 5- Chính sách về tiền lương, đãi ngộ, điều kiện, môi trường làm việc còn thấp so với nền kinh tế và giá cả thị trường nên cuộc sống của cán bộ, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa còn gặp nhiều khó khăn (bình quân thu nhập tiền lương tháng đối với công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa khoảng hơn 6 triệu đồng/tháng).

Nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên, với tầm nhìn chiến lược, tỉnh Quảng Ninh xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược để thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững. Thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh đã tập trung triển khai đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực văn hóa nói riêng, cụ thể:

*Một là, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, tích cực triển khai có hiệu quả các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh, theo đó xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp, phân công trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị, thời gian hoàn thành các nhiệm vụ... (Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; Kế hoạch 193-KH/TU, ngày 1-6-2018, của Tỉnh ủy, Chương trình số 105/CTr-UBND ngày 2-8-2018, của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU); Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 25-11-2021, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định chủ đề năm 2022 là “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; giữ vững đà tăng trưởng; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao”; Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 28-11-2022, của*

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định chủ đề năm 2023 là “*Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và chất lượng đời sống Nhân dân*”.

Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền quán triệt, triển khai nghị quyết tới các đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã với nhiều hình thức phong phú, qua đó nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chương trình hành động được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, triển khai thực hiện gắn với các nhiệm vụ chính trị theo chủ đề công tác hằng năm của tỉnh và địa phương, đơn vị. Trên cơ sở kết quả kiểm tra và giám sát hằng năm, đã kịp thời chỉ ra hạn chế, thiếu sót để khắc phục, từ đó có những giải pháp để chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nghị quyết.

*Hai là*, tập trung triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp về rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo tinh thần của Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17-4-2015, của Bộ Chính trị “Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”, Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”. Theo đó, đã tích cực triển khai đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao năng lực quản trị các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao nói riêng, trong đó, đã kiện toàn cơ cấu tổ chức (hợp nhất ban quản trị khu *văn công* và 3 đoàn nghệ thuật thành một đơn vị); đẩy mạnh thực hiện tự chủ: Sở Văn hóa và Thể thao có 3/6 đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí thường xuyên, 2/6 đơn vị tự chủ 100% (*Bảo tàng Quảng Ninh là bảo tàng đầu tiên trên cả nước thực hiện tự chủ 100% về chi thường xuyên*), 6/13 đơn vị sự nghiệp văn hóa thể thao cấp huyện tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao đi vào hoạt động nề nếp, có nhiều đổi mới, chủ động tìm kiếm, mở rộng các hoạt động dịch vụ gắn với bảo tồn nghệ thuật truyền thống một cách có hiệu quả.

*Ba là*, ban hành cơ chế chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, như chính sách thu hút giảng viên về công tác tại trường Đại học Hạ Long - cơ sở đào tạo giảng dạy chuyên ngành về văn hóa, nghệ thuật của tỉnh (Nghị quyết số 178/2014/NQ-HĐND, ngày 12-

12-2014; Nghị quyết số 93/2017/NQ-HĐND, ngày 13-12-2017; Nghị quyết số 188/2019/NQ-HĐND, ngày 30-7-2019; Nghị quyết số 285/2020/NQ-HĐND, ngày 8-9-2020); chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ (Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 9-12-2022). Bên cạnh đó, công tác tạo nguồn nhân lực cũng được tỉnh quan tâm, đã ban hành một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích học tập đối với sinh viên học tại trường Đại học Hạ Long, trong đó có sinh viên nhóm ngành nghệ thuật, quản lý văn hóa (Nghị quyết số 190/2015/NQ-HĐND, ngày 23-3-2015; Nghị quyết số 187/2019/NQ-HĐND, ngày 30-7-2019; Nghị quyết số 239/2019/NQ-HĐND, ngày 7-12-2019; Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND, ngày 27-8-2021) qua đó đã góp phần chuyển biến tích cực, rõ nét về quy mô, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua.

*Bốn là*, đổi mới phương thức công tác tuyển dụng theo hướng coi trọng chất lượng hơn số lượng; nâng cao tiêu chí tuyển dụng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi tuyển, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; qua đó kịp thời bổ sung đội ngũ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong ngành văn hóa, nghệ thuật đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và thực hiện nhiệm vụ quản lý văn hóa của đơn vị, địa phương. Kết quả, từ năm 2019 đến nay, tỉnh đã tuyển được 80 công chức, viên chức, công chức cấp xã thuộc lĩnh vực văn hóa.

*Năm là*, bám sát chủ trương, quan điểm nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong thực hiện công tác cán bộ gắn với nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương. Triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm các nguyên tắc, quy trình, thủ tục trong công tác cán bộ; rà soát, tăng cường lãnh đạo kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các khuyết điểm, vi phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là cán bộ lãnh đạo và người đứng đầu có phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ phục vụ nhân dân và sự phát triển của đơn vị, địa phương theo Kế hoạch số 228-KH/TU, ngày 29-8-2018, của Tỉnh ủy “Về việc triển khai Nghị số quyết 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương”.

*Sáu là*, song song với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tỉnh Quảng Ninh đã sớm có chỉ đạo bố trí, cơ cấu lại đội ngũ bảo đảm tinh gọn, nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức: Triển khai việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm đối với 100% các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát trình độ đào tạo, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức để có kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ, tăng cường thực hiện kiêm nhiệm; chú trọng đổi

mới phương thức đánh giá, nhất là đánh giá cán bộ liên tục, xuyên suốt, đa chiều, lấy chất lượng, sản phẩm đầu ra để làm thước đo đánh giá; gắn đánh giá cá nhân với tập thể; có biện pháp đồng bộ để tinh giản biên chế đối với những đối tượng không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định (như phẩm chất, năng lực, sức khỏe...); ban hành các chính sách tinh giản biên chế riêng của nhằm khuyến khích, mở rộng đối tượng có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ việc.

*Bảy là*, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, trang bị kiến thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh gắn với việc thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 (Đề án 293) để triển khai thực hiện, trong đó có đào tạo, bồi dưỡng cho nguồn nhân lực văn hóa, thể thao, du lịch của tỉnh. Kết quả, từ năm 2018 đến năm 2022, tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt và tổ chức 20 lớp bồi dưỡng về văn hóa, du lịch, dịch vụ, thể thao, bảo tàng, thư viện,... cho gần 900 lượt học viên là công chức, viên chức làm nhiệm vụ về văn hóa, thể thao, bảo tàng, thư viện, du lịch cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ công chức văn hóa - xã hội cấp xã; tổ chức 2 lớp đi học tập kinh nghiệm nước ngoài tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc năm 2018; Cộng hòa Pháp năm 2019. Bên cạnh đó, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh quan tâm cử đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp), đào tạo về chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về văn hóa, thể thao, du lịch,... để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp theo quy định và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý văn hóa của tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đồng thời, chú trọng triển khai các lớp tập huấn hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện các văn bản pháp luật mới; kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao tại cơ sở. Qua đó kịp thời bổ sung các kiến thức mới, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý văn hóa cho đội ngũ làm công tác văn hóa ở cấp huyện, cấp xã nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu quản lý văn hóa tại địa phương, cơ sở.

*Tám là*, chú trọng xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan, tổ chức nhà nước, trọng tâm là cải cách hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, có phong cách ứng xử chuẩn mực trong thực thi công vụ. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2883/QĐ-UBND, ngày 17-7-2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày

27-12-2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ, trong đó, xác định rõ các nội dung công việc, giải pháp cần thực hiện, thời gian và tiến độ hoàn thành, trách nhiệm cụ thể đối với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Qua đó, duy trì thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần làm việc chủ động, thái độ phục vụ, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân có nhiều chuyển biến tích cực, dần đi vào nề nếp trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

*Chín là*, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, các trang thiết bị, phương tiện hiện đại; quan tâm, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ chế mở để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phát huy tối đa năng lực, trí tuệ; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu để khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ công tác tham mưu quản lý nhà nước.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trong phạm vi của tham luận Hội thảo tôi xin đề xuất, kiến nghị với các cơ quan Trung ương một số nội dung sau:

1- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài; hoàn thiện cơ chế khuyến khích người đứng đầu đơn vị sự nghiệp đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp văn hóa và thể thao trong tình hình mới; tập trung hoàn thành hệ thống thể chế, chính sách để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

2- Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm ban hành Danh mục vị trí việc làm của ngành văn hóa để các đơn vị, địa phương có cơ sở triển khai việc xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm; Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, làm cơ sở giảm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách theo chủ trương của Đảng. ❖



## GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐẶC TRƯNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN QUANG VINH

*Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Quảng Ninh*

### ĐÔI NÉT KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỈNH QUẢNG NINH VÀ HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN TỈNH QUẢNG NINH

Nơi đây là vùng đất đa dạng với hàng nghìn năm Văn hiến. Nơi “*hình thặng nước non ấy*”. Trong cái chung của đất nước, hàng nghìn năm phong kiến phương Bắc đô hộ và hàng trăm năm thực dân Pháp cai trị, Quảng Ninh luôn có các thay đổi tên gọi khác nhau trong lịch sử quá trình hình thành và phát triển, sự gia tăng của người Quảng Ninh qua các thời kỳ vừa tăng tự nhiên vừa tăng theo cơ học. Bởi vậy vùng đất này rất đậm nét văn hóa chung trong đa dạng và văn hóa vùng, văn hóa đặc trưng của người Quảng Ninh.

Người Quảng Ninh từ nhiều nơi đến và nhiều dân tộc anh em cùng đan xen cư trú, họ sinh sống vừa tạo dựng cuộc sống mới, vừa cùng nhau giữ gìn bờ cõi, nơi “*phên giậu*” vùng đông bắc Tổ quốc, nơi giàu truyền thống cách mạng, đậm nét văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian và văn hóa tâm linh của các dân tộc.

Cùng với giá trị văn hóa truyền thống “*Kỷ luật và đồng tâm*” của thợ mỏ qua phong trào lao động và đấu tranh của người thợ mỏ hàng trăm năm bị áp bức, bóc lột của chủ mỏ và bọn thực dân Pháp. Ngoài ra, còn có những nét chung trong đa dạng của người Quảng Ninh ở vùng đất này, qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy nét truyền thống rất đặc trưng văn hóa của người Quảng Ninh, đó là một loại hình văn hóa truyền thống: “*yêu nước, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, nghĩa tình*”, thể hiện qua các câu ca dao: “*Ở đây ăn bổng lộc gì/ Lộc sim thì chát, lộc si thì già*”; “*Ở đây vui thú non tiên/đào cua bắt ốc lấy tiền nuôi nhau*”, “*Khi đi*

*tóc mới ngang vai/tắm nước Trà Cổ tóc dài qua lưng”... Ở vùng đảo Vân Hải (Vân Đồn) cũng có câu: “Ở đây vui thú non tiên/đào cua, bắt ốc lấy tiền nuôi nhau”, “Khi đi tóc mới ngang vai/tắm nước Giếng Hệu tóc dài ngang hông”, “Sông sâu nước chảy về nguồn/Anh về, em ở thật buồn lắm thay”...*

Để góp phần vào thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, Hội Văn nghệ dân gian Quảng Ninh luôn đồng hành với mục tiêu chung qua một số đóng góp như sau:

- Hội Văn nghệ dân gian tỉnh Quảng Ninh được thành lập ngày 25/3/2008, theo Quyết định số 840/QĐ-UBND, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở từ Chi hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tại tỉnh Quảng Ninh, hiện nay có 367 hội viên, có 73 nghệ nhân dân gian Việt Nam, trong đó có 02 nghệ nhân nhân dân, 41 nghệ nhân ưu tú ở khắp các địa phương, các dân tộc, các loại hình văn hóa văn nghệ dân gian, 48 câu lạc bộ văn nghệ dân gian ở các loại hình văn hóa dân gian của tỉnh Quảng Ninh. 15 năm qua (2008 - 2023), từ khi thành lập đến nay, Hội đã sưu tầm, nghiên cứu thực hiện thành công 5 đề tài văn hóa phi vật thể thuộc lĩnh vực văn hóa dân gian của tỉnh Quảng Ninh, như: (1) Đề tài sưu tầm nghiên cứu Địa danh Quảng Ninh xưa và nay, đã xuất bản thành sách; (2) đề tài nghiên cứu nguồn gốc, phong tục, tập quán, văn hóa đặc trưng của dân tộc Dao Quảng Ninh, in thành sách và các mẫu chuyện kể của người Dao, có 13 nghệ nhân, 6 câu lạc bộ văn nghệ dân gian biểu diễn dân ca dân tộc Dao và may thêu trang phục của người Dao; (3) Hát cửa đình ở các vùng ven biển, biên giới của tỉnh, có 8 nghệ nhân, 01 nghệ nhân nhân dân, 4 nghệ nhân ưu tú, 6 câu lạc bộ văn nghệ dân gian, hơn 100 hội viên ở Vân Đồn, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái; (4) Đề tài hát đối, hát giao duyên ở các làng ven biển Vạn Ninh, Quảng Nghĩa, Ninh Dương (Móng Cái), hát dân ca chèo cổ Quảng Minh (Hải Hà), hát giao duyên trên vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long), hát đúm (Quảng Yên), hát Then cổ - đàn tính 2 dây ở Bình Liêu, Câu lạc bộ đàn hát dân ca ở thành phố Hạ Long, hát dân ca Dao ở Bằng Cả (Hạ Long), hát Chèo cổ, châu văn ở Uông Bí, Đông Triều, (5) ca dao Vùng Mỏ Quảng Ninh.

Cùng với đó, ngoài sách “Địa danh Quảng Ninh xưa và nay”, Hội còn xuất bản hơn 40 đầu sách giới thiệu về văn hóa dân gian của tỉnh, như sách giới thiệu về văn hóa làng Vạn Ninh, (Móng Cái), văn hóa dân gian làng đảo Ngọc Vũng, (Vân Đồn), văn hóa ẩm thực vùng biển Quảng Ninh, 101 món ăn dân gian tỉnh Quảng Ninh, truyền tích dân gian núi Bài Thơ, sách giới thiệu chùa Long Tiên (Hạ Long), sách giới thiệu di tích Yên Tử,... Đây là những sản phẩm sẽ góp phần giới thiệu về vùng đất và người Quảng Ninh cho du lịch, cho “giữ chân” khách đến Quảng Ninh, nhưng chưa được phối hợp chặt chẽ giữa Hội Văn

nghệ dân gian Quảng Ninh, các địa phương với các cơ quan chức năng và có chính sách quan tâm đầu tư, bảo tồn đúng mức

Quá trình thực hiện nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu và bảo tồn văn hóa dân gian (văn hóa truyền thống), Hội Văn nghệ dân gian tỉnh Quảng Ninh đã kết hợp chặt chẽ 3 việc: (1) Sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn nghệ nhân - những người lưu giữ văn hóa truyền thống dân tộc; (2) Xây dựng 48 câu lạc bộ loại hình văn hóa truyền thống ở địa phương để các nghệ nhân truyền dạy, biểu diễn và bồi dưỡng lực lượng trẻ ngay tại địa phương; (3) Xuất bản tác phẩm từ lưu giữ của nghệ nhân, đã xuất bản được 43 tác phẩm văn hóa dân gian ở địa phương, gồm các loại hình văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống của tỉnh Quảng Ninh.

### **MÁY ĐỀ XUẤT ĐỂ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG LĨNH VỰC VĂN HÓA HIỆN NAY**

- Tạo chuyển biến từ nhận thức về ý nghĩa và giá trị văn hóa truyền thống với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống hiện nay trong lãnh đạo các cấp và xã hội, đây là nội dung hết sức quan trọng cần được đặt lên hàng đầu về xây dựng con người Quảng Ninh, như Nghị quyết số 11 của Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành.

- Có chính sách đầu tư phát triển văn hóa Quảng Ninh xứng tầm, có cơ quan chức năng mạnh, cán bộ văn hóa tâm huyết, hết lòng vì sự nghiệp văn hóa, vì một Quảng Ninh giàu mạnh, thân thiện.

- Rà soát, phân loại các di tích đã được xếp hạng (di tích văn hóa lịch sử, di tích văn hóa tâm linh...), đầu tư đúng hướng, kịp thời, có trọng điểm, có hiệu quả, lấy hiệu quả làm thước đo của việc làm của mỗi địa phương và đơn vị; gắn hoạt động văn hóa chuyên nghiệp với các tổ chức, cá nhân, xã hội để nâng cao hiệu quả giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc

- Quan tâm đầu tư, có chính sách chăm lo, động viên nghệ nhân dân gian, những người nắm giữ văn hóa truyền thống, các câu lạc bộ hoạt động ở địa phương và tổ chức hoạt động về văn hóa, văn nghệ dân gian trên địa bàn. ❖

## XÂY DỰNG ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH DI SẢN - NHÌN TỪ HẠ LONG

NGUYỄN TIẾN DŨNG

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*

Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới đầu tiên của Việt Nam được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh lần thứ nhất vào năm 1994 về giá trị cảnh quan tự nhiên và mở rộng tiêu chí địa chất địa mạo năm 2000. Năm 2009, Vịnh Hạ Long được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Năm 2011, Vịnh Hạ Long trở thành 1 trong 7 kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới. Bên cạnh những danh hiệu trên, Vịnh Hạ Long còn được nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế liên tiếp bình chọn nằm trong danh sách điểm đến tham quan ấn tượng trên thế giới, như: 1 trong 50 kỳ quan thiên nhiên đẹp nhất thế giới; 1 trong 8 nơi có vùng nước đặc biệt nhất thế giới; 1 trong 10 di sản UNESCO ấn tượng nhất châu Á; 1 trong 10 điểm tham quan du lịch lý tưởng nhất khu vực Đông Nam Á,... Với việc sở hữu các giá trị nổi bật toàn cầu và tiêu biểu của quốc gia, cùng nhiều danh hiệu trong nước và quốc tế, di sản Vịnh Hạ Long luôn là điểm đến du lịch hấp dẫn hàng đầu trên bản đồ du lịch Việt Nam nói riêng, khu vực và thế giới nói chung.

Điểm đến du lịch đóng vai trò quan trọng và quyết định đến sự phát triển du lịch của một địa phương, một đất nước. Điểm đến du lịch có tính hấp dẫn và có sức thu hút khách du lịch càng cao thì lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến càng lớn. Theo UNESCO, di sản thế giới là tài sản quý giá của con người, chứa đựng những giá trị ngoại hạng toàn cầu, đồng thời cũng là những điểm du lịch quan trọng. Trong khi du lịch được đánh giá là một trong những ngành công nghiệp lớn nhất thì du lịch di sản được xác định có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, phát triển du lịch luôn tiềm tàng những nguy cơ tác động đến sự phát triển kinh tế địa phương và sự bền vững lâu dài.

Di sản Vịnh Hạ Long là một vùng biển, đảo đặc thù, có tính nhạy cảm cao về môi trường tự nhiên, cảnh quan, dễ bị tác động bởi thiên tai, biến đổi khí hậu. Vịnh Hạ Long tiếp giáp với nhiều địa phương thuộc tỉnh Quảng Ninh gồm thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, thị xã Quảng Yên, huyện Vân Đồn và tiếp giáp với huyện Cát Hải của thành phố Hải Phòng. Trên và ven bờ Vịnh Hạ Long diễn ra nhiều hoạt động kinh tế - xã hội, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, như du lịch, nuôi trồng, khai thác thủy sản, giao thông cảng biển... Do đó, để giải quyết những sức ép đa chiều dài hạn tới di sản, tỉnh Quảng Ninh xác định tiếp cận quản lý tổng hợp là một phương pháp quan trọng, xuyên suốt lâu dài để quản lý, bảo tồn, phát huy bền vững giá trị di sản Vịnh Hạ Long theo tinh thần của Công ước Di sản thế giới: “Bảo đảm sự cân bằng thích hợp giữa bảo tồn và phát triển bền vững, để các giá trị của di sản thế giới được bảo vệ thông qua các hoạt động thích hợp, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội và chất lượng cuộc sống của cộng đồng” (*Kỳ họp 26 của Unesco, Budapest, 2002*).

Nhận thức rõ điều này, với tư duy sáng tạo, đổi mới, linh hoạt, dám nghĩ, dám làm, tỉnh Quảng Ninh đã sớm nhận diện đúng hướng đi, thực hiện mô hình chuyển đổi tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”, theo hướng bền vững dựa vào 3 trụ cột (thiên nhiên, con người, văn hóa), nhiệm vụ trọng tâm là phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng giữ vai trò chủ đạo, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó vịnh Hạ Long được xác định là tâm điểm, là động lực thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm về phát triển dịch vụ du lịch là xây dựng thành phố Hạ Long trở thành trung tâm du lịch quốc gia mang tầm cỡ quốc tế gắn với bảo tồn và phát huy bền vững di sản kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long...

Trong khuôn khổ quốc gia và khu vực, Quảng Ninh định vị là trung tâm du lịch quốc gia, tầm quốc tế, điểm đến hàng đầu khu vực ASEAN gắn với di sản - kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và các dịch vụ du lịch biển, đảo đẳng cấp thế giới... Do đó, việc xây dựng điểm đến du lịch di sản vịnh Hạ Long là chìa khóa then chốt đặc biệt quan trọng trong chiến lược định vị của tỉnh Quảng Ninh và của thành phố Hạ Long.

## **THỰC TIỄN CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH DI SẢN THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI VỊNH HẠ LONG**

*Công tác quản lý điểm đến, bảo đảm môi trường kinh doanh du lịch tại vịnh Hạ Long*

Phát huy giá trị của di sản phục vụ phát triển du lịch phải dựa trên tiềm năng, giá trị, tài nguyên của di sản. Theo Công ước Di sản thế giới, để quản lý, bảo vệ các giá trị nổi bật

toàn cầu của di sản cần có các công cụ, phương tiện hữu hiệu. Đó là lý do những năm qua, Ban Quản lý vịnh Hạ Long đã tham mưu cho tỉnh ban hành các quy hoạch, quy chế, kế hoạch quản lý tổng thể di sản và trên các lĩnh vực trọng tâm (Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản; kế hoạch quản lý di sản; quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long; đề án phát triển sản phẩm du lịch Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đề án tổng thể về quản lý, phát triển sản phẩm du lịch biển, đảo vịnh Hạ Long - vịnh Bái Tử Long - Vân Đồn - Cô Tô...) nhằm bổ sung, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch trên Vịnh theo hướng bền vững, hạn chế các tác động tiêu cực đến các giá trị di sản.

Vịnh Hạ Long được đánh giá là một di sản mang tính đặc thù, trong vùng bảo vệ tuyệt đối thường xuyên diễn ra các hoạt động du lịch, vận tải, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản... Vì vậy, công tác quản lý, giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm môi trường kinh doanh du lịch, an ninh trật tự trên Vịnh được Ban Quản lý triển khai đồng bộ, quyết liệt tạo được sự chuyển biến rõ nét trong quản lý các hoạt động dịch vụ du lịch. Một số tồn tại liên quan đến vấn đề môi trường kinh doanh du lịch trước đây gây bức xúc cho khách tham quan đã và đang được xử lý quyết liệt, như tình trạng lộn xộn của các nhà bè kinh doanh, nuôi trồng hải sản trái phép; tình trạng “chặt chém” khách du lịch; tình trạng cặp ca, đeo bám tàu du lịch; tình trạng chần dốt, cò môi khách lẻ... Các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trên Vịnh đã được kiểm soát chặt chẽ, từng loại hình dịch vụ du lịch được quy định khu vực hoạt động và xây dựng phương án quản lý.

Cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý di sản được tăng cường, Ban Quản lý đã chủ động ký kết và triển khai thực hiện quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ Di sản vịnh Hạ Long với các đơn vị liên quan. Các lực lượng chức năng của thành phố Hạ Long, Ban Quản lý Vịnh bố trí lực lượng trực, bảo đảm đủ lực lượng, trang thiết bị kỹ thuật thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn 24/24, đặc biệt là đội liên ngành thường trực cứu hộ, cứu nạn... góp phần xây dựng hình ảnh thân thiện, hiếu khách và khẳng định thương hiệu điểm đến du lịch an toàn, hấp dẫn cho khách du lịch.

*Chú trọng cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch tại các điểm tham quan trên vịnh Hạ Long bảo đảm an toàn, mỹ quan, mang lại sự hài lòng cho khách du lịch.*

Nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng du lịch, tạo ra các điểm tham quan hấp dẫn trên vịnh Hạ Long, Ban Quản lý Vịnh đã chú trọng cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tại các điểm tham quan trên Vịnh. Với phương châm đầu tư, tu bổ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung

chủ yếu vào các công trình phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tại các điểm tham quan trên Vịnh được chỉnh trang, cải tạo bảo đảm an toàn, mỹ quan, mang lại sự hài lòng cho khách du lịch. Các doanh nghiệp được khuyến khích, hỗ trợ tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, như điểm dừng chân, dịch vụ, tham quan, giới thiệu sản phẩm tại vịnh Cặp Táo; khu nuôi trồng thủy sản kết hợp phát triển du lịch bền vững tại làng chài Vung Viêng... Qua đó, hình thành cơ sở hạ tầng đồng bộ, tạo diện mạo mới cho du lịch Hạ Long, làm tăng tính hấp dẫn của điểm đến di sản, đem đến những trải nghiệm tốt nhất và kéo dài thời gian tham quan của du khách khi đến Hạ Long.

Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển hạ tầng kỹ thuật để nâng cao hiệu quả công tác quản lý di sản và các hoạt động dịch vụ du lịch, như đầu tư hệ thống truyền tải dữ liệu viba và hệ thống camera tại các điểm tham quan trên Vịnh; triển khai thu phí tham quan tích hợp thu dịch vụ hành khách qua cảng tàu du lịch chuyển đổi theo hoá đơn điện tử; tổ chức triển khai bán vé tham quan bằng hình thức thanh toán online (Internet banking hoặc quét mã QR) nhằm đa dạng hóa hình thức thanh toán, đem lại nhiều tiện ích cho khách du lịch; đầu tư công nghệ GPS, VHF góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn và công tác kiểm tra, xử lý, vi phạm...

*Quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm du lịch trên vịnh Hạ Long và phát triển các sản phẩm mới để tạo sự khác biệt, có tính trải nghiệm cao*

Không chỉ coi trọng công tác quản lý, bảo tồn mà nhiệm vụ khai thác, phát huy giá trị di sản cũng được tính xác định là một việc làm cần thiết, có ý nghĩa quan trọng nhằm đưa vịnh Hạ Long trở thành một trong những điểm du lịch tốt nhất, chất lượng nhất, bền vững, hiệu quả và thân thiện với du khách. Khai thác hiệu quả, bền vững sẽ là giải pháp tốt nhất để quản lý, bảo tồn hiệu quả di sản, để Vịnh Hạ Long thực sự phát huy được tiềm năng, thế mạnh trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Theo Nghị quyết của Ủy ban Di sản thế giới tại kỳ họp lần thứ 42 (năm 2018) yêu cầu các quốc gia thành viên xây dựng kế hoạch quản lý du lịch để đánh giá ngưỡng khách du lịch phù hợp của di sản và giải quyết vấn đề du lịch không được kiểm soát. Do đó, Ban Quản lý Vịnh đã triển khai phương án giãn tuyến, phân tải khách tại các điểm tham quan trên nhằm giảm tải lượng khách tham quan tập trung trong vùng lõi di sản, hướng đến việc phát triển du lịch trong vùng đệm và phụ cận, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng trải nghiệm và kéo dài thời gian tham quan của khách du lịch trên vịnh Hạ Long.

Nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và chi tiêu của du khách, trong thời gian qua, rất nhiều sản phẩm và dịch vụ du lịch đặc trưng trên vịnh đã được tập trung xây dựng, tạo thành những sản phẩm du lịch chất lượng cao, hấp dẫn riêng được nhiều khách du lịch lựa chọn, đặc biệt là khách quốc tế, như du lịch nghỉ đêm trên vịnh, du thuyền khám phá, trải nghiệm vịnh Hạ Long từ trên cao với thủy phi cơ...; triển khai các tuyến du lịch, sản phẩm dịch vụ mới ven bờ nhằm giảm áp lực đến khu vực di sản với 2 tuyến tham quan tại khu vực ven bờ thuộc vùng đệm vịnh Hạ Long dành cho du thuyền nhà hàng, xây dựng sản phẩm phố đêm du thuyền...

Để khai thác tài nguyên, giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững, Ban Quản lý chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch cộng đồng, như tham quan, trải nghiệm giá trị văn hóa độc đáo của cộng đồng ngư dân trên vịnh, các di tích khảo cổ, mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững gắn với du lịch có trách nhiệm, với sự tham gia trực tiếp của chính người dân. Ngoài ra, Ban Quản lý tiếp tục đẩy mạnh kết nối các điểm du lịch trên Vịnh với các khu vực lân cận, đặc biệt với khu vực vịnh Bái Tử Long, Cô Tô, Hoàn Bò, Cát Bà để khai thác hiệu quả loại hình du lịch văn hóa, du lịch xanh, du lịch cộng đồng; phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch khảo sát, xây dựng các sản phẩm du lịch mới, hình thành chuỗi sản phẩm du lịch chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh, hướng tới thị trường du lịch cao cấp đáp ứng nhu cầu của khách du lịch nội địa và quốc tế.

*Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá vịnh Hạ Long và giáo dục cộng đồng nâng cao nhận thức, tư duy về phát triển dịch vụ du lịch*

Để tiếp tục đưa Di sản vịnh Hạ Long trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn trong nước và quốc tế, Ban Quản lý Vịnh đã và đang nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, truyền thông quảng bá hoạt động du lịch qua website halongbay.com.vn, mạng xã hội Fanpage, Youtube, Twitter... Đặc biệt, đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch trên các thiết bị di động thông minh; duy trì tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu vịnh Hạ Long thông qua các ấn phẩm, như sách báo, tờ gấp, video clip, bộ nội dung thuyết minh về vịnh Hạ Long, thành phố Hạ Long.... Tích cực hợp tác truyền thông với các đài phát thanh, báo, tạp chí, như đài VOV, báo Tuổi trẻ, báo điện tử Dân trí, báo Pháp luật Việt Nam, báo Tiền Phong... để đăng tải các chuyên đề, viết bài chuyên sâu về di sản vịnh Hạ Long; liên kết với câu lạc bộ các di sản thế giới ở Việt Nam tăng cường kết nối thông tin, quảng bá về các giá trị, tiềm năng di sản, trong đó xuất bản ấn phẩm “Di sản thế giới tại Việt Nam - Giá trị nổi bật toàn cầu”.



Cùng với sự quan tâm đầu tư của tỉnh, công tác xúc tiến, quảng bá du lịch vịnh Hạ Long từng bước được đổi mới, mở rộng phạm vi hoạt động với nhiều chương trình, sự kiện quảng bá trong và ngoài nước. Nổi bật là các hoạt động tham gia chương trình hợp tác liên kết vùng, đẩy mạnh triển khai quảng bá tại các thị trường khách trọng điểm trong nước và quốc tế thông qua nhiều nội dung hoạt động phong phú, đa dạng, như Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh; VITM Hà Nội; triển lãm thế giới EXPO Dubai; chương trình “Việt Nam - Trải nghiệm trọn vẹn”; sự kiện SEA Games 31; sự kiện diễn đàn du lịch liên khu vực Đông Á (EATOF) lần thứ 17... những thông tin, hình ảnh về vịnh Hạ Long thường xuyên được giới thiệu đến các đại biểu, nhà báo quốc tế, góp phần quảng bá di sản, tạo lan tỏa hình ảnh “Vịnh Hạ Long - Điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn”.

Mặt khác, để tuyên truyền có hiệu quả và mang tính chất lâu dài, Ban Quản lý Vịnh đã phát hành Bộ quy tắc ứng xử “Văn minh du lịch” và “Nụ cười Hạ Long”, triển khai thực hiện đến người dân, doanh nghiệp, đội ngũ những người làm dịch vụ du lịch trên Vịnh và khách du lịch, góp phần thay đổi hình ảnh du lịch vịnh Hạ Long, thành phố Hạ Long hướng tới văn minh, thân thiện, chuyên nghiệp; tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch nghiêm túc chấp hành các quy định về bảo vệ di sản, nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, nâng cao thái độ văn minh lịch sự của đội ngũ nhân viên đón tiếp, phục vụ khách du lịch; duy trì các hoạt động cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường: hạn chế rác thải nhựa, tham gia dọn vệ sinh môi trường với “Ngày chủ nhật xanh”; “Toàn dân tham gia vệ sinh môi trường vì một Hạ Long xanh”; tổ chức thu gom rác thải, trồng rừng ngập mặn, các cuộc thi tìm hiểu, thi vẽ, hùng biện về vịnh Hạ Long; tổ chức các lớp học ngoại khóa trên Vịnh bằng “Con thuyền sinh thái (Ecoboat)”...; phối hợp triển khai đưa giáo dục di sản vào giảng dạy tại các trường học góp phần giáo dục, nâng cao nhận thức bảo vệ, giữ gìn di sản cho các em học sinh.

#### *Tăng cường quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch vịnh Hạ Long*

Những năm qua, Ban Quản lý Vịnh đã triển khai giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn di sản nhằm kiểm đếm, kiểm soát, đánh giá, phát hiện kịp thời những nguy cơ ảnh hưởng đến giá trị của khu di sản và có các hành động quản lý, ứng phó kịp thời; tập trung nguồn lực, phối hợp với các tổ chức, viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học trong và ngoài nước triển khai nhiều đề tài, nhiệm vụ khoa học nghiên cứu về di sản, đưa ra nhiều giải pháp quản lý, bảo tồn và khai thác bền vững, phục vụ phát triển du lịch vịnh Hạ Long, như thành lập khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan Vịnh nhằm quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị tài nguyên rừng tại khu vực di sản; triển khai lập hồ sơ khu bảo tồn thiên nhiên

góp phần quản lý, bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu, điều tra, khai quật di chỉ khảo cổ tại một số hang động làm cơ sở để khoanh vùng bảo vệ, tổ chức dịch vụ trưng bày khảo cổ tại chỗ phục vụ du khách; kết hợp với bảo tồn, lưu giữ, phục dựng các giá trị văn hóa tiêu biểu của ngư dân Hạ Long tạo thành những sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng hấp dẫn, riêng có như *trải nghiệm hoạt động làm ngư cụ, thưởng thức làn điệu hát giao duyên...*

Môi trường cảnh quan, môi trường sinh thái của Vịnh được quản lý theo hướng kiểm soát tốt nguồn thải. Chất lượng môi trường nước Vịnh Hạ Long được theo dõi, quan trắc định kỳ hằng quý và được xác định nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn Việt Nam; nước thải tại các tàu du lịch, các điểm tham quan trên Vịnh, các khu dân cư ven bờ từng bước được thu gom, xử lý; rác thải trôi nổi và rác tại các điểm tham quan du lịch trên Vịnh được thu gom triệt để; đẩy mạnh phong trào “Vịnh Hạ Long không rác thải nhựa”, huy động sự tham gia của cộng đồng trong triển khai chiến dịch không sử dụng các sản phẩm từ nhựa dùng một lần trong các hoạt động tham quan, du lịch trên vịnh Hạ Long nhằm lan tỏa thông điệp về một “Vịnh Hạ Long là điểm đến sáng - xanh - sạch - đẹp”.

#### *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Với mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, trong đó xác định yếu tố con người đóng vai trò đặc biệt quan trọng, có thể nói những năm gần đây, Ban Quản lý luôn quan tâm, chú trọng đến việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, người lao động của Ban tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn về quản lý di sản, như bồi dưỡng về kỹ năng chuyển đổi số; nghiệp vụ đón tiếp, phục vụ khách tham quan, quản lý di sản, đánh giá tác động di sản, phát triển du lịch bền vững... Trong đó, chú trọng đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch; phối hợp tổ chức các lớp cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch, tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch cho nhân lực làm việc tại tàu thủy lưu trú và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trên vịnh Hạ Long...

#### *Những khó khăn, thách thức trong công tác xây dựng điểm đến du lịch di sản - kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long*

Trong bối cảnh hiện nay, nhiệm vụ quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị vịnh Hạ Long có nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn thách thức.

*Thứ nhất*, vịnh Hạ Long có địa bàn rộng, chế độ hải văn phức tạp, khu vực trên và ven bờ Vịnh diễn ra nhiều hoạt động kinh tế - xã hội đan xen, phát triển với tốc độ nhanh, nhất là các hoạt động khai thác than, cảng biển, phát triển đô thị, nuôi trồng thủy sản... tạo ra nhiều áp lực, thách thức đối với công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị và nguồn tài nguyên du lịch của Di sản.

*Thứ hai*, phát triển du lịch “nóng” với sự gia tăng nhanh chóng, ồ ạt của khách du lịch nếu không kiểm soát tốt sẽ dẫn tới việc quá tải cục bộ tại một số tuyến điểm tham quan, tiềm ẩn nguy cơ tác động tiêu tới các giá trị và nguồn tài nguyên du lịch của Di sản, đồng thời làm giảm chất lượng trải nghiệm của du khách.

*Thứ ba*, sức ép cạnh tranh của các khu, điểm du lịch lân cận có cảnh quan tương đồng như Cát Bà (thành phố Hải Phòng), Tràng An (tỉnh Ninh Bình)...

*Thứ tư*, khách du lịch ngày càng có nhiều lựa chọn về điểm đến; nhu cầu trải nghiệm của khách du lịch ngày càng cao hơn, khắt khe hơn về chất lượng dịch vụ du lịch và sản phẩm du lịch...

*Thứ năm*, du lịch vịnh Hạ Long là du lịch biển, đảo, do đó hoạt động du lịch có nguy cơ rủi ro cao bởi các tác động tiêu cực từ thiên tai, biến đổi khí hậu...

*Thứ sáu*, thiếu tính bền vững về nguồn thu trước các rủi ro có thể xảy ra, như thiên tai, dịch bệnh...

*Thứ bảy*, chất lượng nguồn nhân lực về quản lý di sản, phát triển du lịch còn chưa theo kịp với yêu cầu trong thời kỳ hội nhập.

*Thứ tám*, việc ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong tuyên truyền, quảng bá, phát triển các sản phẩm du lịch còn hạn chế, thiếu sản phẩm du lịch thông minh, du lịch thực tế ảo...

*Thứ chín*, hiện nay, sản phẩm du lịch trên vịnh Hạ Long chủ yếu dựa trên khai thác giá trị tự nhiên, chưa khai thác hiệu quả giá trị văn hóa, thiếu sản phẩm du lịch sinh thái, văn hóa. Ngoài ra, nhận thức về bảo vệ di sản, bảo vệ môi trường và xây dựng sản phẩm du lịch vịnh Hạ Long của một bộ phận cộng đồng chưa thực sự có chuyển biến tích cực.

Từ những vấn đề trên, để tăng cường hiệu quả trong công tác xây dựng điểm đến du lịch cho di sản vịnh Hạ Long, trong thời gian tới Ban Quản lý Vịnh cần tiếp tục tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, hoàn thiện cơ chế, chính sách để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý và phát triển du lịch bền vững tại điểm đến di sản. Ban Quản lý Vịnh tiếp tục rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, hoàn thiện các quy chế, cơ chế quản lý Di sản. Hoàn thành và triển khai quy hoạch, quy chế, kế hoạch quản lý Di sản; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cộng đồng, doanh nghiệp tham gia xây dựng và phát triển du lịch và bảo vệ di sản; chính sách về phí tham quan theo hướng quản lý điểm tham quan cho sự trải nghiệm cao...

*Hai là*, bảo vệ các giá trị nổi bật toàn cầu, bảo vệ tài nguyên du lịch của vịnh Hạ Long; kiểm soát hoạt động, hành vi của khách du lịch, giảm tác động của du lịch đến di sản.

*Ba là*, bảo vệ hiệu quả môi trường vịnh Hạ Long; nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, quan trắc nguy cơ tác động đến giá trị, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý hiệu quả rác thải, nước thải; sử dụng bền vững, tiết kiệm nguồn tài nguyên; quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh tế - xã hội trên và ven bờ, tránh các tiêu cực đến cảnh quan, môi trường; kiên quyết không cấp phép, mở rộng, gia hạn đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tiếp tục khẳng định mạnh mẽ thông điệp “Vịnh Hạ Long không rác thải nhựa”.

*Bốn là*, đa dạng hóa, phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch để gia tăng giá trị của Di sản; nâng cao trải nghiệm của khách (phát triển tuyến, điểm du lịch, sản phẩm du lịch thông minh, du lịch sinh thái, văn hóa, cộng đồng; cập nhật đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan về khách du lịch; bảo đảm an ninh an toàn trong hoạt động du lịch...). Tập trung quản lý, điều hành các hoạt động du lịch trên Vịnh theo sức tải khu di sản để kiểm soát các tác động đến các giá trị của di sản và nâng cao trải nghiệm của du khách; tăng cường hợp tác công tư trong phát triển du lịch.

*Năm là*, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch tại các tuyến, điểm tham quan, lưu trú nghỉ đêm, bảo đảm an toàn, tiện lợi, đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khách.

*Sáu là*, tiếp tục xây dựng và thực hiện chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng dài hạn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến hình ảnh du lịch di sản thông qua các sự kiện văn hóa, xã hội và trên các kênh truyền hình trong nước và quốc tế. Tiếp tục khai thác hiệu quả các trang thông tin điện tử, mạng xã hội để tiếp cận và phát triển thị trường du lịch nội địa và quốc tế. Thành lập trung tâm thông tin du khách. Tăng cường về số lượng và chất lượng đội ngũ hướng dẫn viên trên tàu du lịch. Phát triển các hệ thống thuyết minh, cung cấp thông tin thông minh, phát triển giáo dục trực quan, trải nghiệm...

*Bảy là*, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và phát triển dịch vụ du lịch thông qua việc xây dựng đề án di sản số phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản; ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực du lịch, bán, kiểm soát vé tham quan, thuyết minh, quảng bá, xây dựng dịch vụ tham quan ảo, tương tác với du khách... bảo đảm tính tiện ích, hấp dẫn du lịch.

*Tám là*, xây dựng chiến lược dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ bảo tồn, phát huy các giá trị di sản, trong đó tập trung đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu, phát triển du lịch; đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch. Tăng cường hỗ trợ, phối hợp với doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kiến thức về di sản, các kỹ năng, nghiệp vụ... nhằm nâng cao chất lượng cũng như ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong việc tham gia xây dựng sản phẩm du lịch vịnh Hạ Long. Tăng cường, đa dạng nguồn lực cho quản lý, phát triển du lịch bền vững, đặc biệt là thu hút nguồn lực tài chính ngoài nguồn thu phí tham quan vịnh Hạ Long. ❖

## GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH QUẢNG NINH

TÔ XUÂN THAO

*Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ninh*

Quảng Ninh được ví như hình ảnh “*Việt Nam thu nhỏ*” với rừng vàng, biển bạc chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, độc đáo với kỳ quan thiên nhiên Thế giới - Vịnh Hạ Long; là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam với đội ngũ công nhân vùng mỏ giàu truyền thống cách mạng cùng di sản tinh thần vô giá “Kỷ luật và Đồng tâm”. Kế thừa và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa và tinh thần tốt đẹp đó, trong những năm qua đội ngũ công nhân lao động tỉnh Quảng Ninh tự hào đã đóng góp sức mình cho sự lớn mạnh của cộng đồng doanh nghiệp toàn tỉnh để cùng làm nên bảng vàng thành tích phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Cùng với những đóng góp về mặt kinh tế, những năm qua, cộng đồng doanh nghiệp Quảng Ninh đã và đang nỗ lực xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn với xây dựng thương hiệu Quảng Ninh, tạo nên “*sức mạnh mềm*” góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế theo Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Văn hóa doanh nghiệp là toàn bộ giá trị văn hóa được gây dựng nên trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp, từ đó trở thành quy tắc, tập quán quen thuộc ăn sâu vào hoạt động của doanh nghiệp đồng thời chi phối tình cảm, cách suy nghĩ và hành vi của mọi thành viên của doanh nghiệp trong việc theo đuổi và thực hiện các mục đích.

Văn hóa của một doanh nghiệp là nền tảng tinh thần vững chắc của doanh nghiệp, là nguồn lực, là sức mạnh cho sự phát triển của doanh nghiệp. Hiện nay, Quảng Ninh có trên 17.590 doanh nghiệp, Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) tỉnh đang quản lý trực tiếp và phối hợp quản lý 265.000 công nhân, viên chức, lao động (CNVCLĐ) trong các cơ quan, đơn vị, danh nghiệp có tổ chức Công đoàn. Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Quảng Ninh xác định văn hóa là nền tảng xây dựng tổ chức công đoàn và đội ngũ công nhân lao động tỉnh Quảng Ninh lớn mạnh từ đó tạo sức mạnh nội sinh xây dựng văn hóa doanh nghiệp đáp ứng sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh.

Bám sát mục tiêu Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 09-3-2018, của Tỉnh ủy Quảng Ninh về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đã chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn, đơn vị trực thuộc LĐLĐ tỉnh xây dựng và cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU vào chương trình công tác trọng tâm hằng năm phù hợp với tình hình điều kiện thực tiễn địa phương, đơn vị và nguyện vọng của đoàn viên, CNVCLĐ; trong đó tập trung: (1) Tuyên truyền nội dung xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện; vận động, hướng dẫn đoàn viên, CNVCLĐ thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử “Nụ cười Hạ Long”, Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình, cơ quan, đơn vị; xây dựng con người Quảng Ninh “Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện”; tham gia xây dựng, thực hiện văn hóa cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU. (2) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phòng chống tội phạm, TNXH, ma túy, mại dâm; phòng chống HIV/AIDS, phòng chống tác hại của thuốc lá...; (3) Phát động các phong trào thi đua trong CNVCLĐ; trong đơn vị, doanh nghiệp gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. (4) Nhân rộng các mô hình, các câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa thể thao ở cơ sở, thu hút đông đảo CNVCLĐ tham gia. (5) Phối hợp triển khai các hoạt động xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng xã hội học tập; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; xây dựng gia đình, thôn, khu, xã phường văn hóa. (6) Tham mưu với cấp ủy, chính quyền, chuyên môn đồng cấp trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh cho đoàn viên, người lao động; quan tâm tổ chức các hoạt động văn hóa, xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân lao động.

Năm 2022, LĐLĐ tỉnh đã tổ chức hội nghị phát động Phong trào thi đua đặc biệt trong CNVCLĐ và các cấp công đoàn chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh và chào mừng Đại hội công đoàn các cấp nhiệm kỳ 2023 - 2028. Thực hiện Lời dạy của

Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua*”, các cấp công đoàn toàn tỉnh đã tập trung triển khai các phong trào thi đua “*Công nhân, viên chức, lao động nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch COVID-19*”; phong trào “*Lao động giỏi, lao động sáng tạo*”; “*Xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động*”, “*Giỏi việc nước, đảm việc nhà*”; Chương trình “*Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2023*”... Bên cạnh đó, tiếp tục đôn đốc triển khai Chương trình “*1 triệu sáng kiến - nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch COVID-19*” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động, phấn đấu trong 2 năm 2022 - 2023, đội ngũ CNVCLĐ Quảng Ninh đóng góp ít nhất 12.000 sáng kiến trong công tác phòng, chống dịch, phát triển sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất lao động và đổi mới tổ chức, hoạt động của tổ chức công đoàn, góp phần xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hòa, tiến bộ tại doanh nghiệp.

Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, doanh nghiệp văn hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, LĐLĐ tỉnh phối hợp tổ chức hàng năm nhằm tôn vinh, tuyên dương công nhân trực tiếp có thành tích nổi bật trong lao động sản xuất; tổ chức phát động, triển khai phong trào “*Doanh nghiệp giỏi*”, “*Doanh nhân tiêu biểu*”, “*Cơ quan, đơn vị văn hóa*”. Giai đoạn 2018 - 2022, đã có 533 lượt cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiêu biểu được công nhận danh hiệu “*Doanh nghiệp giỏi*”, “*Cơ quan, đơn vị văn hóa*”, 218 công nhân trực tiếp tiên tiến tiêu biểu được tuyên dương cấp tỉnh; đã có 14.827 công nhân tiên tiến tiêu biểu được các địa phương, doanh nghiệp tuyên dương, khen thưởng. LĐLĐ tỉnh đã tổ chức diễn đàn “*CNVCLĐ với đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh Công nghiệp - Dịch vụ hiện đại*” với gần 600 CNVCLĐ tham gia, qua đó kịp thời thông tin về những chủ trương, cơ chế, định hướng của tỉnh đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Bên cạnh đó đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền góp phần nâng cao hiểu biết về pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động để góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg, ngày 28-12-2021, của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” giai đoạn 2022 - 2026; Hướng dẫn số 58/HD-TLĐ, ngày 10-5-2022, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về triển khai thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg; Kế hoạch số 58/KH-UBND, ngày 28-02-2022, của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai Chương trình thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” giai đoạn 2022 - 2026; Kế hoạch số 33/KH-BCĐ, ngày 28-02-2022 và Công văn số 1265/CV-BCĐ,



ngày 22-6-2022, của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện Phong trào “*Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa*”, LĐLĐ tỉnh đã ban hành hướng dẫn triển khai Phong trào “*Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa*” giai đoạn 2022 - 2026 trong các cấp công đoàn trên địa bàn toàn tỉnh. Căn cứ Hướng dẫn số 69/HD-TLĐ, ngày 24-11-2022, của Tổng LĐLĐ Việt Nam về triển khai thực hiện Quyết định số 1268/QĐ-TTg, ngày 19-10-2022 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình “*Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2030*”; Kế hoạch số 309/KH-UBND, ngày 30-12-2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện Chương trình “*Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong CNLĐ tại các doanh nghiệp đến năm 2030*” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, để triển khai có hiệu quả Chương trình, LĐLĐ tỉnh đã ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình mạnh các hoạt động xây dựng xã hội học tập trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu, khách quan, lôi cuốn mạnh mẽ sự tham gia của tất cả các quốc gia, dân tộc. Với tính rộng lớn và phức tạp của nó, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ công nhân lao động tỉnh Quảng Ninh; tạo ra cả thời cơ, những tác động tích cực bên cạnh cả những nguy cơ, những tác động tiêu cực đối với đời sống văn hóa tinh thần của đội ngũ công nhân lao động và sự bền vững, phát triển của văn hóa doanh nghiệp toàn tỉnh. Kiên định, thống nhất với quan điểm: văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh xác định xây dựng văn hóa doanh nghiệp cần tập trung vào các nội dung: Nâng cao nhận thức sâu rộng về vai trò văn hóa doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp và ý thức tự hào, tự tôn dân tộc của đội ngũ công nhân lao động. Xây dựng và phát triển nền tảng văn hóa doanh nghiệp gắn với bản sắc văn hóa của tỉnh Quảng Ninh và truyền thống “*Kỷ luật và đồng tâm*” của đội ngũ công nhân vùng mỏ, làm lành mạnh đội ngũ công nhân lao động với tinh thần thượng tôn pháp luật. Nâng cao văn hóa tinh thần, tăng cường thể lực cho người lao động.

Từ đó, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đề ra các giải pháp trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp, cụ thể như sau:

**1.** Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*” trong đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn tỉnh gắn với thực hiện cuộc vận động xây dựng xã

hội học tập và Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Công đoàn và đội ngũ CNVCLĐ toàn tỉnh theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

2. Nắm chắc tình hình sản xuất kinh doanh, việc làm, đời sống, tư tưởng CNVCLĐ; tăng cường các giải pháp hạn chế tình trạng doanh nghiệp nợ kéo dài, trốn đóng BHXH, vi phạm chính sách pháp luật lao động. Phối hợp với sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật tại các đơn vị, doanh nghiệp. Kịp thời đề xuất, kiến nghị với tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể lao động hoặc của đoàn viên bị xâm phạm. Tập trung chỉ đạo công đoàn cơ sở phối hợp với chuyên môn, người sử dụng lao động thực hiện Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Hướng dẫn số 41/HD-TLĐ của Tổng LĐLĐ Việt Nam hướng dẫn Công đoàn tham gia đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc, Nghị định 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các nội quy, quy chế quản lý trong đơn vị, doanh nghiệp; hướng dẫn, giám sát ký kết hợp đồng lao động; thương lượng, đối thoại, ký kết, thực hiện thỏa ước lao động tập thể, nâng cao hiệu quả thực hiện thỏa ước lao động tập thể nhóm doanh nghiệp, trong đó quan tâm nội dung việc làm, thu nhập, đời sống, bữa ăn ca của người lao động.

3. Tổ chức các hoạt động chăm lo xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho CNVCLĐ; tập huấn cho cán bộ công đoàn và công nhân lao động về xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh; kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao ở cơ sở cho cán bộ công đoàn các cấp; phát động phong trào thi đua học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, phong trào người tốt việc tốt, xây dựng các gương điển hình trong công nhân lao động và cán bộ công đoàn. Tuyên truyền, vận động CNVCLĐ chấp hành kỷ luật lao động.

4. Phát huy vai trò của các tổ nòng cốt đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về tổ chức Công đoàn Việt Nam, có biện pháp phù hợp phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng, lôi kéo, kích động công nhân, người lao động đình công trái pháp luật, biểu tình, gây rối, làm mất an ninh, trật tự; xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hòa, tiến bộ trong doanh nghiệp. Tuyên truyền phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, nâng cao ý thức chấp hành thượng tôn pháp luật cho CNLĐ khu vực ngoài Nhà nước.

5. Triển khai theo hướng đổi mới, thiết thực, có hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, viên chức, lao động, trong tâm là phong trào thi đua: “Lao

động giỏi - Lao động sáng tạo”; phong trào “Doanh nghiệp giỏi, doanh nhân tiêu biểu”, “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”, phấn đấu có ít nhất 80% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Biểu dương, khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích, quan tâm đến cán bộ công đoàn cơ sở, tập thể và người lao động trực tiếp; chú trọng phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình hoạt động sáng tạo, hiệu quả.

6. Tiếp tục triển khai chương trình “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2030”, thi đua lập thành tích chào mừng đại hội công đoàn các cấp, Đại hội Công đoàn tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028 gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, doanh nghiệp, ngành, địa phương.

7. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 12-6-2021, của Bộ Chính trị “về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới” với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn bảo đảm về số lượng, chất lượng, có trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, trách nhiệm, uy tín, có năng lực đối thoại, dẫn dắt, truyền cảm hứng, tập hợp, đoàn kết người lao động. Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, xây dựng đội ngũ công nhân lao động Quảng Ninh lớn mạnh, ngày càng được trí thức hóa: có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; có giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao theo tinh thần Kết luận số 79-KL/TW ngày 23-12-2013, của Bộ Chính trị “về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20 về xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. ❖

# KINH NGHIỆM QUẢN TRỊ VÀ PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN TỪ MÔ HÌNH TỰ CHỦ VỀ NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN

**ĐỖ QUYẾT TIẾN**

*Giám đốc Bảo tàng Quảng Ninh*

## KHÁI QUÁT VỀ BẢO TÀNG QUẢNG NINH

Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh được thành lập ngày 2-9-1960 với tên gọi lúc đó là Bảo tàng lịch sử và cách mạng khu Hồng Quảng, tại số nhà 5B Cầu Cao, thị xã Hòn Gai. Theo Nghị quyết của Quốc hội khóa II, kỳ họp thứ 7, ngày 30-10-1963, khu Hồng Quảng hợp nhất với tỉnh Hải Ninh thành tỉnh Quảng Ninh, Bảo tàng lịch sử và cách mạng khu Hồng Quảng cũng đổi tên thành Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh, với nhiệm vụ chính là “Tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân vùng mỏ và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh”, góp phần không nhỏ trong công tác thực hiện công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền còn non trẻ; văn hóa phục vụ kháng chiến và kiến quốc.

Sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh tiếp tục thực hiện nhiều cuộc triển lãm lưu động trên toàn tỉnh và tại một số tỉnh trong cả nước, thực hiện thêm nhiệm vụ là: “Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc”.

Năm 1990, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao trụ sở Công ty Xuất nhập khẩu Quảng Ninh để làm Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh, tại số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hạ Long.

Năm 2012, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Bảo tàng Quảng Ninh đã được đầu tư xây dựng và khánh thành đưa vào hoạt động năm 2013, đây là công trình gắn biển chào mừng nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành

lập tỉnh Quảng Ninh (30/10/1963 - 30/10/2013). Hiện nay, Bảo tàng Quảng Ninh là một thiết chế văn hoá cấp tỉnh, tọa lạc ngay tại trung tâm Quảng trường 30-10 bên bờ Vịnh Hạ Long xinh đẹp đã 2 lần được Tổ chức Văn hóa - Giáo dục - Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới.

Bảo tàng Quảng Ninh là một thiết chế văn hóa quan trọng, là nơi lưu giữ, bảo quản tư liệu, hiện vật lớn và giá trị. Hiện nay, Bảo tàng có hơn 30.000 hiện vật đã được đăng ký, kiểm kê, nhiều bộ sưu tập có giá trị, trong đó có 5 bộ sưu tập hiện vật đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thiện hồ sơ khoa học và 12 hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia. Nguồn sưu tập và hiện vật đó là cơ sở để Bảo tàng thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng, tuyên truyền phát huy tác dụng các di sản lịch sử - văn hóa và thiên nhiên của tỉnh Quảng Ninh và của dân tộc Việt Nam. Với những thuận lợi của một bảo tàng mới, hiện đại, có quy mô mang đẳng cấp quốc tế cả về phương diện kiến trúc, công năng sử dụng cho đến nội dung trưng bày, Bảo tàng Quảng Ninh đã trở thành một điểm đến văn hóa, một sản phẩm du lịch đang thu hút được sự quan tâm của khách tham quan trong nước và quốc tế.

Thực hiện Đề án 25 về “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” và Nghị quyết số 19- NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, ngày 20-4-2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định 1316/QĐ-UBND về việc sáp nhập Ban Quản lý di tích và Danh thắng tỉnh vào Bảo tàng; ngày 19-3-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Quyết định số 959/QĐ-UBND theo đó Bảo tàng tiếp nhận, quản lý vận hành Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh từ Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh. Ngày 07-12-2021, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ký quyết định số 3112/QĐ-BVHTTDL về việc xếp hạng Bảo tàng Quảng Ninh, theo đó Bảo tàng Quảng Ninh là bảo tàng loại I trong hệ thống Bảo tàng Việt Nam. Hiện nay, cơ cấu tổ chức bộ máy của Bảo tàng Quảng Ninh có Ban giám đốc gồm 3 người (giám đốc và 2 phó giám đốc), 9 phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc với tổng số 58 viên chức, người lao động.

Như vậy, hiện nay, Bảo tàng Quảng Ninh là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, có những chức năng và nhiệm vụ đặc thù so với các thiết chế bảo tàng đơn thuần trong cả nước và cũng là đơn vị hoạt động tự chủ 100% kinh phí chi thường xuyên đầu tiên trong hệ thống các bảo tàng địa phương.

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA BẢO TÀNG QUẢNG NINH

Với những chỉ đạo về đổi mới cơ chế, chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được triển khai có hiệu quả, Bảo tàng Quảng Ninh là một trong những đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa và Thể thao triển khai thực hiện có hiệu quả, từ tự chủ một phần chi thường xuyên đã tăng lên tự chủ 100% chi thường xuyên. Việc thực hiện cơ chế tự chủ đã giúp Bảo tàng Quảng Ninh chủ động thu chi, mở rộng các loại hình dịch vụ góp phần tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, về tổ chức bộ máy, nhân sự, cụ thể như sau:

### *Về tự chủ về tài chính*

- Giai đoạn từ năm 2015 - 2018, Bảo tàng Quảng Ninh được giao tự chủ 20% kinh phí chi thường xuyên thực hiện từ nguồn thu phí tham quan tại Bảo tàng theo Quyết định số 2096/2014/QĐ-UBND, ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh. Theo đó, đơn vị đã tự chủ được một phần kinh phí chi lương, dịch vụ tiền nước, nhiên liệu và vệ sinh môi trường, chi phí thuê mướn, vật tư văn phòng và một số khoản mua sắm, sửa chữa nhỏ.

- Giai đoạn từ năm 2019 đến nay, thực hiện Quyết định số 5457/QĐ-UBND, ngày 28-12-2018, của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó năm 2019 là năm đầu tiên Bảo tàng Quảng Ninh thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên, cùng với đó Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tăng mức thu phí tham quan Bảo tàng theo Nghị quyết số 131/2018/NQ, ngày 07-12-2018. Tổng lượng khách tham quan trong năm 2019 là 375.000 lượt; tổng số tiền thu được hơn 10 tỷ đồng. Đơn vị đã tự chủ được các khoản chi: tiền lương và các khoản đóng góp cho toàn bộ viên chức và người lao động, tiền vật tư, văn phòng phẩm và phục vụ du khách, chi phí thuê mướn, một phần tiền điện, toàn bộ tiền nước, nhiên liệu và vệ sinh môi trường và các khoản chi khác....

Năm 2020, là một năm khó khăn đối với Bảo tàng khi dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, dẫn đến nguồn thu phí tham quan bảo tàng có sự biến động sụt giảm mạnh làm ảnh hưởng lớn đến dự toán thu, chi của Bảo tàng theo kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao đầu năm. Tổng lượng khách tham quan năm 2020 là: 345.995 lượt; trong đó khách thu phí: 232.275 lượt; tổng số tiền thu được là 4,3 tỷ đồng, giảm 60% so với năm 2019 và đạt 58% so với dự toán giao thu đầu năm. Thực hiện giải pháp kích cầu du lịch tỉnh Quảng Ninh

năm 2020 theo Nghị quyết số 286/2020/NQ-HĐND, ngày 8-9-2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, để bảo đảm duy trì hoạt động chi thường xuyên của đơn vị, ngân sách tỉnh đã kịp thời cấp hỗ trợ kinh phí 1,3 tỷ đồng cho hoạt động của bảo tàng tỉnh.

Năm 2021, thực hiện theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21-6-2021, của Chính phủ; Nghị quyết số 316/2020/NQ-HĐND, ngày 9-12-2020 của HĐND tỉnh miễn giảm giá vé thu phí vào điểm tham quan Bảo tàng; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND, ngày 18-6-2021, của Hội đồng nhân dân tỉnh, Bảo tàng Quảng Ninh miễn, giảm 100% giá vé thu phí tham quan. Tổng lượng khách tham quan năm 2021 đạt hơn 100.000 lượt. Tuy nhiên, để bảo đảm duy trì các hoạt động cần thiết phục vụ chi thường xuyên tối thiểu của Bảo tàng, ngân sách tỉnh đã cấp hỗ trợ kinh phí là 3,2 tỷ đồng.

Năm 2022, tiếp tục thực hiện chính sách miễn, giảm thu phí tham quan Bảo tàng trong 6 tháng đầu năm và thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 nên lượng khách đến tham quan Bảo tàng sau dịch đã tăng trở lại, kinh phí thu được, đơn vị đã tự chủ được các khoản chi thường xuyên, dành 1 phần để đầu tư sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị của đơn vị,...

#### *Về tự chủ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn*

Bảo tàng Quảng Ninh đã thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kết quả đạt được trên từng lĩnh vực cụ thể như sau: thực hiện tốt công tác mở cửa, đón tiếp và phục vụ khách tham quan, học tập, trải nghiệm tại Bảo tàng, kết quả trong 4 năm (2019 - 2022) đã đón 1,5 triệu lượt khách, số tiền thu phí tham quan đạt gần 31 tỷ đồng; tổ chức thành công 12 triển lãm chuyên đề nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; chủ trì phối hợp tổ chức khai quật khảo cổ học 10 địa điểm thuộc các địa phương trong tỉnh; lập hồ sơ đề nghị công nhận Bảo vật quốc gia cho 4 hiện vật gồm: Thạp gốm hoa nâu (thời Lý); Bình gốm hoa nâu Kinnari (thời Lý); Bình gốm hoa sen (thời Lý); Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông; lập hồ sơ khoa học xếp hạng các cấp đối với 30 di tích, danh thắng (trong đó: 1 hồ sơ khoa học xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt; 2 hồ sơ khoa học xếp hạng cấp Quốc gia; 19 hồ sơ xếp hạng cấp tỉnh; 8 hồ sơ khoa học đưa vào Danh mục di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh của tỉnh) và 04 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa Phi vật thể Quốc gia; tiếp nhận, sưu tầm thường xuyên hơn 3.000 hiện vật, tài liệu bảo tàng. Ngoài ra, Bảo tàng Quảng Ninh đã phối hợp phục vụ tổ chức thành công các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao lớn của Tỉnh tại Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh như: tổ chức thi đấu môn Cờ vua của Sea Games 31 và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX-2022; triển lãm thành tựu phát triển

kinh tế xã hội chào mừng Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Hội chợ OCOP - Hội chợ thương mại; Tuần lễ sản phẩm hàng Thái Lan tại Quảng Ninh; Hội diễn Quán chúng tỉnh Quảng Ninh năm 2022; Hội nghị triển khai Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị tại Quảng Ninh...

*Về tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự*

Hiện nay, sau 2 lần sáp nhập và thực hiện nghiêm túc công tác tinh giản biên chế, Bảo tàng Quảng Ninh đã giảm từ 68 lao động (năm 2018) xuống còn 58 người làm việc (trong đó: Viên chức: 31 người; Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 5 người; Lao động hợp đồng khác: 22 người). Về cơ cấu tổ chức, bộ máy của Bảo tàng Quảng Ninh hiện nay có 9 phòng chuyên môn, cơ bản phù hợp với quy định tổ chức và hoạt động của Bảo tàng theo Thông tư số 18/2010/TT- BVHTTDL, ngày 31-12-2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Để phù hợp chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ theo hướng giảm đầu mỗi đơn vị trực thuộc theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 05-2-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Bảo tàng Quảng Ninh đã tham mưu cho Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Bảo tàng Quảng Ninh theo hướng tiếp tục sắp xếp, giảm từ 9 phòng chuyên môn xuống còn 6 phòng chuyên môn trực thuộc Bảo tàng.

Từ thực tiễn thời gian qua của của Bảo tàng Quảng Ninh cho thấy, việc triển khai giao quyền tự chủ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp đã mang lại một số kết quả tích cực, cụ thể:

- Đơn vị được chủ động hơn trong việc sử dụng kinh phí, tài sản, biên chế để thực hiện nhiệm vụ; từ đó, chất lượng và tiến độ công việc hiệu quả hơn; tăng nguồn thu và kinh phí tiết kiệm chi, nâng cao thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động.

- Tăng cường tính chủ động cho thủ trưởng đơn vị trong công tác quản lý nhân sự và quản lý tài chính, tạo chuyển biến lớn trong cách nghĩ, cách làm của người đứng đầu đơn vị, mạnh dạn quyết định những công việc có lợi cho đơn vị trong khuôn khổ quy định của pháp luật, thẩm quyền được giao và nguồn kinh phí được sử dụng; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng các dịch vụ công...; cán bộ, viên chức và người lao động trong các cơ quan thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính tự chủ, chủ động sáng tạo của cán bộ, công chức và người lao động.



- Việc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức đặt hàng đã góp phần sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất do nhà nước đã đầu tư; phát huy năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ viên chức, tạo thêm công việc cho người lao động. Từ đó, tạo tiền đề cho việc đổi mới phương thức từ hình thức giao dự toán theo biên chế sang hình thức giao dự toán theo kết quả cung cấp dịch vụ công.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trên thì việc tự chủ chi thường xuyên tại Bảo tàng Quảng Ninh đã gặp không ít khó khăn, đặc biệt giai đoạn 2020 - 2021 khi ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, nên việc tổ chức các loại hình dịch vụ có thu liên tục bị gián đoạn, đồng thời nhiều tháng không thể thực hiện được; một số chế độ, chính sách chưa được triển khai đồng bộ nên thực tế còn rất nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện; Đề án sử dụng tài sản công là điều kiện, cơ sở cần thiết, bắt buộc để thực hiện các hoạt động thu dịch vụ nhưng lại chưa được phê duyệt, dẫn đến đơn vị không thể triển khai các hoạt động tạo nguồn thu nhằm tăng mức tự chủ, trong khi đó, một số hệ thống thiết bị máy chiếu, ánh sáng, màn hình tương tác công nghệ cao đã được đưa vào sử dụng từ năm 2013 đối với Bảo tàng, năm 2017 đối với Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh đến nay đã xuống cấp, hư hỏng cần kinh phí để sửa chữa, thay thế.

### **GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC, TIẾP TỤC THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ VỀ NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**

Để bảo đảm hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài việc ban hành đầy đủ khung pháp lý về cơ chế tự chủ trong đó có tự chủ tài chính, sửa đổi quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, hoàn thiện cơ chế quản lý, sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần của Nghị quyết số 19/NQ-TW, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Bảo tàng Quảng Ninh đề xuất tập trung một số giải pháp sau:

*Một là:* Tiếp tục tham mưu sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối (dự kiến giảm 3 đầu mối trực thuộc Bảo tàng); ban hành bổ sung chức năng, nhiệm vụ; trình phê duyệt bổ sung vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Bảo tàng đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới.

*Hai là:* Nâng cao chất lượng quản trị tài chính, tài sản công của đơn vị, trong đó tiếp tục xây dựng, trình cấp có thẩm quyền sớm phê duyệt đề án tự chủ, đề án sử dụng tài sản công của Bảo tàng; tạo điều kiện để đơn vị phát huy hiệu quả công trình Bảo tàng, Cung Quy hoạch,

Hội chợ và Triển lãm tỉnh đã được đầu tư thông qua việc liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản, góp phần tạo nguồn thu hợp pháp, nâng cao đời sống cho viên chức, người lao động.

*Ba là:* Ban hành quy chế quản lý tài chính, tài sản công, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Hoàn thiện chế độ kế toán, thực hiện chế độ giám sát, bảo đảm công khai, minh bạch hoạt động tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

*Bốn là:* Chủ động xây dựng định mức, kinh tế kỹ thuật, đơn giá các sản phẩm, dịch vụ công để chuyển sang phương thức đặt hàng, góp phần tạo nguồn thu cho đơn vị. Tăng cường công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị.

*Năm là:* Tham mưu cho Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tăng mức thu phí tham quan Bảo tàng, đây là cơ sở cần thiết để Bảo tàng Quảng Ninh tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ về chi thường xuyên, giảm một phần chi đầu tư từ ngân sách nhà nước cấp hằng năm cho công tác quản lý công trình Bảo tàng, Cung Quy hoạch; nâng cao chất lượng phục vụ du khách thông qua việc chuyển đổi số bảo tàng. ❖

## PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

BÙI THÚY HẢI

*Giám đốc Thư viện tỉnh Quảng Ninh*

Nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của đất nước ta, dân tộc ta, cho nên ngay từ trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng năm 1930, Đảng ta đã đề cập đến vấn đề phải phát triển văn hóa của dân tộc. Năm 1943, Đề cương về văn hóa Việt Nam ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn 90 năm qua, nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn và đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa.

Tháng 11-2021, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có bài phát biểu chỉ đạo. Trong đó, Tổng Bí thư tiếp tục khẳng định: *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hoá đồng bộ, hài hoà với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta...”*

Là một trong những yếu tố đóng góp vào sự nghiệp phát triển văn hóa chung của nhân loại. Từ năm 2014 đến nay, “văn hóa đọc” đặc biệt được các cấp, các ngành quan tâm. Năm 2019, Luật Thư viện ra đời, phát triển văn hóa đọc nằm trong Chương III của Luật với ý nghĩa là một trong những hoạt động trọng tâm của Thư viện. Ngày 21-4 hằng năm được chọn là Ngày Sách và Văn hóa đọc.

Trong thời kỳ chuyển đổi số, văn hóa đọc vẫn luôn được tỉnh Quảng Ninh quan tâm bởi tính cấp thiết đối với sự nghiệp phát triển văn hóa của tỉnh. Đặc biệt, Quảng Ninh là một trong những tỉnh đầu tiên đầu tư và xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ Thư viện - Bảo tàng với quy mô được đánh giá hàng đầu cả nước.

Trong tương lai, tỉnh Quảng Ninh cần tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa và nguồn nhân lực, cụ thể là các công trình thư viện cấp huyện, thành phố, thị xã cho tới thư viện xã, thư viện các cơ sở giáo dục, đưa văn hóa đọc trở thành nền tảng kết nối tri thức và ứng dụng tri thức trong các lĩnh vực của xã hội, nhất là xã hội số. Bằng những nghiên cứu, khảo sát thực tế, tham luận sẽ phân tích thực trạng và đưa ra các giải pháp phát triển văn hóa đọc trong thời kỳ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói riêng và toàn quốc nói chung.

### VĂN HÓA ĐỌC Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Theo bài in tại kỷ yếu Hội thảo “Sách cho trẻ em nông thôn, miền núi” của tác giả Nguyễn Quốc Vương, tác giả cuốn sách “3000 ngày trên đất Nhật”: “*Đọc sách đã trở thành một thói quen thường ngày của người dân “Đất nước mặt trời mọc”.* Theo kết quả điều tra của Bộ Giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ Nhật Bản trung bình một người Nhật đọc 12-13 cuốn sách/năm (2016)”. Năm 2001, Nhật Bản ban hành Luật khuyến khích hoạt động đọc sách của trẻ em và năm 2005 ban hành Luật Chấn hưng văn hóa đọc.

Sau khi Luật Thư viện công cộng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời ngày 4-11-2017, văn hóa đọc, cùng với công tác thư viện, công tác xuất bản được chú trọng phát triển. Từ năm 2015 đến năm 2019, thị trường sách Trung Quốc liên tục tăng trưởng hơn 10%/năm.

Ngay sau khi thành lập Quỹ Thư viện Raja Rammohun Roy, đến năm 1989, Ấn Độ đã có 7.180 thư viện và 18.000 điểm phục vụ. Các bộ sưu tập của Thư viện Quốc gia Calcutta được tăng lên đáng kể.

Tại Pháp, thư viện là một trong những lĩnh vực được đặc biệt quan tâm, Thư viện đa phương tiện thành phố Toulouse được thành lập với hơn 13.500m<sup>2</sup>. Thư viện do Nhà nước quản lý vận hành bằng ngân sách của thành phố, phục vụ hoàn toàn miễn phí. Thư viện Đại học Toulouse gồm nhiều thư viện, chia làm hai khu được xây dựng từ năm 1972. Hằng năm có 21.000 sinh viên, 661 giảng viên, 570 nhân viên, trong đó nhân viên thư viện có 80 người. Tổng diện tích thư viện là 44.000 m<sup>2</sup>. Thư viện hỗ trợ sinh viên về mọi lĩnh vực, trong đó nghiên cứu kinh tế được ưu tiên hàng đầu.

Văn hóa đọc là một nét đặc trưng của nước Đức. Hội chợ sách quốc tế Frankfurt diễn ra hằng năm, với lịch sử 500 năm, là nơi gặp gỡ đại diện các nhà xuất bản sách, các công ty đa phương tiện và công nghệ trên khắp thế giới.

Có thể khẳng định, văn hóa đọc là nền tảng, yếu tố tất yếu để phát triển của toàn nhân loại. Đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, môi trường số đang tác động đến mọi lĩnh vực của xã hội. Đất nước muốn phát triển nhanh, bền vững thì phải chú trọng việc chấn hưng và phát triển văn hóa đọc.

## **VĂN HÓA ĐỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

Nằm trong xu hướng phát triển chung của các ngành, các lĩnh vực. Văn hóa đọc hiện nay chịu không ít ảnh hưởng sự tác động từ công nghệ số. Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 329/QĐ-TTg: Phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Năm 2021, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Ngay sau khi các văn bản quy định, hướng dẫn triển khai của Nhà nước ban hành, tỉnh Quảng Ninh đã nghiêm túc thực hiện, xây dựng các Kế hoạch triển khai Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng và Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện, cụ thể: Kế hoạch số 58/KH-UBND, ngày 26-10-2017, của UBND tỉnh, về thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 147/KH-UBND năm 2021 về thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Kế hoạch 204/KH-UBND năm 2021 về chuyển đổi số ngành thư viện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quảng Ninh được đánh giá là một trong những tỉnh đi đầu về công tác phát triển văn hóa đọc. Theo thống kê, 100% các thành phố, huyện, thị xã, các trường học trên địa bàn tỉnh đều có thư viện, 80% các nhà văn hóa xã có tủ sách. Hằng năm, thư viện tỉnh Quảng Ninh luân chuyển, trao tặng cho hệ thống thư viện công cộng, thư viện trường học từ 20.000 bản sách trở lên. Bên cạnh đó, thư viện tỉnh chú trọng việc quảng bá, giới thiệu và hướng dẫn mọi đối tượng, tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh sử dụng trang thư viện số nhằm giúp bạn đọc tiếp cận hơn 2.000.000 tài liệu với đa dạng các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị... Công tác phát triển tài liệu số kho địa chí cũng được Thư viện tỉnh Quảng Ninh chú trọng triển khai, đến nay, đã bổ sung khoảng hơn 200.000 trang tài liệu địa chí số hóa. Thư viện tỉnh hướng tới hoạt động theo mô hình của cơ quan cung cấp dịch vụ với nhiều đổi mới như: Dịch vụ lưu thông tài liệu (bao gồm dịch vụ cung cấp tài liệu đọc tại chỗ và cho mượn về nhà); dịch vụ tra cứu và cung cấp thông tin; dịch vụ sao chụp tài liệu;

dịch vụ khai thác tài liệu đa phương tiện; dịch vụ triển lãm sách; dịch vụ hỏi đáp, đăng ký thẻ trực tuyến; dịch vụ tư vấn, tổ chức thư viện. Trung bình mỗi năm phục vụ trên 200.000 lượt bạn đọc và khách tham quan, hơn 1.000.000 lượt sách, báo luân chuyển trên cả 2 hệ thống điện tử và truyền thống. Hỗ trợ sách, báo và nghiệp vụ tổ chức các hoạt động trưng bày, triển lãm phục vụ các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Đặc biệt định hướng cho các thư viện cơ sở đẩy mạnh hoạt động thư viện gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành như Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động thương binh và Xã hội tổ chức các hoạt động, các cuộc thi, sự kiện cấp tỉnh nhằm đẩy mạnh phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng, như: Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam, cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Quảng Ninh năm 2020, 2021; Hội sách Quảng Ninh năm 2020, Hội sách Quảng Ninh năm 2022, Tuần lễ Hướng ứng học tập suốt đời... tổ chức thường xuyên, đồng thời các hoạt động trưng bày, triển lãm trực tiếp và trực tuyến nhằm phục vụ bạn đọc trên khắp cả nước, đẩy mạnh công tác liên thông thư viện trong và ngoài tỉnh. Chú trọng thực hiện các hoạt động thư viện theo hướng hiện đại hóa, tạo lập các sản phẩm và dịch vụ trực tuyến, phục vụ bạn đọc trên môi trường số. Dịch vụ đăng ký thẻ bạn đọc trực tuyến đã hỗ trợ đăng ký cho hơn 1.500 bạn đọc từ xa; dịch vụ hỗ trợ, tư vấn phục vụ 24/24h thông qua Fanpage của thư viện. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông, Website, Fanpage Thư viện; Kênh Youtube “Quang Ninh Library - Audiobooks. Thư viện thường xuyên tổ chức các cuộc thi trực tuyến nhằm thu hút đông đảo bạn đọc tham gia như Cuộc thi Viết thư tri ân đội ngũ cán bộ, y bác sĩ trên tuyến đầu chống dịch vào tháng 6-2021. Triển khai học tập và trao đổi về chuyên môn nghiệp vụ, các văn bản quy phạm pháp luật về thư viện thông qua hình thức trực tuyến. Thực hiện các cuộc Triển lãm, giới thiệu sách trực tuyến phục vụ bạn đọc trên môi trường số như triển lãm, giới thiệu “Học tập trong thời kỳ chuyển đổi số - cơ hội và thách thức” thu hút hơn 1.000.000 lượt quan tâm và theo dõi của bạn đọc; Triển khai triển lãm trực tuyến giới thiệu tài liệu địa chí của thư viện với chủ đề: “Bác Hồ với Quảng Ninh, Quảng Ninh với Bác Hồ”.

Tuy nhiên, công tác liên thông và thực hiện chuyển đổi số trong hệ thống các thư viện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh còn gặp nhiều khó khăn do: (1) Sự phát triển không đồng đều giữa các loại hình thư viện (thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, thư viện các cơ quan hành chính - sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội...); giữa các thư viện trong cùng một loại hình (thư viện cấp huyện, thư viện trường học); (2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật lạc hậu, nguồn kinh phí đầu tư thấp, chưa đáp ứng

yêu cầu hoạt động, phát triển của thư viện; (3) Đội ngũ cán bộ thiếu về số lượng, trình độ về công nghệ thông tin và ngoại ngữ còn hạn chế, chưa theo kịp với sự phát triển của hoạt động thư viện trong thời kỳ công nghệ 4.0.

Trong thời kỳ chuyển đổi số, Thư viện tỉnh Quảng Ninh cần phải cập nhật, nâng cấp các phần mềm quản trị tài liệu số hiện đại, các cơ sở vật chất kỹ thuật có tính năng phù hợp để giúp cho việc tiếp cận thông tin của người sử dụng trở nên thuận tiện, dễ dàng hơn. Từ đó sẽ thu hút được bạn đọc đến với thư viện. Tuy nhiên, vẫn cần phải giữ được sự phát triển song song đối với thư viện truyền thống. Điều đó cần có sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự phối hợp của các cơ quan chức năng.

## MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

### *Những nhiệm vụ trọng tâm*

*Một là*, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số ngành thư viện, phát triển văn hóa đọc. Đối với tỉnh Quảng Ninh, tiếp tục triển khai các giai đoạn tiếp theo của Kế hoạch Chuyển đổi số ngành thư viện trong hệ thống thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

*Hai là*, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thư viện để đáp ứng yêu cầu, tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

*Ba là*, đẩy mạnh xã hội hóa, đầu tư cho việc ứng dụng và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thư viện.

*Bốn là*, xây dựng các đề án, dự án thực hiện việc chuyển đổi số ngành thư viện trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả.

*Năm là*, chú trọng biểu dương, tôn vinh các thư viện đạt nhiều kết quả về thực hiện chuyển đổi số để lan tỏa, nhân rộng.

*Sáu là*, đẩy mạnh trao đổi, hợp tác trong nước và quốc tế. Học tập và áp dụng kinh nghiệm của các quốc gia có thư viện và chuyển đổi số thư viện phát triển.

*Một số giải pháp trong thời gian tới*

*Thứ nhất*, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Bảo đảm phát triển song song 2 nhóm cán bộ: Nhóm có trình độ công nghệ thông tin và nhóm có trình độ về lĩnh vực thông tin thư viện để đảm bảo các nhiệm vụ thiết kế, cài đặt, vận hành và quản trị hệ thống, thu thập, xử lý, tổ chức và phân phối, quản trị hệ thống ở những cấp độ khác nhau. Song song với đó, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực vừa đáp ứng môi trường thư viện số và thư viện truyền thống. Thường xuyên tổ chức cho cán bộ thư viện được học tập và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, cập nhật các thông tin khoa học mới, đặc biệt là khoa học thư viện để đảm bảo cán bộ thư viện có thể vận hành và phát triển thư viện số.

*Thứ hai*, công tác bổ sung, phát triển nguồn tin: Khai thác tài liệu số từ nhiều nguồn khác nhau như bổ sung bằng cách mua, hoặc thuê các tài liệu đã ở dạng số; chuyển dạng các tài liệu truyền thống sang dạng số bằng thiết bị số hóa; khai thác các tài liệu nội sinh, tặng biếu. Hiện nay có rất nhiều các thư viện đã liên kết với các công ty, các nhà sách, nhà xuất bản để thuê quyền truy cập, cung cấp tài liệu số cho bạn đọc đem lại hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu thông tin kịp thời, nhanh chóng.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục làm tốt các chức năng bảo lưu giữ, bảo quản và phổ biến tài liệu địa chí (xuất bản phẩm của Quảng Ninh và viết về Quảng Ninh) nhằm bảo tồn và phát huy kho tàng xuất bản phẩm, di sản văn hóa của Quảng Ninh; xây dựng, cập nhật và chia sẻ hệ thống thư mục ấn phẩm sách, báo viết về tỉnh Quảng Ninh.

*Thứ ba*, đối với các thư viện chưa có phần mềm thư viện số (phần mềm thương mại) thì có thể lựa chọn phương án phần mềm mã nguồn mở để quản lý lưu trữ và khai thác các tài liệu số dưới nhiều dạng như âm thanh, hình ảnh văn bản, đồng thời hỗ trợ việc thiết lập chính sách thông tin, quản trị người dùng tin thông qua việc cấp quyền truy cập khai thác thông tin tài liệu trong hệ thống.

Phần mềm mã nguồn mở được cung cấp miễn phí. Người dùng có quyền sửa đổi, cải tiến, phát triển và nâng cấp. Ví dụ phần mềm Green Stone, DSpace,...

Trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, các thư viện cần phải lưu ý và thực hiện nghiêm túc các vấn đề liên quan đến bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài liệu số. Hệ thống pháp luật về quyền tác giả hiện nay vẫn còn một số bất cập hạn chế nhất định, chưa thực sự tạo điều kiện cho các thư viện thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Cần sớm có quy định về việc cung cấp dịch vụ đọc tài liệu số của thư viện, trong đó có thể đồng



ý cho thư viện cung cấp một phần tác phẩm đến người sử dụng, khoảng từ 10 - 15 trang của tác phẩm. Điều này giúp người sử dụng tiếp cận được một phần thông tin mà không ảnh hưởng đến quyền chủ sở hữu của tác giả. Vấn đề bản quyền cần được xem xét từ các phương diện chính như: Quyền hợp pháp để thư viện được phép quản trị, phổ biến tài liệu; quyền hợp pháp của người dùng tin đối với tài liệu được thư viện số cung cấp.

*Thứ tư*, đổi mới các mô hình phục vụ bạn đọc, tăng cường tạo lập các sản phẩm, dịch vụ trực tuyến: Xây dựng mô hình hoạt động, cuộc thi, triển lãm trực tuyến qua mạng xã hội Facebook; tạo lập các nhóm, câu lạc bộ thiếu nhi, câu lạc bộ bạn đọc yêu sách để duy trì thói quen đọc sách, là nơi trao đổi, chia sẻ những cuốn sách nổi bật và yêu thích.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào một số hoạt động và dịch vụ của Thư viện. Tạo bộ sưu tập Sách nói - Kể chuyện theo yêu cầu của bạn đọc; thiết lập các trò chơi tự động khi bạn đọc đến thư viện (thông qua AI), bạn đọc tự tương tác với máy tính để trả lời các trò chơi kiến thức được cài đặt sẵn trên máy tính. Sự phát triển của AI góp phần làm thay đổi cách thức tiếp cận đối với bạn đọc, bạn đọc tiềm năng. Nhờ những ưu điểm của công nghệ AI, thư viện có thể cung cấp thông tin vào đúng thời điểm, đúng bạn đọc tiềm năng, dựa trên việc phân tích các đặc điểm về nhân khẩu học, thói quen hoạt động trực tuyến và những nội dung mà bạn đọc thường xem và tìm kiếm.

Hiện Facebook đã ứng dụng AI nên việc người dùng tiếp cận đến các thông tin trở nên nhanh chóng và tự động. Thư viện cần đẩy mạnh việc quảng cáo trên Facebook, tăng sự tiếp cận của bạn đọc và bạn đọc tiềm năng. Các mục cần chú trọng việc quảng cáo như: Hoạt động, sự kiện của thư viện; giới thiệu sách mới, sách chuyên đề; thư mục sách mới, sách chuyên đề (phục vụ các cuộc thi lớn); đăng ký thẻ trực tuyến. Từ đó, cần chú trọng về phần nội dung đăng tải trên Facebook. Cần có đội ngũ viết tin bài chuyên nghiệp và có ban biên tập, kiểm duyệt. Đảm bảo nội dung thông tin đưa lên chính xác, không vi phạm pháp luật.

*Thứ năm*, công tác truyền thông, vận động, quảng bá thư viện

Nghiên cứu ứng dụng phần mềm thư viện trên điện thoại thông minh với các chức năng cung cấp tài liệu toàn văn, tra cứu cơ sở dữ liệu của thư viện, đăng ký làm thẻ bạn đọc đa phương tiện; thông báo các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ mới của thư viện cho bạn đọc.

Xây dựng các kênh tương tác với bạn đọc, đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm, dịch vụ, hoạt động của thư viện thông qua các kênh: cổng thông tin điện tử, mạng xã hội (Youtube, Facebook...), email, banner, tổ chức sự kiện (hội thảo, hội sách, tọa đàm...).

Xây dựng đội ngũ marketing chuyên nghiệp: đội ngũ này có nhiệm vụ xây dựng, đổi mới nội dung và hình thức các kênh quảng bá cho hoạt động của thư viện như videos quảng cáo, bài quảng cáo... Sử dụng tối đa các phần mềm thiết kế và làm video miễn phí để xây dựng các videos, clip quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động của thư viện.

*Thứ sáu*, tập trung xây dựng các chính sách đầu tư và phát huy hiệu quả việc quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa. Triển khai hiệu quả đồng thời 2 giải pháp phát triển văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Tích cực chăm lo xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo; huy động mọi nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý, phát huy hiệu quả việc quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa.

*Thứ bảy*, đẩy mạnh công tác phối hợp và tổ chức các hoạt động của thư viện trên địa bàn tỉnh, phát triển mô hình thư viện số. Đồng thời, tập trung vận hành mọi hoạt động của thư viện trên nền tảng công nghệ số như: thu thập, bổ sung tri thức số; phân loại - xử lý - tổ chức tri thức số, trình bày và hệ thống tìm kiếm tri thức số; truyền thông tri thức số; đổi mới các sản phẩm và dịch vụ tri thức số. Hướng tới mô hình liên thông thư viện để chia sẻ tài nguyên thông tin, tối ưu hóa nguồn tri thức số, hệ thống tìm kiếm thông minh nhằm giúp người dùng tin khai thác được toàn bộ hệ thống tài liệu. Phấn đấu trở thành Trung tâm Thông tin, Trung tâm Dữ liệu lớn của tỉnh, thư viện số, xã hội số, tăng cường vai trò xây dựng và quản trị tri thức số.

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, để văn hóa đọc đạt được hiệu quả thì cần có sự quan tâm tích cực hơn nữa của các cấp, các ngành, đặc biệt trong giai đoạn thực hiện chuyển đổi số toàn diện của đất nước nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Các thư viện cần không ngừng mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm thông tin, dịch vụ và hoạt động thư viện nhằm khẳng định tầm quan trọng của văn hóa đọc trong nhiệm vụ xây dựng một xã hội học tập, nâng cao trình độ dân trí cho người dân, góp phần kiến tạo phát triển cho quê hương, đất nước. ❖

# **TỪ NGHỊ QUYẾT 11-NQ/TU, NGÀY 9-3-2018, CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP CHO THÀNH PHỐ CẨM PHẢ TRONG THỜI GIAN TỚI**

**NGUYỄN ANH TÚ**

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Thành ủy Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh*

Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, “Về xây dựng văn hóa con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa là một trụ cột quan trọng cho phát triển bền vững, là nhân tố phát huy sức mạnh tổng hợp, là động lực của quá trình phát triển. Thời gian qua, với triết lý phát triển bền vững dựa trên 3 trụ cột: Thiên nhiên - Văn hóa - Con người, thành phố đã tập trung định hướng, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Cẩm Phả thời kỳ mới đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững mang đặc trưng của văn hóa giai cấp công nhân mỏ “Đức độ - Tài năng - Khỏe đẹp - Nghĩa tình” và truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” của giai cấp công nhân vùng mỏ.

## **THÀNH PHỐ NĂNG ĐỘNG**

Cẩm Phả được biết đến là một Thành phố công nghiệp than - điện, là cái nôi của giai cấp công nhân vùng mỏ, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật và đồng tâm; là 1 trong 4 thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, có vị trí chiến lược quan trọng thuộc vùng động lực phát triển miền Bắc: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh với diện tích 486,5km<sup>2</sup>, phía bắc giáp huyện Ba Chẽ và huyện Tiên Yên, đông giáp huyện

Vân Đồn, tây giáp thành phố Hạ Long, nam giáp vịnh Bắc Bộ; được chia thành 16 đơn vị hành chính (13 phường và 03 xã), 174 thôn, khu phố với dân số hơn 200.000 người, có 14 dân tộc anh em cùng sinh sống chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm 94,94% còn lại là các dân tộc khác như: Sán diu, Hoa...

Cẩm Phả là thành phố công nghiệp lớn nhất tỉnh Quảng Ninh, trung tâm kết nối giữa thành phố Hạ Long và Khu kinh tế Vân Đồn với nhiều tiềm năng, lợi thế nổi trội, khác biệt: (1) Là trung tâm lớn nhất cả nước về khai thác, chế biến và tiêu thụ than, có 19 mỏ chiếm hơn 70% trữ lượng than sạch của tỉnh Quảng Ninh; (2) Với 73km đường biển, cảng Con Ong - Hòn Nét (gồm 44 điểm neo đậu, tiếp nhận tàu trọng tải đến 65.000 tấn) và Cảng nước sâu Cửa Ông (đón được tàu 50.000 tấn ra vào thuận lợi); (3) Vịnh Bái Tử Long đẹp như một bức tranh thủy mặc, phong phú về địa chất, địa mạo, đa dạng về sinh học (bao gồm hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ trong đó có nhiều đảo đất); (4) Nguồn nước khoáng quý hiếm, bao gồm nguồn nước khoáng đóng chai và nguồn khoáng nóng phục vụ trị liệu; (5) Khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Cửa Ông - Cặp Tiên; Cụm di tích lịch sử gắn với sự kiện lịch sử cuộc tổng bãi công của hơn 3 vạn thợ mỏ ngày 12-11-1936 (*gồm các công trình: Quảng trường 12-11, Khu di tích Vũng Đục, Di tích lịch sử Quốc gia địa điểm lưu niệm Bác Hồ về thăm mỏ Đèo Nai năm 1959*).

Trong những năm qua, tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố Cẩm Phả đã có những bước phát triển vững chắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân (GRDP) đạt trên 13%/năm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố 10 năm qua trung bình đạt trên 10.000 tỷ đồng mỗi năm, năm 2022 đạt cao nhất với trên 20.000 tỷ đồng. Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch được quan tâm đầu tư, thu hút được nhiều tập đoàn kinh tế lớn, nhà đầu tư chiến lược nghiên cứu, triển khai các dự án trọng điểm, động lực trên địa bàn, tạo ra triển vọng mới về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị chất lượng cao, đặc biệt là sự hình thành của các dự án lớn như: Đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả, Cụm Nhiệt điện Mông Dương, Nhà máy Điện khí LNG Quảng Ninh, Nhà máy may mặc Hoa Lợi Đạt, Khu đô thị du lịch - dịch vụ Bái Tử Long, Công viên trung tâm thành phố... Công tác cải tạo, phục hồi môi trường được quan tâm đặc biệt, đã chấm dứt vận tải than trên quốc lộ 18, chấm dứt đổ thải tại các bãi thải phía Nam thành phố; 100% nước thải mỏ đã được đầu tư xử lý. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao; trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên rõ rệt, các hoạt động giáo dục, y tế, thể dục thể thao, sáng tác và biểu diễn văn hóa - nghệ thuật đã phát triển sâu rộng từ Thành phố đến cơ sở. Quốc phòng, an, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, ổn định.

## TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 11-NQ/TU HIỆN HỮU TRONG MỌI MẶT CỦA CUỘC SỐNG

Đề lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, Ban Thường vụ Thành ủy Cẩm Phả đã ban hành Chương trình hành động số 24-CTr/TU, ngày 01-6-2018; đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trong 5 năm qua, thành phố đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người; văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; quy hoạch, đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa trên địa bàn. Chỉ đạo các chi, đảng, bộ trực thuộc, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, nhân dân đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tỉnh, thành phố về xây dựng và phát triển văn hóa, con người; đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng và triển khai sâu rộng Bộ Quy tắc ứng xử “*Tự hào là công dân Cẩm Phả*”. Cùng với đó, Ban Thường vụ Thành ủy Cẩm Phả đã ban hành các nghị quyết chuyên đề cho công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người như: Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 12-8-2021, về “Xây dựng thành phố Cẩm Phả cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2025 và trở thành đô thị loại I vào năm 2030”; Nghị quyết số 25-NQ/TU, ngày 18-11-2022, về “Phát triển và nâng cao phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; *xây dựng đề án và ban hành* Nghị quyết số 28-NQ/TU, ngày 14-12-2022, về “Quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích và danh thắng trên địa bàn thành phố Cẩm Phả đến 2025, tầm nhìn đến 2030”...

Từ triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản và di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn thành phố Cẩm Phả được tăng cường. Hiện nay, trên địa bàn thành phố hiện có 24 di tích, trong đó 1 di tích Quốc gia đặc biệt, 3 di tích cấp Quốc gia (*Ngã tư đường lên mỏ Đèo Nai; Cầu Poóc Tích số 1 - trận địa pháo Cao xạ - hầm chỉ huy của Xí nghiệp Tuyển than Cửa Ông; Địa điểm lưu niệm Bác Hồ về thăm mỏ than Đèo Nai ngày 30/3/1959*); 5 di tích cấp Tỉnh và 15 di tích đã được kiểm kê phân loại. Đã đầu tư trên 300 tỷ đồng triển khai các dự án trong quy hoạch chi tiết đối với Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Cửa Ông; đầu tư trên 15 tỷ tu bổ Đền Cả (tại phường Cẩm Đông); phối hợp với các đơn vị ngành than tu bổ di tích Địa điểm Bác Hồ về thăm mỏ Đèo Nai năm 1959... Quan tâm, phục dựng, bảo tồn, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số như: Hát Soọng cô của người Sán Dìu, hát chèo cổ, rao tổ tôm điểm, tèm

trầu cánh phượng... Cùng với đó, thành phố đã tổ chức nhiều các hoạt động gắn với tuyên truyền, triển khai Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 20-5-2019, về “*Tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục truyền thống và lịch sử Đảng bộ địa phương trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 - 2025*”; đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương. Đến nay, 100% trường tiểu học, THCS, THPT đã đưa nội dung giáo dục văn hóa, lịch sử địa phương vào chương trình học tập, ngoại khóa,... góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương đối với thế hệ trẻ thành phố Cẩm Phả.

Thành phố đặc biệt quan tâm nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện, phát huy hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ thành phố đến phường, xã từng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao của các tầng lớp nhân dân (*như nâng cấp, cải tạo, mở rộng nhà văn hóa Công nhân; Quảng trường 12/11; Sân vận động Cẩm Phả, công viên cây xanh trung tâm Thành phố...*). Hoạt động của Thư viện, nhà truyền thống của thành phố đã được quan tâm đầu tư và nâng cao chất lượng hoạt động; tại các trường tiểu học và THCS trên địa bàn được trang cấp đầy đủ các loại sách, tài liệu, báo, tranh ảnh phù hợp với tâm sinh lý, lứa tuổi của học sinh.

Đồng thời, Thành phố đã tổ chức nhiều trại sáng tác văn học nghệ thuật, tổ chức cuộc thi “*Ảnh đẹp Cẩm Phả*” với 371 tác phẩm của 51 tác giả thuộc 09 tỉnh, thành trên cả nước; biên soạn và chuẩn bị xuất bản Cuốn sách “*Cẩm Phả - Đất và Người*”, “*Cẩm Phả trong tôi*”... Các tác phẩm văn học, nghệ thuật đã góp quảng bá, giới thiệu về văn hóa, con người Cẩm Phả, Quảng Ninh với bạn bè trong và ngoài nước.

Các phong trào thi đua xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn thành phố Cẩm Phả được lan tỏa sâu, rộng và phát huy hiệu quả; tạo sự đồng thuận trong nhân dân, được các cơ quan, đơn vị, tổ chức hưởng ứng mạnh mẽ. Cẩm Phả luôn là địa phương đi đầu toàn Tỉnh về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU cán bộ và nhân dân thành phố Cẩm Phả đã có nhiều chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người. Các thiết chế văn hóa được đầu tư và phát triển, phong trào thi đua yêu nước, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các nét đẹp văn hóa truyền thống được quan tâm giữ gìn, phát huy. Thành phố đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, đề án, chuyên đề về văn hóa, con người tạo nên những nét đặc trưng riêng trong đa dạng những nét đẹp chung của con người Việt Nam và còn hun đúc, bảo tồn, phát huy truyền thống “*Kỷ luật và đồng tâm*”; “*Hội tụ văn hóa thợ mỏ - Lan*

tỏa tình người vùng than” từ đó đã xuất hiện những điển hình tiên tiến trong học tập, lao động sản xuất, góp phần tích cực xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh, thành phố Cẩm Phả phát triển bền vững.

## ĐỂ VĂN HÓA THỰC SỰ LÀ TRỤ CỘT QUAN TRỌNG CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực, biến đổi khí hậu, thiên tai, công tác giải phóng mặt bằng triển khai các dự án động lực, cùng với quá trình đô thị hóa, hội nhập đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề mới phát sinh,... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, Thành phố Cẩm Phả tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, đó là: (1) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trên cơ sở nguyên tắc lấy chi bộ và đảng viên làm trung tâm; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, thống nhất; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, lấy người dân, tổ chức và doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ; phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, khơi thông mọi nguồn lực để xây dựng và phát triển Thành phố. (2) Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững và đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ đáp ứng cơ bản tiêu chí đô thị loại I vào năm 2025 và trở thành đô thị loại I vào năm 2030; kết nối và liên kết vùng với thành phố Hạ Long, khu kinh tế Vân Đồn, thành phố Móng Cái, thành phố Lạng Sơn và hệ thống cảng biển khu vực phía Bắc; xây dựng hạ tầng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tập trung cải cách hành chính; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, giữ chân và thu hút các nhà đầu tư chiến lược, tạo sự phát triển đột phá. (3) Đặc biệt chú trọng phát triển văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; xây dựng và phát huy các giá trị văn hóa, con người Cẩm Phả đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, gắn với triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử “*Tự hào là công dân Cẩm Phả*”.

Từ nhiệm vụ và thực tiễn đó đòi hỏi sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; xây dựng và phát huy các giá trị văn hóa, con người Cẩm Phả đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, gắn với xây dựng “*Thành phố Cẩm Phả - Thành phố triệu đóa hoa hồng*”, Thành phố xác định tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh quán triệt, triển khai, lan tỏa sâu rộng, hiệu quả trong cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân Nghị quyết 11-NQ/TU ngày

09/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” gắn với thực hiện các Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 18/11/2022 của Thành ủy Cẩm Phả về “*Phát triển và nâng cao phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*”, Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 14/12/2022 của Thành ủy Cẩm Phả về “*Quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích và danh thắng trên địa bàn thành phố Cẩm Phả đến 2025, tầm nhìn đến 2030*”.

*hai là*, tập trung thực hiện và phát huy Bộ nhận diện thương hiệu của Thành phố Cẩm Phả mà trọng tâm là Bộ quy tắc ứng xử “*Tự hào là Công dân Thành phố Cẩm Phả*”; tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ khẩu hiệu “*Hội tụ văn hóa Thọ mỏ - Lan tỏa tình người vùng than*” nhằm xây dựng văn hóa, con người Cẩm Phả mang nét đặc trưng của con người Quảng Ninh “*Năng động - Sáng tạo - Hòa sáng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện*”.

*Ba là*, đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước các lĩnh vực; quản lý, khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa; bảo tồn, giữ gìn phát huy và kết nối các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá và giao lưu với các địa phương trong và ngoài Thành phố. Duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao truyền thống: Giải bóng đá Nam Cup Bái Tử Long, Đội Bóng đá nữ. Đánh giá và tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng để mở cửa trở lại hoạt động Phố đi bộ “*Phố đêm Thọ mỏ*” nhằm tăng cường việc lưu thông, mua bán hàng hóa, mở rộng các điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP của các phường, xã, doanh nghiệp trên địa bàn, gắn với phát triển kinh tế ban đêm của Thành phố và liên kết với các tuor, tuyến du lịch của các địa phương Vân Đồn, Hạ Long, Móng Cái, Tiên Yên, góp phần giới thiệu văn hóa và con người Cẩm Phả.

*Bốn là*, phối hợp chặt chẽ với ngành than để phát huy các thiết chế văn hóa, thể thao và các phong trào văn hóa thể thao của công nhân ngành than - điện trên địa bàn.

*Năm là*, phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội văn học nghệ thuật, Chi hội văn nghệ dân gian, CLB Hưu trí Bái Tử Long, Chi hội Báo Cẩm Phả và các tổ chức xã hội khác trong việc vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực vào các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước của địa phương, cơ quan, đơn vị. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư và Nhân dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa trên địa bàn; chủ động ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại, phản động, ngoài luồng xâm nhập vào địa bàn. Tăng cường tuyên truyền, biểu dương gương “*Người tốt - Việc tốt*” với phương châm lấy cái đẹp - dẹp cái xấu, lấy cái tích cực đẩy lùi tiêu cực.



*Sáu là*, quan tâm, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý lĩnh vực văn hóa; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp từ Thành phố đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên bảo tồn văn hóa truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

*Bảy là*, tiếp tục thực hiện và tạo sự chuyển biến tích cực hơn nữa trong thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, mừng thọ và kỷ niệm các ngày truyền thống theo tinh thần Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; phong trào “*Xây dựng Thành phố Cẩm Phả - Thành phố Triệu đóa hoa hồng*”; đẩy mạnh công tác an sinh xã hội và các phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn gắn với xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng với yêu cầu phát triển bền vững. ❖

## PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA THANH NIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG TỈNH QUẢNG NINH

TRẦN DÂN

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TU, ngày 9-6-2014, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, đồng thời giải quyết các nhiệm vụ cấp bách trong tình hình hiện nay, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”. Nghị quyết có ý nghĩa chiến lược lâu dài, trong đó, không thể không kể đến vai trò của lực lượng thanh niên Quảng Ninh. Đây là những chủ nhân tương lai của Quảng Ninh, những chủ thể đảm đương nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững.

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh, bất cứ một quốc gia, dân tộc nào muốn tồn tại và phát triển đều phải quan tâm đến việc bồi dưỡng và phát huy vai trò của lực lượng thanh niên; sự phát triển của thanh niên liên quan đến vận mệnh của đất nước và ảnh hưởng đến tương lai của dân tộc. Người cũng luôn đánh giá cao vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng. Trong thư gửi thanh niên và nhi đồng toàn quốc, Người nhấn mạnh: Một năm khởi đầu từ mùa xuân, một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của đất nước. Thế hệ trẻ đầy nhiệt huyết, có sức sống tràn trề và năng lực sáng tạo..., đó chính là thế mạnh, là vốn quý của tuổi trẻ. Tuy nhiên, để phát huy được vai trò, Người yêu cầu thanh niên phải trở thành một lực lượng to lớn, vững chắc trong công cuộc kháng chiến kiến quốc; phải là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thanh niên phải được phát triển đầy đủ các mặt Đức - Trí - Thể - Mỹ. Có như vậy họ mới đủ năng lực, phẩm chất, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, sức khỏe... để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Theo số liệu thống kê, thanh niên Quảng Ninh hiện nay có khoảng 400 nghìn người, chiếm 30% dân số và 50% lực lượng lao động toàn tỉnh. Đây là lực lượng lao động đông đảo, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tiếp cận nhanh với công nghệ thông tin. Chính vì vậy, thanh niên là một lực lượng có vai trò quan trọng, tiên phong trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh.

Trong thời gian qua, thanh niên Quảng Ninh đã phát huy tốt vai trò, tích cực, chủ động công tác tuyên truyền, vận động để đưa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống, đặc biệt, thực hiện giáo dục lý tưởng cách mạng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Triển khai cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”; “Mỗi ngày một việc tốt, mỗi tuần một việc tốt, mỗi tháng một việc tốt”, “Văn minh thanh lịch là nếp sống đẹp của thanh niên Quảng Ninh”; tổ chức Hội thi Người đẹp Hạ Long; triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử “Nụ cười Hạ Long”; định kỳ tuyên dương “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác”; “Thi đua văn hóa công sở thông qua phong trào 4 xin - 4 luôn”; “Sinh viên 5 tốt”; “Học sinh 3 rèn luyện”; “Cháu ngoan Bác Hồ”; “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Quảng Ninh”; phát hành các ấn phẩm tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, mô hình tiêu biểu... cũng là các chương trình hướng về thanh niên, giao cho thanh niên chủ động triển khai. Ngoài ra, thanh niên Quảng Ninh còn phát huy vai trò trên mặt trận văn hóa, thực sự trở thành chiến sĩ văn hóa trong cuộc đấu tranh chống lại các sản phẩm xấu độc, lai căng làm phương hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của các thế lực thù địch.

Trong bối cảnh mới, thanh niên Quảng Ninh cũng là đối tượng dễ bị tác động, ảnh hưởng tiêu cực. Nhiều hiện tượng xấu trong xã hội vẫn tồn tại, như con cái vô lễ với ông bà, cha mẹ; tình trạng bạo lực học đường gia tăng về số vụ và mức độ nghiêm trọng; tình hình tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên có chiều hướng gia tăng; thanh niên ít quan tâm đến các loại hình văn nghệ truyền thống...

2. Vốn con người được coi là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển nhanh, bền vững. Tiềm năng con người, khả năng sáng tạo của con người được khơi dậy, được bồi đắp thì sẽ tạo ra nguồn lực to lớn cho phát triển. Con người và đặc biệt thế hệ trẻ là chủ thể của nền kinh tế tri thức, chủ thể công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, do đó, để phát huy vai trò của thanh niên trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh, cần phải chú ý *một số vấn đề liên quan đến thanh niên và có giải pháp đồng bộ, cơ bản sau:*

*Một là*, giáo dục đạo đức cách mạng là nhiệm vụ hàng đầu. Chỉ có dựa vào đạo đức thể hệ trẻ mới xác định được lý tưởng, định hướng được hành động đúng đắn. Chỉ có đạo đức cách mạng thì mỗi thanh niên mới có thể tự hoàn thiện mình, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân và nội dung cốt lõi nhất của đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính. Nhưng theo Người, đạo đức cách mạng không có sẵn, không phải từ trên trời sa xuống mà là kết quả của sự đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày của mỗi người. Thế hệ trẻ phải luôn nỗ lực rèn luyện đạo đức cách mạng: thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; sống trong sạch, có chí tiến thủ và đoàn kết, không kiêu ngạo; tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân; phê phán những thói hư, tật xấu; thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình... Các cấp ủy phải thường xuyên giáo dục cho thanh niên Quảng Ninh nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tăng cường tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật... để khơi dậy và phát huy tinh thần dân tộc, yêu nước, yêu quê hương, nâng cao hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật trong mỗi thanh niên Quảng Ninh.

*Hai là*, định hướng những hành động đúng, tạo cơ sở, động lực cho thanh niên tích cực nghiên cứu, tìm hiểu để phát huy các giá trị đặc sắc về văn hóa các dân tộc, văn hóa biển đảo, văn hóa công nhân vùng mỏ, sự giao thoa của nền văn minh sông Hồng, tạo nền tảng hình thành nhân cách văn hóa, đạo đức, mang các giá trị đặc trưng của con người Quảng Ninh. Biết gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, biết lọc bỏ những cái không phù hợp, đi ngược lại với văn hóa của dân tộc. Thanh niên phải nhận thức rõ văn hóa Việt Nam là thành quả của sự kết tinh văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới, phải trang bị cho mình một hệ thống tri thức vững vàng, đầy đủ để không bị động bất ngờ, thường xuyên tìm hiểu văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới để tạo hành trang tri thức, góp phần xây dựng quê hương.

Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, đặt mục tiêu là giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện; ngày 30-11-2022, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3504/QĐ-UBND về việc ban hành Quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy tắc ứng xử gồm 4 chương, 23 điều được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân sinh sống, làm việc, công tác, học tập, tham quan trên địa bàn tỉnh, trong đó lực lượng thanh niên là lực lượng quan trọng, có mặt trên các lĩnh vực, là lực lượng tiên phong trong các phong trào, vừa là chủ thể thực hành hiện tại, đồng thời là chủ thể có vai trò quan trọng trong tương lai.

*Ba là*, trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, những thành tựu to lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang mang đến những thành tựu lớn cho mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Trong thời gian tới, tác động của khoa học, kỹ thuật còn nhanh và mạnh mẽ hơn nữa, do đó, các thế hệ thanh niên phải tích cực học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Tuổi trẻ ngày nay cần phải làm được nhiều hơn thế, cần phải tiếp tục phấn đấu và rèn luyện. Trên nhiều lĩnh vực, chúng ta còn tụt hậu so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Nhiệm vụ của thanh niên là phải góp phần thu hẹp khoảng cách, tiến tới nâng tầm vị thế đất nước, con người Việt Nam.

Học tập là công việc suốt đời và cách tốt nhất để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng. Xây dựng xã hội học tập, tinh thần học tập suốt đời, chú trọng bồi dưỡng năng lực tự học, tự rèn luyện của cá nhân cần được quan tâm thường xuyên, liên tục. Đối với một tỉnh hàng năm đón hàng triệu lượt du khách nước ngoài đến tham quan, trải nghiệm; một tỉnh đang là điểm đến đầu tư hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài như Quảng Ninh thì đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ, công nghệ là tất yếu trong quá trình phát triển.

*Bốn là*, xây dựng thế hệ thanh niên Quảng Ninh phát triển toàn diện về mọi mặt. Có đạo đức, lối sống, có các phẩm chất ngay thẳng, trung thực, nhân nghĩa, khiêm tốn; có đạo đức nghề nghiệp; coi trọng sản xuất, kinh doanh tạo ra sản phẩm cho xã hội; hiểu biết và thực thi nghiêm quy định của pháp luật, quy ước của cộng đồng, đạo đức xã hội. Có suy nghĩ tích cực, biết quan tâm, sẻ chia với cộng đồng và những người xung quanh, tôn trọng quyền tự do cá nhân với phương châm “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; có ý thức tự giác, văn minh trong bảo vệ môi trường sống... Xây dựng thế hệ trẻ có lý tưởng, trách nhiệm, có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, tự hào về quê hương Quảng Ninh; có ý chí vươn lên trong cuộc sống, tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có ý thức tự trọng, tự chủ, sống có trách nhiệm với Tổ quốc, với nhân dân, với gia đình và bản thân. Có trí tuệ, năng lực sáng tạo, khả năng thích nghi nhanh và làm chủ khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Có thẩm mỹ, biết thưởng thức và sáng tạo ra cái đẹp, biết khẳng định, tôn vinh cái đẹp, cái đúng, tích cực, biết đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, tiêu cực... Rất nhiều phong trào thi đua như: Tuổi trẻ sáng tạo, Thanh niên tình nguyện, Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay các chương trình lớn như “Đồng hành với thanh niên trong học tập”, “Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp” được triển khai sâu, rộng trong thanh niên. Nhìn chung, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới, việc giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghề nghiệp cho thanh niên cần phải đồng thời với

giáo dục lý tưởng, giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng thế hệ chủ nhân tương lai vừa có tài, vừa có đức phải được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

*Năm là*, giáo dục sức khỏe và thể chất cho thanh niên. Thanh niên là lực lượng quan trọng của xã hội, tham gia tích cực các nhiệm vụ hiện tại của đất nước và là người chủ xã hội tương lai. Do đó, họ phải có sức khỏe tốt thì mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Dân cường thì nước thịnh. Vai trò, vị trí thanh niên được nâng cao, đồng thời với niềm tin vững chắc vào thanh niên ngày càng được củng cố. Đây là điều kiện để thế hệ trẻ Việt Nam chứng tỏ bản lĩnh, sức sáng tạo, sức trẻ, dám nghĩ, dám làm, tích cực, say mê học tập, nghiên cứu khoa học công nghệ để áp dụng vào lao động sản xuất để cùng với toàn Đảng, toàn dân thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới. Nhiều phong trào thi đua như “Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất và văn hóa tinh thần” được tuổi trẻ Quảng Ninh hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả.

*Sáu là*, tăng sức đề kháng cho thế hệ trẻ trước những biểu hiện tiêu cực, mặt trái của xã hội và sự chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch, nhất là trên mạng xã hội, trên mặt trận văn hóa tư tưởng. Xây dựng thế hệ trẻ có hiểu biết, nhận diện rõ, phân biệt rõ đúng / sai, biết hành động vì lợi ích quốc gia, dân tộc, quê hương, đất nước.

*Bảy là*, trước thực tế, do tác động nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan đã làm cho một số bộ phận thanh thiếu niên phai nhạt lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng, hưởng thụ, lười học tập, thiếu tu dưỡng đạo đức, xa rời truyền thống dân tộc... Những hiện tượng đó là nguy cơ đe dọa tương lai của thế hệ trẻ, tương lai của đất nước. Chính vì vậy, hơn bao giờ hết, toàn Đảng và toàn dân ta phải chăm lo giáo dục, bồi dưỡng trí tuệ, tâm hồn, đạo đức cho thế hệ trẻ ngay từ trên ghế nhà trường, trong môi trường gia đình, môi trường xã hội, môi trường công tác. Do đó, xây dựng một môi trường học tập, môi trường gia đình, môi trường làm việc, môi trường xã hội lành mạnh là nhiệm vụ của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh. ❖

## QUẢNG NINH TRÊN HÀNH TRÌNH TRỞ THÀNH “CẢNG DỮ LIỆU” VÀ TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA KHU VỰC PHÍA BẮC

HOÀNG TRỌNG THIẾT

*TS, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng*

Trong nền kinh tế tri thức, trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số là cơ sở quan trọng và tất yếu để xây dựng và phát triển đối với bất cứ ngành, lĩnh vực nào. Điều này được biệt quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với các ngành, lĩnh vực có môi trường hoạt động toàn cầu. Du lịch là ngành như vậy, môi trường toàn cầu còn mang ý nghĩa là công dân toàn cầu. Từng ứng dụng số thành công sẽ đưa dịch vụ tiếp cận, phục vụ mọi công dân ở bất kỳ quốc gia nào trên khắp thế giới.

### CHUYỂN ĐỔI SỐ DU LỊCH QUẢNG NINH

*Ứng dụng công nghệ số để phục vụ hoạt động của các thiết chế văn hóa.*

Nhiều địa phương, doanh nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, du lịch trong tỉnh đã tích cực ứng dụng chuyển đổi số, góp phần xây dựng Quảng Ninh phát triển hiện đại.

Thời gian qua, Sở Du lịch Quảng Ninh đã tích cực phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành du lịch. Đến nay, toàn bộ 26 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch được thực hiện trực tuyến, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch, dịch vụ. Trang thông tin điện tử của Sở duy trì hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, người dân và du khách.

*Tận dụng tối đa nền tảng công nghệ số để thúc đẩy hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch.*

Tỉnh triển khai công thông tin du lịch tại 2 địa chỉ website: halongtourism.com.vn và discoverhalong.com, halongtourism.info,... bằng cả 3 ngôn ngữ: Việt, Anh, Trung. Trung tâm Xúc tiến du lịch Quảng Ninh đưa vào hoạt động fanpage Thông tin du lịch Quảng Ninh, đến nay có gần 30.000 người theo dõi. Trung tâm cũng lập fanpage bằng tiếng Anh, tiếng Pháp liên tục cập nhật các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; Đăng tải thông tin về du lịch Quảng Ninh tới du khách trên các website... Các trang mạng xã hội (YouTube, Instagram, Zalo) của du lịch tỉnh cũng thường xuyên cập nhật các thông tin bằng 3 ngôn ngữ (Việt, Anh, Trung); đăng tải nhiều hình ảnh, clip giới thiệu, quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Ninh tới bạn bè và du khách quốc tế trên các phương tiện truyền thông cả trong và ngoài nước. Sở cũng vận hành và tiếp tục hoàn thiện bản đồ số du lịch Quảng Ninh với các tính năng cơ bản, như: hướng dẫn, giới thiệu các địa điểm du lịch hấp dẫn, các món ăn nổi tiếng, các lễ hội, hướng dẫn đặt phòng trực tuyến, đặt trước xe theo lịch trình, đường dây nóng hỗ trợ và phản ánh chất lượng du lịch,... định hướng du lịch cho du khách. Nhờ đó, du khách có thể tìm kiếm đầy đủ thông tin về điểm đến, dịch vụ giải trí, các lễ hội, ẩm thực đặc sắc, cơ sở lưu trú, mua sắm, bản đồ số du lịch, hướng dẫn đặt phòng trực tuyến, đặt trước xe theo lịch trình, đường dây nóng hỗ trợ và phản ánh chất lượng du lịch...

Các doanh nghiệp, công ty lữ hành đã ứng dụng trợ lý du lịch thông minh hỗ trợ nhiều ngôn ngữ, giúp phát triển và quảng bá nội dung hiệu quả tới các đối tượng du khách bằng nhiều hình thức.

*Ứng dụng công nghệ số để phục vụ hoạt động du lịch, quản lý nhà nước về du lịch.*

Sở Du lịch tích cực chỉ đạo và hỗ trợ các doanh nghiệp, đơn vị du lịch triển khai, đồng thời thúc đẩy phát triển thương mại điện tử. Đến nay, 100% doanh nghiệp, đơn vị du lịch trên địa bàn tỉnh đã đưa vào sử dụng website hoặc trang mạng xã hội để quảng bá hình ảnh; sử dụng tài khoản có chức năng thanh toán trực tuyến để thực hiện các giao dịch thương mại điện tử, chấp nhận thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt. Nhờ các thông tin số liệu, báo cáo thống kê hoạt động kinh doanh được các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước qua môi trường mạng, các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch đã nhanh chóng bắt nhịp xu hướng du lịch của các thị trường khách các nước; đồng thời, nắm bắt “dòng chảy” chuyển đổi số, tích cực triển khai các ứng dụng số trong quản lý điều hành để không bị tụt hậu với các doanh nghiệp khác, để không bị lạc hậu với thị trường du lịch. Các hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch trên nền tảng truyền thông số; số hóa thông tin du lịch..., cũng mở ra kênh chuyên tải thông tin, cơ hội trải nghiệm, đem đến tiện ích và sự hài lòng cho du khách...



Trước đây hành trình tham quan, trải nghiệm cảnh đẹp Vịnh Hạ Long được thực hiện gắn với một tấm vé giấy, phải xuất trình và được nhân viên soát vé bắt lỗi khi tới mỗi điểm tham quan, nhưng nay đã được thay thế bằng vé tích hợp hóa đơn điện tử với hai ngôn ngữ là Tiếng Việt và Tiếng Anh, thuận tiện cho cả du khách trong nước và nước ngoài theo dõi. Ứng dụng này giúp việc thống kê theo dõi số lượng, lịch trình di chuyển các điểm tham quan của du khách một cách chính xác, từ đó, giúp đánh giá về lượng khách đến từng địa điểm trong từng thời gian để hỗ trợ các dịch vụ kèm theo phù hợp với quy mô lượng khách và sở thích của du khách từng nước... Dịch vụ này cũng chấp nhận tất cả các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt mà thông qua internet banking, mobile money, vô cùng thuận tiện cho du khách... Hệ thống này cũng cho phép những tổ chức, cá nhân, khách du lịch truy xuất hóa đơn mua vé tham quan Vịnh Hạ Long, giúp các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, giám sát, hậu kiểm thuận tiện, nhanh chóng cho khi có yêu cầu. Đồng thời, hỗ trợ cơ quan quản lý báo cáo doanh thu thu phí, thu dịch vụ hành khách qua cảng, truyền dữ liệu trực tiếp về cơ quan quản lý thuế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số.

Nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng trên địa bàn tỉnh đến tuyến huyện, quận cũng bắt đầu triển khai số hóa thông tin du lịch, số hóa điểm đến, gắn mã QR để phục vụ du khách trong việc tra cứu thông tin, tham khảo và lựa chọn điểm đến phù hợp. Nổi bật, là “Cẩm nang du lịch thành phố Hạ Long” được xây dựng trên nền tảng số, có mã QR cố định. Phường Hồng Gai (TP Hạ Long) cung cấp cho du khách bằng mã QR các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn, thuận tiện cho việc lựa chọn điểm đến tham quan. Mã QR được tạo lập bởi AI cung cấp toàn bộ thông tin về du lịch của huyện miền núi Bình Liêu, từ các điểm đến tham quan, địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống, các lễ hội văn hóa, nét đẹp truyền thống đặc sắc của địa phương...

Tính đến nay, toàn tỉnh đã có gần 200 điểm trong tổng số 370 điểm đến tham quan, danh thắng, di tích tại 13 địa phương được số hóa thông tin và gắn mã QR. Quảng Ninh đang phấn đấu số hóa và gắn mã QR tại 100% địa chỉ đỏ, di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn, để tiếp tục nâng cao trải nghiệm cho du khách, thúc đẩy quảng bá, phát triển du lịch cho tỉnh.

Ngành Du lịch tỉnh triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ số để quản lý, điều hành du lịch; Hình thành các sản phẩm du lịch số bằng công nghệ thực tế ảo, số hóa điểm đến du lịch bằng giao diện ảnh 360, 3D... Bảo tàng Quảng Ninh xây dựng mô hình “bảo tàng ảo” giúp du khách tham quan phiên bản số hóa trên website: [baotangao.baotangquangninh.vn](http://baotangao.baotangquangninh.vn). Toàn bộ không gian bảo tàng được mô hình hóa bằng công nghệ 3D, từ kiến trúc phía ngoài

độc đáo cho đến những không gian ẩn tượng bên trong. Với “bảo tàng ảo”, du khách có thể tham quan từ xa thông qua máy tính hoặc điện thoại có kết nối mạng mà không phải đến tận nơi.

Công nghệ số (tích hợp vé điện tử và thanh toán không tiền mặt) đã giúp Ban Quản lý vịnh Hạ Long quản lý hiệu quả việc thu phí tham quan, tích hợp dịch vụ hành khách qua cảng tàu du lịch theo hóa đơn điện tử. Du khách khi nhận vé tham quan vịnh Hạ Long có thể quét mã QR trên vé để tra cứu hóa đơn điện tử, xem thông tin về lịch trình tham quan. Tại hầu hết các điểm đến có bán vé tham quan trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng mã QR và internet banking để du khách có thể thanh toán điện tử bằng cách quét mã rất thuận tiện và nhanh chóng.

Tỉnh đã đầu tư hơn 100 điểm phát wifi công cộng miễn phí tại các khu vực sân bay, bến xe bus, địa điểm du lịch trên địa bàn để hỗ trợ người dân, du khách trong tra cứu các điểm đến; Lắp đặt hệ thống camera giám sát ở một số hang động lớn như Đầu Gỗ, Thiên Cung... và hệ thống định vị GPS trên các tàu du lịch tham quan vịnh Hạ Long.

Điểm đáng chú ý là nhiều địa phương đã thực sự hoàn thiện hệ sinh thái về dịch vụ, mua sắm, ẩm thực... tại các điểm du lịch đồng thời du khách có thể gửi phản ánh đến chất lượng dịch vụ đến cơ quan quản lý. Nhằm đa dạng hóa điểm đến cho du khách, phát triển đồng đều các loại hình du lịch, tỉnh Quảng Ninh cũng chú trọng thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển du lịch nông thôn gắn với triển khai thực hiện Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 2/8/2022 của Chính phủ về Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025. Trong đó, trọng tâm là lập bản đồ số các sản phẩm du lịch nông thôn, hỗ trợ kết nối sản phẩm du lịch nông thôn với các sản phẩm du lịch khác phục vụ cho việc xúc tiến du lịch nông thôn. Xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất từ tỉnh đến cơ sở phục vụ cho việc quản lý, quảng bá và xúc tiến du lịch nông thôn. Ngân hàng hình ảnh, số hóa các thông tin, tài liệu về các điểm du lịch nông thôn, tăng cường ứng dụng dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR) và thực tế ảo tăng cường (AR); chuyên trang điện tử (website, triển lãm, hội chợ du lịch ảo, các sản phẩm truyền thông số...) về du lịch nông thôn gắn với giới thiệu, quảng bá điểm du lịch nông thôn; khai thác thế mạnh truyền thông trên các nền tảng xã hội được xây dựng để từng bước hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch, tạo điều kiện cho khách du lịch trải nghiệm các hoạt động, dịch vụ du lịch nông thôn an toàn, thuận tiện và thân thiện.

Quảng Ninh nỗ lực phấn đấu xây dựng và triển khai nền tảng cửa khẩu số ngay trong năm 2023. Theo đó, nền tảng cửa khẩu số sẽ được thực hiện tại Cửa khẩu quốc tế Móng Cái, áp dụng thí điểm tại Cửa khẩu Cầu Bắc Luân II.

Du lịch là một trong 6 lĩnh vực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội được tỉnh ưu tiên, tập trung nguồn lực triển khai chuyển đổi số. Mục tiêu là phát triển công nghệ số phục vụ hoạt động du lịch thông minh (bản đồ số du lịch, thẻ du lịch thông minh, đăng ký sử dụng dịch vụ du lịch qua thiết bị di động thông minh...), hình thành sản phẩm du lịch số bằng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường...

Tỉnh Quảng Ninh xây dựng Đề án Di sản số vịnh Hạ Long, quản trị theo mô hình kinh tế tuần hoàn, quản trị di sản bền vững. Bên cạnh đó, các ngành, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh triển khai chương trình, dự án chuyển đổi số, nhằm mang tới những tiện ích phục vụ du khách.

Trong thời gian tới, ngành du lịch tỉnh tập trung nguồn lực, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kho dữ liệu số du lịch tỉnh; đưa vào sử dụng ứng dụng đa dịch vụ “Du lịch Việt Nam - Vietnam Travel” và các nền tảng số cốt lõi trong hệ sinh thái du lịch thông minh theo hướng thống nhất và đồng bộ trên toàn quốc của ngành du lịch và đồng bộ với hệ thống dữ liệu tổng thể của tỉnh về kinh tế - xã hội. Đồng thời, tăng cường kết nối doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ du lịch thông qua nền tảng công nghệ, phần mềm, ứng dụng chuyển đổi số để kết nối hoạt động, phát triển các sản phẩm phù hợp theo nhu cầu, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển thị trường sản phẩm du lịch, đáp ứng nhiều nhu cầu phong phú, đa dạng, nhiều cấp độ của du khách và hướng tới phát triển bền vững. Quảng Ninh xác định phải nâng cao chất lượng môi trường tương tác số cho các doanh nghiệp, khách du lịch và người dân, đảm bảo thuận tiện và minh bạch. Tỉnh cũng đặt yêu cầu, trong công tác quản lý, chuyển đổi số phải cung cấp công cụ hiện đại, thông minh thu thập các thông tin cần thiết và hỗ trợ lãnh đạo tỉnh trong công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện quy hoạch du lịch cũng như ra các quyết định chính xác nâng cao hiệu quả công tác quản lý du lịch. Đây cũng là các giải pháp để tăng tốc trên lộ trình chuyển đổi số được Quảng Ninh đề ra và đang tích cực triển khai thực hiện trong thực tế.

## **ITOURISM - CHUYỂN ĐỔI SỐ DU LỊCH VIỆT NAM**

Trong tiến trình chuyển đổi số (CDS), tỉnh Quảng Ninh luôn đặt mục tiêu thực hiện chính quyền số, kinh tế số và xã hội số song hành, do đó, du lịch số, văn hóa số là bước đi tất yếu để tạo sự phát triển toàn diện, đồng bộ cho tỉnh. Tuy nhiên, để thực hiện được mục

tiêu đó, việc xây dựng hoàn thiện và đưa vào sử dụng nền tảng cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung trong toàn tỉnh được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Đối với một số ngành như du lịch, văn hóa, việc ứng dụng số được coi trọng và tập trung đầu tư từ xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở vật chất đến hạ tầng công nghệ - thông tin, đến đào tạo nguồn nhân lực để bộ máy vận hành trơn tru,...

Theo Sở Du lịch Quảng Ninh, các nền tảng công nghệ phục vụ cho du lịch đã được phát triển những năm gần đây, nhưng chỉ thực sự phát triển bứt phá từ sau đại dịch COVID-19. Khi dịch bệnh được kiểm soát, người dân đã quen với việc quét và sử dụng mã QR. Rất nhanh chóng, mã QR đã được ứng dụng vào lĩnh vực du lịch, từ việc hướng dẫn lịch trình tour, thông tin điểm đến, thông tin khách sạn, hãng lữ hành... Những tiện ích từ việc sử dụng mã QR đã được du khách tự thấu hiểu và trang bị, đây là cơ sở quan trọng, giúp tiến trình số hóa được rút ngắn nhanh chóng.

Có thể thấy sau giai đoạn khởi động, chuyển đổi số đã được triển khai sâu rộng trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh. Từ công tác quản lý, quảng bá, xúc tiến du lịch đến kinh doanh của doanh nghiệp đều đã ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ. Hiện ngành du lịch Quảng Ninh đang tăng tốc mạnh mẽ trong lộ trình chuyển đổi số để tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, bứt phá và phát triển bền vững hơn.

Sở Du lịch Quảng Ninh cũng đang tích cực triển khai các nội dung trong thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch với Trung tâm Thông tin du lịch (Tổng cục Du lịch). Cụ thể là tập trung triển khai áp dụng các nền tảng số cốt lõi trong hệ sinh thái du lịch thông minh theo hướng thống nhất và đồng bộ trên toàn quốc. Triển khai ứng dụng đa dịch vụ “Du lịch Việt Nam - Vietnam Travel” để quảng bá thông tin, hỗ trợ và gia tăng trải nghiệm của khách du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Hiệp hội Du lịch Quảng Ninh và Công ty CP Vietiso đã hợp tác ký kết chương trình chuyển đổi số du lịch Quảng Ninh với nền tảng số iTourism - Chuyển đổi số Du lịch Việt Nam. Tham gia hội nghị có 50 doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng dịch vụ gồm lữ hành, lưu trú, vận chuyển... trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Toàn cảnh thực trạng chuyển đổi số du lịch của các Hiệp hội và hội viên trên cả nước; giải pháp nền tảng iTourism - Chuyển đổi số Du lịch Việt Nam; giải pháp giúp tăng cường tương tác giữa các doanh nghiệp thành viên trong Hiệp hội Du lịch Quảng Ninh, kết nối giữa Tổng cục Du lịch, Sở Du lịch các địa phương, nhằm thống nhất và đồng bộ cơ sở dữ liệu của toàn ngành du lịch, tạo dựng môi trường kết nối liên dịch vụ, liên điểm đến được thông tin đầy đủ. Sự tham gia của các doanh nghiệp không chỉ giúp nâng cao năng lực công nghệ du lịch mà còn xây dựng cơ sở

dữ liệu du lịch Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025. Trên cơ sở, nền tảng iTourism - Chuyển đổi số Du lịch Việt Nam đã được triển khai tại Hiệp hội Du lịch nhiều tỉnh, thành phố như Hải Phòng, Nam Định, Phú Thọ, Vĩnh Phúc... và vẫn đang tiếp tục được mở rộng quy mô ra các tỉnh, thành phố trong cả nước thời gian tới, thì việc Quảng Ninh tham gia vào hệ thống này là tất yếu.

Quảng Ninh cũng triển khai các công cụ và phương tiện hỗ trợ khách du lịch, cơ sở kinh doanh du lịch áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt trên hệ thống Thẻ du lịch thông minh thuộc hệ sinh thái Thẻ Việt - thẻ Quốc gia đã được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai nền tảng số quốc gia “Quản trị và Kinh doanh du lịch” để hỗ trợ cơ quan quản lý, cơ sở kinh doanh du lịch. Nghiên cứu, triển khai đồng bộ hệ thống vé điện tử tại các điểm tham quan du lịch, các điểm vui chơi, giải trí... trên địa bàn tỉnh. Quảng bá, hỗ trợ giao dịch sản phẩm dịch vụ du lịch Quảng Ninh trên Trang vàng Du lịch Việt Nam. Đồng thời, tuyên truyền, quảng bá du lịch Quảng Ninh trên các kênh truyền thông số của Tổng cục Du lịch; xây dựng video clip quảng bá du lịch Quảng Ninh nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh và trên chức năng tìm kiếm của Google trong năm 2023; triển khai hệ thống thuyết minh đa phương tiện...

Trên cơ sở định hướng của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông (TT và TT) về tăng cường chia sẻ, liên thông, kết nối dữ liệu thì nền tảng CSDL dùng chung của tỉnh được xây dựng nhằm thúc đẩy trao đổi, chia sẻ, sử dụng và tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan Nhà nước, hướng đến quản trị và điều hành, ra quyết định dựa trên nền tảng CSDL. Thời gian qua, Quảng Ninh đã triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số, gia tăng giá trị sản xuất, nâng cao tốc độ tăng trưởng cũng như năng lực cạnh tranh của tỉnh...

Phát triển kinh tế số của Quảng Ninh đã đạt được những kết quả tích cực. Trước năm 2020, kinh tế số chỉ chiếm khoảng 3% trong GRDP của tỉnh. Năm 2021 con số này đã chiếm 5% GRDP, tiếp tục được nâng lên thành 8% vào năm 2022, dự kiến năm 2023 đạt 12% GRDP. Dự báo, đến năm 2025, tỷ trọng kinh tế số đạt ít nhất 20% GRDP của tỉnh; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 11%/năm; tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%. Quảng Ninh cũng phân đấu quy tụ 50 doanh nghiệp số, trong đó ít nhất 3 doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm, dịch vụ số; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%; tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lĩnh vực lao động đạt trên 2%; 100% hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp được tiếp cận và có năng lực sử dụng nền tảng số.

Trong mục tiêu đến năm 2030, hạ tầng mạng truy cập băng thông rộng cố định trên địa bàn Quảng Ninh sẽ được nâng cấp đảm bảo 100% người sử dụng có thể truy nhập với tốc độ trên 1Gb/s, mạng băng thông rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số. 100% người dân trong tỉnh đều được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số tiên tiến với chất lượng cao, giá cước phù hợp. Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung “Ha Long ICT Park” tại Khu du lịch quốc tế Tuần Châu (Thành phố Hạ Long) trở thành “Cảng dữ liệu” và Trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực phía Bắc. ❖

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CÔNG NHÂN Ở KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI HÀ

NGUYỄN KIM ANH

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh*

Hải Hà là huyện miền núi, biên giới, hải đảo, nằm ở phía đông bắc tỉnh Quảng Ninh. Huyện có 17,2km đường biên giới giáp với Trung Quốc, có bờ biển dài 35km và nhiều cửa sông, nằm trong vành đai vịnh Bắc Bộ. Huyện Hải Hà có cửa khẩu Bắc Phong Sinh thông thương với Trung Quốc, ngoài vị trí thuận lợi cho giao thương, huyện Hải Hà có một vị trí then chốt về quốc phòng - an ninh, không chỉ cho tỉnh Quảng Ninh mà còn có ý nghĩa đối với toàn vùng đông bắc nước ta.

### MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CÔNG NHÂN Ở KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI HÀ

Bước vào nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ huyện Hải Hà quyết tâm thực hiện mục tiêu: “Xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, chủ động, sáng tạo, huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Hải Hà trở thành huyện công nghiệp - dịch vụ với hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025”. Hiện nay huyện có khoảng 259 doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong đó có khoảng 170 công ty TNHH, 23 công ty cổ phần, 5 doanh nghiệp tư nhân, 47 hợp tác xã và 14 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Nhìn chung các doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh ổn định, tạo việc làm cho trên 15.000 lao động, trong đó, số lượng công nhân tập trung phần lớn ở Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà với trên dưới 13.000 lao động, trong đó khoảng 5.000 lao động là người địa phương. Đây là khu công nghiệp (KCN) được quy hoạch để phát triển đa ngành. Sự phát triển của KCN cảng biển Hải Hà không chỉ làm chuyên biến về kinh tế mà có tác động

không nhỏ đến phát triển đời sống văn hóa của nhân dân với sự gia tăng lao động từ các tỉnh, huyện khác.

Khu CN Texhong Hải Hà thuộc KCN cảng biển Hải Hà, sau gần 8 năm đầu tư và phát triển trên địa bàn, đã từng bước phát triển và trở thành trung tâm công nghiệp dệt may của tỉnh. Hiện tại, KCN Texhong Hải Hà đã có 19 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký đạt 1,458 tỷ USD; số vốn đã thực hiện là 905 triệu USD; duy trì tạo việc làm cho khoảng 13.200 lao động với thu nhập bình quân từ 8 - 10 triệu đồng. Nhìn chung, các doanh nghiệp cơ bản bảo đảm việc làm cho người lao động (NLĐ), quan tâm hơn đến điều kiện làm việc, công tác an toàn vệ sinh lao động, môi trường làm việc cho NLĐ. Đại bộ phận NLĐ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Chính phủ, của chính quyền các cấp, sẵn sàng chia sẻ khó khăn, gắn bó, đồng hành cùng doanh nghiệp. Tuy nhiên, trình độ, kỹ năng lao động, ý thức tổ chức kỷ luật của một bộ phận NLĐ chưa đáp ứng được yêu cầu; số công nhân lao động phổ thông, chưa qua đào tạo ở các doanh nghiệp trong KCN còn nhiều; ý thức, tác phong công nghiệp của một bộ phận công nhân còn hạn chế; lượng NLĐ ngoại tỉnh nhiều (chiếm 17,2%) và tập trung đông người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa, nhận thức, phong tục tập quán của người lao động khác nhau nên quá trình tuyên truyền về các chính sách pháp luật, vận động tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội còn gặp nhiều khó khăn.

Với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ, huyện xác định cần quan tâm xây dựng đời sống văn hóa cho lực lượng công nhân trên địa bàn. Như chúng ta đã biết, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của công nhân là quá trình trang bị, rèn luyện, bồi dưỡng những phẩm chất và năng lực cần thiết của người công nhân hiện đại nhằm phát huy cao độ tiềm năng và sức mạnh của đội ngũ công nhân - điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Mà đời sống văn hóa là tổng hòa các hoạt động tinh thần đa dạng của con người, chủ yếu trên các lĩnh vực: tư tưởng, đạo đức, lối sống, nghệ thuật, khoa học, giáo dục, thông tin đại chúng, giao lưu văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, cùng nâng cao đời sống vật chất, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của giai cấp công nhân là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thúc đẩy giai cấp công nhân phát triển toàn diện, góp phần nâng cao nhận thức và hành động để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - chính trị của huyện.

Để bảo đảm ổn định, từng bước nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân ở khu công nghiệp trên địa bàn huyện, thứ nhất là, huyện Hải Hà đã chỉ đạo các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật



của Nhà nước về xây dựng giai cấp công nhân và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân, người lao động; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, của toàn xã hội; xác định trách nhiệm, các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để từng bước nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp cảng biển Hải Hà nói riêng và công nhân, người lao động trên địa bàn huyện nói chung.

*Thứ hai là*, đã chỉ đạo các cấp chính quyền và các ngành liên quan tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Đề án “Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020” theo Quyết định số 1780/QĐ-TTg, ngày 12-10-2011 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai Quyết định số 1792/QĐ-TTg, ngày 04-11-2020 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12 -5- 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại khu công nghiệp, khu chế xuất”, trong đó, cần chú ý rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, người lao động cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương; tăng cường huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân, người lao động. Các cấp, các ngành có liên quan cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, vận động xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Tiếp tục duy trì chế độ đối thoại giữa chính quyền với các hiệp hội doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp; duy trì chế độ giao ban định kỳ giữa lãnh đạo huyện với chủ doanh nghiệp nhằm tăng cường sự hiểu biết, hợp tác, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, tạo tiền đề thực hiện quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa cơ quan quản lý nhà nước về lao động với các tổ công tác liên ngành nhằm nắm chắc tình hình của từng doanh nghiệp, sớm phát hiện mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ lao động để có biện pháp giải quyết kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra tranh chấp giữa công nhân, người lao động với các doanh nghiệp dẫn đến tình trạng đình công, lãn công.

*Thứ ba là*, với mục tiêu: “Xây dựng, phát triển huyện Hải Hà gắn với thành phố Móng Cái để hình thành vùng đô thị rộng lớn và trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo tuyến phía Đông của tỉnh theo hướng công nghiệp sạch, xanh, thân thiện với môi trường”: Huyện đã bám sát mục tiêu phát triển nhanh và bền vững các khu kinh tế, khu công nghiệp, tạo động lực thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến chế tạo vào địa bàn; đến nay khu tập trung phát triển trọng tâm, trọng điểm của huyện (chủ yếu là Khu công nghiệp - cảng

biển Hải Hà) đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương đầu tư với diện tích 4.988ha nằm trên địa bàn thị trấn Quảng Hà và xã Quảng Phong, huyện Hải Hà; được quy hoạch để phát triển đa ngành, bao gồm các loại hình công nghiệp nặng (chế tạo máy...), công nghiệp nhẹ (dệt may, phụ trợ dệt may...); khu cảng, kho bãi và dịch vụ cảng biển tổng hợp; định hướng phát triển mang tính linh hoạt, được đầu tư thuận tiện, an toàn cho các nhà đầu tư, hài hòa với các khu vực đô thị lân cận.

*Thứ tư là*, đã triển khai đầu tư các dự án và giải phóng mặt bằng khu hạ tầng LK16 đến LK25, LK32-LK33 thuộc quy hoạch xây dựng khu nhà ở công nhân và khu đô thị phụ trợ phục vụ triển khai đầu tư xây dựng KCN Texhong Hải Hà giai đoạn I; tiếp tục kêu gọi, thu hút doanh nghiệp triển khai Dự án đầu tư và xây dựng nhà ở cho công nhân và người lao động làm việc tại KCN trên địa bàn huyện Hải Hà nhằm thu hút nguồn lao động chất lượng cao về sinh sống và làm việc. Quan tâm triển khai kế hoạch đào tạo, dạy nghề cho lao động khu vực nông thôn; triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; năm 2022, đã tổ chức 04 lớp dạy nghề phi nông nghiệp cho 112 lao động, đạt 106,66% kế hoạch, đạt 109,8% so với cùng kỳ; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 82,72%, đạt 100,9% kế hoạch, bằng 116,3% so với cùng kỳ, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 48,32% đạt 100,67% kế hoạch, đạt 105,04% so với cùng kỳ; Tạo việc làm tăng thêm cho 601 lao động, đạt 100,17% kế hoạch năm.

*Thứ năm là*, đại bộ phận công nhân tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có ý thức về giá trị của bản thân trong lao động, có nếp sống văn hóa lành mạnh; tác phong công nghiệp dần hình thành, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường; người lao động quen dần với môi trường sản xuất dây chuyền công nghiệp, rèn luyện ý thức kỷ luật, chấp hành nội quy, quy tắc sản xuất, bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động. Nhiều sáng kiến của công nhân có giá trị cao được áp dụng hằng năm, làm lợi cho doanh nghiệp hàng trăm triệu đồng, như ở Công ty TNHH Dệt may Bắc Giang Việt Nam, công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật Ngân Hà, Công ty TNHH Dệt Hằng Luân Việt Nam, Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt Việt Nam...;

Đặc biệt là, ngày 29-10-2022, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hà đã tổ chức Lễ công bố quyết định thành lập Đảng bộ cơ sở Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà trực thuộc Đảng bộ huyện, gồm 4 chi bộ và 55 đảng viên, là những hạt nhân nòng cốt trong chỉ đạo, lãnh đạo các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cho CNLĐ tại khu công nghiệp. Đây cũng là Đảng bộ đầu tiên được thành lập tại doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước với 100% vốn đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

*Tuy nhiên*, công tác xây dựng đời sống văn hóa cho công nhân tại các KCN vẫn còn không ít hạn chế, bất cập. Qua thực tiễn cho thấy, đời sống vật chất của công nhân còn nhiều khó khăn, tác động cản trở công nhân lao động tham gia xây dựng đời sống văn hóa. Trình độ văn hóa, chuyên môn, tư tưởng, nếp sống và tác phong lao động của công nhân còn nhiều hạn chế. Nhu cầu và mức hưởng thụ về văn hóa của công nhân còn nghèo nàn. Một số doanh nghiệp có tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao nhưng phần lớn mang tính “mùa vụ”, đơn điệu, người công nhân hưởng thụ một cách thụ động chứ chưa được phát huy khả năng sáng tạo văn hóa trong không gian sống của mình, thậm chí một bộ phận, do hạn chế về thu nhập nên chưa có điều kiện chú trọng đời sống tinh thần. Cuộc sống công nhân bên ngoài “hàng rào” doanh nghiệp cũng chưa được chăm lo, gặp rất nhiều thiếu thốn từ nơi ở, điều kiện sinh hoạt. Mặt khác, do sống khép kín trong phòng trọ, lệ thuộc những hình thức giải trí đơn thuần như dùng điện thoại nghe nhạc, nhắn tin... nhiều công nhân rơi vào tình trạng thiếu thông tin chính thống, nhận thức xã hội hạn chế. Trong khi đó, đa phần công nhân lao động có độ tuổi trẻ, nhu cầu thụ hưởng văn hóa, vui chơi, giải trí cao. Dành nhiều thời gian giải trí trên mạng, nhiều công nhân lao động đã bị vướng vào những vụ lừa đảo, tin dụng “đen”, vi phạm pháp luật hay phổ biến nhất là tình trạng bình luận, chia sẻ những thông tin sai trái, độc hại.

*Với mục tiêu chung*, xây dựng đời sống văn hóa của công nhân ở khu công nghiệp gắn với xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên, chất lượng, hiệu quả; xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; xây dựng đội ngũ công nhân có nếp sống văn hóa lành mạnh, có tác phong làm việc công nghiệp, năng suất, chất lượng và hiệu quả; từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của công nhân, góp phần xây dựng các doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững. Theo đó, đến năm 2025: cơ cấu kinh tế công nghiệp chiếm 60% - 62%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp đạt 50%; phần đầu 100% công nhân và người sử dụng lao động ở KCN được phổ biến pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa; trên 80% công nhân ở các KCN tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao; 80% “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CÔNG NHÂN Ở KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TRONG THỜI GIAN TỚI**

Để đạt được những mục tiêu đã đề ra, trong thời gian tới, huyện Hải Hà đề xuất thực hiện một số giải pháp sau:

*Trước hết là, nâng cao nhận thức về công tác xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.*

Xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, là trách nhiệm của Đảng, của cả hệ thống chính trị, tổ chức công đoàn, của doanh nhân và công nhân lao động; Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Liên đoàn Lao động huyện và các phòng, ban huyện có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan: Trung tâm truyền thông và văn hóa, phòng văn hóa thông tin, hội văn học nghệ thuật huyện nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm trong việc thông tin, truyền bá các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống, tinh hoa văn hóa nhân loại đến với công nhân lao động; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, kịp thời ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại, thông tin sai trái tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của công nhân lao động; triển khai cuộc vận động sáng tác văn học, sáng tác ca khúc về giai cấp công nhân, về đảng và tổ chức công đoàn.

*Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp hành động của các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp và các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.*

Các cấp ủy, tổ chức đảng đưa nhiệm vụ xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động vào nghị quyết của cấp ủy; lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội có kế hoạch thực hiện cụ thể. Đồng thời làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, đưa kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ở mỗi cấp vào tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức Đảng và đảng viên.

Thực hiện rà soát và ban hành mới các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích xã hội hóa việc đầu tư, tài trợ, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi, nhà ở, nhà trẻ, trường học, khu vui chơi giải trí và các điều kiện sinh hoạt cho công nhân lao động.

*Ba là, tăng cường sự hợp tác, đoàn kết cùng có lợi giữa chủ doanh nghiệp, doanh nhân với công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Các doanh nghiệp phải chủ động tuyên truyền, vận động và tạo mọi điều kiện thuận lợi để công nhân lao động có thời gian tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí. Đề cao đạo đức, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, doanh nhân, trách

nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc ủng hộ, tài trợ, đầu tư các thiết chế văn hóa cơ sở để nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân lao động.

Các cấp ủy đảng, Liên đoàn lao động huyện Hải Hà và Huyện đoàn Hải Hà tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên tại doanh nghiệp đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, giới thiệu và phát triển đảng trong công nhân lao động.

Các cấp, các ngành, đoàn thể phải chú trọng tuyên truyền để người sử dụng lao động nước ngoài hiểu được văn hóa Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng; công nhân lao động hiểu được văn hóa của người sử dụng lao động nước ngoài nhằm chia sẻ, giúp đỡ, gắn bó và xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả trong công tác xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động. Hằng năm, bình chọn, tôn vinh “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”, giải thưởng “Doanh nghiệp vì người lao động”, “Doanh nhân văn hóa tiêu biểu”...

*Bốn là, đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn.*

Liên đoàn Lao động huyện có trách nhiệm tham mưu cho Thường trực Huyện ủy xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cấp, ngành có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả việc xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa công nhân, trong đó: Tập trung các hoạt động hướng về cơ sở, thường xuyên phát động và triển khai có hiệu quả “Tháng công nhân”, phát động phong trào “Công nhân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Tăng cường các hoạt động liên hoan, hội thi, hội thao, gặp gỡ, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cho cán bộ công đoàn cơ sở và công nhân lao động tiêu biểu; tăng cường giáo dục về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa, kỷ luật lao động và tác phong lao động công nghiệp; đẩy mạnh học tập, nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, hiểu biết pháp luật cho công nhân lao động. ❖

## PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIÊN YÊN

NGUYỄN CHÍ THÀNH

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh*

Tiên Yên là huyện miền núi, nằm ở trung tâm khu vực miền Đông của tỉnh Quảng Ninh, diện tích tự nhiên là 651,7 km<sup>2</sup>, gồm 10 xã và 1 thị trấn. Dân số trên 54.000 người, trong đó người dân tộc thiểu số chiếm trên 52%. Đảng bộ huyện Tiên Yên có 31 chi, đảng bộ cơ sở với 2.910 đảng viên. Là huyện miền núi nằm ở trung tâm của vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, Tiên Yên có vị trí chiến lược, xung yếu về quân sự quan trọng đối với vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Huyện có bề dày về truyền thống lịch sử, văn hóa, có nhiều phong cảnh thiên nhiên đặc sắc đã tạo cho Tiên Yên có nét riêng, đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chương trình của Chính phủ trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, đặc biệt là những nội dung quan trọng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; những nội dung, quan điểm chủ yếu của Hội nghị Văn hóa toàn quốc (tháng 11/2021) và một trong ba khâu đột phá mà Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định: Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh, Huyện Tiên Yên đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn nghệ; các chương trình, kế hoạch, đề án của tỉnh về phát triển văn hóa, văn nghệ trên địa bàn huyện Tiên Yên. Đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn; tuyên truyền, lan tỏa nội dung bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa; qua đó nâng

cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt của văn hóa - văn nghệ, đề cao nghĩa vụ và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ, các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa con người Tiên Yên, Quảng Ninh, con người Việt Nam thời đại mới và nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tiên Yên lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: xây dựng Tiên Yên trở thành trung tâm văn hóa giàu bản sắc các dân tộc vùng Đông Bắc. Trên cơ sở đó huyện đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/HU, ngày 09/5/2022 về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa huyện Tiên Yên giai đoạn 2022 - 2025; 06 đề án, như: Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa huyện Tiên Yên giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao Thanh phán gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Pạc Sủi, xã Yên Than đến năm 2025, định hướng 2030; xây dựng Làng văn hóa dân tộc Tày thôn Đồng Đình, xã Phong Dụ; xây dựng Chợ phiên văn hóa vùng cao xã Hà Lâu; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Sán Dìu huyện Tiên Yên; phát triển phố đi bộ Tiên Yên.

Hoàn thành xuất bản cuốn sách “Di sản văn hóa Tiên Yên”; “Biên trời Đông Bắc”; “Tiên Yên Ngã ba Vùng Đông Bắc”; “Tiên Yên Miền khát vọng” và ấn phẩm “Tiên Yên - Nơi bình minh thức giấc”. Tổ chức 02 cuộc Hội thảo khoa học: (1) Nhận diện phát huy giá trị di tích lịch sử Khe Tù. (2) Thân thể và sự nghiệp Đức ông Hoàng Cầm; in 3.000 cuốn cẩm nang du lịch Tiên Yên; triển khai kiểm kê, rà soát di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh huyện Tiên Yên năm 2020; toàn huyện đã có 6 di tích được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh và 15 di tích trong danh mục kiểm kê, phân loại của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hoàn thành 4 tập tài liệu giáo dục truyền thống và lịch sử huyện Tiên Yên trong các trường học (Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trung tâm Chính trị huyện).

Tổ chức thường niên các lễ hội: Lễ hội văn hóa thể thao dân tộc Sán Chỉ, mùa vàng miền Soóng Cọ, Lễ hội Đền Đức ông Hoàng Cầm - Ngày hội văn hóa thể thao dân tộc Sán Dìu; Lễ hội Chợ phiên Hà Lâu - Ngày hội văn hóa thể thao dân tộc Dao, các hoạt động phố đi bộ được khôi phục. Lễ hội Đồng Đình - Ngày hội văn hóa thể thao dân tộc Tày. Lễ hội Đua thuyền truyền thống xã Đồng Rui. Trong các lễ hội, huyện đã chú trọng định hướng bảo tồn và phát triển những bản sắc văn hóa đặc trưng, tiến bộ của các dân tộc như Lễ hội Lòong Tồng của dân tộc Tày, Lễ Cấp sắc của dân tộc Dao, Lễ Cầu mùa của dân tộc Sán chỉ, Lễ Đại Phan của dân tộc Sán Dìu cùng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mang đậm bản sắc truyền thống của các dân tộc thiểu số, như Hát soóng cọ, hát then,

hát đối, kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ, ném còn, đi cà kheo... Ngoài ra huyện còn tổ chức các hoạt động gắn với Tuần văn hóa thể thao dân tộc vùng Đông Bắc (tổ chức 2 năm/lần) như: Lễ hội đường phố Tiên Yên; Hội thi Vua gà; Lễ hội ẩm thực gà Tiên Yên.

Quan tâm cùng cố hoạt động của các câu lạc bộ (CLB) dân ca dân tộc thiểu số mang bản sắc văn hóa dân tộc, như hát then tại xã Hà Lâu, Điền Xá, Phong Dụ; CLB hát Soóng cọ tại xã Đại Dực; CLB hát đối dân tộc Dao tại xã Đông Ngũ, Yên Than, Hải Lạng và CLB văn nghệ dân gian các dân tộc thiểu số tại Trường phổ thông Dân tộc Nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tiên Yên gắn với hoạt động hè. Duy trì hoạt động của chi hội văn nghệ dân gian với nhiệm vụ bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc góp phần giữ gìn, phát huy và kế thừa những tinh hoa văn hóa của các dân tộc trên địa bàn huyện, phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian tại địa phương, bước đầu đã có sự quan tâm tới các nghệ nhân, tôn vinh và động viên những nghệ nhân đã có đóng góp quan trọng trong việc lưu truyền tiếng nói, chữ viết, làn điệu, lời ca, tiếng hát của các dân tộc cho thế hệ trẻ.

Đến nay, huyện đã có 4 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu Nghệ nhân ưu tú và 1 nghệ nhân dân gian được Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam phong tặng Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân dân gian<sup>(1)</sup>. Huyện đã tổ chức được 11 trại sáng tác văn học nghệ thuật cấp xã để các văn nghệ sĩ có dịp thâm nhập, tìm hiểu sâu sắc thực tế địa phương, từ đó đã góp phần phản ánh chân thực nhiều sự kiện chính trị, văn hóa xã hội quan trọng của huyện, tỉnh, của đất nước, cổ vũ, tuyên truyền phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới và nâng cấp đô thị. Đến nay, toàn huyện có gần 200 tác phẩm thơ, văn; trên 1.000 tác phẩm ảnh; trên 200 ca khúc về Tiên Yên.

Xây dựng và duy trì Phố đi bộ Tiên Yên với chủ đề “Hòn xưa, nét cũ, Tiên Yên phố” từ 2017 với điểm nổi bật là toàn bộ các chương trình văn nghệ do 35 câu lạc bộ văn nghệ tự nguyện biểu diễn miễn phí theo lịch đăng ký trước. Năm 2018 Phố đi bộ đã được tỉnh Quảng Ninh công nhận là điểm du lịch, mỗi năm phố đi bộ Tiên Yên thu hút từ 90.000 - 100.000 lượt khách đến thăm quan, trải nghiệm. Trong 05 năm, toàn huyện đã tổ chức được trên 600 chương trình văn nghệ, tổ chức và tham gia hàng trăm giải thể thao các cấp gắn với các sự kiện tiêu biểu của đất nước, địa phương, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao sôi nổi, rộng khắp trên địa bàn huyện đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân trên địa bàn.

(1) ông Chử Siu Lý - dân tộc Dao Thanh Phán, xã Đông Ngũ; bà Nông Thị hang - dân tộc Tày, xã Điền Xá; ông Trần Văn Sọc và ông Lý Minh Sáng - dân tộc Sán Chỉ, xã Đại Dực; Nghệ nhân dân gian: Ông Hoàng Văn Hoa - dân tộc Dao Thanh Y, xã Hải Lạng



Những năm gần đây, Tiên Yên được biết đến là một huyện miền núi có phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp với nhiều nhân tố tích cực. Những hoạt động văn hóa, văn nghệ luôn là món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân. Kết quả từ phong trào không chỉ làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của người dân mà còn giúp bảo tồn, phát triển nhiều bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng con người Quảng Ninh, “năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”. Đồng thời, khẳng định và khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, phát huy những giá trị văn hóa, sức mạnh, tinh thần cống hiến của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, nhất là những người làm công tác văn hóa, đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ trong toàn huyện, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để xây dựng Tiên Yên giàu đẹp, văn minh, hiện đại, tiến tới tái lập Thị xã Tiên Yên trước năm 2027, góp phần tích cực xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Những kết quả trên cho thấy định hướng xây dựng Tiên Yên trở thành trung tâm văn hóa giàu bản sắc các dân tộc vùng Đông Bắc đã được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền từ huyện đến cơ sở, nhiều chủ trương về đào tạo cán bộ, quy hoạch đất đai, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được triển khai, góp phần bảo tồn các di sản văn hóa trên địa bàn huyện. Ý thức trách nhiệm của mỗi người dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa ngày càng tốt hơn, thể hiện ở việc tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, có ý thức bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội được thực hiện một cách thường xuyên, các lễ hội được khôi phục và phát triển. Tiên Yên đã và đang khẳng định vị thế trung tâm văn hóa giàu bản sắc các dân tộc vùng Đông Bắc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động văn hóa, văn nghệ trên địa bàn huyện còn một số hạn chế, bất cập, như hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa ở một số nơi còn thấp, nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa. Chưa khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của văn hóa để đẩy mạnh phát triển du lịch tương xứng. Một số phong trào về văn hóa chưa thu hút, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Việc tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá giá trị văn hóa các dân tộc, tác phẩm văn học, nghệ thuật của các tác giả trong huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng còn ít.

Để văn hóa, văn nghệ thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển, góp phần *xây dựng Tiên Yên trở thành trung tâm văn hóa giàu bản sắc vùng Đông Bắc*. Trong thời gian tới huyện Tiên Yên xác định một số giải pháp cụ thể:

*Một là*, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn hóa, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (tháng 11/2021), trong đó quán triệt, thực hiện nghiêm túc quan điểm “*Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*”; coi trọng việc bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nhất là phát triển du lịch, để văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở nâng cao hơn nữa vai trò, sự chủ động, tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế, giữa bảo tồn, phát huy và phát triển.

*Hai là*, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về văn hóa, văn nghệ; gắn việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, của Bộ Chính trị (khóa XII) về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

*Ba là*, xây dựng và phát triển các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy văn học, nghệ thuật truyền thống của dân tộc; quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa; phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho văn hóa, văn nghệ; có cơ chế thu hút, khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian.

*Bốn là*, tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của hội văn học - nghệ thuật huyện và các chi hội cơ sở; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ văn nghệ sỹ; quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng những người có năng khiếu, tài năng sáng tạo văn học, nghệ thuật; tạo điều kiện cho các văn nghệ sỹ cao tuổi có nhiều kinh nghiệm hướng dẫn, trao truyền cho đội ngũ trẻ kế cận; tổ chức các trại sáng tác, các cuộc thi, hội thảo, triển lãm, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

*Năm là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, định hướng chính trị tư tưởng, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong quá trình tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ;

phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hoạt động sáng tác, truyền bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật có tư tưởng tiêu cực, không lành mạnh, tác động xấu đến xã hội.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11 năm 1946, Bác Hồ chỉ rõ: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Văn hóa chính là hồn cốt của một dân tộc, là nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững đất nước. Trong thời gian tới, huyện Tiên Yên sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt phòng trào văn hóa, văn nghệ gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống, chuyển hóa thành nguồn lực quan trọng, góp phần xây dựng huyện Tiên Yên ngày càng giàu đẹp, văn minh, thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng huyện Tiên Yên trở thành “*Trung tâm văn hóa giàu bản sắc các dân tộc vùng Đông Bắc*”, cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, xây dựng nước ta phát triển nhanh, bền vững, phồn vinh và hạnh phúc. ❖

## **GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG SỞ, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH QUẢNG NINH**

NGUYỄN THỊ VINH

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh*

Trong suốt các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn đề cao vai trò quan trọng của văn hóa, coi đó là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Việc chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, văn hóa trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể được Đảng ta xác định là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, trong đó trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, có trách nhiệm với nhân dân và xã hội.

### **KẾT QUẢ ĐÁNG GHI NHẬN TRONG XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG SỞ, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP THỜI GIAN QUA**

Hệ thống chính trị của Đảng được tổ chức chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương, là hệ thống trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và bảo đảm cho đường lối, chính sách, pháp luật đi vào cuộc sống; là cầu nối trực tiếp giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân, thực hiện quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực đời sống xã hội theo quy định của pháp luật. Cốt lõi của văn hóa công sở là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, có ý thức trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; luôn thấu hiểu để tham mưu giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc cho người dân; là xây dựng đoàn kết nội bộ trong từng cơ quan, đơn vị. Chính vì vậy, xây dựng văn hóa công sở sẽ góp phần tạo ra môi trường văn hóa để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức không ngừng học tập, rèn luyện, xứng đáng là những “công bộc” của dân, tôn trọng, phục vụ nhân dân, vì lợi ích

của nhân dân, tạo nên nét đẹp văn hóa của một nền hành chính văn minh, hiện đại, nhất là trong bối cảnh chúng ta đang đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người nói chung, văn hóa công vụ nói riêng, Tỉnh Quảng Ninh luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch chuyên đề về phát triển văn hóa con người, văn hóa công sở để chỉ đạo đến toàn thể các tổ chức đảng, các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị địa phương, cụ thể: Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 09-3-2018, về “xây dựng phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, trong đó có chỉ tiêu 100% các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị xây dựng và thực hiện tốt quy định cụ thể về văn hóa công sở, kỷ luật kỷ cương. Kế hoạch 193-KH/TU ngày 01-6-2018, về triển khai thực hiện Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy cũng xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là chỉ đạo xây dựng bổ sung hoàn thiện các quy định, quy chế về xây dựng nếp sống văn hóa, môi trường văn hóa trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; xây dựng hoàn thiện quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế văn hóa công sở. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2941/QĐ-UBND, ngày 22-7-2018, về kế hoạch thực hiện phong trào thi đua cán bộ, công chức thi đua thực hiện văn hóa công sở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2025; Quyết định số 1310/QĐ-UBND, ngày 20-4-2020, ban hành bộ “Quy tắc ứng xử trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh”

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XV nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ tỉnh xác định một trong nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. *Xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan, tổ chức đảng, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt, có phong cách ứng xử chuẩn mực trong thực thi công vụ.*

Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh hiện có trên 7.500 đảng viên, sinh hoạt tại 82 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, trong đó 62 tổ chức đảng trong các cơ quan, hành chính, đơn vị sự nghiệp; 20 tổ chức đảng trong lĩnh vực doanh nghiệp, là những cơ quan hoạch định và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và những doanh nghiệp có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

Những năm qua, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đã ban hành nhiều văn bản triển khai các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Trung

ương, của tỉnh trong lĩnh vực xây dựng Đảng, lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người. 100% các tổ chức Đảng trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã chỉ đạo và phối hợp với lãnh đạo cơ quan triển khai xây dựng kế hoạch, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 11-NQ/TU, Quyết định số 733/QĐ-TTg, ngày 14-6-2019, của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025, Quy định số 01-QĐ/TU, ngày 16-12-2016, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện văn hóa công sở của cán bộ, công chức, người lao động khối Đảng, đoàn thể tỉnh; Quyết định số 2941-QĐ-UBND ngày 22-7-2019, của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025.

Các tổ chức Đảng, Lãnh đạo cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung và kịp thời ban hành các nội quy cơ quan, quy chế “Văn hóa công sở”, “Văn hóa doanh nghiệp”, các quy định chuẩn mực đạo đức, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động cơ quan; đăng ký thi đua thực hiện phong trào doanh nghiệp giỏi, cơ quan văn hóa, doanh nghiệp cam kết thực thi văn hóa doanh nghiệp,... nhằm tạo môi trường làm việc văn hóa, đảm bảo hoạt động hiệu quả; xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức.

Các Quy chế văn minh công sở, quy định trong hoạt động của cấp ủy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cơ bản duy trì thực hiện hiệu quả, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính, tác phong công nghiệp, tinh thần làm việc chủ động; thái độ phục vụ, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân nhiều chuyển biến tích cực, dần đi vào nền nếp trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

Phong cách lãnh đạo, tác phong trong điều hành, triển khai, tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng và các tổ chức đoàn thể được nâng lên, nhận thức và hành động cụ thể của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong toàn Đảng bộ Khối có chuyển biến tích cực. Tính năng động và tích cực, sáng tạo từng bước được phát huy, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích. Không khí dân chủ đoàn kết trong toàn Đảng bộ ngày càng được nâng cao. Hằng năm trong toàn Đảng bộ Khối đều có 95% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có từ 15% đến 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ, trên 50% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu “Cơ quan văn hóa”, “Doanh nghiệp giỏi”. Nhiều cơ quan, đơn vị được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; được Chính phủ, Bộ, Ngành, đoàn thể Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tặng cờ dẫn đầu thi đua...

## NHỮNG MẶT CÒN TỒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt, sâu sát; chưa cụ thể hóa và xây dựng các chuẩn mực văn hóa cán bộ, công chức, người lao động riêng phù hợp với đặc thù và yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của mỗi ngành, cơ quan, đơn vị. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa cho cán bộ, đảng viên CCVC-LĐ ở một số đơn vị chưa được tiến hành thường xuyên, sâu rộng, hình thức tuyên truyền chưa được phong phú, hiệu quả chưa cao. Công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề thực hiện văn hóa công sở tại các tổ chức Đảng còn hạn chế, không thường xuyên.

Một số cán bộ, đảng viên công chức, viên chức chưa xác định đúng mức tầm quan trọng của việc xây dựng phát triển văn hóa, con người, văn hóa trong Đảng, trong cơ quan, tác phong làm việc chưa đổi mới, ý thức trách nhiệm trong công việc chưa cao, cá biệt có cán bộ đảng viên vi phạm pháp luật... làm giảm niềm tin của nhân dân với Đảng, cơ quan nhà nước.

Để văn hóa công sở thực sự trở thành giá trị tinh thần, động lực, nguồn lực phát triển bền vững của mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, đáp ứng sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới của tỉnh Quảng Ninh, tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể:

*Một là*, tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy Đảng trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm, nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa, con người đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X), Nghị quyết số 33-NQ/TW, Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ninh về xây dựng phát triển văn hóa con người Quảng Ninh đáp ứng sự phát triển bền vững. Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” và “Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ”; Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư “về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”; Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30-10-2016, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23-9-2019, của Bộ Chính trị khóa XII, về “Việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền” trong các cơ quan hành chính nhà nước. Quy

định số 85-QĐ/TW ngày 07/10/2022 của Ban Bí thư về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên internet, mạng xã hội”; nội dung Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021. Coi đây là giá trị nền tảng, cốt lõi định hướng trong tuyên truyền, giáo dục, xây dựng các quy tắc, chuẩn mực văn hóa công sở, văn hóa cán bộ, công chức, người lao động trong mỗi cơ quan, đơn vị doanh nghiệp.

*Hai là*, các cấp ủy Đảng lãnh đạo, phối hợp với lãnh đạo cơ quan tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 733/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hưởng ứng phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025. Xác định việc xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa trở thành một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng hằng năm. Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị nhằm tạo cơ sở pháp lý ngăn ngừa một cách bài bản những vi phạm về văn hóa công vụ. Xây dựng bộ quy tắc, cụ thể hóa các chuẩn mực về đạo đức, văn hóa, lễ lối, tác phong làm việc, kỹ năng nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc thù của mỗi cơ quan, đơn vị tạo môi trường làm việc văn hóa, văn minh, chuyên nghiệp, hiệu quả, gắn kết, trách nhiệm, phát triển. Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan, thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn, đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, phát huy cao độ nguồn lực, sức mạnh của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong xây dựng cơ quan, tổ chức.

*Ba là*, tuyên truyền, quán triệt nhằm nâng cao nhận thức tạo chuyển biến mạnh mẽ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, CCVC, người lao động về văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, về tinh thần, thái độ làm việc, các chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, đạo đức, lối sống, gắn với thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” nói chung và phong trào xây dựng “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” nói riêng; nhằm tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có kỷ cương, trách nhiệm, trung thành, tận tụy, gương mẫu, sáng tạo, hiệu quả, chuyên nghiệp, thân thiện. Thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”. Thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình, lắng nghe ý kiến, chia sẻ, tâm tư nguyện vọng của của cán bộ, đảng viên, CCVC, người lao động, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết các vấn đề từ sớm, từ xa, từ trong nội bộ từng cơ quan để mỗi cán bộ, viên chức xem cơ quan, doanh nghiệp là “ngôi nhà thứ 2” của mình, đoàn kết, gắn bó, chung sức, đồng lòng vì sự phát triển chung của mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh.



*Bốn là*, tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; bồi dưỡng về truyền thống văn hóa, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đề cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có uy tín, có chuyên môn giỏi, thông thạo nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý chí và khát vọng vươn lên; có tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn; tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Đề cao tinh thần tự học trong đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, người lao động; động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ trong đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập.

*Năm là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn hóa công vụ theo chương trình, kế hoạch hàng năm xử lý kịp thời, nghiêm minh những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức, lối sống, những hành vi lệch chuẩn, vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ và trong sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức. Nhân rộng và kịp thời biểu dương, khen thưởng những điển hình, tấm gương về người tốt, việc tốt trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, có thành tích, gương mẫu trong thực hiện văn hóa công vụ.

*Sáu là*, chỉ đạo các đoàn thể trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tăng cường hướng dẫn, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh, thực hiện văn hóa công sở; Đổi mới mới hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên, tạo môi trường cho thế hệ trẻ học tập, nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử, ngoại ngữ, tin học, năng lực cảm thụ thẩm mỹ. Phát huy vai trò của Hội CCB trong tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc, lòng yêu nước.. cho cán bộ, công chức, thế hệ trẻ. Tổ chức Công đoàn tích cực đẩy mạnh triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức các phong trào thi đua cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, nhân rộng các mô hình tiêu biểu và cách làm hay trong thực thi công vụ và xây dựng văn hóa công vụ; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức giao lưu, chia sẻ những giải pháp, cách làm hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ. ❖

## DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN GIAO LƯU VĂN HÓA GIỮA THÀNH PHỐ MÓNG CÁI (VIỆT NAM) VỚI THÀNH PHỐ ĐÔNG HƯNG (TRUNG QUỐC)

HOÀNG BÁ NAM

*Tỉnh ủy viên, Bí thư Thành ủy Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh*

Trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay từ năm 1943, giữa bộn bề khó khăn, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp, thông qua Đề cương về văn hóa Việt Nam - văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về văn hóa. Tám mươi năm qua, kế thừa và phát triển sáng tạo những luận điểm, nguyên tắc, vấn đề cốt lõi của bản Đề cương; nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện và sâu sắc, Đảng ta xác định: “Văn hóa còn thì dân tộc còn”, văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước”, trong đó giao lưu văn hóa là một trọng những nhiệm vụ quan trọng của văn hóa, góp phần quảng bá, xây dựng thương hiệu quốc gia, lan tỏa “sức mạnh mềm”, tinh hoa văn hóa Việt Nam đến với bạn bè quốc tế, khai thác tối đa nội lực, khai thông các nguồn lực bên ngoài, tạo thành sức mạnh tổng hợp phát triển đất nước phồn vinh, hưng thịnh, như lời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói: “Đất nước Việt Nam chưa bao giờ có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Nằm ở phía Đông Bắc của Tổ Quốc, Móng Cái là thành phố biên giới, cửa khẩu, đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, có 17 xã, phường (8 phường, 9 xã), trên 12 vạn dân, gồm 6 dân tộc cùng sinh sống; Móng Cái - mảnh đất có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời, 03 lần được phong tặng danh hiệu anh hùng, là địa phương duy nhất trong cả nước có biên giới trên bộ, trên biển với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; là khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm quốc gia, có vị trí đặc biệt, chiến lược, quan trọng về quốc phòng, an ninh; trung tâm phát triển kinh tế quan trọng của Vùng Bắc Bộ, vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ và hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Hà Nội - Hải Phòng - Móng Cái - Phòng Thành (Trung Quốc).

Quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của đảng phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng đảng là then chốt; văn hóa là nền tảng tinh thần, quốc phòng an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; hiểu rõ, nắm chắc, vận dụng nhuần nhuyễn bài học “đi bất biến, ứng vạn biến”, “giữ hòa khí trong âm, ngoài êm, giữ ổn định để phát triển”; phát huy những giá trị khác biệt về địa kinh tế, chính trị, thành phố Móng Cái đã nỗ lực thiết lập, duy trì, đưa các hoạt động giao lưu văn hóa với thành phố Đông Hưng (Trung Quốc) đi vào chiều sâu, trở thành “chìa khóa” mở đường, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với phía bạn trên các lĩnh vực, nổi bật là: (1) Triển khai nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Quảng Ninh, Bản ghi nhớ hợp tác hữu nghị giữa Tỉnh ủy các tỉnh Cao Bằng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang (Đảng Cộng sản Việt Nam) và Khu ủy Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Đảng Cộng sản Trung Quốc) hằng năm và giai đoạn 2022 - 2026; ký kết, triển khai thực hiện 3 thỏa thuận thiết lập cơ chế giao lưu hữu nghị chiến lược và 20 văn bản hợp tác trên các lĩnh vực (y tế, văn hóa, du lịch, thương mại...) tạo “niềm tin chiến lược” trong quan hệ hợp tác song phương; (2) Thường xuyên tổ chức gặp mặt, hội đàm, hội thảo thông tin các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của hai nhà nước về công tác đối ngoại; quảng bá hình ảnh, các thành tựu kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế, chính sách thu hút đầu tư; trao đổi thống nhất các vấn đề cùng quan tâm trên tinh thần cởi mở, bình đẳng vì nhân dân, sự phát triển chung; duy trì gửi điện mừng, cử đoàn đại biểu sang thăm hỏi, chúc mừng nhân dịp lễ, tết, hàng năm, ngày truyền thống, thành lập Đảng, Quốc khánh gắn với các hoạt động thăm thực tế, tọa đàm giao lưu, thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai Thành phố; (3) Thiết lập, duy trì luân phiên các hoạt động giao lưu văn hóa đặc sắc ở khu vực biên giới, hai bên đã tổ chức 30 giải giao hữu bóng đá (Tết Nguyên tiêu), nhiều giải thể thao tennis, golf, đua xe đạp..., liên hoan hát đối trên sông giữa thanh niên hai nước, Hội chợ Thương mại - Du lịch quốc tế Việt - Trung; hơn 10 cuộc xúc tiến, quảng bá, hội thảo, hợp tác phát triển du lịch, thực hiện “Tour” 2 quốc gia, 4 điểm đến (Hà Long - Móng Cái - Đông Hưng - Quế Lâm), 2 quốc gia, 5 thành phố (Hà Long - Móng Cái - Đông Hưng - Quế Lâm - Mãn Châu Lý) gắn với các sản phẩm du lịch độc đáo (xe tự lái qua biên giới, ẩm thực Việt - Trung, đón và chúc mừng đoàn khách du lịch đầu tiên xông đất Việt Nam, chào mừng du khách thứ 1 triệu đến tham quan Thành phố, lắp đặt biển quảng bá du lịch tại Móng Cái - Đông Hưng,...), khách du lịch Trung Quốc đến thành phố đạt bình quân trên 1,2 triệu lượt khách/năm; hợp tác phát triển kinh tế đạt kết quả tốt, từ năm 2005 đến nay đã thu hút 10 tập đoàn, công ty lớn của Trung Quốc (Texhong, LiLai, Hồng Hải, Hồng Vận...) đầu tư tại thành phố với tổng vốn trên 1 tỷ USD; thu hút gần 600 công dân thành phố Đông Hưng sang kinh doanh tại chợ Móng Cái; tổng kim ngạch XNK hai thành phố đạt bình quân trên 5 tỷ USD/năm, tăng bình quân 20%/năm; kịp thời giải quyết tốt các vướng mắc phát sinh, nhất là liên quan đến các công trình biên giới, hỗ trợ trong các tình huống cấp thiết

(phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phòng, chống dịch bệnh...), xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển; (4) Các cơ quan, đơn vị chuyên môn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố thường xuyên gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm trên các lĩnh vực với các đơn vị tương đồng của thành phố Đông Hưng; mô hình kết nghĩa “đồn - đồn”, “trạm - trạm” giữa các lực lượng biên phòng, hải quan tạo cơ chế giao lưu, hỗ trợ nghiệp vụ chuyên môn trong đấu tranh phòng chống hoạt động xuất - nhập cảnh trái phép, buôn bán phụ nữ trẻ em, đặc biệt là tội phạm ma túy, tội phạm xuyên quốc gia; mô hình kết nghĩa cấp xã (phường Trần Phú - Trần Đông Hưng), cấp thôn, khu (khu Trảng Vĩ - Trà Cổ và thôn Vạn Vĩ - Giang Bình; thôn Pò Hèn, Hải Sơn với thôn Thán Sắn, Na Lương) là minh chứng sinh động cho hiệu quả thực chất trong ngoại giao nhân dân vùng biên giới; (5) Triển khai cuộc vận động người Móng Cái thân thiện - hiếu khách gắn với nụ cười Hạ Long, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác văn hóa, đối ngoại (với trên 300 lượt cán bộ được tham gia các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo giao tiếp tiếng Trung cơ bản, nâng cao); tập trung nguồn lực đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; hoàn thiện các hồ sơ khởi công đầu tư xây dựng, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đình Trà Cổ, đền Xã Tắc và khu di tích lịch sử Pò Hèn, các di tích lịch sử cấp tỉnh, xây dựng nhà văn hóa thôn khu, thực hiện cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng hình ảnh Thành phố “xanh, vì hòa bình”, “nơi đáng đến và đáng sống”.

Trong những ngày khó khăn nhất phòng, chống dịch COVID-19 từ năm 2019 đến hết năm 2022, thành phố đã chủ động, linh hoạt chuyển các hoạt động đối ngoại từ trực tiếp sang trực tuyến với hình thức hội đàm, điện đàm, gửi thư trao đổi với phía bạn hợp tác phòng chống dịch, thiết lập “vùng xanh an toàn” phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Từ ngày 8-1-2023, hoạt động thông quan hai nước dần trở lại bình thường, hai thành phố đã thúc đẩy, tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác trực tiếp (ký kết chương trình hợp tác hai địa phương; giao lưu bóng đá Tết Nguyên tiêu; tham dự, chúc mừng kỷ niệm ngày thành lập Đảng, khảo sát, xúc tiến hợp tác trên các lĩnh vực tại Móng Cái và Đông Hưng), hoạt động xuất nhập cảnh, du lịch qua biên giới có tín hiệu tốt, từ ngày 15-3-2023 đến nay đạt bình quân trên 6.000 lượt người xuất - nhập cảnh/ngày.

Thông qua hoạt động giao lưu văn hóa, gia tăng sự thấu hiểu, tạo tiền đề xây dựng và củng cố niềm tin, tăng cường quan hệ hữu nghị, truyền thống trên tất cả các lĩnh vực với phía Đông Hưng (Trung Quốc), trở thành hình mẫu về mối quan hệ hợp tác song phương vùng biên giới; góp phần quan trọng huy động nguồn lực tổng hợp phát triển Thành phố, từ huyện nghèo, đến nay Móng Cái đã vươn lên là đô thị loại II, tự cân đối ngân sách, tăng trưởng khá, bình quân đạt trên 15%/năm; hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới, không còn hộ nghèo; GRDP bình quân đầu người đạt 7.500 USD/người/năm, tăng gấp 2,5

lần so với năm 2013; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững.

Năm 2023 và những năm tới, Móng Cái có nhiều thời cơ, thuận lợi mới để phát triển bứt phá - nhất là khí thế thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh (30-10-1963 - 30-10-2023); tuyến đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đã và đang đóng vai trò kiến tạo, là “chìa khóa” mở ra dư địa lớn, tạo động lực thúc đẩy thành phố và vùng miền Đông của tỉnh phát triển bền vững trong tương lai... Song, bên cạnh đó cũng đặt ra cho Móng Cái không ít khó khăn và thách thức trong hoạt động giao lưu văn hóa từ tình hình thế giới, khu vực, dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến khó lường; cơ chế, chính sách đối ngoại, biên mậu của phía bạn Trung Quốc, trở ngại từ ngôn ngữ, phong tục văn hóa khác nhau giữa hai địa phương; hoạt động chống phá của thế lực thù địch, công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm (ma túy, công nghệ cao, xuất - nhập cảnh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại,...) tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

Xuất phát từ thực tiễn và xu hướng vận động mới, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác giao lưu văn hóa với thành phố Đông Hưng và các địa phương phía nước bạn (Trung Quốc), thành phố Móng Cái quyết tâm, kiên trì thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

*Một là*, quán triệt nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh Quảng Ninh về ngoại giao văn hóa; tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, thỏa thuận giao lưu hữu nghị đã ký kết với phía bạn theo phương châm “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và tinh thần “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”, chuyển quan hệ hợp tác từ “hiểu biết” sang “tin cậy”, “hợp tác thực chất, cùng có lợi”; nghiên cứu mở rộng việc ký kết thỏa thuận giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực, thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương với thành phố Đông Hưng phát triển lâu dài, lành mạnh, ổn định, lên một tầm cao mới.

*Hai là*, khơi dậy tình yêu, lan tỏa khát vọng đổi mới và phát triển Thành phố, xây dựng hình ảnh công dân Móng Cái “hội nhập và phát triển - công dân quốc tế”, giới thiệu, quảng bá văn hóa, tiềm năng, lợi thế, dư địa phát triển của thành phố Móng Cái đến các địa phương phía bạn, củng cố “niềm tin chiến lược”, phát huy sức mạnh mềm của văn hóa trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực; đồng thời tập trung hoàn thiện các quy hoạch, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án động lực (bến cảng tổng hợp Vạn Ninh, cầu Bắc Luân 3,...), tăng cường liên kết vùng, nội vùng, liên vùng gắn với chuyển đổi số toàn diện, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút hiệu quả nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước phát triển kinh tế - xã hội Thành phố xứng tầm, đối trọng với phía Đông Hưng.

*Ba là*, duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động giao lưu văn hóa “truyền thống đặc sắc” hai bên biên giới (hát đối trên sông, hội chợ Việt - Trung, giao hữu bóng đá dịp tết nguyên tiêu, các sản phẩm du lịch độc đáo xuyên quốc gia,...); nghiên cứu, triển khai các hoạt động văn hóa đa dạng, phát triển sản phẩm du lịch đặc sắc Móng Cái với 5 nhóm sản phẩm đặc thù: xe tự lái qua biên giới, du lịch xuyên quốc gia, giải trí cao cấp, dịch vụ cao cấp, ẩm thực độc đáo Việt - Trung; đề xuất thí điểm triển khai dự án tuyến du lịch sông biên giới, xây dựng cầu kính trên sông Bắc Luân. Tăng cường hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị của các ban xây dựng Đảng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân địa phương hai bên biên giới; thực hiện hiệu quả thỏa thuận “chung tay kết nghĩa Đồn - Trạm hữu nghị, cùng nhau xây dựng biên giới bình yên”, mở rộng và nâng cao mô hình kết nghĩa “bản - bản”, “đồn - trạm”.

*Bốn là*, đẩy mạnh kết nối, thúc đẩy xúc tiến du lịch - đầu tư, đổi mới sáng tạo, hợp tác bồi dưỡng cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực, xuất khẩu lao động, lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh và tác động của các yếu tố phi truyền thống; phối hợp thúc đẩy lắp đặt phòng thí nghiệm của Tập đoàn Kiểm nghiệm, kiểm dịch Trung Hoa chi nhánh Quảng Tây tại lối mở Km3+4 Hải Yên; xây dựng cầu sắt thô sơ tại lối mở Km3+4 Hải Yên/cặp chợ biên mậu Đông Hưng,...; quyết tâm, kiên trì phối hợp đề xuất với chính phủ hai nước xây dựng và triển khai Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai khu hợp tác kinh tế qua biên giới tại Móng Cái - Quảng Ninh (Việt Nam) và Đông Hưng - Quảng Tây (Trung Quốc).

*Năm là*, kiện toàn, củng cố đội ngũ cán bộ, lực lượng làm công tác đối ngoại nhân dân có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững nghiệp vụ đối ngoại, giỏi ngoại ngữ, tự tin, vững vàng, kiên định và mưu lược, đáp ứng yêu cầu công tác đối ngoại trong giai đoạn mới. Tiếp tục quan tâm làm tốt công tác người Việt Nam, nhất là người Móng Cái đang sinh sống, học tập ở nước ngoài, vận động kiều bào phát huy tinh thần yêu nước, hướng về xây dựng quê hương, tạo “cầu nối” phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác của thành phố với nhân dân địa phương phía bạn, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kế thừa, phát huy kết quả đạt được trong quan hệ hợp tác song phương, với các giải pháp đồng bộ, linh hoạt, mềm dẻo, “ngoại giao cây tre Việt Nam”, Thành phố Móng Cái tin tưởng hoạt động giao lưu văn hóa với thành phố Đông Hưng sẽ tiếp tục có bước phát triển lên một tầm cao mới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, hiện thực hóa khát vọng “Xây dựng thành phố Móng Cái phát triển nhanh, bền vững; là khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện”, trở thành đô thị loại 1 trước năm 2030. ❖

## **XÂY DỰNG QUẢNG NINH THÀNH TỈNH KIỂU MẪU, GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, CỰC TĂNG TRƯỞNG KHU VỰC PHÍA BẮC**

**ĐẶNG MINH PHỤNG**

*TS, Học viện Chính trị Khu vực I*

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, nhân dân hạnh phúc được Đại hội XIII của Đảng đặt ra trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen. Để đạt được mục tiêu lớn lao đó đòi hỏi sự nỗ lực, phấn đấu rất lớn của cả dân tộc. Với khát vọng vươn lên tầm cao mới, góp phần xây dựng đất nước phát triển phồn vinh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV (tháng 9-2020) đã đề ra: Đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. Đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế; một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, có sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh. Mục tiêu trên một lần nữa tiếp tục được nhấn mạnh trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-2-2023, khẳng định đưa Quảng Ninh trở thành tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

## **NHỮNG THÀNH TỰU CỦA TỈNH QUẢNG NINH TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG TRỞ THÀNH TỈNH KIỂU MẪU, GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, CỰC TĂNG TRƯỞNG PHÍA BẮC**

Với sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị, sự nỗ lực vượt bậc của các cấp, ngành, sự đoàn kết đồng lòng của nhân dân, thời gian qua tỉnh Quảng Ninh đã đạt được những kết quả quan trọng:

*Thứ nhất*, kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn duy trì ở mức cao hơn so với bình quân của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2005 - 2020 đạt 10,12%/năm. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, song tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ninh vẫn duy trì ở mức 2 con số, năm 2020, tốc độ tăng trưởng đạt 10,05%, đứng thứ 2 vùng Đồng bằng sông Hồng, năm 2021 đạt 10,28% (đứng thứ 2 cả nước, sau Hải Phòng). Quy mô của nền kinh tế tăng nhanh, đến năm 2021 GRDP đạt 238.186 tỷ đồng, gấp 19 lần so với năm 2005 (12.633 tỷ đồng), đứng thứ 3 vùng đồng bằng sông Hồng (sau Hà Nội, Hải Phòng) và đóng góp 9,3% vào tổng quy mô nền kinh tế của Vùng.

*Thứ hai*, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, dịch vụ, du lịch, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục,... có bước phát triển đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại. Quảng Ninh đi đầu trong việc thực hiện thành công phương thức huy động nguồn lực đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”. Từ đó đã huy động được nguồn lực lớn từ các thành phần kinh tế, trở thành giải pháp đột phá để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Quảng Ninh là địa phương duy nhất trong cả nước huy động tư nhân đầu tư xây dựng cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, cảng tàu khách quốc tế Hòn Gai, đường cao tốc thúc đẩy liên kết vùng và hợp tác quốc tế. Tỉnh đã hoàn thiện hệ thống đường cao tốc chạy dọc tỉnh dài 176km (chiếm 16,83% tổng chiều dài đường cao tốc của cả nước), kết nối với 2 loại hình giao thông quan trọng là cảng tàu khách quốc tế Hạ Long và cảng hàng không quốc tế Vân Đồn. Trục cao tốc của Quảng Ninh đã kết nối 3 cửa khẩu quốc tế quan trọng nhất khu vực phía Bắc là Lào Cai, Hữu Nghị (Lạng Sơn) và Móng Cái (Quảng Ninh), với tuyến đường cao tốc kết nối liên vùng dài nhất Việt Nam (tổng cộng 571,5km) gồm: Hà Nội - Lào Cai; Hà Nội - Hải Phòng; Hải Phòng - Hạ Long; Hạ Long - Móng Cái. Tuyến đường đã đưa Quảng Ninh ngày càng trở thành điểm trung chuyển chiến lược trong khu vực Đông Á - Đông Nam Á, ASEAN - Trung Quốc, Khu vực hợp tác “hai hành lang một vành đai kinh tế” Việt - Trung, hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy liên kết vùng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng. Ngoài ra, Quảng Ninh cũng đang phát triển các tổ hợp



cảng biển - khu công nghiệp với 2 dự án quan trọng là Khu công nghiệp Bắc Tiền Phong và Khu công nghiệp Nam Tiền Phong (DEEP C Quảng Ninh) tại Khu kinh tế ven biển Quảng Yên. Các cảng biển xây dựng trong DEEP C Quảng Ninh sẽ kết nối trực tiếp với cảng biển nước sâu Lạch Huyện tại Hải Phòng, thông qua sông Chanh với dự án nạo vét sông Chanh.

*Thứ ba*, công tác bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và văn hóa thông tin được cải thiện. Các cấp, các ngành của tỉnh Quảng Ninh đã chú trọng thực hiện đầy đủ chính sách an sinh xã hội, các chế độ chính sách đối với gia đình người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đặc biệt trong đại dịch COVID-19, Tỉnh đã hỗ trợ 88.950 trường hợp gặp khó khăn với tổng số tiền 102,7 tỷ đồng; hỗ trợ sửa chữa, xây mới nhà ở cho người có công giai đoạn 3 là 2.558 hộ, đạt 96%; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 0,52% năm 2019 xuống còn 0,36% năm 2020. Chất lượng giáo dục chuyển biến tích cực; cơ sở vật chất cho giáo dục, đào tạo được tăng cường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 86,82% (547/630 trường); tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 90,5%. Bên cạnh việc tự đào tạo, Quảng Ninh đẩy mạnh liên kết vùng và hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, tỉnh đã ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo với các trường Đại học hàng đầu Việt Nam và quốc tế: như Đại học Kinh tế Quốc dân; Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Ngoại thương; Trường Đại học Công nghệ Auckland New Zealand, nhằm liên kết đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, tăng cường đào tạo đối với các ngành, lĩnh vực quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật kinh doanh, thương mại quốc tế, du lịch, chuyên gia về quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, đào tạo trình độ sau đại học cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, đào tạo giáo viên của Trường Đại học Hạ Long, đồng thời thu hút nhân tài cho chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh đề ra. Hoạt động khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em được chú trọng, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%; số bác sỹ trên 1 vạn dân đạt 14,8 bác sỹ; số giường bệnh trên vạn dân đạt 54,6 giường bệnh; tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 100%. Các hoạt động văn hóa, thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình không ngừng đổi mới, kịp thời tuyên truyền đúng trọng tâm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh, trọng tâm là phát triển kinh tế, xã hội.

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ TIẾP TỤC XÂY DỰNG QUẢNG NINH TRỞ THÀNH TỈNH KIỂU MẪU, GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, CỰC TĂNG TRƯỞNG PHÍA BẮC**

Với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, truyền thống văn hóa lịch sử cách mạng, những tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội và lợi thế cạnh tranh cùng với đó là khát vọng thịnh vượng và

những nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc tạo lập trong thời gian qua là những yếu tố góp phần quan trọng để Quảng Ninh đạt được khát vọng đề ra, trước hết là hiện thực hóa mục tiêu tiếp tục xây dựng Quảng Ninh thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, tiếp tục vươn lên, giữ vững vị trí là một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc. Bên cạnh những thế mạnh, để đạt được mục tiêu, trong thời gian tới đòi hỏi tỉnh Quảng Ninh luôn phải nỗ lực, đổi mới, sáng tạo, năng động, tự lực, tự cường, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và sự đồng lòng của nhân dân để vượt qua mọi khó khăn, thách thức, cần những giải pháp sau:

*Một là*, tiếp tục coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Xây dựng, củng cố, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất, trước hết từ các cơ quan lãnh đạo. Xây dựng chính quyền địa phương các cấp liêm chính, phục vụ, thực sự “của dân, do dân, vì dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Khảo sát gần đây cho thấy, niềm tin của nhân dân Quảng Ninh đối với Đảng, với hệ thống chính trị tăng từ 73,3% năm 2016 lên 96,1% năm 2019. Đó là minh chứng cho thấy niềm tin, sự kỳ vọng của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, của hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với chế độ và với Đảng; phát huy dân chủ, kỷ cương và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, truyền thống cách mạng, văn hóa, sự năng động và khát vọng đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường là những nhiệm vụ hết sức quan trọng trong việc xây dựng Quảng Ninh thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, cực tăng trưởng khu vực phía Bắc.

*Hai là*, phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, huy động sức mạnh tổng hợp với phương châm dựa vào nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài và nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột: Thiên nhiên, con người, văn hóa kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cùng với thế mạnh về du lịch, tỉnh Quảng Ninh cần phát triển mạnh mẽ các trung tâm công nghiệp lấy các ngành công nghiệp công nghệ cao làm trọng tâm. Cùng với đó, tiếp tục chú trọng vào nâng cao hơn nữa chất lượng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với chuyển đổi số, xóa bỏ các rào cản, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi số trong triển khai thu thuế điện tử, hóa đơn điện tử, giữ vững vị trí nhóm đầu về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS và PAPI. Tiếp tục đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng,

với việc phát triển đồng bộ, hiện đại bảo đảm liên thông, tổng thể, trọng tâm ưu tiên là phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, công nghệ thông tin, viễn thông, cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế.

*Ba là*, tiếp tục kiên trì thực hiện tổ chức không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá, ba vùng động lực”, nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Trong đó, trọng tâm là thành phố Hạ Long, trung tâm chính trị - hành chính - kinh tế - văn hóa của tỉnh; phát triển đô thị theo mô hình đa cực, lấy vịnh Cửa Lục làm trung tâm kết nối. Tuyến hành lang phía Tây xuất phát từ Hạ Long đến Đông Triều hướng tới đồng bằng sông Hồng và Thủ đô Hà Nội; phát triển chuỗi đô thị - công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao và du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh; trong đó Khu kinh tế ven biển Quảng Yên là hạt nhân, động lực tăng trưởng mới của tuyến phía Tây và của tỉnh, phát triển theo mô hình “Thành phố thông minh” với các khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ - cảng biển thông minh, hiện đại. Tuyến hành lang phía Đông xuất phát từ Thành phố Hạ Long đến Thành phố Móng Cái và hướng tới Đông Bắc Á; phát triển chuỗi đô thị sinh thái - dịch vụ, thương mại, du lịch tổng hợp cao cấp, nông nghiệp sạch - công nghệ cao và kinh tế biển; lấy phát triển công nghiệp để dẫn dắt nông nghiệp. Phát triển khu kinh tế Vân Đồn và khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái là hai mũi đột phá. Đồng thời, tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện hạ tầng, trong đó có ưu tiên tuyến đường từ Uông Bí lên Yên Tử, đường kết nối với Lạng Sơn, Bắc Giang, đường ven biển, hạ tầng cửa khẩu biên giới. Đầu tư cảng Móng Cái để thúc đẩy vận tải đường biển từ phía Nam ra phía Bắc, đẩy mạnh kết nối sân bay Vân Đồn và sân bay Cần Thơ để kết nối nhanh nhất với đồng bằng sông Cửu Long, tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa từ miền Nam ra miền Bắc, giảm tải cho đường bộ Bắc - Nam.

*Bốn là*, tiếp tục coi trọng thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển con người; phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc. Giai đoạn tới, Tỉnh tập trung phát huy tối đa mọi tiềm năng, lợi thế khác biệt, năng lực hạ tầng giao thông vượt trội để phát triển kinh tế tổng hợp, toàn diện, hiện đại với độ mở cao. Đồng thời nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, tháo gỡ khó khăn các doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp mới, phát triển kinh tế hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình. Quảng Ninh có thể phát triển các ngành công nghiệp mới, cũng như phát triển chế biến sản phẩm nông sản và sản xuất điện từ năng lượng Mặt trời và gió nhưng vẫn giữ vững sự ổn định và phát triển bền vững ngành khai thác than đá truyền thống. Thực hiện tốt chính sách bảo đảm an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội; chú trọng đối tượng chính sách, người có công,

người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn. Quan tâm, chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, y tế; giải quyết việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người lao động. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh. Thực hiện bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng sống mọi mặt của nhân dân, hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của “hạnh phúc”; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

*Năm là*, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ hội nhập phù hợp với điều kiện địa phương. Trong đào tạo chất lượng nguồn nhân lực, Quảng Ninh có định hướng cụ thể về đối tượng gắn với nhu cầu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác chuyên môn như công nghệ, y tế, giáo dục, môi trường, nông nghiệp; bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác du lịch, cán bộ địa phương biên giới... Đồng thời, ưu tiên những ngành, nghề, lĩnh vực mà tỉnh cần đáp ứng nguồn nhân lực thực hiện mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch, công nghiệp và hội nhập, như ngoại ngữ, du lịch, dịch vụ, cải cách hành chính, quản lý đô thị, tin học... Thời gian tới, Quảng Ninh tiếp tục gắn phát triển nguồn nhân lực với việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ; đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên nền tảng nguồn nhân lực chất lượng cao, yếu tố đổi mới sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, tham gia sâu rộng vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tỉnh Quảng Ninh tập trung chiến lược phát triển con người trên cơ sở một hệ thống chính sách đồng bộ hướng tới con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Bằng việc giải quyết tốt các vấn đề này, tỉnh Quảng Ninh đã, đang và sẽ tạo được yếu tố nội sinh của nguồn nhân lực, tạo cơ sở bền vững cho phát triển và hội nhập. ❖

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, <https://www.quangninh.gov.vn/>
2. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 80/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, ngày 11-2-2023.
3. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, *Báo cáo tình hình KT-XH, công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh năm 2020 và kế hoạch phát triển KT-XH năm 2021*, <https://baoquangninh.vn/>

# MỘT GÓC NHÌN VỀ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở VIỆT NAM - SỰ THAM KHẢO ĐỐI VỚI TỈNH QUẢNG NINH

LÊ TUẤN VINH

*TS, Học viện Chính trị khu vực I*

## PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (5-2014), Đảng ta chính thức xác lập chủ trương nhất quán về phát triển công nghiệp văn hóa. Nghị quyết xác định rõ mục tiêu “đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa”, coi “Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa” là một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021) nhấn mạnh: Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới...

Có thể khẳng định đây là lần đầu tiên trong văn kiện chính thức của Đảng đề cập đến sự cần thiết phải xây dựng ngành “công nghiệp văn hóa” ở Việt Nam với đầy đủ tính chất của một ngành công nghiệp. Mặc dù vậy, không phải đến lúc này, vấn đề xây dựng ngành “công nghiệp văn hóa” ở nước ta mới được đề cập mà thực chất đây là kết quả của một quá trình đổi mới tư duy của Đảng về văn hóa, về mối quan hệ văn hóa - kinh tế, về mô hình phát triển của văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã được nêu ra từ rất nhiều năm trước.

Phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay là nhu cầu bức thiết, không chỉ có ý nghĩa về mặt gia tăng lợi nhuận và giá trị kinh tế, mà đồng thời cũng

mang lại nhiều ý nghĩa về mặt văn hóa - xã hội. Điều này được thể hiện trên một số điểm nổi bật sau:

1. *Phát triển công nghiệp văn hóa là cơ sở vững chắc cho hội nhập quốc tế về văn hóa* trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển của các quốc gia ngày càng ảnh hưởng lẫn nhau. Phát triển công nghiệp văn hóa sẽ góp phần tạo ra môi trường tốt để chủ động tiếp thu, phổ biến một cách hiệu quả các sản phẩm văn hóa nước ngoài tại thị trường trong nước. Các ngành công nghiệp văn hóa chính là một tài sản chiến lược trong chính sách ngoại giao, hợp tác quốc tế và giúp củng cố tính độc đáo của quốc gia. Công nghiệp văn hóa đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy bản sắc văn hóa và hiện đại hóa đất nước.

2. Với thành tố then chốt là vốn văn hóa vững chắc và tinh thần doanh nghiệp, *các ngành công nghiệp văn hóa chính là công cụ hữu hiệu cho tăng trưởng, đổi mới kinh tế, biến văn hóa trở thành một thành tố quan trọng của thương mại và cạnh tranh quốc tế, giúp xây dựng được nền kinh tế sáng tạo mạnh mẽ, bao gồm các lĩnh vực có giá trị kinh tế cao.* Với công nghiệp văn hóa, sự sáng tạo là tài nguyên vô hạn để phát triển đất nước. Công nghiệp văn hóa sẽ giúp có nhiều hơn các sản phẩm văn hóa Việt Nam với giá thành rẻ hơn, tiện hơn, gần gũi hơn đối với quần chúng nhân dân. Đồng thời, sự phát triển của công nghiệp văn hóa ở trong nước sẽ góp phần giảm bớt những sản phẩm công nghiệp văn hóa ở nước ngoài đang tràn lan, phổ biến giá trị của nó trong thị trường văn hóa và đời sống xã hội.

Dưới góc nhìn văn hóa, công nghiệp văn hóa giúp khai thác tốt những giá trị văn hóa, nhất là những giá trị văn hóa Việt Nam phục vụ cho phát triển kinh tế và văn hóa, phát triển xã hội, ổn định chính trị. Công nghiệp văn hóa đưa giá trị văn hóa đến với quảng đại quần chúng trong nước cũng như tới nhân dân thế giới nhanh và hiệu quả; giúp quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam.

3. *Các ngành công nghiệp văn hóa có thể tạo ra “tác động lan tỏa” trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.* Các ngành công nghiệp văn hóa có thể cung cấp những cơ hội để phát triển tài năng và tạo công ăn việc làm bền vững. Các ngành công nghiệp văn hóa thúc đẩy cố kết xã hội thông qua sự tham gia tích cực của các cộng đồng, các nhóm, cá nhân khác nhau vào hoạt động văn hóa, và thông qua việc nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của cơ sở vật chất và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Về văn hóa, công nghiệp văn hóa có thể tạo ra giá trị phổ biến, lan tỏa, thậm chí có thể tạo nên những mẫu hình, chuẩn mực trong đời sống văn hóa - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 10, khóa IX của Đảng.

4. *Phát triển công nghiệp văn hóa là hướng đi quan trọng, tham gia tích cực vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam hiện nay.* Công nghiệp văn hóa sẽ khai thác tốt hơn một nguồn tài nguyên không có giới hạn, đó là nguồn tài nguyên văn hóa phục vụ cho phát triển kinh tế. Với đặc trưng sự sáng tạo và công nghệ, công nghiệp văn hóa là hướng đi mới, thậm chí tạo nên hướng đột phá trong phát triển kinh tế tri thức, góp phần phát triển kinh tế theo chiều sâu. Công nghiệp văn hóa sẽ đưa đến sự thay đổi cơ cấu các ngành có liên quan, tiếp đó là sự thay đổi cơ cấu ngành kinh tế. Sự xuất hiện các “thành phố sáng tạo”, các trung tâm điện ảnh, các trung tâm sản xuất công nghiệp văn hóa,... sẽ đưa đến sự thay đổi cơ cấu vùng kinh tế. Cơ cấu thành phần kinh tế cũng sẽ có sự chuyển dịch thích hợp gắn với quá trình chuyển đổi mô hình các đơn vị sự nghiệp văn hóa cũng như sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn các doanh nghiệp văn hóa, bao gồm cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.

5. *Phát triển công nghiệp văn hóa tạo ra cơ sở to lớn và bền vững cho phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.* Việt Nam có nguồn tài nguyên văn hóa vô cùng phong phú, đặc sắc, rất có giá trị. Đảng, Nhà nước và cả xã hội đã có nhiều cố gắng trong giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, chuyển hóa các giá trị văn hóa vào đời sống đương đại. Song việc đầu tư cho văn hóa là có giới hạn, nhất là khi vẫn thực hiện theo lối bao cấp, dựa chủ yếu vào nguồn đầu tư của Nhà nước và một phần xã hội hóa. Mặt khác, nguồn tài nguyên văn hóa chưa được phát huy cao độ, trực tiếp cho sự nghiệp phát triển đất nước, cũng có thể hiểu là nguồn tài nguyên văn hóa vẫn đang bị lãng phí. Mặc dù dân tộc ta có lịch sử văn hóa lâu đời, phong phú nhưng rõ ràng tài nguyên văn hóa của chúng ta vẫn chưa chuyển hóa thành thế mạnh cạnh tranh văn hóa. Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hóa vẫn đang ở tình trạng nhập siêu nghiêm trọng. Phát triển công nghiệp văn hóa, các giá trị văn hóa sẽ được khai thác hiệu quả trong cơ chế thị trường, tạo ra chất liệu và môi trường văn hóa phục vụ trực tiếp cho mục tiêu phát triển kinh tế, đóng góp ngày càng cao vào tổng sản phẩm nội địa (GDP). Cũng nhờ vậy, công nghiệp văn hóa sẽ tạo thêm nguồn lực cho tái đầu tư phát triển văn hóa. Nhờ các thành tựu khoa học, công nghệ (phương tiện vật chất, kỹ thuật, máy móc, thiết bị...), các phương thức sáng tạo mới và nhờ sự sáng tạo, các giá trị văn hóa ở trong nước sẽ được tiếp biến, hiện đại hóa và phổ biến hiệu quả.

6. *Phát triển công nghiệp văn hóa sẽ góp phần khắc phục nhiều bất cập, hạn chế từ thực trạng phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay.* Hoạt động văn hóa còn phụ thuộc vào bao cấp của Nhà nước, chưa huy động tốt các nguồn lực trong xã hội; các kỹ năng quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa còn yếu; chưa quan tâm đúng mức tới thị trường/công chúng; đội ngũ văn nghệ sĩ còn thiếu sức sáng tạo... Đặc biệt, có thể kìm chế sự tụt hậu của

Việt Nam về hệ thống quản trị, công nghệ mới, nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực và môi trường hỗ trợ nói chung cho các ngành công nghiệp văn hóa.

7. Trong bối cảnh đất nước đang tiếp tục đổi mới, tăng cường hội nhập quốc tế, tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, *phát triển các ngành công nghiệp văn hóa là một trong những bước đi đột phá để biến những khát vọng của đất nước thành hiện thực*. Nó chính là công cụ hiệu quả để biến văn hóa thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy nền kinh tế cạnh tranh, đa dạng và hiệu quả hơn, tiếp tục khẳng định Việt Nam như một xã hội đổi mới và tiến bộ. Các ngành công nghiệp văn hóa đem lại những giá trị trực tiếp và gián tiếp, tạo ra những cơ hội mới trong công ăn việc làm, thúc đẩy tiến trình cải tổ, mở ra những thị trường mới cho các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo. Quan trọng hơn nữa, một cách tiếp cận sáng tạo và nhất quán của việc phát triển này giúp chúng ta tận dụng được tối đa những nguồn lực quan trọng của đất nước: đó là tài năng của dân số trẻ, với sự sáng tạo và kết nối với toàn cầu, đó là vốn văn hóa truyền thống với bề dày hàng nghìn năm của dân tộc, đó là năng lực thích ứng nhanh nhạy và bền bỉ của người Việt Nam.

### **MỘT SỐ LỢI THẾ VÀ ĐIỂM YẾU SO SÁNH CỦA VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA**

Để xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa và quản trị tốt những tác động của công nghiệp văn hóa, cần thiết phải đánh giá và nhận diện đúng những tiềm năng, thế mạnh cũng như những khó khăn, thách thức; những cơ hội cũng như thách thức.

Tiềm năng, thế mạnh đó là:

1- *Vốn văn hóa truyền thống của dân tộc với sự phong phú về loại hình, tính độc đáo, hấp dẫn về nội dung*. Nếu chỉ nhìn từ góc độ tài nguyên tự nhiên thì Việt Nam đích thực là một quốc gia tài nguyên chiếm hữu bình quân đầu người khá nghèo nàn nhưng nếu nhìn từ góc độ tài nguyên nhân văn thì Việt Nam lại có nền văn minh không ngừng phát triển qua mấy ngàn năm với những di sản văn hóa phong phú cũng như phong tục văn hóa có màu sắc riêng của 54 dân tộc anh em. Điều này thể hiện qua sự độc đáo, phong phú của các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống như hội họa, kiến trúc, âm nhạc, múa, truyện... Nhiều thể loại nghệ thuật đã được UNESCO khẳng định giá trị ở tầm quốc tế, thu hút sự quan tâm của những người hưởng thụ văn hóa trên khắp thế giới. Bề dày của nền văn hóa dân tộc chính là điểm tựa vững chắc, đem lại cảm hứng và sức vươn mạnh mẽ cho các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam. Những loại tài nguyên này tiềm ẩn nhiều giá trị kinh tế để khai thác trong quá trình phát triển các ngành công nghiệp văn hóa - công nghiệp



sáng tạo. Lấy ví dụ ngành du lịch, bên cạnh các hoạt động du lịch tự nhiên vốn đã được khai thác từ lâu và đang bắt đầu bước vào giai đoạn chịu sự cạnh tranh gay gắt, ở một số điểm du lịch ít nhiều đã giảm bớt sức hấp dẫn đối với du khách thì các hoạt động du lịch đến các di tích văn hóa lịch sử, tới các làng nghề văn hóa, du lịch cộng đồng (home stay) hoặc các hoạt động du lịch có sử dụng các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống như múa rối nước, hát bài chòi, nhã nhạc cung đình Huế,... lại đang là xu hướng hấp dẫn đối với du khách, đặc biệt là du khách nước ngoài. Các sản phẩm công nghiệp văn hóa như đồ thủ công, băng đĩa cũng góp phần gia tăng giá trị ngành du lịch. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế - văn hóa quốc tế mạnh mẽ hiện nay, việc phát triển các hoạt động khai thác văn hóa truyền thống dưới góc độ kinh tế lại đang dần trở thành lựa chọn ở nhiều địa phương trong cả nước, chẳng những mang lại giá trị kinh tế địa phương, mà ngược lại, còn góp phần quảng bá hình ảnh, giá trị văn hóa của di tích và bảo tồn di tích.

2- *Nguồn lực con người (đặc biệt là đội ngũ thế hệ trẻ) có tài năng và nhiều tiềm năng sáng tạo.* Việt Nam có dân số trẻ, tri thức ngày càng nâng cao, sức sáng tạo dồi dào, trình độ công nghệ, kỹ thuật tốt, độ nhạy bén với thị trường văn hóa cao. Họ sẽ là lực lượng nòng cốt tham gia phát triển ngành công nghiệp văn hóa nước nhà.

3- *Sự đa dạng và tiềm năng to lớn từ thị trường trong nước.* Đời sống vật chất của người dân ngày càng được cải thiện, nhu cầu hưởng thụ về mặt tinh thần ngày càng phong phú, đa dạng, nâng cao hơn. Đây chính là động lực to lớn thúc đẩy ngành công nghiệp văn hóa phát triển, tạo ra những sản phẩm và dịch vụ văn hóa đa cấp độ và loại hình, kịp thời phục vụ nhu cầu chính đáng của nhân dân. Ngày nay, hầu hết các gia đình đều có vô tuyến, số lượng người sử dụng internet cũng ngày càng tăng lên. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có tỷ lệ người dân có các phương tiện truyền thanh, truyền hình, internet phát triển nhanh nhất thế giới.

4- *Sự đổi mới trong nhận thức và hành động của các cấp quản lý (từ Trung ương tới địa phương).* Ở cấp Trung ương, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 7-1998), Đảng đã nhấn mạnh tiềm năng kinh tế trong phát triển văn hóa, gắn kết kinh tế với văn hóa; chủ trương xây dựng cơ chế kinh doanh, dịch vụ văn hóa theo hướng kinh tế thị trường; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động văn hóa; thực hiện chính sách kinh tế trong văn hóa; đẩy mạnh sự sáng tạo, tăng cơ hội tiếp cận của người dân đối với các sản phẩm văn hóa... Đây là những nội dung quan trọng có ý nghĩa tiền đề cho việc định hình những lý luận cũng như chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với vấn đề phát triển loại hình công nghiệp văn hóa ở nước ta những năm tiếp theo. Tiếp

đó, Kết luận Hội nghị Trung ương 10, khóa IX (2004), đã cho thấy những điểm mới trong nhận thức của Đảng trong vấn đề gắn kết giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa: Các hoạt động văn hóa không chỉ mang tính chất sự nghiệp mà còn mang tính kinh doanh với sự tham gia của các doanh nghiệp văn hóa được khuyến khích phát triển; thị trường văn hóa bước đầu được thừa nhận với những sản phẩm văn hóa được lưu thông theo cơ chế thị trường. Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị (6-2008) một lần nữa khẳng định sự tồn tại của thị trường hàng hóa và dịch vụ văn hóa (ở đây là các sản phẩm văn học, nghệ thuật). Các phương tiện, phương thức sản xuất và truyền bá các sản phẩm văn hóa, nội dung quan trọng của công nghiệp văn hóa, đã được Nghị quyết ghi nhận vai trò quan trọng trong phát triển văn hóa. Đặc biệt, ngày 6-5-2009, trong “*Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*”, từ nhận định: “Phát triển công nghiệp văn hóa là xu thế lớn và quan trọng trong chính sách văn hóa của các nước trên thế giới”<sup>(1)</sup>, Chính phủ nhấn mạnh nhiệm vụ tập trung *xây dựng cơ chế, chính sách và môi trường kinh doanh để phát triển ngành công nghiệp văn hóa*. Chiến lược có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới về cơ chế, xây dựng chính sách, triển khai các biện pháp thúc đẩy sự phát triển của các ngành thuộc công nghiệp văn hóa trong tương lai. Tại Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (5-2014), Đảng ta chính thức xác lập chủ trương nhất quán về phát triển công nghiệp văn hóa. Những quan điểm về phát triển công nghiệp văn hóa được nêu ra tại Hội nghị Trung ương 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã hoàn thiện một bước những quan điểm, chủ trương của Đảng và Chính phủ đã được nêu ra trong các văn bản trước đó. Đó là sự “thích ứng” linh hoạt với xu thế chung của thời đại, đồng thời đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn phát triển, khi tiền đề cho việc phát triển “công nghiệp văn hóa” ở nước ta đã được tạo dựng với những biểu hiện rất cơ bản, với điểm nhấn là sự hình thành một thị trường văn hóa với sự tham gia của các thành phần kinh tế vào sản xuất, phổ biến các sản phẩm văn hóa, kích thích một số ngành sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa xuất hiện<sup>(2)</sup>. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng nhấn mạnh: Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới...

*Điểm yếu, khó khăn đó là:* (i) Hệ thống quản lý còn nhiều lác hậu, kém phát huy hiệu quả; (ii) Mô hình phát triển (mô hình quản lý, mô hình đầu tư, mô hình hoạt động) cho toàn ngành cũng như đối với từng lĩnh vực cụ thể chưa được định hình cụ thể; (iii) Kỹ năng quản

(1) *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*, ban hành kèm theo Quyết định số 581-QĐ/Tt ngày 6-5-2009 của Thủ tướng Chính phủ

(2) *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*, Tlđđ

lý, điều hành của đội ngũ cán bộ và năng lực sáng tạo của đội ngũ nghệ sỹ ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực còn khá yếu kém; tính thích ứng với những đổi mới mạnh mẽ trong nhu cầu và thị hiếu của công chúng, thị trường còn chậm; (iv) Hoạt động hợp tác giữa các thành tố (các đơn vị quản lý, các doanh nghiệp kinh doanh, đội ngũ làm sáng tạo) còn khá rời rạc, lỏng lẻo, hiệu quả không cao; (vi) Thị trường văn hóa trong nước có nhiều tiềm năng, tuy nhiên vẫn chưa được khuyến khích để phát triển.

### SỰ THAM KHẢO, VẬN DỤNG VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở QUẢNG NINH

Từ các quan điểm chỉ đạo trên, đặt vào địa bản cụ thể của tỉnh Quảng Ninh, nhiều lợi thế - vốn văn hóa để cho tỉnh phát triển mạnh ngành công nghiệp văn hóa. Quảng Ninh là một tỉnh miền núi, duyên hải, ở địa đầu phía Đông Bắc Việt Nam, có tổng diện tích trên 12.200km<sup>2</sup>, trong đó có trên 6.100km<sup>2</sup> đất liền và trên 6.100km<sup>2</sup> diện tích mặt nước biển. Là vùng đất cổ có lịch sử lâu đời, Quảng Ninh hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng, đồng thời là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam với truyền thống “kỷ luật và đồng tâm”. Với lợi thế về nguồn tài nguyên di sản thiên nhiên cùng vốn văn hóa phong phú, Quảng Ninh đang trong tiến trình xây dựng các ngành công nghiệp văn hóa thích ứng với những bước phát triển mới của thời đại. Vốn văn hóa Quảng Ninh bao gồm chủ thể văn hóa, vốn văn hóa vật thể và phi vật thể.

*Chủ thể văn hóa Quảng Ninh:* là cộng đồng 22 dân tộc anh em. Từ điều kiện địa lý giao thoa đặc biệt đã tạo nên con người Quảng Ninh năng động, sáng tạo, hào sảng bởi sự kết hợp giữa văn hóa biển, văn hóa bản địa, cùng cái chất của người thợ mỏ đã làm nên khí chất con người của vùng đất địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc.

*Vốn văn hóa vật thể và phi vật thể:* Với bề dày lịch sử, Quảng Ninh tự hào có kho tàng di sản văn hóa vô giá, gồm 609 di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng, trong đó có: 5 di tích quốc gia đặc biệt (1 di sản thiên nhiên thế giới là vịnh Hạ Long), 52 di tích cấp quốc gia, 78 di tích cấp tỉnh, 474 di tích đã được kiểm kê, phân loại cùng 362 di sản văn hóa phi vật thể được chia làm 7 loại hình: tiếng nói chữ viết, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội, lễ hội truyền thống, nghề thủ công, tri thức dân gian. Các di sản này được coi là hồn cốt của tỉnh, chất chứa tinh hoa của dòng chảy văn hóa trong suốt chiều dài lịch sử, đồng thời là nguồn lực to lớn cho sự phát triển bền vững của Quảng Ninh trong quá trình hội nhập.

Như vậy, Quảng Ninh có nhiều lợi thế về “vốn văn hóa” để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Chỉ tính riêng trong lĩnh vực *Du lịch*, vốn văn hóa của tỉnh cũng hết sức

đa dạng, phong phú, mang nhiều tiềm năng cho khai thác. Ví dụ như: (i) *Du lịch văn hóa lễ hội*: tỉnh có 76 lễ hội, trong đó tập trung ở lễ hội dân gian truyền thống, tổ chức vào mùa xuân như: lễ hội đền Cửa Ông, lễ hội Yên Tử, lễ hội Tiên Công, lễ hội đình Trà Cổ, Móng Cái; lễ hội đình Quan Lạn;... di sản then cổ của người Tày Quảng Ninh, nằm trong hợp phần di sản “Thực hành then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam”<sup>(1)</sup>; lễ hội Carnaval Hạ Long theo phong cách quốc tế;...); *Du lịch văn hóa tâm linh*: tỉnh có chuỗi các khu di tích, danh thắng tiêu biểu: di tích lịch sử nhà Trần (Đông Triều), quần thể di tích danh thắng Yên Tử, chùa Ba Vàng (Uông Bí), chùa Lôi Âm và chùa Long Tiên (Hạ Long), đền Cửa Ông (Cẩm Phả), chùa Cái Bầu (Vân Đồn),... ); (iii) *Du lịch di sản thiên nhiên*: Vịnh Hạ Long hai lần được UNESCO ghi danh là Di sản Thiên nhiên thế giới đã mang lại nhiều lợi thế cho du lịch Quảng Ninh. Ngoài ra, tỉnh Quảng Ninh còn có di sản thiên nhiên ruộng bậc thang ở Lục Hồn (huyện Bình Liêu), được công nhận là di tích - danh thắng cấp tỉnh, cũng là tài nguyên quan trọng trong phát triển loại hình du lịch di sản thiên nhiên của tỉnh; (iv) *Du lịch làng nghề thủ công truyền thống*: Một số địa phương có lợi thế phát triển làng nghề thủ công truyền thống như: gốm sứ (Đông Triều); đan ngư cụ, đóng tàu vỏ gỗ (Quảng Yên), nuôi cấy ngọc trai (Vân Đồn)... Từ những tiềm năng sẵn có cùng với những định hướng của tỉnh, du lịch làng nghề đang được hoàn thiện theo thời gian để trở thành một sản phẩm du lịch không thể bỏ qua khi du khách đến với vùng đất này; (v) *Các loại hình dịch vụ du lịch khác*: Tỉnh luôn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào những công trình văn hóa, khu vui chơi giải trí.

Đặt trong tổng thể chủ trương phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam của Đảng và Chính phủ, xét những lợi thế văn hóa của địa phương và thực trạng khai thác vốn văn hóa, thời gian tới tỉnh Quảng Ninh cần tiếp tục thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp:

1- Tiếp tục nhất quán, xuyên suốt quan điểm, chủ trương, hành động nhằm phát huy bản sắc văn hóa của mảnh đất, con người Quảng Ninh như là một lợi thế so sánh trong quá trình giao lưu văn hóa, mở rộng thị trường công nghiệp văn hóa.

2- Định hướng quy hoạch phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh với những chiến lược lâu dài. Trong đó lưu ý yêu cầu sử dụng tài nguyên văn hóa một cách hiệu quả, bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa *lợi nhuận về kinh tế* với *gìn giữ nét văn hóa địa phương*.

3- Trong xác định cơ cấu ngành công nghiệp văn hóa ở địa phương, cần phân định rõ các ngành mũi nhọn, có ưu thế cạnh tranh, phát triển và phù hợp với điều kiện của tỉnh. Bên

(1) Đã được UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

cạnh đó, xác định cơ cấu vùng trong phát triển công nghiệp văn hóa cũng là một hướng đi quan trọng, trong giai đoạn phát triển phôi thai như hiện nay, có thể hình thành các mô hình “làng nghề du lịch”, “khu phố sáng tạo” kết hợp đồng bộ giữa vấn đề sản xuất - kinh doanh - du lịch,... tạo bước đệm để hình thành các “thành phố công nghiệp văn hóa”, “thành phố sáng tạo”, “vùng sáng tạo” như một số địa phương ở một số quốc gia đã thực hiện thành công.

4- Tổ chức, kết cấu và vận hành của công nghiệp văn hóa phải chủ yếu dựa vào thị trường để điều tiết. Nhưng để thực hiện được điều này, đòi hỏi sự tham gia phối hợp của nhiều chủ thể. *Trước hết*, là bám sát quan điểm, chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp văn hóa của Đảng, Chính phủ, vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào thực tiễn địa phương. *Thứ hai*, phát huy tính tích cực, chủ động của cả hệ thống chính trị trong tỉnh, thấu suốt ý nghĩa và sự cần thiết của việc phát triển công nghiệp văn hóa ở địa phương. *Thứ ba*, phát huy vai trò của các thành tố, các lực lượng xã hội khác (của doanh nghiệp, người dân, của các nhà khoa học,...). Tất cả tham gia cộng hưởng nhằm phân tích, đánh giá đúng yêu cầu của thị trường, trên cơ sở đó, kịp thời điều chỉnh các cơ chế, chính sách đối phó thích ứng có hiệu quả.

5- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên thị trường văn hóa. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là yếu tố bảo đảm cho thị trường văn hóa phát triển lành mạnh, trực tiếp quyết định sự tồn tại và phát triển của công nghiệp văn hóa. Đây cũng là lý do một số nước gọi đây là “công nghiệp bản quyền”. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là điều kiện tất yếu để phát triển công nghiệp văn hóa. Phải hoàn thiện hơn nữa luật sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích sáng tạo văn hóa mới. Kiên quyết đấu tranh với các hoạt động kinh doanh văn hóa phi pháp, bảo đảm tính hợp pháp của chủ thể kinh doanh sản phẩm văn hóa.

6- Nâng cao trình độ thưởng thức văn hóa của quần chúng. Công nghiệp văn hóa nhằm phục vụ cho số đông quần chúng, gắn liền với sự phát triển của văn hóa đại chúng. Bởi vậy, phát triển công nghiệp văn hóa phải trên cơ sở nâng cao nhận thức và trình độ thưởng thức cho người tiêu dùng sản phẩm văn hóa. Công tác này cần được tiến hành sâu rộng ở mọi tầng lớp, lứa tuổi trong xã hội, nhất là đối với giới trẻ - bộ phận đông đảo trong xã hội, thị trường tiềm năng đối với nhiều loại hình công nghiệp văn hóa của tỉnh Quảng Ninh. ❖

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 5-1-2017, của Bộ Chính trị, về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
2. Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23-11-2022, của Bộ Chính trị, về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
3. Nghị quyết số 92/NQ-CP, ngày 8-12-2014, của Chính phủ, về triển khai thực hiện một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch trong thời kỳ mới;
4. Nghị quyết số 82-NQ/CP, ngày 18-5-2023, của Chính phủ, về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững;
5. Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12-11-2021, của Thủ tướng Chính phủ, về Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;
6. Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11-2-2023, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
7. Quyết định số 2292/QĐ-BVHTTDL, ngày 13-8-2021, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025;
8. Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.
9. Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 5-2-2016, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về phát triển dịch vụ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;
10. Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững;
11. Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 24-5-2013, của Tỉnh ủy, về phát triển du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030;
12. Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 18-10-2021, của Tỉnh ủy, về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Chiến lược tổng thể thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và ổn định kinh tế - xã hội, giữ vững đà tăng trưởng hai con số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
13. Chương trình hành động số 105/CTr-UBND, ngày 2-8-2021, của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, của BCH Đảng bộ tỉnh, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.
14. Kế hoạch 158/KH-UBND, ngày 15-6-2023, của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18-5-2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững. ❖

## PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ VĂN NGHỆ SỸ TRONG QUẢNG BÁ VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH THÔNG QUA CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

ĐÀO HUY TOÀN

*Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh*

Văn học nghệ thuật có vai trò rất to lớn, nói lên cuộc sống, thời đại, hướng tới những giá trị thẩm mỹ và nhân văn cao đẹp. Văn học nghệ thuật thuộc kiến trúc thượng tầng, tác động rất lớn đến sự hình thành nhân cách con người, chính vì thế chức năng giáo dục của văn học, nghệ thuật luôn được đề cao, là một tiêu chí quan trọng để đánh giá giá trị tác phẩm và phát triển văn học, nghệ thuật. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn đội ngũ văn nghệ sỹ “*Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà mà anh em văn hóa và tri thức phải làm*”.

Văn học nghệ thuật cách mạng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng: “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị.*”; “*Văn học nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa, là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người, là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam*”. Xác định rõ vai trò của văn học nghệ thuật, tỉnh Quảng Ninh luôn chăm lo, đầu tư cơ sở vật chất, có cơ chế khuyến khích VHNT phát triển, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “*Xây dựng đội ngũ người làm công tác văn học nghệ thuật Quảng Ninh giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến 2020*” (là tỉnh đầu tiên trong toàn quốc xây dựng Đề án); Tỉnh ủy đã xây dựng và thực hiện Chương trình hành động số 20 thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về *xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới*; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về “*xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”; ban hành

Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “*Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*”; giải thưởng Văn nghệ Hạ Long 5 năm trao thưởng 1 lần từ 1975 đến nay (là tỉnh có giải thưởng sớm nhất trong cả nước); Ngày thơ Quảng Ninh 29-3, được duy trì từ 1988 đến nay,... đã tạo nhiều thuận lợi mới cho VHNT phát triển, tổ chức các đoàn văn nghệ sỹ thực tế sáng tác; tổ chức các triển lãm ảnh, triển lãm mỹ thuật; tổ chức “đêm nhạc Đỗ Hòa An”,... quan tâm khen thưởng, tôn vinh đội ngũ văn nghệ sỹ đạt thành tích xuất sắc.

Tuyên truyền, quảng bá phát triển kinh tế - xã hội, quảng bá tiềm năng du lịch, văn hóa, con người,... đang được tỉnh thực hiện với nhiều hình thức, biện pháp, với sự tham gia của nhiều lực lượng, thành phần trong xã hội. Sự đóng góp của văn học nghệ thuật đối với công tác này cũng rất thiết thực, hiệu quả cao: Một tập ảnh giới thiệu về địa danh, di tích, danh thắng nào đó hay du khách được tham quan những bức tranh vẽ về một địa danh, quê hương, thường thức hát then, đàn tính thu hút du khách, chúng ta càng thấy vai trò của văn học, nghệ thuật trong phát triển, quảng bá...

*Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh tổ chức nhiều hoạt động trong việc quảng bá hình ảnh về con người, vùng đất và văn hóa của Quảng Ninh với bạn bè trong nước và quốc tế, từ đó, phát triển văn hóa mang bản sắc của Quảng Ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, chính trị của tỉnh:* Năm 2019, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh đã tham mưu với tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức thành công các hoạt động trong khuôn khổ Hội nghị Quảng bá Văn học Việt Nam lần thứ IV và Liên hoan Thơ quốc tế lần thứ III, tại thành phố Hạ Long vào ngày 18-02-2019 với sự tham gia của trên 250 đại biểu Trung ương, các tỉnh, thành, khách quốc tế (50 quốc gia và vùng lãnh thổ) cùng sự hưởng ứng của trên 600 đại biểu văn nghệ sỹ và công chúng Quảng Ninh; tham mưu tổ chức thành công các chương trình giao lưu với Liên hiệp các Hội VHNT Trung Quốc và Đoàn đại biểu Hội Nhà văn Việt Nam... Năm 2020, Hội đã tổ chức thành công cuộc thi ảnh nghệ thuật với chủ đề “Quảng Ninh hội tụ và lan tỏa”, nội dung về thành tựu phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh Quảng Ninh trong 5 năm (2015 - 2020). Hội nghệ sỹ Nhiếp ảnh Việt Nam đã ra quyết định bảo trợ cuộc thi và phát động trong toàn quốc. Cuộc thi đã thu hút được 1.064 tác phẩm ảnh nghệ thuật của 146 tác giả ở 27 tỉnh, thành trên cả nước (TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Bà Rịa Vũng Tàu, Hải Phòng, Đà Nẵng,...), thu hút gần 500.000 người truy cập trang ảnh nghệ thuật Quảng Ninh. Ban Tổ chức đã chọn ra 100 tác phẩm để trưng bày tại triển lãm... Nhiếp ảnh Quảng Ninh nhiều lần đạt giải đồng đội và từ 2020 đến nay liên tục là 1 trong 2 đơn vị có thành tích cao nhất trong các tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng. Với gần 600 hội viên, mỗi năm Hội VHNT tỉnh Quảng Ninh tổ chức 5 - 6 trại sáng tác, 8 - 9 chuyến thực tế sáng tác trong đó có hàng trăm tác phẩm về văn hóa, con người Quảng Ninh,... góp phần xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng *Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện.*



Hàng năm Hội phối hợp với Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh tổ chức sáng tác về biên giới, biển đảo; phối hợp với Công an tỉnh phát động sáng tác về đề tài bảo vệ an ninh tổ quốc; phối hợp với Ban Nông thôn mới tổ chức thi ảnh, câu chuyện về sản phẩm OCOP... Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức thi viết về “Người phụ nữ tôi yêu”, “phòng chống mua bán người”... Phối hợp với Trung tâm truyền thông tỉnh trong phát hành Báo Hạ Long, xây dựng các diễn đàn văn học nghệ thuật, qua đó giới thiệu, quảng bá tác phẩm mới; phối hợp với Thư viện tỉnh xây dựng và quảng bá sách văn học, nghệ thuật.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, văn học nghệ thuật Quảng Ninh còn bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục, trong đó đáng chú ý là sự thiếu vắng những tác phẩm đỉnh cao. Người làm văn học nghệ thuật Quảng Ninh còn đang nợ công chúng những tác phẩm lớn xứng tầm thời đại, xứng tầm với sự phát triển của quê hương, đất nước. Đội ngũ sáng tác đang có chiều hướng ngày càng cao tuổi, việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sỹ trẻ còn nhiều hạn chế, lực lượng làm công tác lý luận, phê bình văn học nghệ thuật còn mỏng,... một số hội viên chưa phát huy tinh thần trách nhiệm cao.

Tỉnh Quảng Ninh đang phát triển năng động với nhiều đột phá, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, du lịch, dịch vụ với chất lượng và đẳng cấp; đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ công nghiệp sang du lịch, dịch vụ, là trung tâm du lịch chất lượng cao của khu vực với hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại... Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, tầm nhìn 2030, Quảng Ninh phấn đấu trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, một trong các đầu tàu kinh tế của miền Bắc và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

Từ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, dịch bệnh, xung đột vũ trang và an ninh phi truyền thống diễn ra phức tạp đang đặt ra không ít khó khăn, thách thức mới đan xen; trong đó văn hóa là một trong những lĩnh vực nhạy cảm, chịu nhiều tác động, ảnh hưởng, đặt ra yêu cầu nhiệm vụ đối với văn học nghệ thuật là rất lớn, phát huy vai trò của văn nghệ sỹ trong quảng bá, nâng tầm các giá trị văn hóa, tinh thần và khát vọng đổi mới, sáng tạo của tỉnh Quảng Ninh trong tình hình mới, tạo nguồn lực nội sinh cho phát triển kinh tế - xã hội, cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

*Một là:* Đoàn kết xây dựng Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Ninh là ngôi nhà chung của văn nghệ sỹ Quảng Ninh. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 20-CTr/TU của Tỉnh về xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về

“xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 09-3-2018, của Đảng bộ tỉnh “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”... Đề cao ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân hội viên trong lời nói, tác phẩm nghệ thuật và hành động xây dựng quê hương.

*Hai là:* Quan tâm phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sỹ trẻ; xây dựng đội ngũ văn nghệ sỹ tâm huyết, vững vàng về bản lĩnh chính trị; làm tốt công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật và định hướng trong sáng tác.

*Ba là:* Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển văn học nghệ thuật Quảng Ninh phong phú, đa dạng, giàu bản sắc, kết hợp truyền thống với hiện đại, phấn đấu nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của đất nước. Tổ chức thi sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật về công cuộc đổi mới của tỉnh Quảng Ninh.

*Bốn là:* Quan tâm hơn nữa việc giáo dục lòng yêu nước, giáo dục đạo đức, lối sống cho nhân dân thông qua việc phân tích, giới thiệu những tác phẩm văn học, nghệ thuật hay, nổi bật và phê phán, phản bác có hiệu quả những quan điểm sai trái, lệch lạc trong đời sống văn học, nghệ thuật...

Nâng cao trình độ nhận thức, cảm thụ thẩm mỹ cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên; nâng cao khả năng hưởng thụ và đánh giá các giá trị thẩm mỹ. Cần phải xây dựng một chiến lược kiểm soát những sản phẩm văn học, nghệ thuật độc hại về tư tưởng, thấp kém về mặt thẩm mỹ công bố trên các mạng thông tin điện tử vì đây là kênh truyền bá thông tin rất quan trọng trong đời sống xã hội. Duy trì và phát triển văn hóa đọc trong nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

*Năm là:* Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật, tạo thêm nguồn lực mới cho sáng tác, phổ biến và phát huy giá trị văn học nghệ thuật truyền thống, văn học nghệ thuật của các dân tộc trong tỉnh.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ về VHNT, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh đề xuất:

Đề nghị Trung ương tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về *xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới*, trên cơ sở đó xây dựng Nghị quyết về văn học nghệ thuật trong giai đoạn số hóa. ❖

## MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG NINH THỜI GIAN TỚI

ĐÀM KHẮC CỬ

*TS, Đại học Công đoàn*

### TIỀM NĂNG, LỢI THẾ PHÁT TRIỂN CỦA QUẢNG NINH

Được ví như một Việt Nam thu nhỏ, Quảng Ninh có vị trí địa chiến lược với nhiều tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, hội tụ đa dạng các loại địa hình từ đồng bằng, vùng núi cho đến biển, đảo, làm nên sự phong phú, độc đáo về cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa, góp phần tạo nên lợi thế cạnh tranh của vùng đất và con người Quảng Ninh trên tương quan quốc gia và quốc tế.

Quảng Ninh là tỉnh duy nhất của nước ta hội tụ đầy đủ các điều kiện tự nhiên cho phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội mang tính đặc trưng của Việt Nam, như rừng, tài nguyên, biển, du lịch, biên giới, thương mại... Có điều kiện thông thương với Trung Quốc tốt nhất Việt Nam qua hệ thống các cửa khẩu trên đất liền và trên biển; là nơi có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, có nhiều loại đặc thù, trữ lượng lớn, chất lượng cao mà nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước không có, như than đá, cao lanh, đất sét, cát thủy tinh, đá vôi...

Đây còn là địa danh giàu tiềm năng du lịch, là một đỉnh của tam giác tăng trưởng du lịch miền Bắc Việt Nam với hơn 600 danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử được xếp hạng, hội tụ đầy đủ các yếu tố tự nhiên. Đặc biệt, Quảng Ninh có Vịnh Hạ Long hai lần được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới về giá trị cảnh quan và giá trị địa chất, địa mạo; được vinh danh là một trong bảy kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới. Quảng Ninh là tỉnh duy nhất có 4 thành phố trực thuộc tỉnh (Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí, Cẩm Phả) và 2 thị xã (Quảng Yên, Đông Triều); có 3/28 khu kinh tế cửa khẩu (Móng Cái, Hoàn Mô, Bắc Phong Sinh) và là 1/3 tỉnh đang được Quốc hội xem xét thông qua Luật đặc khu (trong đó có Đặc khu Vân Đồn).

Ngoài ra, Quảng Ninh có diện tích quy hoạch khu công nghiệp, khu kinh tế lớn nhất cả nước với 7 khu công nghiệp đang hoạt động, 3 khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Hoành Mô, Bắc Phong Sinh và 2 khu kinh tế ven biển là Vân Đồn và Quảng Yên. Khu kinh tế Vân Đồn đang được xây dựng để trở thành đô thị biển, đảo xanh, hiện đại và thông minh, khu kinh tế Quảng Yên trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ và hậu cần cảng biển chất lượng cao. Các khu công nghiệp, khu kinh tế đều được định hướng phát triển đa ngành, đặc biệt khuyến khích phát triển các nhóm ngành dịch vụ, khoa học - công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; nông nghiệp sinh thái hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp giải trí hiện đại mang tầm quốc tế. Hệ thống hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế được xây dựng hiện đại, đồng bộ, an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng các yêu cầu đa dạng, nghiêm ngặt, sẵn sàng chào đón các doanh nghiệp và các nhà đầu tư đến với Quảng Ninh.

Quảng Ninh có vị trí địa lý chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại với điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng; nằm trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt - Trung; hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng, cầu nối ASEAN - Trung Quốc, hành lang kinh tế Nam Ninh - Xin-ga-po..., đồng thời, là cửa ngõ thông ra biển của cả vùng đồng bằng sông Hồng, vùng trung du miền núi phía Bắc với hơn 250km bờ biển, rộng trên 6.000km<sup>2</sup> mặt biển, trên 1.000 km<sup>2</sup> diện tích hải đảo, trên 2.700 hòn đảo lớn, nhỏ và trên 40.000ha bãi triều, 20.000ha eo vịnh... Đặc biệt, Quảng Ninh còn có nhiều bãi biển đẹp, hằng năm thu hút đông đảo khách du lịch, như Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng (Vân Đồn), Trà Cổ (Móng Cái) và các vườn quốc gia, khu bảo tồn Ba Mùn, Bái Tử Long, Cô Tô. Toàn tỉnh có 10/14 huyện, thị, thành phố tiếp giáp với biển (trong đó có 2 huyện đảo Cô Tô và Vân Đồn). Tổng diện tích các địa phương ven biển và vùng biển, đảo chiếm tới 72% diện tích, 72,5% dân số; riêng diện tích đảo chiếm 11,5% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

Quảng Ninh có hệ thống cảng, bến như Cái Lân, Cửa Ông, Vạn Gia, Mũi Chùa, khu bến Yên Hưng... với năng lực bốc xếp cho tàu hàng vạn tấn, có nhiều tiềm năng khai thác tổng hợp, thuận lợi cho ngành vận tải đường biển giữa nước ta và các nước trên thế giới. Hệ thống cao tốc huyết mạch Hà Nội - Hải Phòng, Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái, rút ngắn khoảng cách giữa các khu vực trong tỉnh, kết nối Quảng Ninh với các tỉnh, thành trong nước một cách nhanh chóng, thuận tiện và an toàn; đồng thời khẳng định vai trò là cửa ngõ giao thương quan trọng thúc đẩy liên kết vùng và hợp tác quốc tế giữa ASEAN với Trung Quốc. Cùng với đường bộ, đường biển, Quảng Ninh chú trọng phát triển với hệ thống cảng nước sâu lớn nhất miền Bắc; hệ thống cảng tàu khách quốc tế Hạ Long - cảng chuyên biệt, hiện đại nhất Việt Nam. Các cảng biển Quảng Ninh đều được kết nối bằng cao

tốc hiện đại, tạo thuận lợi lớn trong di chuyển và vận chuyển hàng hóa. Đồng thời, Quảng Ninh có hệ thống cửa khẩu phân bố trên dọc tuyến biên giới, đặc biệt là cửa khẩu quốc tế Móng Cái, là nơi hội tụ giao lưu thương mại, du lịch, dịch vụ và thu hút các nhà đầu tư, là cửa ngõ giao dịch xuất, nhập khẩu với Trung Quốc và các nước trong khu vực.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUẢNG NINH TRONG THỜI GIAN TỚI

Với tiềm năng, lợi thế sẵn có về tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa chiến lược quan trọng, Quảng Ninh là tỉnh có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế toàn diện, hiện đại, có khả năng hội nhập quốc tế sâu rộng. Tuy nhiên, hiện nay, tình hình phát triển hệ thống đô thị tỉnh đã bộc lộ một số hạn chế, nếu không được quy hoạch kịp thời sẽ gây lãng phí tài nguyên, kém bền vững về môi trường, ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giai đoạn tới. Vì vậy, việc lập quy hoạch xây dựng vùng được Quảng Ninh xác định là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách, theo đó, chủ trương của tỉnh là việc lập quy hoạch phải bám sát không gian phát triển “Một tâm, hai tuyến, đa chiều, hai mũi đột phá”; đặt Quảng Ninh trong sự phát triển liên kết vùng ở cấp quốc gia và kết nối khu vực ở cấp quốc tế; gắn kết chặt chẽ và hài hòa giữa hệ thống đô thị Quảng Ninh với vùng và khu vực; thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng và lợi thế của tỉnh để thu hút đầu tư, phát huy nội lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo đảm vững chắc về quốc phòng - an ninh; thực hiện một trong ba khâu đột phá chiến lược, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại...

Bên cạnh đó, mục tiêu của tỉnh là hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, không để tái nghèo, phát sinh hộ nghèo; xây dựng và triển khai chuẩn nghèo mới của tỉnh. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 98%; tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nguồn nước ăn uống hợp vệ sinh đạt trên 99,9% (trong đó, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đáp ứng QCVN-02:2009/BYT đạt trên 70%). Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị và các xã đảo, các xã có hoạt động du lịch, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 97,3%. Giữ vững tỷ lệ che phủ rừng đạt 55% và nâng cao chất lượng rừng.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, đòi hỏi các giải pháp đồng bộ nâng cao hiệu quả đầu tư công, đầu tư xã hội, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); cụ thể hóa chủ đề công tác năm 2023 về nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn

với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức cạnh tranh, tính bền vững của nền kinh tế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công.

Huy động mọi nguồn lực, đa dạng hình thức đầu tư; đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng. Gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển con người; tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Xây dựng chính quyền địa phương các cấp liêm chính, phục vụ, thực sự “của dân, do dân, vì dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

*Một là*, tổ chức lại không gian phát triển, kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các hành lang kinh tế, hành lang đô thị, hướng tới xây dựng thành thành phố trực thuộc Trung ương và thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ, bảo đảm các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương của tỉnh trong tam giác động lực phía Bắc, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng được phát huy tối đa, bổ sung cho nhau cùng phát triển. Góp phần đẩy nhanh chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, tận dụng cơ hội mới và công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Hai là*, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị theo hướng bền vững, xanh, bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế phát triển của từng địa phương trên địa bàn; gắn với phát triển kinh tế nhanh, bền vững và phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa. Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách chênh lệch khung kết cấu hạ tầng giữa các vùng, miền; bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng sống mọi mặt của nhân dân.

*Ba là*, bảo đảm phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu. Hạn chế tác động xấu về môi trường, đồng thời phải tính đến giảm thiểu các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, thiên nhiên.

*Bốn là*, tiếp tục định hướng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, khai thác tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là từ khu vực tư nhân, phát triển hình thức đối tác công - tư. Điều chỉnh cơ cấu và nâng cao hiệu quả đầu tư công, Nhà nước tập trung đầu tư vào công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ để tăng tính thương mại của các dự án kết cấu hạ tầng, dành nguồn vốn thích đáng đầu tư vào các công trình thiết yếu, quan trọng, khó huy động các nguồn lực xã hội.

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA**

Tiếp tục quan tâm dành nguồn lực đầu tư và ban hành các cơ chế, chính sách cho bảo tồn, phát triển văn hóa, nhất là vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt, việc triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 17-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “Về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” đã và đang tiếp tục tạo ra những chuyển biến tích cực về kinh tế, văn hóa, xã hội tại các địa phương. Bố trí nguồn lực hợp lý đầu tư cho phát triển văn hóa, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên và các giá trị văn hóa của cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn phục vụ cho phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ. Từ đó, vừa góp phần nâng cao trách nhiệm của người dân trong gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa, vừa tạo nguồn lực để đầu tư trở lại cho công tác bảo tồn văn hóa trên địa bàn.

Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, đưa văn hóa trở thành một thị trường tiềm năng, hướng tới “xuất khẩu văn hóa”, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Trước mắt, tiếp tục khai thác thế mạnh, tiềm năng văn hóa về cảnh quan, giá trị truyền thống, ẩm thực vùng, miền; khuyến khích các hoạt động sản xuất, quảng bá các loại hình văn hóa phi vật thể, các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ có giá trị cao, đồ lưu niệm mang thông điệp văn hóa thể hiện đặc trưng riêng có, phục vụ phát triển ngành kinh tế dịch vụ, du lịch của tỉnh; đồng thời, đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá cảnh quan, văn hóa, con người Quảng Ninh trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội, thông qua các sự kiện văn hóa, thể thao, triển lãm của quốc gia, quốc tế.

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

Trong thời gian tới, Quảng Ninh đề ra định hướng phát triển du lịch là “Coi du lịch nội tỉnh, nội địa là nội lực, nền tảng căn bản để phát triển bền vững, đồng thời tận dụng mọi cơ hội để phục hồi thị trường khách quốc tế”, từ đó hướng đến mục tiêu phát triển du lịch

theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, bền vững, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc; quản lý, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long; phát triển du lịch xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch gắn với phát triển xanh, bền vững; đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch đa dạng, chất lượng, khả năng cạnh tranh cao. Phát triển sản phẩm, quảng bá xúc tiến du lịch chuyên nghiệp, hiệu quả, thúc đẩy chuyển đổi số trong du lịch. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn kết hợp chặt chẽ với công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp và phát triển kinh tế biển, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác, đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, nhất là ở các khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo. ❖



## **GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH - MẠCH NGUỒN VÀ ĐỘNG LỰC CHO THANH NIÊN HIỆN NAY**

**NGÔ THỊ CẨM LIÊN - THIỀU QUANG THỊNH**  
*Thành phố Hồ Chí Minh*

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến văn hóa, xem văn hóa là một trụ cột phát triển hướng tới mục tiêu xây dựng quốc gia phồn vinh và hạnh phúc. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 đã khẳng định: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước. Đây là nội dung được nhấn mạnh và nhắc đến nhiều lần, thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng trong phát huy giá trị sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam sát với thực tiễn đất nước, phù hợp với xu thế phát triển khách quan của thời đại.

Trong nhiều năm qua, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến xây dựng phẩm chất, nhân cách của con người nhằm khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng và phát triển đất nước: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách của con người và trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản là yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Trên tinh thần đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 9-3-2018 “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng

Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” với mục tiêu giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa, các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng *năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh* - thân thiện.

Vì vậy, vấn đề phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh được xem như là một nguồn lực nhằm khơi dậy ý chí, khát vọng cống hiến trong thanh niên, thế hệ trẻ Quảng Ninh hiện nay. Đây là một trong những yêu cầu và nhiệm vụ quan trọng, tạo động lực góp phần thúc đẩy tỉnh Quảng Ninh phát triển nhanh và bền vững với các đặc trưng: Hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - *văn hóa đặc sắc* - xã hội *văn minh* - nhân dân hạnh phúc.

### **MẠCH NGUỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH**

Văn hóa là một khái niệm đa nghĩa, đa tầng và các nhà khoa học với những góc nhìn riêng đã định ra hàng trăm định nghĩa khác nhau về văn hóa. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đề cập về văn hóa từng đưa ra nhận định: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Đây có thể coi là một định nghĩa khá hoàn chỉnh và sát hợp với thực tế, đồng thời bao quát được cả những quan điểm hiện đại sau này về văn hóa.

Vùng đất Quảng Ninh được ví như một “Việt Nam thu nhỏ”, có thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp, có chung biên giới cả trên đất liền và trên biển với các tỉnh vùng Đông Nam, Trung Quốc, có tầm quan trọng về địa chiến lược của nước ta. Từ xưa đến nay, từ thời các vua Hùng, các triều đại phong kiến đến thời đại Hồ Chí Minh, mảnh đất Quảng Ninh luôn luôn được xác định như một pháo đài then chốt, bảo vệ vùng phen giậu Đông Bắc của đất nước.

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, tài nguyên phong phú, đa dạng, Quảng Ninh có vị thế quan trọng về địa - kinh tế với nguồn lợi bên trong đất liền với các mỏ khoáng sản, như than đá, quặng kim loại, đá vôi, cao lanh,...; nguồn lợi từ vùng biển, đảo Đông Bắc rộng lớn với tài nguyên thủy, hải sản phong phú, dầu khí dưới đáy biển,... Nơi đây là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, với di sản tinh thần “kỷ luật và đồng tâm”. Trải qua bao thế hệ, con người Quảng Ninh đã tạo nên không gian sinh tồn của mình. Họ là

những người có vốn tri thức sâu, phong phú về đặc tính tự nhiên của từng miền đất, ngọn núi, con sông, luồng lạch trên biển; là những người thành thạo các nghề khai thác rừng, làm nông, phát triển thủ công, làm muối và tham gia tích cực vào các hoạt động kinh tế biển với đặc trưng văn hóa biển, tính chất đại dương đã ăn sâu, và tạo nên dấu ấn trong truyền thống văn hóa của Quảng Ninh.

Với trữ lượng văn hóa phong phú với nhiều giá trị nổi bật, Quảng Ninh mang trong đó các yếu tố địa - văn hóa. Hiện nay, Quảng Ninh có 43 thành phần dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 87,7%, các dân tộc thiểu số chiếm 12,3%. Trong 43 thành phần dân tộc có 05 dân tộc thiểu số có số dân đông nhất (Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chay, Hoa), có không gian sinh sống tập trung thành cộng đồng làng, bản. Trong quá trình sinh sống, lao động sản xuất, mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng được thể hiện qua không gian cư trú, văn hóa vật thể và phi vật thể. Các giá trị văn hóa của mỗi dân tộc được chính cộng đồng luôn gìn giữ và phát huy. Bên cạnh đó, cộng đồng các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh cũng đã tiếp thu linh hoạt, sáng tạo các giá trị văn hóa của các dân tộc cận cư nhưng không rập khuôn, máy móc các giá trị di sản văn hóa vào đời sống văn hóa của cộng đồng.

Quảng Ninh là địa phương có quần thể các di tích và danh thắng nổi tiếng. Theo Quyết định số 3929/QĐ-UBND, ngày 14-10-2020, của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, hiện nay Quảng Ninh có 632 di tích đã được kiểm kê, 144 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 54 di tích cấp quốc gia, 85 di tích cấp tỉnh. Tiêu biểu nhất là 5 di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, như Danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long), khu Di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử (thành phố Uông Bí), khu Di tích nhà Trần (thị xã Đông Triều), khu Di tích lịch sử Bạch Đằng (thị xã Quảng Yên) và Đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả). Các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn mang nhiều giá trị, trong đó nổi bật là giá trị lịch sử, văn hóa.

Cùng với đó, Quảng Ninh có trên 360 di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê, với 6 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, như nghi lễ Then cổ của người Tày (huyện Bình Liêu); hát nhà tơ (còn gọi là hát cửa đình, thành phố Móng Cái), lễ hội Đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả); lễ hội Tiên Công (thị xã Quảng Yên), lễ hội Đình Trà Cỏ (thành phố Móng Cái), lễ hội Đình Quan Lạn (Vân Đồn). Đặc biệt, thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam mà Quảng Ninh có đại diện là Then của người Tày, Bình Liêu đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Đây là những điểm tựa thuận lợi để Quảng Ninh xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, là tiền đề để phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ với những sản phẩm du lịch đặc sắc.

Với các hoạt động kinh tế phong phú, truyền thống văn hóa đa dạng, giàu bản sắc, qua những thách thức khắc nghiệt của lịch sử, con người Quảng Ninh đã hội tụ nên những phẩm chất đặc trưng và hiếm nơi nào khác có được. Đó là chất hào hiệp, hào sảng, chất biển sâu đậm trong tâm trí, máu thịt, tính cách người Quảng Ninh; chất khoan dung, nhân ái, uyên bác, năng động, sáng tạo của truyền thống văn hóa Phật giáo; chất kiên cường, bản lĩnh, cách mạng trong lối sống, phẩm chất của các thế hệ công nhân vùng mỏ, cư dân vùng địa đầu Tổ quốc; chất trí tuệ, giàu năng lực phân tích và tư duy thực tiễn, giàu khát vọng vươn lên trong văn hóa chính trị và cộng đồng dân cư sinh sống làm chủ một dải văn hóa vùng biên giới và biển, đảo Đông Bắc.

Chính những giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh đã trở thành mạch ngầm, là nguồn lực quan trọng để tạo nên khát vọng kiến tạo Quảng Ninh giàu có, hạnh phúc, phục vụ cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế sâu rộng.

### **GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH - ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN LỐI SỐNG CHO THANH NIÊN**

Văn hóa là sản phẩm của con người sáng tạo ra trong quá trình sinh hoạt, lao động và sau đó, các sản phẩm văn hóa quay trở lại phục vụ nhu cầu đời sống của con người. Chắc chắn rằng, lối sống có liên quan mật thiết với văn hóa và có thể coi lối sống như một bộ phận hợp thành của văn hóa. Lối sống của thanh niên Quảng Ninh hiện nay mang trong đó những nội hàm của lối sống thanh niên Việt Nam nói chung. Đó là lứa tuổi phát triển cả về thể chất và tinh thần tích lũy tri thức và kinh nghiệm sống, thanh niên có xu hướng tách khỏi sự nuôi dưỡng, bao bọc của gia đình, bước vào môi trường xã hội rộng mở với tính cách một chủ thể độc lập để tham gia vào quá trình sản xuất cũng như các hoạt động xã hội.

Lối sống của thanh niên Quảng Ninh mang đặc trưng của sức trẻ, có tính trội là hướng ngoại, dễ bị hấp dẫn bởi lối sống hiện đại, hướng đến tương lai hơn là quan tâm đến quá khứ. Trí tuệ, sáng tạo, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, sáng tạo, đã khiến cho lối sống thanh niên luôn có sự tươi mới, năng động và có dấu ấn riêng so với các tầng lớp khác trong xã hội. Tuy nhiên, lối sống đó cũng tiềm ẩn nguy cơ vô định hình, mất phương hướng nếu chưa chuẩn bị đủ vốn tri thức về các giá trị văn hóa, thiếu kinh nghiệm và bản lĩnh đương đầu với khó khăn nếu chưa có được phẩm chất của con người Quảng Ninh.

Vì thế, trong thời gian qua, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên Quảng Ninh được triển khai theo phương châm xác định giá trị, tiêu chí, chuẩn mực trong hành vi, lối sống, ứng xử thông qua các cuộc vận động, các phong trào và tấm gương điển hình. Các

cấp, ban, ngành của Quảng Ninh đã triển khai có chiều sâu các cuộc vận động, như “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”, “Mỗi ngày một việc tốt, mỗi tuần một việc tốt, mỗi tháng một việc tốt”, “Văn minh thanh lịch là nếp sống đẹp của thanh niên Quảng Ninh”; tổ chức Hội thi Người đẹp Hạ Long; triển khai thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử “Nụ cười Hạ Long”. Định kỳ tuyên dương “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác”, “Thi đua văn hóa công sở thông qua phong trào 4 xin - 4 luôn”, “Sinh viên 5 tốt”, “Học sinh 3 rèn luyện”, “Cháu ngoan Bác Hồ”, chương trình “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Quảng Ninh”; phát hành các ấn phẩm tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, mô hình tiêu biểu...

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xu thế toàn cầu hóa, sự nở rộ của mạng xã hội cùng các nguồn văn hóa ngoại lai du nhập vào nước ta một cách tràn lan đã tác động không nhỏ đến thanh niên Quảng Ninh. Trong các hoạt động thường ngày, trong các mối quan hệ xã hội, văn hóa truyền thống, đặc trưng phẩm chất con người Quảng Ninh vẫn chưa thực sự trở thành nền tảng, thành chuẩn mực mà thanh niên đều tuân theo. Do đó, một số hiện tượng xấu vẫn còn tồn tại trong xã hội, như con cái vô lễ với ông bà, cha mẹ; tình trạng bạo lực học đường gia tăng về số vụ và mức độ nghiêm trọng; tình hình tội phạm trong lứa tuổi thanh, thiếu niên có chiều hướng gia tăng; thanh niên ít quan tâm đến các loại hình văn nghệ, văn hóa truyền thống...

Giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh vì thế có vai trò quan trọng trong sự phát triển lối sống của thanh niên, cũng như sự hoàn thiện nhân cách của thế hệ trẻ, biểu hiện trên các nội dung sau:

*Một là*, các giá trị văn hóa như tính chất hào hiệp, hào sảng, sự khoan dung, nhân ái, uyên bác, năng động, sáng tạo của con người Quảng Ninh sẽ tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của thanh niên. Từ đó, các giá trị văn hóa có ý nghĩa đặc biệt nuôi dưỡng đời sống tinh thần lành mạnh, tình cảm trong sáng, không vụ lợi.

*Hai là*, các giá trị con người như kiên cường, bản lĩnh, cách mạng trong lối sống, phẩm chất của các thế hệ công nhân vùng mỏ, cư dân vùng địa đầu đất nước sẽ tác động đến ý chí vươn lên, hun đúc sức mạnh tinh thần từ chiều sâu truyền thống, giúp thanh niên Quảng Ninh tiếp nối mục tiêu và lý tưởng sống, hoài bão cao đẹp.

*Ba là*, chất trí tuệ, năng lực phân tích và tư duy thực tiễn, giàu khát vọng vươn lên của con người Quảng Ninh tác động mạnh mẽ đến suy nghĩ, phán đoán và năng lực ứng phó với mọi thách thức, tiêu cực của đời sống xã hội hiện đại. Cùng với đó, thanh niên sẽ có nhận

thức đúng đắn và ý thức chính trị vững vàng; đấu tranh chống lại các quan điểm “độc hại”, “thù địch”, nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và Nhà nước.

## **GIẢI PHÁP PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH TẠO ĐỘNG LỰC PHẤN ĐÁU CHO THANH NIÊN HIỆN NAY**

*Thứ nhất, nâng cao nhận thức cho toàn Đảng, toàn dân về vai trò của việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người tạo động lực phấn đấu cho thanh niên Quảng Ninh.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát huy nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Như vậy, cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách ưu tiên đầu tư để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Quảng Ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy lý tưởng và tinh thần cống hiến của thanh niên.

Các ban, ngành và địa phương cần xây dựng chương trình, kế hoạch hành động để khơi dậy khát vọng phát triển; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người ở cơ quan, đơn vị; xây dựng các chỉ tiêu, tiêu chí phấn đấu cụ thể để thực hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ở các cấp cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, gắn với khơi dậy khát vọng của các tầng lớp nhân dân, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người ở các giai cấp, dân tộc, các vùng, miền tập trung vào phát triển kinh tế - xã hội, phát triển quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

*Thứ hai, vai trò của văn hóa Quảng Ninh trong việc xây dựng con người phải được triển khai từ giáo dục.*

Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội của các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên... nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam; đồng thời, chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, tư duy sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số.

Coi trọng bồi đắp con người giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm, sáng tạo, hiện đại, có nhân cách tốt, lối sống đẹp. Quá trình giáo dục con người cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng, trong

đó kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội, đặc biệt quan tâm đến phát huy giá trị văn hóa gia đình để bồi đắp con người những giá trị, chuẩn mực văn hóa, đạo đức tốt đẹp; bổ sung môn học về di sản văn hóa và giáo dục địa phương trong các nhà trường; công tác giáo dục truyền thống lịch sử và văn hóa cho học sinh được trên địa bàn tỉnh được chú trọng quan tâm thông qua công tác giảng dạy, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, văn hóa địa phương cho học sinh, sinh viên.

Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đặc biệt là xây dựng chương trình để thực hiện nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam thịnh vượng, hạnh phúc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hiện nay. Nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy của đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành về văn hóa, nghệ thuật của tỉnh.

*Thứ ba, phát huy vai trò của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, báo chí, phát thanh và truyền hình trong việc tuyên truyền, giáo dục, cổ vũ động viên nhân dân nâng cao khát vọng phát triển đất nước phồn vinh; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Để phát huy tốt giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam thời kỳ mới, Đảng ta xác định nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vừa bảo đảm thúc đẩy văn hóa phát triển, vừa góp phần giáo dục, rèn luyện con người, đồng thời có kế hoạch, cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật; quan tâm, tạo điều kiện phát triển văn hóa, văn nghệ của các dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của văn hóa, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ. Vai trò của văn hóa nói chung, của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, truyền thông đại chúng nói riêng có vị trí đặc biệt trong việc tuyên truyền, cổ vũ, lan tỏa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc thông qua các kênh thông tin và truyền thông khác nhau. Các hoạt động này vừa tác động theo phổ rộng thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, vừa có khả năng thuyết phục sâu sắc thông qua con đường tình cảm, truyền cảm hứng về niềm tin, về khát vọng tạo động lực để mỗi người, mỗi cộng đồng quyết tâm phấn đấu vì sự hưng thịnh của quê hương, đất nước.

Vì vậy, Nhà nước cần tăng cường đầu tư, phát huy vai trò của các hoạt động này trong việc cổ vũ khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh. Đồng thời, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin - Truyền thông cần xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ này, đặc biệt là tạo nên những bước đột phá, đổi mới các nội dung, chương trình

hoạt động để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, kể cả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và truyền thông đại chúng ở Trung ương và địa phương.

*Thứ tư, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ cho nhiệm vụ khơi dậy khát vọng thanh niên; phát huy giá trị văn hóa và con người Quảng Ninh.*

Nhà nước cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ cho các nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Quảng Ninh. Đặc biệt là tăng nguồn lực đầu tư vào xây dựng con người, trước hết là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và phát triển văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo ra nền tảng tinh thần cho quá trình phát triển bền vững đất nước.

Bên cạnh việc tăng ngân sách đầu tư của tỉnh vào lĩnh vực văn hóa và xây dựng con người, cần đẩy mạnh chính sách xã hội hóa nhằm thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực này. Quảng Ninh chú trọng xây dựng một số công trình văn hóa, nghệ thuật trọng điểm tầm cỡ khu vực và quốc tế, ưu tiên phát triển một số lĩnh vực nghệ thuật đỉnh cao, khắc phục tình trạng nghiệp dư hóa các hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. Phát huy vai trò của dòng văn hóa, nghệ thuật chủ lưu để nâng tầm định hướng về tư tưởng, thẩm mỹ, đạo đức, lối sống và lan tỏa vào đời sống xã hội.

Quan tâm tiếp tục bố trí quỹ đất, kêu gọi xã hội hóa và sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là chú trọng xây dựng các điểm, khu vui chơi giải trí cho thanh thiếu nhi ở những nơi có điều kiện. Quy hoạch đô thị phải dành không gian công cộng cho nhân dân được thụ hưởng phúc lợi văn hóa. Quy hoạch khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phải dành thỏa đáng cho xây dựng thiết chế văn hóa phục vụ công nhân và thanh niên.

Giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Vì thế, Quảng Ninh luôn coi trọng các giá trị văn hóa, nỗ lực khơi dậy mạnh mẽ và phát huy hiệu quả các nguồn tài nguyên văn hóa, nguồn lực con người. Đặc biệt, việc phát huy nguồn lực văn hóa, thúc đẩy mạnh mẽ lý tưởng cống hiến và khát vọng trong thanh niên Quảng Ninh đã và đang được các cấp chính quyền chú trọng quan tâm. ❖



# **NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH QUẢNG NINH**

**ĐỒNG NGỌC DÁM**

*Học viện Chính trị khu vực I*

## **ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NINH**

Tỉnh Quảng Ninh là một vùng đất có bề dày về lịch sử, văn hóa. Thời kỳ tiền sử khoảng 18.000 năm trước, Quảng Ninh được biết đến là vùng đất thuộc văn hóa Soi Nhụ, văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bắc Sơn... Nơi đây từng có những thế hệ người Việt đầu tiên sinh sống với dấu ấn của nền văn minh xa xưa. Khu vực biên giới, biển đảo của tỉnh Quảng Ninh bao gồm khoảng 90 xã, phường với khoảng 160 thôn, bản, khu phố, là nơi có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống. Có trên 22.000 hộ dân sinh sống ở các khu vực này với số nhân khẩu lên đến hơn 100.000 người. Với truyền thống lịch sử, gắn bó lâu đời với mảnh đất lịch sử Quảng Ninh, các dân tộc thiểu số có một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới.

Quảng Ninh là một tỉnh miền núi, trung du vùng đông bắc của Tổ quốc. Hơn 80% đất đai ở đây là vùng đồi núi và 132,8km đường biên giới trên đất liền thuộc nhiều huyện, thị. Đây cũng là vùng đất chung sống của 21 dân tộc thiểu số, trong đó các dân tộc nhiều người nhất là Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chay, Hoa, Mường... Những dân tộc này sống tập trung chủ yếu ở các huyện miền núi vùng biên giới, như: Bình Liêu với 95,8% dân số là người dân tộc thiểu số; Ba Chẽ với 79,7% là người dân tộc thiểu số; Tiên Yên với 47,2% là người dân tộc thiểu số. Ở các huyện Hoành Bồ, Đàm Hà, Hải Hà, Cẩm Phả, Vân Đồn,... đều có nhiều người thuộc dân tộc thiểu số cùng sinh sống.

Mỗi dân tộc sinh sống ở đây đều có những nét văn hóa mang bản sắc riêng, với các di sản văn hóa truyền thống, độc đáo, như ngôn ngữ, chữ viết, trang phục cổ truyền, tập quán canh tác... Ở các huyện, thị, khu vực biên giới hải đảo của tỉnh Quảng Ninh có hàng trăm di sản văn hóa vật thể của các dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, 21 dân tộc thiểu số ở đây đều đang lưu giữ những di sản văn hóa phi vật thể độc đáo. Có thể thấy, những di sản văn hóa phi vật thể này thông qua các điệu hát, dân vũ, lễ hội truyền thống, như: hát Then của người Tày, hát Pả Dung của người Dao và hát Soóng Cọ của người Sán Chỉ. Xã Húc Động, huyện Bình Liêu là nơi nổi tiếng về lễ hội và điệu hát Soóng Cọ - một lối hát trữ tình, giao duyên của người Sán Chỉ. Hằng năm, hội Soóng Cọ được tổ chức tại đây vào cuối mùa xuân, ngày 16 - 3 âm lịch. Soóng Cọ là ngày hội để các chàng trai, cô gái giao duyên, tìm bạn trăm năm tri kỷ. Đặc biệt hơn, Soóng Cọ còn được xem như ngày hội của những người đã lập gia đình. Theo quan niệm của người Sán Chỉ, mặc dù đã có gia đình, nhưng “duyên nợ” của một số người với “người xưa” vẫn còn với nhau nên hội Soóng Cọ là ngày cho họ gặp lại “cố nhân”. Những nỗi niềm sâu kín, chất chứa trong tâm tư bấy lâu được các chàng trai, cô gái đã yên bề gia thất gửi trọn vào lời ca thiết tha, da diết. Những năm gần đây, hội Soóng Cọ được tổ chức rất quy mô, phong phú và kéo dài đến vài ba ngày. Song song với hát giao duyên, những ngày hội Soóng Cọ còn diễn ra nhiều hoạt động vui chơi, giải trí truyền thống, như đánh quay, đẩy gậy, bắn nỏ, thi giã bánh, đốt lửa trại trên núi... Cùng với Soóng Cọ, các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ninh còn nổi tiếng với những điệu dân ca đối đáp giao duyên như: hát Pả Dung của người Dao, Sli của người Tày, Soọng Cô của người Sán Dìu, Soóng Cọ của Sán Chay, Sán Cồ của người Hoa... Môi trường diễn xướng truyền thống của các điệu dân ca đối đáp này cũng khá độc đáo, thường diễn ra trong những không gian sinh hoạt thường nhật ở bìa rừng, trên nương, dưới suối...

Ở huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh còn có hát Then - một lối hát dân tộc, truyền thống đặc sắc. Đây là hồn cốt trong các lễ hội văn hóa, tín ngưỡng của người Tày. Với giai điệu du dương, trầm bổng hòa với tiếng đàn tính ngân vang, giọng hát trong trẻo của các “bà then” khiến người nghe thấy lâng lâng, bay bổng, say theo điệu nhạc âm vang giữa núi rừng trùng điệp. Hát Then của người Tày ở Bình Liêu đã được Tổ chức Giáo dục - Khoa học - Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Huyện Bình Liêu còn là nơi diễn ra nhiều lễ hội lịch sử, văn hóa đặc sắc, như “Lễ hội đình Lục Nà”, “Hội mùa vàng Bình Liêu” ở xã Lục Hồn, “Hội Kiêng gió” của người Dao Thanh Phán ở xã Đồng Văn. Ở xã Đồng Tâm, “Hội hoa Sỡ” sẽ diễn ra khi những rừng hoa Sỡ nở đầy hoa trắng muốt. Cùng với huyện Bình Liêu, ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ninh còn có nhiều ngày hội văn hóa các dân tộc thiểu số, như Ngày hội văn hóa của người

Sán Chi xã Đại Dực, huyện Tiên Yên; Ngày hội văn hóa, thể thao dân tộc Sán Diu huyện Tiên Yên, Ngày hội văn hóa dân tộc Dao huyện Ba Chẽ... Mỗi lễ hội đều mang đậm bản sắc truyền thống, tôn vinh giá trị tinh thần của một dân tộc, nhưng vẫn có sự giao thoa, đan xen, kết hợp với văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau.

Trong Quy hoạch về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, tỉnh Quảng Ninh đã lựa chọn 4 thôn, bản để thực hiện bảo tồn, phục vụ phát triển du lịch, đó là: Bản (thôn 1, 2, 3) dân tộc Dao Thanh Y, xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long; Bản Lục Nà, Bản Cẩu dân tộc Tày, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu; Bản Nà Éch, người Sán Chay, xã Húc Động, huyện Bình Liêu và Làng truyền thống người Sán Diu, xã Bình Dân, huyện Vân Đồn. Với nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn và phát huy, văn hóa các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ninh có nhiều nét độc đáo, phong phú, có sức hấp dẫn đặc biệt.

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH QUẢNG NINH**

Truyền thống văn hóa phong phú, độc đáo, tồn tại dưới dạng vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số ở đây là những giá trị độc đáo cần được trân trọng, lưu giữ, bảo tồn. Để phát huy các giá trị văn hóa bản sắc, truyền thống, xây dựng một môi trường văn hóa văn minh, hiện đại, cần loại bỏ những hủ tục lạc hậu, ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe của đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn gần đây, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, tỉnh Quảng Ninh và chính quyền các cấp đã thực hiện tốt những chính sách xây dựng, phát triển, bảo vệ bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số, đồng thời tích cực vận động người dân các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng cao, khu vực biên giới dần loại bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, tiêu cực ra khỏi đời sống cộng đồng.

Thông qua việc vận động, tuyên truyền của các cơ quan quản lý nhà nước, cũng như chính quyền các cấp, một số tập quán cổ hủ, lạc hậu của một số dân tộc thiểu số đang thay đổi theo chiều hướng tích cực. Nhiều hủ tục, tập quán lạc hậu ăn sâu, bám rễ vào tiềm thức của đồng bào các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ninh đang dần được xóa bỏ, như: tục tảo hôn, ép hôn, kết hôn cận huyết, thách cưới cao, đòi của hồi môn, đồ sinh lễ, cố đẽ bằng được con trai, không đăng ký khi kết hôn, coi phụ nữ như những món hàng sẵn sàng gả bán, đổi chác; tình trạng mê tín, dị đoan, mời thầy cúng lễ bái, giải hạn khi ốm đau; thói gia trưởng, trọng nam, khinh nữ; thói uống rượu kéo dài, bê trễ sản xuất; tình trạng làm chuồng, trại nuôi gia súc, gia cầm ở gần nhà gây ô nhiễm môi trường,... Nhiều tục lệ cổ hủ

rườm rà trong việc tổ chức ma chay, cưới hỏi của đồng bào các dân tộc thiểu số cũng dần được loại bỏ khỏi đời sống cộng đồng, như tổ chức đám tang nhiều khê, đa lễ, nhiều ngày; góp lễ bằng hiện vật như gia súc, gia cầm; giết mổ nhiều trâu, bò, ngựa, ăn uống linh đình từ ngày này sang ngày khác gây tốn kém, lãng phí... Đây là những phong tục truyền thống của đồng bào thiểu số, song những tập tục này gây ảnh hưởng, phiền phức, tốn kém tiền bạc cho các hộ gia đình, đặc biệt là các hộ nghèo. Những điều kiêng kị khắt khe về hành vi, việc làm, ngày tháng, thời gian,... theo tâm linh, tín ngưỡng một số dân tộc thiểu số như: người Nùng nghi lễ cúng Rừng nhiều ngày, người Dao kiêng ngày gió..., gây ảnh hưởng đáng kể đến việc canh tác, sản xuất, cuộc sống của người dân... Những hủ tục này dần được đồng bào các dân tộc thiểu số thay đổi, loại bỏ. Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” ở khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đang đi vào nền nếp và trở thành phong trào có sức lan tỏa rộng rãi, mang lại những hiệu quả rõ rệt về nhận thức và được thể hiện bằng những hành động cụ thể trong đời sống của người dân.

Xuất phát từ những chủ trương đúng đắn, phù hợp với suy nghĩ và nguyện vọng của người đồng bào các dân tộc thiểu số nên việc tiến hành bài trừ các hủ tục lạc hậu ở tỉnh Quảng Ninh nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo người dân. Dưới góc độ quản lý phát triển văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa, cần đánh giá đầy đủ, chính xác về vai trò, vị trí, giá trị của văn hóa truyền thống đối với đời sống tinh thần, sự phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số, cũng như tác động, ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển chung của xã hội. Bên cạnh đó, cần đánh giá chính xác về thực trạng của văn hóa các dân tộc thiểu số hiện nay. Qua khảo sát, xung quanh việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số hiện có một số vấn đề như sau:

*Thứ nhất*, cần nhìn nhận, xem xét, đánh giá thấu đáo dưới góc độ giá trị, bản sắc văn hóa những phong tục, tập quán mang bản sắc văn hóa của một tộc người cần được bảo vệ, gìn giữ cho một quốc gia, dân tộc.

*Thứ hai*, trong xu thế toàn cầu hóa, văn hóa phương Tây đang lan rộng và lấn át những nền văn hóa truyền thống của nhiều quốc gia, dân tộc. Vì vậy, văn hóa của các dân tộc thiểu số trên thế giới, cũng như ở Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị đồng hóa. Bản sắc văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể/phi vật thể của nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Trong khi đó, việc nghiên cứu, xây dựng những tiêu chí khoa học, chính xác để xác định, đánh giá về giá trị, bản sắc của văn hóa các dân tộc thiểu số chưa được thực hiện bài bản.

*Thứ ba*, việc giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số cần được nhìn nhận một cách toàn diện, coi đây là một phần quan trọng, không thể thiếu trong tổng thể nền văn hóa của cả dân tộc. Các cơ quan hoạch định chính sách phát triển văn hóa, cơ quan quản lý văn hóa, các địa phương cần quan tâm đúng đắn, thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ sự đa dạng, phong phú của văn hóa dân tộc. Văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số là những giá trị độc đáo cần được lưu giữ, bảo tồn, đặc biệt là ở nước ta có 54 dân tộc anh em cùng nhau chung sống.

*Thứ tư*, hệ giá trị, vai trò, vị trí, bản sắc của văn hóa các dân tộc thiểu số chưa được nhìn nhận, đánh giá đúng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò của văn hóa truyền thống, lợi thế so sánh về văn hóa của các dân tộc thiểu số chưa được khai thác, tận dụng để phát triển kinh tế - xã hội. Giá trị của bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số chưa được phát huy hết khả năng. Chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số với việc quảng bá, thu hút, phát triển du lịch, tạo sinh kế, nâng cao đời sống người dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa miền núi và miền xuôi.

*Thứ năm*, một số nét đẹp văn hóa trong lối sống, phong tục, lễ hội truyền thống đang đứng trước nguy cơ bị biến dạng và mai một. Lực lượng nghệ nhân dân gian ngày càng ít đi. Các di tích lịch sử văn hóa, không gian văn hóa tổ chức lễ hội, nghi thức diễn xướng dân gian xuống cấp, mất đi bản sắc gốc. Nhận thức của cộng đồng về vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Nhiều mô hình bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số còn mang tính tự phát, chưa có chiều sâu, chưa giải quyết tận gốc rễ những vấn đề về bảo tồn văn hóa truyền thống.

## **MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH QUẢNG NINH**

Gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc là một nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh thực hiện những mục tiêu phát triển đất nước hiện nay với tầm nhìn đến năm 2030 và 2045. Để thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện đất nước, văn hóa dân tộc, cũng như văn hóa các dân tộc thiểu số ngày càng có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta, văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển, việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa ở tầm quốc gia, cũng như ở tỉnh Quảng Ninh là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Vì vậy, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản như sau:

*Một là*, cần cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng như: Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, cũng như Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2021.

*Hai là*, cần bổ sung, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa để hoạt động quản lý, bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị của những di sản văn hóa vật thể/phi vật thể của quốc gia ở các địa phương trong cả nước đi vào quy củ. Trong việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Di sản văn hóa, cần nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, các tổ chức xã hội, các dân tộc thiểu số và các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực văn hóa.

*Ba là*, cần tiến hành việc hoạch định, xây dựng và thực thi chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa vật thể/phi vật thể của dân tộc, cũng như văn hóa của các dân tộc thiểu số. Cần xác định, gìn giữ, bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số là mục tiêu và nhiệm vụ trung tâm của những chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

*Bốn là*, các bộ, ban, ngành chức năng ở Trung ương, các tỉnh, thành phố và chính quyền các cấp cần tích cực tuyên truyền pháp luật, chủ trương chính sách của Nhà nước để nâng cao ý thức của đồng bào các dân tộc thiểu số trong việc tôn trọng, bảo tồn những di sản văn hóa vật thể/phi vật thể của dân tộc mình. Cần tiến hành tuyên truyền, vận động bà con các dân tộc thiểu số bằng phương pháp, hình thức, nội dung dễ hiểu, dễ nhớ, sử dụng ngôn ngữ tuyên truyền phù hợp với từng dân tộc, trình độ dân trí của từng vùng, miền, địa phương.

*Năm là*, cần đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, trình độ quản lý phát triển văn hóa, am hiểu về văn hóa các dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo tồn văn hóa truyền thống ở các huyện, thị có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống. Cần có chính sách đào tạo, tuyển dụng đặc thù đối với những con em dân tộc thiểu số sinh ra, lớn lên và làm việc trong lĩnh vực văn hóa ở các địa phương.

*Sáu là*, cần có kế hoạch phân bổ ngân sách, nguồn lực công hợp lý trong việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm sự công bằng giữa miền núi và miền xuôi. Những chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương cần chú trọng đến việc bảo tồn và khai thác, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc để phát triển du lịch, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Cần xây dựng một số thôn, bản trở thành những điểm du lịch văn hóa đặc sắc nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ninh. ❖

# PHÁT HUY TÍNH TỰ LỰC, SÁNG TẠO VÀ KHÁT VỌNG LÀM GIÀU CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN ĐỨC CHIÊN

PGS, TS, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

HOÀNG TUYẾT MAI

TS, Trường Đại học Hạ Long

*Trong các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc cũng như công cuộc xây dựng, phát triển của đất nước ta, người nông dân luôn đảm nhận vai trò vô cùng quan trọng. Đặc biệt, nước ta xuất phát điểm là nước có nền kinh tế nông nghiệp, nông dân chiếm tỉ lệ rất lớn trong xã hội. Phát huy truyền thống đó, người nông dân tỉnh Quảng Ninh đã thể hiện vai trò nỗ lực, tự lực, sáng tạo và khát vọng không ngừng vươn lên trong sản xuất, kinh doanh, góp phần quan trọng vào thành công đưa tỉnh trở thành một trong những địa phương sớm đạt thành quả cao trong chương trình xây dựng nông thôn mới.*

## TÍNH TỰ CHỦ, SÁNG TẠO VÀ KHÁT VỌNG CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI QUẢNG NINH

Tính tự chủ, sáng tạo và khát vọng làm giàu là một giá trị cơ bản, có ý nghĩa rất quan trọng trên con đường phát triển và hiện đại hóa của nông dân các nước phát triển. Theo tác giả Oita Morihiko Hiramatsu, kiến trúc sư của mô hình “Mỗi làng, một sản phẩm” (OVOP) nổi tiếng mang đến sự thành công trong phát triển nông thôn Nhật Bản, cho rằng “tự lực và sáng tạo” được thể hiện như một tư duy đổi mới để hiện thực hóa các sản phẩm và dịch vụ OVOP thông qua các hành động tự khởi xướng sử dụng các nguồn lực tiềm năng trong khu vực<sup>(1)</sup>. Như vậy, tính tự lực, sáng tạo và khát vọng là hệ giá trị rất quan trọng có ý nghĩa

(1) Đại học Ritsumeikan, Ritsumeikan Hougaku: Về việc đánh giá điểm khởi đầu của chính sách thực tiễn, Kyungmi Son “Một đặc điểm trong cách bắt đầu thực hiện chính sách: Trường hợp Chương trình Phong trào Mỗi làng một sản phẩm ở Oita” 2010, [https://so02.tci-thaijo.org/index.php/easttu/article/download/52501/pdf\\_7/121756](https://so02.tci-thaijo.org/index.php/easttu/article/download/52501/pdf_7/121756)

định hướng hành vi/hành động của người nông dân trong cuộc sống, đặc biệt là trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng do Chính phủ Việt Nam xây dựng và triển khai trên phạm vi nông thôn toàn quốc, căn cứ tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn<sup>(1)</sup>. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt ngày 4-6-2010. Sau hơn 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã giúp nhiều vùng nông thôn thay đổi, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, nâng cấp, từ đó, không chỉ góp phần thay đổi diện mạo nông thôn mà còn tạo cơ hội cho người dân nơi đây phát triển kinh tế; đã đạt và vượt các mục tiêu đề ra trước gần 2 năm, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chương trình nông thôn mới vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như kết quả xây dựng nông thôn mới của một số vùng còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước, vẫn còn khoảng cách chênh lệch về kết quả thực hiện giữa các vùng, miền. Trên cơ sở đó, ngày 22-2-2022, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2 với Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22-2-2022 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” nhằm mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 phần đầu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ninh và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh đã tập trung chỉ đạo, xây dựng các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức cho nông dân phát huy vai trò chủ thể, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 2020, tỉnh Quảng Ninh đã có 91/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã dưới 17 tiêu chí; 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 7/13 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây

(1) <http://danvan.vn/Home/Cong-tac-dan-van-trong-xay-dung-nong-thon-moi-va-giam-ngheo-ben-vung/12039/10-nam-thuc-hien-Chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-xay-dung-nong-thon-moi-giai-doan-2010-2020-ket-qua-va-bai-hoc-kinh-nghiem>



dựng nông thôn mới; theo bộ tiêu chí nông thôn mới, bình quân chung toàn tỉnh (98 xã) đạt 18,70 tiêu chí, 49,52 chỉ tiêu; thực hiện bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao đến nay bình quân chung toàn tỉnh (81 xã) đạt 5,83/8 tiêu chí và 23,16/27 chỉ tiêu; thực hiện bộ tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu đến nay bình quân chung toàn tỉnh (16 xã) đạt 3,69/4 tiêu chí và 12,69/13 chỉ tiêu. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đã được Trung ương, các tỉnh ghi nhận, lựa chọn mô hình để nhân rộng (là tỉnh đầu tiên của miền Bắc có huyện đạt chuẩn nông thôn mới). Theo Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh, huyện Cô Tô là huyện đảo đầu tiên cả nước đạt chuẩn nông thôn mới; xã Việt Dân, thị xã Đông Triều là xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đầu tiên của cả nước; chương trình mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP tỉnh Quảng Ninh) là sản phẩm riêng của tỉnh Quảng Ninh được Trung ương chọn và triển khai nhân rộng ra cả nước. Ngoài ra, tỉnh được Trung ương đánh giá là một trong những địa phương đi đầu trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thí điểm thực hiện các mô hình mới trong phát triển nông thôn và phát triển cộng đồng. Việc triển khai và bước đầu đạt được sự thành công trong chương trình nông thôn mới của tỉnh có sự đóng góp tích cực của các cấp hội, đặc biệt là ý chí về tính tự lực, sáng tạo và khát vọng trong công việc sản xuất, kinh doanh vươn lên làm giàu của mỗi hội viên là nông dân tỉnh Quảng Ninh.

### **NHỮNG NỖ LỰC VỀ TÍNH TỰ LỰC, SÁNG TẠO VÀ KHÁT VỌNG LÀM GIÀU CỦA NÔNG DÂN QUẢNG NINH - NHÌN TỪ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Cũng như các địa phương trên cả nước, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở Quảng Ninh đã triển khai sâu rộng đến các địa phương và đạt được những thành quả quan trọng. Có được những kết quả này là do các cấp hội đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức cho cán bộ, hội viên nông dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của mỗi địa phương. Đặc biệt, tỉnh hội đã tập trung tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức của mỗi nông dân về vai trò, vị trí của họ trong xây dựng nông thôn mới; mỗi nông dân nâng cao tinh thần tự chủ, sáng tạo và khát vọng trong hoạt động tổ chức sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh tế và làm giàu cho quê hương.

Theo báo cáo của Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh năm 2021, từ năm 2008 đến nay các cấp hội đã tổ chức 10.440 buổi tuyên truyền cho 600.955 lượt cán bộ, hội viên nông dân thông qua sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt chi, tổ hội; tổ chức 47 lớp tập huấn cho 2.444 cán

bộ, hội viên nông dân các chuyên đề gắn với nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới. Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh cũng duy trì Trang Nông dân trên Báo Quảng Ninh; chuyên đề “Nông dân Quảng Ninh hội nhập” trên QTV1 định kỳ hằng tháng; phát hành Báo Nông thôn ngày nay, ấn phẩm Trang trại Việt, bản tin công tác Hội đến 100% cơ sở và chi hội; phát trên 45.000 tập tài liệu tại các buổi tuyên truyền có các nội dung liên quan các quy định, cơ chế, chính sách đối với nông dân... Có thể nói, những hoạt động tuyên truyền, quảng bá sâu rộng trên các kênh đã góp phần nâng cao nhận thức về tự lực và sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mỗi nông dân.

Để phát huy tinh thần tự lực, chủ động và sáng kiến của nông dân, chính quyền các cấp, nhất là các cấp Hội Nông dân của tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua đã luôn quan tâm nâng cao hiệu quả công tác vận động nhân dân, phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới. Với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng”, người nông dân ở các địa phương đã phát huy tính tự lực bằng hình thức cùng bàn bạc, thảo luận dân chủ, quyết định làm gì, việc gì làm trước, việc gì làm sau phù hợp với khả năng của họ, phù hợp với nguồn lực của địa phương, theo hướng công trình ở thôn, bản do dân tự quản lý, công trình ở xã do xã quản lý. Trong tuyên truyền, vận động xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, các cấp hội chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tích cực vận động hội viên nông dân đóng góp sức người, sức của, hiến đất làm đường giao thông nông thôn và xây dựng các công trình phúc lợi tại địa phương. Theo Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh, từ năm 2011 đến năm 2021, hội viên, nông dân trên địa bàn tỉnh đã tự nguyện hiến hơn 450.000m đất, tự nguyện tháo dỡ trên 50.000m tường rào; đóng góp hơn 65,3 tỉ đồng, hơn 364.000 ngày công lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, các công trình phúc lợi công cộng; sửa chữa và xây mới 1.461km đường giao thông, 179,3km kênh mương, sửa chữa 253 cầu cống, xây dựng hơn 200 bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các khu sản xuất, 215 hầm biogas; xây dựng các mô hình xử lý rác thải; mô hình ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi; xây dựng 638 chi hội thực hiện tiêu chí “Đẹp nhà, sạch đường, sạch đồng ruộng”. Thực tế cho thấy tinh thần tự lực của người nông dân không chỉ trong hoạt động kinh tế riêng của gia đình mà còn trong các hoạt động chung phát triển cộng đồng. Điều quan trọng là hành vi tự lực này đã làm tan biến khuôn mẫu hành vi trông chờ, ỷ lại của người nông dân vào chương trình, hỗ trợ của Nhà nước.

Tuy nhiên, cũng theo Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh còn có không ít những hạn chế, bất cập liên quan đến tính tự lực, sáng kiến và khát vọng của nông dân, chủ yếu là trong những năm qua tình hình dịch bệnh COVID-19 đã tác động tới các hoạt động kinh tế, xã hội, trong đó có phong trào làm kinh tế của nông dân tại các địa phương gặp nhiều khó

khăn; giá vật tư đầu vào trong lĩnh vực sản xuất tăng cao ảnh hưởng đến sản xuất, tiêu thụ nông sản của nông dân...

Để kích thích tính tự lực, sáng tạo và khát vọng làm giàu của nông dân, chính quyền và các cấp hội nông dân trong tỉnh đã tăng cường hướng dẫn, tổ chức cho nông dân tích cực tham gia các phong trào thi đua, các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. “Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” được xác định là phong trào trọng tâm, xuyên suốt. Hằng năm, các cấp hội phối hợp và trực tiếp tổ chức hàng trăm buổi tập huấn về khoa học kỹ thuật và công nghệ mới cho hội viên, nông dân. Vận động hội viên, nông dân dồn điền, đổi thửa sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung, mở rộng mô hình liên kết sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, gắn với bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động, củng cố, thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả 42 câu lạc bộ nông dân theo ngành, nghề quy mô cấp huyện, cấp xã, cụm xã với gần 2.000 thành viên tham gia là các hộ sản xuất kinh doanh giỏi tiêu biểu, quản lý các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP. Vận động tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập và bảo trợ hoạt động của 108 hợp tác xã, 39 chi, tổ hội nghề nghiệp. Chủ động triển khai và phối hợp với các ban, đơn vị Trung ương hội, tổ chức phát triển Agriterra Hà Lan, CSA - Bì để hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị trực tiếp cho lãnh đạo 6 hợp tác xã, 50 thành viên của 18 hợp tác xã, tổ hợp tác.

Đến nay, phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi đã trở thành phong trào vững chắc, thực sự là điểm sáng trong các phong trào thi đua của Hội Nông dân tỉnh, là nhân tố điển hình góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới. Số hộ đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, số hộ đăng ký đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh các cấp tăng lên hằng năm. Từ phong trào đã xuất hiện ngày càng nhiều nông dân tiêu biểu, nhiều mô hình có quy mô sản xuất lớn thu hút hàng trăm lao động, thu nhập hàng tỉ đồng mỗi năm. So với giai đoạn 2010 - 2015, số hộ có mức thu lợi nhuận hằng năm trên 200 triệu đồng tăng gấp 3 lần, trên 1 tỉ đồng tăng gấp 5 lần trong giai đoạn 2015 - 2020.

Trong những năm qua, chính quyền và các cấp Hội nông dân tỉnh Quảng Ninh luôn quan tâm phối hợp chương trình hành động nhằm nâng cao năng lực tự chủ và thích ứng nhanh của nông dân thông qua đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, đào tạo nghề, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. Hội đã ký Chương trình phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch phối hợp với 18 sở, ban, ngành của tỉnh thống nhất nội dung, nhiệm vụ và cơ chế thực hiện với tinh thần chọn việc cụ thể, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm,

hiệu quả thiết thực và kiểm đếm được. Trên cơ sở nội dung phối hợp cấp tỉnh, 13 huyện, thị, thành Hội đã ký kế hoạch phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị cùng cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình xây dựng nông thôn mới. Hội đã phối hợp tổ chức tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật; phối hợp trong đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm cho nông dân; tăng cường mối liên kết “6 nhà” để hỗ trợ nông dân sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa. Hội phối hợp đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt 970 lớp với số lượng học viên là 31.040 người, giới thiệu việc làm cho 22.348 lao động sau đào tạo. Chính điều này đã khuyến khích tinh thần tự học, tự mày mò triển khai nghiêm túc các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nông dân. Đến nay hình thức “nông dân dạy nông dân”, những hộ sản xuất, kinh doanh giỏi đi trước đã thành công trực tiếp hướng dẫn người đi sau về kiến thức, kinh nghiệm, hỗ trợ giống, vốn, khoa học - kỹ thuật để cùng liên kết sản xuất kinh doanh đã trở thành công việc thường xuyên, hiệu quả do Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh triển khai. Trước đây, các hộ đơn lẻ độc lập sản xuất, nhiều kinh nghiệm quý giữ làm bí kíp của gia đình, dòng họ thì nay đã chia sẻ cho cộng đồng để cùng nhau lao động, sản xuất, làm giàu bền vững trên chính quê hương của họ.

Bên cạnh đó, Hội Nông dân Quảng Ninh đã chủ động liên hệ, ký kết, phối hợp với các nhà khoa học về nông nghiệp, với Khoa Nông học của Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, Trung tâm khảo nghiệm giống, sản phẩm cây trồng quốc gia xây dựng mô hình chuyển giao kỹ thuật trồng và chăm sóc một số cây ăn quả trên địa bàn tỉnh, thông qua các mô hình khảo nghiệm để làm căn cứ mở rộng diện tích, phát triển các vùng trồng cây ăn quả trên địa bàn.

Tổ chức các hội nghị gặp gỡ đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành với các chủ trang trại, gia trại tiêu biểu, đại diện hợp tác xã, tổ hợp tác và các hộ nông dân tham gia sản xuất sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Tổ chức cho nông dân giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm tại 58 hội chợ trong và ngoài tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 236 sản phẩm tham gia chương trình OCOP đạt sao, trong đó có 06 sản phẩm do Hội Nông dân làm chủ sở hữu; 20 sản phẩm của hội viên nông dân được tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu toàn quốc; 52 sản phẩm trực tiếp các cấp hội tham gia hỗ trợ, giúp hội viên xây dựng và thường xuyên giới thiệu, tiêu thụ tại các hội chợ và trung tâm OCOP.

Hội Nông dân tỉnh tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát triển, sử dụng hiệu quả quỹ hỗ trợ nông dân. Đến nay, tổng nguồn vốn quỹ hỗ trợ nông dân toàn Tỉnh là 54,66 tỉ đồng, tăng hơn 52 tỉ so với năm 2011. Giai đoạn 2011 - 2020, quỹ hỗ trợ nông dân các cấp trong tỉnh

đã cho 4.955 lượt hộ vay vốn thông qua 754 dự án phát triển sản xuất gắn với xây dựng mô hình liên kết giữa các hộ nông dân trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm bảo đảm an toàn. Cùng với đó, Hội tín chấp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng Liên Việt với tổng dư nợ tính năm 2021 là gần 800 tỉ đồng, với 312 tổ và 6.458 thành viên, Ngân hàng Chính sách xã hội với tổng dư nợ là 1.074,9 tỉ đồng cho 22.683 hộ vay, thông qua 698 tổ vay vốn.

Chính quyền và các cấp hội đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa và tinh thần của nông dân. Hội tích cực vận động hội viên, nông dân tham gia thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới” cùng với các phong trào xây dựng “Làng văn hóa”, “Gia đình văn hóa”. Vận động nông dân tự nguyện đóng góp ngày công, tiền của xây dựng các công trình nhà văn hóa, thể thao, khu vui chơi; tổ chức các hội thi tạo ra sân chơi bổ ích, lành mạnh cho nông dân; phát động và bình xét hộ đăng ký gia đình văn hóa, hằng năm có trên 80 nghìn hộ gia đình nông dân đạt hộ gia đình văn hóa. Tham gia xây dựng quy ước, hương ước ở thôn, xóm, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp, bài trừ hủ tục lạc hậu, đồng thời tổ chức phát động phong trào trên địa bàn nông thôn, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng thôn xóm không có tội phạm, không có ma túy, tệ nạn xã hội. ❖

# PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Ở QUẢNG NINH HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN VĂN THÔNG

*TS, Trường Đại học Hải Phòng*

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển nguồn nhân lực (NNL) luôn là vấn đề quan trọng bậc nhất đối với mọi quốc gia, vì nguồn lực con người luôn là nhân tố quyết định sức mạnh, vị thế của đất nước, bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đời sống kinh tế - xã hội. Quá trình toàn cầu hóa, sự tăng trưởng kinh tế ngày càng dựa nhiều vào tri thức và công nghệ tạo ra nhiều cơ hội phát triển NNL, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới về phát triển nguồn lực con người. Tại Việt Nam, tiến trình đổi mới đất nước, mở cửa, hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) cũng là tiến trình đổi mới nhận thức cũng như phương thức xây dựng, phát triển NNL. Thực tế, đến nay, bên cạnh những thành tựu về xây dựng, phát triển NNL, nhất là nhân lực chất lượng cao của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng, bất cập về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp quốc tế, thái độ và đạo đức nghề nghiệp... Những hạn chế và bất cập đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến thu hút đầu tư, tới sự phát triển, ổn định kinh tế - xã hội đất nước. Do đó, nghiên cứu phát triển NNL trên phạm vi cả nước nói chung, ở cấp độ địa phương nói riêng để đúc kết những kinh nghiệm hay, tìm ra những giải pháp phù hợp để phát triển NNL hiện nay là cần thiết, mang tính thời sự.

Tỉnh Quảng Ninh là một tỉnh nằm trong tam giác kinh tế tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã mang diện mạo của một khu vực kinh tế mở, năng động, đạt tốc độ tăng trưởng cao, quy mô không ngừng được nâng lên. Để đạt được những kết quả đó, ngoài lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên phong phú, trong những năm đổi mới, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã tập trung xây dựng, phát triển

NNL và đã thu được nhiều kết quả. Đảng bộ và nhân dân địa phương đã chọn đúng và giải quyết phù hợp vấn đề phát triển NNL, coi đây là hướng đột phá để phát triển kinh tế - xã hội - một nhiệm vụ vừa cấp bách, thường xuyên vừa có tính chiến lược lâu dài. Tuy nhiên, chất lượng NNL của tỉnh Quảng Ninh, nhiệm vụ phát triển NNL của địa phương trên cả phương diện chủ trương và tổ chức thực hiện còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng NNL Quảng Ninh hiện nay với những thành tựu đạt được cũng như những khó khăn, yếu kém để đề xuất những giải pháp góp phần phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

## NỘI DUNG

### *Thực trạng nguồn nhân lực Quảng Ninh hiện nay*

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020 chủ trương: “... phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dân số là một trong 3 khâu đột phá chiến lược, coi đây là yếu tố quan trọng, là nền tảng vững chắc để tạo đà cho sự phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới”<sup>(1)</sup>. Nghị quyết nhấn mạnh: nguồn nhân lực dựa trên hai nguồn là nhân lực tại chỗ và nhân lực thu hút, do đó phải làm rõ vai trò, cấu trúc lại và có cơ chế chính sách đào tạo, thu hút nhân lực, phấn đấu là địa phương có nguồn nhân lực chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế. Quán triệt chủ trương của Đảng bộ, với tầm nhìn chiến lược, tỉnh Quảng Ninh đã nỗ lực xây dựng quy hoạch nhằm phát triển nguồn nhân lực cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng. Theo đó, trong giai đoạn 2014 - 2019, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành 12 văn bản chỉ đạo, trình HĐND tỉnh ban hành 9 nghị quyết liên quan. Triển khai hiệu quả Đề án 239 về “Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2020”; các chính sách thu hút lao động và phát triển nguồn nhân lực phục vụ các khu công nghiệp, khu kinh tế trong tỉnh; đề án dạy nghề cho lao động nông thôn...

Đồng thời, phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong 5 năm (2015 - 2020) tỉnh Quảng Ninh đã dành 259 tỷ đồng cho việc triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2020, mở 800 lớp đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài với 145 nghìn lượt người tham gia. Trong đó, số lượng cán bộ công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài là hơn một nghìn lượt. Đội ngũ cán bộ của tỉnh Quảng Ninh qua đào tạo, bồi dưỡng đã khẳng

(1) Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, *Văn kiện Đại hội XIV của Đảng bộ*, Nxb. Quảng Ninh, 2015.

định, phát huy được trình độ, năng lực của mình, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ mà tình đề ra; góp phần đưa Quảng Ninh trở thành địa bàn phát triển năng động, thu hút sự quan tâm, đầu tư của các nhà đầu tư, doanh nghiệp có tiềm lực trong nước và nước ngoài; thúc đẩy kinh tế - xã hội.

Đội ngũ cán bộ đương chức và trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp sở và cấp phòng của tỉnh cơ bản đã được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm. Đồng thời tỉnh Quảng Ninh đã tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục, duy trì ở mức khá cao. Theo đó, ngân sách chi cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo hằng năm chiếm khoảng 20% tổng chi ngân sách của tỉnh. Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh coi trọng vai trò gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với nhu cầu doanh nghiệp; liên kết, hợp tác với doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo; hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có 42 cơ sở đào tạo nghề, trung bình tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp hơn 34 nghìn người/năm. Quy mô nguồn nhân lực của tỉnh hiện có gần 800 nghìn người, tăng 8,2% so với năm 2015; đến hết năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo dự kiến đạt 85%, tăng 20,55% so với năm 2015, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ 45,5%; cơ cấu lao động của tỉnh hiện chuyển dịch tích cực theo đúng định hướng tăng trưởng, trong đó khu vực nông nghiệp 23,8%; công nghiệp, xây dựng 31%; dịch vụ 45,2%.

Quá trình thực hiện chủ trương phát triển NNL mang lại những kết quả nhất định đã nâng cao nhận thức cho toàn xã hội, huy động được sức mạnh của hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trong tỉnh cho công tác này. Chất lượng dân số của tỉnh Quảng Ninh ngày càng được cải thiện cả về thể chất và tinh thần. Trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động tiếp tục được nâng cao. Đa số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo cả về chuyên môn, lý luận, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế; có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, từng bước trưởng thành, tiến bộ về trình độ, nhận thức, năng lực thực tiễn, phương pháp, tác phong, lề lối làm việc. Nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh cơ bản duy trì được tốc độ phát triển hợp lý về số lượng, chú trọng về chất lượng và tạo việc làm... Những thành tựu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển NNL mà tỉnh Quảng Ninh đã đạt được trong những năm qua có ý nghĩa vô cùng quan trọng để Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục phát huy nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ phát triển NNL trong các giai đoạn tiếp theo. Tạo thành động lực để tỉnh Quảng Ninh nhanh chóng trở thành một tỉnh dịch vụ, công



nghiệp hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế, là một trong những đầu tàu kinh tế của miền Bắc và cả nước.

Tuy nhiên, chất lượng NNL của tỉnh Quảng Ninh còn bộc lộ nhiều hạn chế: năng suất lao động thấp, trình độ tay nghề lao động còn kém, lao động chưa qua đào tạo không có trình độ chuyên môn kỹ thuật còn chiếm tỷ trọng cao nên không tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội. Lực lượng lao động đã qua đào tạo mất cân đối về cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu giữa các bậc đào tạo, còn thiếu cả lao động ở các dịch vụ cao cấp, như tài chính, ngân hàng, du lịch và đội ngũ cán bộ hành chính, cán bộ quản lý. Trong các ngành kinh tế quốc dân, số có trình độ đại học trở lên được phân bố chủ yếu vào các lĩnh vực quản lý nhà nước và an ninh, quốc phòng (18,8%), giáo dục và đào tạo (16,9%), công nghiệp khai thác mỏ (16,9%), công nghiệp chế biến (7,5 %), y tế và hoạt động cứu trợ xã hội (6,7%). Nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế quan trọng của tỉnh như nông, lâm nghiệp 3,2%, thủy sản 0,4%, thương nghiệp 1,1%, du lịch, sản xuất vật liệu xây dựng,... tỷ lệ số có trình độ đại học trở lên còn rất thấp, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển. Thực tế này cho thấy tình trạng mất cân đối trong đào tạo và bố trí sử dụng NNL có trình độ đại học trở lên trên địa bàn của tỉnh.

Công tác đào tạo, phát triển NNL khoa học - công nghệ của tỉnh Quảng Ninh còn thụ động, trông chờ vào các nguồn cung cấp từ các trường đại học và di chuyển từ tỉnh ngoài vào. Nguồn đào tạo tại tỉnh chủ yếu là đại học hệ tại chức, chất lượng hạn chế do đào tạo không cơ bản, thiếu hệ thống và ẩn chứa nhiều nhược điểm. Vấn đề đào tạo sau đại học cũng trong tình trạng tự phát, thiếu quy hoạch và chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu sử dụng. Công tác đào tạo nghề theo phương châm xã hội hóa tuy có nhiều tiến bộ nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, mới chỉ tập trung đào tạo đại trà, ngắn hạn chưa đủ điều kiện đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao, chưa đáp ứng kịp yêu cầu thị trường lao động, cơ cấu ngành, nghề đào tạo lao động còn nhiều bất cập với yêu cầu của nền kinh tế và thị trường lao động. Số lao động được giải quyết việc làm hằng năm liên tục tăng nhưng chưa bền vững. Lực lượng lao động tác phong làm việc không chuyên nghiệp, còn thụ động và thiếu tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Đánh giá về NNL trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ XV (năm 2021) của Đảng bộ tỉnh đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém, đó là: “Chất lượng NNL chưa đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thiếu nhân lực chất lượng cao: chuyên gia, nghệ nhân, công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật, còn có khoảng cách lớn về trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật giữa miền núi, nông thôn, hải đảo với thành thị. Năng suất lao động thấp so

với một số tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ...”. Từ thực trạng NNL, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh rất quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng NNL nhằm bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời chuẩn bị một lực lượng lao động có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế, bảo đảm cho công cuộc xây dựng Quảng Ninh trở thành một tỉnh dịch vụ, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công trong tương lai. Điều đó đòi hỏi việc phát triển NNL ở tỉnh Quảng Ninh *một mặt* phải có tầm nhìn chiến lược tổng thể, lâu dài; *mặt khác*, cần có những định hướng, mục tiêu, biện pháp cụ thể, phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong giai đoạn hiện nay.

*Một số giải pháp góp phần phát triển nguồn nhân lực Quảng Ninh hiện nay*

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra mục tiêu xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc. Nghị quyết tiếp tục xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dân số là một trong 3 khâu đột phá chiến lược, coi đây là yếu tố quan trọng, là nền tảng vững chắc để tạo đà cho sự phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

Quán triệt chủ trương của Đảng bộ, UBND tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo việc xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, Đề án nêu nhiều giải pháp nâng cao chất lượng NNL phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh. Cụ thể là:

*Thứ nhất, đổi mới và nâng cao nhận thức về vai trò NNL đối với phát triển bền vững:* Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và đẩy mạnh tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và toàn xã hội thấy rõ vai trò và trách nhiệm trong đào tạo, sử dụng, phát triển NNL là của toàn xã hội (cấp ủy, chính quyền, nhà trường, doanh nghiệp và của gia đình cũng như bản thân mỗi người lao động). Huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc để tạo sự chuyển biến mạnh về NNL ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương từ tỉnh đến cơ sở và người dân. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng để từng bước nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng NNL của các ngành, các cấp và toàn xã hội; hiểu rõ về các chính sách phát triển NNL của Đảng, Nhà nước và tỉnh. Vận động các doanh nghiệp tích cực tham gia đào tạo NNL.

*Thứ hai, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về NNL:* Nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp việc; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp, các

ngành trong công tác quản lý, theo dõi, dự báo, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển NNL. Xây dựng cơ chế chính sách đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn kết các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, mở rộng các hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và xây dựng cơ chế để doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia vào đào tạo NNL. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực học tập nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện tốt các mục tiêu xây dựng xã hội học tập.

*Thứ ba, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo hướng hiện đại:* Đổi mới công tác giáo dục và dạy nghề theo hướng toàn diện cả về trình độ, phẩm chất, đạo đức, văn hóa, kỹ năng nhằm hoàn thiện hệ thống giá trị của con người như trách nhiệm công dân, tinh thần học tập, trau dồi tri thức; có tác phong làm việc công nghiệp, khoa học, ý thức và năng lực làm chủ bản thân, làm chủ xã hội; sống có nghĩa tình, có văn hóa, có lý tưởng. Phát triển nhanh, bền vững NNL, nhất là NNL chất lượng cao phục vụ các ngành, nghề ưu tiên: du lịch, công nghiệp giải trí, dịch vụ, tài chính, ngân hàng, thương mại quốc tế, công nghệ cao, công nghiệp chế biến, nuôi trồng thủy sản. Đổi mới tổ chức và phương pháp quản lý nhà nước về phát triển NNL nhằm nâng cao chất lượng, đồng thời mở rộng quy mô đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển, gắn đào tạo nhân lực với nhu cầu sử dụng của xã hội; đổi mới đồng bộ các khâu tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ; gắn đào tạo với thu hút nhân tài và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, đào tạo, việc làm và dạy nghề, chương trình kiên cố hóa trường lớp học, đa dạng hóa phương thức phát triển cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở các cấp học; cân đối hợp lý tỷ lệ về trình độ lao động qua đào tạo (tỷ lệ giữa đại học - trung cấp - công nhân), ngành, nghề, số lượng đào tạo cho từng lĩnh vực, từng địa phương trong tỉnh. Ưu tiên đầu tư trọng tâm cho trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, thực hành. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên bảo đảm chất lượng; quan tâm đến đào tạo các ngành khoa học kỹ thuật, ngoại ngữ, luật pháp quốc tế. Quan tâm đầu tư nâng cấp, phát triển cơ sở vật chất và phát huy hiệu quả của ngành y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, duy trì chuẩn y tế cơ sở, áp dụng khoa học kỹ thuật vào khám, chữa bệnh bảo đảm chất lượng từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện; xã hội hóa đầu tư về cơ sở vật chất cho y tế, nhất là bệnh viện chất lượng cao. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khống chế có hiệu quả các dịch bệnh, tăng cường quản lý chất lượng vệ sinh

an toàn thực phẩm, đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe; quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng, chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

*Thứ tư, đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút NNL, đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển NNL. Xây dựng chính sách ưu đãi phải phù hợp với cơ cấu kinh tế, tập trung định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên của tỉnh, như khoa học quản lý, du lịch, thương mại dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, tài chính - ngân hàng, công nghệ thông tin, truyền thông quốc tế, một số ngành công nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, khai thác nuôi trồng chế biến nông, thủy sản cao cấp,... phục vụ nhu cầu phát triển dịch vụ du lịch. Xây dựng thị trường lao động với các cơ chế cạnh tranh, bình đẳng. Xây dựng cơ chế thu hút và trọng dụng nhân tài (cơ chế phát huy tối đa năng lực, sở trường cá nhân; tạo môi trường, cơ chế và không gian mở để từng cá nhân trong xã hội sáng tạo; xây dựng cơ chế để huy động trí tuệ tập thể thông qua hội thảo chuyên đề, nghiên cứu khoa học, tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo...; biểu dương khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với chuyên gia giỏi, nhà khoa học, người được trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước). Nghiên cứu thí điểm thành lập *Quỹ hỗ trợ dạy nghề, Quỹ nghiên cứu và phát triển* gắn với xây dựng cơ chế huy động, cơ chế thưởng đối với các phát minh, sáng chế kỹ thuật được ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề trong tỉnh, trong nước và nước ngoài.*

Xây dựng cơ chế lựa chọn và gửi các sinh viên xuất sắc để đào tạo sau đại học theo các chương trình thích hợp tại các trường đại học, cơ quan nghiên cứu hàng đầu trong và ngoài nước. Hỗ trợ một phần kinh phí đối với các doanh nghiệp tham gia đào tạo; cử lao động học tập nâng cao trình độ đào tạo tại nước ngoài về công tác tại tỉnh. Xây dựng cơ chế thu hút các trường đại học quốc tế có uy tín trên thế giới mở phân hiệu đào tạo đại học, cao đẳng, dạy nghề và phổ thông tại tỉnh. Có cơ chế thu hút sinh viên xuất sắc, đội ngũ trí thức trẻ về công tác tại tỉnh, nhất là tại cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng NNL; đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động; đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển NNL. Tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế để đẩy nhanh đào tạo NNL, trước hết là cử cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài, đặc biệt chú ý việc đưa đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ đi nước ngoài để nâng cao trình độ (bằng nguồn ngân sách nhà nước, khuyến khích du học tự túc và tranh thủ các nguồn viện trợ quốc tế) gắn với việc định hướng ngành, nghề (tập trung vào những ngành, nghề tỉnh cần hoặc trong nước chưa đào tạo được hoặc có đào tạo nhưng chất lượng còn thấp). Sớm phát hiện và có chính sách đào tạo, nuôi dưỡng “giữ chân” đối với học sinh ở các trường

phổ thông, sinh viên có tiềm năng để tạo NNL cho tỉnh. Vận dụng tích cực, linh hoạt, sáng tạo có hiệu quả các mô hình *lãnh đạo công - quản trị tư, đầu tư công - quản lý tư* và *đầu tư tư - sử dụng công* trong giáo dục, đào tạo NNL và các cơ sở giáo dục, đào tạo NNL.

*Thứ năm, huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo:* Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực trong đào tạo NNL. Thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài để xây dựng các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đa ngành tại tỉnh Quảng Ninh. Tích cực, chủ động trong việc cơ cấu lại nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo để thực hiện các nội dung phát triển NNL, nhất là đào tạo ngoại ngữ, tin học, xây dựng các trường học, lớp học thông minh theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở đào tạo nghề trong các khu công nghiệp để đào tạo NNL tại chỗ. Ưu tiên hợp lý nguồn lực phát triển mạng lưới dạy nghề; tiếp tục đầu tư tăng cơ sở vật chất như nhà ở, nhà ăn cho các trường ở huyện miền núi để đón học sinh bán trú tại các vùng, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài; tạo điều kiện thuận lợi về chính sách xã hội để lực lượng lao động yên tâm công tác phục vụ tại các đơn vị kinh tế ở địa phương, góp phần nâng cao chất lượng NNL đáp ứng yêu cầu trong sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH.

### 3. KẾT LUẬN

Trên con đường hoàn thành mục tiêu là một tỉnh dịch vụ, theo hướng CNH, HĐH với một nền kinh tế phát triển nhanh bền vững, phát triển NNL nhất là NNL chất lượng cao sẽ là bước đi đúng đắn mà tỉnh Quảng Ninh hiện nay đang thực hiện. Với những kết quả đã đạt được tỉnh Quảng Ninh hiện đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển nền kinh tế tri thức, kinh tế số, tăng cường đổi mới sáng tạo đòi hỏi nhiều hơn và cao hơn các kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng xúc cảm xã hội. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển liên quan đến tự động hóa, số hóa, nhu cầu về kỹ năng thay đổi nhanh chóng, một số nghề sẽ biến mất, một số khác xuất hiện và những ngành khác lại thay đổi. NNL nói chung và nhân lực chất lượng cao cũng phải được chuẩn bị sớm hơn, nhanh hơn, cập nhật hơn và theo cách tiếp cận thực tế hơn.

Thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu về nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh, một số giải pháp trên đây sẽ góp phần phát triển đột phá nguồn nhân lực, nhất là NNL chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới. ❖

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2015), Văn kiện Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Nxb. Quảng Ninh.
3. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2021), Văn kiện Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2025. Nxb. Quảng Ninh.
4. UBND tỉnh Quảng Ninh (2021), Đề án: “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn 2030”. Lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh.

## BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÙNG BIỂN, ĐẢO QUẢNG NINH

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

PGS, TS, Trưởng Khoa Sau đại học,  
Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương,  
Quyền Tổng Biên tập Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật

NGUYỄN THỊ DUNG

ThS, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

Vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của vùng biển, đảo được coi như là một nguồn lực văn hóa của tỉnh Quảng Ninh trong quá trình phát triển kinh - xã hội bền vững. Từ góc nhìn địa - văn hóa, tác giả nghiên cứu những đặc điểm văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh, từ đó khái quát thành các giá trị văn hóa tiêu biểu với mong muốn bảo tồn và phát huy vốn văn hóa quý báu của các thế hệ cha ông. Việc nghiên cứu vấn đề này góp phần làm rõ hơn những nét đặc trưng, tính đa dạng, phong phú văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh; đồng thời, kết quả nghiên cứu có thể là một căn cứ khoa học để tham khảo trong quy hoạch phát triển, quản lý văn hóa của tỉnh trong tương lai.

### KHÁI QUÁT VỀ VÙNG BIỂN ĐẢO QUẢNG NINH

Trong cuốn Đại Nam nhất thống chí có ghi chép về đất Quảng Ninh xưa như sau: Đất, nhân thế núi làm thành, dựa chỗ cao mà giữ hiểm, có núi để tựa, có biển vòng quanh, địa thế xa lánh mà hiểm yếu, trong thì giữ vững cương vực, ngoài thì không chế đất Thanh. Núi cao có Lôi Âm, sông lớn có Bạch Đằng; 22 cửa biển, hơn 10 hòn ải, hải đảo quanh co, sông bên khuất khúc, cũng là nơi then chốt ở ven biển<sup>(1)</sup>.

(1) Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), Đại Nam nhất thống chí, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, t. 1, tr.13.

Như vậy, từ xưa Quảng Ninh đã là nơi đất trọng yếu, có địa hình đặc biệt đồng thời có vai trò to lớn trong việc gìn giữ biên cương. Quảng Ninh có đường bờ biển dài 250 km chạy qua các đơn vị hành chính: Huyện Yên Hưng, TP. Hạ Long, TP. Cẩm Phả, TP. Cửa Ông, huyện Hải Hà, huyện đảo Vân Đồn, huyện Đàm Hà. Bờ biển có nhiều đoạn quanh co, khúc khuỷu, đầy cây cối rậm rạp (nhiều nhất là cây sù, trang và vẹt). Nhiều nơi có cảnh quan hùng vĩ, một bên là núi đá, một bên là núi cao sừng sững, có những đoạn bờ biển cát trắng đẹp tuyệt vời như bãi biển Minh Châu (đảo Quan Lạn), bãi biển Trà Cổ, bãi biển Cô Tô, bãi biển Bãi Cháy...

Toàn tỉnh Quảng Ninh có 40.000 ha bãi triều và trên 20.000 ha eo vịnh, có 2 huyện đảo (cả nước có 12 huyện đảo) là Vân Đồn và Cô Tô với 2.077 hòn đảo. Diện tích các đảo chiếm 11,5% diện tích đất tự nhiên. Vì vậy, Quảng Ninh không có đồng bằng rộng lớn để cày cấy, địa hình các đảo và ven biển bị chia cắt nhỏ hẹp bởi các dãy núi đan xen. Để sinh tồn, cư dân nơi đây phải làm nhiều nghề như vừa trồng trọt, chăn nuôi, lại vừa đánh bắt thủy, hải sản, hoặc vào thời điểm nhàn rỗi lại đi buôn bán, kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch.

Địa hình của tỉnh có thể chia thành 3 vùng: Vùng núi, trung du; đồng bằng ven biển; vùng biển và hải đảo. Trong đó, địa hình đồng bằng khá khác biệt so với các vùng khác. Theo nguồn gốc tạo thành thì đồng bằng ở Quảng Ninh có 3 loại: đồng bằng tích tụ sông, đồng bằng tích tụ sông biển và đồng bằng tích tụ biển. Đồng bằng tích tụ biển có đặc điểm là dải đất hẹp ven biển, phân bố khá rộng rãi, từ mũi Sa Vĩ (Trà Cổ) đến Tiên Yên và một dải phân bố xung quanh Cửa Lục, tổng chiều dài hơn 100 km. Do địa hình bờ biển giáp núi nhiều nên các đồng bằng tích tụ biển được cấu tạo bởi cát, sạn, sỏi, ở vùng Tiên Yên là bùn cát và ở Bãi Cháy là sạn, cát lẫn bột sét. Đáy biển Quảng Ninh có địa hình không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 30m, có nhiều lạch sâu là di tích các dòng chảy cổ và có những dải đá ngầm làm nơi sinh trưởng các rạn san hô rất đa dạng.

Quảng Ninh có 30 con sông, suối với chiều dài trên 10 km. Diện tích lưu vực thông thường không quá 300km<sup>2</sup>, trong đó, có 4 con sông lớn là hạ lưu sông Thái Bình, sông Ka Long, sông Tiên Yên và sông Ba Chẽ. Tuy nhiên, hầu hết các sông, suối đều ngắn, nhỏ và độ dốc lớn.

Quảng Ninh là tỉnh giáp biển và có nhiều đảo, nhưng việc lựa chọn các đơn vị hành chính ven biển và đảo lại có nhiều tiêu chí khác nhau. Điều 9, Điều 10 của *Luật Biển Việt Nam* năm 2012 nêu rõ: nội thủy của Việt Nam là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam. Theo quy định thì nội thủy bao



gồm cửa sông, vũng vịnh, cửa biển và vùng nước ở phía trong đường cơ sở và giáp với bờ biển<sup>(1)</sup>.

Toàn tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính. Nhưng nếu căn cứ vào các tiêu chí trên thì chỉ có 8 huyện, thị thuộc vùng biển đảo. Đó là các thành phố: Móng Cái, Hạ Long, Cẩm Phả; các huyện, thị xã: Quảng Yên (có đảo Hà Nam), Hải Hà, Đầm Hà, Vân Đồn, Cô Tô; 1 huyện có một phần giáp biển là: Tiên Yên<sup>(2)</sup>. Riêng Cô Tô là một huyện đặc biệt của tỉnh Quảng Ninh, bao gồm gần 50 hòn đảo lớn, nhỏ chơi vơi ngoài tuyến khơi xa bờ nhất, là huyện trẻ nhất (thành lập năm 1994), có diện tích nhỏ nhất, dân số ít nhất, nhưng lại giữ vị trí tiền đồn hết sức quan trọng trước vùng biển đông bắc, có tiềm năng kinh tế đa dạng, từng chịu những biến động quyết liệt nơi đầu sóng ngọn gió và hiện đang phát triển nhanh về kinh tế, xã hội. Là huyện đảo mới, dân di cư từ trong đất liền ra sinh sống nên trên đảo chưa có lễ hội và các di tích đình, chùa.

Do biển Quảng Ninh có nhiều hòn đảo nhỏ trên biển chia cắt địa hình biển, cộng thêm tư duy nông nghiệp của những người nông dân nhìn biển như sông, mang thể ứng xử từ sông ra biển, nên sống giữa biển khơi mà vẫn đặt tên cho các cửa biển là sông như: sông Lục Đầu (nơi bên phà Bãi Cháy cũ), sông Mang (đảo Quan Lạn, đảo Minh Châu)...

Riêng huyện đảo Vân Đồn có đặc điểm là bao gồm nhiều hòn đảo nhỏ. Toàn huyện có 600 hòn đảo, trong đó hơn 20 đảo có dân cư sinh sống với diện tích tự nhiên là 59.676ha. Lớn nhất là đảo Cái Bàu rộng 17.212ha, ở giáp địa phận thị xã Cẩm Phả. Các đảo thuộc huyện Vân Đồn chỉ là một phần trong quần đảo Tây Bắc vịnh Bắc Bộ. Địa hình của các đảo đa dạng và phân ly. Một số đảo lớn thì địa hình vừa có núi, vừa bằng phẳng để có thể trồng rau, lúa, hoa màu như đảo Quan Lạn, đảo Minh Châu. Theo Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, dân số cả tỉnh năm 2023 là 1.362.876 người, trong đó nữ là 672.510 người. Tỷ lệ dân số sống ở thành thị cao thứ 3 Việt Nam (sau TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng), dân số thành thị chiếm 58,1%, trong đó dân số vùng biển đảo khoảng hơn 700.000 người<sup>(3)</sup>. Mặc dù các gia đình làm nghề chài lưới vẫn sinh đông con, nhưng những người chuyển nghề hoặc di cư đi các vùng khác cũng khá nhiều. Mức độ đô thị hóa của vùng biển đảo Quảng Ninh phát triển khá nhanh. Đặc biệt là huyện đảo Vân Đồn và TP Hạ Long. Các xã, huyện ở xa đất liền đã có điện lưới và các mạng viễn thông như huyện Cô Tô, xã Quan Lạn, xã Minh Châu... Hiện nay, vùng biển đảo Quảng

(1) <https://baovothuat.com/tinh-thanh-pho/tinh-quang-ninh-co-bao-nhieu-thi-xa-thanh-pho-huyen-22.html>.

(2) <https://baovothuat.com/tinh-thanh-pho/tinh-quang-ninh-co-bao-nhieu-thi-xa-thanh-pho-huyen-22.html>

(3) Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê (2010), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Phan Huy Lê dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội - Công ty Văn hóa Đông A, Hà Nội

Ninh có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi. Trên các đảo đều có đường bộ được rải nhựa hoặc bê-tông hóa.

Điểm nổi bật về kinh tế của vùng biển, đảo là kinh tế du lịch. Bên cạnh đó kinh tế cảng biển, khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản cũng là những ngành kinh tế có vị trí quan trọng của vùng. Hiện nay, tỉnh QN cũng đã có nhiều dự án quy hoạch phát triển kinh tế vùng biển, đảo như: Dự án phát triển nuôi trồng thủy hải sản, dự án phát triển du lịch vùng Vịnh Hạ Long, dự án hình thành khu công nghiệp tại Vịnh Cửa Lục...

Di sản văn hóa vùng biển đảo Quảng Ninh khá phong phú. Ngoài cảnh quan độc đáo của vịnh Hạ Long, còn có các di tích lịch sử, văn hóa, các loại hình nghệ thuật truyền thống, các di chỉ khảo cổ học, phong tục tập quán... Đặc biệt, với gần 50 di tích lịch sử, văn hóa là chùa, đình, đền, miếu có quy mô cấp tỉnh và cấp quốc gia, hàng chục lễ hội truyền thống tiêu biểu đã tạo nên một bức tranh tổng thể về vùng văn hóa đặc sắc này.

## **ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA VÙNG BIỂN, ĐẢO QUẢNG NINH**

### *Văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh với yếu tố nội đồng*

Tính chất địa lý đặc biệt và sự phong phú về thành phần cư dân đã dẫn đến sự phong phú về nghề nghiệp, vì vậy, từ lâu Quảng Ninh đã diễn ra quá trình hội tụ và hỗn dung văn hóa giữa cư dân nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp. Là đầu mối giao thông đường biển, từ khá sớm Quảng Ninh đã là nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa sầm uất của cả nước từ Vân Đồn, Cửa Ông tới Hải Phòng, mà dấu ấn là thương cảng Vân Đồn. Quá trình đô thị hóa hình thành dần, nhất là thời cận đại với các trung tâm công nghiệp, khai mỏ... đã tạo cho Quảng Ninh sắc thái văn hóa đa dạng, có độ mở lớn để tiếp nhận những giao lưu, ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài.

Văn hóa đồng bằng, bản chất là văn hóa của những cư dân nông nghiệp. Khi nông nghiệp là nguồn sống chính thì mọi ứng xử của con người với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội đều bị chi phối sâu sắc từ ăn, mặc, ở, đi lại, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán và lễ hội. Truyền thống văn hóa của làng quê luôn ẩn sâu trong tâm thức của những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, vì vậy, đi đâu, đến với mảnh đất mới khai phá họ cũng mang theo những giá trị văn hóa tốt đẹp và tái sinh nó trên mảnh đất mới. Đôi khi miền đất mới không phải là đồng bằng, kể cả phương thức sinh sống cũng không phải là trồng trọt, cày cấy thì những lớp văn hóa cổ xưa của cha ông vẫn được duy trì, hòa nhập cùng những lớp văn hóa mới để truyền lại cho muôn đời sau. Đối với cư dân vùng biển đảo Quảng Ninh cũng vậy,

mặc dù họ sống trong môi trường biển cả nhưng văn hóa đồng bằng vẫn hiện hữu cùng văn hóa biển trong đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần. Tục rước nước, cầu mưa của cư dân nông nghiệp vẫn được tái hiện với lớp văn hóa mới trong các lễ hội ven biển, như: lễ hội đình Giang Võng, lễ hội đình Trà Cổ, lễ hội đình Cẩm Hải, lễ hội đền Bà Men, đền Bụt Đày, lễ cầu Đảo Vũ (Yên Hưng)... Trong các vị thần được thờ ven biển QN cũng có không ít vị thần là thần nông nghiệp. Điển hình là vị thần Nông (lễ hội xuống đồng, đền Cốc, Hà Nam). Lễ xuống đồng là nghi thức trong lễ cầu mùa nghề nông, mở đầu cho một chu kỳ cày cấy mới. Đây là nghi thức bộc lộ mối quan hệ khăng khít giữa con người với môi trường tự nhiên, vừa có tính tượng trưng nhưng cũng rất thực tế. Trong lễ hội xuống đồng, nhiều nơi còn tổ chức lễ tịch điền (lễ cày cấy). Đối với cư dân ngư nghiệp, các vị thần biển có vai trò to lớn trong đời sống của họ, nhưng vốn gốc gác là cư dân nông nghiệp, lại quai đê lấn biển để làm nông nghiệp, nên thần Nông vẫn có vị trí quan trọng đối với họ. Ngoài ra, một số vị thần khi ở trong đồng bằng là những vị thần nông nghiệp, nhưng khi ra biển cả đã được ngư dân gán cho những quyền năng của vị thần biển như mẫu Liễu Hạnh, bà chúa Thoải... cũng được thờ cúng hết sức trang trọng. Phần hội còn có tục nuôi và thi ông Voi trong lễ hội Trà Cổ, thể hiện đậm chất nông nghiệp, chất đồng bằng. Không chỉ lễ hội đình Trà Cổ có tục thi ông Voi, mà khi những cư dân ở Trà Cổ di cư đến vùng đất mới là Cẩm Phả thì hàng năm tổ chức hội làng ở đình Cẩm Hải họ cũng tổ chức thi và nuôi ông Voi. Như vậy, những cư dân nông nghiệp dù có đi đâu, về đâu họ vẫn luôn giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Sự dung hợp giữa văn hóa biển với văn hóa đồng bằng còn thể hiện qua hình tượng Long mã trong đám rước của lễ hội Tiên Công trên đảo Hà Nam. Người dân nơi đây đã dùng các sản vật nông nghiệp như các loại rau, củ, quả để tạo nên một vị thần của biển cả. Long mã được đặt trước chữ Thọ và rước trên kiệu như một lễ vật dâng tiến thần linh với tất cả niềm thành kính.

### *Văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh với yếu tố biển*

Quảng Ninh là tỉnh có diện tích biển khá lớn và nhiều đảo (hơn 2000 hòn đảo lớn, nhỏ). Dân cư sống ven biển và trên các đảo đông đúc. Trong các lễ hội, yếu tố biển được thể hiện rõ nhất qua việc thờ phụng các vị thần biển. Dọc theo vùng ven biển và trên các đảo có hội đua thuyền trong lễ hội đền Bà Men, lễ hội đình Giang Võng... hay các trò chơi như bịt mắt chém cá chình, hội thi tết long mã mang tính chất nghề nghiệp của ngư dân,...

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã cố gắng đi tìm các yếu tố biển trong các lễ hội của vùng biển, đảo Quảng Ninh nhưng kết quả cho thấy, các yếu tố biển vẫn có nhưng khá

mờ nhạt, phải chăng còn lại là những mảnh văn hóa đã vỡ, vì vậy rất khó đưa ra những giá trị văn hóa biển, đảo ở Quảng Ninh.

### *Văn hóa vùng biển đảo Quảng Ninh với tính lịch sử*

Đặc điểm “đậm” tính lịch sử trong văn hóa vùng biển đảo Quảng Ninh cũng do yếu tố địa hình tạo thành. Quảng Ninh là tỉnh duy nhất có đường biên giới giáp Trung Hoa cả trên đất liền và trên biển. Giặc ngoại xâm phương Bắc luôn chọn con đường xâm lăng bắt đầu từ vùng biển này, vì vậy, Quảng Ninh luôn có vị trí trọng yếu trong việc bảo vệ bờ cõi đất nước. Sự hy sinh anh dũng của các tướng lĩnh tài ba, các vị anh hùng dân tộc đã trở thành những vị thánh bất tử trong lòng nhân dân và được tái hiện qua các lễ hội truyền thống với ý nghĩa tỏ lòng biết ơn sâu sắc và qua đó giáo dục thế hệ trẻ. Có lễ hội bản chất sâu xa là nông nghiệp, nhưng do quá trình bồi đắp các lớp văn hóa đã trở thành lễ hội lịch sử, như: lễ hội Vân Đồn, lễ hội đình Hải Yến, lễ hội đình Trung Bản... Trong lễ hội nông nghiệp đua thuyền còn có ý nghĩa là cầu mưa, cầu nước nhưng sau này khi có các sự kiện lịch sử thì hội đua thuyền còn có thêm lớp văn hóa mới là tái hiện lại các sự kiện lịch sử, như hội đua thuyền Vân Đồn nhằm diễn lại sự kiện Trần Khánh Dư đánh thắng quân Mông Nguyên trên dòng sông Mang.

Bên cạnh các nhân vật lịch sử của cả nước, các nhân vật lịch sử của địa phương cũng được cư dân vùng biển, đảo tôn thờ trong các lễ hội, bởi ở bất cứ thời kỳ lịch sử nào, khi có giặc ngoại xâm cũng có những người dân bình dị sẵn sàng hy sinh vì đất nước. Điển hình là tướng quân Hoàng Càn (người Hải Lạng, Tiên Yên) đã đánh đuổi đội quân “răng trắng, miêng vàng” cướp bóc cư dân vùng biển Đông Bắc. Hoàng Càn, trước đây là vị thần chủ của đền Cửa Ông, vì vậy trong lễ hội đền Cửa Ông xưa, ông là người được tôn thờ. Sau này, khi Trần Quốc Tảng ra trấn giữ Cửa Suốt và hy sinh tại đây, được nhân dân địa phương tôn thờ tại đền Cửa Ông và trở thành vị thần linh thiêng của cả vùng, cùng với tướng quân Hoàng Càn. Hiện nay, một số lễ hội sát vùng biên giới với Trung Hoa vẫn tôn thờ Hoàng Càn, như lễ hội Miếu Đồi ở thôn Nam Thọ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái.

Giúp tướng quân Trần Hưng Đạo còn có những người dân địa phương như Bà hàng nước (sau Trần Hưng Đạo ban tước hiệu là Vua Bà) cũng được thờ trong lễ hội đền Vua Bà. Bà Men có công vận chuyển lương thực cho quân lính (sau này tôn thờ gọi là Đức chúa Hải Ngoại) hàng năm đều được tôn thờ trong lễ hội đền Bà Men. hay trong lễ hội đình Yên Đông, làng An Đông, xã Yên Hải, huyện Yên Hưng, còn thờ ông Nguyễn Văn Minh là người có công trấn ải xứ An Đông xưa. Trong phần này, chúng tôi chỉ đề cập đến các sự kiện và nhân vật lịch sử có tính chất quốc gia đã ghi chiến công ở vùng biển, đảo Quảng

Ninh, như: Sự kiện Trần Khánh Dư đánh giặc trên sông Mang; sự kiện Trần Hưng Đạo đánh giặc trên sông Bạch Đằng; sự kiện Trần Quốc Tảng đánh thắng quân Nguyên - Mông lần thứ hai; sự kiện Lý Thường Kiệt đánh quân Tống...

### *Dung hợp giữa văn hóa biển đảo Quảng Ninh với văn hóa các vùng khác*

Các lễ hội vùng biển, đảo Quảng Ninh còn có sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ với các lễ hội ở Hải Phòng. Lễ hội Trà Cỏ có tục chèo thuyền sang Đồ Sơn để rước chân nhang mỗi khi vào hội. Còn lễ hội đền Bà Men là sự đoàn kết của ngư dân 2 làng: làng chài Hà Nam (trên vịnh Hạ Long) và làng chài Cao Minh, Cát Bà (Hải Phòng). Cuộc thi bơi thuyền trong lễ hội đền Bà Men bao giờ cũng có sự tham gia của các làng chài: Cống Đầm - Vung Viêng, Cửa Vạn, Hà Nam (hồ Ba Hầm) và làng chài Cao Minh (Cát Bà, Hải Phòng). Hội bơi thuyền trên sông Bạch Đằng cũng có sự tham gia của các đội đua ở huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng).

Ở Quảng Ninh còn có lễ hội đình Cẩm Hải (xã Cẩm Hải - Cẩm Phả) cũng giống lễ hội Trà Cỏ. Lễ hội được tổ chức từ ngày 29-5 đến 2-6 âm lịch hàng năm. Đình làng do những người dân Trà Cỏ (Móng Cái) di cư về xã Cẩm Hải xây dựng từ năm 1980 và lễ hội được tổ chức hằng năm nhằm tôn vinh và tưởng nhớ công lao của 6 vị Thành hoàng là những người đã có công khai sinh ra đất Trà Cỏ (TP. Móng Cái).

Những cư dân ven biển không chỉ tạo ra sự dung hợp, giao lưu với các vùng văn hóa khác mà còn tiếp nhận sự ảnh hưởng văn hóa của các vùng xung quanh. Việc lễ hội Trà Cỏ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ văn hóa biển của vùng biển Hải Phòng như tục thờ thần Độc Cước, thờ cùng các vị Thành hoàng, lễ cầu Đảo vũ... cũng thể hiện sự giao lưu và tiếp biến trong văn hóa.

## **GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÙNG BIỂN, ĐẢO QUẢNG NINH**

Với những đặc điểm nêu trên, văn hóa biển, đảo của tỉnh Quảng Ninh có nhiều giá trị được hình thành qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, nó được hun đúc trong suốt quá trình xây dựng vùng đất “phên giậu” của Tổ quốc.

### *Giá trị giáo dục hướng về cội nguồn*

Văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh là một bảo tàng văn hóa, một thứ bảo tàng tâm thức lưu giữ các giá trị văn hóa, các sinh hoạt văn hóa. Đó có thể là các trò chơi, các tín ngưỡng, các hình thức diễn xướng dân gian... Trong văn hóa làng, di tích, lễ hội là một thành tố có ý nghĩa to lớn về giáo dục.

Việc tham gia vào cuộc đua thuyền là niềm tự hào của ngư dân làng biển, đảo về những tháng ngày giữ nước hào hùng trong lịch sử dân tộc. Đó là ý nghĩa chân chính mà mỗi người dân làng bao đời hướng tới. Các giá trị văn hóa biển, đảo truyền thống của người dân Quảng Ninh chính là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, hiếu học, cần cù, lạc quan... Lễ hội truyền thống ven biển hằng năm là dịp để thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của vùng biển, đảo được ôn lại bài học lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của cha ông, qua đó, cảm nhận được giá trị của cuộc sống hiện tại, trân trọng những gì quê hương đang có và tự thấy bản thân cần phấn đấu, cần nỗ lực học tập, tích lũy kiến thức nhiều hơn nữa để xây dựng quê hương giàu đẹp, xứng đáng là con cháu của mảnh đất anh hùng. Đó là bài học sống động và quý giá nhất, có ý nghĩa giáo dục cao nhất mà không một giáo cụ trực quan nào có thể so sánh được.

#### *Giá trị gắn bó, cố kết cộng đồng của ngư dân*

Với ngư dân vùng ven biển thì tiếng trống, tiếng chiêng trong các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng từ lâu được xem là biểu tượng của sự gắn kết cộng đồng, của tinh thần đoàn kết, biểu tượng của sức mạnh. Qua sinh hoạt văn hóa, con người được trở về với nguồn gốc, nguồn cội tự nhiên hay nguồn cội của dân tộc đều có ý nghĩa thiêng liêng trong tâm trí mỗi người, đồng thời, thể hiện sức mạnh cộng đồng các dân tộc tỉnh Quảng Ninh. Họ thờ chung vị thần, được sinh hoạt chung trong một không gian của làng xã, cộng đồng dân cư, chung mục tiêu đoàn kết để vượt qua gian khó, giành cuộc sống, ấm no, hạnh phúc.

Di tích, danh thắng và lễ hội truyền thống ven biển là nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của ngư dân miền biển; là hình thức giáo dục, chuyển giao cho các thế hệ sau biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu của làng xã, địa phương, vùng miền theo cách riêng, kết hợp giữa yếu tố tâm linh và các trò chơi đua tài, giải trí... Lễ hội truyền thống ven biển là dịp ngư dân miền biển được giải tỏa, giải bày những phiền muộn, lo âu với thần linh, mong được thần giúp đỡ, chở che đặng vượt qua những thử thách đến với ngày mai tươi sáng hơn.

Điều nổi bật và chung nhất ở đây là di tích, danh thắng, lễ hội vùng biển đảo Quảng Ninh đã tạo điều kiện cho ngư dân duy trì mối quan hệ cộng đồng, đoàn kết gắn bó với nhau trong cuộc sống và lao động. Những người con xa quê dù bận rộn đến đâu, đến ngày hội làng cũng đều thu xếp công việc về dự. Trong những giờ phút diễn ra sinh hoạt văn hóa ở di tích, danh thắng và lễ hội, những ngư dân đã xích lại gần nhau hơn, tìm được cái chung

của cộng đồng, tìm được ý nghĩa của cuộc sống. Trong lễ hội, con người không còn cảm thấy đơn độc, họ tìm được chỗ dựa là cộng đồng, để có thêm sức mạnh vượt qua thử thách, đối diện với biển cả, tự tin vào chính bản thân mình.

#### *Giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa*

Các di tích, danh thắng, lễ hội truyền thống vùng biển đảo Quảng Ninh tiêu biểu như, lễ hội ra quân đánh bắt hải sản, lễ hội đua thuyền, lễ hội cúng cá ông, lễ hội cầu mưa,... được chính quyền địa phương và nhân dân tổ chức sôi nổi, phong phú, góp phần đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho ngư dân ở vùng biển đảo.

Không gian tổ chức lễ hội là ở các di tích và danh thắng. Lễ hội nói chung và lễ hội truyền thống ven biển nói riêng đều do chính quyền và nhân dân tự đứng ra tổ chức, chi phí, sáng tạo, tái hiện các sinh hoạt văn hóa cộng đồng và hưởng thụ các giá trị văn hóa và tâm linh. Đặc biệt trong thời gian diễn ra lễ hội, khi tất cả mọi người đang chan hòa trong không khí thiêng liêng, hứng khởi thì sự cách biệt xã hội giữa cá nhân ngày thường dường như được xóa nhòa, con người cùng sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hóa của mình. Trong cái náo nức, cái sôi động của lễ hội gắn với di tích, danh thắng, dường như người ngư dân đã được đổi khác hoàn toàn, những con người lao động quần quật với thuyền bè, lưới cá giờ đã mang cốt cách khác trong các vũ điệu rước sắc, rót rượu, dâng hương. Họ có dáng dấp của những nghệ sĩ. Cái không khí ngây ngất của ngày hội nơi đình, chùa, miếu, nghề và cả ngoài biển cả nữa đã làm thay đổi màu sắc ngày thường của làng quê, của vịnh chài, của những ngư dân lam lũ. Khung cảnh làng quê bỗng trở nên rực rỡ chói sáng sắc màu, ánh mắt, nụ cười... Sau những buổi lễ, buổi rước... là những bữa ăn uống đầm ấm trong gia đình, với bạn bè, cùng nhau trao đổi, chuyện trò về cuộc sống, về công việc, để rồi có thêm những người bạn mới. Các nhà nghiên cứu văn hóa gọi đó là “bữa ăn cộng cảm”.

#### *Giá trị tâm linh (sự gắn kết giữa quá khứ và hiện tại)*

Sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng trong các di tích lịch sử văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh và các nghi lễ, lễ hội truyền thống đã góp phần làm thỏa mãn nhu cầu về đời sống tâm linh của người dân nơi đây, đó là “cuộc đời thứ hai”, đó là trạng thái “thăng hoa” từ đời sống trần tục hiện hữu.

Trở về với đời sống văn hóa, không gian văn hóa biển đảo của cư dân Quảng Ninh, con người như được quay trở lại với cội nguồn dân tộc, về với nét văn hóa vùng miền ven biển, tận hưởng những giây phút thiêng liêng, ngưỡng vọng những biểu tượng cao cả, siêu việt,

trở về với Chân - Thiện - Mỹ, được sống trong không gian ấm cúng giữa quá khứ và hiện tại, trong giờ phút giao cảm, hồ hởi đầy tinh thần cộng đồng, người dân có cơ hội thể hiện tất cả những tinh túy, đẹp đẽ nhất của bản thân qua các cuộc thi tài, qua các hình thức trình diễn nghệ thuật, ăn mặc đẹp đẽ khác ngày thường... Di tích, danh thắng, lễ hội truyền thống ven biển đã thuộc về phạm trù thiêng liêng của đời sống tâm linh, đối lập và cân bằng với cái trần tục của cuộc sống hiện thực.

Hoạt động đánh bắt thủy, hải sản của ngư dân vùng biển đảo Quảng Ninh cũng như nhiều miền biển khác luôn đầy bất trắc, phụ thuộc nhiều vào thời tiết, ngư trường, kết quả đánh bắt cũng khó dự liệu trước. Mùa đánh bắt cá trên biển thường từ tháng 6 đến hết năm âm lịch, ước vọng của ngư dân là đánh bắt được nhiều thủy sản và những chuyến ra khơi bình yên, lúc trở về khoang thuyền đầy cá, tôm. Một mong mỏi khác nữa là, nếu trong trường hợp gặp bão tố, nguy cấp trên biển có được sự may mắn vượt qua, thoát nạn, trở về được với đất liền. Vì vậy, đời sống tâm linh của ngư dân có phần phong phú và đa dạng hơn ở đất liền. Các vị thần như Trần Khánh Dư, Trần Hưng Đạo, Tứ vị Thánh Nương, thần Không Lộ,... đã trở thành chỗ dựa tin tưởng của ngư dân khi ra khơi. Thực tế cho thấy, chính niềm tin đó là chỗ dựa tâm linh của ngư dân trong công cuộc chinh phục biển cả, chống chọi với sóng gió để sinh tồn trong cơn hoạn nạn giữa biển khơi. Ngư dân ra khơi không chỉ với thuyền, lưới cá, ngư cụ mà còn với niềm tin thiêng liêng vào sự trợ giúp của các thần linh. Niềm tin đó đã đem lại cho ngư dân một sức mạnh và lòng hăng hái trong lao động để đạt được kết quả mỹ mãn. Niềm tin đó cũng động viên, kích thích lòng dũng cảm của họ trong công việc, giúp họ vượt qua gian nguy, hiểm họa từ thiên nhiên.

## **NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA VÙNG BIỂN ĐẢO QUẢNG NINH**

Từ mục tiêu về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của vùng biển đảo Quảng Ninh, tác giả cho rằng, những hoạt động cần bảo tồn và phát huy giá trị gồm các vấn đề chính như sau:

- Nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa của vùng biển, đảo Quảng Ninh đối với cộng đồng. Có thể thấy rằng, văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh nói riêng đang có nguy cơ mai một do những thách thức từ nền kinh tế thị trường. Hiện nay, khi phương thức canh tác, phương tiện đi lại, không gian văn hóa như làng bản, nhà ở... đã có những thay đổi, nhận thức, tâm lý của người dân cũng có sự thay đổi. Có những bộ phận cộng đồng không nhận thấy những giá trị to lớn của văn hóa mang lại. Một bộ phận giới trẻ thờ ơ, không có trách nhiệm với các hoạt động văn hóa của quê hương mình, chưa có ý thức về giữ gìn bản sắc



trong trang phục truyền thống của dân tộc mình. Do đó, nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa của vùng biển, đảo cho người dân là nhiệm vụ rất quan trọng.

- Triển khai thực hiện và ban hành văn bản về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của vùng biển đảo Quảng Ninh. Sự tham gia tích cực của các chủ thể quản lý văn hóa đối với hoạt động bảo tồn và phát huy bằng cách thực hiện các văn bản của chính phủ về vấn đề này đối với địa phương mình, từ đó, ban hành các văn bản cụ thể cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vùng biển, đảo Quảng Ninh. Những văn bản này cần gắn với thực tế của địa phương, của cộng đồng, của các di tích, các lễ hội, những sinh hoạt văn hóa của cư dân vùng biển đảo.

- Tuyên truyền, quảng bá về các giá trị văn hóa của vùng biển đảo Quảng Ninh. Việc tuyên truyền, quảng bá được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau, trong đó, truyền thông được xác định là một kênh quan trọng để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về giá trị văn hóa vùng biển, đảo và hoạt động bảo tồn giá trị văn hóa lịch sử của địa phương.

- Tăng cường các nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của vùng biển đảo Quảng Ninh. Đó là các nguồn lực: nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất. Những nguồn lực này cần được chú trọng, đặc biệt đối với văn hóa thì nhân lực càng cần được chú trọng. Cán bộ làm văn hóa cần có kiến thức chuyên môn sâu, am hiểu về văn hóa của địa phương mình, từ đó sẽ xác định phương hướng và mục tiêu trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa biển, đảo hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch, phương án bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của vùng biển, đảo Quảng Ninh gắn với phát triển du lịch. Quảng Ninh là một trong những trung tâm du lịch của miền Bắc, vì vậy, phát triển du lịch gắn với văn hóa là cách thức bảo tồn và phát huy bền vững, đồng thời, cũng là định hướng của Đảng và Chính phủ hiện nay.

- Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, sưu tầm tư liệu về văn hóa biển, đảo của tỉnh nhà. Cần có những công trình nghiên cứu khoa học nhiều hơn nữa về vấn đề này để bóc tách, đánh giá sâu sắc hơn về văn hóa vùng biển đảo Quảng Ninh. Không chỉ có các nhà khoa học, các nhà quản lý, công tác sưu tầm các tư liệu về văn hóa biển đảo cũng cần có sự tham gia tích cực của người dân.

- Phát huy vai trò của cộng đồng tham gia vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của vùng biển đảo Quảng Ninh. Ngành văn hóa cũng cần phối hợp với các chủ thể cộng đồng để tổ chức hiệu quả các hoạt động tọa đàm, hội thảo khoa học về giá trị văn hóa

biển, đảo của tỉnh nhà nhằm góp phần bảo tồn, tôn vinh những giá trị đó. Đây là một trong những hoạt động thiết thực nhằm đem đến cho người dân và toàn xã hội có cái nhìn đúng đắn, đẩy lùi những quan điểm lệch lạc, sai lầm về văn hóa, có ý thức giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của cha ông để lại; góp phần tăng cường giáo dục truyền thống, tinh thần yêu nước và quý trọng những giá trị văn hóa quý báu của dân tộc, nhất là thế hệ trẻ. Cần tiếp tục nâng cao vai trò trách nhiệm của các chủ thể bảo tồn di sản, công tác bảo tồn phải từ từng gia đình, đến cộng đồng dân cư và lan tỏa ra toàn xã hội... ❖

## PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở QUẢNG NINH

ĐỖ NGỌC NAM

*Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh*

Nằm ở phía đông bắc của Tổ quốc, với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên mang nhiều nét đặc thù, Quảng Ninh từ lâu được ví như là “nước Việt Nam thu nhỏ”. Đặc điểm “nước Việt Nam thu nhỏ” hàm chứa trong đó cả tính chất xã hội, sự đa dạng về văn hóa, tập quán và hình thức sản xuất trong nhân dân. Những giá trị khác biệt này vừa là nguồn lực song cũng vừa là thách thức trong quá trình xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở Quảng Ninh.

### SỰ ĐA DẠNG VỀ VĂN HÓA Ở QUẢNG NINH

Quảng Ninh hiện có dân số hơn 1,4 triệu người, với 22 dân tộc anh em, trong đó người Kinh chiếm 89,23%; người Dao chiếm 4,45% (bao gồm hai nhánh Thanh Y và Thanh Phán); người Sán Dìu chiếm 1,80%; người Sán Chỉ chiếm 1,11%; người Hoa chiếm 0,43%;... Quảng Ninh có 64,4% dân số sống tại khu vực đô thị, là một trong số các địa phương có mức độ đô thị hóa cao nhất cả nước, vượt xa cả thủ đô Hà Nội.

Quảng Ninh là một vùng đất có nền văn hóa lâu đời. Văn hóa Hạ Long đã được ghi vào lịch sử như một mốc tiến hóa của người Việt. Về tôn giáo, Đạo Phật xuất hiện rất sớm và là tôn giáo có ảnh hưởng chủ đạo nơi đây với một loạt di tích nổi tiếng, như: Yên Tử, Ngọa Vân, Quỳnh Lâm,... Cùng với Phật giáo thì Quảng Ninh còn có Thiên Chúa giáo với 41 họ đạo thuộc 9 giáo xứ ở 8 địa phương trong tỉnh và một số ít dân theo các tôn giáo khác. Về tín ngưỡng, phổ biến nhất đối với người dân Quảng Ninh là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ các vị tướng lĩnh nhà Trần có công với dân, với nước, các vị Thành Hoàng, các vị thần (son thần, thủy thần), thờ các mẫu (Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải)...

Trên địa bàn tỉnh hiện có 637 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, gồm 06 di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, 58 di tích cấp quốc gia, 88 di tích cấp tỉnh và 485 di tích đã được kiểm kê, phân loại. Tỉnh hiện có 362 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có 07 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; có khoảng 80 địa điểm khảo cổ, trong đó nhiều địa điểm khảo cổ là di tích. Tỉnh đã lập 08 hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và một số di sản Then Tày, Nùng, Thái Việt Nam được Tổ chức Văn hóa - Khoa học - Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản của nhân loại.

Cùng với điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội khác biệt, cư dân bản địa và các lớp cư dân nhập cư trong nhiều giai đoạn lịch sử tạo thành những vùng văn hóa khác nhau với nhiều nét đặc trưng. Vùng miền tây mang đậm nét văn hóa đồng bằng sông Hồng, người dân chủ yếu làm nông nghiệp lúa nước, tính gắn kết cộng đồng làng, xã rất cao. Vùng miền đông với đặc trưng miền núi, biên giới, nhiều dân tộc thiểu số chung sống giao thoa nhiều sắc thái văn hóa đa dạng. Vùng biển đảo với nghề biển, làng biển, văn hóa biển của ngư dân. Vùng than với văn hóa công nhân, nơi hình thành nên giai cấp công nhân của cả nước... Sự giao thoa, hội tụ trong đa dạng văn hóa khiến cho người Quảng Ninh mang trong mình một tính cách riêng, cởi mở, chân thành và hào sảng.

### **TÁC ĐỘNG CỦA VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở QUẢNG NINH**

Những đặc trưng riêng biệt, văn hóa đã tác động rất rõ nét đến quá trình xây dựng nông thôn mới ở Quảng Ninh. Có thể nói, mỗi địa phương, mỗi cộng đồng dân cư có những cách làm, sản phẩm khác nhau, phong phú, đa dạng trong hình thức xây dựng nông thôn mới, khiến nông thôn mới ở Quảng Ninh trở nên nhiều màu sắc chứ không bị “đồng phục hóa”.

Ở các địa phương miền tây (Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên) mang đặc sắc của văn hóa đồng bằng sông Hồng, có truyền thống văn hóa làng, xã lâu đời, tính cộng đồng rất lớn. Các làng xã đã hình thành từ rất lâu, tổ chức chặt chẽ, hoạt động có quy củ, nề nếp. Do vậy, khi triển khai xây dựng nông thôn mới, người dân tự giác vào cuộc rất nhanh với vai trò chủ thể, tạo ra kết quả rất rõ rệt.

Ở các địa phương miền đông với đặc thù miền núi, biên giới, biển đảo, nhiều cộng đồng dân cư phân bố nhỏ lẻ mang bản sắc văn hóa khác nhau, khi triển khai xây dựng nông thôn mới tạo nên những hình thái trong thiết chế, hạ tầng nông thôn khác nhau, đa dạng, nhiều màu sắc.

Từ những đặc điểm đó, hệ thống thiết chế văn hóa nông thôn được địa phương tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng. Đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao thôn, khu đạt trên 98%. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong quần chúng nhân dân phát triển mạnh mẽ, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Toàn tỉnh có 94% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 90% số thôn, bản, khu phố đạt chuẩn văn hóa; thu hẹp dần khoảng cách về mức hưởng thụ văn hóa giữa đô thị và nông thôn.

Cùng với tác động trong tổ chức xây dựng các thiết chế, hạ tầng nông thôn mới thì văn hóa cũng có tác động quan trọng hình thành các sản phẩm hàng hóa đặc trưng trong kinh tế nông thôn. Hiện nay, Quảng Ninh là địa phương dẫn đầu cả nước về số lượng sản phẩm OCOP với 569 sản phẩm thuộc 6 nhóm. Trong đó, nhiều sản phẩm được du khách yêu thích, tạo được thương hiệu trên thị trường, như: gạo nếp cái hoa vàng Đông Triều, lợn Móng Cái, gà Tiên Yên, sá sùng Vân Đồn, mực ống Cô Tô, chả mực Hạ Long, miến dong Bình Liêu, rượu ba kích, trà hoa vàng Ba Chẽ...

Văn hóa cũng là nguồn “tài nguyên” quý giá tạo ra những sản phẩm du lịch nông thôn độc đáo của Quảng Ninh. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, Quảng Ninh đã phục dựng các lễ hội truyền thống, tạo dấu ấn cho các sự kiện như lễ hội văn hóa, thể thao các dân tộc Dao, Tày, Sán Chỉ, Sán Dìu... Nhiều lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa du lịch thường niên như lễ hội Hoa Sứ, Hội mùa vàng, lễ hội Trà hoa vàng,... Với hệ thống di tích, danh thắng cùng các hoạt động văn hóa, lễ hội đã góp phần quan trọng đưa Quảng Ninh trở thành điểm đến du lịch văn hóa hàng đầu cả nước. Trung bình mỗi năm, lượng khách du lịch đến các di tích, lễ hội chiếm trên 50% tổng số khách tham quan du lịch tại Quảng Ninh.

Có thể thấy, văn hóa có tác động không nhỏ đến quá trình xây dựng nông thôn mới ở Quảng Ninh. Sau gần 12 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn ở Quảng Ninh đã thay đổi rõ rệt; đời sống nhân dân được cải thiện, văn hóa - xã hội và môi trường khu vực nông thôn có những tiến bộ vượt bậc. Đến nay, Quảng Ninh đã có 98/98 xã (100%) đạt chuẩn nông thôn mới với 19/19 chỉ tiêu và 57/57 tiêu chí, trong đó có 54 xã (60,6%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao với 19/19 chỉ tiêu và 75/75 tiêu chí; có 26 xã (26,5%) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 13/13 địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, với 9/9 tiêu chí và 38/38 chỉ tiêu, trong đó có 2/7 huyện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao. Tỉnh Quảng Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, về đích sớm hơn một năm so

với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra. Cùng với đó, tỉnh cũng hoàn thành trước 3 năm Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Năm 2022, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo là 0,34%, toàn tỉnh còn 258 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,06% tổng số hộ dân trong tỉnh. Quảng Ninh cũng vinh dự được Trung ương và các tỉnh ghi nhận, lựa chọn mô hình để nhân rộng khi là địa phương đầu tiên của miền Bắc có huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Đông Triều); huyện đảo đầu tiên trong cả nước đạt chuẩn nông thôn mới (Cô Tô); xã đầu tiên trong cả nước đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (xã Việt Dân - Đông Triều). Tỉnh Quảng Ninh được Thủ tướng Chính phủ trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất trong phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, Huân chương Lao động hạng Nhất trong phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

### **NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở QUẢNG NINH**

Bên cạnh những tác động tích cực thì văn hóa cũng đặt ra không ít thách thức đối với quá trình xây dựng nông thôn mới cũng như phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững ở Quảng Ninh.

Trước tiên, đó là sự khác biệt, chênh lệch vùng miền. Ít có địa phương nào trong cả nước có sự chênh lệch vùng miền lớn như ở Quảng Ninh. Trong phạm vi một tỉnh có những trung tâm đô thị với tốc độ phát triển và mức sống của người dân khá cao, có thể so sánh với một số khu vực phát triển của thế giới. Trái lại, ở một số vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, mặc dù luôn được tỉnh quan tâm đầu tư, hỗ trợ, song khoảng cách phát triển, đời sống nhân dân vẫn còn có sự chênh lệch lớn.

Trong xây dựng nông thôn mới, có sự chênh lệch khá lớn giữa khu vực miền đông và miền tây, giữa các xã đồng bằng và các xã miền núi, hải đảo. Nếu như ở khu vực đồng bằng, người dân chủ động, tích cực vào cuộc, thể hiện rõ vai trò chủ thể của mình, thì ở khu vực miền núi, sự tham gia của người dân có phần hạn chế hơn. Với đặc thù miền núi, biên giới, dân tộc thiểu số, cư dân sống thành các nhóm nhỏ, phân bố không tập trung, cộng với văn hóa, tập quán từng dân tộc khác nhau, dẫn đến khó tập hợp nguồn lực trong dân cho xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, do địa bàn rộng, dân cư thưa khiến suất đầu tư lớn, cần nhiều nguồn lực từ ngân sách nhà nước. Có thể nói, xây dựng nông thôn mới ở khu vực đồng bằng thì thực sự là “*Nhân dân làm - Nhà nước hỗ trợ*”, còn xây dựng nông thôn mới ở khu vực miền núi thì vẫn gần như là “*Nhà nước làm - Nhân dân hỗ trợ*”.

Do tập quán sản xuất ăn sâu nhiều đời, nhiều vùng nông thôn nên sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhỏ lẻ, việc liên kết trong sản xuất chưa nhiều, sản phẩm nông nghiệp, OCOP ít và chưa ổn định, khâu bảo quản, chế biến sâu chưa phát triển nên hiệu quả sản xuất không cao; thiếu sự liên kết giữa các khâu từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ trên thị trường. Hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp còn thấp, chưa được quan tâm, củng cố về tổ chức, năng lực quản trị.

Cơ cấu sản phẩm đa dạng nhưng giá trị hàng hóa nông sản thấp; đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân còn khó khăn (đặc biệt là khu vực thuần nông nghiệp). Một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều phong tục, tập quán cổ hủ, lạc hậu, ăn ở thiếu vệ sinh. Sự phân hóa giàu - nghèo vùng nông thôn và thành thị kéo theo tình hình an ninh trật tự tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp.

Một thách thức khác đặt ra đối với văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở Quảng Ninh là cân bằng giữa việc duy trì, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa với bảo đảm an sinh xã hội đối với một số cộng đồng dân cư đặc biệt. Đó là câu chuyện của các làng chài trên vịnh Hạ Long (làng chài: Vung Viêng, Cửa Vạn, Ba hang,...), làm sao vừa bảo tồn được nét văn hóa độc đáo, vừa bảo đảm cho người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội, là một bài toán không dễ giải.

### **ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở QUẢNG NINH**

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc diễn ra ngày 24-11-2021 tại Hà Nội, trong bài phát biểu của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là một lợi thế cực kỳ to lớn để chúng ta tăng cường lòng tự hào dân tộc, quyết tâm đổi mới và chấn hưng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới<sup>(1)</sup>.

Để có thể phát huy những giá trị văn hóa, biến văn hóa thành nguồn lực, khai thác các di sản như những tài nguyên nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục xác định: “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu nghèo” là một trong ba khâu đột phá chiến

---

(1) Xem: “Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc”, Hà Nội mới điện tử, ngày 24-11-2021, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Van-hoa/1018243/toan-van-phan-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc>

lược trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trong đó, tập trung kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững, với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh. Thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các tầng lớp nhân dân. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, công nghiệp thời trang, dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao. Xây dựng con người Quảng Ninh năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện...

Trên cơ sở đó, tỉnh Quảng Ninh cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội, phát huy mặt tích cực của bản sắc văn hóa trong xây dựng nông thôn mới gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” làm nền tảng để xây dựng thành công nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cấp xã và cấp thôn trên địa bàn toàn tỉnh; đổi mới các nội dung chương trình hoạt động gắn với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu của người dân. Phát huy chủ thể người dân trong việc tham gia đóng góp xây dựng, quản lý, tổ chức các mô hình sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng để người dân có ý thức hơn trong việc bảo quản, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với thiết chế văn hóa thể thao cơ sở.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường thiên nhiên, tập trung cải thiện, chỉnh trang cảnh quan môi trường nông thôn, cải thiện môi trường sống, môi trường sản xuất... với phương châm “sạch nhà, sạch ngõ, sạch đồng” để bảo đảm cho khu vực nông thôn thực sự là nơi “đáng sống” và là nơi “muốn sống” của nhân dân. Chú trọng đầu tư phát triển sản xuất, phát triển sản phẩm thông qua Chương trình OCOP để nâng cao thu nhập và mức sống của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Cùng với đó là tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. ❖



# PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA GIỮ NƯỚC VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG KHU VỰC PHÒNG THỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN QUANG

*Đại tá, TS, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng*

Quảng Ninh là vùng đất nằm ở vùng đông bắc của Tổ quốc, có vị trí trọng yếu trong tiến trình lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, vùng đất và con người Quảng Ninh luôn đồng hành “chung lưng đấu cật” cùng nhân dân cả nước trong công cuộc đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hình thành nên giá trị văn hóa giữ nước độc đáo, mang đậm bản sắc vùng đất và con người Quảng Ninh. Các giá trị văn hóa giữ nước và truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường của vùng đất và con người Quảng Ninh cần được tiếp tục gìn giữ và phát huy đầy đủ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, trong nhiệm vụ xây dựng tỉnh Quảng Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc nói riêng.

## GIÁ TRỊ VĂN HÓA GIỮ NƯỚC VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG CỦA VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI QUẢNG NINH

Trải qua các thời kỳ lịch sử, vùng đất Quảng Ninh có sự thay đổi về địa danh và địa giới hành chính. Nhưng dù qua các triều đại và dưới tên gọi nào thì vùng đất này vẫn được coi là “phên dậu” của đất nước. Chính từ tính đặc thù đó nên Quảng Ninh đã sớm trở thành vùng đất “địa linh nhân kiệt”, hình thành nên một nền văn hóa giữ nước đặc sắc. Đó là dựng nước phải đi đôi với giữ nước, xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước. Xây dựng là cốt yếu, làm cơ sở cho bảo vệ đất nước; bảo vệ là quan trọng, là chỗ dựa cho xây dựng. Bởi thế, khi đất nước có giặc ngoại xâm cũng như khi hòa bình thịnh trị, người dân Quảng Ninh luôn cùng với triều đình hiến kế sách “sâu rễ, bền gốc”, “vua tôi đồng lòng, trăm họ là binh”, vừa

sản xuất, phát triển đời sống, vừa tham gia luyện binh lúc thư nhàn để sẵn sàng chống giặc ngoại xâm. Người dân Quảng Ninh luôn đồng lòng, gắn kết với nhau, tạo thành sức mạnh để giữ nước và xây dựng, phát triển đất nước. Tinh thần đồng lòng, cố kết được thể hiện trong mọi lúc, mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh, lúc thời bình cũng như lúc có giặc. Lúc thời bình thì đồng lòng, cố kết để cùng nhau chống lại thiên tai, bão lũ, dịch bệnh, cùng nhường cơm, sẻ áo, giúp nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Lúc thời chiến thì đồng lòng, cố kết, cùng với triều đình và ba quân để huy động lực lượng toàn dân đánh giặc, trong đó có lực lượng của làng, bản, hương, chấn, huyện lộ, huy động sức của, sức dân tạo ra thế trận ở cơ sở, ở từng làng, bản, từng vùng đất, từng căn cứ... để cùng triều đình đánh giặc cứu nước.

Các nội dung văn hóa giữ nước của người dân Quảng Ninh đều được ghi chép qua các nguồn sử liệu của các triều đại, như thời Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê... Tuy các nguồn sử liệu đó chưa thật đầy đủ và bị thất truyền nhiều, song vẫn thể hiện khá sâu sắc và sinh động tư tưởng nhân văn này của con người Quảng Ninh. Đặc biệt, qua các di tích lịch sử, các di sản văn hóa như đền thờ, miếu mạo, sắc phong của triều đại, từ khu di tích lịch sử Yên Tử, phòng tuyến bãi cọc Bạch Đằng, khu di tích lịch sử Hà Nam... đến khu lăng mộ vua Trần ở Đông Triều, núi Bài Thơ, đền Cửa Ông đều đã minh chứng rất rõ ràng cho truyền thống văn hóa giữ nước, đánh giặc kiên cường của bao lớp thế hệ người dân Quảng Ninh trong lịch sử dân tộc.

Cùng với văn hóa giữ nước, trong thời kỳ hiện đại, nhất là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vùng đất và con người Quảng Ninh còn hình thành nên truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường. Truyền thống đó là sự tiếp nối giá trị văn hóa giữ nước của các lớp lớp cha ông, được nâng lên một tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

Nhiều sự kiện lịch sử oanh liệt đã chứng minh cho truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường của người dân Quảng Ninh. Trong các cuộc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã ra sức vơ vét tài nguyên khoáng sản của Việt Nam, trong đó đặc biệt là nguồn tài nguyên than đá của Quảng Ninh. Chính sách khai thác thuộc địa tàn bạo của thực dân Pháp đã bóc lột thậm tệ những người thợ mỏ, bản cùng hóa người dân, biến họ thành những người vô sản. Vùng mỏ Quảng Ninh đã trở thành một trong những cái nôi đầu tiên sản sinh ra giai cấp công nhân Việt Nam, trở thành trung tâm đấu tranh cách mạng kiên cường, bất khuất. Trong thời kỳ vận động cách mạng (1930 - 1939), Trung ương Đảng đã bí mật cử nhiều đồng chí lãnh đạo xuất sắc của Đảng về hoạt động lãnh đạo và gây dựng phong trào đấu tranh cách mạng trong đội ngũ giai cấp công nhân và người lao động Quảng Ninh. Tại đây, liên tục từ năm 1930 đến năm 1939 đã nổ ra nhiều phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân và

người lao động đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống chính sách áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân Pháp. Tiêu biểu là cuộc tổng đình công của hơn 30.000 công nhân mỏ Quảng Ninh, nổ ra ngày 12-11-1936, đã giành thắng lợi vẻ vang, mở ra một thời kỳ mới cho giai cấp công nhân Việt Nam, đó là thời kỳ đấu tranh có tổ chức, có phương pháp đúng đắn và có sự lãnh đạo của Đảng.

Phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường của quê hương, trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh là địa phương đầu tiên trong cả nước giành được chính quyền thắng lợi ngay khi chưa có Chi thị tổng khởi nghĩa của Trung ương về tới địa phương. Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã kiên cường lãnh đạo quân và dân toàn tỉnh dốc sức, dốc lòng chi viện cho chiến trường miền Nam, với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, đồng thời đánh trả nhiều cuộc càn quét lớn của thực dân Pháp vào chiến khu Đông Triều và các căn cứ khác trên địa bàn tỉnh, kiên cường bảo vệ vững chắc quê hương. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra toàn miền Bắc, Quảng Ninh là địa phương đầu tiên bắn rơi máy bay, bắt sống phi công Mỹ, mở đầu cho phong trào toàn miền Bắc thi đua bắn rơi nhiều máy bay Mỹ và bắt sống giặc lái. Khi cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc xảy ra, nhiều tấm gương chiến đấu, hy sinh dũng cảm của quân và dân Quảng Ninh đã góp phần tô thắm thêm truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường của vùng đất Quảng Ninh anh hùng.

## **PHÁT HUY VÀ VẬN DỤNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA GIỮ NƯỚC, TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ CỦA VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI QUẢNG NINH VÀO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG KHU VỰC PHÒNG THỦ HIỆN NAY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*Những yếu tố tác động đến quá trình xây dựng khu vực phòng thủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*

Quảng Ninh nằm ở vị trí đông bắc Tổ quốc, nằm cách thủ đô Hà Nội 125km về phía Đông Bắc, là một trong 7 tỉnh ở phía Bắc có biên giới giáp với Trung Quốc. Tuy nhiên, Quảng Ninh là tỉnh duy nhất trong cả nước có biên giới trên bộ, trên biển và trên không giáp với Trung Quốc, đây là đặc điểm lớn nhất chi phối toàn bộ các mặt hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh của tỉnh. Quảng Ninh có 4 thành phố (Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí và Cẩm Phả), 2 thị xã và 8 huyện, trong đó có 2 huyện và 1 thành phố giáp với Trung Quốc. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 6.207km<sup>2</sup>, chia thành 3 vùng rõ rệt là vùng miền núi, vùng trung du và vùng duyên hải, với dân số 1.360.700 người, trong đó vùng thành thị chiếm khoảng gần 39%, vùng nông thôn khoảng 61%, có 6 dân tộc cùng chung sống là Kinh, Tày, Dao, Sán Chay, Sán Diu và Hoa (người Kinh chiếm đa số). Về vị trí địa lý của Quảng Ninh: phía Bắc (gồm các huyện Bình Liêu, Hải Hà và thành phố Móng Cái) giáp khu

tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc với đường biên giới là 132,8km; phía Đông và Nam giáp vịnh Bắc Bộ, có vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới, có trên 2.000 đảo lớn nhỏ, với đường bờ biển dài 250km; phía Tây Nam giáp tỉnh Hải Dương và Hải Phòng; phía Tây Bắc giáp tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn. Điểm đặc sắc của Quảng Ninh là tỉnh có 2 huyện hoàn toàn là đảo (huyện đảo Vân Đồn và Cô Tô). Như vậy, xét về mặt vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và xã hội, Quảng Ninh là một địa phương nằm án ngữ ở vùng đông bắc Tổ quốc, có vị trí chiến lược trọng yếu trong thế phòng thủ chung của miền Bắc và cả nước, được phân chia thành 3 vùng cơ bản là đồng bằng, rừng núi trung du và biển, đảo. Đây có thể coi là một vị trí chiến lược, thuận lợi cho việc triển khai lực lượng trong thời bình cũng như thời chiến.

*Quan điểm, chủ trương và một số nội dung cơ bản về xây dựng tỉnh Quảng Ninh thành một khu vực phòng thủ vững chắc*

Phát huy truyền thống văn hóa giữ nước và tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường của vùng đất và con người Quảng Ninh được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, đồng thời nhận thức rõ vị trí, địa bàn chiến lược trọng yếu của một tỉnh phía đông bắc Tổ quốc, trong nhiều năm qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cùng cấp ủy và chính quyền các cấp luôn quán triệt, xác định đúng đắn và tổ chức thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành khu vực phòng thủ vững chắc, coi đây là một nhiệm vụ cơ bản lâu dài nhưng cũng hết sức khẩn trương, cấp bách, với sự vào cuộc của toàn quân, toàn dân và cả hệ thống chính trị trên địa bàn.

*Thứ nhất*, quan điểm, chủ trương của tỉnh về xây dựng địa bàn trở thành khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện trên các mặt chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, quân sự, an ninh, trong đó xây dựng về chính trị, tư tưởng, tinh thần là cốt lõi. Xây dựng về kinh tế, văn hóa, xã hội là trung tâm, xây dựng về quân sự, an ninh là trọng yếu. Lực lượng tham gia xây dựng khu vực phòng thủ là toàn quân, toàn dân, các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, thành phố, thị xã, huyện trên địa bàn, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang (quân đội, công an, dân quân, du kích, tự vệ) là nòng cốt.

Mục tiêu xây dựng khu vực phòng thủ là giữ vững sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng, an ninh; động viên toàn Đảng, toàn dân, cả hệ thống chính trị, các lực lượng quân sự, an ninh trên địa bàn tỉnh cùng vào cuộc, chăm lo xây dựng tiềm lực mọi mặt của khu vực phòng thủ; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, giữ vững địa bàn trong mọi tình huống, không để tình hình an ninh chính trị, trật tự trên địa bàn rơi vào bị

động, bất ngờ; chủ động và kịp thời phối hợp với khu vực phòng thủ của các tỉnh, thành phố, địa phương có địa giới hành chính sát với tỉnh Quảng Ninh thành một khu vực phòng thủ liên hoàn, kịp thời hỗ trợ lẫn nhau. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân, khai thác và huy động được sức mạnh của mọi tiềm lực về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật...; sự đồng lòng, chung sức của mọi lực lượng, toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của tỉnh và Trung ương giao, xây dựng Quảng Ninh thành một địa phương giàu đẹp, ổn định và phát triển.

*Thứ hai*, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần. Trong quá trình xây dựng tỉnh Quảng Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc, Đảng bộ và chính quyền các cấp luôn chú trọng xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Các thành phố, thị xã, huyện... thường xuyên quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương, nâng cao nhận thức trong toàn thể hệ thống chính trị cũng như toàn dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và xây dựng khu vực phòng thủ. Tỉnh thường xuyên chú trọng kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của hệ thống chính trị, coi cán bộ là gốc của mọi công việc. Đẩy mạnh việc thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở, nhất là đội ngũ cán bộ quân sự địa phương của các cấp thành phố, thị xã, huyện, xã, phường. Bảo đảm đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành theo năng lực, có kiến thức về quân sự - quốc phòng. Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh Quảng Ninh đã chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh nhiều chủ trương, giải pháp toàn diện trong lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tạo nền tảng để xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Trong đó, chú trọng xây dựng và phát huy cao độ nhân tố chính trị, tinh thần, coi đây là một trong những nội dung trọng tâm của xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; tập trung quán triệt, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị và toàn dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khu vực phòng thủ có chiều sâu với nhiều mô hình, cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ và đồng bộ. Ngoài các đối tượng trong diện giáo dục, bồi dưỡng theo quy định, tỉnh còn mở các lớp bồi dưỡng cho các đối tượng đặc thù, như chủ hộ gia đình khu vực biên giới, hải đảo, chủ hộ tàu thuyền, công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp, khu du lịch; tăng ni, Phật tử, chức sắc, chức việc tôn giáo. Đồng thời, đẩy mạnh giáo dục quốc phòng - an ninh cho toàn thể nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, các

báo, tạp chí chuyên ngành của tỉnh, đài truyền thanh, truyền hình của các thành phố, thị xã, huyện quận, xã phường trên địa bàn. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công dân trong nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ nói riêng, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung.

*Thứ ba*, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tiềm lực kinh tế, văn hóa, xã hội. Cùng với việc xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần, các thành phố, thị xã, huyện, xã trên địa bàn tỉnh thường xuyên quan tâm chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về kết hợp kinh tế với quốc phòng, những năm vừa qua, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên toàn tỉnh đều gắn với bố trí thể trận quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh có nhiều bước đột phá quan trọng trong kế hoạch xây dựng và phát triển chiến lược kinh tế, văn hóa - xã hội. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các thành phố, thị xã, huyện đều gắn với thể bố trí quốc phòng - an ninh theo chỉ đạo của Đảng “mỗi bước phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội là một bước tăng cường về quốc phòng - an ninh”. Trên cơ sở kế hoạch hằng năm, 5 năm và dài hạn đã được Chính phủ phê duyệt, cùng với các chương trình kinh tế lớn của Trung ương, tỉnh tập trung phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội một cách toàn diện và bền vững. Các lĩnh vực, các ngành có tiềm năng, thế mạnh, như công nghiệp khai thác mỏ, nông, lâm, ngư nghiệp, đặc biệt là ngành du lịch dịch vụ được đầu tư phát triển mạnh, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

Các trung tâm kinh tế lớn trên địa bàn tỉnh như 4 thành phố (Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí), 2 thị xã, đặc biệt là khu kinh tế mới huyện đảo Vân Đồn... vẫn giữ được tăng trưởng kinh tế cao, với tổng thu nhập ngân sách lớn. Theo số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, năm 2022, dù bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, lại vừa trải qua 2 năm bị đại dịch COVID-19 chi phối nặng nề, song tốc độ tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh (GRDP) vẫn đạt mức 2 con số với tỷ lệ ước tăng 10,28%, đứng thứ 4 trong các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đáng chú ý, khu vực công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn có nhiều đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng của tỉnh và Trung ương (tăng gần 7%); các ngành du lịch, dịch vụ phục hồi mạnh mẽ, đạt tốc độ tăng trưởng cao (tăng 14,3%), trở thành động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế tỉnh, với mức đóng góp 4,5 điểm % trong GRDP bù đắp cho các ngành, lĩnh vực khác đang gặp khó khăn. Năm 2022, quy mô nền kinh tế tỉnh đạt 270.000 tỷ đồng, tăng gần 17,5% (so với năm 2021), GRDP đầu người ước đạt 197,6 triệu đồng. Đặc biệt, với những quyết sách đúng đắn, kịp thời, trong năm 2022, ngành du lịch của tỉnh đã phục hồi vững chắc, với tổng lượt khách đạt trên 12 triệu người, tăng gấp

2,6 lần so với năm 2021; tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu của tỉnh là 15,05 tỷ USD, đạt 150% chỉ tiêu ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Những năm gần đây, được sự quan tâm của Nhà nước, kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển với tốc độ nhanh đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như hệ thống đường giao thông huyết mạch nối các tỉnh, thành phía Bắc với Quảng Ninh được mở rộng, nâng cấp như quốc lộ 1A, 5A, 10, 18, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long, hệ thống đường liên tỉnh nối các thành phố, thị xã, các huyện trên địa bàn tỉnh được mở rộng và nâng cấp thành nhiều làn đường có chất lượng cao. Hệ thống cảng biển, sân bay nối Quảng Ninh với các tỉnh trong nước và quốc tế, như Cái Lân, Đình Vũ, Cửa Ông, Hòn Gai, Vân Đồn, Móng Cái... được nâng cấp, mở rộng theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển trong thời kỳ mới. Toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, giao thông vận tải hiện đại đã góp phần kết nối Quảng Ninh với các tỉnh, thành trong cả nước, với nước bạn Trung Quốc, đồng thời phá vỡ thế chia cắt chiến lược, tạo sự giao lưu thuận lợi, nhanh chóng cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn Quảng Ninh nói riêng, khu vực đồng bằng, miền núi vùng duyên hải phía Đông Bắc nói chung.

Trong xây dựng cơ bản, nhất là phát triển kết cấu hạ tầng, nhiều công trình lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh bước đầu được thực hiện kiên cố, ngầm hóa và lưỡng dụng hóa, vừa bảo đảm thuận tiện cho điều kiện làm việc, sản xuất trong thời bình, vừa an toàn khi có chiến tranh xảy ra. Một số nhà máy có thể chuyển ngay sang công năng sản xuất phục vụ nhu cầu quân sự, quốc phòng của thời chiến.

Sự nghiệp giáo dục, đào tạo của tỉnh phát triển cả quy mô, chất lượng và loại hình đào tạo, góp phần nâng cao dân trí, nâng cao kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, đảng viên, đồng thời đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng - an ninh trong khu vực phòng thủ. Về quy hoạch phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong khu vực phòng thủ, tỉnh thực hiện đồng bộ và có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, thăm khám và điều trị các loại bệnh cho cộng đồng trong khu vực dân cư và các khu công nghiệp, trường học... Đồng thời, đẩy mạnh việc kiện toàn, xây dựng và nâng cấp hệ thống bệnh viện, trạm xá quân, dân y kết hợp theo từng tuyến và bệnh viện đa khoa khu vực với trang thiết bị y tế tương đối hiện đại cùng với đội ngũ y, bác sĩ có y đức và trình độ năng lực, tay nghề ngày càng cao. Để xây dựng tiềm lực, kinh tế, văn hóa - xã hội trong khu vực phòng thủ đạt hiệu quả vững chắc, các thành phố, thị xã, huyện trong toàn tỉnh đã xây dựng đề án, phòng thủ dân sự, trong đó xác định 2 nội dung trọng yếu là phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, môi trường và phòng, chống cứu chữa thương, bệnh binh, khắc phục hậu quả chiến tranh khi có chiến sự xảy ra.

*Thứ tư*, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh. Trong xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, cán bộ an ninh các thành phố, thị xã, huyện đều ban hành đề án xây dựng lực lượng bộ đội địa phương và lực lượng dân quân, tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ hiện hành, đồng thời đưa lực lượng công an chính quy của tỉnh, thành phố, thị xã, huyện về tăng cường cho các cấp xã, phường theo chủ trương và chỉ đạo của tỉnh. Đội ngũ cán bộ quân sự địa phương cấp xã, phường... được đào tạo có trình độ trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp quân sự ở cơ sở đạt chất lượng, số lượng cao. Bên cạnh đó, các thành phố, thị xã, huyện còn xây dựng kế hoạch đào tạo trình độ cử nhân, đại học quân sự cho một số cán bộ quân sự địa phương đã qua trung cấp, cao đẳng quân sự chuyên nghiệp bằng nguồn ngân sách của địa phương. Trụ sở của ban chỉ huy quân sự cấp xã, phường, quận, huyện đều từng bước được đầu tư xây dựng khang trang, kiên cố, được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc và cơ động cao, đáp ứng yêu cầu chỉ huy, chiến đấu. Các huyện, xã, thị trấn vùng biên giới, hải đảo đều xây dựng đầy đủ công trình chỉ huy chiến đấu, các kho tàng bến bãi cất giấu vũ khí, khí tài, cơ sở hậu cần, thuốc men phục vụ nhu cầu quốc phòng. Lực lượng vũ trang của tỉnh, bộ đội địa phương các thành phố, thị xã, huyện trong khu vực phòng thủ được quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng tổng hợp, đáp ứng yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cao. Công tác huấn luyện đạt chỉ tiêu yêu cầu đề ra, đồng thời thường xuyên tổ chức giáo dục, học tập chính trị, tư tưởng, nâng cao trình độ năng lực chỉ huy, chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ các cấp. Công tác diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, thành phố, thị xã, huyện..., diễn tập chiến đấu chống bạo loạn, bảo vệ trật tự trị an trên địa bàn được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, chặt chẽ.

Nhằm từng bước xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh trong khu vực phòng thủ bảo đảm tính rộng khắp, ngày càng có chất lượng cao và đi vào chiều sâu, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố... cùng với công an tỉnh, thành phố trên địa bàn đầu tư quy hoạch, xây dựng thế trận quốc phòng kết hợp với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ. Đồng thời, Bộ Chỉ huy quân sự, công an tỉnh đã tích cực phối hợp tham mưu cho chính quyền chỉ đạo giải phóng mặt bằng, đền bù đất đai cho nhân dân trong xây dựng các công trình giao thông vận tải, cơ sở hạ tầng, các công trình kinh tế - xã hội, công trình dự án quốc phòng - an ninh trên địa bàn theo các đề án, kế hoạch của Tỉnh và Trung ương phê duyệt.

### **MỘT SỐ KINH NGHIỆM, GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG VÀ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG KHU VỰC PHÒNG THỦ VỮNG CHẮC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

Những kết quả và thành tựu quan trọng trên đây của tỉnh bước đầu đã tạo ra thế và lực mới trong thế trận phòng thủ trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc, hoàn thiện. Tuy nhiên, quá trình thực hiện nhiệm vụ này cũng bộc lộ một



số vướng mắc, hạn chế và tồn tại cả về nhận thức và tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, nhất là nhận thức của một số cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ chưa đúng tầm và đầy đủ, quá trình tổ chức thực hiện có nơi, có lúc còn bị động, lúng túng, thiếu đồng bộ trong chủ trương và biện pháp thực hiện. Để thực hiện tốt hơn nữa mục tiêu, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ, nội dung xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, cần tập trung thực hiện tốt một số kinh nghiệm và giải pháp sau:

*Một là, thường xuyên giữ vững, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò chỉ huy, quản lý và điều hành của các cấp chính quyền đối với nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ.*

Trước hết, cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy, của Đảng ủy quân sự tỉnh, tranh thủ sự phối hợp chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 3 đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Đồng thời, tăng cường vai trò chỉ đạo của các cấp ủy, quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân tỉnh và các thành phố, thị xã, huyện trên địa bàn đối với nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ; xác định xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách và thường xuyên trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh và các địa phương. Vì vậy, các cấp ủy, chính quyền cần có các chủ trương, kế hoạch, biện pháp tổ chức, thực hiện cụ thể, sâu sát phù hợp với từng giai đoạn. Tích cực chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra tiến độ điều hành và thực hiện kế hoạch, xây dựng khu vực phòng thủ; chủ động uốn nắn, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, đồng thời kiên quyết xử lý các vi phạm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

*Hai là, thường xuyên đề cao và phát huy vai trò chức năng tham mưu của các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và địa phương, nhất là Bộ Chỉ huy quân sự và công an tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ.*

Nhằm giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, một trong những vấn đề quan trọng là phải thường xuyên phát huy vai trò tham mưu, tư vấn của các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, đặc biệt là vai trò tham mưu của Bộ Chỉ huy quân sự và công an tỉnh. Để tham mưu đúng, trúng và kịp thời, từng cơ quan, ban ngành của tỉnh và các thành phố, thị xã, quận, huyện thường xuyên nắm vững chủ trương của cấp ủy, kế hoạch, quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn mình. Đồng thời, quá trình tham mưu phải luôn chủ động nắm bắt tình hình mọi mặt, dự báo xu hướng phát triển; đặc biệt quán triệt sâu sắc quan điểm kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế; chủ động tham mưu đề xuất ngay từ khâu ý tưởng, khâu xây dựng kế hoạch, đề án cũng như trong suốt quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng

khu vực phòng thủ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng tham gia xây dựng, đồng thời tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

*Ba là, thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, nhất là cán bộ chủ trì, cán bộ chỉ huy quản lý và điều hành các cấp thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ.*

Thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng - an ninh là nhằm làm cho cả hệ thống chính trị và toàn dân, trước hết là cán bộ chủ trì các cấp, các ngành luôn nhận thức được đầy đủ, sâu sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới thấy rõ được âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực phản động, thù địch, từ đó nêu cao cảnh giác, đề cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, quyết tâm xây dựng tỉnh, thành phố, huyện... thành khu vực phòng thủ vững chắc, hoàn thành mọi chức trách, nhiệm vụ được giao.

Cấp ủy và chính quyền các cấp phải thường xuyên có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng tổng hợp lực lượng vũ trang địa phương, trong đó lấy xây dựng về chính trị, tư tưởng làm cơ sở. Nội dung giáo dục bồi dưỡng cần tập trung vào nghiên cứu các chủ trương, nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, quan điểm của Đảng về chiến tranh và quân đội, về nghệ thuật quân sự, về quan điểm quốc phòng phải kết hợp với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, nâng cao lòng tự hào dân tộc và tinh thần cách mạng tiến công, không lùi bước trước mọi khó khăn gian khổ...

*Bốn là, tiếp tục đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh.*

Phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực để nâng cao đời sống của nhân dân, qua đó nâng cao sức mạnh quốc phòng, tạo cơ sở vật chất và nền tảng xã hội bền vững trong khu vực phòng thủ. Muốn đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội cần khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, ý thức trách nhiệm, sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân, khơi dậy và phát huy được mọi nguồn lực trong và ngoài nước. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng - an ninh trong một quy hoạch tổng thể, thống nhất. ❖

## PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA THANH NIÊN TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH

HOÀNG VĂN HẢI

*Bí thư Tỉnh đoàn Quảng Ninh*

Nằm ở địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc, Quảng Ninh được ví như “nước Việt Nam thu nhỏ” với những giá trị riêng biệt; nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có đường bờ biển trải dài, lưu giữ những giá trị nổi bật của di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long; nơi Đức vua Trần Nhân Tông hóa Phật, phát tích của thiền phái Trúc Lâm; nơi hội tụ của 22 dân tộc anh em cùng sinh sống với những bản sắc văn hóa độc đáo. Từ khi có Đảng lãnh đạo, Quảng Ninh trở thành cái nôi của giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam, nơi đào tạo và rèn luyện nên nhiều nhà cách mạng tiền bối tiêu biểu, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng trên cả nước, làm nên khí phách, bản lĩnh, tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” của Đảng bộ, của giai cấp công nhân mỏ và của nhân dân các dân tộc Quảng Ninh. Truyền thống đó đã tạo nên văn hóa, khí chất, phẩm giá người Vùng Mỏ kiên cường, bất khuất, đoàn kết, sáng tạo, hào sảng và khí khái. Có thể nói, văn hóa Quảng Ninh là sự kết hợp hài hòa giữa những tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, những giá trị văn hóa, đặc trưng riêng có ấy luôn được tỉnh Quảng Ninh trân trọng, bảo tồn và phát huy. Trong quá trình phát triển, thiên nhiên, con người và văn hóa được xác định là 3 trụ cột để Quảng Ninh chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV xác định một trong những khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của tỉnh trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 là kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh. Trước đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 9-3-2018 “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp

ứng yêu cầu phát triển bền vững”, trong đó đặt mục tiêu xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng “Năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện”; phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng “Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc”.

Tự hào và tiếp nối giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước, tuổi trẻ Quảng Ninh luôn nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tham gia gìn giữ và phát huy những nét văn hóa đặc sắc của tỉnh nhà. Trong thời gian qua, các cấp bộ đoàn trong toàn tỉnh đã có nhiều mô hình, hoạt động tuyên truyền, giáo dục, định hướng, tổ chức cho thanh niên tham gia vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng, cụ thể:

Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chỉ đạo các cấp bộ đoàn toàn tỉnh đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền trên các trang mạng xã hội của Đoàn, Hội, Đội về quan điểm của Đảng, Nhà nước trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh về kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; các quan điểm, mục tiêu của tỉnh tại Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09-3-2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đặc biệt trong thời gian qua, các cấp bộ đoàn rất tích cực tuyên truyền về “Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” theo Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 30-11-2022 của UBND tỉnh; xung kích trên mặt trận văn hóa, đấu tranh chống lại các sản phẩm, thông tin xấu độc, lai căng, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của các thế lực thù địch; duy trì hiệu quả cuộc vận động “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp” trên Fanpage các cấp bộ đoàn, qua đó định hướng cho đoàn viên, thanh thiếu nhi toàn tỉnh những cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực giá trị đạo đức và văn hóa con người Quảng Ninh.

Hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn triển khai sâu rộng cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới” song song với các cuộc vận động xây dựng giá trị, hình mẫu riêng của thanh niên Vùng Mỏ như cuộc vận động “Văn minh thanh lịch là nếp sống đẹp của thanh niên Quảng Ninh”. Định kỳ chủ trì, phối hợp tổ chức Cuộc thi Người đẹp Hạ Long và từng bước nâng cao chất lượng để cuộc thi thực sự trở thành một sự kiện văn hóa quan trọng của tỉnh, nơi tôn vinh, nâng cao giá trị về đẹp nữ thanh niên các dân tộc tỉnh Quảng Ninh, đồng thời là môi trường xây dựng, củng cố, phát huy những giá trị phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Ninh trong giới trẻ. Tích cực tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao vào các ngày lễ lớn, dịp kỷ niệm của đất nước, của

tỉnh như: Liên hoan các nhóm tuyên truyền ca khúc cách mạng tỉnh Quảng Ninh; Giải chạy hưởng ứng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” góp phần định hướng cho đoàn viên, thanh niên lối sống lành mạnh, nâng cao thể lực và chất lượng cuộc sống; chương trình giao lưu các trò chơi dân gian với cán bộ, học viên cơ sở cai nghiện ma túy của tỉnh, Ngày hội các trò chơi dân gian, tìm hiểu kiến thức về các nét đẹp văn hóa của tỉnh được Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và các cấp bộ đoàn tổ chức thường xuyên mỗi dịp tết đến, xuân về.... Qua các hoạt động góp phần tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đoàn viên thanh thiếu nhi về truyền thống lịch sử của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh; đồng thời nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của đoàn viên thanh thiếu nhi trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tỉnh Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn luôn kiên trì phát hiện, tuyên dương và nhân rộng các điển hình thanh thiếu nhi tiêu biểu, xuất sắc trên các lĩnh vực qua những giải thưởng, danh hiệu “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác”; “Guong mặt trẻ, Tài năng trẻ”; “Sinh viên 5 tốt”; “Học sinh 3 rèn luyện”.... qua đó lan tỏa các giá trị hình mẫu thanh niên Vùng Mỏ thời đại mới có văn hóa, kiến thức, trình độ học vấn, kỹ năng sống, có ý chí lập thân, lập nghiệp, năng động, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ.

Đoàn cấp huyện và cơ sở tích cực cụ thể hóa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với việc thực hiện tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới đối với thanh niên nông thôn, xây dựng văn minh đô thị đối với thanh niên đô thị; qua đó, đã xuất hiện nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả, phát huy vai trò của thanh niên trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh như: Mô hình biểu diễn văn nghệ cùng các trò chơi dân gian tại phố đi bộ, Hội trại bản sắc dân tộc, Ngày hội văn hóa dân tộc Tày của Huyện đoàn Tiên Yên; mô hình Câu lạc bộ Thuyết minh viên của Thành đoàn Móng Cái với hoạt động tham gia hướng dẫn, giới thiệu với khách du lịch về giá trị, ý nghĩa của các điểm, tuyến du lịch trên địa bàn thành phố, qua đó quảng bá nét đẹp văn hóa, đặc trưng của vùng đất địa đầu Tổ quốc; các mô hình thanh niên khởi nghiệp từ phát triển nghề truyền thống, sản phẩm địa phương, phát triển du lịch cộng đồng gắn với định hướng gìn giữ, phát huy văn hóa bản địa như: mô hình Khu du lịch Kỳ Thượng Am Váp Farm (anh Nguyễn Trung Kiên, Chủ tịch CLB Đầu tư và Khởi nghiệp Hoàn Bồ) với các hoạt động trải nghiệm, khám phá những nét văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Dao Thanh Phán; mô hình khu du lịch Homestay Pạc Sủi, khu du lịch trải nghiệm Family Ecozone của thành viên CLB Đầu tư và Khởi nghiệp huyện Tiên Yên... Từ sự trợ sức tích cực của tổ chức Đoàn và từ sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của thanh niên Quảng Ninh, hàng

chục mô hình thanh niên khởi nghiệp từ ý tưởng phát triển văn hóa bản địa đã được hình thành và phát triển. Không chỉ đánh thức du lịch ở địa phương bằng cách quảng bá rộng rãi những nét văn hóa, trang phục truyền thống, món ăn đặc trưng của đồng bào dân tộc mình, mô hình còn mang lại lợi ích kinh tế, khơi dậy khát vọng làm giàu trên chính mảnh đất quê hương, làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội và trở thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ trong phát triển kinh tế của địa phương, của tỉnh.

Dưới sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, thanh niên Quảng Ninh ngày nay cũng rất nhạy bén, sáng tạo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và tận dụng các trào lưu, xu hướng mới, tích cực của giới trẻ trên mạng xã hội để quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương, của tỉnh. Trong hai năm trở lại đây, tuổi trẻ toàn tỉnh đã và đang tích cực triển khai tích cực mô hình Bản đồ số các di tích lịch sử, văn hóa, địa chỉ đỏ, cụ thể là lắp đặt các bảng có gắn mã QR tại các điểm di tích lịch sử, văn hóa, địa chỉ đỏ trên địa bàn tỉnh để người dân, du khách dễ dàng tìm hiểu, tra cứu thông tin về các di tích lịch sử, văn hóa của tỉnh. Theo đó, năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã xây dựng và ra mắt công trình thanh niên cấp tỉnh “Bản đồ các địa chỉ đỏ - ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý tưởng cách mạng và phát triển du lịch tỉnh” chào mừng Đại hội Đoàn toàn tỉnh, toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022 - 2027 với gần 40 di tích lịch sử, văn hóa, địa chỉ đỏ được chuẩn hóa nội dung số, bao gồm hình ảnh, video quay cận cảnh đầy đủ các góc hình và sử dụng công nghệ AI (trí tuệ nhân tạo) giọng nói để thuyết minh cho từng địa danh tương tự du khách đang tham quan và lắng nghe thuyết minh thực tế. Sau một thời gian ra mắt, đã có hàng chục nghìn lượt quét mã QR, cho thấy công trình đã phát huy ý nghĩa quan trọng trong ứng dụng công nghệ số vào việc bảo tồn, quảng bá, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh; đồng thời giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương, của tỉnh cho thế hệ trẻ và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, thanh niên Quảng Ninh cũng đã và đang tham gia vào một ngành nghề mới, đó là sáng tạo nội dung trên không gian mạng, tạo ra rất nhiều sản phẩm truyền thông dưới dạng video ngắn trên các nền tảng số Facebook, Tiktok (như trang Dihalong.vn, Hienreviewcoto...) với nội dung chính về trải nghiệm văn hóa, ẩm thực, du lịch của các địa phương trên địa bàn tỉnh, giới thiệu tới cộng đồng mạng xã hội những nét đẹp về văn hóa, con người của mỗi vùng miền; cách quảng bá này đã tạo ra những hiệu ứng rất tích cực, thu hút sự quan tâm của đông đảo người dùng mạng xã hội, là một kênh lan tỏa hiệu quả những giá trị về văn hóa, con người Quảng Ninh tới bạn bè trong nước và quốc tế qua mạng xã hội.

Có thể nói, những kết quả nêu trên đã khẳng định vai trò và những đóng góp quan trọng của tổ chức Đoàn và đoàn viên, thanh niên Quảng Ninh trong việc xây dựng, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của quê hương.

Trong quá trình toàn cầu hóa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, các giá trị văn hóa, con người Việt Nam nói chung và giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh nói riêng đã và đang khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và thế hệ trẻ Quảng Ninh nói riêng ngày nay được sống, học tập và lao động trong môi trường, điều kiện tốt nhất; họ có sự năng động, nhạy bén, sáng tạo, dễ tiếp cận trào lưu, xu thế mới, song cũng dễ bị lôi kéo, kích động. Trên thực tế, các thế lực phản động trong và ngoài nước luôn tìm mọi cách tác động vào giới trẻ, dùng nhiều chiêu trò, cách thức kích động để đánh vào tâm lý của một số ít bạn trẻ nhằm tạo ra một thế hệ trẻ sống theo chủ nghĩa thực dụng, thích ăn chơi, lười lao động, sống vụ lợi, vị kỷ, xa rời các truyền thống văn hóa, phẩm chất tốt đẹp của quê hương, dân tộc. Hiện nay, một bộ phận thanh, thiếu nhi đang theo đuổi các trào lưu, lối sống, phong cách phương Tây, có hiện tượng lãng quên các giá trị văn hóa đặc sắc, riêng có của dân tộc đang ngày càng đẩy lên hồi chuông báo động về vấn đề thanh niên với việc giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

Văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Trong thời đại ngày nay, nguồn gốc của sự giàu có không chỉ là tài nguyên thiên nhiên, vốn, kỹ thuật mà yếu tố ngày càng quan trọng và quyết định là nguồn lực con người, là tiềm năng sáng tạo của con người. Tiềm năng này nằm trong văn hóa, trong trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, nhân cách, lý tưởng, lối sống, ý chí, nghị lực, tài năng và sự thành thạo công việc của mỗi cá nhân. Xét đến cùng, tài nguyên quý nhất, cái vốn quý nhất, sức mạnh nội sinh của mỗi địa phương, mỗi quốc gia, dân tộc chính là văn hóa, là con người, là nguồn lao động chất lượng cao, là nhân tài trong kinh tế tri thức, trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, để phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia tích cực xây dựng, bảo tồn và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh, cũng như thực hiện lời dạy của Bác dành cho cán bộ trẻ trong bài học vỡ lòng về cách mạng trong những năm chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám: “Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”; trong thời gian tới, các cấp bộ đoàn tiếp tục thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

*Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho đoàn viên, thanh niên; nâng cao nhận thức về văn hóa, con người Quảng Ninh, giúp thanh niên thấy được những giá trị độc đáo, riêng có của văn hóa, con người Vùng Mỏ, từ đó nâng lên thành niềm tự hào, ý thức trách nhiệm, quyết tâm hành động của tuổi trẻ trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa quê hương, dân tộc. Các hình thức tuyên truyền, giáo dục phải đa dạng, đổi mới, phù hợp với cách tiếp cận của từng đối*

tượng thanh, thiếu nhi: tổ chức các hoạt động, hành trình về nguồn, hành trình thăm quan, khám phá bảo tàng, địa danh lịch sử, địa chỉ đỏ, các hành trình khám phá miền biên giới thiêng liêng hùng vĩ gắn với các hoạt động bảo tồn, bảo vệ và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa của tỉnh; tổ chức tìm hiểu về văn hóa truyền thống của địa phương thông qua các hình thức thi viết, thi sân khấu hóa, thi trắc nghiệm trực tuyến... Tăng cường và đổi mới việc tổ chức những đợt sinh hoạt truyền thống nhân các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm, như giao lưu gặp gỡ với các bậc lão thành cách mạng, những già làng, trưởng bản, những người có thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực để giao lưu, đối thoại với thanh niên; tổ chức cho thanh niên nghiên cứu lịch sử địa phương, đơn vị, lịch sử Đảng, Đoàn ở địa phương, đơn vị; xây dựng tủ sách truyền thống, phòng truyền thống... Duy trì phát hiện, tuyên dương, khen thưởng các gương thanh niên điển hình tiêu biểu, nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay của thanh niên trong tham gia lưu giữ, bảo tồn và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh.

*Thứ hai, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và tạo điều kiện thuận lợi để thanh niên học tập, rèn luyện, phát triển toàn diện, hài hòa cả về thể chất và tinh thần.* Tăng cường kêu gọi nguồn lực đầu tư, xây dựng, nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa, điểm sinh hoạt, vui chơi giải trí lành mạnh cho thanh thiếu nhi. Đa dạng các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong thanh niên, đặc biệt là các hoạt động trải nghiệm, bảo tồn và phát triển văn hóa vùng miền; vận động thành lập các câu lạc bộ, đội, nhóm về văn hóa dân gian, văn học nghệ thuật trong trường học và trong cộng đồng... Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Vận động thanh thiếu nhi tham gia học tập ngoại ngữ và tin học đến năm 2020, tầm nhìn 2030”, tạo điều kiện cho thanh thiếu nhi Quảng Ninh có cơ hội học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ thông tin, qua đó trang bị cho thanh thiếu nhi sự tự tin, bản lĩnh, năng lực hội nhập quốc tế, góp phần hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ mới.

*Thứ ba, phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên trong các nhiệm vụ, hành động cụ thể, thiết thực.* Theo đó, các cấp bộ Đoàn cần đẩy mạnh các phong trào thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu qua việc đảm nhận và thực hiện các tiêu chí về văn hóa; triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2026” gắn với các phong trào hành động cách mạng của tổ chức Đoàn. Vận động mỗi đoàn viên, thanh niên tùy vào khả năng của mình tham gia đảm nhận, thực hiện những công trình, phần việc thiết thực, ý nghĩa đối với bảo tồn và phát huy văn hóa quê hương; hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp từ chính những tài nguyên sẵn có của địa phương về thiên nhiên, văn hóa và tham gia phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương; vận động thanh niên chủ động nghiên cứu, học tập, sáng



tạo ứng dụng khoa học, công nghệ trong lao động, sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh các mô hình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc, nổi bật của địa phương, của tỉnh, tích cực tham gia xây dựng văn hóa số... Sự cộng hưởng từ những việc làm cụ thể, thiết thực của mỗi đoàn viên, thanh niên sẽ đem đến những giá trị tích cực trong giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng văn hóa, con người Quảng Ninh.

*Thứ tư, các cấp bộ đoàn, đoàn viên, thanh niên phải tích cực đấu tranh chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận văn hóa tư tưởng.* Trong bất kỳ giai đoạn nào, các thế lực thù địch cũng luôn tìm cách thực hiện “diễn biến hòa bình” trên các lĩnh vực, trong đó lĩnh vực tư tưởng, văn hóa được coi là mũi nhọn hòng làm phai nhạt mục tiêu lý tưởng của thanh niên. Chính vì vậy, tổ chức Đoàn cần luôn quan tâm, theo dõi, nắm bắt kịp thời các trào lưu, xu hướng mới trong giới trẻ (đặc biệt các trào lưu phản cảm, độc hại trên nền tảng mạng xã hội Tiktok trong thời gian gần đây) để nhận diện những tác động tích cực và tiêu cực, từ đó kịp thời định hướng thanh niên nhận thức và thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa. Tổ chức các chương trình tập huấn “Sử dụng mạng xã hội an toàn cho học sinh, sinh viên”; cách thức nhận diện, chọn lọc các thông tin chính thống, hữu ích và loại bỏ các thông tin xấu, độc, phản diện, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực từ mạng xã hội đến nhận thức, đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử của thanh niên Quảng Ninh.

Cùng với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh, tuổi trẻ Quảng Ninh biểu thị sự quyết tâm phát huy vai trò xung kích, sáng tạo trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng, đáp ứng các yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh, của đất nước; xây dựng hình mẫu con người Quảng Ninh “Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện”. ❖

## PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG Ở QUẢNG NINH HIỆN NAY

NGÔ ÁNH HỒNG

*TS, Học viện Chính trị khu vực I*

Là vùng đất cổ giao thoa giữa văn hóa biển, đảo và văn hóa đồng bằng Bắc Bộ, Quảng Ninh hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Đây vừa xu hướng khách quan vừa là chủ trương của tỉnh Quảng Ninh nhằm gắn kết hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, qua đó phát huy các giá trị đang văn hóa, thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững.

1- Quảng Ninh là một tỉnh miền núi, duyên hải, ở địa đầu phía đông bắc của nước ta với tổng diện tích trên 12.200km<sup>2</sup>, trong đó có trên 6.100km<sup>2</sup> đất liền và trên 6.100km<sup>2</sup> diện tích mặt nước biển. Là vùng đất cổ có lịch sử lâu đời, tỉnh Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng, đồng thời là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam với truyền thống “kỷ luật và đồng tâm”. Quảng Ninh sở hữu đa dạng các chủ thể văn hóa với cộng đồng 22 dân tộc anh em. Chính điều kiện địa lý giao thoa đặc biệt đã tạo nên những phẩm chất đặc trưng cho con người Quảng Ninh, như kiên cường, năng động, sáng tạo, hào sảng. Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ninh còn có kho tàng di sản văn hóa vô giá gồm 609 di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng, trong đó có 5 di tích quốc gia đặc biệt, 1 di sản thiên nhiên thế giới (Vịnh Hạ Long), 52 di tích cấp quốc gia, 78 di tích cấp tỉnh, 474 di tích đã được kiểm kê, phân loại cùng 362 di sản văn hóa phi vật thể được chia làm 7 loại hình (tiếng nói chữ viết, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội, lễ hội truyền thống, nghề thủ công, tri thức dân gian)<sup>(1)</sup>. Các di sản này được coi là hồn cốt, chất chứa tinh hoa của dòng chảy văn hóa trong suốt chiều dài lịch sử, đồng thời là nguồn lực to lớn cho sự phát triển bền vững ở Quảng Ninh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

(1) Xem: *Di sản văn hóa tỉnh Quảng Ninh*, <http://disanquangninh.gov.vn/>

Trên cơ sở xác định tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, tỉnh Quảng Ninh quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng được đề ra trong Văn kiện Đại hội XIII là: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới”<sup>(1)</sup>. Cùng với đó là Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23-11-2022, của Bộ Chính trị “Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó nhấn mạnh: Khai thác và phát huy các thế mạnh của vùng về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử... Phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử, nhất là văn hóa đồng bằng Bắc Bộ. Mục tiêu đến năm 2030 đồng bằng sông Hồng là vùng phát triển nhanh, bền vững, có cơ cấu kinh tế hợp lý, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Nghị quyết cũng đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, trong đó nhấn mạnh đến nhiệm vụ phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới<sup>(2)</sup>.

2- Thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã tập trung phát huy tối đa nội lực, khai thác tốt nhất các tiềm năng, lợi thế, gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, tạo động lực cho phát triển bền vững của địa phương, bước đầu đã có những kết quả quan trọng.

*Trong lĩnh vực du lịch văn hóa:*

Quảng Ninh hiện có 91 điểm du lịch, 2 khu du lịch địa phương, 1 khu du lịch quốc gia. Các sản phẩm gồm: du lịch biển đảo, du lịch văn hóa, tâm linh, du lịch cộng đồng sinh thái và du lịch biên giới. Thời gian qua, du lịch văn hóa luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của cấp ủy và chính quyền địa phương nên có nhiều khởi sắc, bước đầu xây dựng được thương hiệu du lịch văn hóa của tỉnh, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, về du lịch văn hóa lễ hội: Quảng Ninh hiện có 76 lễ hội truyền thống và trong 4 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các lễ hội này diễn ra quanh năm, trong đó tập trung nhiều nhất vào mùa xuân, gắn với các di tích lịch sử văn hóa của địa phương, như lễ hội đền Cửa Ông, lễ hội Yên Tử, lễ hội Tiên Công, lễ hội đình Trà Cổ Móng Cái, lễ hội đình Quan Lạn và gần đây là lễ hội Carnival Hạ Long theo phong cách quốc tế. Cốt lõi tạo nên những lễ hội này chính những điển tích, những câu

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 145

(2) Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23-11-2022, của Bộ Chính trị “Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

chuyện văn hóa gắn với các vị anh hùng, những người có công với dân với nước, có ý nghĩa thiêng liêng (Phật Hoàng Trần Nhân Tông, tướng quân Trần Quốc Tử, Ngô Quyền, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Lê Hoàn, 17 vị Tiên Công...). Lễ hội văn hóa được tổ chức không chỉ góp phần giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn, cầu cho mùa màng bội thu, mà còn là nơi giao lưu, cộng cảm và trao truyền những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, là cầu nối giữa quá khứ với hiện tại, củng cố tình yêu quê hương đất nước, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, đồng thời thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người dân và du khách. Ngoài các sản phẩm du lịch văn hóa trên thì phải kể đến một loại hình di sản Then cổ đặc sắc của người Tày ở tỉnh Quảng Ninh. Di sản này nằm trong hợp phần “Thực hành then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam” đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Vẫn là một hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, hát then đã phát triển thành một hình thức văn nghệ dân gian. Việc phát huy loại hình di sản then cổ này không chỉ phục vụ đời sống văn hóa tâm linh của người dân, mà còn trở thành chất liệu độc đáo tạo nên dòng sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn đối với du khách.

*Thứ hai*, về du lịch văn hóa tâm linh: Tỉnh Quảng Ninh phát triển chuỗi các khu di tích, danh thắng tiêu biểu, như di tích lịch sử nhà Trần (Đông Triều), quần thể di tích danh thắng Yên Tử, chùa Ba Vàng (Uông Bí), chùa Lô Âm và chùa Long Tiên (Hạ Long), đền Cửa Ông (Cẩm Phả), chùa Cái Bàu (Vân Đồn)...

*Thứ ba*, về du lịch di sản thiên nhiên: Tỉnh Quảng Ninh phát triển loại hình này khá hiệu quả trên cơ sở khai thác các tuyến du lịch tới vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới, ruộng bậc thang ở Lục Hồn (huyện Bình Liêu), cùng nhiều danh thắng khác, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước.

*Thứ tư*, về du lịch làng nghề thủ công truyền thống: Tỉnh Quảng Ninh hiện có một số địa phương phát triển du lịch làng nghề thủ công truyền thống, như thị xã Đông Triều với nghề gốm sứ; thị xã Quảng Yên với nghề đan ngư cụ, đóng tàu vỏ gỗ; huyện Vân Đồn với nghề nuôi cấy ngọc trai... Từ năm 2017, sản phẩm ngọc trai Vân Đồn đã được xếp hạng 5 sao, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Mỗi ngày, mỗi điểm tham quan, mua sắm ngọc trai đã đón tiếp hàng nghìn lượt du khách.

Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ninh còn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các công trình văn hóa, các khu du lịch giải trí quy mô lớn, tạo thêm những dòng sản phẩm du lịch văn hóa mới, phong phú, đa dạng, như Khu vui chơi giải trí Sun World Hạ Long Park, Khu nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp (thành phố Cẩm Phả), Quần thể du lịch nghỉ dưỡng FLC Hạ Long, Khu vui chơi giải trí quốc tế Tuần Châu, Công viên Dragon Park, Bảo tàng tranh 3D Funny Art...

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của ngành du lịch Quảng Ninh trong giai đoạn từ năm 2015 - 2022 cho thấy: Lượng khách và doanh thu từ du lịch đều tăng trưởng tốt qua từng năm (từ 7,76 triệu lượt năm 2015 tăng lên 14 triệu lượt vào năm 2019), trong đó lượng khách quốc tế tăng từ 2,75 triệu lượt khách lên tới 5,74 triệu lượt. Lượng khách nội địa tăng từ hơn 5 triệu lượt lên hơn 8,25 triệu lượt. Doanh thu của du lịch văn hóa ước đạt 20% doanh thu của toàn ngành du lịch Quảng Ninh (Doanh thu từ du lịch đạt 10.900 tỷ, nộp ngân sách 1.200 tỷ năm 2015, đến năm 2019, doanh thu tăng lên 29,486 tỷ và nộp ngân sách 3,568 tỷ đồng. Từ năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh, lượng khách và doanh thu từ du lịch giảm từ 36,8% năm 2020 xuống còn 63% năm 2021 so với năm 2019). Năm 2022, nhờ dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, ngành du lịch Quảng Ninh cùng cả nước mở cửa và có những bứt phá tăng trưởng ấn tượng. Tổng lượng khách du lịch đến Quảng Ninh năm 2022 đạt 11,6 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt 304,000 lượt, tăng 122% so với năm 2021; tổng thu đạt 22,582 tỷ đồng, tăng 119% so với kế hoạch được giao.

*Trong lĩnh vực điện ảnh:*

Thời gian qua, có rất nhiều đoàn phim trong và ngoài nước đã đến Quảng Ninh lấy bối cảnh và cốt chuyện văn hóa, con người, đời sống lao động sản xuất nơi đây làm tư liệu để sáng tạo ra tác phẩm điện ảnh ở nhiều thể loại, như phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học..., tiêu biểu như “Người đất mỏ” (năm 1967), “Mùa than” (năm 1970), “Điểm sáng vùng than” (năm 1986)... Đến năm 1991, sau khi phim “Đông Dương” lấy bối cảnh danh thắng vịnh Hạ Long được công chiếu tại Pháp và tạo tiếng vang, vịnh Hạ Long đã trở thành điểm đến thu hút nhiều du khách Pháp và quốc tế. Đặc biệt, vào năm 1994 và năm 2000, vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, từ đó nhiều nhà sản xuất, phát hành phim đã khai thác tiềm năng di sản này để sản xuất, phát hành nhiều bộ phim hơn. Năm 2017, vịnh Hạ Long xuất hiện trong bộ phim bom tấn Hollywood - Kong: Đảo đầu lâu (Kong: Skull Island). Bộ phim thực hiện 70% các cảnh quay ở Việt Nam, mọi người đều tò mò muốn biết các cảnh đẹp ở Vịnh Hạ Long, Tràng An và động Phong Nha ra sao khi được đưa lên màn ảnh. Theo công bố của đơn vị phát hành, tại Việt Nam chỉ sau 2 tuần đầu ra rạp, bộ phim đã thu về 150 tỷ đồng, với gần 1,8 triệu lượt khán giả.

*Trong lĩnh vực kiến trúc, mỹ thuật:*

Một trong những công trình tiêu biểu về kiến trúc và mỹ thuật của tỉnh Quảng Ninh là Bảo tàng Quảng Ninh. Tọa lạc trên tổng diện tích gần 24.000m<sup>2</sup> với tổng vốn đầu tư hơn 900 tỷ đồng, Bảo tàng Quảng Ninh bao gồm 3 khối nhà được kết nối với nhau bằng hệ thống đường cầu, trên cao là bảo tàng, thư viện và khu vực hội thảo, dưới là khu trưng bày. Lấy ý tưởng từ hình tượng than đá - loại khoáng sản đặc trưng của vùng đất mỏ, Bảo tàng Quảng Ninh được thiết kế màu đen tuyền nổi bật, tượng trưng cho vùng đất mỏ. Khu vực trưng bày

ngoài trời của bảo tàng có hiện vật là hòn than nguyên khối lớn nhất Việt Nam, tượng công nhân mỏ. Khu trưng bày trong bảo tàng là câu chuyện về toàn bộ lịch sử ngành công nghiệp khai thác than Quảng Ninh từ thời Nguyễn và thời Pháp thuộc cho đến ngày nay. Một trong những trải nghiệm thú vị là được vào vai “thợ mỏ vào ca”. Du khách được khoác lên mình bộ trang phục thợ mỏ, bước vào hầm lò với đầy đủ trang thiết bị, thưởng thức đặc sản bánh mì mỏ. Ngoài ra, Bảo tàng đã triển khai hoạt động trải nghiệm và sáng tạo tại ngay chính không gian trưng bày với các sân chơi bổ ích, thú vị cho các em nhỏ cũng như khách tham quan, như “Tìm hiểu lịch sử Quảng Ninh qua hiện vật bảo tàng”, “Đêm hội Trăng rằm - Trải nghiệm cùng bé”, “Bé làm nghệ nhân nhí”,...

Ngoài ra, Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ do Nhà nước đầu tư có giá trị lớn, tổng diện tích 16.000m<sup>2</sup>, được hoàn thành năm 2013 tại nơi đặt nét bút đầu tiên để vẽ nên bản đồ hình chữ “S” của nước Việt Nam cũng là điểm đến hấp dẫn nhiều du khách. Đây là công trình mang hình biểu trưng Tổ quốc nơi biên giới đất liền với quy mô lớn, có kiến trúc văn hóa độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa của các dân tộc tỉnh Quảng Ninh.

**3-** Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thời gian qua, quá trình khai thác, phát huy các giá trị văn hóa trong các ngành công nghiệp văn hóa ở tỉnh Quảng Ninh còn tồn tại một số khó khăn, thách thức. Quá trình phát triển công nghiệp văn hóa còn lúng túng và chưa thu hút được nhiều sự quan tâm, đầu tư của xã hội. Ví dụ ở lĩnh vực công nghiệp điện ảnh, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh và một số công ty điện ảnh tư nhân nắm thị phần chủ yếu song mới chỉ tập trung ở nhiệm vụ phát hành phim. Mảng sản xuất phim hiện nay chưa phát triển, mới dừng ở một số phim tài liệu do Đài Truyền hình Quảng Ninh thực hiện. Ở khu vực ngoài nhà nước, các công ty tư nhân chủ yếu chỉ tập trung sản xuất phim quảng cáo ngắn theo đơn đặt hàng và kinh doanh dịch vụ phát hành phim. Điều này cho thấy, công nghiệp điện ảnh của tỉnh Quảng Ninh còn là một mảnh đất trống và hứa hẹn nhiều dư địa để phát triển. Vấn đề đặt ra là làm sao khai thác, phát huy các giá trị văn hóa dồi dào của miền đất địa đầu đông bắc của Tổ quốc trong phát triển các ngành công nghiệp điện ảnh, nhất là đưa ngành công nghiệp điện ảnh của tỉnh Quảng Ninh vươn ra thị trường trong nước và quốc tế, vừa phục vụ nhu cầu thưởng thức của công chúng vừa góp phần quảng bá văn hóa, con người Quảng Ninh. Bên cạnh đó, hệ thống cơ chế, chính sách về khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội cho sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa còn nhiều bất cập. Việc rà soát, hoàn thiện, xây dựng hệ thống chế độ chính sách đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và đội ngũ văn nghệ sĩ, đầu tư đặt hàng, tài trợ, khuyến khích sáng tác, thành lập quỹ sáng tác chưa đồng bộ. Hoạt động đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị, máy móc, kỹ thuật chưa tương xứng với nhu cầu thực tiễn. Để khắc phục những hạn chế trên, một số giải pháp được đề xuất như sau:

*Một là*, tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức của các chủ thể văn hóa, đặc biệt là các cơ quan quản lý và người dân về vị trí, vai trò của các giá trị văn hóa trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở tỉnh Quảng Ninh, góp phần tạo động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của địa phương và đất nước. Đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các ngành, đơn vị liên quan trong việc thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Quảng Ninh phát triển, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và tiêu dùng của nhân dân cũng như du khách đến với Quảng Ninh.

*Hai là*, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh trong giai đoạn 2020 - 2025 nhằm cải thiện điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ văn hóa; nâng cao hiệu quả việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh với nhiều nội dung, ưu đãi nhằm khuyến khích sáng tạo đối với văn nghệ sĩ, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

*Ba là*, tiếp tục xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện, gắn kết hài hòa giữa các giá trị truyền thống với hiện đại, hội tụ đầy đủ các tiêu chí chung trong hệ giá trị con người Việt Nam, vừa mang đặc trưng riêng của vùng đất mỏ; hướng tới chuẩn mực con người văn minh, hiện đại, trí tuệ, bản lĩnh, chuyên nghiệp, nhân văn, thân thiện, tận tâm và tận hiến. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với chuyển đổi số và kinh tế xanh của tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo, liên kết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, kiến tạo môi trường làm việc năng động và có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khơi dậy mạnh mẽ khát vọng cống hiến của nhân dân vì mục tiêu phát triển tỉnh Quảng Ninh ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc.

*Bốn là*, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND, ngày 29-5-2017, của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “Về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó cần xác định một số lĩnh vực có lợi thế, tiềm năng để triển khai thực hiện theo hướng có trọng tâm, trọng điểm và đem lại kết quả nhất định, làm tiền đề và động lực để phát triển các lĩnh vực khác, qua đó góp phần thúc đẩy tỉnh Quảng Ninh phát triển ngày càng nhanh và bền vững. ❖

## **ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH THỜI KỲ MỚI**

**THANH THỦY**

*Tổng Cục Thống kê*

Trên nền tảng và đà phát triển đã được tạo dựng, Quảng Ninh đặt mục tiêu hướng đến năm 2030 trở thành một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tinh kiêu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía bắc, một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước....

Ngày 24-11-2021, Hội nghị Văn hóa toàn quốc diễn ra tại Hà Nội với hơn 600 đại biểu tham dự trực tiếp và kết nối trực tuyến với 63 tỉnh, thành. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có phát biểu chỉ đạo tại hội nghị quan trọng này, trong đó chỉ ra 6 nhiệm vụ, 4 giải pháp phát triển văn hóa Việt Nam. Được coi là một Việt Nam thu nhỏ, Quảng Ninh có đầy đủ các điều kiện, đặc tính chung của Việt Nam và những nhiệm vụ, giải pháp chung để phát triển văn hóa, con người Việt Nam cũng đồng thời là các nhiệm vụ, giải pháp mà Quảng Ninh phải thực hiện trên chặng đường phát triển.

Từ những nhận thức về văn hóa ngày càng sâu sắc, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư đã đề cập đến lĩnh vực văn hóa dưới nhiều góc độ khác nhau qua nhiều cách tiếp cận khác nhau, rất phong phú, đa dạng. Theo Tổng Bí thư, dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ. Còn những gì xấu xa, việc làm ti tiện, đốn hèn, những hành động phi pháp, bỉ ổi... là vô văn hóa, phi văn hóa, phản văn hóa. Tổng Bí thư cũng chỉ rõ “Hạnh phúc của con người không phải chỉ ở chỗ nhiều tiền, lắm của, ăn ngon, mặc đẹp, mà còn ở sự phong phú về tâm hồn, được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lễ phải và công bằng”. Khái lược các văn bản quan trọng mà Đảng ban hành, Tổng Bí thư



nhân mạnh: Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn coi trọng vai trò của văn hóa và hết sức quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn.

Trong những năm gần đây, cách nhìn nhận văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là sức mạnh nội sinh, động lực, nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước được nhấn mạnh. Với hàm nghĩa là nguồn lực, văn hóa được xác định phát triển đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Con người là chủ thể, giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí của phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là một tiêu chí của tiến bộ, văn minh. Đây là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là những định hướng giá trị mà Quảng Ninh đang hướng tới - 6 giá trị cơ bản: Thiên nhiên tươi đẹp - hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - văn hóa đặc sắc - nhân dân hạnh phúc.

Từ thực tiễn, còn những hạn chế cần khắc phục, đặc biệt là phương diện đạo đức, lối sống; lâu nay là văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị; chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng nặng về chức năng giải trí. Môi trường văn hóa vẫn bị “ô nhiễm” bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các miền còn lớn. Nhiều di sản văn hóa quý báu của dân tộc có nguy cơ bị xuống cấp, mai một, thậm chí bị tiêu vong. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn lúng túng, chậm trễ, nhất là trong việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa. Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Việc tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại còn hạn chế; nhiều khi bắt chước nước ngoài một cách nhố nhăng, phản cảm, không có chọn lọc (nói nặng ra là vô văn hóa, phản văn hóa). Phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa chậm được đổi mới, chưa thích ứng kịp thời với sự vận động và phát triển văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Công tác tổ chức và công tác cán bộ trên lĩnh vực văn hóa còn nhiều bất cập. Như vậy, xét về mọi mặt, văn hóa nước ta đang rất cần một cuộc

chấn hưng, một quyết sách mang tính định hướng lớn, một sự đánh giá, nhìn nhận thấu đáo về vị trí, vai trò của văn hóa, về các nguồn lực đầu tư cho văn hóa, con người.

Từ việc chỉ ra các bất cập trên, chỉ ra sự cấp thiết phải có một cuộc chấn hưng văn hóa, một chương trình mục tiêu mang tầm quốc gia để phát triển văn hóa, Tổng Bí thư đề ra sáu nhiệm vụ và bốn giải pháp cơ bản để tập trung xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển” và “soi đường cho quốc dân đi” theo định hướng mà văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Áp dụng sáu nhiệm vụ, bốn giải pháp chung của đất nước với Quảng Ninh, có thể thấy:

Đối với *nhiệm vụ thứ nhất*: Khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc. Quảng Ninh vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết, kỷ luật và đồng tâm, nên khi đã định ra một đường lối thì toàn thể nhân dân Quảng Ninh sẽ đồng lòng, dốc sức để đạt mục tiêu đề ra. Truyền thống đấu tranh bất khuất, sẵn sàng hy sinh thân mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc đã trở thành một giá trị, một đặc tính con người Quảng Ninh.

Đối với *nhiệm vụ thứ hai*: Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc. Ô nhiễm môi trường văn hóa đã và đang diễn ra ở các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và ngay cả một số không gian văn hóa vốn được coi là nơi nuôi dưỡng cho những giá trị tốt đẹp như gia đình, môi trường học đường,... cũng có những dấu hiệu rạn vỡ. Trong gia đình, trường học, đây đó do mâu thuẫn lợi ích cũng đã dẫn đến xung đột trong các mối quan hệ cha - con, anh - em, vợ - chồng, thầy - trò,... Sự xung đột giữa các thế hệ diễn ra trong từng gia đình, giữa thầy, cô giáo với học trò. Nếu không sớm tìm biện pháp hóa giải thì sẽ dẫn đến nguy cơ đổ vỡ. Sự phát triển của công nghệ, truyền thông đã làm thay đổi các hình thức liên kết xã hội truyền thống. Môi trường học đường cũng xuất hiện nhiều tiêu cực đáng lo ngại. Văn hóa ứng xử giữa giáo viên - học sinh, giáo viên - phụ huynh, học sinh - học sinh có dấu hiệu lệch chuẩn. Nạn bạo lực học đường, hiện tượng chạy điểm, chạy trường... không những ảnh hưởng đến uy tín của ngành giáo dục, mà nguy hại hơn là ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, đến nhân cách và niềm tin của thế hệ tương lai đất nước. Môi trường văn hóa ở nhiều nơi bị “ô nhiễm” xuất phát từ nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, nhất là những tác động của bối cảnh, tình hình phức tạp trong và ngoài nước, mặt trái của nền kinh tế thị trường, giao lưu hội nhập quốc tế. Cạnh đó là việc ban hành quy định, hướng dẫn về xây dựng môi trường văn hóa nói chung chưa đồng bộ, công tác kiểm tra, giám sát chưa nghiêm. Ngoài ra, một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến phát triển văn hóa chung, xây dựng môi trường văn hóa

nói riêng. Thực tế và nguyên nhân trên cũng là những vấn đề đã được Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh nhìn nhận, và từ năm 2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11, nhiệm kỳ Đại hội XX Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 cũng đặt vấn đề phát triển văn hóa, con người. Tỉnh tập trung xác định hệ giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh trên cơ sở khai thác, phát huy các giá trị đã hình thành từ trong quá trình xây dựng, đấu tranh và phát triển.

Đối với nhiệm vụ thứ ba: *Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa.* Quảng Ninh là tỉnh có những tiềm năng văn hóa cả vật thể và phi vật thể rất lớn, việc khai thác các thế mạnh văn hóa hiện không chỉ là khai thác cảnh quan văn hóa để phục vụ phát triển du lịch, Quảng Ninh phải tập trung đồng bộ, hài hòa vào các lĩnh vực, từ bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể để đồng thời bảo tồn các giá trị mang tính lịch sử, phát triển thành các sản phẩm văn hóa phục vụ nhu cầu thị trường, phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa, qua đó, phát triển kinh tế hộ gia đình, phát triển kinh tế địa phương bền vững. Đây cũng là mục tiêu được đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Tỉnh cần tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa, lịch sử, di sản thiên nhiên vô cùng quý giá, gắn với phát triển du lịch, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục xây dựng hệ sinh thái dân sinh hấp dẫn, chính sách khuyến khích và hỗ trợ vượt trội, tạo môi trường thuận lợi để thu hút du khách cho tỉnh. Đồng thời, phải đặc biệt coi trọng công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, tránh thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả thiên tai đối với người và tài sản của nhân dân, của nhà nước. Chú trọng việc trồng cây và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường biển, các khu sản xuất công nghiệp, địa bàn khai thác than... Để góp phần thực hiện cam kết toàn cầu của Việt Nam về chuyển đổi năng lượng sạch, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch cụ thể góp phần thực hiện cam kết này; xác định đây là cơ hội để thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế theo hướng bền vững, nắm bắt thời cơ nâng cao sức cạnh tranh của tỉnh và tận dụng các cơ hội hợp tác thương mại, đầu tư cho phát triển.

Đối với nhiệm vụ thứ bốn: *Phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là nhân dân.*

Xác định con người là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hóa, tỉnh Quảng Ninh luôn chăm lo phát triển con người, nhất là đội ngũ văn nghệ sỹ, những người sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa, người đưa văn hóa từ lịch sử đến thực tại, lưu truyền văn hóa hôm nay

cho các thế hệ mai sau. Để triển khai vừa rộng rãi vừa có trọng điểm việc đào tạo nguồn nhân lực, tinh xác định các ngành giáo dục, y tế, lao động thương binh xã hội,... cùng phối hợp chăm lo con người, từ giao dục ý thức đạo đức, đào tạo, bồi dưỡng tình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; chăm lo sức khỏe, bảo đảm con người Quảng Ninh có thể chất tốt, được chăm sóc chế độ, chính sách đầy đủ để toàn tâm, chuyên tâm cho sáng tác, sáng tạo. Đặc biệt tinh xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản về văn hóa, cán bộ văn hóa tầm chiến lược, văn hóa nghệ thuật đỉnh cao; chương trình giáo dục nghệ thuật trong nhà trường; đồng thời phát triển đội ngũ cán bộ về văn hóa, trong đó chú trọng tuyển cơ sở tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Đối với nhiệm vụ thứ năm: *Chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức*; kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực. thường xuyên làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, đề cao sự gương mẫu, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; giữ gìn, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Phát huy dân chủ, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của nhân dân. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, tạo ý thức phục vụ nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức hành chính ở Trung tâm hành chính công, tạo mối quan hệ, gắn bó mật thiết với nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động quản lý của Nhà nước. Không ngừng chăm lo xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, thực sự là lực lượng tiên phong trong công cuộc đổi mới và phát triển của tỉnh, xứng đáng với truyền thống của Vùng Mỏ Anh hùng.

Đối với nhiệm vụ thứ sáu: Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, *hướng tới phát triển kinh tế nhanh, bền vững*. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kết hợp chặt chẽ với chuyển đổi xanh tạo cơ sở kết nối trên nền tảng công nghệ để công nghiệp, nông nghiệp gắn với dịch vụ, du lịch; gắn kết hài hòa giữa phát triển đô thị và nông thôn, thúc đẩy liên kết vùng; tiếp tục đầu tư xây dựng nông thôn mới bền vững, thực chất. Đặc biệt quan tâm phát huy các lợi thế cạnh tranh của tỉnh, trong đó có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, hiện đại; đề cao giá trị văn hoá, con người để phát triển bền vững. Tận dụng tối đa lợi thế cạnh tranh từ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, hiện đại; phát triển kinh tế tổng

hợp, trong đó lấy kinh tế số là nền tảng kết nối, toàn diện, hiện đại. Trong quá trình phát triển, Quảng Ninh cần đi đầu trong phát triển kinh tế số, xã hội số, văn hóa số để làm cơ sở phát huy tốt hơn nữa vai trò cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; vai trò trung tâm, là động lực liên kết vùng, hình thành các vùng kinh tế, hành lang phát triển mới. Trong văn hóa số, chủ trì, phối hợp ngành thông tin và truyền thông triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể; số hóa và lập bản đồ số di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; tuyên truyền quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Việt Nam ra nước ngoài. Xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa, kết nối chặt chẽ với hạ tầng công nghệ ngành du lịch đẩy nhanh phát triển ngành du lịch, bao hàm cả phát triển số lượng du khách và các sản phẩm phục vụ khách du khách ở các địa phương, làng nghề,...

Về bốn giải pháp, áp dụng với Quảng Ninh thấy:

Đối với giải pháp thứ nhất: *Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo, quản lý trên lĩnh vực văn hóa*. Đối với Quảng Ninh, từ sớm Đảng bộ tỉnh đã có những nhận thức sâu sắc và toàn diện về vai trò và tác động của văn hóa nói chung và các thế mạnh về văn hóa của Quảng Ninh nói riêng. Tỉnh đã ban hành Nghị quyết, của Ban Chấp hành Đảng bộ, ban hành các chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh để đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản về văn hóa nói chung, về văn hóa Quảng Ninh nói riêng, tổng kết và phát triển một số vấn đề lý luận về văn hóa, con người Việt Nam nói chung và con người Quảng Ninh nói riêng trong thời đại ngày nay, về văn hóa trong xã hội số, văn hóa đặc thù của các dân tộc, nghệ thuật đỉnh cao, nghệ thuật truyền thống, xây dựng phát triển không gian sáng tạo văn hóa, nghệ thuật.

Đối với giải pháp thứ hai: *Xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới*. Là tỉnh có ưu thế về văn hóa, các lĩnh vực văn hóa có tiềm năng đóng góp lớn vào phát triển kinh tế - xã hội, do đó, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa là một trong các nhiệm vụ quan trọng đối với quá trình phát triển của Quảng Ninh. cũng rải rác ở khắp các địa phương trong tỉnh, trong đó có các địa phương có đường biên giới, do đó, cán bộ văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng trong gìn giữ bản sắc văn hóa, chống “xâm lăng văn hóa” trực diện và đẩy mạnh giao lưu văn hóa quốc tế. Chủ động gìn giữ, bảo vệ và chủ động phòng chống du nhập văn hóa không phù hợp với thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán, dự báo tình hình từ sớm, từ xa, kịp thời xử lý tốt các vấn đề nảy sinh trên địa bàn; giải quyết từ gốc các vấn đề liên quan đến văn hóa - xã hội, bảo đảm an ninh văn hóa, an ninh con người. Tập trung củng cố cơ sở thiết chế văn hóa, củng cố đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở có bản lĩnh chính trị.

Đối với giải pháp thứ ba: *Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.* Thời gian từ nay đến năm 2025, tỉnh đã đề ra nhiệm vụ khẩn trương tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa; rà soát các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu có liên quan về văn hóa; căn cứ vào Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tham khảo Chương trình cấp bách chấn hưng, phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025 của Trung ương, tiếp tục nghiên cứu xác định các vùng văn hóa, các bản sắc văn hóa, các giá trị văn hóa trọng tâm, trọng điểm để đầu tư bảo tồn, phát triển; các giá trị văn hóa, con người cũng được nhận diện để phát huy, phát triển. Bên cạnh đó, tăng cường chủ trì, phối hợp các bộ, ngành đẩy mạnh việc công nhận các di sản, di tích; phân cấp và xác định trách nhiệm cụ thể cho các địa phương trong quản lý văn hóa đi đôi với kiểm tra, giám sát việc thực hiện; đổi mới chính sách đãi ngộ, tôn vinh tài năng và cống hiến đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa... Xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Quảng Ninh, ban hành các chuẩn mực về văn hóa trong công sở, của công chức, cộng đồng; quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh trong môi trường số..., Trong đó, đặc biệt quan tâm xây dựng các hồ sơ và đề xuất công nhận các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của Quảng Ninh, có kế hoạch bảo tồn bảo tồn, phục dựng, tu bổ một số công trình di tích, di sản văn hóa quốc gia đặc biệt, di sản thế giới được UNESCO ghi danh.

Đối với giải pháp thứ tư: *Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội.*

Năm 2023, Quảng Ninh kỉ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh (30-10-1963 - 30-10-2023), hơn nửa thế kỷ qua, con người Quảng Ninh đã tạo dựng được những bản sắc riêng trong văn hóa ứng xử, trong cách sống đoàn kết, đồng tâm, trong tính cách hào sảng, mạnh mẽ,... Ngày nay, các thế hệ con người Quảng Ninh đã và đang tiếp tục phát huy các giá trị quý báu đó, vừa xây dựng con người Quảng Ninh có lối sống lành mạnh, vì sự phát triển, vừa xây dựng môi trường xã hội lành mạnh. Năm 2023, đánh dấu thời kỳ mới, trọng trách gìn giữ và phát huy được đặt lên vai các thế hệ cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh sứ mệnh vẻ vang, trách nhiệm lớn lao và hôm nay chúng ta có nhiệm vụ viết tiếp những trang sử hào hùng, dựa vào nền tảng văn hóa, khí chất, phẩm giá con người Vùng Mỏ kiên cường, bất khuất, “Kỷ luật và Đồng tâm”, đoàn kết, sáng tạo, hào sảng, khí khái được chung đúc từ chiều dài của lịch sử, chiều sâu của văn hóa...

Những nét văn hóa trong lối sống, ứng xử là nền tảng khắc họa hình tượng con người Quảng Ninh qua quá trình lao động, sáng tạo, tinh thần yêu nước, truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại. ❖

## MỘT SỐ GỢI MỞ GIẢI PHÁP ĐỂ VĂN HÓA QUẢNG NINH TRỞ THÀNH NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN

LÊ KIM ANH

Làm cho văn hóa trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp trong nền kinh tế số là yêu cầu quan trọng để khai thông nguồn lực văn hóa góp phần trực tiếp tạo nên bước đột phá cho phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

### ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA, CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG

Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn; là trình độ phát triển lịch sử của xã hội và của con người biểu hiện trong các kiểu, trong các cách thức tổ chức đời sống và hành động của con người, cũng như trong các giá trị vật chất và giá trị tinh thần do con người sáng tạo ra và được tích lũy lại, được làm phong phú thêm trong quá trình con người tương tác với thiên nhiên và trong quan hệ với nhau trong xã hội. Do vậy, ngay cả những di sản thiên nhiên được con người bảo tồn, được con người chỉnh trang, tu sửa và nâng cấp, v.v. cũng là sản phẩm văn hóa cần được huy động phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước.

Đời sống văn hóa là những hành vi sống, biểu hiện một trình độ văn hóa, bao gồm các hoạt động của xã hội của tập thể, của từng cá nhân nhằm mục đích văn hóa hoá, tức là hoàn thiện con người. Đời sống văn hóa bao gồm các yếu tố văn hóa tĩnh tại (các sản phẩm văn hóa vật thể, các thiết chế văn hóa); các yếu tố văn hóa động thái (con người và các hoạt động). Một số công trình nghiên cứu cho rằng đời sống văn hóa bao gồm 4 yếu tố: văn hóa vật thể và phi vật thể; cảnh quan văn hóa; văn hóa cá nhân; văn hóa của các “tế bào” trong cộng đồng. Khái quát lại, đời sống văn hóa là bộ phận của đời sống xã hội, bao gồm tổng thể những yếu tố hoạt động văn hóa vật chất và tinh thần, những tác động qua lại lẫn nhau

trong đời sống văn hóa để tạo ra những quan hệ có văn hóa trong cộng đồng, trực tiếp hình thành nhân cách và lối sống của con người.

Nói một cách khái quát: đời sống văn hóa là hiện thực sinh động các hoạt động của con người trong môi trường sống để duy trì, đồng thời tái tạo các sản phẩm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần theo những giá trị và chuẩn mực xã hội nhất định nhằm không ngừng tác động, biến đổi tự nhiên, xã hội đáp ứng nhu cầu đổi mới nâng cao chất lượng sống của chính con người.

Trong thời kỳ mới, trước tác động nhiều mặt của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, đời sống văn hóa cũng bộc lộ những hạn chế.

- Khuynh hướng coi giá trị thị trường là giá trị chân thực duy nhất đúng để đo các giá trị khác, định giá trị con người căn cứ vào của cải, do đó các quan hệ tình cảm lành mạnh, cao đẹp, âm áp tình người có nguy cơ bị băng giá trong sự tính toán vị kỷ.

- Chạy theo “lợi nhuận đơn thuần” dẫn đến nguy cơ “thương mại hóa”, chạy theo đồng tiền mà có thể bất chấp đạo lý, sẵn sàng vi phạm pháp luật.

- Lối sống lạnh lùng, tàn nhẫn làm băng hoại đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục, tấn công vào từng gia đình, từng con người.

Tiền đã xâm nhập vào nhiều mối quan hệ đạo đức xã hội, thậm chí và cả quan hệ chính trị. Chính vì thế mà những tệ nạn tham ô, hối lộ, móc ngoặc, tham nhũng, mua quan bán chức, chạy chức chạy quyền mà chúng ta đấu tranh, ngăn ngừa trong nhiều năm nay, nhưng vẫn đang diễn ra phức tạp và là nỗi lo lắng, nhức nhối của xã hội. Tác động của chủ nghĩa thực dụng, “văn hóa tiêu dùng” đang dẫn đến nguy cơ “đồng nhất” về văn hóa, về lối sống, một số thói quen và hợp tác giải trí lai căng...

Đại hội lần thứ XII của Đảng đánh giá: “So với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng, chưa đủ tầm mức để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn đơn điệu... Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái thuần phong mỹ tục, tệ nạn xã hội và một số tội phạm có chiều hướng gia tăng”. “Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm nước ngoài đã tác động tiêu cực



đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ” (Văn kiện Đại hội XII, 2016, tr. 124 - 125). Chính từ thực trạng đó, Đại hội XII của Đảng đòi hỏi: “xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh phù hợp với hoàn cảnh phát triển KTTT định hướng XHCN và hội nhập quốc tế” (Văn kiện Đại hội XII, tr. 127).

Năm 1998, Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), năm 2014 Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW (Nghị quyết của Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 9, khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Cả 2 nghị quyết đều khẳng định vị trí, tầm quan trọng chiến lược của sự nghiệp phát triển văn hóa và con người Việt Nam. Nghị quyết cũng chỉ ra Mục tiêu chung của sự nghiệp phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và chủ động hội nhập quốc tế của đất nước là: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Có thể xem Nghị quyết số 33-NQ/TU chính là đường lối văn hóa của Đảng trong chặng đường tiếp theo của công cuộc đổi mới và chủ động hội nhập quốc tế của đất nước, dân tộc ta. Nghị quyết số 33-NQ/TU là bước phát triển mới, có tính đột phá trong đường lối văn hóa của Đảng, phù hợp với đòi hỏi của thời đại và của sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. Với việc khẳng định, rằng “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.” và “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa”, Nghị quyết này đã đánh dấu một tầm vóc mới trong nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa, thể hiện tầm nhìn thời đại và tính khoa học, tính thực tiễn của đường lối, đảm bảo chính sách phát triển văn hóa gắn với phát triển con người và với sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. Tuy nhiên, kể từ sau khi ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TU đến nay, chỉ trong thời gian ngắn, tình hình thế giới và Việt Nam đều đã có những biến chuyển mau lẹ, làm bộc lộ rõ hơn nhiều vấn đề, thách thức mới. Yêu cầu xây dựng môi trường văn hóa (có đời sống văn hóa) lành mạnh tiếp tục được đặt ra, định hướng là: 1. Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ và thực hiện có hiệu quả mục tiêu: xây dựng văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. 2. Trong điều kiện thế giới toàn cầu hóa và cạnh tranh khốc liệt về rất nhiều mặt hiện nay, một dân tộc muốn tồn tại và hơn nữa muốn phát triển nhanh, bền vững thì nhất định văn hóa phải

thấm vào mọi mặt của đời sống xã hội. Đặc biệt, văn hóa phải thấm vào từng con người đang giữ vai trò sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật; vào lĩnh vực chính trị với tư cách là văn hóa chính trị.

Văn hóa phải thấm vào kinh tế với tư cách là văn hóa kinh doanh, văn hóa du lịch, văn hóa doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; văn hóa giao thông. Văn hóa càng phải thấm sâu vào công tác tổ chức, quản trị và điều hành đất nước. Đồng thời, trong điều kiện thế giới hiện nay, văn hóa giao tiếp và văn hóa ứng xử trong xã hội giữa người với người, giữa dân tộc này với dân tộc khác là những gì không thể thiếu, thậm chí hơn lúc nào hết, văn hóa cũng phải thấm vào trong cung cách ứng xử của con người với thiên nhiên, với môi trường sống của chúng ta, v.v.. Chính vì vậy, cả các giá trị văn hóa truyền thống lẫn văn hóa hiện đại của dân tộc, phải góp phần thôi thúc con người tự nhận thức, tự ý thức và thực thi trách nhiệm xã hội của mình đối với đất nước một cách tốt nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động.

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VĂN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP**

#### *Giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển*

Đây là một trong những vấn đề cơ bản nhất của công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa và cũng là nguyên nhân nảy sinh rất nhiều vấn đề đang đặt ra đối với nền văn hóa Quảng Ninh hiện nay. Nhờ có nhận thức mới, có chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có thêm đầu tư từ NSNN và từ cộng đồng nên nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã và đang được bảo tồn và phát huy tốt giá trị; nhiều di sản đã được UNESCO vinh danh hoặc công nhận,... Tuy nhiên, cũng có nhiều di sản, di tích đã bị xâm hại, làm biến dạng, xuống cấp nghiêm trọng; có nhiều di sản đã bị biến mất hoàn toàn. Một số nơi, một số di sản văn hóa đã không tìm được phương thức hội nhập với phát triển. Cá biệt có những trường hợp đẩy nhà quản lý và cộng đồng đến chỗ lúng túng, xung đột v.v... Vì vậy, trước hết cần xác định rõ: nền tảng của việc giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển chính là các nguyên tắc của phát triển bền vững. Phát triển bền vững là sự phát triển hài hòa dựa trên 5 trụ cột: kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, chính trị, xã hội và văn hóa, trong đó, mỗi trụ cột sẽ đóng vai trò vừa là mục tiêu, vừa là một nguồn lực phát triển trên cơ sở của hai nguyên tắc: sự phát triển phồn thịnh của thế hệ này không được phép lấy đi hoặc tổn hại cơ hội phát triển phồn thịnh của thế hệ sau và sự phát triển phồn thịnh của cộng đồng này không được lấy đi hoặc làm tổn hại cơ hội phát triển và phồn thịnh của cộng đồng khác. Đây chính là nguyên tắc có tính nền tảng để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển ở nước ta.

Di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể đều thuộc đối tượng cần được bảo tồn, theo đúng Luật Di sản văn hóa (2001, sửa đổi và bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, thực tế cho thấy trong thời gian qua, vấn đề bảo tồn thường chỉ được đặt ra đối với bản thân các di sản mà rất ít chú ý đến công việc bảo tồn những yếu tố gắn với di sản, như cảnh quan, không gian kiến trúc và không gian xã hội nhân văn. Trong điều kiện đang trải qua quá trình CNH, HĐH và đô thị hóa sôi động với nhiều biến chuyển sâu sắc và mạnh mẽ thì việc bảo tồn các di sản gắn với môi trường sống của chúng thực sự là một thách thức.

Bảo tồn phải trở thành nhu cầu đối với sự phát triển và trở thành một nguồn lực phát triển, và không gây xung đột với phát triển. Giới nghiên cứu trên thế giới đã hình thành 3 “trường phái”, đề xuất những lựa chọn giải pháp bảo tồn khác nhau: 1. Bảo toàn nguyên trạng và toàn bộ: bởi lẽ chỉ với tính nguyên trạng và toàn bộ của nó, giá trị của di sản mới được đảm bảo và chân xác. Hơn nữa, có thể có những giá trị còn tiềm ẩn nên phải bảo tồn nguyên vẹn để cho các thế hệ sau tiếp tục khám phá. 2. Bảo tồn kế thừa: Mỗi di sản là một tài sản được thế hệ trước truyền lại, để lại cho thế hệ sau, thế hệ sau thừa kế nó như bất kỳ tài sản nào. Họ lựa chọn cái phù hợp, cái cần thiết, loại bỏ cái không phù hợp, không cần thiết theo nhu cầu và quan điểm của họ. Trong quá trình đó các di sản luôn được bồi đắp thêm những thành tố mới, bổ sung những giá trị mới. Có như vậy di sản văn hóa mới thực sự “sống” và luôn luôn là một phần của cuộc sống nhân loại. 3. Bảo tồn phát triển: Đây là quan điểm được nhiều nhà nghiên cứu tán đồng và nhiều quốc gia đang vận dụng và thực tiễn. Di sản được coi như một nguồn lực cho phát triển và chúng được bảo tồn là để phục vụ cho mục tiêu phát triển. Ngoài ra, cái gì không phù hợp với mục tiêu phát triển thì sẽ không được bảo tồn.

Theo chúng tôi, phải phối hợp vận dụng cả ba trường phái trên. Đối với mỗi di sản, cần phải nghiên cứu thật cẩn trọng, phân tích, đánh giá từng bộ phận cấu thành, trên cơ sở đó xác định những thành tố nào, những giá trị nào cần được bảo tồn toàn vẹn, nguyên bản, thành tố nào, giá trị nào cần được bảo tồn theo nguyên tắc kế thừa hoặc phát triển. Thứ hai, cần phải thực hiện nghiêm chỉnh Luật Di sản văn hóa và các công ước quốc tế, các quy định và hướng dẫn của UNESCO. Thứ ba, cần đặc biệt chú ý việc hỗ trợ, nâng cao năng lực và phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Có bốn năng lực cốt lõi cần giúp cho các cộng đồng cư dân được nâng cao: 1. Năng lực nhận thức: nhận thức rõ về giá trị di sản; nhận thức pháp luật liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị di sản; nhận thức về vai trò, quyền hạn của chính họ; nhận thức về yêu cầu, phương thức, phương tiện phát huy giá trị di sản. 2. Năng lực tuyên truyền, quảng bá giá trị di sản: trên nền tảng của năng lực nhận thức, người dân làm chủ được và thực hành được các kỹ năng

và phương tiện quảng bá, tuyên truyền về giá trị di sản và bảo tồn giá trị di sản. 3. Năng lực thực hành, tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản: tham gia bảo tồn, bảo vệ, chăm sóc, tôn tạo, trình diễn (với di sản phi vật thể), trao truyền, hướng dẫn và giám sát công tác bảo tồn, quản lý di sản. 4. Năng lực chuyển đổi sinh kế và phát triển tài chính: duy trì, phát huy hoặc chuyển đổi sinh kế đồng thuận với yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị di sản; trên cơ sở những hỗ trợ ban đầu phát triển không ngừng nguồn tài chính của cư dân địa phương để giảm thiểu “bóc lột” di sản, góp phần tái đầu tư để bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Thứ tư, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, nhất là hành lang pháp lý, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ và các cơ quan quản lý nhà nước.

*Giải quyết mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế, tiếp thu ảnh hưởng văn hóa của thế giới và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống*

Do vị thế địa - văn hóa của mình nên trong suốt chiều dài lịch sử, Quảng Ninh đã có cơ hội giao lưu, tiếp xúc với nhiều nền văn minh, văn hóa, nhờ đó mà tiếp nhận, thấu thái có chọn lọc được nhiều tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là truyền thống lớn cần được kế thừa và phát huy, củng cố thể ứng xử văn hóa rộng mở, khoan dung, cầu thị và bản lĩnh của dân tộc trong thời đại toàn cầu hóa.

Thực chất mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam và tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa nhân loại trong quá trình hội nhập quốc tế cũng chính là một nội dung nằm trong mối quan hệ phức tạp, nan giải giữa bảo tồn và phát triển vừa được phân tích ở bên trên. Đây cũng là vấn đề thường xuyên gây ra những quan ngại sâu sắc ở nhiều quốc gia khác chứ không phải là vấn đề riêng của Quảng Ninh hay Việt Nam.

*Giải pháp trong bối cảnh toàn cầu hóa*

Toàn cầu hóa văn hóa là một nội dung của quá trình toàn cầu hóa, quá trình này cũng có cả những mặt tích cực và mặt tiêu cực. Vì vậy, chúng ta cần nhận rõ những mặt tích cực để phát huy, đồng thời nhận rõ những mặt tiêu cực để ngăn ngừa, phòng tránh, hạn chế. Không nên tuyệt đối hóa mặt nào và cũng không thể cực đoan tiếp nhận một chiều hoặc cự tuyệt hội nhập.

Về các mặt tích cực: toàn cầu hóa văn hóa là quá trình đối thoại, giao lưu, tiếp biến văn hóa trên quy mô toàn cầu và ở mức độ ngày càng sâu rộng và toàn diện.

Trong lịch sử, dân tộc ta đã từng trải qua những quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa như vậy, thậm chí có những thời kỳ lịch sử dân tộc ta phải giao lưu, tiếp xúc văn hóa trong trạng

thái bị cưỡng bức, áp đặt, như trong thời kỳ Bắc thuộc trên 100 năm (179 TCN - 938 SCN) với mưu đồ đồng hóa của người Hán. Nhưng kết quả là: dân tộc ta đã có đủ bản lĩnh văn hóa để tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa bên ngoài, làm giàu có bản sắc văn hóa Việt, làm cho văn hóa Việt Nam thêm phong phú và có thêm những nguồn sinh lực mới.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về văn hóa lần này chính là cơ hội rất tốt để dân tộc ta tiếp xúc sâu rộng và thuận tiện hơn với văn hóa, văn minh nhân loại, thông qua đó mà các thế hệ người Việt Nam, nhất là thanh niên, có điều kiện hiểu biết sâu rộng, chính xác hơn về thế giới, chủ động học hỏi, tiếp thu những cái hay, cái tốt của thế giới. Thông qua toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về văn hóa dân tộc ta có thêm điều kiện thuận lợi để giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam, hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam ra nước ngoài. Thông qua toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mà những yếu kém, những hạn chế về thói quen, văn hóa ứng xử - các thói hư tật xấu của người Việt Nam sẽ được bộc lộ rõ hơn, được nhận thức rõ hơn. Nhờ đó mà chúng ta có thể tự mình đấu tranh giảm thiểu, loại bỏ chúng hoặc cải biến chúng thành những yếu tố tích cực trong quá trình phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Về các mặt tiêu cực: Toàn cầu hóa văn hóa sẽ dẫn đến hiện tượng xâm thực văn hóa, là cái mà nhiều quốc gia, kể cả Việt Nam đặc biệt quan ngại. Một số quốc gia, vì mục đích bành trướng kinh tế, chính trị của mình đã sớm phát triển cách ngành công nghiệp giải trí, công nghiệp văn hóa và trở thành những cường quốc văn hóa. Thông qua đó, họ truyền bá, lan tỏa giá trị của mình (về nhân sinh quan, thế giới quan, quan niệm về tôn giáo, nhân quyền, tình yêu, thời trang, thị hiếu vv...) đến mức nào đó thì dường như giành quyền thống trị các thị trường văn hóa. Trên cơ sở đó, họ áp đặt lựa chọn văn hóa và ứng xử văn hóa. Thông qua toàn cầu hóa, nhất là các phương tiện kết nối toàn cầu, nhiều công ty, nhiều tổ chức đã tán phát các sản phẩm văn hóa đồi trụy, cổ súy cho những giá trị, những lối sống, hành vi ứng xử phi nhân bản, như tư tưởng cực đoan, kỳ thị sắc tộc, tôn giáo, khủng bố vv...

Hai quá trình nói trên sẽ dẫn đến hệ quả là làm tha hóa một bộ phận thế hệ trẻ, khiến cho họ bị mất gốc, quay lưng lại với giá trị truyền thống, với gia đình, xã hội và dân tộc..

Để cơ sở giải quyết các vấn đề đặt ra, nhận diện các mặt tích cực và tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa văn hóa và hội nhập quốc tế, có thể nhấn mạnh một số nhóm giải pháp cơ bản sau đây:

Tích cực, chủ động, kiên trì xây dựng hành trang văn hóa hội nhập cho dân tộc, nhất là cho các thế hệ thanh niên. việc tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại và phát huy những

mặt tích cực của toàn cầu hóa văn hóa gặp nhiều khó khăn, trong khi những mặt tiêu cực chậm hoặc không được nhận diện, mặc sức phát huy tác động, gây nhiều bức xúc, đưa tới những hậu quả không nhỏ. Vì vậy, công việc chủ động chuẩn bị hành trang văn hóa hội nhập cho dân tộc, nhất là thanh niên phải được xem là một trong những nội dung cốt lõi của công tác giáo dục, tuyên truyền, lãnh đạo và quản lý văn hóa, thông tin, truyền thông và của toàn xã hội.

*Hai là*, phát triển thành công công nghiệp văn hóa, bao gồm cả công nghiệp giải trí chính là chìa khóa thành công của sự nghiệp chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa ở nước ta hiện nay. Thông qua đó, các giá trị văn hóa ưu tú của dân tộc sẽ được phát huy và thực sự trở thành một yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh mềm và năng lực cạnh tranh. Nhà nước đã ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa nhưng cho đến nay chưa có nhiều chuyển động thực tiễn. Cần nghiên cứu và tháo gỡ các khó khăn để triển khai thật hiệu quả chiến lược này.

*Ba là*, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành và quản lý văn hóa để một mặt đẩy mạnh hợp tác, thúc đẩy quá trình chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa. Mặt khác, phải tăng cường kỷ cương, hiệu quả của công tác quản lý, phát huy vai trò giám sát của nhân dân để kiên quyết ngăn chặn sự du nhập những yếu tố văn hóa tiêu cực, phản tiến bộ, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Trên cơ sở đánh giá, nhận diện các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh cần phân tích, làm rõ hơn các phương thức, hình thức khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa, con người phù hợp với đặc điểm đặc thù, với tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Ninh; tiếp tục nhận diện ra những vấn đề tồn tại, khó khăn khi Quảng Ninh là tỉnh đang phát triển nhanh về kinh tế, đô thị nhưng luôn phải đặt mục tiêu bảo tồn, phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa. Đồng thời các ý kiến cũng gợi mở cho Quảng Ninh nhiều giải pháp để phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa, con người thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển. Với những nét đặc sắc nổi trội và các thương hiệu riêng có của địa phương; các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, các doanh nghiệp đã có nhiều ý kiến, tập trung vào một số vấn đề, cụ thể:

*Thứ nhất*, gợi mở cho Quảng Ninh về một số ý tưởng, giải pháp để tiếp tục xây dựng hoàn thiện văn hóa chính trị, văn hóa gia đình, văn hóa học đường, văn hóa kinh tế để khẳng định quyết tâm xây dựng môi trường xã hội văn minh

*Thứ hai*, nêu lên một số giải pháp thúc đẩy các thiết chế văn hoá hiện đại, đặc sắc, tạo điểm nhấn trong kiến trúc đô thị di sản gắn với xây dựng thương hiệu địa phương. Gợi mở

ý tưởng kiến trúc đô thị để khẳng định chủ quyền bằng bản sắc văn hóa đặc sắc của Quảng Ninh - Việt Nam.

*Thứ ba*, những cách thức, giải pháp để khơi dậy, phát huy giá trị các di sản của Quảng Ninh không chỉ trong phạm vi địa phương mà hướng đến tầm quốc gia, khu vực, quốc tế. Giải pháp để bảo tồn giá trị đặc trưng văn hóa biển vùng Đông Bắc, văn hóa và truyền thống Kỹ luật - Đồng tâm của công nhân Mỏ. Gợi mở các vấn đề cần quan tâm để vừa bảo tồn, gìn giữ, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại, phát huy cao nhất các giá trị văn hóa cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

*Thứ tư*, gợi mở giải pháp cho Chiến lược phát triển ngành Công nghiệp văn hóa của Quảng Ninh dựa trên nguồn lực là các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, đặc biệt là di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và các không gian mở vô cùng thuận tiện cho các hoạt động văn hóa - nghệ thuật cộng đồng, có thể tạo ra các điều kiện lý tưởng cho một nền công nghiệp văn hóa có sức thu hút lớn. Các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, các doanh nghiệp đã cùng có nhiều ý kiến, đề nghị cần có các cơ chế, chính sách, nguồn lực đặc thù cho lĩnh vực này.

*Thứ năm*, tại Hội thảo các chuyên gia, nhà khoa học đã làm rõ những khái niệm, chỉ ra mô hình, quy trình để quảng bá thương hiệu địa phương; các giải pháp để thực hiện định hướng chiến lược quảng bá thương hiệu cho tỉnh Quảng Ninh.

*Thứ sáu*, các nhà khoa học đều có ý kiến thống nhất về việc cần có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm huy động, phân bổ các nguồn lực đầu tư cho phát triển bền vững các di sản địa phương, đặc biệt, quan tâm đến bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trở thành sản phẩm du lịch để thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương tại khu vực vùng miền núi, biển đảo tạo sinh kế bền vững cho người dân.

*Thứ bảy*, gợi mở các kiến nghị chính sách của tỉnh với Trung ương; kiến nghị cơ chế, chính sách cụ thể của các địa phương với tỉnh. ❖

## **BẾ MẠC HỘI THẢO KHOA HỌC “QUẢNG NINH NHẬN DIỆN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI, TẠO NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG”**

**ĐẶNG XUÂN PHƯƠNG**

*Phó Bí thư tỉnh ủy Quảng Ninh*

*Kính thưa các vị đại biểu cùng toàn thể các đồng chí dự Hội thảo!*

Sau một ngày làm việc khẩn trương, với tinh thần nghiêm túc, thẳng thắn, trách nhiệm cao, Hội thảo khoa học “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững” đã hoàn thành các nội dung, yêu cầu đề ra.

Hội thảo đã nghe phát biểu đề dẫn Hội thảo của PGS, TS Phạm Minh Tuấn, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản; Báo cáo trung tâm của đồng chí Nguyễn Xuân Ký, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về “*Một số suy nghĩ về giá trị phổ quát và đặc thù của hệ giá trị tỉnh Quảng Ninh*”. Hội thảo với 2 phiên đã nghe 6 tham luận và 13 ý kiến phát biểu, trao đổi của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý liên quan đến lĩnh vực văn hóa, con người.

Các bài tham luận và phát biểu được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng đã tập trung làm rõ những nội dung chính: (1) Về lịch sử, văn hóa, con người Quảng Ninh; (2) Những vấn đề lý luận về khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa, con người, làm nền tảng, tạo động lực và nguồn lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững trong bối cảnh hiện nay ở nước ta, đặc biệt là đối với Quảng Ninh. Xác định rõ quan điểm văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực, sức mạnh nội sinh cho sự phát triển; (3) Khẳng định quyết tâm chính trị của tỉnh Quảng Ninh trong việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu - nghèo và chênh lệch vùng, miền với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh.



Các tham luận và ý kiến phát biểu đã giúp Quảng Ninh nhận diện rõ một số vấn đề, cụ thể:

*Một là*, Quảng Ninh là vùng đất chứa đựng đậm đặc trầm tích lịch sử, giá trị văn hóa, giàu bản sắc, cốt cách và yếu tố riêng có, với sự quyện chặt của các yếu tố địa - chính trị, địa - kinh tế, địa - văn hóa, địa - tôn giáo, địa - sinh thái. Lịch sử hàng nghìn năm bền bỉ, kiên cường mở đất, dựng nghiệp, chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi biên cương và lao động, sản xuất, góp phần hình thành nên hệ giá trị của tỉnh, hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị con người Quảng Ninh. Những giá trị này mang những giá trị phổ quát của quốc gia - dân tộc, của nền văn hóa và con người Việt Nam, vừa kết tinh những giá trị tinh túy, đặc thù riêng có của vùng đất địa đầu Đông Bắc Tổ quốc, là tài sản vô giá của các thế hệ người Quảng Ninh trên hành trình xây dựng và bảo vệ quê hương.

*Hai là*, việc định vị đúng đắn hệ giá trị địa phương, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Quảng Ninh là vấn đề có tính hệ trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài, góp phần tạo nguồn lực nội sinh, động lực, nguồn lực cho sự phát triển trong tương lai của tỉnh. Đây là công việc rất khó, đầy công phu và trăn trở. Quảng Ninh đã bước đầu có câu trả lời cho những giá trị vừa là sự kế thừa truyền thống, vừa phù hợp với bối cảnh đương đại, có ý nghĩa định hướng tương lai, để đáp ứng nhu cầu phát huy các giá trị văn hóa và sức mạnh con người trong xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt, tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

*Ba là*, các ý kiến tại Hội thảo cùng hơn 80 bài tham luận được in thành kỷ yếu cũng thống nhất đánh giá tổng kết thực tiễn, phân tích sâu sắc để làm rõ thêm những thành tựu đạt được, rút ra những bài học kinh nghiệm và kiến nghị, đề xuất các định hướng, mục tiêu, giải pháp quan trọng trong phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Qua đó, giúp cho cấp ủy, chính quyền các cấp bổ sung, hoàn thiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình, đề án, giải pháp để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị thời gian tới.

*Kính thưa toàn thể các quý vị đại biểu!*

Qua Hội thảo này, những vấn đề đặt ra đối với việc phát huy các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh trong thời gian tới cũng được nhận định rõ nét hơn, cụ thể:

*Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện những nội dung của hệ giá trị tỉnh Quảng Ninh với các đặc trưng “Thiên nhiên tươi đẹp - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Nhân dân hạnh phúc”.*

*Thứ hai, việc xây dựng hệ giá trị văn hóa Quảng Ninh phải bảo đảm tạo nên sức mạnh nội sinh và tạo động lực, nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững. Làm thế nào nghiên*

cứu xây dựng hệ giá trị văn hóa Quảng Ninh, chắt lọc những giá trị của sự giao thoa, hội tụ, thống nhất trong đa dạng nền văn minh sông Hồng; văn hóa biển; văn hóa công nhân vùng mỏ; văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số; thành thiên phái Trúc Lâm Yên Tử nâng tầm giá trị nhân văn, tính độc đáo của bản sắc văn hóa Việt Nam gắn liền với vị Vua - nhà chính trị lỗi lạc, nhà văn hóa lớn Trần Nhân Tông. Trong đó, tập trung ưu tiên nguồn lực xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh.

*Thứ ba, xây dựng hệ giá trị gia đình Quảng Ninh trong thời kỳ mới với các giá trị “Án no - Hạnh phúc - Tiến bộ - Văn minh”* đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, nhằm hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về đạo đức, lối sống trong xã hội.

*Thứ tư, xây dựng hệ giá trị con người Quảng Ninh “Bản lĩnh - Tự cường - Đoàn kết - Sáng tạo - Hào sảng - Văn minh”.* Đây là những giá trị phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.

*Thứ năm, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh.* Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện trong phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án, quy hoạch về phát triển văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế... Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong hoạt động bảo tồn, phát triển văn hóa, nghệ thuật; xây dựng cơ chế ưu đãi nhằm thu hút đầu tư ngoài ngân sách vào lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

*Thứ sáu, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn với các giá trị đặc trưng và phù hợp với tiềm lực, thế mạnh của tỉnh Quảng Ninh.* Trong đó, tập trung phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có nhiều tiềm năng. Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các không gian văn hóa sáng tạo, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới tiên tiến hiện đại với việc kết hợp đầu tư nghiên cứu bài bản và khai thác có hiệu quả nguồn vốn, tài nguyên văn hóa truyền thống. Các giá trị văn hóa địa phương phải được phát triển thành các sản phẩm văn hóa đa dạng, độc đáo phục vụ du lịch, dịch vụ.

*Thứ bảy, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước; coi trọng văn hóa nêu gương, làm gương; văn hóa trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân. Phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm,*

vì lợi ích chung; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Xây dựng văn hóa trong kinh tế bảo đảm phát triển văn hóa theo hướng văn hóa không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả của tăng trưởng mà còn trở thành động lực của tăng trưởng. Xây dựng văn hóa trong doanh nghiệp; đẩy mạnh tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, đóng góp có trách nhiệm cho cộng đồng và xã hội. Xây dựng văn hóa trong tôn giáo, tín ngưỡng trên cơ sở phát huy các yếu tố tích cực, các giá trị nhân văn, tiến bộ, loại bỏ các yếu tố mê tín, dị đoan, hủ tục lạc hậu.

*Thứ tám*, xây dựng môi trường văn hóa gắn với “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2030. Nâng cao chất lượng sống đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc.

*Thứ chín*, duy trì hoạt động ngoại giao văn hóa giữa các địa phương trong tỉnh, có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống cũng như phát triển, mở rộng giao lưu, hợp tác với các thành phố, địa phương trên thế giới. Lồng ghép linh hoạt, thực chất các hoạt động ngoại giao văn hóa trong hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo tỉnh; tăng cường trao đổi, đề xuất tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa giữa tỉnh Quảng Ninh và các địa phương, đối tác quốc tế. Gắn kết các hoạt động ngoại giao văn hóa với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong việc quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa tỉnh Quảng Ninh. Đẩy mạnh tuyên truyền tới cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về đường lối, quan điểm, chính sách đối nội, đối ngoại của Việt Nam.

*Kính thưa các đồng chí dự Hội thảo!*

Thay mặt các đồng chí chủ trì Hội thảo cũng như lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, các nhà khoa học, nhà văn hóa và toàn thể các đại biểu đã dành thời gian về dự và dành cho Hội thảo khoa học “*Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững*” nhiều tình cảm. Các ý kiến phát biểu của các đồng chí là những kinh nghiệm hết sức quý báu, tâm huyết để Quảng Ninh tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chủ trương, chính sách về phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ mới và cụ thể hóa ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24-11-2021.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản đã quan tâm phối hợp tổ chức thành công Hội thảo ngày hôm nay. Xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các nhà văn hóa, các nhà quản lý đã luôn đồng hành, quan tâm, ủng hộ Quảng Ninh thời gian

qua và mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, phối hợp trong thời gian tới để góp phần xây dựng nền văn hoá giàu bản sắc Quảng Ninh.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các nhà khoa học, các nhà văn hóa và toàn thể các đồng chí dồi dào, sức khỏe, có nhiều thành công trong công tác, hạnh phúc trong cuộc sống.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội thảo khoa học “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững”.

*Xin trân trọng cảm ơn!* ❖

# **TỔNG THUẬT HỘI THẢO KHOA HỌC CHÀO MỪNG 60 NĂM NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG NINH (30-10-1963 - 30-10-2023): “QUẢNG NINH NHẬN DIỆN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI, TẠO NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG”**

**MAI ANH**

*(Tổng thuật)*

*Lời Bộ Biên tập:* Ngày 26-9-2023, tại Quảng Ninh, Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tỉnh ủy Quảng Ninh tổ chức Hội thảo khoa học “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững”. Các đồng chí Nguyễn Xuân Ký, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh; PGS, TS Phạm Minh Tuấn, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản; PGS, TS Nguyễn Hồng Sơn, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương; đồng chí Đặng Xuân Phương, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh; đồng chí Nguyễn Thị Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đồng chủ trì Hội thảo. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu Tổng thuật Hội thảo.

Phát biểu *Đề dẫn Hội thảo*, PGS, TS Phạm Minh Tuấn, *Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản* nhấn mạnh, Đại hội XIII của Đảng đã tạo dấu ấn đậm nét khi đề cập đến vấn đề phát triển văn hóa, con người trong tổng thể đường lối phát triển chung của đất nước. Văn hóa được coi là một trong các trụ cột phát triển, là nền tảng tinh thần, là động lực, và nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, để phát huy được các giá trị văn hóa, con người thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển, nhất là đối với các địa phương, trước hết phải trên cơ sở nhận diện đúng, trúng, đầy đủ, sâu sắc, toàn diện các giá trị văn hóa, con người phù hợp bối cảnh, điều kiện từng thời kỳ, phù hợp với đặc điểm, tiềm năng, lợi thế từng địa phương. Với những đặc thù rất riêng, với nỗ lực, quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền

và nhân dân, tỉnh Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong phát huy các giá trị văn hóa, con người. PGS, TS Phạm Minh Tuấn nhấn mạnh, xu thế vận động, phát triển tiếp tục đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi Quảng Ninh không chỉ tiếp cận những nhận thức mới về phát triển bền vững, nhận diện mới về các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh hiện tại, đồng thời đặt trong tầm nhìn trung hạn và dài hạn, mà còn phải có giải pháp thực tế hiệu quả để *chuyển hóa* các giá trị này thực sự trở thành nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển là tất yếu.

Tóm tắt Phiên thứ nhất Hội thảo, PGS, TS Phạm Minh Tuấn nhắc lại dịp đến thăm tỉnh Quảng Ninh ngày 6-4-2022, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã dành 2 câu thơ kết thúc bài phát biểu như lời chúc cho Quảng Ninh:

*Chúc Quảng Ninh tiến thật xa,*

*Quảng Ninh như thế mới là Quảng Ninh.*

Hai câu thơ thể hiện kỳ vọng của Tổng Bí thư, mong muốn toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân tỉnh Quảng Ninh đoàn kết, quyết tâm xây dựng tỉnh ngày càng văn minh, hiện đại, phát huy thật tốt những lợi thế về cảnh quan tự nhiên và con người.

Trong bài phát biểu *mở đầu Hội thảo*, đồng chí Nguyễn Xuân Ký, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đi sâu vào hệ giá trị hướng tới của tỉnh Quảng Ninh: “*Thiên nhiên tươi đẹp - văn hóa đặc sắc - xã hội văn minh - hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - nhân dân hạnh phúc*”. Có thể thấy, Quảng Ninh là một trong những địa phương tiên phong trong nhận diện hệ giá trị địa phương, hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị con người của địa phương - xem đây là điều kiện, cơ sở quan trọng để tiếp tục khẳng định, thúc đẩy, phát huy hình ảnh, bản sắc, thương hiệu Quảng Ninh trong nước, trong khu vực và trên trường quốc tế.

*Về những vấn đề chung*

Nhiều tham luận và ý kiến phát biểu của các đại biểu tập trung làm rõ căn cứ, cơ sở khoa học, lịch sử, cơ sở chính trị, pháp lý,... liên quan đến việc nhận diện giá trị văn hóa, con người. PGS, TS Trần Thị Minh Tuyết, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và một số đại biểu đã làm rõ hơn tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc làm cơ sở nhận diện giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh thời kỳ hiện nay.

Các đại biểu có chung khẳng định: Từ những định hướng rõ nét, những cơ chế, chính sách khá kịp thời, sự triển khai đồng bộ, quyết liệt trong khơi dậy và phát huy những giá trị văn hóa, tiềm năng con người, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ninh đã vượt qua khó khăn, xây dựng được một Quảng Ninh phát triển như ngày nay, giữ vững vai trò là cực tăng trưởng khu vực phía Bắc. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh không ngừng tìm kiếm và giải đáp những giá trị vừa mang tính kế thừa, vừa phù hợp với bối cảnh mới, trọng tâm là các giá trị văn hóa, con người.

### *Về các vấn đề cụ thể*

*Thứ nhất*, các phát biểu và tham luận đã đề cập đến những yếu tố đặc thù, lợi thế, những đặc trưng riêng có được hình thành trong lịch sử mở đất, dựng nghiệp, chống giặc ngoại xâm, đến công cuộc đẩy mạnh phát triển toàn diện; từ quá trình *khơi dậy* các nguồn lực văn hóa, nguồn lực kinh tế, quá trình *chuyển hóa chính sách, nguồn lực văn hóa vào phát triển kinh tế và chuyển hóa chính sách, nguồn lực kinh tế vào phát triển văn hóa*,... của Quảng Ninh những năm đổi mới. Báo cáo chung “Một số suy nghĩ về giá trị phổ quát và đặc thù của hệ giá trị tỉnh Quảng Ninh” của đồng chí Nguyễn Xuân Ký, từ phân tích thực tế của Quảng Ninh, có thể thấy sức mạnh to lớn của *nguồn lực văn hóa Quảng Ninh* trong suốt quá trình lịch sử hình thành và phát triển. Đây cũng là những phác họa toàn diện, sâu sắc, là căn cứ quan trọng để nhận diện các giá trị văn hóa, con người tỉnh Quảng Ninh thời kỳ mới.

*Thứ hai*, nhân mạnh văn hóa được sản sinh ra trong đời sống sinh hoạt, quá trình lao động, sản xuất của con người; nhân dân chính là chủ thể sáng tạo ra văn hóa, đồng thời cũng là chủ thể hưởng thụ các giá trị văn hóa, GS, TS Đinh Xuân Dũng, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, PGS, TS Phạm Duy Đức, nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, PGS, TS Nguyễn Ngọc Hà, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, TS Lê Hải, Ủy viên Ban Biên tập, Trưởng Ban Tạp chí Cộng sản Điện tử, Tạp chí Cộng sản và tham luận của nhiều đại biểu gửi đến Hội thảo cho rằng, các giá trị văn hóa phải được nhận diện gắn liền những đặc trưng nổi bật của con người, của phương thức lao động, sản xuất của con người; gắn với những đặc trưng của vùng đất; gắn với những mong muốn, khát vọng, những mục tiêu được đề ra trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của cộng đồng. Và khai thác các nguồn lực văn hóa phải được thực hiện ngay từ các cấp cơ sở - nơi gần dân nhất là thực tế nhất và hiệu quả nhất. Từ cấp cơ sở, chủ động chuyển tải thông điệp xây dựng văn hóa từ mỗi con người Quảng Ninh, góp phần giúp họ trở thành chủ thể vừa sử dụng, phát triển, vừa bảo tồn các giá trị văn hóa, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống yêu nước, đoàn kết, “Kỷ luật và Đồng tâm” của con người Quảng Ninh.

*Thứ ba*, các đại biểu cũng bày tỏ tâm huyết với *nguồn lực văn hóa truyền thống, văn hóa dân gian*, nhất là trước nguy cơ, thách thức đến từ hội nhập quốc tế. GS, TS Nguyễn Chí Bền, *nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* cho rằng, nhận diện các giá trị văn hóa thời kỳ mới không thể không có những dấu ấn ẩn hiện của văn hóa dân gian, nhận diện các giá trị con người Quảng Ninh thời kỳ mới không thể thiếu các đặc trưng cốt yếu đồng bào dân tộc thiểu số. Từ đó, đại biểu chia sẻ với tỉnh Quảng Ninh khó khăn, thách thức trong bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân gian trong bối cảnh hội nhập quốc tế; những lo ngại về nguy cơ “xâm lăng văn hóa” đến từ chính cơ hội phát triển du lịch, cơ hội giao thương qua các trung tâm kinh tế - thương mại Vân Đồn, Móng Cái,...

*Thứ tư*, các đại biểu đi sâu phân tích về *văn hóa trong chính trị và triết lý văn hóa phát triển mạnh mẽ, bền vững và nhân văn*, khẳng định đây là vấn đề mà Quảng Ninh cần hướng tới. GS, TS Nguyễn Trọng Chuẩn, *Phó Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam*, GS, TS Nguyễn Quang Ngọc, *Phó Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam* nhấn mạnh, đặc biệt đối với lĩnh vực văn hóa, trong khi chúng ta đang bàn thảo về hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới thì Quảng Ninh cũng cần nhận diện rõ các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh, cần đẩy mạnh đưa văn hóa vào các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, cần có chủ trương và hành động thực tiễn để chuyển hóa các giá trị này thành nguồn lực cho phát triển. Để làm rõ vấn đề này, các đại biểu dẫn giải, định hướng triết lý này cần được hiểu như thế nào, vận dụng như thế nào để phù hợp và hiệu quả với tỉnh Quảng Ninh trong thời kỳ mới; đề xuất các thành tố, nhân tố để bổ sung vào hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Quảng Ninh thời kỳ mới.

*Thứ năm*, một số đại biểu đưa ra những gợi mở nhận thức, tư duy, hành động trong thời gian tới chính là những định hướng, dẫn dắt để nhận diện bản sắc văn hóa, con người tỉnh Quảng Ninh thời kỳ mới. Ý kiến GS, TS Hoàng Anh Tuấn, *Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*, đồng chí Vũ Anh Tuấn, *Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Than Quảng Ninh, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam* cũng gợi mở: quá trình đáp ứng các yêu cầu giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - thương mại, phát triển văn hóa, du lịch,... với bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp... chính là những định hướng trọng điểm để làm rõ nét hơn bản sắc văn hóa Quảng Ninh; những đòi hỏi đối với con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới chính là thể hiện một cách tự nhiên tính cách con người Quảng Ninh.



Tóm tắt Phiên thứ hai - thảo luận bàn tròn, đồng chí Đặng Xuân Phương, *Phó Bí thư tỉnh ủy Quảng Ninh* cho rằng, các ý kiến trao đổi của các diễn giả, chuyên gia, nhà khoa học đã tập trung phân tích, làm rõ hơn các phương thức, hình thức khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa, con người phù hợp với đặc điểm đặc thù, với tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Ninh. Đồng thời, giúp Quảng Ninh nhận diện rõ một số vấn đề, gợi mở cho Quảng Ninh nhiều giải pháp để phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa, con người thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững.

*Nhóm vấn đề thứ nhất và giải pháp*, qua phân tích các trầm tích lịch sử, giá trị văn hóa giàu bản sắc, cốt cách con người với những yếu tố riêng có, với sự quyện chặt của các yếu tố địa - chính trị, địa - kinh tế, địa - văn hóa, địa - tôn giáo, địa - sinh thái của Quảng Ninh, GS, TSKH Vũ Minh Giang, *Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội*, GS, TS Phạm Hồng Tung, *nguyên Viện trưởng Viện Việt Nam học và khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội* nhấn mạnh đây là tài sản vô giá của các thế hệ người Quảng Ninh trên hành trình xây dựng và bảo vệ quê hương, và trong bối cảnh hiện nay, với tầm nhìn cho tương lai, Quảng Ninh phải chắt lọc những giá trị của sự giao thoa, hội tụ, thống nhất trong đa dạng nền văn minh sông Hồng; văn hóa biển; văn hóa công nhân vùng mỏ; văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số; thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, đặc biệt là di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long,... chuyển hóa thành nguồn lực vật chất có khả năng gia tăng giá trị lớn; Quảng Ninh cần chú trọng cách thức, giải pháp mang tầm quốc gia, khu vực, quốc tế.

*Nhóm vấn đề thứ hai và giải pháp*, định vị đúng đắn hệ giá trị địa phương, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người của tỉnh Quảng Ninh là vấn đề có tính hệ trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, rất khó, đầy công phu và trăn trở. Từ cách tiếp cận riêng, Quảng Ninh đã bước đầu có câu trả lời cho những giá trị vừa là sự kế thừa truyền thống, vừa phù hợp với bối cảnh đương đại, đó là tiếp tục hoàn thiện những nội dung của hệ giá trị tỉnh Quảng Ninh với các đặc trưng: “*Thiên nhiên tươi đẹp - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Nhân dân hạnh phúc*”; xây dựng hệ giá trị gia đình tỉnh Quảng Ninh trong thời kỳ mới với các giá trị “*Ám no - Hạnh phúc - Tiến bộ - Văn minh*”; xây dựng hệ giá trị con người tỉnh Quảng Ninh với các tố chất “*Bản lĩnh - Tự cường - Đoàn kết - Sáng tạo - Hào sảng - Văn minh*”.

Nhóm vấn đề thứ ba và giải pháp, tiếp tục đưa văn hóa thấm sâu vào từng lĩnh vực đời sống xã hội, phát huy vai trò điều tiết của văn hóa, một số đại biểu cho rằng Quảng Ninh cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước; coi trọng văn hóa nêu gương, làm gương, văn hóa trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách

nhệm với nhân dân; phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục khẳng định quyết tâm chính trị của tỉnh trong kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh với phát triển bền vững, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu - nghèo và chênh lệch vùng, miền, phát triển văn hóa, con người, đặc biệt là thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc của tỉnh Quảng Ninh. Các giải pháp cụ thể được nhấn mạnh là: xây dựng môi trường văn hóa gắn với “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, gắn với triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2030, gắn với nâng cao chất lượng sống đô thị, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc; đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong kinh tế, phát triển văn hóa theo hướng văn hóa không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả của tăng trưởng, mà còn trở thành động lực của tăng trưởng, là nguồn lực cho phát triển; PGS, TS Dương Thị Liễu, Viện trưởng Viện Văn hóa kinh doanh, Phó Tổng Thư ký Hiệp hội Phát triển Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam nhấn mạnh đến xây dựng văn hóa trong doanh nghiệp, đẩy mạnh tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, có trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng và xã hội; xây dựng văn hóa trong tôn giáo, tín ngưỡng trên cơ sở phát huy các yếu tố tích cực, các giá trị nhân văn, tiến bộ, loại bỏ các yếu tố mê tín, dị đoan, hủ tục...

*Nhóm vấn đề thứ tư và giải pháp*, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn với các giá trị đặc trưng và phù hợp với tiềm lực, thế mạnh của tỉnh Quảng Ninh. Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các không gian văn hóa sáng tạo trên cơ sở đầu tư nghiên cứu bài bản và khai thác hiệu quả nguồn vốn, tài nguyên văn hóa truyền thống, kết hợp đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại. Các giá trị văn hóa địa phương phải được phát triển thành sản phẩm văn hóa đa dạng, giàu bản sắc văn hóa Quảng Ninh và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, cần có chiến lược xác định các ngành công nghiệp văn hóa mũi nhọn để tập trung đầu tư. Theo các đại biểu, một trong những vấn đề cần được quan tâm hàng đầu là cơ chế, chính sách đặc thù và nguồn lực cho lĩnh vực này.

*Nhóm vấn đề thứ năm và giải pháp*, các nhà khoa học đều có ý kiến thống nhất về việc Quảng Ninh cần rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách phát triển văn hóa, con người; rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án, quy hoạch về phát triển văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, môi trường...; đề xuất và có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm huy động, phân bổ các nguồn lực đầu tư cho phát triển bền vững các di sản địa phương. Đặc biệt, quan tâm đến bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trở thành sản phẩm du lịch trên cơ sở đẩy mạnh hợp tác công - tư; xây dựng cơ chế

ưu đãi thu hút đầu tư ngoài ngân sách, khơi dậy các nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư để thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, nhất là tại khu vực miền núi, biển, đảo, tạo sinh kế bền vững cho người dân. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hà, *Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Quảng Ninh*, ông Bùi Đình Tuấn, *Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần phát triển Tùng Lâm* gọi mở các kiến nghị chính sách của tỉnh với Trung ương; kiến nghị cơ chế, chính sách cụ thể của doanh nghiệp với tỉnh.

*Nhóm vấn đề thứ sáu và giải pháp*, duy trì hoạt động ngoại giao văn hóa giữa các địa phương trong tỉnh; phát triển, mở rộng giao lưu, hợp tác với các thành phố, địa phương trong cả nước và trên thế giới. Lồng ghép linh hoạt các hoạt động ngoại giao văn hóa trong hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo tỉnh; gắn kết các hoạt động ngoại giao văn hóa, tuyên truyền đường lối, quan điểm, chính sách đối nội, đối ngoại của Việt Nam, quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa tỉnh Quảng Ninh với cộng đồng người Việt Nam nói chung và người Quảng Ninh nói riêng ở nước ngoài.

*Tổng kết Hội thảo*, đồng chí Đặng Xuân Phương, *Phó Bí thư tỉnh ủy Quảng Ninh* khái quát hơn 80 tham luận và các ý kiến phát biểu, trao đổi, thảo luận của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý liên quan đến lĩnh vực văn hóa trong hai phiên của Hội thảo đã thống nhất đánh giá tổng kết thực tiễn, phân tích sâu sắc, làm rõ thêm thành tựu đạt được, rút ra bài học kinh nghiệm và kiến nghị, đề xuất định hướng, mục tiêu, giải pháp quan trọng trong phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Qua đó, giúp cho cấp ủy, chính quyền các cấp của Quảng Ninh bổ sung, hoàn thiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình, đề án, giải pháp để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị thời gian tới. ❖